LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 177

TÔNG CẢNH LỤC

SỐ 2016
(QUYỂN 21 →70)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2016

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 21

Hỏi: Tất cả các pháp chân tục v.v... mỗi mỗi đều có hành tướng lý sự chung riêng. Quả báo rõ ràng, cớ sao chỉ một mực ở chính mình tiêu sạch, nếu chưa vào tông đây, sợ thành không kiến ư?

Đáp: Được gốc mới rõ ngọn, chấp ngọn thì trái gốc. Nếu chẳng quán tâm, pháp không, lại nếu chỉ tu hành sự hữu vi thì chẳng đạt tự tâm vô vi, thì mê sự mất tông. Kết quả quy về sanh diệt. Nếu thấu rõ lý mà hành sự cả hai đều soi chiếu không trái, chỉ sợ một mực thiên lệch tu hành, lý sự đều mất. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Giả sử tạo dựng tháp báu số nhiều như cát sông Hằng, chẳng như chỉ trong khoảnh sát-na tư duy kinh đây". Lại chỉ vì một tâm là nguyên nhân của muôn hạnh. Đây có thể khởi bi của đồng thể, hóa của vô duyên. Như trong Khởi Tín Sao nói: "Nếu tin một vị không lý thì vui thích và nhàm chán đều tuyệt, nếu tin một hướng pháp tướng thì Thánh phàm cách biệt. Đó đều chẳng thể khởi hành tu tiến". Nay khiến tin một tâm là nguyên của Thánh phàm, chỉ do mê ngộ khiến đó có khác, vậy thì hẳn hay khởi hành tu tiến mong thành Phật quả vậy. Nên biết chân tâm chẳng chấp lấy tự tánh, tùy duyên lên xuống, quả báo rõ ràng. Lại, tùy duyên chẳng mất tự tánh, duyên giả không thật, cảnh trí ngầm lắng. Do đó, trong luận Khởi Tín nói: "Điều gọi là tuy niệm tự tánh các pháp chẳng sanh mà lại tức niệm, nhân duyên hòa hợp nghiệp của thiện ác, quả báo khổ vui v.v... chẳng mất chẳng hoại. Tuy niệm nhân duyên thiện ác nghiệp báo mà cũng tức niệm tánh không thể được. Nếu nói quả báo chẳng mất tức phải tụ đủ muôn hạnh. Nếu nói tánh chẳng thể được, phải biết chỉ là

một tâm. Vả lại, khởi đầu của muôn hạnh không gì trước ngũ giới. Nếu y cứ sự tướng báo ở Trời, người. Tạng giáo chỉ chứng vô thường, Thông giáo không, không tự tánh. Biệt giáo rõ ràng riêng biệt nhân quả chẳng dung, chỉ Viên giáo quán tâm tức đầy đủ pháp giới. Do đó, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Tuy tin biệt tướng, chẳng tin một thể không tướng sai biệt, gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin chẳng đầy đủ nên chỗ có cấm giới cũng chẳng đầy đủ, nên chỗ có nghe nhiều cũng chẳng đầy đủ. Sao gọi là tin chẳng đầy đủ? Chưa rõ một pháp tức tất cả pháp. Tin đâu tròn đầy ư? Sao gọi là giới chẳng đầy đủ? Chưa biết giới tánh như hư không, giới đâu đầy đủ ư? Sao gọi là nghe chẳng đầy đủ? Chưa nghe Như Lai thường chẳng nói pháp đó là nghe nhiều đầy đủ, nghe đâu đầy đủ ư? Nếu vào Tông Kính, nào chỉ thiện giới, cho đến quả đức của chư Phật, muôn hạnh của Bồ-tát, không có một pháp mà chẳng phải chỗ khắp, thì niệm niệm rõ biết, pháp pháp viên mãn". Vả lại như ngũ giới, giới từ tâm sanh, tâm nhân giới lập, nếu tâm chẳng khởi làm nền tảng của bốn đức muôn hạnh, nếu tâm vọng sanh, làm tâm chẳng khởi, làm nền tảng của bốn đức muôn hạnh, nếu tâm vọng sanh, làm cội gốc của sáu thú ba đường, thì không thiện nào mà chẳng nhiếp, không ác nào mà chẳng thâu. Nên trong Thai giáo nói: "Ngũ giới đây cũng là pháp môn Đại thừa, bó buộc ngũ giới đây làm ba thừa, tức đối ba không mất, ba chẳng hộ, ba luân hóa chẳng nghĩ bàn, ba mật, ba quỹ tắc, ba thân, ba Phật tánh, ba Bát-nhã, ba Niết-bàn, ba trí, ba đức v.v... vô lượng ba pháp môn ngang dọc không ngằn mé, cùng với hư không pháp giới bình đẳng, cũng là pháp môn vô tận tạng, cũng là Tam-muội vô lượng nghĩa, tóm yếu mà nói đó tức là tất cả Phật pháp vậy. Trong Kim Quang Minh kinh sớ của Thiên Thai nói rằng: "Ngũ giới là đại kỵ của đất trời, trên đối với ngũ tinh, dưới phối với ngũ nhạc, khoảng giữa thành ngũ tạng. Phạm đó là lấn lướt trời xúc phạm đất, tự chặt thân họ vậy. Một là, chẳng giết hại: hại mạng gọi là sự giết hại, chẳng hại mạng, gọi là sự chẳng giết hại. Pháp môn giải là: phân tích pháp gọi là lý giết hại. Thể pháp gọi là lý chẳng giết hại, nếu tác ý phòng hộ như ngựa mang dàm, tợ kẻ chăn trâu nắm roi. Quả báo tại nhân đạo, một trăm hai mươi năm chỉ được mắt thịt, nếu mặc tình tánh thành như sông đổ vào biển, quả báo tại sáu trời, rất lâu dài là chín trăm hai mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm chỉ được mắt trời. Nếu thân tu định giới vô thường khổ không ngã v.v... các tuệ, quả báo tại biến dịch, thọ bảy trăm A-tăng-kỳ, chỉ được mắt tuệ. Nếu thêm tu các tuệ thường, vô thường v.v... quả báo ở Liên hoa hải tạng, thọ thân pháp tánh, phần được ngũ nhãn, phần được thường thọ, so với

Phật còn là các căn chẳng đủ, thọ mạng tổn giảm. Như Viên giáo, người trừ sự giới chẳng giết hại, lại trì lý giới chẳng giết hại, chẳng hoại thân, nhân thường tùy một tướng, chẳng đoạn si ái, khởi ở sáng thoát, thấu hiểu ấm giới nhập không chỗ thương tổn hủy hoại, hoặc hạt hoặc quả, chẳng sanh chẳng diệt, thành tựu trí tuệ, ở cõi Tịch Quang, thường thọ trong lắng, ngũ nhãn đầy đủ, được mắt tự tại, được mạng tự tại, ngắn dài tự tại, đó gọi là rốt ráo trì giới, các căn đầy đủ, mạng chẳng tổn giảm, viên nhân nào chỉ trì giới đó, chỉ giết chỉ từ, cũng làm sự giết hại, cũng làm lý giết hại. Như Đại vương Tiên Dự giết năm trăm Bà-la-môn cùng họ thấy mắt của Phật, cùng họ thọ mười kiếp. Lại, làm pháp môn giết hại là bẻ gãy trần lụy, sạch các phiền não, như thần cây bẻ cành, chẳng bi oán, như kiếp lửa thiêu đốt cây gỗ tro than đều mất. Nên trong kinh Lăng-già nói: "Giết cha vô minh, dứt thân bảy thức. Nếu có tác giả, hiện chứng pháp thân, nghịch đây tức thuận". Ương-quật nói: "Ta thề dứt đoạn ấm giới nhập, chẳng thể trì giới chẳng giết hại, tất cả trần lao là hạt giống Như Lai, dứt đoạn hạt giống này hết mới gọi là Phật, thành tựu pháp thân Kim cang vi diệu, trong lắng ứng tất cả hiện hình chín đường, tùy thích nghi đó mà bày thọ mạng ngắn dài, mặc chỗ thấy đó dùng khuyết đủ căn mà hóa độ đó". Hai là, chẳng trộm cướp là, không cho mà lấy, gọi là sự trộm cướp, cho nên lấy gọi là sự không trộm cắp, pháp môn là. Như Phật dạy: Vật kẻ khác, chớ lấy gọi là pháp môn không trộm cướp. Bồ-đề không cho mà lấy Bồ-đề, đó gọi là pháp môn trộm cướp. Nếu trì giới tạo nghiệp mong cầu quả đáng như ý, vô thường chóng mục nát đều là vật kẻ khác. Hôi như quả phân, hại như thức ăn độc, điều người có trí không nên mong cầu. Cớ sao ân cần uống đắng ăn độc mà tự thương tổn hủy hoại? Xoáy chảy khốn khổ, đâu qua có dòng, ba chướng chướng ngại Phật, chỗ của Đệ nhất nghĩa thiên bỏ lìa, là trộm cướp chẳng phải không trộm cướp vậy. Lại, hàng Nhị thừa dùng trí tứ đế quán thân thọ tâm pháp (tứ niệm xứ), nhàm ghét sanh tử, vui cầu Niết-bàn. Tâm Niết-bàn khởi, tức lấy vật khác, tức chẳng phải thời thủ chứng, tức chẳng đợi chỗ nói nhân, cháy tiêu hạt giống chẳng sanh, thấy khổ đoạn tập, tu đạo đến tận (=diệt), chẳng phải cầu pháp vậy. Cho rằng có Niết-bàn thành Niết-bàn kiến, nếu có chấp trước không, chư Phật chẳng độ, thân dài ba trăm do-tuần mà không có hai cánh tay, đọa lạc hầm hố ba vô vi, đói khát gầy ốm, thân thể phát sanh ghẻ lở, há chẳng phải bần cùng khốn khổ ư? Lại, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, chẳng vào trong số chúng, há chẳng phải Đệ nhất nghĩa thiên xa lìa ư? Đây còn gọi là trộm cướp, chẳng phải không trộm cướp vậy. Nếu

riêng người từ cạn đến sâu, bỏ một lấy một, lại rồi lại phải đi, đi rồi lại phải đi, đều là nhục ở tướng đi lại, cũng là chẳng cho mà lấy, lấy rồi mà bỏ, cũng là bần cùng, bỏ rồi lại lấy, nhiều lần đi lấy, tức là khốn khổ, chẳng cùng Đệ nhất nghĩa thiên tương ưng, tức là xa lìa, đây còn gọi là trộm cướp, chẳng phải không trộm cướp vậy. Viên nhân quán pháp thật tướng, nhân chịu cũng chẳng nhận chịu. Chẳng nhận chịu cũng chẳng nhận chịu, cũng nhận chịu cũng chẳng nhận chịu cũng chẳng nhận chịu. Chẳng phải nhận chịu, chẳng phải chẳng nhận chịu cũng chẳng nhận chịu, chẳng lấy là Bồ-đề, chướng ngại các pháp lấy vậy. Pháp đó bình đẳng không có cao thấp, chẳng cao nên chẳng lấy, chẳng thấp nên chẳng bỏ. Quán như vậy là quán Như Lai Tạng đầy đủ không khuyết, là châu như ý tùy ý sanh ra các báu, tức đàn cầm của A-tu-la mặc ý phát tiếng, tức là đại phú (rất giàu có). Đại phú nên không lấy, tức là Đệ nhất nghĩa thiên nên chẳng xa lìa, đó gọi là rốt ráo trì giới không trộm cướp. Viên nhân cũng có pháp môn trộm cướp là Bồ-đề không cho mà lấy Bồ-đề như biển nuốt nước các dòng chẳng cách muôn mạch, như đất mang đội gánh vác bốn gánh nặng, chúng sanh đều độ, phiền não đều đoạn, pháp môn đều biết, Phật đạo đều thành; ba là, không dâm dật, thân nam nữ giao hội, gọi là sự dâm dật. Pháp môn giải là, nếu tâm nhiễm pháp là dâm, nếu liên quan cấm bảy thi, như vượn mang gông bưng một chén dầu đi qua giữa chúng đông, cắt bỏ vui xúc vui cầu ở vị lai sạch sẽ năm dục như chợ trao đổi pháp, như tiền đồng đánh tiền vàng, đó là tăng trưởng sự dục, chẳng phải không dục vậy. Nếu dứt đoạn dục thô tệ ở dục giới, nhiễm đắm vui thiền định ở sắc giới và vô sắc giới, như sâu trùng cá băng, đọa vào cõi trời Trường thọ. Đó là một nạn tham đắm thiền vị, gọi trói buộc lớn là pháp nhiễm dục, chẳng phải không dục vậy. Nếu ghét sanh tử vui thích Niết-bàn, bỏ đó đi thẳng giẫm trải đường chẳng trở lại, nơi có các thứ sắc thanh chẳng thể nhiễm khuất, như tám thứ gió chẳng lay động núi Tu-di, nếu nghe Bồ-tát công đức thắng diệu, tiếng đàn cầm chân-ca-la, Ca-diếp dậy múa chẳng thể tự gìn giữ, gió Tỳ-lam đến phá như cỏ thối mục, đó là nhiễm dục, chẳng phải không dục vậy. Nếu Bồ-tát nhàm gớm sanh tử như phẩn uế, ghét Niết-bàn như chim oán, bỏ ở hai biên, chí còn tại trung đạo, khởi thuận đạo pháp ái sanh gọi là đảnh rơi đọa, là Bồ-tát Chiên-đà-la, đã không phương tiện, tuệ này bị trói buộc, không thể hơn oán, chỗ đã tu sửa vì không tuệ bén nhọn, là nhiễm dục pháp, chẳng phải không dục vậy. Viên nhân quán một tâm Tam đế, tức không nơi nào nhiễm, tức giả nơi nào tịnh, tức trung đạo nơi nào biên, tức không tức giả nơi nào trung.

Tức không nên ái ngã nhân mười sáu tri kiến y chánh v.v... Tức giả nên không ái không, vô tướng, vô nguyện v.v... tức trung nên không ái Phật, Bồ-đề, Chuyển Pháp Luân, độ chúng sanh v.v... Ba đế thanh tịnh gọi là cứu cánh tịnh, chỉ Phật là một người đầy đủ tịnh giới, các người khác đều gọi là ô nhiễm giới. Viên nhân lại có pháp môn nhiễm ái, như Hòa-tu-mật-đa nữ, người thấy người nữ, trời thấy trời nữ. Thấy là tức thấy Phật Tam-muội, chấp tay là được đến Phật Tam-muội gọi kêu là được cực ái Tam-muội, ôm ấp là được minh như Tam-muội, cũng như ma giới hành chẳng ô nhiễm Bồ-tát, biến làm vô lượng thân, cùng vô lượng thiên nữ tư thông, đều khiến phát tâm Bồ-đề. Lại, trước tiên dùng dục móc kéo, sau khiến vào Phật trí, đó là dục của chẳng phải dục, dùng dục để ngưng dứt dục, như dùng nêm đẩy ra nêm, dùng tiếng để ngưng dứt tiếng; bốn là, chẳng nói hư dối. Pháp môn là chưa được mà cho là được, phàm phu người ngu si ở trong khổ dưới mà giăng sanh tưởng vui, dựng phướng ngã mạn, đánh trống lớn tự mình, chấp tranh cãi có và không, chấp tranh cãi không và có, khởi sáu mươi hai kiến phá mắt tuệ chẳng thấy ở chân thật, đầy đủ bốn lỗi lầm của miệng, trời ba mươi ba lá vàng sanh tử gọi là vàng thật, chẳng phải tưởng tự địa, lầm chấp là Niết-bàn. Đây chẳng phải dối vọng thì ai dối vọng ư? Hàng Nhị thừa tranh chấp ngói sỏi, vui thích gìn giữ sanh ra tưởng diệt độ, sanh thật chưa hết, sao được diệt độ? Sanh tưởng an lạc, việc làm chưa xong, sao được an ổn. Đó thật chưa được tất cả giải thoát, chưa được cho là được há chẳng phải dối vọng ư? Phật vì riêng dạy người, bốn môn nói thật tướng, chấp ở một có cách ngại ba môn. Cho đến chấp chẳng phải có chẳng phải không chẳng chứa lẫn có không. Phàm, thật tướng là tuyệt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành. Cớ sao dùng chữ, chữ ở không chữ, cớ sao dùng số, số ở không số, há chẳng phải dối vọng ư? Viên nhân như thật mà quán, như thật mà nói. Như thật quán là chẳng phải nội quán, cho đến chẳng phải lìa nội ngoại quán, cũng chẳng dùng không quán được là trí tuệ. Như thật nói là tất cả thật, cho đến chẳng phải thật, chẳng phải chẳng thật v.v... như vậy đều gọi là các pháp thật. Trong kinh nói: "Chư Phật đều nói thật", tức là dùng tiếng Phật nói, khiến tất cả nghe. Viên nhân cũng có pháp môn dối vọng, là không có xe nói xe để dẫn dụ trẻ con nô đùa, không vui nói vui để ngưng trẻ nhỏ kia khóc. Nếu có chúng sanh nhân tiếng nói hư vọng mà được lợi ích thì Phật cũng nói hư vọng. Lại nói: "Ta là Thi-lợi tham dục v.v... ta là trời, ta là người, thật chẳng phải trời người, dùng lui để ra khỏi hư khiến được chẳng hư vậy". Năm là, không uống rượu, pháp môn giải là mê hoặc thấy ngược

gọi là rượu (tửu), phàm rượu là bất thiện, cội gốc các ác, uống rượu là chuốc lấy cuồng điên. Ngoại đạo v.v... đó tức là thế gian cuồng say, lưu chuyển sanh tử, trời người ba cõi thông đều có say sưa này. Hàng Nhị thừa vô minh, rượu chưa ói nhả, như sốt nửa người. Đại kinh dẫn rượu về đó, thế gian không thường lạc, mà nói ngã tịnh, Như Lai thật ngã tịnh, mà nói không thường lạc, như người say mê kia thấy nhật nguyệt xoay chuyển. Đó là hàng Nhị thừa say sưa vậy. Bồ-tát vô minh chưa sạch hết, chẳng thấy rõ ràng, ban đêm thấy ảnh tượng ban ngày, thí như người say mông lung thấy đạo, Ca-diếp nói: "Từ đây trở về trước chúng ta đều gọi là người tà kiến vậy". Đó là Bồ-tát say sưa vậy. Viên nhân hành hạnh Như Lai, đủ tánh phiền não, hay biết kho tàng bí mật của Như Lai, tuy có mắt thịt, gọi là mắt Phật, chỗ có thể thấy lại chẳng được thấy, đó thì ngũ trụ chánh tập, một lúc có thừa, pháp rượu đã trừ, nơi nào có thể say. Viên nhân cũng có pháp môn uống rượu. Ương-quật nói: "Mang bình chân không đựng đầy rượu thật tướng, biến hóa năm đường, tuyên dương gầm rống". Vua Ba-tư-nặc say trở lại càng nhiều ân, Hoàng hậu Mạt-lợi uống rượu, Phật nói đó là trì giới cấm. Vào trong quán rượu tự giữ chí mình, cũng là lập chí kẻ khác. Phàm, người được môn đó, thuận nghịch đều xác đáng, người mất cán đó, tuốt dao tự thương tổn tay. Vậy biết hay lấy trần lao phiền não mà làm Phật sự, đó là thấy tất cả pháp đều là thật tướng vậy. Ở trong một niệm thật tướng chẳng thấy có pháp thế gian quá hoạn chướng ngại, thì chỗ nào xả bỏ, cũng chẳng thấy có pháp xuất thế thù thắng tôn diệu, thì chỗ nào thủ lấy. Chỉ vì chưa vào trong môn thật tướng, thấy có phàm Thánh các thứ sai biệt, mà sanh vui thích hay nhàm chán, bèn mới theo có nghi đó, tùy chỗ làm đó, dùng phương tiện khéo léo mà giáo hóa dẫn dắt đó, đều khiến vào pháp môn tự chứng một khoảng bình đẳng không tranh không mất đây, rốt ráo thường lạc, chỉ bày như vậy, chẳng phụ có trước. Nếu mở phương của sau khuỷu tay tợ như mò tìm vật báu trong đây, thật là thuyết của thứ nhất, gồm hết đầu cuối, mở của đại thí, lại ai là trước sau? Được tủy của pháp thân tự mình, đến nguồn của biển trí một tâm, mới đầu đã nhiếp vô biên, quá trà không chữ có thể nói.

Hỏi: Phàm, luật là quỹ trì (giữ gìn theo đường lối) toàn y cứ sự tướng, chỗ lập đại cương rút từ luật văn của Tứ phần v.v... nay trong Tông Kính cớ sao ở nơi môn của muôn hạnh đều xưng là đệ nhất?

Đáp: Phàm, nguyên do của muôn hạnh đều vì khế hợp chân hiển bày gốc, nếu trái chân theo ngọn, chẳng biết giáo tông. Phàm, tất cả chúng sanh đều vốn đầy đủ luật của tự tánh. Nếu là hạng độn căn thì

dần dùng tướng để chỉ bày, nếu là bậc thượng khí, thẳng từ tánh rõ. Như Phó Đại sĩ nói: "Trì luật vốn chế ngự sanh tâm, nay ta không tâm vượt quá giới luật". Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Trì Phạm chỉ là buộc thân, chẳng phải thân, buộc nơi nào? Có như vậy, giáo như vậy, đâu phải cần giới ư? Vì đã tự biết mỗi mỗi đầy đủ Phật tánh giới, nhưng ở hàng phàm phu sơ tâm và Bồ-tát xuất giả, cũng chẳng hoại nơi sự tướng, hai giới ngăn tánh đều là giữ gìn ngang nhau, vì sơ tâm tự hành căn yếu kém vậy, phải cần lý sự cùng giúp, để lâu dài thực hành và giáo hóa người khác viên mãn vậy, phải quyền thật cả hai đều đầy đủ. Vả lại, các hàng phàm phu Nhị thừa Bồ-tát chư Phật phàm là trì giới thì không ai chẳng do một tâm khởi nên. Vì phàm phu toàn chẳng tự biết giới của dơ sạch, nhân từ tự tâm sanh, giới của tội phước, quả phải tự tâm nhận thọ. Hàng Nhị thừa tuy biết do tâm chuyển biến, chấp có tiền trần, hàng Bồ-tát quyền tiểu tuy chẳng chấp cảnh trước thật có, trú không tự tánh, không đều chẳng rõ, ngoài vốn không không, đều tự tâm biến, hàng Đại Bồ-tát chánh rõ duy tâm, không và có đều sạch, vô minh chưa hết, công đức chưa tròn, lý hạnh còn khuyết, còn ở nhân vị, chư Phật thì viên mãn chứng thân duy thức tánh, lìa niệm thanh tịnh. Nên trong kinh nói: "Chỉ Phật là một người trì tịnh giới, còn các hàng khác đều gọi là phá giới". Như trong pháp Lục Hạnh nói: "Kế đến căn cứ giới nói rõ tâm người riêng có sáu sự chẳng đồng. Trước tiên nói rõ hàng thô phàm y tựa giới mà khởi tội, nghĩa là có người ngu thân tuy trì giới mà chẳng biết xét tâm, lại chẳng gìn giữ miệng, tự cho là mình có khả năng, hủy báng kẻ khác phá giới, do nói xấu ác đó mà hư hoại sự kính tin của người, bèn thành nghiệp tội, sẽ phải sanh vào đường ác. Thứ đến nói rõ về phàm phu, thân miệng tuy trì giới mà chưa học quán tuệ, chỉ thành phước hạnh. Tiếp đến nói rõ về hàng Nhị thừa, đạo giới xuất thế, nghĩa là hạng người Nhị thừa lúc quán sanh không, lìa điên đảo phàm ngã đảo, thì thành đạo giới. Tiếp đến nói rõ về hàng tiểu Bồ-tát Đại thừa, lúc quán tướng không tuệ tâm sáng sạch, lìa tội chấp thủ tướng, tức gọi là giới. Tiếp đến nói rõ về giới Đại Bồ-tát Đại thừa, nghĩa là quán duy tâm vốn không ngoài sắc, không sắc có thể phá, tướng không cũng không, lìa lỗi lầm chấp thủ tướng, nên gọi là giới. Đây thì chẳng đồng giới tiểu Bồ-tát, tuy lìa chấp trước có, nhưng lại chấp trước không tướng. Đại Bồ-tát đây biết không cũng không, không không có thể chấp trước, thì chứng đại không. Nên trong luận Đại Trí Độ nói: "Phá các pháp đều không, chỉ có không tồn tại, mà thủ tướng chấp trước đó. Đại không là phá tất cả pháp không, không cũng lại không". Lấy văn để chứng minh

chấp trước không là lỗi lầm. Hàng đại căn lìa đó nên gọi là giới. Thứ nữa nói rõ về giới Phật, nghĩa là chứng duy tâm, lìa niệm thường tịnh, vô minh dơ hết tức thành giới Phật. Chỉ trong tâm Phật đầy đủ các công đức, lìa quá nghĩa biên, gọi đó là giới. Các Đại Bồ-tát tuy đầy đủ công đức, nhưng vô minh chưa hết thì chẳng đồng Phật, nên tịnh giới của Phật cùng nhân có khác. Như trên nói về sáu thứ trì giới, tuy tức hơn kém chẳng đồng nhưng đều là một tâm tạo nên. Vì hàng phàm tiểu chẳng rõ duy tâm, chứng không chấp thủ tướng, thủ tướng là thành dơ bẩn của tội phước, chứng không là trái với môn viên thường. Nếu vào trong Tông Kính tự thành giới đức, thì chẳng là không có các duyên quấy động. Há chẳng phải đệ nhất ư? Giới pháp đã vậy, muôn hạnh cũng theo đó. Do vậy, trong luận Hoa Nghiêm nói: “Phàm giới Tiểu thừa vì tình có tông, vì Đức Như Lai mới đầu vì nơi tạo nghiệp của hàng phàm phu, nên nói như vậy là nên làm, như vậy là chẳng nên làm, nói thiện và bất thiện, lập giáo như vậy chưa là thật có. Có giáo như vậy là tạm căn cứ ở nơi hư vọng của phàm tình ngang buộc lắm tàn ác, dùng giáo để cấm chế đó khiến sanh trong trời người. Do đó, trong lời tựa Giới kinh nói rằng: “Nếu muốn sanh lên trời, hay trong loài người, thường phải trì chân giới, chớ khiến có tổn hoại”. Chúng sanh hữu vi tạo nghiệp, hư vọng chẳng phải thật đức nên sanh trong người trời. Vô thường hư vọng chẳng phải thật, chưa đắc pháp thân trí thân, chẳng phải là thật có tông, tạm vì tình có tông, ở trong Tiểu thừa làm khuôn phép trì giáo vậy. Như trong Hoa Nghiêm nói trì giới tức chẳng vậy. Kinh nói: “Thân là phạm hạnh ư? Thân nghiệp bốn oai nghi cho đến Phật pháp tăng, mười chúng, bảy già, Hòa thượng Yết-ma đàn đầu v.v... là phạm hạnh ư? Như vậy, người quán sát chắc chắn cầu phạm hạnh, trọn không thể được, cho nên gọi là thanh tịnh phạm hạnh”. Như trong phẩm Phạm Hạnh nói: “Hành thanh tịnh như vậy, gọi là trì Phật tánh giới, đắc pháp thân Phật vậy, cho đến lúc mới phát tâm, bèn thành Chánh giác, vì trì Phật tánh giới vậy, cùng Phật thể ngang bằng, lý sự bình đẳng, hỗn chân pháp giới. Trì giới như vậy chẳng thấy tự thân hay trì giới, chẳng thấy thân người khác có phá giới, chẳng phải hạnh của phàm phu, chẳng phải hạnh của Thánh hiền, chẳng thấy tự thân phát tâm Bồ-đề, chẳng thấy chư Phật thành Đẳng chánh giác, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc có chút ít pháp có thể được, thì chẳng gọi là tịnh hạnh, phải quán như vậy, tánh giới như vậy, tức là pháp thân vậy. Pháp thân tức là trí tuệ của Như Lai vậy. Trí tuệ của Như Lai tức là Chánh giác vậy, cho nên chẳng đồng với Tiểu thừa có lấy bỏ vậy”. Nhưng, tuy không lấy bỏ ở hai môn lý hành, cũng chẳng phế bỏ

đầy đủ tu. Như Hàn Sơn Tử có bài thơ nói là:

"Ngũ nhạc đều thành phấn,
Tu-di núi một tấc,
Biển lớn nước một giọt,
Hớp ở ruộng tâm ta.
Sanh trưởng hạt Bồ-đề,
Che khắp trời trong trời,
Vì bảo người mến đạo,
Cẩn thận vậy mười triển".

Phàm chín thất mười buộc, tánh tuy không tịch. Hàng sơ tâm tập học tạm phải xa lìa đó. Do vậy chư Phật giảng nói kinh giáo sâu mầu, trước tiên răn bảo không thể đối trước Bồ-tát mới phát ý mà giảng nói, sợ hạt giống huân tập lại phát khởi hiện hành, lại quán cạn căn nổi tin hiểu chẳng kịp. Như trong kinh Tịnh Danh nói: "Phật dạy! Tánh của dâm nộ si tức là giải thoát". Lại nói chẳng đoạn dâm nộ si cũng chẳng cùng câu, nên nói được đó là ẩn, tựa đó là hiện". Nếu đối với dâm nộ si, tình sanh mùi vị đắm trước được việc đó thì đạo ẩn, nếu tựa khéo quán đó, rõ tánh đó thì đạo hiện. Tuy rõ mà chẳng đắm trước nên nói cũng chẳng cùng câu. Nếu chẳng phải hành lâu dài thì Bồ-tát căn thuần thục mới có thể lý sự vô ngại, như các bậc Tiên đức có kệ tụng rằng:

"Lâu trồng căn lành sâu,
Gặp bụi bụi chẳng bám,
Chẳng phải bụi chẳng bám,
Tự do ta không tâm".

Hỏi: Pháp thân không ảnh tượng, cõi chân như không, đều là một tâm, không riêng biệt y chánh. Cớ sao trong giáo bàn nói nhiều rộng về thân và cõi nước?

Đáp: Chỉ ở tánh tướng tự tâm mà phân tên gọi của thân và cõi nước, lấy nghĩa tướng tự tâm gọi là thân, nghĩa tánh tự tâm gọi là cõi nước. Trong Thanh Lương sớ hỏi: "Thân và cõi nước pháp tánh là riêng khác hay chẳng riêng khác". Nếu riêng khác thì chẳng gọi là pháp tánh, tánh không hai vậy. Còn nếu chẳng riêng khác thì không năng y và sở y vậy". Đáp: "Kinh luận nói khác nhau, gồm thâu pháp thân, lược có mười thứ: Một là, y cứ luận Phật địa, thì chỉ lấy pháp giới thanh tịnh mà làm pháp thân, cũng lấy pháp tánh mà làm cõi nước đó. Tánh tuy một vị, tùy tướng thân và cõi nước mà phân hai riêng biệt. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Tại trong số hữu tình thì gọi là Phật tánh, tại trong số chẳng phải tình thì gọi là pháp tánh, giả nói năng sở mà thật không sai". Trong

luận Duy Thức nói: "Tuy thân và cõi nước đây thể không sai biệt, mà thuộc Phật pháp. Tánh tướng khác nên gọi là pháp tánh thuộc Phật làm thân pháp tánh. Pháp tánh thuộc pháp làm cõi nước pháp tánh. Tánh tùy tướng khác nên nói như vậy". Nay nói như hư không là như trong luận Duy Thức nói: "Thân và cõi nước đây đều chẳng phải sắc gồm thuộc, tuy chẳng thể nói hình tượng lớn nhỏ, nhưng tùy sự tướng lượng đó vô biên. Thí như hư không khắp tất cả xứ". Nên như hư không, nói thông dụ thân và cõi nước. Hai là, hoặc chỉ đại trí mà làm pháp thân, sở chứng chân như làm cõi nước pháp tánh, nên trong luận Vô Tánh Nhiếp nói: "Không dơ, không ngăn ngại trí là pháp thân vậy. Nếu vậy, sao nói thân tướng như hư không? Vì trí thể vô ngại, đồng như hư không vậy". Ba là, cũng trí cũng như mà làm pháp thân. Trong bản luận Nhiếp Đại thừa đời Lương, và kinh Kim Quang Minh đều nói: "Chỉ như như và trí như như riêng còn gọi là pháp thân vậy". Đây thì gồm cả như và trí. Cõi nước thì chỉ như. Bốn là, cảnh trí đều sạch mà làm pháp thân. Trong kinh nói: "Pháp thân Như Lai chẳng phải tâm chẳng phải cảnh. Cõi nước cũng tùy vậy". Y cứ vào nghĩa này thì trong các Khế kinh đều nói thân và cõi nước Như Lai không hai. Đây thì ngôn từ y chân hiển bày không năng sở, mới nói là y chân, thành nghĩa như không. Năm là, bốn câu trên đây hợp làm một pháp thân vô ngại, tùy nói đều được, cõi nước cũng như thế. Sáu là, tổng biệt năm câu trên đây tướng chứa hình đoạt, hết năm thuyết đây chóng tự nhiên vô ký lấy làm pháp thân, cõi nước cũng như vậy. Trên đây đơn lẻ căn cứ cảnh trí để biện giải. Bảy là, thông nhiếp năm phần là bi nguyện v.v... các sở hành vô lượng công đức, không gì chẳng đều là pháp thân đây gom thâu, vì tu sanh công đức hẳn chứng lý vậy, dung nhiếp vô ngại tức sở chứng chân như thể đại đây làm cõi nước pháp tánh. Y cứ ở nghĩa này thì thân và cõi nước chóng khác biệt. Nay nói thân tướng tức các công đức, nói như hư không tức là tánh của thân. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Hiểu thân Như Lai chẳng phải như hư không, nơi tất cả công đức vô lượng diệu pháp đều viên mãn vậy". Tám là, gồm thâu báo hóa sắc tướng công đức không gì chẳng đều là pháp thân đây thâu vậy. Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Ba mươi hai tướng tốt v.v... đều là pháp thân thâu gồm". Lại trong kinh Pháp Hoa nói: "Pháp thân sạch vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng". Nhưng có ba nghĩa: Thứ nhất là tướng tức như nên quy về lý pháp thân. Thứ hai là, nơi trí hiện nên thuộc trí pháp thân. Cõi nước sở y đó thì thông cả tánh tướng, dơ sạch vô ngại. Cõi nước ta đây sạch mà ông chẳng thấy, chúng sanh thấy thiếu đốt mà cõi nước sạch chẳng hủy hoại. Sắc tức là như,

tướng tức chẳng phải tướng. Thân cõi nước sự lý giao gồm qua lại nương tựa gìn giữ, thông gồm có bốn câu: Thứ nhất, nghĩa là sắc thân y tựa sắc tướng cõi nước. Thứ hai, sắc thân y tựa cõi nước pháp tánh. Thứ ba, pháp thân y tựa sắc tướng cõi nước. Thứ tư, sắc thân y tựa cõi nước sắc tướng. Trên đây còn thông các giáo Đại thừa. Chín là, thông gồm ba thứ thế gian đều làm một đại pháp thân, đầy đủ mười Phật vậy, ba thân đó bình đẳng đều là trí Chánh giác trong đây gồm vậy. Cõi nước cũng như đó, tức như không thân mà thị hiện thân khắp cùng, không nơi nào chẳng đầy đủ, chỉ là Hoa Nghiêm. Mười là, phân quyền thật trên chỉ lấy thứ chín thuộc ở kinh đây. Nếu y cứ dung nhiếp và nhiếp đồng giáo, gồm chín nghĩa trước làm một câu tổng, đó nghĩa là thân và cõi nước Như Lai vô ngại vậy.

Lại nữa, các cõi nước vô ngại, thông gồm có mười thứ, ở các giáo nói về cõi nước, hoặc cho rằng chỉ là vô thường, hoặc nói tâm biến, lý sự cách biệt một chiều chẳng dung, nên nay cốt yếu biện giải về vô ngại. Một là, lý sự vô ngại, nghĩa là toàn đồng chân tánh mà tướng cõi nước rõ ràng, như trong kinh có kệ tụng rằng: "Biển thế giới Hoa Tạng, pháp giới không sai biệt, trang nghiêm đều thanh tịnh" vậy. Hai là, thành hoại vô ngại, nghĩa là chẳng hoại tướng mà khắp cùng vậy, như trong kinh có kệ tụng: "Đem một cõi gieo vào mười phương, mười phương vào một cũng không thừa". Là một nhiều vô ngại vậy. Năm là, tương tức vô ngại. Trong kinh nói: "Vô lượng thế giới tức một thế giới" vậy. Sáu là, vi tế vô ngại, trong kinh có bài kệ tụng rằng: "Châu ngọc thanh tịnh rãi như mây, sáng ngời hiển hiện ảnh chư Phật v.v..." Bảy là, ẩn hiển vô ngại, nghĩa là nhiễm tịnh khác loại, ẩn hiện đều khác, thấy chẳng đồng vậy. Tám là, trùng hiện vô ngại, nghĩa là ở trong một mảy bụi thấy tất cả các cõi nước, trong mỗi mảy trần trong cõi nước thấy cõi nước cũng vậy. Lớp lớp vô tận như lưới trời Đế-thích. Chín là, chư bạn vô ngại, phàm một thế giới hẳn có tất cả lấy làm quyến thuộc, trong kinh có kệ tụng rằng: "Tỳ-lô-giá-na sở hành xưa, các thứ cõi nước đều thanh tịnh". Các thứ cõi nước tức là quyến thuộc vậy. Mười là, ba đời vô ngại, là một niệm hàm dung vậy. Vô ngại như trên đều là một tâm, nếu có pháp khác cùng xen lẫn thì chẳng thể dung nhiếp. Như trong kinh Đại Tập nói: "Phật dạy: Này thiện nam! Làm sao Bồ-tát tự thanh tịnh cõi nước mình như cõi nước chư Phật? Nếu Bồ-tát biết tất cả các pháp không cõi nước chẳng phải cõi nước, đến tất cả xứ không đến không chẳng đến. Nếu Bồ-tát thấy pháp đối sáu tình, đều biết là Phật pháp, cũng chẳng thấy phàm phu và pháp Phật có khác, khởi ý niệm

rằng tất cả pháp đây đều là pháp Phật. Phật pháp đến tất cả xứ vậy. Tất cả các pháp và pháp Phật, chỉ giả danh tự, cũng chẳng phải pháp phải, cũng chẳng phải pháp quấy. Cho nên chúng ta không nên chấp thủ đắm trước. Vì cõi nước tự mình thanh tịnh thì biết cõi nước chư Phật thanh tịnh. Đây cùng pháp bình đẳng v.v... nhãn giới là Phật giới, nhĩ tỷ thiệt thân ý pháp giới là Phật giới. Ta không nên phân biệt có tôn có ty. Bồ-tát như vậy đến nơi tất cả pháp Bình đẳng, đó là Bồ-tát tự thanh tịnh cõi nước mình như cõi nước chư Phật, thì biết chủ bạn, y chánh chẳng lìa ngũ uẩn, ngũ uẩn tánh không, tức là bình đẳng. Lại thấy pháp theo duyên thì biết cõi nước do tâm hiện. Cõi nước do tâm hiện nên có mà tức không, không là pháp tánh, muôn pháp do sanh, thấy pháp tánh nguyên là chân trí tuệ. Do đó cõi nước tha thọ dụng của chư Phật tùy căn chẳng đồng, thấy có sai biệt vậy. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Cõi nước ta chẳng hư, chúng sanh thấy cháy rã". Người xưa nói: Như người đến nơi lửa ngạ quỷ thì thấy là nước, ngạ quỷ đến nơi nước người thì thấy là lửa, cũng như cung điện của La-sát cùng cung điện người, đồng tại một nơi, mà chẳng cùng thấy. Cõi nước tha thọ dụng cũng lại như vậy. Nếu cõi nước tự thọ dụng nên là khắp cùng chẳng tức ba cõi, chẳng lìa ba cõi vậy. Nếu cõi nước pháp tánh, tức khởi diệt thường như, nên biết cõi nước Phật khó nghĩ lường, chẳng thể làm thấy còn mất sạch dơ vậy. Lại, các bậc cổ đức giải thích có ba nghĩa: Một là, tự tánh thân và cõi nước đã đồng sở chứng, rõ ràng là thể đồng như hư không trong một phòng nhà. Hai là, tự thọ dụng như ánh sáng ngàn ngọn đèn đồng khắp trong phòng nhà. Ba là, tha thọ dụng và biến hóa hai cõi nước chánh chứng ở trước cũng tương tợ tên gọi đồng mà tùy cơ thấy khác. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Theo nghiệp phát hiện là tùy nghiệp quả chúng sanh đều hay hiển hiện, như Đức Phật Thích-ca xuất hiện nơi đời, cõi nước hẹp nhỏ, biển nước tăng đầy, Đức Di-lặc hạ sanh, thế giới rộng rãi bốn biển lớn giảm, Bồ-tát tại trong chúng hội, không có gò đồi hầm hố. Thanh văn ở trong, dơ xấu tràn đầy, nên biết tùy tất cả các hữu tình mà ra ứng hiện, rộng hẹp dơ sạch tất cả đều do tâm lượng chúng sanh mà thành. Phật quả vô tác". Dụ công nói: "Tâm thì chư Phật chứng đó lấy làm pháp thân, cảnh thì chư Phật chứng đó lấy làm cõi tịnh". Thì cả hai đều là sở chứng, trí là năng chứng. Trong Từ Ân sớ nói: "Hỏi: "Cõi tịnh lấy gì làm thể?" Đáp: Theo"Trong Nhiếp Đại Thừa Luận nói: Chỉ lấy duy thức trí làm thể, vì Phật và Bồ-tát duy thức trí làm thể". Tức như trong luận Kim Cang Bát-nhã nói: "Trí tập duy thức thông. Lấy cõi tịnh như vậy". Nếu là luận Phật địa thì lấy tâm tự tại vô lậu của Phật

làm thể, chẳng phải lìa ngoài tâm Phật tịnh riêng có thật làm thể, chẳng phải lìa ngoài tâm Phật tịnh riêng có thật các thứ sắc tâm tịnh vậy". Lại nói: "Sắc v.v... tức là tâm Phật tịnh cảm nên, lìa Phật ngoài của tự tâm, riêng không năng cảm, như vậy sắc của giả thật đều chẳng lìa tâm Phật tịnh, tức tịnh tâm đây năng hiển hiện sắc của giả thật vậy". Trong kinh nói: "Sắc xanh ánh sáng xanh, sắc vàng ánh sáng vàng v.v... là nghĩa này vậy". Lại, trong Vô Lượng Thọ sớ của Thiên Thai nói: "Phàm, Lạc bang đó cùng với khổ vực, vàng báu đó cùng với bùn cát, thai ngục đó cùng với hoa ao, rừng gai đó so với cây quỳnh, thật do tâm phân dơ sạch, thấy sự thăng trầm của hai cõi nước. Hạnh mở thiện ác, thấy thô diệu của hai phương. Dụ như hình ngay thì bóng thẳng, nguồn đục thì dòng tối, cho đến có thể gọi là vi hạnh diệu quán, yếu thuật của chí đạo đó thay!" Kinh đây lấy tâm quán làm tông, thật tướng làm thể. Ký nói: "Diệu quán chí đạo là nghiệp hạnh tuy nhiều, lấy tâm quán làm yếu thuật, một niệm tâm khởi thì cõi tịnh khởi thì cõi tịnh rõ ràng, vô tác thể như xưa nói là vi hạnh một niệm Tam quán đều không giả trung, năng sở tuy phân hổ chiếu chẳng nghĩ bàn, cảnh cốt yếu tại tâm nguyên, tức công quán vậy. Ngang khắp dọc cùng, bình đẳng không hai. Tam quán nhân viên, tam đức quả mãn, đều do nghĩa tâm yếu thành, nên nói yếu thuật của chí đạo, Pháp sư Tăng Triệu nói: "Muôn sự muôn hình đều do tâm thành, tâm có cao thấp nên gò đống đó sanh". Lại nói: "Cõi Phật thường tịnh, đâu đợi biến mà sau nghiêm sức, nghĩa là biến chỗ thấy của mọi người vậy. Do đó chúng sanh thấy là đất đá núi sông đều là ảnh khởi của tự nghiệp. Bồ-tát thuần làm diệu tuệ tức là chỗ làm của chân trí, lìa tâm phàm Thánh, không cảnh chân tục, như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Kinh Hoa Nghiêm đây nói rõ môn pháp giới duyên khởi, lý sự không hai, không duyên nào chẳng vắng lặng, không sự nào chẳng chân, mười phương thế giới một chân, biển tánh đại trí khắp cùng, làm cảnh giới cõi nước, gồm làm biển tánh, làm một chân pháp giới chẳng phải hữu tình vô tình tùy nghiệp nói vậy. Vì trong Hoa Nghiêm cảnh giới thuần chân tất cả là trí vậy. Hàng Bồ-tát Thập trụ lấy tuệ làm cõi nước, hàng Bồ-tát Thập hạnh lấy trí làm cõi nước, hàng Bồ-tát Thập hồi hướng, Thập địa lấy diệu làm cõi nước, chẳng nói hữu tình và vô tình hai kiến sai biệt, vì kinh Hoa Nghiêm làm rõ bản pháp khác với giáo quyền học của hàng Ba thừa vậy. Vô tình đó và hữu tình đó có sanh có diệt vậy.

Hỏi: Tất cả thân và cõi nước do tám vi thành nên, cớ sao duy tâm mà không trở ngại?

Đáp: Chấp sắc cực vi có tánh trở ngại là tông Tiểu thừa, chẳng

phải thông cả đại chỉ. Nước người lửa quỷ đâu tại phương khác. Biển trong lỗ chân lông núi trong hạt cải, ai luận lớn nhỏ. Một mảy trần một thức muôn cảnh muôn tâm vậy. Nếu mê tâm mà quán sắc thì thông thì thông bịt uyển nhiên, nếu rõ sắc và minh tâm, đó là chẳng phải tuyệt vậy. Do đó, các bậc cổ đức nói: "Nếu biết sắc tức không, quán sắc quấy ư? Nếu mê sắc chẳng phải không, quán sắc phải ư? Nếu biết không tức sắc quán không quấy ư? Nếu quán không khác sắc, quán không phải ư? Đây là giải hiểu lầm hoặc khác đường, tự phân chia so sánh nào liên quan hai cảnh sắc không để biện rành tà chánh ư? Nếu hiểu Tông đồ đây, thường sắc quán mà luôn chánh, nếu mê chỉ thú này, tuy không quán vì thường tà. Vả lại, phàm chúng sanh chẳng rõ hai không đều vì chấp tâm và sắc là thật có, quán tâm chẳng diệu, chiếu cảnh không công, đã chẳng hiểu tức sắc rõ không, lại chẳng hay bổ chẻ nhỏ nhiệm, không biết sắc tụ thô tế, sao cùng tâm nguyên chân vọng? Nay đối với hạng có cạn sâu, lược nêu nghĩa tánh tướng, khiến căn của viên đốn chẳng soi xét, khiến trí hàng trung hạ không bỏ sót, như các bậc Tiên đức nói: "Đức Như Lai xuất hiện nơi đời, vốn vì độ sanh, hữu tình mê chấp căn sâu, vọng tính thật có ngã pháp, phất tức khéo thiết bày phương tiện, khiến trừ tâm điên đảo, ở trong sắc tụ xua dứt phân tích có như dao dùng hiển bày chỗ phân chia đó, sắc tuy vô lượng chẳng vượt ngoài hai bậc: Một là câu ngại (đều ngăn ngại); hai là sở ngại (cái bi ngăn ngặc). Câu ngại sắc, tức nghĩa là năm căn năm cảnh hay tạo bốn đại, đây là tổng thể, vào trong mà phân biệt là tức xanh vàng đỏ trắng, bốn thứ này là thật, ngắn dài vuông tròn cao thấp thô té, hoặc chánh, hoặc chẳng chánh, mười đây là giả. Y cứ thật có nên gọi là hình sắc, năng ngại đối với khác, cũng bị khác ngại, nên gọi là câu ngại. Y cứ phân tích chia chẻ đây thành sắc cực nhỏ, sắc cực nhỏ bị pháp xứ gồm thâu. Lại có ánh sáng ảnh tượng sáng tối khói mây bụi sương huỳnh sắc biểu sắc, không một hiển sắc v.v... đều là giả có, do bị khác ngại, chẳng thể ngại khác, gọi là sở ngại sắc, y cứ giả tưởng này lúc phân tích chia chẻ, gọi là cực huỳnh sắc, cựa huỳnh sắc tức nơi pháp gồm thâu. Ba là, hiển bày hành tướng và định sở y, nghĩa là các sư phải Du-già, lúc làm quán hạnh, y bốn tĩnh lự căn bản định tâm, lúc cùng tuệ câu, gá căn cảnh kia và cùng ngoại sắc làm chất, ở trên tự thức biến ảnh mà duyên, ở trong của một sắc tụ, mới đầu chia làm hai, quán hai phần này, trên sắc ngã pháp đều không, rõ ràng rành rẽ chẳng chìm đắm chẳng xoay lắc, lại sợ hai phần trong sắc, ngã pháp vẫn còn, lại cùng tuệ tâm chiết làm bốn riêng biệt, như vậy cho đến một tướng lân hư, lại chẳng thể

chiết, sau biên sanh sắc, nếu lại chiết đó bèn thành chẳng phải sắc, y cứ đây giả lập cực lược cực huýnh hai thứ cực vi, suy tìm ngã pháp thật thể đều không, đạt biến kế không, ngộ y tha giả bèn hay dẫn khởi hai không vô lậu, trí căn bản sanh, tức chứng hai không, hiển bày chân lý.

Lại nữa, cõi nước Phật là như nay trong một nước đều do Thiên tử nắm đầu lãnh đạo, không gì chẳng thuộc ở nước, nay cũng như vậy, tùy tâm một tưởng một duyên, hữu tình vô tình, hoặc sắc hoặc tâm, đều là cảnh sở chiếu của thật trí, không gì chẳng rõ tánh tướng đó, nên gọi là nước Phật. Trong Tịnh Danh sớ của Thiên thai nói: "Tùy thành tựu chúng sanh thì cõi Phật tịnh, tùy cõi Phật tịnh thì nói pháp tịnh, tùy nói pháp tịnh thì trí tuệ tịnh, tùy trí tuệ tịnh thì tâm đó tịnh, tùy tâm đó tịnh thì tất cả công đức tịnh. Cho nên Bồ-tát Bảo Tích muốn được cõi nước tịnh, phải tịnh tâm mình". Tùy tâm đó tịnh thì cõi Phật tịnh là quán tâm tánh vốn tịnh giống như hư không tức là cảnh của tánh tịnh, cảnh tức cõi nước vậy. Quán trí giác ngộ. Tâm đây gọi là Phật, quán mới đầu gọi là nhân quán thành gọi là quả. Nếu luận tự hành tức là tâm vương không nhiễm, nếu luận hóa tha tức là tâm sở giải thoát, trí tuệ số là đại thần hay bài dẹp các số trên lầm hoặc để trở lại nguồn tâm, thanh tịnh cõi nước vậy, nên nói tâm tịnh tức cõi Phật tịnh vậy. Lại tùy theo Tứ giáo nói rõ về bốn tâm, bốn thứ tâm này tịnh tức bốn thứ nước Phật đều tịnh, bốn thứ tâm này chỉ là một tâm tự tánh thanh tịnh. Tâm đây nếu tịnh tất cả cõi Phật thảy đều tịnh vậy, như gương sáng thì chiếu xa, linh vang thì tiếng cao, tâm sạch thì trí hành đều trong, ý hư thì cảnh giới đều lắng. Phàm nói nhơ sạch (cấu tịnh), không có gì chẳng do tâm là một tịnh tất cả đều tịnh vậy. Hoặc thấy thành trụ hoại không đều là nghiệp thiện ác của chúng sanh hiện. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Báo tư chiêu dẫn quả ác, nghiệp tư này giao thì lúc lâm chung trước thấy gió ác thổi hoại cõi nước. Chết là thần thức bị thổi lên trên không, xoay vần theo gió đọa vào địa ngục Vô gián". Xưa trước giải thích rằng: Tư là ý vậy, cõi nước chẳng hoại, do tâm phân biệt thấy cõi nước hoại, do ảnh tượng ý tư pháp trần sanh diệt, nơi chịu quả báo trở lại tự nhiên, đổi thay của hay nhận chịu sanh diệt". Lại, người sống thấy là cõi nước, người chết thì thấy là hư hoại, đều do ý sanh pháp sanh, tâm diệt cảnh diệt. Trong Thập Tứ Khoa Tịnh Độ Nghĩa nói: "Trong kinh nói có hằng sa cõi nước Phật là đều do Thánh nhân tiếp vết gần của chúng sanh. Còn Phật thật không có cõi nước. Lấy gì để chứng minh đó? Phàm, chưa khỏi lụy nên về hình hài phải nương cõi để tự sống, từ hàng đệ bát trú trở lên trọn thoát về lụy sắc, chiếu thể độc lập, thần không phương sở, dùng cõi

nước làm gì? Mà nói là có tức vì chúng sanh mở hiểu chút ít mà lắm lớp mê hoặc chưa kham chân hóa nên đem phước lạc trời, người, dẫn dắt đó khiến hành thiện giới, hoặc dùng bốn quả ba thừa dẫn dụ đó khiến tu đạo phẩm, nhưng công của giẫm trải thiện tự nhiên ngầm quy về Bồ-đề, nhân khởi mê hoặc tham báo nên lưu chuyển sanh tử, thật tức cõi nước thuộc chúng sanh, nên không cõi nước nào mà chẳng dơ (uế), tịnh riêng ở Phật nên không cõi nước nào mà chẳng tịnh, nên trong kinh nói: "Cõi tịnh ta chẳng hư" là chỉ cho đây vậy".

Hỏi: Điều nói rõ về cõi tịnh, kính như yếu chỉ cao, chỉ tầm Huyền tông chẳng lấy sự làm tịnh. Tịnh thủ lấy không dơ. Đây tức hành nghiệp chẳng đồng, quả báo đến thắng tạp. Do đó, cát đá của người chẳng đồng đất bảy báu mà trời giẫm bước. Nay nghi ngờ nghiệp súc sanh khác với người mà đồng giẫm bước nơi đất cát đá, vậy có trái với điều lập nghĩa chăng?

Đáp: Sở dĩ súc sanh được cùng người đồng giẫm bước cát đá là do vì một mảy may thiện nhỏ đồng người cùng khỏi thống khổ thiêu đốt. Vì thiện nhỏ nên chẳng khổ bằng người. Nhưng lò vạc cùng cát đá làm thiện. Nhẹ nặng tuy khác mà sự thật cùng gần, do đó còn cùng người đồng giẫm bước nơi đất cát đá, thiện hơn việc tinh mà cách tuyệt vậy, người của cátđá tuyệt giai cấp nơi đất bảy báu.

Hỏi: Dơ sạch tợ như không chất cố định, như Thích Ma nam dốc sỏi đá thành vàng, quỷ đói thấy nước thành lửa, cớ sao dơ sạch cách tuyệt?

Đáp: Pháp của nhân duyên thật có lý này, chỉ trong kinh nói: Như Thích Ma nam đây không gì chẳng là chỉ bày yếu chỉ, muốn nói rõ pháp không tướng cố định để vén sự phong bít ngưng trệ quá lắm của chúng sanh vậy. Quỷ đói mê hoặc nên thấy nước là lửa, chẳng toại là lửa vậy. Do đó, cách tuyệt là người của cát đá chẳng được đồng sanh An dưỡng nên vậy. Giải thích rằng: Tịnh thủ lấy không dơ uế là chẳng lấy hình làm tịnh, thủ lấy không hình làm tịnh. Lại nói: Bảy báu không dơ của cát đá làm tịnh, chẳng thủ lấy bảy báu làm tịnh. Như súc sanh cùng người có thiện nghiệp gần nhau do đó đồng giẫm bước nơi cát đá, thiện hơn việc tinh là nghiệp trời người khác nhau vậy. Người tuyệt thềm cấp đất bảy báu, súc sanh chẳng kịp người làm khổ là duyên gặp các thứ khổ bị roi vọt nấu nướng và tự ăn nuốt lẫn nhau v.v... người không việc ấy vậy. Nên nói khổ bàng người? Lò vạc là thủ nhẹ cùng người đồng dự vậy. Trong kinh nói: "Các địa ngục nhỏ ở giữa khoảng núi Thiết Vi, hoặc nơi bờ biển hay đồng trống v.v... là nghĩa ấy vậy. Còn

nếu địa ngục A-tỳ v.v... tức cùng người riêng ở. Thiện cõi trời làm hơn, bảy báu việc tinh, do đó cùng người hạn vức cách tuyệt. Trong câu hỏi vấn nạn Thích Ma nam rõ ràng ở trong loài người tức nhận thọ quả báo trời, cớ sao nói người tuyệt thềm cấp nơi đất bảy báu? Lại nêu cử quỷ đói là muốn nói rõ người chẳng tuyệt hạn vức của quỷ. Có thể quả báo của người tức quả báo của quỷ ư? Đáp rằng: Bày yếu chỉ, là ý bày hiện vậy, ý trừ phong bớt mê mơ, cùng cực của thường, do đó nói chẳng toại là lửa. Quỷ đói tuy sự nghiệp hoặc làm mê mờ thấy nước là lửa, nhưng nước chẳng theo hoặc để thành lửa. Toại nghĩa là theo, pháp của nhân duyên thật có lý này, nghĩa là Đức Như Lai giảng nói pháp có hai thứ môn: Một là, môn nhân duyên; hai là, môn nhân quả. Môn nhân duyên tức là không định chất, môn nhân quả tức có định nghĩa. Lại, trong kinh nói rõ tất cả cõi nước dơ sạch trong thế gian đều là chỗ thành của hạnh Bồ-tát, chúng sanh nghiệp cùng cảm, như Ta-bà duyên thuần thục tức Hoa Tạng là Ta-bà, như Hoa Tạng duyên thuần thục tức Ta-bà là Hoa Tạng, nếu không hành không cảm, thế giới chẳng thành thì lìa ngoài tâm lại không một pháp. Như biển thế giới Hoa Tạng, lược có hai nhân: Một là, nói về Như Lai Tạng thức của chúng sanh tức biển hương cũng là biển pháp tánh, y tựa gốc vô trú, đó gọi đó là phong luân, cũng là gió vọng tưởng, ở trong biển này có tướng nhân quả và hằng sa tánh đức, tức là hoa của chánh nhân, thế gian và xuất thế gian quả pháp ở tương lai thảy đều gồm chứa, nên gọi là tạng. Nếu dùng pháp tánh làm biển, tâm tức là hoa, hàm tàng cũng vậy, nhưng tạng thức đây bên trong của tướng phần, một nửa làm khí vật bên ngoài, chẳng chấp thọ vậy, một nửa làm thân bên trong, chấp làm tự tánh sanh nhận biết vậy, một nửa làm thân bên trong, chấp làm tự tánh sanh nhận biết thọ vậy. Như Lai Tạng thức bởi duyên gì mà như vậy? Vì pháp như vậy. Hành nghiệp dẫn vậy. Hai là, nói về chư Phật, nghĩa là dùng gió đại nguyện duy trì biển đại bi, sanh hoa vô biên hạnh, hàm tàng tự lợi, lợi tha, quả pháp nhiễm tịnh trùng điệp vô ngại, nên tướng trạng cõi nước sở cảm như thế, sở dĩ trùng trùng vô tận đều là tâm của phàm Thánh là tánh chân như vậy. Biển lớn như trên đã là tạng thức, nay lại nói rõ bên trong của Hoa gồm các hạt giống mỗi một chủng tử chẳng lìa biển tạng thức, nên có nhiều biển hương. Nhưng mỗi mỗi đầy đủ ở tánh đức vậy, đều có trang nghiêm vậy. Lại, phàm tất cả các pháp tùy duyên huyễn sanh, thể dụng đều không, ẩn hiện hỗ tương khởi, hoặc hiện một trong nhiều, hiện nhiều trong một. Nếu chẳng biết căn do của khởi tận thì mạt tình tùy cảnh chuyển, hoặc tùy cảnh đẹp mà vui thích nhóm tập, hoặc theo

duyên ác mà khiếp sợ sanh. Nếu hay thấu rõ tất cả các pháp của phàm Thánh, đều là cảnh giới của tự tâm, dùng một ấn này, các khiếp sợ đều ngầm tiêu. Do đó, trong kinh Trì Địa nói: "Phật bảo: "A-dật-đa! Bồ-tát đối với tất cả pháp, đối với tất cả pháp Bồ-tát, chớ nên sanh khiếp sợ, đối với pháp của tất cả Bích- chi Phật, cũng chớ khiếp sợ, đối với tất cả pháp Thanh văn, cũng chớ khiếp sợ, đối với tất cả pháp phàm phu, cũng chớ khiếp sợ, cho đến đối với tỉnh đối với loạn, cũng chớ khiếp sợ, đối với giả đối với thật chớ khiếp sợ, đối với tin hay chẳng tin, cũng chớ khiếp sợ. Đối với niệm thiện hay niệm chẳng thiện, cũng chớ khiếp sợ, đối với trú hay chẳng trú cũng chớ khiếp sợ. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp, chớ sanh khiếp sợ. A-dật-đa! Ở đời quá khứ, ta tu các pháp vô úy như thế v.v... được thành Chánh giác, đều hay rõ biết tất cả cảnh giới của tâm chúng sanh mà đối với chỗ biết chẳng khởi tướng biết, dùng sở chướng của ta mà tùy cơ để giảng nói, hay khiến các hàng Bồ-tát v.v... nghe pháp chứng đắc ấn quang minh Đà-la-ni, do được pháp ấn nên trọn chẳng thối chuyển". Giải thích rằng: "Rõ một pháp vô úy (không khiếp sợ) hay trừ năm thứ khiếp sợ, vào môn một tâm đây, sẽ sanh ở Hoan Hỷ Địa. Lại nói: Tâm tịnh được công đức cõi Phật tịnh, nên nói: "Muốn được quả cõi tịnh phải tịnh tâm đó" nêu quả khuyên nhân, nghĩa là do tâm vậy, cớ sao gọi là tịnh? Nếu hành giả chẳng được nơi tâm thì tâm không khởi diệt, do không khởi diệt, nên gọi đó là tâm tịnh. Lại, trong kinh Đại Phẩm nói: "Không vậy, lìa vậy, chẳng sanh vậy, vắng lặng vậy. Gọi đó là tịnh". Tùy tâm đó tịnh thì cõi Phật tịnh là nói rõ tâm thì là nhân. Đây nói rõ ngoài tâm không cảnh giới tùy tâm mà sanh. Tâm đã thanh tịnh, tướng quả báo bên ngoài cũng tịnh. Tịnh uế theo tâm, tự không thể chất, đâu có cùng ngại mà khác xứ, cho nên hạnh nghiệp chẳng đồng, mỗi mỗi thấy khác. Hạnh nghiệp đồng do đó chỗ thấy chẳng khác, như tiếng hòa âm vang thuận hình thẳng bóng ngay, khác của tịnh uế đều do tâm làm. Nếu không tâm phân biệt, sạch dơ sao sanh? Thấy thật tánh dơ tức không tướng tịnh, đâu có tướng hai pháp đối đải mà luận bàn sai biệt ư? Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Cõi Phật không phân biệt,
Không ghét cũng không yêu,
Chỉ tùy tâm chúng sanh,
Thấy có khác như vậy".

Do vì đối cơ lập giáo, ở trong môn phân biệt luận tâm chúng sanh tịnh. Chẳng phải chỉ một thứ, không thể sấm sét đồng, xưa trước giải

thích có bốn: Một là, chân thật tịnh, nghĩa là thiện tâm vô lậu. Hai là, tương tợ tịnh, nghĩa là thiện tâm hữu lậu. Ba là, cứu cánh tịnh, nghĩa là Phật Thế Tôn. Bốn là, chẳng cứu cánh tịnh, nghĩa là từ hàng thập địa trở xuống cho đến phàm phu. Lại, bốn câu tính chọn, thể tướng sạch dơ. Một là, thể sạch tướng dơ, nghĩa là Phật hiện tướng cõi dơ, tâm Phật thanh tịnh vô lậu vậy. Trong kinh nói: "Vì muốn độ hạng người hạ liệt nên thị hiện các thứ xấu ác, cõi nước chẳng sạch vậy. Hai là, thể dơ tướng sạch, như hàng Thập Địa đã trở lại bản thức, và sáu bảy thức hữu lậu và hàng phàm phu địa tiền tất cả tâm hữu lậu, hiện nên cõi nước sạch. Vì hữu lậu nên gọi là thể dơ, do y tựa cõi Phật thanh tịnh của như lai tự thức biến tợ tướng cõi sạch hiện, gọi là tướng sạch. Ba là, thể tướng đều sạch, như Phật và hàng Thập địa đã trở lại trong tâm vô lậu hiện nên cõi tịnh. Bốn là, thể tướng đều dơ, như tâm hữu lậu hiện nên cõi dơ. Nếu phân biệt cõi tịnh tâm tịnh, lại có nhiều thứ. Lại có tâm tịnh vô lậu. Có tâm tịnh có tướng, tâm tịnh không tướng, có tâm tịnh nhiếp phục hiện hành, tâm tịnh đoạn diệt chủng tử, có tâm tịnh tự lực, tâm tịnh tha lực, chư Phật tùy cơ nói pháp không cố định. Nếu luận về đại chỉ còn chẳng được một tịnh, huống gì là nhiều môn. Đây mới là một tâm chân như chẳng giữ tự tánh, tùy cơ đối xử có cạn có sâu, hoặc dơ hoặc sạch, không thể trệ lý ngắn ngại sự, giữ một nghi nhiều, mê môn buông duỗi khởi kiến thông suốt hạn cục, tuy đồng một yếu chỉ, ước tướng sai biệt chẳng không. Tuy nói có khác, mà thuận thể một như chẳng động. Tại sao? Nếu nói một đó thì An dưỡng phương báu, Ta-bà gò nỗng. Nếu nói khác đó, cõi nước chư Phật mười phương đồng một đạo thanh hư. Nếu nói có đó, thì vô biên cõi Tịnh giống như hư không. Nếu nói không đó, thì cõi diệu liệt bày giao xen như lưới trời Đế thích. Do đó tinh khởi bốn câu, diệu vượt ngoài trăm quấy. Đạo không thể dùng một lời mà phân tích giải thích, lý không thể dùng một nghĩa mà tuyên bày. Nên như điều nói trên, thân và cõi nước duy tâm, chỉ dùng pháp thấy nghe của thế gian mà nghiệm đó, tự nhiên có thể hiểu. Vả lại, như núi sông chẳng linh vì chỗ người cảm. Tại sao? Cây đất ngói đá đâu có chỗ biết, đều tinh chí tại người, theo thức biến nêu, hoặc hàng phi nhân gá phụ, đều chẳng vượt ngoài tâm. Lại như đường Quốc Sử, năm Trinh nguyên thứ bảy (793) đời vua Đức Tông (Lý Khoát 780 - 805) thời Tiền Đường, từ nước Phiếu có kẻ sứ đến chầu, vua mới tự thân ra đón tiếp sứ mà nói: "Từ thời nhà Tần nhà Hán trở lại chưa từng thông đến Trung Quốc". Vua lại hỏi: "Cớ sao biết Trẩm mà đến chầu?" Kẻ sứ đáp: "Ở nước tôi, suốt ba năm nay, trâu ngựa xoay đầu về hướng Đông mà nằm,

nước không sóng lớn, biển không nổi sóng, do đó biết ở Trung Hạ có Hoa phong, là Thánh đức của bệ hạ. Cho đến châu về hợp phố, kiếm rời khỏi Ngô Đô, hổ mang con mà qua sông, phụng bày điềm tốt lành mà vào cõi nước". Trâu cọp không tính lường phân biệt, châu kiếm vốn thuộc loại vô tình, đâu có thể cảm đức biết ân ôm mạnh phú yếu, toàn là chỗ biến của tâm người, thật là chỗ thành của nghĩa Duy thức. Nếu dốc thuần thiện thì thiên đường hiện tiền, tập dần ác thì xe lửa đầy bên cạnh. Mạng giàu thì châu ngọc vật báu đầy kho, nghiệp bần thì cỏ đất quấn thân, chỉ đem Tông Kính mà soi chiếu đó, muôn sự khó trốn lánh ảnh hưởng vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 22

Hỏi: Phàm, chân tâm không hình, diệu thể tuyệt tướng, cớ sao có các sự báo hóa trang nghiêm v.v...?

Đáp: Pháp thân chư Phật như vàng thật, tướng tốt tợ các thứ trang nghiêm bằng vàng. Dùng vàng làm vật, thể dụng toàn đồng, từ tâm hiện sắc, tánh tướng không hai. Như trong luận Khởi Tín nói: "Hỏi rằng: Nếu pháp thân Phật không có các thứ sắc tướng sai biệt, cớ sao năng hiện các thứ sắc? Đáp rằng: Vì pháp thân là thật thể của sắc, nên năng hiện các thứ sắc". Nghĩa là từ đến nay sắc tâm không hai, vì bản tánh sắc tức tự tánh tâm, nói tên là trí thân, vì bản tánh tâm tức là tự tướng sắc, nói tên là pháp thân, là y cứ ở pháp thân, tất cả Như Lai hiện nên sắc thân khắp tất cả xứ không có gián đoạn. Mười phương Bồ-tát tùy chỗ kham nhận, tùy nguyện vui thích thấy vô lượng thân thọ dụng, vô lượng cõi nước trang nghiêm, mỗi mỗi sai biệt chẳng cùng chướng ngại, không có đoạn tuyệt, chỗ hiện pháp thân đây, tâm ý thức của tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ lường, do vì chân như tự tại, dụng rất sâu mầu vậy. Nên biết chỗ hiện tất cả y báo chánh báo, các thứ cúng cụ trang nghiêm v.v... vô biên Phật sự đều từ một tâm mà khởi. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Do từ Ba-la-mật sanh ra tất cả lọng báu, nơi cảnh giới thanh tịnh của tất cả chư Phật sanh ra tất cả màn trướng hoa, vô sanh pháp nhẫn sanh ra tất cả y phục, nhập quán Kim cang tâm vô ngại sanh ra tất cả lưới linh khánh, hiểu tất cả pháp như huyễn tâm sanh ra tất cả hương kiên cố, khắp cùng tất cả cảnh giới chư Phật tòa Như Lai, tâm sanh ra tòa bằng các thứ báu diệu của tất cả chư Phật. Cúng dường chư Phật tâm không biếng lười sanh ra tất cả tràng báu, hiểu các pháp như mộng tâm hoan hỷ sanh ra tất cả cung điện, báu nơi chư Phật trú. Căn lành không chấp trước, căn lành vô sanh sanh ra tất cả mây hoa sen báu, tất cả mây hương kiên cố, tất cả mây có vô biên sắc hoa, tất cả mây các thứ sắc màu diệu y, tất cả vô biên mây hương chiên-đàn thanh tịnh, tất cả mây diệu trang nghiêm lọng báu, tất cả mây hương đốt, tất cả mây vòng hoa báu, tất cả mây

đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh đều khắp pháp giới vượt quá các trời, các dụng cụ để cúng dường nơi Phật. Các Bồ-tát đó từ mỗi một thân mỗi tự sanh ra trăm ngàn ức na-do-tha Bồ-tát đông nhiều không thể nói, đều đầy khắp pháp giới, hư không giới, tâm đó ngang bằng so với chư Phật ba đời, vì từ pháp không điên đảo mà sanh khởi". Trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Bấy giờ Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai thành Đẳng chánh giác, xoay chuyển xe chánh pháp, nhập Đại Niết-bàn, ba thứ như vậy, phải biết là tướng gì?" Phật bảo Mạn-thù-thất-lợi: "Này thiện nam! Phải biết ba thứ đó đều không hai tướng, nghĩa là chẳng phải thành Đẳng chánh giác, chẳng phải không thành Đẳng chánh giác, chẳng phải xoay chuyển xe chánh pháp, chẳng phải không xoay chuyển xe chánh pháp, chẳng phải nhập Đại Niết-bàn, chẳng phải không nhập Đại Niết-bàn. Tại sao? Pháp thân Như Lai cứu cánh tịnh vậy. Hóa thân Như Lai thường thị hiện vậy". Giải thích rằng: "Chẳng phải thành Đẳng chánh giác là vì pháp thân cứu cánh thanh tịnh vậy, lìa thường kiến vậy, vào Đệ nhất nghĩa đế vậy. Chẳng phải chúng sanh thấy nghe vậy, chẳng phải không thành Đẳng chánh giác là vì hoa thân thường thị hiện vậy, lìa đoạn kiến vậy căn cứ theo Tục đế vậy, tùy tâm chúng sanh căn cơ thuần phục mà hiện vậy. Nhưng pháp thân báo thân tuy phận mà chân hoa chỉ một ngằn mé. Lại, pháp thân khắp cùng có hai: Một là, tùy tướng mỗi khác biệt khắp, vì pháp thân ở khắp trong đất cả tướng lớn nhỏ mà chẳng hoại tướng vậy. Hai là, tròn chưa gồm thâu khắp vì pháp thân không tướng hay dung tất cả tướng có, tổng gồmquy về một thể vậy. Sắc thân tức là dụng khắp của thể, trí thân tu thành như khắp của thể, loại thì mười thân trái ảnh tán phân trong mười cõi, một thể phân sáng chẳng động trong một mảy trần, sắc thân như ảnh của mặt nhật tùy hiện ở thế gian, trí thân tợ ánh sáng của mặt nhật soi chiếu pháp giới. Lại các căn trong thân nhật, mỗi mỗi tướng tốt đều khắp pháp giới, vì thể các căn đồng vậy. Như nhãn làm cửa, tướng tốt các căn và cõi nước Phật không gì chẳng đều là hiện trong một nhãn, như trong kinh nói: Trong thân chúng sanh có mắt Như Lai, thân Như Lai... Vì pháp thân Phật cùng với tánh chúng sanh, thể không riêng biệt vậy, đều từ không tánh mà khởi, khởi chẳng trái ngược chân. Nhân pháp giới mà sanh, sanh chẳng ngại sự. Do đó tất cả chư Phật ở nơi tất cả thế giới đều là xứ đắc Bồ-đề. Nếu dùng chân thân thì xứng tánh khắp cùng, nếu dùng ứng thân thì tùy cơ hiện khắp. Do đó Tôn giả Thiên Thân nói: "Sơ lược về cùng đi vào nhau là chư Phật có hai thứ thân: Một là, pháp thân pháp tánh. Hai là, pháp thân phương tiện. Do pháp thân

pháp tánh nên sanh pháp thân phương tiện. Do pháp thân phương tiện nên hiện ra pháp thân pháp tánh. Hai thứ thân đây khác mà chẳng thể phân, một mà chẳng thể đồng, cho nên sơ lược về cùng đi vào nhau là pháp thân không tướng vậy thì hay không chẳng tướng, cho nên tướng tốt trang nghiêm tức là pháp thân vậy. Pháp thân không biết vậy thì hay không chẳng biết, cho nên nhất thiết chủng trí tức là trí tuệ chân thật". Nên trong luận Hoa Nghiêm nói: "Tướng tốt pháp thân một ngằn mé không sai". Trong lời tựa khởi tín luận sớ của Hiểu công nói: "Nguyên, phàm Đại thừa đó làm gốc vậy, thâm trầm mà tịch diệt, lắng vậy rỗng không huyền,hoặc. Huyền đó lại huyền đâu vượt ngoài muôn tượng. Tịch đó lại tịch, còn tại đàm nói của trăm nhà, chẳng phải ngoài tượng vậy. Năm mắt chẳng thể thấy hình dung đó, lại trong ngôn từ vậy. Bốn biện chẳng thể bàn tướng trạng đó". Đó nói rõ chân thể cùng tất cả các pháp chẳng phải một chẳng phải khác. Trong lời tựa Hoa Nghiêm kinh sớ nói: "Ngầm chân thể ở vức của muôn hóa, hiển đức tướng nơi cửa trùng huyền". Ký Thích nói: "Đây nói rõ vô ngại thì các pháp chẳng phải một hay khác vậy". Như Triệu công nói: "Đạo xa vậy thay! Xúc sự mà chân, cũng thể tức muôn hóa vậy", nên nói ngầm chân thể ở vức của muôn hóa, hiển đức tướng nơi cửa trùng huyền nói rõ tướng chẳng ngại thể vậy. Trùng huyền tức là lý thể, nói rõ đức tướng chỉ tại trên thể, nếu lìa thể có tướng, tướng chẳng phải huyền diệu, tướng của thắng đức, gọi là đức tướng, nói trùng huyền là mượn lời của Lão tử. Lão tử nói: "Huyền đó lại huyền, cửa của các diệu". Kia lấy có tên không tên đồng gọi đó là huyền. Hà Thượng Công nói: "Trời tức tự nhiên, thì tự nhiên cũng tự nhiên vậy, y cứ đây mà sanh muôn vật nên nói cửa của các diệu". Nay, trong Tông Kính cũng lại như vậy. Không pháp nào chẳng gồm thâu, không đức nào chẳng đầy đủ, có thể gọi là chỉ diệu u huyền của tâm vậy. Thanh Lương Ký nêu dẫn trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

"Phật lấy pháp làm thân,
Thanh tịnh như hư không".

Hỏi rằng: Thân Phật đã như hư không, bởi duyên gì hiện ở kim sắc...? Cớ sao khiến người tỏ ngộ ở hư không?

Đáp: Đây có ba ý: Một là, thể tuy không tướng, vì vật hiện tướng, vật thích nghi thấy, nên tùy ý người khác vậy. Hai là, nếu chẳng hiện tướng, cớ sao khiến người tỏ ngộ ở không tướng, như bất nhân nói đâu hiển lý của không lời. Ba là, nói như hư không, là thủ lấy không tướng thanh tịnh đó, chẳng phải lìa tướng mà tìm cầu, tướng tức không tướng,

chẳng trái với không vậy. Trong kinh có kệ tụng rằng:

“Phật ở pháp tánh thật sâu mầu,
Tịch diệt không tướng đồng hư không,
Mà ở trong Đệ nhất thật nghĩa,
Thị hiện các thứ việc sở hành”.

Một bài kệ này gồm thâu ba ý trước. Trong Triệu Luận nói: “Dụng tức tịch, tịch tức dụng. Dụng chủ ở dụng vậy. Tịch dụng nguyên là một thể, đồng từ lý ra mà có tên khác vậy, nên nói thể của Bát-nhã chẳng phải có chẳng phải không, hư chẳng mất chiếu, chiếu chẳng mất hư, nên nói chẳng động Đẳng giác mà dựng lập các pháp, như gương soi ảnh tượng. Hư chẳng mất chiếu, tợ mặt nhật giữa không trung, chiếu chẳng mất hư. Lại chẳng động đẳng giác mà dựng lập các pháp, thì tịch mà thường dụng, chẳng hoại duyên sanh mà quán thật tướng thì dụng mà thường tịch, đó mới là ngân sai muôn dụng riêng tướng khác tên, đều đồng ra một chân tâm thể vậy. Do đó lại nói: Kinh xưng thánh nhân vô vi mà không chỗ chẳng làm. Vô vi nên tuy động mà tịch, không chỗ chẳng làm nên tuy tịch mà động. Tuy tịch mà động nên vật chẳng thể một, tuy động mà tịch nên vật chẳng thể hai. Vật chẳng thể hai nên càng động càng tịch. Vật chẳng thể một nên càng tịch càng động, pháp tánh như vậy, động tịch khó lường. Sao có thể một tịch đó mà hai động đó ư? Nên tên chẳng thể tên, tướng chẳng thể tướng vậy. Lại nói: Do đó Thánh nhân dấu huyền có nói điềm chưa hiện, tàng minh vận ở đã hóa, gần sáu hợp để soi tâm, một đi lại để thành thể. Xưa nay không thủy chung, đồng cùng gốc tận ngọn, không gì cùng hai, rộng lớn quân bình lớn. Mới gọi là Niết bàn. Do đó huyền có của Thánh nhân dự xét mầm nhọn ở tương lai. Việc của chưa điềm hiện, ngầm vận duyên của quá khứ đã biến hóa thì gương tâm hay chiếu muôn sự, mười phương ba đời không có sót thừa. Xưa nay đi lại, thủy chung gốc ngọn. Không gì chẳng đồng thể của một tâm không hai. Do đó trong kinh Nhập phật Cảnh Giới nói: “Như Lai như thật biết bản tế trung tế và hậu tế. Như pháp bản tế kia chẳng sanh, vị lai tế chẳng đi, hiện tại tế chẳng dừng. Như thật biết vết chân pháp kia, như một pháp tất cả pháp cũng như vậy, như tất cả pháp một pháp cũng như vậy. Văn-thù-sư-lợi mà một nhiều không thể được”, nên biết chúng sanh và Phật đồng một trang nghiêm đồng một từ tâm, đồng một bi thể. Như trong kinh chư Pháp Vô Hành nói: “Văn-thù-sư-lợi nói: “Tất cả chúng sanh đều thành tựu đại bi gọi là tướng chẳng động”. “Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là việc là tướng chẳng động?” “Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh không khởi tướng không làm,

đều vào trong pháp bình đẳng của Như Lai, chẳng qua ngoài tánh đại bi. Vì phiền não và đại bi không phân biệt vậy, cho nên tất cả chúng sanh đều thành tựu đại bi, gọi là tướng chẳng động". Nên biết muôn pháp chẳng động. Phiền não và từ bi nào phân, một chân chẳng phải dời đổi, dơ sạch ai riêng biệt. Nhưng tuy hiện trang nghiêm, đều như Hải Ấn. Như các bậc Cổ đức nói: cho là biển Hương lắng dừng, trong lắng chẳng động, sắc thân hình tượng trong bốn thiên hạ đều ở trong đó mà có vững in, như ấn in vật, cũng như lắng sóng muôn khoảnh, trời trong không mây, bày vầng nguyệt muôn sao sáng ngời đều hiện, không lại không đi, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng một chẳng khác, biển trí Như Lai sóng thức chẳng nổi, dừng lắng trong sạch, rất sáng rất lặng, không tâm chóng hiện tâm niệm căn dục của tất cả chúng sanh. Tâm niệm căn dục đều tại trong trí, như biển ngậm muôn tượng. Nên trong kinh có kệ tụng rằng:

"Như biển hiện khắp thân chúng sanh,
Lấy đó gọi tên là biển lớn,
Bồ-đề in khắp các tâm hạnh,
Cho nên Chánh giác là vô lượng".

Chẳng phải chỉ trí hiện tâm vật, cũng phải y tựa trí đây chóng hiện muôn hình, ứng khắp các loại. Trong phẩm Hiền Thủ có bài kệ tụng rằng:

"Hoặc hiện hình đồng nam đồng nữ,
Trời rồng cùng với A-tu-la,
Cho đến cả Ma-hầu-la-già,
Tùy chỗ vui thích khiến đều thấy.
Hình tướng chúng sanh mỗi chẳng đồng,
Hành nghiệp âm thanh cũng vô lượng,
Như vậy tất cả đều hay hiện,
Hải ấn Tam-muội sức oai thần".

Vì sức của Hải ấn Tam-muội này chóng hiện tất cả, vì chúng sanh không biết, nên Phật dùng phương tiện ban bày giáo tích. Cho nên người xưa nói: "Phật dấy khởi do chúng sanh mê thật, nói pháp chỉ bày nói chân thật, chẳng động chân tế, dựng lập các pháp, thì tánh chẳng thể hoại. Đó thì Thiên ma ngoại đạo v.v... đều là pháp ấn nên không thể hoại. Vả lại, như năm nghịch bốn ma còn pháp giới ấm, huống gì tịnh trí vô lậu, tướng tốt nhất chân mà có thể chương diệu chỉ của thật tướng ư? Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Cửa từ thanh tịnh nhiều vô số,

Cùng sanh một diệu tướng Như Lai,
Mỗi mỗi các tướng chớ chẳng vậy,
Cho nên người thấy không chán đủ”.

Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

“Thấu rõ tướng tội phước,
Khắp soi cả mười phương,
Pháp thân sạch vi diệu,
Đầy đủ ba hai tướng”.

Thì pháp thân là ấn của tất cả pháp, không có một pháp nào vượt ngoài văn ấn đây. Thai giáo nói: “Như trong kinh Vô Hành nói: “Ngũ nghịch tức Bồ-đề, Bồ-đề tức ngũ nghịch”. Nghịch và Bồ-tát chẳng vượt ngoài tâm tánh, nên không hai tướng thể. Đã không hai nên không thể hoại. Vì nghịch xưa nay không tự tánh vậy. Khổ tức thật tướng. Ấm ma tử ma tức pháp giới ấn. Phiền não tức thật tướng, Thiên ma tức pháp giới ấn. Ma đã là tức ấn, ấn đâu hoại ấn”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Có Bồ-tát dạy người tu không, dứt đoạn tất cả niệm, về sau mới khởi một niệm có tâm, bên là ma động, tức liền nghĩ nhớ chỗ vốn tu không, ma do đó mà diệt. Tu không còn vậy, huống gì lại quán đó tức ấn”. Vậy biết, tâm có tức bó buộc tâm không tức cởi mở, nếu rõ nơi tâm, nào bó buộc nào cởi mở?

Hỏi: Tâm không tự tánh, sanh diệt không thường, thể dụng đều không, làm sao khởi hành?

Đáp: Tuy tự thể thường không, chẳng hoại nhân quả của duyên sanh, mà không có tác giả, sao mất cửa nghiệp của thiện ác. Nên trong luận Tâm Vương nói: “Quán tâm không vương, huyền diệu khó lường, không hình không tướng, có đại thần lực, năng diệt ngàn tai, thành tựu muôn đức, Bản tánh tuy không, hay bày phép tắc, xem đó không hình, gọi đó có tiếng, làm tướng pháp lớn trì giới truyền kinh, vị mặn trong nước, keo xanh trong sắc, quyết định là có, chẳng thấy hình đó, tâm vương cũng vậy, dừng ở trong thân, vào ra cửa mặt, ứng vật tùy tình tự tại vô ngại, việc làm đều thành”. Trong Thanh Lương Sở Thích kinh nói: “Pháp giới như huyễn là tức thể tùy duyên. Tất cả các pháp như thật tế, tức sự mà tịch, người đời đều gọi là thật tế chẳng biến, mà cho là các pháp vô thường. Lý thật viên dung, tướng của thế gian tức là thường trú”. Nhưng các bậc cổ đức dùng bảy thí dụ dần dà giải thích nghi ngờ: Nghi ngờ thứ nhất là lửa huyễn thế gian chẳng thành tựu dụng thiêu đốt. Phật hiện làm lợi ích vật, đâu đồng huyễn ư? Giải thích rằng: Như ảnh cũng có nghĩa chất ấm che râm v.v... đâu là thật ư? Nhưng các

pháp dụ, mỗi mỗi có ba nghĩa: Một là, nghĩa duyên thành. Hai là, nghĩa không thật. Ba là, nghĩa có dụng. Ý lấy không thật nên chẳng chấp trước vậy. Nghi ngờ thứ hai là, nếu Phật như ảnh. Bồ-tát lấy gì khởi hành đốn cầu. Nhân đã không hư, quả sao chẳng phải thật? Giải thích rằng: Như mộng, mộng cũng có ba nghĩa, không thể hiện thật, cùng giác làm duyên, nghĩa là có mộng chạy mà cảm giác kinh sợ vậy. Bồ-tát hạnh cũng vậy, chương lý nên không. Vô minh chưa hết nên tợ thật, hay cùng Phật quả làm duyên, chuyên cần dõng mãnh không thôi, chợt nhiên giác ngộ, như mộng vượt qua sông. Nghi ngờ thứ ba là, nếu Bồ-tát hành như mộng, cớ sao trong kinh nói đây là hạnh Bồ-tát? Đây là hạnh Nhị thừa? Giải thích rằng: Như hưởng duyên thành vốn không xứng tiếng lớn nhỏ, Thánh giáo cũng vậy. Có cảm vốn không, tùy có nghe khác. Nghi ngờ thứ tư là, Quả hạnh có thể vậy, thế gian chưa tỏ ngộ, đây nên là thật. Giải thích rằng: Như biến hóa tâm nghiệp, do thần lực duy trì, không thật có dụng. Nghi ngờ thứ năm là, nếu đều như hóa, sao có thân sai biệt? Giải thích rằng: Như huyễn. Nghi ngờ thứ sáu là, nếu thân như huyễn, sao có các loại quả báo chẳng đồng? Giải thích rằng: Như tâm, vì tâm không hình nên như huyễn vậy. Tuy như huyễn chẳng định, không có tự tánh, nhưng tùy duyên hiện hay thành các thiện, như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Vị Đại Bồ-tát lại quán niệm rằng: Pháp duyên khởi này, nhân quả chẳng hoại. Tuy là tự tánh tâm đó, không có tự tánh, không có tác dụng, không có chủ tể, nhưng các pháp nay y tựa nhân duyên mà được sanh khởi. Ta phải tùy chỗ ưa thích đó mà tích tập căn lành. Đã tích tập rồi tu hạnh tương ưng, trọn chẳng xả bỏ pháp tánh tâm đó". Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Đại Bồ-tát thế nào là tướng tích tập trong đây? Xá-lợi-phất! Vị Đại Bồ-tát quán niệm như vậy: "Tướng của tích tập là bản tánh tâm, giống như huyễn hóa, không có một pháp mà có thể thì là pháp tánh tâm mà hay bố thí tất cả chúng sanh, hồi hướng tích tập trang nghiêm cõi Phật", thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bản tánh tâm mà hay tích tập gìn giữ Thi-la, đều vì hồi hướng tác dụng thần thông, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bản tánh tâm đó giống như dương diệm, rốt ráo diệt hết là pháp tánh tâm mà hay tu tập tất cả các sức có thể an lạc nhẫn nhục, hồi hướng tích tập trang nghiêm Bồ-đề, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bản tánh tâm là như trăng trong nước, rốt ráo xa lìa tướng của tích tập là pháp tánh tâm mà hay phát khởi tất cả chánh cần, hồi hướng thành thục vô lượng Phật pháp, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bản tánh tâm là không thể thủ đắc, không thể trông thấy là pháp tánh tâm

mà hay tu tập tất cả tĩnh lự, giải thoát Tam-ma-địa, Tam ma bát để, hồi hướng chư Phật thắng Tam-ma-địa, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Quán tánh tâm này vốn chẳng phải sắc tướng. Không thấy không đối, không thể rõ biết là pháp tánh tâm mà hay tu tập tất cả tuệ cú, sai biệt thuyết trí, hồi hướng viên mãn trí tuệ chư Phật, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa Xá-lợi-phất! Tâm không chỗ duyên, không sanh không khởi là pháp tánh tâm mà hay dựng lập vô lượng thiện pháp, nhiếp nhận sắc tướng. Như vậy gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Tâm không chỗ nhân, cũng không chỗ sanh là pháp tánh tâm mà hay nhiếp thọ pháp nhân giác phần, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Tâm tánh xa lìa sáu thứ cảnh giới, cũng chẳng sanh khởi, là pháp tánh tâm mà hay dẫn phát cảnh giới Bồ-đề nhân chỗ sanh tâm, thì đó gọi là tích tập thiện căn. Xá-lợi-phất! Như vậy, gọi là vị Đại Bồ-tát y tựa Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên đối với tất cả tâm, tùy tâm quán sát, tu tập niệm trú. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Đại Bồ-tát lại y tựa Bát-nhã ba-la-mật-đa nên đối với tất cả trí tùy tâm quán, vì cầu chứng đắc thắng thần thông vậy, trói buộc tâm đó tu tập thông trí. Đắc thần thông rồi chỉ dùng một tâm mà hay khéo biết tất cả tướng tâm, đã rõ tâm rồi y tựa tự thể tâm, tuyên giảng các pháp”. Lại nói: “Vua trời Hóa Lạc bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Bảo Tế kia là khắp tất cả xứ, không có một pháp mà chẳng phải là thật tế. Bạch Đức Thế Tôn! Nói là Bồ-đề, cũng là thật tế. Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-đề? Tất cả các pháp là Bồ-đề, lìa tự tánh vậy. Cho đến nghiệp ngũ vô gián cũng không tự tánh, cho nên nghiệp vô gián cũng là Bồ-đề”. Do đó, rõ bản tánh tâm tự thể không sanh, nói giáo của không tánh, tùy duyên tịnh mà không tánh thành Phật, tùy duyên nhiễm mà không tánh làm phàm, chẳng thấy một mảy bụi trần tạm vượt ngoài lý không tánh, chưa có một niệm có thể trái với môn bình đẳng. Do đó, trong kinh Đại Bát-nhã có bài kệ tụng rằng:

“Có pháp chẳng thành có pháp,
Không pháp chẳng thành không pháp.
Có pháp chẳng thành không pháp,
Không pháp chẳng thành có pháp”.

Giải thích rằng: Có chẳng thành có, không chẳng thành không là vì một thể nên không năng thành và sở thành. Có chẳng thành không, không chẳng thành có là tự đã chẳng thành, sao có thể thành tha? Nên biết mỗi mỗi không tự thể qua lại mà thành tựu. Trong kinh Đại Tập nói: “Tất cả nói pháp rốt ráo không sanh. Tất cả các pháp không tánh

không sanh không khởi không xuất. Do vì duyên chẳng sanh nhân, nhân chẳng sanh duyên, tự tánh chẳng sanh tự tánh, tha tánh chẳng sanh tha tánh, tự tánh chẳng sanh tha tánh, tha tánh chẳng sanh tự tánh. Cho nên nói tất cả các pháp tự tánh không sanh". Trong kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Vương sở vấn nói: "Bấy giờ Bồ-tát Phổ Hoa nói cùng Xá-lợi-phất rằng: "Ông nhập diệt tận định hay nghe pháp chăng?" Đáp: "Này thiện nam! Nhập diệt tận định, không có hai hành mà hay nghe pháp vậy". Lại hỏi: "Đại Đức Xá-lợi-phất! Ông tin các pháp đều là tự tánh diệt tận chăng?" Đáp: "Đúng vậy các pháp đều là tướng của tự tánh diệt tận. Tôi tin thuyết đó". Bồ-tát Phổ Hoa nói: "Nếu là như vậy thì Xá-lợi-phất! Thường tất cả mọi lúc chẳng thể nghe pháp. Tại sao? Vì tất cả các pháp thường là tướng của tự tánh diệt tận. Do vì các pháp vốn không, chỉ là duyên khởi, duyên hội thì tợ như có, duyên tan thì tợ như không, có và không chỉ là nhân duyên muôn pháp vốn không sanh diệt. Như vàng thật tùy người thợ mà thành vật dùng, tức thể vàng chẳng biến đổi. Tợ hang cốc rỗng mặc tình nhân duyên mà tiếng vang phát ra, cùng với pháp tánh không trái nghịch. Như có bài tụng rằng:

"Như người đào đường đất,
Người riêng tạo làm tượng,
Người ngu nói tượng sanh,
Người trí nói đường đất.
Về sau quan muốn đi,
Lại đem tượng chấn đường,
Tượng vốn không sanh diệt,
Đường cũng chẳng mới cũ."

Vậy biết chỉ là một đất, sanh diệt chỉ là nhân duyên, liệt như một tâm muôn pháp lại không trước sau. Tại sao? Lúc đào đường thành tượng, đất cũng chẳng giảm, lúc đem tượng trở lại bít đường, đất cũng chẳng tăng. Vì chẳng mất đất gốc vậy. Như lúc thành Phật tâm cũng chẳng tăng, lúc làm phàm, tâm cũng chẳng giảm, vì lúc tâm tùy duyên chẳng mất tự tánh vậy. Lại, tượng sanh chỉ là duyên sanh, tượng diệt cũng theo duyên diệt, tượng không tự thể vậy. Như thành thật chỉ là duyên tịnh danh, làm phàm cũng là duyên nhiễm khởi. Phàm Thánh vốn không sanh vậy". Vậy biết muôn pháp theo duyên đều không tự tánh, xưa chưa từng sanh, nay cũng không diệt, như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có kệ tụng Quán Huyễn rằng:

"Việc lành chúng hội đây,
Từ xưa chưa từng làm,

Tất cả pháp cũng vậy,
Đều đồng như khoảng trước”.

Do vì ngay lúc làm, là không làm vì không người làm vậy, ngay lúc làm là chẳng làm vì không tự tánh vậy, mặc tình theo muôn pháp tung hoành, thường đồng như lúc chưa sanh. Giả sử quần sanh ẩn hiện, chẳng lìa tông không tánh. Lại nữa, xưa trước có Cư sĩ Bàng Uẩn bảo người con gái là Linh Chiếu rằng: “Ta phải đi trước, ngươi có thể lại sau, đang đợi đến giữa trưa, có thể ve đây lột vỏ vậy”. Linh Chiếu nói: “Ngọ tức ngọ vậy, có nguyệt thực”. Cư sĩ Bàng Uẩn lấy làm quái lạ, tự đến cửa sổ, Linh Chiếu liền lên ngồi chỗ của cha, bỗng chốc mà xả báo thân, Cư sĩ Bàng Uẩn cười bảo: “Thật là nhanh nhẹn bén nhọn! Hoa đốm hư không rơi ảnh, dương diệm vụt gợn sóng. Ta nói đi trước mà trở lại đi sau”. Bèn đến Vu Tướng công làm tang chủ, bảo Vu công rằng: “Chỉ mong không các chỗ có, thận trọng chớ thật các chỗ không”. Nói xong, bèn cũng qua đời. Đó cũng chẳng rơi lạc và chấp của có và không, khéo được yếu chỉ không sanh vậy.

Hỏi: Bồ-đề tức tự thân tâm. Cớ sao trong giáo nói Bồ-đề chẳng thể dùng thân tâm đắc?

Đáp: Phàm nói đạo của Bồ-đề tức tâm, đó là tâm tự tánh thanh tịnh trong lắng chẳng động, bởi vì là chân trí không tướng cũa chánh giác. Đạo đó hư huyền diệu tuyệt cảnh thường, người thông không có gì lấy để hình dung cái nghe đó, người trí không có gì để vận cái biết đó, người biện rành không có gì dùng đề bày lời đó. Người làm tượng không có gì để tả cái dáng đó đó. Vì người mê chẳng rõ, chấp sắc ấm làm tự thân, nhận năng biết làm tự tâm. Nên trong kinh nói: “Thân như cây cỏ không chỗ hay biết, tâm như huyễn hóa hư vọng chẳng thật. Do vì trừ tâm chấp thủ đó nên nói Bồ-đề không thể dùng thân tâm đắc vậy. Bồ-đề chẳng phải là xúc trần, không thể dùng thân đắc. Bồ-đề chẳng phải là pháp trần không thể dùng tâm đắc. Nếu đến lúc người tỏ ngộ tức đạt ấm thân vốn không, vọng tâm không tướng. Vì vốn không nên pháp thân thường hiện, vì không tưởng nên chân tâm chẳng khuyết, như vậy, phát minh ngũ ấm tức Bồ-đề, lìa đó là không Bồ-đề, không thể lấy Bồ-đề mà cầu Bồ-đề, không thể lấy Bồ-đề mà đắc Bồ-đề. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: “Trong kinh Duy-ma nói: Chẳng quán là Bồ-đề, lìa các duyên vậy. Bồ-đề chẳng phải là cảnh sở quán, thì không tâm năng duyên, cảnh sở quán không tức thật tướng Bồ-đề, tâm năng duyên lắng tức tự tánh Bồ-đề”. Trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Long Cát Tường nói: “Lại có người năng chứng Bồ-đề ư?” Diệu Cát Tường đáp:cũng có. Long Cát

Tường hỏi:ai là người chứng?diêu cat tường đáp:nêu không có tên họ, lời lẽ khái niệm đó là năng chứng... năng chứng Diệu Cát Tường đáp: "Tâm đó không sanh không nghĩ nhớ Bồ-đề, và Bồ-đề tòa, cũng chẳng xét nghĩ tất cả chúng sanh. Vì không phô bày tâm, không thấy tâm v.v... năng chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề". Long Cát Tường nói: "Như vậy, Tôn giả! Dùng những tâm v.v... gì, sẽ đắc Bồ-đề?" Diệu Cát Tường đáp: "Ta không sở thú cũng chẳng phải năng thú, đều không chỗ học, chẳng phải ta tương lai đến gốc Bồ-đề, ngồi tòa Kim Cang chứng đại Bồ-đề, chuyển diệu pháp luân cứu tế sanh tử. Tại sao như vậy? Các pháp chẳng động, không thể phá hoại, không thể gồm lấy, rốt ráo không tịch, ta dùng tâm chẳng phải thú hướng như vậy v.v... sẽ đắc Bồ-đề". Long Cát Tường nói: "Điều Tôn giả nói đều y theo thắng nghĩa, khiến các hữu tình tin hiểu pháp đó, giải thoát phiền não. Nếu các hữu tình tin hiểu pháp đó, giải thoát phiền não, nếu các hữu tình phiền não giải thoát, bèn hay rốt ráo phá dẹp lưới ma". Diệu Cát Tường bảo: "Lưới giăng của ma không thể phá hoại. Tại sao như vậy? Ma là chẳng khác Bồ-đề nói thêm. Tại sao? Ma và ma quân, tánh đều chẳng phải có, đều chẳng thể được, cho nên ta nói ma là chẳng khác Bồ-đề nói thêm". Long Cát Tường hỏi: "Bồ-đề là sao?" Diệu Cát Tường đáp: "Bồ-đề là khắp các thời gian nơi chốn trong tất cả các pháp. Thí như hư không đều không chướng ngại, nơi pháp thời gian nơi chốn không đâu chẳng có. Bồ-đề cũng vậy. Không chướng ngại khắp tại trong tất cả pháp thời gian nơi chốn. Bồ-đề như vậy là Vô thượng. Nay nhân giả muốn chứng Bồ-đề nào ư?" Long Cát Tường nói: "Muốn chứng Vô thượng". Diệu Cát Tường bảo: "Nay ông nên Chánh Vô thượng Bồ-đề, chẳng phải pháp có thể chứng. Ông muốn chứng là bèn hành hý luận. Tại sao? Vô thượng Bồ-đề lìa tướng tịch diệt, nay nhân giả muốn thủ lấy tức thành hý luận vậy. Thí như có người nói rằng: "Ta khiến Huyễn sĩ ngồi tòa Bồ-đề, chứng Huyễn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề". Nói như vậy rất là hý luận. Vì các Huyễn sĩ còn chẳng thể được, há khiến năng chứng huyễn đại Bồ-đề. Huyễn ở pháp huyễn, chẳng phải hợp, chẳng phải tan, không lấy không bỏ, tự tánh đều không. Chư Phật Thế Tôn giảng nói tất cả các pháp, không thể phân biệt, đều như việc huyễn. Nay ông muốn chứng Vô thượng Bồ-đề, há chẳng tiện thành pháp huyễn phân biệt. Nhưng tất cả các pháp đều chẳng phải thủ lấy, cũng không thể xả bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp ở nơi pháp hay có tạo tác và có hoại diệt, không pháp ở nơi pháp hay có hòa hợp và có phân biệt. Cớ sao như vậy? Vì tất cả các pháp chẳng phải hợp chẳng phải tan, tự tánh đều không, lìa ngã và

ngã sở, đồng như hư không giới, không nói không bày, không tán thán không phá hủy, không cao không thấp, không tổn hại không ích lợi, không thể tưởng tượng, chẳng thể hý luận, bản tánh hư lắng đều rốt ráo không, như huyễn như mộng không đối lập không so sánh, sao có thể đối với kia mà khởi tâm phân biệt?" Long Cát Tường nói: "Tốt lành thay, Tôn giả! Nay tôi do đây hẳn định đắc Bồ-đề. Tại sao? Do Tôn giả vì tôi mà giảng nói pháp sâu mầu vậy". Diệu Cát Tường bảo: "Nay đây tôi chưa từng giảng nói gì cho ông, hoặc hiển hoặc mật, hoặc cạn hoặc sâu. Cớ sao có thể khiến ông chứng đắc Bồ-đề, tại sao như vậy? Tự tánh các pháp đều không thể nói. Ông cho rằng tôi nói pháp sâu mầu, là hành theo hý luận, nhưng tôi thật chẳng phải người hay nói, tự tánh các pháp cũng không thể nói: "Như có người nói "Tôi có thể biện nói tướng thức của Huyễn sĩ". Nghĩa là thức của các Huyễn sĩ có như vậy, sai biệt như vậy". Người ấy do lời nói đó mà hại lời nói chân thật của mình. Tại sao? Phàm Huyễn sĩ còn chẳng phải chỗ thức, huống gì là có tướng thức. Nay ông cho rằng tôi giảng nói pháp sâu mầu khiến ông chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, cũng lại như vậy, vì tất cả các pháp đều như việc huyễn, rốt ráo tánh không, còn không thể biết, huống gì là có tuyên nói. Do vì tánh của tất cả chúng sanh tức là không tướng bình đẳng Bồ-đề. Ở trong tự tánh, làm sao có sai biệt của năng chứng sở chứng ư?" Như trong kinh Bát-nhã nói: "Tự tánh giác pháp, lìa các phân biệt, là Bồ-đề vậy". Lại cũng trong kinh nói: "Các chỗ có hành, đều có chỗ phải, không chỗ phải, là Bồ-đề. Tại sao? Nếu có chỗ phải, tức lập cảnh sở chứng, bèn có tâm năng chứng. Nói năng sở hết, gọi là Đại giác. Nghĩa của Đại giác chỉ ngộ tự tâm". Như trong kinh Tỳ-lô-giá-na thành Phật nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Ai tìm cầu Nhất thiết trí? Ai vì Bồ-đề thành chánh Đẳng chánh giác? Ai phát khởi trí Nhất thiết trí?" Phật bảo: "Bí mật chủ, tự tâm tìm cầu Bồ-đề và Nhất thiết trí? Tại sao? Vì bản tánh thanh tịnh vậy, tâm chẳng tại trong, tâm chẳng tại ngoài và tại khoảng giữa, tâm chẳng thể được vậy cho đến muốn hay biết Bồ-đề phải hay biết tự tâm như vậy". Trong kinh Trang Nghiêm Bồ-đề tâm nói: "Phật dạy: Tâm Bồ-đề là chẳng phải có, chẳng phải đạo, lìa nói văn tự. Bồ-đề tức là tâm, tâm tức là chúng sanh, nếu hay hiểu như vậy, đó gọi là Bồ-tát tu Bồ-đề tâm". Vậy thì ngoài tâm không Bồ-đề, cầu nơi nào ư? Ngoài Bồ-đề không tâm, đắc ở đâu ư? Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết tất cả các pháp không tướng là tướng, tướng là không tướng, không phân biệt là phân biệt, phân biệt là không phân biệt, chẳng phải có là có, có là chẳng phải có, không làm

là làm, làm là không làm, chẳng phải nói là nói, nói là chẳng phải nói. Chẳng thể nghĩ bàn, biết tâm và Bồ-đề bình đẳng, Bồ-đề và tâm bình đẳng, tâm và Bồ-đề cùng chúng sanh bình đẳng". Lại có bài tụng rằng:

"Tuy cùng tận vị lai,
Đi khắp các cõi Phật,
Chẳng cầu diệu pháp đây,
Trọn chẳng thành Bồ-đề".

Nên biết tâm pháp diệu, nên đương thể tức phải nếu hướng ngoài xa cầu thì mất chân đạo. Nên nói: "Thiện Tài đồng tử đi khắp các bạn đạo mà chẳng ra ngoài rừng Sa-la. Đức Từ thị nhận thọ công một đời sẽ thành Phật, mà chẳng lìa một niệm biển tánh không sanh". Do đó, trong kinh Tịnh Danh nói: "Nếu Di-lặc chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là tất cả chúng sanh đều cũng nên đắc. Tại sao như vậy? Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng sẽ diệt độ. Tại sao như vậy? Chư Phật biết tất cả chúng sanh, rốt ráo tịch diệt tức tướng Niết-bàn, chẳng lại phải diệt, nên đã biết đã thành, chẳng lại phải thành, đã diệt chẳng lại phải diệt, nên biết đã thành, chẳng lại phải thành, đã diệt chẳng lại phải diệt. Vì người chưa biết nên phương tiện nói thành, phương tiện nói diệt. Nếu chấp phương tiện thì mất bản tông. Như trong kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: "Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Kim sắc nữ rằng: "Thể tánh ngũ ấm như vậy tức là thể tánh Bồ-đề, thể tánh Bồ-đề tức là thể tánh tất cả chư Phật. Như thể tánh ngũ ấm trong thân ngươi tức là thể tánh tất cả chư Phật, thể tánh chư Phật tức là thể tánh ngũ ấm tất cả chúng sanh, cho nên ta nói thân ngươi tức là Bồ-đề. Lại nữa, rõ biết ngũ ấm, gọi là rõ biết Bồ-đề. Tại sao? Chẳng phải lìa ngũ ấm mà Phật đắc Bồ-đề, chẳng phải lìa Bồ-đề mà Phật rõ biết ngũ ấm. Phương tiện đây biết tất cả chúng sanh đều đồng Bồ-đề. Bồ-đề cũng đồng tất cả chúng sanh, cho nên ta nói thân ngươi tức là Bồ-đề". Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Bồ-đề, gọi là tâm bình đẳng, không chỗ khởi vậy. Bồ-đề, gọi là chúng sanh bình đẳng, vốn không sanh vậy. Cho đến Bồ-đề là tánh tướng như vậy, gọi là chánh hạnh". Trong kinh Tư Ích có kệ tụng rằng:

"Bồ-tát chẳng hoại sắc,
Phát hành tâm Bồ-đề,
Biết sắc tức Bồ-đề,
Gọi là hành Bồ-đề.
Như sắc Bồ-đề vậy,

Đồng vào nơi tướng như,
Chẳng hoại các pháp tánh,
Gọi là hành Bồ-đề.
Chẳng hoại tánh các pháp,
Thì là nghĩa Bồ-đề,
Trong nghĩa Bồ-đề đó,
Cũng không có Bồ-đề,
Chánh hạnh Đệ nhất nghĩa,
Gọi là hành Bồ-đề".

Trong kinh Anh Lạc nói: "Phát tâm trú là người từ mới đầu đủ thứ trói buộc, chưa biết Tam bảo, cho đến gặp trong giáo pháp của Phật Bồ-tát mà khởi một niệm, bèn tin, phát tâm Bồ-đề, đã nói mới đầu từ phàm phu đầu tiên phát tâm rõ biết phát tâm trong đây gồm cả mới đầu và sau cùng".

Hỏi: Đây đã là mới đầu, sao được là đầy đủ các hạnh vị và đức của Phổ Hiền sau cùng

Đáp: Các bậc cổ đức giải thích đây lược có hai môn: Một là, môn hành bố thứ tự, nghĩa là từ nhỏ nhiệm đến nỗi rõ, từ cạn đến sâu, thứ tự nối nhau, theo từng cấp đến bờ kia. Hai là, môn viên dung gồm chung, tức là một vị đủ tất cả vị v.v... như trong kinh Hoa Nghiêm nói, cũng như trong Đại Phẩm v.v... một hạnh đủ tất cả hạnh. Trong đây có hai môn: Một là, môn duyên khởi do nhau. Hai là, môn pháp giới gồm chứa. Trong môn trước, quấy khắp tất cả thủy chung hạnh vị, vô biên biển hạnh đồng một duyên khởi, làm hạnh đức của Phổ Hiền. Do vì các duyên cùng trông, lược có hai nghĩa: Một là, căn cứ dụng do tương đãi, có nghĩa có lực và không lực, cho nên được tương cùng thâu nhau và cung vào nhau. Hai là, căn cứ thể do tương tác. Có nghĩa có thể và không thể, cho nên được tương tức và tương thị vậy. Lại có hai thứ Bồ-đề: Một là tánh tịnh; hai là viên tịnh. Theo duyên khởi tức là viên tịnh. Viên tịnh lại có hai: Một là, nói rõ duyên khởi, do muôn hạnh làm duyên vậy. Hai là, nói rõ tánh khởi, toàn là chân như tánh tịnh vậy. Như trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Chư Phật đấng phước tuệ,
Biết pháp thường không tánh,
Giống Phật theo duyên khởi,
Cho nên nói nhất thừa".

Lại có hai nghĩa: Một là, nghĩa ước về hành bố triển chuyển. Hai là, nghĩa ước về viên dung mở ngoặc vô ngại. Như Thiện Tài đồng tử

thấy Tiên nhân chấp tay, nơi mỗi mỗi Đức Phật trải qua vô lượng kiếp, nên biết ngắn dài khó nghĩ lường, kỳ đặc do ở đây. Như Bồ-tát Hiền Thủ nói: "Người tin Đại thừa còn là dễ, hay tin pháp này, gấp bội khó khăn. Vì tâm mới đầu tức đủ tất cả đức, nên khó tin vậy. Lại thiết bày trong mộng khiếp sợ kinh hãi khiến phát tâm Bồ-đề, còn được xưng là Đại Bồ-tát Ma-ha-tát, huống gì phát chánh tin, phát của khai phát như trong phẩm Như Lai tánh ở kinh Đại Niết-bàn nói: "Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Thế nào là người chưa phát tâm Bồ-đề, được nhân Bồ-đề?" Phật bảo: "Này Ca-diếp! Nếu có người nghe kinh Đại Niết-bàn đây mà nói ta chẳng cần phát tâm Bồ-đề, phỉ báng chánh pháp. Người đó tức trong mộng thấy ảnh tượng La-sát, trong tâm khiếp sợ, La-sát bảo rằng: Ôi! Này thiện nam! Nay nếu ông chẳng phát tâm Bồ-đề, ta sẽ giết chết mạng ông". Người đó kinh sợ, sau khi tỉnh giất mơ rồi phát tâm Bồ-đề. Người đó đến lúc mạng chung, nếu tại trong ba đường ác hoặc trong trời người lại tiếp tục nghĩ nhớ tâm Bồ-đề, phải biết người đó là Đại Bồ-tát Ma-ha-tát vậy".

Hỏi: Trong kinh Đức Phật nói người học pháp ta chỉ chứng mới biết. Nay nói Bồ-đề không thể dùng thân tâm để đắc, không tu không chứng, thì người mới phát tâm Bồ-đề thú hướng như thế nào?

Đáp: Nếu hay tin ngộ Bồ-đề là không tướng, không thể thủ lấy, không tánh không thể tu, rõ đạt như vậy tức là chân chứng. Như trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la Vương Sở Vấn nói: "Bồ-tát rồi lại nên tư duy rằng: "Trong đây các gì là ta? Ai làm pháp của ta, ai năng đắc thành Bồ-đề chư Phật?" là thân đắc ư? Hay là tâm đắc ư? Cho đến lúc quán như vậy, rõ ràng rành rẽ thấy thân tướng đó chẳng đắc Bồ-đề, cũng biết tâm đó chẳng đắc Bồ-đề. Tại sao? Vì các pháp không có dùng sắc chứng sắc, dùng tâm chứng tâm vậy. Nhưng kia trong giảng nói, biết tất cả pháp tuy không sắc không hình không tướng không rò rỉ, không thể trông thấy, không có chứng biết, cũng chẳng phải không chứng. Tại sao? Vì thân của tất cả các Đức Như Lai không có rò rỉ. Lại, thân Như Lai không rò rỉ nên tâm cũng không rò rỉ. Lại, tâm Như Lai không rò rỉ nên sắc cũng không rò rỉ". Nếu hay biết không sở phát năng phát tâm đây như vậy, nếu vào trong Tông Kính thì gọi là chân phát. Đã hay phát tâm bèn lại vì người khác mà chỉ bày, thì các Thánh đồng tán thán công đức không ngằn mé. Như trong kinh có kệ tụng rằng: "Phát tâm rốt ráo hai chẳng khác, hai tâm như vậy tâm trước khó, tuy tự chưa độ độ tha trước. Nên ta kính lễ mới phát tâm".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 23

Hỏi: Phàm đạo Bồ-đề không thể tính lường, nói về phương tiện một kỳ sao không chỉ bày. Thế nào là tướng của Bồ-đề?

Đáp: Nếu nói về Bồ-đề cứu cánh thì thể thường ngầm lặng. Như trong kinh Tịnh Danh nói: "Tịch diệt là Bồ-đề vì lìa các tướng vậy. Nếu dùng tướng của không tướng ở trong môn phương tiện không gì chẳng hiển bày khiến người mới phát tâm Bồ-đề phân minh không lầm hoặc vậy". Như các bậc Tiên đức nói: "Gọi là tịch diệt không hai, là tướng Bồ-đề, giống như gương sáng không tâm làm thể, soi chiếu làm dụng, hợp làm tướng đó, cũng tức dụng của tức thể ở trong Thiền tông, tự biết thể của tức dụng luôn tịch lắng, biết tịch lắng không hai, là tướng của tâm". Lại nói: "Lý trí tương nhiếp, vì lìa lý không trí, lìa trí không lý, như ánh sáng của châu ngọc vậy. Vì châu ngọc là thể, ánh sáng là dụng. Dụng chẳng lìa thể, thể chẳng lìa dụng. Ánh sáng chẳng lìa châu ngọc, châu ngọc chẳng lìa ánh sáng vậy.

Hỏi: Có niệm tức chúng sanh, không niệm tức là Phật, sao nói phàm Thánh đồng đẳng nhất như?

Đáp: Chúng sanh tuy khởi niệm, chẳng biết niệm vốn không niệm cùng không niệm của Phật đồng. Vọng rơi lạc trong có niệm. Phật đắc không niệm, biết niệm vốn không, chúng sanh tuy hiện tại ở trong niệm. Phật biết niệm tức không niệm, đó thì không niệm của Phật và không niệm của chúng sanh đồng nghĩa. Lại vì chúng sanh không biết niệm không nên đối với niệm thành sự tợ có sai biệt. Nếu thật rõ biết niệm không thể ở nơi cảnh khổ hay vui chẳng sanh chấp thọ. Tại sao? Vì cảnh từ niệm sanh. Tâm không thì cảnh nào có. Đã không có cảnh tương tục tự trừ. Năng sở đều không, ai sanh chấp thủ đắm trước. Đã không chấp thủ đắm trước, thì sanh tử tự không. Như trong kinh Viên Giác nói: "Biết là hoa đốm hư không tức không lưu chuyển, cũng không thân tâm nhận chịu sanh tử kia".

Hỏi: "Tông của tức tâm thành Phật là các chánh niệm thông suốt,

ý chỉ của thấy tánh đạt đạo là bản hoài của Linh thứu. Như nay tin chẳng kịp người, gọi là chẳng hiện chứng. Người tỏ ngộ xưa nay, xin chỉ bày phương hướng?"

Đáp: Nếu xác thực thấy không một người mà chẳng phải Phật, nếu chẳng tin không một Phật mà chẳng phải người, mê thì thường làm chúng sanh của Phật, ngộ thì thường hiện chứng Phật của chúng sanh, người và Phật chẳng khác, do vọng kiến thành sai, mê ngộ tuy khác mà bản tánh luôn chỉ một. Như ở thời quá khứ có Đức Phật hiệu là Trú Vô Trú, phát nguyện khiến tất cả chúng sanh trong nước mình đồng một ngày một giờ thành Phật, đồng một ngày một giờ diệt độ. Lại, trước hiền kiếp có Đức Phật hiệu là Bình Đẳng cũng nguyện nước ta và chúng sanh ở khắp mười phương cũng đồng ngày thành Phật và đồng ngày diệt độ. Như trong kinh Bảo Tích nói: "Lúc bấy giờ Diệu Tuệ đồng nữ lại thưa với Mục liên rằng: "Vì tôi nói chân thật như vậy, ở trong tương lai sẽ được thành Phật, cũng như Đức Thích-ca Như Lai ngày nay, cho đến nếu tôi nói đây chẳng phải hư vọng thì khiến tất cả đại chúng đây thân đều sắc màu vàng ròng". Nói lời ấy rồi, cả đại chúng đều vàng ròng". Lại, trong kinh Tư Ích nói rằng: "Bồ-tát Tư Ích phóng ánh sáng báu từ cánh tay phải, tất cả bốn chúng thân tướng đều như tướng Phật. Bốn vị Bồ-tát ở phương dưới vọt ra muốn đảnh lễ Đức Thế Tôn, mới phát nguyện rằng: "Nay chúng hội đây thân tướng sắc màu không khác, cúi mong Đức Thích-ca Như Lai hiện thân tướng khác để cho chúng con đảnh lễ". Khi ấy Đức Thích-ca Như Lai liền hiện thân cao lớn bằng bảy cây đa-la ngồi nơi tòa sư tử". Lại, trong kinh Tối Thắng Vương nói rằng: "Phật dạy: Tu hạnh Bồ-đề là đối với các cảnh Thánh, thể chẳng phải một hay khác, chẳng xả bỏ nơi tục, chẳng lìa nơi châu y tựa nơi pháp giới mà hành hạnh Bồ-đề". Khi ấy, Thiện nữ Thiên thưa Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Như điều nói trên, chánh hạnh Bồ-đề, nay con phải học". Khi ấy, Phạm Thiên Vương hỏi rằng: "Hạnh Bồ-đề đây khó thể tu hành, nay ngươi làm sao đối với hạnh Bồ-đề mà được tự tại?" Thiện nữ Thiên đáp: "Nay tôi y tựa pháp đây mà được trú an lạc. Đó là lời nói chân thật vậy, nguyện khiến tất cả vô lượng vô biên chúng sanh ở trong đời xấu ác năm trược đều được thân hình vàng ròng đủ ba mươi hai tướng tốt, chẳng phải nam chẳng phải nữ, ngồi tòa sen báu hưởng thọ vô lượng an lạc". Cho đến, nói lời ấy rồi, tất cả chúng sanh ở trong đời xấu ác năm trược, thảy đều thân hình sắc vàng đầy đủ tướng trượng phu, chẳng phải nam chẳng phải nữ ngồi tòa sen báu hưởng thọ vô lượng an lạc giống như ở cung trời Tha hóa tự tại vậy". Giải thích rằng:

Đối với các cảnh Thánh, thể chẳng phải một hay khác là tức là chẳng xả bỏ nơi tục là chẳng một, chẳng lìa nơi chân là chẳng khác. Nếu một tức hoại chân tục, nếu khác tức thành đoạn thường. Chẳng đoạn chẳng thường tức y tựa nơi pháp giới, chẳng phải chân chẳng phải tục, mới gọi là tu tập Bồ-đề, nên nói tôi y tựa pháp đây mà được trú an lạc. Do đó thiện nữ Thiên ngộ chất năm trược thành sắc của vàng ròng, Diêm-phù-đề mê tướng đại nhân thành nhân ác nghiệp. Vậy biết, nếu trí soi chiếu đó tức thế pháp mà thành Phật pháp, một tâm thật chẳng động, hai kiến tự thành sai, đồng chung trong một pháp riêng thành hiểu Thánh phàm. Nếu thấu rõ thể của chẳng phải nam chẳng phải nữ, hiện đầy đủ ba mươi hai tướng tốt ngồi tòa sen báu. Nếu chấp hình của là nam là nữ thường bó buộc trong hai mươi lăm hữu chìm đắm biển vô minh. Nên biết từ chỗ sức tin mà phát ra lời chân thật, có thể nghiệm chứng pháp môn hiện chứng chóng tỏ sáng tâm Phật vậy.

Hỏi: Đây giống như thuật xưa trước nên dẫn văn, thế nào là Phật tức hiện nay?

Đáp: Như nay một niệm mới khởi trọn không thể được, không có nơi chốn là Phật quá khứ, quá khứ chẳng có, vị lai cũng không là Phật vị lai, tức nay niệm, niệm chẳng dừng, là Phật hiện tại chỉ lúc một niệm khởi, chớ chấp chớ đoạn, chẳng lấy chẳng bỏ là ba khoảng không dấu vết, một niệm tròn đủ mười pháp giới, chẳng phải nhân chẳng phải quả, mà là pháp nhân pháp quả, nếu hay một niệm mà đạt như vậy, thì niệm niệm tương ưng, niệm niệm thành Phật, phàm thánh đều bình đẳng, xưa nay đều ngang bằng. Nên nói: Rõ rõ biết tâm, tỉnh tỉnh thấy Phật, là tâm là Phật là Phật là tâm, niệm niệm Phật tâm, tâm tâm niệm Phật, muốn được sớm thành giới tâm tự luật, tịnh tâm giới luật, tịnh tâm tức Phật, trừ tâm vương đây, lại không riêng Phật, muốn cầu muôn pháp, chớ nhiễm một vật. Tâm tánh tuy không, gồm thân thể thật, vào pháp môn đây, ngồi yên thành Phật. Như vậy thì mười phương chư Phật đồng một pháp thân, nếu muốn ngoài niệm thi công ngoài tâm cầu Phật, bèn rơi lạc vào cảnh khác, không có lúc đắc, bèn tức trước sau tình sanh, phàm Thánh duyên khởi, trải qua thời gian kiếp số uổng dùng công phu. Do đó, trong luận Hoa Nghiêm nói: "Chẳng như một niệm duyên khởi không sanh, vượt ba thừa kia quyền học đồng thấy".

Hỏi: Một niệm thành Phật rồi vào cửa tin, làm sao được trước mắt rõ ràng phân minh mà thấy?

Đáp: Trước mắt không vật là thật thấy Phật. Như trong kinh Văn-thù-sư-lợi Tuần Hành nói. Vì trong kinh nói Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi

tuần khắp năm trăm liêu phòng Tỳ-kheo đều thấy tịch định, nhân đó lấy làm tên gọi, cuối cùng hỏi Xá-lợi-phất để hiển bày Bát-nhã sâu mầu. Hỏi Xá-lợi-phất rằng: "Lúc tôi thấy ông riêng ở trong phòng ngồi kiết-già ngay ngắn, chiết phục tự thân. Đó là ông đang tọa thiền hay không tọa thiền?" Đáp rằng: "Đang tọa thiền vậy". Lại hỏi: "Là muốn khiến chưa đoạn là đoạn vậy, cùng tọa thiền ngang bằng ư?" Nhân đó nêu bày rộng ý lý của tánh không không đắc. Năm trăm vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Đức Phật lớn tiếng xướng rằng: "Từ nay trở đi không còn lại thấy thân Văn-thù, không còn lại nghe danh tự đó, phương xứ như vậy chóng nên xa lìa, tất cả trú xứ nơi có Văn-thù cũng chẳng hướng đến. Tại sao? Vì Văn-thù phiền não giải thoát một tướng nói nên bình đẳng. Xá-lợi-phất khiến Văn-thù quyết trạch rõ ràng. Văn-thù nói thật không Văn-thù mà có thể được vậy. Nếu thật không Văn-thù có thể được, là kia không thể thấy bình đẳng. Bốn trăm vị Tỳ-kheo lậu tận được chứng quả, một trăm vị Tỳ-kheo còn lại phỉ báng nên sa đọa vào địa ngục. Sau trở lại đắc đạo v.v... đầy đủ như trong kinh nói. Do đó không thấy là thật thấy, không nghe là thật nghe, chẳng thấy chẳng nghe Văn-thù là thật thấy thật nghe Văn-thù vậy. Nếu không tin nói đây, tuy khởi sanh phỉ báng mà đọa lạc vào địa ngục. Vì đã từng nghe nên cuối cùng huân chủng mà đắc đạo, huống gì nghe mà tin ư? Thì thành đạo chẳng cách nhau nơi một niệm, nên biết thấy nghe Tông Kính không ai chẳng được lợi ích vậy. Do đó, trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Vô úy nữ nói: "Đại Ca-diếp! Các pháp trọn không chẳng thể hiện bày, cho nên Đại Ca-diếp! Tất cả các pháp đều không. Nếu pháp vốn không, làm sao có thể thấy pháp giới thanh tịnh kia? Đại Ca-diếp! Nếu muốn thấy Như Lai thanh tịnh, người thiện nam tín nữ đó phải khéo tịnh tự tâm". Khi ấy Đại Ca-diếp nói với Vô Úy nữ rằng: "Thế nào là khéo tịnh tự tâm?" Vô Úy nữ đáp: "Như tự thân chân như và tất cả các pháp chân như, nếu tin đó là chẳng làm chẳng mất, thấy như vậy là tự ta thanh tịnh vậy". Đại Ca-diếp hỏi: "Tự tâm lấy gì làm thể?" Vô Úy nữ đáp: "Lấy không làm thể, nếu chứng không đó là tin tự tâm vậy, tức tin chân như không, vì tánh tất cả các pháp vắng lặng vậy". Lại nói: "Như Lai là tức hư không giới, cho nên hư không tức là Như Lai". Trong đây không một vật có thể phân biệt, như trong kinh Hoa Thủ nói: "Tất cả các pháp như tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả các pháp như. Cho nên Thế Tôn không chỗ trú xứ. Đó là nghĩa Như Lai". Lại, báo hóa như ảnh, không có khứ lai, tâm tịnh Phật hiện thì gọi là Phật lai, Phật cũng chẳng lai. Tâm dơ Phật chẳng hiện, tức gọi là Phật khứ, Phật cũng chẳng khứ. Đó tức lai

mà chẳng phải lai, khứ mà chẳng phải khứ. Phật đã không lai khứ, tâm cũng chẳng sanh diệt. Người hiểu như thế thì có thể thấy Phật vậy. Nên trong kinh Kim Cang nói: "Nếu người muốn nói Như Lai hoặc lại hoặc đi hoặc nằm hoặc ngồi, người đó không hiểu nghĩa ta giảng nói. Như Lai là không thể từ đâu lại cũng không đi đâu. Nên gọi là Như Lai, thì biết hoặc nhân hoặc pháp đều chẳng vượt ngoài đạo nhất như". Thông đạt chỗ đối của sáu căn như vậy. Không gì chẳng thấy tự tánh như như Phật vậy. Đây lấy không thấy làm thật thấy, thấy thật làm Phật thật. Pháp sư Tăng Triệu nói: "Phật là gì? Bởi cùng lý tận tánh là xưng của Phật vậy". Pháp sư Đạo Sanh nói: "Lấy thấy thật làm Phật, như vậy cũng gọi là thật thấy đạo, cũng gọi là Chân thật cúng dường.

Hỏi: Thế nào là Chân thật cúng dường?

Đáp: Khế hợp tâm như lý, không tưởng thấy Phật, rõ tự pháp thân là Chân thật cúng dường. Trong kinh Bảo Tích nói: "Chân thật cúng dường là không tưởng Phật, không năng thấy Phật, huống gì là cúng dường. Nếu cúng dường Phật, phải cúng dường tự thân".

Hỏi: Tự thân làm sao cúng dường?

Đáp: Nếu buông bỏ mình mà theo trần, thì gọi đó là trái bội, hay xoay ánh sáng soi chiếu lại, là tùy thuận chân như, cảnh trí ngầm hợp là chân thật cúng dường. Nên trong kinh Duy-ma nói: "Không trước không sau, một lúc cúng dường, đây là vận ý của không xả bỏ không thủ đắc. Khởi tâm trong một khoản bình đẳng, thì cúng dường tất cả Như Lai khắp mười phương. Tất cả hàm linh cùng tận pháp giới đồng một lúc hưởng thọ đượm nhuần". Cúng dường như vậy chẳng lớn ư? Do đó, trong kinh Bảo Vũ nói: "Như lý tư duy tức là cúng dường tất cả Như Lai".

Hỏi: Thế nào là như lý tư duy?

Đáp: Chỉ tất cả chẳng tư duy, đó là chân thật tư duy. Vì chóng ngộ một tâm thì không pháp nào có thể nghĩ lường gọi. Cho nên mười phương chư Phật chứng tâm thành đạo. Gọi là như lý. Nếu rõ tự tâm hay thuận yếu chỉ của Phật tức là cúng dường tất cả Như Lai. Nếu chẳng y tựa như lý đây để tỏ ngộ tự tâm thì theo sự hành xử ngoài tâm thấy Phật. Giả sử trải qua nhiều kiếp đều chẳng thành chân thật cúng dường. Vì trái với sự chỉ dạy truyền trao của chư Phật vậy. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Như ở trong từng niệm,
Cúng dường vô lượng Phật,
Chưa biết pháp chân thật,

Chẳng gọi là cúng dường".

Thế nào là pháp chân thật? Đó nghĩa là yếu chỉ rõ tâm chân như không sanh vậy. Do đó, trong kinh Tư Ích nói: "Hỏi rằng: "Ai hay cúng dường Phật?" Phật dạy: "Người hay thông đạt ngằn mé không sanh". Trong kinh Văn-thù Bát-nhã nói: Phật hỏi Văn-thù: "Ông làm sao cúng dường Phật?" Văn-thù đáp: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tâm sở người huyễn diệt, thì tôi cúng dường Phật". Trong Thai giáo nói: "Cúng dường Phật, chỉ là tùy thuận lời Phật dạy". Nay thuận theo Phật dạy tu tâm tam quán tức là cúng dường Phật. Vì phá Ngũ trụ được giải thoát vậy, tức cúng dường pháp. Lý Tam đế hòa, tức cúng dường tăng. Lại, các hành tâm nhờ quán trí tâm, tức cúng dường Phật. Quán trí tâm mở phát pháp giới tức cúng dường pháp, thêm trí tâm hòa tức cúng dường Tăng. Đây là chân thật cúng dường, cũng gọi là pháp cúng dường. Như Nghĩa Hải nói: "Nghĩa là lấy trong tâm không sanh thì tất cả trân bảo, cho đến mảy trần đều có thể nhiếp ở pháp giới, tức lấy pháp giới mảy trần đây mà làm cúng dường, cúng dường đây cho đến, thông khắp trước tất cả chư Như Lai ba đời, không đâu chẳng hiển hiện. Các Đức Như Lai đó không vị nào chẳng nhiếp nhận. Tại sao? Do mảy trần tức pháp giới, lý đó cùng Phật pháp giới tương ưng, cho nên khắp đến tất cả, gọi là quảng đại cúng dường, không luống qua không. Sao gọi là không luống qua không? Vì tâm thông tức pháp thông, pháp khắp tức tâm khắp, tất cả xứ không chẳng phải thấy lý vậy, thảy đều hay thông đạt, thì gọi là mỗi mỗi thừa sự không luống qua không, cũng chẳng ngại hương hoa v.v... các thứ cúng dường, vì trong ngoài chỉ duy tâm vậy. Phá chấp hiển bày tông nên có thuyết đó. Lại, nếu ở trong tâm chánh quán không chỉ cúng dường, cho đến hành đạo, lễ bái, tất cả mọi hành xử đều phải y cứ rồi mới được lực đó. Như Tam tạng pháp sư Lặc-Na nói: "Chánh quán tu hành lễ là đây nói rõ là tự lễ tự thân Phật chẳng duyên cảnh khác thân Phật khác. Tại sao? Tất cả chúng sanh tự có Phật tánh, bản giác bình đẳng, tùy thuận pháp giới duyên khởi đốt cháy, chỉ vì mê nên chỉ kính lễ thân khác. Phật tánh thân mình vọng nhân làm ác. Nếu hay phản chiếu bản giác, thì giải thoát có kỳ hạn vậy". Trong kinh nói: "Chẳng quán Phật, chẳng quán pháp, chẳng quán tăng, vì thấy thân mình và thân khác bình đẳng chánh pháp tánh vậy. Như giẫm trải đường xa, cốt yếu phải nhờ tự thân, muốn thấy Phật tánh, cần phải quán Phật ở chính mình, thể đồng không hai, đó gọi là lễ chánh quán vậy.

Hỏi: Nếu ngoài tâm không tướng, ngoài tướng không tâm, viên thông như vậy gọi là chân thật cúng dường. Cớ sao trong giáo nói cúng

dường chư Phật được phước vô lượng?

Đáp: Như trước đã nói, chắc thật thấu rõ một tâm, lý sự vô ngại, cớ sao chấp chặt nghi cảnh nghi tâm? Nên trong kinh Duy-ma nói: "Mỗi mỗi tự thấy Thế Tôn ngay tại trước họ". Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Càn-thát, Khẩn na-la,
Mỗi cúng dường Phật đó".

Sơ tổ Ngưu Đầu giải thích rằng: Như quán tham tức thấy tánh tham, tham tức là chúng sanh, trí ngộ tánh tham tức là Phật, chúng sanh tham nên tự thấy Phật tại trước họ, tất cả đều như vậy. Lại mỗi cúng dường Phật đó, tức là đối với mỗi một pháp môn, mỗi tự phát minh như lý tư duy, tức mỗi mỗi cúng dường Phật. Thiết bày sự pháp hương hoa cúng dường đó là như trong kinh nói: "Mười phương chư Phật tùy cơ nghi mà cảm xuất". Đã tùy có cảm hiện, thì nào lìa tự tâm? Như bốn chúng tám bộ ở Linh sơn mỗi mỗi tùy theo tâm niệm căn lực mà thấy Phật chẳng đồng. Như rồng thấy là Đại Long vương, quỷ thấy là Đại Quỷ vương v.v... thì yếu chỉ ngoài tâm không pháp, có văn có lý, kiến của ngoài không chấp sắc, không lý không văn. Giả sử có người ác tuệ tà kiến, kẻ ôm ấp nghi ngờ chẳng tin, phỏng bày cuồng giải cưỡng muốn phá đó, tợ như đem mỏ của một con muỗi mà hút nước biển lớn, như dùng mười ngón tay mà muốn phá hoại núi diệu cao. Yếu chỉ viên đốn, lý chân như của ta đây, như dao cắt nước, tợ gió thổi ánh sáng, nhọc tự mệt thần, trái lại chuốc lấy lỗi lầm sâu.

Hỏi: phân tích như trên, lý sự tuy tỏ rõ mà còn là nhân phương tiện khác gượng nói. Thế nào là hiện nay xác thực được hiện chứng thấy Phật của tự tâm?

Đáp: Phải tự xét lấy câu hỏi.

Hỏi: Thế nào là xét câu hỏi?

Đáp: Lại y cứ người mà tìm, đâu có hết thời gian, muốn tuyệt mảy may nghi ngờ, nên phải xác thực đến.

Hỏi: Há không có lực khác hỗ trợ, mà phát tâm tự trí chiếu?

Đáp: Không chánh, không hỗ trợ, chẳng phải tự, chẳng phải tha. Nếu dùng trí cầu trí, thì thành hiểu giải, hiểu giải trái với Viên tông. Nếu khởi chiếu tâm chiếu thì lập cảnh, tùy theo cảnh mất yếu chỉ đều là ảnh sự chẳng khế hợp tông đây. Nếu rõ chân tâm tự nhiên không tâm hợp đạo, hợp đạo thì tuyệt đường ngôn ngữ, không tâm thì cảnh trí đều rỗng. Như Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng rằng:

"Tu-di sụp, ngũ nhạc đổ,

Biển lớn cạn mười phương không.
Càn khôn còn gồm trong đầu lông,
Nhật nguyệt còn ngầm trong hào tướng”.

Đó thì Na-đề-tử Tây Quốc, hiện bệnh chẳng dạy bày thần thông. Diệu Đức mở miệng hỏi không hai, quên lời vào lý hiển chân tông.

Hỏi: Như điều nói trên, yếu chỉ tức tâm thành Phật sự đã rõ ràng chỉ như ở thiền tông từ trước các bậc Tiên đức nói: “Như nay phải biết nơi xuất thân của mười phương chư Phật, không biết có Phật chẳng được thành Phật. Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?”

Đáp: Trâu đá sanh voi con, người gỗ mang thai nhi, chư Phật từ trong ra, đầu tiên lúc thành đạo.

Hỏi: Đã là chúng sanh đã thành, lý sự tròn đủ, thì chư Phật vì sao xuất hiện nơi đời lại giáo hóa chúng sanh?

Đáp: Chúng sanh chẳng biết như vậy, nên phải giáo hóa. Cho nên trong kinh nói: “Đều đồng một tánh, đó là không tánh, đại bi tương tục, cứu độ chúng sanh, tùy môn chẳng đồng, mỗi mỗi có khác, ước môn thành Phật, tất cả thành vậy, đồng một không tánh, nên được hiện thành, tánh dối vốn rỗng, chúng sanh vốn Phật, chân tánh bèn được, đâu nay mới thành, nên đều thành vậy. Vật vật không tánh, nên thành chủng trí”. Chứng đồng thể đây mà khởi đại bi, một được trọn thường, nên gọi là tương tục, chỉ do chẳng biết không tánh nên giáo hóa chẳng tuyệt, tuy hiện báo hóa, mà pháp thể chẳng đổi thay như ngọc ma-ni tùy theo sắc màu, các tướng hiển hiện mà bản thể chẳng động. Tợ như hang cốc rỗng ứng tiếng các âm vang phát ra mà chỗ khởi không tâm, chẳng chấp trước tự hay tha, đâu thấy tướng của chúng sanh. Vốn chẳng phải ẩn hiện thường ngầm với nguồn của đại giác. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân Phật không có sanh, mà hay hiện sanh ra, pháp tánh như hư không, chư Phật trú trong đó”. Lại có kệ tụng khác nói:

“Không thể không trú xứ,
Cũng không sanh khá được,
Không tướng cũng không hình,
Chỗ hiện đều như ảnh”.

Trong kinh Tư Ích nói: “Đại Ca-diếp nói: Này thiện nam! Chỗ huyễn hóa người, lìa ở tự tướng, không khác không biệt, không chỗ thí nguyện. Ông cũng như vậy ư? Nếu là như vậy, làm sao ông có thể lợi ích vô lượng chúng sanh?” Võng Minh nói: “Tánh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là tánh tất cả chúng sanh, tánh tất cả chúng sanh tức là tánh huyễn, tánh huyễn tức là tánh tất cả pháp, ở trong pháp ấy,

tôi không thấy có lợi ích, không thấy không lợi ích". Lại nói: "Bồ-tát Võng Minh bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát mong cầu công đức lợi mà phát tâm Bồ-đề thì chẳng gọi là phát Đại thừa vậy. Tại sao? Vì tất cả các pháp không công đức lợi. Vì không có đối xử vậy. Nếu có chúng sanh có thể độ mà cầu lợi của công đức. Đó thì ngoài tâm thấy pháp, toàn không biết tâm. Sao gọi là phát tâm Đại thừa? Vì tuyệt tâm đối đãi, không đối xứ vậy". Như trong kinh Lăng-già nói: "Phật bảo ngoại đạo rằng: Nếu hay thấu đạt các pháp có không, tất cả đều là chỗ thấy của tự tâm, chẳng sanh phân biệt, chẳng thủ cảnh bên ngoài, ở tự trú xứ. Tự trú xứ, nghĩa là chẳng khởi. Chẳng khởi ở đâu? Chẳng khởi phân biệt đây là pháp ta chẳng phải ngươi có. Pháp ta tức là tâm chúng sanh vậy. Vì không biết, chẳng tin nên tự thành xa ngoài. Có cũng đồng không". Do đó, Tổ sư từ Tây vức lại, chỉ vì chỉ bày thẳng cho chúng sanh khiến tự biết có, chóng vào chân nguyên thánh phàm bình đẳng. Như trong kinh Thắng Thiên vương Bát-nhã nói: "Vị Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật đắc tâm vi tế, khởi niệm tư duy rằng: Thế gian rực cháy nhóm đống lửa lớn, đó gọi là lửa tham dục, khói sân nhuế mờ tối ngu si. Làm sao khiến tất cả chúng sanh đều được ra khỏi? Nếu hay thông đạt các pháp bình đẳng, gọi là ra khỏi. Như Phật biết pháp giống như tướng huyễn, khéo quán nhân xuyên mà chẳng phân biệt". Do đó, nếu muốn bỏ yếu đến mạnh, nhàm khác thích đồng, muốn khiến phàm thánh một thường, dơ sạch bình đẳng thì điều ấy không thể có. Chỉ rõ Tông Kính muôn pháp tự đều, tức nghĩa rốt ráo xa lìa nhà lửa ba cõi, cũng là nghĩa cùng các người con đồng ở kho tàng bí mật. Như nói: Nếu phàm dùng ngang bằng mà ngang bằng, chẳng ngang bằng là chưa ngang bằng vậy, dùng ngang bằng mà ngang bằng, đối với ngang bằng mà chưa ngang bằng sao. Tôi nghe khéo ngang bằng thiên hạ là vì chẳng ngang bằng mà ngang bằng thiên hạ vậy. Nào phải gọt núi thật sâu sau đó mới bằng, tiếp cưu tiệt hạc ở đó mới phẳng. Nên biết chỉ rõ pháp pháp đều như tự nhiên bình đẳng, thì tùng xanh huệ biếc chẳng thấy ngắn dài. Chim bằng bay lên bọ gậy nhảy nhót, tự quên lớn nho như trong Triệu Luận nói: "Do vậy, trong kinh nói các pháp chẳng khác là, đâu nối tiếp chim cưu tiệt chim hạt gọt núi lấp đầy hang sau đó mới không khác ư. Thật vì không khác ở nơi khác vậy*. Trong kinh Nam Hoa, Trang tử nói: "Dài là chẳng vì có*tuy khác mà chẳng khác. Kinh nói: Bát nhã và các pháp cũng không phãi một tướng, cũng không phải khác tướng. Hay tin!.... thừa, ngắn là chẳng vì không đủ. Nên chân chim cưu tuy ngắn mà nối thêm đó thì lo, chân chim hạt tuy dài mà chặt bỏ đó

thì buồn". Nên tánh dài chẳng phải chỗ chặt bỏ, tánh ngắn chẳng phải chỗ nối thêm. Để nói rõ cảnh trí tuy khác mà đồng, chẳng đợi đồng mà sau đó đồng vậy. Nếu hay thấu đạt hai môn đồng khác như trên, thì chư Phật có xuất hiện nơi đời hay không xuất hiện nơi đời, chúng sanh có thể độ hay không thể độ, cho đến có không cao thấp đều tuyệt nghi ngờ vậy. Nếu chấp đồng thì trệ lắng. Nếu chấp khác thì phân hai. Mê hai môn đồng khác đây đều là trí chẳng tự tại. Trong Kim Cang Biện Tông nói: "Vì có gương nên ảnh tượng của nam nữ hiện ở trong. Vì có pháp thân, mà hay xứ xự đều ứng hiện đến chỉ duyên trong gương vốn không ảnh tượng, do đó hay hiện ảnh tượng nam nữ. Thân Phật vốn không thân do đó hay hiện tất cả thân, chúng sanh có cảm từ của vô duyên nhậm vận hay ứng. Nếu định có thân tức là chỗ ngại". Trong Triệu Luận nói: "Phật chẳng phải trời, chẳng phải người mà hay làm trời hay làm người vậy. Nên tất cả các Bồ-tát đều dùng không chỗ được làm phương tiện, hay vào vô lượng vô biên lưới huyễn trần lao, vì ngoài tâm không pháp vậy, mới thành tuệ không chỗ được. Nếu ngoài tâm có một mảy may chỗ được, làm sao thành từ của vô duyên, hóa của đồng tử? Vì Tông Kính sáng nên hay rộng soi chiếu thế gian. Quán sanh ấu như thạch nữ mang thai, quán trú đó như dương diệm gợn sóng. Quán khác đó đồng mây nổi muôn mối, quán chết đó như hoa cuồng rơi giữa không trung. Do đó, thật thấu đạt không sanh biết đều không ngã, không sanh không diệt, huyễn rơi huyễn nổi, xót thương ngu mê đó mù tối không mắt trí tuệ, bèn mới phát trí chiếu của không thể làm, mở cửa bố thí của không chỗ xả bỏ, nắm giữ giới tâm của tự tánh không, đầy đủ tinh tấn của không chỗ khởi, viên mãn pháp nhẫn của không chỗ thương tổn, tu thiền môn của không chỗ trú. Rõ không thân mà tướng tốt trang nghiêm, đạt không nói mà ngang dọc biện thuyết, khi dạo nơi thế giới tánh không, dựng lập đạo tràng trăng nước, thiết bày môn cũng như huyễn, cúng dường Thiện Thệ ảnh hưởng, khắp hành tập muôn hạnh hoa đốm hư không, bày làm môn tợ âm vang hang cốc, nhiếp phục ma quân của ảnh tượng trong gương, làm Phật sự lớn ở trong mộng, độ khắp hàm sanh như huyễn hóa, đồng chứng Bồ-đề của tịch diệt.

Hỏi: Chân tâm tuyệt đối đãi, vốn không danh tướng, cớ sao thành Phật lại làm dị sanh? Nếu nói tùy thuận pháp thế gian mà lập giả danh đây, lại nhân pháp gì mà được thành lập?

Đáp: Trong lý thật tế vốn không phàm thánh có thể được, vì tất cả chúng sanh mê lý không tánh, vì không tánh nên bất giác khởi vọng, ở trong chân không vọng lập danh tướng, nên gọi là phàm, rõ danh tướng

không lại xưng là Thánh. Hiệu của phàm Thánh nhân năm pháp mà thành, giống như huyễn hóa, danh tướng chẳng phải chân thật. Vả lại, như huyễn chân thật mà thành. Hình do nghiệp mà có. Thuật và nghiệp đều giả, hình và huyễn đồng không. Đều có tên của mê ngộ, vốn không thể của Thánh phàm, năm pháp đó là như trong luận Du-già nói: "Một là danh; hai là tướng; ba là vọng tưởng; bốn là chánh trí; năm là chân như". Xưa trước giải thích rằng: Ba pháp danh, tướng, vọng tưởng Thánh phàm. Hai pháp chánh trí, chân như thành Thánh. Danh tướng vọng tưởng là pháp phàm phu và hai pháp danh tướng mê sự duyên cảnh mà khởi nên gọi là vọng tưởng. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Chẳng rõ tâm và duyên,
Thì sanh hai vọng tưởng".

Chánh trí và chân như là pháp Thánh nhân, chánh trí là Thánh nhân đối trị Kim cang, duyên tu trí vô lậu đoạn hoặc, cũng gọi là trí năng giác, chân như là lý sở chứng trong tâm của Thánh nhân. Chân như là thể, chánh trí là dụng. Khác là chưa từng khác. Đồng là chưa từng đồng. Đồng đó là chân như, khác đó là chánh trí, chánh trí thường dụng nên chướng sanh diệt, chân như thường thể nghĩ bàn chân thật vậy. Lại nữa, tâm phàm phu lầm hoặc, chẳng thấu đạt danh tướng là không, lầm chấp là có, mê có chẳng không, gọi đó là vọng, theo vọng khởi tâm gọi đó là tưởng, chánh trí là rõ biết danh tướng xưa nay không tịch, vì biết không nên vọng tưởng tự dứt, dứt vọng trở về chân, hiển bày lý rõ ràng. Chánh trí hiện tiền chẳng lập danh tướng, nên gọi là chánh trí. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Rõ tâm và cảnh giới,
Vọng tưởng chẳng còn sanh".

Chân như tức tâm tánh chánh trí đây chân vậy, tức gọi là chân như, nên biết là một pháp không trúng, chấp có Thánh phàm, rõ đạt có vốn không thành Thánh. Chẳng chỉ năm pháp, cho đến vô lượng nghĩa sanh xuất vô biên lý, luôn chỉ một đạo. Đạo của duy tâm đây tức là hành xứ của Như Lai, bước bước giẫm trái nơi pháp không vậy, cũng là Ma-ha-diễn xứ, niệm niệm không chỗ được vậy. Như trong kinh Trì Thế nói: "Phật dạy: Này các thiện nam! Cho nên ta nói tất cả các pháp là hành xứ của Như Lai, hành xứ của Như Lai là không hành xứ. Tại sao? Tất cả pháp hành xứ, trong đó không pháp có thể hành, cho nên nói không hành xứ". Trong kinh Văn-thù Hối Quá nói: "Văn-thù-sư-lợi nói: Ở thời xưa trước, tôi mong cầu các pháp, cầu không xứ sở, dạo nơi nhàn cư, tiết độ biết đủ, ít muốn làm được, chẳng thể hay biết, tất cả

pháp không, tâm không chỗ đắm trước. Đó mới có thể gọi là ngồi yên chỗ lắng trú nơi pháp giới". Giải thích rằng: Nếu rõ nhân không pháp không, thấy duy thức tánh chân thật, tức thường tại Tam-muội, trú chân pháp giới vậy.

Hỏi: Cớ sao nói vào Tông Kính đây, một niệm tương ưng, thấy đạo nhanh chóng vượt quá vô lượng kiếp?

Đáp: Thật có lý đó. Ở đời sách có thể biết. Nếu chẳng ngay đó chóng ngộ tự tâm công đức viên mãn, tức là vọng cầu ngoài tâm, nhọc trải qua nhiều kiếp. Nếu hay soi chiếu bên trong, như thuyền gặp gió thuận tiện, một niệm viên thành, việc làm không trệ. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thí như có người đi thuyền trong biển lớn, nếu gặp gió thuận, chỉ trong khoảnh khắc thì có thể đi qua được vô lượng do-tuần. Nếu không gặp được thì tuy có trải qua vô lượng năm tháng, vẫn chẳng lìa khỏi chỗ cũ, có lúc thuyền hư hoại chìm nước mà chết, cũng như vậy, chúng sanh ở trong biển lớn ngu si sanh tử dùng các thuyền mà đi. Nếu gặp ngay được gió Đại Niết-bàn mạnh bén thì có thể nhanh đạt đến bờ đạo Vô thượng. Nếu chẳng được gặp thì phải luân lưu chuyển trong vô lượng sanh tử, hoặc có lúc bị phá hoại mà đoạ lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh". Nên biết nếu chẳng gặp gió của Tông Kính, đi thuyền hữu vi trọn không thể vượt qua sóng sanh tử, thẳng đến bờ Niết-bàn. Có lợi lớn này rộng nhóm tập không nhọc mệt, chỉ cầu chúc các bậc Hiền chuyển cùng truyền trao. Như trong kinh Pháp cú nói: "Thiện tri thức là có công đức lớn, hay khiến các ông ở trong tham dục, sân nhuế, ngu si, tà kiến, năm dục, năm cái, các thứ trần lao v.v... mà dựng lập Phật pháp, chẳng khởi một tâm được công đức lớn. Thí như có người gìn giữ thuyền bền chắc ở nơi biển lớn, thân tâm chẳng động mà đạt đến bờ kia". Nên biết vào trong Tông Kính, tức phàm tức Thánh, có thể gọi là chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn, chẳng dứt năm dục mà sạch các căn vậy. Do đó, trong luận Hoa Nghiêm nói: "Hàng địa vị đầu tiên trong Thập trú, dùng vô tác Tam-muội, tự thể ứng với chân. Phiền não khách trần vốn không thể tánh, chỉ thể dụng chân thật, không tham sân si, nhậm vận tức Phật, nên nói một niệm thường một niệm Phật, một ngày tương ưng một ngày Phật". Trong Tông kính đây trước sau tất cả nhỏ nhiệm quanh co, mỗi mỗi đều chỉ thẳng bày rõ, thấy tức bèn thấy chẳng ở ý tưởng tư duy. Lúc mới tin vào, lý hạnh đều đầy đủ, trọn chẳng trở lại dấy ác hạnh, tợ như có mảy may nghi ngờ, sao xưng là Viên đốn? Vì rõ ngoài tâm không cảnh vậy thì niệm niệm trở về tông. Nào có hư huyễn ta khiến lầm hoặc. Do đó, trong luận Bảo Tạng nói: "Tất cả như

huyễn, huyễn đó chẳng thật, biết huyễn là huyễn, giữ chân ôm chân”.

Lại như có người học hỏi Hòa thượng Đại Mai rằng: “Sư thường nói thần tánh độc lập, người học không biết, xin sư chỉ bày?”. Hòa thượng đáp: “Ai bảo ông hỏi?” Lại hỏi: “Chớ chẳng hỏi bèn là phải chăng?”. Hòa thượng đáp: “Nếu chẳng phải, là ai hay hỏi như vậy?”. Lại hỏi: “Thần tánh chẳng phải là thanh sắc, sư chỉ bày người hỏi là thần tánh, người học chỉ biết được thanh sắc, không biết chân tánh, xin sư chỉ bày làm sao được biết”. Hòa thượng đáp: “Thí như trong kho báu lớn có đầy đủ các vật báu, người phước đức lớn thấy thì đưa tay nhặt ngay châu báu minh nguyệt, người phước đức kém cỏi, chỉ thấy các loại đồng sắc. Chẳng phải trong kho không có vật báu, cũng chẳng phải người chủ kho không cho. Như ta nay nói với ông tánh chẳng phải thanh sắc. Ông chỉ thấy thanh sắc, Ta cũng không lỗi lầm, ông biết chăng? Thần tánh ấy lửa chẳng thể thiêu đốt, nước chẳng thể ngập chìm, chỉ khoảnh khắc đến xa cả ngàn dặm muôn dặm, núi sông vách đá chẳng thể làm ngăn ngại. Như nay ông nhướng mày nháy mắt khảy móng tay, miệng cười nói lầm rầm hỏi đáp, tất cả đều là tánh ấy, gọi là đại đạo, thường tại trước mắt, tuy tại trước mắt mà khó thấy. Nếu ông nghi hoặc mà không tin nhận, phá pháp, sẽ đọa vào đường xấu ác, nếu là hạng người thượng căn, nghe ngay lời nói bèn hiểu, không còn làm các việc ác, gọi là một lần tin nhận không thối lùi Thường tịch quang, nếu là hàng trung căn, thì thân gần thiện tri thức, thân gần người trí, nhiều lần nghe giảng nói, không bao lâu lại ngộ hiểu. Còn với hàng hạ căn, thì ngàn biến muôn biến cùng nói mà trước sau vẫn chẳng ngộ hiểu. Tuy nhiên, ghi nhớ được chút ít, như minh châu trong đãy vải rách, ra cửa bèn lọt mất. Ông biết chăng? Phật đạo không xa, hồi tâm tức phải đó, Nếu ngộ thì chỉ trong sát-na, còn chẳng ngộ thì trải qua số kiếp như cát sông Hằng”.

Hỏi: Tông một tâm đây, đạo của thành Phật, lại phải nhờ mượn trải qua địa vị tu chứng hay chăng?

Đáp: Chân tâm không trú đây, thật chẳng thể tu, chẳng thể chứng, chẳng thể đắc. Tại sao? Vì chẳng phải thủ quả nên không thể chứng, chẳng phải chấp trước pháp nên không thể đắc, chẳng phải tác pháp nên không thể tu. Vì vốn tịnh chẳng phải ánh ngời, pháp ấy thiên thành. Nếu luận về địa vị, tực tại hạnh môn thế tục đế, cũng chẳng mất lý, vì trong không địa vị mà luận địa vị đó, không thể khởi quyết định chấp có hay không. Trong kinh nói rõ mười địa sai biệt như dấu vết chim bay giữa không trung. Nếu là môn viên dung, tịch diệt chân như, nào

có thứ lớp, nếu là môn hành bố, đối trị tập khí, thăng tiến chẳng phải không. Lại nữa, giai vị nhiễm tịnh đều y theo danh tự thế tục mà phân biệt, thì tợ phân cấp giáng xuống, chẳng hoại một tâm. Thí như địa vị chúng sanh như đồ đất, địa vị Bồ-tát như đồ bạc, địa vị chư Phật như đồ vàng. Ba thứ đồ đất bạc vàng lượng tuy khác nhưng trong mỗi mỗi đồ, hư không dẫy khắp bình đẳng không có sai biệt. Hư không tức là dụ lý của một tâm pháp thân bình đẳng. Các đồ là sánh như căn khí địa vị cấp giáng chẳng đồng. Đạo vốn không sai, tùy hành có khác. Phàm, luận về hạnh giải đốn tiệm chẳng đồng, phiền não hiện hành có cạn sâu. Tập khí huân nhiễm có dày mỏng, không thể mười hướng, mỗi tại ngay người, nghiệp nhẹ thì dễ viên mãn, chướng sâu thì khó đoạn trừ, chỉ như Bồ-tát lên đệ-Bát-địa, thân chứng vô sanh pháp nhẫn, quán tất cả pháp như tánh hư không, đó còn là tiệm chứng không tâm, lên đến trong Thập địa, còn có hai thứ ngu, vào địa vị Đẳng giác, một phần vô minh chưa hết, giống như vi trần, còn phải sám hối. Lại, nếu chưa tự trú trong Tam-ma-địa, chẳng tin ngoài tâm không pháp, như người bị bệnh màng mắt chẳng tin giữa không trung không hoa đốm, dùng trí phân biệt mở hiểu tâm chẳng mất, chỉ duyên cảnh khác, chưa trú tự địa vị. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Mười phương các Đức Như Lai và Đại Bồ-tát, lúc tự trú trong Tam-ma-địa, thấy và không thấy, duyên và tướng sở chuyển như hoa đốm giữa hư không vốn không chỗ có”. Nói Đại Bồ-tát tức từ Đệ bát địa trở lên. Nếu Bồ-tát ở Bát địa ngoài tâm mà còn thấy cõi tịnh, dùng trí duyên lý, thì chẳng gọi là tự trú. Nếu Bồ-tát ở Thập Địa tuy không thấy cảnh ngoài tâm mà vẫn còn có hai tập khí sắc tâm. Do đó có bài tụng rằng:

“Chỉ Phật một người trì tịnh giới,
Ngoài ra đều gọi là phá giới”.

Nên biết nếu vào trong môn Tông Kính rốt ráo một thừa, mới gọi là trì giới, mới gọi là thấy đạo. Vả lại, thấy và biết có bốn thứ: Một là, biết mà chẳng thấy, tức từ sơ địa đến cửu địa; Hai là, thấy mà chẳng biết, tức hàng Thập Địa; Ba là, cũng thấy cũng biết, tức là chư Phật; Bốn là; chẳng thấy và chẳng biết tức hàng địa tiền dị sanh v.v... Nếu được ngay đó không tâm, lượng vượt ngoài hư không, lại nào dụng trải qua thềm cấp? Như chưa chóng hợp không tâm, một niệm có khác thì ngay phải dùng thấy biết của Phật để trị đó. Sau đó năm là, nhẫn rõ sáng chánh tu đó;sáu tức chọn tham lạm đó, thì miễn rơi lạc vào Tăng thượng mạn, rốt ráo viên mãn Phật thừa. Nếu vào trong Tông Kính thì làm phổ cơ Bồ-tát thừa, chẳng Niết-bàn thừa, y tựa pháp Phổ môn,

một vị tức tất cả vị. Như Thiện Tài đồng tử trong một đời đủ cả năm vị v.v... đều là phổ pháp cùng thâu. Phổ Hiền cơ này là thấy tất cả chỗ thấy, nghe tất cả điều nghe tức là cảnh Phổ Nhãn vậy. Khổ pháp cùng thâu là vì ngoài tâm không pháp nên gọi là khắp, tất cả hạnh vị đều tại trong tâm, há chẳng cùng thâu ư? Ở nơi môn Hành bố thí tợ như phân cạn sâu. Lại, trong Huyền Nghĩa Cách nói: “Bốn mươi hai địa vị trong Viên giáo đồng một chấn lý. Căn cứ trí mà luận đó, bèn phân sáng tối, thái hư chỉ một vậy. Mặt nhật hiện hành giữa không trung và trưa sớm, lên trú vị trong Viên giáo, như thuyền vào biển, tợ mặt nhật giữa không trung, trí đều vô tác, hạnh đều vô vi, chuyển vận đạo phong, tự nhiên tăng tiến”. Như trong Chỉ quán nói: “Vào chánh tông của Phật khỏi đọa lạc tà đảo, người mở phát viên tín (tròn đầy Thập tín vị) phải rõ mười thứ quán pháp. Mười thứ quán pháp đó: Một là, quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn; Hai là, phát tâm Bồ-đề chân chánh; Ba là, khéo an chỉ quán; Bốn là, phá các pháp biến; Năm là, khéo biết thông bít; Sáu là ba mươi bảy phẩm điều hòa thích nghi; Bảy là, đối trị trợ khai; Tám là, khéo biết vị thứ; Chín là, an nhẫn hai thứ giặc cứng mạnh và mềm yếu; Mười là, thuận đạo pháp ái chẳng sanh. Không lạm như vậy mới vào Viên thừa”. Vả lại, tâm tin hiểu ở một bi ban đầu hay thành năm phẩm. Trong Thai Giáo nói: Nếu người trước đã gieo trồng sâu dày, hoặc gặp được thiện tri thức, hoặc thọ kinh quyển nghe tròn diệu lý, nghĩa là một pháp tức tất cả pháp, tất cả pháp tức một pháp, chẳng phải một chẳng phải tất cả, không thể nghĩ bàn. Khởi tin hiểu tròn đầy, tin trong một tâm đủ mười pháp giới, như một mảy trần có đại thiên quyển kinh, muốn nghe kinh ấy mà tu viên hạnh. Viên hạnh là một hạnh tức tất cả hạnh, lược nói làm mười, nghĩa là biết một niệm tâm bình đẳng đầy đủ không thể nghĩ bàn, thương đã hôn trầm, từ đến tất cả. Lại biết tâm đây thường tịch thường chiếu, dùng tâm tịch chiếu phá tất cả pháp, tức không tức giả tức trung. Lại biết một tâm các tâm hoặc thông hoặc bít. Hay ở nơi tâm đây đầy đủ các đạo phẩm, được đường Bồ-đề, lại hiểu tâm đây là pháp của Chánh trợ. Lại biết tâm mình và tâm phàm thánh, lại an tâm chẳng động, chẳng đọa lạc, chẳng thối lùi, chẳng tán mất. Tuy biết một tâm có vô lượng công đức mà chẳng sanh nhiễm trước, thì mười tâm thành tựu. Tóm yếu mà nói tâm đó niệm niệm đều cùng các Ba-la-mật tương ưng. Đó gọi là phẩm Tùy hỷ mới đầu trong Viên giáo. Từ đó tu đủ mười pháp, được vào sơ phát tâm trú trong Viên giáo, phần chân tức trung. Mới đầu A, sau rốt Trà, phát tâm và rốt ráo cả hai không khác biệt, vì hạnh vị và niệm cả ba không thối lùi vậy. Trong Thai Giáo tiếp người

chỉ trú tại đây, sau đó thẳng đến mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa và quả vị Đẳng giác Diệu giác, nơi có trí đoạn thăng tiến nhậm vận không công, niệm niệm viên mãn Bồ-đề Vô thượng.

Lại nữa, giải thích về cảnh chẳng thể nghĩ bàn là, như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Tâm như người thợ vẽ,
Tạo các thứ Ngũ ấm.
Tất cả trong thế gian,
Chẳng gì không tâm tạo".

Các thứ Ngũ ấm là mười pháp giới ngũ ấm vậy. Pháp giới có ba nghĩa: Số mười là năng y, pháp giới là sở y. Năng sở hợp xưng nên gọi là mười pháp giới. Lại mười pháp ấy mỗi mỗi nhân mỗi mỗi quả chẳng cùng xen lạm, nên gọi là mười pháp giới. Lại mười pháp giới ấy đương thể của mỗi mỗi đều là pháp giới, nên gọi là mười pháp giới. Mười pháp giới gọi chung cả ấm, nhập và giới, kỳ thật là chẳng đồng. Vì, ba đường ác là ấm nhập giới hữu lậu ác, ba đường thiện là ấm nhập giới hữu lậu thiện. Nhị thừa là ấm nhập giới hữu lậu vô lậu. Bồ-tát ấm giới nhập cũng hữu lậu cũng vô lậu. Phật là ấm nhập giới chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Trong Thích Luận nói: "Pháp Vô thượng đó là nước tức là pháp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu vậy". Trong kinh Vô Lượng Thọ nói: "Chư Phật không các Đại ấm giới nhập là không chín ấm giới nhập trước vậy". Trong Đại kinh nói: "Nhân diệt sắc vô thường mà được sắc thường, thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy. Thường lạc chập chồng tức là nghĩa tích tụ. Từ bi che chở tức là nghĩa ấm, vì mười thứ ấm giới chẳng đồng, nên gọi là ngũ ấm thế gian vậy, quậy ngũ ấm gọi chung là chúng sanh. Chúng sanh chẳng đồng, quậy ấm ba đường xấu ác, chúng sanh tội khổ, quậy ấm trời người chúng sanh hưởng thọ an lạc, quậy ấm vô lậu, chúng sanh chân thánh, quậy ấm từ bi chúng sanh Đại sĩ, quậy ấm thường trú chúng sanh cực tôn". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Chúng sanh Vô thượng là Phật, đâu đồng với hạ phàm". Trong Đại Kinh nói: "Thời Ca-la-la danh tự khác, cho đến thời già danh tự khác, thời mầm danh tự khác, cho đến thời quả danh tự cũng khác. Vả lại, nói về một kỳ mười thời huống là chúng sanh mười khác, sao được chẳng khác nên gọi là thế gian chúng sanh. Mười thứ chỗ ở gọi chung là cõi nước thế gian. Địa ngục y tựa nơi sắc đỏ ở súc sanh y tựa nơi đất nước không trong ở, Tu-la y tựa bờ biển đáy biển ở, người y tựa đất ở, trời y tựa cung điện ở, Bồ-tát tu hành Lục độ đồng như người y tựa đất ở. Theo Thông giáo Bồ-tát đoạn hoặc chưa hết đồng y tựa người trời ở,

đoạn hoặc hết thì y tựa cõi phương tiện ở. Theo Biệt giáo Bồ-tát đoạn hoặc chưa hết đồng như người trời ở cõi phương tiện đoạn hết hoặc thì y tựa cõi Thật báo ở. Đức Như Lai y tựa cõi Thường tịch quang ở. Trong kinh Nhân Vương có kệ tụng rằng:

"Tam hiền Thập thánh trú quả báo,
Chỉ Phật một người ở Tịnh độ".

Tịnh độ chẳng đồng nên gọi là cõi nước thế gian vậy. Ba mươi thứ thế gian đây đều từ tâm tạo. Lại nữa, mười thứ ngũ ấm mỗi mỗi có đủ mười pháp, nghĩa là tánh như vậy, tướng như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, gốc ngọn rốt ráo như vậy v.v... Đó là mười như, ngũ ấm thế gian, chúng sanh thế gian, cõi nước thế gian tức là ba mươi thứ thế gian, một tâm đầy đủ mười pháp giới, một pháp giới lại đủ mười pháp giới, tức trăm pháp giới. Một pháp giới đủ ba mươi thế gian, trăm pháp giới đủ ba ngàn thứ thế gian, ba ngàn đó tại một niệm tâm. Nếu không tâm thì thôi, chứ cõi ấy đã có tâm tức đủ ba ngàn, cũng chẳng nói một tâm ở trước tất cả các pháp ở sau, cũng chẳng nói tất cả các pháp tại trước một tâm tại sau, xếp bày như tám tướng dời đổi vật. Vật tại trước tướng thì vật chẳng bị dời đổi, tướng tại trước vật cũng chẳng bị đổi dời. Trước cũng không thể, sau cũng không thể, chỉ vật luận tướng đổi dời, chỉ tướng đổi dời luận vật, nay tâm cũng như vậy. Nếu từ một tâm sanh tất cả các pháp, đó tức là dọc. Nếu tâm một lúc bao hàm tất cả pháp, đó tức là ngang, dọc cũng không thể, ngang cũng không thể. Chỉ tâm là tất cả pháp, tất cả pháp là tâm, nên chẳng phải dọc chẳng phải ngang, chẳng phải một, chẳng phải khác, huyền diệu sâu tuyệt, chẳng phải chỗ biết của thức, chẳng phải chỗ nói của nói, do đó xưng là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Ý tại nơi đây tự thấu rõ cảnh một tâm chẳng nghĩ bàn, bèn khởi đồng thể đại bi, phát tâm Bồ-đề chân chánh v.v...

Phần sau đây là nói về chín thứ Quán môn thành thục. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Như trong ba thừa cũng nói trí căn bản và trí hậu đắc, nay muốn hạng người ba thừa hồi tâm, chỉ bày Phật Bất Động Trí ở thế giới Kim sắc đây, khiến bèn nhận rõ nay là tự tâm hay phân biệt, trí vốn không chỗ động, Văn-thù Sư-lợi tức là tự tâm khéo chọn lựa không tướng Diệu tuệ. Bồ-tát Giác Thủ, Mục Thủ v.v... tức là tự tâm tùy chỗ thấy lý trí trong tin hiểu. Như vậy hạng người ba thừa chưa hồi tâm hẳn sẽ chẳng tin. Tại sao? Vì lập ba A-tăng-kỳ kiếp sau sẽ được thành được vậy. vì chính tự nhận thân và tâm đều là phàm phu, chỉ tin Phật có trí Bất động v.v... chẳng tự tin tự tâm là căn bản trí bất động, Phật cùng

Phật không khác. vì nghĩa đó nên chẳng thành. Trong giáo pháp giới thừa đây dùng trí căn bản làm tín tâm. Tín tâm trong kinh đây phải nên tin ngay như vậy. Tánh của tự tâm phân biệt là Phật Bất Động Trí căn bản trong tánh pháp giới. Thế giới Kim sắc là lý của tự tâm không nhiễm, Văn-thù Sư-lợi là Diệu tuệ khéo chọn lựa của tự tâm, Bồ-tát Giác Thủ, Mục Thủ v.v... là lý trí hiện tiền trong tùy tín tâm. Vì trong nhân tin khế hợp với quả pháp chư Phật, mảy may chẳng sai lầm, mới thành tín tâm. Từ đây tin rồi dùng Định tuệ mà tấn tu trải qua thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, thập nhị địa (?), ngày tháng năm kiếp số thời gian lại vô biên. Pháp giới như gốc, Phật Bất Động Trí như cũ, mà thành biển Nhất thiết chủng trí, giáo hóa chúng sanh, nhân quả chẳng đổi thay, thời gian kiếp số chẳng cải biến, mới thành tin vậy. Nếu lập Tăng-kỳ, Định thật thân là phàm phu, phàm Thánh hai đường, thời gian kiếp số chuyển dời đổi thay, ngoài tâm có Phật, chẳng thành tín tâm. Lại như trong kinh Viên Giác nói: "Bồ-tát Kim Cang Tạng bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các chúng sanh xưa nay vốn thành Phật, cớ sao lại có tất cả vô minh". Nếu chư Phật rõ biết chúng sanh vốn có, bởi nhân duyên gì Như Lai lại nói xưa nay thành Phật? Mười phương các loài dị sanh vốn thành Phật đạo, sau mới khởi vô minh. Tất cả Như Lai lúc nào lại sanh tất cả phiền não? Cúi mong Đức Thế Tôn chẳng xả bỏ đại từ không ngăn ngại vì các Bồ-tát mở bày kho tàng bí mật!" Cho đến, Đức Phật bảo: "Này thiện nam! Tất cả thế giới sanh diệt thủy chung, có không trước sau, tụ tan khởi dừng, niệm niệm tương tục xoay quanh qua lại, các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, chưa vượt khỏi luân hồi mà biện giải viên giác, tánh viên giác đó tức đồng lưu chuyển, nếu miễn khỏi luân hồi thì điều đó không thể có. Thí như mắt động hay lay nước lắng. Lại như mắt định còn xoay chuyển vòng lửa, mây chạy trăng đi, thuyền chạy bờ chuyển dời, cũng lại như vậy. Này thiện nam! Các vòng quay chưa dứt, vật kia trước dừng còn không thể được, huống gì lưu chuyển sanh tử, tâm dơ chưa từng thanh tịnh, quán viên giác Phật mà chẳng quay lại, cho nên các ông bèn sanh ba thứ mê hoặc. Này thiện nam! Thí như huyễn ế (màng mắt không có thật) vọng thấy hoa đốm hư không, nếu dứt trừ huyễn ế, không thể nói năng. Ế đây đã diệt, lúc nào nổi lại tất cả các ế? Tại sao? Hai pháp huyễn ế và hoa đốm chẳng phải cùng đối đãi vậy, cũng như lúc hoa đốm giữa hư không diệt mất giữa hư không, không thể nói hư không lúc nào nổi lại hoa đốm giữa hư không. Tại sao? hư không vốn không có hoa chẳng phải khởi diệt vậy. Sanh tử Niết-bàn đồng ở khởi diệt, Diệu giác viên chiếu lìa

nơi hoa đốm và huyễn ế. Này thiện nam! Phải biết hư không chẳng phải tạm có, cũng không tạm không, huống gì viên giác Như Lai tùy thuận, mà làm bản tánh hư không bình đẳng. Này thiện nam! Như nung vàng khoáng, vàng chẳng phải do nung mà có. Đã thành vàng rồi thì không còn trở lại làm khoáng, trải qua thời gian dài vô cùng, tánh vàng vẫn chẳng hoại, không nên nói năng vốn chẳng phải thành tựu. Viên giác của Như Lai cũng lại như vậy. Nên biết Viên giác Diệu tâm như tánh của hư không. Sanh tử Niết-bàn tức tướng của hoa đốm hư không. Mắt có màng che chẳng không khởi diệt chân tánh, nào từng có không. Như khoáng ngậm chứa vàng, vàng chẳng phải khoáng có, lại chẳng phải nung được, cần dùng nung thành, lúc mê như vàng chưa sạch, ngộ rồi như vật báu đã thành, vàng thật chẳng động, dơ sạch chợt phân. Diệu tánh không khuyết, mê ngộ tự được". Do đó trong kinh Bất Tư Nghì Phật Cảnh Giới nói: "Bấy giờ Tu-bồ-đề lại nói: "Đại sĩ! Ông quyết định trú tại xứ nào? Trú tại Thanh văn địa, trú tại Bích-chi-phật hay trú tại Phật địa?" Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi đáp: "Đại đức! Ông nên biết tôi quyết định trú ở tất cả các địa". Tu-bồ-đề nói: "Đại sĩ! Ông có thể cũng quyết định trú ở phàm phu địa ư?" Văn-thù đáp: "Đúng vậy, tại sao? Tất cả các pháp và cả chúng sanh, tánh đó tức là chánh vị quyết định, tôi thường trú chánh vị ấy, cho nên tôi nói quyết định trú ở phàm phu địa vậy".Tu bồ đề lại hỏi: Nếu tất cả các pháp và cả chúng sanh tức là chánh vị quyết định, cớ sao dựng lập các địa sai biệt, mà nói đây là Phàm phu địa, đây là Bích-chi-phật địa, đây là Phật địa ư?" Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi đáp: "Đại đức! Thí như thế gian dùng ngôn thuyết nên ở trong hư không dựng lập mười phương. Có nghĩa: Đây là phương Đông, đây là phương Nam, cho đến đây là phương trên, đây là phương dưới. Tuy hư không không sai biệt mà các phương có các thứ sai biệt như vậy như vậy. Đây cũng như vậy, Như Lai ở trong tất cả các pháp chánh vị quyết định, khéo dùng phương tiện lập ở các địa, nghĩa là: đây là phàm phu địa, đây là Thanh văn địa, đây là Bích-chi-phật địa, đây là Bồ-tát địa, đây là Phật địa. Tuy chánh vị không sai biệt mà các địa có sai biệt vậy". Do đó, trong Thai Giáo nói: "Tứ giáo như bốn điểm trong hư không, bốn điểm tuy rõ ràng, chẳng hoại tánh hư không, nhưng địa vị đây đến trong cứu cánh vị, hoặc lý hoặc hạnh mới có thể cùng tận". Như trong kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp nói: "Phật Tử! Địa vị thứ bốn mươi hai gọi là tịch diệt tâm Diệu giác địa, một tướng thường trú, vô cực thứ nhất lắng như hư không, Nhất thiết chủng trí chiếu đạt vô sanh, có thủy chung chắc thật, chỉ Phật mới cùng tận, căn bản chúng sanh có

thủy có chung, Phật cũng chiếu khắp cùng, cho đến tất cả phiền não, tất cả quả báo của chúng sanh, Phật chỉ trong một niệm tâm xứng lượng tận cùng. Tất cả cõi nước Phật, tất cả nhân Phật, tất cả Bồ-tát thần biến, cũng biết ngay trong một niệm một lúc, trú ngoài hai đế chẳng thể nghĩ bàn, riêng ở không hai”. Vậy, biết trước được tông bản, sau đó luyện mài, ngay lúc luyện mài chẳng mất gốc đạo. Như khéo léo luyện vàng chẳng mất cân lạng, ở trong viên tiệm, cấp giáng sao không từ hữu vi mà đến vô vi, nhân sanh nhẫn mà thành pháp nhẫn, viên dung chẳng hoại hành bố, hoại thì mất sự của toàn lý, hành bố chẳng ngại viên dung, ngại thì mất lý của toàn sự. Nhưng tuy, lý sự một lúc, nhân quả đồng thời, cơ của sanh thục tợ có phân mà tâm của trước sau chẳng xen lạm, thẳng đến Diệu giác như lúc trăng tròn, mới tận môn nhân mới ngầm biển quả. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Thí như đi thuyền muốn vào biển lớn, chưa đến nơi biển đã dùng nhiều công sức, nếu đến biển rồi chỉ thuận theo gió đi, chẳng nhờ sức người. Vì đến nơi biển lớn, đi trong một ngày so với khi chưa đến, đi ở lúc chưa đến giả sử trải qua cả trăm ngàn đi không thể kịp. Phật tử! Vị Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, tích tập căn lành tư lương to lớn, cưỡi thuyền Đại thừa đến biển Bồ-tát hạnh, ở trong khoảng một niệm, dùng dụng trí không công, vào Nhất thiết trí trí cảnh giới, vốn có công dụng hạnh trải qua vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, chỗ chẳng thể kịp”.

Hỏi: Vào Thật quán thì một còn chẳng còn, cớ sao nói rõ rộng ra mười pháp?

Đáp: Phàm, vào Thật quán là Quán thật của các pháp. Một pháp đã thật, muôn pháp đều vậy, thì một thật tức tất cả thật, như biết tánh ngọt của đường mật thì tất cả đường mật đều ngọt, thì chẳng nhờ mượn nơi nhiều môn quán. Chỉ rõ một pháp chẳng nghĩ bàn, tự nhiên giăng khắp pháp giới đều đồng yếu chỉ đây. Hạng đại căn chỉ một lần nhìn qua thì rơi hết không sót, như thầy thuốc bậc thượng trị bệnh, thấy thảo đồng múa mà các bệnh đều tiêu, lại nghe ngay lời người đó nói bệnh tự dứt trừ, thì nào phải dò xem lại đợi cho phương thuốc. Lại như Thầy thuốc bậc thượng dùng chẳng phải thuốc làm thuốc, thầy thuốc bậc trung dùng thuốc làm thuốc, thầy thuốc bậc hạ dùng thuốc thành chẳng phải thuốc, chẳng phải thuốc làm thuốc là như nói không một vật nào chẳng phải là thuốc, nắm cỏ mà thành, đâu nói là thuốc hay chẳng phải thuốc, như hành chẳng phải đạo mà thông Phật đạo, tức phiền não mà thành Bồ-đề. Tất cả các thế gian thuần là Phật pháp. Dùng thuốc làm thuốc là tức ứng bệnh mà cho thuốc, tùy tay trị lành hẳn, phụ tử trị gió,

vỏ quýt tiêu hơi v.v... như quán căn mà trao pháp chẳng mất thời đó. Với hạng người nhiều tư giác thì tu quán sổ tức, hạng nhiều dâm dục thì tu Quán bất định v.v... Thuốc thành chẳng phải thuốc là tức không biết nguồn bệnh, trái lại làm tăng thêm bệnh đó. Như nói pháp mà chẳng đợi thời cơ, thì hàng căn thấp kém khởi tâm phỉ báng. Hàng hạ sĩ nghe mà cười lớn. Đề hồ thượng vị là trân kỳ ở đời mà gặp hạng người đó vụt nhiên biến thành thuốc độc. Như hạng người thượng thượng căn, mới ngộ tông đây chẳng đợi phải nói năng. Do đó các bậc Thánh xưa trước nói rằng: "Thượng sĩ thấy thơ ta, nắm lấy cười hớn hở, Dương Tu thấy trẻ gái, nhìn qua bèn biết khéo". Hoặc chướng ngăn sâu dày, căn tư chậm xoay lại phải đầy đủ trải qua quán môn đối trị hạt giống hiện hành, như thêm bớt sửa hợp ăn mặc sau sai. Thai giáo căn cứ căn bậc trung bậc hạ, phải trải qua đủ quán pháp thập thừa. Tuy nhiên, đủ mười mà chẳng lìa một môn. Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Rõ suốt vào Thật quán, tức Quán pháp của mười thừa: Một là, cảnh chẳng nghĩ bàn, tức là một thật tứ đế, nghĩa là sanh tử khổ đế chẳng thể nghĩ bàn, tức không tức giả tức trung. Tức không nên phương tiện tịnh. Tức giả nên viên tịnh, tức trung nên tánh tịnh. Ba tịnh trong một tâm được gọi là Đại Niết-bàn. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Tất cả chúng sanh tức Đại Niết-bàn, nên gọi là Tứ đế chẳng thể nghĩ bàn vậy, không thể lại diệt, đó tức là khổ đế của sanh tử, là diệt đế của vô tác, cũng là tập đạo vậy". Phiền não tập đế chẳng thể nghĩ bàn, tức không tức giả tức trung. Tức không nên gọi là Nhất thiết trí, tức giả nên gọi là Đạo chủng trí, tức trung nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Ba trí được trong một tâm nên gọi là đại Bát-nhã. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Tất cả chúng sanh tức tướng Bồ-đề, không thể lại đắc. Đây tức là tập của phiền não, mà là đạo đế vô tác, cũng là khổ diệt, nên gọi một thật tứ đế chẳng thể nghĩ bàn vậy, cũng là sắc chân thiện diệu. Tại sao? Sanh tử là không nên gọi là chân, sanh tử tức giả nên gọi là thiện, sanh tử tức trung tức gọi là diệu. Đây gọi là hữu môn, cảnh chẳng thể nghĩ bàn vậy; Hai là, phát tâm chân chánh. Tất cả chúng sanh tức Đại Niết-bàn, cớ sao điên đảo lấy khổ làm vui, tức khởi đại bi phát hai thệ nguyện, khiến người chưa độ được độ, khiến người chưa đoạn được đoạn, tất cả phiền não tức là Bồ-đề, cớ sao ngu tối lấy đạo làm quấy, tức khởi đại từ phát hai thệ nguyện, khiến người chưa biết được biết, khiến người chưa đắc thì đắc. Từ bi vô duyên, thệ nguyện thanh tịnh, căn lực từ thiện hấp lấy tất cả chúng sanh vậy; Ba là, an tâm, đã thấu rõ thành tựu, phát tâm đầy đủ, đâu có thể đến ao trông cá chẳng chịu buộc mồi trong lưới, xếp chân ngồi yên, chẳng hành

cốt yếu tu hành chẳng sanh ra định tuệ. Thí như âm dương điều hòa thích hợp, muôn vật đẹp đẽ tốt tươi, mưa nắng sai thời tiết, đốt cháy nào chẳng sanh. Nếu hai bánh xe quân bình thì xe có thể vận chuyển, hai cánh đầy đủ kham nhận bay cao. Rõ hiểu sanh tử tức Niết-bàn gọi đó là Định, thấu đạt phiền não tức Bồ-đề gọi là tuệ, ở trong một niệm khéo tu định tuệ, đầy đủ tất cả các hạnh vậy; Bốn là, phá giáo biến, vì diệu tuệ đây như búa kim cang, mọi vật bị đập phá đều nát, như mặt nhật không màn che, nơi soi chiếu đến đều sáng rõ. Nếu sanh tử tức Niết-bàn là phần đoạn, biến dịch và khổ đế đều phá. Nếu phiền não tức Bồ-đề thì bốn trụ, năm trụ và tập đế đều phá. Tuy lại năng phá cũng chẳng có sở phá. Tại sao? Sanh tử tức Niết-bàn nên không chỗ phá vậy; Năm là, biết thông bít, như làm chủ binh báu, lấy bỏ được thích nghi, mạnh thì yên đó, yếu vỗ về đó. Biết sanh tử quá loạn gọi là bít, tức là Niết-bàn gọi là thông. Biết phiền não tạp loạn gọi là bít, tức là Bồ-đề gọi là thông, mới đầu từ bốn kiến của ngoại đạo, cho đến bốn môn của Viên giáo đều biết thông bít, tiết tiết chấp trước gọi là bít, tiết tiết mất sạch gọi là thông, nếu không biết các pháp thường hiểm, chẳng phải chỉ hành pháp chẳng trước cũng mất đi trọng báu vậy; Sáu là, khéo biết đạo phẩm. Quán sanh tử tức Niết-bàn, sắc ấm sanh tử trong mười giới đều chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, cho đến biết ấm chẳng phải thường chẳng phải bất thường. Hay phá tám điên đảo, tức pháp tánh bốn niệm xứ, trong niệm xứ đầy đạo phẩm ba giải thoát và tất cả pháp. Lại biết Niết-bàn tức sanh tử, hiển bày bốn cây khô, biết sanh tử tức Niết-bàn, hiển bày bốn cây tươi tốt, biết sanh tử và Niết-bàn không hai, tức một thật đế, chẳng phải khô chẳng phải tươi tốt, trú Đại Niết-bàn vậy; Bảy là, khéo tu đối trị. Nếu chánh đạo lắm nhiều chướng ngại nên phải tu trợ đạo, quán sanh tử tức Niết-bàn, trị báo chướng, Quán phiền não tức Bồ-đề trị nghiệp chướng và phiền não chướng vậy; Tám là, khéo biết vị thứ, pháp của sanh tử vốn tức là Niết-bàn, lý Niết-bàn vậy. Hiểu biết sanh tử tức Niết-bàn là danh tự Niết-bàn vậy, chuyên cần quán sanh tử tức Niết-bàn tức là quán hạnh Niết-bàn vậy. Công đức căn lành tức là tương tợ Niết-bàn vậy, tuệ chân thật khởi tức là phần chân Niết-bàn vậy, tận đáy sanh tử tức là cứu cánh Niết-bàn vậy. Quán phiền não tức Bồ-đề cũng như vậy; Chín là, khéo an nhẫn, hay an trong ngoài mạnh yếu, ngăn chướng chẳng ngại quán tâm. Nếu quán sanh tử tức Niết-bàn, chẳng bị cảnh ấm nhập, ma nghiệp bệnh hoạn, cảnh thiền của Nhị thiền cảnh thiền của Bồ-tát v.v... làm lay động phá hoại, nếu quán phiền não tức Bồ-đề chẳng bị các kiến, cảnh Tăng thượng mạn v.v... lay động vậy;

Mười là, không pháp ái. Đã qua chướng nạn, đạo căn thành lập các công đức sanh, quán sanh tử tức Niết-bàn nên công đức các thiền Tam-muội sanh. Quán phiền não tức Bồ-đề, nên các Đà-la-ni vô úy, bất cộng, các Bát-nhã sanh. Quán sanh tử Niết-bàn không hai nên thật tướng pháp thân sanh, tương tợ công đức thuận lý mà sanh, vui khởi thuận đạo pháp ái sanh, gọi là pháp ái, chẳng tiến lên chẳng thối lùi gọi là Đảnh đọa. Ái ấy nếu khởi, tức phải diệt nhanh, đã ái nếu diệt, đã phá vô minh, mở thấy biết của Phật, chứng thể của thật tướng. Quán sanh tử tức Niết-bàn nên chứng đắc giải thoát. Phiền não tức bình đẳng nên chứng đắc Bát-nhã. Hai đây không hai, chứng đắc pháp thân, một thân đủ vô lượng thân, báu Vô thượng nhóm tụ, tròn đầy châu như ý, các pháp đầy đủ, gọi là hữu môn vào...

Thật, chứng đắc Thể Kinh. Ba môn cũng như vậy, cho đến trải qua tất cả các môn cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tức tâm là Phật thì tất cả hàm sinh đều có tâm ấy, đều được thành thật, cớ sao trong giáo không thấy ghi trao danh hiệu kiếp, nước?

Đáp: Danh hiệu kiếp nước là dự ghi trước mắt trong xuất thế hóa môn. Muốn biết dự ghi chân thật là như trong kinh Tịnh Danh nói: "Tất cả chúng sinh cũng như vậy, tất cả pháp cũng như vậy". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Bày sức Phật tự tại,
Như nói kinh viên mãn,
Vô lượng các chúng sinh,
Đều nhận ghi Bồ-đề".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Trong mỗi mỗi tâm niệm,
Quán khắp tất cả pháp,
An trú đất chân như,
Thấu rõ biển các pháp".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Trong mỗi mỗi vi trần,
Hay chứng tất cả pháp,
Không chỗ ngại như vậy,
Đi khắp mười phương cõi".

Đó thì Nhân pháp tâm cảnh đều dự ghi thành Phật, vì một niệm đầy đủ, một mảy trần chẳng khuyết thiếu, niệm niệm chứng chân, trần trần hợp thể, đồng ở cõi Thường Tịch Quang, đồng hiệu là Tỳ-lô-giá-

na, trọn không cõi nước khác thân hình khác. Thánh mạnh phàm yếu, cùng chư Phật trong ba đời đồng một lúc thành đạo, tình trước sáu đều tiêu, cùng mười loại chúng sinh đồng ngày nhập Niết-bàn, kiếp chấp thủy chung đều tuyệt. Miễn khởi vọng giải của hữu tình và vô tình, chẳng sinh tà tư của trong tâm ngoài tâm, có thể gọi là trên không chỗ cầu dưới không chỗ hóa, ngầm chân giẫm thật, được bản về tông, đều lên môn giải thoát trong một thời khoảng, đều thọ nhận dự ghi của Bồ-đề bình đẳng. Lại, các bậc cổ đức hỏi rằng: Đã là sắc tâm không hai, tu tánh nhất như, sao không thấy cây, đá thọ nhận dự ghi thành Bồ-đề ư? Xin đáp: Mỗi mỗi các sắc, chỉ là duy tâm, ngoài tâm không pháp, đâu chỉ tâm diệt mà sắc vẫn còn? Phật chỉ dự ghi hữu tình mà gồm cả vô tình. Thí như việc huyễn cần gá tâm huyễn, tâm tại trong huyễn hay gìn giữ việc huyễn. Nếu tâm đó diệt, thì việc huyễn đồng không, nên chỉ diệt tâm, chẳng lại diệt việc. Sắc tâm chúng sinh cũng lại như vậy, đều như tướng huyễn. Tất cả cảnh ngoài đều từ tâm huyễn sinh, đâu còn diệt tâm mà còn sắc huyễn. Đó tức là hữu tình được dự ghi mà vô tình cũng vậy, cho nên vô tình chẳng phải riêng dự ghi. Trong Huyền Nghĩa Cách nói "Phật thật là từ lúc mới phát tâm tức thể nhất chân pháp giới, toàn đồng Phật xưa trước. Tướng tận cùng cả ba mé toàn hiện nơi một mảy trần, biển tánh vô biên trong ngoài chẳng thể được, tin pháp đây nên gọi là phát tâm. Tâm không khác niệm nên gọi là chứng, chứng thành gọi là Phật, đích thực không phương sở". Lại theo Viên giáo, người mới và sơ trụ tâm đồng pháp giới, thần không phương sở, nào dùng áo trời tòa trời, bốn chúng vây quanh. Phàm lập danh hiệu kiếp nước, dự ghi làm Phật là vì dẫn người chưa phát tâm khiến họ hâm mộ vậy. Nếu đắm trước thân hình cõi nước thì tình chưa sạch vậy. Do đó, trong luận Hoa Nghiêm nói: "Lúc mới phát tâm bèn thành Chánh giác, ngay trong khoảng một sát-na đều được pháp đây, chẳng hứa ở ngoài khoảng sát-na có thời riêng khác, phải biết tức chẳng phải bản pháp vậy. Nếu có người ở trong Phật pháp thấy Phật thành đạo, làm kiếp lượng ngắn dài xứ sở mà sinh, người thấy tin cũng chưa thành, chưa luận đến vấn đề tu đạo. Nếu hiểu thì xưa nay đều được, còn mê thì tự chìm đắm luân hồi". Lại nói: "Chỉ có chỗ thấy cảnh giới và danh hiệu Như Lai, tất cả đều là pháp của tự tâm Phật quả nhóm họp, nếu tự tâm chẳng hội, thì có đối mặt cũng không kỳ hạn trông thấy".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 24

Hỏi: Phàm, vốn lý thành Phật chỉ là một tâm, cớ sao lại lập nhân hạnh vị của Văn-thù Phổ Hiền, quả danh hiệu của Thích-ca, Di-lặc. Cho đến cõi nước chư Phật khắp mười phương, thần thông biến hiện các thứ pháp môn?

Đáp: Đây là danh vị của không danh vị, nhân quả của không nhân quả. Tâm đó làm nhân, tâm đó thành quả, tâm đó nêu danh tâm đó lập vị. Trong kinh Phổ Hiền Quán nói: "Nhân Đại thừa tức là thật tướng, quả Đại thừa cũng là thật tướng". Trong Thính Luận nói: "Mới đầu quán thật tướng gọi là nhân, quán xong gọi là quả", nên biết trước sau đều là tâm, nhân quả đồng chứng, chỉ vì căn cơ chẳng đồng nên chỗ thấy chẳng đều. Nếu đem một pháp đợi căn cơ, trọn không đều thành giải thoát, phải mỗi mỗi chỉ bày, dẫn vật về tâm. Tuy tên có khai mở các thứ mà đều là nghĩa của một tâm. Nếu trái với tự tâm, thủ lấy cảnh ngoài tướng Phật thắng diệu, thì là điên đảo. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Nếu dùng oai đức sắc chủng tộc,
Mà thấy đấng điều ngự trong người,
Là bị bệnh mắt thấy điên đảo,
Lại chẳng thể biết pháp tối thắng".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Giả sử trăm ngàn kiếp,
Thường thấy Đức Như Lai,
Chẳng nương nghĩa chân thật,
Mà quán cầu ở đời,
Là người thủ các tướng,
Thêm lớn lưới ngu hoặc,
Trói buộc ngục sinh tử,
Mù tối không thấy Phật".

Cớ sao không thấy Phật? Một là vì không biết tự tâm, Hai là vì

không rõ ẩn hiển. Tại sao? Nhân của chúng sinh ẩn nơi Bản giác, quả của chư Phật hiển nơi pháp thân. Bản giác của nhân ẩn là pháp thân của quả hiển. Quả hay thành nhân thì chúng sinh của Phật. Pháp thân của quả hiển, là bản giác của nhân ẩn, nhân hay thành quả thì Phật của chúng sinh, nên nói phàm thánh suốt cùng, sự lý ham dung vậy. Do đó, Thích-ca Mâu-ni là Thích-ca ở đây gọi là Năng Nhân, Mâu-ni đây gọi là Tịch Mặc. Năng nhân tức là tâm tánh vô biên hàm dung tất cả. Tịch mặc tức là tâm thể vốn lặng, động tĩnh chẳng liên can. Giác, đây gọi là Phật, Di-lặc đây gọi là Từ Thị, tức là từ của một tâm chân thật, vì tâm chẳng giữ tự tánh mặc tình theo vật cuộn buông, ứng hiện vô phương, thành hóa của vô duyên, nên gọi là Từ Thị. A-di-đà, ở đây gọi là Vô Lượng Thọ, tức Như lý làm mạng, vì tánh của nhất tâm chân như không cùng tận vậy, mới gọi là Vô Lượng Thọ, A-súc, ở đây gọi là bất động, tức diệu tánh nhất tâm trong lắng chẳng động. Như Tam tạng Pháp sư Lặc-na nói: "Kính lễ khắp cùng pháp giới là do vì hành giả tưởng quán thân tâm chính mình đồng như pháp, từ xưa đến nay chẳng lìa pháp giới, ngoài thân chư Phật, cũng chẳng tại trong thân chư Phật, chẳng tại ngoài ta cũng chẳng tại trong ta, tự tánh bình đẳng, vốn không tăng giảm. Nay kính lễ một Phật, thông khắp nơi có địa vị Ba thừa vô lậu của chư Phật. Thân ta đã khắp, tùy theo Phật cũng khắp, cho đến pháp giới không có hai cảnh, y báo chánh báo các thứ dụng cụ trang nghiêm, tùy duyên khắp đầy, chẳng lìa pháp giới, tùy tâm vô ngại, đều dâng cúng dường, tùy vui mừng kính lễ. Như trong một phòng nhà treo trăm ngàn gương soi. Có người trông nhìn gương, các gương đều hiện của tượng. Thân Phật thanh tịnh sáng hơn hẳn gương ấy. Lần lượt cũng giẫm vào, gương không gì chẳng chiếu, ảnh không gì chẳng hiện. Đây thì gồm khác làm chung, vào khác làm riêng, một thân đã vậy, cho đến tất cả pháp giới. Thân của phàm Thánh dụng cụ cúng dường, đều trợ tùy hỷ, đều đồng cúng dường. Đã biết thân ta tại trong thân Phật. Cớ sao điên đảo vọng tạo nghiệp tà, chẳng sinh hổ thẹn". Lại nữa, Đức dụng của chư Phật đã đều, danh hiệu cũng đồng, tùy xưng tên gì, không tên nào chẳng tận. Như xưng tên hiệu Phật A-di-đà, kính lễ thỉnh cầu tất cả chư Phật, không đâu chẳng khắp đủ. Ở Tây vức gọi là Phật A-di-đà, ở đây gọi là Phật Vô Lượng Thọ, đâu có một Phật chẳng phải trường thọ vậy. Giả sử tất cả chư Phật không giáo hóa chúng sinh, chỉ một Phật giáo hóa chúng sinh, tức công quy về pháp giới, đức dụng pháp giới cùng khắp. Đó gọi là kính lễ khắp cùng pháp giới vậy". Trong kinh Lăng-già nói: "Phật bảo: Đại Tuệ! Do bốn bình đẳng nên Đức Như Lai

Ứng Chánh Đẳng Giác ở trong đại chúng mà xướng lời rằng: Bấy giờ, ta làm Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Phật Ca-diếp. Bốn bình đẳng là gì? Nghĩa là danh tự bình đẳng, ngôn ngữ bình đẳng, pháp bình đẳng, thân bình đẳng, gọi là bốn bình đẳng. Thế nào là nghĩa bình đẳng? Nghĩa là đồng một danh tự, đồng một tiếng Phạm, đồng môn Nhất thừa, đồng thể nhất chân, cho đến đồng một tâm, đồng một trí, đồng một giác, đồng một đạo. Như Ương-quật-ma-la cùng Văn-thù Sư-lợi đồng dạo khắp mười phương, nơi thấy chư Phật trong mười phương, chư Phật đó đều xưng là Phật Thích-ca, tức là thân ta vậy". Lại, trong kinh Pháp Hoa nói rõ: "Chư Phật ở mười phương đều là phân thân của Phật Thích-ca". Thì Phật A-sơ và Phật Di-đà đều là Bản sư vậy. Bản sư tức là tâm ta vậy, giải thích rằng: Chẳng phải riêng Phật Di-đà hay Phật A-súc mà mười phương chư Phật đều là Bản sư của ta, Hải ấn chóng hiện. Vả lại trong kinh Pháp Hoa nói phân thân có nhiều Tịnh độ. Đức Như Lai sao chẳng chỉ Tịnh độ của mình, mà khiến riêng đến Phật diệt độ hay Phật Diệu Hỷ? Nêu tư duy đó. Nên biết, Hiền Thủ, Di-đà v.v... đều là Bản sư vậy, đâu có gì quái lạ ư? Nói Hiền Thủ tức trong phẩm Thọ Lượng nói; "Quá trăm muôn A-tăng-kỳ kiếp sau cùng là Đức Như Lai ở thế giới Thắng Liên Hoa vậy". Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Hoặc thấy cõi Liên Hoa thắng diệu,
Như Lai Hiền Thủ trú trong đó".

Vậy, nếu chẳng phải tán thán Bản sư thì nói Như Lai khác ở cõi nước khác, để làm gì? Vả lại, trong Tổng Trì Giáo cũng nói: "Ba mươi bảy tên đều là một Phật Giá-Na hiện nên". Nghĩa là trong tâm Như Lai Tỳ-lô-giá-na chứng tự thọ dụng, thành ở năm trí, từ bốn trí lưu xuất bốn Như Lai, nghĩa là Đại Viên Cảnh Trí lợi ích Như Lai A-súc ở phương Đông, bình đẳng tánh trí lưu xuất Như Lai Bảo Sinh ở phương Nam, Diệu quán sát trí lưu xuất Như Lai Vô Lượng Thọ ở phương Tây, Thành sở tác trí lưu xuất Như Lai Bất Không Thành Tựu ở phương Bắc. Pháp giới thanh tịnh trí tức tự ngay Như Lai Tỳ-lô-giá-na. Nói ba mươi bảy là các Như Lai ở năm phương mỗi mỗi đều có bốn Đại Bồ-tát, ở tại hai bên tức thành hai mươi vị. Nói Bốn Đại Bồ-tát ở phương giữa nơi Như Lai Tỳ-lô-giá-na, đó tức: Một là, Bồ-tát Kim Cang Ba-la-mật, Hai là, Bồ-tát Bảo Ba-la-mật, Ba là, Bồ-tát Pháp Ba-la-mật, Bốn là, Bồ-tát Yết-ma Ba-la-mật. Bốn Đại Bồ-tát ở Đức Như Lai tại phương Đông tức: Một là Bồ-tát Kim Cang Tát-đỏa, Hai là Bồ-tát Kim Cang Vương, Ba là Bồ-tát Kim Cang Ái, Bốn là Bồ-tát Kim Cang Thiện Tài. Bốn vị Đại Bồ-tát ở Đức Như Lai Bảo Sinh tại phương Nam tức: Một là Bồ-tát Kim

Cang Bảo, Hai là Bồ-tát Kim Cang Oai Quang, Ba là Bồ-tát Kim Cang Tràng, Bốn là Bồ-tát Kim Cang Tiếu. Bốn vị Đại Bồ-tát ở Đức Như Lai Vô Lượng Thọ cũng còn gọi là Như Lai Quán Tự Tại Vương tại phương Tây tức: Một là Bồ-tát Kim Cang Pháp, hai là Bồ-tát Kim Cang Kiếm, ba là Bồ-tát Kim Cang Nhân, bốn là Bồ-tát Kim Cang Lợi. Bốn vị Đại Bồ-tát ở Đức Như Lai Bất Không thành tựu tại phương Bắc tức: Một là Bồ-tát Kim Cang Nghiệp, Hai là Bồ-tát Kim Cang Pháp, Ba là Bồ-tát Kim Cang Dược-xoa, Bốn là Bồ-tát Kim Cang Quyền. Như vậy, đã có hai mươi lăm và bốn gồm tám cúng dường nên thành ba mươi bảy. Nói bốn gồm tức là câu, sách, khóa và linh. Tám cúng dường là: đốt, rải, đèn, thoa, hoa, vàng hoa, ca, múa, đều trên thì có Kim cang, dưới có Bồ-tát. Nhưng ba mươi bảy tôn ấy mỗi mỗi đều có hạt giống, đều là tín dụng của Bản sư lưu xuất, so với Hải ấn chóng hiện trong kinh Hoa Nghiêm đây, đại ý đồng vậy.

Hỏi: Nếu y theo nghĩa đây đâu trái với ý thú bình đẳng? ý thú bình đẳng nói nói tức ta là y cứ nơi bình đẳng ý thú mà nói, chẳng phải tức thân ta, cớ sao nói là Bản sư ư?

Đáp: Đúng, nói của bình đẳng mới là một nghĩa. Duy thức còn nói trong tất cả chúng sinh có thuộc nhiều Phật, nhiều Phật cùng hóa để làm một Phật. Nếu thuộc một Phật, thì Phật hai thị hiện để làm nhiều thân. Các Đức Như Lai ở mười phương, mỗi mỗi đều vậy. Nay chánh vì nói Phật hay làm nhiều thân, y cứ đây mà tán thán Bản sư vậy. Như có vị đệ tử hỏi Phó Đại sĩ rằng: “Xưa nay mở văn sớ Phật, nào chỉ mở Thích-ca mà chẳng xưng Di-lặc ư?” Đáp: “Mười phương chư Phật cùng một pháp thân, sao hẳn phải hai? Lại ba thân hay mười thân là tùy dụng mà nói. Căn cứ bản tánh đó thì chỉ một thân mà thôi. Như phòng nhà tăm tối, ánh sáng hiếm hoi theo lỗ hổng mà soi chiếu, ánh sáng tuy muôn khác, mà vốn nó chỉ một, đó nghĩa là chân pháp thân vậy, cũng là tùy cơ hiện nên hình tướng chẳng đồng. Như trong phẩm xuất hiện có kệ tụng rằng:

“Thí như Phạm vương ở cung mình,
Hiện khắp ba ngàn nơi các phạm.
Tất cả trời người đều được thấy,
Thật chẳng phân thân đến nơi kia.
Chư Phật hiện thân cũng như vậy,
Tất cả mười phương đều cùng khắp,
Thân đó vô số chẳng thể xưng,
Cũng chẳng phân thân chẳng phân biệt”.

Mới biết chẳng phải trí Phật khác khắp ở mình, thì là trí Phật ở mình khắp cùng khác. Cũng chẳng phải nhân ở mình đến quả ở khác, vốn là quả khác nương nhân ở mình, thì nhân quả đồng thời. Thánh phàm một khoảng. Do đó thấu rõ tướng không hai hay vượt quá cõi ma, chẳng được một pháp an trú Phật thừa. Nếu chấp thủ tướng thì chìm đắm trong biển sáu nhập, khởi niệm thì gieo đến thành quách năm ấm. Đều là chúng sinh theo tình sai biệt mà khởi thấy tự tha, thì ảnh phân nhiều trăng, vết nhậm khác hình, chẳng lìa một chân, mỗi mỗi đều hiện ở dòng nước tâm. Nên Đại sư Dung nói: "Chẳng lìa ngũ ấm có Phật". Trong kinh nói: "Như tâm Phật cũng vậy, như Phật chúng sinh vậy". Lại nói: "Lìa tâm cầu Bồ-đề, thí như trời và đất, nào có thân trượng sáu, thân không trượng sáu vậy". Trong Đại Phẩm nói: "Chẳng lấy thân làm Phật, dùng chủng trí làm Phật. Nếu tướng tốt là Phật, Luân vương cũng có vậy". Nay, sao trong thân nhiều người Phật nào chẳng thấy? Vì phiền não vậy. Trong kinh nói: "Chúng sinh có đủ thứ phiền não, tuy gần mà chẳng thấy". Chỉ tại trong thân rất gần mà chẳng thấy. Lại vì chúng ta không có trí tuệ nên không biết trong áo có châu báu vô giá, cho đến tâm là tin vậy, nghĩa là có thức trước, pháp tùy tướng hành, thì phiền não gọi là thức, chẳng gọi là tâm vậy, ý là nhớ vậy. Nhớ tưởng cảnh trước khởi ở vọng, đều là vọng thức không liên can đến việc tâm. Tâm chẳng phải có hay không, có hay không chẳng nhiễm, tâm chẳng phải dơ hay sạch, dơ sạch chẳng hoen ố, cho đến mê ngộ phàm Thánh, đi lại dừng ở, đều là vọng thức chẳng phải tâm. Tâm vốn chẳng sinh nay cũng không diệt, nếu biết tự tâm như vậy, Phật cũng như vậy, nên nói trực tâm là đạo tràng, không hư giả vậy. Trong kinh nói: "Thế gian như vậy, thân chư Phật cũng như vậy, rõ biết tự tánh đó thì gọi là Phật". Do đó, một thân hay vô lượng thân đều đồng thể của Phật, vì lý không tánh đồng vậy. Do đó, Chí Công nói: "Lúc ăn sáng, vô minh vốn là thân Thích-ca, nằm ngồi chẳng biết nguyên là đạo, làm gì bận rộn chịu đắng cay". Trong Hoa Nghiêm Tư Ký nói: Từ " Như thị ngã văn" (tôi nghe như vậy) trở lại, cho đến trong tất cả các kinh, chúng Bồ-tát, chúng Thanh văn, các dụng cụ trang nghiêm, hoa phan phướn lọng bảy báu v.v... mọi sự đều là tịnh nghiệp của Như Lai hiện ra, hoặc làm tên pháp hoặc làm tên mây, đều là việc trong tâm tịnh. Văn-thù thì là tâm phân biệt hiện hành của chúng sinh, Phổ Hiền thì là tâm nghiệp hạnh trần lao của chúng sinh, Quán Âm tức là tâm đại bi của chúng sinh. Thế Chí tức là tâm Đại Trí của chúng sinh. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tất cả xứ Văn-thù" là Văn-thù tuy từ phương Đông đến mà tức tất cả

xứ, do đó thân của pháp giới, trí của bất động, xúc cảnh rõ đó, sáu căn ba nghiệp đều là Văn-thù, thể của thật tướng khắp vạn tượng sum-la, không gì chẳng phải là Bát-nhã, đâu có một xứ nào chẳng phải Văn-thù ư? Trong Tịnh Danh Sớ nói: "Bồ-tát Định Tự Tại Vương dùng một tâm Tam quán, hay quán tâm tánh, gọi là Thượng định, đắc Thượng định ấy thì đối với tất cả các thiền định chân hay tục đều được tự tại như quốc vương vậy. Bồ-tát Bảo Tích là một tâm tam quán, chánh quán tâm tánh tuy không mà đầy đủ pháp bảo của muôn hạnh nhóm tụ nên gọi là Bảo Tích vậy. Bồ-tát Diệu Sinh là Quán tâm chẳng sinh thì tất cả các pháp chẳng sinh là Bát-nhã Diệu Sinh vậy, nên trong kinh nói sắc chẳng sinh mà Bát-nhã sinh", Bồ-tát Quán Thế Âm là trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: "Quán ở tim mạch, khiến tưởng một nơi tức thấy Quán Thế Âm vậy. Các Bồ-tát như vậy tùy cử một quán môn riêng dùng nêu tên Bồ-tát, dẫn vật về tâm, nếu một người mỗi đủ tất cả các Quán môn, tức danh tự hổ thông, tức là danh tự bình đẳng ngữ ngôn bình đẳng, thân bình đẳng pháp bình đẳng. Vì tất cả các pháp vốn tự không tên, không tên mà có tên là đều từ tâm mà khởi vậy, tâm tức là tên vậy. Nếu hay hiểu rõ như vậy tức ở trong tâm chánh quán thấy tất cả chư Phật Bồ-tát vậy, cho đến mười Đại đệ tử Thanh văn đều là mười thiện pháp ở trong tự tâm". Lại nói: Mười tâm số là, như Tam tạng giáo Tỳ-đàm có kệ tụng rằng:

"Tưởng dục lại Lạc tuệ,
Niệm tư và giải thoát,
Tác ý nơi cảnh giới.
Tam-ma-đề làm quá,
Tâm đây thông đại địa,
Số pháp giúp tâm vương,
Khởi tất cả các tâm".

Số là như quốc gia có mười bề tôi phụ giúp một chúa. Nếu vua tôi cùng được thực hành trái đạo thì nhân dân trong nước thảy đều làm ác, vua tôi cùng phụ giúp chung làm việc chánh, thì nhân dân trong nước thảy đều có đạo. Nay chúng sinh có tâm vương thông mười tâm số, nếu niệm bất thiện tức có vô lượng số pháp phiền não bất thiện khởi, nếu tâm vương và mười tâm số cùng gìn giữ niệm thiện tức có vô lượng các trí tuệ công đức lành tâm số mà khởi vậy. Lại nữa, tâm vương tức là thầy, mười tâm số tức mười đệ tử. Nếu thầy trò cùng làm ác tức giáo hóa tất cả mọi người đều ác, nếu thầy trò cùng làm thiện thì giáo hóa tất cả mọi người tu thiện. Tâm vương là mười tâm số pháp cũng lại như

vậy. Cho nên trong kinh nói: "Đệ tử là các trần lao, tùy chỗ chuyển của ý vậy". Nay tất cả chúng sinh đều có tâm vương và thông mười tâm số pháp, nếu gặp Thiên ma ngoại đạo ái luận kiến luận tức khởi các thứ phiền não lưu chuyển sinh tử. Như làm vua ác tôi ác thầy ác trò ác cùng giáo hóa nên vậy. Nay Phật là vua pháp, mười đệ tử là bề tôi pháp, tức là thầy của chánh pháp, đệ tử chánh pháp, dùng diệu hạnh thực hành chánh pháp cùng giáo hóa chúng sinh, tâm vương thông mười tâm số pháp, nếu chúng sinh tin thuận tu hành tuệ hạnh, tức các phiền não kiến luận diệt thành tất cả kiến đạo vô lượng các thiện tâm số pháp vậy. Nếu chúng sinh tin nhận tu tập hành hạnh tức phá tất cả Thiên ma sinh tử bất thiện các tâm số pháp, thành tu đạo vô lượng thiện tâm số pháp vậy. Nên trong kinh nói: "Nếu tâm vương chánh thì sáu tôi chẳng tà". Lại nữa, mười tâm số đây tức là mười pháp môn đều hay thông vào Niết-bàn vậy. Mới đầu lấy mười tâm số làm chủng tử, từ đó tu tập bèn đạt đến tự giác Thành đạo, như cây của hợp ôm khởi nơi mảy may vậy. Nay Pháp vương muốn dùng giáo pháp Bán mãn (phân nửa, trọn vẹn) giáo hóa các chúng sinh, trước tiên phải tùy chỗ vui thích của họ. Nên trong kinh đây nói: "Trước dùng móc dục kéo, sau khiến vào trí Phật". Nay mười đệ tử mỗi mỗi hoằng dương một pháp. Chia loại tụ từng hạng người, phân đàn nhóm từng loại vật, tùy sự vui thích của nó mà mỗi mỗi dùng pháp môn một hạnh nhiếp phục làm quyến thuộc vậy. Tuy mỗi vị giữ một pháp môn, nhưng luôn đầy đủ mười đức. Như mười tâm số tùy có một mà khởi, mười số tức tùy theo khởi. Tuy dùng một số đích xác danh mà kỳ thật có mười số vậy, riêng đối với mười vị đệ tử là: Thứ nhất Tưởng số, tức đối Phú-lâu-na. Tưởng số lệch cương theo tưởng mà vào đạo, cho nên ở trong chúng đệ tử Thanh văn là người thuyết pháp đệ nhất vậy. Trong Thành Luận nói: "Thức được thật pháp, tưởng được giả danh, Phú-lâu-na dùng tưởng số phân minh nên hay phân biệt danh tướng, biện tài vô ngại không ngưng trệ, ở trong những người giảng pháp, rất là đệ nhất"; Thứ hai Dục số đối Đại Ca-diếp, dùng thiện dục số mà vào đạo vậy, trong các đệ tử Thanh văn, là người Đầu-đà đệ nhất vậy, tất cả thiện pháp dục làm gốc đó. Ca-diếp dứt tuyệt vinh hoa ở thế tục, chí chuyên cần xuất yếu, vui thích ở chốn núi rừng, cho nên tâm thiện dục phát, xả bỏ ác dục thế gian vậy; Thứ ba Cánh lạc, đối Ca-chiên-diên, tức khởi số này nghiên xét nghĩa lý vào đạo vậy. Trong chúng đệ tử Thanh văn, là người Luận nghĩa Đệ nhất. Hỏi đáp qua lại cùng xen lẫn vào, luận nghĩa chẳng cùng không trệ không khuyết, vì Ca-chiên-diên riêng tu Cánh lạc số nên có khả năng như vậy. Thứ tư

Tuệ số, đối Thân tử, dùng tuệ số mà vào đạo vậy, ở trong chúng Thanh văn là người Trí tuệ Đệ nhất, vị tướng của pháp luân vậy; Thứ năm Niệm số ,đối Ưu-ba-li, dùng niệm trì luật mà vào đạo, ở trong chúng Thanh văn là người Trì luật đệ nhất vậy. Nghĩ nhớ không quên, gọi đó là niệm, Ưu-ba-li thân khẩu đối duyên phân tích giải thích phân lường khinh trọng mà không quên mất, là bậc thượng của Trì luật vậy; Thứ sáu Tư số, đối La-vân, nhân mật hạnh mà vào đạo, trong chúng Thanh văn, là người Mật hạnh Đệ nhất, hành ngầm tức là Tư số, Tư số nếu bén lợi tu các giới hạnh kín giữ công đức, là bậc thượng của mật hạnh vậy; Thứ bảy, Giải thoát,đối Thiện Cát, dùng số pháp này tu không giải thoát vào đạo vậy, trong chúng Thanh văn là người giải không đệ nhất, Vô tránh Tam-muội, thâm trầm riêng thoát, chẳng cùng mọi vật tranh cạnh vậy, tác ý cảnh giới; Thứ tám Ức số, đối A-na-luật, nhân bị mù mắt, nên Phật bảo A-na-luật khởi số này tu thiên nhãn mà vào đạo vậy. Trong chúng Thanh văn là người thiên nhãn đệ nhất. Phàm tu thiên nhãn hẳn phải trú tâm duyên cảnh, thủ lấy tướng ánh sáng của nhật nguyệt muôn sao mà tu phát thiên nhãn thông; Thứ chín Tam-ma-đề đối Mục-liên, là định số riêng lợi, tu định ấy mà tiến đạo vậy, trong các Thanh văn là người thiền định đệ nhất; Thứ mười Thống số đối A-nan, đáng nhận số mạnh mẽ lanh lợi nghe nhận nhớ ghi để vào đạo vậy, trong chúng Thanh văn là người tổng trì đệ nhất. Thống (quá) thông nói nhận vì lãnh nạp làm nghĩa vậy. Số này phân minh lãnh giữ Phật pháp, như bình hoàn toàn đựng đầy nước vậy. Đó là mười vị đệ tử phụ giúp Đức Như Lai, trang nghiêm giáo pháp bán tự mãn tự bốn khô bốn vinh, dẫn dắt chúng sinh vào Trung đạo, thấy Phật tánh, trú tại Niết-bàn, tức là trú giải thoát chẳng thể nghĩ bàn vậy. Vậy biết, tự lợi là thật hạnh, lợi tha là quyền môn, hoặc thầy hoặc trò, hoặc giáo hoặc quán, trọn chẳng vượt ngoài môn tâm số pháp của chúng sinh, mỗi mỗi đồng quy về Tông kính, cho đến tất cả ngôn thuyết nghĩa lý hạnh vị tiến tu, thảy đều là tâm, không gì chẳng gồm thâu cả, vì tất cả ngôn ngữ do giác quán tâm, tất cả các hành, do ở từ tâm, tất cả nghĩa lý do ở tuệ tâm vậy. Lại, tâm vương tức là Phật bảo, tâm số tức là Tăng bảo, chỗ duyên thật tế, không vương không số tức là Pháp bảo, khéo vào thật tế, công lực dụng của vương số đầy đủ vậy. Tâm, tâm số pháp chẳng hành, nên gọi hành Bát-nhã ba-la-mật. Trong Phổ Hiền Quán nói: “Quán tâm không tâm, pháp chẳng trú pháp, tâm ta tự không, tội phước không chủ, tức là không tâm không số gọi là chánh quán, tâm số trần lao đó nếu chẳng sạch, thì quán chẳng xong”. Nên trong kinh nói: “Chúng sinh chẳng độ, ta chẳng thành Chánh giác”, tức ý đây vậy.

Nếu hay giải hiểu như thế, thì không danh hiệu của một Phật, Bồ-tát và một pháp môn nào chẳng hiện ở trong tâm chánh quán, nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có người nào tin lời ông nói tức là thấy ta và thấy ông, các Tỳ-kheo Tăng và chư Bồ-tát. Tại sao? Nghe kinh mà tâm không sinh nghi ngờ". Hiểu được tín tâm đây sáng sạch tức là thấy Phật, tuệ số phân minh là thấy Thân tử. Các số phân minh là thấy chúng Tỳ-kheo, tâm từ bi thanh tịnh là thấy Bồ-tát. Hòa thượng Hoàng Nghiệt nói: "Chư Phật và tất cả chúng sinh chỉ là một tâm, không pháp riêng khác. Giác tâm tức là chỉ một tâm đây tức là Phật, thấy tâm đây tức là thấy Phật. Phật tức là tâm, vô tướng tức là chúng sinh. Chúng sinh tức là Phật, Phật tức tâm. Lúc làm chúng sinh tâm ấy cũng không giảm, lúc làm Phật tâm ấy cũng không thêm. Chỉ ngộ một tâm, ngoài ra không có chút ít pháp có thể được, đây tức là Phật thật, Văn-thù đáng với lý chân không vô ngại. Phổ Hiền đáng với hạnh lìa tướng vô tận. Biểu trưng của các Đại Bồ-tát, mọi người thảy đều có, chẳng lìa một tâm, ngộ đó tức phải, chỉ hay không tâm, bèn là người học đạo rốt ráo, chẳng ngay việc không tâm, tuy trải qua nhiều kiếp tu hành trọn chẳng thành đạo, chẳng như ngay lời nói mà tự nhận lấy bản giáo, pháp đây tức tâm, ngoài tâm không pháp, tuyệt các nghĩ lường. Nên nói là tuyệt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành. Tâm này là Phật vốn thanh tịnh, súc sinh côn trùng cùng Phật Bồ-tát đều đồng một thể. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo các thứ nghiệp quả. Vốn Phật trên thật không một vật, hư không tịch tĩnh, minh diệu an lạc mà thôi, chỉ nơi thấy nghe hay biết nhận lấy bản tâm, nhưng bản tâm chẳng thuộc thấy nghe hay biết, cũng chẳng lìa thấy nghe hay biết, chỉ chỗ ở thấy nghe hay biết trên mà khởi rõ hiểu, cũng chẳng lìa thấy nghe hay biết mà tìm tâm, chẳng tức chẳng lìa chẳng trú chẳng đắm, người đời nghe đạo, chư Phật đều truyền tâm pháp, đem điều gọi là tâm trên riêng có một pháp có thể chứng có thể thủ lấy, bèn đem tâm tìm pháp, không biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể đem tâm lại cầu nơi tâm, trải cả ngàn kiếp trọn không có ngày được, chẳng như ngay đó không tâm, bèn là bản pháp, cho đến xuất gia đều chẳng vượt ngoài một niệm tâm địa. Nên Hòa thượng Hương Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Xưa nay cầu xuất gia,
Chưa rõ xưng xuất gia,
Dậy ngồi chỉ tầm thường,
Lại không thiếu thù thắng".

Vì ngoài tâm không riêng có pháp xuất gia, do thắng cảnh nào mà

có thể cầu? Do đó, trong kinh Tịnh Danh nói: “Không lợi, không công đức, đó gọi là xuất gia”. Thì A-nan chưa ngộ tông ấy, chỉ quán tướng tốt ưu thắng của Như Lai mà thân cầu xuất gia, bèn sám hối rằng: “Thân ta tuy xuất gia mà tâm chẳng vào đạo”. Thai giáo nói: “Quán một niệm tâm sạch như hư không, chẳng bị hai biên gông cùm ngăn ngại, Đại tuệ bình đẳng, không trú không đắm trước, tức gọi là xuất gia, vì trong đó quán tự sinh hoạt bằng pháp thân tuệ mạng, gọi là khất sĩ. Quán ngũ trụ phiền não tức là Bồ-đề, gọi là khá ác, tất cả các biên điên đảo không gì chẳng phải Trung đạo, tức là Bố ma”. Thập đắc ở Thiên Thai có bài tụng rằng:

“Không sân là trì giới,
Tâm tịnh là xuất gia,
Tánh ta cùng ông hợp,
Tất cả pháp không sai”.

Phàm người xuất trần, tâm chẳng y tựa vật vậy. Trong kinh nói: “Xuất gia phóng khoáng giống như hư không”. Hòa thượng Chí Công lại có bài ca rằng: “Ngay lời không cầu không xứ sở, tạm thời gọi làm người xuất gia”. Do đó, các bậc Tiên đức nói: “Nếu ông tỏ ngộ việc này xong, chỉ tùy thời mặc áo ăn cơm, mặc tình vượt lên. Nên biết việc đây chỉ tự mình biết, riêng không phương tiện, nên nói: “Mỗi miếng ăn mỗi miếng uống, mỗi tự có phần”. Đâu chẳng phải ngộ tâm xuất gia theo việc mà được. Lại nói: “Quán trong mỗi mỗi tâm đều thành Vương số, Vương số cùng hỗ trợ nhau mà thư lấy khai ngộ. Hoặc ở Tưởng số vào đạo, hoặc ở Dục số vào đạo. Tùy chỗ thích nghi là tâm vương tâm sở cùng bền chặt, chuyển hóa trần lao các tâm mà làm Phật sự, quán như vậy chưa ngộ, quán hạnh như sữa, nếu phát vô lậu thì quán hạnh như lạc, nếu phá trần sa thì quán hạnh như sinh thục tô, nếu phá vô minh, quán như đề hồ, đến lúc thành đề hồ thì công của vương số hoàn tất”. Trong kinh Đại Bảo Tích có kệ tụng rằng: “Như Lai quán chúng sinh, từ ở pháp dựng lập, do tâm hay biết tâm, đó là Phật tử thật”. Nên nói từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh, vì biết tâm nên tất cả các pháp môn đều như tại trong lòng bàn tay, vì hạng người chưa biết nên dùng phương tiện giải thích, khiến vào trong Tông kính đây, thì không một pháp nào mà chẳng phải là Phật sự. Ăn uống là Phật sự, là như trong Tịnh Danh Sớ nói: “Đối với pháp bình đẳng thì ở sự ăn uống cũng bình đẳng”. Như trong kinh Đại Phẩm nói: “Tất cả pháp hướng đến vị, là hướng đến chẳng quả, vị còn không thể được, cớ sao đang có hướng đến và chẳng phải hướng đến”. Nay nói tất cả các pháp hướng đến vị, vị tức

là thức ăn, phải biết thức ăn tức bao hàm pháp giới chẳng thể nghĩ bàn vậy, vì trong thức ăn bao hàm nhận thọ tất cả các pháp. Tất cả các pháp chẳng vượt ngoài pháp giới thức ăn. Ăn nếu là có thì tất cả các pháp tức là có. Ăn nếu là không thì tất cả các pháp đều không. Nay thức ăn chẳng thể nghĩ bàn nên còn chẳng thấy là có, làm sao đang có hướng đến? Hướng đến chẳng thấy là không, cớ sao đang có chẳng phải hướng đến? Nếu quán ăn chẳng thấy hướng đến chẳng phải hướng đến, tức là Trung đạo Tam-muội gọi là ăn của chân pháp hỷ thiền duyệt, mà hay thông đạt pháp hướng đến hay chẳng phải hướng đến tức Nhị đế đều chiếu, được ăn của Nhị đế Tam-muội pháp Hỷ thiền duyệt, đó gọi là ăn bình đẳng. Các pháp cũng bình đẳng là tất cả các pháp hướng đến ấm giới nhập cho đến Nhất thiết chủng trí. Ấm giới nhập, Nhất thiết chủng trí chẳng thể được vậy. Cớ sao đang có hướng đến chẳng phải hướng đến, mà rõ ràng đầy đủ hướng đến chẳng phải hướng đến? Là tất cả các pháp đều có lý của Tam đế, như trong luận Đại Trí Độ nói rõ: Trong một sát-na có sinh trú diệt, là thí dụ của ba tướng vậy. Lại như cơm thơm ở cõi nước Phật Hương Tích. Trong kinh nói: "Vô tận giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến công đức đầy đủ sức ăn còn dư trọn không thể tận, vì lý của một tâm chân như vô tận vậy, công của năm phần pháp thân vốn huân vậy. Tự thể tánh không vô tác diệu dụng, đâu có cùng tận ư?" Lại nói: "Nếu người chưa phát ý Đại thừa mà ăn cơm đó, đến lúc phát ý mới tiêu, người đã phát ý mà ăn cơm đó thì chứng vô sinh nhẫn sau đó mới tiêu, người đã chứng vô sinh nhẫn ăn cơm đó, đến lúc một đời được Bổ xứ, sau đó mới tiêu. Thí như có vị thuốc tên là Thượng vị. Người uống thuốc đó, các độc trong thân diệt hết, sau đó thuốc mới tiêu. Cơm đây cũng vậy, diệt trừ tất cả các độc phiền não, sau đó mới tiêu. Như Đại Bồ-tát tuy bỏ thân thọ thân đến trong thân đời sau trong thức có chủng tử, chủng tử gặp duyên lại sinh. Cơm thơm tương tục chẳng dứt, lưu chuyển đến sơ địa, phát tâm vô lậu đoạn hoặc chứng chân, gọi đó là tiêu chẳng phải thức ăn hoại diệt mà gọi là tiêu vậy. Nên biết người ăn cơm ấy, pháp nào chẳng tiêu?" Lại nói: "Bồ-tát ở cõi nước đó, nghe hương thơm thì vào luật, đã được tất cả công đức tạng Tam-muội. Được Tam-muội đó là các công đức Bồ-tát có được thảy đều đầy đủ". Do đó nếu từ mùi hương mà vào pháp giới, tự thân là thế giới các mùi hương, tự tâm là Hương Tích Như Lai, vô lượng công đức trong một tâm viên mãn. Người tỏ ngộ vào đây, đâu nhờ mong cầu ngoài, Hương giới đã vậy, mười tám cõi cũng vậy, đều là nơi chốn nương thần, đều là trường đắc đạo. Như A-nan thưa hỏi Phật rằng: "Chưa

từng có vậy. Bạch Đức Thế Tôn! Cơm thơm ấy hay làm Phật sự”. Phật dạy: “Đúng vậy, Đúng vậy A-nan! Hoặc có cõi nước Phật dùng ánh sáng Phật mà làm Phật sự, có dùng Bồ-tát mà làm Phật sự, có dùng người Phật hóa ra mà làm Phật sự, có dùng cây Bồ-đề mà làm Phật sự, có dùng y phục ngọa cụ của Phật mà làm Phật sự. Có dùng cơm ăn mà làm Phật sự, có dùng vườn rừng Đài quán mà làm Phật sự, có dùng ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp mà làm Phật sự, có dùng thân Phật mà làm Phật sự, có dùng hư không mà làm Phật sự, chúng sinh nên dùng duyên đây được vào luật hạnh, có dùng mộng huyễn ảnh hưởng, ảnh tượng trong gương, trăng trong nước, ánh lửa lúc đốt cháy, các thí dụ v.v... như vậy mà làm Phật sự, có dùng âm thanh ngôn ngữ văn tự mà làm Phật sự, hoặc có cõi nước Phật thanh tịnh tĩnh lắng, không ngôn ngữ không nói năng, không chỉ bày, không nhận biết, vô tác vô vi mà làm Phật sự. Như vậy, A-nan! Mọi oai nghi tiến chỉ các điều hành xử của chư Phật không gì là chẳng phải Phật sự. A-nan! Có bốn ma, tám vạn bốn ngàn các môn phiền não đó, mà chúng sinh bị nó khiến khổ nhọc, chư Phật tức dùng các pháp đó mà làm Phật sự. Đó gọi là vào pháp môn của tất cả chư Phật. Bồ-tát vào môn đây, nếu thấy tất cả cõi nước chư Phật sạch đẹp cũng chẳng lấy làm vui mừng, chẳng tham chẳng cao, nếu thấy tất cả cõi nước chư Phật chẳng sạch cũng chẳng lấy làm lo buồn chẳng ngại, chẳng ẩn mất. Chỉ đối với chư Phật sinh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính chưa từng có vậy, chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sinh mà hiện các cõi nước Phật chẳng đồng. A-nan! Ông thấy cõi nước chư Phật đất có bao nhiêu mà hư không không bao nhiêu? Như thế thấy sắc thân chư Phật có bao nhiêu vậy, và trí tuệ vô ngại đó không bao nhiêu vậy”. Lại như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Ưu-bà-di Cụ Túc được môn giải thoát vô tận phước đức tạng của Bồ-tát, hay ở trong một thân nhỏ như vậy tùy các thứ vui thích của chúng sinh mà sinh ra các thứ ăn uống ngon lành, khiến đều được đầy đủ, cho đến trong một thế giới ở phương Đông các cõi Phật nhiều như vi trần không thể nói không thể nói số thế giới nơi có các Bồ-tát một đời sẽ Bổ xứ làm Phật ăn dùng thân ta, ăn rồi đều ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ-đề, nhiếp phục ma giới, thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Như phương Đông đó, ở phương Nam phương Tây phương Bắc bốn phía trên dưới cũng lại như vậy. Lại như cư sĩ Minh Trí được môn tùy ý xuất sinh phước đức tạng giải thoát. Bấy giờ cư sĩ biết đại chúng nhóm tập đông nhiều, chỉ trong khoảnh khắc buộc niệm ngửa nhìn hư không, như những gì cần có, đều từ hư không hiện xuống tất cả chúng hội thảy đều đầy đủ. Sau

đó lại vì giảng nói các thứ pháp, có nghĩa là được thức ăn dùng ngon lành mà đầy đủ vậy, và nói các thứ hạnh nhóm tập phước đức, hạnh lìa bần cùng, hạnh biết các pháp, hạnh thành tựu pháp Hỷ thiền duyệt thực, hạnh tu tập đầy đủ các tướng tốt, hạnh tăng trưởng thành tựu khó khuất phục, hạnh khéo hay thấu đạt thức ăn tối thượng, hạnh thành tựu vô tận đại oai đức lực hàng phục ma oán. Được thức ăn uống ngon lành mà đầy đủ, và giảng nói pháp đó, khiến ở nơi sinh tử mà xa lìa mến thích đắm trước, vào với pháp vị chư Phật v.v...” Tạm như trong thân Ưu-bà-di, hay cư sĩ Minh Trí, từ trong không tùy ý mà sinh ra các thứ trân tu vô hạn, buộc niệm mà mưa lắm nhiều thức ăn uống tốt lành, phàm với người đến mạng căn, thảy đều ứng với sự cần có. Người được đó, đều chứng pháp môn, người ăn dùng đó đều thành Diệu đạo. Có thể gọi là không một mảy trần nào mà chẳng đủ các Phật sự. Không một pháp nào mà chẳng viên mãn chánh tông, chỉ tùy tâm chúng sinh, ứng chỗ biết lượng, theo nghiệp phát hiện, chỗ thấy chẳng đồng. Ngoại đạo thấy là tự nhiên, phàm phu thấy là sinh tử, Thanh văn thấy là Tứ đế, Duyên giác thấy là nhân duyên, Tiểu Bồ-tát thấy chỉ là không, Đại Bồ-tát thấy là Trung đạo, chư Phật thấy là thật tướng. Nếu vào Tông kính thì các thấy đều chứa, sắc trần làm Phật sự là như vua Tần-bà-sa-la, nhân từ miệng Phật tỏa phóng ánh sáng năm sắc soi chiếu trên đỉnh đầu, sau đó bèn chứng quả A-na-hàm. Lại như Bảo Tích v.v... năm trăm vị Trưởng giả, thấy cõi nước Phật thanh tịnh mà chứng vô sinh pháp nhẫn. Đó đều là thấy sắc vậy, hương trần làm Phật sự là tức cơm thơm (cơm Hương tích) xông khắp ba ngàn Đại thiên, và các trời ở Dục giới nghe mùi hương mà vào thất. Lại hương đốt là, dùng lửa trí phát huy muôn hạnh khắp cùng tất cả vậy, hương xoa là dùng nước tánh tịnh hòa đó mà nghiêm sức pháp thân vậy, hương bột là dùng trí Kim cang phá khiến không thật vậy. Lại như quán từ bi, quán bất tịnh v.v... đoạn trừ các ác tà, như hương an tức hay dẹp ác tà, trí tuệ chánh kiến không ác nào chẳng đoạn. Lại mười thiện hạnh v.v... sinh hương hoan hỷ, như trầm đàn v.v... tức thâu tóm căn khí, hành thí vui thích ở mình và người v.v... vị trần làm Phật sự là người ăn cơm đó, thân an khoái lạc, thí như vui thích trang nghiêm cõi nước. Xúc trần làm Phật sự là đưa tay sờ mó ta, một nào khoái mới vậy. Ánh sáng làm Phật sự là, như trong kinh Niết-bàn nói: “Gặp ánh sáng đó, tất cả phiền não thảy đều tiêu trừ”. Phàm, phóng quang tức là ánh sáng trí tuệ của một tâm vì tánh hay soi chiếu muôn pháp vậy, tức chẳng tùy theo trần mà rơi lạc ngu tối đó. Như Nghĩa Hải nói: “Hiển bày ánh sáng là lúc thấy trần pháp giới sự lý chân như, hiển bày rõ ràng,

đó là ánh sáng trí tuệ soi chiếu vậy, nếu không ánh sáng trí tuệ thì sự lý chẳng hiển bày. Chỉ lúc thấy pháp tức là thấy ánh sáng, do công tích chứa trí tuệ tròn đầy cho nên phóng một ánh sáng, thì pháp giới không gì chẳng hiển bày. Thường quán sát tất cả pháp giới, đó là tỏa phóng ánh sáng soi chiếu tất cả. Ánh sáng Tông kính đây tức là hào quang của chư Phật chiếu khắp pháp giới, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Giữa chặn mày Đức Như Lai có tướng Đại nhân, gọi là Mây ánh sáng khắp pháp giới, hoa báu ma-ni dùng làm trang nghiêm, phóng ánh sáng lớn đủ các sắc báu, giống như nhật nguyệt suốt cùng thanh tịnh, ánh sáng đó chiếu khắp các cõi nước mười phương, trong đó hiển hiện thân tất cả chư Phật, lại phát ra âm thanh vi diệu tuyên dương các pháp". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Phóng một luồng hào quang chiếu khắp một muôn tám ngàn cả Phật, trong ánh sáng đó đều thấy mọi sự như Bồ-tát tu hành Lục độ trang nghiêm, chúng sinh nhận chịu quả báo tốt xấu v.v...". Lại nói: "Phóng một luồng sáng sạch, soi khắp vô lượng nước". Trong kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán nói: "Bấy giờ trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Sư Tử Hống thấy Đức Như Lai tỏa phóng"ánh sáng sắc vàng, trông nhìn khắp bốn phía đại chúng trong pháp hội, và lớn tiếng nói rằng: Với nhân duyên như vậy, không bao lâu nữa, Đức Như Lai từ Tam-muội dậy sẽ vì giảng nói môn Quán tâm địa, diệu pháp Đại thừa". Đồng thời, bảo đại chúng rằng: "Tất cả vô lượng trời người có phước lạc, hãy chóng cầu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề xuất thế. Tại sao nước? Vì nay từ trong lòng ngực Đức Thế Tôn tỏa phóng ánh sáng sắc vàng, những nơi soi chiếu đến đều như sắc vàng. Điều Phật hiển bày ý thú rất sâu sắc, tất cả Thanh văn, Duyên giác ở thế gian dốc hết tư duy suy lường đều không thể biết được. Các người phàm phu chẳng quán tự tâm cho nên trôi nổi trong biển sinh tử, chư Phật Bồ-tát do hay quán tâm nên vượt qua biển sinh tử đạt đến bờ kia. Pháp của các Đức Như Lai trong ba đời thảy đều như vậy. Đức Phật tỏa phóng ánh sáng đây chẳng phải không có nhân duyên". Giải thích rằng: Phàm, ánh sáng sắc vàng là tiêu biểu tông sẽ giảng nói, như Bồ-tát Văn thù trú tại phía Nam núi Tu-di đều đồng một sắc màu, không có đường văn khác lạ. Như trong kinh Bảo Nhiếp nói: Văn thù Sư Lợi nói: "Đại đức Tu-bồ-đề! Như ánh sáng vua núi Tu-di, các nơi soi chiếu đến thảy đều một sắc màu, đó là sắc vàng, cũng như vậy, Tu-bồ-đề! Ánh sáng Bát-nhã soi chiếu tất cả kiết sử đều đồng một sắc màu, đó là sắc màu pháp Phật". Tâm sắc đây có thể nói là sáng hơn cả nhật nguyệt, lượng vượt quá thái hư, đuốc soi chiếu bao hàm không nơi tối nào chẳng cùng tận. Do đó,

trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Hoặc thế giới tối tăm và nơi khoảng giữa của mỗi mỗi thế giới, chỗ ánh sáng nhật nguyệt v.v... không thể soi chiếu đến, vì làm ánh sáng, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa". Trong kinh Bảo Tích nói: "Ta có ánh sáng tên là Vô sinh, người trì tên đó được không chỗ được". Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Phẩm Quang Minh Giác là vì khiến tin tự tâm, dùng ánh sáng giác ngộ tự tâm chiếu soi tất cả thế gian vô tận đại thiên thế giới, tất cả cảnh giới chư Phật, tự cũng đồng đẳng, vì tâm tùy ánh sáng mỗi mỗi soi chiếu đó. Tâm cảnh hợp một, thấy trong ngoài mất. Mới đầu, ba ngàn đại thiên thế giới rồi lần lượt xoay vần phương Đông làm đầu. Ánh sáng đến mười ba ngàn thế giới ở phương Đông, chiếu trăm ba ngàn đại thiên thế giới, như vậy khắp mười phương mười lớp gấp bội. Xoay cùng mười phương chiếu khắp thân tâm, một tánh vô ngại khắp cùng đồng cảnh giới Phật, mỗi mỗi tác ý quán sát như vậy, sau đó mới dùng phương tiện vô tác để định ẩn đó. Vào sơ tâm Thập Trụ, sinh ở nhà Trí Tuệ Như Lai, làm con thật của Pháp vương. Trí Tuệ Như Lai, nơi ánh sáng nhất như soi chiếu như trong kinh nói rõ đầy đủ, không thể làm ánh sáng của Phật, tự mình không phần đó. Phải biết tự dùng ánh sáng của tâm như ánh sáng của Phật mở rõ tâm đó chiếu soi khắp pháp giới. Trong Hoa Nghiêm sớ nói: "Trong nhân phân biệt pháp tướng phán rõ chân lý, không khuyết thiếu lý sự, không giảm bớt Phật pháp, nên được một niệm đều hiển nhiều môn, do đó tỏa phóng một ánh sáng mà gồm tròn đủ phước trí". Trong Niết-bàn Sớ nói: "Tỏa phóng ánh sáng soi chiếu Văn thù là thấy sắc biết tâm, Văn thù thấy ánh sáng bèn hiểu ý Phật". Trong Tịnh Danh Tư Ký nói: "Hoặc có ánh sáng mà làm Phật sự. Cớ sao như vậy? Thể khắp cùng hư không, đồng với pháp giới, các loài súc sinh kiến bọ, hữu tình vô tình đều là Phật tử. Đây tức là pháp giải thoát, tức là đem núi Tu-di đặt để trong hạt cải. Giải thích như trên mới rõ kinh Phật giảng nói đồng với sự thấy của Tịnh Danh, chẳng đồng như hàng Nhị thừa chỉ thấy không; giải thoát vậy". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Chỉ lìa hư vọng, gọi là giải thoát", kỳ thật chưa được giải thoát tất cả. Nếu được giải thoát tất cả thì đâu có một pháp nào chẳng phải Phật pháp ư? Gốc cây Bồ-đề làm Phật sự là sắc hương cây ấy vi diệu lại lưu xuất pháp âm, những người thấy nghe ngửi xúc chạm đều ngộ Thánh đạo, y phục ngọa cụ làm Phật sự là xưa kia vua Diêm-phù-đề được y pháp ca-sa của Phật, đặt treo trên phướn cao để chỉ bày cho mọi người trong nước, những người có bệnh trông thấy mà quy hướng kính lễ, bệnh đều lành hẳn, phát tâm Bồ-đề, nhân đó mà ngộ đạo. Trong kinh Đại Tập nói: "Bấy giờ có năm

trăm vị Đại Thanh văn, mỗi mỗi tự đem pháp y Uất-đa-la Tăng mình đang đắp mặc mà dâng cúng Hư Không Tạng". Dâng cúng pháp y rồi, đồng một lúc đồng tiếng nói rằng: "Như có chúng sinh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề sâu mầu, muốn được xá-lợi, thì ở trong kho pháp Đại trí chẳng rơi lạc ra ngoài". Các pháp y dâng cúng bèn liền chẳng hiện, khi ấy các Thanh văn hỏi Hư Không Tạng: "Pháp y đó đi đâu mất?" Hư Không tạng đáp: "Vào trong kho ta vậy". Trong kinh Hoa Thủ nói: "Phật bảo: Nay ta sẽ hiện sức thần thông, khiến các Bồ-tát tự biết điều nguyện, phát tâm hành đạo, làm sạch cõi Phật, thành tựu chúng sinh, đến lúc thành Phật, thế giới nghiêm tịnh. Số chúng Thanh văn Bồ-tát, giảng nói chánh pháp độ người như vậy, thọ mạng Phật pháp ngắn dài như vậy, hình sắc tướng tốt chánh hạnh như vậy, sau khi diệt độ, giáo pháp trụ ở đời lâu mau như vậy, khiến các Bồ-tát mỗi tự rõ thấy mọi sự như vậy ở trong pháp y để dứt trừ điều nghi ngờ". Cho đến, nói kệ tụng rằng:

"Phật vào trong Tam-muội,
Khiến ta được mắt thấy,
Và các môn Tổng trì,
Khắp vào tất cả pháp".

Nên biết thành Phật hóa độ chúng sinh chẳng lìa trong tự thân tâm, cho đến trong pháp chỗ thọ dụng. Như trong kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: "Trong bình bát Phệ-lưu-ly trong tay Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, đứng bên cạnh trông nhìn có những tướng gì?" Đại Ca-diếp liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Đức Thế Tôn đem cả đầu mặt đảnh lễ rồi Đại Ca-diếp đến trước Mạn-thù-thất-lợi cũng đem cả đầu mặt kính lễ xong, bèn trông nhìn vào trong bình bát, mới thấy trong bát có trăm ức ba ngàn đại thiên thế giới, trăm ức vô sắc giới, trăm ức sắc giới, trăm ức lục dục giới, có trăm ức núi Tu-di, trăm ức bốn thiên hạ, trăm ức Nam Diêm-phù-đề, trăm ức thế giới Ta-bà, trăm ức Thích-ca Như Lai, trăm ức Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi ngàn cánh tay ngàn bình bát, trăm ức Ca-diếp tại trong bình bát của Mạn-thù-thất-lợi, có vô tướng thế giới, trong thế giới có trăm ức Đại Ca-diếp, mỗi mỗi đều hướng về trước Mạn-thù-thất-lợi mà thưa hỏi nghĩa pháp Đại thừa". Hư không làm Phật sự là, như Văn -Thù diệt sắc tượng hiện tướng hư không để giáo hóa, Xà Vương nhân đó được ngộ đạo. Lại như trong hội Đại Tập, lúc hư không Tạng đến, thuần hiện tướng Hư Không. Trong kinh nói: "Bồ-tát Hư Không Tạng bảo A-nan rằng: "Đại đức! Tôi đem tự thân chứng biết, cho nên như chỗ chứng biết, hay giảng nói như vậy. Tại sao? Thân tôi

tức là hư không, vì hư không chứng biết tất cả các pháp là nơi đóng dấu của ấn hư không". Lại như Bồ-tát Hư Không Tạng dùng hư không làm kho lẫm, mưa khắp mười phương vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, mưa ra các vật báu các thức ăn uống y phục". Nên có kệ tụng rằng:

"Hư không không cao vậy,
Thấp cũng không thể được,
Các pháp cũng như vậy,
Tánh đó không cao thấp".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Bồ-tát Hư Không Tạng
Được kho tàng hư không,
Đầy đủ các hữu tình,
Tàng đây không cùng tận".

Các môn phiền não làm Phật sự là, như trong kinh nói: "Phiền não là đạo tràng, biết như thật vậy". Trong kinh Nhân Vương nói: "Chúng sinh chưa thành Phật, Bồ-đề là phiền não. Nếu chúng sinh thành Phật, phiền não là Bồ-đề". Giống như Thầy thuốc bậc hạ dùng thuốc làm thành chẳng phải thuốc. Thầy thuốc bậc thượng dùng chẳng phải thuốc mà làm thành thuốc. Chúng sinh đem tâm chư Phật làm môn trần lao, chư Phật lấy tâm chúng sinh Thánh đạo Bồ-tát, cũng như người có phước đức nắm đá thành vàng, người nghiệp nghèo hèn, biến vàng thành đá, pháp không tướng cố định, lưu chuyển bởi do tâm. Đạo tuyệt danh ngôn, lý không đổi khác, như nhãn sắc v.v... mỗi mỗi đều đủ mười pháp giới. Chẳng nháy mắt thế giới trừng mắt thấy được Vô sinh pháp nhẫn, tức mắt làm pháp giới, thấy hoa rơi rụng mà ngộ vô thường. Bích-chi-Phật quả tức sắc làm pháp giới vậy. Trong kinh nói: "Bồ-tát có một chiếc mũ chiếu soi pháp tánh, lúc đội mũ ấy, tất cả các pháp đều hiện tại tâm, các việc cũng vậy. Lại như Luân vương có một giường báu. Thánh vương ngồi trên tức hay lìa dục đợi chứng đắc Tứ thiền, ngọc nữ tuy thấy như quán tượng Phật chẳng sinh dục tâm. Do vì sắc là sở tạo, tâm là năng tạo, chưa từng có một pháp chẳng phải là tâm ta, nếu mê sở tạo thì thành bụi trần ở đời, nếu ngộ năng tạo thì làm diệu chỉ. Lại đánh đầu lâu phát ra tiếng, biết thiện ác ở quá khứ và nơi sống chết, tức tiếng là pháp giới, là biết quán ngay bản lý, lý đủ các pháp. Nếu không diệu quán, tuy thường ngày sử dụng mà không biết, nếu hay rõ biết thì thấy tất cả muôn pháp đều đủ một tâm, lý của viên đốn chẳng thể nghĩ bàn. Nên Pháp sư Tăng Triệu nói: "Thánh xa lắm thay? Hiểu đó tức thần. Đạo xa lắm thay? Xúc sự mà chân". Có thể gọi là tâm cảnh đều là tông

vậy. Nếu được ánh sáng của tông kính, nhậm vận năng chiếu, hoặc sắc hoặc tâm, không gì chẳng thông đạt. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Các dụng cụ này đều là tâm vô thượng tạo thành, pháp vô tác nhiễm nên. Như thế giới Hoa tạng, núi sông cây cỏ đều thành Phật sự, Thiện Tài đồng tử thấy nghe hay biết đều vào pháp giới, tức biết tất cả các pháp đều là Phật pháp, đều là ánh sáng của tông kính, đều hiện dấu vết của một mảy trần". Trong Thích Luận nói: "Không vì sắc bại hoại được đến đạo bình đẳng, quán sắc không khác, mới có thể đồng đều với Đại thừa. Như sáng và tối cùng hợp, mà ngươi không thấy, cho rằng tối sáng khác nhau, muốn biết nghĩa đó, như ánh sáng mặt nhật kia. Lại, lúc mặt nhật xuất hiện, bóng tối chẳng hướng đến mười phương, tối thường tại không chỗ quay về. Sáng cũng như vậy, cùng tối đồng hợp. Sinh tử và đạo hợp, đạo tức là sinh tử, do đó, sinh tử như bóng tối. Đại đạo như ánh sáng, chẳng lìa bóng tối mà tức là ánh sáng. Chẳng động sinh tử mà là đạo vậy". Hóa nhân làm Phật sự là, như Phật Tu-phiến-đa lưu lại hóa Phật để độ chúng sinh. Trong kinh Đại Tập nói: Bấy giờ, hóa Tỳ-kheo nói cùng Xá-lợi-phất rằng: "Đại đức! Ý ông gần như không cho rằng tôi nay khác với ông ư?" Xá-lợi-phất nói: "Hỡi Tỳ-kheo! Không như vậy. Tại sao? Như Lai thường nói tất cả các pháp đều là Như hóa. Như, Như Lai nói: Ta cũng Như hóa". "Đại đức! Nếu có người hay cúng dường Như Lai tức là cúng dường hóa, không khác vậy". Khi ấy, Xá-lợi-phất lại nói với Bồ-tát Bất Khả Thuyết rằng: "Này Thiện nam! Ai vào hóa đó? Nay nói như vậy". "Đại đức! Như ảnh tượng trong gương, ai tại trong đó mà có ảnh tượng hiện?" "Này Thiện nam! Không ai tại trong, ngay vì tứ đại nhân duyên thanh tịnh nên có ảnh tượng hiện". "Đại đức! Hóa cũng như vậy. Pháp tánh thanh tịnh, nên hay nói như vậy". "Này Thiện nam! Nếu như vậy, cớ sao tất cả chúng sinh không thể tuyên nói như vậy?" "Đại đức! Sau lưng của gương đều chẳng lìa gương, sao ảnh tượng không hiện?". "Này Thiện nam! Vì sau lưng gương bốn đại không thanh tịnh vậy". "Đại đức! Chúng sinh cũng thế, không thể thanh tịnh tánh pháp giới nên không thể tuyên nói". Tĩnh lắng không lời làm Phật sự là tức chỉ bày tâm luân, tuy không nói năng mà chẳng ngăn ngại An lạc của có tĩnh lắng. Nếu chẳng phải An lạc sao được gọi là làm Phật sự ư? Nếu Phật chẳng chỉ bày tâm thì Bồ-tát Thập Địa chẳng biết, nếu chỉ bày tâm thì loài côn trùng cũng hay biết. Nên biết chỉ bày nghĩa tâm đó, ở đây cũng dùng không nói năng không chỉ bày làm Phật sự, như Tịnh Danh im tiếng, Văn thù xưng thuật. Như trong kinh Đại Tập nói: "Thanh tịnh, tịch tĩnh, quang minh, vô tránh, bốn pháp như vậy đồng

vào một giới một pháp một câu. Bốn pháp như vậy tức là Niết-bàn, xa lìa phiền não nên gọi đó là thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh nên gọi là Tịch tĩnh, không mờ tối nên gọi là quang minh, không thể nói nên gọi là Vô tránh. Do đó nên nói Đức Thích-ca Như Lai im lặng không nói năng gì?”. Do vì nói nín động tĩnh không gì chẳng phải là Phật sự, nên các bậc Tiên đức nói: “Đài mây lưới báu đều diễn Diệu âm. Ánh sáng trong lỗ chân lông đều hay nói pháp. Thế giới Hương Tích, ăn cơm thơm mà Tam-muội hiển bày, nước Phật Cực lạc nghe cây gió mà chánh niệm thành, tơ trúc có thể dùng để truyền tâm, mắt chăm nhìn lấy đó mà còn đạo. Đã nói nín nhìn nháy đều nói thì thấy nghe hay biết đều nghe. Nếu hay đắc pháp hợp thần, nào hẳn cần nhân ngôn thuyết, như trong tiếng đàn cầm truyền ý đến Tần Vương thoát tay của Kinh Kha, điệu của tương như,cô gái nữ của Văn Quân trọn được theo xe. Đe- Thích có bề tôi của Pháp Lạc, ngựa hý có nghề của Hòa la, đều là tơ trúc truyền tâm vậy. Mắt chăm còn đạo là, như Trang tử nói: “Phu tử muốn thấy gặp Ôn Bá Tuyết Tử, từ lâu không được thấy gặp, đến lúc thấy gặp thì im lặng không nói một lời. Sau khi ra về rồi, Tử Lộ lấy làm quái lạ mà hỏi rằng: “Phu Tử muốn thấy gặp Ôn Bá Tuyết tử đã lâu vậy, cớ sao thấy gặp mà không nói một lời?” Khổng tử bảo: “Nếu người đó mắt chăm mà đạo còn thì cũng có thể chứa tiếng đó vậy”. Đài mây nói pháp là, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Ở giữa hư không thành đài lưới mây ánh sáng lớn, khi ấy ánh sáng trong đài do sức oai thần của chư Phật nên nói kệ tụng rằng:

“Phật không ai bằng như hư không,
Mười lực vô lượng thắng công đức,
Tối thắng nhân gian đời trung thượng,
Pháp Thích Sư Tử thêm ở đó”.

Lưới báu nói pháp là, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tòa sư tử đó dùng ma- ni làm đài, hoa sen làm lưới, cho đến lại dùng oai thần của chư Phật gìn giữ, diễn nói cảnh giới rộng lớn của Như Lai”. Lỗ chân lông diễn nói pháp là, như trong phẩm Nhập pháp giới nói: “Chúng Bồ-tát đông nhiều như số vi trần biển thế giới đều đến nơi chỗ Đức Phật từ trong tất cả lỗ chân lông lưu xuất, diễn nói ngôn ngữ biển mây âm thanh của tất cả chúng sinh”. Ánh sáng nói pháp là, như trong phẩm Hiện tướng nói: “Lúc bấy giờ trong ánh sáng của các Bồ-tát đồng thời phát tiếng, nói kệ tụng rằng:

“Trong các ánh sáng phát Diệu Âm,
Khắp cùng mười phương các cõi nước,

Diễn nói các công đức Phật tử,
Hay vào Diệu đạo của bình đẳng”.

Cho đến thuận nghịch thiện ác, không gì chẳng phải là Phật sự. Như theo Nhị thừa chỉ Phật là thuận hành, từ địa ngục chỉ Ma vương là nghịch hành. Lại như Đức Thích-ca thuần hành thiện, Đề-bà-bạt-đa thuần hành ác, Thân tử chí ý tin thành, Thiện Tinh bền chắc chẳng tin v.v... Tốt xấu đồng quy, không gì là chẳng phải Phật sự. Nên trong kinh nói: “Pháp giới thật bình đẳng, chư Phật chẳng thể đi, chẳng thể đến”. Lại nói: “Thật tế lý địa, Đại ma vương chẳng thể đi chẳng thể đến”. Vì Phật và ma đều chẳng vượt ngoài cửa pháp giới, nơi chốn của thật tế, do vì một pháp vậy. Nếu có đi có đến thì thành có nhân có pháp, tại ngoài pháp giới thành nhị kiến vậy. Do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói: “Đức Phật dự ghi ma nữ thành Phật, về sau ma nghe các nữ được dự ghi làm Phật nên đến bạch Đức Phật rằng: “Nay con ở nơi quyến thuộc của mình, không được tự tại”. Khi ấy Thiên nữ hiện tướng khiếp sợ mà tuyên nói diệu lý, lại nói cùng ma rằng: “Người chớ nên sầu não, nay chúng ta chẳng vượt ngoài cảnh giới của ngươi. Tại sao như vậy? Ma giới như, Phật giới như, không hai không khác. Chúng tôi chẳng lìa ma giới như vậy, ma giới tức là Phật giới vậy. Ma giới không có định pháp có thể chỉ bày, Phật giới cũng không có định pháp có thể chỉ bày. Tất cả các pháp đều không tánh cố định không tánh cố định nên không có quyến thuộc và chẳng phải quyến thuộc. Nếu hay thấu rõ pháp môn Nhất tế này, có thể gọi là ngay lối vết ma mà giẫm lối vết Phật, ở nơi dòng tục mà bồng bềnh giữa dòng pháp, chỉ thấu rõ tự tâm thì các diệu đều hội, nên nói: Diệu pháp cũng dụ như Liên Hoa, lúc hoa nở thì tua nhị đài hạt các thứ đều hiện, dụ như tâm chúng sinh khai mở thì bi trí hạnh nguyện cũng mở. Diệu pháp đây thường trú, tức nhất tâm làm hạt giống Phật quả, do đó, Như Lai đắc một pháp này tức đầy đủ tất cả các pháp, cho nên trong một mảy trần trong một lỗ chân lông cùng vô lượng mảy trần và lỗ chân lông thảy đều bằng nhau, Đức Như Lai ở trong đó giảng nói tất cả các pháp, pháp lý lớp lớp không thể cùng tận vậy. Vì lớp lớp diệu nên xót thương chúng sinh không biết tâm diệu, chỉ chạy theo thô phù, lúc khen ngợi thì chỉ cách sát-na bèn thành Phật quả. Do đó, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Chỉ khoảng khảy móng tay siêu vượt lên vô học, như trong phòng nhà tối tăm, lúc đuốc Bảo lan vừa đốt tức chóng hiện, nên nói tâm mở ý hiểu được pháp nhãn tịnh”, cũng gọi là mắt tâm mở sáng, vì thấy pháp giới rõ trong tâm ngoài tâm không tướng một mảy may bụi trần. Được mắt pháp sáng sạch nếu thấy có và

không đều thành chướng ngại ngăn che, vậy biết chẳng phải riêng tâm làm môn Phật sự, cho đến căn bản của hằng sa muôn hạnh muôn đức. Như trong luận Du-già nói: "Nếu có người hỏi Bồ-tát lấy gì làm gốc? Nên quyết định mà đáp là lấy đại bi làm gốc". Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nếu có người hỏi ai là cội gốc của tất cả thiện? Nên đáp đó là từ vậy, vì ý nghĩa đó thật chẳng phải hư vọng. Này Thiện nam! Hay làm thiện, đó gọi là thật tư duy. Thật tư duy tức gọi là từ". Từ tức là Như Lai Từ, tức là bậc Đại thừa. Phàm nơi thật tư duy tức không gì là chẳng phải tâm chân thật vậy. Nếu vào trong Tông kính, tợ ở nơi phòng nhà chiên-đàn, thuần một không tạp, vắng lặng chứa nhau, niệm niệm đều chứng pháp môn, mỗi bước đều dự tham thiện tri thức. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói, hoặc dùng âm thanh, hoặc hiện sắc màu vi diệu, hoặc dùng mùi hương kỳ đặc, hoặc dùng mùi vị ngon lành, hoặc dùng vật xúc chạm êm dịu, hoặc dùng gương pháp, hoặc dùng sáu căn bên trong, hoặc dùng bốn oai nghi, hoặc đệ tử người vật, hoặc tất cả mọi việc làm, hoặc thuận hành chánh pháp, hoặc nghịch bày tà đạo, phàm có thấy nghe đều kham nhận thâu tóm vật". Do đó, trong phẩm Nhập pháp giới nói: "Ở nơi một lỗ chân lông phát ra âm thanh diệu pháp của tất cả chư Phật". Lại có kệ tụng rằng:

"Các lớp lưới báu cùng gõ mài,
Tỏa âm thanh Phật thường chẳng tuyệt".

Lại trong phẩm Phổ Hiền Hạnh có kệ tụng rằng:

"Phật giảng Bồ-tát giảng,
Cõi nói chúng sinh nói,
Ba đời thảy đều nói".

Cho đến trong kinh Mật Nghiêm nói: "Tất cả lỗ chân lông khắp thân Bồ-tát Kim Cang Tạng đều phát ra tiếng giảng nói pháp". Do đó, ngang khắp cùng mười phương tất cả xứ. Dọc suốt ba khoảng tất cả thời gian, thường chuyển pháp luân không đoạn không tuyệt. Vì vậy, trong phẩm A-tăng-kỳ có kệ tụng rằng:

"Tất cả mỗi mỗi các Như Lai,
Phát ra vô lượng tiếng Phạm âm,
Ở trong mỗi mỗi âm thanh ấy,
Chuyển vận vô lượng tịnh pháp luân.
Ở trong mỗi mỗi pháp luân đó,
Mưa ra vô số Tu-đa-la,
Phân biệt các pháp nhiều vô lượng,
Ở trong mỗi mỗi các pháp đó,

Lại nói các pháp nhiều vô lượng v.v...”.

Vậy biết nếu thuận yếu chỉ ngầm hợp tông, tuy chẳng nói pháp xúc chạm cảnh, mà thường nhận lãnhDiệu âm, hoặc duyên trái ngược chướng ngại sâu dày, giả sử ở nơi chúng hội chư Phật hiện đang giảng nói pháp mà chẳng nghe một chữ, như diễn giảng bí mật giáo, tuy đồng ngồi dự hội mà nghe khác, tợ đàm nói tông Hoa Nghiêm, mà hàng Nhị thừa chẳng nghe. Có thể gọi là cao sâu chẳng thể lường, trừ hàng người gieo trồng căn lành cùng Đức Như Lai, chí diệu khó nghĩ bàn, chẳng vào tay tất cả chung sánh khác. Lại nữa, trong luận Tạp Hoa Nghiêm Sức nói: “Chúng sinh lưu chuyển sinh tử do vì chẳng đắc chân đạo, thật do không biết nguồn tâm, nếu biết được nguồn tâm là hay xả bỏ tà chấp quay về nơi chánh đạo”. Cho đến, nói: “Tâm thức của tất cả chúng sinh chỉ trong một sát-na đến khắp mười phương, nhanh chóng không ngu tối thẳng vượt qua vách đá đến nơi không sợ hãi như sư tử vậy”. Như trong kinh nói: “Trú ngay trong lòng ngực sư tử, thì biết pháp giới nhất tâm, nhất tâm pháp giới bao trùm cả mười phương chẳng lộ bày một mảy may lông tóc. Đâu chỉ tâm đầy đủ, thân cũng bao trùm khắp”. Vả lại, như trong mười thân, có chân cõi nước, thân hư không, cớ sao không đầy đủ ư? Như trong thiền Ba-la-mật nói: “Trong thân chúng sinh, thế gian và cõi nước bên ngoài, nghĩa tương quan Tam-muội trí tuệ của hành giả, sức lực của nguyện trí. Lúc quán sát kỹ thân này tức biết thân này đầy đủ phỏng theo đất trời, tất cả mọi sự pháp tục. Tại sao như vậy? Như thân tướng đây, đầu tròn tượng trời, chân vuông pháp đất, trong có các thứ không tức là hư không, bụng ấm nóng là pháp xuân hạ, lưng cứng mạnh là pháp thu đông, bốn thể là pháp bốn mùa, mười hai đại tiết là pháp mười hai tháng, ba trăm sáu mươi tiểu tiết là pháp ba trăm sáu mươi ngày, miệng mũi tỏa ra hơi thở là pháp gió khí của núi đầm hang cốc, mặt mắt là pháp nhật nguyệt, mắt mở nhắm là pháp ngày đêm, tóc là pháp muôn sao, mà là Bắc đẩu, mạch máu là sông ao, cốt là ngọc đá, da thịt là đất đai, lông là pháp rừng chầm, ngũ tạng ở bên trong, ở trời là pháp ngũ tinh ở đất là pháp ngũ nhạc, ở âm dương là pháp ngũ hành, ở thế gian là pháp ngũ thường, ở bên trong là ngũ thần, tu là ngu đức, Sứ giả là Bát quái, trị tội làm năm hình phạt, chủ lãnh làm năm quan, bay lên làm năm mây, biến hóa làm năm rồng, tim làm chim tóc sắc đỏ, vai làm Huyền võ, gan làm Rồng xanh, phổi làm Hổ trắng, tỳ làm Cú trần. Năm thứ chúng sinh đây thì gồm tất cả cầm thú ở thế gian, đều tại trong đó, cũng là năm dòng họ, đó là cung thương giác chủy vũ, tất cả muôn dòng họ đều tại trong đó, đối với thư điển thì làm năm kinh, tất cả

sách sử đều từ đó lưu xuất, nếu đối với công xảo tức là ngũ minh, lục nghệ tất cả mọi kỹ thuật đều lưu xuất từ đó. Phải biết thân người tuy nhỏ, mà so với trời đất có nghĩa tương quan, như nói thân đây chẳng phải chỉ ngay ngũ ấm thế gian, cũng là cõi nước thế gian. Lại nữa, trong thân Vương pháp trị chánh nghĩa, hành giả ở trong Tam-muội sức lực của nguyện trí tức lại rõ biết trong thân, tâm là Đại vương, trên nghĩa dưới nhân nên ở trong trăm lớp, lưu xuất thì có trước sau phải trái quan thuộc thị tùng hộ vệ. Phổi là Tư mã, gan là Tư đồ, tỳ là Tư không, vị là biển lớn ở trong có rùa thần hít thở nguyên khí, cuộn gió tuôn mưa, thông khí khắp bốn chi. Bốn chi là con dân, bên tả là Ty mạng, bên hữu là Ty lục, chủ lục mạng người. Trong rốn là vua Thái nhất cũng là chủ của người. Trụ thiên đại tướng quân đặc tấn quân vương, chủ một vạn hai ngàn Đại thần ở trong thân. Thái nhất có tám Sứ giả tức là Bát quái, hợp làm chín khanh, Tam tiêu khai nguyên làm tả xả, hữu tắc, làm chủ gian tặc. Thượng tiêu thông khí vào đầu, giữa làm tông miếu. Vua là ở trong đó lai trị giáo hóa. Nếu tâm hành chánh pháp, các hạ đều tùy theo, thì chính sách cai trị thanh bình, nên ngũ tạng điều hòa, lục phủ thông suốt thích hợp, bốn đại an lạc không các bệnh não trọn bảo toàn tuổi thọ, nếu tâm hành phi pháp thì các quan thuộc làm loạn giết hại lẫn nhau, nên bốn đại chẳng điều hòa, các căn tối bít, do đó ôm bệnh tật đến cùng, đều do tâm hành ác pháp vậy. Trong kinh nói: "Mất hồn tức loạn, mất phách thì cuồng, mất ý thì mê hoặc, mất chí thì quên lãng, mất thần thì chết, phải biết bên ngoài lập Vương Đạo lai trị giáo hóa đều là pháp của trong thân", các nghĩa như vậy, có nói đầy đủ ở trong kinh Đề-vị. Lại nói rõ về nghĩa tương quan trong thế gian. Những điều nói trên đều là nghĩa tương quan bên ngoài. Tại sao vậy? Lúc Phật chưa xuất hiện nơi đời, các bậc thần tiên trí tuệ thế gian v.v... cũng thấu đạt danh nghĩa tương đối của pháp này vậy, nên nói trước là nghĩa thế gian bên ngoài vậy. Các thần tiên đó tuy là trí tuệ thế gian rành rẽ thông mẫn hay thông đạt thế gian, nếu trú phân biệt này, trọn là tâm hành ngoài lý chưa thấy chân thật, ở nơi Phật pháp chẳng gọi là Thánh nhân, còn là phàm phu luân hồi trong ba cõi hai mươi lăm hữu, chưa ra khỏi sinh tử, nếu giáo hóa chúng sinh gọi là cựu y (Thầy thuốc xưa) cũng gọi là Thế y (thầy thuốc thế gian). Nên trong kinh Niết-bàn nói: "Chữa trị bệnh tật của Thầy thuốc thế gian lành rồi lại phát. Nếu là Như Lai trị liệu, lành rồi không còn tái phát". Như nói ở sau. Nay nói về nghĩa bên trong thế gian là tức Đức Như Lai xuất hiện nơi đời, giảng nói rộng nhiều tướng của tất cả giáo môn danh nghĩa để giáo hóa chúng sinh,

hành giả trong định tâm, ý muốn được biết giáo môn Phật pháp, tướng của chủ đối. Tam-muội trí tuệ sức lực căn lành, tức bèn rõ biết. Làm sao biết? Như Phật giảng nói nghĩa ngũ giới là đối ngũ tạng. Phong đại đối với gan, hỏa đại đối với tim, thủy đại đối với thận, địa đại đối với phổi tỳ. Nói nghe tên ngũ ấm liền đó tức rõ biết đối ngũ tạng nơi thân, sắc đối với gan, thức đối với tỳ, tưởng đối với tim, thọ đối với thận, hành đối với phổi. Tên gọi tuy không theo thứ tự mà nghĩa tương quan. Nếu nghe mười hai nhập mười tám giới cũng tức rõ biết đối với ngũ ấm bên trong. Một nhập ba cõi nghĩa ấy tự có thể rõ biết. Hai nhập ba cõi, nay phải phân biệt. Năm thức đều là ý nhập giới, năm trần bên ngoài pháp trần bên trong dùng làm pháp giới nhập, đó tức là hai nhập ba cõi tương quan, ý thức giới là, mới sinh năm thức làm căn đối năm pháp trần bên ngoài tức sinh ý thức gọi là ý thức giới. Nếu nghe năm căn cũng biết đối với ngũ tạng bên trong, ưu căn đối với gan, khổ căn đối với tim, hỷ căn đối với phổi, lạc căn đối với thận, xả căn đối với tỳ, nhân duyên năm căn thì đầy đủ có ba cõi. Tại sao như vậy? Ưu căn đối với Dục giới, khổ căn đối với Sơ thiền, hỷ căn đối với Nhị thiền, lạc nhân của căn đối với Tam thiền, xả căn đối với Tứ thiền, cho đến Tứ không định đều gọi là Xả câu thiền, phải biết ba cõi cũng cùng ngũ tạng có nghĩa tương quan. Nghe nói tứ sinh cũng biết nghĩa đó tương quan ngũ tạng. Tại sao như vậy? Dục giới đầy đủ năm căn, năm căn liên quan ngũ tạng, ngũ tạng liên quan bốn đại đối với tứ sinh. Tất cả loài noãn sinh là tánh phong đại, thân hay cử động nhẹ nhàng vậy, tất cả loài thấp sinh phần nhiều là tánh thủy đại, nhân ẩm ướt mà sinh vậy. Tất cả loài thai sinh phần nhiều thuộc tánh địa đại, vì thân đó nặng nề chậm lụt vậy, tất cả loài hóa sinh phần nhiều thuộc tánh hỏa đại, hỏa thể không mà bỗng nhiên có vậy, cũng có ánh sáng vậy. Đức Như Lai vì giáo hóa bốn loài chúng sinh trong ba cõi nên giảng nói pháp Tứ Đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật. Phải biết ba pháp dược thần đan đây đều là đối trị ngũ tạng ngũ căn ngũ ấm của chúng sinh nên giảng nói vậy. Tại sao như thế? Như Phật giảng nói nghĩa nhất tâm Tứ đế, phải biết Tập đế đối với gan nhân, thuộc mới sinh vậy, Khổ đế đối với quả của tim là thành tựu vậy, Đạo đế đối với phổi vàng, hay dứt tiệt vậy, Diệt đế đối với thận, pháp của Đông tàng, đã có trở lại không vậy. Một tâm đã đối tỳ, mở thông Tứ đế vậy, cho đến mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật, loại ấy có thể biết vậy. Các pháp tạng đó thì rộng nhiếp tất cả giáo môn của Đức Như Lai, cho nên hành giả nếu tâm sáng tỏ lanh lợi quán sát chắc thật về thân tướng tức bèn rõ biết tất cả danh nghĩa Phật pháp. Nên trong kinh

Hoa Nghiêm nói: "Rõ suốt thân này, tức đạt tất cả". Đó là nói về tướng của nghĩa bên trong và nghĩa thế gian tương quan, ý còn tối mờ nhỏ nhiệm, chẳng phải ngộ, chớ thuật.

Như trên nêu dẫn rộng lời nói nhiệm mầu của các Thánh thì biết thân tâm của ta. Thế gian và xuất thế gian, tất cả các cõi nước nhiễm tịnh, pháp môn chân tục, phối hợp xác đáng không sai, không gì chẳng đầy đủ. Nên nói: Một mảy trần bao hàm cả pháp giới, chín đời chỉ phân trong sát-na". Lại nói: "Hiểu thì mười phương ở trong nhất tâm, mê thì tấc vuông xa ngoài ngàn dặm". Nếu hay rõ hiểu chân chánh viên dung như vậy thì mười phương thế giới, nâng trong lòng bàn tay, sóng cả bốn biển hớp về trong một lỗ chân lông, đâu khó khăn gì ư? Có thể gọi là tĩnh tọa trong phòng nhà kín lặng, thành Phật không lâu vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 25

Phàm các kinh liễu nghĩa của một đời Đức Phật giảng dạy, đề mục tuy chẳng đồng, năng thuyên có riêng biệt, đều nhắm vào yếu chỉ của nhất tâm, trọn không văn từ của ngoài thức. Phàm nêu treo một lời đều quy về Tông kính, bày khắp pháp giới đều đồng giải thích đây, như xưng kinh Diệu Pháp Liên Hoa là Diệu Pháp tức là chân tâm tuyệt đối đãi, gọi đó là Diệu. Liên Hoa lấy ra khỏi nước mà không nhiễm trước làm nghĩa, tức dụ tâm tánh tùy lưu chuyển rơi đọa trong phàm phu mà chẳng nhiễm dơ, trái ngược dòng lưu chuyển vượt ngoài bụi trần mà không đắm tịnh, cho đến bảy thí dụ ở dưới so sánh đều đồng. Như nhà lửa tức là từ Thể đệ bát thức nổi lên lửa của bốn đảo tám khổ, thiêu đốt thân ngũ ấm ba cõi. Quỷ thần phối với lợi sử các biên kiến tà kiến. Cầm thú dụ như các căn lợi độn tùy phiền não, cho đến tất cả kinh giáo, vô lượng pháp môn hoặc nói thí dụ, hoặc nói nhân duyên, hoặc nói giảng lược, hoặc nói ngang dọc, phàm có danh tướng cú nghĩa đều là pháp của tâm vương tâm sở. Nếu mê một niệm tâm chấp trước cảnh bên ngoài, tùy nơi sinh chấp trước, tức là nghĩa vào nhà lửa. Nếu ngộ một niệm tâm thông đạt tất cả, không gì chẳng là thật tướng, tức nghĩa ra khỏi nhà lửa, chỉ là lúc sinh phiền não có nơi nghiệp lưu dừng tức là trói buộc tức là sinh tử, nếu rõ phiền não tánh vốn không không có nơi nghiệp lưu dừng tức là giải thoát, tức là đắc đạo. Như trong kinh Tư Ích nói: "Lúc ta ngồi đạo tràng chỉ được nơi khởi điên đảo, phiền não rốt ráo là tánh không, vì không sở đắc nên đắc, vì không chỗ biết nên biết". Như nói chẳng đắc một pháp, tức thọ ký cho, là yếu chỉ đây vậy. Như trong phẩm Tín giải, đoạn văn pháp dụ: Trưởng giả tức là tâm vương, gã cùng tử tức là vọng niệm. Một niệm mới khởi, ngũ ấm đều sinh, trái với tánh giác hợp cùng trần lao, bỏ cha lưu lạc trong năm thú gọi là năm mươi năm, trở về nhà gọi là trở lại gốc quay lại nguồn, giao phó của cải là tỏ ngộ tâm được thọ ký, ba thứ cỏ hai thứ cây đồng hội về một tâm, hóa biến bờ lũy am tranh tức chỉ bày chân thật, buộc châu báu là chỉ bày Phật tánh

trong lòng, đào giếng ra suối trí của đất tâm, cho đến trong phẩm Quán Thế Âm, nói như giặc oán đầy khắp trong ba ngàn đại thiên cõi nước, tức là mười sử các phiền não lợi độn nơi chúng sinh, khắp tất cả xứ, não loạn hành nhân, gọi là giặc oán, nếu gặp cảnh thuận mà nổi giặc mềm dịu tức là mũi tên hoa bắn vào thân, nếu gặp duyên nghịch mà nổi giặc cứng mạnh tức là mũi tên độc vào tim. Lợi sử thấy phiền não khắp tất cả xứ là như trong kinh nói: Nơi nơi đều có ly mỵ vọng lượng, vì y cứ lời nói mà chấp pháp tùy chỗ khởi thấy giải mở vậy. Nếu là độn sử giặc oán phiền não khắp tất cả xứ là, như trong kinh các bọn trùng độc đua nhau rong chạy, vì mắt chạm thấy cảnh thuận nghịch tranh nhau, niệm niệm thương ghét tùy nơi động kết vậy. Có một Thương chủ, tức là Tâm vương, dẫn các khách buôn tức là sáu căn nhãn v.v... nghĩa khách buôn đổi chác vật báu là như mắt khách buôn bị sắc trần đổi chác vật báu của tự tánh mắt, như tai khách buôn bị Thanh trần đổi chác vật báu của tự tánh tai v.v... mang các vật báu tức là cùng ôm Phật tánh, trải qua đường hiểm trở, tức là hiểm của ba cõi có bốn mê của sáu thú, trong đó có một người xướng nói, tức là ý căn hay khởi tùy theo niệm phân biệt của tính lường, thường dẫn dắt năm căn vào nơi thiện ác. Các thiện nam tử! Chớ nên khiếp sợ, các ông nên phải nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sinh, các ông nếu xưng danh hiệu, ở nơi giặc oán đây tức được giải thoát là, nếu rõ nhất tâm thì không cảnh bên ngoài, mắt chẳng bị sắc cướp đoạt, cho đến ý chẳng bị pháp cướp đoạt, tức giải thoát ngay đó. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Trong một hiểu vô lượng,
Trong vô lượng hiểu một.
Rõ kia qua lại sinh,
Sẽ thành tựu không chỗ ở".

Tức là ở trong một niệm hay rõ muôn pháp, hỗ tương sinh hỗ tương diệt, không có tự tánh, muôn cảnh đều không, chẳng bị khiếp sợ, tức là dùng pháp vô úy thí cho chúng sinh, ở đó, căn trần, giặc oán tức một lúc đồng giải thoát. Các khách buôn nghe rồi đều xưng niệm rằng: "Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát". Xưng danh hiệu đó liền được thoát khỏi, là sáu căn đều hội nhất tâm, tức là đều phương tiếng xưng niệm, mới rõ duy tâm các cảnh tự diệt, tức là xưng danh hiệu đó liền được giải thoát, vì không pháp đối trị, chẳng sinh mừng lo vậy. Do đó, trong phẩm Phương tiện nói: "Trong các cõi Phật ở mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa", như trong Pháp Hoa Danh Tướng nói: "Trong kinh

nói sắc Niết-bàn, thọ tưởng hành thức Niết-bàn, trong đây cũng vậy, sắc Pháp Hoa, thọ tưởng hành thức Pháp Hoa. Trong kinh nói sắc chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, sắc sinh Bát-nhã sinh, sắc tánh hư vi gọi là diệu sắc thể, tự lìa giả danh là pháp, sắc không bụi dơ, mượn dụ như Liên Hoa. Văn tự vốn tánh không đặt gọi đó là kinh. Kinh là lấy thân tâm làm nghĩa. Như Lai tại nơi ấm giới, ấm giới tức Như, nào có khác? Lược gồm thủy chung lấy làm tâm yếu, mở phát đường tâm, gọi đó là Tựa, ngộ tâm dẫn phát thấu đạt xưa nay không tức là ngộ tri kiến Phật, một sắc vắng lặng, tất cả sắc cũng vậy, tất cả thanh cũng vậy, tức là mười phương chư Phật giảng nói Pháp Hoa. Các pháp từ xưa lại, tướng thường tự vắng lặng. Đây là pháp vật nào đều là nhãn pháp, cho đến ý pháp thân tâm đều vắng lặng. Phật tử thực hành đạo vắng lặng ấy tức là Phật ấy. Do đó các sư xưa trước nói: “Diệu pháp là thể Linh Trí của Đức Như Lai vậy”.

Hoặc nói kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là, Đại Phương Quảng tức là pháp sở chứng của nhất tâm. Phật Hoa Nghiêm tức là nhân năng chứng của nhất tâm, gồm sở về năng, nhân pháp ngầm hợp đều là nhất tâm. Đại tức là nhất tâm của phàm phu, thể đại của chân như, vì tánh chân như khắp tất cả xứ nên vậy. Phương tức là tướng đại của chân như, hay đầy đủ công đức tánh vô lậu vậy, Quảng tức là dụng đại của chân như, hay sinh ra các thiện căn của thế gian và xuất thế gian vậy. Phật là biển quả vô tác của nhất tâm. Hoa tức là nhân môn muôn hạnh của nhất tâm. Nghiêm là trang nghiêm diệu dụng của nhất tâm, kinh là diệu lý vô tận của chân như nhất tâm, như phá bụi trần lưu xuất kinh quyển, ngẩng lên hư không biên ghi văn tự, cho đến trong tám mươi quyển có các loại thể văn dài bài tụng ngắn một văn một chữ, như nơi Thiện Tài đồng tử thấy năm mươi ba vị thiện tri thức, hoặc là người hoặc là Thần hoặc nam hoặc nữ v.v... mỗi mỗi đều là pháp môn sở chứng của tự tâm theo vị. Nhưng hàng ba thừa nói: Hiểu mà chẳng hành, như nói tên họ người mà không biết người đó. Như lý Nhất thừa của Tông Kính đây nói là tức hạnh (hành) tức giải (hiểu), như nhìn thấy mặt người đó, chẳng nói tên người đó mà tự biết vậy. Hoặc mượn sự việc mà nói, hoặc lập so sánh mà nói. Như nói rõ ở trong Đại thừa gá mượn sự việc để hiểu biết pháp, tức dùng sự việc khác mà hiển bày pháp khác, nhiều là trong một sự việc phô bày một pháp. Như nhà là biểu thị từ bi, pháp y là biểu thị nhẫn nhục v.v... nay nói rõ một sự việc tức pháp tức nhân, tức y tức chánh đủ vô lượng sắc, tùy một sự việc tức gồm vô tận, lấy xứng tánh làm sự việc, sự việc nào có tận? Từ chân khởi tướng, tướng lại nào

cùng? Lại, giáo môn giảng nói của hàng Tam thừa, chỉ dùng Biệt giáo mà phân tích giải thích nghĩa riêng, do đó được lý mà quên giáo. Nếu vào trong Viên tông đây là giáo tức là nghĩa, vì một pháp vừa mới dấy khởi tức tất cả vô biên muôn pháp đều đồng thời tương ưng đầy đủ vậy. Ngoài một pháp đây không còn có pháp khác. Do đó trong kinh nói: "Biết từ mười pháp sinh ra tất cả pháp, mà hay mỗi mỗi phân biệt diễn nói, vì các thứ nghĩa của tất cả pháp rốt ráo đều là một nghĩa vậy. Vì nhất tâm hay sinh tất cả muôn pháp. Diễn bày vô biên nghĩa thú, triển chuyển tức khắp cùng pháp giới, trở lại nhiếp các thứ pháp nghĩa quy về nơi nhất tâm. Nhất tâm chẳng động mà diễn nói các nghĩa, chẳng hoại các nghĩa mà hiển bày nhất tâm, tức cuộn mà thường buông. Đức Như Lai ở trong một thứ ngôn ngữ mà diễn nói vô biên biển Khế kinh, tức buông mà thường cuộn, tất cả biển pháp môn vô tận đồng tụ hội trong đạo tràng một pháp. Như cỏ cây nhỏ bé từ đất mà sinh, trở lại trở về đất mà diệt, giống như sóng cả cổ động nương nước mà khởi, rồi trở lại với dòng nước. Nên trong kinh có kệ tụng rằng:

"Trí Phật thanh tịnh thông đạt vô ngại,
Một niệm biết khắp pháp ba đời,
Đều từ tâm thức nhân duyên khởi,
Sinh diệt vô thường không tự tánh".

Nên trong Thanh Lương Sớ nói: "Kinh Hoa Nghiêm là gồm chỉ nhất chân pháp giới, nghĩa là bao gồm vạn hữu, tức là nhất tâm vậy".

Hoặc nói kinh Duy-ma, đây gọi là Tịnh Danh tức là tự tánh tâm thanh tịnh của tất cả chúng sinh, tâm ấy chẳng lắng mà tự tịnh, chẳng mài giũa mà tự ánh ngời. Ở nơi phàm chẳng dơ, ở nơi Thánh chẳng sạch, nên nói là tự tánh thanh tịnh. Điều gọi là Danh, vì tâm không hình chỉ có tên gọi vậy. Trong kinh văn nói: "Đem nước mênh mông của bốn biển gồm về trong một lỗ chân lông, đem núi Diệu cao to lớn đặt để trong một hạt cải, bay khắp các cõi Phật ở mười phương mà chưa từng rời khỏi bản xứ, ném Đại thiên ở ngoài các cõi mà các loài hàm thức chẳng biết. Nhật nguyệt treo ở đầu sợi lông, cùng hiện đầy đủ ở trong thân thể. Trong bụng gồm thâu ngọn lửa của kiếp thiêu mà việc lửa đốt cháy vẫn tự nhiên, miệng hớp gió cả mười phương mà thân không tổn giảm. Đó đều là tự tâm chuyển biến, chẳng động mà xa gần chợt phân, một niệm bao dung vô ngại mà lớn nhỏ cùng vào. Trong Thiên Thai Sớ nói: "Đem núi Tu-di to lớn để đặt để trong hạt cải, không chỗ thêm bớt, bản tướng của Tu-di sơn vương vẫn như cũ, mà Tứ thiên vương, các trời Đao-lợi v.v... không hay không biết chỗ vào của mình, chỉ bậc ứng độ mới thấy

núi Tu-di vào trong hạt cải, cho nên gọi là pháp môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Lại đem nước bốn biển để vào trong lỗ chân lông, chẳng nhiễu động các loài thủy tộc như cá rùa v.v... mà bản tướng của biển lớn đó vẫn như cũ. Các loài rồng, quỷ, A-tu-la v.v... không hay không biết nơi mình vào, ở đó chúng sinh cũng không nhiễu loạn. Đó là nói rõ đại dụng chẳng thể nghĩ bàn vậy. Chính vì thật tuệ và chân tánh hợp nên được có dụng chẳng thể nghĩ lường đó". Đó giống như trong Luận Đại Trí Độ có kệ tụng rằng:

"Thủy ngân hòa vàng thật,
Hay thoa các sắc tượng.
Công đức hòa pháp thân,
Nơi nơi ứng hiện qua".

Nếu núi Tu-di cao lớn đặt để trong hạt cải mà không thêm bớt, cũng chẳng chật hẹp, không hay không biết, đầy đủ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, vết tích ở nơi cảnh y báo được tự tại vậy. Nghĩa đó khó giải. Có vị sư nói: "Bởi sức thần nên hay như vậy". Nay nói là tánh chẳng nghĩ bàn, chẳng phải trời người A-tu-la, việc làm của Phật, thần lực sao có thể vậy? Có vị sư nói: "Nhỏ không tướng nhỏ, lớn không tướng lớn nên được vào vậy". Nay nói nhỏ là nhỏ, lớn là lớn. Cho nên tự tánh lớn nhỏ chẳng được cùng vào là, nhỏ lớn lớn nhỏ, đã là lớn nhỏ của tánh khác, sao được vào vậy? Nay giải thích rằng: Như trong kinh Hoa Nghiêm nói rõ một mảy bụi nhỏ có đại thiên quyển kinh. Quán chúng sinh một niệm tâm vô minh, tức là tâm Như Lai. Nếu thấy tâm đó tức có thể đem núi Tu-di đặt để trong hạt cải. Không tướng ngăn ngại nhau vậy. Những việc chẳng thể nghĩ bàn sau, cùng kếp nói cũng chẳng thể hết, đều là ý đây vậy. Tại sao vậy? Trong kinh nói: Chư Phật giải thoát phải cầu nơi trong tâm hành chúng sinh. Nếu quán tâm hành chúng sinh được giải thoát của chư Phật, trú ngay giải thoát đó thì hay hiện các thứ sự việc chẳng thể nghĩ bàn như vậy". Cho nên nghĩ bàn giải thoát như được châu ngọc pha lê mà chẳng thể mưa báu. Đại thừa Viên giáo nói rõ Trung đạo viên chân, chân tánh giải thoát của Bồ-tát tức là giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, như được châu ngọc Như ý hay mưa ra Đại thiên vật báu vậy. Thấy tâm hành chân tánh chúng sinh, được chân tánh của hạt cải và núi Tu-di là nhất như không hai như. Nếu được chân tánh hạt cải tuy nhỏ mà hay dung chứa núi Tu-di lớn, được chân tánh núi Tu-di lớn, chẳng ngại hạt cải nhỏ. Nêu cử một ý này có thể ví các sự việc sau vậy. Mà nói chúng sinh trong đó không biết chỉ có bậc ứng độ mới hay thấy đó là chúng sinh đã chẳng thấy lý chân tánh lớn nhỏ, đâu hay biết

vậy? Nếu có cơ được độ tức thấy sự việc ấy vậy. Lại, nếu hay Quán chân tánh đó vào Quán hạnh tức tương tợ, tức nhân đó hẳn được Như Lai diệt độ, nên nói mới hay thấy đó. Nên trong kinh Pháp Hoa nói rõ về sáu căn thanh tịnh rằng: "Chỉ riêng tự rõ suốt, chỗ người khác chẳng thấy vậy". Trong kinh nói: "Lại đem nước bốn biển lớn vào trong một lỗ chân lông là, chánh báo được tự tại vậy, nếu hiểu chân tánh chẳng thể nghĩ bàn ở nước biển tức là chân tánh chẳng thể nghĩ bàn nơi một sợi lông là hay đem nước biển vào trong lỗ chân lông, ở nơi thân chánh báo không chỗ ngăn ngại tổn hoại vậy". Trong Phụ Hành Ký giải thích rằng: "tạm căn cứ một niệm sát-na tâm khởi nên, nên nói là nhỏ vậy, tức một niệm đó đầy đủ pháp thân tất cả Phật pháp, tức là hay dung chứa lớn của núi Tu-di. Lớn nhỏ thường khắp, lý sự vô ngại, sự lý xưa nay tương tức vậy, do đó chẳng đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, chỉ nêu một niệm sát-na tâm chúng sinh đầy đủ thể của pháp thân khó nghĩ lường xưa nay cùng tồn tại vậy. Cho nên người của trong phương tiện giáo mê ở tướng tại lý chẳng thể nghĩ bàn, buông tuồng nghe thường trú giải mờ lầm hoặc phân rẽ đường, nên Trung đạo của Biệt giáo vẫn còn dị giải, chỉ có ở Viên giáo đầu cuối nhất như, nên năm phần pháp thân chẳng vượt quá phàm chất. Do đó nói: "Muốn thấy tâm Như Lai, chỉ quán tâm chúng sinh" thì chư Phật và chúng sinh chỉ là tên gọi, mà tâm thường khế hợp yếu chỉ. Hữu thức và Vô tình chỉ là danh hiệu mà pháp vốn đồng nguyên. Nhận danh hiệu ở thế tục đế thành sai. Quán thể tánh mà chân môn đồng đẳng một. Trong phẩm Pháp sư công đức ở kinh Pháp Hoa nói: "Bồ-tát ở nơi tịnh thân đều thấy mọi sự trong đời, chỉ riêng tự mình rõ biết, chỗ người khác không thấy". Xưa trước giải thích: "Bởi ý gì mà không thấy? Do có ngã tướng nên vậy". Vô ngã tức là thấy tánh, rõ nhân không pháp không, chân tâm tự hiện, tức là tịnh thân. Ở trong chân tâm, mọi sự có ra trong đời tất cả cảnh giới đều hiện ở trong. Nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Các pháp được sinh ra, chỉ do tâm hiện thành". Tánh không không bạn tên riêng, nếu chấp thủ ấm giới nhập tức gọi là người khác. Vì ấm ngăn che chẳng thấy tự tánh. Cư sĩ Bàng Uẩn có bài kệ nói:

"Cư sĩ vốn không bệnh,
Phương trượng hiện có bệnh,
Chỉ lo hàng Nhị thừa,
Duyên sự chẳng được ra,
Nên chê thức ăn dỡ,
Thuần nói Ba-la-mật,

Một bát cơm phương trên,
Mùi thơm tỏa bảy ngày,
Chẳng nhờ sáng nhật nguyệt,
Tâm vương chiếu rọi phòng,
Văn thù hỏi không hai,
Quên lời công tự hết
Quá khứ đã như vậy,
Hiện tại lại đồng nhất,
Nếu hay thấu lý đó,
Không cầu đều thành Phật".

Trong Tịnh Danh Tư Ký của Ngưu Đầu nói: "Kinh nói rõ ở trong một lỗ chân lông thấy Thân-Ma da, trong bào thai Ma-da đi vô lượng bước. Như chẳng thể nói mảy trần thế giới rộng lớn, một ngày đi vô lượng bước, là pháp môn vật gì, cũng dùng làm thuyết trong phòng nhà dung chứa ba vạn ngàn tòa sư tử, lại làm thuyết núi Tu-di đưa vào trong hạt cải. Trong kinh Niết-bàn làm thuyết sợi tơ ngó sen treo núi Tu-di, trong kinh Đại Phẩm làm thuyết tên Bồ-tát Vô Biên Thân ở trên mũi kim nhọn, chỉ là một ý một giải ngàn theo, phải cầu ở trong tâm hành quán trí, nếu nhìn trên sự tướng, trọn chẳng thể được. Trong kinh nói: Đó gọi là môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Rõ ràng đương thể tất cả các pháp tự giải thoát. Sắc đại nên Bát-nhã đại, sắc như hư không, muôn pháp cũng vậy. Nên biết tất cả những gì chư Phật giảng nói, tuy căn cứ về sự mà nói nhưng đều là tức tướng minh tông, trọn không ý riêng biệt. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Mười phương mong cầu chắc thật, trọn không thừa nào khác". Chỉ tông một pháp vậy, nên trong luận Hoa Nghiêm, Hòa thượng Linh Biện hỏi: "Tướng lớn nhỏ sạch mỗi tự riêng biệt, cớ sao mà được lớn nhỏ tương tức?" Đáp: Tánh chẳng phải tánh nên như ảnh tượng vào trong gương, tượng vẫn nguyên vẹn mà hiện trong gương, gương vẫn nguyên vẹn mà bao hàm các ảnh tượng, đều không tăng giảm, vì không tánh vậy. Một niệm vào tất cả thế giới trú chẳng thể nghĩ bàn, cho nên tâm chứa vô biên công đức. Hoặc nói kinh Kim Cang Bát-nhã, tức là dụ bản tâm bất động, nếu Kim Cang Bát-nhã chân trí là Linh đài diệu tánh. Thấu đạt đó tức đến bờ Niết-bàn kia, mê mờ đó tức trú ở bờ mê sinh tử, nên trong kinh văn nói nên không chỗ trú mà sinh khởi tâm, nghĩa là khởi niệm tức là trú trước, tâm nếu chẳng khởi thì muôn pháp không sinh, tức tâm khắp tất cả xứ, ta xứ khắp tâm. Thấu đạt như vậy chóng vào tự tông, nên nói nếu là nơi kinh điển tồn tại tức là có Phật, vì tâm khắp tức pháp khắp, vì pháp tức Phật

vậy, vì trí thông tức cảnh thông, vì cảnh tức tâm vậy. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân Như Lai thành Đẳng chánh giác, rốt ráo không sinh diệt, như một lỗ chân lông trùm khắp pháp giới, tất cả lỗ chân lông thảy đều như vậy. Phải biết không một nơi nhỏ nhiệm nào trống rỗng không có thân Phật”. Tại sao? Lúc Như Lai thành Đẳng chánh giác, không nơi nào chẳng đến. Cho nên nếu chẳng tỏ ngộ tự tâm khắp tất cả xứ, thì ngoài tâm thấy pháp, điên đảo luân hồi, đâu được tên xưng là bậc Chánh biến tri thành thiện thệ. Như trong kinh nói: “Phàm có hình tướng, thảy đều hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”. Vì liếc qua có một mảy may nơi khởi đều rơi lạc ở thấy nghe, từ phân biệt mà sinh, đều chẳng phải chân thật. Nếu chẳng thấu đạt không tướng tức tướng thì là chấp thủ tướng phàm phu. Nếu thấu rõ tướng tức không tướng thì thành Duy tâm Đại giác. Đã chẳng thể chấp thủ tướng cầu ngộ, cũng chẳng thể lìa tướng tư duy chân, chẳng tức chẳng lìa. Tánh giác tự hiện. Lại nói: Tất cả chư và pháp Phật A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, đều từ kinh đây lưu xuất, vì mười phương ba đời tất cả các Đức Như Lai đều tỏ ngộ tâm thành Phật. Cho đến Tam bảo Tứ đế đều từ tâm lưu xuất, giác ngộ đó gọi là Phật, khuôn phép đó gọi là pháp, hòa hợp đó gọi là Tăng. Trong Kim Cang Biện Tông nói: “Kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật là môn của tất cả các Đức Như Lai tỏ ngộ tâm. Thấu rõ vọng tâm vô minh tức là chân tâm diệu tuệ, nên nói là tỏ ngộ tâm”. Trong kinh nói: “Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được, tỏ ngộ vọng tâm của ba đời không thể được mà có chân tâm, nên nói là tỏ ngộ tâm”. Trong luận Bát-nhã Bất Hoại Giả Danh nói: “Nếu tâm Bồ-tát chẳng trú pháp mà hành bố thí, như người có mắt, có ánh sáng mặt nhật soi chiếu thì thấy các thứ màu sắc, như người có mắt là đắc vô sinh nhẫn vậy. Ánh sáng mặt nhật soi chiếu là quyết định rõ biết các pháp không tánh, thấy các thứ màu sắc là tỏ ngộ tất cả các pháp chẳng sinh chẳng diệt chẳng đoạn chẳng thường, chẳng một chẳng khác, chẳng lại chẳng ra, không chỗ được v.v... Bồ-tát hành bố thí chẳng trú như vậy, chóng thành tựu Chánh giác, đắc Đại Niết-bàn”. Giải thích: Thế nào là hành bố thí chẳng trú chóng chứng Bồ-đề? Vì thấu rõ tất cả các pháp tức tâm, tự tánh chẳng trú nơi pháp. Tịch chiếu không ngằn mé, thành Bồ-đề của mắt thấy, đắc Tam-muội ngay hiện tiền. Nếu trú ở một pháp, bị cảnh lưu dừng ngăn ngại, mất ánh sáng của tâm trí, vào mờ tối ngu si. Trong Kim Cang Nghĩa nói: “Thường thấy tự tánh niệm niệm chẳng lìa, nên nói là Phật hiện có. Ngay lúc thấy tánh, với số kiếp như cát sông Hằng chỉ tại

lúc này, nên nói là lúc ấy (Nhĩ thời). Biết tâm là Phật tức Phật dặn dò giao phó xong, đối với pháp môn không chỗ trú mà thực hành bố thí, trong các cõi nước ở mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, chỉ là một tâm, tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, thì trú ở pháp nào? Nên nói là chẳng trú. Nếu lìa tâm riêng có pháp có thể được, tức sinh chấp tâm trú nơi pháp tướng, tức là người không mắt, nên gọi là pháp Tối thượng đệ nhất hiếm có. Người tu pháp ấy, hiện đời thành Phật, mười phương hợp làm một tướng, thấy tất cả chư Phật và các chúng sinh, vốn không riêng khác, thấy tướng trạng mọi sự trong ba đời như khảy móng tay. Đó há chẳng phải là pháp hiếm có ư? Lại như trong các kinh Liễu nghĩa nói: "các chúng nghe pháp từ ngoài mười phương thế giới lại, tức là tỏ ngộ tâm mà lại, nếu mê mờ tông đây là xa ở ngoài các phương khác. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: Ngoài mười cõi Phật, số thế giới như vi trần mà lại, tức rõ ràng từ mê vào tin, nên gọi là lại. Nói trong thế giới kia có Đức Phật hiệu Bất Động Trí, là nói rõ Phật Bất Động Trí tức là tất cả Thánh phàm ở khắp mười phương đều có trí căn bản sáng tỏ ở nơi đây. Trí hay khởi tín tâm, nên gọi đó là lại. Phật Bất Động Trí đây, tất cả chúng sinh thường tự có vậy. Nếu chấp thủ tướng tùy theo mê tức trần lao chướng ngại vô tận. Nếu một niệm giác ngộ mê thấu đạt tướng,tức sạch như hư không. Chỉ tùy theo mê nên gọi là ngoài, nơi ngộ gọi là lại, mà thật cõi Phật vốn không chướng ngại bởi xa gần trong ngoài v.v... cũng không đi lại, không bên cạnh cõi Phật, chẳng vượt ra ngoài lỗ chân lông mảy trần. Nay đặt để xa gần là ý muốn khiến tâm người mới tin là tâm rộng lớn nên nói từ trong thế giới kia Lại. Lại nữa, nói rõ từ mê tỏ ngộ mà vào nên nói là Lại. Do đó, vào trong Tông kính, lý đáng tuyệt học, thuyết của trăm dân một giáo hay làm sáng tỏ, đầu mối của vạn hóa một lời có thể ngăn che. Hoặc nói: "Cõi Phật Hương Tích cách xa bốn mươi hai Hằng sa thế giới", tức là trải qua bốn mươi hai pháp môn tâm địa. Hoặc nói: "Rải hoa anh lạc giữa hư không thành đài báu bốn trụ", tức là bốn đức Niết-bàn thường lạc ngã tịnh của một tâm. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Các thứ hoa lọng v.v... đây đều là vô sinh pháp nhẫn sinh ra". Hoặc Phật nói: "Nai chúa thời ấy tức là thân ta" tức là kết hội xưa nay, nói rõ pháp của tự tâm một khoảng. Hoặc trong giáo điển nói phàm có giữa không trung phát tiếng chỉ bảo, ngay lời nói đó, người liền dứt nghi ngờ, đều là chóng ngộ tự tâm, chẳng phải cảnh giới khác hoặc trong kinh Pháp Hoa nói dời các trời người đến cõi nước khác tức là ba biến hóa ruộng tâm. Hoặc trong kinh Duy-ma đem Bồ-tát Diệu Hỷ đến phương này, đó là tức ngay dơ uế tỏ rõ sáng sạch. Hoặc trượng

thất dung chứa tòa cao, lọng báu hiện giữa đại thiên, chưa rời khỏi Đâu-suất mà đã nhập Niết-bàn, chẳng trèo thọ vương mà lên trời Đao-lợi, chắp tay trải qua vô lượng kiếp, lên gác thấy nhân của ba đời, giữa chặn mày Đức Thích-ca lưu xuất chúng Bồ-tát thân nhiều như mây nhóm, trong lỗ chân lông Bồ-tát Phổ Hiền hiện bày môn cảnh giới của chư Phật, trong bình nhỏ tuôn ra vô hạn tốt lành, ngẩng lên hư không mưa vô cùng vật quý báu, chẳng động xứ đây mà ngồi khắp các đạo tràng, phướn báu mười cõi hợp làm một nước. Nghe kinh suốt năm mươi tiểu kiếp mà chỉ như trong khoảnh khắc, hiện thần thông trong bảy ngày mà buông duỗi đó làm một đại kiếp, cho đến hằng sa pháp tụ, vô lượng nghĩa môn, nêu một liệt bày tất cả đều chẳng vượt ngoài pháp của tự tâm. Nên biết Bồ-tát tùy theo thế tục mọi việc làm đều phô bày một tâm. Nên trong kinh Tịnh Danh nói: “Chẳng xả bỏ đạo pháp, hiện bày việc phàm phu”. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Một niệm đến khắp tất cả xứ, vì tất cả chúng sinh thị hiện thành tựu Chánh giác, cho nên vườn rừng pháp thân Bồ-tát khắp cùng tận hư không tất cả các thế giới vậy”. Lại nói: “Tất cả Bồ-tát hành thần thông du hý, đều được tự tại, cho nên cung điện Bồ-tát khéo dạo đi nơi các thiền giải thoát Tam-muội trí tuệ vậy. Do đó, chánh báo y báo đều thành Phật pháp. Vì vậy, trong Tịnh Danh Tư Ký nói: Lấy Bồ-tát Diệu Hỷ đến cõi nước này là biện rành ở sạch dơ không hai, cõi kia tuy lại vào nước này cũng chẳng tăng giảm, là bản tánh như như vậy, tuy lại nhưng rốt ráo chẳng động”. Ý gì như vậy? Khéo nên tư duy đó, nên biết muôn pháp hành xử, ẩn hiển qua lại, hoặc sự hoặc lý, đều chẳng vượt ngoài một chân tâm vậy.

Giải hiểu như thế, có thể xứng với tâm Phật, phát trí sáng mà như ngàn mặt nhật tỏa chiếu giữa không trung, gồm các nghĩa mà tợ năm dòng đổ về biển cả, rốt ráo không một pháp nào hiện ở ngoài tâm và tại trong tâm. Cho đến, dưới khắp cùng các chúng sinh vô minh, trên bao gồm chư Phật chủng trí, đều là diệu chỉ vô sinh tánh không. Như trong kinh Ma-ha Bát-nhã nói: “Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và các trời trong ba ngàn đại thiên thế giới hóa làm hoa rải trên Phật, các Đại Bồ-tát, chúng Tỳ-kheo Tăng và Tu-bồ-đề, cũng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới, hoa đều khắp đầy trong hư không, hóa thành đài hoa, đoan nghiêm khác lạ. Tu-bồ-đề khởi tâm niệm rằng: “Hoa của các Thiên tử tung rải, ở trên trời chưa từng thấy hoa như vậy, hoa đây là hoa biến hóa, chẳng phải hoa từ cây sinh ra. Hoa của các Thiên tử tung rải từ cây tâm sinh ra, chẳng phải hoa do cây sinh ra”. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân biết tâm niệm của Tu-bồ-đề nên

nói cùng Tu-bồ-đề rằng: "Đại đức! Hoa đây chẳng phải hoa sinh ra, cũng chẳng phải cây ý sinh ra". Tu-bồ-đề nói với Thích-đề-hoàn-nhân rằng: "Kiều-thi-ca! Ông nói hoa đây chẳng phải hoa sinh ra cũng chẳng phải cây ý sinh ra. Kiều-thi-ca! Nếu là chẳng phải sinh pháp thì không gọi là hoa". Thích-đề-hoàn-nhân nói cùng Tu-bồ-đề rằng: "Đại đức! Chẳng phải chỉ là hoa chẳng sinh ra, mà sắc cũng chẳng sinh. Thọ tưởng hành thức cũng chẳng sinh". Tu-bồ-đề nói: "Kiều-thi-ca! Chẳng phải chỉ là hoa chẳng sinh, sắc cũng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là thức. Sáu nhập sáu thức, sáu xúc, nhân duyên sáu xúc sinh các thọ cũng như vậy. Đàn Ba-la-mật chẳng sinh. Nếu chẳng sinh tức chẳng gọi là đàn Ba-la-mật. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh tức chẳng gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh, nếu chẳng sinh tức chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí". Nên biết muôn pháp đều hội vô sinh, ngàn đường đều quy về Tông kính. Như các bậc Tiên đức nói: "Nay, ba thân, mười Ba-la-mật của Phật, cho đến các hạnh lợi tha của Bồ-tát v.v... đều nương tựa tự pháp dung chứa chuyển đổi mà hành, tức trong tâm chúng sinh có chân như thể đại. Ngày nay tu hành dẫn ra pháp thân, do trong tâm có chân như tướng đại, ngày nay tu hành dẫn ra báo thân, do trong tâm có chân như Dụng đại, ngày nay tu hành dẫn ra hóa thân, do trong tâm có chân như pháp tánh tự không xan tham, ngày nay tu hành thuận pháp không keo kiệt dẫn ra đàn Ba-la-mật v.v... do đó, trong kinh Niết-bàn có kệ tụng rằng:

"Văn-thù pháp thường vậy,
Pháp vương chỉ một pháp,
Tất cả không ngại người,
Một đường ra sinh tử".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Kim cang Thiết vi nhiều vô lượng,
Đều hay đặt để đầu sợi lông,
Nếu rõ rất lớn có tướng nhỏ,
Bồ-tát vì đó mới phát tâm".

Vì lớn nhỏ không tánh, rộng hẹp tùy duyên. Nếu hay thấy rõ tướng rất lớn không ngoài, tướng rất nhỏ không trong, đều là pháp môn tâm địa cầu một mảy lông, gọi là kiến đạo. Nên nói Bồ-tát vì đó mới phát tâm, hiểu như vậy là chẳng đổi thân phàm, sinh ở nhà Như Lai, thành Phật tử chân chánh. Nghĩa Hải nói: "Sinh ở nhà Như Lai là pháp giới chân như vô sinh Bồ-đề Niết-bàn làm nhà, như lúc thấy mảy trần không sinh không tánh, tức trí này từ pháp vô sinh hiển hiện, tức là sinh ở nhà

Như Lai vậy". Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Với pháp không phân biệt,
Thì là từ Như sinh".

Lại nói: "Khắp ở trong pháp của chư Phật ba đời mà hóa sinh chỉ khế hợp nghĩa lý, tức gọi là sinh ở nhà Phật vậy, là con của Phật, cũng gọi là Phật xuất hiện vậy". Nên biết, phàm chấp văn ngôn đều là dấu vết của tâm, cho đến gọi là chân như, cũng gọi là dấu vết, nếu hay tầm vết được gốc, tự nhiên tuyệt vết về tông, hoặc mê vết theo trần thì là mất gốc. Do vậy thấu rõ đó thì gốc vết tuy khác, chẳng nghĩ bàn chỉ một, mê mờ đó thì gốc vết đều mê, tùy theo tình tự khác. Nên trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Ta chứng Bồ-đề không dấu vết khác biệt. Gì gọi là dấu vết? Chân như pháp tánh cả hai đều gọi là dấu vết, các pháp thật tế cũng gọi là dấu vết, không sinh không diệt cũng gọi là dấu vết". Thời nay, phần nhiều chấp dấu vết của phương tiện ngôn giáo, mất gốc của nhất tâm chánh nghĩa. Do đó, điều Tông kính chỉ bày đều khiến tâm vết được gốc, tuy dẫn khắp lời lẽ giải thích, ân cần quanh co nhỏ nhiệm đồng chỉ ở đây. Nên trong kinh Thiên Vương Bát-nhã nói: "Người căn tánh thông lợi, nói văn biết nghĩa. Nếu hay nói văn biết nghĩa, thấy pháp rõ tâm, mới vào trong tông kính, chóng tiêu trừ lo nghĩ, thì chẳng dùng thiên nhãn quan sát, thấy suốt các cõi mười phương, chẳng dùng thiên nhĩ lóng nghe, nghe khắp âm thanh pháp giới, chẳng nương gá thần túc thông chóng đến khắp cùng mười phương, ng-ồi thẳng vắng lặng chẳng động, chư Phật thường hiện tiền. Như trong kinh Ban-chu Tam-muội nói: "Nhân gì khiến hiện tại chư Phật đều đứng ở trước Tam-muội như vậy? Bạt-đà-hòa! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trì giới hoàn toàn đầy đủ, tâm đặt để riêng một nơi, Đức Phật A-di-đà ở phương Tây hiện tại. Nay, tuy điều nghe đang niệm, cách xa khoảng ngàn muôn ức cõi Phật, ở nước đó tên là Tu-ma-đề, ở giữa đại chúng Bồ-tát, giảng nói kinh pháp, tất cả thường niệm Phật A-di-đà. Phật bảo: Bạt-đà-hòa! Thí như người ngủ nằm mộng thấy có các thứ vàng, bạc trân quý cha mẹ anh em vợ con thân thuộc, bạn bè tri thức cùng nhau vui chơi hỷ lạc không gì sánh bằng, đến lúc tỉnh giấc bèn đem việc ấy nói với mọi người, tự nhớ điều thấy trong mộng như vậy. Bạt-đà-hòa! Bồ-tát, hoặc là Sa-môn hoặc là cư sĩ, nghe Phật A-di-đà ở phương Tây, phải niệm Phật phương ấy, không được khuyết giới, nhất tâm xưng niệm hoặc một ngày đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm, qua sau bảy ngày đêm rồi, thấy Phật A-di-đà, lúc tỉnh thức không thấy, lúc trong ngủ mộng thấy đó. Thí như điều thấy trong mộng, không biết đêm ngày,

cũng không biết trong, cũng chẳng thấy ngoài, cũng chẳng dùng ở trong mờ tối nên chẳng thấy, chẳng dùng có chỗ ngăn ngại nên chẳng thấy. Như vậy, Bạt-đà-hòa! Tâm Bồ-tát lúc đang niệm như vậy, bờ cõi nước của chư Phật, tên là núi Đại A-di, nơi chốn hết sức tối tăm, thảy đều mở thoáng, mắt cũng chẳng ngăn che, tâm cũng chẳng chướng ngại. Cho nên, Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng trì thiên nhãn mà thấy suốt tất cả, chẳng trì thiên nhĩ nghe suốt tất cả, chẳng trì thần túc, đến cõi Phật đó, chẳng ở nơi khoảng đó trọn vẹn, chẳng sinh nơi cõi nước Phật kia. Bồ-tát vừa mới thấy bèn ngồi ở đây thấy Phật A-di-đà, nghe pháp giảng nói đều nhận giữ được, từ Tam-muội đây đều hay đầy đủ, vì người giảng nói đó". Như điều nói trên đều là môn chóng vào, vì đầy đủ thượng căn, chẳng phải là quyền tiệm. Nay thì nương tựa nói rõ yếu chỉ của Phật, sơ lược tán thán kinh văn, đại ý đều y theo sự giải thích của các bậc Tiên đức, tức lý nào mà chẳng tận, sự nào mà chẳng cùng: Nhưng lại ở ác bậc hậu hiền mắt trí sáng đoán, đem ý Phật sâu mầu, một câu có thể sinh vô lượng nghĩa vậy.

Hỏi: Như điều nói trên, hạt cải có thể nhận nạp núi Tu-di, lỗ chân lông nuốt cả biển lớn. Đã chỉ là một tâm, núi Tu-di là vào trong hạt cải hay chẳng vào trong hạt cải? Nếu nói vào, cớ sao trong kinh nói bản tướng núi Tu-di vẫn như cũ nếu nói chẳng vào, sao lại nói chỉ người đáng độ trông thấy đó?

Đáp: Nếu có chỗ vào tức mất tự tánh các pháp, nếu nói: Chẳng vào lại thành Nhị kiến. Lại, hoặc nói, nhỏ là nhỏ của nhà lớn, lớn là lớn của nhà nhỏ. Hoặc nói: Hạt cải hay núi Tu-di, mỗi mỗi không tự tánh. Đó đều là lấy không nhận nạp không, có gì là kỳ đặc. Nên biết, chưa vào Tông kính, tình kiến khó quên, hạn cục lớn nhỏ ở phương góc, lập thấy nghe ở diệu đạo, đến nỗi khiến nhất chân ngầm ẩn, muôn pháp chẳng dung. Nay thấu rõ chánh nghĩa, chỗ gọi là vào mà chẳng vào, tức biết bản tướng của núi Tu-di, chẳng vào mà vào, hiểu rõ tự tông của các pháp. Hoàn Nguyên Quán nói: "Điều gọi là vào, tức tánh tướng đều sạch, thể đồng như pháp giới. Vào không tướng vào, gọi là vào vậy. Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Pháp giới Phật sâu mầu,
Lượng đó đồng hư không,
Tất cả chúng sinh vào,
Mà thật không chỗ vào".

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Đều vào pháp giới mà không chỗ vào, nếu riêng có một chỗ vào thì lúc vào mất bản tướng, chẳng được

nói các thứ pháp, vì đương thể tự hư, gọi là vào pháp giới, không riêng có thể vào thì chẳng hoại các thứ". Lại nữa, trong kinh nói: "Tuy các pháp không một không khác mà nói một nói khác". Nên biết cốt yếu do sự tướng rõ ràng chẳng vào mới được cùng giúp cùng khắp vậy. Nếu vào thì mất duyên, thì không nghĩa các duyên mỗi tự riêng khác, chẳng vào thì hoại tánh dụng, chẳng được lực dụng giao nhau tận cùng, thì không có nghĩa qua lại biến khắp cùng giúp. Nếu đầy đủ vào và chẳng vào thì thành tựu nghĩa đều tồn tại vô ngại. Đủ ba duyên đây mới thành duyên khởi. Rõ tánh đây thì hay biến khắp thông suốt, bèn mới vuông mà tròn, nhỏ mà hay lớn, hẹp mà hay rộng, ngắn mà hay dài, không gì chẳng phải tâm ta, thần đức tự tại, thì chạm mắt đều là núi Tu-di vào trong hạt cải, giở chân đứng ở giải thoát chẳng thể nghĩ bàn vậy. Nên, người xưa nói: Nhận nạp núi Tu-di vào trong hạt cải, ném Đại thiên ở phương ngoài, đều là tâm ta thường phân vậy, đâu nương gá ở thuật khác ư? Thì là chúng sinh đầy đủ sức lực, đâu đợi chứng thánh mới đầy đủ. Do đó, chư Phật ở trong pháp không hai hiện diệu thần thông. Bồ-tát hướng trong lý vô tánh thành Phật sự lớn. Nên trong Tín Tâm Minh nói: "Rất lớn đồng nhỏ, chẳng thấy bên ngoài. Rất nhỏ đồng lớn, quên tuyệt cảnh giới". Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

"Tu-di cha hạt cải,
Hạt cải bố Tu-di.
Núi biển thản nhiên bằng,
Gõ băng đem nấu trà".

Do lấy một pháp làm tông, ngàn đường đua nhau vào, năm non vòi vọi mà chẳng cao, bốn bể mênh mông mà chẳng sâu. Ba độc bốn đảo chẳng phải là phàm, tám giải sáu thông chẳng phải là Thánh".

Hỏi: Thế nào là nơi thản nhiên bằng phẳng?

Đáp: Ngàn tầm đáy biển xanh, muôn nhận đầu núi biếc. Mặt nhật mọc giữa đêm, hoa nở ngay tháng chín.

Hỏi: Như trước nói yếu chỉ tức tâm tức Phật, từ trời Tây đến xứ này, Phật tổ đồng thuyên giảng, lý sự rành rẽ như đồng mắt thấy, cớ sao lại nói chẳng phải tâm chẳng phải Phật?

Đáp: Tức tâm tức Phật là bày nói đó, bày nói ngay việc đó khiên thân chứng tự tâm, rành rẽ thấy tánh. Nếu chẳng phải tâm chẳng phải Phật, là ngăn nói đó, tức phòng hộ sai quấy ngăn ngừa phi pháp dứt nghi ngờ phá chấp, đoạt tình kiến thấp kém, y tựa ý giải thoát thông, vọng nhận đó là vì tâm Phật đều chẳng thể được vậy. Như thế nói là chẳng phải tâm chẳng phải Phật, đây là phẩy quét ngay năng tâm, quyền biến

lập đốn giáo, tuyệt dứt môn vô ký, tuyệt đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành, nên cũng là một cơ vào đường, nếu là Viên giáo tức tình đây đều là pháp của thể bày, có ngăn có bày, chẳng phải tức chẳng phải lìa, thể dụng cùng thâu, lý sự vô ngại. Người học thời nay đã không có mắt trí, lại khuyết đa văn, riêng trọng ngôn từ ngăn quấy, chẳng thấy lý viên thường, Quan tớ chẳng rõ, chân ngụy sao phân, như bỏ biển mà tìm bọt nước, bỏ sót vàng mà lượm sỏi, vốc bọt nước làm vật báu, cầm nắm đá làm châu ngọc. Nên trong kinh nói: "Thí như giặc si, vất bỏ vàng báu, mang vác ngói sói" là nghĩa đây vậy. Nay đang chọn nhóm chánh vì ở đây, vả lại tâm đó và Phật đều là tên gọi của thế gian. Phải và quấy đó là điều thấy của phân biệt, không luận vọng tưởng, sao được thật quay về. Do đó, Tổ sư nói: "Nếu nói là tâm là Phật, như trâu có sừng, nếu nói chẳng phải tâm chẳng phải Phật, như thỏ không sừng, đều là đối đãi, cưỡng gọi việc một bên. Nếu nhân tên gọi mà vời thể, chợt ngộ bản tâm, chứng tự thật biết, rõ ràng không lầm hoặc, trọn chẳng nhận danh, mê trệ ở thể, khởi tâm có được. Lấy bỏ toàn mất, phải quấy chóng dứt, cũng chẳng một hướng lìa đó, vọng khởi kiến tuyệt ngôn, cũng chẳng một hướng tức đó mà đọa lạc giẻm chê chấp ngón tay. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Trệ danh tức danh lập, bỏ thuyết tức ngôn sinh, đều là trái tánh giác hợp trần, bỏ mình theo vật, nếu thật thân gần, hiện chứng tự tông, còn không trí tâm năng chứng và diệu lý sở chứng", huống gì lại còn vọng tưởng năng hay năng biết có đắc có thú ư? Ở đời gần đây có người lạm tham thiền môn chẳng đắc yếu chỉ, nối nhau chẳng tin lời tức tâm tức Phật, phân làm điều nói của giáo thừa là chưa được cao sâu, ta tự có tông môn, chuộng việc trên hiện còn, chỉ trọng thuyết chẳng phải tâm chẳng phải vật, đều là chỉ nai làm ngựa, mong ngộ mà gặp mê, chấp bóng là thật, lấy bệnh làm pháp, chỉ cần môn phong chặt chẽ cao vót hỏi đáp mới phát sinh cuồng tuệ mà giữ ôm Thiền si, mê phương tiện mà trái tông chỉ, lập so lường mà căn cứ đạo lý, như vàng vào giả, còn khuôn thước mà định phương góc, tợ thêm nước vào sữa, một mực phân tích chấp trước trên ngôn ngữ, nương thông dưới ý căn, đều là năng sở chưa mất, danh tướng chẳng phá, nếu thật thấy tánh thì tâm cảnh tự rỗng hư, nép vết vùi sáng ngầm hành dụng kín. Do vậy, toàn chẳng ngộ đạo, chỉ đuổi theo vọng luân hồi, khởi chấp ngã pháp mà khinh lờn các bậc thượng lưu, cậy mượn hiểu biết mà xúi diệt kẻ chưa học, hủy bỏ chánh điển kim khẩu giảng nói, phế mất tu hành của viên nhân trợ đạo, bài xích Bồ-đề của Nhị thừa, diệt hủy giống thiện của trời người, chỉ muốn làm bậc Thượng sĩ tìm cái không thật, học đòi vô ngại

vô tu, không biết trái đọa không biết, thành ngoại đạo chấp không, chỉ trông hình vết, chẳng xét viên thường, chứa chấp không ngừng, nhọc tự khổ cực. Như Khổng Tử lầm bến hỏi ngư phủ, ngư phủ nói: "Có người sợ bóng ghét vết chạy mau chẳng dừng, hết sức mà chết, không biết nơi râm vì ảnh nghỉ, nơi lắng vì vết dứt, ngu cũng quá lắm vậy! Sao chẳng nhất tâm làm đạo, dứt tranh trừ quấy, tự nhiên vượt lượng qua tình, trở lại thuần phác. Nếu dùng đạo tự dưỡng thì chẳng mất, lấy đạo để giúp người thì chẳng dối, lấy đạo để trị nước thì nước yên, lấy đạo để tu nhà thì nhà ổn, nên chẳng thể chỉ khoảnh khắc mà quên đạo vậy". Trong kinh Đạo Đức nói: "Nên mất đạo mà sau đó dùng đức, mất đức mà sau đó dùng nhân, mất nhân mà sau đó dùng nghĩa, mất nghĩa mà sau đó dùng lễ. Mất lễ là mỏng bạc của trung tín, ngày một suy mỏng mà dẫn đầu của loạn". Trang tử nói: "Năm sắc chẳng loạn, sao làm văn vẻ, năm thanh chẳng loạn, ai làm luật điệu, ngọc trắng không vết, sao làm khuê chương, thiếu chất phác mà làm đồ dùng là tội của người thợ, hủy đạo đức mà làm nhân nghĩa là tội của Thánh nhân. Vua hay đốt phù phá ấn, giặc trộm tự dứt, cắt đấu bẻ cân mà dân chẳng tranh cãi. Thánh nhân sinh, mà giặc trộm nổi, Thánh nhân chết mà giặc trộm dứt, nên biết nhân nghĩa lễ trí tín mà người làm lợi thiên hạ thì ít, làm hại thiên hạ lại nhiều, sao bằng mở bày pháp môn đại oai đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn như vậy, che khắp quần sinh ở mười phương đều đượm nhuần, có thể gọi là rất thấu đạt huyền chỉ, ngầm hợp với chân quy, như hương tượng lội qua sông mỗi bước đều tới đáy, tợ dầu ăn bôi tên mỗi một mũi đều xuyên cây dương, đều là văn phá đích, đều là thuyết cùng nguồn. Đó là nghĩa viên đốn, chẳng phải môn quyền nghi, như trăng nước chóng bày lại không đi dừng, tợ gương sáng chóng chiếu, đâu có đầu cuối. Như trong Thủ-lăng-nghiêm Sớ Sao nói: "Nếu nghe kinh này tức ngộ được mảy trần lỗ chân lông, tất cả chúng sinh đều tại trong Bản giác ta. Suy tất cả mọi vật đều không tự tánh thì trừ vô minh. Vô minh nếu trừ, một lúc chóng chứng thì là chứng đắc, chẳng từ tu mà đắc, như Quán Thế Âm vào dòng mất chỗ, A-nan tự mừng chẳng trải qua số kiếp A-tăng-kỳ mà được pháp thân v.v... đều là chóng vậy".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 26

Hỏi: Như điều nói trên, diệu chỉ khó nghe. Làm sao chóng dứt tâm nghi, sinh ra viên tín?

Đáp: Sở dĩ nói là khó tin là như trong một mảy trần có cả Đại thiên quyển kinh. Người không tin là lý của thật tướng, dừng lại trong tâm, chẳng nhọc xa tìm, gần mà chẳng biết, nói đó mà chẳng tin, nên nói là khó tin. Do đó, phải đủ sức tin lớn mới đoạn lưới nghi đây là môn khó hiểu khó vào, pháp khó xét khó biết. Như trên mũi kim nhọn dựng lập vô biên thân Bồ-tát, dùng sợi tơ trong ngó sen để treo núi Tu-di, chẳng nghĩ bàn trong chẳng nghĩ bàn, tuyệt huyền diệu trong tuyệt huyền diệu. Vì thế, trên pháp hội Pháp Hoa, Tôn giả Thân tử ba phen thưa thỉnh, bốn chúng kinh sợ nghi ngờ chỉ như năm ngàn người rời khỏi chỗ ngồi. Người có đắc Thánh quả nghe nói trong các cõi Phật khắp mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, mở quyền bày thật, chỉ thẳng tự tâm, còn là hoài nghi phủi chỗ ngồi mà dậy, huống gì hạng người căn cơ yếu kém ở trong thời mạt pháp. Chướng ngăn đã sâu, chấp lầm rất nặng, bụi tình còn bít, lửa dục còn đốt, mà có thể mang vác việc lớn ấy ư? Vậy nên, khéo được môn đó, thành Phật chẳng lìa nơi đương niệm. Nếu mất yếu chỉ do tu nhân khổ nhọc trong nhiều kiếp, chỉ tại tâm tin, riêng không phương tiện. Chỉ vì cội nguồn của vào đạo là mẹ của công đức vậy. Các bậc Thánh xưa có nói: "Sáng tỏ là đức lớn ở ngày nay, mờ tối là vọng tuyệt ở nhiều đời. Hội hợp yếu chỉ là núi non dễ dời, trái ngược tông là cân lạng chẳng vào". Tông Kính Lục đây chẳng lựa chọn nội đạo ngoại đạo, lợi căn độn căn, chỉ thấy nghe tin vào, đều chóng rõ nhất tâm, sự lý tròn đủ, như trong kinh Viên Giác nói: "Thí như biển lớn chẳng nhường dòng nhỏ, cho đến các loài nhặng muỗi và A-tu-la uống nước đó đều được no đủ". Như trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

"Thân tâm tin hiểu thường riêng".

Xưa trước giải thích rằng: "Cùng lý tương ưng mới gọi là thâm

tâm. Nếu xưa trước nhiễm nay tịnh thì có đầu , có đầu tức hẳn chung, chẳng phải thường tịnh vậy. Tin phiền não tức Bồ-đề mới là thường tịnh. Do xứng với bản tánh mà phát tâm vậy, xưa nay vốn là Phật, lại không thể tiến tới, như tại giữa hư không, lùi lại nơi nào? Xót thương chúng sinh mê mờ đó mà khởi đồng thể đại bi, thương tiếc xưa trước không biết thề mong sẽ chứng. Có bị nên chẳng bị vô biên chỗ lắng, có trí nên chẳng bị vô biên chỗ động, chẳng động chẳng lắng, thẳng vào trung đạo. Đó gọi là chân chánh phát tâm Bồ-đề. Lại nói: Tin thân danh Phật đồng như chúng sinh thì biết tên ta giống như tên Phật vậy. Tin pháp môn Phật tùy nghi mà lập, biết vọng niệm khổ tập nơi ta cũng toàn là pháp môn. Tin ý nghiệp Phật tỏa sáng chiếu khắp, thì biết tự tâm ta không nói chẳng hay biết, thì tất cả nhân quả lý sự đều là tánh chúng sinh có. Như tánh chẳng phải là vàng ngọc, thì tuy mài giũa cũng chẳng thành vật báu, bởi vì chúng sinh ôm tánh đức mà làm thể, căn cứ biển trí mà làm nguồn nên phải mở bày. Do đó, trong Bát-nhã Văn- thù phân rằng: "Nếu biết tánh ta tức biết không pháp, nếu biết không pháp tức không cảnh giới, nếu cảnh giới tức không sở y. Nếu không sở y tức không sở trú, mở bày như vậy, tin vào như vậy, thì là câu chân thật, cũng là câu Kim Cang, vì không hư giả và có thể phá hoại nên nói như vậy". Như trong kinh Đại Tập nói: "Câu chân thật là như một pháp, tất cả pháp cũng như vậy, như tất cả pháp, một pháp cũng như vậy". Lại nói: "Tâm một chúng sinh, tâm tất cả chúng sinh thảy đều bình đẳng, gọi là câu Kim cang. Vậy biết không có một pháp có thể được gọi là thâm tín, cứng chắc như Kim cang không thể cản trở hủy hoại. Không tin khả năng thấy Phật trong tâm, nếu có một pháp có thể tin tức là tà kiến, tất cả chẳng tin mới thành tin đó". Như trong kinh Bát-nhã nói: "Nếu niệm tất cả pháp chẳng niệm Bát-nhã ba-la-mật, chẳng niệm tất cả pháp thì niệm Bát-nhã ba-la-mật. Hiểu được như thế, có thể gọi là thấu đạt thật tướng. Như trong kinh phẩm có kệ tụng rằng:

"Với chư Phật quá khứ,
Hiện còn hay sau diệt,
Nếu có người nghe pháp,
Không một chẳng thành Phật.
Chư Phật vốn thệ nguyện,
Ta tu hành Phật đạo,
Muốn tất cả chúng sinh
Cũng đồng đắc đạo ấy.
Chư Phật trong đời sau,

Tuy nói trăm ngàn ức,
Vô số các pháp môn,
Kỳ thật là một thừa.
Chư Phật đấng phước tuệ,
Biết pháp thường không tánh,
Giống Phật theo duyên khởi,
Cho nên nói Nhất thừa.
Pháp đó trú ngôi pháp,
Tướng thế gian thường trú,
Nơi đạo tràng biết rồi,
Đạo sư phương tiện nói.
Nơi trời người cúng dường,
Hiện tại mười phương Phật,
Số đó như hằng sa,
Xuất hiện ở nơi đời,
Vì an ổn chúng sinh,
Cũng nói pháp như vậy.
Biết tỉnh lặng thứ nhất,
Do sức phương tiện vậy,
Tuy bày các thứ đạo,
Kỳ thật là Phật thừa".

Giải thích: Đức Bổn sư đưa tướng lưỡi rộng dài lên đến Phạm thiên, diễn nói lời chân thật, tỏa phòng hào quang xa đến một vạn tám ngàn, hiện điềm hiếm có, cho đến quả đất chấn động sáu thứ, trời mưa bốn loại hoa, nhẹ nhàng tiếng khảy móng tay vang khắp mười cõi nước, trăm ngàn thế giới chư Phật một đạo dung thông, dẫn Giác vương trong ba đời, đồng giải thích giảng giáo chỉ ấy, giao phó các bậc Đại sĩ ở mười phương cùng hiển bày tông yếu đó. Nên mười phương thật cầu, lại không pháp khác, luận bàn ngôi vị là ngôi vị rất thật, ngôn thuyên là thuyên đệ nhất. Có thể gọi là rốt ráo chỉ quy, về hành xứ chân thật. Nếu chỉ chí tâm đọc tụng, linh cảm khó nghĩ lường, trong lỗ chân lông ngậm chứa đầy mùi hương Tử đàn, lưỡi phô bày biến thành sắc màu sen hồng, huống gì tin hiểu ngộ vào như thuyết mà tu hành, cúng dường thì phước quá Chánh biến tri. Hành xứ thì có thể dựng tạo tháp Đức Như Lai. Có đại sự như thế, ai chẳng về nương, trừ hàng người ngu dốt, thật khó tin nhận. Lại như trong phẩm Thần Lực có kệ tụng rằng: "Sau khi Phật diệt độ, người hay trì kinh đây, chư Phật đều vui mừng, hiện vô lượng sức thần, giao phó kinh đó vậy. Ngợi khen người thọ trì, ở trong vô lượng

kiếp, còn chẳng thể hết được, công đức của người đó, vô biên không cùng tận, như mười phương hư không, không thể được ngằn mé, người hay trì kinh đây, thì là đã thấy ta, cũng thấy Phật Đa Bảo, và các Phật phân thân". Nên biết chứng linh trí của một mảy may ấy, lượng vượt quá thái hư vô tận, như nhìn trong lỗ hỏng khe cửa, thấy xa tới ngằn mé mười phương hiện sức thần thông giao phó, sợ lạc chấp văn đó, phát vui mừng để ngợi khen, chỉ tinh thông yếu chỉ đó. Ngày nay dùng với các tín sĩ có duyên, gặp người của chánh giáo đó, tự nghĩ lâu đời chướng sâu cấu nặng, chư Phật ra đời, chẳng thấy ánh sáng, được gần bên hội giảng tự thân nghe chánh pháp. Lại nghĩ nguyện xưa trước có chút ít nhân tốt, nên ở trong thời mạt pháp gặp được Di giáo đây, đã mừng vui được gặp, lại xót xa điều chưa nghe, bèn mới lược nêu ra chánh giáo cốt yếu để chỉ bày cho người học sau, có thể gọi là mùi vị thật của đề hồ, mà không hay không biết, diệu môn cam lồ mà không hỏi không tin, mất lớn như thế thật đáng kinh sợ tâm thần. Như trong phẩm An Lạc Hạnh nói: "Phật bảo Đại Bồ-tát Văn thù Sư lợi rằng: Ở trong đời mạt pháp sau này lúc pháp muốn diệt, có người thì kinh Pháp Hoa đây, đối với người tại gia hay xuất gia, nên sinh tâm từ lớn, đối với hạng người chẳng phải Bồ-tát, nên sinh tâm bi lớn. Nên khởi ý niệm rằng: "Người như vậy là mất lợi lớn. Đức Như Lai dùng sức phương tiện, tùy cơ nghi giảng nói pháp, chẳng nghe chẳng biết chẳng hay chẳng hỏi, chẳng tin chẳng hiểu. Người đó tuy chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu kinh này. Lúc ta chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tùy họ ở xứ nào, ta dùng sức thần thông, sức trí tuệ, dẫn dắt khiến họ được sinh vào trong pháp đó". Giải thích: Đối với bốn chúng tại gia hay xuất gia mà sinh tâm từ bi lớn tức là chỉ bày môn phương tiện nhất tâm của Đức Như Lai. Đức Từ có khen ngợi cho vui, đều khiến tin vào đồng chứng an lạc của bốn đức đại Niết-bàn đối với hạng người chẳng phải Bồ-tát, sinh tâm bi lớn, tức là hàng ngoại đạo tà kiến, người chẳng sinh chánh tín. Đức bi có khen ngợi nhổ trừ khổ tức là chỉ bày môn giải thoát nhất tâm của Đức Như Lai, đều khiến được ngộ được hiểu, trọn nhổ sạch khổ của hai thứ sinh tử phần đoạn và biến dịch. Tông Kính Lục đây, về sau nếu gặp người tín tâm có duyên, hoặc sớm tối quên cả nhọc mệt, tinh cần mở xem, lấy sự tỏ ngộ làm kỳ hạn, chẳng báo khổ nhọc. Vì thế, các Đại Bồ-tát đều nghĩ ở trong đời xưa trước nổi trôi trong biển khổ làm việc không lợi ích, mất vô lượng thân mà đều không lợi ích. Lại nữa, nay còn ở trong nghiệp ác sinh tử, đều là diệu hạnh bất động của trong đời quá khứ. Nay gặp được chánh điển đây, có thể gọi là ngồi tham, chỉ nương

nhờ oai thần của Tam bảo, sức gia bị của chư Phật, không các việc khó, sớm được tâm khai khắp đến tất cả pháp giới hàm sinh, đều đồng ngộ đây, tức nguyện đó vậy. Phải biết viên tông hiếm gặp như hạt cải ném nơi mũi kim nhọn. Chánh pháp khó nghe, tợ rùa mù gặp bọng cây gỗ, nếu chẳng phải xưa trước huân đúc giống thừa, lâu tích chứa căn lành, sao gặp được văn đây thân gần được truyền nhận, nên phải mừng may đội ân đức từ của Phật. Do vậy, người xưa hoặc trọng giáo khinh tài thì thua vàng như chợ, hoặc quên thân vì pháp thì đứng giữa tuyết nơi sân tối. Vả lại, vàng là vật nổi ngoài thân, đâu sánh với chí giáo, mạng là nghiệp báo của một kỳ hạn, sao bằng với chánh thuyên, cho nên nhân nghe Bát-nhã kinh pháp sâu mầu lấy làm giống thừa, bèn được thừa, chóng thường lãnh hiểu Diệu âm, có thể đem thân làm đèn thịt quy mạng cúng dường, dùng da làm giấy, dùng xương làm bút biên ghi thọ trì. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo: "Này thiện nam! Đối với thừa thong thả mới gọi là thong thả, đối với giới thong thả, chẳng gọi là thong thả. Vị Đại Bồ-tát đối với Đại thừa đây, tâm chẳng biếng lười kiêu mạn, đó gọi là bản giới. Vì gìn giữ chánh pháp nên dùng nước Đại thừa mà tự tắm gội, cho nên Bồ-tát tuy hiện phá giới mà chẳng gọi là thong thả". Luận Chỉ Quán nói: "Giới cần kíp, thừa thong thả là phụng sự giới nghiêm kíp mảy may chẳng phạm, ba thứ quán tâm trọn không mở giải. Vì giới cần kíp nên người trời thọ sinh, hoặc tùy theo Thiền Phạm thế vui đắm định lạc, ở đời tuy có Phật nói pháp độ người, mà đối với họ toàn không lợi ích. Nếu được gặp ngay chẳng thể mở hiểu, cả một nước Trung Hoa không hay không biết, ba ức thành Xá-vệ chẳng nghe chẳng thấy, đam mê vui các trời và sinh nạn xứ chẳng lại nghe nhận, là ý đây vậy. Thí như người bị trói buộc, hoặc dùng của cải cầu người sức lực lớn, trải dài ngày tháng mong gặp ân xá. Ở trong trời người cũng lại như thế, mong thiện tri thức cảm hóa dẫn dắt tu thừa tức có thể được thoát, nếu ở trời người mà chẳng tu thừa. Khi quả báo hết trở lại đọa trong ba đường ác, trăm ngàn Phật ra đời trọn chẳng đắc đạo. Nếu lý sự đều thong thả thì trọn đọa lạc địa ngục A-tỳ, mất quả báo trời người, thần minh tối bít, không kỳ hạn đắc đạo, xoay chuyển trầm luân, không thể độ thoát. Nên biết ở nhà thế tục, trói buộc ngục ba cõi, chẳng cầu một niệm vượt ra, giống như người tán mất cấm, nên phải sinh ở nhà Như Lai, gặp thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp đúng như lý mà tư duy, phụng sự giới lý giải thừa, song hành song chiếu, thân luật tâm tuệ đều tập đều trì, do giới cần kiíp nên thọ nhận thân trời người, vì thừa cần kíp nên tiếp nối ngời sáng ngôi vị Phật tổ, như vậy thì mới hợp vớn

bản nguyện chẳng phụ tâm ban đầu. Có thể trên hợp với Từ phong dưới đồng với Bi ngưỡng, khó gặp phương tiện tốt, lo sợ duyên sai, thành thật khuyên cùng các bậc Hiền giả chớ để thành hối hận sau. Lại nữa, văn ghi trong Tông Kính này chỉ vì hạng người căn cơ tối thượng, chẳng vào tay các chúng sinh khác, chỉ khiến giống Phật chẳng dứt, nghe điều chưa từng nghe, thề báo đáp ân từ, chẳng cô phụ bản nguyện. Nếu xen lẫn vào danh lợi chẳng phải hạng đầy đủ có đây. Như các bậc Cổ đức giải thích hàng đủ cơ trong Hoa Nghiêm giáo, chọn lựa phân ra năm thú chẳng phải là căn khí: Một là, trái với chân chẳng phải căn khí, nghĩa là hạng chẳng phát tâm Bồ-đề chẳng cầu xa lìa, nương tựa kinh đây vì cầu danh lợi, trang sức ngã nhân, kinh chẳng phải duyên đó, nên chẳng phải căn khí đó. Trong kinh nói: “Vì cầu danh lợi mà giảng nói pháp đó là ma nghiệp”. Lại nói: “Bất tịnh giảng nói pháp, đọa lạc vào đường ác v.v...”; Hai là, nghịch với chánh chẳng phải căn khí, nghĩa là dối trá hiện bày đại tâm, hư ngụy trang sức tà thiện, gần thì phá diệt trời người, xa thì trái với thành Phật, đọa vào địa ngục A-tỳ trải qua nhiều kiếp chịu khổ. Trong kinh nói: “Đánh mất tâm Bồ-đề, tu các căn lành đó là ma nghiệp; Ba là, trái với thật chẳng phải căn khí, nghĩa là tuy chẳng tà ngụy, nhưng tùy theo tự chấp kiến, dùng lấy kinh văn, bèn khiến vượt tình đến giáo, hoàn toàn chẳng vào tâm, nên thành chẳng phải căn khí. Trong Địa Luận nói: “Nghe làm nghe hiểu, chẳng được chẳng nghe, lại như tùy theo nghe thủ lấy nghĩa năm thứ lỗi lầm v.v...” Ba vị trên đây đều là phàm ngu cảnh giới chúng sinh. Trong kinh nói: “Kinh đây chẳng vào trong tay tất cả chúng sinh, chỉ trừ hàng Bồ-tát. Do vì kinh này chẳng phải là duyên của chúng sinh lưu chuyển, nên chẳng vào tay”; Bốn là hẹp kém chẳng phải căn khí, nghĩa là tất cả hàng Nhị thừa không tâm rộng lớn, cũng chẳng phải căn khí kinh ấy. Trong kinh nói: “Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng nghe kinh này, huống gì là thọ trì”; Năm là chấp giữ quyền chẳng phải căn khí, nghĩa là hạng Tam thừa cộng giáo các Bồ-tát v.v... tùy theo trong tự tông mà tu hành, chưa đủ A-tăng-kỳ đầu, đó cũng chẳng phải căn khí. Trong kinh nói: “Vị Đại Bồ-tát tuy trải qua vô lượng ức na-do-tha kiếp hành sáu pháp Ba-la-mật, tu tập đạo phẩm, nếu chưa nghe kinh này, hoặc tuy nghe mà chẳng tin nhận trì tùy thuận, hàng đó còn là Bồ-tát giả danh”.

Hỏi: Trong kinh Anh Lạc v.v... nói trải qua mười ngàn kiếp tu mãn hạnh Thập tín, cớ sao trong đây trải qua vô lượng ức thời gian mà chẳng tin kinh này?

Đáp: Vì kia chỉ ở trong địa vị bố thí tu hành tín v.v... còn với Viên

tông đây, Thập tín của Phổ Hiền một gồm tất cả còn chưa nghe tin. Nên biết chẳng gặp văn đây, luống công nhiều kiếp, mới nghe yếu chỉ đây bèn vào Viên thông, chỉ chẳng xen lẫn vào trong năm thứ chẳng phải căn khí trên thì trọn hẳn là giống Phật của Nhất thừa, có thể dùng tay được có thể dùng tâm đắc, rất mực căn dặn cùng các bậc hậu Hiền không nên để mất pháp lợi. Lại nữa, nếu ở quá khứ từng nghe pháp đây, chưa được tin vào, do vì sức pháp huân đúc mới khởi tâm nghi, nếu chưa từng nghe, nghi trọn chẳng khởi. Như luận Nhập Đại Thừa nói: "Hạng người phước mỏng, chẳng sinh nghi ngờ, hay sinh nghi ngờ hẳn phá các hữu". Do đó, chấp trước có chúng sinh đều nhân nhiễm tập. Như sự bất định của nhẹ tay, dơ sạch đều tùy duyên, tợ vấy sắc của tơ trắng, xanh vàng mặc tình nhận lấy, hẳn là sức lực của văn huân, mỗi mỗi vào môn ba thừa, huống gì nghe trong Tông Kính, chóng phát hạt giống Nhất thừa, chỉ miễn có tâm huân đều được thành. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Như trong thế gian tất cả suối giếng đều lấy biển làm thể, nếu người uống nước đó đều là mùi vị của biển một thể không khác, chỉ tùy theo nghiệp lực mà được vị mặn, kinh đây cũng vậy. Nếu chúng sinh có Đại tâm nghe trì tin vào, bèn được mùi vị pháp thân Như Lai, Phật tánh đại bi trí, hạng người xiển-đề không nơi kham nhận. Nhưng trí tánh Như Lai thường làm sinh nhân. Nên biết hạng người đủ tín căn lớn, nghe thành Phật đó, nếu là chẳng tin tức là xiển-đề. Nhưng tuy chẳng tin, cũng huân giống đó. Nên nói: "Nếu có người nghe pháp, không ai chẳng thành Phật". Xưa kia, con nghêu dưới bùn nghe pháp mà sinh lên trời, con voi trong chuồng nghe kinh mà chừa bỏ ác, vị Tỳ-kheo đùa cười mà đắc quả vị, người nữ tư duy mà tỏ ngộ không". Huống gì nghe trong Tông Kính thuần là giáo nghĩa viên đốn. Như trong luật Thiện Kiến Luận rằng: "Xưa kia, lúc Đức Phật còn ở đời, đến bên cạnh ao Ca-la tại nước Chiêm-bà-la, vì đại chúng mà giảng nói pháp. Bấy giờ trong bùn nước đó có một con nghêu, nghe tiếng Phật giảng pháp bên bờ ao, liền từ ao nổi lên, lần mò vào dưới cành cỏ, nghe Phật giảng pháp. Khi ấy, có người nắm roi chăn trâu, thấy Đức Phật ngồi giảng pháp cho đại chúng, bèn đi đến nơi chỗ Phật, muốn nghe giáo pháp nên cắm roi xuống đất, nhằm trúng vào đầu con nghêu, nó liền mạng chung, thần thức sinh lên cung trời Đao-lợi. Do nhờ phước báu nên cung điện rộng lớn mười hai do-tuần, cùng các thiên nữ vui chơi hưởng lạc, và bèn cưỡi cung điện đến nơi chỗ Phật, đem đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, Phật rõ biết nên hỏi: "Ngươi là ai mà chợt đến lễ bái ta vậy? Và có ánh sáng thần thông, tướng tốt không ai sánh bằng tỏa chiếu suốt nơi này vậy?"

Nghêu trời bèn dùng kệ tụng mà đáp rằng:

"Ngày trước làm thân nghêu,
Ở trong nước kiếm ăn,
Nghe tiếng Phật giảng pháp,
Nên đến dưới cành cỏ.
Có một người chăn trâu,
Nắm roi đến nghe pháp,
Roi nhọn chích đầu con,
Mạng chung sinh lên trời".

Đức Phật đem kệ tụng do nghêu trời nói mà vì bốn chúng giảng nói pháp. Khi ấy trong chúng có tám vạn bốn ngàn người đều đắc kiến đạo, nghêu trời chứng đắc quả Tu-đà-hoàn mỉm cười mà lui ra." Trong luận Đại Trí Độ nói: "Xưa kia, vua chẳng lập chuồng ở chùa, nghĩa là vua đó có con voi có khả năng mạnh nhất nước, mỗi lúc có kẻ oán địch đến, thì nghiêm sức các thứ khí trượng, không trận nào đánh mà chẳng thắng, sau đó các nước địch thù địch đều sợ. Qua thời gian lâu không còn kẻ oán địch, vua bèn đưa voi đến trong chùa, làm chuồng để nuôi dưỡng, qua thời gian lâu, nghe chư Tăng lễ bái tụng niệm, voi huân đúc tâm thuần thiện thành tánh. Về sau, có nước láng giềng đem binh lính đến xâm lấn, vua trang bị để cho voi để ra trận, nhưng voi đều chẳng chịu đánh, vua buồn rầu lo lắng nước nhà suy bại. Kẻ bề tôi có trí tâu với vua rằng: "Voi ấy đã lâu ở nơi tinh xá, thấy nghe việc thiện, do đó mà chuyển hóa, có thể đưa đến nơi phường đồ tể để thường thấy sự giết chóc". Qua thời gian không bao lâu, tâm voi hung ác lại dấy khởi". Súc sinh còn vậy huống gì đối với người, gần thiện chẳng thiện, gần ác chẳng ác, nên trong sách Nho cũng khuyên Quân tử phải cẩn trọng điều tập quen vậy. Nay, nếu nghe Tông Kính, huân đúc dấy khởi Nhất thừa rộng lớn khó lường, thiện lợi vô tận. Trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Phật pháp rộng rãi tế độ không ngằn mé, chí tâm cầu đạo, không ai chẳng đắc quả, cho đến đùa cười mà phước cũng chẳng luống mất. Như thời xưa có một vị Tỳ-kheo, tuổi đã già nua, tinh thần mờ tối, thấy các Tỳ-kheo tuổi trẻ giảng nói các pháp, nghe nói về Tứ quả, trong tâm bèn sinh ham chuộng, nói với Tỳ-kheo tuổi trẻ rằng: "Các vị thật là người thông tuệ. Xin đem tứ quả dùng để cho tôi!" Các Tỳ-kheo trẻ cười nhạt mà nói là: "Tôi có tứ quả, nhưng phải có được thức ăn ngon lành, sau đó sẽ ban cho". Khi ấy vị Tỳ-kheo già nghe lời nói ấy rồi, vui mừng liền thiết bày các thức ăn ngon lành, mời các Tỳ-kheo tuổi trẻ ăn. Cùng ăn xong lại cùng chỉ chỏ đùa giỡn nói với vị Tỳ-kheo già rằng: "Đại đức!

Đến ngồi đầu một góc trong nhà này, chúng tôi sẽ ban quả .Vị Tỳ-kheo già nghe nói, vui mừng, vâng theo đến ngồi một góc. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn đem cầu da đánh vào trên đầu vị Tỳ-kheo già mà nói: “Đây là quả Tu-đà-hoàn”. Vị Tỳ-kheo già nghe xong buộc niệm chẳng tán mất, liền chứng đắc sơ quả. Các Tỳ-kheo tuổi trẻ lại đùa giỡn mà nói: Tuy cho ông quả Tu-đà-hoàn, nhưng đó vẫn còn có bảy lần sinh bảy lần chết. Nên lại chuyển dời qua góc khác, tiếp theo sẽ ban cho ông quả Tư-đà-hàm”. Khi đó, vị Tỳ-kheo già do chứng đắc sơ quả nên tâm chuyển đổi tăng tiến, liền chuyển dời chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi lại dùng cầu đánh vào đầu, mà nói: “Ban cho ông nhị quả”, khi ấy vị Tỳ-kheo già càng thêm chuyên niệm, liền chứng đắc Nhị quả. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa giỡn mà nói: “Nay ông đã chứng đắc quả Tư-đà-hàm, vẫn còn có nạn sinh tử qua lại. Ông nên tiếp dời chỗ ngồi, chúng tôi sẽ ban cho ông quả A-na-hàm”. Khi ấy, vị Tỳ-kheo già lại vâng lời chuyển dời chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại dùng cầu đánh và nói: “Nay chúng tôi lại ban cho ông quả vị thứ ba”. Vị Tỳ-kheo già nghe rồi, vui mừng càng gấp bội chí tâm, và tức thời chứng quả A-na-hàm. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa giỡn mà nói: “Nay ông đã chứng đắc quả Bất Hoàn, nhưng hẳn ở nơi Sắc giới và Vô sắc giới nhận chịu thân hữu lậu, vô thường xoay chuyển hoại diệt, mỗi mỗi niệm đều là khổ. Ông nên chuyển đổi chỗ ngồi nữa, chúng tôi sẽ tiếp ban cho ông quả A-la-hán”. Khi đó vị Tỳ-kheo già cũng vâng lời mà chuyển đổi chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại dùng cầu tiếp liệng đánh vào đầu, mà nói rằng: “Nay tôi ban cho ông quả thứ tư đó”. Lúc đó vị Tỳ-kheo già tư duy nhất tâm, bèn liền chứng quả A-la-hán. Đã chứng đắc tứ quả rồi, lại rất vui mừng, vị Tỳ-kheo già thiết bày các thức ăn ngon lành, các thứ hương hoa dâng hiến các Tỳ-kheo trẻ để đền trả ân đức đó. Đồng thời cùng các Tỳ-kheo trẻ chung luận đạo phẩm, công đức vô lậu, các Tỳ-kheo trẻ mở lời nói năng kẹt vướng. Khi đó vị Tỳ-kheo già mới nói rằng: “Tôi đã chứng đắc quả A-la-hán rồi”. Các Tỳ-kheo trẻ nghe nói như vậy, thảy đều sám hối tội đùa giỡn trước.” Cho nên người tu hành cần phải niệm thiện, cho đến đùa giỡn còn được quả báo thật, huống gì là chí tâm ư?

Lại nữa, trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa kia, có một người nữ thông minh trí tuệ rất kính tin Tam bảo, thường đến trong chúng Tăng lần lượt thỉnh một vị Tỳ-kheo đến nhà để cúng dường. Sau đó, có một vì Tỳ-kheo già theo thứ tự mà đến nhà đó, do tuổi già căn độn, vốn không hiểu biết. Sau khi thọ trai xong, người nữ ấy chí tâm cầu thỉnh giảng nói pháp, trải tòa trước đầu nhắm mắt mà ngồi yên lặng, vị Tỳ-kheo già tự

biết mình không biết giảng nói giáo pháp, nhân người nữ đó đang nhắm mắt, nên lẫn tránh bỏ chạy về chùa. Người nữ đó vẫn chí tâm tư duy các pháp hữu vi vô thường khổ không chẳng được tự tại, thâm tâm quán sát tức thời chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã chứng quả rồi bèn đến chùa tìm cầu muốn báo đáp ân đó, nhưng vị Tỳ-kheo già đó tự xét biết trốn lánh bỏ chạy như thế, càng rất xấu hổ, nên ẩn núp kín, mà người nữ đó vẫn khổ cầu không thôi. Vị Tỳ-kheo già mới tự xuất hiện. Người nữ đó đã thấy rồi, nói rõ may nhờ nhân duyên mà chứng đắc đạo quả, nên muốn thiết trai cúng dường để báo ân đó. Vị Tỳ-kheo già nghe thế càng rất xấu hổ, tự trách cứ mình, nên cũng chứng đắc quả Tu-đà-hoàn". Cho nên người tu hành cần phải chí tâm tinh thành cầu pháp. Nếu chí tâm thì sự mong cầu hẳn sẽ chứng đắc. Chứng đắc Thánh quả như nói ở trên đâu có người trước vì giảng nói pháp sâu mầu ư? Đều là tự ngộ từ tâm mà chứng đắc. Có thể nghiệm ở Tông Kính, người trí không nghi ngờ. Như trong kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán nói: "Phật bảo: Nay ta giảng nói pháp môn tâm địa, dẫn dắt chúng sinh khiến vào trí Phật. Diệu pháp như vậy, chư Phật Như Lai trong vô lượng kiếp đến thời mới nói, cho đến do nhân duyên đó nên khó thấy khó nghe. Pháp môn tâm địa, Bồ-đề chánh đạo, nếu có thiện nam tín nữ nào nghe Diệu pháp đó một lần qua tai, chỉ trong khoảnh khắc nhiếp niệm quán tâm chuyển-thành hạt giống Đại Bồ-đề vô thượng, không bao lâu sẽ ngồi nơi tòa báu Kim cang dưới gốc Bồ-đề thọ vương, đắc thành Vô thượng Bồ-đề".

Trong phẩm Thập Địa ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: "Phật tử! Đây là nhóm tập công đức Nhất thiết chủng, Nhất thiết trí, sách pháp môn hạnh Bồ-tát, nếu các chúng sinh chẳng gieo trồng căn lành, không thể được nghe". Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói; "Nghe pháp môn này được bao nhiêu phước?" Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: "Như phước đức nhóm tập của Nhất thiết chủng, nghe pháp môn này, phước đức như vậy. Tại sao? Chẳng phải chẳng nghe pháp môn công đức này, mà có thể tin hiểu thọ trì đọc tụng, huống gì tinh tấn đúng như thuyết mà tu hành", cho nên phải biết muốn được nghe pháp môn tập Nhất thiết trí công đức này là có thể y tin hiểu thọ trì tu tập, sau đó đến nơi Địa vị Nhất thiết trí. Nên biết nếu chẳng nghe pháp môn viên đốn oai đức quảng đại chẳng thể nghĩ bàn này thì chẳng do đâu mà tu hành chóng chứng quả vị Đại Niết-bàn Thường lạc ngã tịnh Nhất thừa rốt ráo. Vì chúng sinh ở trong bất định tụ, nghe tiểu tu tiểu, gặp quyền tập quyền, chẳng gặp văn đây, đều thành mất lợi lớn. Nay điều nhóm tập càng rộng nhiều, giả sử nghe mà chẳng tu cũng thành hạt giống đó,

huống gì nghe mà tư duy để tu hành. Như các bậc Tiên đức nói: "Như nay nếu cần muốn hiểu ngay, chỉ chẳng chấp thủ tất cả tướng tức được, lại không lời phân biệt, Phật là nghĩa của tự tâm, cũng gọi là đạo, cũng gọi là nghĩa của giác. Giác là tánh của Linh giác. Chỉ nay tự soi xét ngữ ngôn, ứng cơ tiếp vật, nhướng mày máy mắt, đưa tay giở chân, đều là tánh của Tự linh giác, cũng gọi là tâm, tâm tức là đạo, đạo tức là Phật, Phật tức là thiền, một chữ của thiền chẳng phải diều phàm phu lường biết. Nếu biết các pháp từ tâm sinh tức không nên chấp, chấp tức chẳng biết, nếu chẳng thấy bản tánh, mười hai phần giáo thì là dối bày. Nên biết, nhân giáo mà tỏ rõ tâm, nào chấp ở văn nghĩa? Lại, giáo từ tâm sinh, tâm do giáo lập. Lìa tâm không giáo, lìa giáo không tâm, há ngoài tâm riêng có giáo mà có thể chấp ư? Do đó, trong Duy Thức Sớ nói: "Nếu là môn đốn giáo, Đại chẳng do Tiểu khởi, tức không ba thời thứ lớp trước sau, tức thuyết Duy nhất tâm trong kinh Hoa Nghiêm, là mới thành đạo, một thuyết đầu tiên". Lại nói: "Các loại ngu phu từ vô thủy đến nay, do sức nhân duyên hư vọng phân biệt, nên chấp lìa ngoài tâm nhất định có năng thủ sở thủ chân thật. Đức Như Lai đại bi dùng pháp cam lồ trao cho hạng người đó khiến uống để đoạn trừ tâm cuồng vọng, bỏ chấp có không, chứng liễu nghĩa thật. Trong kinh Hoa Nghiêm v.v... nói tất cả pháp đều chỉ có thức, do đó Phật chứng Duy thức nói kinh nhất tâm, khiến nương tựa tu tập. Giải thích: Bồ-tát Thiên Thận tạo kệ tụng thành lập kinh Phật, khiến các người học rõ biết muôn pháp đều chẳng lìa tâm, tức hiển bày nghĩa lý Trung đạo của Đại thừa vậy. Vậy biết tin của viên trung tin đây khó thành. Như trong Khởi Tín Sao nói: "Hỏi: Tín đây nếu nói vốn có, cớ sao chúng sinh nhiễm mê? Còn nếu là vốn không thì do đâu mà phát khởi? Đáp: Tín đây xưa nay vốn chẳng phải có chẳng phải không, vì chẳng phải có nên chúng sinh chìm đắm mê. Vì chẳng phải không nên gặp duyên tức khởi. Nếu nói nhất định không, vậy phát khởi vật gì? Nếu nói nhất định có, sao nhờ mượn nhân duyên? Nhưng điều nói trên là nói về nhân duyên mê ngộ mà nói. Nếu luận về Tín đây, phải chẳng tin tất cả pháp mới có thể thành tín, cũng chẳng phải có chẳng phải không. Tại sao? Vì chúng sinh bất giác, tợ mê nhưng chẳng phải mê, chân tánh chẳng đắm chìm vậy, tức chẳng phải là chẳng phải có, vì một niệm trở lại gốc (bản), tỏ ngộ như chẳng phải ngộ, chẳng từ mới được vậy tức chẳng phải là chẳng phải không. Nên nói tự tâm khởi tin trở lại tin ở tự tâm. Lại nữa, cớ sao tâm này khó tin? Vì thể bản giác của Như Lai tức là tâm của chúng sinh, chư Phật Bồ-tát chẳng thể thấy. Thể bản giác của Như Lai lìa kiến tướng vậy, phải biết

tâm chúng sinh miên mật cũng chẳng thể thấy. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Phật quán xét tâm chúng sinh, ngũ nhãn chẳng thể thấy, không tướng tự tha năng sở". Người xưa có lời thơ rằng: "Biển cạn trọn thấy đáy, người chết chẳng biết tâm". Lại nói: "Biết tướng đầy thiên hạ, biết tâm có mấy người". Do đó yếu chỉ sâu mầu của Tông Kính, Diệu môn nhất tâm, chẳng phải bậc Đại trí mà chẳng thể quán xét, chẳng phải hàng Đại căn mà chẳng thể tin. Quán xét đó tức ngang bằng trí Phật, tin đó tức vào Viên thông. Chỉ khẩn chí không nghi ngờ, quyết thủ lấy hoàn thành biện biệt. Như Quân tử nói: "Nơi chốn có lợi, tuy núi cao ngàn nhận, không đâu chẳng lên, dưới nguồn sâu tối, không đâu chẳng vào khách buôn thông giá, trăm đường cùng đi, đêm tiếp nối ngày ngàn dặm chẳng xa, vì lợi ở trước vậy, ngư nhân vào biển nước biển dâu trăm nhận, xông lướt sóng tiền dòng, thâu đêm chẳng ra, vì lợi ở nước vậy." Đó là chí cần khổ vì lợi ở thế gian, như nếu kiên trì cầu chí đạo, sớm tối quên nhọc mệt, chẳng hướng ngoại mạng căn, rỗng chí lắng tư lự, nơi thất lắng ngồi yên, khoanh tay an thần, là lợi ở tâm vậy. Nơi chốn có lợi, cầu không gì chẳng được, huống gì đạo ở tại tâm, tin là không gì chẳng được vậy. Nên biết ngôn từ của Huấn cách chẳng được tạm xả bỏ, có thể đem ghìm nơi cốt, viết nơi dải áo, huân đúc ở thức. Do đó, sở trang khinh thường nước cả ngàn thừa mà quý trọng một lời nói của thân thúc. Phạm Hiến xem thường ruộng vạn mẫu, vì quý vài lời của Chu nhân. Đó mới là thành nhà lập nước còn khinh thường vật báu, quý trọng ngôn từ, huống gì ngay lời trong Tông Kính khế hợp vô sinh, nghe đó thành đạo lớn, nào dung chứa khinh mạn ư?

Hỏi: Nhất tâm đầy đủ thật tánh, phàm Thánh là danh từ hư vọng. Cớ sao lúc làm phàm mạnh dữ trói buộc các Hữu, lúc chứng Thánh, chợt nhiên đồng chân không? Mới biết chẳng chỉ là danh từ. Đích thực là có sự ấy chăng?

Đáp: Tuy có sự ấy nhưng đồng việc trong mộng, giả sử có danh đó, đều chẳng phải được danh của vật. Nên biết mộng tỉnh đều hư, danh thể đều lắng. Như trong Tịnh Danh Tư Ký nói: "Pháp tướng như vậy, đâu có thể chứng ư? Nếu nói thì nói có một pháp có thể đắc, còn pháp làm hiểu, lại là nghiệp sinh tử. Thời nay chỉ muốn khiến chúng sinh trừ tất cả kiến. Trong đây, liền không nghĩa ràng buộc, cũng không khéo léo giải thích, như người ban đêm nằm mộng thấy các thứ, so với đến lúc tỉnh toàn không một vật. Nay cũng vậy, hư vọng trong mộng nói có muôn pháp, nếu tỏ ngộ tánh đó rốt ráo không một vật có thể được. Trong đây cũng không năng thuyết năng bày, cũng không năng nghe

năng đắc. Do đó, các loài dị sinh chẳng phải sa đọa ở phàm phu địa, nói mê toàn không, chư Phật chẳng chứng môn chân như, lúc ngộ không đắc, thì chẳng thấy có một pháp có thể đoạn, không môn của sinh tử hiện ra, chẳng thấy có một pháp có thể thành, không đường của Bồ-đề năng vào. Trong kinh Tư Ích nói: "Chư Phật xuất hiện nơi đời chẳng vì khiến chúng sinh ra sinh tử vào Niết-bàn, chỉ vì độ hai kiến của sinh tử và Niết-bàn vậy." Trong kinh Hiện Bảo Tạng nói: "Văn thù Sư Lợi nói: "Đại đức Ca-diếp! Như người bị bệnh nhiệt, người đó vọng có các thứ nói năng, trong đó nào có quỷ thần gìn giữ ư? Có người thầy thuốc sáng suốt cho người đó uống váng sữa, thì bệnh nhiệt liền lành, dứt hẳn vọng nói, trong đó nào có quỷ thần bỏ đi ư?" Đáp: "Không vậy" "Cho đến thế gian bệnh nhiệt điên đảo như thế. Đối với vô ngã mà sinh ngã tưởng, trú ngã tưởng rồi lưu chuyển sinh tử, cho nên Đức Như Lai xuất hiện ở đời, tùy hình sắc ấy, ứng pháp môn giải mở, biết giải mở ngã tưởng, dứt đoạn điên đảo, vì chúng sinh đó mà giảng nói giáo pháp. Người đó đã nghe pháp rồi, trừ tất cả tưởng, không còn chấp trước. Biết giải mở tưởng rồi, trừ tất cả tướng, không còn chấp trước. Biết giải mở tưởng rồi, vượt qua các dòng, đạt đến bờ kia, gọi là Niết-bàn. Trong đó, nào có ngã và chúng sinh thọ mạng, người dưỡng dục và trượng phu có thể đắc Niết-bàn chăng?" Đáp: "Không vậy". Văn thù Sư lợi nói: "Vì lợi ích đó nên Như Lai xuất hiện nơi đời, chỉ vì hiển bày tướng bình đẳng vậy, chẳng vì sinh chẳng vì diệt, chỉ vì giải mở biết phiền não chẳng thật". Giải thích: Đức Như Lai xuất hiện nơi đời chỉ vì hiển bày tướng bình đẳng là, phàm chấp vọng khổ mà cầu lìa, vọng Thánh lượng mà muốn tu, đều là vọng ngã hành xử, tình thức phân biệt, đó đấng Đại Hùng hiện vết, chỉ bày chánh tông, phá vọng ngã mà hiển bày môn chân ngã, phá kích tình thức mà quy về đạo Tịnh thức. Chân ngã Tịnh thức tức là tướng bình đẳng, vì Tịnh thức tuyệt phân biệt, chân ngã không chấp tình. Tuyệt phân biệt nên sai biệt tự mất, không chấp tình nên bình đẳng tự hiện. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Do tâm tánh người từ vô thủy cuồng loạn, tri kiến vọng phát, phát vọng chẳng dứt, nhọc kiến phát trần, như nhọc tròng mắt thì có hoa cuồng, nơi linh minh lắng tịnh không nhân khởi loạn tất cả thế gian núi sông đất liền. Sinh tử Niết-bàn đều tức là cuồng nhọc tướng hoa điên đảo. Trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Phật bảo: Thiện Hiện! Tất cả các pháp đều lấy không khởi không tác làm thú hướng. Các Đại Bồ-tát đối với thú hướng như vậy không thể vượt qua. Tại sao? Vì trong không khởi không tác, thú hướng và chẳng phải thú hướng đều không thể được vậy." Trong kinh

Đại Tập nói: “Phật bảo: Nếu có Bồ-tát thành tựu phương tiện trí tuệ tự nhiên mà cầu Bồ-đề, ở trong ngũ ấm đây vì như thật biết nên cầu Bồ-đề. Bồ-tát đó biết sắc vô thường mà hành bố thí, cho đến thọ tưởng hành thức cũng như thế. Biết thức vô thường nên hành bố thí. Biết thức khổ, biết thức vô ngã, biết thức chậm lụt, biết thức không trí, biết thức như huyễn, biết thức như ngựa hoang, biết thức như trăng đáy nước, biết thức như mộng, biết thức như ảnh, biết thức như âm vang, biết thức như vòng lửa xoay, biết thức vô ngã, biết thức không chúng sinh, biết thức không mạng, biết thức không nhân, biết thức không chủ, biết thức không dưỡng, biết thức như hư không, biết thức không tướng, biết thức không nguyện, biết thức không tác, biết thức không sinh, biết thức không khởi, biết thức không hiện, biết thức không hình, biết thức tịch tỉnh, biết thức lìa, biết thức không rốt cùng, biết thức không thành, biết thức cùng hư không ngang bằng, cho đến biết thức như tánh Niết-bàn mà hành bố thí. Bồ-tát lúc hành bố thí như thế, vì thí lìa nên biết thức cũng lìa, vì thức lìa nên biết thí cũng lìa. Vì thức thí lìa nên biết nguyện cũng lìa, vì nguyện lìa nên biết thức thí nguyện cũng lìa, vì thức thí nguyện lìa nên biết Bồ-đề cũng lìa. Vì Bồ-đề lìa nên biết thức thí nguyện lìa, mà biết tất cả pháp đồng tánh Bồ-đề. Này thiện nam! Đó là Bồ-đề xuất thế gian Đàn ba-la-mật.” Vậy biết, thức không nên tất cả phàm Thánh muôn pháp đều không. Vì thấu rõ không đây nên mới có thể hành Bồ-đề vô thượng, đầy đủ mười Ba-la-mật thì bi trí viên mãn, tự lợi lợi tha không khuyết. Đầy đủ bi trí đây, đâu là sở vi ư? Vì giống Phật chẳng đoạn vậy. giống Phật chẳng đoạn thì có tướng gì ư? Gọi là thành tựu ba đức, tức cứu hộ chúng sinh là thành tựu ân đức, đoạn dứt phiền não là thành tựu đoạn đức, rõ biết các hành là thành tựu trí đức. Do đó, vào Tông Kính đây, máy động hay ngưng dừng chỉ là tâm, lại không một pháp nào có thể phá hoại. Như trong kinh Đại Hư Không Tạng Sở Vấn nói: “Thí như hữu tình hành trong hư không, mà hư không ấy không có phá hoại, cũng vậy, tất cả hữu tình đi trong chân như, mà chân như ấy không có đoạn hoại, Bồ-tát cũng như vậy, do dùng trí tuệ nên đối với sắc đối với pháp dùng chân như mà đóng dấu đó, chẳng ở chân như gián đoạn phá hoại, đó là Bồ-tát dùng ấn Như Lai đóng dấu nơi chân như, không gián đoạn trí khéo léo vậy.

Hỏi: Quy mạng Tam bảo là nương nhờ thắng duyên khác, pháp môn tứ đế là nương hai cảnh chân tục, cho đến các môn ba thừa, ba tạng, sáu độ, sáu thông, ba mươi bảy phẩm trợ đạo mười tám pháp quả vị bất cộng, cớ sao đều quy về chánh nghĩa nhất tâm mà đều Viên thông?

Đáp: Các thánh dùng vô vi mà được danh, viên tu dùng vô tác mà thành hạnh, chẳng phân biệt các cảnh, là chân thật điều phục tâm, rõ tất cả pháp không, thì thường tại Tam-muội. Trong kinh Siêu Nhật Tam-muội nói: "Biết sắc và tâm vốn không, đắc thành Phật quả nào khó" là nghĩa đây vậy. Nên biết tất cả các pháp, không gì chẳng do tâm, tâm nhiếp tất cả, như châu như ý không gì chẳng đầy đủ. Vả lại, luận về Tam bảo, nghĩa rộng như hằng sa, nay y cứ theo các bậc cổ đức, ước theo môn ngũ giáo, sơ lược luận về hai thứ Tam bảo chung riêng Thứ nhất quán biệt luận Tam bảo: Một là ,Tiểu thừa lấy vọng tâm tức không làm Phật bảo, tịch diệt làm pháp bảo và vô tránh làm Tăng bảo; Hai là, Đại thừa sơ giáo dùng vọng tâm không thể được làm Phật bảo, lìa tư duy làm pháp bảo và vô ngã làm Tăng bảo; Ba là, chung giáo dùng vọng tâm không tự tánh, tự tánh vô ngại làm Phật bảo, lấy rỗng lắng đó làm pháp bảo vàlấy không điều mong cầu làm Tăng bảo; Bốn là, Đốn giáo dùng vọng tâm vốn không sinh làm Phật bảo, tuyệt niệm làm pháp bảo và không phân biệt làm Tăng bảo; Năm là, Nhất thừa Viên giáo dùng vọng tâm khởi không tướng mới đầu, chẳng động làm Phật bảo, dùng không phải quấy làm Pháp bảo và dùng không phải quấy làm Tăng bảo. Thứ hai là đồng thể Tam bảo: Một là, Tiểu thừa căn cứ ở môn lập sự căn cứ nghĩa, đem ngọn về gốc, bên cạnh nghĩa Giác chiếu trên Phật thể làm Phật bảo, bên cạnh nghĩa Quỹ tắc làm pháp bảo, trái ngược tranh cãi lỗi lầm hết làm Tăng bảo; Hai là Sơ giáo căn cứ ở môn hiểu sự từ lý, vì hay thấy tướng sai biệt của Tam bảo là bình đẳng nên dùng chân không làm Phật bảo, không ấy lìa tự tha làm pháp bảo và lìa ấy không hai làm Tăng bảo; Ba là, Chung giáo căn cứ ở môn lý sự dung hiển, vì trong tức sự có lý,trong lý có sự nên dùng Bản giác làm Phật bảo, dùng vô lượng tánh đức làm pháp bảo, dùng tánh đức không hai làm Tăng bảo; Bốn là, Đốn giáo ước ở môn tuyệt tướng lý thật. Vì Tam bảo là tướng vô vi cũng như hư không bình đẳng nên làm Phật, Phật tức là pháp, pháp tức là Tăng; Năm là, Viên giáo ước ở môn dung thông vô ngại, vì pháp giới các pháp không gì chẳng là bảo, do là bảo nên ước nghĩa mà luận đều là Phật bảo, theo quy tắc mà nói không gì chẳng là pháp, hòa hợp mà nói không gì chẳng là Tăng. Do đó, chẳng động chân tâm thành một thể báu. Tuy căn cứ căn có mà khai mở năm giáo, tùy trí mà mỗi mỗi chẳng đồng nhưng chẳng lìa môn nhất tâm mà phân lý chung riêng. Do đó, trong giáo chỉ nói "tự quy y Phật v.v..." trọn chẳng nói quy y ở tha. Nên nói tự tánh chẳng quay về thì không nói quay về. Phàm, quy (quay về) là nghĩa của Hoàn nguyên (trở lại

nguồn), sáu căn chúng sinh theo nhất tâm khởi, đã trái với tự nguyện lại rong tan theo sáu trần, nay hết thủy mạng căn đều gồm sáu tình quay trở về nguồn gốc nhất tâm đó, nên nói: "Quy mạng nhất tâm tức đầy đủ Tam bảo". Phàm, Tam bảo một thể chỉ là nhất tâm, tâm tánh tự có khả năng giác chiếu tức là Phật bảo, tâm thể vốn lìa tự tánh gọi là pháp bảo, tâm thể không hai gọi là Tăng bảo. Trong kinh Tư Ích nói: "Biết pháp gọi là Phật, biết lìa gọi là Pháp. Biết vô vi gọi là Tăng, là Bồ-tát hành khắp. Biết Pháp gọi là Phật tức là Phật thật. Pháp thân Như Lai, Phật tức là Pháp nên Pháp tức là Phật, cũng như Như Lai tức là nghĩa như của các pháp, tiếp ứng điều hỏi Pháp tức là Phật, nghĩa đã giải thích, gì là Pháp vậy? Câu tiếp lại nói lìa tức là Pháp, vì tất cả pháp bản tánh lìa vậy. Tâm thể lìa niệm tức là giác vậy. Tiếp ứng điều hỏi pháp vốn tự lìa thì không sở tu, sao được có Tăng? Tiếp giải thích là biết vô vi gọi là Tăng, vô vi tức là Pháp, pháp vốn tự lìa. Do biết vô vi nên được thành Tăng. Nên trong kinh Đại Phẩm nói: "Do biết các pháp là không, phân biệt Tu-bồ-đề v.v...". Nên trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Bát-nhã thậm thâm biết tất cả pháp, bản tánh lìa vậy." Lại nữa, Văn thù Sư lợi nói: "Như Phật Thế Tôn kham nhận cúng dường, vì đối với tất cả pháp, rõ biết thật tánh vậy". Cho nên trong kinh nói: "Như thật rõ biết tất cả pháp, gọi là Đại xả", giải thích: Đối với tất cả các pháp, thấy tự tánh của tâm, tức là rõ biết của như thật rốt ráo, tức là nghĩa chóng thành Phật, là nghĩa Tam bảo thường trụ thế gian, là nghĩa từ chân thật, là nghĩa bi đồng thể, là nghĩa đại hỷ xả, là nghĩa đầy đủ đàn Ba-la-mật, là nghĩa tất cả hạnh nguyện thành tựu. Lại nữa, Đại sư Tăng Sán hỏi Đại sư Tuệ Khả rằng: "Chỉ thấy Hòa thượng tức biết là tăng, chưa rõ gì là Phật? Gì là Pháp?" Đại sư Tuệ Khả đáp: "Tâm đó là Phật, tâm đó là Pháp, Pháp, Phật không hai. Ông biết đó ư? Nếu có người chẳng tin lời nói một thể Tam bảo của Phật tổ nêu dẫn trên, là yếu chỉ của quy y tự tâm thì chẳng chỉ quả báo về sau trọn sa đọa nơi địa ngục Nê-lê mà hiện tại cũng nhận chịu hoa báo ở nhân gian". Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: Này thiện nam! Nay ông không nên như hàng Thanh văn người phàm phu mà phân biệt Tam bảo. Đối với Đại thừa đây không có tướng của Tam quy phân biệt. Tại sao? Vì ở trong Phật tánh tức có pháp và Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn phàm phu nên phân biệt nói tướng khác của Tam quy." Lại nói: "Nếu có không biết Tam bảo thường còn, do nhân duyên đó mà miệng lưỡi cháy tiêu, như miệng người bị lỡ không biết sáu mùi vị ngọt đắng cay chua mặn lạt khác biệt. Tất cả chúng sinh ngu si vô trí không biết Tam

bảo là pháp trường tồn, cho nên gọi là miệng lưỡi tiêu chảy. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh không biết Như Lai là Thường trú phải biết người đó là kẻ sống mù, nếu biết Như Lai là thường trú, người như vậy tuy có mắt thịt, nhưng ta vẫn nói đó là mắt trời. Lại, nếu trực tâm tin phục vào trong Tông Kính, trong khoảng sát-na niệm niệm thấy nhất tâm Tam bảo thường hiện ở thế gian. Hoặc chướng nặng ngăn che sâu trải qua số kiếp như bụi trần trọn chẳng xét tin, còn chẳng nghe tên Tam bảo, đâu gặp được đạo nhất chân. Như trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Chúng sinh đã tin phục,
Thẳng ngay ý mềm dịu,
Nhất tâm muốn thấy Phật,
Chẳng tụ tiếc thân mạng.
Nay ta cùng chúng tăng,
Đồng ra khỏi Linh thứu.
Ta nói cùng chúng sinh,
Thường ở đây chẳng diệt.
Do dùng sức phương tiện,
Hiện có diệt chẳng diệt".

Cho đến "các chúng sinh tội khổ, do nhân duyên ác nghiệp, qua A-tăng-kỳ kiếp, chẳng nghe tên Tam bảo. Có tu các công đức, nhu hòa và ngay thẳng, thì đều thấy thân ta, ở tại đây nói pháp". Nên biết người thân gần thấy Phật thân gần nghe pháp khó được. Tôn giả A-nan suốt hai mươi năm làm thị giả Phật còn chẳng thấy mặt Phật chỉ quán sát cứu đời, xoay chuyển trong sáu thú, lại chỉ cùng duyên tâm nghe pháp, pháp đó cũng là duyên, chẳng phải đắc pháp tánh. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Sa-môn thật hạnh dùng chánh pháp thân còn chẳng thấy Phật, huống gì là hình sắc, dùng không mà xa lìa còn chẳng thấy pháp huống gì là tham trước âm thanh ngôn từ, dùng pháp vô vi còn chẳng thấy Tăng huống gì đang thấy có chúng hòa hợp". Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các vị Tỳ-kheo: "Các ông từ đâu mà nghe pháp?" Đáp: "Không có năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, từ đó mà nghe pháp". Lại hỏi: "Các ông là đệ tử ai?" Đáp: "Vô đắc vô tri, là đệ tử đó vậy". Do đó, tỏ ngộ mới biết chẳng phải điều chỉ bày của ngôn từ. Lại nữa, tâm là khổ, thật tế gọi là khổ đế, tâm tánh không hòa hợp gọi là Tập đế, tâm vốn tịch diệt đảnh lễ Diệt đế, tâm vốn viên thông gọi là Đạo đế. Quán tâm không là vượt ngoài Thanh văn thừa, quán tâm giả là vượt ngoài Bồ-tát thừa, quán tâm trung là vượt ngoài chư Phật

thừa, quán tâm thật tướng chẳng phải sắc chẳng phải tâm, chẳng đồng với ngoan ngại nên chẳng phải sắc, chẳng đồng với thọ v.v... vọng tình phân biệt nên chẳng phải tâm. Chẳng phải sắc chẳng phải tâm dùng làm giới thể vượt ngoài Luật tạng. Trong kinh Quảng Bác Nghiêm Tịnh nói: "Nếu hay trì kinh đây, đầy đủ tất cả giới". Kinh Kim Cang Tam-muội nói rõ về Bản giác, Phật bảo: "Người như vậy chẳng còn hai tướng, tuy không xuất gia nhưng chẳng ở tại gia, tuy không pháp phục, tuy chẳng đủ giới, nhưng hay dùng tự tâm vô vi, tự tứ mà được Thánh quả". Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Văn thù Sư lợi nói: "Tất cả các pháp rốt ráo tịch diệt, tâm tịch diệt nên gọi là cứu cánh Tỳ-ni". Lại nói: "Nếu chẳng đắc tâm thì không niệm giới, nếu chẳng niệm giới thì không tư tuệ, nếu chẳng tư tuệ thì không trở lại khởi tất cả nghi hoặc. Đã không nghi hoặc thì chẳng trì giới, nếu chẳng trì giới thì gọi là chân thật trì giới vậy". Trong kinh Văn thù Sư lợi Sở Vấn nói: "Nếu đem tâm phân biệt nam nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ v.v... là Bồ-tát phạm Ba-la-di". Trong kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp nói: "Giới của tất cả Bồ-tát phàm thánh đều tận tâm làm thể, cho nên tâm cũng tận mà giới cũng tận, tâm vô tận nên giới cũng vô tận." Trong kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: Một là tất cả tâm pháp của Như Lai, tự tánh Kim cang xưa nay thanh tịnh, rốt ráo vắng lặng, Bồ-tát nếu ở trong tánh Đại thừa hay trì mười thứ trọng giới, rõ biết tâm chân tịnh, rõ thấy tâm tánh không nhiễm không đắm, cho nên Bồ-tát hay trì mười thứ trọng giới. Đó gọi là chẳng hoại Tỳ-ni. Lại nữa, tất cả các pháp thiện ác v.v... có thể làm khuôn phép, có thể thọ trì vượt ngoài kinh tạng, quán tâm hay nghiêm xét diệu nghĩa vượt ngoài luận tạng. Do đó, bố thí nhận tâm buông xả, là thí môn của tròn đầy thanh tịnh, giới nhân tâm trì, thành tịnh luật của tự tánh, nhẫn nhục nhân tâm thọ, đầy đủ đại nhẫn của vô sinh. Tinh tấn nhân tâm tạo tác, đầy đủ tấn môn của mạnh mẽ, năng quán tâm tánh, gọi là Thượng định, thì Thiền nhân tâm phát. Bát-nhã linh soi cùng sâu suốt tối thì trí từ tâm khởi, tức là sáu Ba-la-mật. Nên trong kinh nói: "Không tâm chẳng động, đầy đủ sáu Ba-la-mật". Tại sao? Trong kinh nói: "Không thể cho gọi là bố thí". Há ngoài tâm có pháp, có tướng có thể trú ư?" Trong kinh có kệ tụng rằng:

"Giới tánh như hư không,
Người trì là mê trái".

Sao chấp sự pháp mà phân trì phạm ư? Trong kinh nói: "Nhẫn là trong khoảng sát-na cùng tận tất cả tướng và các sở duyên". Lại nói: "Sao gọi là Bồ-tát năng trì nhẫn nhục? Phật dạy: "Thấy tướng tâm từng

niệm diệt". Đâu có thể phục áp tự tâm đối trị cảnh trước, mà làm nhẫn thọ ư? Trong kinh có kệ tụng:

"Nếu tâm hay chẳng khởi,
Tinh tấn không ngằn mé".

Lại nói: Sao gọi là Bồ-tát năng hành tinh tấn? Phật dạy: "Cầu tâm không thể được". Sao đắm trước hữu vi, vọng dấy khởi lao lự ư? Trong kinh nói: "Chẳng thấy tướng tâm gọi là chánh định". Đâu lánh ồn náo mà giữ lấy lắng trần ư? Trong kinh nói: "Chẳng cầu tánh tướng nhân duyên các pháp, gọi là chánh tuệ". Đâu có ngoài theo văn ngôn, gượng sinh hiểu biết ư? Vậy biết, ngoài tâm thấy pháp, đều gọi là ngoại đạo. Nên trong kinh nói: "Ngoại đạo thích các thấy". Nếu rõ ngay tự tâm thì chẳng bị các thấy làm lay động. Như trong kinh nói: "Bồ-tát không thấy gì". Tức không có gì. Không có gì tức là tất cả các pháp. Phàm, nói không thấy gì là chẳng phải lìa tất cả pháp mà nói là không thấy gì, tức thấy tất cả pháp mà không thấy gì. Vì không có gì tức tất cả pháp, tất cả pháp tức không có gì vậy. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Pháp pháp nào tướng trạng?" Do đó, trong kinh có kệ tụng rằng: "Nếu hay trừ màn mắt, lìa bỏ ở sắc tướng, chẳng thấy nơi các pháp, thì được thấy Như Lai". Pháp sư Đại Túc lúc sắp thị tịch viết trên vách tường bài kệ tụng rằng:

"Thật tướng nói nghĩ lấy,
Chân như tuyệt thấy nghe.
Đây là an chỗ an,
Dị học chỉ như thể".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 27

Phàm, thân thọ tâm pháp đều không tự tánh, rõ ràng không thể được, tức Tứ niệm xứ. Quán pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh tức Tứ chánh cần, tâm tánh linh thông ẩn hiện tự tại tức Tứ thần túc. Tín tâm bền chắc lắng như hư không tức là Ngũ căn Ngũ lực, rõ tâm chẳng khởi tức Thất giác chi, suốt ngay tâm tánh, tà chánh chẳng can phạm, tức Bát chánh đạo. Nhãn như cho đến ý như, tâm cảnh rỗng dung, tức Lục thần thông. Do đó, Tôn giả Xá-lợi-phất chẳng đạt thường tịch Tam-muội. Tôn giả Mục-kiền-liên thông chẳng hiện trước nói pháp chẳng đáng, vì chưa đắc thần thông pháp không vậy.

Theo, Thai Giáo nói: Quán ở nhất tâm, bỗng nhiên tất cả tâm. Quán tất cả tâm chợt không các tâm. Tâm không có không thông đến thật tướng tức là thần thông vậy. Nghĩa Hải nói: "Cho rằng mảy trần này không thể, chẳng động trần xứ, luân biến khắp mười phương các cõi nước, không có tướng khứ lai. Đó là thần túc thông. Chẳng dậy ở gốc, ngồi khắp đến mười phương, lại thấy pháp giới bụi trần không ngằn mé mà có lý sự giáo nghĩa, tất cả Bồ-tát đều đồng chứng vào, đều đồng tu tập pháp này, lại không đường riêng khác, là Tha tâm thông. Lúc thấy pháp giới bụi trần, giải hạnh hiện tiền, tức biết trong quá khứ từng ở nơi Phật, thân gần nghe pháp này, do quán tâm chẳng dứt đoạn, cho nên ngày nay được rõ, là Túc mạng thông. Lại thấy bụi trần là tánh không tịch, không tướng khả đắc, tức không hai kiến, nếu thấy tướng tức là hai vậy. Do không tướng tức không có hai, gọi là Thiên nhãn thông. Trong kinh nói: "Không do hai tướng thấy gọi là Chân thiên nhãn". Lại rõ suốt bụi trần không sinh không tánh, không tịch, tức tâm chấp chẳng khởi là Lậu tận thông. Trong kinh nói: "Đoạn kết không tâm ngã, đó là không có sinh". Lại nghe âm thanh của pháp giới bụi trần sai biệt, tức biết tất cả âm thanh toàn là tai, không trở lại nghe vậy. Nhưng nghe đây không duyên không đắc, ở ngay âm thanh tỏ ngộ tất cả pháp, đó là thường nghe tất cả Phật pháp, là Thiên nhĩ thông. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Bồ-tát Đại Lực nói: "Sao gọi là còn ba giữ một vào

Như Lai Thiền?” Phật dạy: “Còn ba là còn ba giải thoát, giữ một là giữ một tâm. Như vào Như Lai thiền là Lý quán tâm như, vào địa như vậy tức vào thật tế.” Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

“Phật tử trú ở đây,
Niệm niệm vào Tam-muội,
Mỗi một môn Tam-muội,
Xiển minh cảnh chư Phật”.

Trong lời tựa của Thiền Kinh nói: “Chất nhỏ thì thế nặng, chất nặng thì thế nhỏ, như chất đất nặng nên thế chẳng như nước, tánh nước nặng nên sức chẳng như lửa. Lửa chẳng như gió, gió chẳng như tâm, tâm không hình nên lực không gì hơn, thần thông biến hóa vào chẳng nghĩ bàn, là sức lực của tâm vậy”. Lại có khả năng dung thông, tự tha một thể, tức là tứ nhiếp pháp. Chẳng được thân khẩu ý thường tùy theo trí tuệ hành, tức Mười tám pháp bất cộng v.v... Cuối cùng đến đạt quả thọ ký đều chẳng lìa nhất tâm. Như trong kinh Hải Long Vương nói: “Tâm tịnh không dơ thì là thọ quyết”. Cho đến, “Phật bảo Long Vương: Tâm ý thức đó không nơi trú lập, thì là thọ quyết”. Các pháp như vậy, do không nhân duyên, các pháp vốn chắc thật, rõ biết các pháp bình đẳng không khác thì thành đạo vô thượng chánh chân, rốt ráo cấu gốc, không có thọ quyết và Đạo thành Phật, hoặc người trao quyết, hoặc thọ quyết rồi. Tại sao như vậy? Các pháp không hình, gốc ngọn tự dứt, đều không có chủ, tất cả các pháp theo nhân duyên chuyển. Cho nên, các pháp không hai, dụng vốn chỉ một, các pháp vốn một, lìa bao nhiêu vậy. Cho đến, vô lượng vô biên hạnh môn giáo hải, đều là tự tâm phát hiện, tự tâm dẫn ra, trọn không một pháp một hạnh từ ngoài mà thành. Nếu khởi niệm tìm cầu bên ngoài, tùy theo thắng cảnh khác đều là việc ma. Nên trong kinh nói: “Khởi tác quán ấy gọi là chánh quán, nếu là quán khác, gọi là tà quán”. Nên biết, tâm chánh thì việc chánh, tâm tà thì việc tà, nếu chưa thấu đạt nhất tâm, giẫm trải qua đường đều là hư ngụy. Chánh hạnh cũng thành tà hạnh, cửa Phật biến làm cửa ma. Nếu vào trong Tông Kính, không đến đâu chẳng lợi, khổ hạnh cũng thành diệu hạnh, tà tông tức là chánh tông. Chỉ như dùng năm thứ lửa xông hơ thân, một pháp của ngoại đạo, nếu rõ suốt đó, thì thắng nhiệt làm môn ánh lửa trí vô phân biệt. Nếu mê mờ đó, thì Ni-càn giải hiểu chấp trước của Đại ngã vô cùng mạnh mẽ. Do đó, pháp không có tà chánh, đạo ở biến thông. Như ở Tây thiên, Ni-càn-tử dùng năm thứ lửa xông hơ thân sinh đại tà kiến. Đệ tử Phật gọi Ni-càn-tử lại mà bảo: “Này thiện nam! Như người đời cưỡi xe trâu đi đường, muốn mau đến nơi, đánh trâu tức

là đánh xe". Ni-càn-tử nghe vậy liền đổi sắc mặt. Đệ tử Phật lại bảo: "Này thiện nam! Trâu dụ như tâm, xe dụ như thân, sao lại khổ thân mà chẳng tu tâm? Chẳng cần xông hơ thân, nên phải xông hơ tâm". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Lại có mười ngàn Khẩn-na-la Vương ở trong hư không xướng lời nói rằng: "Này thiện nam! Bà-la-môn ấy lúc dùng năm thứ lửa xông hơ thân, chúng tôi ở nơi cung điện, các cây Đa-la, các lưới linh báu. Các dãy lụa báu, các cây âm nhạc, các cây báu diệu, và các nhạc khí, tự nhiên phát ra tiếng Phật tiếng Pháp và tiếng Bồ-tát Tăng bất thối chuyển, tiếng nguyện cầu vô thượng Bồ-đề, nói rằng ở phương đó nước đó có Bồ-tát đó phát tâm Bồ-đề, ở phương đó nước đó có Bồ-tát đó tu hành khổ hạnh, hay xả bỏ các sự khó xả bỏ, cho đến thanh tịnh tất cả trí hạnh, ở phương đó nước đó có Bồ-tát đó đến nơi đạo tràng. Cho đến ở phương đó nước đó có Như Lai đó làm Phật sự rồi mà nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Giả sử có người dùng tất cả mạt vụn của cỏ cây ở Diêm-phù-đề mà làm bụi nhỏ, số bụi nhỏ ấy có thể biết hết, nhưng cây báu Đa-la cho đến nhạc khí ở trong cung điện chúng tôi nói ra danh hiệu các Bồ-tát, danh hiệu các Như Lai, đại nguyện đã phát khởi, các hạnh đã tu hành v.v... không ai có thể biết được số ngằn mé đó. Này thiện nam! Chúng tôi do nghe tiếng Phật tiếng pháp và tiếng Bồ-tát Tăng nên sinh rất vui mừng, đi đến nơi đó. Khi ấy, Bà-la-môn đó vì chúng tôi như đáng nói pháp, khiến tôi và vô lượng chúng sinh khác đối với Vô thượng Bồ-đề được không thối chuyển." Do đó, đối với trong Nhất tâm chánh quán rất là quan trọng, dùng ít tâm lực mà thành Đại Bồ-đề. Nên trong Hoa Nghiêm Tư Ký nói: "Trong kinh đây diệt độ là pháp thân làm nhiều thứ danh tự, như người trời lấp Thập Thiện ngũ giới làm thân, Thanh văn dùng Tứ đế, Duyên giác dùng mười hai nhân duyên, Bồ-tát dùng Lục độ, Phật dùng chủng trí làm thân. Thân nghĩa là tụ, ở trong pháp thân, tùy hạnh lập. Nơi tụ công đức gọi là thân, như thân tướng của hữu tình đều là pháp thân khởi nên, như cõi nước vô tình, đều là trí Phật hiện thành, trọn không một mảy may ở ngoài Tông Kính, riêng có thể khác mà có thể lập nên. Nên trong kinh nói: "Nếu một pháp là có chẳng phải không, Ma-ha-diễn chẳng thể hơn vượt ngoài, nếu lại có một pháp thì không được xưng là độc tôn độc thắng, là nơi nương tựa của vạn hữu vậy". Do vì căn cơ chẳng đồng mà thấy có lắm thứ, bèn làm mười Ba-la-mật năm giáo chẳng đồng: Một là, Tiểu thừa giáo chẳng thành Ba-la-mật; Hai là, Thủy giáo, cốt yếu là người chủng tánh Bồ-tát mới có vậy. Lại mỗi mỗi có thể tánh, hoặc nói là đều không; Ba là, Chung giáo, mỗi mỗi đều từ công đức tánh chân như khởi;

Bốn là, Đốn giáo, mỗi mỗi đều chẳng thể nói, nghĩa là chẳng bố thí, chẳng keo lận, cho đến không trí không ngu v.v... tất cả đều tuyệt, hoặc mười hoặc sáu đều là mất lời; Năm là, Viên giáo, mỗi mỗi viên dung, đủ đức vô tận. Lại nữa, mười Ba-la-mật đây có thể dùng ý được một niệm tương ưng tâm xả thì đầy đủ mười độ xả, mà chẳng thủ lấy làm bố thí, chẳng vì các quấy làm nhiễm ô, tức giới nhẫn có thể chẳng phải có làm nhẫn, lìa tướng thân tâm làm tấn. Vắng lặng chẳng động làm định, quyết rõ vô sinh làm Bát-nhã. Tuy không chẳng ngại, biết tướng làm phương tiện, mong ngang bằng Phật quả là nguyện, tư duy chọn lựa chẳng động làm lực, quyết đoán rành rẽ làm trí, một niệm tấc vuông, mười độ chóng tròn. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát ở Thất địa niệm niệm đầy đủ mười Ba-la-mật. Do vì mười độ nếu tròn đầy, thì tám vạn bốn ngàn pháp môn một lúc đều ứng. Phàm, nói tổ giáo hoặc cạn hoặc sâu, chỉ tức đó ở tâm, lý không gì chẳng tận. Nếu ngoài tâm mà hành sự thì thủ lấy tướng luân hồi, trải qua ba A-tăng-kỳ, cuối cùng thành vọng tưởng. Vì vậy, Nho Đồng nói: "Xưa, tôi ở trong vô lượng kiếp, đem nước nhà thân mạng bố thí cho người nhiều vô số, dùng tâm vọng tưởng bố thí, nên chẳng phải bố thí vậy. Ngày nay, với tâm vô sinh dùng năm cành hoa cúng dường Phật, mới gọi là thí vậy". Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Giả sử vô lượng kiếp, vật báu cúng dường Phật, không biết thật tướng Phật, đó cũng chẳng phải thí". Lại nói: "Với tất cả căn lành, sinh trưởng tự căn lành, cho đến đối với tất cả hạnh, sinh trưởng là tự hạnh. Phàm tất cả sai biệt, cảnh giới ngang dọc, nếu ở trên tướng mà quán sát thì hành bố khó sáng tỏ, nếu ở trong thể mà tiêu dung thì đều là bình đẳng. Nên các bậc Tiên đức nói: "Muôn sự đuổi nhau về thể nơi bình, phải quấy chỉ do trong tâm hỗn tan". Do đó, Phó Đại sĩ có kệ tụng rằng:

"Đến gốc lại về nguồn rồi,
Tâm tánh chẳng nổi chìm,
An trú vương Tam-muội,
Muôn hạnh đều gồm thâu".

Hỏi: Muôn hạnh chỉ là tâm, nhân tâm mà khởi hạnh. Phàm, đạo tràng pháp thì toàn tại sự tướng mà tu, cớ sao gồm nhiếp ngàn đường đều quy về một đạo?

Đáp: Tông môn ta đây là diệu của Nhất thừa, chỉ dùng một niệm tâm, soi chiếu chân thấu đạt tục, thành vô thượng giác gọi là đạo tràng. Tại sao? Soi chiếu chân thì lý không gì chẳng gồm, thấu đạt tục thì sự không gì chẳng tròn. Do đó, trong kinh Duy-ma nói: "Một niệm biết tất

cả pháp là đạo tràng, thành tựu Nhất thiết trí vậy". Pháp sư Cưu-ma-la-thập giải thích là: "Pháp Nhị thừa dùng ba mươi bốn tâm thành đạo, pháp Đại thừa thì một niệm chợt nhiên đại ngộ đủ Nhất thiết trí vậy". Pháp sư Tăng Triệu giải thích là: "Nhất thiết trí là cùng cực của trí vậy, sáng như mặt nhật vừa ló dạng, các thứ tối tăm đều soi chiếu. Lắng như sâu lắng muôn ảnh tượng đều soi, không biết mà không gì chẳng biết, đó chỉ là Nhất thiết trí ư? Tại sao? Phàm, có tâm thì có bưng bít, có bưng bít thì có biên cương, bưng bít biên cương đã không thì trí đó không ngằn mé, trí đó không ngằn mé thì chỗ soi chiếu không cùng tận, nên lấy một niệm một thời hẳn biết tất cả pháp vậy. Lại nữa, đạo tràng là lý thật tướng khắp làm trường, muôn hạnh thông chứng làm đạo, thì đạo không đâu chẳng đến, Trường không đâu chẳng có, nếu hay ôm ấp đạo tràng ở trong lồng ngực, bỏ sót muôn lụy ở ngoài thân thì tuy hình ở nơi ồn náo, vết tích cùng sự gần, cưỡi động rảo khắp mà không gì chẳng phải đạo tràng vậy. Do đó, trong kinh Thiền Yếu nói: "Bồ-tát Khí Chư Cái bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Từng nghe Như Lai ngồi nơi đạo tràng. Vậy, đạo tràng ở xứ nào? Là gần hay xa và có thể thấy chăng?" Phật bảo: "Này thiện nam! Pháp thân cùng khắp, không đâu chẳng phải là cõi Phật, mười phương thế giới ngũ ấm tinh xá tánh không tự lìa, tức là đạo tràng, cớ sao mà hỏi là gần hay xa ư? Này thiện nam! Nếu hay ngộ hiểu đạo tại thân tâm, người như vậy thì gọi là thấy". Tất cả chúng sinh đều là đạo tràng, là tướng chẳng động". Phật bảo: "Văn Thù Sư Lợi! Cớ sao sự ấy gọi là tướng chẳng động?" Văn thù Sư lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Đạo tràng có nghĩa gì ư?" Phật bảo: "Văn thù Sư lợi? Tất cả pháp là tướng tịch diệt, không tướng là tướng của vô sinh. Tướng không chỗ có, tướng không thể thủ, đó gọi là nghĩa của đạo tràng". Văn thù Sư lợi thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh chẳng vào đạo tràng ấy ư?" Phật bảo: "Đúng vậy! Đúng vậy! Cho nên Thế Tôn, tất cả chúng sinh đều là đạo tràng, gọi là tướng chẳng động". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Như vậy chủ trong tất cả người, tùy ở nơi có các cảnh giới, ngay trong một niệm đều ngộ rõ, mà cũng chẳng bỏ hạnh Bồ-đề". Lại nữa, trong kinh nói: "Trong khoảng sát-na tâm thấu rõ tất cả pháp, rốt ráo không thừa là diệu Bồ-đề, nay cũng chẳng ngại sự tướng đạo tràng, vì tức pháp luôn chân, tướng ở vô tướng, ngoài lý không sự, không tướng ở tướng. Lại nữa, không tướng ở tướng là ẩn hiển đồng thời, tướng ở không tướng thì có không chỉ một khoảng". Trong kinh Bi Hoa nói: "Tuy tu Tịnh độ, tâm đó bình đẳng, giống như hư không, tuy hành đạo tràng hiểu rõ ba cõi không có tướng khác". Đó

thì hành sự mà chẳng mất lý, chiếu lý mà chẳng phế bỏ sự. Sự lý vô ngại, đạo đó ở trong. Do đó, Hòa thượng quán ở nơi môn Nhất tâm, lập mười tướng, thành mười thứ Như Lai, ngồi mười thứ đạo tràng, nói mười thứ pháp môn: Một là, Kim Cang Như Lai tại đạo tràng Kim cang, hay nói pháp môn Kim cang, dùng trí tự tâm thấy tâm tánh ta, tâm này từ xưa đến nay trọn không các tướng, giống như hư không, lắng yên chẳng động. Tâm của rõ thấy gọi là Kim Cang Như Lai, giảng nói pháp môn Kim cang là như trong kinh có kệ tụng rằng:

"Bồ-tát tâm trí tuệ,
Thanh tịnh như hư không.
Không tánh không nơi nương,
Tất cả không thể được."

Nói mười Tịnh độ là như trong kinh nói: "Cõi nước mười phương đều như hư không"; Hai là, giải thoát Như Lai ở nơi đạo tràng vô trước, hay nói pháp môn vô trước, hữu vi vô vi, tướng tất cả các pháp đều từ tâm lưu xuất. Không gì chẳng là tâm vậy, tự tâm năng lưu xuất còn không có thể tướng, cớ sao nương tự tâm lưu xuất các pháp? Có thật thể vậy, tức thể và tướng một vị không khác biệt, đâu có gì đáng chấp trước. Đó gọi là Giải Thoát Như Lai, giảng nói pháp môn vô trước là như trong luận nói: "Vì tất cả pháp đều tự tâm khởi, tất cả phân biệt đều phân biệt tự tâm, tâm chẳng thấy tâm, không tướng khả đắc; Ba là, Bát-nhã Như Lai ở đạo tràng vô trú, hay giảng nơi pháp môn vô trú. Trong kinh nói: "Vào trong ba thế gian, nơi tự thân trú, nơi của tùy cầu, trọn không tự tánh, nên chẳng được tướng trú, cho nên phải biết tất cả các tướng một pháp không trú, thời của tùy duyên, tướng tức tương dung từ gốc vô trú mà lập tất cả pháp. Tâm năng giải vô trú gọi là Bát-nhã Như Lai, luôn giảng nói pháp môn vô trú; Bốn là, Ma-ha-diễn Như Lai ở nơi đạo tràng vô ngại giảng nói pháp môn vô ngại. Thí như hư không chẳng động, sinh ra các sắc, tuy sinh ra các sắc mà chẳng ngoài hư không. Chỉ hư không tạo nên sắc, sắc và không vô ngại, dung thông hai tướng, tu tâm cũng vậy, lýsự vô ngại. Lý là tâm sự là thân. Từ xưa đến nay sắc tâm không hai, thân tâm vô ngại như vậy, gọi là Ma-ha-diễn Như Lai giảng nói pháp môn vô ngại; Năm là, bình đẳng Như Lai ở nơi đạo tràng vô tướng, hay giảng nói pháp môn vô tướng. Trong kinh nói: "Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã". Đó là lìa tướng năng sở, gọi là thân Phật. Quán tâm như vậy chẳng tuyệt, là quán hành xứ của tâm đầy đủ thật tướng, gọi là Bồ-đề Như Lai. Tất cả chúng sinh tức là tướng Bồ-đề vậy; Sáu là, thật tế Như Lai ở nơi đạo tràng vô tế, hay giảng nói pháp

môn Thật tế. Điều gọi là lúc dùng mắt mình thấy vật nhỏ, tướng vật đó vào trong mắt. Vật đó rất nhỏ vì không. Trong vậy thì bao hàm không ngoài tướng lớn pháp giới. Do đó mà biết một sát-na tâm lúc thấy tướng vật, tức niệm sau trong tâm không có tướng vật, tâm trước niệm sau đều là tự tâm vậy. Rõ biết mảy trần chẳng động, lượng đến khắp pháp giới, thì thật tế tự tâm khắp tất cả xứ. Trong kinh nói: "Có nơi dấy nghiệp mà có nói làm, tức là việc ma. Sáu căn không nơi thăng tấn, chẳng hành các pháp, gọi là bình đẳng tinh tấn; Bảy là, chân như Như Lai ở nơi đạo tràng thường trụ, hay giảng nói pháp môn thường trụ. Quán tâm dạo khắp trong các trần sát (cõi nước như bụi nhỏ), trạm nhiên ngưng tịch. Tâm ngưng tịch ấy cân đến duyên chẳng mất bản thể. Do đó, đến tận cùng ngằn mé ở tương lai, gieo duyên luôn chẳng động, nên gọi là pháp thường trú vậy. Như trong kinh nói: "Hữu vi vô vi tất cả các pháp, có Phật không Phật tánh tướng thường trú, không có đổi khác; Tám là, pháp giới Như Lai ở nơi đạo tràng pháp giới hay giảng nói pháp môn pháp giới. Pháp là thật tướng tâm, giới là nương cứ tâm ấy mà sinh ra các cõi. Thí như biển lớn sinh ra cácvật đều không gì chẳng là biển. Tất cả các pháp đều từ tâm thật tướng sinh ra, đều không gì chẳng là tâm. Cho nên phải biết sắc thấy ở trong mắt, âm thanh nghe ở trong tai đều là chân pháp vậy, vì tất cả pháp chỉ một pháp vậy. Như trong kinh nói: "Tất cả pháp chỉ là một tướng vậy"; Chín là, pháp tánh Như Lai ở nơi đạo tràng pháp tánh hay giảng nói pháp môn pháp tánh, chẳng phân chia pháp của phàm Thánh thiện ác, gọi là tánh. Chẳng phân chia pháp đó, pháp giới trọng trong đồng, lớp lớp vô tận, trong một giải vô lượng, pháp tánh vô tận do đó được biết đều vô tận là trong pháp giới lúc vào mỗi mỗi duyên tìm kiếm đến tận ngằn mé tương lai không nơi được vậy; Mười là, Niết-bàn Như Lai ở nơi đạo tràng tịch diệt, hay giảng nói pháp môn tịch diệt. Tất cả pháp đều là Niết-bàn, người năng đắc ý đó là ở nơi động tác thấy pháp tịch diệt, chẳng lìa sinh tử, thường đắc Niết-bàn, chẳng xả bỏ thân vô thường, luôn được thân thường. Trong kinh nói: "Chúng sinh như, tất cả các pháp như, như không có sinh, như không có diệt. Do nghĩa lý đó nên nhấc chân đặt chân chẳng lìa đạo tràng, trong mỗi mỗi niệm thường làm Phật sự". Nên biết thông đạt một niệm pháp pháp tròn khắp, rõ thật nhất tâm, môn môn đầy đủ, thì vô biên Phật sự chẳng vượt ngoài một bụi trần vậy. Lại nữa, Trí thân ngồi khắp đạo tràng pháp tánh, pháp thân chẳng phải ngồi mà ngồi đạo tràng. Pháp môn thân an ngồi nơi đạo tràng muôn hạnh, huyễn hóa thân an ngồi nơi đạo tràng Thủy nguyệt, trí thân tức pháp, tánh là sở chứng dùng trí

năng chứng an nơi lý, nơi của chứng lý là trường đắc đạo. Pháp thân là đã không năng sở, nên nói chẳng phải ngồi, ngồi của chẳng phải ngồi, trong lắng an trú, gọi là ngồi đạo tràng. Pháp môn thân là như nói bố thí là đạo tràng, chẳng mong quả báo nên bình đẳng, dùng muôn hạnh làm nơi đắc đạo tức là đạo tràng. Huyễn hóa thân là như trong kinh Niết-bàn nói: "Nay thân ta đây là thân huyễn hóa, thì nơi đắc đạo là như trăng trong nước". Nên người xưa nói: "Tu tập muôn hạnh không hoa, ngồi yên đạo tràng trăng nước, nhiếp phục ảnh bóng Thiên ma, chứng thành Phật quả trong mộng". Ý nói là hoặc nhân hoặc quả đều từ duyên sinh như huyễn hóa vậy, cho nên hoặc thật hoặc huyễn đều là nhất tâm. Vì thật là tánh của tâm, huyễn là tướng của tâm. Do nhân rõ tướng lúc rỗng thấy tự tâm tánh là nơi của đắc đạo, nên gọi là đạo tràng. Thấu hiểu như vậy thì khoảng nêu cử dưới không gì chẳng là đạo tràng, thì niệm niệm đều thành pháp môn vô tận, niệm niệm đều chứng Pháp Hoa Tam-muội. Như trong Thai Giáo nói rõ Pháp Hoa Tam-muội tức là Bốn một: Lý một, Giáo một, Hạnh một, Nhân (người) một. Lý quán nhất tâm tam đế một, Hạnh nhất tâm tam quán một, Nhân tác quán một, Giáo năng thuyên quán cảnh một. Lại nữa, lý pháp thân một, giáo Bát-nhã một, Hạnh giải thoát một, phẩm ba pháp thành giả danh người một, tức Quán Hạnh Như Lai. Căn cứ lục tức vị, vị có bốn một. Ở trong một niệm, niệm niệm có bốn một, một sắc một hương không gì chẳng là bốn một. Khởi tác quán hạnh như vậy, pháp nào mà chẳng là Pháp Hoa Tam-muội. Tại sao? Vì giáo lý là sở thuyên của tâm. Nhân hạnh là sở tác của tâm, vì đều chẳng vượt ngoài nhất tâm vậy, nên nói trần trần niệm niệm đều là Pháp Hoa Tam-muội.

Hỏi: Đã xưng là một tâm một thân, cớ sao lại lập các thứ thân tướng, các thứ pháp môn?

Đáp: Đó là vốn của vạn hóa, gốc của nhất chân. Tuỳ duyên ứng dụng như châu ngọc Như ý, đối vật hiện hình tợ gương tròn sáng. Do đó, năng bao hàm muôn tượng là Đại pháp tạng, sinh ra vô tận là vô tận tạng, diệu tuệ vô cùng là Đại trí tạng. Các Pháp thường là Như Lai Tạng, bản tánh không hình là tịnh pháp thân. Thể hợp chân không là thân hư không, tướng tốt hư huyền là là thân diệu sắc, diệu biện vô cùng là thân trí tuệ, ẩn hiển vô ngại là thân ứng hóa, muôn hạnh trang nghiêm là thân công đức, niệm niệm không ngưng trệ là vào pháp môn giải thoát, tâm tâm rỗng rang là vào pháp môn không tịch. Sáu căn tự tại là vào pháp môn vô ngại, một niệm không sinh là vào pháp môn vô tướng. Lại nữa, chỉ thú trong đây, nếu cùng giúp thì chỉ rộng chỉ lớn, diễn nói đó không

ngằn mé, nếu cùng gồm, thì chỉ nhỏ chỉ nhiệm nghiên cứu đó không dấu vết. Đó là lìa có không mà chẳng hoại có không. Nêu một khác mà chẳng phải một khác thì lửa của bốn bên chẳng thể thiêu đốt, dơ của trăm quấy sao có thể nhiễm, chỉ tùy duyên hiển hiện như âm vang nơi hang cốc. Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thí như một người có nhiều khả năng. Lúc người đó chạy thì gọi là chạy, lúc người đó bắt giết thì gọi là giết, lúc người đó ăn uống thì gọi là ăn uống, lúc người đó đục đẻo gỗ thì gọi là thợ mộc, lúc người đó luyện vàng bạc, thì gọi là thợ vàng bạc, như vậy, chỉ một người mà có nhiều tên gọi. Pháp cũng như vậy, kỳ thật là một mà có nhiều tên", nên biết nói dụng thì phần nhiều mà thể luôn ngầm một. Đại sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn nói: "Chỉ một biết tánh, tùy dụng phân nhiều, chẳng phải toàn ngoài tâm riêng có các số. Thí như một chất vàng mà làm nhiều đồ dùng, chẳng phải là ngoài vàng riêng có thể của đồ dùng, tùy đồ dùng ràng buộc mà phân thọ tưởng hành v.v... mỗi mỗi giữ lấy tự tướng được nói là có số. Thí như vàng và đồ dùng chẳng phải không sai biệt. Đồ dùng vàng tuy sai biệt mà thời không trước sau. Tâm pháp cũng vậy, nếu nói nhất định là một, thì lúc là vàng nên phải không có các đồ dùng đó. Nếu nói nhất định là riêng khác thì đồ dùng nên chẳng phải một chất vàng. Tâm pháp một khác, chuẩn cứ theo đây có thể biết vậy. Do đó, nếu chỉ chỉ vàng thì mất đồ dùng, hủy hoại ở thế tục đế. Nếu chỉ chỉ đồ dùng thì mất vàng ẩn khuất chân đế. Vì vậy, tánh tịnh tùy theo nhiễm, nêu thể thành tục tức là môn sinh diệt, nhiễm tánh thường tịnh, xưa nay chân tịnh, tức môn chân như. Đó thì nhiễm của tức tịnh, chẳng ngại chân mà luôn tục, tịnh của tức nhiễm, chẳng phá tục mà luôn chân, cho nên chẳng ngại nhất tâm, tồn tại cả hai đế, cho đến vô lượng thân vân, vô lượng pháp môn, tùy nghĩa tuy phân mà nhất tâm chẳng động. Do đó, nơi quay về của các thánh, không gì chẳng phải pháp vậy. Pháp tức là tâm, vì vậy pháp năng thành Phật. Trong kinh Đại Báo Ân nói: "Phật lấy pháp làm thầy". Trong kinh Bát nhã nói: "Lúc ta mới thành đạo, quan sát ai đáng kính đáng khen ngợi, không lỗi lầm đối với pháp, pháp có khả năng thành lập tất cả Thánh phàm vậy". Theo Thai giáo nói: "Nếu quán Như Lai tạng pháp môn tâm địa, tức là quán Như Lai, mắt tai mũi lưỡi thân ý chợt nhiên chân phát, được thấy Phật tánh, ba trí hiện tiền, ba thân đầy đủ. Nên biết, buông là muôn pháp cuộn tức nhất tâm, vô lượng trong một, một trong vô lượng". Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ Bồ-tát Văn thù Sư lợi hỏi Bồ-tát Đức Thủ rằng: "Phật tử! Sở ngộ của Như Lai chỉ là một pháp, cớ sao mà nói vô lượng các pháp, hiện vô lượng cõi, hóa độ

vô lượng chúng, diễn nói vô lượng âm thanh, hiện bày vô lượng thân, biết vô lượng tâm, hiện vô lượng thần thông, hay chấn động khắp vô lượng thế giới, thị hiện vô lượng trang nghiêm thù thắng, hiển bày vô biên các thứ cảnh giới mà trong pháp tánh, tướng sai biệt đó đều không thể được?". Khi ấy, Bồ-tát Đức Thủ dùng kệ tụng mà đáp rằng: "Nghĩa Phật tử vừa hỏi, sâu mầu khó thể rõ, người trí hay biết đó, thường thích công đức Phật, thí như một tánh đất, chúng sinh mỗi sống riêng, đất không niệm một khác, pháp chư Phật như vậy. Cũng như tánh lửa một, hay đốt tất cả vật, ánh lửa không phân biệt, pháp chư Phật như vậy, cũng như biển lớn một, sóng cả ngàn muôn khác, nước không các thứ khác, pháp chư Phật như vậy, cũng như tánh gió một, hay thổi tất cả vật, gió không niệm một khác, pháp chư Phật như vậy, cũng như sấm mây lớn, mưa khắp tất cả đất, giọt mưa không sai biệt, pháp chư Phật như vậy. Cũng như địa giới một, hay sinh các thứ mầm địa chẳng có sai khác, pháp chư Phật như vậy, cũng như trăng giữa trời, thế gian thảy đều thấy, trăng chẳng đến xứ đó. Pháp chư Phật như vậy. Thí như Đại Phạm vương, ứng hiện khắp ba ngàn, thân đó không khác lạ, pháp chư Phật như vậy". Nên biết Tông kính đây yếu chỉ của nhất tâm, gọi là đạo đầy đủ, là môn Viên đốn, căn cứ về duyên khởi thì có vô biên, nói về chân tánh thì không hai, một nhiều suốt triệt, còn hết đồng thời, như Pháp sư Pháp Tạng nói: "Rõ suốt không hai là nếu chấp trần và tâm là một, ngăn lời chẳng một, vì tâm hiện nên chẳng phải không duyên vậy. Nếu chấp trần là hai, ngăn lời chẳng hai, vì lìa ngoài tâm không riêng có trần vậy, một hai vô ngại hiện tiền mới vào không hai". Trong kinh có kệ tụng rằng: "Không hai trong trí tuệ, ra sư tử trong người, chẳng chấp pháp một hai, biết không một hai vậy". Lại nói: "Nếu cho là trần chỉ tâm hiện thì ngoài trần đều tuyệt, nếu cho là tâm toàn hiện trần thì ngoài tâm toàn sạch, sạch là sạch thấy của ngoài lễ đó, còn là còn sự của toàn lý do, tức sạch luôn còn, tức còn luôn sạch". Như trong Khởi Tín Luận sớ nói: "Điều gọi là pháp tức tâm chúng sinh, sinh ra pháp thể đó gọi là Như Lai tạng tâm, bao hàm hòa hợp hai môn, vì nó ở nơi vị chúng sinh vậy, nếu tại nơi Phật địa tức không nghĩa hòa hợp. Vì giác đầu đồng gốc, chỉ là chân như, tức đáng với nghĩa sở hiệp vậy. Nay căn cứ tùy nhiễm trong chúng sinh vị nên được đầy đủ hai thứ môn đó, tiếp theo nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian là biện giải về công năng của pháp, vì tâm thể tướng đây vô ngại, nhiễm tịnh đồng nương tựa, tùy thuận dòng hay nghịch dòng chỉ chuyển tâm đây. Cho nên nếu tùy nhiễm, thành ở bất giác tức gồm về pháp thế gian, bản giác bất biến

và trái nghịch nhiễm thủy giác là gồm về pháp xuất thế gian, do đây là nói về môn sinh diệt mà biện giải. Nếu nói về môn chân như là tức dung thông gồm thừa nhiễm tịnh chẳng khác, nên gồm chung vậy. Phần văn sau nêu bày đầy đủ ba, y cứ ở tâm đây mà hiển bày nghĩa đại thừa là giải thiên về tên pháp, nghĩa là y cứ tông nhất tâm pháp bản trên đây mà hiển bày nghĩa ba đại của Đại thừa, nên gọi tâm đây là pháp vậy. Trong biệt có hai, trước tiên hỏi vặn gồm lập nạn, sau mở biệt giải thích thành. Hỏi vặn trong trước có hai ý: Một là tâm thông nhiễm tịnh. Đại thừa chỉ tịnh, thế nào là nghĩa tâm đây năng hiển? Lại nói: tâm và pháp là một, Đại thừa nghĩa rộng. Thế nào là nghĩa tâm đây năng bày? Giải thích ý rằng: Đại thừa chỉ tịnh, tướng dụng hẳn đối với nhiễm mà thành, nên nay trong môn sinh diệt đã đầy đủ bao hàm nhiễm tịnh, nên năng hiển vậy. Vì lúc phế bỏ nhiễm tức không tịnh dụng, đó là giải thích ý thứ nhất vậy. Lại nữa, tâm và pháp tuy một mà có hai môn, trong môn chân như bày thể Đại thừa, trong môn sinh diệt bày đủ ba đại, nghĩa của Đại thừa. Chẳng gì vượt quá ba đó, cho nên y cứ nhất tâm đây mà được hiển nghĩa của ba đại vậy, cớ sao? Trong môn chân như nói tức bày, trong môn sinh diệt nói năng bày là, vì chân như là môn chẳng riêng khác nên nói là tức bày vậy. Do chẳng khởi đó nên chỉ bày ở thể vậy. Sinh diệt là môn khởi động, nhiễm tịnh đã khác, thuyên chỉ lại phân, năng sở chẳng đồng, nên không nói là tức vậy. Tự thể tướng dụng là thể là nghĩa của bản giác ở trong môn sinh diệt, là tự thể của sinh diệt, là nhân của sinh diệt, ở trong môn sinh diệt cũng biện thể vậy. Tịnh tướng của chợt nhiễm và nghiệp dụng của tùy nhiễm đều tại trong môn đây. Nên đầy đủ luận bàn vậy. Cho nên ở phần văn sau giải thích về trong môn sinh diệt, là nơi hiển bày nghĩa của ba đại, y ở tại đây. Cớ sao trong môn chân như nói ngay là thể mà trong môn sinh diệt mới nói là tự thể v.v...? Do vì, bày nghĩa ba đại lại ở năng bày trong môn sinh diệt, hiểu chẳng phải riêng ngoài, nên nói là tự vậy.

Hỏi: Chân như là môn chẳng khởi, chỉ bày nơi thể, sinh diệt là muôn khởi động, nên chỉ bày ở tướng dụng là sao?

Đáp: Chân như là môn chẳng khởi, chẳng khởi không hẳn do khởi. Do không có khởi, vì vậy chỉ bày thể. Sinh diệt là môn khởi động, khởi hẳn cậy ở chẳng khởi. Khởi bao gồm chẳng khởi, nên trong khởi đầy đủ ba đại.

Lại hỏi: Hai môn chân như và sinh diệt đã đều cùng khiếp cớ sao trong môn chân như chỉ bày thể Đại thừa, chẳng hiển tướng dụng, trong môn sinh diệt, hiển đủ cả ba ư?

Đáp: Chân như là môn hết sạch tướng hiển thật, chẳng hoại tướng mà tức hết sạch nên được thâu gồm ở sinh diệt vì đã hết sạch tướng mà chẳng còn nên chỉ bày ở thể vậy. Sinh diệt là môn quậy lý thành sự, chẳng hoại lý mà thành sự nên được nhiếp ở chân như vì thành sự mà lý chẳng mất vậy, đầy đủ bày ở ba đại. Thể đại là chân tánh sâu rộng, phàm thánh nhiễm tịnh thảy đều y cứ nên nhận tên đại, tùy thuận dòng thêm nhiễm mà chẳng tăng, trái nghịch dòng trừ nhiễm mà chẳng giảm. Lại, trái ngược dòng thêm tịnh mà chẳng tăng, tùy thuận lưu khuyết tịnh mà chẳng giảm. Do vì là nơi của nhiễm chẳng khuyết, nơi thủy chung chẳng đổi khác, nên nói bình đẳng chẳng tăng giảm vậy. Tướng đại là hai thứ Như Lai tạng, nghĩa của chẳng không, nghĩa là tướng của thể chẳng khác, nên nói là tánh đức, như nước tám công đức chẳng khác với nước. Dụng đại là nghĩa là các huyễn của tùy nhiễm v.v... tự nhiên đại dụng, hai thân báo hóa, dụng của thô tế, khiến các chúng sinh mới đầu thành thiện của thế gian cuối cùng thành thiện của xuất thế gian nên vậy. Phần văn sau hiển đó. Cớ sao chỉ nói thiện mà không nói bất thiện? Là pháp bất thiện trái với nhân, đó là sở trị, chẳng phải dụng đó vậy, nếu vậy thì các pháp bất thiện đáng lìa ở chân. Giải thích rằng: cũng chẳng lìa chân, vì trái với chân nên chẳng phải dụng đó vậy. Sao Dụ Hiển nói rằng: "Nhất tâm như nước, chân như như ướt, sinh diệt như sóng, tướng nước ướt đó tức bày thể nước, là môn chân như. Tướng nước sóng đó hay bày thể nước, là môn chân như. Tướng nước sóng đó hay bày tự thể tướng dụng của nước, ướt là tự thể, tướng tám công đức là tướng, soi hiện ảnh tượng đượm nhuần các vật là dụng là môn sinh diệt. Môn chân như là thể, chẳng nói tướng dụng, môn sinh diệt là tướng dụng, nên nói đủ ba đại tự thể tướng dụng. Lại nữa, vậy biết sinh diệt là tướng nhà chân như, chân như là thể nhà sinh diệt. Thể tướng tuy khác mà chẳng lìa nhau vậy, đó như là sóng nước tuy khác mà đâu được ở ngoài ư? Đâu được nước chẳng cùng sóng làm tự thể ư? Do đó, trong sớ nói: khởi bao gồm chẳng gồm chẳng khởi là, tạm lấy chân như là môn chẳng khởi. Nay trong khởi bao gồm chẳng khởi, như nước khởi thành sóng, sóng gồm ở nước, ở môn sinh diệt, do có khởi nên bày hai đại tướng dụng, do gồm chẳng khởi nên bày ở thể đại vậy. Nên năng bày đủ đó. Lại nói: môn chân như chỉ bày thể là không tướng dụng có thể bày vậy, môn sinh diệt bày đủ ba là sự lý đầy đủ vậy. Lại nói: như vàng trang nghiêm đầy đủ là chân như tùy duyên thành sinh diệt, sinh diệt không thể tức chân, như vàng thật tùy duyên của người thợ mà thành các vật dùng, vật dùng không thể tức là vàng thật. Ứng Lập Lượng nói:

Hai môn chân như và sinh diệt là có pháp qua lại gồm chứa nên là tông, nhân nói chẳng lìa nhau nên nói đồng dụ như vàng trang nghiêm đầy đủ. Lại nói: "Chân chẳng đợi lập, tục chẳng đợi xua trừ là: Một, nói về chân nên không nơi xua trừ, vì tục tức chân vậy. Hai, nói về chân nên chẳng đợi lập, vì chân của tức tục vốn hiện vậy. Ba, nói về tục, không nói trái vì chân tức tục vậy. Bốn, nói về tục chẳng đợi lập, tức sai biệt của chân vậy. Do nghĩa lý đó nên chẳng hoại môn sinh diệt mà nói môn chân như, chẳng hoại môn chân như mà nói môn sinh diệt. Bởi vì hai môn chỉ nhất tâm vậy. Vì thế, chân tục dung thông không có chướng ngại. Trong Luận Thích Ma-ha diễn nói: "Y cứ bản luận, lược đủ ba môn: Một là môn bản pháp sở y quyết định. Hai là, môn căn bản gồm gọn phân tế. Ba là, môn kiến lập hai loại Ma-ha diễn. Trong luận nói: "Nói là pháp, nghĩa là tâm chúng sinh", tức là môn bản pháp sở y quyết định. Trong luận nói: "Tâm đó tức gồm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian", tức là môn căn bản nhiếp mạc phân tế. Trong luận nói: "Một pháp giới tâm, gồm tất cả pháp của môn sinh diệt, cho nên gọi là nhiếp thế gian, gồm nhiếp tất cả pháp của môn chân như, cho nên gọi là nhiếp xuất thế gian". Luận nói: "Y cứ tâm đây hiển bày nghĩa Ma-ha diễn". Tức là môn kiến lập hại loại Ma-ha diễn: Một là, môn tâm chân như. Hai là, môn tâm sinh diệt. Một là, một thể Ma-ha diễn; Hai là tự thể tự tướng tự dụng Ma-ha diễn, làm một pháp giới, tâm môn chân như tức hiển bày một thể pháp Ma-ha diễn, làm một pháp giới, tâm môn như chân như tức hiển bày một thể pháp Ma-ha diễn, làm một pháp giới, tâm môn sinh diệt năng bài tư dụng phápthể tự tướng, cho đến y cứ pháp Ma-ha diễn của nơi hướng nào ở môn chân như chỉ lập thể sinh, y cứ pháp Ma-ha diễn của nơi thú nhập ở môn sinh diệt lập tự danh. Vì trong môn chân như không có tướng tha, trong môn sinh diệt có tướng tha vậy, tha nghĩa là tất cả phẩm pháp bất thiện, tự nghĩa là tất cả phẩm pháp thanh tịnh. Nếu sở đối trị tha tướng, năng đối trị tự không nên chỉ nói là thể mà chẳng nói là tự vậy. Nếu sở đối trị tha có năng đối trị tự có nên tên nói là tự mà chẳng nói là thể.

Lại nữa, hai thứ bản pháp, mỗi mỗi có mười tên gọi. Tên chung đồng mà nghĩa riêng khác: thứ nhất tên là Quảng Đại Thần vương. Trong đó lại có hai: một là Cưu-na-da Thần vương, hai là Già-tỳ-khư-la thần vương. Thần vương thứ nhất trú tại núi Kim cang, chuyên một mực xuất sinh các thần các tướng. Thần vương thứ hai trú trong biển lớn, thông khắp sinh ra các thứ thần Cát Tường và thần tai họa, hai thứ bản pháp Quảng Đại Thần vương cũng lại như thế. Một thể bản pháp, một

mực sinh ra pháp tịnh chân như, ba tự bản pháp, tự thể tự tướng tự dụng thông khắp, sinh ra tất cả các thứ phẩm pháp thanh bạch, phẩm pháp nhiễm ô. Nên trong kinh Tự Thể nói rằng: "Văn thù Sư lợi bạch Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Hai thứ Đại thừa sâu mầu cùng cực, đồng dị của bất giác, rất khiến tâm đại chúng nghi ngờ, nên Đức Thế Tôn hãy vì đại chúng giảng nói: "Đức Phật tạo tác tướng mà bảo Văn thù Sư lợi rằng: "Này Thiện nam! Hai pháp như vậy, thí như Kim Cang Thần vương và Chủ Hải Thần vương, tướng thọ mỗi riêng khác, nghĩa là như Kim Cang Thần vương trú tại núi Kim cang thấy các cảnh giới, chỉ hiện sắc vàng ròng, chẳng hiện các thứ ánh sáng khác. Nhất tâm chân như Kim Cang Thần vương cũng lại như vậy, chỉ có tịnh pháp, không các pháp khác. Lại như, Kim Cang vương chỉ sinh ra, quyến thuộc thanh tịnh, đáng chẳng sinh ra quyến thuộc tạp loạn, nhất tâm chân như cũng lại như vậy, chỉ sinh ra pháp thanh tịnh vô cấu. Lại nữa, thí như Chủ Hải Thần vương trú trong biển lớn, sinh ra các thứ quyến thuộc thô ác thứ quyến diệu thiện, nhất tâm sinh diệt Chủ Hải Thần vương cũng lại như vậy, sinh ra tất cả pháp nhiễm tịnh vậy". Thứ hai tên là Đại Hư Không Vương. Trong đó có hai: Một là, không Tự Tại Không vương, Hai là, Sắc Tự Tại Không vương, không vương thứ nhất lấy không chứa thọ mà làm tự tại, không vương thứ hai lấy sắc dung thọ mà làm tự tại, hai thứ bản pháp cũng lại như vậy, một thể không vương lấy không chỗ trụ mà làm tự tại, ba tự không vương lấy có trú xứ mà làm tự tại. Nên trong kinh Kim Cang Tam-muội nói rằng: "Tâm như pháp lý, tự thể vốn không, như Không vương kia, vốn không trú xứ". Trong kinh Nhất Địa nói: "Pháp thể nhất tâm đối với các chướng ngại, không có chướng ngại, khiến trú các pháp, thí như Không vương đối với tất cả sắc được tự tại vậy, dung thọ đại chủng vậy". Thứ ba xuất sinh Long vương, trong đó có hai: Một là Xuất Sinh Quanh Minh Long vương, Hai là Xuất Sinh Phong Thủy Long vương. Long vương thứ nhất lấy tịnh quang minh mà làm nương tựa, Long vương thứ hai lấy phong thủy đức mà làm nương tựa. Hai thứ bản pháp xuất sinh Long vương cũng lại như vậy, một thể bản pháp lấy pháp thuần tịnh mà làm thể đó, ba tự bản pháp lấy pháp nhiễm tịnh mà làm đức đó. Nên trong khế kinh Thuận Lý nói rằng: "Bản pháp nhất tâm thuần một không tạp, thí như Quang Minh Long vương lấy tịnh quang minh mà làm cung điện, lấy tịnh quang minh mà làm thân tướng, lấy tịnh quang minh mà quyến thuộc". Trong kinh Vô Thủy nói rằng: "Thí như trong biển lớn có Đại Long vương tên là Xuất Sinh Phong Thủy, từ trên đảnh đầu sinh ra nước lắng, ở nơi cuối đuôi

sinh ra hơi khí nước. Do rồng đó nên nước biển thường luôn tiếp nối không gián đoạn, Nhất Tâm Long vương cũng lại như vậy năng sinh tất cả các thức các pháp bình đẳng sai biệt, thường luôn tương tục không có đoạn tuyệt”. Thứ tư tên là Như ý châu tạng. Trong đó có hai: Một là Kim vương như ý. Hai là Mãn chủ như ý. Như ý thứ nhất chỉ sinh ra kim cang, như ý thứ hai sinh ra đầy đủ các vật thiện và bất thiện. Hai thứ bản pháp cũng lại như vậy. Một thể như ý chỉ sinh tịnh pháp, ba tự như ý sinh cả nhiễm tịnh. Trong kinh Như Như nói rằng: “Phật bảo Kim Cang Tạng rằng: “Phật tử! Thí như kim súy điểu vương chết đi, sau đó quả tim vào biển làm châu như ý, hay sinh ra cát vàng làm lợi ích Long vương, bản pháp bản tánh nhất tâm cũng lại như vậy, hay sinh ra chân lý lợi ích tròn đầy”. Trong kinh Bản Tánh Trí nói rằng: “Thí như quỷ già Đa-lê vì báo ân nên trong muôn kiếp làm châu như ý để lợi ích chúng sinh trong biển. Nhất tâm như ý cũng lại như vậy, hay sinh trưởng pháp sinh tử và Niết-bàn vậy”. Thứ năm, tên là Phương đẳng. Trong đó có hai: Một là, bạch hào phương đẳng, Hai là, loạn sắc phương đẳng. Trong phương đẳng thứ nhất chỉ hiện trước tượng trời, trong phương đẳng thứ hai, hiện khắp cả năm thú. Hai hào như vậy, thân phần chúng sinh hiện rõ rành rẽ, thí như gương sáng, hai thứ bản pháp cũng lại như thế. Nên trong kinh Nhiếp Vô Lượng nói rằng: “Pháp giới thanh tịnh như bạch Tất-tát-y-ni-la, pháp giới vô tận như loạn Tất-tát-y-ni-la vậy”. Thứ sáu,tên là Như Lai tạng, trong đó có hai: Một là,biến chuyển viễn triền Như Lai tạng, Hai là, dữ hành dữ tướng Như Lai tạng. Trong kinh Thật Tế nói rằng: “Phật tử! Như Lai tạng là chỉ có giác giả, chỉ có như như, lìa nhân lưu chuyển, lìa ràng buột nghĩ biết, mỗi mỗi rõ ràng nên gọi là tạng của Như Lai”. Trong kinh Lăng-già nói rằng: “Như Lai tạng là làm nhân thiện và bất thiện nhận thọ khổ vui, và nhân câu hoặc sinh hoặc diệt, giống như ca kỹ vậy”. Thứ bảy tên là nhất pháp giới, trong đó có hai: Một là thuần bạch nhất pháp giới. Hai là, vô tận nhất pháp giới, pháp giới thứ nhất như ở thời kiếp không, Pháp Giới thứ hai như ở thời kiếp trụ. Trong kinh Pháp Giới Chân Như nói rằng: “Không chủng vô ngại như lúc không trưởng, biến chủng vô ngại như lúc hữu trưởng vậy”. Thứ tám tên là Ma-ha diễn nghĩa: Một là, nhất thể Ma-ha diễn, Hai là, tự thể tự tướng tự dụng Ma-ha diễn, rộng như nói ở trước. Thứ chín, tên là trung thật, trong đó có hai: Một là đẳng trú trung thật, Hai là biệt trú trung thật. Trung thật thứ nhất như châu độc minh, trung thật thứ hai như châu thuận minh. Trong kinh Trung Thật nói rằng: “Chân tâm lìa biên, hoặc chân như y tựa như châu ngọc dị đồng, hoặc sinh diệt y tựa như

châu ngọc đồng dị vậy". Thứ mười, tên là nhất tâm, trong đó có hai: Một là một đó là một nhất tâm, Hai là tất cả đó là một nhất tâm, nhất tâm thứ nhất là tùy sở tác mà lập danh, nhất tâm thứ hai tùy năng tác mà lập danh. Trong kinh Nhất Tâm Pháp nói rằng: "Bấy giờ, Tôn giả Xa- lợi- phất bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Bản địa Tu-đa-la xướng rằng thể tánh tâm đó chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải đồng, chẳng phải dị, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Vì nhân duyên gì ngày nay tự nói nhất tâm chân như nhân một nên một, nhất tâm sinh diệt nhân nhiều nên một? Gần như chẳng phải Thế Tôn không có trước sau cùng trái ngược ư?" Phật bảo: "Này Thiện nam! Chớ nói như vậy. Tại sao tâm và pháp chẳng phải một, nhân sở tác một nên giả danh làm một, tâm và pháp chẳng phải tất cả, nhân sở tác tất cả nên giả danh tất cả, mà nói một tâm chẳng nói tất cả tâm là tùy tâm năng tác mà lập tên đó vậy". Cho đến, nói rộng ra tên đó là có mười, mười tên như vậy gồm tất cả pháp tạng danh tự của chư Phật xong. Nên biết đồng lập một tâm riêng gồm nhiều nghĩa. Trong môn chân như không tự không tha, trong môn sinh diệt có thiện có ác. Tùy duyên mở hợp tuy khác mà căn cứ tánh một lý không sai, mười môn như trên nghĩa vị mới đủ. Lại nữa, mở thì nghĩa vô lượng vô biên làm tông, hợp tức pháp hai môn nhất tâm làm yếu. Trong hai môn dung chứa cả môn nghĩa mà chẳng loạn, nghĩa vô biên đồng một tâm mà tạp chứa. Do đó, mở hợp tự tại, lập phá vô ngại, mở mà chẳng nhiều, hợp mà chẳng hẹp, lập mà không được phá mà không mất. Đó là diệu thuật của Bồ-tát Mã Minh. Tông thể của luận Khởi Tín vậy. Điều nói là mở hợp lập phá mà chẳng nhiều chẳng hẹp chẳng được chẳng mất là do vì tức tâm đó vậy. Nếu lìa yếu chỉ đây thì không pháp thi vi, nếu luận về chánh tông chẳng phải nhiều chẳng phải một. Như trong Niết-bàn sớ của Thiên Thai nói: "Chánh nghiệp như vậy không thể nói ba, không thể nói một nói một thì mất dụng, nói ba thì tổn thương thể, tức thể mà dụng tức dụng mà thể".

Hỏi: Đã không thể nói ba, cớ sao nói ba? Cũng chẳng thể nói một cớ sao nói một?

Đáp: Tông chẳng phải số lượng, chẳng phải một chẳng phải ba, nói khắp hằng sa, mà ba mà một. Trong sớ nói: "Xưa vì phá tà, nói một là ba, ba chẳng trái một, nay vì phá biệt, nói ba là một, một chẳng trái ba. Ba và một như vậy là cảnh giới chư Phật, nên nói tức thể mà dụng, một chẳng trái ba, tức dụng mà thể, ba chẳng trái một. Thể dụng tự tại, phá lập vô ngại vậy".

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 28

Phàm duyên khởi của Tông kính là pháp môn tự tại, đều đàm nói về như lý thật đức, pháp là như vậy, chẳng phải nói về biến hóa, quyền xảo đối trị. Mỗi một pháp nói ra đều được toàn lực, chẳng phải là phân lực, đều là thể pháp giới, mỗi mỗi trú ở địa vị chân như. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Nếu người muốn hiểu tất cả pháp tướng, muốn biết tất cả tâm giới chúng sinh đều là đồng đẳng, phải học Bát Nhã Ba-la-mật". Nên biết chẳng quay về Tông kính, lấy gì chiếu sáng? Đó tức là pháp môn vô ngại, không có một mảy may cách biệt, nói về tông Hoa Nghiêm có mười thứ vô ngại: một là, tánh tướng vô ngại, hai là, rộng hẹp vô ngại, ba là, một nhiều vô ngại, bốn là, tương nhập vô ngại, năm là, tương tức vô ngại, sáu là, hiển vô ngại, bảy là, vi tế vô ngại, tám là, đế võng vô ngại, chín là, mười đời vô ngại, mười là, chư bạn vô ngại. Nay ở trên sự pháp biện giải mười vô ngại đây, ví các pháp khác có thể chuẩn cứ mà biết. Một, tánh tướng vô ngại là như trong kinh nói: "Lá hoa sen đây tức đủ mười nghĩa, nghĩa là hoa lá đây tức đồng chân tánh chẳng ngại, sự tướng rõ ràng". Hai, rộng hẹp vô ngại, tức là hoa đó hẳn khắp cùng không có ngằn mé, mà luôn chẳng bỏ bạn vị phân tể, đây thì phân tức không phân, không phân tức phân, trong kinh nói: "Các hoa lá đó che khắp pháp giới". Ba, một chiều vô ngại tức hoa đó đầy đủ vô biên đức, không thể nói một, dung thông hai tướng, không thể nói nhiều. Bốn, tướng nhập vô ngại, một hoa lá đó đã buông khắp vào trong tất cả pháp sai biệt, lại năng gồm lấy tất cả pháp kia khiến vào trong mình. Cho nên, tức buông luôn nhiếp đồng thời vô ngại. Năm, tương tức vô ngại, một lá hoa đó hẳn phế bỏ mình đồng khác toàn thể đều là tất cả pháp kia mà luôn gồm khác đồng mình thể đều là hoại rồi tha khiến tất cả kia tức là thể mình, cho nên mình tức là khác mình chẳng lập, tha tức là mình khác chẳng còn, khác mình còn mất đồng thời hiển hiện. Sáu, ẩn hiển vô ngại, hoa lá đó đã khắp tất cả, tất cả pháp kia cũng đều khắp cùng, đây năng khắp kia thì đây hiển kia ẩn, kia năng khắp đây thì

kia hiển đây ẩn, đây kia như vậy, mỗi mỗi có ẩn hiển vô ngại. Bảy, vi tế vô ngại, lại trong hoa lá đó đều năng hiển hiện cõi nước nhỏ nhiệm, rõ ràng đều hiện, không gì chẳng đầy đủ. Trong kinh nói: “Trong một mảy trần, cõi nước nhỏ nhiệm rộng rãi an trú”. Tám, Đế võng (lưới dấu chân Đế thích) vô ngại, hoa lá đó trong mỗi mỗi mảy trần, mỗi mỗi có vô biên thế giới hải, trong thế giới hải lại có mảy trần, trong mảy trần đó lại có thế giới, lớp lớp như vậy không thể cùng tận, chẳng phải là cảnh giới tâm thức nghĩ lường. Chín, mười đời vô ngại, một hoa lá đó ngang khắp mười phương, dọc suốt chín đời, vì thời không riêng biệt, thể nương hoa mà lập, hoa đã vô ngại, thể cũng như vậy. Mười, chư bạn vô ngại, hoa lá đó với lý không đơn lẽ khởi, hẳn nhiếp vô lượng quyến thuộc vây quanh. Trong kinh nói: “Hoa sen đó có thế giới hải vi trần số hoa sen dùng làm quyến thuộc”. Điều nói có quyến thuộc ở kinh đó là qua lại làm chủ bạn, đầy đủ đức viên mãn, cho nên thấy hoa lá đó tức là thấy ở vô tận thế giới, chẳng phải là nương gá đây riêng có chỗ phơi bày. Trong kinh nói: Hoa lá đó v.v... đều từ vô sinh pháp nhẫn mà khởi”. Một hoa lá đó đã đầy đủ mười thứ vô ngại, ngoài ra tất cả mọi sự cũng đều như vậy. Mười huyền môn đó chẳng vượt ngoài lý sự, nếu từ sự lý vô ngại giao tham thì có môn nhân- đà- la võng, môn vi tướng tương dung, môn thuần tạp đầy đủ đức v.v... Nếu y cứ sự lý nghịch thuận tương dung thì có môn đầy đủ tương ưng, môn ẩn hiển đều thành, môn tương tức tự tại v.v... Do đó, một chiều tương nhập mà chẳng phải một, vì tương tư chẳng hoại tự tướng mỗi mỗi hiện nên chẳng phải một, vì một nhiều tương tức mà chẳng phải khác, vì một nhiều tương nhiếp cùng hết sạch nên chẳng phải khác, vì một chiều tương nhiếp cùng hết sạch nên chẳng phải khác, thì trong tông kính phàm có một pháp một trần, đều mỗi mỗi đầy đủ mười môn vô ngại đó, như một lá hoa sen. Pháp nhĩ như thị, nếu chẳng thấy là viên tín chẳng thành, đều hạn cuộc ở phương góc, đều là quyền tiệm, trọn chẳng thể một nhiều tức nhập, tâm cảnh dung thông vậy.

Ghi chép giải thích hoa sen qua mười huyền môn:

Thứ nhất: Môn đồng thời đầy đủ tương ưng: Phàm, người huyền mười đối, nêu cử một sự hẳn đầy đủ mười huyền, phàm một huyền môn hẳn gồm thâu mười đối, phiếm rõ một pháp, mỗi mỗi gồm thâu, mười đối đó tức: một là giáo nghĩa, hai là sự lý, ba là cảnh trí, bốn là hạnh vi, năm là nhân quả, sáu là y cánh, bảy là thể dụng, tám là nhân pháp, chín là nghịch thuận, mười là cảm ứng. Như một hoa sen đầy đủ mười đối đó, muôn pháp cũng theo lệ ấy: một là, giáo nghĩa, nghĩa là thấy

hoa sen đó, năng sinh giải hiểu vậy. Hai là, sự lý, hoa tức là sự, khắp thể đồng chân vậy. Ba là, cảnh trí, hoa là sở quán, đồng trí tánh vậy. Bốn là, hạnh vị, hoa muôn hạnh đó tùy vị riêng biệt vậy. Năm là, nhân quả, hoa của sự nhân kết thành quả vậy. Sáu là, y chánh, toàn là sở y cũng năng y vậy. Bảy là thể dụng, thể đồng chân tánh, dụng ứng có vậy. Tám là nhân pháp, luôn quậy làm nhân, nhiếp làm pháp vậy. Chín là nghịch thuận, nghịch đồng năm nhiệt, thuận mười độ vậy.(*) Ngoài ra, tất cả mọi sự, căn cứ để biết đó. Như sự pháp đã vậy, các giáo nghĩa khác v.v... tất cả đều vậy, căn cứ tư duy có thể thấy. Trong phẩm Diệu nghiêm thí dụ về thân Phật nói: “Thí như hư không, bao hàm đầy đủ các hình tượng, đó cùng với thân Phật đầy đủ các pháp vậy”. Lại trong phẩm Tánh khởi ở kinh Tấn có kệ tụng: “Ba đời tất cả kiếp, cõi Phật và các pháp, các căn tâm tâm sở, tất cả pháp hư vọng, ở trong một thân Phật, pháp đó thảy đều hiện, cho nên nói Bồ-đề, không lường không ngằn mé”, cũng ước về thân tâm Phật đầy đủ vậy. Lại nữa, trong phẩm Phổ Hiền Tam -muội nói: “Hay khiến tất cả vi trần các cõi nước đều có thể dung chứa vô biên pháp giới”. Căn cứ lời nói của khả năng đầy đủ (năng cụ), chỉ vì nghiệp dụng toàn do đức tướng vốn tự đầy đủ, tức là đức tướng, khiến gồm thấy đó tức là nghiệp dụng, nghiệp dụng sau, căn cứ đó. Trong phẩm Thập Hạnh nói: “Bồ-tát đây ở trong thân đó, hiện tất cả cõi, tất cả chúng sinh, tất cả chư Phật”. Trong Phẩm Nhập Pháp Giới nói: “Thiện Tài Đồng tử thấy mỗi mỗi thân phần mỗi mỗi lỗ chân lông của Bồ-tát Phổ Hiền đều có tất cả thế giới ở mười phương, trong ba ngàn cõi, nào địa luận thủy luân v.v... các núi sông biển, cung điện người trời, các thứ thời kiếp chư Phật Bồ-tát, như thấy ở thế giới hiện tại. Tiền tế hậu tế, trong tất cả thế giới như vậy thảy đều thấy rõ, cho đến trong cõi nước như số vi trần ở mười phương, hiện tất cả cảnh giới ba đời, tất cả cõi Phật, tất cả chúng sinh tất cả Phật ra đời, tất cả Bồ-tát và nghe ngôn từ âm thanh của chúng hội Phật Bồ-tát”. Đó đều là môn đồng thời đầy đủ tương ưng vậy.

Thứ hai: Môn rộng hẹp tự tại: Trước tiên nói rõ về rộng hẹp, sau hội thông cả thuần tạp. Nói rộng hẹp là như Thiện Tài Đồng tử tán thán lầu gác rằng: “Chẳng động bản xứ mà hay đến khắp tất cả trú xứ cõi nước của chư Phật”. Trong phẩm Nhập Pháp giới, Ma-gia phu nhân(*)mười, cảm ứng hợp tất cả cũng hay cảm, một hoa đã vậy... nói: “Lại nữa, này Thiện nam! Lúc diệu quang minh kia vào nói thân tôi, hình lượng thân tôi tuy chẳng vượt gốc, nhưng kỳ thật đã vượt quá thế gian. Tại sao như vậy? Thân tôi lúc đó lượng đồng như hư không, đều

có thể dung chứa mười phương Bồ-tát, thọ sinh trang nghiêm các cung điện vậy". Những văn kinh như thế, đều là rộng hẹp tự tại vậy. Tiếp đến, hội thông thuần tạp là, như nói muôn hạnh phân bày sánh như hoa nở trên gấm. Đó là môn các tạng thuần tạp đầy đủ đức, nhưng có hai ý: Một là, nếu lấy khế lý làm thuần, muôn hạnh làm đẹp, thì là sự lý vô ngại, chẳng phải sự sự vô ngại, giả như Bồ-tát đại bi làm thuần, tận cùng vị lai tế chỉ thấy bi hạnh, các hạnh khác như hư không. Nếu nói về môn tạp tức muôn hạnh đều tu. Hai môn ấy khác, cũng chẳng thành sự sự vô ngại. Hai là, môn như nhất thí, tất cả muôn pháp đều là danh thí, sở dĩ danh thuần, mà môn thí đây đầy đủ hạnh các độ, nên gọi là tạp, như vậy thuần đó và tạp chẳng chướng ngại nhau. Nên gọi đầy đủ đức là nghĩa sự sự vô ngại thành và trong một có đủ các độ, các độ còn tức là môn tương nhập. Nếu một tức các độ lại tợ như môn tương tức, nên chẳng còn đó. Theo Hiền Thủ cải đổi làm môn rộng hẹp tự tại. Như hoa nở trên gấm, là ý muốn lấy năm sắc cùng tuyên, sắc hoa tuy khác nhưng mỗi mỗi tuyến thảy đều thông qua. Thông dụ ở thuần, khác dụ ở tạp, nên thường thông thường khác gọi là vô ngại, chẳng đồng gấm họa chỉ khác chẳng thông. Giải thích: Nếu khác mà chẳng thông là mất dạo của một tánh viên dung. Nếu thông mà chẳng khác thì không môn của muôn hạnh trang nghiêm. Nay thường khác thường thông không gián không đoạn thì chân thể ngầm lặng chẳng ngại tùy duyên. Đại dụng hiện tiền không ngăn ngại chánh, có thể gọi hoa nở trên gấm sánh như mây nổi giữa trời vậy. Lại nữa, ý Hiền Thủ cho rằng: muôn hạnh thuần tạp, có thông sự lý vô ngại và đơn căn cứ sự mà nói, nên lược bỏ đó. Nghĩa là đồng một pháp giới nên thuần, chẳng hoại sự tướng nên tạp, đó tức là sự lý vô ngại vậy. Một hạnh hành lâu dài nên thuần, chẳng ngăn ngại các hạnh khác nên tạp, đó chỉ can cứ sự vậy. Nên xưa trước lược bỏ đó mà rộng hẹp. Nay muốn nhóm hội lấy, tức sự đồng lý mà khắp cùng nên thuần, chẳng hoại một nhiều nên tạp, thì cũng có nghĩa sự sự vô ngại vậy. Như dùng môn nhập mà thủ lấy đó thì tất cả đều vào, vào trong có nhiều pháp môn nên gọi là tạp. Như trong phẩm Diệu Nghiêm nói: "Các chúng hải mỗi mỗi chỉ có một môn giải thoát, là thuần vậy, Bồ-tát Phổ Hiền đắc giải thoát chẳng thể nghĩ bàn là tạp vậy". Trong phẩm Nhập Pháp giới, Từ Hạnh đồng tử nói: "Tôi ở nơi ba mươi sáu hằng sa chư Phật tu được pháp này. Các Đức Như Lai đó mỗi mỗi dùng các môn khác nhau khiến tôi vào môn phổ trang nghiêm Bát Nhã Ba-la-mật", tức thuần tạp vô ngại vậy. Lại nữa, Thiện Tài đồng tử mong cầu, các thiện tri thức mỗi mỗi đều nói chỉ biết pháp môn này. Lại nói: "Trong

nhiều kiếp chỉ tu môn này", tức là thuần môn, các thiện tri thức đều thúc giục tiến mà nói: "như các thứ thấy biết, các thứ tu hành, các thứ chứng đắc của Bồ-tát" là tạp môn vậy, tự nói biết một, thúc giục người khác có nhiều, tự tha tuy khác nhưng thuộc một thân. Đó cũng là môn thuần tạp vô ngại vậy.

Thứ ba: Môn một nhiều tương dung chẳng đồng là: một nhiều vô ngại đồng như ngàn ánh sáng trong phòng trống, do một là nhiều qua lại làm duyên khởi, lực dụng suốt cùng. Nên cùng xen lẫn vào, đó gọi là tương dung, chẳng hoại tướng đó nên gọi là chẳng đồng, như trong một phòng nhà có ngàn ngọn đèn cùng tỏa chiếu, đèn tùy chén khác nhau mỗi mỗi chẳng đồng, đèn tỏa sáng thông ánh sáng, ánh sáng xen lẫn vào, thường riêng biệt thường vào, thường khác thường dung, nên trong kinh có kệ tụng: "Trong một hiểu vô lượng, trong vô lượng hiểu một, rõ kia cùng sinh khởi, đang thành không chỗ khác". Lại tức khắp cùng của như lý, bao gồm của như lý, buông nhiếp đồng thời, nếu đầy đủ làm là: một hoặc chỉ vào vì một vào tất cả vậy. Hai hoặc chỉ gồm, vì một gồm tất cả vậy. Ba tức vào tức gồmđồng thời vô ngại vậy. Bốn chẳng phải vào chẳng phải gồm vì vào tức gồm nên chẳng phải vào gồm tức vào nên chẳng phải gồm. Năm hoặc đầy đủ cả bốn trước, vì đó là giải cảnh vậy. Sáu hoặc tuyệt cả năm trước, vì đó là hạnh cảnh vậy. Hạnh khởi giải tuyệt. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Ở trong một lỗ chân lông Bồ-tát đây có khả năng dung nạp tất cả cõi nước". Lại nói: "Trong tất cả thân có khả năng dung nạp số thân nhiều không thể nói không thể nói ở khắp pháp giới, mà chúng sinh giới không tăng không giảm như một thân cho đến tất cả thân khắp pháp giới cũng đều như vậy. Nên tịch chiếu thần biến". Trong kinh Tam- ma- địa nói: "Ở trong thân tất cả hữu tình đó, có khả năng hiện khắp thân một hữu tình. Lại có khả năng trong thân một hữu tình hiện khắp thân tất cả hữu tình. Trong thân hữu tình năng hiện pháp thân, lại năng trong pháp thân hiện thân hữu tình. Cho đến, năng dùng một tâm tùy niệm tỏ ngộ vào tất cả chúng sinh với số kiếp không ngằn mé, hiện khắp nghiệp quả dị thục đã tạo nên, tùy nơi đáng ứng mà khai ngộ hữu tình, đều khiến hiện thấy đều được thiện xảo.

Thứ tư: Môn tương tức là: Phế bỏ mình tùy theo khác là nghĩa tương tức, vì tương nhập trên thì đây kia qua lại tồn tại như hai gương cùng soi chiếu, chỉ căn cứ lực dụng suốt cùng mà rõ vậy. Nay đây, căn cứ hữu thể và vô thể, nên nói là phế bỏ minh. Phế bỏ mình tức mình vô thể vậy, đều y khác tức khác hữu thể vậy. Như trong kinh có kệ tụng:

Một tức là nhiều nhiều tức một, văn tùy nơi nghĩa nghĩa tùy văn, tất cả như vậy triển chuyển thành, ấy người chẳng thối nên vì nói". Đã nói chuyển đổi dần đổi dần thành tức thể loại khác cùng trông mong vậy. Trong phẩm Bất Tư Nghì pháp nói: "Chư Phật biết tất cả chư Phật nói tức một Phật nói". Đó là đồng loại tương tức vậy. Trong phẩm Sơ phát tâm nói: "Tâm đã phát vậy tức cùng thể tánh tất cả chư Phật ba đời bình đẳng". Cho đến, nói trí tuệ chân thật v.v... đó là hiển bày địa vị trên dưới tương tức vậy. Trong phẩm nhập pháp giới nói: "Di Lặc bảo đại chúng rằng: "Các Bồ-tát khác trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức na- do- tha kiếp mới có thể đầy đủ hạnh nguyện Bồ-tát, mới có thể thân gần chư Phật Bồ-đề, Trưởng giả từ đây ở trong một đời thì có thể làm sạch cõi Phật.

Thứ năm: Môn ẩn hiển: Như ngày tám tháng tám tức lấy nơi sáng làm hiển, nơi tối tăm làm ẩn mà hẳn đồng thời, nên nói đều thành chẳng đồng ngày rằm chỉ hiển ngày ba mươi chỉ ẩn. Lại nơi tối chẳng phải không sáng, nơi sáng chẳng phải không tối, chỉ nơi sáng hiển thì tối ẩn, nơi tối hiển thì sáng ẩn, cũng được gọi là ẩn hiển đầu thành, nên nói ẩn hiển đều thành như vầng nguyệt giữa trời thu, như mồng tám tháng tám nửa ẩn nửa hiển. Chánh hiển tức ẩn, chẳng đồng ngày ba mươi lúc ẩn không hiểu, chẳng đồng ngày rằm lúc hiển không ẩn, thì dưới sáng có tối, dưới tối có sáng như phương Đông là nơi vào tức khởi ở phương Đông, như dưới sáng có tối, phương Tây là nơi vào tức vào ở phương Tây, như dưới tối có sáng, nên xưng là bí mật đều thành, cũng như trời Dạ-ma có kệ tụng rằng: "Tất cả xứ mười phương, đều nói Phật tại đây. Hoặc thấy ở nhân gian, hoặc thấy ở cung trời, thì nơi thấy là hiển, nơi chẳng thấy là ẩn, chẳng phải Phật không khắp. Trong phẩm Thập Định nói: "Hoặc thấy chân Phật lượng đó bằng bảy khủy tay, hoặc thấy thân Phật lượng đó bằng tám khủy tay, hoặc thấy thân Phật lượng đó bằng chín khủy tay. Cho đến, hoặc thấy thân Phật lượng bằng số thế giới vi trần cõi Phật nhiều không thể nói không thể nói, thì lúc thấy bằng bảy khủy tay bảy khủy tay hiển. Ngoài ra các lượng khác đều ẩn". Các lượng khác lúc hiển cũng như vậy. Nên kia thí dụ rằng: "Thí như nguyệt luân thì người ở Diêm –phù- đề thấy hình đó lớn mà cũng chẳng giảm. Người trú trong nguyệt luân thấy hình đó lớn mà cũng chẳng tăng". Giải thích: thấy đó lớn thì lớn hiển nhỏ ẩn, thấy đó nhỏ thì nhỏ hiển lớn ẩn, mà chẳng tăng giảm thì là bí mật đều thành. Ngoài ra, tất cả pháp khác, có thể biết vậy như trong kinh nói: "Phu nhân Ma-da ở một xứ này làm mẹ Bồ-tát, ba ngàn thế giới làm mẹ cũng vậy, nhưng thân tôi

đây chẳng phải trú một nơi, chẳng phải trú nhiều nơi", cũng là nghĩa của ẩn hiển, xứ này làm mẹ, là hiển đây mà ẩn kia v.v... chẳng phải trú một nơi, tức là nhiều ẩn mà vì có một hiển, cũng là câu song đoạt đều sạch hết, chẳng phải ẩn chẳng phải hiển, nghĩa của bí mật. Nhưng, nếu căn cứ trí huyễn tức là môn nghiệp dụng, căn cứ cực vị thành tức là môn đức tướng.

Thứ sáu: Môn vi tế tương dung là: Như trong kinh có kệ tụng rằng: "Trong mỗi lỗ chân lông, mỗi hiện vô số cõi", tức là môn nghiệp dụng. Lại nữa, Tỳ-kheo Đức Vân nói: "Trú ở môn vi tế niệm Phật, ở nơi đầu một sợi lông, có vô số Đức Như Lai xuất hiện, đều đến nơi đó mà thừa sự vậy". Đó là thông cả đức tướng và nghiệp dụng. Trong San Định ký nói: "Vi tế đức đây chẳng đồng tướng ở đức", đó là căn cứ thể riêng biệt, đức tướng riêng biệt, trông mong tướng tồn tại. Đây chỉ ngay pháp đầy đủ tất cả, rõ ràng đều hiển bày rõ ràng

Thứ bảy: Môn nhân đà-la võng là: Quán lưới trời Đế-thích đây như một hoa một bụi trần, vì xứng tánh nên năng gồm tất cả. Các bụi trần khác, các pháp khác cũng đều xứng tánh, nào có một pháp chẳng nhiếp ư? Đáng dùng bụi trần đối các cõi khác để biện rõ lớp lớp muốn khiến dễ thấy. Vả lại, dùng một bụi trần trông các bụi trần khác, nghĩa là nơi gồm chứa trong một bụi trần, nơi dung chứa các cõi, cõi nước cũng quậy bụi trần thành, năng thành bụi trần đây cũng phải xưng tánh, bụi trần đã xưng tánh cũng phải bao gồm cõi nước. Bụi trần lớp thứ ba bao gồm cõi nước lớp thứ tư, bụi trần lớp thứ tư bao gồm cõi nước lớp thứ năm. Lớp lớp bụi trần thành, lớp lớp xứng tánh, vô cùng vô tận, giống như gương đèn, dùng thí dụ lưới trời Đế-thích, nếu nói lưới trời Đế-thích từ thí dụ mà nhận tên gọi. Nếu căn cứ pháp lập thì đáng gọi là môn trùng kiện vô tận. Như trong một viên châu chóng hiện môn ảnh tượng, như trong một bụi trần chóng hiện các pháp, chỉ là một lớp một châu hiện ở các châu, mới thành nghĩa của lớp lớp, châu đều sáng sạch như bụi trần xứng tánh. Một châu hiện ở nhiều châu, giống như một bụi trần hiện ở nhiều cõi nước bụi trần. Sở hiện châu ảnh lại năng hiện ảnh, như cõi nước bụi trần trong bụi trần lại năng hiện cõi nước, lớp lớp ảnh rõ, lớp lớp hổ tương hiện, nên nói đến vô tận. Giải thích: lớp lớp vô tận là tức mỗi mỗi pháp đều bao gồm tâm chân như, lý của tánh vô tận. Do đó, qua lại khắp cùng lớp lớp như trong kinh Vô Tận Ý Bồ-tát nói: "Vô Tận Ý nói: "Dùng một niệm tuệ thành A-nậu-đa-la tam miệu Tam Bồ-đề, tôi sẽ như thế rõ biết phân biệt. Xá- lợi- Phất! Đó gọi là một đạo vô tận của Bồ-tát". Lại, trong kinh Bồ-tát anh lạc bản nghiệp

nói: "Phật tử! Pháp môn tức điều nói là mười tín tâm là tất cả hạnh bản. Cho nên, một tín tâm trong mười tín tâm có mười phẩm tín tâm làm trăm pháp minh môn. Lại từ một tâm trong tâm pháp minh tâm đó là trăm tâm, nên là ngàn pháp minh môn. Lại từ một tâm trong ngàn pháp minh tâm có ngàn tâm làm muôn pháp minh môn, tăng tấn như thế cho đến vô lượng minh, chuyển thắng tiến lên thượng pháp, nên làm pháp môn minh minh trăm vạn A- tăng- kỳ công đức. Tất cả hạnh đều vào trong minh môn đây". Giải thích: Cớ sao vào minh môn đây? Vì tự tâm sáng nên năng thông muôn pháp, gọi đó là môn, huống gì châu trời Đế thích sáng sạch ảnh hiện lớp lớp, so với tánh sáng cõi nước bụi trần năng bao gồm muôn pháp. Như trong quán Phật Tam-muội Hải nói: "Phật bảo A-nan: "Thiện pháp là điều gọi là vô lượng thiền định, các pháp niệm Phật từ các tâm tưởng sinh, đó gọi là công đức tạng". Trong Tạp Hoa Nghiêm Kinh Nhất Thừa Tu Hành Giả Bí Mật Nghĩa Ký nói: "Duyên khởi Đà-la-ni là một khởi mà tất cả khởi, thấy một mà thấy tất cả, nên tất cả các pháp chẳng thể nói chẳng thể nói, trong một pháp có mười, lớp lớp hiển hiện. Sở hiện trong một pháp đây, trong tất cả pháp cũng lại như vậy. Mười lớp lớp hiển hiện vô tận vô tận như Ma-ni mưa báu trải qua mười không thể nói mười vô tận vậy, vì Đà-la-ni vô tận báu đây mưa tất cả các mười không thể nói mười vô tận báu. Trong nơi mưa báu đây lại mưa mười vô tận báu, cho đến vô tận vô tận, nên gọi là nhân Đà-la-ni. Trong đó nói rõ Đà-la-ni không có xứ khác, chẳng vượt ngoài thân pháp giới Đại nhật Tỳ-lô già-na. Thân đó tức là thân tất cả chúng sinh, tổng trì mười không thể nói mười vô tận pháp nên gọi là Đà-la-ni. Trong thân đó có tám thứ năm Ma-ni. Nếu nói về viên dung chẳng kể Phật hay chúng sinh thảy đều viên dung hiển hiện, không thể nói đầy đủ. Phàm phu không hiểu nên không được năm dụng của căn, Thánh giả hiểu rõ nên được năm dụng của căn. Được năm dụng của căn gọi chung là hai thứ Đà-la-ni, tức là căn bản nhân Đà-la-ni và duyên khởi Đà-la-ni. Tám thứ năm Ma-ni là: Một là phương trên thể mặc có năm Ma-ni, đó tức: một mắt, hai tai, ba mũi, bốn lưỡi và năm miệng. Hai là phương tả có năm Ma-ni, đó tức: một ngón tay cái, hai ngón trỏ, ba ngón giữa, bốn áp út và năm ngón út. Ba là phương hữu có năm Ma-ni, đó tức: một ngón tay cái, hai ngón trỏ, ba ngón giữa, bốn ngón áp út và năm ngón út. Bốn là phương dưới chân cũng có năm Ma-ni, đó tức: một ngón chân cái, hai ngón trỏ, ba ngón giữa, bốn ngón áp út, năm ngón út. Năm là phương dưới phía hữu có năm nghĩa Ma-ni, tức năm ngón chân phải. Sáu là căn cứ toàn thân lại có năm Ma-ni, đó tức: một đầu, hai tay

trái, ba tay phải, bốn chân trái, năm chân phải. Bảy là căn cứ năm đại có năm Ma-ni, đó tức: một địa, hai thủy, ba hỏa, bốn phong, năm không. Tám là năm nội lại có năm Ma-ni, đó tức: một tim, hai phổi, ba thận, bốn lá lách, năm gan.

Biện giải về nghiệp dụng là:

Thứ nhất Ma-ni ở phương trên, tức một, mắt, mưa ấy hay chiếu khắp phân biệt nơi có pháp thiện ác trong mười phương, mười vô tận cõi Phật số chư Phật Bồ-tát Thanh văn Duyên giác như vi trần, mười không thể nói các thứ thể tướng tâm hạnh. Lại chiếu thấy các thứ thế gian nơi có chúng sinh mới không thể nói, mười vô tận các sự khổ lạc v.v... Ánh sáng báu Ma-ni đó nếu chẳng khéo dùng thì trong khoảng sát- na chìm đắm khổ luân hồi không có cùng thôi. Nếu khéo dùng thì trong khoảng sát na rốt ráo vô thượng Bồ-tát, như một sát -na, tất cả sát- na cũng vậy. Hai tai, mưa ấy hay phân biệt các thứ âm thanh khổ vui của thế gian, lại âm thanh của thánh giả vô lậu. Ánh sáng báu Ma-ni đó nếu khéo dùng tức trong một sát- na rốt ráo vô thượng Bồ-tát. Nếu chẳng khéo dùng, trong một sát -na chuốt nhận khổ không kỳ hạn ra khỏi. Ba mũi, mưa ấy hay phân biệt tất cả các thứ danh hương ở thế gian, mùi hương chánh báu thân phần y báo cung điện v.v... của cả thánh phàm, lại các mùi hương tạo thiện tạo ác niệm thiện niệm ác cho đến niệm vô thượng Bồ-đề, v.v... ở nhân gian. Ánh sáng báu Ma-ni vương ấy, nếu khéo dùng trong một sát na rốt ráo vô thượng Bồ-đề, nếu chẳng khéo dùng, trong một sát- na chuốt nhận khổ mười vô tận. Bốn lưỡi, mưa ấy phân biệt diễn nói pháp vô lậu với số mười không thể nói của chư Phật Bồ-tát v.v... trong mười vô tận cõi Phật như số bụi trần. Cho đến tất cả các hạnh nghiệp thiện bất thiện do thân miệng ý ở trong thế gian v.v... ánh sáng báu Ma-ni vương ấy nếu khéo dùng trong một sát-na rốt ráo vô thượng Bồ-đề, nếu chẳng khéo dùng trong một sát- na chuốt chịu khổ không kỳ hạn ra khỏi. Năm miệng, mưa đó năng phân biệt diễn nói các pháp của chư Phật Bồ-tát như số bụi trần trong mười cõi Phật, mười không thể nói ba thứ nghiệp hạnh, mười vô tận các chúng sinh có các thứ tà chánh v.v... ánh sáng báu Ma-ni vương ấy, nếu khéo dùng trong một sát- na, rốt ráo vô thượng Bồ-đề, nếu chẳng khéo dùng trong một sát na, chuốc lấy khổ không kỳ hạn ra khỏi.

Thứ hai, Ma-ni ở phương tả nên mỗi mỗi Ma-ni khắp cùng mười pháp giới không thể nói, năng mưa mười không thể nói các thứ y phục cõi trời, thức ăn cõi trời v.v... các thứ mây trang nghiêm. Ánh sáng báu Ma-ni vương ấy nếu khéo dùng trong một sát- na chuốc chịu khổ không

kỳ hạn ra khỏi.

Thứ ba, năm Ma-ni ở phương hữu trên, cũng như phương tả trên vậy.

Thứ tư, năm Ma-ni ở phương hữu dưới, mưa năng khiến bay đi khắp mười phương không thể nói mười vô tận pháp giới hư không giới biển cõi Phật, trải qua kính thờ chư Phật cung cấp cúng dường, do thần túc vô ngại đó mà trong một sát na đến khắp mười không thể nói tất cả chúng sinh giới, chỉ dạy lợi mừng, hồi hướng Phật đạo, không từng nhọc mệt, ánh sáng báu Ma-ni vương ấy nếu khéo dùng trong một sát na, rốt ráo vô thượng Bồ-đề, nếu chẳng khéo dùng trong một sát- na, chuốc chịu khổ không kỳ hạn ra khỏi. Thứ năm, năm Ma-ni phương hữu dưới, mưa vô tận báu, cũng như phương tả vậy.

Như nói ở trên, trong mỗi mỗi thân phần pháp giới pháp nhĩ, mười lớp lớp mười vô tận, không thể cùng cực. Như trong phẩm Bất Tư Nghì nói: "Tất cả pháp giới, hư không v.v... thế giới đều lấy đầu sợi lông khắp cùng độ lượng, mỗi mỗi đầu sợi lông an đặt trong mỗi mỗi niệm, hóa không thể nói không thể nói cõi Phật như số bụi trần các thân v.v... cho đến trong mỗi mỗi pháp nói không thể nói không thể nói cõi Phật như số bụi trần các thứ danh cú văn thân v.v... đầy khắp pháp giới tất cả chúng sinh, không đâu chẳng nghe, cùng tận số kiếp ở tương lai thường chuyển pháp luân v.v... đó thì xứ là dùng đầu sợi lông gồm khắp pháp giới, thời là lấy sát- na cùng tận ở kiếp hải. Nghĩa là ở xứ đây chóng khởi nghiệp dụng, nghĩa là ở thời này thường khởi nghiệp dụng. Đây cũng chẳng đợi nhân duyên, pháp của chư Phật cũng vậy. Thứ sáu, năm Ma-ni toàn thân là nếu khéo dùng thì gọi là kim cang luân, nếu chẳng khéo dùng thì gọi là địa ngục mãnh hỏa luân. Ma-ni ở phương trên tên là Nhật nguyệt tinh tú Ma-ni, nếu khéo dùng chẳng khởi gió sấm sương mây, nếu chẳng khéo dùng thì hiện các thứ sự chẳng tốt lành. Ngoài ra, còn lại bốn Ma-ni, đều gọi là Cự địch kiếm luân. Thứ bảy năm Ma-ni năm đại, gọi chúng là trang nghiêm cõi nước chư Phật, thành tựu chúng sinh. Thứ tám, Ma-ni năm bên trong, đây có mười nghĩa: Một gọi là nhân đà-la võng thể đầy đủ năm châu, là nghĩa của lớp lớp vô tân. Hai gọi là, đỉnh quang phả lê, như gương pha lê chóng hiện muôn tượng vậy. Ba gọi là, viên kính, hiện khắp các pháp là nghĩa của không phân biệt. Hai gương ấy hai tên gọi mà một nghĩa. Bốn gọi là, mãn nguyệt là nghĩa của Thanh lương giải thoát, dứt ánh lửa phiền não vậy. Năm gọi là, liệt hỏa là nghĩa của khiến không sót thừa, như kiếp lửa vậy. Sáu gọi là, kim cang sử là nghĩa của cự địch, phá quân phiền não vậy. Bảy gọi là,

Diêm- phù kim là nghĩa của không quặng vô giá. Tám gọi là vô giá Ma-ni, mưa báu vô lượng, cũng là nghĩa của vô loại. Chín gọi là, vô úy ấn, như ấn của Đại vương gìn giữ thế gian tùy các nơi đến mà được không khiếp sợ vậy. Mười gọi là, đại nhật Như Lai là nghĩa của đoạt ngàn điện xẹt dữ, đủ trăm ngàn ức mười chẳng thể nói ánh sáng nhật nguyệt.

Lại nữa, nhân đà-la võng, nếu nói về dụ mà nói thì võng chủ tức là thiên chủ, do đời trước mười không thể nói kiếp trải qua phụng sự cúng dường các vua Thích Phạm cho nên được quả báo đó, dùng lưới (võng) báu đó trang nghiêm cung điện trời để giáo hóa các chúng trời đều biết tất cả nghiệp báo thiện ác, các chúng trời thấy sự ấy rồi thảy đều không buông lung, khiến riêng năng tu hành tinh tấn, là dùng lưới đó khiến đồng loại biến mười vô tận pháp môn lớp lớp pháp giới, nên hiển thể đức đó. Đầy đủ năm châu là năm châu như vậy vô tận, năm nhân năm làm bộ, số đó vô lượng, cớ sao được y báo trang nghiêm như vậy? Do trong một niệm dùng mười vô tận giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến năm phần pháp thân v.v... như vậy. Cho đến diễn nói mười không thể nói mười vô tận biển pháp môn, huân tu tự thân tâm vậy. Được mười vô tận y báo, nơi có mười chẳng thể nói các chúng trời trong biển thế giới thảy đều vào trong biển quả Đại nhật Tỳ-lô già-na như vậy. Như một niệm trong tất cả cũng như vậy, không thể cùng tận, đó đều là dứt trừ tình tư duy đó. Đó gọi là thể đức đầy đủ năm châu vậy. Năm châu là: bạch châu, xích châu, thanh châu, hoàng châu và hắc châu. Một làm bản pháp, nhiếp bốn châu kia, như nêu một làm bản pháp, bốn kia tùy nêu làm bản pháp cũng như vậy. Lại, trong bạch châu, bốn châu kia hiện, và ảnh ảnh vốn trắng lại ảnh hiện, như bạch châu hiện trong ảnh. Lại, ảnh hiện tất cả châu cũng lại như vậy, mười lớp lớp mười vô tận không thể nói đầy đủ như vậy. Lại ảnh nghiệp của chúng sinh tạo nên hiện, thiện ác vô ký hiện. Lại, nhận quả, phân vị thượng trung hạ của các thánh nhân vô lậu chứng đắc ở trong đó đều hiện đầy đủ, như trong châu trời hiện tất cả cung điện lầu gác, trụ cột ngạch xà hiện như vậy. Khi ấy các trời thấy sự ấy rồi, khởi tâm từ bi sâu mầu, tâm cứu hộ, trong ba nghiệp tâm chẳng tạo ác, cần hành tinh tấn, chẳng dám buông lung. Lại, trong năm sắc châu đó, tùy nghiệp chúng sinh mà ảnh hiện. Trong bạch, trời nghiệp thanh tịnh hiện, trong xích nghiệp vô ký hiện, trong thanh nghiệp ngạ quỷ súc sinh hiện, trong hoàng nghiệp các thứ luân chuyển chẳng cùng xa lìa thiện thế gian ở thế gian hiện. Trong hắc nghiệp các thứ khổ ở địa ngục hiện, cho đến tám tướng thành đạo của mười phương chư Phật, không gì chẳng lớp lớp ảnh hiện trong đó.

Tâm đồng như năm sắc châu, nhân- đà-la võng cũng như vậy. Ở trong đó có tướng tế của nghiệp thức, tướng hiện trong chuyển thức, tướng thô của thức. Lúc mắt thấy có thể tham sắc, mạch máu mắt chạy vàng (hoàng) vàng đen tùy sắc vàng năm Ma-ni hiện, đó gọi là nghiệp tham hiện nghiệp năm đạo tạo tác. Lúc mắt thấy có thể sân sắc, mạch máu chạy xanh (thanh), xanh đen tùy sắc xanh năm Ma-ni hiện, đó gọi là nghiệp sân hiện nghiệp năm đạo tạo tác. Lúc mắt thấy có thể thiện có thể ác không hay không biết sắc, mạch máu mắt chạy đen (hắc). Đen huân tùy sắc Ma-ni sắc đen hiện. Đó gọi là nghiệp si hiện nghiệp năm đạo tạo tác, lúc sắc thuần bạch là nghiệp các trời hiện, phô bày mà có thể biết.

Như nói về thật mà nói thì trong mỗi mỗi nghiệp đều đủ tất cả, lớp lớp vô tận như vậy, tức là môn đức dụng tự tại. Căn bản nhân Đà-la-ni đó đều là thật nghĩa chẳng phải biến hóa thành. Đó là như trong lý trí, như lượng cảnh giới, đều là pháp tánh thật đức, pháp nhĩ như thị, mười lớp lớp tạng, mười vô tận tạng. Đó là căn cứ pháp của Viên giáo dùng số mười hiển bày lớp lớp, dùng số mười hiển bày vô tận. Lại, lưới trời đó năng hiện tất cả ảnh tức là ý nghiệp, năng mưa tất cả báu tưc là thân nghiệp, năng lưu xuất tất cả âm thanh tức là khẩu nghiệp. Nhưng tất cả các pháp đều từ trong biển quả lưu xuất, nhưng lại không gì chẳng quy về trong biển quả. Nếu ước về thật mà nói chí ý ở trong đây là chánh là văn xứ của trong biển quả đây. Trong đây có ba: Một là, đức dụng tự tại như châu dụ. Hai là, biển tri căn. Ba là như dụng của năm căn. Như trước đã biện giải, biển tri căn đây, một thứ năng tri là có ba hạng người: Một là Phật, hai là Bồ-tát Thanh văn Duyên giác, ba là phàm phu. Thế nào là biển căn? Nghĩa là biển trí tạng của Đại nhật Tỳ-lô già-na, trong biển ấy có ba thứ sóng, đó là ba hạng người trên. Tiếp đến là năng tri, biển ấy xưa nay vắng lặng, cớ sao sinh ra sóng cả? Do chợt vậy mà niệm vô minh gió nổi nơi sóng cả. Tướng sóng thế nào? Đó là gió vô minh động trong biển trí tạng sinh nổi sóng cả. Thí như dùng cái vạc đựng đầy nước trong, mới đầu đặt để bên cạnh lửa, lúc đầu động nhỏ như có hạt nhỏ, dần động lớn như có dòng nhỏ, dần động lớn hơn có như vọt bắn, nhưng tự nhiên đó tùy sắc của gió, hoặc được phá các thứ vỏ mạc các thứ cỏ cây, hoặc đượm mầm ngũ cốc, hoặc chín mùi tất cả quả hạt. Nếu lúc muốn nổi gió ấy, trước tiên ở ngoài ráng mây hiển hiện, sau đó muốn nổi gió lớn, nếu đây nhỏ gốc rễ cây cỏ và các thứ ngũ cốc, trên biển nổi mây đen, nếu đây phá hoại ngũ cốc tất cả quả hạt, chẳng nhổ gốc rễ cỏ cây thì trên biển nổi mây xanh. Nếu đây

làm chín muồi ngũ cốc, đượm nhuần mầm tất cả hoa cỏ thì trên biển nổi mây trắng vàng, nếu đây chẳng phải thiện, chẳng phải ác thì trên biển nổi mây đẹp sắc đỏ. Do ba thứ khả năng đó, biết nếu đây cực nhỏ là điều biết của hàng thầy thứ nhất, nếu đây bậc trung là điều biết của hàng thầy thứ hai, nếu đây tướng cực thô hiện ở trên là điều biết của phàm phu. Như vậy, trong biển trí tạng Tỳ-lô-giá-na có ba gió ba sóng, bí mật khó biết. Do vì tự tâm của tất cả chúng sinh ở trong có tám bạn hòa hợp thành hoa sen, trong hoa sen đó có biển chánh biến tri. Đó gọi là trí tạng Tỳ-lô già-na, cũng gọi là Liên hoa tạng trang nghiêm biển thế giới. Trong biển đó có ba thứ sóng: Một là, nghiệp tướng, hai là, chuyển tướng, ba là, hiện tướng. Nhưng trong biển liên hoa tạng đó có hai thứ môn: Một la, môn đại tạng kim cang, hai là, môn sai biệt kim cang, nhưng hoa phàm phu chưa hé nở, hoa thánh giả đã nở rộ. Trên đài hoa chưa hé nở đó có chín lỗ, gọi là môn sai biệt kim cang, trên cành hoa đó có một lỗ lớn, gọi là môn đại tạng kim cang. Phàm, chúng sinh sắp khởi nghiệp thì từ môn đại tạng gió nổi thổi động biển tâm, cho đến sau khi vọt ra trong môn sai biệt rồi, nhãn v.v... năm căn trên mặt, cho đến khắp cùng trong các căn, không biết tay múa chân đạp tay đánh chân quậy động mới đầu phát nhỏ nhiệm, đó gọi là nghiệp tướng, cảnh giới chư Phật, tiếp dần thô vọt ra môn sai biệt, chưa hiện diện mạo, đó gọi là chuyển tướng, cảnh giới của các Bồ-tát Thanh văn Duyên giác sau ở nơi các căn trong diện mạo, hiển hiện tướng thiện ác rất thô. Đó gọi là hiện tướng, là cảnh giới các phàm phu. Nếu chư Phật hiện tại trong một sát- na rõ biết mười đời chín đời vô ngại như một sát-na, tất cả sát na cũng vậy. Đó gọi là biển tri căn.

Lại nữa, như nơi võng lưới trương bày gọi là các cung điện. Nếu phối với pháp thì cung điện tức là cành ngọn, nhân-đà-la vô tận. Năm thể đức đầy đủ năm châu tức là căn bản nhân-đà-la. Nếu theo bí mật mà giải thích thì thiên chủ nhân- đà- la đây tức là thật tánh trong thân tất cả chúng sinh. Xưa kia do cùng Tỳ-lô già-na Như Lai đều đồng một nhân và các Thích Sư tử đều đồng một thiện căn vậy. Lại mười chẳng thể nói tất cả các chúng trời đó, đây đều gọi là các mười chẳng thể nói đồng loại, mười vô lượng khác loại tâm duyên lự thanh tịnh ấy vậy. Ngoài ra tất cả chẳng thể nói hiện nên ảnh nghiệp tạp nhiễm. Tất cả đều là dục giới, tất cả tâm nhiễm tạp ấy vậy. Lại nói: các thứ cảnh giới của cõi nước viên dung, thế giới sai biệt v.v... chẳng tại ngoài tâm, đó có trong ngực sư tử, năm hoa tạng qua lại giao xen vào, mười lớp mười vô tận, do nghịch thuận thành mười hoa tạng, giống như nhân đà la võng

qua lại hiện ảnh vậy. Lại nói: năm hoa tạng là quá nhiều chẳng sáu, giảm ít chẳng bốn. Tất cả năm bộ chuẩn cứ đó mà có biết. Loại tám năm tướng cũng lại như vậy.

Năm hoa tạng là tức hoa sen năm sắc: một là sen trắng, hai là sen đỏ, ba là sen xanh, bốn là sen vàng, năm là sen đen. Năm hoa sen đó thảy đều do vô sinh pháp nhẫn khởi nên từ đại bi thai tạng sinh ra, sắc tướng hoa đó tức hoa sen lớn năm thứ sắc trong ngực sư tử. Đó tức trong kinh nói là nước Sư tử thắng tướng ấy vậy. Thứ nhất nói về phương xứ ngũ hành ở thế gian để giải thích sắc tướng đức: Một là phổi hoa, ba lá sắc trắng tợ như bán nguyệt; Hai là tim hoa sắc đỏ có ba góc; Ba, gan, hoa, tám lá sắc xanh đủ năm màu; Bốn, tùy hoa, một lá sắc vàng có bốn cạnh; Năm là thận hoa, tám lá sắc đen. Thứ hai nói về năm đại: Một là phong, sắc đen tợ bán nguyệt. Hai là hỏa, sắc đỏ ba góc. Ba là không, sắc xanh đầy đủ năm. Bốn là địa, sắc vàng bốn vuông. Năm là thủy sắc trắng tròn.

Hỏi: Cớ sao phối hợp trước sau có trái nghịch vậy?

Đáp: Phổi gọi là kim, kim là ở phương Tây thuộc sắc bạch. Do vì trong phổi có dứt gió nên gọi là phong. Thận gọi là thủy, thủy là ở phương Bắc thuộc sắc đen (hắc). Do vì có thận làm nước, khả năng hình vật thể tánh chẳng trái nghịch vậy. Năm hoa tạng đó nếu khác thể, nghĩa là các hoa mỗi mỗi sai biệt. Nếu đồng thể, nghĩa là trú một biến ứng vậy. Trong các hoa mỗi mỗi đều do một hoa biến ứng nhiều hoa vậy. Mỗi mỗi nhiều hoa toàn là một hoa đó cho nên năng có nhiều cái một hoa, nhưng nhiều một hoa kia do vốn một hoa ứng nhiều hoa vậy, tuy có nhiều một hoa, nhưng nhiều một hoa kia cùng gốc một hoa, thể không sai biệt vậy, cho nên gọi là đồng thể. Vì trong môn các duyên khởi có ba nghĩa vậy: Một là nghĩa chẳng tương do, nghĩa là đầy đủ tự đức vậy. Hai là nghĩa tương do, nghĩa là sai biệt vậy. Ba là nghĩa vô ngại, chẳng thể nói vậy, cho đến do duyên khởi đó là thật đức nhà pháp giới vậy, cảnh giới Phổ Hiền đầy đủ đức tự tại vô chướng ngại vậy, tức là viên mãn giáo chủ đại nhật Tỳ-lô già-na Như Lai. Vì viên mãn như vậy dung thông thân rộng lớn, ở trong biển thế giới trang nghiêm liên hoa tạng rộng lớn dung thông viên mãn như vậy, nhiếp các hình cây khác đó v.v... viên mãn dung thông biển thế giới rộng lớn, dùng biển pháp giới viên mãn dung thông rộng lớn mười không thể nói như vậy làm cảnh giới, ngồi nơi tòa sư tử Ma-ni hình báu nguyệt liên hoa tạng rộng lớn dung thông như vậy, bày thân vân gồm sinh oai nghi, nghiệp dụng sai biệt vô biên vô biên rộng lớn vô tận dung thông viên mãn như

vậy, lớp lớp như vậy, vô tận vô tận, mà Như Lai không lại dừng không công dụng. Đó đều là hiển hiện rõ ràng trong Hải Ấn Tam-muội vậy, cũng là pháp giới pháp chỉ, nên có khả năng như vậy. Như Ma-ni mưa báu trống trời tỏa phát âm thanh tuy không công dụng làm nên mà được thành tựu. Sở hiện như vậy tuy rộng lớn, nhưng về thời gian thì chẳng quá một sát- na, luận về xứ sở thì chẳng vượt ngoài một bụi trần. Tất cả như vậy đều một sát-na hiện nên, như một sát- na trong tất cả sát na cũng như vậy, như một bụi trần cũng như vậy. Nên biết tâm đó trong biển lớn có tâm Đại Bồ-đề, rồng có vô biên vô tận, tâm đó nơi có tất cả pháp cũng vô biên vô tận. Nên nói sức lực của người trong Diêm - phù- đề không thể thọ trì, như Tỳ-kheo Hải Vân gìn giữ tánh khởi chỉ một phẩm mà tuy núi Tu-di nhóm lại làm bút, bốn biển như số bụi trần trong tứ thiên hạ làm mực cũng thể biên ghi hết. Do vì tâm tánh đó vô tận vậy, người trí chẳng phải xa tầm cầu vậy.

Hỏi: Cớ sao sen chỉ có tám cánh?

Đáp: Quả đức của hàng ba thừa, thể tuy chiếu khắp mà dụng chưa khắp, nên nói là tám cánh vậy. Nếu hoa khắp trong trần đạo, đức cùng mười phương, mới gọi là mười cánh. Nay ước về phần ít bốn nhiếp bốn vô lượng nên gọi lấy tám vậy. Một cánh biểu thị một thật, năm cánh biểu thị năm thừa. Lại, bạn trong tâm chánh tám, hòa hợp làm thể hoa sen, nên gọi là tám cánh. Lại nữa, nơi tâm tất cả phàm phu tuy chưa thể tự rõ, trong đó, tâm cũng tự nhiên mà có tám vạn hợp thành hình hoa sen. Nay chỉ nhìn chiếu tâm đó khiến nó nở bày tức là Tam muội thật vậy. Nếu nhìn tâm đó hoa của tám cánh tức được cùng lý tương ưng. Tám cánh đó là bốn phương tức là biểu thị bốn nhiếp, bốn góc tức là biểu thị bốn trí Như Lai. Hoa đó xưa nay vô sinh tức là tâm Bồ-đề, phải biết tất cả pháp môn đều là từ tâm mà có nên vậy. Nếu hiểu được như vậy, tâm hoa tự nhiên nở có thể thấy Phật. Như nói: Tâm mở ý hiểu, tức là nghĩa đây vậy. Mở tâm là tức vào môn vô sinh. Lại nữa, trong tâm có bốn thứ Ma-ni: một là, nguyệt tạng, tức là người Thanh văn, nguyệt tức nghĩa là Thanh lương, do có dứt khí nóng lửa phiền não, nên gọi là giới nguyệt tạng. Hai là, nhật tạng tức Duyên giác. Nhật tức nghĩa là tuệ, vì tuệ rất bén nhạy có khả năng làm khô cạn sông lớn mười hai nhân duyên, nên gọi là tuệ nhật tạng. Ba là Dương hoa báo, tức là Bồ-tát ba tạng tổng trì biện tài vô biên, có khả năng đắc quả báu của Phật, Bồ-tát như ngu như thật, phàm phu không biết lấy làm biết như hoa mới sạch, Bồ-tát biết mà làm không biết, như hoa héo tàn, nên gọi là hoa báu héo tàn. Bốn là, báu tịnh, tức là chư Phật vậy, Ma-ni báu thanh tịnh quang

minh thành tựu nên gọi là báu tịnh. Các báu trong đó, hàng phàm phu ngu si chẳng thật, thật không thể biết, nên phải thử đó, sau mới có thể biết là thật báu vậy. Thí như có bốn thứ lửa than già đà-la v.v... ném vào trong đó có thể biết. Đem nguyệt tạng ném vào trong lửa, tuy chẳng ra, nhưng ra đều biến đổi sắc, do đó mà biết chẳng phải báu thật. Lại đem nhật tạng ném vào trong lửa, trong lửa thì biến đổi, ra thì trở lại nguyên sắc, do đó mà biết chẳng phải báu. Lại đem hoa báu héo tàn ném vào trong lửa, tuy chẳng ra, nhưng ra đều chẳng biến đổi, giả sử chẳng biến đổi, nhưng mưa báu còn mất, do đó mà biết chẳng phải là báu thù thắng. Lại đem bảo tịnh Ma-ni báu ném vào trong lửa, tuy chẳng ra, nhưng ra đều chẳng biến đổi. Lại mưa báu vô tận, hai báu trước là báu bậc hạ, một báu giữa là báu bậc trung, một báu vật là thắng bảo. Như vậy, bốn thứchân Ma-ni ở trong tâm, thử thật hay chẳng thật, do đây mà biết được? Có vô lượng bốn ma, đem Thanh văn ném vào trong địa ngục Tiểu khiếu hoán rồi, tuy chẳng ra, nhưng ra thì đều sinh tâm nhọc chán. Do đó mà biết là tánh yếu kém. Lại đem Duyên giác ném vào trong địa ngục Hỏa thiêu nhiệt, tuy chẳng ra, nhưng ra đều chẳng biến đổi, mà nơi cung kính thiện tri thức dần có khuyết, do đó mà biết tuy chẳng biến đổi mà có mất phần ít vậy. Lại đem Phật ném vào trong đại địa ngục A-tỳ. Tuy chẳng ra, nhưng ra đều chẳng biến đổi, cũng không tâm khiếp sợ, mà lại cúng dường thiện tri thức, độ các chúng sinh, hiện bày tám tướng thành đạo mà chẳng ngưng nghỉ, thường ở trong các đạo thay thế các chúng sinh nhận chịu khổ não, tâm không nhọc chán. Thí như ngựa báu Luân vương trong một sát -na đi khắp bốn thiên hạ, mà lại ở trong tất cả thời gian trong tất cả sát na, đi khắp phương trần, chẳng sinh nhọc chán. Lại nói tất cả chúng sinh từ xưa đến nay đồng một tướng một tánh, lúc giác không tăng, lúc mê không giảm, chẳng kể là phàm hay Thánh, chỉ là tánh tướng thiện xảo của một đại nhật Tỳ-lô già-na đây. Và lúc vọng niệm chẳng cải đổi, lúc phàm phu, thiện ác, vô ký tất cả các thứ các pháp. Cõi nước núi sông cát đá ngói sỏi cây cối lùm rừng, các loài trống mái trứng vỏ mạnh yếu ăn nuốt lẫn nhau, các loài đực cái dâm dục ở hang hầm lấn đoạt lẫn nhau, các hàng nam nữ trong nhân gian trộm cắp cướp đoạt tham tài tham sắc tham sinh tham lợi, hổ tương giết đoạt, cho đến đã sinh đang sinh sẽ sinh, tất cả tánh tướng ác pháp, cho đến tất cả các thiện pháp đã làm sẽ làm và đang làm. Cho đến ngọc bích vàng bạc đỏ trắng đồng sắt trân châu vật báu, cho đến hương hoa phướn lọng cung điện lầu gác, phàm tất cả các vật tượng sở dụng, đều là đức dụng độ sinh của đại nhật Tỳ-lô già-na đó, tám pháp giới thân

vân đó. Tại sao? Nếu lìa ngoài tướng đó rồi, chư Phật dùng phương tiện gì hóa độ tất cả các loại chúng sinh? Cho nên một pháp pháp giới đều là pháp của chư Phật, nhưng tất cả phàm phu trái nghịch, các tướng sai biệt dấy khởi các loại vị kiến. Do chẳng biết, chợt dấy vô minh kế chấp các thứ dị kiến. Như trong kinh nói: y cứ khách luận mà giải thích, chỉ là một phương tiện thiện xảo xoay quanh cong co thành hoa tạng sở y, ở trong mỗi mỗi cánh hoa hiển mười Phật khiến biết, tướng tuy muôn sai nhưng đều là mười thân Tỳ-lô già-na làm nên, mười thân sai biệt, cơ cảm có lắm mỗi vậy.

Lại nữa, duyên khởi Đà-la-ni có hai thứ: Một là tịnh duyên khởi như bãi sạch nổi sóng, hai là nhiễm duyên khởi, như sông đục sóng cuộn. Đục trong tuy khác nhưng tánh ướt không sai, như tịnh duyên nghịch dòng là trong thánh địa, nhiễm duyên tùy lưu là trong phàm cảnh, phàm thánh tuy khác biệt mà nhất tâm trong lắng. Đó là do nói về mê hoặc ngộ mà tợ phân, nếu rõ ngay nhất tâm, toàn thành tánh khởi, không lại còn danh của phàm thánh thì nào có văn từ của đục trong?

Hỏi: Nói tác dụng của năm căn đều xứng với ánh sáng báu Ma-ni vương đều hay mưa báu. Căn khí của phàm phu cũng như vậy ư?

Đáp: Trong kinh nói: Sáu tự tại vương thường thanh tịnh. Do đó xưng là vương, vương là nghĩa của tự tại. Do đó nhãn căn nhậm vận quán sắc tự tại vô ngại. Trong kinh nói: Thí như mắt sóng chiếu rõ tiền cảnh, sáng đó viên mãn, được không yêu ghét. Lại thường tại hiện lượng bản tánh không chuyển đổi, đâu chẳng phải như vương thường được tự tại. Nói Ma-ni, tức nghĩa của mưa báu như nói: Lúc ứng với mắt, hoặc ngàn mặt nhật, muôn ảnh tượng đều chẳng thể tránh khỏi ảnh chất. Há chẳng phải là nghĩa của mưa báu ư? Lại nói: Nhãn môn tỏa phóng ánh sáng chiếu phá núi sông đại địa. Há chẳng phải là nghĩa phóng quang ư? Thì sao soi không sót, sâu mầu suốt xét, năm căn tùy dụng cũng lại như vậy. Cho đến ý căn chỉ một niệm vượt ngàn dặm không có chướng ngại. Như nói: Lúc ứng ý, duyên phân biệt chiếu soi sum la trọn không sót mất, suốt qua khoảng núi sông vách đá. Vả lại, lúc chiếu mà thường tịch diệt, nên biết sáu căn chẳng ác, trở lại đồng với chánh giác, bậc trí vô vi, người ngu tự trói buộc, có thể gọi là kho báu của thân, minh châu của tâm, không nói không biết, luống chìm biển khổ, ý các bậc tiên thánh xót thương là tại đây vậy.

Lại nữa, nêu bày pháp dụ đây là vì hạng người chưa tin, đó là Ma-ni trong thế gian. Huống gì mưa báu của trong tâm ta, như đem biển lớn sánh với rộng sâu của tâm ta. Vả lại, Ma-ni là sắc pháp chất ngại, đâu

đồng với pháp tài của đài son vô tận. Biển lớn là sóng cả hữu hạn, sao đồng như tánh nước của nguồn linh vô cùng. Đó là lược so sánh phần ít, có thể gọi là trời đất cách biệt, muôn vạn nhận mà chưa được mảy may, chỉ trăm phần mà mới nói một hai, rất kỵ tự khuất phục, chẳng chịu cán đáng vậy.

Thứ tám: Gá sự hiển bày pháp sinh giải hiểu: là trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trăm ngàn ức na-do-tha chúng Bồ-tát trước ở tại cung trời đâu suất, do từ pháp vượt quá ba cõi sinh ra, hạnh lìa các phiền não sinh ra. Tâm khắp cùng vô ngại sinh ra, pháp phương tiện sâu mầu sinh ra, trí rộng lớn vô lượng sinh ra, tín kiên cố thanh tịnh lớn mạnh, căn lành chẳng thể nghĩ bàn khởi nên. A- tăng- kỳ thiện xảo biến hóa thành tựu nên. Hiện nên của tâm cúng dường chư Phật, ấn chứng của pháp môn vô tác: "Giải thích: "Trên đây đều nêu xuất nhân vậy. Lại nói: "Xuất ra các thứ cúng dường nơi Phật nơi Phật quả hơn các trời cúng dường", tức là nói nhiều quả vậy. Tiếp đến một nhân thành một quả, trong kinh nói: "Do từ Ba-la-mật sinh ra tất cả lọng báu, ở nơi cảnh giới thanh tịnh của tất cả chư Phật sinh ra tất cả hoa trướng, do vô sinh pháp nhẫn sinh ra tất cả y phục, cho đến giải hiểu các pháp như mộng tâm hoan hỷ sinh ra tất cả các cung điện báu nơi chư Phật trú". Đã do vô sinh nhẫn chỉ sinh ở y phục v.v... nên nói một nhân một quả. Sau, một nhân thành nhiều quả, tức là chỉ nêu vô sinh làm nhân, gồm sinh các quả vậy. Trong kinh nói: "Thiện căn vô trước thiên căn vô sinh sinh ra tất cả mây hoa sen báu, tất cả mây hương kiên cố, tất cả vô biên mây sắc hoa v.v... tùy một sự tức là vô tận, huống gì một sự đều là xứng tánh vậy, đều tức là pháp giới vô tận, chỉ tùy một nghĩa làm danh mục đó, như hiển bày tròn sáng có thể lường, tức gọi là báu. Nếu nói tự tại tức xưng là vương, nếu nói đượm nhuần lợi ích tức nói là mây v.v... nên thế giới Kim sắc tức là bản tánh, lầu các của Di lặc tức là pháp môn, nhóm lửa núi đao của Bà-la-môn Thắng Nhiệt tức là Bát- nhã. Thí vô phân biệt v.v... đều là sự đó vậy, nên mỗi mỗi sự tức đủ pháp vô tận, nên lập đầy đủ đức vô tận, chẳng vượt ngoài đây vậy.

Thứ chín: Môn mười đời cách pháp dễ thành: Vì thời không thể riêng biệt, y cứ hoa để lập một niệm gồm nhiếp mười đời dung thông. Do đó, như thấy hoa nở tức biết cỏ xuân, tốt tươi kết quả tức biết sắc hạ, điêu tàn rơi rụng là thu, thâu nhặt cấy lấy là đông, đều nhân nơi vật mà biết bốn mùa. Lại, một niệm chín đời thành mười đời là: chín căn cứ ở nghĩa, một căn cứ thật thể, thể dụng chứa nhau nên thường chín thường một, không có chướng ngại. Thể dụng đoạt nhau, lìa tướng chín

một, nên đồng biển quả. Thời nay dung thông vô ngại tự tại, lược có bốn lớp: một là cùng mất đều hết, hai là cung thám dự tồn tại, ba cùng tùy gồm nhau, bốn là cùng là, tức nhau. Trong một lấy gốc theo ngọn, chỉ sự mà không lý, đem ngọn về gốc, chỉ lý mà không sự. Trong hai, lý của toàn sự, chẳng phải sự nên không thời gian một tướng. Sự của toàn lý, chẳng phải lý nên chín đời chẳng loạn. Trong đó, do lý của tùy sự nên khiến một thời năng chứa tất cả thời. Do sự của tùy lý, nên khiến tất cả thời tùy lý mà vào trong một thời. Nhiều một ngược lại trên, đi vào nhau có thể biết. Trong bốn, do sự của tức lý nên khiến một thời tức một thời vậy, chỉ lý không vật có thể cùng tức nhập, chỉ sự ngăn ngại nhau, không thể tức nhập, cốt yếu do sự lý theo nhau vô ngại mới có tức vào, tư duy đó có thể thấy. Lại nữa, Thiện Tài đồng tử một đời có thể biện rõ hạnh của nhiều kiếp là, như tiên nhân Tỳ-mục chấp tay đã là sức lực của bạn lành, trong khoảng nháy mắt, hoặc có nơi Phật thấy trải qua số kiếp như bụi trần các cõi nước Phật nhiều không thể nói không thể nói mà tu hành không nhọc mệt. Sao được một đời chẳng trải qua nhiều kiếp? Do sức lực của tiên nhân nên dài ngắn tự tại vậy. Như thế Vương Chấp gặp tiên nhân Kỳ Linh Phủ Kha lạn suốt ba năm còn cho là như khoảng bữa ăn. Đã có thể đem dài làm ngắn, cũng có thể đem ngắn làm dài, như Chu Mục theo người huyễn nhân tuy trải qua nhiều năm thì thật chỉ như trong nháy mắt. Nên biết thế pháp Phật pháp đều chẳng thể nghĩ bàn. Thế pháp, còn chẳng thể lường huống gì là Phật pháp, không nên lấy thời ngắn dài hay cứ rộng hẹp mà định yếu chỉ đó vậy.

Thứ mười: Môn chủ bạn tròn sáng đầy đủ đức: là như trong phẩm Hiện Tướng ở kinh Hoa Nghiêm nói: “Giữa chặn mày lưu xuất Bồ-tát Thắng Âm cùng vô lượng quyến thuộc đồng ra, tức là quyến thuộc người. Phật tỏa phóng ánh sáng giữa chặn mây, vô lượng trăm ngày ức ánh sáng dùng làm quyến thuộc, tức là quyến thuộc ánh sáng. Lại, pháp giới Tu-đa-la lấy Tu-đa-la nhiều như bụi trần các cõi Phật làm quyến thuộc, tức là quyến thuộc pháp, nên tùy mỗi mỗi đều có quyến thuộc. Nếu lấy các kinh khác trông mong chỉ làm quyến thuộc, chẳng làm chủ bạn. Nay nói quyến thuộc là căn cứngay trong kinh lấy làm quyến thuộc, quyến thuộc tức là bạn nên chứng chủ bạn. Việc hoa mười huyền đây sánh với các sự khác, nêu cử hoa đã vậy, những sự của một mảy trần v.v... cũng vậy.

Mười môn hoa trên chỉ căn cứ sự mà nói, nghĩa là sự hoa trên đủ tất cả sự, sự đồng thời đầy đủ, sự rộng hẹp vô ngại, sự một nhiều, cho đến sự chủ bạn. Sự đó, với hoa đã mang theo mười nghĩa đồng thời lại

đầy đủ mười môn của các giáo nghĩa khác, nghĩa là sự trên có giáo nghĩa, giáo nghĩa đồng thời đầy đủ, giáo nghĩa rộng hẹp, giáo nghĩa một nhiều cho đến chủ bạn. Lại, giáo nghĩa đến cảm ứng, mỗi mỗi có đồng thời v.v... làm trăm môn. Cho đến cảm ứng đủ trăm môn, nên có ngàn môn, như giáo nghĩa v.v... có ngàn môn đó, đem sở y sánh với môn năng y, cũng thành ngàn môn, nghĩa là trước sự thể sở y làm đầu, nay lấy môn huyền năng y làm đầu, tức là trong môn đồng thời đầy đủ giáo nghĩa đồng thời sự lý đồng thời cảnh trí đồng thời cho đến cảm ứng đồng thời, nên có mười môn. Trong một môn đồng thời đầy đủ rộng hẹp v.v... rộng hẹp đó v.v... có giáo nghĩa rộng hẹp v.v... nên thành trăm môn. Hai, rộng hẹp đầy đủ trăm, ví như môn đồng thời, ba, môn tướng nhập đầy đủ trăm, bốn môn tương tức đầy đủ trăm, cho đến thứ mười là, môn chủ bạn đầy đủ trăm, nên thành ngàn môn, nhưng ngàn sau đó chẳng khác ngàn trước. Chỉ qua lại nêu cử làm đầu mà thành khác vậy. Nếu theo lớp lớp thủ lấy đó đến ở vô tận là kết thành vô tận. Nói lớp lớp thủ lấy là như trong môn thứ nhất có mười, trong mười thủ lấy một, một đó cũng phải đầy đủ mười đầy đủ trăm đầy đủ ngàn, vì chẳng cảnh lìa nhau vậy. Như một đã vậy, ngàn môn mỗi mỗi mười cũng vậy thì đầy đủ mười ngàn. Trong mười ngàn tùy lấy một đó cũng đầy đủ mười ngàn. Như một ngàn tiền cộng làm duyên khởi, một tiền làm đầu thì đầy đủ một ngàn tiền. Ngoài ra cũng như vậy, thì có ngàn ngàn. Trong ngàn ngàn tùy lấy một đó cũng đủ ngàn ngàn nên đến vô tận. Lại, lớp lớp là trong một sự cũng có nhiều cách trong một trí lại có nhiều trí, v.v... lại xen lẫn vào cũng vô tận vậy. Do đó, pháp môn đầy đủ đức vô tận chỉ là cảnh giới của Phổ Nhãn. Bậc thượng trí mới có khả năng vào, nên phải cần tu hẳn thành lợi ích lớn.

Hỏi: Thế nào là nguyên do an lập của môn mười huyền đó?

Đáp: Vốn là nhất tâm, diệu tánh chân như, lý của vô tận, nhân thể dụng cuộn buông tánh tướng tức nhập lý sự bao khắp duyên tánh nương giữ. Nghĩa phân nhiều thứ, lược tức sáu tướng. Nói rộng ra là mười huyền. Đó là đức tướng nghIệp dụng của chư Phật Bồ-tát. Một hạnh một pháp đều đầy đủ mười huyền, đều vào trong Tông kính, yếu chỉ của nhất tâm vô tận. Như trong Hoa Nghiêm diễn nghĩa nói: "Một là, môn đồng thời đầy đủ tương ưng, do tổng đó nên suốt đứng đầu của chơn môn. Hai là, môn rộng hẹp, là đứng đầu trong biệt, giải bày đó là nguyên do của môn biệt. Vả lại nói về sự như lý khắp cùng nên rộng, chẳng hoại tướng sự nên hẹp, nên làm đầu tiên của sư sự vô ngại. Ba là, do khắp cùng của rộng hẹp vô ngại có nhiều, đem mình trông nhiều,

nên có một nhiều chứa nhau, chứa nhau thì hai thể tồn tại, chỉ lực dụng suốt cùng vậy. Bốn là, do đây dung kia, kia bèn tức đây, do đây khắp cùng kia, đây bèn tức kia, v.v... nên có môn cùng tức. Năm là, do qua lại gồm qua lại có ẩn hiển, nghĩa là gồm khác, cái thấy của tha khác nên có môn cùng vào gồm khác,khác, tha không thể nên có môn cùng tức, gồm khác, khác tuy còn mà chẳng thể thấy nên có môn ẩn hiển, lấy làm môn riêng biệt vậy. Nên ba môn đây đều do gồm nhau mà có. Cùng vào thì như hai gương qua lại soi chiếu, cùng tức thì như sóng nước kia gồm nhau, ẩn hiển thì như mảnh trăng cùng ánh ngời. Sáu là, do đây gôm khác tất cả đều gồm, kia gồm cũng vậy nên có vi tế chứa nhau. Bảy là, do qua lại gồm lớp lớp nên có lưới trời Đế-thích vô tận. Tám là, do đã như lưới trời Đế- thích, tùy một tức là tất cả vô tận nên có gá sự hiển bày pháp. Chín là, do tám trước đều là sở y, pháp của sở y đã chứa, tiếp theo biện giải về năng y. Lúc năng y cũng vậy. Mười là, do pháp pháp đều vậy nên tùy nêu cử một đó thì bèn làm chủ, liên quan duyên khởi bèn có bạn sinh. Lại nữa, phán định ghi chép phân chia về đức tướng nghiệp dụng, mỗi mỗi có mười huyền, mười huyền của đức tướng là: một là, đức đồng thời đầy đủ tương ưng, hai là, đức tương tức, ba là, đức tương tại, bốn là, đức ẩn hiển, năm là, đức chủ bạn, sáu là đức đồng thể thành tức, bảy là, đức đầy đủ vô tận, tám là, đức thuần tạp, chín là, đức vi tế, mười là, đức nhân đà-la võng. Mười huyền của nghiệp dụng là: Một là dụng đồng thời đầy đủ tương ưng, hai là dụng tương tức, ba là dụng tương tại, bốn là dụng tương nhập, năm là dụng tương tác, sáu là dụng thuần tạp, bảy là dụng ẩn hiển, tám là dụng chủ bạn, chín là dụng vi tế, mười là dụng nhân Đà-la-võng. Nên biết không có một pháp nào chẳng đầy đủ vô biên đức tánh, diệu dụng của chân như vậy. Do đó, môn trùng huyền đây tuyệt lối danh ngôn, tùy trí diễn bày làm rộng thấy nghe, chỉ chứng mới biết, chẳng phải chổ hiểu của tình. Như lúc thân chứng, đều là cảnh của hiện lượng, xứ xứ vào pháp giới, niệm niệm thấy giá na. Nếu chỉ tùy theo chỗ giải của văn nghĩa, đó chỉ là ấm thức nương thông. Ngay cảnh thuận nghịch lại thành trệ ngại, gặp nơi sai biệt hỏi đều rơi lạc nghi tình, như Hòa thượng Diêm Quan sét hỏi Đại sư giảng Hoa Nghiêm rằng: “Kinh Hoa Nghiêm có bao nhiêu thứ pháp giới?” Đáp: “Sơ lược mà nói là có mười thứ pháp giới, nói rộng ra thì lớp lớp vô tận”. Hòa thượng dựng cây phất trần và hỏi: “Đây là pháp giới thứ mấy?” Đang lúc cúi đầu nghĩ ngơi vừa đáp tiếp, Đại sư quở trách rằng: “Tư duy mà biết, nghĩ lường mà hiểu là kế sống của nhà quỷ, ánh đèn riêng lẽ ban ngày, quả nhiên mất chiếu tỏa sáng”.

Hỏi: Các môn tổng trì Đà-la-ni, nghĩa câu sai biệt, số như hằng sa, cớ sao chỉ ở nhất tâm thảy đều hiển bày?

Đáp: Lìa tâm không thuyết, lìa thuyết không tâm buông thì có hằng sa pháp môn, cuộn thì là diệu chỉ của nhất tâm. Kinh quyển số nhiều như bụi trần khắp đại thiên mà chưa triển bày toàn văn pháp môn phổ nhãn, cạn nước biển lớn mà chẳng viết kệ. Như trống trời Đao lợi, diễn chân thuyên chẳng thể lường. Rừng báu lôi âm nói diệu kệ của vô sinh. Trong nước An dưỡng, chim nước đều đàm khổ không. Trong biển Hoa tạng, mây đài trải viên chỉ. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Thí như các trời có trống pháp lớn, tên là giác ngộ, nếu các Thiên tử lúc hành buông lung, ở giữa không trung phát ra tiếng bảo rằng: "Các ngươi phải biết tất cả dục lạc đều là vô thường, hư vọng điên đảo khoảnh khắc sẽ biến hoại, chỉ hàng ngu phu điên cuồng khiến nó đắm thích đó. Các ngươi chớ buông lung, nếu buông lung là đọa vào cõi ác về sau hối hận không kịp". Các thiên tử buông lung nghe âm thanh đó rồi rất khiếp sợ, bỏ mọi sự dục lạc nơi cung điện của mình, đồng đến nơi Thiên vương cầu pháp hành hành đạo. Phật ư! Âm thanh trống trời kia không chủ không tác, không khởi không diệt, mà năng lợi ích vô lượng chúng sinh". Trong kinh A-di-đà nói: "Lại nữa, Xá-lợi -phất! Nước ấy thường có các giống chim màu sắc xinh đẹp, như loài hạc trắng, khổng tước, anh võ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già cọng, mạng v.v... các giống chưa ấy ngày đêm sáu thời phát ra âm thanh hòa nhã. Trong âm thanh đó diễn xướng các pháp năm căn năm lực bảy phần Bồ-đề tám phần Thánh đạo. Chúng sinh ở nước ấy nghe âm thanh như vậy rồi thảy đều niệm Phật niệm pháp và niệm tăng". Đó đều là đốn ngộ tự tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Pháp giới nhất tâm đây là không thể của các kinh. Đức Như Lai giảng nói mười hai phần giáo, thảy đều lưu xuất từ trong tâm đại bi, tâm đại bi từ hậu đắc trí, hậu đắc trí từ căn bản trí, căn bản trí từ thanh tịnh trí lưu xuất, tức là bản nguyên, lại không từ đâu khác, không một pháp nào lìa pháp giới mà có. Môn nhất tâm đây, là vua trong một chữ, cũng gọi là một lời, cũng gọi là một câu. Trong kinh Tư Ích nói: "Như lời Phật dạy, các người nên thực hành hai sự, như thánh nói pháp, như thánh im lặng. Sao gọi là nói pháp? Sao gọi là im lặng? Đáp: Nếu nói pháp thì chẳng trái với Phật, chẳng trái với pháp, chẳng trái với tăng. Đó gọi là nói pháp. Nếu biết pháp tức là Phật, lìa tướng tức là pháp, vô vi tức là tăng. Đó gọi là thánh im lặng. Này Thiện nam! Nhân Tứ niệm xứ mà có điều nói, gọi là thánh nói pháp. Đối với tất cả pháp, không điều nghĩ nhớ gọi là thánh im lặng. Chánh lúc nói pháp đó, tâm

khế hợp với pháp lý, tức chẳng nói vậy". Rõ ràng chẳng phải ngậm miệng, gọi là chẳng nói. Như trong kinh Nhập Phật cảnh Giới nói: "Phật bảo: "Văn thù sư lợi, chư Phật Như Lai không có người thấy không có người nghe, không có người hiện tại cúng dường, không có vị lai cúng dường. Văn Thù Sư Lợi! Chư Phật Như Lai chẳng nói các pháp một chẳng nói các pháp nhiều. Văn thù sư lợi! Chư Phật Như Lai chẳng chứng Bồ-đề. Chư Phật Như Lai chẳng y tựa pháp mà được tên gọi. Văn thù sư lợi! Chư Phật Như Lai chẳng thấy các pháp, chẳng nghe các pháp, chẳng nghe các pháp, chẳng biết các pháp, chẳng hay các pháp. Văn thù sư lợi! Chư Phật Như Lai chẳng nói một pháp, chẳng bày một pháp". Trong kinh Anh Lạc nói: "Dùng một câu kệ dạy răn tám vạn bốn ngàn nước ấp". Trong kinh Anh Lạc nói: "Dùng một câu kệ dạy răn tám vạn bốn ngàn nước ấp". Trong kinh Đại tập có kệ tụng rằng: "Vô lượng trí là chân tử của chư Phật, số như mười phương vi trần v.v... ở trong vô lượng kiếp thưa hỏi nơi Phật, chẳng hết nghĩa của một chữ của Như Lai". Lại nói: "Hay dùng một chữ vào tất cả pháp, vì chúng sinh mà nói. Đó gọi là Bát- nhã Ba-la-mật không có ngằn mé". Trong kinh Tổng trì nói: "Một lời Bát -nhã Ba-la-mật có khả năng giải đáp muôn ức tâm". Trong kinh Thủ- lăng nghiêm Tam- muội nói: "Văn thù nói: "Nếu người được nghe một câu pháp, tức hiểu nghĩa ngàn vạn câu trong đó, trăm ngàn muôn kiếp diễn nói giải thoát, rí tuệ biện tài không thể nghĩ bàn. Đó gọi là đa văn". Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nếu thấy Như Lai thường chẳng nói pháp, đó gọi là đầy đủ Đa văn". Lại nói: "Thà nguyện nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa lý, chẳng mong nghe nhiều mà chẳng hiểu nghĩa", tức là vào trong Tông kính đây, một hiểu ngàn theo, tuy dẫn rộng văn chỉ chứng nghĩa đây, bậc thượng căn một lần xem qua, đã đoạn dứt lưới nghi, hàng trung hạ căn mở bày vài ba phen mới đầy đủ tin. Đối với căn cơ nên vậy, chẳng phải pháp đáng vậy. Do đó, trong kinh Thắng Thiên Vương Bát nhã nói: "Phật lại bảo Bồ-tát Thiện Tư Duy rằng: "Hiền Đức Thiên tử ở trong thời quá khứ qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp tu tập môn Đà-la-ni, cùng tận số kiếp nói pháp cùng không thể hết". Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Những Đà-la-ni nào. Này Thiện nam! Đà-la-ni đó, qua các văn tự nói chẳng thể nào, tâm chẳng thể lường, các pháp trong ngoài đều chẳng thể được. Này thiện nam! Không có ít pháp nào có thể vào đó, nên gọi là các pháp chẳng vào Đà-la-ni. Tại sao? Pháp đó bình đẳng, không có cao thấp, cũng không ra vào, không một văn tự từ ngoài đến vào, cũng không một chữ từ trong pháp đó ra, lại không một chữ trú

trong pháp đó, cũng không văn tự cùng tướng thấy đó, cũng chẳng phân biệt là pháp hay chẳng phải pháp, các văn tự đó cũng chẳng giảm, chẳng nói cũng không tăng, từ xưa đến nay không có khởi tạo, cũng không hoại diệt. Này Thiện nam! Như văn tự, tâm cũng như vậy. Như tâm, tất cả pháp cũng như vậy. Tại sao? Pháp lìa nói năng, cũng lìa nghĩ lường, vốn không sinh diệt nên không vào ra. Đó gọi là các pháp chẳng vào Đà-la-ni. Nếu năng thông đạt pháp môn đó là biện tài vô tận. Tại sao? Thông đạt chẳng đoạn vô tận pháp vậy. Này Thiện nam! Có khả năng vào hư không thì có khả năng vào môn Đà-la-ni đó". Trong phẩm xuất hiện ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết âm thanh Như Lai đến khắp cùng, vì đến khắp cùng vô lượng âm thanh. Nên biết âm thanh Như Lai tùy tin hiểu đó đều khiến vui mừng, tâm được mát mẻ vậy. Nên biết âm thanh Như Lai hóa độ chẳng trái thời với điều đáng nghe, không gì chẳng nghe. Nên biết âm thanh Như Lai không sinh diệt, như tiếng vang gọi. Nên biết âm thanh không chủ, tu tập tất cả nghiệp khởi nên. Nên biết âm thanh Như Lai sâu sắc, khó thể đo lường, nên biết âm thanh Như Lai không tà vạy. Pháp giới sinh ra vậy, nên biết âm thanh Như Lai không đoạn tuyệt, khắp vào pháp giới vậy. Nên biết âm thanh Như Lai không biến đổi, đến nơi rốt ráo vậy. Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết âm thanh Như Lai chẳng phải lượng chẳng phải không lượng, chẳng phải chủ chẳng phải không chủ, chẳng phải bày chẳng phải không bày". Trong Sớ Thích nói: "Gồm mười thứ âm thanh trên, tóm lại chẳng vượt ngoài ba, ước về tướng thì rộng vô lượng, ước về thể thì không chủ tể, ước về dụng thì không hiển bày. Nay đều cả hai chẳng phải, vì hiển bày trung đạo. Nghĩa là chẳng cùng biên bờ đó nên chẳng phải lượng. Tùy cơ tùy thời có nghe chẳng nghe môn chẳng phải không lượng. Nhiều duyên nhóm tập nên chẳng phải có chủ, thuần một pháp giới sinh nên chẳng phải không chủ. Đương thể vô sinh nên không năng bày, khéo hiển nghĩa lý nên chẳng phải không bày. Lại dùng tứ cứ mà rõ ràng thể dụng vô ngại: Một là, dùng dụng từ thể do thể không đâu chẳng tại, năng khiến mười loại âm thanh trên đều biến khắp tất cả, chẳng phải chỉ khắp âm thanh, cũng khắp tất cả thời, xứ, chúng sinh, Như Lai, pháp giới, v.v... Tuy là đối với sắc đều khắp, nhưng luôn chẳng tạp nhiễm. Nêu chẳng khắp tất cả thì âm thanh chẳng phải tròn đầy. Nếu do khắp tất cả mà mất âm khúc đó, thì tròn đầy chẳng phải âm thanh, nay chẳng hoại khúc mà khắp tất cả, chẳng động khắp mà sai vận mới thành đó đều đủ bao hàm chân tánh. Ba là thể tức dụng, nên mười loại âm thanh trên đều không thể được, chỉ nghĩa đệ nhất,

trọn lìa sở chấp, nên pháp loa luôn chấn phát mà âm thanh thường tỉnh lặng, gọi đó là vắng lặng âm thanh, như tiếng vang giữa cốc trống có mà tức hư, nếu chẳng tức hư thì chẳng phải chỉ mất một âm thanh đó, cũng chẳng viên dung tự tại. Bốn là thể tức dụng nên tĩnh lặng mà luôn tuyên bày, như trống trời không tâm mà ứng tất cả, gió dài tuy trong hóc mà muôn tiếng chẳng đồng. Nếu chẳng khắp cùng đồng chẳng phải, thì không chỉ mất năng tròn đầy mà cũng chẳng phải một thật. Nên trong kinh nói: "Tất cả các thứ nói năng của chúng sinh thảy đều chẳng lìa pháp luân của Như Lai. Tại sao? Thật tướng ngôn âm tức là pháp luân, do đó nói năng của chúng sinh đều chẳng vượt ngoài tánh hư không, vì tánh không đâu chẳng có thì pháp luân khắp tất cả xứ, không có gián đoạn". Trong luận Chỉ Quán nói: "Quán tâm là gồm tất cả giáo". Trong luận Tỳ-bà-sa nói: "Tâm năng vì tất cả pháp làm tên, nếu không tâm thì không tất cả danh tự. Phải biết danh tự ở thế gian và xuất thế gian đều từ tâm khởi, nếu quán tâm hẹp vượt thuận theo dòng vô minh thì có giáo của tất cả ác thú khởi. Điều gọi là tăng pháp gìn giữ đời có giáo của chín mươi lăm tà kiến sinh, cũng có các thiện giáo khởi, ngũ hành lục giáp, âm dương bát quái, ngũ kinh tứ sử, thế trí danh giáo vô đạo đều từ tâm khởi". Thế nào là danh giáo xuất thế đều từ tâm khởi? Trong luận Bảo Tánh nói: "Có một quyển kinh lớn, lớn như ba ngàn Đại thiên thế giới, ghi việc đại thiên giới, như hàng vừa hạng nhỏ, lớn của bốn thiên hạ v.v... ba cõi đều ghi việc ấy, tại trong một mảy bụi. Một mảy bụi đã vậy, tất cả mảy bụi đều vậy. Một người xuất hiện nơi đời dùng mắt trời sáng sạch thấy quyển kinh lớn đó mà suy nghĩ rằng: cớ sao kinh lớn ở trong mảy bụi, mà chẳng lợi ích tất cả chúng sinh, bèn dùng phương tiện phá vỡ quyển kinh đó ra để làm lợi ích kẻ khác, quyển kinh trí tuệ vô ngại của Như Lai đầy đủ tại trong thân chúng sinh, do điên đảo che lấp không tin không biết. Phật dạy chúng sinh tu tám thánh đạo để phá tất cả hư vọng. Thấy trí tuệ ở chính mình bình đẳng Như Lai". Đó là nói về bụi trần gá ở có mà làm thí dụ. Nếu ước về không làm thí dụ là như trong luận Phát Bồ-đề tâm nói: "Thí như có người thấy pháp Phật diệt, đem mười hai bộ loại kinh giáo của Như Lai ngữa giữa hư không mà biên ghi, rõ ràng đầy đủ. Tất cả chúng sinh không có ai biết, về sau lâu xa lại có một người đi đến giữa hư không thấy kinh đó, mới than rằng: "Tại sao chúng sinh không thấy không biết?" Tức liền ghi chép lại để chỉ bày cho chúng sinh". Cớ sao biên ghi kinh? Bởi vì muốn khiến chúng sinh tu tám thánh đạo để phá hư không v.v... tu có nhiều thứ. Nếu quán nhân duyên sinh diệt vô thường của tâm mà tu tám thánh đạo tức biên

ghi kinh của Ba tạng. Nếu quán nhân duyên tức không của tâm mà tu tám thánh đạo, tức biên ghi kinh của thông giáo. Nếu quán phân biệt so sánh có không chủng lượng của tâm, thứ mà hàng phàm phu Nhị thừa không lường biết, hàng Bồ-tát mắt pháp mới có thể thấy đó, là tu vô lượng tám thánh đạo tức biên ghi kinh của Biệt giáo. Nếu quán tâm tức là tành Phật tu tròn đầy tám thánh đạo tức biên ghi kinh của Trung đạo. Rõ ràng tất cả pháp đều lưu xuất từ trong tâm, tâm tức là Đại thừa, tâm tức là tánh Phật. Từ thấy trí tuệ chính mình bình đẳng cùng Như Lai. Lại, quán tức giả tuc trung, tức gồm trung của Hoa Nghiêm nếu quán tâm là nhân duyên sinh là pháp sinh diệt tức gồm kinh của ba tạng giáo của bốn A-hàm như nhũ. Nếu quán tâm tức không là tức gồm kinh cùng Bát- Nhã như lạc. Nếu quán tâm đó là pháp nhân duyên sinh, tức không tức giả tức trung là tức gồm kinh của Phương đẳng như sinh tô. Nếu chỉ dụng tức không tức giả tức trung là tức gồm kinh của Đại phẩm như thục tô. Nếu dụng tức trung tức quán tâm là tức gồm kinh của Pháp Hoa chỉ bày tri kiến Phật đại sự chánh trực như đề hồ. Nếu dùng bốn câu tương tức quán tâm tức có Niết-bàn đồng với kinh thấy tánh Phật như đề hồ. Lại dùng quán nhân duyên, lại quán nhân duyên tức là tánh Phật tánh Phật tức là Như Lai. Đó gọi là giết người trong nhũ. Nếu quán bẽ gảy không, lại quán bẽ gãy không tức là tánh Phật, tánh Phật tức là Như Lai, đó gọi là giết người trong lạc. Nếu quán tức không lại quán tức không tức là tánh Phật, đó gọi là giết người trong sinh tô. Nếu quán giả danh, lại quán giả danh tức là tánh Phật đó là giết người trng thục tô. Nếu quán tức trung, lại quán tức trung là tánh Phật, đó gọi là giết người trong đề hồ. Nay thông nói giết người là lấy hai thứ chết đã đoạn, ba đạo thanh tịnh, gọi là giết người. Đó gọi là chỉ quán nhiếp giáo bất tịnh. Lại nữa, tâm nhiếp các giáo có hai: Một là trong tâm tất cả chúng sinh đầy đủ tất cả pháp môn, Như Lai xét rõ tâm pháp đó, căn cứ tâm ấy mà nói vô lượng giáo pháp từ tâm mà ra. Hai là ngày xưa Như Lai từng quán tâm lệch tròn đầy đủ, y cứ tâm quán đó vì chúng sinh mà nói, giáo hóa đệ tử khiến học Như Lai phá bụi trần ra quyển kinh ngữa giữa hư không mà biên ghi kinh, nên có tất cả kinh giáo, nhất tâm chỉ quán nhiếp hết tất cả. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “Như muốn ba ngàn đại thiên giới, giáo hóa tất cả các quần sinh, như mây bủa rộng khắp tất cả, tùy căn đó muốn khiến đều mừng, đầu lông các Phật không số lường, tâm chúng sinh vui cũng không cùng, đều ứng tâm đó ban pháp môn, tất cả pháp giới đều như vậy”. Trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa nói: “Bậc chí thánh dạy răn, cao vời của gương nhất tâm. Hàng Đại sĩ hoằng

dương xiển hóa, sâu tột của lời mầu, tuy quên nghĩ nhớ nơi vức của ý chỉ phân tích, mà thênh thang nơi biển văn nghĩa. Bởi muốn gá vết của nhiều tượng, cùng thủ của vô tận vậy. Yếu chỉ đã vô tận, chẳng nói chẳng biết, nay vì người chưa biết mà nói, chẳng vì người đã biết mà nói. Hoặc như các tông chấp khác, thấy hiểu riêng biệt, hoặc không hữu cùng chẳng phải, lớn nhỏ mỗi tranh giành, đó là gốc lý chẳng cùng, cưỡng nói khác đồng, vào trong tông kinh, hơn kém chỉ dứt, như chặt cành vàng mỗi mỗi đoạn đều là vàng, như cắt cành quỳnh mỗi tấc đều quỳnh là báu.

Hỏi: Tin vào pháp đây, lại có thối lùi chăng?

Đáp: Tin có hai thứ: Một là chánh tin kiên cố chắc rõ không nghi ngờ, lý quán rành rẽ, thừa giới đều gấp, như vậy thì trong một đời có thể hoàn tất, sao luận bàn thối lui ư? Hai là nếu tin nương theo thông thường, sức quán thô nổi, tập quen lắm cảnh mạnh, gặp duyên liền thối lui. Như luận Hoa Nghiêm nói: "Như kinh Niết-bàn nói "Nghe hai chữ thường trụ, còn được bảy đời chẳng đọa địa ngục", như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Giả sử nghe tên Như Lai và giáo pháp giảng nói, tuy chẳng sinh tin hiểu cũng có thể thành hạt giống, hẳn được giải thoát, đến cả thành Phật vậy". Cớ sao trong kinh nói: "Tâm bậc thứ sáu trong thập trụ, và từ địa vị tín của phàm phu, còn nói là có thối lùi". Ý ấy làm sao hòa hợp? Giải thích: Trong Thập Tín, thắng giải chưa thành, chưa đắc mà cho là đắc, bèn sinh kiêu mạn, chẳng gần bạn lành, chẳng kính người hiền lương, vì kiêu mạn biếng lười, ở lâu nơi trời người nghiệp ác bèn khởi, có thể thành tựu nghiệp đại địa ngục. Nếu một niềm tin không kiêu mạn thường cầu bạn tốt lành, tức không lối làm mất mát đó. Như tâm của hàng thứ sáu trong thập trụ có thể là có địa vị có thối lùi. Trong Phật giáo là xét người ngưng trệ trách khiến tấn tu. Như Xá lợi Phất là hiện bày Thanh văn, chẳng phải thật Thanh văn, làm mọi phương tiện, đều độ chúng sinh khiến luôn gắng tiến. Như tâm hàng thứ sáu trong Thập trụ thuộc quyền giáo có thể nói là thật thối lùi. Tại sao? Vì trong Quyền giáo, hàng tam hiền trước thập địa đều là chưa kiến đạo, mọi sự tu hành tạo nghiệp đều là hữu vi. Có các vô minh đều là chiết phục, công chưa mạnh mẽ, bèn sinh thối lui, nếu chiết phục có sức cũng chẳng thối mất, như rắn có độc, vì sức chú nên độc chẳng dấy nổi chỉ ở trong Phật pháp, gieo trồng nơi tín tâm, khiêm hạ không kiêu mạn, kính thuận người hiền lương. Đối với người xấu ác, tâm thường xót thương nhẫn chịu. Đối với người hơn mình, thì học hỏi nhận lấy điều chưa nghe những pháp ưu thắng được nghe, vâng phụng thực hành không quên với

các hư vọng có ra, thì y cứ theo giáo mà dứt trừ. Đối với đạo ba Bồ-đề, thường siêng năng chẳng ngưng nghỉ. Phàm, là pháp của nhân sinh, pháp nên như vậy, chỉ chẳng lớn ác mà sống, nào phải lo ngại thối lui. Trong Hoa Nghiêm sớ nói: "Thâm tâm tin hiểu thường thanh tịnh, là tin phiền não tức Bồ-đề mới là thường tịnh, do xứng với bản tánh mà phát tâm Bồ-đề, xưa nay là Phật. Lại không nơi tiến tới như giữa hư không, vậy thối lùi xứ nào ư?

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 29

Hỏi: Phàm, đã là pháp môn khắp cùng tất cả xứ, không có gián đoạn, thường luôn tuyên thuyết. Cớ sao lại theo hội kết tập, nơi nói chẳng đồng? Như văn của Hoa Nghiêm có chín hội, thuyết của Pháp Hoa có ba châu ư?

Đáp: rộng lược chẳng ngang bằng, đều vì đối có, lấy một hiển bày nhiều, khiến vào vô tận. Như Hoa Nghiêm Chỉ Quy nói: "Gọi là trong một sát-na thì khắp cùng xứ vô tận, chóng nói biển pháp vô biên như vậy.

Hỏi: Căn cứ theo nói vậy, thì thời hội giảng nói Hoa Nghiêm đều chẳng rõ, sao dung có một bộ kinh giáo ấy?

Đáp: Vì chúng sinh thấp kém, đối với trong thuyết vô tận lược lấy kết tập như vậy mà lưu thông nên có bộ kinh vậy, dẫn vào kinh luận không ngằn mé, khiến thấy nghe đó, dùng phương như nhìn qua khe hở thấy hư không không ngằn mé. Phải biết đạo lý trong đây cũng vậy, trông một bộ ấy thấy biển pháp vô biên, nên biết nên nhóm cương yếu, trong một mảy may trần còn bao hàm cả pháp giới, trong một chữ tức diễn vô biên. Huống gì thuyết của chín hội ba châu ư? Hiểu được như vậy, thì một thời là tất cả thời, một thuyết là tất cả thuyết.

Lại hỏi: Nếu vậy, là nhiều kiếp thường luôn giảng nói, cớ sao Như Lai có nhập Niết-bàn ư?

Đáp: Nói kinh Phật đây vốn chẳng Niết-bàn, trong phẩm pháp giới, mở tháp chiên- đàn thấy chư Phật ba đời không nhập Niết-bàn, lại do gồm trong hóa nghi thì Niết-bàn cũng là nơi pháp thâu tóm chúng sinh, cùng với thành đạo giảng nói pháp không sai biệt vậy. Lại nữa, Phật Xá-na thường trụ hoa tạng luôn luôn giảng pháp, vốn không Niết-bàn là thường trụ vậy. Nên biết xuất hiện nơi đời hay nhập Niết-bàn đều là chúng sinh tự thấy, chứ chư Phật vốn không xuất hiện nơi đời cũng chẳng nhập Niết-bàn, vào trong Tông kính, tự nhiên hai thấy đó đều tuyệt.

Hỏi: Phật chỉ tâm nói, cớ sao giáo lập ngũ thời, người phân bốn chúng?

Đáp: Chư Phật không có công đức sắc thanh, chỉ có như như và trí như như riêng tồn tại. Phàm có thấy nghe đều là ảnh tượng của tự tâm chúng sinh, thì nói chỉ tâm nói nghe chỉ tâm nghe, lìa ngoài tâm, xứ nào có pháp? Như trong kinh Tư Ích nói: "Phạm thiên nói: "Cớ sao nói người chẳng nghe pháp mới là nghe kinh?" Văn Thù đáp: "Mắt tai mũi lưỡi thân ý chẳng rò rỉ là nghe pháp. Tại sao như vậy? Với sáu nhập ở trong chẳng rõ rỉ với sắc thanh hương vị xúc pháp, mới là nghe kinh". Cho đến, Phạm Thiên hỏi Bồ-tát Đắc Nhẫn rằng: "Các vị há chẳng nghe kinh đó ư?". Đáp: "Chúng tôi nghe là dùng chẳng nghe làm nghe". Các bậc Cổ đức nói: Đức Như Lai diễn nói hồng âm tám biện, người nghe gá khởi tự tâm hiện nên, như y cứ tướng mạo mà biến khởi hào đoan. Bản chất đã không ảnh tượng như hiện tại, các hiền kiết tập tự tùy thấy nghe, y cứ điều thấy nghe kết tập tự nói. Do vì, lìa tự tâm vốn không có cảnh bên ngoài. Lìa cảnh cũng không tâm bên trong có thể được, những người truyền khắp chẳng phải trao cho kẻ khác, tự hiểu chẳng từ kẻ khác đến, kẻ khác hiểu sao chẳng phải tự khởi? Cho nên kết tập và truyền trao đều được ảnh tượng chẳng được bản chất, không có tự tâm, được cảnh khác vậy. Vậy nên biết kết tập là kinh của tự tâm biến nên. Được ảnh chẳng phải chất tư duy đó mà có thể biết. Nếu năng thường khéo phân biệt sở hiện của tự tâm, năng biết tất cả tánh bên ngoài chẳng phải tánh. Thấy biết của người đó có thể cùng Phật đồng, pháp được giảng nói cùng Phật không khác. Ngõ vào tự hiểu thánh trí vui vậy. Trong luận Thật tánh có kệ tụng rằng: "Tiếng trống trời diệu pháp, nương tự nghiệp mà có, chư Phật giảng nói pháp, tự nghiệp chúng sinh nghe, như tiếng diệu xa lìa, công dụng ở thân tâm, khiến tất cả chúng sinh, lìa sợ được vắng lặng. Tiếng Phật cũng như vậy, lìa công dụng thân tâm, khiến tất cả chúng sinh, được chứng đạo vắng lặng". Lại có kệ tụng khác nói: "Thí như trong hư không, mưa nước tám công đức, đến các nơi mặn v.v... sinh các thứ vị khác, Như Lai mây từ bi, mưa nước tám thánh đạo, đến nơi tâm chúng sinh, sinh ra các thứ vị hiểu". Giải thích: Như tiếng trống trời ứng lượng khả năng biết của các trời, giống như vua rồng mưa tùy theo duyên thế gian năng cảm, chứng tự pháp mà chẳng đồng, thành mùi vị khác mà có riêng biệt, pháp cũng như vậy, tùy thấy sai biệt. Ở nhất thừa mà mở ra các thừa, từ một pháp mà phân thành nhiều pháp. Trong Hoa Nghiêm Tham Huyền Ký nói: "Môn duyên khởi duy tâm là tất cả giáo pháp sai biệt trên đây thảy đều

là do tâm hiển hiện, cho đến đều lấy duy thức làm thể. Nhưng có hai nghĩa: Một là bản ảnh tương đối. Hai là nói nghe toàn thâu. Trong một là ,,thông biện rành các giáo, gồm có bốn câu: một là chỉ bản chất không ảnh tượng, như tiểu thừa giáo vì không nghĩa của duy thức vậy. Các Luận sư Đạt-ma-đa-la v.v... phần nhiều lập nghĩa đó. Hai là, cũng bản chất cũng ảnh tượng, như Đại thừa thủy giáo, ngoài tâm chúng sinh, Phật có các pháp sắc thanh vi diệu. Do duyên lực lớn mạnh căn lành của người nghe, kích động hạt giống lợi tha của Phật làm nhân, ở trên trí Phật, văn nghĩa cùng sinh, làm bản tánh cùng giáo, do duyên lực lớn mạnh giáo đây của Phật kích động người nghe pháp có lưu xuất hạt giống căn lành, văn nghĩa cùng sinh trên thức của người nghe làm ảnh tượng cùng giáo. Trong luận Duy Thức Tam Thập Tụng nói: "Sức triển chuyển lớn mạnh, hai thức thành quyết định, các Luận sư hộ pháp v.v... đều lập nghĩa đó. Ba là, chỉ ảnh tượng không bản chất, như Đại thừa chung giáo, lìa tâm chúng sinh, Phật quả không có sắc thân âm thanh sự tướng công đức, chỉ có như như và trí như như. Đại bi đại nguyện làm duyên lớn mạnh, trong tâm chúng sinh căn cơ thuần thục thọ nhận giáo hóa hiển bày sắc thanh Phật giảng nói pháp. Cho nên thánh giáo chỉ là ảnh tượng trong tâm chúng sinh nên trong kinh có kệ tụng rằng: "Tất cả các Như Lai, không có nói pháp Phật, tùy căn cơ đáng hóa, mà vì diễn nói pháp". Lại có kệ tụng khác nói: "Pháp thân Như Lai chẳng nghĩ bàn, không sắc không tướng không sánh bằng, hiện bày sắc tướng vì chúng sinh, mười phương thọ hóa thảy đều thấy". Như vậy chẳng phải một, các Luận sư Long Quân, Kiên Tuệ v.v... đều lập nghĩa đó. Bốn là, chẳng phải bản chất, chẳng phải ảnh tượng, như trong đốn giáo. Chẳng phải ngay ngoài tâm không có Phật sắc v.v... mà Phật hiển hiện của trong tâm chúng sinh cũng đáng là tướng không, vì chỉ là thức không ảnh tượng khác biệt, tánh của sắc v.v... lìa không chỗ có, tất cả không lời, không lời cũng không cho nên Thánh giáo tức là giáo của không giáo như trong kinh có kệ tụng rằng: "Như Lai chẳng ra đời, cũng không có Niết-bàn". Lại nữa, trong kinh Mật Nghiêm nói rõ Phật thường trú pháp giới không ra đời v.v... tông của Long Thọ v.v... phần nhiều lập nghĩa đó. Đó có bốn thuyết mà gồm làm một giáo, viên dung vô ngại, đều chẳng cùng ngăn ngăn. Vì mỗi mỗi thánh giáo từ cạn đến sâu đều gồm chúng sinh vậy. Tư duy đó có thể thấy! Trong hai nói nghe toàn thâu là cũng gồm có bốn câu: Một là, lìa ngoài tâm Phật, không có chúng sinh sở hóa, huống gì là giáo sở thuyết cho nên chỉ là hiển hiện của tâm Phật, nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là các chúng sinh không có tự

thể riêng biệt, quậy Như Lai tạng để thành chúng sinh, nhưng Như Lai tạng đó tức là thí chứng làm tự thể. Cho nên khắp thể chúng sinh đều tại trong tâm trí Phật. Trong kinh có kệ tụng rằng: "Chư Phật đều rõ biết, tất cả từ tâm chuyển". Lại nói: "Như Lai trong thân Bồ-đề, đều thấy tất cả chúng sinh phát tâm phát tâm Bồ-đề, thành Đẳng chánh giác, cho đến thấy tất cả chúng sinh đều đã tịch diệt, cũng lại như vậy thảy đều một tánh, vì vô tánh vậy". Lại có kệ tụng rằng: "Ba đời tất cả kiếp, cõi Phật và các pháp, các căn tâm tâm pháp, tất cả pháp hư vọng ở trong thân một Phật, pháp đây đều hiển hiện", cho nên lìa tâm trí Phật không một pháp có thể được. Hai là, tất cả đều tại trong tâm chúng sinh. Vì lìa chúng sinh, không có Phật đức riêng biệt, nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là Phật chứng nhân như thành Phật ngay trong tâm chúng sinh, cũng như thủy giác đồng với bản giác vậy. Cho nên tất cả đều tại trong tâm chúng sinh, từ thể khởi dụng, lúc thân ứng hóa, tức là dụng đại của châu như trong tâm chúng sinh, không Phật nào riêng khác. Ba là, tùy một thánh giáo toàn chỉ hai tâm, vì hai thuyết trước chẳng lìa nhau vậy, nghĩa là Phật trong tâm chúng sinh vì chúng sinh trong tâm Phật mà giảng pháp. Như vậy, toàn thâu nói nghe vô ngại, đó gọi là đạo lý duy thức sâu mầu vậy. Bốn là, hoặc thánh giáo ấy đều chẳng phải hai tâm. Vì cả hai đều là hình đoạt chẳng đều hiển hiện vậy, song dung hai vị không gì chẳng hết, nghĩa là chúng sinh trong tâm Phật không nghe ấy vậy. Phật trong tâm chúng sinh không nói ấy vậy, cả hai đều rành rẽ, cả hai cùng hết vậy. Trong kinh nói: "Phàm nói pháp là không nói không chỉ bày, nghe pháp đó là không nghe không đắc". Lại trong kinh có kệ tụng: "Nơi chúng sinh sinh chẳng phải sinh, cũng không lưu chuyển trong sinh tử". Lại có kệ tụng khác nói: "Như Lai không nói pháp, cũng không độ chúng sinh", cho nên với bốn câu đây trong một thánh giáo tròn chứa vô ngại, mới là rốt ráo.

Trong, Hoa Nghiêm diễn nghĩa có câu hỏi rằng: "Chúng sinh và Phật ước về thể tuy đồng, nhưng tướng và dụng riêng khác, há được toàn ư?

Giải thích: Từ thể khởi dụng, dụng chẳng khác thể, thể tức là thể của chúng sinh. Dụng đâu lìa chúng sinh, nên y cứ thể mà khởi dụng, tức là dụng đại của chân như trong tâm chúng sinh, không có Phật nào riêng khác. Nếu vậy, trong luận Khởi Tín đã có nghĩa đó. Cớ sao riêng nói Hoa Nghiêm là Biệt giáo ư? Giải thích: Luận Khởi Tín tuy nói: Thủy giác bản giác không hai, thể tướng dụng ba đại gồm đồng, mà là tự tâm mỗi mỗi tu chứng, chẳng nói chúng sinh và Phật cả hai chỗ tương

gồm thâu, đó là dụng trong văn luận Khởi Tín, thành nghĩa của Hoa Nghiêm. Lại nữa, nói và nghe toàn thâu, chúng sinh và Phật cùng tồn tại là lược nêu hai thí dụ: một là như một gương sáng, thầy trò cùng đối nhau nói và nghe, vì thầy thủ lấy đó tức là gương thầy, trò thủ lấy đó tức là gương trò. Gương dụ như nhất tâm, thầy và trò dụ như chúng sinh và Phật, đó nghĩa là Hòa thượng trong gương đệ tử vì đệ tử trong gương Hòa thượng mà nói pháp. Đệ tử trong gương Hòa thượng nghe Hòa thượng trong gương đệ tử nói pháp. Những người có hay biết xin rõ thí dụ đó! Thí dụ đó còn sợ chưa rõ hiểu. Lại như nước và sữa hòa đồng một nơi mà qua lại làm năng hóa sở hóa. Tạm thuận theo nghe vào nói, lấy năng hòa làm nói, sở hòa làm nghe, tạm lấy nước dụ như Phật, sữa dụ như chúng sinh, nên nói nước của trong sữa hòa với sữa của trong nước, sữa của trong nước nhận nước của trong sữa. Tuy đồng một vị, năng sở rõ ràng, tuy năng sở uyển nhiên mà hổ tương cùng tồn tại cùng khắp cùng và cùng gom nhiếp. Tư duy để chuẩn cứ đó. Lại nữa, Phật trong tâm chúng sinh, đó tức là nói chúng sinh xứng tánh khắp cùng, mà Phật chẳng hoại tướng ở trong tâm chúng sinh. Nói vì chúng sinh trong tâm Phật mà nói pháp, đó là nói Phật tâm xứng tánh khắp cùng, mà chúng sinh chẳng hoại tướng ở trong tâm Phật vậy. Không có lý nào riêng khác, chỉ có khác của nói và nghe vậy. Vậy biết, tất cả ngữ ngôn của chúng sinh đều là chánh thể của pháp luân, nếu lìa lời nói của chúng sinh tức Phật không sở thuyết. Các bậc Tiên đức nói: "Nếu lìa phương ngôn thì thật không nói, thánh nhân không tâm, lấy tâm muôn vật làm tâm, thánh nhân không thân cũng lấy thân muôn vật làm thân, tức biết thánh nhân không lời cũng lấy lời của muôn vật làm lời vậy". Luận Hoa Nghiêm nói: "Tất cả cảnh giới thánh phàm, quả báo trang nghiêm, dùng làm thể giáo, đó là thấy cảnh phát tâm, chẳng đợi nói vậy. Thấy ác, chán ghét đó, thấy thiện vui thích đó, tất cả hay khởi thiện vậy. Lại nữa, tất cả pháp không gì chẳng là Phật sự. Lại vì tự tánh tất cả pháp thanh tịnh dùng làm thể giáo, vì sức quán sát tâm khế hợp tự tương ưng nên chẳng đợi nói vậy. Lại vì bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi lấy làm thể giáo, người thấy cung kính phát tâm, chẳng đợi nói vậy". Trong Triệu Luận nói: "Vi, chẳng gì lớn bằng nên trở lại nhỏ thành. Thi, chẳng gì rộng bằng nên trở về vô sinh. Thế nào là nhỏ thành? Là pháp môn thông cả trăm ngàn hằng sa, là tâm địa ở đầu sợi lông. Thế nào là vô danh? Hình giáo khắp ở ba ngàn, có thể được của không danh tướng, nên phải tông và thuyết cả hai đều thông, mới thành bậc thầy khéo giỏi". Do đó, trong kinh có kệ tụng: "Tông thông tự tu hành, thuyết

thông bày chưa ngộ”. Đại sư Chân Giác nói: “Tông cũng thông, thuyết cũng thông, định, tuệ tròn sáng chẳng trệ không”. Tông thông là định thuyết thông là tuệ, thì tông và thuyết đều bày. Định và tuệ đều rõ, hai nghĩa cùng thành, khuyết một không thể được, như trong kinh Pháp Hoa nói: “Định tuệ lực trang nghiêm lấy đó độ chúng sinh”. Lại, người xưa có kệ tụng rằng: “Thuyết thông tông chẳng thông, như mặt nhật mây che, tông thông thuyết cũng thông, như mặt nhật giữa không”. Nên biết, nếu trước rõ tông thì nói không lỗi lầm, nên trong phẩm tựa kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói: “Lại thấy các Bồ-tát, biết tướng pháp vắng lặng, mới tự ở nước mình, nói pháp cầu Phật đạo”. Lại, phàm có thuyên bày hình ở ngôn giáo đều là minh tâm, chẳng thuyên giảng các pháp khác, hoặc nói rộng lớn tự tại. Đó là ước về đức tướng để rõ tâm, hoặc nói tịch diệt vô vi, đó là nói về lìa lỗi lầm để rõ tâm, cho đến hoặc nói về sự là sự của tâm, hoặc nói về lý là lý của tâm, nên nói ngàn kinh muôn luận đều là nói tâm. Đâu chỉ tông kính ư? Như trong kinh Pháp Hoa nói: “Vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện nơi đời”. Phàm nói đại tức không gì vượt hơn tâm. Trong ngũ đại, hư không là tối đại, mà còn bị tâm bao hàm. Nên trong kinh Thủ- lăng nghiêm nói: “Không sinh trong đại giác, như biển nổi bọt bóng”. Lại nói: “Tịch chiếu trùm hư không”. Đại đó chẳng phải đối với số lượng mà xưng đại. Lại chẳng phải hình đối đải mà xưng đại, nên nói là một đại sự. Lại, một đó chẳng phải một, như trong kinh Pháp Cú có bài tụng: “Sum la và muôn tượng, một pháp in nên vậy, một cũng chẳng là một, vì muốn phá các số”. Nên biết chư Phật xuất hiện nơi đời, Tổ sư từ Tây Vức lại, đều vì làm rõ yếu chỉ đó, chẳng phải vì việc gì riêng khác. Trong Khởi Tín Sao nói: “Nhất tâm bao gồm muôn hữu, muôn hữu chẳng vượt ngoài nhất tâm”. Đó chỉ là ý tại thể ra, chẳng tại gồm thâu đến muôn pháp, sợ còn thấy của ngoài vật, nên bao gồm đó, nhưng trong các giáo đều nói muôn pháp nhất tâm mà cạn sâu có khác. Nay ước từ ngũ giáo, sơ lược mà biện giải đó: Một là, pháp của người ngu, giáo của Thanh văn, giả nói nhất tâm, nghĩa là các pháp thế gian và xuất thế gian nhiễm tịnh, đều do tâm tạo nghiệp mà cảm nên. Nếu suy bày thì nghĩa của nhất tâm chẳng thành, vì lập tiền cảnh nên nói là giả thuyết. Hai là, Quyền giáo của Đại thừa, nói rõ dị thục A-lại-da lấy làm nhất, ba cõi muôn pháp chỉ là thức biến vậy. Ba là, chung giáo, nói Như Lai tạng lấy làm nhất tâm. Thức, cảnh và các pháp đều là như mong vậy. Bốn là, Đốn giáo, hết sạch nhiễm tịnh, lấy làm nhất tâm, vì phá các số giả danh vậy. Năm là Viên giáo, bao gồm muôn hữu lấy làm nhất tâm, sự lý gốc ngọn không riêng khác vậy. Như

nói ở trên thì trước cạn sau sâu, cạn chẳng đến sâu, sâu hẳn bao gồm cạn. Do đó, Tông kính tuy dẫn đủ thể nhất tâm trong năm giáo để chứng minh nhưng chỉ quy về nhất tâm của Viên giáo, gồm nhiếp các trước vậy. Như trong Sao nói: "Nhất tâm là căn bản của pháp Như Lai giảng nói, bởi duyên Như Lai y cứ nhất tâm đó mà thành tựu vậy". Vậy thì, tin hiểu hành chứng đều y cứ tâm đó từ nêu bày đến hiển rõ, chưa từng lìa đó. Nếu lìa tâm mà được thành Phật, điều ấy hẳn không có, lìa đó mà có thuyết đều là giáo của ngoại đạo. Do đó, trong luận Khởi Tín nói: "Điều gọi là pháp, đó là tâm của chúng sinh, tâm đó là gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, y cứ tâm đó mà hiển bày nghĩa Ma-ha diễn". Trong Sớ Thích nói: "Công năng biện giải pháp, vì thể tướng tâm đó vô ngại, nhiễm tịnh đồng y tựa, thuận dòng hay nghịch dòng, thì chuyển tâm đó. Cho nên vâng thuận theo nhiễm thành ở bất giác, thì gồm về pháp thế gian. Nếu bản giác chẳng biến đổi, và thủy giác trở ngược dòng, thì gồm về pháp xuất thế gian. Đó là còn căn cứ trong môn sinh diệt mà biện giải. Nếu căn cứ ở môn chân như thì dung thông gồm cả, nhiễm tịnh chẳng riêng khác. Như nêu chỉ trên là tận lý chẳng sai nhầm, nhưng tất cả pháp nhiễm tịnh, pháp không tự lập, chỉ do tâm chuyển. Vậy biết nhân tâm mà thành pháp, pháp há chẳng phải tâm. Sở y đã toàn là tâm, năng y sao được có khác, vì năng y từ sở y mà khởi vậy, như sóng từ nước mà nổi, vật dụng từ vàng mà thành, gốc ngọn đều đồng, thể dụng không ngằn mé. Trong Pháp Uyển Nghĩa Lâm nói: "Rõ khắp sở thuyết của các giáo, tất cả chỉ duy thức, chẳng vượt ngoài năm thứ: Một là, duy thức cảnh, như trong A-tỳ-đạt-ma kinh có bài tụng rằng: "Quỷ, bàng sinh, người, trời, mỗi tùy thích ứng đó, mọi sự tâm khác vậy, nghĩa nào chẳng chân thật". Những lời văn như vậy, chỉ nói cảnh sở quán của Duy thức đều là Duy thức cảnh. Hai là, Duy thức giáo. Các bài tụng nói do tự tâm chấp trước v.v... đều là Duy thức giáo. Ba là, Duy thức lý, trong luận Tam Thập Tụng nói: "Các thức ấy chuyển biến, phân biệt sở phân biệt, do đây kia đều không, nên tất cả duy thức". Như vậy, thành lập đạo lý duy thức, đều là Duy thức lý. Bốn là, Duy thức hạnh, các bài tụng "Bồ-tát ở định vị v.v... bốn thứ tầm tư như thật v.v... đều là duy thức hạnh. Năm là, Duy thức quả: như trong kinh Phật Địa nói: "Đại viên cảnh trí, các xứ cảnh thức đều hiện trong đó". Trong kinh Như Lai Công Đức Trang Nghiêm có bài tụng rằng: "Như Lai thức vô cấu, là tịnh cõi vô lậu, giải thoát tất cả chướng. Trí gương tròn tương ưng". Các thuyết như vậy, chỉ thức đắc quả, đều là Duy thức quả. Trong đây nói về cảnh giáo lý hạnh quả v.v... năm thứ duy thức, đều gồm tất

cả duy thức đều hết, nhưng trong các giáo y cứ nghĩa, tùy căn cơ, nên ở duy thức cảnh do các thứ dị thuyết, hoặc y cứ sở chấp để biện giải về duy thức, như trong kinh Lăng nghiêm có bài tụng: "Do tự tâm chấp trước, tâm tợ cảnh ngoài hiện, vì cảnh chẳng phải có, cho nên nói duy tâm", là chỉ y cứ chấp tâm hư vọng hiện vậy. Hoặc y cứ hữu lậu để nói rõ duy thức, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Ba cõi duy tâm", là căn cứ thế gian mà nói duy thức vậy. hoặc y cứ sở chấp và tùy hữu vi, để biện giải duy thức, như luận Tam Thập Dụng nói: "Do giả nói ngũ pháp, có các thứ tướng chuyển kia nương thức biến thành", là nương tự thể của thức mà khởi, hoặc y cứ hữu tình để biện giải duy thức. Trong kinh Vô Cấu Xưng nói: "Tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh, tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm", hoặc y cứ tất cả các pháp có không để biện giải duy thức, như trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Các duyên của thức, do thức hiện thành", hoặc tùy chỉ sự để biện giải duy thức, như trong luận A-tỳ-đạt-ma nêu dẫn trong kinh có kệ tụng rằng: "Quỷ bàng sinh trời người, mỗi tùy thích ứng đó", hoặc tùy chỉ một sự để biện giải duy thức, các thuyết như vậy v.v... vô lượng pháp môn, loại gồm các giáo nghĩa lý hết cả chỉ là giáo thứ năm, gần nói tất cả là duy thức vậy, cho đến biện danh lìa hợp, nhóm hội giải thích là: Lìa tức là biệt, hợp là đồng. Trong các kinh luận mỗi mỗi viên nói tên các quán v.v... nay hợp lại mà giải thích thì chỉ là nghĩa sai biệt của duy thức, chẳng phải thể riêng khác vậy. Một tên có ba mươi hai loại, như trong các kinh Hoa Nghiêm v.v... nói về ngăn cảnh duy thức, thì tên gọi là duy tâm. Trong luận Biện trung biên, nói về ngăn lối chấp biên, thì tên gọi là trung đạo. Trong kinh Bát Nhã nói về tánh giản trạch thì tên gọi là Bát Nhã. Trong kinh Pháp Hoa nói về vận tải cứu cánh thì tên gọi là nhất thừa. Bốn tên gọi đó thông cả năng quán sở quán. Nếu nói về cảnh quán của chân và tục, tức chánh trí chỉ là chân gia hạnh và hậu đắc đều không cả chân và tục. Nếu nói về chứng, tức hậu đắc chỉ là tục. Trong kinh Thắng Man nói ngăn các hư vọng khác, gọi là một thật đế, hiển bày pháp căn bản cũng gọi là một y. Do không mà chứng, lại là tánh không, cũng gọi là không. Bày rõ khác dị vượt khỏi trói buộc, hiển bày gồm Phật đức, Phật từ trong ra, gọi là Như Lai tạng. Rõ ràng thể chẳng nhiễm, pháp tánh chân thật, gọi là tự tánh thanh tịnh tâm, tự thể công đức cũng gọi là pháp thân, hay ra bốn thừa, hay vào hai thừa, cũng gọi là nhất thừa. Khác với nhất thừa nói trong kinh Pháp Hoa, trong kinh Vô Cấu xưng nói ngăn lý có sai biệt, gọi là pháp môn không hai. Trong kinh Đại Tuệ nói bày không khởi tận cũng gọi là bất sinh bất diệt. Trong kinh Niết-

bàn, nói bày rõ pháp thân nhân nhiều, gọi là Phật tánh, lìa trói buộc giải thoát cũng gọi là Niết-bàn. Trong kinh Lăng nghiêm nói bày lìa ngôn thuyết gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Trong Du- già v.v... nói hiển bày khái niệm chẳng thể nghĩ bàn gọi là chẳng phải an lập. Trong luận Nhiếp Đại thừa v.v... nói: hiển bày khắp thường v.v... đây, gọi là viên thành thật. Trong luận đối pháp v.v... nói rõ ràng chẳng phải dối trá, đảo điên gọi là chân như, mười lăm loại tên đây, chỉ là lý sở quán, chỉ là cảnh của chân trí, sợ văn nhiều rộng nên lược nêu bày như vậy, chẳng phải là không có, nói là pháp tánh của pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh lìa sinh, pháp định pháp trú, pháp vị, chân tế, hư không giới, vô ngã, thắng nghĩa, bất tư nghì giới v.v... cho đến trong Du-già thi thiết, chẳng phải thi thiết, cạn sâu khác vậy, gọi là an lập, chẳng phải an lập đế, tức trong kinh Thắng Man nói có hữu tác tứ thánh đế, vô tác tứ thánh đế. Trong kinh Niết-bàn cũng nói là thắng nghĩa đế và thế tục đế. Cho đến trong kinh Giải Thâm Mật v.v... nói hiển bày tất cả pháp, sự lý có không, chủng loại sai biệt, gọi là ba tánh. Hiển bày ba đều không biến kế, sở chấp cũng gọi là ba vô tánh. Lại, trong Du già v.v... nói rõ phương tiện của lìa trói buộc, cũng gọi là ba môn giải thoát. Bày ấn lý sâu, gọi là ba vô sinh nhẫn. Trong luận Đại Trí Độ nói hiển bày sai biệt, gọi là tứ Tất-đàn. Các luận về sau quan sát tinh tế cũng gọi là tứ như thật trí. Trong kinh Nhân Vương nói địa vị khác biệt, ấn khả cũng gọi là ngũ nhẫn. Tất cả như vậy, tuy khác danh thuyết nhưng đều là tên cảnh trí sai biệt của duy thức trong đây vậy.

Hoặc nữa, hoặc nói thể của nhân quả đều là một, do tác dụng của thức thành nhiều. Một loại nghĩa Bồ-tát, hoặc nhân quả đều nói hai. Trong phần quyết trạch có thuyết tâm địa nói là bản thức và chuyển thức, hoặc chỉ nhân nói ba. Trong luận Biện Trung Biên có bài tụng nói: "Thức sinh biến tợ nghĩa, hữu tình ngã và liễu, hoặc nhân quả đều nói là ba. Trong luận Duy thức Tam Thập Tụng nói đó là dị thục tư lương và liễu biệt cảnh thức, nhiều tánh dị thục, nên riêng nói đó. A-đà-na gọi là lý thông quả, hoặc chỉ quả nói là bốn. Trong kinh Phật địa v.v... nói phẩm Trí, hoặc nhân quả đều nói là sáu (ở đây thiếu nghĩa thứ năm, các bản khác cũng không). Tùy thuận trong kinh tiểu thừa nói sáu thức, hoặc nhân quả đều nói là bảy. Các giáo nói bảy tâm giới, hoặc nhân quả đều nói là tám. Nói là tám thức, hoặc nhân quả hợp gọi là chín. Bài tụng thứ chín trong kinh Lăng già nói: "Tám chín mỗi mỗi thức, như các sóng trong nước". Đây là y cứ trong kinh vô tướng luận đồng tánh, kia lấy chân như làm thức thứ chín, chân một tục tám cả hai hợp lại mà

nói vậy. Nay lấy tịnh vị bản thức thứ tám làm thứ chín, bản thức nhiễm tịnh mỗi mỗi riêng biệt mà luận bàn vậy, gốc của sở y vậy. Thứ chín lại còn gọi là thức A-mạt-la. Nhiễm tịnh của thứ tám riêng nói dùng làm thứ chín vậy. Nói như vậy, các thứ sai biệt, mỗi mỗi lược qua mà luận. Y cứ luận Thành duy thức nói: "tự tánh tám thức, chẳng thể nói là định hay dị, vì là tánh nhân quả, tánh không cố định, như sóng và nước cũng chẳng phải định một hành tướng sở y, duyên tướng nên khác, nên khởi diệt khác vậy, huân tập khác vậy. Trong kinh Lăng-già có bài tụng nói: "Tâm ý thức tám thứ, tục nên tướng có khác, chân nên tướng không khác, tướng sở tướng không vậy". Như vậy, tất cả thức loại sai biệt gọi là Duy thức, thức huyền tánh đó, nếu là gia hạnh quán thì chỉ cộng chẳng phải tự, nếu là hậu đắc quán là tự tướng quán, mỗi mỗi y tha, mỗi mỗi chứng vậy. Nêu dẫn như trên thì biết sở chứng của chư Phật, sở tu của Bồ-tát, hoặc giáo hoặc lý, hoặc nhân hoặc quả, hoặc hạnh hoặc vị, cho đến thế gian hay xuất thế gian tất cả muôn pháp, không một mảy may pháp nào chẳng là tâm. Đại chỉ của tông kính, người thấy nghe tin hướng đến đó, như nơi in của ấn báu, nơi chiếu của gương sáng, có khả năng trọn tuyệt mảy may nghi ngờ vậy. chỉ tất cả các loài dị sinh mao đạo, hoặc ở bất tịnh tụ, tập tánh dễ nhiễm giống tợ tơ trắng. Như Mạnh tử nói: "Tánh người như nước chảy xiết, xói tây thì tây, xói đông thì đông, giống như ấu trùng ngoài, ăn lá vàng thì thân vàng, ăn lá xanh thì thân xanh". Vả lại, trong tám thức, chủng tử mười pháp giới đều có, tùy pháp được nghe mà phát khởi hiện hành. Nếu nghe văn của tông kính, tức huân khởi hạt giống Phật thừa, nhưng phải nhiễm thần nhập tâm cùng người thấy tánh, chẳng đợi tai vào miệng ra chỉ ghi nhớ lời nói phù phiếm. Như Tuân Khanh tử nói: "Học của quân tử là vào trong thần, dính nơi tâm, ban trải khắp tứ chi, động tỉnh đều có thể làm pháp. Học của tiểu nhân, vào nơi tai ra nơi miệng, giữa không tai miệng chỉ có bốn tấc vậy, sao đủ làm đẹp tấm thân cao lớn bảy thước ư?

Hỏi: "Mười phương chư Phật, biển giáo vô tận, rộng lớn vô biên, cớ sao chỉ trong mười pho mà nói gom nhặt hết ư?

Đáp: Nếu trải sự phân rộng thì lời quá biển giáo vô cùng, nếu nhóm rút diệu chỉ đó thì lý hết trong văn cốt yếu trăm quyển, một lời đã thấu đạt bản nguyên đó. Huống gì là mười pho, vì vô lượng kinh giáo đều là nhất tâm. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: "Các thứ ngôn từ diễn nói một pháp". Như trong thành lộ nan của Phó Đại sĩ nói: "Ông không thấy ư? Tâm tướng nhỏ nhiệm, rất tinh lạ, chẳng phải làm, chẳng phải duyên, chẳng phải danh sắc, tuy là chợt nhiên chẳng phải có tướng,

hoặc phàm, hoặc thánh, linh của chính mình. Linh đó không hình mà thường ứng, tuy là thường ứng mà thật không hình. Tâm tánh không đến cũng không đi, duyên lo nghị lưu chuyển thật không ngừng, chánh giác giác chân thường giác ấy. Phương tiện thô uyển chế tôn kinh". Lại nói: "Năng biết tâm đây không cách ngại, sinh tử hư vọng chẳng thể ràng, mà một tâm đây thảy đều đủ, tám vạn bốn ngàn các luật nghi". Trong kinh Tư Ích nói: "Thí như lửa lớn tất cả các ảnh lửa đều là tướng thiêu đốt. Như vậy, nay các thiện nam nói là pháp, đều vào pháp tánh", nên biết tất cả phàm thánh có nói năng gì đều vào trong Tông kính, trọn không pháp khác. Do đó, trong kinh có kệ tụng rằng: "Lời thô và tiếng tế, đều về nghĩa đệ nhất". Cho đến, thuyết của trước sau ngang dọc, văn rộng lược mỗi mỗi đều là dẫn vào trong nghĩa đệ nhất. Nếu thật vào trong đó, thì Phật pháp đều bình đẳng hiện, chẳng dùng ghi nhớ một chữ, niệm hết tất cả kinh, chẳng dùng giải một pháp, hợp hết vô biên nghĩa, chẳng dùng nói một câu, thường chuyển chánh pháp luân, chẳng dùng dất một bước, tham khắp bạn pháp giới. Tại sao? Nếu ghi nhớ được là tưởng biên tế, nếu giải được là lạc trong ý căn, nếu nói được là môn biện tài, nếu tham được là rơi lạc học địa ở ngoài, đều chẳng phải sự việc ở chính mình, trong tông kính chẳng gồm thâu, như tay nhón lấy hư không, mệt nhọc tâm lực. Vì thế, nghinh đó mà chẳng thấy trước, theo đó mà chẳng thấy sau. Còn đó mà mỗi mỗi đều không, mất đó mà xứ xứ đều có. Nên Hòa thượng Chí Công nói: "Việc bên ngoài lời Phật Tổ nói, chấp đấm xưa nay lại chẳng phải, tác ý cầu tìm vết chẳng thật, ma sinh tử lại mặc tình thử". Các bậc Tiên đức nói: "Thứ nhất chẳng được ở một cơ một giáo, bên cạnh thủ lấy văn làm giải, thật không có định pháp mà Như Lai có thể nói: Trong tông môn ta chẳng luận việc ấy, chỉ biết tự tâm tức dừng, chẳng dùng nghĩ trước tính sau". Lại có kệ tụng nói: "Ngàn thứ so chẳng được, muôn thứ sinh chẳng thành, bậc trí không thể biết, thượng hiền chẳng thể hay".

Hỏi: "Đã đàm đạo của vô ngôn, chân của tuyệt tướng, cớ sao dẫn khắp ngôn thuyên, nói rộng về hành tướng".

Đáp: Chẳng phải lới lẽ, lấy gì để biết không lời lẽ, chẳng phải tướng thì gì có thể hiển bày tướng? Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Rõ pháp chẳng tại lời, khéo vào khoảng không lời, mà hay bày nói năng, như vang khắp thế gian". Trong kinh Tịnh Danh nói: "Phàm nói pháp là không nói không bày không lời lẽ không nói nên nói đang như nói pháp". Lại nói: "Không lìa văn tự, nói giải thoát vậy". Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng: "Các pháp tướng vắng lặng, không thể

dùng nói bày, do dùng sức phương tiện vì năm Tỳ-kheo nói". Lại, có kệ tụng khác nói: "Lại thấy Bồ-tát, trú thiền chấp tay, dùng ngàn muôn kệ, tán thán pháp vương". Đó đều dùng không lời mà hiển bày lời lẽ, ngôn hiển bày vô ngôn vậy. Lại nữa, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Phật lấy pháp làm thân, thanh tịnh như hư không, hiện bày các sắc tướng khiến vào trong pháp đây". Lại có kệ tụng khác nói: "Sắc thân chẳng phải Phật, âm thanh cũng như vậy, cũng chẳng lìa sắc thanh, thấy sức thần thông Phật". Trong kinh Kim Cang nói: "Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai". Đó đều dùng tướng để hiểu bày vô tướng vậy, thì không lời lẽ chẳng ngại lời lẽ, vô tướng chẳng ngại tướng. Nên biết không lời lẽ tức lời lẽ, không từng thể riêng biệt, tướng tức vô tướng, đâu có hình khác. Nên có kệ tụng rằng: "Trong không không có hai, không hai cũng như vậy, ba cõi tất cả không, đó là chư Phật thấy". Vả lại, trong sự thấy của chư Phật, nào lập thấy có không đồng khác ư? Nên các bậc Tiên đức nói: "Do vì Phật chứng lìa ngôn, lưu tâm âm thanh ngoài nghe ngóng, diễn nói đại tụng nơi cung rồng. Nên biết chỉ thú chẳng phải xa, công hạnh được đó thì sâu mầu, ngôn tướng chẳng phải gần, hư hoài rõ đó mà nhắm đến. Lý ngôn tuyệt mà chẳng phải tuyệt, dấy nhiều huyền tịch mà chẳng phải dấy, nên ngay lời lẽ mà mất lời lẽ. Do đó, lời lẽ của vô ngôn phân ngang hiển giáo. có của chẳng có lập cao trời nghĩa". Như trong lời tựa Duy Thức Sớ Sao Thích nói: "Sớ nói: lời lẽ của không lời gió cảnh, hữu của phi hữu sáng vọt". Bốn câu sớ văn đó, hai câu đầu hiển bày bản chất giáo của Phật. Hai câu sau hiển bày ảnh tượng giáo của người nghe. Tại sao? Vì giáo của Phật nói là lìa tâm không thể, gọi là vô ngôn, từ tâm mà hiện nên gọi là ngôn. Đó là khả năng kích phát tợ như gió cảnh tỉnh, tức Phật đối với trên hậu đắc trí lợi tha, có ba thừa mười hai phần giáo đột nhiên hiển hiện, tức làm duyên tăng thượng cho chúng sinh, muốn khiến người nghe biết trên có tướng văn nghĩa sinh, nên nói ngôn của vô ngôn gió cảnh vậy. Hữu của phi hữu sóng vọt là tức người nghe biết tướng văn nghĩa trên sinh, nhân chất mà khởi giáo nên có tợ như sóng vọt. Lìa tâm không thể gọi là phi hữu, từ tâm mà hiển hiện gọi đó là hữu. Lại nói: "Tỏ ngộ đó thì được lý mất lời, mê mờ đó thì chấp văn xen bỏ chỉ, chứng đắc đó thì lời lý nhất tâm". Vậy biết, nếu vào tông kính thì không văn nào ngoài yếu chỉ có thể chấp, không yếu chỉ nào ngoài văn có thể tôn, lý sự đều tiêu, mê ngộ đều tuyệt.

Hỏi: "Từ thiền định mà phát tuệ, nhân tỉnh lự mà chứng chân sao chẳng khiến dứt niệm lắng thần, ngầm tông chiếu thể? Nên nói thiền

năng tẩy dục cấu của căn tình, dập núi cao kiết sử, giảm gió mạnh của giác quán, ngăn tên độc phiền não. Sao mới luận rộng thuyết tổng biệt thuyết Phật tâm, làm hoặc loạn hàng sơ cơ, trái với chánh điển vậy ư?

Đáp: Thiền có bốn thứ: Một là, làm kế khác vui chuộng trên nhàm chán dưới mà tu là thiền ngoại đạo. Hai là, tin chánh nhân quả cũng để vui thích và nhàm chán mà tu là thiền phàm phu. Ba là, rõ lý sinh không, chứng đạo thiên chân mà tu là thiền tiểu thừa. Bốn là, đạt nhân không pháp không mà tu là thiền đại thừa. Nếu trái với giáo mà chỉ thành mờ tối chứng, đó chỉ vì mắt mình không sáng, giữ lấy im lặng mà chỉ tọa thiền si. Do đó, tuệ tâm chẳng tỏa, nhọc dấy tà hạnh, luống tạm chân tu, mới vào đạo` giáo quán phải đầy đủ, chấp quán môn mà bỏ giáo chỉ, trọn thành ngu thượng mạn. Theo kẻ khác nói mà trái với tự tâm, thật chuốc nhận cười chê đếm của báu. Do đó, Hoa Nghiêm nói rõ thành tựu tuệ vô sinh trước phải nhờ đa văn, Phật tạng nói bày chóng vào cửa Niết-bàn đều nhân nghe pháp. Như trong kinh Phật Tạng có kệ tụng rằng: "Trăm ngàn tăng dê câm, không tuệ tu tỉnh dầu trải trăm ngàn kiếp, không một đắc Niết-bàn, người trí tuệ thông mẫn, nặng nghe pháp nói pháp, thâu niệm trong khoảnh khắc, hẳn chóng đến Niết-bàn". Kệ tụng đó là tự lợi vào đạo vậy. Lại trong kinh có kệ tụng rằng: "Giả sử đầu đội trần sa kiếp, thân làm giường tòa khắp ba ngàn, nếu chẳng truyền pháp lợi chúng sinh quyết định không thể báo đáp thật". Bài tụng đó là lợi tha báo ân vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói rõ Bồ-tát chứng vô sinh phát tuệ sáng đều nhân khéo léo nghe nhiều. Lại, nghe có công năng hỗ trợ quán sát khởi tin, năng kiên mãn tự hạnh. Nói có sức đoạn nghi thành thật, có khả năng giáo hóa kẻ khác. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Thí như báu trong tối, không đèn chẳng thể thấy, Phật pháp không người nói, tuy trí chẳng thể rõ". Vì vậy, nói giáo viên đốn in tâm chúng sinh, mở của đại thí, thành ích vô biên. Nếu chẳng lấy đó chỉ bày người, tuy có lợi tha mà chẳng phải tận thiện và ích lợi man mác, lực dụng rất nhiều, nếu chỉ ngay tự tâm toàn bày vật báu trong nhà, như dốc đẩy đổ kho, bố thí không ngăn ngại, suốt quả gần nhân, rốt ráo thường lạc. Vì vậy, trong Phụ Hành ký nói: "Nếu dùng quyền pháp giáo hóa người, pháp môn tuy mở mà chẳng gọi là dốc kho tàng". Nay nơi nhất tâm mở cửa lợi vật, dốc kho bí mật, bày châu chân thật. Tâm đã chẳng cùng, kho cũng vô lượng, kho đã vô lượng, châu cũng vô biên, bao hàm tất cả pháp nên gọi là tạng (kho), lý thể không khuyết, dùng châu để thí dụ đó. Đó là chỉ bày chúng sinh vốn có giác tạng, chẳng phải từ ngoài đến. Trong kinh- Duy ma nói: "Pháp thí hội là không trước

không sau, một thời cúng dường tất cả chúng sinh. Đó gọi là hội của pháp thí”. Pháp sư La thập nói: “Nếu một khởi tâm từ thì mười phương đồng duyên. Tối cao của trong bố thí, không gì trên trước đây vậy. Nếu nói là không trước không sau”. Pháp sư Tăng Triệu nói: “Phàm dùng phương họp người không thể trong một hơi thở làm kỳ hạn, dùng tài vật cứu tế, không thể trong một thời gian mà khắp cùng”. Vì vậy hội thông không phương góc là lan tràn mà chẳng rĩ lọt. Pháp đượm ngầm khắp là chẳng đổi thời mà đồng trùm khắp, nên năng tức không biên cương làm một hội mà đạo không đâu chẳng đượm nhuần. Hư tâm hoài đức mà vật tự phụ, sao lại vì tiểu tuệ như nước bọt mà bỏ lợi ích lớn như sông biển, đặt pháp dưỡng một thời mà bày tục thí trước sau ư? Phàm, tài dưỡng là dưỡng thân, pháp dưỡng là dưỡng thần. Đạo dưỡng thần tồn tại ở ngầm ích, quần sinh lấy vô cùng làm đường trần, mờ mịt tiếp nối chẳng thể tự quay trở lại. Nên bậc Đại sĩ tạo lập đức chẳng tự vì thân, thiện trong một niệm đều về quần sinh, chỉ vì quần sinh nên hạnh nguyện đều thành quả, hạnh quả thì công mình lập, nguyện quả thì quần sinh lợi ích, công mình lập thì có khả năng cứu tế vật. Quần sinh lợi ích thì có phần ngược lại dòng. Nhưng, Bồ-tát mới đầu tạo lập đức ở trong, quần sinh do được lợi ích ở ngoài vậy, sao hẳn phải đợi mớm nuôi mở dắt sau mới làm lợi ích ư? Vì Bồ-đề là đạo của cứu tế rộng khắp vậy, cho nên vì Bồ-đề mà khởi từ tâm thì trong một niệm một thời lợi ích không ngằn mé vậy. Vậy thì nương nhờ ánh sáng của Tông kính soi chiếu khắp pháp giới, nào có sót thừa ư? Như trong Thủ Lăng- nghiêm sớ sao nói: “Tâm linh muôn biến lúc tọa thiền an định, cảnh ma ngàn sai đều chẳng thể biết”. Xưa kia có một Thiền sư an tọa trong núi, thấy một người con hiếu vác thây chết đem đến trước mặt thiền sư mà khóc nói: “Cớ sao giết mẹ tôi vậy?” Thiền sư biết đó là ma, nên tư duy rằng: “Đây là cảnh ma, ta dùng búa chém phá tức có thể chẳng được giải thoát”. Bèn lấy búa ở trên cột chém một nhát, người con hiếu kia bỏ chạy mất. Sau đó cảm giác trên đùi về có thấm ướt, trông nhìn kỹ thì thật là máu, chẳng hẹn mà tự chém, đó là lúc chánh tọa thiền, trong tâm khởi thấy bèn cảm ngoại ma đến vào trong tâm hành nhân, không biết đều do tự tâm. Hoặc tự ca múa v.v... vốn là ảnh tượng của tự tâm. Nên biết nếu rõ duy tâm thì các cảnh tự diệt, xứ nào ngoài tâm riêng có cảnh ma ư? Lại nữa, xưa kia có một Thiền sư đang tỉnh tọa thấy một con heo đến trước mặt, Thiền sư cho là ma nên thong thả nắm lấy mũi heo kéo cho kêu la. Có người cầm đèn lại xem thì thấy Hòa thượng tự nắm lỗ mũi mà kêu la. Rõ ràng biết do tâm biến. Chỉ tu chánh định, sao có việc ma? Như trong

kinh nói: "Tâm ông chẳng rõ, nhận giặc làm con. Năm mươi thứ cảnh ma đều do vọng tâm làm giặc con trộm cướp pháp tài trí bảo trong pháp giới của ngươi, ở nơi ba cõi qua lại chịu khổ nghèo cùng loi lẽ".

Hỏi: Thế gian nhiễm pháp có tham sân si làm sở tại, xuất thế gian tịnh pháp có giới định tuệ làm năng trị, thì chân tục hổ tương hiển bày năng sở đối trị, hành tướng rành rẽ, lý sự đủ đầy. Cớ sao chỉ nói yếu chỉ của nhất tâm năng bao trùm cả muôn pháp ư?

Đáp: Các bậc Cổ đức nói: "Chí đạo vốn ở tâm đó, tâm pháp vốn ở vô trú, vô trú tâm rõ linh biết không mờ tối, chỉ muôn pháp sinh ra đều y cứ vô trú nhất tâm làm thể, lìa ngoài tâm không riêng có pháp, như các cơn sóng đều nương nước, lìa nước không riêng có pháp, như các cơn sóng đều nương nước, lìa nước không sóng, muôn tượng nương hư không, lìa hư không không có các tượng". Trong luận Đại trang nghiêm có kệ tụng rằng: "Lìa xa nơi pháp giới không riêng có pháp tham, cho nên chư Phật nói, tham sinh tham khác vậy. Như Phật trước nói, ta chẳng nói có pháp tham khác hay sinh ra ở tham, sân si cũng vậy. Do lìa pháp giới riêng pháp không thể. Cho nên tánh pháp tham v.v... được tên gọi là tham v.v... đây nói tánh pháp tham v.v... năng tham sinh ra tham v.v... có nghĩa đó là chỉ thú của kinh". Lại có bài tụng rằng: "Từ tham khởi từ chánh, từ tham được giải thoát, nên nói tham sinh tham, sân si sinh cũng vậy". Giải thích: Lìa ngoài tham không riêng có pháp. Vì tham pháp giới vậy thì tất cả pháp thú hướng tới tham, thú hướng không lỗi lầm. Tại sao? Nếu từ tham mà thủ hướng tư duy chân chánh, rõ biết tham không tự tánh thì ở nơi tham mà được giải thoát. Nếu ở nơi tham mà khởi tưởng tà, mê tham sinh chấp trước, thì ở nơi tham bị trói buộc. Trói buộc và giải thoát bèn thành hai môn chân và tục, ở nơi hai môn chân và tục thì bao gồm tất cả các pháp nhiễm tịnh. Tham là một pháp đã vậy, ngoài ra sân si v.v... tám vạn bốn ngàn môn trần lao phiền não cũng vậy. Mỗi mỗi khắp trùm cả pháp giới vậy. Đó là môn chỉ thú của các kinh, cũng có thể là đại ý toàn chứng Tông kính vậy. Nếu mê lầm phương tiện tham các nghĩa môn thì nước nghi ngờ trôi dạt người, trông thành càn-thát-bà mà đặt chân, tựa giữa hư không mà tự mất, được thật sao lo. Yếu chỉ của nhất tâm đây là muôn đức đều gồm về, hoặc thiện hoặc ác đều hay xoay chuyển, hoặc nghịch hoặc thuận đều khiến khéo thành. Do đó, trong mười huyền môn có môn duy tâm xoay chuyển khèo thành. Xưa trước giải thích rằng: nói duy tâm xoay chuyển là trong các nghĩa môn trước đều Như Lai tạng tánh, nơi dựng lập của chân tâm thanh tịnh, hoặc thiện hoặc ác tùy tâm chuyển nên, nên nói xoay chuyển

khéo thành, ngoài tâm không cảnh riêng, nên nói là duy tâm. Nếu thuận chuyển tức gọi là Niết-bàn. Trong kinh nói: “Tâm tạo các Như Lai, nếu nghịch chuyển tức là sinh tử”. Trong kinh lại nói: “Ba cõi hư vọng đều do nhất tâm tạo nên, sinh tử Niết-bàn đều chẳng vượt ngoài tâm, cho nên chẳng được quyết định nói tánh là tịnh hay bất tịnh vậy”, nên trong kinh Niết-bàn nói: “Phật tánh chẳng phải tịnh cũng chẳng phải bất tịnh, tịnh và bất tịnh đều duy tâm vậy, lìa tâm không có pháp khác riêng biệt vậy”. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng rằng: “Duy tâm không cảnh giới, không thấy trần hư vọng”, nên biết nghịch thuận chỉ do người chuyển, khổ vui tự theo duyên phân, một niệm chân tâm vô trụ, trải qua số kiếp như bụi trần chưa từng biến đổi, chỉ tùy trí phân biệt nên sự thấy chẳng đồng. Trong Niết-bàn sớ nói: “Nếu nói tâm tánh vốn tịnh bị hoặc che phủ là còn thuộc giáo đạo tạm thuận quyền thuyết. Nếu nói bản tâm thanh tịnh, nếu chúng sinh nghe là khởi sinh tà kiến, cho là tâm tức là chẳng được chịu tu đạo. Vì khiến chúng sinh đoạn trừ tham v.v... mới thấy được Phật tánh nên nói trong chẳng quyết định nói v.v... nếu y cứ theo Phật lý tâm tánh xưa nay chưa tịnh, giống như vô thủy chỉ là băng không nước, tuy toàn là băng thì không được nói băng chẳng phải nước. Tâm tánh chúng sinh cũng lại như vậy. Tuy vốn là vô minh thì chẳng được nói chẳng phải ba đức mật tạng. Cho nên viên nhân chỉ quán vô thủy ba đạo tức ba đức, nên chẳng đồng quán nhân tức lật lại mới thấy. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Trưởng giả Phạm Hạnh nói: “Các pháp chỉ một vị, cớ sao hàng Tam thừa, trí họ có khác?” Phật dạy: “Này Trưởng giả thí như sông suối hoài hải lớn nhỏ khác nhau, sâu cạn chẳng đồng, danh văn riêng biệt, nước tại trong sông giang gọi là nước sông giang, nước tại trong sông Hoài gọi là nước hoài, nước tại trong suối gọi là nước suối, đều tại trong biển thì chỉ gọi là nước biển, pháp cũng như vậy, đều tại chân như, chỉ gọi là xuất đạo. Do đó cảnh huyễn ngang dọc tại một tánh mà dung chân, tịch diệt linh không, gá sum la mà hiển bày tướng. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “thí như sức nhất tâm, năng sinh các thứ tâm, như vậy thân một Phật, hiện khắp tất cả Phật”. Trong kinh Hoa Thủ có kệ tụng rằng: “Nếu muốn dùng một niệm, biết khắp tất cả tâm, tâm đó không hình sắc, như huyễn chẳng bền chắc”. Trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: “Thấy ở chứng minh ba cõi như huyễn, tất cả bản nguyên không nơi trái mất. Đó gọi là nhất tâm”. Lại nói: “Vì danh hiệu đó là không chỗ có, có chỗ trông thấy, thấy tất cả gốc. Đó gọi là nhất tâm”. Như trong kinh có kệ tụng rằng: “Rộng khắp các thế giới, vô lượng không ngằn mé, biết các thứ là

một, biết một là các thứ". Tại sao? Vì một là một của môn pháp lấy tâm làm tự tánh vậy. Do đó, xưa trước có bài tụng rằng: "Muôn pháp do tâm sinh, tâm sạch muôn pháp sạch, ngũ thông không chướng ngại, tâm vương như tròng mắt". Trong kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý niệm của tâm Nguyệt Quang đồng tử, nên dùng kệ tụng mà hỏi đồng tử rằng: "Nếu Bồ-tát cùng một pháp tương ưng, thảy đều năng được công đức tối thắng, chóng thành A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề. Sao gọi là một pháp? Này Đồng tử! nếu Bồ-tát đối với thể tánh tất cả pháp mà rõ biết như thật". Cho đến, nói kệ tụng rằng: "Các pháp chỉ nói một, đó là pháp vô tướng, là điều bậc trí nói, như thật mà rõ biết. Nếu nói pháp như vậy, Bồ-tát rõ biết đó, kia được vô ngại biện, nói muôn Tu-đa-la, đấng Đạo sư gia hộ, chỉ bày nơi thật tế, chẳng phân biệt giả danh, chưa từng có nói gì, vì một biết tất cả, vì tất cả biết một, tuy có các thứ nói, mà chẳng khởi kiêu mạn. Tâm đó hay rõ biết, tất cả pháp không tên, tùy thuận học các tên mà diễn nói chân thật". Giải thích: Nếu như thật rõ biết thể tánh tất cả pháp tức là thể tánh tự tâm, quan sát tất cả pháp đều là không tên không tướng, do mượn tên tướng mà diễn nói chân thật đó, khiến quy về nguồn chân không tướng thật tế không tên, thì vào biển giáo Tu-đa-la diễn nói không cùng. Lại như trong kinh nói: "Này Đồng tử! Tâm đó không tánh, lại không hình sắc, không thể trông nhìn. Này Đồng tử! Thể tánh công đức Phật như vậy tức là thể tánh tất cả các pháp. Với ý nghĩa đó, này Đồng tử! Nếu Bồ-tát nói thể tánh tất cả pháp là một nghĩa như thật rõ biết, như thật thấy biết, đó gọi là Bồ-tát vắng lặng nơi tâm, khéo giải ba cõi, xa lìa căn lành, như thật rõ biết, như thật thấy biết, năng nói như thật, người có nói khác. Cho đến khéo hiểu lìa pháp văn tự, khéo hiểu phân biệt chữ trí, khéo hiểu lìa pháp nói năng v.v..." Lại, trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng rằng: "Chẳng sinh hiện ở sinh, chẳng thối thường hiện thối, đồng thời như trăng nước, muôn ức cõi nước hiện, một thân và vô lượng, đốt lửa và rưới mưa, thể mỗi tâm chẳng khác, nên nói chỉ là tâm, trong tâm chỉ là tâm, tâm không tâm mà sinh. Các thứ sắc hình tướng, trông thấy đều là tâm". Lại có kệ tụng khác nói: "Trong tâm không đoạn thường, thân nhờ nơi sinh trụ, chỉ tâm ngu không trí, không vật mà thấy có". Lại có kệ tụng khác: "Phật tử thấy thế gian, chỉ tâm không các pháp, các loại thân chẳng làm, được sức tự tại thành". Tại sao? Nếu được tâm vương, tất cả tự tại, cần thành tức thành, chẳng phải gì khác ngăn ngại. Như Bồ-tát Trì Địa nói: "Tôi thường đến nơi tất cả đường sá cầu yếu bên sông ruộng đất, hiểm ải ngăn ngại, có những

sự bất như pháp làm tổn hại xe ngựa, tôi đều sang lấp phẳng bằng. Cho đến lúc gặp đức Tỳ -xá như lai đưa tay xoa đầu mà bảo tôi đang sang bằng đất tâm, thì đất thế giới tất cả đều bằng phẳng. Như Xá- lợi- Phất tâm có cao thấp nên thấy gò đồi hầm hố". Vậy biết nâng giềng rút mối chẳng gì vượt quá quan sát tâm, thấy đạo chẳng cách chừng sát-na, chứng lấy giống như lật bàn tay. Trong Pháp Hoa sám văn, vua Văn Đế (Trần Xuyến 560-567) thời nhà Trần nói: "Lý không hai cực, thú hẳn đồng quy, chỉ thân nghiệp nhân tâm bẩm nhận thức của muôn loại. Tùy thấy tùy đắm tướng khác của quần sinh". Trong Kim Cang sám, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương nói: "Đắc đó ở tâm, sau mới làm pháp, do đó Đồng tử không nói khéo được diệu của không nói, Bồ-tát không nói sâu sắc thấy sâu của không nói". Nói lý không hai cực, lý hẳn đồng quy là một pháp nêu tông, khác đường sạch vết. Diệu của không nói, sâu của không nói là nếu chẳng thân chứng ở tự tâm, làm sau thấu suốt sâu diệu, thì đường ngôn ngữ tư duy ngầm hợp với tông ấy vậy. Vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) thời Tiền Đường nói: "Phàm, pháp của vạn hữu vốn duyên nơi tâm, tâm sinh pháp sinh tâm diệt pháp diệt nên dùng tâm quán tâm, ngoài tâm không pháp. Tâm tánh thường trụ, nới đó xa ư?" Như các bậc Tiên đức nói: "Phàm, thể của tu đạo tự biết thân thường, xưa nay thanh tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, không có phân biệt, tự tánh viên mãn. Tâm thanh tịnh, đó là bản sư, nên biết tự chân tâm tự nhiên mà có, chẳng từ ngoài lại, ở trong tam giới nơi chí thân nhất, không gì qua tâm.

Hỏi: Chúng sinh và Phật đồng thể, cớ sao khổ vui có khác?

Đáp: Chư Phật ngộ đạt pháp tánh, đều tự nhiên rõ nguồn tâm, vọng tưởng chẳng sinh, chẳng mất chánh niệm, tâm ngã sở diệt, nên chẳng nhận chịu sinh tử, tức rốt ráo thường tịch diệt, do tịch diệt nên muôn vui tự về. Tất cả chúng sinh mê mờ chân tánh, chẳng đạt bản tâm, các thứ vọng tưởng, chẳng được chánh niệm, nên tức yêu ghét, do yêu ghét nên tâm khế phá hoại tức nhận chịu sinh tử, vì vậy các khổ tự hiện. Muốn biết pháp yếu, giữ tâm đệ nhất. Nếu một người chẳng giữ chân tâm mà được thành Phật, thì điều ấy không thể có. Nên nói chế tâm một nơi không việc gì chẳng thành. Tất cả muôn pháp chẳng vượt ngoài tự tâm, tám vạn pháp môn, vị thể ba thừa, tất cả hiền thánh luận tông giáo đó, không gì chẳng phải tự tâm là gốc. Trong văn cú sớ nói: "Nếu tìm vết giáo, vết rộng nhọc tự khổ cực, nếu tầm gốc lý, gốc cao, cao chẳng thể cùng, suốt đêm ngày tính đếm vật báu của người khác, tự mình không có nửa phân tiền, chỉ quan sát sự cao rộng của tâm mình, mò gõ

thánh ứng vô cùng, có thành khiến cảm đợi được lợi mình, nên dừng quan sát tâm giải thích, phải biết các thứ thanh giáo, hoặc nhỏ nhiệm hoặc hiển trước, hoặc quyền hoặc thật, đều là Phật đạo mà làm nơi lưới". Trong Đại kinh có kệ tụng rằng: "Lời thô và tiếng tế, đều quy nghĩa thứ nhất", là nghĩa ấy vậy. Trong phẩm Phương Tiện ở kinh Pháp Hoa nói: "Ta vốn lập thệ nguyện, khiến tất cả chúng sinh, cũng đồng được đạo đây, giống như tu không khác". Lại có kệ tụng khác nói: "Chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng". Đó, chánh chẳng chỉ thế gian làm chánh, chẳng chỉ ánh sáng đom đóm chiết trí làm thánh, chẳng chỉ lửa đuốc thể pháp trí làm chánh, mà chỉ ánh sáng mặt nhật nhất thiết chủng trí làm chánh. Lưu thông đây chẳng phải là lá dương gỗ ngựa mà làm lưu thông, chẳng phải lưu thông bán tự, chẳng phải lưu thông cọng tự, chẳng phải lưu thông biệt tự, thuần là lưu thông pháp mãn tự Tu-đa-la viên mãn vậy, như một ánh sáng tông kính lại không soi chiếu gì khác, chẳng chỉ lập cao hạnh mãn, cũng là nhân sâu quả tròn, khéo vụng chóng khác, chậm nhanh chẳng ngang bằng. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Thí như trị bệnh, thuốc đắng châm cứu, đau mà được lành. Như có diệu dược tên là Tô Đà phiến đà. Người bệnh chỉ mắt trông thấy thì các tật bệnh đều lành, trí bệnh tuy đồng, mà pháp hơn kém có khác. Thanh văn Bồ-tát giáo hóa độ người cũng lại như vậy, khổ hạnh đầu- đà, đầu tiên giữa đêm cuối đêm chuyên tâm thiền quán, khổ mà đắc đạo, là Thanh văn giáo. Quán tướng các pháp không buộc không mở, tâm được thanh tịnh, là Bồ-tát giáo. Do đó, rõ thật tướng tâm, ngộ tại trong sát- na, chứa hạnh mà thành nhân thừa quả xa, chỉ có thiện một mảy may, thảy đều tùy hỷ hồi hướng về tâm thật tướng, cho đến trong bốn oai nghi đụng đâu thành quán đó, niệm niệm khế hợp yếu chỉ bước bước vào trong cao huyền, chẳng khiến một mảy trần mà mất chân trí, như mũi tên bắn xuống đất, không đâu chẳng trúng. Nên trong luận nói: "Lại nữa, chánh hồi hướng, Bồ-tát nên tư duy rằng: "Như chỗ biết của mười ba đời chư Phật, dùng trí tuệ vô thượng, biết tướng các căn lành. Trong tất cả người trí, Phật ưu thắng thứ nhất, các căn lành Phật biết thảy đều là thật tướng. Như điều Phật biết, ta cũng dùng tướng căn lành như thế mà hồi hướng, thí như bắn xuống đất không lúc nào chẳng trúng, nếu bắn các vật khác, hoặc trúng hoặc chẳng trúng. Điều chư Phật biết tùy hỷ, như bắn xuống đất không đâu chẳng trúng. Nếu dùng các đạo khác tùy hỷ, như bắn các vật khác hoặc trúng hoặc chẳng trúng. Hồi hướng như vậy là vì chẳng phỉ báng chư Phật". Nên biết tin hiểu tâm thật tướng vào trong Tông kính, dấy niệm đều là không đến

đâu chẳng chân, mới thuận điều biết của Phật chẳng phỉ báng Tam bảo. Nếu được thật tướng trí tuệ chở che, tất cả muôn hạnh thảy đều thành tựu. Như bóng chim bằng che phủ con nó, khiến con nó lớn mạnh. Như nay người học, chỉ ngay đó bên trong, rõ suốt tự tâm chẳng nghi ngờ cảnh bên ngoài, tâm nếu được rõ, cảnh bên ngoài tự hư. Một pháp vừa thông, muôn tượng đều quy về tâm địa, một vòng xoay có cản trở, ngàn xe hẳn ngưng lại sửa đường, rành rành mà chỉ tại tự biết, niệm niệm mà không gì chẳng phải chân thật. Ngoài thô không thể xét, chẳng lo nghĩ kẻ khác nghi ngờ, trong kín khó cùng, chỉ nên thân chứng. Như Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng rằng: "Bậc trung vui vắng lặng, kẻ hạ ham oai nghi, Bồ-tát tâm vô ngại, đồng phàm phu chẳng biết, Phật là thể vô tướng, sao phải có tướng giữ, chỉ khiến tâm rõ việc, ngăn chớ nghi người ngoài. Như người khát uống nước, lạnh nóng tự tâm hay". Lại như trong Ngoại Thư nói: "Kẻ có oai danh ở đời, nếu gọi tên đó thì có thể ngưng trẻ em khóc". Ngụy Lược nói: "Trương Liêu bị Tôn Quyền bao vậy, Trương Liêu lại vào, bọn Tôn Quyền phá chạy. Do đó, oai phong chấn động cả Giang Đông, trẻ con khóc chẳng nín, cha mẹ nó lấy tên của Trương Liêu dọa nó bèn nín". Lại, trong Đôn Hoàn Thư Lục nói: "Tống Chất Trực đánh phá Lỗ có oai danh, trẻ con khóc, sợ đó bèn nín". Vả lại, trẻ con chưa biết người đó, chỉ nghe tên bèn liền nín khóc là toàn chứng duy tâm vậy. Cho đến, như xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm, mà lửa chẳng thể thiêu đốt v.v... đó là nương gá Quán Thế Âm để làm duyên lớn mạnh, đều là cản bởi tự tâm, khiến đó linh nghiệm. Tai ương hay cát tường, thành hay bại, vinh hay nhục, thắng hay trầm, không gì chẳng do tâm ấy vậy. Do đó, Đại sư dung có kệ tụng rằng: "Cũng chẳng từ trời sinh, cũng chẳng từ đất ra, chỉ từ tâm tánh không, như mặt nhật soi chiếu". Nếu như mặt nhật so chiếu thế gian, thì ánh sáng đâu mà chẳng thấu, và chạm mắt chạm tình, không gì chẳng phải tâm ta vậy. Đều thành pháp bảo, đều thành vật quý trong nhà, tự lợi lợi tha, dùng mà không hết. Trong tam gián ca, Phó Đại sĩ nói: "Bỏ vinh đời bỏ vinh hoa tục, đạo lý lớn nổ lực, chuyên cần học ba can, can thân tâm ta về quê cũ, can ý ý căn chớ dấy khởi, can miệng căn chớ nói bày, can tay tay căn chớ roi gậy. Ba can ba vua vua tự thơm, hư không tự được đến tiên đường, tiên đường chẳng gần cũng chẳng xa, bồi hồi chỉ là chính giữa chúng, nếu muốn đi ở trong tiên đường, chẳng dùng lăn lóc tại quê người, nếu muốn cầu niệm Phật Di-đà, đông tây nam bắc là phương Tây, Di-đà phương Tây ở riêng đó, trước mặt sau lưng bảy lớp hàng, hoặc vàng hoặc đỏ hoặc trắng hồng, hoặc lớn hoặc nhỏ hoặc ngắn dài,

trời che chánh là nhà Di-đà, cây khổng cây xuyên phòng Di-đà, không trung trên trời đường Di-đà, cỏ cây chánh là quê Di-đà. Đêm ngày trước sau ôm rầm rĩ, chánh là miệng Di-đà phóng quang. Nếu muốn lễ bái Phật Di-đà, chẳng dùng tư tưởng mạnh bận rộng, nếu chẳng dối người là lễ bái, nếu chẳng cầu người là đạo tràng, nổ lực tự khiến ba công tác, ân cần buông sức gieo giống áo, núi sông là nhà kho vô tận, cỏ cây là người thường đầy kho, nước bùn là người thường đầy lẫm, nấm mốc là người đây không đáy, làm nhiều công phàm tự thành tựu, tự hành tay chân ai nghiêm trang, nếu muốn vãng sinh nước an lạc, chỉ là cái vật là phương Tây". Lại ca rằng: "Làng quê chư Phật tại thế giới, bốn biển ba ruộng sống khắp đầy, Phật và chúng sinh đồng một thể, chúng sinh là giả danh của Phật. Nếu muốn thấy Phật nhìn ba quận, ruộng nhà rừng vườn dừng nơi nơi, hoặc bay giữa hư không quấy rối, hoặc cửa núi sông lẫy lừng, hoặc kết bè bạn đi qua lại, hoặc lại lẻ đơn đi một mình, hoặc giữa ban ngày rảo đông tây, hoặc suốt đêm thâu tuần năm canh, hoặc đen hoặc đỏ mà lại trắng, hoặc tía hoặc tím mà vàng xanh, hoặc lớn hoặc nhỏ mà mới nuôi, hoặc già hoặc trẻ sống thời xưa, hoặc trên eo thân có đốt đèn, hoặc trên lông cánh có nhạc đàn, hoặc dạo không trung lọan trên dưới, hoặc ở cỏ cây loạn tung hoành. Hoặc không nói đi tự ra nhà, hoặc vào hầm đất tạm nương sống, hoặc khoét lỗ cây làm quê quán, hoặc khắp cây cỏ làm hang thành, hoặc chuyển võng lưới làm hẻm thôn, hoặc nằm đất đá làm thềm sảnh, chư Phật Bồ-tát nhà như vậy, chỉ cái danh làm thành Xá vệ".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 30

Hỏi: Phàm, Bồ-tát muốn báo ân Phật, đều phải chẳng tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp Như Lai, cớ sao chỉ thuật nói nhất tâm năng báo đáp Từ hóa?

Đáp: "Đấng Giác vương giây phút sau cùng xót thương chỉ bảo chỉ khiến ở niệm xứ tu chân, bậc sơ tổ đầu tiên dạy truyền, chỉ chỉ tâm người là Phật. Nếu năng tin nhận là chân thật báo ân chỉ bày cho kẻ khác là chẳng phụ có trước, tự cứu tự khắc thành đại sự. Như trong luận Quán tâm của Đại sư Trí Giác có kệ tụng rằng: "Đại sư sắp diệt độ, từ phụ có dạy răn, tứ niệm xứ tu đạo phải nương giới luật sống, chúng ta chẳng Phật tử, chẳng nhớ dạy răn đó, nương thong thả vô đạo, giới buông đọa ba đường, do chẳng tin quán tâm, khiến người tin dần dạt, quạ đen chẳng cho ăn, đâu báo ân quạ trắng, chẳng chỉ ruộng không tốt, do hạt giống bình đẳng, mưa pháp nếu chẳng tuôn, giống pháp hẳn khô cháy, mỗi không vốn đời sau, mất ba lợi khiến khổ. Đại pháp sắp muốn đổ, buồn thay thấy việc đó, vì nhân duyên vậy nên, phải tạo luận quán tâm, bình đẳng chân pháp giới, không đi cũng không đến. Nếu năng hỏi quán tâm, năng đi cũng năng đến, tức là Tứ niệm xứ, năng nương giới luật sống, nương trong gấp có đạo, giới gấp sinh trời người. Đó là chân Phật tử, chẳng trái lời từ phụ, trời rồng đều mến vui. Tất cả đâu chẳng mừng, năng báo ân quạ trắng, thí khắp quạ đen ăn, đã có ruộng tốt mầu, có hạt giống bình đẳng, mưa pháp ứng thời tuôn, giống pháp đều sinh trưởng, mỗi có vốn tương lai, đều được ba lợi lạc, vì nhân duyên như vậy, nên tạo luận quán tâm, những người đến cầu pháp, muốn nghe đạo vô thượng, không biết hỏi quán tâm, nghe tuệ trọn chẳng phát, những người đến cầu pháp, muốn tư đạo vô thượng, chẳng biết hỏi quán tâm, tư tuệ trọn chẳng sinh. Những người đến cầu pháp, muốn tu đạo vô thượng, chẳng biết hỏi quán tâm, tu tuệ trọn chẳng thành. Những người đến cầu pháp, siêng tu bốn Tam- muội, không biết hỏi quán tâm, khốn khổ không được gì, những người đến cầu pháp, nghe nhiều được ngôn

ngữ, không biết hỏi quán tâm, chưa được vui chân thật. Những người đến cầu pháp, tu Tam muội đắc định, chẳng biết hỏi quán tâm, thiền mù không thấy gì, những người đến cầu pháp, muốn sám hối các tội, không biết hỏi quán tâm, tội trọn khó được thoát. Những người đến cầu pháp, ý muốn lìa phiền não, chẳng biết hỏi quán tâm, phiền não trọn chẳng diệt. Những người đến cầu pháp, ý muốn lìa phiền não, chẳng biết hỏi quán tâm, phiền não trọn chẳng diệt. Những người đến cầu pháp, vốn muốn lợi ích người, chẳng biết hỏi quán tâm, thối chuyển khiến người trách. Những người đến cầu pháp, muốn hưng hiển Phật pháp, chẳng biết hỏi quán tâm, lùi lại dơ tổn lớn. Những được mất như vậy, kệ chẳng thể truyền đủ, có các được mất đó, mà không người giác ngộ, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Đời sau tu quán tâm, đắc tà định phát kiến, biện tài không cùng tận, tự cho báu của đời. Kẻ không trí mũi ngửi, chồn hoang khí xông mất, quẩy đuôi cùng nhau đi, lần lượt rơi hầm chết. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, giữ góc mũi an- ban và tu quán bất tịnh, an -ban đắc tứ thiền, chẳng khỏi khổ nê- lê, bất tịnh là vô học, che bát nhận cơm người nữ. Nếu được theo thiền sinh, đọa nạn trời Trường thọ, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận Quán tâm. Theo sự pháp dùng tâm, không tuệ phát quỷ định, hiện động khác tâm vật, sự phá hoại Phật pháp, mạng chung sinh loài quỷ, chín mươi sáu quyến thuộc. Tượng pháp quyết định rõ, ba sự phá Phật pháp. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Trong tâm chẳng vì đạo, tà nịnh nghĩ lợi danh, dối hiện tướng tọa thiền, được quyến thuộc danh lợi, sự phá hoại người tin, hủy tổn chánh đạo Phật. Đó là Phiến đề la, chết đọa ngục vô gián. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Nói pháp được giải thoát chúng nghe pháp cũng vậy, chẳng biết hỏi quán tâm, như nghèo đếm của người, người nói hỏi quán tâm, không nói cũng không bày. Người nghe hỏi quán tâm, không nghe cũng không được, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Giới là chế tâm ngựa trọn chẳng điều, luật trú trì Phật pháp, giải ngoài chẳng giải trong. Tịnh Danh mắng tánh Thượng thủ, mới gọi thật trì luật, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận Quán tâm, tụng kinh được giải thoát, chẳng vì tài lợi đời. Nếu năng hỏi quán tâm, phá trong một mảy trần, ra đại thiên quyển kinh, người thọ trì đọc tụng, nghe trì không quên sót, tâm mở được giải thoát, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Khuyến hóa tu cúng dường, bày biện an hành nhân, kín tâm vì tự lợi, cậy gá để dưỡng thân, hoại người vui bỏ thiện làm lạc đà, lừa để trả nợ người, nếu hay hỏi quán tâm, tức như lạc đà ngựa vậy. Vì nhân duyên như vậy,

phải tạo luận Quán tâm. Các đạo nếu có pháp, trọn chẳng tự nghiên tầm, chợt lén nhìn Thích giáo, trải qua vài mươi năm, chẳng chỉ pháp kia vụng, cũng có mưu hại tâm. Đó là Ca-tỳ-lê, tiên thánh đâu nghe nói, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, phú quý mà vô đạo, lớn mạnh nhiều kiêu ngạo dật phóng, nếu năng hỏi quán tâm, được pháp thật phú quý, tuy cao mà chẳng nguy, tuy đầy mà chẳng tràn, chẳng đắm giàu sang đời, tâm thường tại đạo pháp. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận Quán tâm. Nghèo hèn nhiều gian nịnh, lén lút tạo các ác, sống bị phép vua trị, chết đọa ba đường ác. Nếu năng hỏi quán tâm, tức an bần dưỡng đạo. Có đạo tức chân thật, vô vi tức giàu vui, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Bốn chúng đều Phật tử, không gì là pháp thân, nhân chấp thiện pháp cải, bèn kết oán tương lai, nếu năng hỏi quán tâm, hòa hợp như nước sữa, đều con của sư tử, đều là rừng chiên-đàn, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, tuổi già thân vướng bệnh, mắt mờ tai dần điếc, tâm mê lắm quên lãng, tuổi chẳng như một tuổi, Kim súy điểu vua chết, chẳng lâu nuốt mạng căn, một mai dây nghiệp dứt, tắt hơi đâu thể nói, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, kính lạy mười phương Phật. Đấng từ sâu quán tâm, khuyên khéo chắc quan sát, phát diệu lạc chánh giác, kính lạy mười phương pháp, đại bi sâu quán tâm, khéo khuyên chắc quán sát được thoát các khổ thật, kính lạy mười phương tăng, đại chúng biển hòa hợp. Nếu năng khéo quan sát, tâm hoan hỷ vô lượng, kính lạy thầy Long Thọ, khiến chóng được mở hiểu, cũng thân bỏ ba tâm, nay nương sức Tam Bảo, lập ba mươi sáu hỏi. Trong đó các hỏi nhỏ, đối sự khó thể tính. Nếu quán một niệm tâm, hay đáp được hỏi đây, phải biết mắt tâm mở, được vào ao trong mát, chẳng thể đáp hỏi đây, làm sao mù tối vậy, ít nghĩa còn chẳng thấy, sao năng hành đạo lớn, buồn thay trong mạt pháp, không có người hành đạo, giả sử có vài ba, sao riêng hỏi đây vậy? nên sinh tâm xót thương, quy mạng lễ tam bảo, làm luận hỏi tâm đây, khiến người quán mở sáng, nguyện mọi người thấy nghe, chớ sinh tâm nghi báng, túi nhận siêng tu tập, hẳn được pháp lợi lớn, cho đến kệ hỏi rằng: “Hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao bốn chẳng nói, lìa hý luận chấp cãi, tâm tịnh như hư không, hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao là ma hành, nghiệp phiền não trói buộc, ba cõi nhà lửa cháy. Hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao là ngoại đạo, các kiến phiền não nghiệp, lưu chuyển trong lục đạo. Hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao là ba nghiệp, vụng độ đoạn kiến tư, ra nhà lửa ba cõi. Hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao là khéo độ, ba thừa chẳng đoạn kết, được vào hai Niết-bàn, hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao là Biệt giáo, cầu

quả thường Đại thừa, Bồ-tát dứt biệt hoặc. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào Viên giáo thừa. Chẳng phá hoại pháp giới, trú ba đức Niết-bàn. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào là Niết-bàn, tu bốn thứ Tam-muội, đắc vô sinh nhẫn thật, hỏi quán tự sinh tâm, thế nào khéo thành tựu. Hai mươi lăm phương tiện, điều tâm vào chánh đạo. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tự tâm, khởi mười thứ cảnh giới, thành nhất tâm ba trí, hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết mười cảnh? Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào là chẳng trú pháp? Vào sơ phát tâm trụ, và bốn mươi hai vị. Hỏi quán tự sinh tâm? Thế nào đắc sáu thông, dùng bốn nhiếp hành hóa, bốn biện không quái ngại. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào được tướng tốt? Thành hai thân ứng chân, đối duyên như gương ảnh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào đủ mười lực và bốn không khiếp sợ, trong ngoài chiếu dụng tròn. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ở quán tâm, năng được mười tám thứ, chẳng cùng khắp thế gian. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào được đại từ, đại bi ba niệm xứ, thương chúng không tưởng khác. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào phương tiện khéo, thành tựu các chúng sinh, nghiêm tịnh tất cả cõi, hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ở tâm ấy, trang nghiêm cây Bồ-đề, lập đạo tràng thanh tịnh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào nhiếp ma oán, năng chế các ngoại đạo, khiến chúng đều quy kính. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ngồi đạo tràng, hiện bốn thứ thành Phật, ứng có không sai khác. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào chuyển bốn giáo, thanh tịnh diệu pháp thân, tất cả được cam lồ. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào hiện bốn Phật, bốn thứ tướng Niết-bàn, cứu cánh diệt không thừa. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết y chánh, bốn cõi thiên khí đồng, mà sắc cơm có khác. Hỏi quán tự sinh tâm, cớ sao nương tâm ấy là tất cả căn duyên, thông đạt không quái ngại. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tất đàn, không hình không điều nói, hiện hình rộng nói pháp. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tiệm đốn, pháp bí mật bất định, một lời nói bốn đó. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết bốn giáo, mỗi mở ra bốn môn, và tất cả pháp môn. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ở bốn giáo, bốn môn mười sáu môn, làm luận thông các kinh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào trú diệt định, vào khắp mười pháp giới, rộng lợi ích chúng sinh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết bốn cõi, dùng giáo có thêm bớt, lợi khắp tất cả chúng. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tâm ấy, đủ tất cả Phật pháp, không một pháp ngoài tâm. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tâm ấy, tức pháp giới bình đẳng, Phật chẳng độ chúng sinh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tâm ấy, pháp giới như hư không. Rốt ráo không nhớ nghĩ. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào không văn tự, tất cả ngôn ngữ dứt,

vắng bặt không nói năng”.

Nay căn cứ quán tâm trong một niệm tự sinh, lược nêu ba mươi sáu câu hỏi, ngoài quán tâm người và lâu cùng quyến thuộc thực hành bốn thứ Tam muội là, quán tâm kia nếu có thể mỗi mỗi thông đạt, phải sinh tâm như Phật tưởng, thân gần vâng hành như bốn nương tựa vậy. Môn đồ quyến thuộc, nếu đối với đó mà không kẹt trệ, là đồng hành thật, là con cháu thật của đấng Pháp vương, tiếp nối làm ngời sáng hạt giống Tam bảo khiến chẳng đoạn tuyệt. Nếu chẳng thể quán tâm ở một niệm tự sinh, mỗi mỗi đáp lời hỏi đó, tức là quyến thuộc của thiên ma ngoại đạo, bị nó dẫn dắt rong ruổi mới ở ba cõi lao ngục, chưa có kỳ hạn ra khỏi. Nếu tâm chẳng thích muốn cầu kéo ra, hẳn rơi đọa hầm hố nhị thừa ba đường xấu ác, tự dứt pháp thân tuệ mạng, giết mất quyến thuộc Bồ-đề, là phá cõi nước Phật pháp nhà cửa Đại thừa. Buồn thay! Buồn thay! Biết làm sao vậy? Nếu quán tâm tự sinh được mất như vậy, thì quán tha sinh, cộng sinh, không nhân sinh, tâm cũng như vậy. Giải thích: ba mươi sáu câu hỏi quán tâm đó, trên ngang bằng từ tâm của mười phương chư Phật, không ân nào chẳng báo đáp, dưới cùng bi ngưỡng của pháp giới quần sinh, có cảm đều ứng, cho đến diệu môn tu hành nghi quỹ độ sinh, giáo quán gồm chứa, lý sự viên thông, suốt quả gồm nhân, tự tha đều lợi, mười thân ứng khắp, bốn cõi bao hàm, chỉ quán tự một tâm, không gì chẳng đầy đủ. Như trong luận có kệ tụng nói: “Quạ đen chẳng cho ăn, đâu báo ân quạ trắng, chẳng chỉ ruộng không tốt, không hạt giống bình đẳng. Mưa pháp nếu chẳng tuôn, giống pháp hẳn khô cháy, mỗi không vốn đời sau, mất ba lợi khiến khổ”. Giải thích: kệ tụng trên nói rõ, chẳng tu quán niệm xứ tức là không hạt giống bình đẳng, chẳng nương giới luật mà sống, tức chẳng phải ruộng tốt. Tại sao? Phàm, quán niệm xứ của Đại thừa là quán thân ngũ ấm sinh tử chẳng phải khô rụi chẳng phải tươi tốt tức đại tịch định. Trong kinh Niết-bàn nói: “Sắc giải thoát Niết-bàn cho đến thức giải thoát Niết-bàn”. Nếu tu quán niệm xứ đó tức là quán tất cả chúng sinh trong sáu đường, tức là Đại Niết-bàn thường lạc ngã tịnh, đầy đủ tri kiến của Phật. Như trong kinh Thường Bất Khinh kiên tín thành tựu nói: “Thí cho kẻ ăn xin thấp hèn nhất trong thành cùng ngang bằng như cúng dường Đức Nan Thắng Như Lai”. Vậy thì đâu có thể phân biệt là ruộng hay chẳng phải ruộng, là có thể thí hay chẳng thể thí ư? Nên quán niệm xứ tức hạt giống bình đẳng. Nếu chẳng tu thì thấy sinh tử Niết-bàn có khác, phàm thánh có sai. Thánh là kính điền thì sùng ngưỡng mà cúng thí, phàm là bi điền, thì chán hèn mà chẳng xả, nên nói là không hạt giống bình đẳng. Nay

lấy vua để thí dụ, là thí dụ không hạt giống bình đẳng vậy, xưa kia có vị vua chỉ mượn quạ trắng để dụ cho thánh nhân, quạ đen để dụ cho phàm nhân, vua dụ cho chúng sinh chẳng tu niệm xứ, là người chẳng tu niệm xứ hạt giống bình đẳng vậy, nên kén chọn phân hai thứ ruộng bi và kính, nhưng bên trong không hạt giống bình đẳng là đạo của viên quán, ngoài thì chẳng thể hoằng tuyên xiển hóa Đại thừa, thì đâu có thể báo đáp ân Phật. Lại phá giới cấm của Như Lai, thì không có ruộng tốt, cho nên trong kệ tụng nói: "Mưa pháp nếu chẳng tuôn, giống pháp hẳn khô cháy". Hai câu đó nói rõ bốn chúng không có của giới tuệ, thì thánh không ứng. Tại sao? Trong kinh Niết-bàn nói: "Thuần-đà tự nói: "Nay, thân tôi có ruộng tốt, không các thứ hoang dơ, chỉ mong Đức Như Lai mưa pháp cam lồ, mưa vào ruộng thân tôi, khiến sinh mầm pháp", mà nay bốn chúng chẳng nương tựa niệm xứ tu đạo, thì không giống tuệ, chẳng nương giới luật mà sống, thì không ruộng tốt. Đã không giống thì chúng sinh không có để cảm thánh, đâu có thể vời lấy ứng của thánh mưa pháp? Chúng sinh là mầm của Phật tánh, sao được chẳng khô rụi ư? Cho đến, trong không có thiện, ngoài không thánh ứng, mầm của giống pháp lại khô, đó thì mất Niết-bàn ở hiện tại và tương lai, vui của ba lợi, mà lại nhận chịu khổ trong ba đường xấu ác. Lại nữa, trong kệ tụng nói rằng: "Năng báo ân quạ trắng, thí khắp quạ đen ăn". Giải thích: Kệ tụng đó nói rõ có hạt giống bình đẳng, lại có ruộng tốt, năng thí cho quạ đen ăn, năng báo ân quạ trắng. Tại sao? Phật là bậc thánh nhân năng giác ngộ chúng sinh, chẳng khiến bị ba độc, các rắn độc phiền não làm tổn thương, tức là thánh nhân có ân đối với chúng sinh vậy. Như quạ trắng giác ngộ cho vua chẳng bị rắn độc làm hại. Như trong kinh nói: "Nương tựa giáo mà tu hành, gọi là báo đáp ân Phật". Mà nay người tu hành nương tựa quán tuệ niệm xứ, nương tựa giới luật mà sống, tức là nương tựa quán tuệ niệm xứ, nương tựa giới luật mà sống, tức là nương tựa giáo mà tu hành, gọi là báo đáp ân Phật. Lại năng đem hạnh của mình chỉ dạy dẫn dắt tất cả chúng sinh, tức là thí khắp tất cả cho quạ đen ăn, năng báo đáp ân của quạ trắng. Lại kệ tụng nói là: "Giữ góc mũi an-ban, và tu quán bất tịnh, an-ban đắc tứ thiền, chẳng khỏi khổ nê-lê, bất tịnh là vô học, che bát nhận cơm nữ, nếu được theo thiền sinh, đọa nạn trời Trường thọ, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm". Giải thích: Đây nói rõ lộn ngược của sự tướng tu thiền. Một câu góc mũi an-ban, là nêu chương môn tu tứ thiền hữu lậu và một câu tu quán bất tịnh, là nêu chương môn tu sự thiền vô lậu, giữ góc mũi, là an tâm tại mũi vậy. An-ban là sổ tức (đếm hơi thở), do sổ

tức nên năng đắc tứ thiền bát định, xưa kia có vị Tỳ-kheo đắc tứ thiền, cho là A-la-hán, lúc sắp chết phỉ báng Phật nên đọa vào địa ngục vậy. Xưa kia có vị Tỳ-kheo học quán bất tịnh, qua thời gian ngắn nhiếp phục tâm nên dục tưởng chẳng khởi, tự cho là thánh nhân, về sau ra nơi tụ lạc khất thực, thấy người nữ dâng cơm, dục tâm bèn phát, tình mê tâm say, che bát nhận thọ cơm của người nữ. Nhưng quán sổ tức đắc thiền, nếu chẳng khởi phỉ báng và chẳng đọa địa ngục, mà tùy theo thiền thọ sinh, đọa vào nạn trời Trường thọ. Nên biết nếu với nhất tâm tứ niệm xứ mà tu đạo, chẳng quên lời dạy răn của đấng Từ phụ, là con cháu hiếu thuận chân thật. Nếu vào trong Tông kính, không ân nào mà chẳng báo đáp. Do đó, nếu tâm chánh thì muôn pháp đều chánh, nếu tâm tà thì muôn pháp cũng tà. Nếu lìa ngoài tự tâm muốn phá tà khác thì lập tự lập tha thấy tà thấy chánh. Như mặc áo giáp vào trận, vất lửa đốt ruộng mầu mỡ muốn phá địch xuống giống. Điều ấy không thể có, chỉ năng gìn giữ tự tâm tức là gìn giữ chánh pháp, cũng là nghĩ nhớ khắp mười phương tất cả Như Lai. Tự tâm hộ pháp đã vậy, chuyển hóa tâm kẻ khác như vậy, thì ngoài chánh không tà, cớ sao nói phá ngoài tà không chánh? Cớ sao nói gìn giữ? Thông minh như vậy, thật hộ chánh pháp, cho đến viên mãn đầy đủ tất cả pháp môn. Do đó, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có kệ tụng rằng: "Đem thân tâm này dâng tất cả, đó gọi là báo đáp ân Phật". Trong kinh Đại Tập nói: "Nhãn biết nơi sắc, đó gọi là chẳng phải pháp, nếu năng xa lìa, đó gọi là hộ pháp". Nên biết khéo nhiếp các căn chẳng bị sáu trần xâm lọan, có thể gọi là chân thật hộ pháp vậy. Trong kinh Pháp Tập nói: "Bồ-tát chẳng phải gìn giữ các pháp. Thế Tôn! Nếu Bồ-tát chỉ năng khéo giữ tự tâm, đó là Bồ-tát gìn giữ tự tâm vậy nên năng thành tựu diệu pháp của chư Phật, cho đến thấy tự tâm như huyễn, thấy các pháp như huyễn như vậy mà tâm chẳng phải trong chẳng phải ngoài, hai khoảng trung gian có thể được, thấy các pháp như vậy, thấy tức như tâm, không ở sắc tướng, không thể được bày, không thể được thấy, không ở hình ngại, không thể nắm bắt, chẳng chiếu chẳng trú, thấy tất cả các pháp, tưởng nó như vậy. Nếu năng thấy như vậy thì Bồ-tát đó năng đắc tâm ở bình đẳng. Vì đắc tâm bình đẳng, Bồ-tát như vậy lại chẳng đắc ở pháp. Vì ngoài bình đẳng, không pháp riêng biệt, rõ pháp sai biệt tức là bình đẳng vậy. Nếu vào pháp môn bình đẳng đó thì biết tất cả pháp thảy đều là tánh không, chẳng sinh mến đắm, tức là không gì chẳng là nơi xả bỏ thân mạng vậy, cũng là nơi thành đạo, cũng là nơi chuyển pháp luân, cũng là nơi độ sinh cũng là nơi pháp diệt, cũng là nơi báo ân rốt ráo, cũng là nơi thành mãn đại nguyện, cũng là nơi muôn

hạnh đầy đủ. Tại sao? Như nói muôn vật được đất mà sống, muôn hạnh được lý mà thành, là lý tức tâm vậy, hoặc hành hiếu tư, hoặc dối trung liệt, không gì chẳng do tâm đó thay? Như ở thời Võ Tắc Thiên (Vũ Hậu 685-705) thời Tiền Đường, có Mạnh Cảnh Hưu đang lúc chịu tang mẹ, buồn đau hủy hoại gần đến muốn diệt tánh, có người em là Cảnh Vĩ đang nhỏ dại, Cảnh Hưu lại đưa vú mình cho em bú, vú đó cho sữa chảy tràn. Lại nữa, Tất Cấu làm Lại bộ Thượng thư, mới đầu đang lúc chịu tang người mẹ kế dòng họ Tiêu, có hai người em gái dòng họ Lô đều đang còn nằm tả, Tất Cấu tự đưa vú mình cho ngậm bú, nuôi dưỡng đến lớn. Đó đều là sự cảm bởi hiếu hạnh, sữa ra từ tâm, chẳng phải hẳn định trên thân thể kẻ nam hay người nữ vậy.

Hỏi: Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi môn đều giải thoát, cớ sao riêng lấy môn nhất tâm làm chân thú?

Đáp: Môn nhất tâm đây là chân tánh giải thoát, Phật xưa xót thương chỉ dạy giải thoát của chư Phật, chỉ khiến cầu ở trong tâm hành của chúng sinh, chẳng cầu ở xứ khác. Tại sao? Chỉ nghĩa là tâm chúng sinh là tâm chư Phật, chư Phật giải thoát là chúng sinh giải thoát, tùy duyên chuyển biến, tự gọi là chúng sinh, duyên tánh thường không, Phật thật chẳng động, như băng vốn là nước đông, nếu muốn cầu nước, nên phải đến băng, băng nước tuy khác, nhưng tánh ướt chẳng hoại, thời tiết có khác, mà thể tánh không khuyết. Tin vào như vậy, gọi là giải thoát chân thật. Ngoài ra, các pháp môn, không gì chẳng tiến thủ. Do đó trên pháp hội Pháp Hoa, Đức Thế Tôn chúc lụy các Đại Bồ-tát nếu nói kinh đó phải vào ngày Phật tuệ mới có thể rộng chỉ bày, chân thật báo đáp ân Phật, nếu có người không tin nhận, phải ở trong các pháp khác, chỉ dạy lợi mừng, tức là diễn nói các pháp môn giải thoát khác. Nay trong Tông kính, chỉ luận giải thoát chẳng nghĩ bàn. Như trong Thai giáo có câu hỏi: “Bởi ý gì chẳng đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, mới là giải thoát chẳng nghĩ bàn? Đáp: Núi Tu-di đưa vào hạt cải, nhỏ chẳng chướng lớn, lớn chẳng tức nhỏ, nên nói chẳng nghĩ bàn vậy. Nay có phiền não mê hoặc, chẳng chướng trí tuệ Niết-bàn, trí tuệ Niết-bàn chẳng ngại kết hoặc, mới gọi là chẳng nghĩ bàn.

Lại nói về có thể không thể không sắc không tâm để nói rõ giải thoát không thể. Nếu quán sắc tâm chẳng thể nghĩ bàn tức là sắc tâm của pháp tánh, đầy đủ sắc tâm chẳng sinh chẳng diệt mà được giải thoát. Nên biết chân thiện diệu sắc là thể của diệu tâm vậy. Lại, diệu sắc trong lắng thường an trụ, lại sắc giải thoát Niết-bàn. Nếu không sắc là như người chết, nào được giải thoát. Cho đến ong vàng làm mật, nhện giăng

lưới, đều chẳng thể nghĩ bàn. Đều có giải thoát của tâm số pháp vậy. Vậy biết, rõ ngay tâm đó, không hành nào chẳng đủ, vì nhất tâm đầy đủ muôn hạnh, không một hạnh nào mà chẳng phải tâm vậy. Vả lại, như nói bố thí là lúc Đại Bồ-tát hành thí v.v... năng quán chỉ bàn biết cảnh là tâm, tức ngoài tâm không pháp, ba luân thể không, đó gọi là chân thí. Trì giới nghĩa là chứng duy tâm lìa niệm thường tịnh, vô minh cấu hết tức thành giới Phật, chỉ trong tâm Phật đủ các công đức, lìa quá nghĩa biên thì gọi là giới. Nhẫn nhục là quán chúng sinh là vọng thấy của duy thức, biết ngoài bản tâm không pháp đáng sân. Tinh tấn là Như Lai tinh tấn, nếu căn cứ tự hành, thường quán duy thức, nên trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Như Lai thường chẳng xuất quán nên tịch tĩnh". Thiền định là Bồ-tát định, nghĩa là lúc quán duy thức chẳng thấy cảnh, tâm không duyên niệm thì là chân tịnh. Trí tuệ là Đại Bồ-tát đều quán tự tâm, ý nói phân biệt lấy làm cảnh giới, từ sơ phát tâm cho đến thành Phật đều quán như thế, đâu chỉ tứ đẳng lục độ thành Phật độ sinh, cho đến muốn gá chất đài sen, trọn vất bỏ thai tạng, sinh về Cực lạc v.v... cõi nước chư Phật. Du hý thần thông là đều năng rõ đạt tự tâm không đâu chẳng hóa đến. Lại nữa, đâu chỉ một hạnh một nguyện, phàm có tất cả mọi mong cầu không gì chẳng theo ý. Nên trong kinh Như Lai Bất Khả Tư Nghì Cảnh Giới nói: "Ba đời tất cả chư Phật đều không sở hữu, chỉ nương tựa tự tâm. Bồ-tát nếu năng rõ biết chư Phật và tất cả pháp đều chỉ tâm lượng, được tùy thuận nhẫn, hoặc vào sơ địa, xả bỏ thân, chóng sinh về thế giới Diệu hỷ, hoặc sinh về Cực lạc, trong tịnh độ Phật". Trong luận Kim Cang Bát-nhã có kệ tụng rằng: "Trí tập duy thức thông, như vậy lấy cõi tịnh". Trong luận Khởi Tín nói: "Người mới tin Đại thừa, chư Phật đều gồm sinh về cõi tịnh". Trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: "Nếu năng giáo hóa chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới khiến hành thập thiện, chẳng bằng Bồ-tát chỉ như khoảng bữa ăn mà nhất tâm tĩnh lắng khiến vào pháp môn nhất tướng". Trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Phật bảo: Thiện Hiện! Phải biết Bát-nhã Ba-la-mật sâu mầu, là môn mà tất cả đổ vào". Trong kinh Lăng-già có kệ tụng rằng: "Trong tất cả các độ, Phật tâm là thứ nhất". Do đó trong tất cả các thừa, thừa đó là rốt ráo". Trong Thai Giáo nói: "Chư Phật giải thoát tìm cầu trọng tâm chúng sinh nếu quán tâm hành chúng sinh vào bản tánh thanh tịnh trí, cùng nguyên tâm chúng sinh tức hiển bày quả giải thoát của chư Phật. Nếu thấy tâm chúng sinh là không, tức thấy cõi Phật là không, tức là tìm cầu trong tâm hành mà được ba thứ giải thoát. Tâm tánh chúng sinh tức là chân tánh giải thoát, si ái tức Phật tuệ giải thoát, các hành bất

thiện tức là phương tiện giải thoát". Vậy biết nhất tâm chân tánh giải thoát đây năng không các thứ phiền não trói chín kết mười sử v.v... như một cây chiên-đàn cải đổi rừng y lan rộng bốn mươi do- tuần, đều tỏa hương thơm, năng khiến phiền não tức Bồ-đề vậy. Lại nữa, nếu đoạn hoặc sám tội, so với các tiệm giáo khác thì giống như ngàn cân bông hoa chẳng bằng một lượng vàng thật. Nên nói nếu muốn sám tội là phải đoan tọa chuyên niệm thật tướng thì rõ ngay tâm vô sinh, giải thoát ngay đó. Trong Kim Quang Minh kinh sớ nói: "Tỳ-lô-già-na khắp tất cả xứ, hoặc đi hoặc đứng, hoặc tối hoặc sáng đều được chẳng lìa thấy Phật Thế Tôn. Đối với sáu căn không gì chẳng là Phật pháp, Kỳ-bà nắm cỏ không gì chẳng là phương thuốc, hay lành bệnh tất cả. Thích-ma-nam nắm tất cả ngói sỏi đều biến thành vật báu. A-na-luật bình bát không mà đều đầy cam lồ". Nếu năng như vậy thì tội sở quán không gì là tội, tội tức là thật tướng. Phước của sở quán, phước tức chẳng phải phước, phước tức thật tướng. Thuần là thật tướng, đó gọi là đại sám hối vậy. Như trong kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát hạnh Pháp nói: "Quán tâm không tâm, từ điên đảo tưởng khởi, tưởng tâm như vậy từ vọng tưởng khởi, như gió giữa hư không không nơi nương dừng, pháp tướng như vậy chẳng sinh chẳng diệt. Vậy gì là tội? Vậy gì là phước? Tâm ta tự không, tội phước không chủ. Tất cả các pháp đều cũng như vậy, không trú không hoại, sám hối như vậy". Lại nữa, phàm có tội có thể phát lồ là chẳng phải chân thật sám hối, có thiện có thể thấy là chẳng phải chân thật phát nguyện. Nếu vào trong Tông kính thật rõ tự tâm thì không xứ không phương, tất cả đều thanh tịnh. Như trong kinh Thậm Thâm Đại Hồi Hướng nói: "Phật dạy: "Có ba thứ hồi hướng, những gì là ba? Đó là quá khứ không, tương lai không và hiện tại không, không có hồi hướng, cũng không pháp hồi hướng, cũng không xứ hồi hướng, Bồ-tát Ma-ha-tát thường làm hồi hướng như vậy. Lúc làm hồi hướng đó ba xứ đều thanh tịnh, dùng công đức thanh tịnh đó cùng tất cả chúng sinh đồng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề. Làm hồi hướng đó là không có phàm phu và pháp phàm phu, cho đến cũng không có Phật và hướng Phật. Tại sao? Pháp tánh vô duyên, chẳng sinh chẳng diệt không nơi dừng trú vậy". Trong kinh Pháp Tập nói: "Bậc Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng cầu nơi rốt ráo. Tại sao? Vì Bồ-tát đó đối với tất cả pháp không gì chẳng là rốt ráo vậy. Bồ-tát đó chẳng cầu giải thoát, tất cả các pháp bản tánh tịnh diệt, không gì chẳng là giải thoát. Bồ-tát đó chẳng vui với một pháp, cũng chẳng nhàm chán một pháp. Bồ-tát đó đối với pháp của chư Phật, chẳng phải là pháp tự chẳng phải là pháp

khác, chẳng lấy một pháp chẳng bỏ một pháp". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng Bồ-tát Thượng Hạnh v.v... thần lực của chư Phật như vậy, vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ta đem thần lực đó ở trong vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức A-tăng kỳ kiếp, vì chúc lụy nên nói công đức kinh này cũng không thể hết được. Tóm lại mà nói tất cả pháp mà Như Lai có, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả kho tàng bí yếu của Như Lai, tất cả mọi sự sâu mầu của Như Lai, đều tuyên bày giải nói trong kinh đây". Nên biết các đấng Giác vương trong ba đời, các bậc Đại sĩ ở mười phương, có tất cả pháp của chư Phật, tất cả môn thần thông gồm hóa, tất cả kho tàng tông chỉ bí yếu, tất cả mọi sự nhân quả sâu mầu, đều ở trong tâm đây không gì chẳng tròn đầy, nên nói ở trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp chúc lụy pháp đó, tán thán công vô tác, đức vô sinh của tâm đầy còn chẳng thể hết, đâu có thể sơ sài trong khoảnh khắc mà chỉ nói ư?

Tông Kính lục này là sở hành của bậc đại trí, là năng thọ của hàng thượng căn. Tuyệt bỏ thấy của hang hóc si cuồng, dứt tâm am cỏ thấp kém, chẳng phải ôm hoài hạn lượng mà liền có thể mong cầu, nắm nghêu sao có thể rót biển, chẻ cỏ sao có thể lường trời? Nếu gặp hàng đại có thể lại không thể đi nơi đường tắc mà phải y cứ Tông kính chỉ ngay bản tâm. Như trong kinh nói: "Không đem thức ăn uế tạp đặt để trong bình báu, không đem biển lớn đặt để trong dấu chân trâu". Vậy biết đối với đây mà sinh tin rất là hiếm có. Tại sao? Tin Phật quả thì dễ, như mười phương chư Phật, tin Phật nhận thì khó như chúng sinh hiện nay. Nên trong Khởi tín sao nói: "Tin Thích-ca ở quá khứ, Di-lặc ở tương lai, v.v... các Phật như vậy thì là dễ. Nay có tin chân như trong tâm chúng sinh là phàm thánh đồng nương tựa, mê đó thì sáu thú không cùng, ngộ đó thì tam bảo chẳng dứt tuyệt, như vậy thật là hiếm có. Như tin hoàng hậu mang thai vua thì dễ, còn tin bần nữ mang thai thánh là khó. Cho nên nhiễm pháp tịnh pháp đều là mầm tâm, bản địa phát sinh lại không thai nghén khác". Như trong Đại Thừa Trang Nghiêm kinh luận, Bồ-tát Vô Trước nói kệ tụng rằng: "Tự giới và hai sáng, si cùng các hoặc khởi, các phân biệt như vậy, hai thật nên xa lìa". Giải thích: tự giới nghĩa là từ A-lại-da phân chủng tử, hai sáng tức là ánh sáng năng thủ và ánh sáng sở thủ. Các phân biệt đó v.v... do cùng với vô minh và các hoặc khác, nên được sinh khởi, các phân biệt như vậy, hai thật nên xa lìa, hai thật nghĩa là thật sở thủ và thật năng thủ. Hai thật như vậy nhiễm tịnh nên cầu xa lìa, giải nghĩa: đó cũng là nghĩa gom ngọn về gốc. Trong luận nói: "Người cầu học duy thức, năng thủ, và sở thủ, hai đó chỉ tâm sáng, sáng tham và sáng tin, hai

sáng không hai pháp". Giải thích người cầu học duy thức phải biết năng thủ và sở thủ, hai thứ ấy chỉ là ánh sáng của tâm. Như vậy, ánh sáng tham v.v... các phiền não, và ánh sáng tin v.v... các thiện pháp. Hai ánh sáng như vậy cũng không hai pháp nhiễm tịnh. Tại sao? Chẳng lìa ánh sáng tâm mà riêng có tham v.v... tin v.v... các pháp nhiễm tịnh. Hai ánh sáng cũng không tướng. Trong kệ tụng nói: "Các thứ tâm sáng khởi, các thứ tướng như vậy thể sáng chẳng phải thể, chẳng được pháp thật kia". Giải thích: các thứ tâm sáng, tức là các thứ sự tướng, hoặc khác thời mà khởi, đó là ánh sáng tham ánh sáng sân v.v... Hoặc đồng thời mà khởi, đó là ánh sáng tinh tấn v.v... thể ánh sáng v.v.... là nhiễm vị tâm sở như vậy. Tịnh vị tâm sở chỉ có tướng sáng mà không có thể sáng, cho nên Đức Thế Tôn chẳng nói kia là pháp chân thật. Vậy biết, thể của muôn pháp chẳng vượt ngoài nguồn tâm già-na. Môn muôn thiện chẳng vượt ngoài biển hạnh Phổ Hiền. Tại sao chẳng vượt ngoài nguồn tâm già-na? Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: "Cõi Phật số vi trần, các cõi nước như vậy, năng ở trong một niệm, hiện trong mỗi mỗi trần". Thế nào là chẳng vượt ngoài biển hạnh Phổ Hiền? Như trong phẩm A-tăng-kỳ có kệ tụng nói". Ở nơi đầu một sợi lông nhỏ, có không thể nói các Phổ Hiền, như một đầu lông tất cả vậy. Như vậy cho đến khắp pháp giới". Tâm già-na đây tức là tâm Bồ-đề, hạnh Phổ Hiền đây tức là hạnh Bồ-đề. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: Muốn thấy tất cả Phật mười phương, muốn thí vô lượng tạng công đức, muốn diệt các khổ não chúng sinh, cần nên chóng phát tâm Bồ-đề". Người xưa nói: "Tâm Bồ-đề tức là gốc của muôn hạnh, tức phát tâm đó bèn gọi là hạnh.

Hỏi: Nếu riêng lấy nhất tâm giải thoát, ngoài ra đều chẳng phải, thì một chẳng gom thâu tất cả, nghĩa pháp giới chẳng tròn, trái thừa rộng đây, mất lý khắp đó chăng?

Đáp: Nếu căn có tròn đầy tu pháp đốn ngộ, thì nêu một bao gồm tất cả, không phải dùng phương tiện, chỉ vì hạng người chẳng vào nên phương tiện mở thành ba, cho đến tám vạn. Tuy tức mở ba nhưng vốn nói rõ một đạo. Do đó trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Lý như vậy đủ tất cả pháp. Này Thiện nam! Trụ như lý là qua biển khổ". Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói: "Có không là hai bên, lấy làm cảnh giới tâm, lìa pháp các cảnh giới, tâm bình đẳng vắng lặng". Trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: "Nếu lại bỏ mất tất cả sở hữu. Ở tại sở hữu lại không sở hữu, đó gọi là nhất tâm". Trong kinh Pháp Cú nói: "Người sống thọ trăm tuổi, tình vui thích buông lung, chẳng bằng sống một ngày, hướng tâm về không tịnh". Phó Đại sĩ có kệ tụng rằng: "Chư Phật chẳng hứa

cầu danh ngoài. Đạt bản thân tâm tức là chánh". Nên biết muôn pháp quy về tâm là đạo toàn vậy. Như trong Canh Tang tử Đạo Toàn Thiên nói: "Lỗ công đem lời thấp kém để hỏi, Canh Tang tử nói: "Tôi có thể nghe nhìn mà chẳng cần tai mắt, chẳng phải đổi cái dùng của tai mắt để nói lỗi người". Lỗ công nói: "Ai như vậy, Quả nhân tôi thêm khác vậy. Đạo đó như thế nào? Quả nhân tôi mong sớm được nghe đó!". Canh Tang tử nói: "Thể tôi hợp với tâm, tâm hợp với khí, khí hợp với thần, thần hợp với không. Đó có lớn vậy, có âm chỉ vậy, tuy xa cách ngoài tám hoang mà gần tại trong khóe mắt, lại nơi tôi, tôi hẳn biết đó. Mới không biết bảy khiếu. Tôi đó là hay của tay chân, năm tạng của sáu phủ là chỗ biết của tâm lự, đó tự biết mà thôi vậy". Hà Xán chú thích rằng: "Tâm hình hết sạch hợp thần khí ngầm phù, suốt thấu đến tâm cùng đồng thề không. Sau đó, tâm càng lắng mà trí càng xa, thần càng im mà chiếu càng rõ. Lý cực mà tự thông, chẳng tư duy mà thấy cao xa, chẳng phải là chỉ thần chí thánh thì ai có thể được cùng như vậy ư!" Đó là then chốt của linh nguyên là diệu đạo của trùng huyền ấy vậy. Do đó, trong ngoài chỉ quy phải ngầm phù hợp tâm thể thì suốt chiếu không sót vậy, bèn có thể hòa quang muôn hữu, thể nạp cả mười phương. Phàm nói hòa là chẳng phải có hai pháp năng và sở cùng thuận gọi là hòa. Như các bậc Cổ đức nói: "Phàm thánh mỗi riêng biệt, chẳng được gọi là hòa. Tâm thể lìa niệm, chẳng được tướng chúng sinh, pháp giới tức ta, ta tức pháp giới, gọi là hòa". Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Bồ-tát Quán Thế Âm thưa Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con từ văn tư tu vào tam-ma-địa, mới đầu trong văn (nghe) vào lòng mất chỗ (sở), chỗ vào đã mất, hai tướng động tĩnh tự nhiên chẳng sinh, như vậy dần tăng, nghe và điều nghe hết, hết nghe chẳng trụ, giác và sở giác không, không và giác tròn đầy, không và chỗ không diệt, sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện ngay, chợt nhiên vượt quá thế gian và xuất thế gian, mười phương tròn sáng được hai thù thắng: một là, trên hợp với bản giác diệu tâm của chư Phật, cùng Phật Như Lai đồng một sức từ; hai là, dưới hợp với mười phương tất cả sáu đường chúng sinh, cùng các chúng sinh đồng một bi ngưỡng. Đó mới là vết năng sở tiêu mất, chân tục ngầm hợp, chẳng phải từ sự hành nhân khác mà đồng, chỉ rõ tâm không tự tha, muôn pháp tự nhiên một thể. Ngoại thư cũng nói: "Tâm hòa tức ngôn hòa, ngôn hòa tức nói khắp thiên hạ không miệng lỗi lầm, vì thân tâm hòa nên hành khắp thiên hạ không oán ghét. Đã cùng muôn pháp thể hòa, thì chẳng cùng vật tranh cãi". Như trong kinh Hoa Thủ nói: Phật bảo: Xá-lợi-phất! Cho nên vị Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, phải biết quán sát tâm

đó là không tướng. Xá-lợi-phất! Những gì là tâm? Những gì là không tướng? Xá-lợi-phất! Tâm gọi là ý thức, tức là thức ấm ý nhập ý giới. Tâm không tướng là tâm không tướng tâm, cũng không tác giả. Tại sao? Nếu có tác giả, thì có kia làm mà người đây nhận thọ. Nếu tâm tác thì sự tác tự thọ. Xá-lợi-phất! Tâm đó tưởng không có tác giả, không sai sử làm, nếu không tác giả, thì không tướng làm. Nếu người hý luận tướng tâm đó là thì cùng vô ngại không vô tướng tranh cãi. Nếu cùng vô ngại không vô tướng tranh cãi thì người đó cùng tranh cãi với Như Lai. nếu cùng tranh cãi với Như Lai, phải biết người đó là rơi lạc hầm sâu". Vậy biết nếu vào trong biển Tông kính, đã nhiếp tất cả pháp môn khác, như lên núi pháp tánh đều thấy đến vô biên cảnh giới. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "thí như có người tắm trong biển lớn, phải biết người đó đã dùng nước của các sông suối ao hồ. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, tu tập Kim cang Tam-muội như vậy, phải biết đã là tu tập tất cả các Tam-muội khác". Lại nói: "Thí như núi cao có người leo lên đó, xa trông nhìn các phương thảy đều rõ ràng". Nên biết tự tâm không gì có thể vượt qua. Do đó trong giáo cũng gọi là pháp sâu mầu cũng gọi là thừa tối thượng. Do vậy, một pháp chỉ nam muôn đường thuận về. Chỉ có danh tự sai biệt, trọn không khác thể riêng bày, như có bài tụng nói: "Lúc các sắc tâm hiện, như vàng bạc ẩn nổi, vàng đặt tên khác sinh, cùng vàng không trước sau". Vả lại, như vàng bạc ẩn nổi, hình của công đức, chỉ có khác tên, thể vàng chẳng động, ví tợ nhất tâm hiện ra, đạo của phàm Thánh tuy lập tên khác mà tâm tánh không sinh, thấu đạt tên đó là không, thấy pháp như gương, tự nhiên dứt ý, ngầm hợp với chân tông vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 31

Phàm, cảnh giới chư Phật chỉ hướng đến môn nhất tâm giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Sao gọi là giải thoát chẳng thể nghĩ bàn? Vì tất cả pháp chẳng phải có mà có, có mà chẳng phải có, chẳng phải chỗ biết của định lượng nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đã vì chẳng phải có mà có tức chẳng trụ ở không, có mà chẳng phải có tức chẳng trụ ở có, có không chẳng trụ, tức đối với các pháp thảy đều giải thoát, vì tất cả pháp chẳng vượt ngoài có không vậy. Nên biết trong nhất tâm giải thoát không có văn tự thì không sinh tử, không phiền não, không ấm giới, không chúng sinh, không buồn vui, không khổ lạc, không trói buộc, không qua lại, không phải không quấy, không được không mất, cho đến không Bồ-đề, không Niết-bàn, không chân như, không giải thoát. Tóm lại mà nói tất cả các pháp Thế gian và Xuất thế gian thảy đều không có. Như trong kinh Thủ lăng nghiêm nói: "Thấy biết lập thấy biết tức là gốc của vô minh, thấy biết không thấy, đó tức là Niết-bàn, vô lậu thanh tịnh". Cớ sao trong đó lại dùng các vật khác? Như điều nói trên, thế gian sinh tử, xuất thế gian Niết-bàn v.v... có vô lượng tên gọi sai biệt, đều từ thấy biết văn tự lập nên, nếu không thấy biết văn tự, gọi là thể vốn không, ở trong tâm diệu minh nào có vật gì? Như Lục Tổ Tuệ Năng có kệ tụng rằng: "Bồ-đề vốn không thân, gương sáng cũng không đài, xưa nay không một vật, nơi nào dính bụi dơ". Đại sư Dung nói: "Chí lý không thuyên chẳng phải mở chẳng phải buộc, linh thông ứng vật thường tại trước mắt. Trước mắt không vật không vật rõ ràng, chẳng dùng người đặt, thể tự hư giã". Lại nói: "Không vật tức thiên chân, thiên chân tức đại đạo". Hàn Sơn Tử có bài thơ nói rằng: "Hàn Sơn ở trong hang, trong hang không một vật, sạch sẽ không rành rành, ngời ngời sáng tợ nhật, ăn thô dưỡng thân bé, vải bố che huyễn chất, mặc ngươi ngàn Thánh hiện, ta có Phật thiên chân". Do đó trong kinh Đại Niết-bàn Đức Phật nói trăm câu giải thoát chân thật tức là Như Lai. Phàm, Như Lai là tức lại trong nhất tâm chân như tự tánh, nên gọi là Như Lai. Lại, Như là

chẳng biến chẳng khác, chẳng mất tự tánh, nên gọi là Như lai, tức chân như chẳng giữ tự tánh, tùy duyên hiển hiện nên gọi là lai, đó mới là lai của bất lai, vì tánh chân như khắp tất cả xứ, thật không đến đi, từ tâm cảm nên, không ẩn hiện vậy". Lại trong kinh nói: "Như Lai tức là pháp vậy". Nên trong luận Khởi Tín nói: "Nói là pháp tức là tâm chúng sinh". Vì vậy các bậc Cổ đức nói: "Tâm vốn thanh tịnh, cũng không tướng tịnh, mới thấy tâm ta. Nên biết trong một trăm câu giải thoát, mỗi câu nói rõ tâm, tâm tâm giải thoát, chưa có một câu một chữ chẳng là chỉ nam của Tông kính". Như trong kinh nói: "Bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Cúi mong xót thương lại diễn nói rộng về nghĩa của của Đại Niết-bàn hành giải thoát". Đức Phật ngợi khen Ca-diếp rằng: "Lành thay! Lành thay! Này Thiện nam! Giải thoát chân thật, nghĩa là xa lìa tất cả trói buộc. Nếu giải thoát chân thật lìa các trói buộc thì không có sinh, cũng không hòa hợp, thí như cha mẹ hòa hợp sinh con. Giải thoát chân thật thì không như vậy, cho nên giải thoát gọi là chẳng sinh. Này Ca-diếp! Thí như đề hồ tánh nó thanh tịnh, Như Lai cũng vậy, chẳng phải nhân cha mẹ hòa hợp mà sinh, tánh đó thanh tịnh. Sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ các chúng sinh vậy. Giải thoát chân thật tức là Như Lai, Như Lai giải thoát không hai không khác, thí như mùa xuân, gieo các giống đậu, có được hơi ấm sau đó bèn nảy sinh, giải thoát chân thật thì không như vậy. Lại nữa, giải thoát gọi là hư vô, hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là hư vô. Chẳng phải làm chỗ làm, phàm là làm, giống như thành quách lầu quán tức định, giải thoát chân thật thì không như vậy. Cho nên giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát tức là pháp là vô vi, thí như thọ gốm làm rồi lại phá, giải thoát không như vậy. Giải thoát chân thật là chẳng sinh chẳng diệt, cho nên giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cũng vậy, chẳng sinh chẳng diệt chẳng già chẳng chết, chẳng phá chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do vì nghĩa đó nên gọi là Như Lai. vào Đại Niết-bàn, chẳng già chẳng chết, có những nghĩa gì? Già là biến đổi, tóc bạc mặt nhăn, chết là thân hoại mạng chung các pháp như vậy, không trong giải thoát, vì không các sự ấy nên gọi là giải thoát. Như Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn là pháp hữu vi cho nên Như Lai không có già vậy. Không có già thì không có chết. Lại nữa, giải thoát gọi là không bệnh. Nói là bệnh tức là bốn trăm lẻ bốn bệnh và những gì bên ngoài lại tổn hại thân. Điều ấy không có nên gọi là giải thoát. Không tật bệnh tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai không bệnh tức là Như Lai, chết gọi là thân hoại mạng chung. Xứ đó

không chết tức là cam lồ, cam lồ tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai thành tựu công đức như vậy, cớ sao mà nói Như Lai vô thường? Nếu nói vô thường, thì điều ấy không thể có. Như Lai là thân kim cang, sao lại vô thường? Cho nên Như Lai chẳng gọi là mạng chung, Như Lai thanh tịnh không có dơ bẩn. Thân của Như Lai chẳng phải dơ uế của bào thai, như Phân đà lợi bản tánh thanh tịnh, Như Lai giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai, cho nên Như Lai thanh tịnh không dơ. Lại nữa, giải thoát là các lậu ung nhọt trọn không sót thừa. Như Lai cũng vậy, không có tất cả các lậu ung nhọt. Lại nữa, giải thoát là không có đấu tránh. Thí như người đói thấy người khác ăn uống, sinh ý tưởng tham đoạt, giải thoát không như vậy. Lại nữa, giải thoát gọi là an tịnh. Người phàm phu nói: “Phàm an tĩnh là Ma-hê-thủ-la”. Nói như vậy, tức là hư vọng, an tĩnh chân thật, rốt ráo giải thoát, tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là an ổn. Như nơi có nhiều giặc, chẳng gọi là an ổn, nơi thanh di mới gọi là an ổn. Trong giải thoát ấy không có khiếp sợ, nên gọi là an ổn. Cho nên an ổn tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, giải thoát là không có bè bạn ngang bằng, có bè bạn ngang bằng là như có Quốc vương có nước lân cận v.v... phàm, giải thoát thì không có bè bạn ngang bằng như vậy. Nghĩa là Chuyển luân thánh vương không có ai có khả năng cùng làm ngang bằng. Giải thoát cũng vậy, không có bè bạn ngang bằng, không bè bạn ngang bằng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai Chuyển luân thánh vương. Cho nên Như Lai không có bè bạn ngang bằng. Có bè bạn ngang bằng thì điều ấy không thể có. Lại nữa, giải thoát gọi là không ưu sầu, có ưu sầu là thí như quốc vương sợ nạn kẻ mạnh ở gồm mà sinh ưu sầu, phàm, giải thoát thì không việc đó. Thí như phá hoại kẻ oán thì không buồn lo, giải thoát cũng vậy, là không lo sợ, không lo sợ tức là Như Lai. lại nữa giải thoát gọi là không buồn vui, thí như người nữ chỉ có một người con theo việc phải đi xa, cuối cùng có tin dữ đưa về, người nữ nghe đó bèn sầu khổ, sau đó lại nghe sống an lành, bèn sinh vui mừng. Phàm, trong giải thoát không có việc như vậy không buồn vui tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là không bụi dơ, thí như ngày tàn mùa xuân gió thổi bụi sương, phàm trong giải thoát không có việc đó. Không bụi sương là dụ như giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Thí như minh châu ở trong búi tóc Thánh vương không có dơ bẩn, phàm tánh giải thoát cũng lại như vậy. Không có dơ bẩn, không có dơ bẩn dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân

thật tức là Như Lai, như tánh vàng thật chẳng xen tạp cát đá, mới gọi là báu thật, có người được đó sinh tưởng với tài của, phàm tánh giải thoát cũng lại như vậy, như báu thật kia. Báu thật kia là dụ cho giải thoát, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Thí như bình gốm vỡ mà tiếng nỗ rang, bình báu kim cang thì chẳng như vậy. Phàm, giải thoát là cũng không có tự nỗ rang pha vỡ. Bình báu kim cang dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai, cho nên thân Như Lai không thể phá hoại, tiếng tư đó là, như Tỳ-ma tử lúc nóng bức đặt để phơi giữa trời thì phát ra tiếng nổ rang, phàm giải thoát là không việc như vậy. Lại nữa, bình báu thật kim cang kia không tiếng nỗ rang phá vỡ, giả sử vô lượng trăm ngàn người đều cùng bắn đó, không thể phá hoại. Không tiếng nỗ rang phá vỡ là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai, như người bần cùng tham vật báu, mắc nợ vật của người khác, bị người khác trói buộc gông cùm đánh phạt, nhận chịu mọi sự khổ độc. Phàm, trong giải thoát, không việc như vậy. Không có mắc nợ, giống như trưởng giả có nhiều của báu với số vô lượng ức, thế lực tự tại, chẳng mắc nợ vật người khác. Phàm, giải thoát cũng là như vậy, có nhiều vô lượng pháp tài trân bảo, thế lực tự tại, không có mắc nợ. Không mắc nợ là dụ cho giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không bức thiết, như mùa xuân xen nóng ngày hạ ăn ngọt, ngày đông chạm lạnh, trong giải thoát chân thật không có những sự chẳng vừa ý như vậy, không bức thiết là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, không bức thiết là thí như có người ăn no cá thịt mà lại uống sữa, người đó hẳn gần chết chẳng bao lâu. Trong giải thoát chân thật không việc như vậy. Người đó nếu được thuốc tốt cam lồ, thì ách hoạn đó được trừ, giải thoát chân thật cũng lại như vậy. Thuốc tốt cam lồ là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai, cớ sao bức thiết chẳng bức thiết vậy. Thí như người phàm ngã mạn tự cao mà suy nghĩ rằng “trong tất cả chúng ai có thể hại ta,”? Tức bèn dẫn rắn hổ trùng độc, phải biết người đó chưa hết thọ mạng thì đã bị hoạnh tử. Trong giải thoát chân thật không việc như vậy. Không bức thiết là như vua Chuyển luân có viên thần châu có khả năng nhiếp phục hổ lang, v.v... chín mươi sáu thứ trùng độc. Nếu có người nghe được mùi hương của thần châu đó thì các độc tiêu diệt. Giải thoát chân thật cũng lại như vậy, thảy đều xa lìa hai mươi lăm hữu. Độc tiêu diệt là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, không bức thiết là thí như hư không, giải thoát cũng vậy. Hư không kia là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát

chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, bức thiết là như gần cỏ khô mà đốt các đèn lửa, gần thì cháy dữ, trong giải thoát chân thật không việc như vậy. Lại nữa, không bức thiết là thí như nhật nguyệt chẳng bức ép chúng sinh, giải thoát cũng vậy, đối với các chúng sinh không có bức thiết, không có bức thiết là dụ cho giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là pháp không động, giống như oán thân, trong giải thoát chân thật không việc như vậy. Lại, không động là như vua Chuyển Luân lại không Thánh vương để làm bạn thân, nếu lại có bạn thân, thì điều ấy không có, giải thoát cũng vậy lại không có thân. Nếu có thân thì điều ấy không có, vua kia không thân là dụ cho giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, không động là thí như áo trắng dễ bị nhuốm sắc, giải thoát không như vậy. Lại, giải thoát là như hoa bà- sư muốn khiến có mùi thối và sắc xanh, điều ấy không có, giải thoát cũng vậy, muốn khiến có mùi hôi và các sắc, cũng không điều đó, cho nên giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là hy hữu, thí như trong nước sinh mọc hoa sen chẳng phải là hiếm có, trong lửa xanh mọc mới là hiếm có. Đó là hy hữu, có người trông thấy đó bèn sinh vui mừng. Giải thoát chân thật cũng lại như vậy, có trong thấy đó sinh tâm vui mừng, hy hữu kia là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai đó tức là pháp thân. Lại, hy hữu là thí như trẻ con răng nó chưa mọc, dần dần lớn lên, sau đó mới mọc, giải thoát không như vậy, không có sinh và chẳng sinh. Lại nữa, giải thoát gọi là hư tịch, không có bất định, phàm bất định là như nhất xiển- đề rốt ráo chẳng đổi thay, phạm trong cấm là chẳng thành Phật đạo, tâm được thanh tịnh kính tin, khi ấy tức là bèn diệt nhất- xiển- đề. Nếu lại được làm người Ưu-bà-tắc, cũng được đoạn diệt nhất- xiển- đề. Người phạm trong cấm diệt tội đó rồi thì được thành Phật, cho nên nếu nói rốt ráo nhất định không đổi thay, không thành Phật đạo thì điều ấy không có trong giải thoát chân thật đều không việc diệt tận như vậy. Lại, hư tịch là đọa trong pháp giới, như tánh pháp giới tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại, nhất- xiển- đề nếu diệt tận thì chẳng được gọi là nhất- xiển đề- vậy. Những gì mà gọi là nhất- xiển- đề ư? Nhất xiển đề nghĩa là đoạn diệt tất cả gốc các thiện căn, tâm chẳng vương víu tất cả thiện pháp, cho đến chẳng sinh thiện chỉ trong một niệm. Trong giải thoát chân thật đều không việc như vậy, không việc như vậy nên tức giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể lường, thí như đống thóc, lượng nó có thể biết, giải thoát chân thật thì không như vậy. Thí

như biển lớn không thể đo lường, giải thoát cũng vậy không thể đo lường. Không thể lường tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là vô lượng pháp, như một chúng sinh có nhiều nghiệp báo, giải thoát cũng vậy, có vô lượng báo, vô lượng báo tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là rộng lớn, thí như biển lớn, không có gì ngang bằng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là tối thượng, thí như hư không tối cao chẳng gì sánh bằng, giải thoát cũng vậy, tối cao chẳng gì sánh bằng. Cao không gì sánh bằng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể quá, thí như sư tử ở, tất cả trăm thú không thể vượt quá, giải thoát cũng vậy, không gì có thể vượt quá, không thể vượt quá tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là vô thượng, thí như phương Bắc là trên cả trong các phương, giải thoát cũng vậy, là không có gì vượt trên, không có gì vượt trên tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là vô thượng thượng, thí như phương Bắc đó so với phương Đông là vô thượng thượng, giải thoát cũng vậy, không có thượng thượng, không thượng thượng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát chân thật tức là hằng pháp, thí như người trời thân hoại mạng chung, đó gọi là hằng, chẳng phải chẳng hằng, giải thoát cũng vậy, chẳng phải là chẳng hằng, chẳng phải là chẳng hằng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là kiện trụ, như khư la chiên đàn trầm thủy tánh nó chắc thật, giải thoát cũng vậy, tánh nó chắc thật. Tánh cứng chắc tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng rỗng, thí như tre lau, thể nó trống rỗng, giải thoát không như vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể dơ uế, thí như tường vách chưa được sơn sửa, các loại trùng kiến ở trên vui sống, nếu dùng sơn sửa họa vẽ trang sức, các loại trùng kiến nghe mùi hương vẽ họa tức chẳng dừng ở, chẳng dừng ở như vậy dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là vô biên, thí như xóm làng đều có biên biểu, giải thoát không như vậy, thí như hư không không có ngằn mé, giải thoát cũng vậy không có ngằn mé, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể thấy, thí như dấu vết chim giữa hư không khó thấy, khó thấy như vậy dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là thậm thâm.

Tại sao? Vì nơi các hàng Thanh văn, Duyên giác không thể vào được, không thể vào được tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại thậm thâm là nơi cung kính của chư Phật Bồ-tát, thí như con hiếu cúng dường cha mẹ, công đức thậm thâm, công đức thậm thâm dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể thấy, thí như có người chẳng thể thấy đảnh đầu của mình. Giải thoát cũng vậy là nơi các hàng Thanh văn Duyên giác không thể thấy, không thể thấy tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không phòng nhà, thí như hư không không có phòng nhà, giải thoát cũng vậy nói phòng nhà là dụ cho hai mươi lăm hữu, không có phòng nhà là dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể lấy, thí như quả A-ma-lặc, người có thể giữ lấy, giải thoát không như vậy, không thể giữ lấy, không thể giữ lấy tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể chấp, thí như huyễn vật không thể nắm giữ, giải thoát cũng vậy không thể nắm giữ, không thể nắm giữ tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát không có thân thể, thí như có người thân thể sinh mọc các thứ mụn nhọt ung thư điên cuồng khô gầy, trong giải thoát chân thật không bệnh như vậy. Không bệnh như vậy dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là nhất vị, như sữa chỉ một mùi vị, giải thoát cũng vậy chỉ có một vị, một vị như vậy tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là thanh tịnh, như nước không bùn sình lắng yên trong sạch, giải thoát cũng vậy lắng yên trong sạch, lắng yên trong sạch thì giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là nhất vị, như mưa giữa không trung chỉ một vị trong sạch, một vị trong sạch dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là trừ tức, thí như trăng tròn sáng không các áng mây ngăn che, giải thoát cũng vậy không các mây ngăn che, không các mây ngăn che tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là tịch tĩnh, thí như có người mắc bệnh nhiệt trừ lành thân được yên lắng, giải thoát cũng vậy thân được yên lắng, thân được yên lắng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát tức là bình đẳng, thí như dã miêu đối với rắn độc chuột sói đều có tâm giết hại, giải thoát không như vậy, không tâm giết hại, không tâm giết hại tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại, bình đẳng là thí như cha mẹ tâm

bình đẳng đối với con, giải thoát cũng vậy, tâm đó bình đẳng, tâm bình đẳng tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát không có xứ khác, thí như có người chỉ ở nơi phòng nhà sạch sẽ thượng điệu, không có xứ khác, giải thoát cũng vậy, không có xứ khác, không xứ khác tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là biết đủ, thí như người đói gặp được thức ăn ngon lành bèn ăn đó không nhàm chán, giải thoát không như vậy, như ăn cháo sữa, không cần thêm gì khác, không cần thêm gì khác dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đoạn tuyệt như người bị trói buộc, cắt đứt trói buộc được thoát, giải thoát cũng như vậy, đoạn tuyệt tất cả tâm nghi ngờ trói buộc, đoạn dứt nghi ngờ như vậy tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đến bờ kia, thí như biển lớn có bờ bên này và bên kia, giải thoát cũng như vậy, tuy không bờ bên này mà có bờ bên kia, có bờ bên kia tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là im lặng, thí như biển lớn nước dâng sóng vỗ có nhiều âm thanh, giải thoát không như vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là mỹ điệu, thí như các thứ thuốc tạp, Ha-lê-lặc mùi vị nó đắng, giải thoát không như vậy mùi vị như cam lồ, mùi vị như cam lồ dụ cho giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là trừ các phiền não, thí như thầy thuốc giỏi hòa hợp các thứ thuốc, khéo trị liệu các bệnh, giải thoát cũng vậy, năng trừ phiền não, trừ phiền não tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không chật hẹp, thí như nhà nhỏ không dung chứa được nhiều người, giải thoát không như vậy, có nhiều nơi dung chứa, nhiều nơi dung chứa tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là diệt các ái, chẳng tạp dâm dục, thí như người nữ lắm nhiều ái dục, giải thoát không như vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai, Như Lai như vậy không có tham dục sân nhuế ngu si kiêu mạn v.v... các kiết. Lại nữa, giải thoát gọi là không ái, ái có hai thứ: một là, ngạ quỷ ái, xót thương chúng sinh nên có pháp ái, pháp ái như vậy tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là lìa ngã và ngã sở, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, giải thoát là diệt sạch lìa tham các hữu, giải thoát như vậy tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp vậy. Lại nua, giải thoát tức là cứu hộ, năng cứu tất cả các sự sợ hãi, giải thoát như vậy tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, giải thoát tức

là nơi quay về. Nếu có quay về nương tựa giải thoát như vậy, chẳng cầu nương tựa các nơi khác, thí như có người nương cậy nơi vua, chẳng cầu nương tựa các nơi khác, tuy là nương tựa nơi vua, nhưng vẫn có động chuyển, nương tựa giải thoát là không có động chuyển, không động chuyển tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, giải thoát gọi là phòng nhà, thí như có người đi giữa đồng trống thì có hiểm nạn, giải thoát thì không như vậy, không có hiểm nạn, không hiểm nạn tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là không nơi khiếp sợ, như sư tử vương đến trong trăm thú, chẳng hề khiếp sợ, giải thoát cũng vậy, ở trong chúng ma, chẳng sinh khiếp sợ, không khiếp sợ tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát không có chật hẹp, thí như đường hiểm cho đến không thể dung chứa hai người cùng đi, giải thoát không như vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai, lại có người chẳng chật hẹp là thí như có người sợ hổ mà rơi xuống giếng, giải thoát không như vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại, có chẳng chật hẹp là như trong biển lớn vất bỏ thuyền nhỏ hư hoại, được thuyền lớn chắc chắn, nương đó vượt qua biển đến nơi an ẩn tâm được khoái tạc, giải thoát cũng vậy, tâm được khoái lạc, được khoái lạc tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là nhổ các nhân duyên, thí như nhân nhủ mà được lạc, nhân lạc mà được tô, nhân tô mà được đề hồ. Trong giải thoát chân thật đều không nhân đó, không nhân đó tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát năng nhiếp phục kiêu mạn. Thí như Đại vương kiêu mạn đối với tiểu vương, giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức Như Lai, Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, giải thoát là nhiếp phục các buông lung. Nói buông lung tức là có nhiều tham dục, trong giải thoát chân thật không có tên đó, không có tên đó tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát năng trừ vô minh, như tô thượng vị, năng trừ bỏ các váng bẩn gọi là đề hồ, giải thoát cũng như vậy, trừ váng bẩn vô minh phát sinh chân minh, chân minh như vậy tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là tịch tĩnh, thuần một không hai, thí như voi giữa đồng trống riêng sống một mình không bè bạn, giải thoát cũng vậy, riêng một không hai, riêng một không hai tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chắc thật, như tre lau bề- ma thân cành hư rỗng mà hạt chắc thật. Ngoài Phật Như Lai, thì các hàng trời người khác đều không chắc thật, giải thoát chân thật xa lìa tất

cả các hữu lưu v.v... giải thoát như vậytức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là năng thấu rõ, thêm ích đối với ta, giải thoát chân thật cũng là như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là xả bỏ các hữu. Thí như có người ăn rồi mà ói nhã, giải thoát cũng vậy xả bỏ các hữu, xả bỏ các hữu tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là quyết định, như hoa bà-sư mùi thơm trong bảy lá, giải thoát cũng vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là thủy đại. Thí như thủy đại sánh hơn các đại khác, nên có khả năng đượm thấm tất cả các loài có hạt giống, giải thoát cũng vậy, năng thấm đượm tất cả các loài có sống, giải thoát như vậy tức là Như Lai gọi là vào, như vào nhà cửa thì thông đường, vào nơi của tánh vàng, vàng thì có thể được, giải thích cũng vậy, như nhà cửa kia, người tu vô ngã thì được vào trong, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là làm thiện, thí như đệ tử tùy theo ở thầy, khéo vâng dạy răn, được gọi là làm thiện, giải thoát cũng vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là pháp xuất thế. Đối với tất cả pháp rất là vượt qua, như trong các mùi vị, tô nhũ là ưu thắng, giải thoát cũng vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không động, thí như cửa chốt, gió không thể lay động, giải thoát chân thật cũng là như vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không sóng cả, như biển lớn kia nước đó nổi sóng, giải thoát không như vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là thí như cung điện, giải thoát cũng vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là sở dụng, thí như vàng diêm- phù- đàn đảm nhiệm nhiều sự, không ai có thể nói vàng đó quá xấu, giải thoát cũng vậy, không có quá xấu, không có quá xấu tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là xả bỏ hạnh trẻ con, thí như người lại vất bỏ hành động con nít giải thoát cũng vậy, xả bỏ năm ấm, xả bỏ năm ấm tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là cứu cánh, như người bị trói buộc, từ trói buộc mà được mở thoát, tắm rửa sạch sẽ sau đó trở về nhà. Giải thoát cũng vậy, rốt ráo trong sạch, rốt ráo trong sạch tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không làm vui, không làm vui là tham dục sân nhuế ngu si oái nhã vậy, dụ như có người nhầm uống rắn độc, vì trừ độc nên liền uống thuốc ói nhả. Đã được ói nhả rồi, độc liền trừ khỏi, thân được an lạc. Giải thoát cũng vậy, oi nhả phiền não các độc trói buộc, thân được an lạc gọi là không làm vui, không làm vui tức là giải thoát chân thật, giải

thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đoạn trừ bốn thứ phiền não rắn độc. Đoạn trừ phiền não tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là lìa các hữu, diệt tất cả khổ được tất cả vui, vĩnh viễn đoạn trừ tham dục sân nhuế ngu si, nhổ dứt tất cả gốc rễ phiền não, nhổ gốc rễ tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đoạn dứt tất cả pháp hữu vi, sinh ra tất cả thiện pháp vô lậu, dứt bít các đường, đó là hoặc ngã hay vô ngã, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, chỉ đoạn dứt chấp lấy dính mắc, chứ không đoạn trừ ngã kiến, ngã kiến tức là Phật tánh, Phật tánh tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng không không, không không gọi là không chỗ có, không chỗ có tức là điều chấp giải thoát của ngoại đạo ni- càn- tử, mà ni-càn-tử đó thật không giải thoát, nên gọi là không không, giải thoát chân thật thì không như vậy, nên chẳng không không, chẳng không không tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng không, như bình đựng nước rượu tô lạc mật v.v... tuy lúc không nước rượu tô lạc mật, vẫn còn được gọi là bình nước v.v... bình như vậy v.v... không thể nói là không và cho là chẳng không. Nếu nói là không thì chẳng được có sắc hương vị xúc, nếu nói chẳng không mà lại không có nước rượu thật v. v... giải thoát cũng như vậy không thể nói là sắc và cho là chẳng phải sắc, không thể nói là không và cho là chẳng phải không? Nếu nói là không thì không được có thường lạc ngã tịnh. Nếu nói là chẳng không thì ai thọ hưởng thường lạc ngã tịnh đó. Vì nghĩa đó nêu không thể nói là không và cho là chẳng không. Không, nghĩa là không hai mươi lăm hữu, , và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hành hữu vi, như bình không lạc thì gọi là không. Chẳng không là thiện sắc chân thật, thường lạc ngã tịnh, chẳng động chẳng biến, giống như sắc hương vị của bình kia, bình kia gặp duyên thì có phá hoại, giải thoát không như vậy, không thể phá hoại, không thể phá hoại tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là lìa ái, thí như có người tâm ái mong cầu thích đề hoàn nhân, đại phạm thiên vương, tự tại thiên vương. Giải thoát không như vậy, nếu được thành A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề rồi, không ái không nghi, không ái không nghi tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai. Nếu nói giải thoát có ái và nghi, là điều đó không thể có. Lại nữa, giải thoát là đoạn trừ tham các hữu, đoạn trừ tất cả tướng tất cả trói buộc, tất cả phiền não tất cả sinh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo, giải thoát như vậy tức là

Như Lai, Như Lai tức là Niết-bàn. Tất cả chúng sinh khiếp sợ sinh tử, các thứ phiền não nên thọ trì tam quy. Thí như đàn nai khiếp sợ thợ săn, đã được lìa khỏi, nếu được một lánh khỏi là dụ cho một quy. Ba lánh khỏi như vậy thì dụ cho ba quy, do ba lánh khỏi nên được hưởng thọ an lạc, chúng sinh cũng vậy, khiếp sợ thợ săn bốn ma tử ác nên thọ trì tam quy y, tam quy y nên được an lạc, hưởng thọ an lạc tức là giải thoát chân thật, giải thoát chân thật tức là Như Lai, Như Lai tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là vô tận, vô tận tức là Phật tánh, Phật tánh tức là quyết định, quyết định tức là A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề".

Giải thích: Trên đây là một trăm câu nói về giải thoát, văn kiện chẳng nhiều, nên lại vì giải thích đại ý, chỉ nói rõ nhất tâm chân tánh giải thoát. Do thật tuệ giải thoát hiển bày chân tánh đó, sau đó thành phương tiện giải thoát, nên có khả năng tự giác giác tha, gọi đó là Phật, tức là pháp thân bình đẳng, Phật của thiên chân. Do đó trong kinh nói: "Phải biết giải thoát tức là Như Lai". Tánh của Như Lai tức là tánh của chúng sinh, tánh của chúng sinh tức là tánh của tất cả pháp. Tánh của tất cả pháp tức là tánh tâm, vì tánh tâm khắp tất cả xứ, thì tất cả đều là giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Vì tự tánh nên tùy xứ tham trước, trước tức là bị trói buộc, nếu rõ tông đây thì trói mở đều vắng lặng. Do đó, nên nói lìa tức trước, trước tức lìa, trong môn huyễn hóa sinh ra thật nghĩa, cũng không lìa cũng không trước, xứ nào lại cầu thuốc không bệnh? Lại nữa, một trăm câu giải thoát đây, quanh co mở bày đến cuối cùng là chỉ về rốt ráo giải bày thì là kho tàng bí mật của Niết-bàn, là chánh tông của Phật tổ. Vì vậy tạm biên ghi toàn văn để chứng minh cho tông kính, xin chớ nhàm chán phải đọc xem nhiều, cầu mong nên chín chắn rõ tâm, đó mới là nguồn mở trói buộc, gốc của mê ngộ, nếu tâm mở thì tất cả mở, cùng tương ưng với chân tánh, nếu tâm buộc thì tất cả buộc, cùng chung xứ với trần lao, đường xuất ngay đây dứt lời, cửa phương tiện không còn gì trên. Pháp môn chân tánh giải thoát chẳng thể nghĩ bàn đây, một vào toàn thân, ngoài chân không pháp, ý tiêu năng sở, tình dứt phải quấy. Đây chẳng phải Pháp sư tụng văn, nhóm biển trí đó, mờ chứng thiền bá, rõ đèn tuệ ấy, chỉ trừ hạng người thấy tánh chân thật giống đạo nhất thừa, mới có thể ngộ vào, chóng rõ không nghi ngờ, giáo môn viên đốn này chỉ một, không pháp phân biệt vậy, không có bờ mé, không giẫm trải một nhiều, vì tức biên mà trung nên không pháp nào có thể sánh, vì tức vọng mà chân nên không pháp nào có thể đối đãi, đâu lại Phật pháp mà đối đãi với Phật pháp chỉ một tuyệt đối đãi, pháp giới Như Lai. Nên vượt ngoài pháp giới không còn có pháp, không nơi có thể cũng không

nơi tuyệt chỉ chứng tương ưng, chẳng tại ngôn thuyết, như trong kinh Đại Tập nói: “Chẳng đợi trang nghiêm, rõ biết các pháp, vì được một là gồm được tất cả”. Do đó nói: “Một là, rơi thiên hạ thu, một bụi nổi đại đại gồm, một hoa nở thiên hạ xuân, một sự lắng muôn pháp chân”. Thì bậc thượng căn một lần trông xem qua trọn không lại nghi ngờ, hạng cơ trung hạ, sao không phương tiện, như trong cô tịch ngâm nói rằng: “Nêu một sánh cả đủ khá biết, nào dùng rầm rĩ nói dẫn từ, chỉ thấy gã đói lại ăn no, chẳng nghe nước theo người khát bay”.

Hỏi: Chúng sinh có pháp thân bình đẳng như Phật, cớ sao chẳng khởi dụng của báo hóa ư?

Đáp: Tuy vốn bình đẳng mà ẩn hiện có khác. Ẩn gọi là Như Lai Tạng, hiện gọi là pháp thân. Trong khởi tín sớ nói: “chỉ vì chúng sinh mê tự chân lý khởi nên vọng niệm, khi ấy chân như đều hiện tướng nhiễm, chẳng hiện dụng đó”. Trong Sao, có hỏi: “Tâm chúng sinh so với Phật thể đã đồng, lúc chúng sinh mê, sao chẳng khởi dụng? Đáp: Vì vô minh có lực nên khởi ở chín tướng, chân như không lực nên bị ẩn, chẳng thể hiện dụng, như nước bị gió đánh chỉ nổi sóng cả mà không thể hiện ảnh tượng”. Trong Thạch Bích Sao nói: “Luận nói bản giác thường khởi dụng là nó có hai ý: một là ước về nội luân tức là nghĩa tự thể tướng huân tập; vậy. Trong luận nói: Từ vô thỉ đến nay đầy đủ pháp vô lậu, đầy đủ có tánh làm cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, y cứ hai nghĩa đó, chỉ thường huân tập;, hai là nói về ứng hóa chẳng khởi, chỉ vì vọng nhiễm che phủ đó, chẳng phải là bản giác không ứng dụng đó, cũng chẳng phải có tâm ép chẳng khởi. Đó là lỗi tại vọng mê mà không biết, nào liên quan ở giác, vì bản giác thường đầy đủ thường luân vậy. Như rễ tre có âm thanh của rồng phụng, gương bụi có dụng mật đảm. Vậy biết, linh đài tuyệt diệu, chúng sinh chẳng biết, nếu tạm hồi quan phản chiếu, không có ai là chẳng được, như trong đất mà cầu nước, trong quặng mà cầu vàng, chỉ lo chẳng chịu gánh vác, chôn vùi tâm báu. Tông kính cặn kẽ ý muốn nói ở đây, khuyên khắp các hàng hậu hiền, phải ngay biết có.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 32

Hỏi: Phàm, kinh Hoa Nghiêm là viên mãn giáo, nơi nói rõ một pháp vừa khởi, đều có quyến thuộc sinh theo. Nay đây cớ sao chỉ luận về tuyệt đối đãi?

Đáp: Nói là quyến thuộc, đều là quyến thuộc trong lý, chúng sinh như Phật như, một như, không hai như. Lý tánh tương quan nên xưng là Như Lai, là cha của thế giới. Tất cả chúng sinh là con của chư Phật nếu là pháp môn quyến thuộc là ước về pháp tự chứng, thì thiền định là cha, Bát Nhã là mẹ, mà sinh pháp luân chân tịnh. Nếu pháp hóa tha, thì phương tiện là cha, từ bi là mẹ mà sinh Phật thân ứng hóa, từ chân tánh Bát-Nhã khởi đồng thể đại bi. Nơi có muôn hạnh trang nghiêm đều là tánh khởi công đức, hẳn không pháp ngoài tâm mà làm chủ bạn. Như trong kinh Bát- Nhã nói: "Muốn làm thị giả Phật và quyến thuộc bên trong v.v... phải nên học Bát- Nhã, Bát- Nhã tức là tánh của tâm linh". Vì vậy chư Phật Bồ-tát phàm có thi vi đều là trong ẩn ngoài hiện, chẳng bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu. Như trong ẩn ngoài hiện, chẳng bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu. Như trong phẩm nhập pháp giới ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Lại nữa, này Thiện nam! Bồ-tát lấy Bát- Nhã-Ba-la-mật làm mẹ, phương tiện thiện xảo làm cha. Đàn-na Ba-la-mật làm sữa mẹ, Thi-la Ba-la-mật làm mẹ nuôi, nhẫn nhục Ba-la-mật làm công cụ trang nghiêm, tinh tấn Ba-la-mật làm người nuôi dưỡng, thiền na Ba-la-mật làm người tắm rửa, thiện tri thức làm thầy giáo thọ, tất cả Bồ-đề phần làm bè bạn, tất cả thiện pháp làm thân thiện, tất cả Bồ-tát làm anh em tâm Bồ-đề làm nhà, như lý tu hành phép nhà, các đại thiện pháp làm nhà ở, đắc các pháp nhẫn làm gia tộc, đại nguyện hiện tiền làm gia giáo, lấy trí thanh tịnh đầy đủ các hạnh làm thuận phép nhà, khuyên phát siêng tu chẳng đoạn Đại thừa làm ngời sáng gia nghiệp, lấy nước pháp rưới đảnh Bồ-tát một đời sẽ thành Phật làm Vương Thái tử. Thành tựu Bồ-đề chân thật rộng lớn làm gia tộc thanh tịnh". Trong kinh Ương quật Ma-la nói: "Phật dạy: Tất cả chúng sinh có Như Lai

tạng, tất cả kẻ nam đều là anh em, tất cả người nữ đều là chị em, cho đến nữ có Phật tạng, nam cũng như vậy”. Thế nào là một tánh mà tu nhiễm trước? Vì một tánh vậy, cho nên Như Lai tịnh tu phạm hạnh, trụ ở địa, địa không thối chuyển, đắc Như Lai địa. Trong kinh Duy- ma có kệ tụng nói: “Trí độ mẹ Bồ-tát, phương tiện dùng làm cha, dẫn dắt tất cả chúng, đều do đó sinh ra, pháp hỷ dùng làm vợ, tâm từ bi làm nữ, tâm thiện thành thật nam, nhà rốt ráo không tịch, chúng đệ tử trần lao, tùy ý đó biến chuyển, đạo phẩm thiện tri thức, do đó thành chánh giá. Pháp các độ là bạn, tứ nhiếp làm kỷ nữ, ca vịnh tụng lời pháp, lấy đó làm âm nhạc. Tổng trì là vườn dạo, pháp vô lậu cây rừng, giác ý hoa sạch đẹp, quả giải thoát trí tuệ. Ao tắm của tám giải, nước Định yên lắng đầy, dùng bảy hoa sạch trải, tắm người không dơ đây, voi ngựa rong năm thông, Đại thừa dùng làm xe, lấy nhất tâm điều ngự, dạo nơi đường bát thánh, nghiêm dung bằng đủ tương, các vẻ điểm dáng đó, hổ thẹn làm thượng phục, thâm tâm làm tràng hoa, giàu có bảy tài bảo, dùng thấm hơi dạy răn, như điều nói tu hành, hồi hướng làm lợi lớn, tứ thiền làm giường tòa, từ nơi tịnh mạng sinh, đa văn thêm trí tuệ, dùng làm lời tự giác, thức ăn pháp cam lồ, vị giải thoát làm nước, tâm tịnh để tắm gội, giới khẩn làm hương xoa, xô dẹp giặc phiền não, mạnh mẽ không ai hơn, nhiếp phục bốn thứ ma, dựng phan lập đạo tràng”. Trong Sùng Phước sớ nói: “Trong thật đức vốn dưỡng lớn như mẹ, ngoài phương diện nhiếp độ sinh xưng cha, trong chứng pháp duyệt sâu rồi, trí tâm hỷ lạc đầy lòng, nên gọi là vợ”. Pháp sư Tăng Triệu nói: “Tâm từ bi hư rỗng mà ngoài vừa, tánh đó mềm yếu tùy theo vật mà chẳng trái, nên như nữ vậy. Sức thiện tâm lớn diệt hết nguồn ác thật chứng tương ưng, nên gọi là nam. Lý sở chứng nhị không làm vườn nhà đó, ngoài chướng gió mưa sáu trần, trong dứt trùng của ba độc. Lại có chẳng phải chân yếu, có lúc lại tạm đi, không làm lý tông, dùng làm nhà thường, nên nói nhà rốt ráo không tịch, năng chuyển chúng sinh trần lao để thành Phật pháp. Xưa kia vô minh lang chủ ân ái với ma vương. Nay giáo hóa khiến theo đạo, gọi là đệ tử, nên nói đệ tử là chúng trần lao, tùy ý đó biến chuyển. Cho đến ba mươi bảy phẩm làm tri thức, lục độ vạn hạnh làm bạn pháp, làm bạn đạo chân thật hỗ trợ thành Bồ-đề, tứ nhiếp rộng khắp khiến người vui thích như kỷ nữ tán tụng lời pháp, khiến người ái vị như âm nhạc, dùng tổng trì làm vườn dạo. Năng nhiếp các pháp, lấy vô lậu làm rừng, năng trừ nhiệt não, dùng hoa bảy giác sạch đẹp, thành quả tám giải trí tuệ, lắng yên nước định, luôn nở hoa giác, dùng Nhất thừa làm xe, ngũ thông làm ngựa, dùng nhất tâm chế ngự đó, dạo đi

trên đường tám chánh. Cho đến hướng đẹp nghiêm trang hình dung, các thứ báu tốt trang sức thân thể, hổ thẹn làm y phục, thâm tâm làm tràng hoa, đầy đủ của cải bảy thánh, ngồi xổm trên tòa tứ thiền, vào kho báo đa văn, từ tịnh mạng mà sinh, uống nước một vị giải thoát, được thức ăn cam lồ rốt ráo, phá tám muôn phiền não, thành văn thành pháp thân, dẹp phục bốn thứ ma quân, viên mãn đạo ba Bồ-đề". Hoặc chủ hoặc bạn hoặc nhân hoặc duyên đều là Tông kính cuộn buông, thể dụng của tâm chưa từng có một pháp dựng lập từ ngoài mà sinh. Trong Tịnh Danh sớ của Thiên Thai có hỏi rằng: nào gấp xứ tứ đối pháp môn, nói về quán tâm làm các thuyết như vậy v.v... ý Phật hẳn như vậy ư? Đáp: Nếu nói trong kinh không đối pháp môn mà giải thích nghĩa, thì trong phẩm Phật đạo của kinh đây, Bồ-tát Phổ Hiện Sắc Thân hỏi Duy ma cật rằng: "Cha mẹ vợ con thân thích quyến thuộc v.v... của cư sĩ là những ai?". Đại sĩ (Duy ma cật) dùng kệ đáp rằng: "Trí độ mẹ Bồ-tát v.v...". Tịnh Danh đã là Bồ-tát tại gia, sao không có cha mẹ vợ con nhà cửa mà chẳng y cứ vào sự để đáp? Đều nói về pháp môn nội hành mà đáp đó là pháp biết rằng chư Phật Bồ-tát chẳng khởi đạo pháp hiện việc phàm phu, tuy hiện việc phàm đều bên trong phô bày đạo pháp, như Phật nhập Niết-bàn tại Song thọ bốn cây khô rụi bốn cây tươi tốt, đâu có thể giải ngay làm cây gỗ. Vả lại, Đức Như Lai nói chân thật đều phô bày một nửa hoặc tròn đủ, hoặc khô rụi, hoặc tốt tươi. Nay tại trong vườn cây Yêm la ở thành Tỳ-xá-ly muốn nói pháp môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bỏ đạo pháp, hiện vết đồng phàm ở thành Tỳ-xá-ly, há chẳng phô bày cùng tột pháp môn sở trụ ư? Trong kinh Hoa Nghiêm nói rõ mười thành mười vườn, đâu chỉ là thành vườn thế gian vậy. Trong kinh đây ở phẩm Bồ-tát hạnh nói sau nói là oai nghi chư Phật có chỗ tiến dừng, không gì chẳng là Phật sự. Sao được đều làm sự giải ư? Đều không thể tìm nghĩ sự dạy răn phương tiện khéo léo. Bí mật phô bày chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật Bồ-tát. Lại nữa, trong kinh Pháp Hoa nói: "Muốn nói kinh này là phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai. Nhà Như Lai là tâm đại từ bi, áo Như Lai là nhu hòa nhẫn nhục, tòa Như Lai tức là tất cả pháp không".

Hỏi: Hoa Nghiêm là Đốn giáo Đại thừa có thể được ước về hạnh mà nói rõ các pháp môn, còn kinh Phương Đẳng đây và Tiểu thừa giáo, sao có thể căn cứ quán hạnh để nói rõ nghĩa?

Đáp: Giải thoát của chư Phật phải tìm cầu ngay trong tâm hành của chúng sinh, nếu chẳng ước về quán hạnh sao xứng với văn đó? Nếu chẳng dùng cây Yêm- ma ở thành Tỳ-xá-ly đối các pháp môn thì chẳng

thể ước về quán tâm mà giải thích. Sao được ở trong tâm hành chúng sinh mà tìm cầu giải thoát của chư Phật. Nếu chẳng ở nơi tâm hành mà tìm cầu giải thoát, làm sao được trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn thì làm sao ngay trong một lỗ chân lông mà thấy các cõi Phật biến hiện tự tại, như trong phẩm Bất Tư Nghì nói rõ vậy. Lại làm sao được như trong kinh Pháp Hoa nói rõ thân căn thanh tịnh tất cả cõi nước mười phương đều hiện trong thân. Lại đâu được như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói là: "Vô lượng các thế giới, đều từ tâm duyên khởi, vô lượng các cõi Phật, đều hiện lỗ chân lông" vậy. Như trước hỏi rằng: Tiểu thừa chẳng được ước về quán tâm để giải thích, thì cớ sao trong kinh Thanh văn Đức Phật vì người chăn trâu mà nói mười một pháp, mỗi mỗi bên trong đều hợp với Tỳ-kheo quán tâm, sánh ví như vậy v.v... đâu chẳng phải phương đẳng và ba tạng kinh đối các pháp môn quán tâm rõ nghĩa ư? Nên biết giáo liễu nghĩa và giáo bất liễu nghĩa đều là liễu nghĩa vì chỉ nhất tâm vậy. Do đó nói viên cơ đối giáo không giáo nào chẳng viên. Lý tâm giẫm trải sự không sự nào chẳng lý. Lại nói: Căn gầy thì pháp yếu, khí rộng thì đạo viên vậy.

Hỏi: Tông này cao sâu tánh tự thiên chân, chẳng phải sở sinh của sinh nhân, chỉ là sở liễu của liễu nhân, cớ sao thuật rộng có các hạnh môn sai biệt?

Đáp: Phàm, khéo đạt khác thường thì pháp pháp đều yếu chỉ, khéo thông dị đạo là vật vật thảy đều như. Phàm, nói liễu nhân tức là tánh đức trong chân tâm hiện rõ, nên gọi là liễu nhân. Sinh nhân cũng là năng sinh lục độ, vạn hạnh trong tín tâm nên gọi là sinh nhân. Sinh và liễu đều là tâm, lý và hạnh chẳng phải ngoài. Nếu chẳng rõ đây thì lấy bỏ muôn mối, mới vào tông đây tự không cao thấp. Phàm, có của ba cõi là dụng của Bồ-đề, gốc ngọn cùng khắp có không dung thông, đâu đồng chợt đó mà không, lù lù đó mà có, như trong luận Đại Trí Độ nói: "Không có hai thứ: một là thiện không, mạnh mẽ tu tất cả hạnh mà rõ tánh không. Hai là ác không, buông hành ác mà muốn trừ sạch khiến không". Nay luận không thể được không, không đây chẳng lìa các pháp, các pháp chẳng lìa không đây. Phải biết tất cả pháp hướng đến không như bình để không, mười phương giới không chẳng khác bình không, nên mười phương không đều hướng đến bình không. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Nếu là chỉ tu không chẳng tưởng pháp thân, tức ở nơi trí chẳng thể khởi dụng. Nếu chỉ một hướng sinh tướng chẳng thấy pháp thân vô tướng tức thuần là hữu vi". Lại nói: Đại bi như vậy, trí tuệ như

vậy, vạn hạnh như vậy đều là nuôi lớn mới phát tâm trụ, mới sinh trí tuệ đại bi của nhà Phật, khiến thói quen tự tại vậy, thời cũng chẳng cải, pháp cũng chẳng khác, trí cũng chẳng đổi, giống như tre lau y tựa cũ mà thành. Mới sinh và cuối cùng không có thô tế, cũng như trẻ con mới sinh mà sau lớn làm lớn không lớn khác vậy. Vậy biết hạnh môn sai biệt đều vào trong rốt ráo không, không có phân biệt. Như Bồ-tát Long Thọ hỏi rằng: "Nếu Bồ-tát biết Phật là ruộng phước, chúng sinh là chẳng phải ruộng phước là chẳng phải pháp Bồ-tát, Bồ-tát do sức gì mà có thể khiến Phật và súc sinh bình đẳng?". Đáp: Bồ-tát dùng sức Bát nhã Ba-la-mật vậy. Trong tất cả pháp, tu tâm tất cánh không, cho nên đối với tất cả pháp không phân biệt, như súc sinh, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới hòa hợp sinh, gọi là súc sinh, Phật cũng như vậy, từ các thiện pháp hòa hợp, giả gọi là Phật. Nếu người thương xót chúng sinh thì được vô lượng phước đức, đối với Phật mà mang tâm khởi các nhân duyên ác thì mắc vô lượng tội. Cho nên biết tất cả pháp rốt ráo là không, nên chẳng khinh súc sinh, chẳng mang tâm quý Phật. Lại nữa, thật tướng các pháp là tất cả pháp không tướng. Trong không tướng đó chẳng phân biệt là Phật hay là chúng sinh. Nếu phân biệt tức là thủ tướng, cho nên bình đẳng quan sát. vì vậy, trong kinh có kệ tụng rằng: "Trong tất cả các pháp, đều do đẳng quán vào". Trong kinh Đại Pháp Cự nói: "Nghĩa Niết-bàn là xưa nay tự có, chẳng phải người làm nên, nên gọi là Niết-bàn. Lại nữa, Niết-bàn chân thật, đó là tất cả thế gian hoặc có hoặc không, tất cả như vậy đều gọi là Niết-bàn. Nếu thủ tướng phân biệt thì chẳng phải Niết-bàn". Vì vậy, nếu thấy một pháp khác, thì mất nghĩa môn duy tâm đệ nhất, bèn thành việc ma, nên trong kinh Đại Tập nói: "Đối với chúng sinh mà sinh tưởng khác, đó là nghiệp ma, nhàm chán công đức hữu vi, là nghiệp ma". Nên trong tịnh danh sớ của Thiên Thai nói: "Trú quán tâm đây chẳng thấy tướng keo lận, chẳng thấy tướng bố thí, mà năng từ bi lợi ích chúng sinh, phàm có của cải, đều đem cứu giúp kẻ túng thiếu, tạo dựng nghiệp phước, cúng dường tam tôn, sửa cũ tạo mới, tùy hỷ theo thiện. Nếu là trưởng giả hành thí trong một thôn, nhân thí thuyết pháp, đó thì dân nghèo trong một hôm, bốn chúng nhận thọ thí, cảm ân mến đức, chẳng phải chỉ quy tâm nhận chịu cảm hóa, mà tâm xan lận cũng dần dần mỏng nhỏ. Cũng lại học theo thí chủ đó xả bỏ của cải mà tu phước vậy. Nếu là một huyện quan ty lệnh trưởng trụ chánh quán tâm, phàm có của đều hay tài thí pháp thí như vậy, thì dân nghèo trong một huyện, bốn chúng nhận thọ thí đều cũng quy tâm nhận chịu cảm hóa, tâm keo lận tự nhiên dứt mất, xả bỏ của cải tu phước lợi ích hưng hiển.

Cho đến người chủ một quán một nước, quan liêu thiên vương đế chúa, trụ chánh quán tâm, chẳng thấy keo lận hay bố thí, phàm có của cải, xót thương dân nghèo màân huệ phân thí. Nhân làm thiện xảo nói bốn giáo pháp, chiêu quán trong nước, nơi có dân nghèo và bốn chúng đội ân mến đức kính ngưỡng quy tâm phụng thờ thân gần nhận thọ đạo, nhân đó mà tâm keo lận dần mỏng, đều có thể huệ thí, tu các nghiệp phước, chuyển tướng giáo hóa, làm việc ân trải đức, chánh đạo giữ nơi lòng, đó thì các châu các quán, nhân dân khắp cả nước có thiện có ác có trí có đạo, thí như một ngọn đèn đốt nên trăm ngàn ngọn đèn, đèn gốc lắng yên nhưng các đèn khác khắp đầy, nơi tối đều sáng, sáng trọn chẳng tuyệt. Đó là bốn chúng trưởng giả, quan ty chủ nước trụ pháp môn Đàn Ba-la-mật vô tận đăng, nhiếp tất cả chúng sinh vậy. Các chúng sinh được gồm đó trong tương lai hoặc tại gia hay xuất gia đều làm quyến thuộc, hoặc làm thân thích hoặc làm quan dân, hoặc làm đệ tử, đồng sinh tịnh độ, y báo chánh báo cao vợi, bảy báu vô lượng, được gặp Phật nghe kinh, đạo tâm mở phát. Các chủ thí đó nếu đắc vô sinh pháp nhẫn, trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, xưa kia bố thí nhiếp hóa các chúng sinh đến lúc đắc đạo, các chủ thí đó tức ở nơi nước có nhân duyên hiện bày thành chánh giác, xưa kia bố thí, các chúng sinh được nhiếp hóa đều đến nước đó, tất cả đều có thể xả bỏ mà tu đạo ba thừa. Nếu nghe thuyết khai mở tri kiến của Phật trong kinh Pháp Hoa, tức đồng vào Đại thừa, nương thừa báu đó mà đi khắp bốn phương, vui chơi khoái lạc. Đó tức là Đại sĩ Tịnh Danh, xứ nào lại đến thành Tỳ-xá-ly riêng tìm Duy-ma-cật ư? Nên biết nếu năng rõ lý chơn như nhất tâm vô tận đây, thì tất cả lục độ tứ nhiếp vạn hạnh đều không có tận, chuyển bày tâm kẻ khác cũng đồng vô tận, cho đến lớp lớp giẫm trải vào lần lược ra không cùng. Như đèn vô tận trải bóng phân sáng khắp cùng pháp giới. Tâm thuần hành cứu độ thì Quán Âm xuất hiện, ý thường vận đại từ, thì Di lặc hạ sinh, là chạm đường đều chứng pháp môn, ghé mắt đều thành biển nguyện, núi hang cao thấp chuyển pháp luân căn bản. Lông vảy lớn nhỏ hiện khắp sắc thân Tam- muội. Do đó, từ thể khởi dụng dụng tự khắp cùng, do tánh thành hạnh, hạnh không ngằn mé. Như trở lại nguyên quán, từ thể của tự tánh phân hai tụng đó: một là, dụng hải ấn sum la thường trụ, nghĩa là chân như bản giác vậy, vọng hết tâm lắng muôn tượng đều hiện, giống như biển lớn nhân gió nổi sóng, nếu gió ngưng bóng dứt, nước biển lắng trong, không ảnh tượng gì chẳng hiện. Hai là, dụng pháp giới kiên minh tự tại, tức là Hoa Nghiêm Tam muội vậy, nghĩa là tu gồm vạn hạnh, xứng lý thành đức, khắp cùng pháp giới mà

chứng Bồ-đề. Cớ sao phân hai dụng đó? Dụng hải ấn trước là bản dụng, cũng gọi là lý hành, cũng gọi là tánh đức, dụng Hoa Nghiêm sau là tu hành, cũng gọi là sự hành, cũng gọi là tu đức, hai tướng đây giả thành đại dụng đó, gọi là nhân tu hiển tánh, do tánh thành tu. Nếu không tánh thì tu cũng chẳng thành, nếu không tu thì tánh cũng chẳng hiện. Vì vậy, lìa tánh không tu, lìa tu không tánh nên nói môn pháp hiện hẳn đồng thời, nhất tế lý chẳng trước sau. Đó thì hai mà chẳng hai, lại chẳng hai mà hai. Tại sao? Vì dụng Hải ấn vốn đủ là sở hiện, nghĩa là tự tánh chân như có nghĩa chiếu khắp pháp giới vậy. Dụng Hoa Nghiêm là năng hiện, vì tu hành khế lý năng thành vạn hạnh vậy. Năng sở có khác, gốc ngọn tợ phân thì chẳng phải một chẳng phải khác, năng thành diệu hạnh.

Hỏi: Đã lấy tâm làm tông, cớ sao trong giáo lại nói luận phá sắc tâm, vậy tâm nào đáng làm tông, tâm nào đáng phá?

Đáp: Tâm có hai thứ: một là tùy nhiễm tịnh khởi nên vọng tâm, mà không tự thể, chỉ là tiền trần theo cảnh có không, tùy trần sinh diệt, chỉ phá tâm đó. Tuy nói đáng phá, mà không chỗ phá,vì không tánh vậy. Trong phẩm Phá Tình ở Bách Luận nói: "Thí như người ngu lúc thấy nóng đốt cháy vọng sinh tưởng đến nước, theo đó mà mệt nhọc, người trí bảo rằng: đó chẳng phải nước vậy". Vì đoạn tưởng kia mà chẳng vì phá nước, các pháp như vậy tự tánh vốn không, chúng sinh chấp thủ tướng nên dính kẹt, vì phá điên đảo đó nên nói phá, thật không chổ phá. Hai là, thường trụ chân tâm, không biến đổi khác, tức lập tâm đây để làm tông kính. Trong Thức luận nói: "Tâm có hai thứ: một là, tâm tương ưng, nghĩa là vọng thức hư vọng phân biệt, cùng tương ưng với phiền não kiết sử. Hai là, tâm chẳng tương ưng, đó là đệ nhất nghĩa đã thường trụ, xưa nay một tướng tự tánh tâm thanh tịnh". Nay nói phá, đó là tâm tương ưng, còn tâm chẳng tương ưng lập làm tông bản. Do đó, tất cả đường giẫm bước tự đi, vô biên môn phương tiện giáo hóa kẻ khác, đều lấy tâm làm gốc, gốc lập mà đạo sinh, muôn pháp rỗng rang, tông một không tướng, muốn nêu một che khắp, chỉ muối biết biển, tức là chân tâm thường trụ chẳng động đây vậy.

Hỏi: Giác tánh của chúng sinh là thiên chân tự nhiên, sao phải mượn nhân duyên văn nghĩa vạch bày? Vốn tự không ung nhọt, chớ làm tổn thương đó vậy.

Đáp: Nếu chấp tánh đây quyết định là tự nhiên, nên phải hiện tại suy bày có lý của tự nhiên. Vả lại, như bản tánh, do pháp gì làm tự thể? Như trong kinh Thủ lăng nghiêm nói: "Phật bảo A-nan: nay ta mở bày phương tiện chân thật như vậy để chỉ bảo ông, mà ông còn chưa ngộ,

lầm hoặc làm tự nhiên, tự phải luyện rõ có thể tự nhiên. Ông hãy trông xem trong thấy sáng đẹp đây, lấy gì làm tự, thấy đây lại lấy sáng làm tự hay lấy tối làm tự, lấy không làm tự hay lấy bít làm tự? A-nan! Nếu lấy sáng làm tự thể thì nên chẳng thấy bít. Như vậy cho đến các tướng tối v.v... lấy làm tự, thì ở lúc sáng tánh thấy bị đoạn diệt, làm sao thấy sáng? Nên biết tánh hằng thường chẳng theo duyên sinh, nếu tùy theo pháp tối sáng huyễn hóa dùng làm tự thể, thì lúc các pháp sáng tối v.v... duyên mất, tánh đó nên phải theo đoạn diệt".

Hỏi: Bản tánh đã chẳng phải tự nhiên, thì phải là tánh của nhân duyên chăng?

Đáp: Tánh đó nếu là nhân duyên làm thể, thì nay suy pháp gì làm nhân pháp gì làm duyên? Nên phải xác định thể tánh chân thật như trong kinh nói: "A-nan nói: Hẳn tánh thấy diệu đây chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh đó là tánh nhân duyên, tâm còn chưa tỏ sáng, xin hỏi Đức Như Lai nghĩa đó thế nào mà hợp tánh nhân duyên?". Phật bảo: "Ông nói là nhân duyên, ta lại hỏi ông, nay ông nhân thấy tánh thấy hiện tiền, thấy đó là nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy? Nhân không có thấy hay nhân bít có thấy? A-nan! Nếu nhân sáng mà có thì nên chẳng thấy tối, nếu nhân tối mà có thì nên chẳng thấy sáng. Như vậy cho đến nhân không nhân bít, cũng đồng với sáng tối vậy. Lại nữa, A-nan! Thấy đây là duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên không có thấy hay duyên bít có thấy? A-nan! Nếu duyên không mà có thì nên chẳng thấy bít, nếu duyên bít mà có thì nên chẳng thấy không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối cũng đồng với không bít. Phải biết tinh giác diệu minh như vậy, chẳng phải nhân chẳng phải duyên, cũng chẳng phải tự nhiên, chẳng phải chẳng tự nhiên, không chẳng phải, chẳng chẳng phải, không phải chẳng phải phải, lìa tất cả tướng tức tất cả pháp. Nay ông làm sao ở trong đó mà chỉ bày tâm, dùng các thứ hý luận danh tướng thế gian mà được phân biệt, như dùng bàn tay nắm xoa hư không, chỉ thêm tự nhọc, hư không làm sao tùy theo ông nắm bắt". A-nan bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Hẳn tánh diệu giác chẳng phải nhân chẳng phải duyên. Cớ sao Thế Tôn thường giảng nói cho các Tỳ-kheo là tánh thấy có đủ bốn thứ duyên. Đó là nhân không nhân sáng nhân tâm và nhân mắt, nghĩa ấy thế nào?". Phật bảo A-nan: "Ta nói các tướng quân duyên ở thế gian chẳng phải là nghĩa đệ nhất. A-nan! Ta lại hỏi ông, các người trong thế gian nói ta năng thấy. Thế nào gọi là thấy, thấ nào là chẳng thấy?". A-nan thưa: "Người đời nhân nơi nhật nguyệt đèn sáng mà thấy các thứ tướng, gọi đó là thầy. Nếu không ba thứ ánh sáng đó thì

không thể thấy". Phật bảo: "A-nan! Nếu lúc không sáng gọi là chẳng thấy, thì nên chẳng thấy tối, nếu hẳn thấy tối thì đó chỉ là không sáng, cớ sao không thấy? A-nan! Nếu tại lúc tối không thấy sáng nên gọi là chẳng thấy nay tại lúc sáng, chẳng thấy tướng tối, lại gọi là không thấy hai tướng như vậy đều gọi là chẳng thấy. Nếu là hai tướng tự lấn đoạt nhau, chẳng phải tánh thấy của ông ở trong đó tạm không, như vậy thì biết cả hai đều gọi là thấy. Cớ sao chẳng thấy? Cho nên A-nan! Nay ông phải biết, lúc thấy sáng thì thấy chẳng phải là sáng, lúc thấy tối thì thấy chẳng phải là tối, lúc thấy không thì thấy chẳng phải là không, lúc thấy bít thì thấy chẳng phải là bít. Bốn nghĩa thành tựu, ông lại nên biết, lúc thấy tánh thấy, thấy chẳng phải (tánh) thấy, (tánh) thấy còn lìa thấy, thấy chẳng thể kịp, cớ sao lại nói nhân duyên tự nhiên và tướng hòa hợp? Các ông là hàng Thanh văn kém hẹp không biết, chẳng thể thông đạt thật tướng thanh tịnh. Nay ta chỉ bày ông phải khéo tư duy, không được biếng lười trên đường Bồ-đề vi diệu. Nên biết nói nhân duyên tự nhiên đều thuộc ngôn luận thế gian, đàm bàn chân tục có không đều là thức tâm phân biệt. Ngay lúc thấy tánh đâu lưu thấy nghe, tại khi phát minh sao lạc vào ngôn ngữ tư duy".

Hỏi: Tánh diệu minh đó đã chẳng phải nhân duyên tự nhiên, thì không có một pháp chẳng từ hòa hợp mà sinh, như chân như không sở chứng, do đâu mà phát diệu tín năng chứng, thì cảnh trí hòa hợp năng thành thấy tánh?

Đáp: Nếu ngoài trí có chân như thì có thể làm sở chứng, ngoài chân như có trí thì có thể làm năng chứng. Nay ngoài trí không như, ngoài như không trí, muốn đem pháp gì làm hòa hợp và chẳng phải hòa hợp ư? Như trong kinh nói: "Phật bảo A-nan: tuy ông trước đã tỏ ngộ tánh bản giác diệu minh, tánh chẳng phải nhân duyên chẳng phải tự nhiên, mà còn chưa rõ giác như vậy vốn chẳng phải hòa hợp sinh và chẳng hòa hợp. A-nan! Nay ta lại lấy tiền trần để hỏi ông, nay ông còn vì tất cả thế gian vọng tưởng hòa hợp các tánh nhân duyên, mà tự nghi hoặc tâm chứng Bồ-đề hòa hợp khởi nên, thì như nay ông với tinh thấy diệu tịnh là cùng sáng hòa hay cùng tối hòa? Cùng thông hòa hay cùng bít hòa? Nếu cùng sáng hòa, thì ông nhìn sáng đang sáng hiện tiền, xứ nào là thấy tạp? Tướng thấy có thể rành rẽ, tạp hình tượng nào? Nếu chẳng phải thấy cớ sao thấy sáng. Nếu tức thấy, thế nào là thấy thấy, hẳn thấy viên mãn, xứ nào hòa sáng? Nếu sáng viên mãn chẳng nên thấy hòa, thấy hẳn khác sáng, tạp thì mất danh tự tướng sáng kia, tạp mất tánh sáng, hòa sáng chẳng phải nghĩa. Tối kia cùng thông và các

thứ bít cũng lại như vậy. Lại nữa A-nan! Nay ông với tinh thấy diệu tịnh là cùng sáng hợp hay cùng tối hợp? Là cùng thông hợp hay cùng bít hợp? Nếu cùng sáng hợp thì đến lúc tối tướng sáng đã kiệt, thấy đó tức chẳng hợp cùng các tối, cớ sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp cùng tối mà hợp cùng sáng là nên chẳng phải thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng, cớ sao sáng hợp? Rõ ràng sáng chẳng phải tối, tối kia cùng thông và các thứ bít cũng lại như vậy". A-nan bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Như con tư duy thì diệu giác đây nguyên cùng các duyên trần và tâm niệm lực chẳng phải hòa hợp ư?". Phật bảo: "Nay ông lại nói giác chẳng phải hòa hợp. Ta lại hỏi ông, tinh thấy diệu đây chẳng phải hòa hợp là chẳng phải sáng hòa hay chẳng phải tối hòa? Chẳng phải thông hòa hay chẳng phải bít hòa? Nếu chẳng phải sáng hòa thì thấy và sáng hẳn có bờ ranh. Ông hay trông kỹ, nơi nào là sáng, nơi nào là thấy? Tại thấy hay tại sáng tự nào làm bờ? A-nan! Nếu trong khoảng sáng hẳn không thấy, thì chẳng tướng kịp, tự chẳng thấy tướng sáng đó tại đâu, bờ sao sao thành? Tối kia và thông cùng các thứ bít cũng lại như vậy. Lại nữa, tinh thấy diệu chẳng phải hòa hợp là chẳng phải sáng hợp hay chẳng phải tối hợp? Chẳng phải thông hợp hay chẳng phải bít hợp? Nếu chẳng phải sáng hợp thì thấy và sáng tánh tướng trái nhau, như tai và sáng trọn chẳng cùng xúc, thấy lại chẳng biết tướng sáng tại đâu. Cớ sao luyện sáng hợp chẳng phải hợp lý? Tối kia cùng thông và các thứ bít cũng lại như vậy? Cho đến, Phật bảo Phú lâu na: "Ông tuy trừ nghi mà các hoặc khác chưa sạch. Nay ta lại dùng các sự hiện tiền ở thế gian để hỏi ông, ông há chẳng nghe Diễn- nhã-đạt-đa ở trong thành Thất- la, chợt lúc sáng sớm dùng gương soi mặt, mến thích đầu mày mắt trong gương có thể thấy, sân trách đầu mình không thấy mặt mắt, cho đó là quỷ mỵ, bất chợt mà chạy cuồng, ý ông nghĩ thế nào? Người đó nhân gì bất chợt chạy cuồng?". Phú-lâu-na thưa: "Tâm người đó cuồng, ngoài ra không gì khác". Phật bảo: "Diệu giác tròn sáng, vốn tròn sáng diệu, đã gọi là vọng, làm sao có nhân? Nếu có sở nhân, sao gọi là vọng? Tự các vọng tưởng chuyển đổi cùng làm nhân. Từ mê tích chứa mê trải qua số kiếp như bụi trần, tuy Phật phát minh còn chẳng thể quay trở lại. Nhân mê như vậy, mê nhân tự có, biết mê không nhân, vọng không nơi tựa, còn không có sinh muốn gì làm diệt. Đắc Bồ-đề là như người lúc vừa tỉnh ngủ nói việc trong mộng, tâm nếu tinh sáng, muốn nhân duyên gì để lấy vật trong mộng, huống gì không nhận, vốn không chổ có. Như Diễn-nhã-đạt-đa ở trong thành kia đâu có nhân duyên, tự khiếp sợ đầu mình mà chạy, chợt nhiên hết cuồng,

đầu chẳng phải ngoài mà được, nếu chưa hết cuồng, cùng nào sót mất. Phú-lâu-na! Tánh vọng như vậy, nhân gì là tồn tại? Ông chớ tùy theo phân biệt thế gian nghiệp quả chúng sinh ba thứ tương tục, ba duyên đoạn vậy. Ba nhân chẳng sinh thì Diễn nhã- đạt- đa- trong tâm ông tánh cuồng tự hết. Hết tức là Bồ-đề, tâm sáng sạch hơn vốn khắp pháp giới chẳng từ người mà được, nào gá nhọc nhằn khắng khít tu chứng". Cho đến Phật bảo A-nan: "Tức như Diễn-nhã-đạt-đa ở trong thành nhân duyên tánh cuồng nếu được diệt trừ, thì chẳng tánh cuồng tự nhiên mà ra. Nhân duyên tự nhiên, lý cùng tận tại đây. A-nan! Diễn nhã- đạt- đa -đầu vốn tự nhiên, vốn tự nhiên đó không nhiên chẳng phải tự. Bởi nhân gì khiếp sợ đầu mình mà chạy cuồng? Nếu đầu tự nhiên do nhân duyên nên cuồng. Sao chẳng tự nhiên do nhân duyên nên mất? Đầu vốn chẳng mất, cuồng sợ vọng ra, chưa từng đổi khác nào gá nhân duyên, cuồng vốn tự nhiên vốn có cuồng sợ, đang lúc chưa cuồng, cuồng ngầm tại đâu? Chẳng cuồng tự nhiên, đầu vốn không vọng, vì sao cuồng chạy? Nếu ngộ đầu gốc hay biết cuồng chạy, nhân duyên tự nhiên đều là đùa cợt, cho nên ta nói ba duyên đoạn vậy tức tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề sinh, tâm sinh diệt diệt. Đây chỉ sinh diệt, diệt sinh đều hết không công dụng đạo. Nếu có tự nhiên như vậy là sáng, tâm tự nhiên sinh, tâm sinh diệt diệt, đó cũng là sinh diệt, không sinh diệt là gọi là tự nhiện. Thí như các tướng thế gian tạp hòa thành một thế, gọi là tánh hòa hợp. Chẳng phải hòa hợp thì gọi là tánh gốc cội, bản gốc cội chẳng phải nhiên, hòa hợp chẳng phải hợp, hợp nhiên đều lìa, lìa hợp đều chẳng phải, câu này mới gọi là không pháp hý luận, Bồ-đề Niết-bàn còn ở xa vời".

Giải thích nếu ngộ đầu mình hay biết nhân duyên chạy cuồng tự nhiên đều là hý luận, nếu thật phát minh ngộ rõ đầu mình, chân tánh một linh chẳng động chẳng tịnh, chẳng phải được chẳng phải mất, chẳng phải sinh chẳng phải diệt, chẳng phải hợp chẳng phải lìa, thì biết từ vô thủy đến nay, thui thủi ba cõi, chạy cuồng sáu thú, là mê là đảo là dối là rỗng, đều là tình tưởng kết thành, thức tâm cổ động, thì biết chân tánh bản giác, chẳng phải nhân chẳng phải duyên cũng chẳng phải tự nhiên, chẳng phải chẳng tự nhiên, chẳng phải hòa chẳng phải hợp, chẳng phải hòa hợp, đều thành hý luận, đều đọa tà tự. Vả lại, chân tâm không trụ, đâu còn danh tướng cùng với xứ sở. Nếu muốn dùng thức tâm lường đạt, cú nghĩa so lường mà cầu chân thật là như buộc gió bắt ảnh. Lý có thể vậy ư? Do đó, Tổ sư nói: "Chẳng phải tự nhiên, chẳng phải nhân duyên, diệu của trong diệu, huyền trong huyền, sum la muôn tượng hiện trong sáng, tầm đó không thấy có căn nguyên". Phân tách

như trên, đó là người chưa biết đầu mình chưa hay chạy cuồng, khiến lìa câu tuyệt quấy, dứt đường ngôn ngữ tư duy, đó mới bắt đầu trừ pháp của thế gian phân biệt hý luận. Ở tự tánh thấy trong của đại đạo, còn như thừa xa, nên phải thân gần đến, chẳng đợi phải nơi tợ gương soi hình dung, cứ phải mắt tâm tương tợ, như người uống nước mới có thể lạnh nóng tự biết. Nên nói: chỉ chứng mới biết khó thể lường, chưa đến nơi là nhọc tự cuồng mê.

Hỏi: Pháp môn vô lượng đều có công phá chấp hiển đạo, cớ sao riêng tán thán nhất tâm lấy làm cương cốt.

Đáp: Đây là mới đầu khởi hoặc, trước tiên phát nguyện, gốc của mê ngộ, căn do của nhiễm tịnh. Nên nói: Chí diệu linh thông, nhắm đó gọi là thông, thì ngoài tâm không đạo, ngoài đạo không tâm, vi diệu sâu mầu, phàm tiểu chẳng thể phân, Bồ-tát phân biệt, thì Phật rõ tột cùng. Vì hàng Nhị thừa kia chỉ giác tứ trụ, chẳng rõ vô minh, biết của nơi khởi vô minh đây chẳng phải cảnh đó vậy. Hàng Bồ-tát đầu tiên trong Thập tín lúc mới phát tâm, tức quán tự tánh bản thức thể của duyên khởi nhân quả, được thành chánh tín. Trong luận Nhiếp Đại thừa: Bồ-tát mới khởi trước nên quán các pháp nhân duyên như thật", nghĩa là đây vậy. Nhân duyên như thật không gì chẳng phải là bản thức nhất tâm. Đó là mới đầu của phát chân vậy. Trong luận Khởi Tín nói: "Vì bất giác một pháp giới nên tâm chẳng tương ưng, vô minh phân biệt sinh các tâm nhiễm". Một pháp giới tức là chân tâm không hai làm một pháp giới. Đây chẳng phải một như toán số nói: nghĩa là như lý hư dung, bình đẳng không hai nên gọi là một, đó là mới đầu của khởi hoặc vậy. Lại nhân chẳng biết làm chúng sinh, rõ vô minh đây là thành chư Phật, đó là gốc của mê ngộ vậy. Lại, một pháp giới là toàn thể toàn làm môn sinh diệt, toàn thể toàn làm môn chân như, thuận pháp giới thì ra khỏi giải thoát, trái pháp giới thì trói buộc luân hồi. Đó là căn do của nhiễm tịnh vậy. Vì thế, ngàn thánh kính ngưỡng đó làm mẹ làm thầy, các hiền quay về đó như dẫn dắt là cương cốt của các kinh là chỉ nam của muôn pháp. Tóm lại mà nói là không kịp ở đây vậy. Nên trong kinh nói: "Tâm làm gốc pháp, tâm tạo thiên đường, tâm làm địa ngục, nếu lìa tâm chúng sinh thì đâu có mọi sự chân tục v.v... vì tất cả pháp chỉ như ảnh hưởng vậy". Như Cư sĩ Hướng nói: "Ảnh do hình khởi, vang theo tiếng lại, đùa bóng nhọc hình, chẳng biết hình là gốc của bóng, lớn tiếng ngưng vang, chẳng biết tiếng là căn của vang vậy. Trừ thân phiền não mà cầu Niết-bàn là dụ như bỏ hình mà tìm bóng, lìa tâm chúng sinh mà cầu Phật đạo, là dụ như im tiếng mà tìm vang. Nên biết mê ngộ một đường, trí ngu chẳng phải

riêng biệt, không tên làm tên, nhân tên đó thì phải quấy sinh vậy, không lý làm lý, nhân lý đó thì tranh luận khởi vậy. Huyễn làm chẳng phải chân, ai quấy ai phải? Hư vọng chẳng phải thật, nào có nào không? Gần biết được không chỗ được, mất không chỗ mất vậy. Nên biết chỉ rõ nhất tâm thì muôn pháp đều lắng. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trưởng Giả Giải Thoát nói cùng Thiện Tài rằng: "Nếu tôi muốn thấy thế giới An lạc của Đức A-di-đà Như Lai, thì tùy ý liền thấy, nếu tôi muốn thấy Đức Kim Quang Minh Như Lai ở thế giới Chiên- Đàn, Đức Bảo Quang Minh Như Lai ở thế giới Diệu hương, Đức Bảo Liên Hoa Quang Minh Như Lai ở thế giới Liên hoa, Đức Tịch Tĩnh Quang Như Lai ở thế giới Diệu kim, Đức Bất Động Như Lai ở thế giới Diệu hỷ, Đức Sư tử Như Lai ở thế giới Thiện trụ, Đức Nguyệt giác Như Lai ở thế giới Kính quang minh, Đức Tỳ-lô-già-na Như Lai ở thế giới Bảo sư tử trang nghiêm, tất cả như vậy thảy đều liền thấy, nhưng các Đức Như Lai kia chẳng đến nơi này, thân tôi cũng chẳng đến các thế giới ấy. Biết tất cả chư Phật và tâm tôi thảy đều như mộng. Biết tất cả Phật giống như ảnh tượng, tự tâm như nước. Biết tất cả chư Phật có các sắc tướng cho đến tự tâm thảy đều như huyễn. Biết tất cả chư Phật và tâm mình thảy đều như vang. Tôi biết như vậy, nghĩ nhớ như vậy, thấy được chư Phật đều do tự tâm. Này Thiện nam! Phải biết Bồ-tát tu pháp của chư Phật làm sạch cõi nước chư Phật, tích tập diệu hạnh, điều phục chúng sinh, phát thệ nguyện lớn, vào nhất thiết trí tự tại du hý, môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, đắc Bồ-đề Phật hiện thần thông lớn đi khắp tất cả mười phương pháp giới, dùng trí vi tế vào khắp các kiếp, tất cả như vậy đều do tự tâm. Cho nên, này Thiện nam! Phải dùng thiện pháp hỗ trợ tự tâm, phải dùng nước pháp đượm nhuần tự tâm phải dùng cảnh giới rửa sạch tự tâm, phải dùng tinh tấn kiên cố tự tâm, phải dùng nhẫn nhục phẳng lặng tự tâm, phải dùng trí chứng sạch trắng tự tâm, phải dùng trí tuệ sáng lợi tự tâm, phải dùng tự tại của Phật khai mở tự tâm, phải dùng bình đẳng của Phật rộng lớn tự tâm, phải dùng mười lực của Phật soi xét tự tâm". Trong sớ thích nói: "Tâm bao gồm muôn pháp, nghĩa là chẳng phải chỉ một niệm quán thật do ở tự tâm, vạn hạnh của Bồ-tát, thể dụng của Phật quả cũng chẳng lìa tâm, cũng dẹp mất lỗi của vọng chấp, nghĩa là tính rằng muôn pháp đều tâm, đảm nhậm đó là Phật, rong ruổi muôn hạnh đâu chẳng phải luống nhọc. Nay nói rõ tâm tuy tức Phật nhưng từ lâu bị trần lao che phủ, nên dùng muôn hạnh tăng tu khiến nó sáng suốt, chỉ nói muôn hạnh do tâm, chẳng nói không tu là phải. Lại nữa, muôn pháp tức tâm, tu nào ngại tâm, nên nói cuộng buông biến hóa chỉ ở tại tâm, thọ yểu

được mất chỉ tâm làm chủ. Nên thơ có ba trăm lẽ một lời có thể che, giáo có năm ngàn lẽ một tâm có thể suốt đó, thật là bến bờ ách yếu của vào đạo, là gương cao soi sáng của tu hành. Thật có nghĩa là sâu gồm yếu chỉ của Phật, khéo đạt chân không, cúi đầu dắt tay mà đều vào viên nhân, phát niệm dấy tâm mà đều đồng bản quả, đào bới đất khô của phàm phu mà thấy suối nước của chư Phật, rút mầm khô cháy của nhị thừa mà kết quả thật của thường lạc, biến thuốc độc mà thành cam lồ, chuyển tô lạc mà làm đề hồ tịnh cha con mà toàn giao nhà báu, phủi vết trần mà chóng mở kho báu. Nay biên ghi của Tông kính chỉ tận cùng chánh tông của Phật tổ. Nếu muốn thấy đạo tu hành, không vượt khỏi trong tự thân tâm. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “Thân là kho chánh pháp, tâm là đèn vô ngại, soi rõ các pháp không, gọi là độ chúng sinh”. Nên biết thân là pháp tụ, không một pháp nào vượt ngoài ruộng thân tu, tâm là ánh sáng tuệ, không một trí nào lìa biển tâm ta. Nếu mê đó thì thân là khổ tụ nguồn bịnh, tâm làm giặc oán vô minh, trước phải xét vết sở trị lỗi lầm, mới lập môn năng trị công đức, thì tất cả chúng sinh tạo nên lỗi lầm không gì vượt khỏi thân tâm. Nếu muốn đối trị chỉ dùng giới và tuệ, nếu tu thân giới thì giới gấp mà diệu hạnh thành, nếu tu tâm tuệ thì thừa gấp mà chân tánh hiện, nên được thừa giới đều gấp, lý hạnh đều tìm, chánh là hổ tướng giúp đở mới vào Tông kính, trong ngoài soi sáng một đạo thanh hư. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Lại nữa, chẳng tu thân là không thể quán thân, tuy không lỗi lầm mà thường là oán. Này Thiện nam! Thí như gã nam có oán thường theo đuổi dò tìm tiện lợi, người trí biết rồi buộc tâm cẩn thận gìn giữ. Nếu chẳng cẩn thận gìn giữ thì sẽ bị hại, thân tất cả chúng sinh cũng như vậy. Thường dùng các thứ uống ăn nóng lạnh giúp nuôi. Nếu chẳng giúp nuôi gìn giữ như vậy tức sẽ bị tan hoại. Này Thiện nam! Như Bà-la-môn phụng thờ hỏa thiên, thường dùng hương hoa tán thán lễ bái cúng dường phụng thờ kỳ hạn đủ trăm năm, nếu một lúc xúc chạm sau đó lửa thiêu đốt tay người, hỏa đó tuy được cúng dường như vậy, mà trọn không một niệm báo đáp ân người phụng thờ. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, tuy trải qua nhiều năm dùng các thứ hương hoa anh lạc y phục uống ăn đồ nằm thuốc thang tốt lành mà chu cấp đó, nếu gặp các duyên xấu ác trong ngoài, tức liền hoại diệt, đều chẳng nghĩ nhớ ân ngày trước cung cấp y phục v.v... Này Thiện nam! Thí như có vị vua nuôi bốn con rắn độc đặt để nó trong một hộp, đem giao một người và bảo trông nom nuôi dưỡng. Trong bốn con rắn đó nhằm có con sinh sân thì có thể hại người, người đó khiếp sợ, thường luôn tìm kiếm thức ăn

uống tùy thời cung cấp gìn giữ. Rắn độc bốn đại trong tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Nếu một đại sân thì có thể hoại thân. Này Thiện nam! Như người mắc bệnh lâu ngày phải nên thí tâm tìm cầu thầy thuốc chữa trị, nếu chẳng cần cầu hẳn chết không nghi ngờ thân tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, thường phải thâu tóm chớ khiến buông lung nêu buông lung thì bèn hoại diệt. Này Thiện nam! Thí như chén bình chẳng nhẫn chịu gió mưa đánh ném dập vùi. Thân tất cả chúng sinh cũng như vậy, không nhẫn chịu đói khát nóng lạnh gió mưa đánh ném mắng ác. Này Thiện nam! Như ung nhọt chưa chín phải khéo gìn giữ, chớ khiến người xúc chạm, nếu có xúc chạm thì rất đau khổ. Thân tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này Thiện nam! Như loa đang mang thai, chớ hại thân nó, thân tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, bên trong có gió lạnh thì thân chịu khổ. Này Thiện nam! Thí như lá chuối sống thật thì khô, thân tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này Thiện nam! Như rắn chuột sói mỗi loài thường luôn sinh tâm oán nhau, bốn đại trong chúng sinh cũng lại như vậy. Này Thiện nam! Thí như ngỗng chúa chẳng vui thích gò mả, Bồ-tát cũng vậy đối với thân gò mả cũng không tham vui. Này Thiện nam! Như chiên đà la bảy đời tiếp nối chẳng bỏ nghiệp đó, cho nên bị người khinh hèn, hạt giống thân đó cũng lại như vậy, hạt giống tinh huyết rốt ráo chẳng sạch. Vì chẳng sạch, nên chư Phật Bồ-tát khinh trách vậy. Này Thiện nam! Thân đó chẳng như núi ma-la-da sinh mọc cây chiên đàn, mà chẳng thể sinh nở hoa hưu bát la, hoa phân-đà-lợi, hoa chiên-ba- la, hoa bà-lợi-ca, hoa bà-sư-ca, chín lỗ thường bài tiết huyết nồng chẳng sạch, sinh nơi hôi hám xấu xa đáng gớm ghét, thường cùng các trùng chung ở một nơi. Này Thiện nam! Thí như ở thế gian tuy có vườn rừng thượng diệu trong sạch, thây chết mang đến trong đó thì là chẳng sạch, mọi người cùng vất bỏ đó mà chẳng sinh mến tiếc. Ở sắc giới cũng vậy, tuy là thượng diệu, do vì có thân, nên chư Phật Bồ-tát đều cùng bỏ vất đó. Này Thiện nam! Nếu có người chẳng thể quán như vậy thì chẳng gọi là tu thân. Chẳng tu giới là này Thiện nam! Nếu chẳng thể quán giới là thềm bậc của tất cả thiện pháp, cũng là căn bản của tất cả thiện pháp, như đất đều là gốc của tất cả cây cối sinh trưởng. Giới là dẫn đầu của các thiện căn, như thương chủ dẫn đầu các khách buôn. Giới là thắng phan của tất cả thiện pháp, như trời Đế thích dựng lập thắng phan. Giới năng dứt đoạn tất cả ác nghiệp và ba đường xấu ác, năng trị liệu bệnh hung ác như cây thuốc, giới là hành lý qua đường hiểm sinh tử, giới là gậy rất dẹp giặc ác kết, giới là thần chú linh diệt rắn độc kết. Giới là cầu bè qua hạnh nghiệp ác. Nếu có người không thể

quán như vậy, thì gọi là chẳng tu giới. Chẳng tu tâm là chẳng thể quán tâm thô mất động chuyển, khó bắt khó điều, rong ruỗi buông lung như voi hung dữ, niệm niệm qua mau như điện chớp kia, nhảy quậy chẳng dừng giống như khỉ vượn, như huyễn như ánh lửa, cho đến tất cả căn bản các ác. Năm dục khó đủ như lửa được củi, cũng như biển lớn nuốt nhận các dòng nước, như núi Mạn đà cỏ cây đượm nhiều, chẳng thể quán sát sinh tử hư vọng, đắm hoặc khiến sinh hoạn như cá nuốt câu, thường trước phải dẫn dắt các nghiệp tùy theo, giống như sò mẹ dẫn dắt các con, tham đắm ngũ dục chẳng vui Niết-bàn, như lạc đà ăn mật cho đến chết chẳng trông lại cỏ rơm, đắm sâu vui hiện tại chẳng quan sát sai lầm về sau, như trâu ăn mạ non chẳng sợ roi gậy, rong ruỗi khắp cùng hai mươi lăm hữu, giống như gió mạnh thổi bông đâu- la, với thứ chẳng đáng mong cầu mà mong cầu không biết chán đủ như người vô trí cầu lửa không nóng. Thường vui sinh tử chẳng vui giải thoát như trùng nhẩn-bà vui thích cây nhẫm bà, mê hoặc đắm ái sinh tử dơ uế giống như kẻ tù thích nữ lính ngục, cũng như heo chuồng thích ở nơi hẳng sạch. Nếu có người chẳng thể quán sát như vậy, gọi là chẳng tu tâm, chẳng tu tuệ là chẳng quán trú tuệ có thế lực lớn như kim sí điểu năng hoại nghiệp ác, phá hoại tối vô minh như ánh sáng mặt nhật, năng nhổ cây ấm như nước chảy xiết vật, thiêu đốt tà kiến như lửa dữ. Tuệ là căn bản của tất cả thiên pháp, Phật Bồ-tát là hạt giống của mẹ vậy. Nếu có người chẳng thể quán như vậy, gọi là chẳng tu tuệ. Cho đến nếu có tu tập thân giới tâm tuệ như nói ở trên năng quán các pháp đồng như hư không, chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si, chẳng thấy kẻ ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập đó gọi là người trí. người như vậy thì năng tu tập thân giới tâm tuệ, người đó năng khiến quả báo địa ngục hiện đời nhận chịu nhẹ. Nếu đó nếu tạo nghiệp ác cực trọng, tư duy quán sát năng khiến nhỏ nhẹ, khởi ý niệm rằng: nghiệp ta tuy nặng, nhưng chẳng như thiện nghiệp. Thí như bông hoa lá trăm cân nhưng trọn không thể sánh vàng thật một lượng. Như trong sông Hằng mà đổ vào một thặng muối, nước không mùi vị mặn, người uống không biết, như người cự phú tuy mắc nợ người cả ngàn muôn vật báu, nhưng không thể trói buộc khiến người đó nhận chịu khổ. Như đại hương tượng năng phá hoại xích sắt tự tại mà đi. Người trí tuệ cũng lại như vậy”. Nhưng trên, tuy quán thân chẳng sạch là phá phàm phu chấp thân độc đây cho là gốc khổ, chẳng gieo quả Bồ-đề, chỉ vùi lấp bùn sình năm món dục, chẳng thể tự lợi và lợi tha, vì vậy mà trách phá. Nếu là gá ngay vết nghiệp đây để tiếp nối thánh nhân, không vào trong biển lớn phiền não, khó cầu

tìm được giác báu, chẳng ở nơi đất phẩn bụi trần lao, sao sinh mọc hoa sạch. Vì vậy, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Chẳng chán khổ sinh tử, mới thành hạnh Phổ Hiền". Lại như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Phật bảo Ưu-bà-di: người Thanh văn thừa, cho đến không nên khởi một niệm thọ nhận lại thân đời sau, đó gọi là Thanh văn trì giới thanh tịnh, nhưng đối với Bồ-tát gọi là đại phá giới. Cho đến Bồ-tát Ma-ha-tát tu hạnh Đại thừa, năng ở trong vô lượng A-tăng kỳ kiếp, kham nhẫn thọ thân chẳng sinh nhàm chán, đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh. Nhưng đối với Thanh văn thừa thì gọi là đại phá giới". Nay Tông Kính lục ghi gồm diệu chỉ liễu nghĩa các kinh Đại thừa, chỉ vì ngộ tông hành Bồ-tát đạo vậy, mở tuệ của Phổ môn Quán âm, vết mặc vuông tròn, vào tông của vô tận Phổ Hiền, vận tâm không ngằn mé.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 33

Phàm đạo không thể tu, pháp không thể hỏi, mới ngộ đại chỉ muôn sự đều dứt, nên nói tuyệt đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành. Đã nói là tông kính, sao lại dẫn rộng văn của thân giới tâm tuệ? Trong kinh Pháp Hoa nói: “Người học Tam tạng, còn chẳng chấp nhận cho thân gần”. Đã trái với kinh giáo Đại thừa, sao thành tín môn của hàng hậu học?

Đáp: Trong kinh bài xích người học Tam tạng tức là giới định tuệ Tiểu thừa, giới thì chỉ gìn giữ thân miệng, đoạn dứt mầm bệnh của cành lá tứ trụ, định thì hình đồng như cây khô, tuyệt diệu dụng của oai nghi hiện bên ngoài, tuệ thì chỉ chứng thiên không, mất lý tròn đầy của chẳng không trung đạo. Nên gọi là pháp người bần khổ vui thích, rơi lạc ở thừa yếu kém bị Tịnh Danh chê trách đó là pháp của người ngu. Nay định tuệ của Viên tông còn chẳng đồng với không, vô tướng của Đại thừa Sơ giáo và Lý thiên viên của Đại thừa Biệt giáo, há cùng điều luận bàn của hàng học giả Tam định tuệ tạng tàn dứt ư? Giới định tuệ ở Tông kính lục đây, cho đến một sự một hạnh mỗi mỗi đều cho pháp giới đầy đủ vô biên đức, là tông thú vô tận, là pháp môn tánh khởi, vô ngại viên dung thật chẳng thể nghĩ bàn: như Thai giáo nói: “Như gương có ảnh tượng, ngói sỏi chẳng hiện, ở trong đầy đủ các tướng, chỉ không tức không, pháp thân sạch vi diệu đủ ba mươi hai tướng”. Hòa thượng Quán nói: “Phàm Thánh giao triệt tức tâm phàm mà thấy tâm Phật, lý sự song tu, nương bản trí mà cầu Phật trí”. Các bậc Cổ đức giải thích rằng: “Trong Thiền tông hạng người mất ý chấp lý mê sự, nói tánh vốn đầy đủ sao phải vay mượn tu cầu, chỉ cần mất tình tức Phật thật tự hiện, với hạng người chuyên học pháp chấp sự mê lý, sao phải chăm chăm tu tập lý pháp, hợp đó cả hai đều tốt đẹp, lìa đó cả hai đều tổn thương. Lý hạnh song tu để bày rõ viên diệu, ngưng tâm tuyệt niệm gọi là lý hành, dấy công giẫm có gọi là sự hành, nương tựa bản trí tức là trí bản giác. Đó là trí nhân, rỗng sáng chẳng mờ tối gọi là trí, thành mất tình hiểu lý của lý hành trước, cầu Phật trí tức là trí giải thoát không chướng

ngại. Đó là trí quả, căn cứ viên minh quyết đoán làm trí thì thành khởi hành thành quả của sự hành trước. Đó thì thể tánh đồng vậy, cho nên nương tựa đó, tướng dụng khác, cho nên tìm cầu đó, chỉ cầu tướng dụng mà chẳng cầu thể tánh, mất tình lý hành trước tức là trừ nhiễm duyên khởi để hiển bày thể tánh. Dấy công sự hành tức là phát tịnh duyên khởi để thành tướng dụng". Tông Vô tướng nói: "Như điều nói trên, tướng dụng có thể vậy, chỉ nương tựa bản trí tình mất thì tướng dụng tự hiển bày, vì vốn đầy đủ vậy, nào phải đặc biệt vậy khởi ở sự hành? Viên Tông nói: "Tánh phân tích vốn đầy đủ, lúc mất tình chỉ trừ tướng dụng phần nhiễm, tự hiển bày chân thể. Nếu không sự hành thì kia khởi tướng dụng phần tịnh không nhân đâu được sinh. Như trong vàng tuy có các thứ đồ vật, trừ quặng chỉ có thể hiển bày vàng. Nếu chẳng thi công tạo tác thì không nhân đâu được thành đồ vật đó, đâu phải vàng ra khỏi quặng rồi chẳng tạo chẳng tác tự nhiên được thành đồ vật. Nếu mất tình thì chẳng vay mượn sự hành, Phật khiến đầy đủ tu đâu chẳng nhọc người học. Vì vậy, hàng đệ bát địa đã năng lìa niệm, Phật khuyên mới khởi sự hành, biết do lìa niệm chẳng trọn, do đó trong kinh có kệ tụng rằng: "Pháp tánh chân thường lìa tâm niệm, Nhị thừa với đó cũng năng đắc, chẳng lấy ngay đó làm Thế Tôn, chỉ dùng trí vô ngại sâu mầu". Khuyên đó đều là sự hành, vậy nên biết quả Phật phải là tánh tướng đầy đủ. Nhân hành hẳn phải sự lý song tu, nương bản trí như được vàng, tu lý hành phải bỏ quặng, tu sự hành như tạo tác, cầu Phật trí như thành các thứ đồ vật vậy. Lại nữa, trong Hoa Nghiêm Diễn nghĩa nói: Nếu chấp thiền thì nương tựa bản trí, không tác không tu, gương vốn tự sáng, chẳng phủi bụi chẳng ánh ngời. Nếu chấp pháp là phải khởi sự hành. Nương thắng duyên khác để thành đức mình, đều là thiên chấp, nên biện giải song hành. Nương tựa bản trí là ước về lý, tánh trí vô lậu vốn đầy đủ vậy. Mà cầu Phật trí là nói về sự, trong không chỗ cầu mà ta cố cầu đó gương tâm vốn sạch, lâu dài bị trần lao ngăn che, tánh đức như hằng sa đều bị trần lao phiền não chôn vùi, cho nên phải dùng tùy thuận pháp tánh không xan tham v.v... tu đàn v.v... sáu pháp Ba-la-mật vậy. Chư Phật đã chứng, ta chưa chứng vậy. Lại nữa, lý chẳng ngại sự, chẳng phòng ngăn mong cầu vậy, sự chẳng ngại lý, cầu mà không cầu vậy. Nếu tu như vậy, tu tức không tu là tu chân thật vậy. Mở bày như trên gốc ngọn không sót, lý thiên hành khắp, nhân tròn quả đủ, có thể gọi là xe đó cao rộng, lại có nhiều tôi tớ theo hầu gìn giữ, mới có thể vào đây, Nhất thừa quy về Tông kính. Nếu hàng sơ tâm vào rồi phải ngầm hợp với chân không, chỉ tại tâm hành, chẳng phải từ miệng nói,

ngay đó phải từng bước dốc sức, niệm niệm tương ưng, như người chết thật trọn tuyệt các tưởng. Nếu chẳng phải khẩn chí, sao xưng là trượng phu, chỉ có lời rỗng trọn thành tự luống dối, như Thập Đắc ở Thiên Thai có bài tụng rằng: "Biển Đông Dương nước trong, nước trong lại thấy đáy, dòng Linh Nguyên suối pháp, dao chém nước không vết. Ta thấy gã ngoan ngu, đèn tâm dựng tu-di, tấc củi nấu biển lớn, chân quét đá đất liền, nâu cát không thành cơm, mài gạch đem làm gương, nói ăn trọn chẳng no, ngay phải dốc sức hành lớn lao đại trượng phu, rành rành thân trượng sáu, chết uổng chôn dưới mả, đáng tiếc vật lễ nêu: "Cư sĩ Bàng Uẩn có bài thơ rằng: "Đọc kinh phải hiểu nghĩa, hiểu nghĩa tức tu hành, nếu nương liễu nghĩa học tức thành Niết-bàn, nếu như không hiểu nghĩa, thấy chẳng chẳng như mù, tìm văn rộng cắm đất, trâu tâm chẳng chịu cày, ruộng toàn là cỏ, lúa từ xứ nào sinh". Nên biết phải tại tâm hành sức nhẫn thành tựu, nhẫn có hai thứ, một là sinh nhẫn, hai là pháp nhẫn. Nếu ở pháp nhẫn thì quán hành dễ thành, vì rõ duy tâm vậy, trong ngoài bình đẳng. Như trong Luận sư Trí Độ nói: "Pháp nhẫn là ở trong sáu tình chẳng đắm dính, ở ngoài sáu trần chẳng thọ, năng ở hai đó chẳng làm phân biệt. Tại sao? Tướng trong như ngoài, tướng ngoài như trong, hai tướng đều chẳng thể được vậy, vì là một tướng, là nhân duyên hòa hợp, đó thật là không, tướng tất cả pháp thường thanh tịnh vậy. Sao gọi là tướng tất cả pháp thường thanh tịnh? Vì đồng tuân một đạo vậy". Do đó, trong Hoa Nghiêm sớ nói: "Một đạo sâu mầu là cũng gọi Nhất thừa, Phật Phật đều đồng một chân đạo vậy, thừa của chư Phật đồng quán tâm tánh, muôn hạnh đều tu, từ đầu đến cuối trọn không đường khác, nên là một đạo".

Hỏi: Chân tâm thường trú khắp tất cả xứ, tức muôn pháp đều chân, cớ sao mà có bốn thời sinh diệt?

Đáp: Rõ được thân tâm chẳng động thì muôn pháp chẳng đổi thay, tức là nghĩa thường trụ. Nếu thấy muôn pháp đổi thay rơi rụng, đều là vọng tâm. Vì tất cả cảnh giới chỉ tâm vọng động. Tâm nếu chẳng khởi, cảnh ngoài vốn không, vì từ thức biến vậy. Nếu lìa tâm thức thì không còn một pháp thường trụ, huống gì có muôn pháp đổi thay.

Hỏi: Như nay hiện thấy các thứ vật tượng khô tươi, thời gian cảnh trí đổi thay tàn tạ, làm sao vạch bày nhỏ nhiệm để rõ thấy ý chỉ chẳng đổi thay?

Đáp: Chỉ cần thấy tánh, tự đoạn dứt nghi ngờ đơn lẽ. Tôi từng suy cùng tợ như tin lý đó. Trong luận Bất Thiên nói: "Gió xoay nép núi mà thường lặng, sông mối tranh đổ mà chẳng chảy, dạ mã (hơi nóng bốc)

khu động mà chẳng động, ngày tháng qua ngày mà chẳng khắp". Trong sớ nói: "Gió trước chẳng phải gió sau nên nép núi mà thường lặng, nước trước chẳng phải nước sau nên đua tranh trút mà chẳng động; ngày trước chẳng phải ngày sau nên trải qua không gian mà chẳng cùng khắp". Trong Sao nói: "Nhưng tự thể niệm niệm chẳng chảy hơi trước chẳng phải hơi sau nên khua động mà chẳng đồng, thì lúc niệm thứ nhất khởi chẳng phải lúc của niệm thứ hai, cho đến lúc sau cùng thổi dính vào núi, chẳng phải lúc đầu mới khởi, thì không thể cố định của gió ở niệm trước theo kia lại thổi đó vậy. Vả lại, núi từ lúc mới đầu động cho đến lúc ngã nằm nơi đất, tự thể núi đó niệm niệm chẳng đồng, thì lúc một niệm đầu tiên động, theo kia lại đến lúc dính nơi đất. Đó đều là gió cho đến núi chẳng dính đất, tuy xoay gió nép núi mà chưa từng động vậy. Vì bốn vật đó, ở thế gian cho là lay động chuyển đổi, nhưng tuy là ngả núi, trải qua không gian, đều chẳng cùng biết cùng đến, niệm niệm tự dừng mỗi mỗi chẳng đổi thay. Vả lại, như ở thế gian nói không gì lớn hơn bốn đại, trong bốn đại động thì không gì hơn phong luân, vì tánh thúc đẩy đó vốn thật chẳng động, như Nghĩa Hải nói: xét về động tịch là vì bụi trần theo gió, bay vút là động, lắng yên chẳng khởi là tĩnh, mà nay lúc tĩnh, do động chẳng diệt tức toàn vì động thành tĩnh vậy. Nay lúc động là do tĩnh chẳng diệt, tức toàn vì tĩnh thành động vậy. Do toàn thể cùng thành cho đến lúc động chánh là tĩnh, lúc tĩnh chánh là động, cũng như gió vốn chẳng động mà năng động các vật, nếu trước có động thì mất tự thể, không phải động lại, nay quán gió ấy khắp cùng pháp giới, trong lắng chẳng động, tịch lắng vậy không hình. Suy về động đó đều do từ duyên khởi. Vả lại, như ở trong phòng kín, nếu nói có gió, gió sao chẳng động, nếu nói không gió, gặp duyên liền nổi, hoặc khắp pháp giới phẩy thì khắp pháp giới sinh. Nên biết phong đại chẳng động, động thuộc các duyên. Nếu ngoài mười phương trong hư không, giả sử chẳng nhân người phẩy hoặc lúc tự nổi, cũng là long thận quỷ thần làm nêu. Vì quỷ thần thuộc âm, đến chiều muộn thì gió nhiều vậy, cho đến gió của đầu kiếp hay cuối kiếp thành hoại, đều không nghiệp cảm của chúng sinh. Trong thế gian không có một pháp nào chẳng từ duyên sinh. Duyên tụ hội thì sinh, duyên tan rả thì diệt. Nếu chấp tự nhiên sinh là chỉ hợp với thường sinh, sao được buộc lan chẳng định, động tĩnh không thường, nên biết đều từ duyên khởi. Lại nữa, suy các duyên hòa hợp thành sự, mỗi mỗi chẳng có, hòa hợp cũng không duyên, ở trong duyên cũng không tự tánh, chỉ là tâm động trở lại thúc đẩy tự tâm, tâm cũng chẳng động, vì tâm không hình, nên nơi khởi chẳng thể được, tức biết

đều từ chân tánh khởi. Chân tánh tức chẳng khởi, mới thấy tánh tâm khắp tánh bốn đại, thể hợp chân không, tánh chẳng động tĩnh, vì nhân tướng bày động, nhân động đối lại tĩnh, tướng động đã không, trần tĩnh (bụi lắng) cũng diệt. Nên trong kinh Thủ lăng nghiêm nói: "Tánh gió chân không , tánh không thật gió". Lại, tông chẳng đổi thay, đâu lìa cảnh lay động, yếu chỉ của vô sinh, chẳng vượt môn sinh diệt, nên trong kinh Kim Cang Tam- muội nói: "Nghĩa nhân duyên sinh ra là nghĩa diệt chẳng phải sinh, nghĩa diệt các sinh diệt là nghĩa sinh chẳng phải diệt. Vì vậy khởi luôn chẳng khởi, chẳng khởi luôn khởi". Thông đạt như vậy thì chẳng lạc vào đoạn thường, có thể chánh hiểu nghĩa của nhất tâm chẳng đổi thay vậy. Như các bậc Tiên đức nói: "Phàm, tánh vật không sai khác, ngộ tức là chân lý, chân tức chẳng biến đổi, vật tự lắng yên, tình thường gói gọn, ở trong chẳng động, vọng cho là động. Nói thể thì im lắng sâu thẳm, nói đường thì cao vợi tinh vi, dùng trong thường ngày mà chẳng biết đó, vật chẳng đổi thay vậy. Sự tượng có thể quan sát, gọi đó là vật, vật thể mỗi ngưng trụ, nên gọi là chẳng dời đổi, chẳng dời đổi nên theo dòng lắng yên thanh tịnh. Vì là vật nên cùng bốn tượng tướng nương tựa nhau. Nên biết không sinh chẳng sinh, không hình chẳng hình, ở nơi tánh tướng mà giữ lấy một, đó là luật bất thiên vậy. Do đó, trong luận nói Bất thiên: "Vì vậy Đức Như Lai nhân nơi dính kẹt của- chúng hữu tình mà dùng phương ngôn để biện bác về hoặc, nhân vì chân như không hai, nhả giáo khác nhau chẳng một. Trái mà không thể khác, đó chỉlà lời thánh ư? Nên đàm nói chân có cách gọi của chẵng đổi dời, dẫn dắt tục mà có thuyết của lưu động thì cho rằng vật nay có thể đến xưa. Đã nói là xưa nay mà muốn biến đổi đó là thế nào? Cho nên nói qua chẳng hẳn qua, xưa nay thường trú, vì nó chẳng động, nói đi chẳng hẳn đi nghĩa là chẳng từ nay đến xưa. Vì nó chẳng lại, chẳng lại nên chẳng rong ruổi ở xưa nay chẳng động nên mỗi tánh trụ ở một đời, nhưng nhà các sách khác văn, trăm nhà khác thuyết. Nếu được nó tụ hợp há văn ngôn có thể khiến mê hoặc đó ư? Vì vậy, điều người cho là trụ thì ta gọi đó đi, điều người gọi là đi thì ta gọi đó là trụ, nhưng mà đi trụ tuy khác mà rốt ráo đó chỉ một vậy. Nên trong kinh nói: "Nói chánh tợ như trái ngược, ai đáng tin đó?". Lời nói đó có nguyên do vậy. Tại sao? Người thì cầu xưa ở nay, nghĩa là nó chẳng trụ, tôi thì cầu nay ở xưa, biết nó chẳng đi. Nay nếu đến xưa, xưa nên có nay, xưa nếu đến nay, nay nên có xưa, nay mà không xưa, vì biết chẳng lại. Xưa mà không nay, vì biết chẳng đi. Nếu xưa chẳng đến nay, nay cũng chẳng đến xưa. Sự mỗi theo tánh trụ có vật gì mà có thể đi lại, nhưng mà bốn

tượng gió rong, xoay cơ sấm cuộn, được ý mảy may tuy chóng mà chẳng chuyển vậy. Vì thế Đức Như Lai công lưu muôn đời mà thường còn, đạo thông trăm kiếp mà càng chắc. Núi thành mượn ở nơi sọt đất trước hết, đường tu nhờ ở bước chân đầu tiên, quả thật do công nghiệp không thể hủ mục nên vậy. Công nghiệp không thể hủ mục nên tuy lại xưa mà chẳng hóa, chẳng hóa nên chẳng biến đổi, chẳng biến đổi nên lắng yên vậy, nên trong kinh nói: "Tam tai càng chìm đắm mà hành nghiệp vẫn lắng yên". Thật đáng tin lời nói đó vậy. Tại sao? Phàm, quả chẳng cùng nhân, nhân nhân mà quả, nhân nhân mà quả nhân xưa chẳng diệt, quả chẳng cùng nhân, nhân chẳng lại nay, chẳng diệt chẳng lại thì rốt ráo của chẳng biến đổi rõ vậy, còn gì lầm hoặc ở đi dừng, chân chữ ở khoảng động tĩnh ư? Nếu năng khế hợp thần ở tức vật, đó là chẳng xa mà có thể biết vậy. Xưa trước giải thích rằng: "Trước nói xưa nay mỗi theo tánh trụ ở một đời chẳng cùng qua lại, thì trẻ già chẳng đồng một sắc, quyết định là con nít- không lúc lăn lóc cho đến tuổi già thì không tương tục, mất pháp thân thuộc, không cha không con, nên chỉ con nít được cha. Ngoài ra thì lăn lóc tuổi già chẳng nên có phần, thì công trước bèn mất, có lỗi đoạn diệt. Từ đó bèn rõ công lưu lại từ sọt đất trước hết từ bước chân đầu tiên. Nhân quả bình đẳng tương tục chẳng mất, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng một chẳng khác, chẳng lại chẳng đi, nên tròn đầy chánh lý của chẵng đổi dời vậy. Nhân vì chân tâm chẳng hai, nhả giáo khác chẳng phãi một là các thánh nương tựa chánh tông của nhất tâm, đợi cơ mà giảng nói giáo tích sai biệt. Tuy chín phái triết học, tám giáo chẳng ngang bằng mà chẳng biến đổi, một niệm không khuyết thiếu, nên nói tuy ngàn lối khác xướng quy tụ đồng rốt ráo vậy mà tùy theo văn mê lầm yếu chỉ ,chỉ chấp quyền môn ngôn từ của sinh diệt, vọng thấy tướng thế gian mọi sự đi lại. Nhân đó cho là lưu động, tùy cảnh luân hồi, thật không biết sinh tử đi lại rốt ráo là không tánh. Do đó, trong luận Trung quán phá ba thời không đi: một là, đã đi không đi là pháp đi đã rơi rụng. Hai là, chưa đi không đi là pháp đi chưa nẩy mầm. Ba là lúc đi không đi là pháp chánh không trụ. Lại, vì đi là pháp đi hai sự đều không, nếu không đi tức là không pháp đi, cũng không phương sở, đi tức là người, vì pháp nhân người khiến nên, lìa người thì không có pháp, lìa pháp thì không có người. Nên trong Sao nói: "Quan sát phương biết kia đi, đi là chẳng đến phương, là rõ ràng ba thời không đi lại, để biện giải chẳng biến đổi vậy. Như người mới đầu tại phương Đông đứng yên không lay động thì gọi là chưa đi. Vì chưa đi, chưa đi nên chẳng được gọi là đi. Nếu động một bước, lìa nơi đứng gốc, trở lại trông nhìn

nơi đứng gốc thì gọ là đã đi. Vì đã đi, đã đi chẳng được gọi là đi. Người lầm hoặc bèn chuyển nghĩ tính rằng: động ở tức có đi, trong đó lúc có đi chẳng phải là đã đi hay chưa đi, cho nên đi lúc đi. Bồ-tát Long Thọ bèn lấy đối đãi nhau mà phá đó rằng: "Nếu có đã đi chưa đi thì có lúc đi, nếu không đã đi chưa đi thì không lúc đi", nên có kệ tụng nói: "Lìa đã đi chưa đi, lúc đi cũng không đi, như nhân hai bên ngắn, mà có khoảng giữa dài, nếu không hai bên ngắn, tức không khoảng giữa dài". Còn Luận sư Thanh Mục tức dùng trái nhau mà phá đó: "Thế nào là lúc đi? Nghĩa là một nửa đi chưa đi, thì trong một pháp có hai rơi lạc vào trái nhau , nghĩa đi chẳng thành, cho nên lúc đi cũng không đi". Nên có kệ tụng rằng: "Đã đi không có đi, chưa đi cũng không đi, lìa đã đi chưa đi, lúc đi cũng không đi". Như một người từ phương Đông lúc đến phương Tây, trông nhìn đó từ Đông đến Tây tợ như có đi, nên nói biết kia đi, như trong từng bước ba thời chẳng đi, thì không pháp đi. Đã không đi tức không người đi từ đây đến kia, nên nói đi là chẳng đến phương vậy. Đi nghĩa là người vậy. Trên đây, một kinh một luận đều nói rõ ba thời không đi, để nêu tông biện giải chẳng biến đổi vậy. Lại đi nhân quả chẳng biến đổi đây tức hợp với ý của bát bất trung đạo vậy. Như trong luận có kệ tụng nói: Chẳng (bất) sinh cũng chẳng diệt, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng một cũng chẳng khác, chẳng lại cũng chẳng đi, năng nói nhân duyên đó, khéo diệt các hý luận, con cúi đầu lễ Phật, đệ nhất trong các thuyết". Nay đem nhân quả để qui tụ giãi thích nghĩa tám chẫn phãi. Nói chẳng sinh là như lúc hai mươi làm nhân, lúc ba mươi làm quả, nếu lìa hai mươi chẳng thể được, cho nên chẳng sinh. Nên trong luận Trung Quán nói: "Lìa kiếp thóc mới đầu, thóc nay không thể được, cho nên chẳng sinh". Chẳng diệt là thì lúc hai mươi chẳng không nên chẳng diệt. Nếu lúc hai mươi diệt, nay chẳng nên có lúc ba mươi. Trong luận Trung Quán nói: "Nếu diệt, nay nên không thóc, mà thật là có thóc, cho nên chẳng diệt vậy". Chẳng thường là thì lúc ba mươi không lúc hai mươi, cho nên chẳng thường. Trong luận Trung Quán nói: "Như lúc thóc nẩy mầm, cho nên chẳng đoạn, nếu đoạn thì không nên tương tục". Chẳng một là hai mươi chẳng cùng ba mươi đồng thể, mỗi mỗi theo tánh mà trụ nên chẳng một, như trong luận Trung Quán nói: "Như thóc chẳng làm mầm, mầm chẳng làm thóc, cho nên chẳng một". Chẳng khác là chẳng lìa hai mươi có ba mươi, như người họ trương hai mươi đến ba mươi chẳng khác. Trong luận Trung Quán nói: "Nếu khác cớ sao phân biệt mầm thóc cành thóc là thóc? Cho nên chẳng khác". Chẳng lại là lúc hai mươi chẳng đến ba mươi, cho nên chẳng lại. Chẳng

ra là lúc hai mươi đang ở tự vắng lặng chẳng còn lại sinh, nên chẳng ra vậy. Thấu đạt lý đó là thì lìa tất cả hý luận, khế hợp với trung đạo, thì chân đế vậy. Vậy biết ở trong chân đế, không một pháp có thể được, đâu có đi lại? Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát kia rằng: "Này Thiện nam! Ông vì đến mà lại hay chẳng vì đến mà lại?" Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn: "Đến cũng chẳng lại, không đến mà cũng chẳng lại, con quan sát nghĩa đó đều không có lại. Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp nếu thường cũng là chẳng lại, nếu là vô thường cũng không có lại. Nếu người thấy có tánh chúng sinh có lại chẳng lại. Nay con chẳng thấy định tánh chúng sinh, làm sao đáng nói có lại chẳng lại? Có kiêu mạn là thấy có đi lại, không kiêu mạn thì không đi lại, có thủ hành (chấp pháp) thấy có đi lại, không thủ hành thì không đi lại. Nếu thấy Đức Như Lai rốt ráo Niết-bàn là có đi lại, chẳng thấy Đức Như Lai rốt ráo Niết-bàn thì không đi lại. Chẳng nghe Phật tánh thì có đi lại, nghe Phật tánh thì không đi lại". Trong luận Bát nhã Đăng nói: "Ông cho là đã hành gọi là mới phát, hay chưa hành gọi là mới phát, hay đang lúc hành gọi là mới phát ư? Cả ba đều không như vậy". Như kệ tụng nói: "Trong đã đi không phát, chưa đi cũng không phát, trong lúc đi không phát, xứ nào đang có phát?" Giải thích: Trong đã đi không phát, nghĩa là tác dụng đi ở kia đã rơi rụng vậy. Chưa đi cũng không phát, nghĩa là chưa tánh không đi, đi thì không như vậy. Trong lúc đi không phát, nghĩa là đã đi chưa đi v.v... đều không nghĩa đi, làm sao có thể nói lúc đi có đi? ba thứ như vậy đều không mới phát, cho nên trong kệ tụng nói xứ nào đang có phát. Lại nữa kệ tụng nói rằng: "Không đã đi chưa đi, cũng không lúc kia đi, ở trong không pháp đi, cớ sao vọng phân biệt?" Giải thích: vọng phân biệt là như người bị bệnh màng mắt nên nhìn trong hư không thấy có lông tóc nhỏ nhiệm v.v... đều là không thật thể vậy. Lại nữa, kệ tụng nói: cho nên đi không tánh, người đi cũng như vậy, lúc đi và các pháp, tất cả không chỗ có". Lại nữa, kệ tụng nói: "Cho nên đi không tánh, người đi cũng như vậy, lúc đi và các pháp, tất cả không chỗ có". Lại nữa, kệ tụng nói: "Pháp chưa diệt chẳng diệt, pháp đã diệt chẳng diệt, lúc diệt cũng chẳng diệt, không sinh diệt những gì? Giải thích: câu một vì diệt là không vậy, thí như trụ. Câu thứ hai là như người đã chết không còn lại chết. Câu thứ ba là lìa pháp đã diệt và chưa diệt, kia thì không có lúc diệt, có đều là sai nhầm vậy. Cho nên nhất định biết lúc diệt chẳng diệt. Câu thứ tư là nghĩa đó như thế nào? Tất cả các pháp đều chẳng sinh vậy. Nói không sinh là tướng sinh không có vậy. Không sinh mà có diệt, nghĩa thì không

như vậy, như con của thạch nữ. Cho đến "lại nữa, ông nói diệt là có thể diệt hay không thể diệt ư? Cả hai đều không như vậy". Như kệ tụng nói: "Nếu pháp có thể, có thì không tướng diệt". Giải thích vì trái nhau nên thí như nước và lửa, do như vậy nên kệ tụng nói: "Một pháp có có không, với nghĩa không nên vậy". Lại nữa, kệ tụng nói: "Pháp nếu là không thể, có diệt cũng chẳng vậy, như không đầu thứ hai, chẳng thể nói nó dứt". Vì vậy, đã không pháp đi lại cũng không lúc trọn dừng. Vì nhân lúc pháp rõ sáng cũng nhân lúc biện giải pháp, pháp đã không có, lúc đâu thành ư? Như trong luận Trung Quán có kệ tụng rằng: "Lúc trụ không thể được, lúc đi cũng chẳng được. Lúc nếu chẳng thể được, làm sao nói tướng lúc. Nhân vật nên có lúc, lìa vật nào có lúc. Vật còn không chỗ có, huống gì đáng có lúc". Giải thích: như dẫn chứng trên chỉ ngay thế gian, đều tức sự biện giải chân, từ phàm thấy đạo, hiện chứng trước mắt, có thể để dứt tuyệt nghi ngờ, pháp đi đã vậy, cho đến sáu thú luân hồi, bốn mùa thay đổi tàn tạ, đều là chẳng biến đổi, đạo của nhất tâm thường trụ, nhưng mà các sách khác văn trăm nhà khác thuyết, nếu được hợp đây, há văn ngôn có thể khiến lầm hoặc đó ư? Nếu thấu đạt muốn pháp chỉ một tâm ta, quán tánh tâm đó còn chẳng từng sinh cớ sao nói diệt, còn chẳng được tĩnh, cớ sao nói động? Như trên pháp hội Lăng nghiêm. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng co quắp năm ngón tay, co quắp rồi lại buông mở, buông mở rồi lại co quắp, mà bảo cùng A-nan rằng: "Nay ông đang thấy gì?". A-nan thưa: "Con thấy Như Lai ở giữa đại chúng co duỗi bàn tay". Phật hỏi A-nan:"Ông thấy tay ta ở trong đại chúng co duỗi, đó là tay ta có co có duỗi hay là ông thấy có co có duỗi?". A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Tay giữa đại chúng co duỗi, con thấy tay Như Lai tự co duỗi, chẳng phải tánh thấy con tự co tự duỗi". Phật hỏi: "Vậy, ai động ai tĩnh?". A-nan thưa: "Tay Phật chẳng trụ, mà tánh thấy con còn không có tĩnh. Ai là không trụ?". Phật bảo: "Đúng vậy!". Cho đến "cớ sao nay ông lấy động làm thân, lấy động làm cảnh. Từ thủy đến chung, niệm niệm sinh diệt, bỏ sót chân tánh, điên đảo hành sự, tánh tâm mất chân, nhận vật làm mình, luân hồi trong đó, tự giữ lấy lưu chuyển?". Nên biết tánh thấy chẳng biến đổi, lý khắp pháp giới, chỉ là nhận vật làm mình, trái giác hợp trần. Nếu lấy động làm thân lấy động làm cảnh thì điên đảo hành sự, tánh tâm mất chân, cảnh thật chẳng biến đổi, chỉ tâm vọng động, có thể gọi là mây chạy trăng đi thuyền trôi bờ dời vậy. Cho nên trong luận nói: "Vì vậy, nói qua chẳng hẳn qua, xưa nay thường còn, vì nó chẳng lại, chẳng lại nên chẳng rong ruổi ở xưa nay. Chẳng động nên mỗi tánh trụ ở một đời. Đó mới là pháp pháp mỗi trụ ở vị chân

như, không có một vật qua lại. Cũng như chưa từng một niệm tạm trụ, đều chẳng tương đải, há chẳng phải là chẳng biến đổi ư? Nếu năng thông đạt như vậy, mắt mình tròn sáng, nào tợ có huyễn trần, dị thuyết của một thời mà có thể khiến lầm hoặc ta ư?". Lại nữa, xưa trước giải thích rằng: dị thuyết của trăm nhà, văn ngôn nào có thể khiến lầm hoặc, đó là nói rõ ở Tam giáo chẳng lầm hoặc, mỗi một lập nên tông họ. Như Nho giáo có hai mươi bảy nhà, nếu khế hợp với lý của ngũ thường tức không lầm hoặc vậy. Như Hoàng Lão có hai mươi lăm nhà, nếu khế hợp với hư vô, cũng không lầm hoặc như Phật có mười hai phần giáo, nếu rõ bản tâm cũng không lầm hoặc vậy. Nhưng mà Tam giáo tuy khác, nếu pháp giới gồm thâu đó thì không nguồn riêng biệt vậy. Như Khổng giáo Lão giáo, trăm dân chín phái triết học, gồm tất cả mà nói đó chẳng lìa pháp giới, đó như trăm sông đều chảy về biển lớn. Như Viên tông của Phật giáo, diệu chỉ nhất thừa, riêng biệt mà nói đó thì trăm nhà giống như ánh sáng đom đóm, sao có thể bằng đuốc lớn soi chiếu? Như biển lớn chẳng về trăm sông vậy. Nhưng mà bốn tượng gió rong, xoay có, sấm cuộn, được ý mảy may tuy chóng mà chẳng chuyển là, bốn tượng thì bốn mùa vậy. Xoay cơ là Bắc Đẩu bảy sao vậy. Tuy lạnh lại nóng qua, đẩu chuyển sao dời, sấm chuyển gió trong từng sát- na chẳng trụ. Nếu được ý là rõ mật chỉ ở nhất tâm mảy may thì thấy tánh mà chẳng động vậy. Quả chẳng cùng nhân, nhân nhân mà quả là thí như làm núi cao, mới đầu đổ qua một sọt đất làm nhân, thẳng đến lúc đắp đất thành núi, một sọt đất đầu tiên đó tuy chưa thành núi, vì mới đầu chưa đến sau, mà cũng chẳng diệt, lại cuối cùng nhân một sọt đất đó mà thành núi, nên nói quả chẳng cùng nhân, nhân nhân mà quả, nhân nhân mà quả, nhân xưa chẳng diệt, quả chẳng cùng nhân, nhân chẳng lại nay, chẳng diệt chẳng lại, thì rốt ráo của chẳng biến đổi rõ ràng vậy. Lại như đường dài ngàn dặm, bắt đầu từ bước đầu tiên, tuy chưa tức đến quả chẳng cùng nhân, nhưng toàn nhân công của bước đầu tiên năng đạt đến đường dài ngàn dặm, thì nhân nhân mà quả, nên nói núi thành mượn ở nơi sọt đất trước hết, đường tu nhờ ở bước chân đầu tiên. Lại như chân mới đầu phát một niệm thiện tâm Bồ-đề, rốt ráo thành tựu quả diệu giác vô thượng, tức một niệm đầu tiên chẳng mất, nếu một niệm đầu tiên đã diệt, thì chẳng thể thành quả Phật. Nên nói: Vì vậy công Như Lai lưu lại muôn đời mà thường còn, đạo thông trăm kiếp mà càng chắc. Vì chẳng diệt chẳng lại đó thành công thành nghiệp, nhân chẳng luống bỏ sự chẳng mất mát thì biết muôn pháp đều chẳng biến đổi vậy. Há lại do dự ở khoảng động tĩnh ư? Nếu năng xúc chạm cảnh mà rõ tông, khế

hợp thần ở tức vật, giả sử trời nhào đất lộn, biển vọt núi đổ, còn chẳng thấy điềm mống của động tĩnh, huống gì các thứ huyễn hóa ảnh hưởng khác ư?

Hỏi: Tất cả các pháp chân tục có tướng có dụng có nhân có duyên, cớ sao chỉ một mực quán tâm để giải thích ư?

Đáp: Nếu chẳng quay trở lại quán sát tự tâm, thì mất đại chỉ của Phật pháp đề, cao các thánh chẳng kính mộ tiếp tu, uổng ở trầm luân, nơi mình tuyệt phần. Như chẳng học theo quán tâm tấn đạo thì như ôm đá lặng chìm vực sâu, đi đêm mà vất bỏ đuốc, thì đối với biển trí Phật hẳn chết không nghi ngờ, hướng đến thành Niết-bàn nên khó chỉ đủ. Vì vậy, nguyên do của mười phương chư Phật khởi giáo, chỉ nói tất cả chúng sinh có Phật tánh Đại Bát niết-bàn, kho tàng của nhất tâm bí mật, hoặc phàm hoặc thánh đều vào trong đó. Như Đức Thế Tôn nói: "Đại Bát Niết-bàn đây là nơi mười phương chư Phật không bỏ thân mạng, đặt yên các ông đều vào trong đó, ta cũng tự trụ trong đó". Tại sao? Giác tự tâm tánh vậy, gọi là Phật tánh, vì từ tánh khởi công đức vô lậu, tự hành và giáo hóa kẻ khác, pháp lợi vô tận, nên gọi là tạng. Vì khó tin khó biết nên gọi là bí mật. Vì pháp tánh sâu mầu nên gọi là Niết-bàn, có thể gọi là nơi sinh ra vô lượng pháp báu, như bốn biển lớn là nơi tất cả muôn pháp nương tựa, như mươi phương không, Nếu gặp đó là mất pháp lợi lớn. Nếu có tạm nghe, thì được vô biên công đức, như điều tán thán ở trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: "Này Thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn vi diệu như vậy, cho đến Bảo tạng (kho báu) của tất cả pháp, thí như biển lớn là kho tàng các báu, kinh Niết-bàn đây cũng lại như vậy, tức là tất cả văn tự bí tạng. Này Thiện nam! Như núi Tu-di là gốc rễ các thứ cây thuốc, kinh đây cũng vậy, tức là căn bản của giới Bồ-tát. Này Thiện nam! Thí như hư không là nơi trụ xứ của tất cả vật, kinh đây cũng vậy là trụ xứ của tất cả thiện pháp. Này Thiện nam! Thí như gió mạnh, không thể trói buộc, tất cả hạnh Bồ-tát trong kinh đây cũng lại như vậy, chẳng bị tất cả phiền não ác pháp trói buộc. Này Thiện nam! Thí như Kim cang không thể phá hoại, kinh đây cũng vậy, là trụ xứ của tất cả thiện pháp. Này Thiện nam! Thí như gió mạnh không thể trói buộc, tất cả hạnh Bồ-tát trong kinh đây cũng lại như vậy, chẳng bị tất cả phiền não ác pháp trói buộc. Này Thiện nam! Thí như kim cang không thể phá hoại, kinh đây cũng vậy, tuy có người của ngoại đạo tà ác nhưng không thể phá hoại. Này Thiện nam! Như cát sông Hằng không thể tính đếm, nghĩa kinh như vậy cũng lại không thể tính đếm như vậy. Này Thiện nam! Vì các Bồ-tát mà dựng lập

pháp tràng, như phương trời Đế -Thích. Này Thiện nam! Kinh đây tức là thương chủ hướng đến Niết-bàn vậy, như đại đạo sư dẫn dắt khách buông hướng đến biển lớn. Này Thiện nam! Kinh đây nặng vì các Bồ-tát v.v... làm pháp ánh sáng, như nhật nguyệt ở đời năng phá các thứ tối tăm. Này Thiện nam! Kinh đây năng vì chúng sinh bệnh khổ mà làm thuốc tốt, như Dược Vương vi diệu trong núi tuyết năng trị các thứ bệnh. Này Thiện nam! Kinh đây năng làm gậy nhất xiển đề, như người gầy yếu nhân đó mà được đứng dậy. Cho đến này Thiện nam! Kinh đây tức là búa kim cang bén sắc, năng chặt tất cả cây lớn phiền não, tức là dao bén năng nổ tập khí, tức là mạnh mẽ năng xô ngã vua oán, tức là lửa trí, đốt củi phiền não, tức kho tàng nhân duyên sinh ra Bích-chi Phật, tức kho tàng Thanh văn sinh ra người thanh văn, tức là mắt của tất cả các trời, tức là chánh đạo của tất cả mọi người, tức là nơi nương tựa của tất cả súc sinh, tức là nơi ngạ quỷ giải thoát, tức là nơi tôn quý vô thượng của địa ngục, tức là khí cụ vô thượng của mười phương chúng sinh, tức là cha mẹ của chư Phật trong mười phương ở quá khứ, hiện tại và tương lại vậy". Như thế, biết rõ nhất tâm đây là kho tàng tổng trì Niết-bàn bí mật, tán thán như trên nơi muôn đức quy tụ, như có công chỉ mảy may, tùy lý chân như vô tận, sức ngang bằng pháp giới, phước đồng như hư không, đều năng thành tựu Bồ-đề diệu quả vô tác. Nếu chưa tỏ ngộ yếu chỉ đây, giả sử có tiến tu, chỉ thành hữu vi, trọn chẳng đắc đạo, chịu trải qua nhiều kiếp cần khổ tấn tu chỉ thành môn vụng độ, trọn không có sự thắng báo. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Như Tỳ-kheo La tần châu là đệ tử của Xá lợi phất người trì giới tinh tấn đi khất thực suốt sáu ngày mà không có được gì, qua ngày thứ bảy mạng sống thoi thóp còn chẳng bao lâu, có vị đồng đạo khất thực đem lại cho, lại bị chim cắp tha đi, khi ấy Xá- lợi phất nói với Mục kiền liên rằng: "Ông là người có sức thần lớn, nên mang thức ăn này đến cho ông ấy được", Mục kiền liên mang thức ăn đến cho, mới đầu muốn đưa vào miệng, thức ăn biến thành bùn sình. Lại, Xá-lợi-Phất khất thực mang đến cho, thì miệng Tỳ-kheo ấy tự ngậm cứng, cuối cùng Phật mang thức ăn đến cho, do Phật phước đức đủ vô lượng nhân duyên, khiến Tỳ-kheo ấy được ăn. Ăn xong, Tỳ-kheo ấy tâm sinh hoan hỷ lại càng thêm kính tin. Phật bảo Tỳ-kheo ấy rằng: "Pháp hữu vi đều là tướng khổ", và tiếp vì giảng nói pháp tứ đế, Tỳ-kheo ấy liền đó lậu tận ý mở đắc đạo quả A-la-hán". Nên biết phước của tin Nhất thừa, phước đó ngang đồng chân như, công gìn giữ bốn câu, công bằng đại giác. Do đó, trong kinh Lăng già nói: "Phật bảo: "Đại Tuệ! Đây là tánh tự tánh đệ nhất nghĩa tâm của chư Như Lai ứng cúng

chánh đẳng giác ở quá khứ vị lai hiện tại, do tánh tự tánh đệ nhất nghĩa tâm thành tựu đức của thượng pháp chân tâm của Như Lai ở thế gian và xuất thế gian, do đệ nhất nghĩa tâm rốt ráo được phước của Bồ-đề thắng quả thế gian và xuất thế gian".

Hỏi: Muôn pháp duy thức, ở trong các thức, thức nào là cứu cánh?

Đáp: Chỉ thức A-ma-la, ở đây gọi là thức vô cấu tịnh, không có biến đổi khác, có thể là cứu cánh. Luận Tam vô tánh nói: "Thức như như, nghĩa là tất cả các hành chỉ duy là thức. Thức đó có hai nghĩa, nên gọi là như như: một là, gồm không điên đảo, nghĩa là mười hai nhập v.v... tất cả các pháp chỉ duy là thức, lìa ngoài loạn thức, không riêng có pháp khác, nên tất cả các pháp đều thuộc về thức nhiếp. Đó là nghĩa quyết định nên gọi là gồm không điên vô đảo như như. Hai là, không biến đổi khác, rõ loạn thức đây tức là phân biệt y tha, tợ như trần thức hiển bày, do đánh phân biệt trọn không vậy, tánh y tha cũng chẳng có. Hai không sở hữu đó, tức là thức A-ma-la, chỉ có thức đó riêng không biến đổi khác, nên gọi là như như". Lại nói: Tất cả cánh thế gian và xuất thế gian chẳng vượt quá duy thức, lượng cảnh giới như vậy. Duy thức đây do cảnh bên ngoài thành, cảnh bên ngoài đã không duy thức cũng không, cảnh không, thức tướng không sinh là tất cả pháp bình đẳng, đều do như lý vậy, vì hai môn lý lượng thâu hết tánh tướng. Vì thức tướng diệu hữu là môn như lượng. Vì thức tánh chân không là môn như lý. Nếu lý lượng cả hai đều tiêu thì duy chân tánh. Lại, thức A-ma-la có hai thứ: một là sở duyên tức là chân như. Hai là bản giác tức là trí chân như, năng duyên tức chẳng không Như Lai tạng, sở duyên tức không Như Lai tạng. Trong luận Thập nhị môn nói rõ: "Duy thức chân thật biện giải tất cả các pháp, chỉ có tịnh thức, không có năng nghi, cũng không sở nghi. Duy thức có hai: một là, phương tiện, nghĩa là trước quán chỉ có thức A-lại-da không cảnh giới khác, hiện được cảnh trí hai không, trừ vọng thức đã sạch, gọi là phương tiện duy thức. Hai là ,chánh quán duy thức xua tan vọng thức sinh tử hư vọng và cả cảnh tượng, tất cả đều sạch hết, chỉ có A-ma-la tâm thanh tịnh vậy.

Hỏi: Muôn pháp duy thức, Phật có trụ thức chăng?

Đáp: Như A-lại-da, đây gọi là tạng thức, năng chứa tất cả phẩm pháp tạp nhiễm khiến chẳng mất vậy, như ngã kiến, ái v.v... chấp chứa cho là ngã bên trong. Đây nói là chỉ tại loại dị sinh hữu học. A-đà-ua thì đây gọi là chấp trì, nắm giữ chủng tử và các sắc căn, đây gọi chung tất cả vị. Ngã chấp nếu mất tức xả bỏ A-lại-da mà gọi là A-đà-na, gìn giữ

hạt giống vô lậu thì vọng tâm đó diệt, chân tâm hiển hiện thì Phật trụ ở thức vô cấu tịnh. Nên trong kinh nói: "Tâm nếu diệt thì sinh tử hết", tức là vọng tâm diệt, chẳng phải tâm thể diệt. Vì vậy, trong luận khởi tín nói: "Lại nữa, phân biệt tướng tâm sinh diệt có hai thứ khác biệt: một là thô, nghĩa là tâm tương ưng. Hai là tế nghĩa là tâm chẳng tương ưng. Thô của trong thô là trí cảnh của phàm phu. Tế của trong thô và thô của trong tế là trí cảnh của Bồ-tát. Hai thứ tướng đó đều do sức vô minh huân tập mà khởi, nhưng y tựa nhân y tựa duyên, nhân là bất giác, duyên là vọng cảnh, nhân diệt thì duyên diệt, duyên diệt nên tâm tương ưng diệt, nhân diệt nên tâm chẳng tương ưng diệt".

Hỏi: Nếu tâm diệt, vậy làm sao tương tục, nếu tương tục, cớ sao nói là diệt?

Đáp: Thật vậy! Nay nói diệt chỉ là tướng tâm diệt, chẳng phải thể tâm diệt, như nước nhân gió mà có tướng động, do gió diệt nên tướng động liền diệt, chẳng phải thể nước diệt. Nếu nước diệt là tướng động nên đoạn, vì không sở y không năng y vậy, vì thể nước chẳng diệt nên tướng động tương tục. Chúng sinh cũng vậy, do sức vô minh khiến tâm đó động, vô minh diệt tức tướng động liền diệt, chẳng phải thể tâm diệt. Nếu tâm diệt thì chúng sinh đoạn, vì không sở y không năng y vậy. Vì thể tâm chẳng diệt nên tâm động tương tục. Giải thích: Luận nói rõ hai thứ tâm cảnh thô tế đều do sức vô minh huân tập mà khởi, nhưng y tựa nhân y tựa duyên, nhân là bất giác, duyên là vọng cảnh, đó chỉ nghĩa là bất giác tự tâm vọng sinh cảnh bên ngoài, nên biết cảnh không tự tánh, từ tâm mà sinh, hòa hợp mà khởi, nên nói tâm sinh tức pháp sinh, nhân diệt thì duyên diệt vậy. Do thể nước được diệt nên tướng động tương tục là, đó tức sánh với tự thể chân tâm chẳng phải động chẳng phải dừng, nhân gió vô minh nổi mà sinh tử lay động. Nếu lúc gió vọng dứt thì tướng động của tâm liền diệt, chẳng phải thể tâm diệt, vì thể tâm là sở y, muôn pháp là năng y. Nếu không sở y, thì năng y chẳng phải có. Nên biết thể của nhất tâm là y tựa của vạn hữu, giống như thái hư làm thể của muôn tượng. Lại nữa, bản thức có hai nghĩa: một là, nghĩa vọng chấp là sở trụ của phàm phu. Hai là ,nghĩa chân tịnh là sở trụ của hàng bát địa. Phật địa riêng trụ chân như, chỉ gọi là thức vô cấu.

Hỏi: Chư Phật riêng trụ chân như, chỉ gọi là vô cấu, vậy thức vô cấu tịnh là chân tâm thường trụ hay là chư Phật quyết định có tâm quyết định không tâm?

Đáp: Căn cứ thể thì lời mất tứ cú ý tuyệt trăm phi. Căn cứ dụng thì chỉ trí năng rõ, chẳng phải nơi tình kịp. Như trong kinh Hoa Nghiêm

nói: “Phật tử! Tâm Như Lai, ý thức đều không thể được, chỉ nên dùng trí vô lượng nên biết tâm Như Lai”. Xưa trước giải thích: Tâm Như Lai, ý thức đều không thể được là nói về thể ngăn giãi thích vậy chỉ nên dùng trí vô lượng, nên biết tâm Như Lai là gá dụng bày giãi thích vậy. Có Sư nói: “Tâm v.v... có hai: một là nhiễm, hai là tịnh. Phật địa không có tâm lậu nhiễm và tâm sở, mà có tâm phần tịnh và tâm sở. Trong quả vị, trí mạnh thức yếu, nên ở trên tâm vương đề hiển bày không nhiễm”. nói về trí ấy sở dĩ rõ vô lượng, nếu hẳn không vương sở, thì trí y tựa vị nào? Trong kinh nói: “Như Lai thức vô cấu, là tịnh vô lậu giới, giải thoát tất cả chướng, viên cảnh trí tương ưng”, thì có tâm vương rõ ràng vậy. Có Sư nói: “Do không nghĩa của tích tập tư lương v.v... nên nói tâm chẳng phải được, căn cứ trí vô phân biệt để hiển bày vô lượng, chẳng phải không tâm thể”. Hai giải thích trên đều nói rõ tâm ý thức có. Lại nói: “Phật quả, thật không tâm ý, ý thức và các tâm pháp v.v... không thể được, chỉ có đại trí”. Nên nói trí vô lượng nên biết tâm Như Lai. Trong kinh nói: “Chỉ như như và trí như như riêng còn ở Phật địa”. Trong luận nói năm pháp nhất tánh đại giác chỉ một chân pháp giới và bốn trí Bồ-đề, chẳng nói lại và các pháp khác, hai thuyết đócăn cứ không nếu tương trước có chưa tăng thêm,cũng không thễ không lời không thể được nói. Nếu y cứ không sau, chưa khỏi tổn giảm, cũng chẳng thông lời năng biết tâm Phật Đã nói biết tâm Như Lai thì không thể nói là không thể tâm, có thể biết rõ chẳng phải không tâm vậy. Lại nữa, tâm đã là không, trí nào riêng lập, cũng trái với nghĩa Niết-bàn diệt thức vô thường được nghĩa thường. Nếu với hai nghĩa có không mà lấy cả hai cũng chưa khỏi trái nhau, nếu qua lại hết sạch cả hai, chẳng phải thà là tránh hý luận. Như tông sau nói duy như trí là vì tâm tức đồng chân tánh, nên nói duy như, chiếu dụng chẳng mất, nên nói như trí, đâu lìa ngoài tâm mà riêng có như, vậy thì duy như chẳng trái với có. Tông trước lấy thể thuần như nên có tịnh tâm, tâm đã như vậy, có đó sao mất. Vậy biết có của tức chân, chân của tức có, hai nghĩa cùng thành, có không vô ngại chánh là tiêu mất ý kinh. Nói không thể được là vì nghĩa tâm cao sâu, nói không kịp vậy, gá ngăn để hiển bày sâu, nói chỉ do trí biết tâm Như Lai là gá tâm sở gá bày hiển hiện sâu. Thế nào là cao sâu? Muốn nói có đó đồng như tuyệt tướng, muốn nói không đó u linh chẳng hết, muốn cho rằng tình đó không khác tánh sắc, muốn cho rằng không tình không sâu không suốt. Vậy biết tâm Phật tức có tức không tức vương tức sở. Trong tâm chẳng phải có ý, cũng chẳng phải chẳng có ý, trong ý chẳng phải có tâm, cũng chẳng phải chẳng có tâm sở, chẳng phải y tựa ở vương,

cũng chẳng phải chẳng y tựa ở vương, mỗi mỗi đều vậy viên dung vô ngại. Trong Thanh Lương ký giải thích rằng: “Nói thật không tâm có trí, thành lỗi quá tương vi, tâm vương tối thắng còn nói là không, trí không nói y tựa, đâu đáng riêng lập. Như không vua chủ, làm gì có tôi thần?”. Nay trước riêng hợp hai tông, sau thông hợp cả hai tông. Trước hợp ý của tông Pháp tánh nói: tâm tức là như, trí tức là như trí, lìa tâm không như, thì biết có như có đã tâm vậy. So sánh dụng của tức thể gọi là như trí, thể của tức dụng tức là chân như, như một viên minh châu. Thể châu tức là như, minh trí như trí đâu được còn như mất ở tâm vậy. Tông trước do thuần như sau, hợp ý tông Pháp tướng nói: có của tức như, có đâu trái như, như gương tức hư rỗng thì tâm có không lỗi. Vậy biết có của tức chân thông hợp hai tông. Có của tức chân là tông pháp tướng, chân của tức có là tông pháp tánh, hai chẳng lìa nhau mới thành vô ngại tâm Phật thật vậy. Lại nữa. Trong tâm chẳng phải có ý cũng chẳng phải không ý là, chẳng phải có là nghĩa chẳng tức, hai tướng riêng biệt vậy. Cũng chẳng phải chẳng có là nghĩa chẳng lìa, vì không hai thể vậy. Lại, chẳng phải có là vì không hai thể qua lại gồm hết vậy, cũng chẳng phải chẳng có là hai tướng chẳng hoại, lực dụng giao triệt vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 34

Hỏi: Phàm cảnh thức đều xua bỏ, chúng sinh giới không, vậy chư Phật rốt ráo thành được pháp gì?

Đáp: Tất cả hàng dị sinh nhân thức đối cảnh, ở trong sinh tử vọng sinh chấp trước, khởi thường, v.v... bốn thứ điên đảo. Hạng người nhị thừa ở trong Niết-bàn vọng cầu giải thoát, khởi vô thường v.v... bốn thứ điên đảo, chư Phật Như Lai nhân cảnh thức đều không. Năng lìa tám thứ điên đảo, thành được chân thường lạc ngã tịnh, bốn Ba-la-mật. Trong luận Thật tánh nói: "Y tựa hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có tịnh Ba-la-mật: một là, xưa nay tự tánh thanh tịnh, vì đồng tướng vậy. Hai là, lìa cấu thanh tịnh, vì thắng tướng vậy. Có hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có ngã Ba-la-mật: một là xa lìa các biên ngoại đạo, vì lìa hý luận ngã hư giã vậy. Hai là,xa lìa các biển thanh văn,vì lìa hí luận vô ngã.. Có hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có lạc Ba-la-mật: một là, xa lìa tất cả khổ, hai là, xa lìa tất cả phiền não tập khí. Có hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có thường Ba-la-mật: một là chẳng diệt tất cả các hành hữu vi, vì lìa biên đoạn kiến vậy. Hai là chẳng thủ Niết-bàn vô vi, vì lìa biên thường kiến vậy. Trong kinh Thắng Man nói: "Thế Tôn thấy các hành vô thường là đoạn kiến, chẳng phải chánh kiến". Vọng tưởng thấy nên thành thấy như vậy. Do đó Như Lai chỉ chứng kho tàng bốn đức Niết-bàn bí mật vậy.

Hỏi: Đã là kinh nói thấy các hành vô thường là đoạn kiến chẳng phải chánh kiến, thấy Niết-bàn thường là thường kiến chẳng phải chánh kiến. Vậy cớ sao trong giáo nói hoặc nói vô ngã hoặc nói ở ngã, há chẳng trái nhau ư?

Đáp: Phàm, nói thường là vô thường. Ngã và vô ngã, chỉ nói hình vết đều là phương tiện. Do đó, trong Triệu Luận nói: "Bồ-tát ở trong chấp thường, diễn nói giáo chẳng phải thường, vì lúc Đức Phật mới ra đời bèn muốn nói diệu môn viên thường, Phật tánh của chân ngã, vì tất cả ngoại đạo đều chấp thần ngã, khắp mười phương giới, khởi

ở thường kiến. Nếu nói chân thường lạc ngã tịnh, sợ lạm với tà giải, chỉ một lúc phải xuống tình trần nên nói vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Lại hàng Nhị thừa và Quyền giả Bồ-tát không biết yếu chỉ của chư Phật, chấp môn phương tiện, vội vàng thủ chứng, đều trụ ở lý vô ngã, cho là rốt ráo. Đức Thế Tôn lại xót thương không thấu đạt đó, bèn mới nói đủ thường lạc ngã tịnh. Nếu có ở trung thuyết rốt ráo này thấy rõ chân ngã Phật tánh, người cầy trùng bụi rành rẽ không mê hoặc, còn chẳng trụ ở trong đạo, đâu lại thấy có thường, vô thường, ngã, vô ngã, loạn nhiễu của nhị kiến ư? Hoặc nếu tuy lìa nghe tên của thường lạc ngã tịnh, chỉ thành giải hiểu của thường lạc ngã tịnh, tùy nói sinh thấy, mê mờ tự chân tâm thì thuốc của ngã vô ngã thành bệnh của ngã vô ngã. Nên biết chân ngã khó biện rành, chẳng phải chứng không rõ ràng. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thí như hai người cùng làm bạn thân, một người là vương tử, một người là nghèo hèn. Hai người ấy qua lại với nhau. Bấy giờ người nghèo hèn thấy vương tử có một con dao đẹp đệ nhất, trong lòng khởi sinh tham đắm. Sau đó vương tử nắm con dao đó lánh đến nước khác, từ đó về sau người nghèo hèn lại đến nhà người khác ngủ nhờ qua đêm, trong lúc ngủ say mộng mớ nói "dao, dao", người bên cạnh nghe vậy, bắt đưa đến nơi vua. Vua hỏi: "Ngươi nói dao là từ nơi nào mà có được ư". Người nghèo hèn đem sự việc trên thuật tâu lên vua đầy đủ, và nói: "Nay vua nếu có mổ xẻ thân tôi phân vạch tay chân, muốn tìm được dao, thì thật là không thể được, tôi cùng vương tử vốn là bạn thân, trước kia cùng ở một nơi, tuy từng chính mắt tôi thấy, nhưng chẳng dám đưa tay xúc chạm lấy, huống gì là đang cố giữ". Vua lại hỏi: "Lúc khanh thấy dao, tướng mạo nó thế nào?". Người ấy đáp: "Đại vương! Theo chỗ tôi thấy thì giống như sừng dê". Vua nghe nói vậy rồi, vui mừng cười mà bảo: "Nay tùy ý muốn đi đâu thì đi, chớ sinh lo sợ, trong kho tàng của ta đều không có loại dao đó, huống gì ông chỉ mới thấy ở bên vương tử". Khi ấy vua liền hỏi quần thần rằng: "Các ngươi từng thấy con dao như vậy chăng?". Nói xong vua bèn băng hà, sau đó lập người con khác lên nối tiếp vương vị. Vua mới lên ngôi đó lại hỏi Phụ tướng: "Các khanh từng ở trong kho tàng có thấy con dao ấy chăng?". Các bề tôi đáp: "Chúng tôi đã từng thấy". Vua lại hỏi: "Tướng trạng nó thế nào?". Đáp: "Đại vương! Giống như sừng dê vậy". Vua bảo: "Trong kho tàng của ta, nơi nào đang có con dao tướng trang như vậy". Mãi đến đời vua thứ tư, kiểm xét tìm kiếm không được, sau đó một thời gian, vị vương tử trước kia lánh đi từ nước khác trở về đến nơi quê cũ, lại được làm vua, sau khi đã lên vương vị, lại hỏi quần thần

rằng: “Các ngươi có thấy dao chăng?”. Quần thần đáp: “Đại vương! Chúng tôi đều thấy”. Vua lại hỏi: “Tướng trạng dao đó thế nào?”. Đáp: “Đại vương! Sắc sao sáng sạch như hoa ưu- bát- la”. Lại có người nói: “Hình nó như sừng dê”. Lại có người nói: “Sắc dao hồng đỏ như đóm lửa”. Lại có người đáp: “Giống như rắn đen”. Khi ấy vua cười lớn, mà bảo: “Các khanh thảy đều hẳn không thấy tướng chân thật con dao của ta”. Này Thiện nam! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy xuất hiện nơi đời nói thật tướng ngã, nói rõ bỏ đi, dụ như vương tử gìn giữ dao sạch đẹp lánh đi đến nước khác. Người ngu phàm phu nói: “Tất cả có ngã có ngã” là như người nghèo hèn kia đến ngủ nhờ nơi nhà người khác mà mớ nói dao, dao. Các Thanh văn Duyên giác hỏi các chúng sinh: “Ngã có tướng gì?”. Đáp: “Tôi thấy ngã tướng như ngón tay cái lớn”, hoặc nói như hạt gạo, hoặc nói như hạt cỏ. Hoặc nói ngã tướng trụ trong tâm rực rỡ như mặt nhật, chúng sinh không biết ngã tướng như vậy dụ như các bề tôi không biết tướng dao. Bồ-tát nói ngã pháp như vậy, phàm phu không biết phân biệt các thứ vọng làm ngã tướng, như hỏi tướng dao thì đáp tợ như sừng dê, các phàm phu như vậy, nên Đức Như Lai xuất hiện nói pháp vô ngã, dụ như vương tử nói cùng quần thần là trong kho tàng của ta không có dao như vậy. Này Thiện nam! Ngày nay Đức Như Lai giảng nói chân ngã, gọi là Phật tánh, Phật tánh như vậy, trong Phật pháp ta dụ như dao sạch. Này Thiện nam! Nếu có người phàm phu hay khéo giảng nói tức là tùy thuật Phật pháp vô thượng. Nếu có khéo hay tùy thuận phân biệt tuyên nói, phải biết hạng đó tức là tướng mạo Bồ-tát”.

Hỏi: Bình đẳng không môn là đại chỉ của Nhất tâm, đã thiện ác không ngằn mé,Thánh phàm đều tròn đầy. Cớ sao lại có thọ nhận đượm nhuần sai khác, khổ vui chẳng đồng đều?

Đáp: Muôn sự tự do người dời lấy, duy tâm một lý không khuyết, thiện ác chỉ tự niệm sinh, quả báo sao từ kẻ khác được, như Pháp sư Truyền Áo nói: “Chỉ vì bên trong có ác nghiệp thì bên ngoài cảm với tà ma, nếu bên trong khởi tâm thiện thì bên ngoài gặp ngay chư Phật”. Đó thì thiện ác tại mình, chớ do ở người khác thay? Vì vậy Tây Thi mến sông, Mô mẫu ghét gương, thật là si vậy. Vả lại, quân tử còn tìm cầu ở chính mình mà không oán trời trách người, huống gì Bồ-tát ư? Nếu năng tin sâu chắc đàm nói đây thì có thể rỗng tâm tuyệt tưởng chóng vào pháp không vậy. Nên trong luận Khởi Tín nói: “Hoặc có chúng sinh không sức thiện căn thì bị các ma ngoại đạo quỷ thần hoặc loạn, hoặc trong lúc đang ngồi, hiện hình khủng bố, hoặc hiện tướng nam nữ đoan

chánh v.v... phải niệm cảnh giới duy (chỉ), thì sẽ diệt mất trọn không bị não loạn", vậy biết bật thánh giả chánh, tâm chánh tức là thánh, nên nói tâm chánh có thể dùng trừ tà, như nhật nguyệt đứng ngay giữa trời thì cây cỏ không hình bóng cong vẹo. Nên biết tâm đây là vườn nhà của phàm thánh, là nguồn gốc của căn cảnh, chỉ vì phàm phu chấp làm thức A-lại-da mà thành nhân của sinh tử khổ não bật, thánh thấu đạt là Như Lai tạng tâm nên hưởng thọ quả Niết-bàn thường lạc. Nếu nói thức A-lại-da thì có danh mà không thể, vì tình chấp cố chẳng phải rốt ráo vậy. Ngay lúc chứng thánh, danh ấy liền bỏ. Nếu nói Như Lai tạng tâm thì có danh có thể, vì vốn có chẳng phải chấp vậy, đến suốt tương lai chẳng đoạn diệt vậy. Như lấy vàng làm vòng, tướng vòng hư rỗng thể vàng hiện bày như lai tạng làm thức lại da, tướng lại-da rỗng,tánh tạng hiện. theo Nay chúng sinh vì tùy tình chấp sâu nặng, phần nhiều nhận A-lại-da, chẳng tin có Như Lai tạng, không tin nên tự đã khinh mạn, lại hủy diệt người khác, tội lỗi phỉ báng pháp không gì hơn mất đó, niệm niệm mờ tối tánh pháp giới Như Lai, bước bước tạo nhân nghiệp quả chúng sinh, nghiệp ác ngày mỗi mới, duyên khổ nhiều vô tận. Ở nơi an ẩn mà sinh tâm suy não, hướng đến trong giải thoát mà thành kết quả trói buộc. Nhận chịu hình thể miệng lửa cổ kim, trải qua nhiều kiếp đói khát thiêu đốt, làm thân mang lông đội sừng, chạm mắt toàn lưới võng chằng chịt, hoặc đọa vào ngục Vô gián, ôm chịu khổ cùng cực mà thường ở nơi xe lửa, hoặc sinh trong cung A-tu-la khởi dậy đấu tranh mà luôn mưa dao kiếm, hoặc tạm ở nơi cõi người, chỉ trong sát- na mà tám thứ khổ nung nấu, hoặc chợt sinh ở cung trời bỗng nhiên mà năm tướng suy vùi lấp sa đọa, lâu dài chìm đắm ba chướng, chẳng ra khỏi bốn ma, đều vì không biết Như Lai tạng tâm, mất diệu tánh duy thức, trái với cha lành chân thật, rong ruỗi làm kẻ thuê mướn ở phương ngoài, bỏ vua đại trí, nương theo đến nước khác. Vì vậy, chư Phật lấy làm sợ vào nhà lửa, Tổ sư từ Tây vức lại chỉ bày quay về thân mà chẳng quay về, bày chánh kiến mà chẳng thấy, đều vì nơi tạng thức huân từ vô thủy bền chắc, tình chấp sâu dày mà như bờ băng muôn lớp, căn si sâu mà tợ phòng tối ngàn trùng. Nay đây sưu tầm rộng yếu chỉ sâu mầu, chẳng ngại văn nhiều, hòa hợp với vi ngôn của ngàn thánh, thấu suốt bí thuyết của trăm nhà, không một pháp nào chẳng thuận, năng thành môn hiếu nghĩa, không một niệm nào chẳng hòa, đều là đạo vô thánh, thì sáu nhập không tụ rốt ráo không người, trong nhà năm ấm chợt nhiên rỗng lãng. Vì vậy, trong không chỗ làm ngoài chẳng chỗ nương, ngoài không chỗ nương nên muôn hữu chẳng thể gông buộc, trong không chỗ làm nên ngàn lự

chẳng thể rong ruổi, bèn được lắng biên cương Phật, tuyệt một trần mà làm loạn, khuôn phép nước nhà, không một cảnh nào chẳng hàng, có thể gọi là hợp tánh trời ở thời nay lại khôngcó giống khác. Định cha con ở ngày nay chỉ, nếp nhà của ta. Như trong kinh Ương-quật-ma-la nói: "Thường hưởng thọ tất cả khoái lạc của trời người, dòng tộc ưu thắng thảy đều bày đầy đủ. Đó là do nghe biết tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng thường trụ vậy. Cho đến các chúng sinh kia ở quá khứ tương lai và hiện tại sinh trong ngũ thú các chi tiết chẳng đầy đủ luân chuyển sinh tử chịu tất cả khổ, đó là do khinh mạn Như Lai tạng vậy?

Hỏi: Chỉ rõ nhất tâm chẳng cầu các pháp, tiếp nối làm ngời sáng Tam bảo, tự hành chỉ dạy kẻ khác, có đắc quả vị diệu giác viên mãn chăng?

Đáp: Giác tâm không biến đổi thì mở thấy biết của Phật, thấy biết của Phật mở thì không sâu tối nào chẳng trông nhìn, tướng không hai, mắt Phật trông thấy. Đạo một thật, trí Phật rõ biết, chiếu cùng ngằn mé của pháp giới, suốt tận cùng đáy của chân nguyên, trên thành chư Phật, dưới hóa độ chúng sinh, không gì chẳng do đây, tự tha đều lợi. Phàm, muốn tu hành chân chánh mà chẳng quy hướng Tông kính thì đều đọa lạc tà tu, hoặc kẹt ở quyền tiểu, chánh nghĩa của tông kính đây, quá khứ mười phương chư Phật ở đây tu tròn đủ đã thành, hiện tại tất cả chư Phật trong thành, tương lai tất cả chư Phật sẽ thành. Quá khứ tất cả Bồ-tát đã học, hiện tại tất cả Bồ-tát đang học và vị lai tất cả Bồ-tát sẽ học. Do đó, trong luận Khởi Tín nói rõ: "Phải trước chánh niệm pháp của chân như". Trong Thạch Bích Sao nói: "Nghĩa là tất cả hạnh môn đều từ chân như khởi nên, vì là hành nguyên vậy, chẳng phải hành của chân lưu, không vì khế hợp chân, sao có hành của khế hợp chân chẳng từ chân khởi". Đó là căn bản của trong tin pháp vậy. Do đó, muôn duyên khởi nên, khởi từ chân như, nơi hợp duyên vào, vào ở chân như. Bồ-tát phát tâm, trước niệm chân như, Bồ-tát khởi tin cũng trước tin chân như, sở hành của Bồ-tát cũng khế hợp chân như.

Lại hỏi: Thế nào là tướng tin chân như?

Đáp: Chẳng tin tất cả pháp là tướng tin chân như, vì trong lý chân như vốn không các pháp, nếu thấy các pháp là có, là tin các pháp, chẳng tin chân như. Vì vậy, xưa trước không gieo trồng nhân duyên chủng tử nhất thừa Bồ-đề rộng lớn, rốt cùng khó khởi tin, nên Tổ sư có bài tụng rằng: "Duyên lớn cùng tin hợp, hoặc được vào Tông kính". Vậy biết chẳng phải duyên nhỏ vậy. Như trong kinh Lăng-già nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ: nhiếp thọ chư Phật Bồ-tát Duyên giác

Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Nhiếp thọ tất cả chúng sinh thì nhiếp thọ chánh pháp, nhiếp thọ chánh pháp thì giống Phật chẳng đoạn tuyệt. Giống Phật chẳng đoạn tuyệt thì năng rõ biết được nhập xứ thù thắng. Biết được nhập xứ thù thắng, Bồ-tát Ma-ha-tát thường được hóa sinh, dựng lập Đại thừa, mười sức tự tại hiện các sắc tượng, thông đạt các tướng hình loại chúng sinh, phiền não hy vọng mong cầu, như Phật mà giảng nói pháp". Như thật là chẳng khác, như thật là tướng chẳng lại chẳng đi, tất cả hư ngụy dứt bặt, đó gọi là như thật. Lại nói: Phật bảo: chỉ giác hiện lượng của tự tâm, vọng tưởng chẳng sinh, an ẩn khoái lạc, việc đời trọn dứt". An ẩn khoái lạc thì tịch tĩnh diệu thường, việc đời trọn dứt thì phan duyên đã đoạn, có thể gọi là gặp được kho báu tròn đầy thì chóng dứt sự mong cầu. Đến Niết-bàn thường lạc càng không có nơi để đến, là ngằn mé của thánh phàm, như về đến quê nhà, là nơi nương tựa của mê ngộ đã tận cùng gốc rễ. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Kho báu kim cang, không khuyết giảm gì?". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: "Các thứ biến hóa vô lượng sức. Tất cả thế giới đồng bụi trần, muốn đều thấu đạt từ tâm khởi, Bồ-tát dùng tâm mới phát đây". Trong phẩm Bản tế không tướng, tên ở không tướng. Tên tướng đã lập, vọng hoặc bèn sinh. Lý nhất chân lắng, sự đạo tông ẩn. Do đó, chất phác của không tên thông khắp tất cả, không thể đặt gọi, quá hạn lượng giới một thể không hai". Nên trong kinh nói: "Sum la và muôn tượng sở ấn của một pháp tức là bản tế vậy". Nhưng lý của bản tế không tư không tha, chẳng phải một chẳng phải khác, bao hàm một khí gồm vào muôn hữu, nếu lại có người tự tánh thanh tịnh bao hàm một mà sinh, trong không vọng tưởng tức gọi là thánh nhân, nhưng trong thật tế cũng không pháp Thánh nhân, như số vi trần mà có khác vậy. Nếu lại có người tự tâm thanh tịnh bao hàm một mà sinh, trong có vọng tưởng tự nhiên đục loạn, thì gọi là phàm phu, nhưng trong thật tế không có pháp phàm phu như số vi trần mà có khác vậy. Nên trong kinh nói: "Phật tánh bình đẳng rộng lớn khó lường, phàm Thánh chẳng hai tất cả viên mãn, hoặc khắp cùng cây cỏ, đủ đầy trùng kiến, cho đến bụi trần lông tóc không gì chẳng bao hàm một mà sinh. Nên nói: Nếu rõ biết một, muôn sự hoàn tất vậy. Vì thế, chúng sinh đều nhân một mà sinh, nên gọi là nhất thừa, nếu mê đó thì khác, giác ngộ đó thì một, nên nói niệm trước là phàm, niệm sau tức thánh. Lại nói: Một niệm biết tất cả pháp, do vì một tức tất cả, tất cả tức một, nên nói dùng pháp của một, công thành muôn tượng. Nên trong kinh nói: "Tất cả nếu có tâm tức mê, tất cả nếu không tâm tức khắp mười phương", nên chân nhất muôn sai,

muôn sai chân nhất. Thí như biển vọt ngàn sóng, ngàn sóng tức biển, tất cả đều không có khác, cho đến tất cả muôn vật bao hàm một mà sinh, tức muôn vật kia cũng là một vậy. Tại sao? Vì gốc một nên ngọn thì không khác, thí như cây đàn mọc cành đàn, chẳng phải cây thông vậy. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng: "Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất thừa". Nhất thừa tức là nhất tâm vậy. Tất cả muôn hữu mười phương hư không đều từ hạt giống của nhất tâm chân như hiện nên, như cây đàn sinh cành đàn, cây lan sinh lá lan. Cho đến gốc ngọn trong ngoài không có tướng khác. Nên nói một tức tất cả, tất cả tức một, nếu có khả năng như vậy, nào phải nghĩ nơi chẳng hoàn tất, nếu có khả năng như vậy thì rốt ráo viên thông. Ngoài đây ra thì không một pháp nào chẳng rõ, chỉ không lý nào mà chẳng sáng, không sự nào mà chẳng cùng tận, vì một pháp năng thành tất cả pháp vậy. Như trong Hoa Nghiêm sớ nói rằng: "Nếu vào quán pháp đây thì trí và tâm tương ưng. Vì là nhân do tâm học, quả là tâm thành, cảnh do tâm hiện, giải do tâm khởi. Phân vị thần thông là tâm, lực dụng tạo tác là tâm, hiện khởi phân biệt là tâm, quyết chọn sở đắc là tâm, cho đến tìm cầu tri thức, tạo tới cõi Phật thảy đều là tâm, ngoài tâm không đắc, nơi nào nghi ngờ ư? Nên biết tâm dơ cấu thì tướng Ta-bà hiện, tâm thanh tịnh thì hoa tạng bao hàm không, xoay chuyển mà luôn khởi bánh xe thức, xen lưới mà chẳng phải lìa tâm võng. Nên hải tràng chẳng khởi tịch định mà rộng làm môn Phật sự khắp mười phương, Thiện Tài không ra khỏi đạo tràng mà trải khắp pháp cả một trăm mười thành. Vì vậy, Văn thù tức tự tâm năng chứng diệu tuệ, Thiện Tài đến nơi Di lặc nhất tâm Phật quả tròn đầy sau, liền khiến thấy Văn thù, nhân vị sắp cùng cực nên khiến soi chiếu lại nguồn tâm, lại không có khác, chưa khởi động niệm, trở lại phỏng hỏi Văn thù, chẳng thấy thân đó là chỉ rõ tự tâm không là Bát nhã vậy, đó là thật thấy Văn thù, Phổ Hiền là diệu hạnh vô tận là sở chứng pháp giới của tự tâm. Thiện Tài tuy đi khắp pháp giới thanh học ở các thiện hữu, muốn thấy Phổ Hiền chẳng nhờ chỉ bày riêng bèn ở nơi hội đầu mới thàn trước tòa Như Lai mà khởi niệm cầu, tùy tâm liền hiện. Phổ Hiền ở trước Đức Như Lai mới đầu không động đổi thay. Đó là hiển bày quán tâm chân chánh tức thấy tướng hiếm lạ. Thấy nghe chứng vào do thấy tướng trước, tức là thấy tâm. Vì vậy, thân tướng Phổ Hiền như hư không khắp tất cả xứ. Nên vì Bồ-tát Phổ Nhãn v.v... vào trăm ngàn môn Tam- muội cầu tìm Phổ Hiền mà không thấy, chỉ nghĩa là lìa niệm vào định nhàm cảnh cầu chân, không biết trần trần là Văn thù, niệm niệm là Phổ Hiền. Vì vậy chỉ một mình Thiện Tài vận dụng

bi trí mà ngang khắp mười phương, tu nguyện hạnh mà dọc cùng tam tế, từ trước đến sau, nhân đầy quả tròn. Hiển bày rõ nhất tâm lấy làm khuôn mẩu, gồm nhiếp tất cả, mới bắt đầu hành Bồ-tát. Mọi người quán hành đều phỏng học đó tu, lìa quán tâm đây riêng không thù thắng. Cho đến lục độ vạn hạnh, nếu chẳng rõ tự tâm, đều thành quyền tiệm. Quả quy về sinh diệt, báo ở trong trời người. Nếu năng vận tâm thì phước tuệ vô tận. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Bồ-tát Ma-ha-tát biết thật tướng các pháp, không lấy không bỏ, không chỗ phá hoại, hành Bát nhã Ba-la-mật không thể được, dùng tâm đại bi trở lại tu phước hạnh. Môn đầu tiên của phước hạnh là trước hết thực hành bố thí. Bồ-tát hành Bát nhã Bà-la-môn trí tuệ sáng lợi, năng phân biệt phước htí. Vật thí tuy đồng, mà phước đức có ít nhiều là tùy do tâm hơn kém. Như Xá- lợi- Phật đem một bát cơm dâng lên cúng Phật. Phật lại đem cơm ấy cho chó ăn, mà hỏi Xá lợi Phất rằng: "Ông đem cơm dâng cúng ta, ta lại đem cơm đó cho chó. Như vậy, ai được nhiều phước?". Xá- lợi -phất thưa: "Theo con hiểu nghĩa Phật pháp thì Phật đem cơm đó cho chó ăn là được nhiều phước". Xá- lợi Phất là bậc trí tuệ tối thượng trong tất cả mọi người, mà ruộng phước của Phật rất là đệ nhất, chẳng bằng Phật thí cho chó là ruộng xấu vậ mà được phước rất nhiều. Do đó nên biết phước lớn từ tâm sinh, chẳng tại ở ruộng vậy. Như- Xá -lợi Phất gấp bội ngàn ức vẫn chẳng kịp tâm Phật.

Hỏi rằng: Như ông nói ruộng phước tốt nên được chẳng kịp tâm Phật, Xá lợi Phất cúng dường Phật nhưng không được phước lớn là tại sao?

Đáp: Ruộng đất tuy là được phước nhiều, mà chẳng bằng tâm. Tại sao? Tâm là chủ bên trong, ruộng là sự bên ngoài. Trong kinh Bồ-tát Bản Duyên có kệ tụng rằng: "Nếu lúc hành tuệ thí, ruộng phước tuy chẳng sạch năng sinh tâm rộng lớn, quả báo không thể lường". Nên biết phước từ tâm sinh, chẳng phải từ ruộng ra. Riêng thỉnh năm trăm vị A-la-hán chẳng bằng theo thứ tự thỉnh một vị phàm tăng. Tại sao? Vì tâm bình đẳng ưu thắng. Tâm lấy bỏ phước kém nhỏ, thì hơn kém do tâm, đâu tại ruộng ư? Thí pháp đã vậy, lục độ vạn hạnh cũng vậy. Do đó, trong Thanh Lương sao nói rằng: "nhân gồm biển quả, quả suốt nguồn nhân". Vì nêu quả do ở tin mới đầu, tin y tựa bản trí mà khởi, nay chẳng lìa bản trí, nên đó là do nhân mà thành quả, nhiếp quả báo đáp nhân. Nhưng, nhân có hai thứ: một là ,nói về bản hữu, tức hằng sa tánh đức tin hiểu hạnh nguyện v.v... không gì chẳng đầy đủ. Hai là căn cứ tu khởi, nghĩa là y tựa đức vốn tin mà khởi tâm tin, y tựa đức vốn hiểu mà khởi

tâm hiểu. Như trong luận Khởi Tín nói: "Vì biết pháp tánh không xan tham nên tùy thuận tu hành Đàm Ba-la-mật v.v... mỗi mỗi tu khởi đều mang theo bản hữu đều lại đến quả, không gián cách giữa đường một thời chóng viên mãn, trong đạo giải thoát, nhân quả suốt cùng, gọi là đắc quả. Quả cũng có hai: một là bản hữu Bồ-đề Niết-bàn, tất cả Phật tánh bản giác đầy đủ vậy. Hai là tu khởi nay chứng Bồ-đề thỉ giác tỏ ngộ vậy. Thủy giác đồng bản, không có khác giữa thủy và bản, gọi là cứu cánh giác hai quả vô ngại. Nhưng hai nhân vốn từ trên thể bản giác khởi lại thì hai nhân cùng bản quả vô ngại. Thủy giác đã đồng với bản giác, thì quả toàn cầu đồng ở hai nhân, thì hai nhân cùng hai quả giao triệt, nên nhân gần biển quả, quả suốt nguồn nhân. Lại nữa, lúc mới phát tâm bèn thành chánh giác, là nhân gần quả vậy". Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Thiện Tài phát tâm trong một niệm, chóng thành không năng sở, rõ tánh ba đời, tánh tuyệt xưa nay, tự giác tự tâm xưa nay là Phật, chẳng thành chánh giác, chẳng chứng Bồ-đề, thân tâm tánh tướng không có tu chứng, chẳng thành chẳng hoại xưa nay như vậy. Tùy duyên động tịch chẳng hoại có không, các thành sở hành đều chỉ trí khởi". Yếu chỉ của Tông kính đây là chỗ biết của trí khéo léo, chỗ tin của tâm rộng lớn. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết các thứ sở duyên của tất cả chúng sinh, chỉ là một tướng đều không thể được, tất cả các pháp đều như, trí kim cang khéo léo. Do đó, trên đến địa vị diệu giác cực thánh, giữa khắp các môn tu hành của Bồ-tát đại quyền, dưới đến tận đáy địa vị của phàm phu sinh tử, đều đồng một tâm không có cao thấp. Mê đó thì tự đọa, ngộ đó thì tự thăng, mê ngộ tợ khác chân tâm chẳng đổi, các bậc Cổ đức nói: "Chẳng tấc vuông gương hư phụ tánh linh". Lại nói: "Tự mình chẳng tỏ sáng, thì là luống, nhận thọ các vật". Mở bày như vậy, chẳng phụ cơ trước, dao thật gìn giữ kho vua, được chánh vị của Tuyết sơn, người chứng tin hiểu vào, tiếp nối làm ngời sáng ngay Bảo vương, người thấy nghe tùy hỷ, năng thành Phật chủng. Ân đó khó báo, chẳng ngang bằng tầm thường, đảm nhận vai mang đầu đội suốt trong số kiếp như cát sông Hằng, cũng chẳng thể báo đáp được ân của một câu, kính ngưỡng tư duy về người cầu pháp xưa trước, như Đức Thích-ca Văn v.v... gieo mình vào lửa lớn, kiểng chân giữa rừng sâu, chẻ cốt lột thân, bóc da chích máu, cho đến Thường Đề đến phương Đông thưa thỉnh, Thiện Tài lại phương Nam cầu tìm, bậc sĩ vì pháp quên thân. Nay khuyên hàng hậu học sinh tâm ân trọng, chớ được tự khinh rỗng ném rất quanh cảnh.

Hỏi: Diệu minh chân tâm là một chỉ của giác vương, lý tuy viên

đốn mà chánh giác khó thành, lại mong cầu môn khéo léo, có trùng chứng tin của tương lai chăng?

Đáp: Trước đã dẫn pháp nói, nay lại dùng thí dụ để tỏ sáng Tông kính đây. Nhất tâm là tự tánh của các pháp, như một hạt châu có tám vạn bốn ngàn lỗ, vào một lỗ toàn thân thể châu, tợ một vầng nguyệt, ảnh hiện tất cả sông, mỗi mỗi ảnh chẳng lìa vầng nguyệt. Lại, như phân chiên- đàn trắng miếng miếng mà mùi hương gốc chẳng khác, như trải dương xanh khiến xứ xứ sắc xuân đều đồng. Vậy thì một pháp sáng tỏ tâm, muôn duyên như các ngón trên lòng bàn tay, rõ ràng pháp dụ, có thể hếtnghi ngờ.

Hỏi: Phàm nói nêu tông là trình bày ngay chánh nghĩa, sao phải dẫn dụ rộng đủ nhiều văn?

Đáp: Vì người chưa ngay đó chóng ngộ, không thể không phương tiện. Như trong luận Phương tiện tâm nói: "Nếu căn cứ thí dụ là phàm thánh đồng hiểu, sau đó có thể nói, như nói tâm đó động phát giống như gió nhanh, tất cả phàm phu đều biết gió động vậy, bèn được quyết rõ tâm là khinh tháo. Nếu như không biết, thì không được làm thí dụ.

Hỏi: Cớ sao chẳng chỉ nói chánh nghĩa mà nói thí dụ vậy?

Đáp: Phàm nói thí dụ là vì rõ chánh nghĩa. Lại nói: Phàm muốn lập nghĩa phải y tựa bốn thứ thấy biết. Những gì là bốn? Một là hiện thấy, hai là so sánh biết, ba là thí dụ biết, bốn là theo Kinh giáo. Lại nữa, trong kinh Pháp Hoa nói: "Người trí có thể do thí dụ mà được hiểu". Nay chỉ lấy hiểu chánh tròn sáng, chẳng phải luận bàn pháp nói thí dụ nói. nếu chẳng ngộ đạo nhọ chấp dứt tuyệt lời, nay điều nói đều là lời nâng tông xướng đạo, thuyết cùng nguyên cực diệu. Như nói muôn câu nói phiếm chẳng bằng một câu diệu lý, ngàn bậc mắt cá chẳng bằng tấc thẳng minh châu. Phàm, một câu diệu lý tức là lời của Tông kính vậy. Lời đó có thề biện giải mà tự thông không thể hiểu mà tự giải thích. Do đó nói: "Lời thiện chẳng biện giải, biện giải lời chẳng thiện".

Hỏi: Yếu chỉ Phật khai mở giáo đốn tiệm, thiền môn phân tông Nam Bắc, nay xiển dương đây y tựa Tông giáo nào?

Đáp: Luận kiến tánh minh tâm đây chẳng rộng phân tông phán giáo, riêng nêu ngay và đốn ngộ viên tu, cũng chẳng lìa nơm lưới mà cầu giải thoát, trọn chẳng chấp văn tự mà mê bản tông. Nếu y tựa giáo là Hoa Nghiêm tức bày văn nhất tâm rộng lớn. Nếu y tựa tông tức Đạt-ma, hiển bày thẳng yếu chỉ tâm tánh chúng sinh như Thiền sư Tông Mật lập ba tông ba giáo, hòa hợp tổ giáo, nhất tế dung thông. Ba tông của Thiền đức: một là, tông dứt vọng tu tâm, hai là, tông hết tuyệt vô

ký, ba là, tông hiển bày thẳng tâm tánh. Ba thứ giáo: một là, giáo mật ý y tựa tánh nói tướng, hai là, giáo mật ý phá tướng hiển bày tánh, ba là, giáo hiển bày chân tâm tức tánh. Trước thuật về thiền tông. Thứ nhất, dứt vọng tu tâm là nói chúng sinh tuy vốn có Phật tánh mà từ đó vô thủy vô minh che lấp đó không thấy nên luân hồi sinh tử, chư Phật đã đoạn dứt vọng tưởng, thấy tánh rõ ràng ra khỏi sinh tử, thần thông tự tại, phải biết phàm thánh công dụng chẳng đồng. Cảnh bên ngoài do tâm vậy, mỗi có phân hạn nên phải bỏ trái cảnh quán tâm diệt dứt vọng niệm, niệm hết thức giác, không đâu chẳng biết, như gương mờ tối bởi bụi trần, bụi hết thì sáng hiện, phải tu thiền quán xa lìa náo tạp, điều hơi thở điều thân. Tâm chuyên chú một cảnh v.v... Thứ hai, hết tuyệt vô ký là nói các pháp phàm thánh v.v... đều như mộng huyễn, đều không sở hữu, xưa nay không tịch, chẳng phải nay mới không, tức trí của thấu đạt không đây cũng không thể được, pháp giới bình đẳng không Phật và chúng sinh. Pháp giới cũng là giả danh, tâm đã chẳng có, ai nói pháp giới? Không tu chẳng tu, không Phật chẳng Phật, nếu có một pháp ưu thắng hơn Niết-bàn, ta nói cũng như mộng huyễn, pháp giới có thể câu thúc, không Phật có thể làm, phàm có làm gì đều là mê vọng. Như rõ đạt xưa nay không việc gì không tâm không chỗ cậy, mới khỏi điên đảo, mới thành giải thoát. Thứ ba, hiển bày ngay tâm tánh, là nói tất cả các pháp, hoặc có hoặc không đều chỉ chân tánh không tướng vô vi, thể chẳng phải tất cả, nghĩa là chẳng phải phàm, chẳng phải thánh. Nhưng, dụng của tức thể, nghĩa là năng phàm năng thánh v.v... chỉ bày ở trong, tâm tánh lại có hai thứ: một là, tức nay năng nói năng động tác tham sân từ nhẫn tạo thiện ác nhận chịu khổ vui v.v... tức là Phật tánh của ngươi, tức xưa nay đó là Phật, trừ đó ra không riêng có Phật, rõ thiên chân đó tự nhiên vậy, không thể khởi tâm tu đạo, đạo tức là tâm, tánh như hư không chẳng thêm chẳng bớt, chỉ tùy thời tùy xứ, dứt nghiệp dưỡng thần, tự nhiên thần diệu, đó là chân ngộ. Hai là, các pháp như mộng các thánh đồng nói, vọng niệm vốn tịch, trần cảnh vốn không. Tâm của vốn không linh tri chẳng mờ tối, tức biết của không tịch đó, biết lại không niệm không hình, ai làm tướng ta tướng người? Giác ngộ các tướng không, tâm tự không niệm, niệm khởi tức giác, giác đó tức diệu môn không tu hành, chỉ tại đây vậy. Hai thuyết trên đây đều là hợp tướng về tánh, nên đồng một tông. Tiếp theo, ba thứ giáo của Phật: thứ nhất, Mật ý y tựa tánh nói tướng, là Phật nói ba cõi sáu đường đều là tướng của chân tánh, chỉ là chúng sinh mê tánh mà khởi, không tự thể riêng biệt, nên nói là y tựa tánh, nhưng hạng căn độn vốn khó khai

ngộ nên tạm tùy tướng cảnh kẻ khác thấy, mà giảng pháp dần dần độ đó nên nói là nói tướng. Nói chưa hiển bày rõ ràng nên gọi là mật ý, trong giáo thứ nhất này tự có ba loại: một là giáo nhân quả người trời, nói nghiệp báo thiện ác khiến biết nhân quả, hai là giáo đoạn hoặc diệt khổ, nói khổ của ba cõi không an giống như nhà lửa, khiến đoạn tập của nghiệp và hoặc, tu đạo chứng diệt v.v... Ba là giáo đem thức phá cảnh, nói các pháp sinh diệt v.v... trên không liên quan gì chân như, chỉ mỗi chúng sinh đó từ vô thủy đến nay, pháp ấy có tám thức. Trong đó thức thứ tám là căn bản, chóng biến căn thân khí giới chủng tử chuyển sang bảy thức, mỗi mỗi năng biến hiện sở duyên của tự phần, ngoài tám thức đó đều không có pháp thật.

Hỏi: Biến thế nào ư?

Đáp: Do sức huân tập của ngã pháp tận diệt, các thức lúc sinh biến tợ như ngã pháp, hai thứ thứ sáu và thứ bảy do vô minh che lấp, duyên chấp đó lấy làm ngã pháp thật, như mắc bệnh mộng là do sức của bệnh mộng vậy. Tâm tợ các thứ tướng cảnh bên ngoài hiện, lúc mộng chấp là thật có vật bên ngoài, lúc tỉnh lại mới biết chỉ là mộng biến nên thân tướng ta đây và thế giới bên ngoài cũng lại như vậy, chỉ thức biến nên, mê nên chấp có ngã và các cảnh, đã ngộ thì vốn không ngã pháp chỉ có tâm thức, bèn y tựa trí hai không đó tu duy thức quán và các hạnh lục độ tứ nhiếp v.v... dần dần phục đoạn hai chướng phiền não và sở tri, chứng chân như hiển bày hai không, mười địa viên mãn, chuyển tám thức thành bốn trí Bồ-đề, chân như hết sạch chướng, thành pháp tánh thân, quả vị Đại Niết-bàn. Đem thức phá cảnh đây, cùng với dứt vọng tu tâm ở trong thiền môn mà cũng phù hội, vì biết cảnh bên ngoài đều không nên chẳng tu sự tướng cảnh bên ngoài, chỉ dứt vọng tu tâm vậy. Dứt vọng của ngã pháp, tu tâm của duy thức. Thứ hai mật ý phá tướng hiển bày tánh là căn cứ liễu nghĩa chân thật thì vọng chấp vốn không, lại không thể phá. Các pháp vô lậu là chân tánh tùy duyên diệu dụng trong chẳng đoạn tuyệt. Lại không nên phá, chỉ vì một loại chúng sinh chấp tướng hư vọng, chướng ngại Phật tánh chân như, khó đắc huyền ngộ vậy. Phật lại chẳng phân chọn thiện ác tánh tướng dơ sạch, tất cả đều trách phá, vì chân tánh và diệu dụng chẳng không mà tạm nói là không, nên nói là mật ý. Lại nữa, ý tại hiển bày tướng, ngữ là phá tướng, ý chẳng hình trong lời, nên nói là mật vậy. Giáo đây nói cảnh sở biến trong giáo trước đã đều là hư vọng, thức năng biến đâu riêng chân thật, tâm cảnh qua lại y tựa không mà tợ có. Vả lại, tâm chẳng riêng khởi, gá cảnh mới sinh. Cảnh chẳng tự sinh, do tâm nên hiện, tâm như

cảnh rơi rụng, cảnh diệt tâm không, đều mượn các duyên, không có tự tánh vậy. Vì thế, tất cả các pháp, không gì chẳng là không, phàm có hình tướng đều là hư vọng. Vì vậy, trong không không có năm ấm, sáu căn. Nhân duyên, bốn đế, không trí cũng không đắc, sinh tử Niết-bàn đều bình đẳng như huyễn, giáo đây cùng với tông hết tuyệt vô ký của thiền môn toàn đồng. Thứ ba, hiển bày chân tâm tức tánh, là chỉ bày ngay tự tâm tức là chân tánh, chẳng ước về sự tướng mà chỉ bày, cũng chẳng ước về phá tướng mà chỉ bày, nên nói là tức tánh, chẳng phải ý phương tiện ẩn mật nên nói là chỉ bày, giáo đây nói tất cả chúng sinh đều có chân tâm không tịch, từ vô thủy đến nay tánh tự thanh tịnh, sáng rõ không mờ tối, rành rẽ thường biết, suốt tận ngằn mé vị lại thường trụ chẳng diệt, gọi là Phật tánh, cũng gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là tâm địa, lưu truyền của Đạt- ma là tâm đó vậy.

Hỏi: Đã nói là tánh tự rõ ràng thường biết, sao lại phải có chư Phật mở bày?

Đáp: Nói biết đây, chẳng phải là chứng biết, ý nói chân tánh chẳng đồng hư không gỗ đá. Nên nói là biết, chẳng phải như thức của duyên cảnh phân biệt, chẳng phải như trí của chiếu thể rõ đạt. Đó là tánh của chân như tự nhiên thường biết. Trong luận Khởi Tín nói: “Chân như là tự thể chân thật thức trí“. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Chân như chiếu sáng làm tánh”. Lại nữa, trong phẩm vấn minh nó: “Trí và tri (biết) có khác nhau chăng?” Trí hạn cục ở thánh, chẳng thông với phàm. Tri tức thánh phàm đều có, thông ở lý trí. Các Bồ-tát giác thủ v.v... hỏi Bồ-tát Văn thù- Sư -lợi rằng: “Những gì là trí cảnh giới của Phật? Những gì là tri cảnh giới của Phật?”. Bồ-tát Văn thù- Sư -lợi dùng kệ tụng đáp rằng: “Trí chư Phật tự tại, ba đời không chỗ ngại. Tuệ cảnh giới như vậy, bình đẳng như hư không”. Lại có kệ tụng khác nói: “Chẳng phải nơi thức biết, chẳng phải cảnh giới tâm, tánh đó vốn thanh tịnh, mở bày các quần sinh”. Đã nói là vốn tịnh là chẳng đợi đoạn hoặc, tức biết quần sinh xưa nay đều có, chỉ bởi hoặc che lấp mà chẳng tự biết, nên trong kinh Pháp Hoa mở bày khiến được thanh tịnh tức là bảo tánh trong luận nói là lìa cấu thanh tịnh vậy. Tâm đó tuy tự tánh thanh tịnh, trọn phải ngộ tu mới được rốt ráo. Kinh luận nói rõ có hai thứ thanh tịnh hai thứ giải thoát, hoặc chỉ được lìa cấu thanh tịnh giải thoát, hủy bỏ tức tâm tức Phật của Thiền môn, hoặc chỉ biết tự tánh thanh tịnh giải thoát, khinh thường ở giáo tướng, bài xích các hạnh trì luật tọa thiền v.v... không biết hẳn phải đốn ngộ tự tâm thanh tịnh tự tánh giải thoát, niệm tu khiến được lìa cấu thanh tịnh, lìa chướng giải thoát, thành thanh tịnh viên mãn, giải

thoát rốt ráo, hoặc thân hoặc tâm không nơi ngưng kẹt. Đồng như Phật Thích-ca, trong kinh hỏi gì là trí cảnh giới của Phật? Hỏi đó là trí của chứng ngộ. Hỏi gì là tri cảnh giới của Phật? Hỏi đó là chân tâm vốn có. Đáp là trí tức trí chư Phật tự tại, ba đời không chỗ ngại. Đáp tri (biết) là chẳng phải nơi thức biết, chẳng phải cảnh giới tâm. Thức là phân biệt, phân biệt chẳng phải thật, chỉ không niệm mới thấy. Lại như dùng trí chứng đó tức thuộc cảnh sở thuyên, biết thật chẳng phải là cảnh giới vậy. Liếc khởi tâm chiếu tức chẳng phải biết thật, chẳng phải cảnh giới tâm vì chẳng khởi tâm là huyền diệu. Vì tập khởi nên gọi là tâm, khởi tâm trông nhìn tức là vọng tưởng, nên chẳng phải biết thật. Do đó, biết thật hẳn là hư rỗng tâm, trừ bỏchiếu là tuyệt đường ngôn ngữ nghỉ suy vậy. Bắc tông khán tâm là mất chân chỉ, nếu có thể khán tức là cảnh giới vậy. Trong luận Bảo Tạng nói: "Biết có có hoại, biết không không hoại, biết của biết đó, có không chẳng chấp". Biết của tự thể chân tâm đây tức tâm không duyên, chẳng nhờ mượn tác ý, mặt tình thường biết, chẳng phải giẫm trải có không, trọn vượt năng sở. Hòa thượng Thủy Nam nói: "Dụng của tức thể gọi là tri (biết), thể của tức dụng là tịch, như thời của tức đèn là sáng, thời của tức sáng tức là đèn. Đèn là thể, sáng là dụng, không hai mà hai vậy. Lại nói: "Chỉ một chữ biết là môn của các diệu". Như vậy, mở bày tâm linh tri tức là chân tánh cùng Phật không khác nên nói hiển bày chân tâm tức tánh giáo, toàn đồng với tông thứ ba là hiển bày ngay tâm tánh của Thiền môn. Đã là Mã Minh nêu tâm làm bản nguyên, Văn thù chọn biết làm chân thể, cớ sao bọn phá tướng chỉ nói tịch diệt, chẳng chấp nhận nhà chân như nói tướng, chấp phàm khác thánh, chẳng chấp nhận tức Phật. Nay nói về giáo phán định chánh vì hạng người đó nên truyền tâm ở Tây Vức phần nhiều gồm cả kinh luận không hai đường vậy, chỉ vì phương này mê tâm chấp văn, lấy sinh làm thể vậy. Tổ sư Đạt Ma khéo léo chọn văn truyền tâm. Nêu cử danh đó (tâm là danh vậy) ngầm bày thể đó (biết là tâm vậy), dùng Bích quán để dụ khiến tuyệt các duyên, tuyệt các duyên thời.

Hỏi: Có đoạn diệt chăng?

Đáp: Tuy tuyệt các niệm cũng chẳng đoạn diệt.

Hỏi: Lấy gì làm chứng nghiệm mà nói là chẳng đoạn diệt?

Đáp: Rõ ràng tự biết, nói không thể kịp. Sư Tức Ấn nói: "Chỉ đó là tự tánh tâm thanh tịnh". Lại chớ nghi ngờ vậy, nếu lời đáp chẳng khế hợp tức chỉ ngăn các quấy, lại khiến quán sát, rốt ráo chẳng cùng người khác trước nói chữ biết, phải đợi người khác tự ngộ mới nghiệm chân thật, là thân chứng thể đó, sau mới ấn đó khiến tuyệt các nghi ngờ khác,

nên nói mặc truyền tâm ấn. Nói mặc là chỉ chữ mặc tri (im lặng biết), chẳng phải trọn không nói. Sáu đời tương truyền đều là như vậy. Đến thời Hà Trạch, tông khác tranh đua khởi, muốn cầu mặc khế, chẳng gặp cơ duyên. Lại tư duy lời dự ghi Huyền Ty của Tổ sư Đạt- ma (Tổ sư Đạt-ma nói pháp ta đến đời thứ sáu về sau, mạng như treo bằng sợi tơ). Nên sợ tông chỉ tuyệt diệt, bèn nói chỉ một chữ biết là môn của các diệu.

Hỏi: Ngộ tâm đó rồi, làm sao tu đó? Hay trở lại y cứ mới đầu nói trong tướng giáo, khiến tọa thiền ư?

Đáp: Nếu hôn trầm sâu dày khó thể khuyên phát, trạo cử mạnh mẽ không thể ép phục, tham sân si mạnh xúc cảnh khó chế ngăn, tức dùng các thứ phương tiện của trong giáo trước để tùy bệnh mà điều phục. Nếu là phiền não nhỏ mỏng, tuệ giải sáng lanh, tức y tựa bản tông, Nhất hạnh Tam- muội, như trong luận Khởi Tín nói: "Nếu người tu chỉ, trụ ở nơi tỉnh, thân thẳng chánh niệm, chẳng y tựa hơi thở hình sắc, cho đến duy tâm, không cảnh giới bên ngoài". Trong kinh Pháp Cú có kệ tụng nói: "Nếu học các Tam- muội, là động chẳng phải thiền, tâm tùy cảnh giới trôi, làm sao gọi là định?". tức chẳng khởi diệt định, hiện oai nghi đi ngồi, chẳng đối với ba cõi, hiện thân ý phan duyên, nhưng trong giáo đây dùng tâm tánh nhất chân, đối với các pháp nhiễm tịnh toàn chọn toàn thâu. Toàn chọn là như nói ở trên, chỉ là khắc thể chỉ ngay linh tri tức là tâm tánh, ngoài ra đều là hư vọng, nên nói chẳng phải thức chẳng phải tâm, chẳng phải cảnh chẳng phải trí, cho đến chẳng phải tánh, chẳng phải tướng. Chẳng phải Phật chẳng phải chúng sinh, lìa tứ cú tuyệt trăm phi vậy. Toàn thâu là các pháp nhiễm tịnh, không gì là chẳng là tâm, tâm mê nên vọng khởi hoặc nghiệp, cho đến bốn loài sáu đường, cõi nước uế tạp. Tâm ngộ nên từ thể khởi dụng tứ đẳng lục độ. Cho đến bốn biện sáu thông thân đẹp nước sạch không gì chẳng hiện. Đã là tâm đó hiện các pháp vậy, pháp pháp toàn tức chân tâm, như người mộng hiện nên các sự, mỗi mỗi sự đều là người, như vàng làm đồ dùng, mỗi mỗi đồ dùng đều là vàng, như gương hiện ảnh, ảnh ảnh đều là gương. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết tất cả pháp tức tự tánh tâm, thành tựu tuệ thân, chẳng do kẻ khác khiến ngộ". Trong luận Khởi Tín nói: "Ba cõi hư ngụy chỉ do tâm tạo, lìa tâm thì không cảnh giới sáu trần, cho đến tất cả phân biệt đều phân biệt tự tâm. Tâm chẳng thấy tâm, không tướng có thể đắc, nên nói tất cả pháp như ảnh tượng trong gương". Trong kinh Lăng -Già nói: "Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như Lai tạng, năng dấy khắp tạo tất cả thú sinh, tạo thiện tạo ác, thọ vui chịu khổ, quả cùng với nhân, nên biết tất cả không

gì chẳng phải là tâm vậy. Môn toàn chọn gồm thâu giáo phá tướng thứ hai ở trước, môn toàn thâu gồm giáo nói tướng thứ nhất ở trước. Đem trước trông xem đây, đây thì chóng khác so với trước. Đem đây trông xét trước, trước thì toàn đồng so với đây. Sâu hẳn gồm cạn, cạn chẳng đến sâu. Sâu là hiển bày ra ngay thể của chân tâm, mới ở trong chọn tất cả thâu tất cả, thâu chọn tự tại tánh tướng vô ngại như vậy mới năng đối với tất cả đều không nói trụ. Chỉ đây gọi là liễu nghĩa. Ba giáo nói trên là sở tông nhiếp hết tất cả kinh luận của một đời Đức Phật giảng nói. Ba nghĩa toàn khác, một pháp không riêng biệt, căn cứ trong ba nghĩa thì thứ nhất và thứ hai là không và có tương đối, thứ ba và thứ nhất là tánh tướng tương đối, đều xa xôi dễ thấy, chỉ có thứ hai và thứ ba là phá tướng và hiển bày tánh tương đối. Giảng giả, thiền giả đều mê là đồng một tông một giáo đó, đều vì phá tướng bèn là chân tánh. Nên nay biện giải rộng về Không tông và Tánh tông có mười điểm khác nhau đó. Không tông chỉ phá tướng, Tánh tông chỉ hiển tánh, quyền thật có khác, già biểu (ngăn bày) toàn khác, không thể dùng lời nói để ngăn phân tích xua tan mỏng, bày xếp tình phá chấp, làm giáo biểu thuyên bày ngay, dựng lập hiển tông. Lại không thể dùng thuyết đợi cơ dẫn dụ Quyền tiệm một thời làm ưu tối, sau toàn đề cao môn thấy tánh chân thật, phán giáo phân tông như trên, ngôn từ ước lược nghĩa ý phong phú rất là khác tuyệt, trước thì rành rẽ chẳng lạm sau thì một vị dung thông, có thể đánh tan giãi mở các nghi ngờ năng quy về Tông Kính. Mười khác nhau đó là:

- Một là, khác về pháp nghĩa chân tục là, không tông chưa hiển bày chân tánh, chỉ dùng tướng của tất cả sai biệt làm pháp. Pháp là Tục đế, chiếu các pháp đó, vô vi không tướng không sinh không diệt làm nghĩa, nghĩa là Chân đế. Tánh tông lấy tánh nhất chân làm pháp, các thứ sai biệt như có không v.v... làm nghĩa. Trong kinh nói: "Vô lượng nghĩa là từ một pháp sinh". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Pháp là biết tự tánh, nghĩa là biết sinh diệt".

- Hai là, khác về tâm tánh hai tên là, không tông một hướng nhắm bản nguyên các pháp làm tánh. Tánh tông phần nhiều nhắm vào bản nguyên các pháp làm tâm. Trong luận Khởi Tín nói: "Tất cả các pháp từ xưa đến nay chỉ là nhất tâm. Do vì nói bản tánh chẳng chỉ không tịch mà là tự nhiên thường biết vậy, nên nhắm đặt đó làm tâm".

- Ba là, khác về chữ tánh có hai thể là không tông lấy các pháp không tánh làm tánh, tánh tông lấy thể rỗng sáng thường trụ chẳng không làm tánh, chữ tánh tuy đồng mà thể khác vậy.

- Bốn là, khác về chân trí chân tri, không tông lấy phân biệt làm tri, lấy không phân biệt làm trí, trí sâu tri cạn. Tánh tông lấy diệu tuệ năng chứng Thánh lý làm trí, lấy chân tánh gồm ở lý trí thông ở Thánh phàm làm tri, tri thông trí hạn cuộc. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Chân như chiếu sáng làm tánh". Luận Khởi Tín nói: "Tự thể chân như chân thật thức tri (hay biết)".

- Năm là, khác về có ngã và không ngã, không tông lấy có ngã làm vọng, không ngã làm chân, tánh tông lấy không ngã làm vọng, có ngã làm nhân, nên trong kinh Niết-bàn nói: "Không ngã gọi là sinh tử, ngã gọi là Như Lai".

- Sáu là, khác về ngăn phân tích và bày phân tích. Ngăn xua trừ điều quấy đó. Bày là hiển bày điều phải đó. Lại, Ngăn là chọn tức các dư, Bày là bày ngay đương thể, như trong các kinh nói: "Chân như diệu tánh, mỗi nói là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, không nhân không quả, không tướng vô vi, chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải tánh chẳng phải tướng v.v...", đều là ngăn phân tích, xua quấy gạt vết tuyệt tưởng dứt tình. Còn nếu nói thấy biết giác chiếu Linh giám quang minh, lãng lãng chiêu chiêu đường đường tịch tịch v.v... đều là bày phân tích. Nếu không thể của thấy biết v.v... hiển pháp gì làm tánh? Nói pháp nào chẳng sinh chẳng diệt v.v... đều phải nhận được hiện tại rõ ràng, mà biết tức là tự tánh của ngã, mới nói biết đó chẳng sinh chẳng diệt v.v... Như nói muối mà nói chẳng nhạt là ngăn, nói mặn là bày. Nói nước mà nói không khô là ngăn, nói ướt là bày. Không tông chỉ có ngăn, tánh tông có cả ngăn cả bày. Người thời nay đều cho rằng ngăn ngôn là sâu, bày ngôn là cạn. Nên chỉ trọng lời nói chẳng phải tâm chẳng phải Phật, vô vi không tướng, cho đến tất cả chẳng thể được. Do vì chỉ dùng từ ngăn quấy làm diệu, chẳng muốn thân gần tự chứng nhận pháp thể, nên như thế đó. Lại, nếu thật biết tâm ta chẳng đồng hư không, tánh tự thần giải, chẳng phải từ kẻ khác khiến ngộ, đâu gá nhờ duyên sinh, nếu chẳng đối có tùy thế ngữ ngôn, ở trên tự tánh còn không có từ của biểu bày chân thật, sao có thuyết phương tiện ngăn quấy? Như nay, người thật chưa thân chứng thấy tánh, chỉ học đòi y tựa thông trình truyền ý giả, chỉ lấy diệu trong ngôn ngữ, dùng văn của ngăn quấy hết sạch làm cùng cực thì vì chưa thấy chắc thật vậy, nên ở Thật địa, một hướng gá không, tùy lời chuyển nên gần lại rất thạnh chẳng thể ngăn đó. Nếu chẳng nhân các bậc tiên hiền đời trước học rộng nghe nhiều, vào sâu trong Biển giáo khéo đạt Thiền tông thì sao có thể tinh tế chỉ bày thủy chung hòa hợp, hiển ra tánh nhất linh, vạch

mở nguồn muôn pháp. Vì vậy ghi biên đầy đủ văn từ cốt yếu đồng tỏ rõ Tông Kính.

- Bảy là, khác về Nhận danh nhận thể, nghĩa là Phật pháp hay thế pháp mỗi mỗi đều có sinh thể. Vả lại, như thế gian gọi là đại, chẳng gì hơn bốn vật, như trong luận Đại Trí Độ nói: “Địa, thủy, hỏa, phong là danh của bốn vật, cứng ướt nóng động là thể của bốn vật”. Nay tạm nói về thủy. Nếu có người hỏi: Từng nghe lắng đó tức trong, hỗn đó tức đục, nép đó tức dừng, khơi đó tức chảy. Mà năng tưới bón muôn vật, tẩy rửa uế nhơ, đó là vật gì? (Nêu nghĩa công năng dùng mà hỏi đó). Đáp: Đó là nước (nêu danh để đáp vậy). Người ngu nhận danh (tên gọi) mà cho là đã hiểu, người trí nên lại hỏi rằng: Gì là nước? (Nêu thể đó vậy). Đáp: Ướt tức là nước (khắc thể chỉ vậy). Phật pháp cũng vậy, nếu như có người hỏi: Từng nghe các kinh nói: mê đó tức dơ, ngộ đó tức sạch, buông đó tức phàm, tu đó tức Thánh, năng sinh tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, đó là vật gì? (Đó là nêu nghĩa công năng dùng để hỏi vậy). Đáp: Đó là tâm (tức nêu danh để đáp vậy). Người ngu nhận danh bèn cho là đã biết, người trí nên lại hỏi: Thế nào là tâm? (Nêu thể đó vậy). Đáp: Biết tức là tâm (chỉ thể đó vậy), một lời đây đích thực rất thân, các chữ khác nói đều là sơ. Như nói chẳng phải tánh chẳng phải tướng năng nói năng năng v.v... là thể, duyên lự động dụng v.v... là tâm, tức đâu khác điều hỏi của kẻ kia vậy? Lấy đó mà suy danh thể của thủy, danh chỉ một chữ, ngoài ra đều là nghĩa dụng, ước chỉ một chữ mà xuyên suốt cả đục trong v.v... trong muôn dụng muôn nghĩa. Danh thể của tâm cũng vậy, chỉ một chữ biết cũng xuyên suốt ở tham sân từ nhẫn thiện ác, xứ của muôn dụng muôn nghĩa. Phải ngộ được ngay thủy là danh, chẳng phải là thủy, ướt là thủy chẳng phải là danh, tức đục trong ngưng chảy, không nghĩa nào chẳng thông vậy, lấy để sánh tâm là danh chẳng phải là tâm, biết là tâm chẳng phải là danh, tức chân vọng thiện ác, không nghĩa nào chẳng thông vậy. Không tông và tướng tông vì đối với hàng sơ học và căn cơ kém cạn, sợ tùy theo ngôn từ mà sinh chấp nên chỉ nêu danh mà ngăn quấy đó, chỉ dùng nghĩa rộng mà dẫn ý đó. Tánh tông vì đối với hàng học đã lâu và thượng căn, khiến quên lời nhận thể vậy. Một lời bày thẳng (Đạt-ma nói: Chỉ một lời để bày thẳng tức là một lời chữ biết, nếu nói “tức tâm là Phật” là bốn lời vậy), nếu nhận hiểu không sai nhầm, thân gần chiếu tánh của Linh tri, mới ở trên thể chiếu xét nghĩa dụng, nên không gì chẳng thông vậy.

- Tám là, khác về hai đế ba đế, không tông chỉ có hai đế, tánh tông nhiếp tất cả tánh tướng và tự thể, gồm làm ba đế, lấy các pháp

duyên khởi sắc v.v... làm Tục đế, các pháp duyên không tự tánh tức không làm Chân đế. Tâm thể nhất chân chẳng phải không chẳng phải sắc năng không năng sắc làm Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế.

- Chín là, khác về ba tánh không có, không tông nói có tức là biến kế và y tha, có là viên thành. Tánh tông tức ba pháp đều đủ nghĩa của có không. Biến kế tức là tình có lý không, y tha tức tướng có tánh không, viên thành tức tình không lý có.

- Mười là, khác về đức hiệu có không của Phật, không tông nói Phật lấy không làm đức, không có ít pháp gọi là Bồ-đề. Tánh tông thì tự thể tất cả chư Phật đều có thường, lạc, ngã, tịnh mười thân mười trí tướng tốt vô tận. Tánh tự vốn có chẳng đợi cô duyên. Mười khác nhau rõ ràng, hai môn rực rỡ vậy. Nên phải trước căn cứ về ba thứ Phật giáo, chứng ba tông thiền tâm, sau đó thiền giáo cả hai đều mất. Phật tâm đều tịch, thì niệm niệm đều là Phật, không niệm nào chẳng phải là Phật tâm. Cả hai đều mất nên câu câu đều là thiền, không một câu nào mà chẳng phải là Thiền giáo. Như vậy thì tự nhiên nghe thuyết hết tuyệt vô ký, biết là phá ngã tình chất. Nghe lời dứt vọng tu tâm, biết là đoạn ngã tập khí, chấp tình phá mà chân tánh hiển lộ, tức hết tuyệt là tông của hiển tánh. Tập khí sạch mà Phật đạo thành, nếu năng viên thông như vậy thì vì người khác nói không gì chẳng là diệu phương, nghe người khác nói không gì chẳng là diệu dược. Thuốc đó là bệnh chỉ tại chấp đó là thông. Nên các bậc Tiên đức nói: “Chấp thì chữ chữ ung nhọt, thông thì văn văn diệu dược”. Như trên là y tựa giáo y tựa tông, nhóm lược hòa hợp, bởi khơi gốc ngọn của Tông chỉ, mở chiết sai khác của pháp nghĩa, so lường khác giống của đốn tiệm, dung tức hòa hợp của chân vọng. Đối hợp qua lại của ngăn bày, khen chê là cạn sâu của quyền thật, có thể gọi là cuộn sóng cả của biển giáo lắng yên trong lòng bàn tay, hợp muôn sao của trời xanh rực rỡ như trước mắt, thì chóng tan rã các nghi ngờ hoát nhiên diệu chỉ. Nếu ngoài tâm lập pháp lập cảnh, khởi đầu mỗi đấu tranh, trên thức biến ngã biến nhân làm nguyên do dần hơn kém bèn là lập không phá có, bỏ có chẳng phải không, sùng giáo hủy thiền, tông thiền bài xích giáo. Quyền thật hai đường thường làm nhân chướng ngại. Tánh tướng hai tông, trọn làm chấp của oán thù, đều vì lửa đèn trí ngắn, gương tâm sáng mờ, trọn không thể vào môn vô tránh, giẫm trải đạo nhất thật vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 35

Phàm, nói pháp môn đây là thuyết không đầu cuối, chẳng định phương sở, cũng không thời phân, vì thời của không thời, lý không gián đoạn, xứ của không xứ, nói khắp mười phương. Tất cả Phật pháp đó đều ở thế giới vô tận, thường chuyển pháp luân vô tận như vậy, khiến các chúng sinh trở về lại nguồn cội, tận cùng ngằn mé ở tương lai không có dừng nghỉ. Trong Hoa Nghiêm Sớ nói: "Phàm, tâm mở chí đạo thì hổn một xưa nay. Pháp giới không sinh, vốn mất thời phân". Nên trong kinh có kệ tụng rằng:

"Chư Phật đắc Bồ-đề
Thật chẳng tính ở ngày".

Lại nói: Pháp môn Viên giáo đây do hợp duyên vào thật, thể đó có hai: Một là do gốc gần ngọn, vì các Thánh giáo đều từ chân mà lưu xuất, chẳng phải với chân; Hai là, hợp tướng hiển bày tánh, nghĩa là tất cả giáo pháp sai biệt kia đều từ duyên không tánh tức là chân như, cho nên tướng hư vốn hết, chân tánh vốn hiện. Như Lai giảng nói đều thuận ở như, nên trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Như điều ta nói, nghĩa ngữ chẳng phải văn, điều chúng sinh nói, văn ngữ chẳng phải nghĩa". Lại nữa, lý sự vô ngại thể, nghĩa là tất cả các pháp, tuy toàn thể tức chân, chẳng ngại mười hai phần v.v... Sự tướng rõ ràng hiển hiện, tuy chân như toàn thể là tất cả, chẳng ngại một vị trong lắng bình đẳng. Phàm, một thừa ba thừa, một tánh năm tánh, căn cứ cơ thì ba, nói về pháp thì một. Mới huân thì năm, vốn có không hai. Nếu nhập lý cả hai đều phủi bỏ, thì một ba cả hai đều mất. Nếu nói về hóa nghi của Phật thì năng ba năng một, cho nên tranh chấp phải quấy đạt không phải trái. Đại Tập năm bộ tuy khác mà chẳng lìa Bản nguyên pháp giới. Niết-bàn mỗi nói thân nhân Phật chấp nhận không gì chẳng phải chánh thuyết. Cơ của Tông Kính đây gồm thuộc Viên giáo thì viên căn sở đối, đại tiểu đều bao hàm. Nên các bậc Tiên đức nói: "biến giáo rộng sâu bao hàm không ngoài, sắc không ngời ánh đức dụng lớp lớp. Nói rộng đó là gồm

thâu năm giáo cho đến trời người, không gì chẳng bao trùm, mới hiển bày sâu rộng. Đó giống như trăm sông chẳng nhiếp gồm lớn. Biển lớn hẳn gồm trăm sông, tuy gồm trăm sông đồng một vị mặn, nên tùy một giọt chóng khác trăm sông. Bốn giáo trước chẳng gồm ở viên, nhưng viên hẳn gồm cả bốn, tuy gồm ở bốn mà viên xuyên suốt đó. Nên mười thiện năm giới cũng gồm thuộc Viên giáo. Nay y tựa Tông Kính, nếu nói về giáo chỉ y tựa Nhất tâm mà nói thì giáo nào chẳng phải là tâm, tâm nào chẳng phải là giáo, các kinh biện giải thông đều lấy nhất tâm chân pháp giới làm thể, Đức Như Lai giảng nói mười hai bộ loại phần giáo đích xác là lưu xuất từ trong tâm đại bi. Tâm đại bi từ hậu đắc trí, hậu đắc trí từ căn bản trí, căn bản trí từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất, tức là Bản nguyên, lại không từ đâu nữa. Không có pháp nào lìa nơi pháp giới mà có. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Chưa từng có một pháp
Được lìa nơi pháp tánh".

Tức là gốc mê ngộ của tất cả chúng sinh, nếu chẳng mê đó tức không thành mê, vì không điên đảo chấp trước luân hồi sinh tử vậy. Nếu chẳng ngộ đó tức không thành ngộ, vì không như pháp tu hành chứng quả cùng cực vậy. Do đó, chân như nhất tâm là mê ngộ y tựa. Phàm gốc của lập giáo không vượt ngoài ý lời, vì ý phân tích so lường từ lời mở bày. Nên Đại sư Khuy Cơ nói: "Chí lý lắng tịch, luận của phải quấy dứt lời, Bát-nhã cao sâu, tình của một khác tuyệt lự". Dứt tình lự nên chẳng phải thức chẳng phải tâm, tuyệt ngôn luận nên chẳng phải tiếng chẳng phải nói. Pháp chẳng phải tiếng nói, nói khắp trần sa. Lý không thức tâm, tâm gồm pháp giới, tâm gồm pháp giới đó mới là chẳng phải tâm làm tâm. Nói khắp trần sau đó cũng là không nói làm nói, chẳng phải tâm làm tâm, tâm mở hai thứ, không nói làm nói, nói mới hai môn. Tâm mở hai thứ: Một là tâm sinh diệt môn, hai là tâm chân như môn. Giải thích: Sinh diệt môn là chỉ như ba cõi tuần hoàn đó đều là vọng thức, bốn loài khắp chốn đều là hoặc tâm, vinh nhục nhanh chóng thí như đá chớp sáng, xưa nay vút qua tợ như đánh cầu. Đó là sinh diệt môn vậy, giải thích chân như môn là chỉ như thức Ma-la thanh tịnh, lắng như thái hư, minh châu Phật tánh ánh ngời đồng trăng sáng, ẩn hiển tuy khác nhưng trong da còn sáng, nhiễm tịnh duyên phân mà pháp thân lắng dừng. Đó là chân như môn vậy. Nói mới hai môn là: Một tức hàng đại cơ thọ pháp thì giáo nói mãn thừa; Hai, tức tiểu Thánh nghe nghĩ thì tạng mở bán tự, Hòa thượng Thần Khải nói: "Giáo khởi nguyên do là một đời Như Lai giảng nói pháp, muốn khiến chúng sinh ngộ rõ thấy biết

của Phật. Thấy biết của Phật đó là chân tâm bình đẳng, các pháp không hai, pháp không hai tức là thật tánh. Thể của thật tánh lìa có lìa không chẳng sinh chẳng diệt, lý tự luôn chân, chẳng do quán trí hiển hiện, đạo thường hiển bày thật không ngăn chướng, chân tâm bình đẳng là như tông Pháp tướng nói chân tức là trí, đem trí chứng chân, ba thừa không riêng biệt, tức là tâm của chân gia y tựa Chủ thích vậy. Như tông Pháp tánh nói chân tức là tâm, thể đồng danh khác, chân tâm tức bình đẳng là trì thích vậy. Nên trong kinh nói: “Nê-Hoàn chân pháp bảo, chúng sinh từ các thứ môn vào”. Các thứ môn là năng thông sở thông chỉ một đường. Lại nói: kinh nói môn chẳng đồng, hoặc văn tự làm môn, trong kinh Đại Phẩm nói rõ bốn mươi hai tự môn, hoặc Quán hạnh làm môn, trong Thích Luận nói rõ Bồ-tát tu ba Tam-muội, duyên thật tướng các pháp ấy vậy. Hoặc trí tuệ làm môn, trong kinh Pháp Hoa nói: Môn trí tuệ đó khó hiểu vào ấy vậy. Hoặc lý làm môn, trong kinh Đại Phẩm nói rõ pháp vô sinh không lại không đi tức là Phật vậy. Các môn y tựa giáo môn thông quán, y tựa quán môn thông trí, v.v... đều y tựa ở lý. Năng y là môn, sở y là đấc chẳng phải môn. Tuy không sở thông, mà rốt ráo thông khắp là diệu môn vậy, thì môn của các diệu là sở y của một chân tâm vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Thí như mặt nhật xuất hiện trước tiên soi chiếu nói núi cao”. Mặt nhật thí dụ như Phật, ánh sáng thí như nói giáo. Mặt nhật tức là từ vô duyên, chẳng phải xuất mà xuất, tùy chỗ gõ của các cơ, chẳng phải chiếu mà chiếu, nói Hoa Nghiêm như núi cao, nói Phương Đẳng như giờ ăn, nói Bát-nhã như trong khu, nói Pháp Hoa như trong chánh, nói Niết-bàn như đất bằng, nếu Bồ-tát Đại nhân nhờ được ánh sáng Bát-nhã, dụng của các pháp. Hạng người Nhị thừa đã không dụng đó. Thí như trẻ con vừa sinh bảy ngày nếu thấy ánh mặt nhật khiến mắt mất sáng, vì vô minh hoàn toàn làm mất tất cả trí sáng vậy. Hàng ngoại đạo mờ tối chứng thí như đi đêm vì chưa thừa tiếp soi chiếu của chánh giáo vậy. Hàng Bồ-tát lợi tha thí như giữ ngày làm việc, thi công chuyển làm, nhưng đất bằng núi cao đều thừa nhận mặt nhật soi chiếu. Hàng căn nhỏ khí lớn đều nhận ánh sáng của giáo. Nói về năng chiếu thì không cạn sâu, đối với sở chiếu thì tự phân trước sau, như xe lớn v.v... tuông một trận mưa rưới khắp, đạo tuyệt thủy chung, lý không khắp riêng. Nếu được ánh sáng của một thừa Tông Kính, Đại tuệ bình đẳng, tự tha đều lợi, lại không sai biệt, nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Thí như có người dùng thuốc độc mới bôi xoa vào trống lớn, ở giữa chúng đông đánh phát ra tiếng. Tuy không tâm muốn nghe, nếu người có nghe xa gần đều chết, chỉ trừ một người chẳng bị chết ngang,

đó là Nhất-xiển-đề. Vừa mới nghe tức liền phá vô minh hoặc gọi là chết gần, nghe mà chưa liền lợi ích, làm nhân cho đời sau, gọi là chết xa". Trong luận Chỉ Quán giải thích: "Tâm tánh chánh nhân của tất cả chúng sinh thí dụ như sữa, nghe pháp Liễu nhân gọi là gặp độc, chánh nhân chẳng đoạn, như bốn vi trong sữa, năm vị tuy biến bốn vi luôn còn, cho nên độc tùy theo bốn vi, mỗi mỗi vị giết người. Tâm tánh chúng sinh cũng lại như vậy, chánh nhân chẳng đoạn, độc của Liễu nhân, tùy chánh xa thúc giục, nơi nơi được phát, hoặc lý phát, giáo hạnh chứng phát, như Bích-chi-phật lợi căn, căn thuần thục, ra đời không có Phật, tự nhiên được ngộ. Lý phát cũng vậy. Đã lâu xa gieo trồng thiện căn, đời nay tuy chẳng nghe Viên giáo, độc của Liễu nhân mặc tình tự phát. Nếu nghe Hoa Nghiêm mặt nhật soi chiếu núi cao tức được ngộ, đó là giáo phát, nghe rồi tư duy, tư duy tức ngộ, đó là quán hạnh phát. Nếu là địa vị sáu căn thanh tịnh, tiến phá vô minh, đó là tương tợ chứng phát. Nếu thấy đạo bớt sinh tử cũng là chứng phát. Nay y cứ tông Hoa Nghiêm lập năm giáo, tông Thiên thai lập bốn giáo cho đến tám giáo. Vả lại, nhất tâm Hoa Nghiêm lập năm giáo, nói về thức mà luận, tức: Một là, như Tiểu thừa giáo, chỉ có sáu thức Lại-da, chỉ được gọi sinh đó; Hai là, Đại thừa thủy giáo chỉ được nghĩa của một phần sinh diệt, vì phần lý đó chưa hay thể thông, chỉ nói ngưng đọng chẳng làm các pháp; Ba là, Đại thừa chung giáo, đối với Lại-da đó được lý sự thông thể, chẳng sinh diệt và sinh diệt hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, vì hứa chân như tùy duyên mà làm các pháp. Vì sở huân tịnh pháp và năng huân nhiễm pháp của thức A-lại-da mỗi mỗi sai biệt nên chẳng phải một. Năng huân sở huân chỉ một tâm làm không có sai khác nên chẳng phải khác. Ở Thủy giáo nói về môn pháp tướng sai biệt và Chung giáo nói về môn Thể tướng dung nói là Đệ nhất chân tâm vậy. Nghĩa là Như Lai tạng tánh y cứ đó mà có các thú v.v...; Bốn là, Đốn giáo tức tất cả pháp chỉ một chân tâm, tướng sai biệt hết, lìa ngôn tuyệt lự, chẳng thể nói vậy. Vì tất cả tướng nhiễm tịnh hết sạch không có hai pháp có thể thể hội, nên chẳng thể nói, như Tịnh Danh hiển bày vào môn không hai vậy; Năm là,Viên giáo, căn cứ biển tánh tròn sáng, pháp giới khởi nên, chỉ tánh một pháp giới khởi tâm tức đầy đủ mười đức.

Hỏi: Cớ sao nhất tâm căn cứ các giáo được có nghĩa sai biệt như vậy ư?

Đáp: Ước về pháp thông thâu, do sâu mầu đó khởi nên nhất tâm đầy đủ năm nghĩa môn, tùy dùng một hạnh mà nhiếp hóa chúng sinh. Một là, Tiểu thừa, là môn nhiễm nghĩa từ danh; Hai là, Thủy giáo là

môn nhiếp lý từ sự; Ba là, chung giáo, là môn lýsự vô ngại; Bốn là, Đốn giáo, là môn sự hết lý hiển; Năm là Viên giáo, là môn biển tánh đầy đủ đức. Tướng năm nghĩa hiển chỉ nhất tâm chuyển. Trong Bí Mật Nghĩa Ký nói: "Phật tử! Hãy khéo lắng nghe. Thí như vật báu trong nhà tối, người không biết được, không ánh đèn sáng, nên đến đó xúc chạm, nhầm cho là độc của rắn, do nhầm nên khí độc vào thân, thân đó sưng thủng, chịu các thứ khổ. Người trí thấy rồi liền đem đèn sáng soi rọi chỉ bày vật báu đó, người bị nọc độc ấy liền thấy vật báu, khí độc trong thân tức liền trừ lành. Do được vật báu đó nên bay đi vô ngại, người thấy cung kính, với các ác, đều đem tâm từ hướng đến, tâm ác tiêu diệt, do không oán thù nên được không khiếp sợ, không khiếp sợ nên an ổn khoái lạc. Hành giả cũng vậy, do không biết báu thật đức ở trong nhà pháp tánh nên làm tám vạn bốn ngàn trần lao, do biết thân gần bạn lành nghe pháp nên trở ngược với dơ cấu trần lao, làm tám vạn bốn ngàn pháp Đạo phẩm, trừ chấp tự nhiên, lại biết nhân duyên không, lại biết Phật tánh thường trụ, lại biết mất đường ngôn ngữ, diệt khổ tâm hành, lại khai ngộ pháp giới duyên khởi. Do đó, tất cả các pháp từ một địa chẳng đến một địa, hợp trong tịnh pháp đó, cho nên các phiền não và và các tịnh tâm chẳng từ phương khác lại. Một tay tráo trở vậy, người trí chẳng phải nghi ngờ". Lại nữa, thí dụ nêu trước, báu thật trong nhà tối tức là hiển bày pháp môn thanh tịnh, vì đối trị nhiễm pháp. Đối trị có năm thứ: Một là, Tiểu thừa giáo, tức đối trị ngoại đạo chẳng y tựa nhân duyên, khởi chấp tự nhiên; Hai là, Sơ giáo, tức đối trị Tiểu thừa do ở nhân duyên có chấp. Trên đây đều gọi là hữu vi duyên khởi; Ba là, Chung giáo tức đối trị Sơ giáo chấp tất cả các pháp vô thường khổ không vô ngã, đây gọi là vô vi duyên khởi. Do chân như tùy duyên gọi là vô vi duyên khởi; Bốn là, Đốn giáo, tức đối trị niệm niệm lẫn lộn khởi có nói năng của Chung giáo, tức tự thể duyên khởi, cùng nguồn tận tánh một niệm chẳng sinh, nên là tự thể; Năm là, Viên giáo, tức là đối trị im lặng, nói rằng diệt nơi tâm hành, tất cả quy về nguồn tịch của Đốn giáo, chẳng thể một tức tất cả, tất cả tức một, tự tại v.v... Đây là pháp giới duyên khởi. Động tĩnh đầy đủ nên gọi là tánh khởi, tròn chứa vô ngại, lấy bỏ đều hết, tức ba độc tức Phật vậy. Nếu Tiểu thừa tuy tùy khởi đối trị, chỉ biết thức thứ sáu, không biết do tâm có các pháp vậy. Nói tâm tức là tám thức tâm vương. Lại Tiểu thừa không biết tâm thường, lạc, ngã, tịnh chủ của muôn pháp vậy, không thể được vậy, như hư không nên không thể trị. Tuy có pháp như vậy, vì không biết sở nhãn nên chẳng biết do tâm có muôn pháp vậy, bất giác nguồn tâm vậy, chỉ

thủ lấy tiểu quả, đều diệt sắc thủ lấy không. Nếu chẳng diệt sắc thủ lấy không, biết sắc tức là không, tức được vào Sơ giáo. Tiếp theo là người Sơ giáo, với các thứ lớp nơi khởi pháp như trên, đều nói là thức biến nên có, ngoài thức không có. Thức tức là thức thứ tám, căn cứ thức tánh cũng không thể được. Vừa mới chứng tâm đó tức liền biết các pháp nhân duyên sinh, duyên sinh không tự tánh, tuy chứng pháp đó, còn có Mạt-na sinh diệt, nên gọi là hữu vi, chứng chân như ngưng nhiên vậy. Tiếp theo, người Chung giáo nói tất cả các pháp chẳng vượt ngoài nhất tâm, nhất tâm đó thí như tánh ướt của biển lớn, y tựa nhất tâm nơi có các pháp, thí như sóng cả biển lớn tuy nhiếp sóng vào trong nước mà chẳng diệt gợn sóng, tuy sóng cả rối ren nổi dậy mà chẳng giảm nước lắng. Như vậy, tuy gồm muôn cảnh vào nhất tâm mà chẳng giảm muôn cảnh, tuy muôn cảnh lẫn lộn khởi mà chẳng giảm nhất tâm. Tại sao? Nhất tâm có nên vậy, cho nên chân gồm ngọn vọng, vọng đạt nguồn chân, tánh tướng dung thông, gốc ngọn bình đẳng, tuy tự tánh không sinh mà chẳng mất nghiệp quả. Tuy chẳng mất nghiệp quả tự tánh không sinh, tuy được nhất tâm mà chẳng được vô tận nên chẳng được lớp lớp, nên gọi là một Thật đế. Từ đó trở về trước, các giáo y tựa giai vị tiệm thứ, tức gọi là Tiệm giáo. Tiếp theo là Đốn giáo, là một niệm chẳng sinh tức là Phật vậy. Tại sao? Tất cả các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng, dưới từ chúng sinh trên tận cùng chư Phật, tất cả mọi việc làm chẳng một mảy lông, tất cả đều như mộng, nên thành Phật độ sinh do mộng đó gồm, chẳng rõ nhiều trong một, một trong nhiều. Một tức nhiều, nhiều tức một v.v... tiếp theo là Viên giáo nói rõ lấy mười mười vô tận hiển bày nghĩa đó, dùng mười mười lớp lớp riêng hiểu tướng đó, tùy nêu làm chủ, muôn pháp làm bạn, do chủ chẳng ngăn ngại bạn, bạn chẳng phòng ngại chủ, đều cùng khắp pháp giới.

Hỏi: Như trên nói lớp lớp vô tận, vậy vật nào lớp lớp, vật nào vô tận? Pháp nào rộng lớn, pháp nào tròn chứa? Pháp nào bao hàm, pháp nào bí mật?

Đáp: Tất cả phàm thánh đó, tâm tướng lớp lớp, tâm tướng vô tận. Tâm đó rộng lớn, tâm đó tròn chứa, tâm đó bao hàm, tâm đó bí mật. Nếu không nhất tâm đó là tông thì giáo môn không một pháp nào có thể dấy khởi, chư Phật không một chữ có thể nói. Đã toàn quy về tâm chỉ, rộng đầy tín căn, tròn giải đã khắp, mảy may nghi ngờ chẳng khởi. Không thể nhờ ở miệng nói, kín tại tâm hành, chỉ dùng nước định ngầm lắng, đèn tuệ chuyển sáng, nếu chỉ một hướng gìn giữ văn cầu lý, chấp giáo đàm nói tông, như vào biển tính đá cát, ngửa mặt giữa không đếm

muôn sao, trọn chẳng đích xác thấy, cách đạo rất thừa. Người xưa nói: “Như trời đất trọn ngày lừng lẫy chẳng kịp chân lý”. Cho nên người học vất bỏ văn giữ lấy lý, ngồi yên ngưng tình, dùng mắt tâm tự nhìn, đó gọi là chuyên trụ một cảnh, tu định thắng nhân vậy. Lại nữa, Nghĩa Viên giáo là gốc ngọn dung thông, sự lý vô ngại, nói chân vọng thì phàm thánh rõ ràng mà giao triệt, nói pháp giới thì lý sự rành rành mà tương thâu. Phật thấy biết một kệ tụng mở bày mà không sót, một chương kinh Đại Niết-bàn hẳn hết cả thể dụng đó, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Không có Như ngoài trí làm trí sở nhập, cũng không trí ngoài Như năng chứng ở Như”. Lại nói: “Không có chút pháp cùng pháp đồng dừng”. Vì toàn tâm gồm cảnh thì không cảnh ngoài tâm, toàn cảnh nhiếp tâm thì không tâm ngoài cảnh, vì tánh không hai, tướng tức tánh nên tướng tùy tánh dung, tùy một đều gồm. Vì vậy, ngoài tánh không tướng, thì pháp nào chẳng dung, lập sự trong lý, thì môn nào chẳng vào? Có thể gọi là chạm mắt Bồ-đề, một niệm viên chứng. Do đó. Trong kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Từ một pháp sinh, một pháp đó tức là vô tướng vậy”. Người xưa nói: “Đó là nghĩa xuất sinh”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Rốt ráo đến nơi địa vị Nhất thiết trí”, đó là pháp của thâu vào thì ba thừa muôn hóa tùy thật tướng sinh. Rốt ráo trở về nơi một thật tướng thì trước sau chẳng lìa nhất tâm, gốc ngọn đều ở Thánh vị, như trong kinh Pháp Hoa nói: “Tâm tướng rõ tin, vào ra không khó”. Có thể biết gia nghiệp Đại thừa tiếp nối làm ngời sáng địa vị hạt giống Phật. Lại nữa, mới đầu thì một ra vô lượng, sau mới vô lượng vào một. Nay, vô lượng chẳng phải vô lượng, một cũng chẳng phải một, tức chứng Pháp Hoa Tam-muội. Lại nữa, các bậc tiên đức nhắm đặt làm biển giáo là vì bao hàm nhiều pháp, dụ như biển lớn tựa vô biên bờ, nối liền chân trời một sắc màu, không trung suốt triệt đáy biển, biển ánh ngời trời xanh, tức là Viên giáo, nhiễm hết các giáo về chân, thảy đều không tịnh, lý sự vô ngại, như sắc không giao ánh, sắc chẳng ngại không, không chẳng ngại sắc. Đức dụng lớp lớp tức chỉ sáng chỉ sâu, vả lại, mười Huyền môn lớp lớp vô tận, tức sự sự vô ngại như biển có mười đức hỗ tương khắp cùng, tức biển tâm bao dung, sâu rộng không ngằn mé vậy. Do đó, trong kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni có kệ tụng nói:

“Một chữ diễn nói tất cả pháp
Nhiều kiếp không có lúc cùng tận
Mỗi mỗi môn chữ cũng như vậy
Đây trụ địa chân ngôn Bảo Khiệp”.

Pháp sư Sinh giải thích: Trong kinh Pháp Hoa nói thiện chỉ mảy

may, như nói đưa tay cúi đầu đều đã thành Phật, không gì chẳng phải từ Phật lưu xuất, tức ý của Niết-bàn, cho đến điển tịch của ngoại đạo cũng pháp Phật lưu xuất vậy, huống gì nói pháp ư? Các giáo Đại Tiểu v.v... đều từ nơi đại bi của Như Lai lưu xuất". Vậy biết không một pháp nào chẳng từ tâm nguyện tánh không mà lưu xuất, như nguồn tuông ra nước, tợ không trung nổi mây. Vì mười phương Như Lai chứng tâm thành Phật, Phật tức là tâm. Muôn thiện muôn đức bi trí hạnh nguyện có được không gì chẳng từ đó mà ra vậy. Nếu nói về chương Sư Tử Vàng để luận bàn năm giáo thì: Một là, Sư tử đây tuy là pháp nhân duyên, niệm niệm sinh diệt, thật không sư tử có thể được, gọi là pháp người ngu, là Thanh văn giáo vậy; Hai là, các pháp duyên sinh đây mỗi mỗi không có tự tánh, suốt tận đáy chỉ là không, gọi là Đại thừa Sơ giáo; Ba là,tuy suốt tận đáy chỉ là không mà chẳng ngại Huyễn pháp rõ ràng, hai tướng duyên sinh huyễn có đều còn, gọi là Đại thừa Chung giáo; Bốn là, hai tướng Sư tử và vàng đây hỗ tương đoạt cả hai đều mất tình nghĩa là chẳng còn, đều không có sức, không và có cả hai đều hết, tuyệt lối danh ngôn, gá tâm vô ký, gọi là Đại thừa Đốn giáo; Năm là pháp tình hết thể lộ bày đây hỗn thành một khối, dấy nhiều đại dụng, khởi hẳn toàn chân, muôn tượng xen nhau dự tham mà chẳng tạp. Tất cả tức một, đều đồng không tánh, một tức tất cả, nhân quả rõ ràng, lực dụng cùng thâu, cuộn buông tự tại, gọi là Nhất thừa Viên giáo. Đây gọi là Tối thường thừa vậy.

Thứ nữa, Thiên Thai lập bốn giáo, tức: Một là, Tạng giáo là rõ nhân duyên sinh diệt thuộc lý Tứ đế, Chánh giáo Tiểu thừa nương tựa hóa Bồ-tát; Hai là, Thông giáo, ba người đồng bẩm thọ, rõ nhân duyên tức không vô sinh, thuộc lý Tứ đế, chánh là Bồ-tát nương tựa Thông giáo lý Nhị thừa. Trí đoạn hạnh vị, nhân quả đều không, ba người đồng chứng. Hai giáo tạng thông đây đều chẳng biết chân tâm thường trụ, đều lấy diệt tâm làm quả vị cùng cực; Ba là, Biệt giáo, là danh của Bất cộng, rõ lý nhân duyên giả danh vô lượng tứ Thánh đế, nói về hóa Bồ-tát chẳng chung cùng Nhị thừa, nếu giáo biệt là diễn nói đầy đủ hằng sa Phật pháp, riêng biệt vì Bồ-tát, nếu lý biệt là tạng thức có hằng sa lý của Tục đế, cho đến trí đoạn hạnh vị nhân quả, đều là sự riêng biệt so với Tam giáo, tuy biết lý nhất tâm chẳng không vô tận, tức nay chưa đầy đủ, còn đợi thứ tự sinh khởi, chấp giáo đạo mà chẳng dung, y cứ hành bố mà thành Biệt; Bốn là, Viên giáo, rõ giáo lý Tứ đế vô tác nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, chánh nói Trung đạo, tức tất cả pháp lý viên chẳng thiên, trí viên thì một thành tất cả thành, đoạn viên thì chẳng đoạn mà

đoạn, hạnh viên thì nhất tâm đầy đủ muôn hạnh, vị viên thì một địa đầy đủ tất cả địa. Nhân viên thì song chiếu Nhị đế, tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã, quả viên thì Diệu giác quả ba đức chẳng thể nghĩ bàn, tức một niệm tâm tròn đầy pháp giới. Nói về quán tâm để rõ bốn giáo là, như trong Tịnh Danh sớ nói: "Nay chỉ luận hạnh dụng của tức tâm, biết tất cả giáo môn đều từ sơ tâm quán hạnh mà khởi. Bốn giáo để gồm tất cả kinh giáo, nếu một niệm quán tâm rõ ràng, năng phân biệt tâm trong một niệm vô minh nhân duyên sinh nên. Bốn biện rành rẽ, thì đại ý tất cả kinh giáo đều căn cứ quán tâm thông đạt. Căn cứ đây tức làm bốn ý: Thứ nhất là, nói về quán tâm để rõ giáo tướng ba tạng tức là quán tâm sinh diệt của một niệm nhân duyên sinh nên, phân tích giả vào không, nói về quán môn, khởi tất cả giáo của ba tạng vậy. Nếu quán Tứ đế sinh diệt vào đạo, tức là tạng Tu-đa-la, nên trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Phật bảo các Tỳ-kheo: Nói tất cả pháp, chỉ là một pháp, một pháp đó là gì? Tâm là một pháp, lìa tâm không tất cả pháp vậy". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Từ chuyển pháp luân lần đầu tiên cho đến lúc nhập Niết-bàn, kết tập Tu-đa-la tạng đó chỉ là nói về tâm sinh diệt, giảng nói bốn Thánh đế, tức là nghĩa của pháp Quy pháp Bản vậy". Quán tâm lưu xuất tất cả Tỳ-ni tạng là, lúc Phật chế giới hỏi các Tỳ-kheo: "Ông do tâm nào làm?" Nếu có tâm làm tức là phạm giới có phạm nên có trì vậy, nếu không tâm làm thì chẳng gọi là phạm. Nghĩa phạm chẳng thành, chẳng nói là trì vậy, nên từ tâm mà pháp giới, không tâm thì chẳng phát giới. Nếu nói từ tâm lưu xuất A-tỳ-đàm tạng là bốn quyển lược nói gọi là Tỳ-đàm tâm, Đàm-ma-đa-la ở trong mà nói, gọi là Tạp Tâm, như vậy đều là ước về tâm, mà Biện giải Tỳ-đàm. Pháp không đối sánh là phân biệt các tâm và tâm số pháp, tất cả pháp chẳng thể sánh vậy; Thứ hai, căn cứ quán tâm để rõ Thông giáo là quán tâm nhân duyên sinh ra tất cả pháp, tâm không thì tất cả pháp không, đó là suốt rõ giả vào không, tất cả hạnh vị nhân quả nói rõ ở Thông giáo đều từ đây khởi vậy; Thứ ba, căn cứ quán tâm để rõ Biệt giáo là quán tâm nhân duyên sinh nên tức là giả danh, đầy đủ tất cả hằng sa Phật pháp, y tựa vô minh, thức A-lại-da phân biệt vô lượng Thánh đế. Tất cả hạnh vị nhân quả mà Biệt giáo nói rõ đều từ đây khởi vậy; Thứ tư, căn cứ quán tâm để rõ Viên giáo là quán tâm nhân duyên sinh nên đầy đủ tất cả mười pháp giới không nơi tích tụ, chẳng ngang chẳng dọc. Lý Nhị đế Trung đạo chẳng thể nghĩ bàn, tất cả hạnh vị nhân quả mà Viên giáo nói rõ đều từ đây khởi, như minh châu trên đảnh đầu Luân vương. Đó thì bốn giáo đều từ một niệm tâm vô minh khởi. Từ trước đến đây vài

lần nêu dẫn kinh Hoa Nghiêm nói rõ phá bụi trần ra ba ngàn đại thiên thế giới quyển kinh, ý nghĩa tại đây vậy.

Lại nữa, căn cứ Đốn tiệm bất định bí mật thông với bốn giáo trước tổng lập tám giáo: Một là, Đốn giáo, như Hoa Nghiêm không Thanh văn thừa, nên gọi là Đốn; Hai là, Tiệm giáo, tức là ba tạng và Phương Đẳng Bát-nhã, dần dẫn vào Viên giáo; Ba là, Bất định giáo, nghĩa là một lời nói mà giải hiểu khác nhau. Hoặc nói đại mà được tiểu quả, hoặc nói tiểu mà được đại đạo, nên gọi là Bất định; Bốn là, Bí mật giáo, đây có hai thứ: Thứ nhất là, Hiển lộ bí mật, nghĩa là nggồi đồng nói mà nghe có khác, chẳng đắc đạo quả, chẳng cùng biết nhau, nên gọi là Bí mật. Thứ hai là, Bí mật Bí mật, chỉ Phật mới năng chứng, kín khiến chúng sinh mà được khai ngộ, không thể chỉ bày, gần bốn giáo trước mà thành tám giáo.

Lại nữa, giáo phân năm vị. Trong Thích Luận nói: "Chiên-diên Tử rõ Lục độ hạn lượng mà tràn đầy", điều hòa máu tạp này chúng sinh làm sữa. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Bồ-tát phát tâm tương ưng với Tát-bà-nhã", đó là muốn điều hòa sữa vào lạc vậy, cũng trong kinh Đại Phẩm nói: "Bồ-tát phát tâm du hý thần thông, làm sạch cõi Phật". Lại như trong kinh Tịnh Danh nói được giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, đều năng biến hóa thân lên tòa, mà lại năng chịu khuất phục bị quở trách, đó là muốn điều hòa lạc làm sinh tô đến thục tô vậy. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Bồ-tát phát tâm tức ngồi đạo thọ thành Chánh giác chuyển pháp luân độ chúng sinh", là điều hòa thục tô làm đề hồ vậy. Đó là từ một khai một, tiếp dẫn cơ của tô lạc, sau tức hội một về một, thành chúng của thục tô đề hồ, trọn không pháp riêng biệt lại có cuộn buông. Vết gốc cùng thâu ứng cơ ngầm hợp.

Lại phân giáo của bán mãn, Tiểu thừa là bán, Đại thừa là mãn, lại ba thừa là bán, Nhất thừa là mãn. Như trong kinh Niết-bàn nói rõ bán tự và mãn tự v.v... nói bán tự nên chữ bán tức hiển, chữ mãn tức ẩn. Ngày nay nói chữ mãn tức hiển, chữ bán tức ẩn, đó tức là nói về duyên mà nói ẩn hiển. Lại như trong phẩm Nguyệt Dụ nói phương đây thấy bán, phương khác thấy mãn, mà tánh vầng nguyệt kia vốn không đầy khuyết, tùy duyên trông thấy nên có tăng giảm. Đây tức là thuyết của trong tông Đại thừa vậy. Như Pháp sư Trí Nghiễm y cứ tông Nhất thừa Hoa Nghiêm mà biện giải là chẳng đợi nói hay chẳng nói thường mãn mà thường bán, ẩn hiển không lúc riêng biệt, như tánh nguyệt kia thường mãn mà thường bán, tăng giảm không đường khác, chánh đồng với pháp môn mà Tông Kính biên ghi. Ẩn thì nhất tâm không tướng,

hiển thì muôn pháp nêu hình, chẳng hoại trước sau mà đồng thời, thường ở nhất tế mà trước sau, đang buông tức cuộn, đang cuộn tức buông, nên biết dùng giáo chiếu tâm, dùng tâm rõ giáo, chư Phật giảng nói đều là tự tâm. Trong Phụ Hành Ký dẫn kệ tụng trong kinh Hoa Nghiêm nói:

"Chư Phật đều rõ biết
Tất cả từ tâm chuyển
Nếu năng hiểu như vậy
Người ấy thật thấy Phật".

Trong luận Bảo Tánh nói: "Người có thần thông thấy Phật pháp diệt đem Đại thiên quyển kinh cất giấu trong một bụi trần". Lại nữa, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Lành thay! Lành thay! Tại sao Như Lai ở tại trong thân mà không hay biết", nên nói rõ Tứ đế, cảnh mười hai nhân duyên, tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng vượt ngoài nhất tâm. Nếu đắc ý đó thì tám năm giảng rộng kinh Pháp Hoa tại nơi một niệm, trải qua năm mươi tiểu kiếp đâu động sát-na. Ví như một đời đợi có ở tại tâm tánh, Phật sự ở mười phương rõ ràng mắt nhìn, cho đến ba đức Niết-bàn tại trong một niệm thì một bộ kinh lớn toàn nêu trong tấc vuông, vô biên giáo pháp gồm ở một sát-na, ngàn cảnh muôn lá đồng về một cội, các sách các kinh đều phân tích một pháp. Như trên, nêu dẫn văn năm vị tám giáo bán mãn v.v... tuy là phân phán giáo pháp của một đời Đức Phật giảng nói, đều là một tâm gồm chứa, một lý toàn thâu, phân mà chẳng phải nhiều, tụ mà chẳng phải một, tan mà chẳng phải hợp mà chẳng đồng. Hằng sa nghĩa môn, vô tận tông thú, đều hiện ở trong Tông Kính Viên giáo Nhất thừa. Do đó, các bậc Cổ đức nói: "Khế hợp đó ở tâm, sau mới lấy đó làm pháp, tại tâm làm pháp, hình ngôn làm giáo, pháp có tự tướng cộng tướng, giáo có ngăn phân tích, bày phân tích", nên biết căn cứ sự tuy phân nhưng nói về lý thì thường hợp, cho đến mở làm hằng sa pháp môn, rốt ráo chẳng lìa yếu chỉ của nhất tâm, nếu từ trong nhất tâm mà phương tiện mở bày thành vết giáo đó tức không thể định tính quyền thật thời phần trước sau đó. Vì vậy, Đức Như Lai hợp cơ phương tiện một thời kỳ, riêng không được tự sinh quyết định giải nào có trái với chánh pháp? Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Nói về năm vị bán mãn cùng thành đó, nếu luận ngay năm vị, giống như Sư phương Nam chỉ được phương tiện. Nếu luận ngay bán mãn, như đồng Sư phương Bắc chỉ được thật đó". Nay nói rõ năm vị chẳng lìa bán mãn, bán mãn chẳng lìa năm vị, năm vị có bán mãn thì tuệ phương tiện giải, bán mãn có năm vị thì có phương tiện tuệ giải. Quyền thật đều đi như chim có hai cánh. Tuy là đều đi mà hạnh tàng ẩn được nơi, như đốn mãn

của Hoa Nghiêm, gia nghiệp Đại thừa, chỉ nói rõ nhất thật chẳng cần phương tiện, chỉ mãn chẳng bán, ở tiệm thành nhũ, khách làm của ba tạng chỉ là phương tiện, chỉ bán chẳng mãn, ở tiệm thành lạc, như riêng trách ở Phương Đẳng, thì bán mãn tương đối. Đem mãn bài xích bán, ở tiệm thành sinh tô, như lãnh giáo trong Đại Phẩm mang. Bán luận mãn, bán thì thông làm ba thừa, mãn thì riêng làm Bồ-tát, ở tiệm thành thục tô, như giao phó của cải trong Pháp Hoa. Phế bỏ bán nói rõ mãn, nếu không bán tự làm phương tiện điều phục độn căn thì cũng không mãn tự mở thấy biết của Phật. Ở tiệm thành đề hồ. Đức Như Lai ân cần tán thán phương tiện là bán có công của thành mãn, ý tại đây vậy.

Tiếp theo nói về quán phân biệt là tông Duy thức lập hai thứ quán. Tông Hoa Nghiêm lập bốn quán, tông Thiên thai lập ba quán, môn Phổ Hiền lập mười quán. Hai quán của tông Duy thức tức: Một là, Duy tâm thức quán; Hai là, chân như thật quán. Trong kinh Tấn Thú Đại Thừa Phương Tiện nói: "Nếu y tựa cảnh giới nhất thật mà tu tin hiểu nên phải học tập hai thứ Quán Đạo, đó tức: Một là, Duy tâm thức quán; Hai là, Chân như thật quán. Học Duy tâm thức quán, đó là trong tất cả thời tất cả xứ, tùy thân miệng ý tạo tác nghiệp, điều phải quán sát biết chỉ là tâm, cho đến tất cả cảnh giới, nếu tâm niệm qua đều phải xét biết, chớ khiến để tâm vô ký phan duyên, chẳng tự hai biết, trong khoảng mỗi niệm đều nên quán sát tùy tâm có các duyên niệm, phải khiên tâm đuổi theo niệm đó, khiến tâm tự biết, biết rồi trong tâm tự sinh trưởng niệm, chẳng phải tất cả cảnh giới có niệm có phân biệt vậy, đó là trong tâm tự sinh các thứ thấy ngắn dài tốt xấu phải quấy được mất suy lợi có không v.v... vô lượng các tưởng, mà tất cả cảnh giới chưa từng có tưởng khởi ở phân biệt, phải biết tất cả cảnh giới tự không tưởng phân biệt, nên tức tự chẳng phải dài chẳng phải ngắn chẳng phải tốt chẳng phải xấu, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, lìa tất cả tướng, quán sát tất cả pháp như vậy chỉ tâm tưởng sinh, nếu khiến lìa tâm thì không một pháp một tướng mà năng tự thấy có sai biệt vậy; Chân như thật quán là tư duy tâm tánh không sinh không diệt, chẳng trụ thấy nghe hay biết, xa lìa tất cả tưởng của phân biệt.

Bốn quán của tông Hoa Nghiêm là, đây tức nói về nhất tâm pháp giới chân như, căn cứ lý sự hành bố tròn chứa thành bốn thứ pháp giới, đối với pháp giới đó làm bốn thứ Quán môn, bốn Quán môn đó pháp vốn như vậy, nên y tựa pháp mà Quán nên gọi là Quán: Một là, sự quán, nghĩa là mê ngộ nhân quả nhiễm tịnh rõ ràng; Hai là, lý quán, nghĩa là ngã pháp đều không, bình đẳng một tướng; Ba là, lý sự vô ngại quán,

nghĩa là đây kia cùng khắp, ẩn hiển thành đoạt đồng thời vô ngại; Bốn là, sự sự vô ngại quán, nghĩa là Quán sự pháp do lý dung vậy tương tức tương nhập lớp lớp vô tận. Nếu y tựa quán của nhất tâm vô ngại đây thì niệm niệm tức là pháp giới Hoa Nghiêm, niệm niệm tức là pháp giới Tỳ-lô-giá-na. Trong kinh nói: "Nếu cùng quán hạnh như vậy tương ưng, ở trong các pháp chẳng sinh hai rõ hiểu, tất cả Phật pháp chóng được hiện tiền".

Ba quán của tông Thiên thai, trong nghĩa ba quán nói: "Phàm, ống ba tấc khí chẳng suy, biểu một thước buổi sáng có thể lường". Vậy biết đắc đạo đó đâu xa vời ư? Diệu môn của Tam quán đến lý, nay nói rõ nghĩa đó nên mượn làm thí dụ vậy, ngưỡng trông vết xa của Phật pháp, thần công mênh mông, cầu đó chẳng phải xa, dùng nhất tâm mà gởi gắm, thể đó có nguồn, tất cả ở ba trí. Nếu đó mượn phương tiện để khiến khác, hợp về một đạo, lặng lẽ mà song chiếu. Danh của ba quán xuất phát từ kinh Anh Lạc, nói: "Từ giả vào chân gọi là hai Đế quán, từ chân vào giả gọi là Bình đẳng quán, soi chiếu hai đế, tâm tâm tịch diệt, tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã vậy". Trong Thiên Thai sớ nói: "Hỏi: Ba quán đều chiếu hai đế có những gì khác? Đáp: Quán trước tuy chiếu hai Đế phá dụng chẳng ngang bằng. Quán thứ hai chiếu hai đế phá dụng bình đẳng, đã chẳng thấy Trung đạo, chỉ là khác lúc bình đẳng, quán thứ ba là được Trung đạo song chiếu hai đế tức là một lúc bình đẳng vậy". Nếu tu Quán tâm trở lại dùng phương tiện của hai Quán trước cả hai đều mất cả hai đều chiếu. Phương tiện cả hai đều mất là quán trước biết tục chẳng phải tục, tức là tục không, quán kế tiếp biết chân chẳng phải chân tức là chân không. Chẳng phải chân chẳng phải tục tức là Trung đạo, nhân hai không quán đó mà vào Trung đạo Đệ nhất nghĩa quán. Nay nói rõ nhất tâm ba Quán tức: Một là, nói rõ cảnh của sở quán chẳng thể nghĩ bàn tức là một niệm tâm vô minh, nhân duyên sinh ra mười pháp giới để làm cảnh vậy. Tâm thần ấy vi diệu, một niệm đầy đủ tất cả các tâm các pháp ba đời, thí như pháp ngủ che lấp tâm, trong một niệm mộng thấy tất cả các tâm các sự, chánh ngay lúc ngủ gọi là trải qua vô lượng, như trong kinh Pháp Hoa nói mộng thấy mới phát tâm cho đến thành Phật v.v... vô lượng việc, so với lúc tỉnh thức xét lại đó chỉ là tâm ngủ trong một niệm vậy. Tâm, thí như tự tánh tâm thanh tịnh, pháp ngủ che lấp tâm thí như vô minh, vô lượng việc mộng thí như hằng sa không biết che lấp tất cả hằng sa Phật pháp, việc mộng thiện ác buồn vui chẳng thật thí như kiến tư hoặc che lấp chân không vậy. Nếu chẳng tinh tế tầm mộng thí dụ, nghi ngờ của chẳng thể

nghĩ bàn trọn không có lý quyết, nên các kinh Đại Thừa phần nhiều nói mười thí dụ, chỉ bởi các Pháp sư chẳng lấy đầy đủ ý thí dụ, chỉ thiên lệch được hư ngụy không biên, chẳng thấy vô lượng vô minh pháp tánh biên vậy, nên cảnh của ba đế chẳng thành; Hai là, nói rõ Năng quán, nếu Quán tâm vô minh trong một niệm đó chẳng phải không chẳng phải giả, tất cả các pháp cũng chẳng phải không chẳng phải giả, mà năng biết tâm không giả, tức chiếu tất cả pháp không giả, đó tức là lý của nhất tâm ba quán viên chiếu ba đế, chẳng đoạn si ái, khởi các minh thoát, như nước lắng trong, tướng châu ngọc tự hiện, đó là Quán hạnh tức vậy; Ba là, nói rõ chứng thành là nếu chứng nhất tâm ba quán, tức là nhất tâm ba trí năm mắt vậy, nếu được sáu căn thanh tịnh, gọi là tương tợ chứng tức là địa vị Thập Tín vậy, nếu phát chân vô lậu gọi là phần chứng chân thật, tức đó là sơ trụ vậy. Trong kinh nói: "Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, thành tựu Nhất thiết trí vậy". Trong kinh Đại Phẩm nói: "Có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm tức ngồi đạo tràng, phải biết Bồ-tát đó là như Phật vậy". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Ba trí, kỳ thật là đắc Phật trong nhất tâm, muốn phân biệt vì người nói muốn dễ hiểu nên lần lượt nói vậy". Lại, tổng quát nói rõ ba thứ ba quán tức: Một là, biệt tướng ba quán, hai là, thông tướng ba quán và ba là, nhất tâm ba quán. Thứ nhất Biệt tướng ba quán là trải qua Biệt quán ba đế, nếu từ giả vào không, chỉ được quán chân còn chưa được quán tục, đâu được quán Trung đạo vậy, nếu từ không vào giả, chỉ được quán tục, còn chưa được Quán trung đạo. Nếu vào Trung đạo chánh quán, mới được song chiếu hai đế; Thứ hai, thông tướng ba quán là thì khác so với đây vậy. Nếu từ giả vào không chẳng phải chỉ biết tục giả là không. Chân đế Trung đạo cũng thông không đó vậy. Nếu từ không vào giả chẳng phải chỉ biết tục giả là giả, chân không Trung đạo cũng thông giả đó, nếu vào Trung đạo chánh quán chẳng phải chỉ biết Trung đạo là trung, tục chân thông trung đó vậy. Vậy thì một không tất cả không, không giả không trung mà chẳng không, một giả tất cả giả, không trung không không mà chẳng giả, một trung tất cả trung, không giả không không mà chẳng trung, chỉ vì một quán đáng danh, giải tâm không gì chẳng thông vậy; Thứ ba, nhất tâm ba quán là biết một niệm tâm không thể được không thể nói mà năng quán đủ ba đế vậy, tức như trong kinh Tịnh Danh nói: "Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, thành tựu Nhất thiết trí vậy". Vì vậy, tại cảnh là một đế mà ba đế, tại tâm là một quán mà ba quán, tại quả là một trí mà ba trí, như một viên châu tròn, tướng viên châu là dụ cho có, viên châu suốt sạch dụ cho không, viên châu tròn

sáng dụ cho trung. Ba không trước sau, đó dụ một đế mà ba đế. Nếu dùng gương sáng soi chiếu đó, trên viên châu có ba nghĩa một lúc chóng hiện, tức dụ một quán mà ba quán. Nếu căn cứ quan sát viên châu trong gương, viên châu đó và gương chẳng phải một chẳng phải khác, dụ như tâm cảnh là hai mà chẳng phải hai, là chân giác vậy. Diệu quán là quán một niệm tâm làm cảnh sở duyên, trở lại quán tâm đó từ xứ nào lại? Và đi đến nơi nào? Sạch như hư không gọi là không quán, quán cảnh rành rẽ rõ ràng gọi là giả quán, tuy rõ ràng rành rẽ, mà tánh thường tự không, và cảnh quán rõ ràng gọi là Trung quán tức ba mà một, tức một mà ba, nói im đi dừng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng một chẳng khác, chẳng lại chẳng đi, chẳng có chẳng không, chẳng trụ chẳng trước, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng mến chẳng lấy, chẳng hư chẳng thật, chẳng buộc chẳng mở, đều chẳng tên khác của chẳng sinh chẳng diệt, nghĩa không riêng biệt vậy, tức không chẳng trụ không, tức giả chẳng trụ giả, tức trung chẳng trụ trung. Đó gọi là trung. Tại sao? Vì tức không, không có gì có thể trụ? Tức giả ảnh huyễn hóa lại có gì có thể trụ? Hai biên đã không thể trụ, đâu có trung có thể trụ? Nên nói ba đế không trụ, đó gọi là trung, phải biết như vậy, trong không không có không chỉ chớ không, trong giả không giả chỉ chớ giả, và trong trung không trung chỉ chớ trung, phải biết chiếu đó, trong chiếu không chiếu chỉ chớ chiếu. Nếu thấy lý như vậy tức thấy muôn vật mà tự hư vậy. Ba quán đây là cảnh chẳng thể nghĩ bàn, nếu khuyết một quán, cảnh trí chẳng thành, nên nói gồm thâu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả tuy nhiều mà mười pháp giới gồm thâu hết cả. Đã dung thông đó, một thì đã mười thành trăm pháp giới, một giới lại đủ mười như, một như lại đủ ba thứ thế gian. Nghĩa là cõi nước chúng sinh năm ấm, ngàn như thì có ba người thế gian, gọi là giả chẳng thể nghĩ bàn. Giả đó tức không tức trung. Nếu không trung gồm lý chẳng khắp, nếu không mười giới gồm thâu sự chẳng hết. Nếu không mười Như nhân quả chẳng đủ, nếu không ba thứ thế gian y chánh chẳng đủ, nên biết thật tướng đều gồm tất cả các pháp, lớp lớp vô tận, dung thông vô ngại, giống như lưới trời Đế-thích, gọi là cảnh chẳng thể nghĩ bàn vậy. Phàm thánh đồng có lý này, nên nói ba ngàn của mình khắp ba ngàn kia. Kia kia ba ngàn qua lại khắp cùng cũng vậy, nên được nương dừng trọn ngày rực rỡ không nơi phân biệt, pháp giới suốt rõ là hiển bày cảnh đó, nên nói Quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn vậy. Như trong Tam quán có kệ tụng nói:

"Không quán như tánh chẳng thể được
Giả quán tướng gần biên pháp giới

Trung quán thể đồng lý không hai
Thế một mà ba đường rõ ràng".

Lại, không quán là rõ các pháp không tự tánh, giả quán là ở không đó đầy đủ các pháp, Trung quán là không và giả không thể riêng biệt, chỉ một chân tâm, vì không là tánh của tâm, tức là chân không chẳng phải chỉ không, vì giả là tướng của tâm, tức là diệu giả chẳng phải thiên giả, tánh tướng phân ba mà chẳng phải ba, chân tâm ngầm một mà chẳng phải một, chẳng phải một mà ba quán rõ ràng, chẳng phải ba mà một tâm chẳng động. Lại, tức một mà ba tướng chẳng đồng, như gương chỉ một thể mà có tướng ánh sáng ảnh tượng sai biệt, tức ba mà một thể không khác, như ảnh tượng ánh sáng đều đồng một gương.

Lại nữa, xưa trước giải thích nghĩa ba quán là: Một niệm tâm khởi, khởi không tướng khởi, suốt đáy chỉ không, ba khoảng vắng lặng, trọn không thể được, không tướng thấy nghe hay biết, không tướng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là không quán vậy; Một niệm khởi, có tướng ba ngàn thế gian, một ngàn cõi nước thế gian là núi sông đại địa nhật nguyệt muôn sao ấy vậy, một ngàn ấm thế gian là tất cả sắc tâm nhiễm tịnh ấy vậy, một ngàn chúng sinh thế gian là giả chất sáu phàm bốn Thánh ấy vậy; Một niệm tâm khởi, tánh tướng ba ngàn đồng một lúc khởi, một niệm tâm diệt, tánh tướng ba ngàn đồng một lúc diệt. Ngoài niệm không một mảy may pháp nào có thể được, ngoài pháp không một mảy may niệm nào có thể được vậy. Tâm tánh đây tròn sáng, một mà năng nhiều, nhỏ mà năng lớn, nhiễm mà năng tịnh, nhân mà năng quả, có mà năng không, nên mỗi mỗi sắc mỗi mỗi hương, mỗi mỗi niệm như vậy có tâm, tức đầy đủ ba ngàn vậy. Một xứ thấy nhiều, nhiều xứ thấy một, một niệm tức nhiều kiếp, nhiều kiếp tức một niệm, lớp lớp qua lại hiện dụ như châu ngọc lưới trời Đế- thích, đó là giả quán vậy; Một niệm tâm khởi, khởi mà không khởi, ba khoảng vắng lặng, không khởi mà khởi, ba ngàn tánh tướng chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, đó là Trung quán vậy. Nói tức có ba danh tự, lúc chiếu chẳng giải thích Ba một, chỉ niệm niệm thấy tánh tự tâm, mặc tình chẳng phải ba chẳng phải một, cũng chẳng dụng phá trừ thân tâm, cũng chẳng cần an lập cảnh quán, nơi tâm tưởng loạn, trong tất cả thời mặc tình, tâm thường ba quán vậy. Người không căn cơ tròn đủ tự cho rằng: Ta là phàm uế, ta có lắm phiền não, trí tuệ ta yếu kém, ta là người sinh tử, đó là mắt bệnh thấy hoa đốm giữa hư không, hư không thật chẳng có hoa vậy, người căn cơ tròn đủ quán rõ, chạm việc toàn đồng Phật xưa, chỉ là một niệm chẳng phải phân đồng vậy. Tại sao? Lý pháp tánh tròn đủ ba đức ba

thân, chỉ một niệm đó không thể phân vậy. Lý tròn đủ đây cũng không có vị kế tiếp, vì người chưa thể mặc tình thường quán, quán có đoạn tục, tánh ngã chưa phá, phá mà chưa hết vậy. Phân sáu tức bốn mươi hai vị, điểm không tiếp dẫn khiến đến vô tu. Hoặc cho rằng: Người phàm chỉ có pháp tánh thân Phật, chưa có đức dụng báo hóa. Đó là giải của trong Biệt giáo, với Viên quán thì ba thí hoặc nghiệp khổ vốn tự không tánh, toàn là ba đức, ba đức vốn không trụ xứ, trụ trong hoặc nghiệp khổ, ba thân ba đạo đều là giả danh, rốt ráo trong không trọn chẳng thể được, không ác đáng bỏ, không đạo đáng chứng, mới thấy có mảy may lý có thể ghé tựa, bèn là cảnh vọng dẫn kéo sinh tâm, là ba quán chẳng sáng rõ vậy. Người học chán ghét tham sân si, khởi ý muốn đoạn trừ, rất không biết tâm chán ghét đó tự là mê hoặc vậy. Nếu vừa mới giác khởi tức chiếu nơi khởi đó tự không tánh chẳng thể lấy bỏ, là ba quán sáng rõ vậy. Nếu riêng làm đối trị, riêng làm giải thật tướng chân như, riêng làm tưởng Phật Bồ-tát, riêng tưởng vận thân tâm khắp pháp giới đều chẳng phải viên ý (ý tròn đủ). Viên nhân (người, căn cơ tròn đủ) tức niệm không niệm vậy. Nếu cho rằng năng hay biết biện biệt là tâm, thì đó là mầm tâm, chẳng phải là tánh tâm. Nên nói: "Động là mầm pháp vương, lặng là căn pháp vương". Tánh tâm là lúc ba quán sáng rõ ấy vậy. Lúc ba quán sáng rõ là chẳng thấy có tình không tình, Phật là chúng sinh, hoặc tội hoặc phước, tại trong quán ta. Tại ngoài quán ta đều không thể vậy. Nếu chẳng sáng rõ ba quán, vọng tình chấp Phật tánh tại trong thân, chấp khắp trên cây cỏ. Trong kinh gọi đó là tánh Biến kế sở chấp, là sở tông của ngoại đạo, điều trong bốn giáo chẳng gồm, huống gì là Viên nhân giải ư? Phàm, Trung quán khó sáng rõ, viên giải vi diệu, phàm, nói là Trung, có hai thứ Trung: Một là Đản (chỉ) trung, hai là Viên trung (trung tròn đủ). Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói rõ nghĩa tám trở lại, nếu bỏ tiền trần, thấy nói không tranh luận, thấy tánh riêng diệu, là chỉ trung vậy. Thấy và duyên thấy nguyên là Bồ-đề. Thể sáng sạch đẹp, cớ sao ở Trung có phải và chẳng phải phải? Đó là trung tròn đủ. Lại, không giả tức trung là chỉ trung vậy. Trung tức không giả, chẳng phải chỉ trung mà là trung tròn đủ. Như Tạng giáo và Thông giáo là chỉ không, tức bỏ trần sắc thể, quy về triệt để không của tự tánh. Như Biệt giáo và Viên giáo, là không chẳng thể được, đầy đủ lý của Trung đạo Phật tánh chẳng không, Phó Đại sĩ có bài tụng nói:

"Riêng tự tinh thật đó lìa thanh danh
Ba quán nhất tâm dung muôn phẩm
Gai gốc rừng chầm xứ nào sinh".

Giải thích: Nếu năng quán sát bên trong trở lại soi chiếu riêng tinh tự tâm, thì nơi ngôn thuyên nào kịp? Nên nói thật đó lìa thanh danh. Rõ được một niệm tâm đây, nơi khởi không thể được, đó gọi là không quán, tức ở nơi không mà thấy pháp duyên sinh, tợ có hiển hiện, nên nói là tất cả pháp. Tất cả pháp đó chẳng phải không tánh không tượng mà có được có tượng, đó gọi là giả quán. Cầu không chẳng được không, tầm giả chẳng được giả, chẳng phải không, chẳng phải giả, toàn là nhất tâm, đó gọi là Trung quán, niệm niệm đầy đủ pháp ba quán, trần trần thành môn Phật trí, nên nói ba quán nhất tâm chứa muôn phẩm, thì phiền não gai gốc, rừng rậm năm ấm, gốc rễ sinh tử, gò đồi ngã mạn lại từ xứ nào mà khởi, nên nói là gai gốc rừng rậm xứ nào sinh.

Trong Phổ Hiền Quán nói mười môn Chỉ Quán đó tức: Một là, tâm hành xứng lý gồm tán, gọi là chỉ; Hai là, chỉ chẳng trệ tịch chẳng ngại quán sự; Ba là, do lý sự giao triệt mà hẳn đều cùng bèn khiến Chỉ Quán vô ngại mà vận cả hai; Bốn là, sự lý hình đoạt mà đều hết nên Chỉ Quán cả hai đều mất mà tuyệt nương cậy; Năm là, tuyệt cảnh của lý sự vô ngại và hết sạch tâm của Chỉ Quán vô ngại. Hai mà chẳng hai, nên chẳng ngại tâm cảnh mà một vị, chẳng hai mà hai nên chẳng hoại một vị mà tâm cảnh; Sáu là, do sự của tức lý gồm thâu tất cả pháp, quán của tức chỉ cũng thấy tất cả; Bảy là, do sự đây tức là sự kia nên khiến Chỉ Quán thấy tâm đây tức là tâm kia; Tám là, do trong sáu trước thì một nhiều cùng vào mà chẳng phải một, bảy thì một nhiều cùng phải mà chẳng phải khác. Hai đó chẳng phải hai đồng một pháp giới. Trí của chỉ quán không hai chóng thấy hai môn tức nhập đồng một pháp giới mà không tán động; Chín là do sự thì lớp lớp vô ngại, Chỉ Quán cũng Phổ nhãn đều chiếu; Mười là trí của Phổ môn đây là chủ nên lúc chóng chiếu pháp giới Phổ môn hẳn gồm tất cả làm bạn, vô tận vô tận vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 36

Phàm, Quán môn lược có hai thứ: Một là, y cứ Thiền tông và Viên giáo, hạng người thượng thượng căn quán thẳng tâm tánh, chẳng lập năng sở, chẳng làm tưởng niệm, định tán đều quán, trong ngoài đều bình đẳng, tức là quán của Không quán, linh tri tịch chiếu; Hai là, y cứ quán môn, quán tâm tợ cảnh hiện tiền, tuy quyền lập giả tướng đều từ tâm biến, như trong Quán Kinh lập Nhật quán, Thủy quán v.v... mười sáu quán môn, trong kinh Thượng Sinh Quán Nội Viện Di-lặc ở cung trời Đâu-suất v.v... trong các chương Sao Thích nói: "Nói một chữ quán, lý có hai thứ: Một là, quán chúc, hai là, quán sát. Quán chúc là như năm thức trước duyên với năm cảnh trần, chăm chú đối trước cảnh hiển hiện rõ ràng không có suy đạt là sở gồm của hiện lượng tánh cảnh vậy. Quán sát là hướng vào tự thức trên, án phỏng dựng lập dò xét suy tầm cảnh phân chia, nay lập quán môn tức ngay quán sát mà ước về tâm năng quán xuất lưu thể có bốn: Một là, khắc tánh lưu xuất, chỉ tuệ biệt cảnh. Tuệ đó năng chọn bỏ tán loạn nhiễm vô ký v.v... chọn lưu giữ cảnh sở biến thiện tịnh; Hai là, năng sở dẫn thể, định dẫn tuệ; Ba là, tương ưng thể, tức trong năm uẩn trừ bỏ sắc; Bốn là, quyến thuộc thể, tức cùng sắc năm uẩn.

Hỏi: Tương ưng bốn uẩn, thì tâm vương tâm sở lấy gì làm năng quán sát?

Đáp: Trước biện giải về tâm vương, tiếp sẽ nói rõ về tâm sở. Như trong tám thức tâm vương thì chỉ lấy thức thứ sáu.

Hỏi: Năm thức trước và thức thứ bảy thứ tám đều năng duyên lự, cớ sao chẳng lấy?

Đáp: Vì năm thức trước là trong vị hữu lậu, chỉ hiện lượng duyên năm cảnh trần thật. Thức thứ tám chỉ hiện lượng duyên với ba cảnh. Chủng tử căn thân cảnh khí thế gian, tánh chỉ vô ký. Thức thứ bảy trong vị hữu lậu duyên với kiến phần thức thứ tám làm cảnh phi lượng thâu nhiếp. Nay tâm năng quán nhân giáo so sánh biết biến khởi tướng phần.

Tỷ lượng độc ảnh cảnh gồm thuộc, chỉ thức thứ sáu có công năng đó.

Hỏi: Tâm vương thứ sáu có bao nhiêu thứ?

Đáp: Về nghĩa thì nói có bốn: Một là, ý thức minh liễu cùng năm thức trước đồng duyên năm trần phân minh hiển rõ; Hai là, ý thức trong định là dẫn được nơi khởi của thượng định ở trong định; Ba là, ý thức độc tán, chẳng cùng năm thức trước đồng duyên, vì chọn rõ ràng nên lập tên độc, lại chẳng phải khởi từ định nên gọi là tán. Độc ở tán vị mà sinh khởi vậy; Bốn là, ý thức trong mộng, là ở trong vị thùy miên khởi thức ấy vậy.

Hỏi: Trong bốn đó, thì gì là tâm năng quán?

Đáp: Đắc thượng định, ý thức trong mộng, hiện lượng quán vậy. Còn chưa đắc định, thì ý thức độc tán năng làm thể quán. Tiếp theo, nói về tâm sở có năm mươi mốt pháp phân làm sáu vị. Tạm biện giải chung các thức ở trong vị hữu lậu, tương ưng là năm thức trước mỗi thức có ba mươi bốn tâm sở tương ưng, đó là năm biến hành, năm biệt cảnh, mười một thiện, ba phiền não căn bản là tham sân si, hai trung tùy, tám đại tùy. Thức thứ sáu thì ba cõi ba tánh, Định Tán luận chung đầy đủ năm mươi mốt tâm sở tương ưng, thức thứ bảy cùng mười tám tâm sở tương ưng, đó là năm biến hành, bốn phiền não căn bản là ngã si ngã kiến ngã mạn ngã ái, tám đại tùy và tuệ trong biệt cảnh. Thức thứ tám chỉ cùng tâm sở biến hành tương ưng. Tám thức thứ đó nếu thành vô lậu thì chỉ cùng hai mươi mốt tâm sở tương ưng, đó là biến hành biệt cảnh và thiện pháp. Nay nói rõ về tâm năng quán chỉ là tánh thiện, thức thứ sáu nó tương ưng tâm sở tùy tâm vương mà nói, tâm sở trong định chỉ có hai mươi mốt, đó là năm biến hành, năm biệt cảnh và mười một thiện, hoặc trong tầm tư tùy lấy một pháp tức là hai mươi hai. Tầm là thô, tư là tế, chẳng cùng khởi vậy, cạn sâu suy đạt, tư tuệ làm thể, nếu cùng tán vị tâm vương tương ưng tức là hai mươi pháp, ở trong thiện trước trừ bớt Khinh an. Một pháp Khinh an là định dẫn vậy, có định giúp thân mới được điều sướng, có nghĩa của Khinh an, hoặc là có hai mươi mốt, tức trong tầm tư tùy lấy một vậy.

Hỏi: Tâm năng quán là cảnh nào ở trong ba cảnh đó?

Đáp: Định vị và tán vị đều thuộc ảnh cảnh, biến nên giả tướng. Tướng phần giả đó từ chủng kiến phần năng duyên sinh ra, tự nó không chủng đó nên gọi là Độc ảnh, chẳng đồng với tánh cảnh là sắc tâm Phật, mỗi mỗi có chủng sinh ra, như nhãn thức duyên sắc v.v... lại chẳng đồng cảnh Đới chất, là lúc tâm duyên tâm, định có chất vậy, tướng phần ở trung gian, từ chất thấy khởi, nói là cảnh Độc ảnh. Tức có hai loại: Một

là có chất tức quán tâm đây gá kia làm chất; Hai là không chất, như duyên lông rùa v.v...

Hỏi: Đã có chất kia, sao chẳng phải Đới chất?

Đáp: Đới chất có hai: Một là, chân đới chất, vì tâm duyên tâm, như thức thứ bảy duyên thức thứ tám, thiên hạ sáu duyên các thức khác; Hai là, tợ đới chất, là tâm duyên sắc, tức sở quán mang chất kia, thông tợ Đới chất.

Hỏi: Định vị tán vị gá chất kia duyên huân được chủng gì?

Đáp: Chỉ huân chủng tử kiến phần của tâm năng quán và tâm sở, tướng phần là giả, chẳng huân quán tâm hữu lậu, chẳng huân chủng chất vô lậu.

Hỏi: Trong ba lượng, đó là lượng nào?

Đáp: Hiện lượng trong định vị thâu, tỷ lượng trong tán vị nhiếp, chẳng thông cùng phi lượng, chẳng phải chánh quán vậy.

Hỏi: Trong ba tánh, thuộc tánh nào?

Đáp: Chỉ là tánh thiện.

Hỏi: Trong bốn duyên, thuộc duyên nào?

Đáp: Bốn duyên đều đầy đủ. Tâm vương thứ sáu đều thật, tâm sở đều từ chủng sinh ra, đây là nhân duyên, tướng phần giả là sở duyên làm duyên, tức niệm trước dẫn niệm sau, là Đẳng vô gián duyên. Tăng thượng có hai: Một là, thuận, hai là, trái. Thuận tăng thượng lại có hai: Một là, thuận có sức, lúc tác quán đó, các duyên có sức tùy thuận năng quán, gọi là có sức tăng thượng; Hai là, thuận không sức, lúc tác quán đó chẳng chướng các pháp, tuy không sức năng chẳng trái vậy, nên gọi là không sức tăng thượng. Trái tăng thượng cũng có hai thứ: Một là, trái ngược, lúc tác quán đó mà năng trái ngược tâm và tâm sở tán loạn, lại năng trái ngược với tánh vô ký v.v...; Hai là, trái tổn, lúc tác quán đó mà năng trái tổn các nhiễm pháp vậy.

Hỏi: Với trong ba y tựa, đây là y tựa nào?

Đáp: Ba y tựa đều đầy đủ: Một là, nhân duyên y tựa tâm năng quán v.v... có tự chủng tử làm nhân duyên y tựa, hiện chủng y tựa nên gọi là chủng tử y tựa; Hai là, đều cùng có y tựa, nghĩa là sáu căn xứ năng cùng các tâm tâm sở làm y tựa. Nay, thức thứ sáu năng quán dùng thức thứ bảy và thứ tám làm sở y tựa, cũng gọi là tăng thượng duyên y tựa; Ba là, mở dắt y tựa, nghĩa là tâm và tâm sở ở niệm trước mở dẫn dắt tâm và tâm sở ở niệm sau, lấy tâm và tâm sở ở niệm trước gọi là mở dắt y tựa, niệm sau hẳn y tựa niệm trước mà sinh, tức tâm ở hiện tại trông lại tâm ở niệm sau giả gọi là niệm trước, cũng gọi là Đẳng vô

gián duyên y tựa.

Hỏi: Với trong năm quả, thì đây là quả gì?

Đáp: Một là, thể tâm năng quán này chẳng phải quả dị thục, chỉ có thức thứ tám là dị thục chân thật; Hai là, quả Đẳng lưu, tâm năng quán và tâm sở đây từ tự chủng sinh ra, chủng tử hiện hành đều thiện, lưu loại đều bình đẳng; Ba là, quả Ly hệ, quán hữu lậu đây chưa đoạn pháp nhiễm trói buộc, nên chẳng phải là quả Ly hệ; Bốn là, quả Sĩ dụng có hai: Một, nhân sĩ dụng, người năng tác quán đây người là nhân sĩ dụng quán tâm thành tựu là quả sỉ dụng. Hai pháp sĩ dụng, lúc tác quán này, các duyên pháp v.v... có sức, như lực dụng của sĩ phu ở đời, thành tựu quán tâm tức là quả sĩ dụng; Năm là, quả tăng thượng, trong bốn quả trước có pháp chẳng gồm, chỉ có quán tâm có nghĩa tùy thuận tức là nhân quán tâm đó thành tựu tức là quả tăng thượng.

Hỏi: Tâm năng quán v.v... đây đầy đủ bao nhiêu duyên sinh?

Đáp: Đầy đủ năm duyên sinh: Một là, tác ý kinh tâm; Hai là, chủng tử sinh hiện pháp; Ba la, căn tức là thức thứ bảy; Bốn là, cảnh là tướng phần giả; Năm là, căn bản tức thức thứ tám, nếu thêm Đẳng vô gián tức là sáu duyên sinh. Lý sự như trên cả hai đều rõ ràng mới tròn đầy quán pháp.

Hỏi: Nếu cảnh vốn không sinh, tâm thường chẳng trụ, sao lại phiền lập quán trái với tự thiên chân?

Đáp: Vì hạng người chưa thấu đạt vốn không sinh mà muốn hướng ngoài vọng tu, khiến họ tự quán sát bên trong ngầm khế hợp với chân tánh, như trong Vĩnh Gia Tập nói: "Dạy răn kẻ xao lãng biếng lười, nhưng qua biển trước phải lên thuyền, chẳng phải thuyền thì dùng gì để có thể qua? Tu tâm hẳn phải dựa vào quán, chẳng phải quán thì dùng gì để minh tâm? Tâm còn chưa tỏ sáng thì ngày nào tương ưng? Đây khuyên kẻ ngu cố chấp ngồi không, chẳng kính mộ tấn tu, như muốn qua bến ải, chẳng phải thuyền thì không thể qua. Sắp tận cùng sinh tử, không trí sao tỏ sáng?" Lại nói: "Diệu khế hợp huyền nguyên là, phàm bậc sĩ tỏ ngộ tâm, sao chấp quán mà mê lầm yếu chỉ, người thấu đạt giáo đâu trệ kẹt ngôn từ mà lầm hoặc nghĩa lý? Lý tỏ sáng thì dứt tuyệt đường ngôn ngữ, ngôn từ nào có thể bàn luận? Yếu chỉ hội thì diệt chỗ tâm hành, quán nào có thể tư duy?" Tâm là ngôn từ không thể nghĩ bàn, đó có thể là diệu khế trong hoàn vũ, đó mới là người thấu đắc yếu chỉ, sao phải nói cảnh tức đến Bảo sở trọn chẳng hỏi đường, đã thấy vầng nguyệt sao vẫn đang chấp ngón tay? Nên trong Bát-nhã Ngâm nói là: "Thấy trăng thôi nhìn tay, về nhà bỏ hỏi đường, tức tâm tâm là Phật,

Phật nào lại kham thành". Trong Phụ Hành Ký nói: "Hỏi: Bốn câu kiểm xét, tham dục hết sạch vậy. Chỉ có Diệu quán, không còn tham dục. Sao lại được nói mà khởi mà chiếu? Đáp: Ngăn phòng lý lúc khởi, phải chiếu khởi chẳng khởi đều cùng chiếu, chiếu chẳng chiếu đều cùng mất, mất chẳng mất đều hết, hết chẳng hết lắng yên, như vậy mới thành quán của vào không, nên nói chẳng thấy khởi chiếu, khởi chiếu rõ ràng". Nói về các quán môn như trên là yếu chỉ của nhất tâm nghĩa lý rõ ràng. Giải hiểu tuy rành rẽ, nhưng hành phải ngầm hợp, nhân giải hiểu thành hành, hành thành thì giải hiểu dứt tuyệt, không thể một hướng chấp giải hiểu mà trái đạo mê tông. Hành, giải tương ưng mới tỏ rõ Tông Kính, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói rõ: "Toàn vì thấy tánh tu hành, chẳng thủ lấy nghe nhiều, hiểu biết. Do đó, Đức Như Lai quở trách A-nan rằng: "Chẳng phải ông trải qua nhiều kiếp cần khổ tu hành tuy là ghi nhớ gìn giữ mười hai phần loại kinh giáo, diệu lý thanh tịnh của mười phương chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, chỉ tăng thêm hý luận. Ông tuy bàn nói nhân duyên tự nhiên, quyết định rõ ràng, người đời ngợi khen ông là Đa văn đệ nhất, lấy nhiều kiếp đa văn huân tập đó vẫn chẳng thể lìa khỏi nạn Ma-đăng-già". Cho đến A-nan bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con tùy nương nhờ pháp âm như vậy, biết Như Lai Tạng Diệu Giác Minh Tâm khắp mười phương cõi, ngậm dưỡng nuôi mười phương cõi nước của Như Lai, thanh tịnh Bảo Nghiêm cõi Diệu giác vương, mà Đức Như Lai lại trách đa văn không công chẳng kịp tu tập. Nay con như người khách lữ ghé bờ, chợt được vua trời ban cho phòng hoa, tuy được vườn nhà rộng lớn, nhưng cần nhà có cửa để vào. Cúi mong Đức Như Lai chẳng bỏ đại bi chỉ bày cho con và mọi người trong chúng hội đang mờ tối vất bỏ Tiểu thừa, rốt ráo đạt vô dư y Niết-bàn của Đức Như Lai, vốn đường phát tâm, khiến cho hạng người hữu học từ đâu mà nhiếp phục, bọn ngày trước phan duyên đắc Đà-la-ni vào thấy biết của Phật..." Vì vậy, Đức Phật bảo A-nan rằng: Ông từng nghe ta ở trong thành Tỳ-xá-ly tuy nói tu hành ba nghĩa quyết định, đó là nhiếp gồm là giới, nhân giới sinh định nhân định phát tuệ, đó thì gọi là ba học vô lậu, A-nan! Nhiếp tâm thế nào mà ta gọi là giới? Nếu sáu đạo chúng sinh trong các thế giới tâm họ chẳng dâm thì chẳng tùy theo đó mà sinh tử tương tục. Ông tu Tam-muội vốn ra khỏi trần lao, nhưng tâm dâm chẳng trừ thì trần không thể ra khỏi. Giả sử có nhiều trí, thiền định hiện tiền, nếu chẳng dứt đoạn dâm hẳn lạc vào ma đạo, Thượng phẩm là Ma vương, Trung phẩm là dân ma, Hạ phẩm là ma nữ. Cho đến, ông đem thân dâm mà cầu diệu quả của Phật,

giả sử được diệu ngộ, vẫn đều là căn dâm. Căn bản thành dâm thì lưu chuyển ba đường hẳn không thể ra khỏi. Niết-bàn của Như Lai, do đường nào mà tu chứng? Hẳn khiến cơ dâm, thân tâm đều đoạn, tánh đoạn cũng không còn, đối với Bồ-đề của Phật, đó mới có thể mong cầu. Nếu chẳng đoạn giết hại mà tu thiền định, đó thí như có người tự bít lỗ tai mình rồi lớn tiếng kêu to mà mong cầu người không nghe, như vậy v.v... gọi là muốn ẩn, giấu mà càng lộ bày. Nếu chẳng đoạn trộm cướp mà tu thiền định, thí như có người rót nước vào chân rỉ chảy mà muốn cầu được đầy đó, giả sử trải qua số kiếp như bụi trần trọn không bình phục, nếu chẳng đoạn đại vọng ngữ là như khắc chạm phẩn người làm hình chiên-đàn muốn cầu mùi hương thơm, thì điều ấy không thể có". Cho đến tạo mười tập nhân, thọ chịu sáu giao báo. Mười tập nhân, đó tức: Một là, dâm tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai, sắc mắt hành dâm đồng gọi là lửa dục, Bồ-tát thấy dục như lánh hầm lửa; Hai là, tham tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt mong cầu nhiều, đồng gọi là nước tham, Bồ-tát thấy tham như lánh biển bệnh; Ba là, mạn tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt ngã mạn, gọi là uống nước si, Bồ-tát thấy mạn như lánh lún chìm lớn; Bốn là, sân tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt sân nhuế gọi là dao kiếm bén, Bồ-tát thấy sân như lánh giết chết; Năm là, dối trá tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt gian ngụy đồng gọi là giặc dèm pha, Bồ-tát thấy dối trá như sợ lang sói; Sáu là, cuống tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt khi dối, đồng gọi là kiếp giết, Bồ-tát thấy dối như đạp rắn hổ; Bảy là, oán tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt oan gia, gọi là Quỉ nghịch hại, Bồ-tát thấy oán như uống rượu độc; Tám là, kiến tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắc ác kiến đồng gọi là Hầm kiến, Bồ-tát thấy các hư vọng ban biến chấp như vào hang độc; Chín là, uổng tập, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt oán báng, đồng gọi là hổ dèm pha. Bồ-tát thấy uổng, như gặp sấm sét; Mười là, tụng tập, xen nhau rầm rỉ phát ở che giấu, cho nên mười phương tất cả các Đức Như Lai sắc mắt che giấu, đồng gọi là giặc ngầm, Bồ-tát quan sát che giấu như đội núi cao lội nơi biển lớn. Sáu thứ báo giao xen, tức: Một là báo thấy, hai là báo nghe, ba là báo ngửi, bốn là báo vị, năm là báo xúc và sáu là báo tư. Sáu thức đây tạo nghiệp chuốc lấy ác báo từ sáu căn ra mỗi mỗi chuốc dẫn quả xấu ác, đến lúc sắp chết thần thức sa đọa vào địa ngục Vô gián, thấy nhận chịu hai tướng khổ tối sáng, nghe nhận chịu hai tướng khổ mở đóng, người

nhận chịu hai tướng khổ thông bít, vị nếm nhận chịu hai tướng khổ hít nhả, xúc chạm nhận chịu hai tướng khổ hợp lìa, tư duy nhận chịu hai tướng khổ không biết và hay biết, mỗi mỗi nhận chịu vô lượng khổ, đầy đủ như nói trong văn kinh. Vì vậy, A-nan đã tỏ ngộ Diệu giác minh tâm, biết tông không mê mờ, mới lại thưa bạch Đấng Thiên thệ, kính cầu xin tu hành, nên nói trước ngộ sau tu nên phải lý hành ngầm hợp, nếu chỉ thư giữ sự thấy biết một thời, chẳng kính mộ tấn tu, muốn chứng Bồ-đề rốt ráo, điều ấy không thể có. Nên trong kinh nói: Giả sử được diệu ngộ, đều là căn dâm, vì cội gốc sinh tử chẳng đoạn vậy, ngay phải gìn giữ phao nổi mới có thể vượt qua biển nghiệp. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Bấy giờ trong biển có một La-sát", là các phiền não tham v.v... mỗi mỗi riêng hiện hành, gọi là một La-sát, xin tất cả là dụ cho đòi giao hợp, xin một nửa là dụ cho cầu xoa xác vậy, một của ba phần là dụ cho đòi hành sự vậy. Tay chịu là dụ cho chung ngồi v.v... vậy, bụi trần chịu là dụ cho y phục xúc chạm nhau vậy. Nếu chỉ phá bốn trọng cấm v.v... là hợp với xin tất cả phao nổi vậy, phá tăng tàn là hợp với xin một nửa đó vậy. Phạm Thâu-lan-giá là hợp với một của ba phần vậy, phạm xả đọa là hợp với xin tay chịu vậy. Hai tội đồng thiên cùng hợp tay chịu vậy, phá Đột-kiết-la là hợp với xin bụi trần vậy. Nên biết nhỏ nhiệm phải gìn giữ mới toàn giới thể. Như tuy chỉ xin bàn chút bụi trần, rốt cùng cũng hư hoại phao nổi huống gì tất cả hay một nửa ư? Vì vậy, nếu Phạm thiên này, lỗi lầm ấy rất nặng, chẳng chỉ có chướng ngại đại đạo chẳng vượt ra khỏi trần lao, mà vì nghiệp ác tương báo quả dẫn kéo vào địa ngục. Mười tập nhân đã tạo, sáu giao báo sao mất, đều là một niệm ác giác tâm sinh khởi tưởng điên đảo, đối cảnh làm nhân giả thành, tùy tình vận tâm tương tục, chẳng dùng mắt trí chánh quán, bèn vùi lấp vào nghiệp đạo phàm phu. Tùy là một thời kỳ theo ý, chẳng nghĩ muôn kiếp chìm thân. Vì vậy, các Đức Như Lai đồng tuyên bảo "xét nên khắc cốt". Mười phương Bồ-tát đều sợ, thật đáng kinh tâm. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi hỏi Bồ-tát Pháp Thủ rằng: Phật tử! Như Phật giảng nói nếu có chúng sinh thọ trì chánh pháp hẳn năng đoạn trừ tất cả phiền não. Cớ sao lại có người thọ trì chánh pháp mà chẳng đoạn trừ tùy tham sân si, tùy mạn, tùy phú, tùy phẩn, tùy hận, tùy tật, tùy xan, tùy cuống, tùy siểm, do thế lực trói buộc, không có tâm lìa, năng thọ trì chánh pháp. Tại sao lại ở trong tâm hành khởi các phiền não". Khi ấy, Bồ-tát Pháp Thủ dùng kệ tụng đáp rằng:

"Phật tử khéo lắng nghe,
Điều hỏi nghĩa như thật,

Chẳng chỉ dùng đa văn,
Năng vào pháp Như Lai.
Như người bị nước cuốn,
Sợ chìm mà chết khát,
Với pháp chẳng tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Như người bày tiệc ngon,
Tự đói mà chẳng ăn,
Với pháp chẳng tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Như người giỏi phương thuốc,
Mình bệnh chẳng thể cứu,
Với pháp chẳng tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Như người đếm của người,
Mình không nửa phân tiền,
Với pháp không tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Như có sống cung vua,
Mà chịu đói và lạnh,
Với pháp không tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Như người điếc đánh nhạc,
Vui người mình chẳng nghe,
Với pháp không tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Kẻ mù vẽ các tượng,
Bày người mình chẳng thấy,
Với pháp chẳng tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Thí như thầy thuyền biển,
Mà chết ở trong biển,
Với pháp không tu hành,
Đa văn cũng như vậy.
Như đứng ngã tư đường,
Nói bày nhiều việc tốt,
Chính mình không thật đức,
Chẳng hành cũng như vậy.”

Lại nữa, trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Phật bảo: Ca-diếp! Nếu có người thiện nam tín tử nào hướng đến Bồ-tát thừa v.v... vừa nghe pháp này mà chẳng thể sinh tin sâu như thật thì trọn không thể đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Tại sao? Do tu học nên chứng Bồ-đề ấy, chẳng phải không tu học mà có thể đắc chứng. Nếu chẳng tu tập mà chứng đắc Bồ-đề, thì các loài mèo thỏ v.v... cũng nên chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Tại sao? Kẻ không chánh hạnh thì không thể chứng đắc Vô thượng giác vậy. Tại sao? Nếu không chánh mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề thì âm thanh ngôn thuyết cũng nên chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Xướng nói lời rằng: "Ta sẽ làm Phật, Ta sẽ làm Phật!" Do lời nói ấy mà vô biên chúng sinh nên thành Chánh giác". Trong Vĩnh Gia Tập nói: "Tâm cũng không tương ưng, dèm hủy ngợi khen, nào buồn nào mừng. Thân cùng không tương ưng, dao cắt hương xoa, nào khổ nào vui. Y báo cùng không tương ưng, bố thí hay cướp đoạt, nào được nào mất, tâm cùng không chẳng không tương ưng, ái kiến đều quên, từ bi cứu khắp. Thân cùng không chẳng không tương ưng, trong đồng cây khô ngoài hiện oai nghi, y báo cùng không chẳng không tương ưng, dứt tuyệt tham cầu của cải cấp giúp. Tâm cùng không chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không tương ưng, thật tướng mới rõ, mở thấy biết của Phật. Thân cùng không chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không tương ưng, một mảy trần vào chánh thọ, các bụi trần Tam-muội khởi y báo cùng không chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không tương ưng, đài hương gác báu cõi nước trang nghiêm hóa sinh". Vì vậy, nếu chẳng đoạn bốn trọng tội khiên sâu nặng muốn cầu diệu quả Nhất thừa, như bít tai kêu lớn, khó khỏi người khác nghe, nhọc rót nước vào chén rỉ chảy, trọn không có ngày đầy. Lại, nếu việc làm chẳng như điều nói, diều nói chẳng giống việc làm, tâm miệng tự trái, ngày nào mới tương ưng? Tợ kẻ mù họa vẽ các tượng, kẻ điếc đánh tấu nhạc, chỉ vui tình kẻ khác, tự mình không ích gì. Nên biết, nghe đó chẳng chứng, hiểu đó chẳng hành, tuy ở kho báu đa văn, như chết lạnh ở cung vua, dạo khắp biển trí của chư Phật, còn chết khát trong nước. So sánh như vậy có thể biết, nên phải thay đổi vết cũ, nếu chẳng thẹn hối, sao xưng trí ư?

Hỏi: Tông Kính Lục đây đối với Đốn giáo Tiệm giáo, chân tu duyên tu, làm sao tỏ ngộ vào? Làm sao tu hành?

Đáp: Nay, trong Tông Kính, y tựa vô tác Tam-muội, quán nhất tâm chân như, niệm niệm ngầm chân, niệm niệm viên mãn. Như ở Thai giáo nói rõ tu vô tác Tam-muội, quán thật tướng chân như, chẳng thấy

duyên tu làm Phật, cũng chẳng thấy chân tu làm Phật, cũng chẳng thấy chân tu duyên tu hợp nên làm Phật, cũng chẳng lìa chân tu duyên tu mà làm Phật. Nếu không bốn tu tức không bốn làm, là vô tác Tam-muội. Đâu đồng Bắc đạo ở Tương châu nói rõ duyên tu làm Phật, các sư Đại Tiểu thừa ở Nam độ cũng phần nhiều dùng về duyên tu, cũng chẳng đồng Nam Đạo ở Tương châu dùng chân tu làm Phật.

Hỏi: Thiên dùng có lỗi lầm gì?

Đáp: Đạo không tranh cãi, sao được tranh đồng nước lửa? Nay nói rõ dùng Tam-muội tu Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, mở vén vô minh, hiển bày pháp tánh, quên chân duyên lìa tranh luận, pháp ngôn ngữ diệt, vô lượng tội trừ, thanh tịnh nhất tâm, nước nếu lắng trong, thì châu báu Phật tánh tự nhiên hiện vậy, thấy Phật tánh nên tức trụ Đại Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vậy, nay làm sao nói?

Đáp: Trong kinh Đại Niết-bàn nói "Bất sinh", Bất sinh gọi là Đại Niết-bàn, do tu đạo mà đắc vậy, nên không thể nói, đâu như các Luận sư Đại thừa thiên chấp định nói, nay về nhân duyên nên cũng không thể nói. Nếu hiểu ý bốn tất-đàn như bốn thứ nói trước thì không lỗi lầm. Tiếp theo, nói về chứng thành, nếu Quán vô minh chứng được Trung đạo tức là vào pháp môn không hai, trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Nên trong phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn nói: "Nếu biết vô minh tức là minh, minh cũng không thể được, đó là vào pháp môn không hai, nếu vào Trung đạo tức năng song chiếu hai đế tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã". Nay y cứ bốn tất-đàn khắp vì các căn cơ, Ở trong chân tu duyên tu, là vô tác chân tu, trong bốn câu Đốn Tiệm, nếu nói về hàng thượng thượng căn là Đốn ngộ đốn tu, nếu nói về hàng Thượng căn, hoặc là Đốn ngộ tiệm tu.

Hỏi: Thế nào là chân tu duyên tu?

Đáp: Nếu nói về duyên tu dùng trí thành Phật, chân như chỉ là cảnh vậy. Vì nói về duyên tu để tỏ sáng tự mình vậy. Chân tu chánh dùng chân như nhất tâm làm Phật, muôn hạnh và tín chỉ là phước trí trang nghiêm, nên lấy nhất tâm chân như làm tự, tất cả phước trí làm khác. Nếu rõ ngay nhất tâm chân như tức thành Phật là tông Viên đốn. Nếu chẳng rõ tâm đây mà vọng có tu chứng, là quả vị tàn diệt của Tạng giáo Thông giáo v.v... Nếu y cứ tâm đây mà phát hạnh tu riêng biệt là Biệt giáo Đại thừa. So với Viên giáo thì tức tâm bèn đầy đủ. Có các hạnh vị công trình ngày kiếp cùng gấp bội, nên nói tức tâm là nhanh chóng, phát tâm là chậm lâu.

Hỏi: Đã tức tâm, sao lại phải dùng tu?

Đáp: Chỉ vì vậy cho nên tu, như sắt chẳng phải vàng tức không thể rèn thành vật dùng quý đẹp.

Hỏi: Thế nào là bốn câu Đốn tiệm?

Đáp: Một là, Đốn ngộ tiệm tu; hai là, Tiệm tu tiệm ngộ; ba là, Tiệm tu đốn ngộ; bốn là, Đốn tu đốn ngộ. Trong kinh Lăng-già có bốn Tiệm bốn Đốn, kinh nói: "Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là trừ sạch tự tâm hiện lưu? Đó là Đốn hay Tiệm?" Phật bảo: "Trong trước nói rõ về bốn Đốn, sau sẽ nói về bốn Tiệm". Tiệm, trong kinh nói: "Phật bảo Đại Tuệ: Tiệm sạch chẳng phải Đốn, một là, như quả Yêm-ma-la tiệm chín chẳng phải Đốn, Đức Như Lai tiệm trừ tự tâm hiện lưu của chúng sinh cũng lại như vậy, tiệm sạch chẳng phải đốn; Hai là, như nhà làm đồ gốm làm vật dụng tiệm thành chẳng phải đốn; Ba là, như đại địa, tiệm sinh chẳng phải đốn; Bốn là, như học nghề là tiệm thành thục chẳng phải đốn". Bốn Tiệm trên, căn cứ ở tu hành, chưa chứng lý vậy. Còn bốn Đốn sau là căn cứ đã chứng lý: Một là, thí dụ gương sáng Đốn hiện, trong kinh nói: "Thí như gương sáng chóng hiện tất cả sắc tượng không tướng, Đức Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, chóng hiện pháp giới thanh tịnh không tướng không chỗ có."; Hai là, thí dụ nhật nguyệt đốn chiếu; trong kinh nói: Như vầng nhật nguyệt chóng chiếu hiển bày tất cả sắc tượng, Đức Như Lai vì lìa tự tâm hiện tập khí quá hoạn chúng sinh cũng lại như vậy, chóng vì hiển bày cảnh giới Thắng trí chẳng thể nghĩ bàn."; Ba là, thí dụ Tạng thức đốn tri, trong kinh nói: "Thí như tạng thức chóng phân biệt biết tự tâm hiện và cảnh giới an lập thọ dụng của thân, các Báo Phật kia cũng lại như vậy, chóng thành thục cảnh giới nơi chúng sinh ở, để người tu hành an ở nơi cõi trời Sắc cứu cánh kia."; Bốn là, thí dụ Phật quang đốn chiếu, trong kinh nói: "Thí như pháp Phật tạo ra nương tựa ánh sáng của Phật soi sáng chiếu diệu, tự giác cõi Thánh cũng lại như vậy, đối với pháp tướng có tánh không tánh, ác kiến vọng tưởng kia, chiếu khiến trừ diệt". Nay lấy Đốn ngộ tiệm tu, giáo lý vào sâu hài hòa, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Lý tuy Đốn ngộ, nhân ngộ đều tiêu, sự ở tiệm tu y tựa thứ lớp hết, như biển lớn gió dữ chóng dứt thì sóng cả dần ngưng. Như trẻ con các căn chóng sinh, lực lượng dần đầy đủ, tợ như ánh sáng mặt nhật chóng xuất hiện thì sương mốc dần tiêu". Nêu tức văn đó chóng thành, đọc có trước sau, hoặc Đốn ngộ đốn tu, chánh ngay Tông Kính, như tông Hoa Nghiêm lấy ngộ như mặt nhật tỏa chiếu, tức giải ngộ chứng ngộ thảy đều là đốn vậy. Lại như

lau gương, một lúc lau khắp sáng sạch có dần. Nay luận về sáng là vốn sáng, dần là viên tiệm. Sáng là vốn sáng, sợ cho rằng lau gương chẳng phải chóng, gương sáng xưa nay sạch, nào dùng lau bụi dơ, đó là Đệ lục tổ Tuệ Năng hiển bày ngay bản tánh, phá tiệm tu kia. Nay vì thuận theo kinh nói rõ tiệm chứng đó, tùy tiệm dần sáng đều vốn sáng vậy. Nên nói sáng là vốn sáng tức trên thể vô niệm tự có thật biết chẳng phải riêng có biết, biết tức là thể tâm vậy. Dần (tiệm) là viên tiệm, tức ý của Đại sư Trí Giả, Thiên Thai, nói rằng: “Tiệm tiệm chẳng phải viên tiệm, viên viên chẳng phải tiệm viên”. Nghĩa là nhà tiệm cũng có viên tiệm, nhà viên cũng có viên tiệm. Tiệm của nhà tiệm là như sông xã hội núi dần mới đầu từ mối nhỏ gây nên. Viên của nhà tiệm là như sông lớn ngàn dặm. Tiệm của nhà viên là như mới đầu vào biển tuy là dần sâu, mà nước một giọt đã qua sông lớn, huống gì là mối nhỏ gây nên ư? Viên của nhà viên là như tận cùng bờ đáy biển vậy. Nay nói Tiệm là tiệm của nhà còn quả viên của nhà còn quá viên của nhà tiệm huống gì tiệm của nhà tiệm. Trong Thiền Nguyên Tập nói: “Đốn môn có hai: Một là, Thục cơ đốn, hai là, Hóa nghi đốn. Thục cơ đốn là gặp kẻ phàm phu thượng căn lợi trí chỉ thẳng chân pháp, nghe liền đốn ngộ, toàn đồng Phật quả, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Lúc mới phát tâm tức đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, Quán hạnh trong Viên giáo tức là thành Phật; Hóa nghi đốn, nghĩa là lúc Đức Phật mới thành đạo vì hạng người thượng căn duyên đời trước đã chín muồi, nên một lúc chóng nói tánh tướng sự lý, muôn mê hoặc của chúng sinh, muôn hạnh của Bồ-tát, địa vị của Hiền thánh, muôn đức của chư Phật, nhân gần biển quả, sơ tâm tức Bồ-đề, quả suốt nguồn nhân, địa vị mãn đồng như Bồ-tát. Đó chỉ một kinh Hoa Nghiêm gọi là Đốn giáo. Các pháp nói trong đó toàn là các pháp của nhất tâm, nhất tâm toàn là nhất tâm của các pháp, tánh tướng viên dung, một nhiều tự tại.

Lại nữa, nói về cơ đốn tiệm chẳng đồng. Có thuyết nói: “Trước nhân tiệm tu công thành mà hoát nhiên đốn ngộ, như chặt cây từng mảnh dần phá, mà một lúc chóng ngã, như từ xa đến cung vua từng bước dần đi, một ngày chóng đến”. Có thuyết nói: “Trước nhân đốn tu mà sau tiệm ngộ, như người học bắn. Đốn là từng mũi tên mũi tên thẳng chú ý ở đích. Tiệm là mới đầu dần gần dần trúng. Đó là nói vận tâm đốn tu, chẳng nói công thành chóng hoàn tất. Có thuyết nói: Tiệm tu tiệm ngộ, như lên đài cao chín tầng, chân bước dần cao đến nơi thấy, dần xa, đã lên đều chứng ngộ vậy. Có thuyết nói: Trước phải đốn ngộ, mới có thể tiệm tu. Đó là nói về giải ngộ. Nếu nói về đoạn chương mà

nói là như mặt nhật chóng xuất hiện, sương mốc dần tiêu. Nếu nói về thành đức mà nói là như trẻ con mới sinh tức đầy đủ bốn chi sáu căn, lớn lên tức dần thành công dụng chí khí. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Lúc mới phát tâm tức thành tựu Chánh giác. Hàng Tam hiền thập thánh thứ lớp tu chứng, nếu chưa ngộ mà tu, chẳng phải chân tu vậy. Do vì, chẳng phải hạnh của chân lưu, không lấy gì gọi là chân, sao có các hạnh chân khác, chẳng từ chân khởi. Trong kinh nói: "Nếu chưa nghe pháp này, trải qua nhiều kiếp tu Lục độ vạn hạnh, rốt cuộc chẳng chứng chân". Có thuyết nói: Đốn ngộ đốn tu, đó là nói về thượng thượng trí, căn tánh lạc dục đều ưu thắng, một nghe ngàn ngộ, đắc đại tổng trì, một niệm chẳng sinh, khoảng trước sau dứt. Nếu đoạn chướng mà nói là như chặt một guồng quay tơ, muôn thớ chóng dứt, nếu tu đức mà nói, như nhuộm một guồng quay tơ, muôn thớ chóng thành sắc màu. Hà Trạch nói: "Thấy thể vô niệm chẳng đuổi theo vật sinh". Hoặc có thuyết nói: Một niệm cùng bản tánh tương ưng, tám vạn hạnh Ba-la-mật một lúc đều tụng. Lại nữa, đốn ngộ là chẳng lìa đời nay tức được giải thoát, như sư tử con lúc mới sinh là sư tử thật, lúc của tức tu tức vào Phật vị, như tre mùa xuân mọc măng chẳng lìa ở xuân, tức cùng mẹ đồng. Tại sao? Vì tâm không vậy. Nếu trừ vọng niệm, dứt tuyệt ngã nhân, tức cùng Phật ngang đồng. Trong kinh nói: "Chẳng hoại thế gian mà vượt thế gian, chẳng bỏ phiền não mà vào Niết-bàn. Chẳng tu đốn ngộ, giống như dã can đuổi theo sư tử, trải qua trăm ngàn kiếp trọn không thể được thành sư tử". Nên biết chẳng rõ ngay tự tâm, đâu thành viên đốn, theo kẻ khác lầm học, trọn chẳng thành chân. Tông Kính Lục đây là môn viên đốn, tức đó ở tâm, rõ đó không khoảnh khắc, lại không trước sau, muôn pháp đồng thời. Do đó, trong Chứng Đạo Ca nói: "Do vì thiền môn rõ tức tâm chóng vào tức vô sinh từ nhẫn". Lại nếu dùng ngộ mà tu tức là giải ngộ, nếu nhân tu mà ngộ tức là chứng ngộ. Lại nữa, mới đầu của Đốn giáo, như pháp Hội Hoa Nghiêm ở trong rừng Thệ-đa vào Sư tử tần thân Tam-muội, đại chúng đều chóng chứng pháp giới, không có riêng khác, sau mới đến lúc sắp muốn diệt độ, tại dưới cây sa-la song thọ ở thành Câu-thi-na, làm sư tử hống, hiển bày pháp thường trụ, quyết định nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, phàm là có tâm, nhất định sẽ làm Phật, rốt ráo Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh đều khiến an trụ trong Bí Mật Tạng vì giáo pháp đây vốn từ thể tâm nhất chân của Đức Thế Tôn lưu xuất, cũng chỉ là chân thể nhất tâm nơi phàm thánh y tựa tùy duyên lưu xuất, triển chuyển khắp tất cả xứ, trong thân tâm tất cả chúng sinh, chỉ mỗi mỗi ở tự tâm tĩnh niệm như lý mà tư duy tức

như vậy như vậy hiển hiện, ở trong Tông Kính rõ ràng minh bạch, khởi một soi chiếu không ngằn mé đây khắp hư không pháp giới không ngằn mé, không một mảy trần nào mà chẳng bị ánh sáng soi rọi. Phàm một niệm mà đều nhân nương đuốc chiếu, đó là chiếu của Bát-nhã vô tri, chiếu đâu có ngằn mé. Tông của Niết-bàn đại tịch, tông nào có tận. Nên như trong luận Bát-nhã Vô Tri nói: "Phóng Quang nói "Bát-nhã không tướng sở hữu, không tướng sinh diệt", Đạo Hạnh nói: "Bát-nhã không chỗ biết, không chỗ thấy". Đây biện giải về dụng của trí chiếu, mà nói không tưởng không biết. Sao vậy? Quả thật có biết của không tướng, chiếu của không biết, rõ ràng vậy. Tại sao? Phàm, có chỗ biết thì có chỗ chẳng biết. Do Thánh tâm không biết nên không nói chẳng biết, mới nói là biết tất cả. Nên trong kinh nói: "Thánh tâm không biết mà không nói chẳng biết", thật tin vậy, do vì Thánh nhân rỗng tâm đó mà thật chiếu đó, trọn ngày biết chưa từng biết vậy. Cho nên, thường im giấu sáng diệu, hư tâm soi xét cao, bít trí lấp thông mà riêng giác ngầm ngầm đó. Nhưng mà trí có soi chiếu của sâu cùng mà không biết vậy. Thần có dụng của ứng hội mà không nghĩ lự vậy. Thần không nghĩ ngợi nên năng riêng làm vua ở ngoài đời, trí không biết nên năng soi chiếu cao ngoài sự, trí tuy ngoài sự mà chưa từng không sự, Thần tuy ngoài đời mà trọn ngày trong vức, do đó cúi ngưỡng thuận hóa, ứng tiếp không cùng, không sâu nào chẳng xét mà không công chiếu, đó là chỗ biết của không biết, chỗ hội của Thánh thần, nhưng đó là vật, thật mà chẳng có, hư mà chẳng không, còn mà chẳng thể luận là đó chỉ Thánh trí vậy. Tại sao? Muốn nói đó có, thì không hình trạng không tên, muốn nói đó không, thì Thánh lấy làm linh. Thánh lấy làm linh nên hư chẳng mất chiếu, không hình trạng không tên nên chiếu chẳng mất hư, chiếu chẳng mất hư nên hỗn loạn mà chẳng biến đổi, hư chẳng mất chiếu nên động mà tiếp thô. Vì vậy, dụng của Thánh trí chưa từng tạm phế, cầu hình tướng đó chưa từng có thể được. Nên trong kinh Bảo Tích nói: "Do không tâm ý mà hiện hành". Phóng Quang nói: "Chẳng động Đẳng giác mà dựng lập các pháp. Do vậy kết thành muôn mối, nó rốt ráo một mà thôi. Vì vậy, Bát-nhã có thể hư mà chiếu, Chân đế có thể mất mà biết, chẳng động có thể tức mà tỉnh, Thánh ứng có thể không mà làm, đó thì chẳng biết mà tự biết, chẳng làm mà tự làm, lại gì biết ư? Lại gì làm ư?

Hỏi: Phàm, Chân tâm Thánh nhân riêng sáng, vật vật đó chiếu, tiếp ứng vô phương; động và sự hợp, vật vật đó chiếu nên biết không nơi sót, Động cùng sự hợp nên hợp chẳng mất cơ. Hợp chẳng mất cơ

nên có hợp ở có thể hợp. Biết không nơi sót nên hẳn có biết ở có thể biết. Có biết ở có thể tập biết nên Thánh chẳng hư biết. Có hợp ở có thể hợp nên Thánh chẳng hư hợp. Đã biết đã hợp, mà nói không biết không hợp là thế nào ư? Nếu phàm, quên biết sót hợp thì là Thánh nhân không riêng ở biết hợp, vì thành riêng đó vậy. Đó có thể gọi là chẳng tự có biết đó, sao được không biết mà lấy ư?

Đáp: Phàm, Thánh nhân công cao nhị nghi mà chẳng nhân từ, sáng quá nhật nguyệt mà càng mờ tối là, đâu nói cây đá mù ruột nó. Đó ở không biết mà thôi thay! Thật vì khác so với người là Thần minh, nên không thể lấy sự tưởng mà cầu đó vậy. Ý ông muốn Thánh nhân chẳng tự có biết, mà Thánh nhân chưa từng chẳng có biết, không là trái với Thánh tâm mất ở văn chỉ ấy vậy. Tại sao trong kinh nói: “Bát-nhã chân thật là thanh tịnh như hư không, không biết không thấy, không làm không duyên”. Đó là biết tự không biết vậy, đâu đợi soi chiếu lại sau đó mới không biết ư? Nếu có biết tánh không mà xưng là tịnh thì chẳng biện rõ ở mê hoặc trí, ba độc bốn đảo đều cũng thanh tịnh, lại sao riêng tôn quý tịnh ở Bát-nhã? Nếu đem điều biết mà tán thán Bát-nhã, thì điều biết chẳng phải Bát-nhã. Điều biết tự thường tịnh, Bát-nhã chưa từng tịnh, cũng không duyên rốt ráo tịnh tán thán đối với Bát-nhã. Nhưng trong kinh nói: Bát-nhã thanh tịnh là mong vì thể tướng chân tịnh của Bát-nhã vốn không lầm hoặc lấy biết đó, không lầm hoặc lấy biết đó, không thể vì biết tên vậy. Đâu chỉ không biết gọi là không biết? Biết tự không biết vậy. Do đó, Thánh nhân dùng Bát-nhã của không biết soi chiếu Chân đế của không tướng. Chân đế không sót thỏ ngựa, Bát-nhã không soi chẳng cùng. Vì vậy, hợp mà chẳng sai, đáng mà không phải, lắng sợ không biết mà không gì chẳng biết ấy vậy.

Hỏi vặn rằng: Phàm, vật không vì tự thông, nên lập tên để thông vật. Vật tuy chẳng phải tên, quả thật có vật có thể gọi tên, đáng với tên đó vậy. Cho nên ngay tên cầu vật, vật chẳng thể ẩn, mà luận nói rằng: “Thánh tâm không biết”. Lại nói: “Không nói chẳng biết”. Ý cho rằng: Không biết chưa từng biết, biết chưa từng không biết, đó thì gọi là chỗ thông của giáo, bản ý của lập ngôn vậy. Nhưng luận là muốn một ở thánh tâm, khác ở văn chỉ. Tầm văn cầu thật, chưa thấy đáng đó. Tại sao? Nếu biết được ở Thánh tâm, không biết không nơi biện rành. Nếu không biết được ở Thánh tâm, biết cũng không nơi biện rành. Nếu cả hai đều không được, không nơi, lại luận gì ư?

Đáp: Nghĩa của Bát-nhã, không tên không nói, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thật chẳng phải hư, đó là pháp không

tên, nên chẳng phải điều ngôn từ có thể nói được. Ngôn từ tuy chẳng thể nói, nhưng chẳng phải ngôn từ thì không lấy gì để truyền. Vì vậy, Thánh nhân trọn ngày nói mà chưa từng nói vậy. Nay thử vì ông nói cuồng mà biện giải đó. Phàm, Thánh tâm là vi diệu không tướng, không thể làm có, dùng đó càng động, không thể làm không. Không thể làm không nên Thánh trí tồn tại, không thể làm có nên danh giáo tuyệt vậy. Sao là dùng nói biết. Chẳng làm, biết muốn để thông soi xét đó. Chẳng biết, chẳng phải chẳng biết muốn để biện giải tướng đó. Biện giải tướng chẳng làm không, thông soi xét chẳng làm có. Chẳng phải có nên biết mà không biết, chẳng phải không nên không biết mà biết. Vì vậy, biết tức không biết, không biết tức biết, không vì nói khác mà khác với Thánh tâm vậy.

Hỏi vặn rằng: Phàm, Chân đế cao sâu, chẳng phải trí thì không thể lường, khả năng của Thánh trí tại đó mà hiển bày, nên trong kinh nói: "Chẳng đắc Bát-nhã, chẳng thấy Chân đế". Chân đế thì là duyên của Bát-nhã. Vậy dùng duyên mà cầu trí, trí hẳn biết vậy?

Đáp: Dùng duyên mà cầu trí, trí chẳng phải biết. Tại sao? Trong Phóng Quang nói: "Chẳng duyên sắc sinh thức, đó gọi là chẳng thấy sắc". Lại nói: "Năm ấm thanh tịnh nên Bát-nhã thanh tịnh, Bát-nhã thanh tịnh tức năng biết vậy". Năm ấm tức là điều biết, điều biết tức là duyên vậy. Phàm, biết và điều biết, cùng nhau mà có, cùng nhau mà không, cùng nhau mà không nên vật chẳng có đó, cùng nhau mà có nên vật chẳng không đó, vật chẳng không đó nên làm duyên nơi khởi đó, vật chẳng có đó nên duyên nơi chẳng thể sinh. Duyên nơi chẳng thể sinh nên chiếu duyên mà chẳng phải biết, làm duyên nên khởi đó nên biết duyên cùng nhân mà sinh. Vì vậy, biết và không biết sinh ở nơi biết vậy. Tại sao? Phàm, biết do nơi biết chấp lấy tướng nên gọi là biết. Chân đế tự không tướng, chân trí do đâu biết. Tại sao như vậy? Phàm, nơi biết chẳng phải nơi biết, nơi biết sinh từ biết, nơi biết đã sinh ở biết, biết cũng sinh nơi biết. Nơi biết đã cùng sinh, cùng sinh tức là duyên pháp. Duyên pháp nên chẳng phải chân, chẳng phải chân nên chẳng phải chân đế. Nên trong luận Trung Quán nói: "Vật từ nhân duyên có nên chẳng chân, chẳng từ nhân duyên có nên tức chân". Nay, chân đế nói là chân, chân thì chẳng phải duyên, chân chẳng phải duyên nên không vật từ duyên mà sinh vậy. Nên trong kinh nói: "Chẳng thấy có pháp không duyên mà sinh". Là tâm chân trí quán chân đế, chưa từng chấp lấy điều biết. Trí chẳng chấp lấy điều biết, trí đó do đâu biết? Nhưng trí chẳng phải không biết, chỉ chân đế chẳng phải điều biết vậy.

Chân trí cũng chẳng phải biết, mà ông muốn dùng duyên cầu trí vậy, vì trí là biết, duyên tự chẳng phải duyên, ở đâu mà cầu biết ư?

Hỏi vặn rằng: Trong luận nói: Chẳng thủ lấy, là không biết nên không thủ lấy, hay là biết sau đó mới không thủ lấy ư? Nếu không biết nên không thủ lấy, Thánh nhân thì mờ tối như đi đêm, chẳng biện rõ khác của đen trắng vậy. Nếu biết sau đó mới không thủ lấy. Biết thì khác so với không thủ lấy vậy?

Đáp: Chẳng phải không biết nên không thủ lấy, lại chẳng phải biết sau đó không thủ lấy. Biết thì không thủ lấy nên năng không thủ lấy mà biết.

Hỏi vặn rằng: Trong luận nói không thủ lấy là thật vì Thánh tâm chẳng vật ở vật nên không lầm hoặc thủ lấy ư? Không thủ lấy thì không phải, không phải thì không đáng. Vậy, ai đáng với Thánh tâm mà nói Thánh tâm không nơi chẳng biết ư?

Đáp: Nhưng, không phải không đáng vậy. Phàm, không đáng thì vật không gì chẳng đáng, không phải thì vật không gì chẳng phải, vật không gì chẳng phải nên phải mà không phải, vật không gì chẳng đáng nên đáng mà không đáng. Vì vậy, trong kinh nói: "Thấy khắp các pháp mà không chỗ thấy" ấy vậy.

Hỏi vặn rằng: Thánh tâm chẳng phải chẳng thể phải. Thật vì không phải có thể phải. Tuy chẳng phải, cho nên đáng phải ở không phải vậy. Vì thế, trong kinh nói: "Chân đế không tướng nên Bát-nhã không biết". Thật vị Bát-nhã không có biết của có tướng, nếu dùng không tướng làm không tướng, sao lại lụy ở chân đế ư?

Đáp: Thánh nhân không không tướng vậy. Tại sao? Nếu dùng không tướng làm không tướng, thì không tướng tức là tướng. Bỏ có mà không đó giống như lánh núi mà đến hang, đều chẳng khỏi hoạn nạn vậy. Vì thế, bậc chí nhân ở có mà chẳng có, ở không mà chẳng không. Tuy chẳng thủ lấy ở có không, nhưng cũng chẳng xả bỏ ở có không. Vì vậy, hòa quang trần lao, xoay khắp năm thú, vắng lặng mà quá sợ vậy mà lại, đạm bạc vô vi mà không gì chẳng làm ấy vậy. Tuy nói: Thánh tâm tuy không biết, nhưng đạo của ứng hội đó chẳng sai. Vì vậy, có thể ứng là ứng đó, không thể ứng là còn đó. Nhưng mà Thánh tâm có lúc mà sinh, có lúc mà diệt. Có thể vậy ư? Đáp: sinh diệt là tâm sinh diệt vậy. Thánh nhân không tâm, sinh diệt sao khởi? Nhưng chẳng phải không tâm, mà chỉ là không tâm tâm vậy. Lại nữa, chẳng phải chẳng ứng, chỉ là chẳng ứng ứng vậy. Vì vậy, ứng hội thì tin, nếu chất trực của bốn mùa lấy hư vô làm thể, đó là không thể được mà sinh, không thể

được mà diệt vậy.

Hỏi vặn rằng: Không của Thánh trí, không của hoặc trí đều không sinh diệt. Tại sao khác nhau ư?

Đáp: Không của Thánh trí là không biết, không của hoặc trí là biết không. Không đó tuy đồng, sở dĩ không là khác vậy. Tại sao? Phàm thánh tâm hư lắng, không biết có thể không, có thể gọi là không biết, chẳng phải nghĩa là biết không. Hoặc trí có biết nên có có thể không, có thể gọi là biết không, chẳng thể gọi là không biết vậy. Không biết tức là không của Bát-nhã. Biết không tức là không của Chân đế. Vì vậy, Bát-nhã và chân đế đó, nói dụng tức đồng mà khác, nói tịch tức khác mà đồng. Đồng nên không tâm ở đây kia, khác nên chẳng mất ở chiếu công. Do đó, biện giải về đồng là đồng ở nơi khác. Biện giải về khác là khác ở nơi đồng, đó thì chẳng thể được mà khác, chẳng thể được mà đồng vậy. Tại sao? Vì trong có sáng của riêng soi, ngoài có thật của muôn pháp, muôn pháp tuy thật nhưng chẳng phải chiếu chẳng được, trong ngoài cùng nhau để thành chiếu công đó, đó là điểm không đồng dụng với Thánh vậy. Trong tuy có chiếu mà không biết, ngoài tuy có thật mà không tướng, trong ngoài vắng lặng cùng nhau đều không, đó là điểm không thể khác tịch với Thánh vậy. Vì vậy, trong kinh nói "các pháp chẳng khác" là đâu nối tiếp chim Le giết hết chim Hạc, đầy núi đầy hang sau đó không khác ư? Thật vì chẳng khác ở khác nên tuy khác mà chẳng khác vậy. Do đó, trong kinh nói: "Rất kỳ lạ thay! Thế Tôn, ở trong pháp khác mà nói các pháp khác". Lại nói: "Bát-nhã cùng các pháp cũng chẳng một tướng cũng chẳng khác tướng". Đáng tin cậy!

Hỏi vặn rằng: Trong luận nói: "Nói dụng thì khác, nói tịch thì đồng". Không biết trong của Bát-nhã thì có khác của tịch dụng chăng?

Đáp: Dụng tức tịch, tịch tức dụng. Dụng tịch một thể đồng ra mà tên khác. Lại không tịch của không dụng chủ ở dụng vậy. Vì thế trí càng mờ tối, chiếu càng sáng, thần càng lắng, ứng càng động, đâu nói khác của tối sáng động lắng ư? Nên trong Thành Cụ nói: "Chẳng làm mà quá làm". Trong Bảo Tích nói: "Không tâm không thức không gì chẳng hay biết". Đó là cùng thần tận trí, cực đàm của ngoài tượng vậy tức rõ văn đó, Thánh tâm có thể biết vậy. Giải thích: Bát-nhã vô tri là giềng nối rộng của một luận, là thể lớn của Tông Kính, vi diệu khó giải hiểu. Do đó, toàn dẫn chứng minh. Phàm, Bát-nhã là trí dụng, không biết là trí thể, dụng chẳng lìa thể, biết tức không biết. Thể chẳng lìa dụng, không biết tức biết. Nếu có biết là biết của thủ lấy tướng, tức bị tướng của điều biết trói buộc, không thể biết khắp tất cả. Trong luận nói: "Phàm có nơi

biết thì có nơi chẳng biết. Nếu là biết của không tướng, chẳng bị tướng của nơi biết ngăn ngại”. Tóm lại mà nói: “Chỉ là lý sự vô ngại, chẳng phải tức chẳng phải lìa, như trong luận nói: “Thần không lự nên năng làm vua ở ngoài đời, trí không biết nên năng cao chiếu ở ngoài sự” là, chẳng tức sự vậy”. Trí tuy ngoài sự mà chưa từng ksự, thần tuy ngoài đời mà trọn ngày trong vức” là chẳng lìa sự vậy. Lý chẳng phải tức chẳng phải lìa, như sự cũng vậy. Vì thế, lý từ sự hiển, lý suốt ở sự, sự nhân lý thành, sự suốt ở lý, lý sự suốt triệt, Bát-nhã mới tròn đầy, nên năng có không đều hành, quyền thật song vận, đâu có thể chấp có chấp không, mê nơi Thánh chỉ ư? Do đó, trong luận nói: “Muốn nói đó có, không hình trạng không tên, muốn nói đó không, mà Thánh lấy làm linh”. Tại sao? Có đó là có của chẳng có, đâu có tên nó. Không đó là không của chẳng không, sao khuyết thể đó? Có không chỉ phân hai tên, tánh nó nguyên một, không thể lấy có làm có lấy không làm không. Nên trong luận nói: “Chẳng phải có nên biết mà không biết” là biết tự không tánh, đâu đợi mất biết sau đó mới không biết ư? Trong luận nói: “Chẳng phải không nên không biết”, mà biết là vì biết của không tướng chẳng phải đồng với gỗ đá mà mất chiếu, đó là tánh của linh tri vậy. Tuy không tên tướng, mà tịch chiếu không sót, như trong luận nói: “Khảo xét sách hiền,gốc thánh ý, đâu là chân ngụy khác tâm, không sắc khác chiếu ư?” Vì vậy, chiếu không tướng chẳng mất công của vỗ hợp, đều biến động chẳng trái chỉ của không tướng. Tạo có chẳng khác không, tạo không chẳng khác có, chưa từng chẳng có, chưa từng chẳng không, nên nói: “Chẳng động Đẳng giác mà dựng lập các pháp”. Lấy đó mà suy tịch dụng nào phòng ngại, cớ sao cho rằng biết của đều biến khác với chiếu của không tướng ư? Lại, trong luận nói: “Biết tức không biết, không biết tức biết, không vì nói khác mà khác ở Thánh tâm vậy”. Nên biết nếu nói có đó cùng không, đồng đó cùng khác, đều là ngôn ngữ thế gian, chỉ có hư danh mà không thật thể, đâu có thể dùng danh ngôn của bất định mà muốn định diệu tánh của không lời vậy. Nay tổng kết Đại ý Bát-nhã không biết, tức chỉ là không tâm, tự nhiên linh xét, chẳng phải đợi tướng hiển bày, chẳng gá duyên sinh, chẳng trụ có không, chẳng giẫm năng sở, chẳng phải một chẳng phải khác mả thành diệu đạo đó vậy. Vì thế, các bậc Tiên đức nói: “Phàm, Thánh tâm không tư lự, tuyệt lối danh ngôn, thể hư chẳng thể dùng sắc thủ lấy, không tư lự chẳng thể dùng tâm mong cầu, bao hàm cả pháp giới mà chẳng lớn, ở đầu sợi lông mà chẳng nhỏ, vắng lặng tuyệt nơi sinh diệt, ứng vật không có đi lại, soi suốt gương trời mà không cần soi chiếu, trí khắp

mười phương mà chẳng sinh hai tướng, sum-la muôn tượng cùng đó đồng nguyên. Lớn thay! Diệu dụng mà không tâm, đó chỉ nghĩa của Bát-nhã không biết vậy. Trong sao nói: Dấy của không biết vì phá tà chấp có bốn. Luận văn mỗi mỗi đều phá đó: Một là, chấp có biết là thường kiến; hai là, hoặc chấp không biết là đoạn kiến; ba là, cũng biết cũng không biết là tương vi kiến; bốn là, chẳng phải có biết chẳng phải không biết là Hý luận kiến. Thứ nhất, phá thường kiến là người mê hoặc nghe nói Bát-nhã là trí tuệ vậy. Trí thì biết, tuệ thì thấy vậy. Thì nghĩa là Thánh nhân đồng với phàm phu, có tâm chấp lấy tướng biết thấy, rơi lạc ở thường kiến, chẳng rõ Bát-nhã. Luận chủ tiện thì bài xích rằng: Nghe Thánh có biết, nghĩa là đó có tâm, vì phá chấp đó nên nói Bát-nhã không biết vậy. Đó là chiếu tục chẳng chấp tướng, chiếu chân chẳng trước không, không chấp không trước tức bốn câu vốn mất, không chủng chẳng biết, mà chưa từng phân biệt, vì biết của không duyên, chiếu cảnh của thật tướng. Trí thì tuy chiếu mà không biết, cảnh thì tuy thật mà không tướng, cảnh trí ngầm một nên tướng cùng vắng lặng, năng sở cả hai đều mất, nên nói Bát-nhã không biết vậy. Nên nói: "Vì vậy chân trí quán sát chân đế chưa từng thủ lấy điều biết". Trí chẳng thủ lấy điều biết, trí đó do đâu biết? Lại nói: "Mong không vì thể tướng chân tịnh của Bát-nhã vốn không mê hoặc lấy biết đó, không thể vì biết tên vậy". Lại nói: "Phàm, trần bày có không là sinh của phàm trí vậy, cùng cực ở trong tướng, pháp vốn không tướng, thánh trí sao biết? Nên luận Trung Quán nói: "Nếu như không có có, cớ sao đang có không? Có không đã là không, biết có không là ai". Trên đây đều là phá thường kiến của có biết vậy; Thứ hai phá đoạn kiến của không biết là người mê hoặc nghe trong kinh nói Bát-nhã chân thật là không thấy không biết, không làm không duyên. Bèn cho rằng: Bát-nhã đồng với thái hư, dòng của vô tình, đọa lạc ở đoạn kiến, đã trái với Bát-nhã. Luận chủ bèn phá đó nên nói: Ở đời nói không biết đó là gỗ đá thái hư thuộc dòng vô tình. Linh xét chiếu sâu, hình nơi chưa điềm hiện, đạo không ẩn có, sao nói không biết? Sở dĩ luận đề không biết, là nói rõ Thánh tâm không có biết của chấp thủ tướng, nên nói là không biết, chẳng phải đó là không thật biết vậy. Tại sao? Bát-nhã linh xét không chủng chẳng biết, chẳng đồng thái hư mười hướng không biết vậy. Nhưng mà đoạn kiến không biết lược rõ có mười một thứ, trong luận lược nói ba thứ. Mười một thứ, đó tức: Một là, thái hư, một hướng không vậy. Hai là, gỗ đá, nghĩa là vô tình vậy. Ba là, mù điếc, nghĩa là căn chẳng đầy đủ không thấy nghe vậy. Ba thứ trên là điều luận phá. Bốn là, ngu si, nghĩa là không trí tuệ,

đối với cảnh không rõ biết vậy. Năm là,, điên cuồng, ác quỷ mê hoặc a tâm mất bản tánh vậy. Sáu là, tâm loạn, cảnh nhiều mê hoặc, tâm chẳng thể quyết đoán. Bảy là, muộn tuyệt, nghĩa là tâm thần mờ tối như người chết vậy. Tám là, mê say, là bị thuốc làm mê vậy. Chín là, thùy miên, là thần thức nhọc mệt mê mẫn vậy. Mười là, vô tưởng định, là ngoại đạo chế phục lầm hoặc, tâm tưởng chẳng hành vậy. Mười một là, diệt tưởng định, là hàng Nhị thừa trụ tịch, tâm trí ngưng diệt vậy. Trên đây đều là mê hoặc điên đảo, chẳng phải Bát-nhã không biết vậy; Thứ ba phá cũng có biết cũng không biết, là người học nghe trong kinh nói hoặc nói Bát-nhã có biết, hoặc nói không biết. Chẳng thể giải hiểu chân chánh, bèn sinh dị chấp. Luận chủ lại vì phá dị chấp đó có ba thứ: Một là, phản chiếu nên không biết, là người học cho rằng Thánh nhân thật là có biết, chỉ vì lúc biết vật quên tức biết tâm, chẳng từ nói ta năng biết. Đó chỉ thành chẳng riêng tự làm hiểu biết, chẳng phải đều chẳng biết vậy. Hai là, vì Bát-nhã tánh không nên không biết, thì là người học cho rằng nói Bát-nhã thật tự có biết chỉ vì biết tánh không vậy thì không biết. Đó chỉ thành tánh không nên không biết, mà chưa là không không biết của mê hoặc chấp thủ. Ba là cảnh chân đế tịnh nên tán thán Bát-nhã không biết, tại sao? Người học thì cho rằng Bát-nhã năng biết cảnh của chân đế, nhân cảnh tịnh không tướng vậy thì tán thán Bát-nhã không biết. Đó chỉ thành cảnh là không biết, Bát-nhã thường là có biết vậy. Ba kiến trên đều dự tham cũng có cũng không biết, đều trái với Thánh trí. Do đó mà luận chủ phá dẹp vậy; Thứ tư phá chẳng phải có biết chẳng phải không biết, thì là người mê hoặc nghe trong kinh nói Bát-nhã chân thật là chẳng phải có chẳng phải không, không khởi không diệt, không thể nói bày cho người, không thể mất lời mà hợp với Huyền chỉ đó, thì cho rằng Bát-nhã chỉ là chẳng phải có chẳng phải không, bèn làm giải hiếu của chẳng phải có chẳng phải không. Đó đều là tâm lường, trái với chân trí. Luận chủ vì phá đó, nên nói: Nói đó chẳng phải có là nói đó chẳng phải là có, chẳng phải cho rằng là chẳng phải có. Nói đó chẳng phải không, là nói đó chẳng phải là không, chẳng phải cho rằng là chẳng phải không, chẳng phải có chẳng phải chẳng phải có. Chẳng phải không chẳng phải chẳng phải không. Đó là Đạo của tuyệt ngôn, biết lấy gì truyền. Đó là phá chẳng phải có biết chẳng phải không biết vậy. Luận nếu như vậy thì phá lý của bốn chấp rõ ràng. Nay đề mục chỉ nói không biết, bởi vì nêu một góc thì nghĩ thấu ba góc kia. Do đó, người trí nghe nói không thì chẳng thủ chấp ở không, chẳng thủ chấp cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, đó thì lìa bốn câu tuyệt trăm

quấy, có thể gọi là chân thật không biết vậy. Trong luận phân rõ phá bốn chấp, mà người tự chẳng thấy, nên nói vì vậy Thánh nhân ở có chẳng có, là phá về có biết vậy, ở không chẳng không, là phá không biết vậy. Tuy chẳng chấp thủ ở có, là phá cũng có biết cũng không biết vậy. Nhưng cũng chẳng xả bỏ ở có không, là phá chẳng phải có biết, chẳng phải không biết vậy. Nhưng thuyết bốn phá trên tuy trước sau biện giải đó chẳng đồng, mà ý luận chỉ ở trong một câu thì lý bốn câu tròn đủ. Tại sao? Ở có chẳng có tức là ở không chẳng không tức là chẳng chấp thủ có không tức là chẳng xả bỏ có không. Đó thì Thánh tâm năng mất bốn câu lìa các hiện lượng. Có thể gọi là không biết nói thiên lệch mà lý tròn đầy, nên nói không biết vậy.

Nay lại y theo nghĩa ý của tông bản để giải thích Bát-nhã vô tri, cũng là một nhà tốt lành vậy. Luận nói rõ Bát-nhã không biết là hai trí quyền thật bình đẳng đại tuệ vậy, nay thì lấy lược gồm rộng, nói đơn giản mà nghĩa đủ đầy, chỉ nói Bát-nhã thì hợp cả hai trí vậy. Cho nên Tông Bản nói: Hai trí hòa với Bát-nhã là gọi cho Đại Tuệ vậy". Tại sao? Nếu chỉ Bát-nhã quán ở thật tướng mà không quyền trí giẫm xen vào có thì đắm trệ nơi không. Nếu chỉ quyền trí giẫm xen vào có mà không Bát-nhã thấu đạt không, thì lúc giẫm xen ở có nhiễm ở trần lụy. Nếu năng hai trí tròn sáng thì chân trí quán chân đế mà chẳng chấp thủ không, quyền trí hóa vật mà chẳng đắm trước ở có. Nên trong luận nói: "Trí có soi xét của sâu cùng mà không biết". Tại sao? Đó là chân trí chiếu chân, chẳng chấp thủ ở không vậy. "Thần có dụng của ứng hợp". Tại sao? Đó là quyền trí giẫm tục chẳng chấp thủ ở có vậy. "Thần không lo nghĩ nên riêng làm vua ở ngoài đời, trí không biết nên năng cao chiếu ngoài sự". Đó nghĩa là hai trí đều năng chiếu chân thì trong quyền có thật. "Trí tuy ngoài sự mà chưa từng không sự, thần tuy ngoài đời mà trọn ngày trong vức vậy". Đó nghĩa là hai trí đều năng chiếu tục thì trong thật có quyền vậy, nhưng mà quyền thật tự tại, sự lý xen chứa, ở có chẳng thủ lấy nơi trần, ở không chẳng chìm đắm nơi tịch. Chân tục cả hai đều hết, không có cả hai đều mất. Đâu thật đâu quyền, ai cảnh ai trí? Thản nhiên chẳng có căn cứ, tiêu tán ngang dọc, chẳng lấy chẳng bỏ, có thể gọi là bình đẳng đại tuệ, nên nói Bát-nhã không biết vậy. Như trong luận Khởi Tín nói: "Nói về giác nghĩa, nghĩa là tâm thể lìa niệm, tướng lìa niệm là đồng như hư không giới, không nơi chẳng khắp. Pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của Đức Như Lai, y cứ thối thất đó mà nói tên là bản giác". Lìa niệm tức là không biết của trong luận đây. Thật biết của không biết tức là bản giác, bản giác tức

là Nhất thiết trí của Phật vậy. Không nói chẳng khắp là tức không nơi nào chẳng biết vậy. Phàm, tất cả cảnh giới chỉ là trong một niệm tâm, một lúc chóng biết không có sót thừa, chân tục đều chiếu, chẳng đọa lạc ở có không vậy. Nên trong luận nói: "Biết thế không biết, không biết tức biết, không vì nói khác mà khác nơi Thánh tâm vậy". Biết tức không biết tức là chân trí biết khắp, gọi là Nhất thiết trí vậy, không biết tức biết tức là không chủng chẳng biết, gọi là Nhất thiết chủng trí vậy. Thánh tâm chẳng khác, vì tâm không hai nên duy chỉ một trí, chỉ tùy cảnh chiếu nói có hai vậy. Hai đã chẳng hai, một cũng chẳng phải một. Nếu nói theo Thiên Thai tức nói ngay duyên Trung đạo gọi là Nhất thiết trí, song chiếu hai đế, gọi là Nhất thiết chủng trí. Lại nữa, trí Phật soi chiếu không, như điều thấy của hàng Nhị thừa gọi là Nhất thiết trí, chiếu giả như điều thấy của hàng Bồ-tát gọi là Đạo chủng trí. Trí Phật soi chiếu không đều thấy thật tướng gọi là Nhất thiết chủng trí, nên nói ba trí được trong nhất tâm. Nhất tâm tức là trí của Bát-nhã không biết vậy, vì tâm chẳng thuộc có không thường chiếu Trung đạo, tức là tự tánh có nghĩa là Đại trí tuệ quang minh, nghĩa chiếu khắp pháp giới, nghĩa chân thật thức trí. Nên nói đó là không biết mà tự biết vậy, tức chẳng vay mượn tác ý nên chẳng biết, tự tánh sáng chiếu nên tự biết vậy. Vì tánh của thần giải tự nhiên tịch mà thường chiếu, chẳng nương tựa nơi khác mà khởi vậy. Nên trong Tín Tâm Minh nói: "Hư minh tự chiếu chẳng nhọc sức tâm". Lại nói: "Nếu thế tự không, biết của thủ tướng". Nên nói không biết, chẳng phải niệm trước khởi biết, đến niệm sau quên tức biết tưởng, sau đó mới gọi là không biết. Nếu như vậy thì thành tâm của vô ký, sao gọi là Bát-nhã không biết ư? Bởi là trí của không duyên, chiếu cảnh của không tướng. Chân cảnh không tướng, chân trí không biết, cảnh trí ngầm một, lý không gì chẳng tận, xét không đâu chẳng cùng. Có thể gọi là trí Phật thấy tánh vậy. Lại nữa, phàm có biết của chấp thủ tướng thì tâm có gián ngại, chẳng thể dơ sạch đồng như, có không một yếu chỉ, chiếu không mà ở biện có, biết tục trái với rõ chân, chẳng thể tròn soi muôn pháp, nên nói có nơi không biết vậy. Trong Vĩnh Gia Tập nói: "Nếu dùng biết biết lắng, đó chẳng không duyên biết, tợ tay nắm như ý, chẳng không tay như ý. Nếu dùng tự biết biết, cũng chẳng không duyên biết, như tay tự làm nắm, chẳng phải không nắm tay, cũng chẳng biết biết lắng, cũng chẳng tự biết biết, không thể là không biết, tự tánh rõ ràng vậy, chẳng đồng như gỗ đá, tay chẳng nắm như ý, cũng chẳng tự làm nắm, không thể làm không tay, vì tay an nhiên vậy. Chẳng đồng với sừng thỏ". Cho đến

nay nói biết là chẳng phải biết, biết chỉ biết mà thôi, thì trước chẳng tiếp diệt, sau chẳng dẫn khởi, trước sau đoạn tục khoảng giữa tự đơn lẻ. Đương thể chẳng đoái hoài ứng thời tiêu diệt. Biết thể đã diệt rồi, chợt nhiên như đánh không, tịch ấy thời gian ngắn, chỉ giác không nơi được, tức giác không giác, giác của không giác khác với gỗ đá. Hòa thượng Quán nói: "Biết của không duyên nói trên, đó là diệu của Thiền tông, vì kia chỉ hiển bày chân trí vô duyên lấy làm chân đạo. Nếu đoạt đó là chỉ hiển bày bản tâm chẳng tùy theo vọng tâm, chưa có trí tuệ chiếu rõ tâm nguyên, nên phải năng sở bình đẳng, đều chẳng mất chiếu, vì biết của không biết, biết đó biết ở không tịch không sinh Như Lai tạng tánh, mới là diệu vậy". Nhưng trên, y cứ giáo phương tiện tuy phân đốn tiệm, chẳng lìa nhất tâm, như có kệ tụng nói:

"Các luận mỗi khác mối,
Lý tu hành không hai,
Tranh chấp có phải quấy
Thấu đạt không trái cãi".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 37

Hỏi: Phàm muôn hạnh giáo pháp đều căn cứ tâm giải, chỉ như kinh giáo chư Phật giảng nói, đều dùng danh cú văn thân thuyên bày mới thành pháp nghĩa, vậy cớ sao chỉ nói rõ về nhất tâm mà thôi?

Đáp: Nay tạm căn cứ theo các bậc cổ đức, cơ ứng hợp nói, chất ảnh cả hai đều rõ. Phật dạy: "Từ mới đầu tỏa ánh sáng đến cuối cùng nơi rừng hạc, chẳng từng nói một chữ, các ngươi cũng chẳng nghe". Đó là mất ý Phật nói, nói về bản chân pháp thể lìa ngôn thuyên nên chẳng nói một chữ, tức các pháp tướng vắng lặng, không thể dùng lời nói tuyên bày. Lại chỉ là Phật chẳng nói một chữ pháp ngoài tâm. Giáo thể là theo Hộ Pháp nói: Đức Như Lai đã thật hiện thân thật giảng nói pháp, đó tức thông dùng người nói người nghe, chánh gồm Thanh danh văn cú mà làm giáo thể. Giáo thể thông có hữu lậu vô lậu ảnh tượng bản chất tức là thích hợp người nghe, căn tánh đã thuần thục bèn cảm kích, từ trên thức Như Lai có tướng văn nghĩa sinh. Phật dùng duyên lực bản nguyện đại bi tức vì chúng sinh nói pháp ba thừa. Có các thứ thanh danh văn cú là chánh bản chất vô lậu giáo, nếu là hàng chúng sinh ba thừa năm tánh, ở bên cạnh Phật nghe pháp chẳng thể xác thực nghe, tự biến tướng phần mà duyên có các Thanh danh văn cú tức thủ lấy hữu lậu vô lậu, là ảnh tượng kiêm giáo, tức dùng chất giáo làm gốc năng hiện ảnh tượng vậy, ảnh tượng giáo làm ngọn y tựa chất mà cóvậy. Do đó, thủ lấy bản chất giáo làm chánh giáo thể, ảnh tượng giáo làm kiêm gồm giáo thể".

Bồ-tát Vô Tánh hỏi vặn rằng: "Tông ta chỉ lấy ảnh tượng tướng phần trên thức chúng sinh làm giáo thể, tức là chẳng trái với Duy thức. Còn Hộ Pháp ngươi nếu lấy bản chất Thanh danh văn cú của Phật làm giáo thể, tức là ngoài tâm có pháp, sao thành Duy thức?

Hộ Pháp đáp: Tông của Duy thức ước về thân gần tướng phần, lúc chúng sinh nghe biến khởi tướng phần mà duyên, chẳng phải thủ lấy chất khác để làm tự tánh. Nhưng bản chất khác tức Phật Bồ-tát cũng

thành Duy thức nên chẳng trái nhau.

Hỏi: Sao chẳng chỉ thủ lấy bản chất làm chánh giáo thể tức thôi?

Đáp: Duyên chúng sinh chẳng thể thân gần nghe chất vô lậu nên hẳn nhờ ảnh tượng.

Hỏi: Nếu vậy sao chẳng chỉ thủ lấy ảnh tượng làm giáo thể là thân gần nghe vậy?

Đáp: Tuy tức thân gần nghe nhưng hẳn phải nhờ bản chất. Do đó, trong luận Duy thức nói: "Dần dà sức lớn mạnh, hai thức thành quyết định". Nói dần dà sức lớn mạnh tức Phật và chúng sinh qua lại làm duyên tăng thượng. Nói hai thức thành quyết định tức là căn chúng sinh quyết định và bi của Như Lai quyết định nghĩa chúng sinh căn thuần thục hợp nghe pháp quyết định, Đức Như Lai tức có bi quyết định, quyết định nói pháp cho chúng sinh, làm duyên tăng thượng vậy. Lại, ảnh chất các sư chẳng có không, nên phải có bốn câu để phân biệt: Một là, chỉ chất không ảnh, tức là Tiểu thừa Hữu Bộ v.v...; Hai là, Chỉ ảnh không chất, tức các sư Long Quân, Vô Tánh; Ba là, Câu cú (đều câu), tức các sư Hộ Pháp, Thân Quang; Bốn là, câu phi (đều chẳng phải), tức các sư Long Mãnh, Thanh Biện. Nghĩa là kia chấp trong môn Thắng nghĩa chẳng biện giải giáo thể, toàn bác Bồ-đề Niết-bàn là không vậy. Trên đây nói về bốn câu trong môn khoa giảm chất ảnh cả hai đều thông. Luận sư Hộ Pháp là Thắng, nhưng nếu nói về danh cú văn thân giải thích, giải thích bày tỏ đều là ý ngôn phân biệt, phàm có phân tích so lường chẳng vượt ngoài tâm thức, cho đến năng thuyết sở thuyết đều thuộc thấy nghe hay biết, tâm bao hàm cả thiện ác, các tâm sở v.v... không có một pháp nào vượt ra ngoài tâm. Phải biết tâm đây là tóm thâu của các pháp, hiển sự hợp lý, tâm có thể làm khuôn phép gìn giữ. Nên gọi là kinh đâu chỉ ở tâm, cho đến tất cả sáu trần thảy đều là kinh, vì tâm khắp tất cả xứ vậy. Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Lịch pháp minh kinh (trải qua pháp mà rõ kinh)" là nếu lấy kinh làm chánh phiên, vậy pháp nào là kinh? Xưa trước dùng ba thứ: Một là, dùng thanh (tiếng) làm kinh, như Phật từ kim khẩu diễn nói, chỉ có thanh âm thuyên giảng rõ ràng, người nghe đắc đạo, nên lấy thanh làm kinh. Trong Kinh Đại Phẩm nói: "Được nghe từ thiện tri thức vậy"; Hai là, dùng sắc làm kinh. Nếu Phật còn tại thế có thể dùng thanh làm kinh, nay Phật đã thị tịch, giấy mực lưu truyền gìn giữ nên dùng sắc làm kinh. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Nghe từ trong kinh quyển"; Ba là, dùng pháp làm kinh, nên nói người tu pháp ta, chứng là tự biết. Lại, dùng trần làm kinh, như người ở phương này Nhĩ thức bén lợi, có khả năng đối với Thanh trần

phân biệt thủ lấy tỏ ngộ, thì thanh là kinh đó, còn các thứ khác chẳng phải kinh. Nếu ý thức bén lợi là tự có thể nghiên cứu tâm tư duy lấy quyết định, pháp là kinh đó, đối với các thứ khác chẳng phải kinh, nhãn thức bén lợi, văn tự giải thích so lường mà đắc đạo lý, sắc là kinh đó, còn các thứ khác chẳng phải kinh, phương này dùng ba trần mà thôi. Ba thức khác ám độn, mũi ngửi giấy mực thì không biết gì, thân xúc chạm quyển kinh cũng chẳng thể hiểu. Lưỡi nếm văn tự sao phân biệt được phải quấy. Ở các phương khác, cũng có dùng cả sáu trần, cũng có riêng dùng một trần, như trong kinh Tịnh Danh nói: "Dùng một thức ăn thí cho tất cả, ở thức ăn bình đẳng, ở pháp cũng bình đẳng, ở pháp bình đẳng ở thức ăn cũng bình đẳng". Đó là riêng dùng một thiệt căn sở đối làm kinh. Hoặc có cõi nước dùng áo trời xúc chạm thân tức đắc đạo, đó là riêng dùng xúc làm kinh. Hoặc thấy ánh sáng của Phật mà đắc đạo, đó là riêng dùng sắc làm kinh. Hoặc vắng lặng không lời nói, quán tâm mà đắc đạo, đó là riêng dùng ý làm kinh, như cõi Hương tích dùng hương Phật sự, đó là riêng dùng Hương làm kinh. Ở phương khác, sáu căn thức bén lợi, sáu trần được làm kinh, cõi này ba căn thức ám độn, mũi không kịp như lừa chó nai v.v... làm sao đối với hương vị xúc v.v... năng được thông đạt.

Hỏi: Căn bén lợi nên đối với trần là kinh. Còn căn ám độn đối với trần là chẳng phải kinh ư?

Đáp: Sáu trần là pháp giới, thể tự là kinh, chẳng phải căn bén lợi chấp thuận phương mới là kinh. Tại sao? Trong kinh Đại Phẩm nói: Tất cả pháp thú sắc", là thú hướng chẳng vượt quá sắc đó, năng giải thích tất cả pháp, như mực sắc mực, một vạch gọi là nhất, hai vạch gọi là nhị, ba vạch gọi là tam, một vạch dọc gọi là vương, chân phải vạch gọi là sửu, chân trái vạch gọi là điền, lời bày trên gọi là do, lời bày thêm dưới gọi là thân, như vậy xoay chuyển giải bày không thể hết, hoặc một chữ giải rõ vô lượng pháp, vô lượng chữ cùng giải rõ một pháp, vô lượng chữ giải rõ vô lượng pháp. Một chữ giải rõ một pháp. Ở mực đen nho nhỏ xoay chuyển giải rõ lượng lớn khác, bên trái xoay giải rõ ác, bên phải xoay giải rõ thiện, chấm trên giải rõ vô lậu, chấm dưới giải rõ hữu lậu, giết hại nuôi sống cùng đoạt hủy dự khổ vui đều từ trong mực, lại không một pháp nào vượt ngoài mực đó. Tóm lại mà nói: Mực đen giải rõ vô lượng giáo, vô lượng hạnh, vô lượng lý, mực đen cũng là giáo bản, hạnh bản lý bản. Mực đen từ một chấm đầu tiên đến vô lượng chấm, từ chấm đến chữ, từ chữ đến câu, từ câu đến kệ, từ kệ đến quyển, từ quyển đến bộ. Lại từ trong một câu chữ, mới đầu lập hạnh nhỏ, sau hiển trước

hạnh lớn, lại từ trong chấm chữ, mới đầu thấy lý cạn, sau đến lý sau, đó gọi là sắc mực giáo hạnh nghĩa ba thứ nhỏ phát, cho đến phải biết chữ đen là gốc các pháp, xanh vàng đỏ trắng cũng lại như vậy, chẳng phải chữ chẳng phải chẳng phải chữ, song chiếu chữ chẳng phải chữ, chẳng thể nói chẳng phải chẳng thể nói, chẳng thể thấy chẳng phải chẳng thể thấy, nơi nào chọn lựa, nơi nào chẳng chọn lựa, nơi nào gồm nơi nào chẳng gồm, nơi nào biện nơi nào chẳng biện? Phải thì đều phải, quấy thì đều quấy, có thể ở sắc đen thông đạt tất cả quấy, ở tất cả quấy thông đạt tất cả phải, thông đạt tất cả quấy chẳng phải quấy phải, tất cả pháp tà, tất cả pháp chánh. Nếu ở sắc đen mà chẳng giải hiểu như vậy thì không biết chỉ và chẳng phải chữ, xanh vàng đỏ trắng có đối không đối, đều chẳng thể biết. Nếu ở sắc đen mà thông đạt, biết các sắc khác cũng lại như vậy, đó tức là ý kinh Pháp Hoa, lấy sắc làm kinh vậy. Thanh trần cũng như vậy, hoặc một thanh giải rõ một pháp, Nhĩ căn bén lợi tức giải hiểu thanh, nhân duyên mến thấy, tức không tức giả tức trung, biết môi lưỡi răng nếu đều không thể được, thanh tức chẳng phải thanh tịnh, chẳng phải thanh cũng thanh tịnh, chẳng phải thanh chẳng phải chẳng phải thanh. Thanh là nghĩa gốc của giáo hạnh, các thứ nghĩa khác đều nói như trên. Đó tức là thông đạt thanh kinh. Hương vị xúc v.v... cũng lại như vậy. Trong kinh nói: "Tất cả thế gian sinh sống sản nghiệp đều cùng thật tướng chẳng trái ngược nhau", tức là ý đây vậy. Ngoài vào đều qua khắp pháp giới, trong vào cũng như vậy, trong ngoài vào cũng như vậy. Trong kinh nói: "Chẳng phải quán bên trong được giải thoát, cũng chẳng lìa quán bên trong được giải thoát v.v...". Lại nói: "Năng quán tâm tánh, gọi là thượng định". Tâm là thể, phàm có tâm là sẽ đắc ba Bồ-đề. Tâm là tông, chế tâm một xứ, không sự gì chẳng xong, tâm là dụng, ba cõi không pháp riêng khác, chỉ là nhất tâm làm, giác quán tâm là nói gốc, vì tâm phân biệt ở tâm, chứng tâm là giáo tướng, nên nói: Hương hoa mây cây tức là pháp môn của pháp giới, cõi nước chúng sinh vốn là chánh thể của mười thân. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Biết tất cả pháp là tạng chánh tư duy".

Hỏi: Nếu ngoài tâm không pháp, chỉ nghe không người nói, cớ sao Phật nói: "Pháp ta đã giảng nói như lá trong tay". Lại, Phật đều từ nói "Từ lúc ta thành Phật lại nay chẳng nói một chữ" v.v... ư?

Đáp: Xưa trước giải thích: "Lá trong rừng dụ cho y cứ làm duyên đó, khiến các hữu tình thức biến pháp giải, gọi là ta đã nói như lá trong tay, chưa vì làm tác duyên, tự tâm chúng sinh chưa khởi, gọi là ta chưa nói như lá trong rừng. Nói về làm tăng thượng gọi là nói chưa nói". Lại

trong Duy thức kính có hỏi: Trong đây đã nói Phật đều tự nói, cớ sao nói Phật chẳng nói pháp, há chẳng phải tự nói trái nhau ư? Đáp: Đó cũng là người có thể nghe từ thức biến sinh, Phật thật chẳng nói, chỉ là tăng thượng, chúng sinh biến trên thức nói đó vậy, nên dẫn làm chứng.

Hỏi: Chỉ rõ nhất tâm năng thành quán sâu, nếu không vị thứ, trắng đen sao phân? Phải hợp với giáo thừa để vén dẹp dối lạm, giáo quán cả hai rành rẽ mới khế hợp tâm Phật ư?

Đáp: Thật như nói đó, khuyết một không thể được, Viên giáo quán tâm phải rõ lục tức. Vì ba quán nên khỏi đếm vật báu kẻ khác, vì lục tức nên không tâm tăng thượng. Nhưng tâm chẳng phải số lượng, đâu có văn của bốn sáu, lý hợp cao sâu, ai phân vị sâu cạn, chỉ vì chứng vào có khác, chợt phân môn bốn giáo, thăng tấn có khác nên xếp vị lục tức. Đây rút từ chánh văn chỉ quán của Thiên Thai, lạt lẽo lạm ở sơ tâm, chứng rốt ráo ở vị sau. Trong luận Chỉ Quán nói: "Nói về lục tức, hiển bày phải đó". Hỏi: Vì tâm mới đầu phải hay tâm sau phải? Đáp: Như trong luận nói: Cháy nóng chẳng phải mới đầu, chẳng lìa mới đầu, chẳng phải sau, chẳng lìa sau. Nếu trí tin đầy đủ, nghe một niệm tức phải. Tin nên chẳng phỉ báng, trí nên chẳng sợ, mới đầu và sau đều. Nếu không tin, cao suy cảnh thánh, chẳng phải phần trí mình, nếu không trí, khởi tăng thượng mạn cho rằng: Mình bằng Phật, mới đầu và sau đều quấy. Vì sự đó nên phải biết lục tức, đó là: Lý tức, danh tự tức, quán hạnh tức, tương tợ tức, phần chân tức, cứu cánh tức. Lục tức đó mới đầu là phàm cuối cùng là Thánh, mới đầu phàm nên trừ Nghi Khiếp, sau cùng Thánh nên trừ mạn đại. Lý tức là, một niệm tâm tức lý Như Lai tạng. Như nên tức không, tạng nên tức giả, lý nên tức trung. Ba trí trong một tâm, đầy đủ chẳng thể nghĩ bàn. Ba đế một đế, chẳng phải một chẳng phải ba, một sắc một hương, tất cả pháp, tất cả tâm cũng lại như vậy, gọi là lý tức Bồ-đề, cũng là lý tức Chỉ Quán. Tức tịch gọi là chỉ, tức chiếu gọi là quán. Danh tự tức là lý tuy tức phải, sử dụng thường ngày mà không biết, vì chưa nghe ba đế, toàn chẳng biết Phật pháp, như mắt trâu dê chẳng biết pháp góc. Hoặc theo tri thức, hoặc từ kinh quyển nghe nói Bồ-đề một thật như trên, ở trong danh tự thông đạt hiểu rõ, biết tất cả pháp đều là Phật pháp. Đó gọi là danh tự tức Bồ-đề, cũng là danh tự chỉ quán. Nếu lúc chưa nghe, rong cầu khắp xứ, đã được nghe rồi dứt tâm men tìm gọi là chỉ, chỉ tin pháp tánh, chẳng tin gì khác, gọi là quán. Quán hạnh tức là nếu chỉ nghe danh miệng nói, như trùng ăn gỗ, chột được thành chữ, trùng đó chẳng biết, là chữ hay chẳng phải chữ. Đã không thông đạt, sao là Bồ-đề, hẳn phải tâm quán rõ ràng, lý tuệ tương

ưng, điều làm như điều nói, điều nói như điều làm. Hoa Thủ nói: "Ngôn thuyết gọi là chẳng hành, ta chẳng dùng ngôn thuyết, chỉ tâm hành bình đẳng". Đó là tâm miệng tương ưng, là Quán hạnh Bồ-đề. Trong Thích Luận nói: "Bốn câu bình nghe tuệ đầy đủ, như mắt được mặt nhật soi chiếu rõ không hẹp hòi". Quán hạnh cũng như vậy, tuy chưa khế lý, quán tâm chẳng dứt, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm thí dụ bắn đích. Đó gọi là Quán hạnh Bồ-đề, cũng gọi là Quán hạnh chỉ quán, luôn làm tưởng đó gọi là quán, các tưởng khác dứt gọi là chỉ. Tương tợ tức Bồ-đề vì đó càng quán càng sáng, càng chỉ càng tịch, như bắn gần đích, gọi là tương tợ quán tuệ. Tất cả mọi sự sinh sống sản nghiệp trong thế gian đều chẳng trái ngược nhau, như có các thứ tư tưởng đo lường đều là điều nói trong kinh của Phật xưa trước, như nói trong sáu căn thanh tịnh, viên phục vô minh gọi là chỉ, tợ trong tuệ gọi là quán. Phần chân tức là nhân sức của tương tợ quán vào địa vị đồng luân, mới đầu phá vô minh thấy Phật tánh, mở kho báu, hiển bày chân như, gọi là phát tâm trụ, cho đến Đẳng giác, vô minh nhỏ mỏng, trí tuệ chuyển hiển rõ, như từ đầu tháng đến ngày mười bốn, trăng sáng dần tròn, mờ tối dần hết. Nếu người đáng dùng thân Phật mà được độ, tức tám tướng hành đạo. Đáng dùng thân chín pháp giới mà được độ, dùng Phổ môn bày hiện, như trong kinh nói rộng, đó gọi là phần chân Bồ-đề, cũng gọi là phần chân chỉ quán, phần chân trí đoạn. Cứu cánh tức Bồ-đề là Đẳng giác một lần chuyển vào Diệu giác, trí sáng tròn đầy, lại chẳng thể thêm, gọi là quả Bồ-đề, Đại Niết-bàn đoạn lại không thể đoạn, gọi là quả quả. Đẳng giác chẳng thông, chỉ Phật năng thông, quá trà không đạo có thể nói, nên gọi là cứu cánh Bồ-đề, cũng gọi là cứu cánh chỉ quán.

Các bậc cổ đức nói về bốn giáo nói rõ Lục tức là, như tạng giáo chấp sắc là có, bày nhân độ vụng phá bẻ gãy, thành quả chỉ không tàn dứt. Thông giáo chấp sắc tâm là không, rõ tông duyên sinh không tánh, mất lý Trung đạo chẳng không. Biệt giáo từ tâm sinh mười pháp giới, tâm chỉ có năng sinh, lý tánh của mười giới. Chưa tức tiện đầy đủ nhân quả của mười giới, như từ đất sinh ra tất cả cỏ cây, chỉ từ nhất tâm lần lượt sinh ra mười giới. Viên giáo tâm đủ mười pháp giới, chẳng đợi năng sở sinh, cũng không khoảng trước sau, chỉ một niệm là mười giới, chỉ mười giới là một niệm, tất cả thời, tất cả xứ, tất cả pháp, trong thể mỗi niệm thường tròn đầy, trần sa muôn đức chẳng thiếu khuyết một phần ít, tám vạn hoặc nghiệp chẳng thể đoạn một phần, chẳng cho rằng: Phật là quả đầu cực Thánh, ta chưa chứng được, chẳng cho rằng: Phàm là tận đáy uế dơ, ta nên xả lìa, xem khắp pháp giới tại đầu một niệm tâm, như

một viên châu ánh suốt sáng trắng, viên giải lại không giác quán, tấn tu cũng chẳng thấy có phàm thánh. Lấy bỏ phân biệt vọng niệm đều hết vậy. Vì người mới đầu tiên lòng tin chưa được thuần tịnh, phiền não có dày mỏng, tập khí có cạn sâu, phân biệt khó quên, phan duyên dễ khởi, tâm nổi quán cạn, hoặc nặng cảnh mạnh, ở trong đối trị đó nên phân lục tức. Bởi vì, tâm tánh phàm phu bản thể thật ngang bằng thượng thánh, chỉ vì phàm phu chưa thể thường dùng gốc, tùy cảnh sinh tâm, phân biệt so lường ngàn sai muôn khác, tuy ở trong nhân đạo mà tâm phần nhiều chẳng định, hoặc phát tâm địa ngục, hoặc phát tâm ngạ quỉ súc sinh, huống gì là trời người thiện đạo, ba thừa Thánh đạo. Vọng tập từ vô thủy sao có thể chóng dứt trừ, tuy có thấy hiểu, nhưng chưa thể thường chiếu nên là phàm vậy. Nếu sinh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề là lý tức vậy, nếu năng tạm chiếu đế lý tức ngồi tòa Phật, chứng thân Phật, dùng pháp Phật, ngay một niệm đó lúc tròn hiện, chẳng thấy mười phương Phật khác thân và niệm ta đây vậy, hiểu mà chưa tu, gọi là danh tự tức, niệm có phân số gọi là Quán hạnh tức, niệm tợ ở cảnh gọi là tương tợ tức, cảnh vào ở niệm, gọi là phần chân tức, không cảnh không niệm, gọi là cứu cánh tức. Tuy sáu mà thường một, nào phàm vào thánh. Tuy một mà thường sáu, phàm thánh cách tuyệt. Lại, sáu mà thường một nên nói là tức, một mà thường sáu nên trước sau chẳng đều. Ngay lúc quán niệm chẳng phải một chẳng phải sáu. Lại thí như chẳng lìa nhà bần nữ mà được vàng là tức vậy, bần nữ được vàng tức giàu, có thể dụ chúng sinh tức Phật, lấy vàng có thứ tự, há chẳng phải sáu ư? Cày bỏ cỏ dơ, quán hạnh nhiếp phục hoặc vậy, đào bới đất gần vàng, tợ thấy vật mà chưa rõ ràng, đâu chẳng phải tương tợ, thâu được một phần, đâu chẳng phải phần chân, được thọ dụng tất cả, người nữ mừng vui há chẳng phải là cứu cánh ư? Vì vậy chóng ngộ tông rồi lại phải ngôn hành tương ưng, đã được vốn thanh tịnh lại phải lìa dơ thanh tịnh, như trong kinh Đại Tập có kệ tụng nói:

"Xa lìa tất cả các phiền não,
Thanh tịnh không dơ như chân thật,
Tâm đó năng làm ánh sáng lớn,
Đó là đuốc báu Đà-la-ni".

Lại nói: "Nếu có chẳng rõ tất cả cảnh giới và tự cảnh giới, người như vậy thì năng điều phục".

Hỏi: Đức Như Lai không nói lời bí mật, Tôn giả Ca-diếp chẳng che giấu, thì tâm chúng sinh thường tự rõ hiện, sao phải giáo quán chỉ bày, rộng luận ngang dọc?

Đáp: Chỉ vì thấy biết của Phật ẩn chứa tại tâm chúng sinh, tuy là hiển hiện mà người mê không biết, vì khách trần che lấp vọng thấy sở chướng, tuy có như không, tợ kho báu thế gian bị vật che khuất, chẳng có biết đó. Vì vậy phải đích xác chỉ bày nơi kho báu đó khiến thật được thấy, bèn được báu đó, lợi tế vô cùng, đây cũng như vậy, nhân môn phương tiện đó mà được thấy tâm báu, bên do duyên trọn, vốn liếng phát đích thực hiện tiền, kho trí đầy lớn pháp tài đầy đủ. Có thắng lợi đó, vết giáo chẳng phải hư, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thí như biển lớn tuy đồng vị mặn, trong đó cũng có nước thượng diệu. Vị đồng so như sữa. Như tại núi tuyết tuy thành tựu các thứ công đức, sinh mọc các thứ cỏ thuốc, nhưng cũng có cỏ độc. Thân các chúng sinh cũng lại như vậy, tuy có bốn đại chủng rắn độc, trong đó cũng có diệu dược. Đại vương! Nói Phật tánh, chẳng phải là pháp làm ra, chỉ vì khách trần phiền não phủ che. Nếu Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la mà hay đoạn trừ, tức thấy Phật tánh, thành đạo Vô thượng". Do đó, các bậc Cổ đức nói: "Mở nguồn tánh mọi vật", là do vì tánh của chúng sinh bao hàm biển trí, thức suốt chân không, chỉ bởi áo che châu sáng, nhà chôn kho kín, cần nhờ mở bày khiến rõ vào đó, phải nhờ quán tuệ để khế hợp vô sinh. Người muốn rộng thông nghĩa dụng đó, phải rõ pháp môn ngang dọc. Dọc chỉ nhất tâm, ngang khắp tất cả. Tâm chẳng phải ngang dọc, ngang dọc là tâm, ẩn hiển đồng thời cuộn buông vô ngại, niệm niệm tương tức, pháp pháp dung thông, đem dọc ước ngang thì không ngang mà chẳng dọc, đủ tất cả câu, và mỗi mỗi câu đều rộng bằng pháp giới. Do đó, Nghĩa Hải nói: "Thể không riêng khác, nêu thì toàn bén nhọn, lý chẳng khác đường, đàm nói đều chóng hiển hiện, do vì tướng hai bên hết, thể sai biệt dung, tùy trí cuộn buông ứng cơ co duỗi. Cho nên nói khởi tức khởi, ai nói đường đó chẳng thông, nêu nhiều tức nhiều, ai bảo pháp đó chẳng tại, nên biết lập giáo đều vì đối cơ. Cơ nghi chẳng đồng, giáo phân nhiều thứ. Vả lại, như quán sắc một pháp, năm giáo chứng vào chẳng đồng. Mới đầu, Tiểu thừa thấy là thật sắc, chẳng nói tánh không, sơ giáo thấy đó là sắc pháp từ duyên tạo thành hẳn không tự tánh, tức không, không chỗ có như sóng về nước, Chung giáo thấy sắc không vô ngại, vì chân không chẳng giữ tự tánh, tùy duyên thành sắc tức là huyễn sắc, bèn nhờ không mà thành, tức sắc của nhờ không đó hư tướng không thể, luôn tự tánh hết mà không hiện, cho nên sắc tức không mà thường hết sạch, không tức sắc mà thường còn. Cốt yếu do sắc của tự biết mới là không sắc, không của thành sắc mới là chân không, toàn thể chứa nhau không có chướng ngại như nước vào sóng. Đốn giáo thì

một sắc pháp không gì chẳng phải chân lý thâu gồm, cho nên sắc đó tức chân lý một vị bình đẳng, lại không pháp ràng buộc mà có thể hiển bày nói, nước sóng cả hai đều tuyệt. Viên giáo thì khởi tức toàn thâu, một chiều thâu gồm nhau, đồng thời thành lập một khối tròn sáng, tùy nêu tức sắc tùy nêu tức không, nghĩa vị tự tại tùy trí lấy dùng. Tại sao? Tùy nêu một môn mà không môn nào chẳng hiển hiện. Các bậc Cổ đức nói: "Đều vốn nhất tâm mà suốt cả các pháp". Phàm, nhất tâm là tổng của muôn pháp, phân mà thành giới định tuệ, mở mà làm Lục độ, tán mà làm muôn hạnh, muôn hạnh chưa từng chẳng phải nhất tâm, nhất tâm chưa từng trái với muôn hạnh. Nhưng mà, nhất tâm là nơi sinh ra muôn pháp và chẳng thuộc ở muôn pháp. Đắc đó thì đối với pháp tự tại vậy, thấy đó thì đối với giáo vô ngại vậy. Vốn chẳng phải pháp, không thể dùng pháp nói, vốn chẳng phải giáo không thể dùng giáo truyền, đâu có thể dùng khuôn vết mà tầm ư? Nên biết chỉ nghiên cứu tinh tường một pháp, soi chiếu bên trong rõ ràng, tự nhiên mềm mại, vào thần thuận tánh của pháp giới, không tâm hợp đạo giẫm rảo môn nhất tế. Vì vậy, trong luận Đại Trí Độ nói: "Vì tâm người phần nhiều tán loạn như cuồng như giặc như say, nhất tâm kính cẩn thận trọng là môn đầu tiên của các công đức, nhiếp tâm đắc thiền bèn đắc trí tuệ chân thật, đắc trí tuệ chân thật bèn đắc giải thoát, đắc giải thoát bèn đắc hết khổ, mọi sự như vậy đều từ nhất tâm mà được." Trong Hoa Nghiêm Tư Ký nói: "Không trói buộc không đấm kẹt, hồi hướng là chỉ rõ tất cả đều như. Sở dĩ không trói buộc đấm kẹt vậy, là biết tất cả đều không tròi mở, một pháp đã vậy, tất cả pháp cũng vậy. Do đó, tất cả pháp là một pháp, một pháp tức tất cả pháp. Nếu tất cả pháp đều không tánh tức là Phật phân thân nhóm tập, tháp báu xuất hiện, núi Tu-di đặt vào trong hạt cải vậy". Suốt đạt như vậy thì một giải hiểu ngàn cùng theo, thì biết Phật hướng từ trong không chỗ có mà sinh ra, pháp ở trong rốt ráo không mà dựng lập, vì không sinh không tánh vậy, xoay chuyển do tâm, bên được tụ tán đồng thời lớn nhỏ tức nhập. Vì vậy nghĩa thú sum-la, ảnh tượng báo hóa, cho đến vô lượng đức nghiệp, thần thông rộng lớn, ở trong Tông Kính đồng lúc hiển hiện. Vả lại, rồng sò v.v... các loại toàn là thân của nghiệp quả sinh tử, còn hiện lực dụng chẳng thể nghĩ bàn, huống gì là tỏ ngộ căn bản đầy đủ trí như thật mà chẳng thể hiện thần dụng rộng lớn ư? Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Như La-hầu A-tu-la vương thân vốn dài bảy trăm do-tuần, hóa hình dài mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, ở trong biển lớn hiện bày nửa thân đó, so với núi Tu-di mà chánh ngang bằng. Phật tử! A-tu-la vương kia tuy hóa thân đó dài mười sáu vạn tám

ngàn do-tuần nhưng cũng chẳng hoại tượng thân gốc. Các uẩn xứ giới thảy đều như gốc, tâm chẳng sai loạn, chẳng ở nơi thân biến hóa mà khởi tưởng khác, ở thân gốc đó sinh tưởng chẳng phải mình. Thân vốn thọ sinh luôn thọ các vui, hóa thân thường hiện các thứ oai lực thần thông tự tại. Phật tử! A-tu-la vương có tham nhuế si đầy đủ kiêu mạn còn có khả năng biến hiện thân đó như vậy, huống gì Bồ-tát Ma-ha-tát năng thấu đạt tâm pháp như huyễn sâu sắc, tất cả thế gian thảy đều như mộng, tất cả chư Phật xuất hiện nơi đời đều như ảnh tượng, tất cả thế giới giống như biến hóa, ngôn ngữ âm thanh đều là như tiếng vọng, thấy pháp như thật, dùng pháp như thật mà làm thân đó, biết tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, rõ biết thân tâm không có thật thể, thân đó trụ khắp vô lượng cảnh giới, dùng ánh sáng trí tuệ rộng lớn của Phật, tịnh tu tất cả hạnh bình đẳng. Cho đến như có vị huyễn sư tùy ở một nơi làm các huyễn thuật, chẳng dùng đất huyễn nên hoại ở đất gốc, chẳng dùng ngày huyễn nên hoại ở ngày gốc. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, ở nơi không cõi nước hiện có cõi nước, ở nơi có cõi nước hiện không cõi nước, ở nơi có chúng sinh hiện không chúng sinh, ở nơi không chúng sinh hiện có chúng sinh, nơi không sắc hiện sắc, nói sắc hiện không sắc, trước chẳng loạn sau, sau chẳng loạn trước, Bồ-tát rõ biết tất cả pháp thế gian đều cũng như vậy đồng ở huyễn hóa. Biết pháp huyễn nên biết trí huyễn, biết trí huyễn nên biết nghiệp huyễn. Biết trí huyễn nghiệp huyễn rồi khởi ở huyễn trí, quán tất cả nghiệp như thế huyễn, chẳng ở ngoài xứ mà hiện huyễn đó, cũng chẳng ở ngoài huyễn mà có xứ đó. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, chẳng ở ngoài hư không mà vào thế gian, cũng chẳng ở ngoài thế gian mà vào hư không. Tại sao? Hư không và thế gian không sai biệt nên trụ ở thế gian cũng trụ ở hư không. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong hư không, năng thấy năng tu tất cả các thứ nghiệp sai biệt diệu trang nghiêm ở thế gian, ở khoảng một niệm đều hay rõ biết vô số thế giới, hoặc thành hoặc hoại, cũng biết các kiếp thứ lớp tương tục, năng ở một niệm hiện vô số kiếp, cũng chẳng khiến một niệm đó rộng lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát đắc trí huyễn đồng chẳng thể nghĩ bàn, đến nơi bờ kia trụ ở mé huyễn, vào đời số huyễn, tư duy các pháp thảy đều như huyễn, chẳng trái đời huyễn, đều ở nơi huyễn trí rõ biết ba đời cùng huyễn không khác biệt, quyết định thông đạt, tâm không ngằn mé. Như các Đức Như Lai trụ trí như huyễn tâm đó bình đẳng. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, biết các thế gian thảy đều như huyễn, ở tất cả xứ đều không đắm trước, không có ngã sở, như huyễn sư kia làm các việc huyễn, tuy chẳng cùng việc huyễn đó đồng trụ mà đối với việc huyễn

cũng không mê hoặc. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy. Biết tất cả pháp đến nơi bờ kia, tâm chẳng chấp ta năng vào nơi pháp, cũng chẳng nói pháp mà có thác loạn.

Hỏi: Chỉ như tự tâm, thì quán thế nào?

Đáp: Tánh bao gồm ngằn mé thủy chung. Thể chẳng phải duyên khởi tận. Thể khắp trong mê ngộ, tánh chẳng phải sự lầm hoặc giải hiểu. Lại nói: Phàm, nguồn tâm vốn tịnh vô vi vô số, chẳng phải một chẳng phải hai, không sắc không tướng, chẳng phải thiên lệch chẳng phải tròn đầy, tuy là hiểu biết, cũng không hiểu biết, hoặc niệm hay chưa niệm bốn vận động kiểm soát tâm, rốt ráo không thể được, đâu có thể thứ lớp chẳng thứ lớp, thiên lệch tròn đầy quán ư? Giống như hư không bình đẳng không có khác, tâm tánh đây rốt ráo không tâm, lúc có nhân duyên cũng được sáng rõ tâm. Đã có luận tâm tức có nghĩa của phương tiện chánh quán, thí như hư không cũng có âm dương, mưa mùa tâm cũng như vậy, tuy không thiên lệch hay tròn đầy cũng luận tiệm đốn. Nếu quán tâm đầy đủ có tánh được ba đế tánh được ba quán và tất cả pháp không trước không sau, không có thứ lớp, một niệm đầy đủ pháp mười pháp giới. Nếu quán tâm chẳng phải không chẳng phải có thì tất cả pháp từ tâm sinh cũng chẳng phải không chẳng phải có. Tất cả các pháp như vậy v.v... tại trong nhất tâm, phải biết quán tâm đây nguyên cùng Như Lai bình đẳng, nếu tác quán tròn đầy như vậy, người đó đi đứng nằm ngồi đều nên dựng tháp sinh tâm Như Lai, quán tâm như vậy gọi đó là quán Phật tâm. Trong Phụ Hành Ký nói: "Tâm tạo tức là tâm đầy đủ", nên dẫn văn của tâm tạo để chứng minh tâm đầy đủ. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: "Tâm như người thợ vẽ, họa vẽ các năm ấm, trong tất cả thế giới, không pháp nào chẳng tạo, như tâm Phật cũng vậy, như Phật chúng sinh vậy, tâm Phật và chúng sinh, cả ba không sai biệt. Nếu người muốn cầu biết, hết thảy Phật ba đời, phải nên quán như vậy, tâm tạo các Như Lai". Chẳng giải hiểu văn đây làm sao hiểu rõ kệ tụng? Tâm tạo tất cả, ba không sai biệt, nói tâm tạo là chẳng vượt ngoài hai ý: Một là, nói về lý, tạo tức là đầy đủ; Hai là, nói về sự, chẳng vượt ngoài ba đời. Ba đời lại có ba: Một là, quá khứ tạo ở hiện tại, quá khứ và hiện tại tạo ở tương lai, như từ vô thủy lại hiện tại cho đến tạo ở tận cùng ngằn mé ở tương lai, tất cả các nghiệp chẳng vượt ngoài mười giới trăm giới, ngàn như ba ngàn thế gian; Hai là, hiện tại tạo ở hiện tại, tức là hiện tại đồng nghiệp cảm nên, đuổi theo cảnh mà tâm biến, gọi đó là tạo, vì tâm có nên tất cả đều có, vì tâm không nên tất cả đều không, như điều thấy của một vị quan ở đời chẳng đồng hoặc

là sợ là mến, là thân là oán; Ba là, Thánh nhân biến hóa tạo nên, cũng khiến chúng sinh biến tâm thấy thành, đều do lý đầy đủ mới có sự dụng, nay muốn tu quán, chỉ quán lý đầy đủ, đều phá đều lập đều là pháp giới, mặc tình gồm được, quyền thật hiện nên.

Hỏi: Chẳng nghĩ bàn đây cũng nói về thứ lớp để giải thích mười pháp giới, so với nghĩ bàn có gì khác biệt?

Đáp: Kỳ thật không khác biệt, nghĩ bàn là làm thuyết từ tâm sinh, chẳng nghĩ bàn làm thuyết nhất tâm đầy đủ. Nếu hay tin hiểu như trên thì phước đức vô lượng, Phật xác thực so sánh muôn hạnh khó đền. Như trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

"Nếu người cầu tuệ Phật,
Trong tám mươi muôn ức,
Na-do-tha số kiếp,
Hành năm Ba-la-mật.
Ở trong các kiếp đó,
Bố thí cúng dường Phật,
Và đệ tử Duyên giác,
Cùng các chúng Bồ-tát.
Các thức ăn ngon lạ,
Thượng phục và đồ nằm,
Chiên-đàn dựng tinh xá,
Dùng vườn rừng trang nghiêm.
Như vậy mà bố thí,
Các thứ đều vi diệu,
Thanh tịnh không khuyết kém,
Cầu nơi Đạo Vô thượng.
Chư Phật đều khen ngợi,
Nếu lại hành nhẫn nhục,
Trụ ở vị Điều nhu,
Như có kẻ ác lại.
Tâm không hề lay động,
Những người có đắc pháp,
Ôm lòng tăng thượng mạn,
Bị người đó khinh não.
Như vậy cũng hay nhẫn,
Nếu lại siêng tinh tấn,
Chí niệm thường bền vững,
Ở trong vô lượng kiếp.

Nhất tâm chẳng lười nghỉ,
Lại trong vô số kiếp,
Trú ở nơi không nhàn,
Hoặc ngồi hoặc kinh hành.
Trừ ngủ thường gồm tâm,
Do nhân duyên như vậy,
Hay sinh các thiền định,
Tám mươi ức vạn kiếp.
An trú tâm chẳng loạn,
Phước trì nhất tâm đây,
Nguyện cầu đạo Vô thượng,
Ta đắc Nhất thiết trí.
Cùng tận các thiền định,
Người đó trong trăm ngàn
Muôn ức vô số kiếp,
Hành các công đức này.
Như trên đã nói rõ,
Có thiện nam tín tử,
Nghe ta nói thọ mạng,
Cho đến một niệm tin
Phước đó quá hơn kia."

Trong Văn Cú Sớ Thích nói: "Một niệm tin hiểu, nghĩa là tùy nơi nghe được, chợt vậy mở rõ, tùy nói mà vào không có trở. Tin tất cả pháp đều là Phật pháp, lại tin Phật pháp chẳng cách biệt tất cả pháp, chẳng được Phật pháp, chẳng được tất cả pháp, mà thấy tất cả pháp cũng thấy Phật pháp. Tức một mà ba, tức ba mà một, cũng là hành ở chẳng phải đạo mà thông đạt Phật đạo, hành nơi Phật đạo mà thông đạt tất cả đạo, không nơi có mà có, mà có không nơi có, chẳng phải nơi có chẳng phải không nơi có, như đường trước cửa thông đạt tất cả Đông, Tây, Nam, Bắc vạch rõ không ngăn ngại. Phàm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý có chỗ đối ứng thảy đều như vậy. Không nghi ngờ gọi là tin, rõ suốt gọi là hiểu, đó là một niệm tâm tin hiểu vậy. Một niệm tâm tin hiểu ấy, tâm đồng như tâm Phật, tin bằng như Phật tin, vào tánh Bát-nhã chân thật, đạt đến cội nguồn giải thoát rốt ráo. Do đó, đem công đức tu năm pháp Ba-la-mật trong vô lượng vô số kiếp sánh với công tìm hiểu Tông Kính trong một niệm thì muôn phần chẳng kịp một, nên nói chẳng biết huyền chỉ thì luống nhọc niệm tịnh. Vì vậy, trước ngộ Tông Kính sau mới viên tu, lý hạnh không sai mới là khế hợp xác đáng.

Hỏi: Quán tâm như trên, thế nào là môn sở nhập và năng nhập?

Đáp: Nhập (vào) của năng sở chỉ là một tâm, ước về trí mà luận bàn nên giả phân năng sở. Sở nhập tức là lý của sở chứng nhất tâm, năng nhập tức là trí của nhất tâm năng chứng. Lại nữa, lý là thể của tâm, trí là dụng của tâm, giống như ánh sáng mặt nhật trở lại soi chiếu thể mặt nhật, dùng ánh sáng tâm đây trở lại soi chiếu thể tâm thì hai mà chẳng hai, thể dụng ngầm một, chẳng hai mà hai, năng sở tợ phân chia. Nay căn cứ theo các bậc Tiên đức y cứ tông Hoa Nghiêm mà lập môn năng nhập sở nhập. Trước tiên nói rõ về sở nhập là bao gồm chỉ là một chân pháp giới, nghĩa là quạnh vắng rỗng rang sâu xa bao quát mênh mông gồm cả bạn hữu tức là một tâm. Thể tuyệt có không, dụng chẳng phải sinh diệt, mê mờ đó thì sinh tử không cùng, hiểu rõ đó thì rỗng rang đại ngộ, bao gồm mở bày, chẳng biết đặt gọi là gì, gượng phân chia làm hai môn lý sự, mà lý sự lẫn lộn không có chướng ngại: Một là, sự pháp giới, hai là, lý pháp giới. Lược có hai môn: Một là, môn tánh tịnh, tức tại trong ràng buộc mà chẳng nhiễm, tánh luôn thanh tịnh, tuy khắp tất cả mà chẳng đồng tất cả, như tánh ẩm ướt, khắp tất cả nơi động tĩnh ngưng chảy chẳng đổi khác, tịnh uế (dơ sạch) luôn như; Hai là, môn ly cấu, do đối trị chướng sạch hết, tùy địa vị cạn sâu, thể tuy trạm nhiên nhưng tùy duyên có khác. Thứ ba, là sự lý không chướng ngại pháp giới cũng có hai môn: Một là môn tương tức vô ngại, một tâm pháp giới bao gồm hai môn chân như và sinh diệt, qua lại suốt cùng, chẳng hoại tánh tướng, đó giống như sóng của gồm nước chẳng phải lắng, nước của gồm sóng chẳng phải động; Hai là, môn hình đoạt vô ký, nghĩa là không sự chẳng phải lý nên sự chẳng phải sự, không lý chẳng phải sự nên lý chẳng phải lý vậy. Thứ tư, song dụng đều lìa, tánh tướng lẫn lộn mà có mười môn: Một là, do lìa tướng môn sự hoại mà tức lý. Hai là, do lìa tánh nên lý sạch mà tức sự. Ba là,do lìa tướng chẳng hoại tướng môn sự tức lý mà sự tồn tại, vì chẳng phải sự là sự. Bốn là, do lìa tánh chẳng sạch tánh nên lý tức sự mê lý tồn tại, vì chẳng phải lý là lý. Năm là, do lìa tướng chẳng khác lìa tánh nên sự lý đều đoạt vượt hẳn ngôn niệm. Sáu là do chẳng hoại chẳng khác chẳng sạch nên có sự giới và lý giới trước, đều tồn tại rõ ràng có thể thấy. Bảy là, do chẳng hoại chẳng sạch chẳng khác lìa tướng lìa tánh nên là một sự hỷ vô ngại pháp giới, giả sử vượt trội Diệu pháp thấy nghe mà không gì thẳng luôn thông thấy nghe, tuyệt nghĩa sâu mầu của nghĩ bàn mà chưa từng ngại ở ngôn niệm. Tám là, do vì lý dung sự khiến không phân tể, như lý khắp cùng, một vào tất cả, như lý bao gồm, tất cả vào một, nên pháp duyên khởi mỗi mỗi đều

gồm pháp giới vô tận. Chín là do pháp nhân quả mỗi mỗi toàn gồm nên khiến trong thân Phổ Hiền, Phật Phật vô tận, trong lỗ chân lông của Phật, Bồ-tát lớp lớp. Mười là pháp nhân quả pháp giới sai biệt, không gì chẳng luôn gồm pháp giới không sót thừa nên tùy mỗi một môn mỗi một vị, mỗi mỗi gồm chứa lớp lớp, nên khắp cõi nước rộng lớn thân lớn bụi trần nhẹ lỗ chân lông đều là tướng vô tận. Dùng một môn cuối cùng bao gồm dung nhiếp chín môn trước làm thành môn xen chứa.

Phàm, pháp giới tức là tên gọi chung của nhất tâm, nơi quy hướng của muôn hạnh, như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Từ tín, trụ, hạnh, hồi hướng, Thập địa, Thập nhất địa và Phật quả đều lấy pháp giới làm quả thể, Văn thù là lý pháp giới, Phổ Hiền là trí pháp giới, lý trí diệu dụng làm một Phật môn, dùng một môn đây vì hóa độ quần mông nên phân thành hai pháp, nếu là theo căn tùy tục thì pháp môn vô tận, nếu luận về thật lý thì chẳng lìa một pháp trong không pháp giới, một nhiều vô ngại, gọi là Phổ Hiền, mới đầu gồm đồng mông (trẻ nhỏ) thấu đạt trong lý vô tánh, khéo chọn phân chánh tà vào tuệ vô sinh, gọi là Văn thù, cũng gọi là Bồ-tát Đồng tử, hay đồng ngằn khổ, dấy khởi thực hành việc lợi sinh, gìn giữ pháp nhà Phật, gọi là Phổ Hiền, hai người cùng tham lễ, gọi đó là Phật, xưa nay tự tại, gọi là pháp giới, tự mới đầu suốt cùng sau đều pháp giới đây làm thể, lại không có pháp nào khác. Phẩm này là thành lớn nhân quả của tất cả chư Phật, cũng là đường lớn nơi đi của các Thánh hiền, chẳng vượt ngoài đây vậy, cũng là vườn nhà lớn nơi dạo chơi của tự tâm tất cả trí vương, cũng là nơi nương tựa của tất cả chúng sinh, nên gọi là pháp giới.

Thứ nữa môn năng nhập có hai: Một là, quả hải lìa nơi thuyết tướng, hai là, nhân môn có thể cậy nhờ ngôn thuyết. Nay tạm lược nói rõ thì không phân biệt chứng lý pháp giới, lạm thành năm môn: Một là, năng sở rõ ràng, nghĩa là dùng trí không phân biệt chứng lý không phân biệt, như mặt nhật hợp với hư không tuy chẳng phải phân mà mặt nhật chẳng phải hư không, hư không chẳng phải ánh sáng mặt nhật; Hai là, năng sở không hai, vì biết tất cả pháp tức là tự tánh tâm, dùng trí của tức thể trở lại soi chiếu tâm thể, nêu một gồm thâu, nêu lý gồm trí, trí chẳng phải ngoài lý. Nêu trí gồm lý, trí thể tức vắng lặng, như một minh châu, châu tự có ánh sáng, ánh sáng trở lại chiếu châu; Ba là, năng sở đều hết, do trí tức lý nên trí chẳng phải trí, vì toàn đồng lý không có tự thể. Do lý tức trí, nên lý chẳng phải lý, vì toàn đồng trí không tự lập vậy, như sóng tức nước, tướng động tự hư, như nước tức sóng tướng tĩnh (lắng) cũng ẩn. Động tĩnh cả hai đều mất, tánh tướng đều lìa; Bốn là,

còn hết vô ngại, lìa tướng lìa tánh thì năng sở đều sạch, chẳng hoại tánh tướng, năng sở rõ ràng, như sóng và nước tuy động tĩnh cả hai đều mất, chẳng hoại sóng và ẩm ướt; Năm là, nêu một toàn thâu, ở trên bày bốn môn, muốn sáng tỏ nghĩa khác. Lý đã gồm chứa chẳng từng hai nguồn, như một giọt nước biển đầy đủ mùi vị trăm dụng.

Lại nữa, cảnh sở nhập tức là cảnh giới giải thoát chẳng nghĩ bàn, sao gọi là chẳng nghĩ bàn? Vì tâm nói chẳng kịp vậy. Pháp nào chẳng nghĩ bàn? Tức là cảnh giới giải thoát, giải thoát có hai: Một là, tác dụng giải thoát, vì tác dụng tự tại thoát khỏi bó buộc ngăn ngại; Hai là, lìa chướng giải thoát, về đầy đủ hai trí thoát khỏi hai chướng. Hai chướng tức là phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng sự, sở tri chướng lý. Tất cả chúng sinh chẳng chứng chân tâm đều bị hai chướng bó buộc, do bên trong lìa chướng, ngoài dụng không kềm chế. Hai nghĩa cùng thành, đều gọi là giải thoát. Cảnh giới có hai: Một là, cảnh phân tề, như biên cương cõi nước mỗi mỗi đều có phân tề. Phật và Phổ Hiền đức dụng phân tề không thể kịp vậy; Hai là, cảnh giới sở tri, sự lý vô biên, chỉ Phật và Phổ Hiền mới rốt ráo cùng tận vậy. Do chứng cảnh sở tri vô biên, nên thành đức dụng không có ngằn mé. Hai cũng cùng thành đều là cảnh giới. Hai đây chẳng hai nên chẳng nghĩ bàn. Lại nữa, năng nhập tức là hạnh nguyện Phổ Hiền. Lại, nhân và pháp đều xứng với nghĩa Phổ. Nếu nói về nhân tức Phổ Hiền, nếu nói về pháp tức Phổ pháp. Điều gọi là nhập tức năng sở khế hợp hết tuyệt vô ký, một nhập toàn chân, mới là chân nhập. Lại, chẳng nhập mà nhập, vì trí thể tức như, ngoài như không pháp mà có thể phan duyên nên không thể nhập, nơi tâm hành diệt, lặng lẻ không nhập, chẳng mất chiếu dụng vậy. Luôn dùng một như mà quán các pháp, nên gọi mà nhập. Hai vô ngại đây mới là thật nhập. Lại nữa, cảnh Phật nhập không sở (nơi) nhập có ba: Một là, nói về tất cả chúng sinh tức Như Lai tạng, lại nhập nơi nào? Lật mê đốn ngộ, nên gọi là thể nhập; Hai là ước về lý, chẳng phải tức chẳng phải khác, nên gọi là nhập không nơi nhập; Ba là, nói về tâm cảnh, tâm ngầm cảnh thật nên nói là nhập. Nếu có sở nhập, thì cảnh trí chưa mất, đâu được gọi là nhập. Thật không sở nhập, mới gọi là thật nhập. Lại nữa, nhập chẳng nhập có hai nghĩa. Ở trên, nói về nghĩa môn duyên khởi tương do, nay là môn pháp tánh dung thông, tức một chữ của tánh. Phàm, chẳng phải dung thông, cốt yếu chẳng hoại tướng mà tức thật tánh. vào là hoại duyên khởi không thể cùng vào. Chẳng vào thì hoại tánh thể tánh chẳng khắp tất cả pháp. Do chẳng hoại tánh tướng mới là nghĩa tánh tướng dung thông. Hai là lại cốt yếu do chẳng vào

nói năng vào đó cũng thông với hai môn, chỉ căn cứ tướng thuyết. Nếu nói về môn duyên khởi, cốt yếu do các duyên rõ ràng chẳng vào mới được cùng giúp khắp cùng vào vậy. Nếu nói về môn pháp tánh dung thông là cốt yếu do sự tướng rõ ràng mới tùy lý dung nhập tất cả pháp, nên nói nếu chỉ nói lý không thể tức nhập, nếu đều nói tánh tướng trên Đệ nhất nghĩa, tướng tức chẳng nhập, tánh tức năng nhập. Nếu riêng tướng riêng tánh đều chẳng thể nhập. Cốt yếu cả hai chứa nhau mới năng vào. Lại, nếu nói về thể không thì không lại không nhập. Nếu chỉ căn cứ tánh không thể tức nhập. Nếu căn cứ tướng chẳng hoại như vốn không sai, hoặc chỉ căn cứ sự không thể tức nhập, vì tánh chứa tướng nên được cùng vào, là hiển bày nghĩa chánh nhập; nghĩa là chẳng một sự kết quả lý, toàn gồm pháp tánh, khi ấy khiến nhiều sự kia chẳng khác lý, tùy chỗ nương tựa lý đều hiện ở trong một v.v... một sự gồm lý đã vậy nhiều sự gồm lý cũng vậy, thì một sự tùy nơi nương tựa lý đều hiện ở trong nhiều nên được cùng vào. Đó là môn pháp tánh dung thông, vì một môn này năng vào muôn pháp, nên trong Pháp Hoa Sớ nói: "Do thật tướng vào chân, rành rẽ pháp Thanh văn, là vua của các kinh, thật tướng vào tục, tất cả mọi thứ mưu sinh sản nghiệp đều chẳng chống trái thật tướng. Thật tướng vào trong các pháp không gì chẳng là Phật pháp, nếu vào Tam quán đây tức là vào tất cả pháp, vì các pháp chẳng vượt ngoài Tam đế".

Hỏi: Bồ-tát Thập trụ lúc chứng nhập chỉ một chân như, không có cảnh giới, cớ sao lại nói phân chia hai thứ cảnh giới?

Đáp: Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng đồng như tình chấp, hoặc tồn tại hoặc hết sạch, hoặc đều hợp hoặc đều lìa, chẳng vượt ngoài nhất tâm mà luận bàn. Hoặc tồn tại chẳng phải pháp lập ngoài tâm là tồn tại sự của toàn lý, nếu hết sạch chẳng phải lý hoại toàn sự là hết sạch kiến ngoài thể đó, thì chẳng hoại tâm cảnh, mà một vị, chẳng hoại một vị mà tâm cảnh. Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Cảnh Như Lai sâu mầu,
Lượng đó đồng hư không,
Tất cả chúng sinh vào,
Mà thật không nơi vào."

Hỏi: Nếu lúc chánh quán thành tựu là do có tâm thành hay không tâm thành?

Đáp: Phàm, vào tông đây, không thể đem có hay không để cầu, không thể lấy năng hay sở để biện biệt. Nếu do có niệm thì bẻ dẹp quy

về không niệm, niệm ấy trở lại thành có. Nếu lấy không có tâm làm không, không có hội họp tức thành đoạn diệt, đều lại về ý địa chẳng vượt ngoài thấy biết. Lại, nếu ngược trái đó thì chẳng hợp sự lý, nếu thuận đó, lại thành năng sở. Chỉ có thể dùng diệu hội, không thể dùng sự cầu. Do đó, trong Hoa Nghiêm Hội Ý nói: "Đều thuận trừ niệm Hội ý không ngăn cách, tương tục thuận pháp tu hành. Nếu động niệm khởi tâm tức vào lưới ma, vì pháp chẳng động niệm, nên thuận pháp tức niệm tiêu trừ. Ngã kiến là vọng tâm, trái pháp nên sinh tử". Vậy, biết pháp chẳng động niệm, không thể dùng niệm có mong cầu, lại chẳng phải niệm không, không thể dùng không niệm đắc, nên không thể huyền hội ý đó vậy. Như nói có chẳng có, không chẳng không v.v... chỉ động tâm tức tịch lắng, là pháp kia nên gọi là thuận pháp vị. Nếu đem tâm thuận nói pháp tức có năng sở là chẳng phải thuận pháp vậy. Nên trong kinh Duy-ma nói: "Pháp lìa tất cả quán hạnh". Pháp sư Tăng Triệu nói: "Pháp vốn không tướng, chẳng phải chỗ năng kiến của quán hạnh. Kiến đó, nó chỉ không quán ư? Như ích thủy tìm nơi Huyền châu, Võng Tượng mà được đó, nên nói ẩn tàng nơi thân, chẳng ẩn tàng nơi dụng, tại nơi tâm, chẳng tại nơi nước. Nên Trang tử nói: "Hoàng đế đến phía Bắc Xích thủy, lên núi Côn Lôn, nhìn về phía Nam thấy bỏ sót Huyền châu đó, sai bảo người có trí tìm lấy mà chẳng được, sai bảo Ly Lâu tìm lấy đó mà chẳng được, mới nhân Võng Tượng được đó. Hoàng đế nói: "Lạ thay Võng Tượng! Mới có thể được đó." Phàm, chân thật không thể dùng định cầu, nên không tâm dùng được đó. Như trong Lộng Châu Ngâm nói: "Võng Tượng không tâm tức được châu. Hay thấy hay nghe là hư ngụy". Tuy nhiên chẳng lạc thấy nghe, lại chẳng phải không hay biết. Như trong Tín Tâm Minh, Pháp sư Đạo Dung nói: "Lo sợ rõ lưới thấy biết chuyển khắp, lặng lặng không thấy nhà tối chẳng dời". Lo sợ không vọng, lẳng lặng sáng xa, Bảo Ấn Chân Tông, sum-la một tướng. Do đó, không niệm là tức niệm mà không niệm, vì niệm không tự tánh. Duyên khởi tức không, lại duyên khởi đó đều là duyên khởi trong chân tánh, đâu riêng có hay không, cho đến tức sinh không sinh, tức diệt không diệt cũng lại như vậy. Nên trong luận Bảo Tạng nói: "Nếu nói sinh đó không hình không trạng, nếu nói diệt đó xưa nay thường linh". Lại nói: "Vì vậy chém đầu hơ thân, đó không lấy làm tổn sinh, Kim đan ngọc vụn, đó không lấy làm dưỡng sinh". Nên, chân thật sinh chẳng diệt, chân thật diệt chẳng sinh, có thể gọi là thường diệt, có thể gọi là thường sinh. Đó có mến sinh ghét diệt, vì chẳng tỏ ngộ thường diệt. Mến diệt ghét sinh đó là chẳng tỏ ngộ thường sinh. Trong Vĩnh

Gia Tập nói: “Nên biết diệu đạo không hình, muôn tượng chẳng trái rốt ráo đó, chân như vắng lặng, các vang hưởng chẳng khác nguồn đó. Mê mờ đó thì kiến đảo hoặc sinh, tỏ ngộ đó, thuận nghịch không đất. Lắng tối chẳng phải có, duyên hợp mà năng sinh, cao vời chẳng phải không, duyên tan mà năng diệt. Diệt đã chẳng phải diệt, cớ sao diệt diệt? Sinh đã chẳng phải sinh, cớ sao sinh sinh? Sinh diệt đã hư, thật tướng thường trụ vậy. Trong Hoa Nghiêm Sớ nói: “Không sinh của sinh, chân tánh vắng lặng sinh của không sinh, nghiệp quả rõ ràng”. Vậy biết nếu tức niệm còn có niệm tức là thường kiến, lìa sinh cầu không sinh tức là đoạn kiến, đều chẳng đạt lý của thật tướng không sinh không diệt. Nếu thật rõ không sinh thì không sinh không chẳng sinh, đâu định chấp hai kiến của có sinh không sinh ư? Do đó nói: “Ai không niệm ai không sinh, nếu thật không sinh không chẳng sinh, gọi lấy chốt cửa người gỗ hỏi, cầu Phật thi công sớm muộn thành. Nếu dùng dứt niệm về không niệm, như đồng gỗ lạnh tro tàn, so với người gỗ nào riêng khác, đâu có kỳ hạn của thành Phật ư? Đó là còn chưa biết tức niệm mà không niệm, sao biết một niệm chóng tròn đầy ư? Như có người hỏi: Phàm Diệu hạnh, bao gồm chỉ không niệm, nay thấy thiện thấy ác, nguyện lìa nguyện thành, nhọc ném thân tâm, đâu đáng làm đạo? Đáp: Nếu thấy như vậy là lìa niệm cầu ở không niệm, còn chưa được nói chân thật không niệm, huống gì không ngại của niệm và không niệm ư? Lại nữa, không niệm chỉ là một của hạnh vậy, đâu thành một niệm chóng viên thành. Yếu chỉ của một niệm chóng viên thành đây chẳng phải chỗ biết của ý giải, chỉ quên tình có thể để khế hội. Như trong lời tựa Ngộ Huyền nói: “Phàm, Huyền đạò không thể dùng công khái niệm mà đắc, Thánh trí không thể dùng có trí mà biết, chân đế không thể do còn ngã mà hiểu hội, chí công không thể dùng việc kinh doanh quên lời có thể dùng đạo hợp, hư hoại có thể dùng lý thông, tâm ngu tối có thể dùng chân thật một, lưu lại trí có thể dùng Thánh đồng. Tuy nói đạo hợp không tâm nơi hợp, hợp đó hợp vậy. Tuy nói Thánh đồng, chẳng cầu ở đồng, đồng đó đồng vậy. Không tâm với hợp thì không hợp không tan, chẳng cầu ở đồng thì không khác không đồng, siêu vượt quấy ngoài trăm quấy. Quấy chỗ chẳng năng quấy, quên phải ở trước muôn phải, phải chỗ chẳng năng phải. Phải chỗ chẳng năng phải thì không phải vậy, quấy chỗ chẳng năng quấy thì không quấy vậy, không khác không đồng thì oán thân chẳng hai, không quấy không phải thì hủy nhục ngợi ca thường một. Vì vậy, quên lời là bỏ nơm lưới vậy, lòng rỗng là lìa chấp trước vậy, ngầm tâm ngu tối là chẳng tự thấy vậy, lưu lại trí là hết sạch năng chứng vậy.

Nếu vận dụng tâm hợp đạo thì trái với đạo, nếu khởi niệm mong cầu đồng thì mất đồng, nếu làm phải chỗ phải thì mất phải, nếu làm quấy chỗ quấy thì chìm quấy. Nói tóm lại, chỉ được ngay đó không tâm thì đồng khác đều không, phải quấy đều hết sạch, hết sạch đó cũng hết sạch, không đó cũng không. Đó còn nương cậy lời nói nhân dấu vết đối đãi, nếu được tuyệt dứt đối đãi chóng ngộ nhất tâm, chỉ khế hợp tương ưng, chẳng đợi phải nói lại.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 38

Hỏi: Phàm địa vị trước sau chẳng lìa bản giác, hóa của năng sở chỉ là nhất tâm. Nếu ngộ bản xứng giác thì bản không thể đắc. Nếu không thể đắc, hạnh vị nhọc làm, đắc và chẳng đắc, yếu chỉ đó như thế nào?

Đáp: Đắc và chẳng đắc, giác của thủy bản không sai, chẳng đắc mà đắc lúc diệu chứng huyền hiểu, như trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Phật dạy: "Này thiện nam! Năm vị một giác từ bản lợi vào, nếu giáo hóa chúng sinh thì theo bản xứ đó". Xá-lợi-phất thưa: "Thế nào là theo bản xứ?" Phật dạy: "Xưa nay không bản xứ, nơi không xứ bản tế vào thật phát Bồ-đề mà sẽ thành Thánh đạo. Tại sao? Này Thiện nam! Như tay cầm nắm không kia, chẳng được chẳng phải chẳng được". Cử nghi phát khởi nói: Nếu bản xứ nên được vào, nếu được vào chẳng phải không bản xứ vì xua bỏ nghi đó nên nêu dẫn thí dụ để giải thích. Tay cầm nắm hư không kia. Tay cầm nắm, thí dụ cho hành xứ của năng nhập. Hư không thí dụ cho bản của sở nhập, chẳng được là hư không không hình có thể nắm bắt, chẳng phải chẳng được là trong nắm tay không phải không hư không. Bản lợi cũng vậy, xưa nay không tánh bản xứ nên không thể được, bản của không bản không phải không nên chẳng phải chẳng thể được vậy. Đó thì ngộ bản xưng được, chẳng phải hướng ngoại tìm cầu, nếu có chỗ mong cầu tức là mất bản. Lại nữa, nếu có chỗ được (đắc), chẳng được Bồ-đề, vì không được vậy, xuất sinh Bồ-đề vậy. Lại nữa, pháp của không được chẳng phải tại ngoài được, cốt yếu tầm cầu tất cả pháp mới tận cùng cội nguồn không được. Như trong luận Phát Tâm Bồ-đề nói: "Ở trong không pháp, nói các pháp tướng, ở trong không đắc nói có pháp đắc, như việc trông thấy cảnh giới chư Phật, nhưng tuy cầu tất cả pháp, vì thấu rõ không được nên tức không chỗ nương tựa, tôi trong không chỗ mong cầu nên tầm cầu đó vậy". Nên trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Phật hỏi Văn Thù: "Nương tựa đâu mà chánh tu hành?" Văn Thù đáp: "Chánh tu hành là không nơi nương tựa". Xin giải thích: Phàm có ngôn giáo sở thuyên đều là nghĩa

của chứng nhất tâm. Nếu ngoài tâm thấy pháp là tà tu hành thì có chỗ nương tựa vậy. Nếu chánh tu hành nương tựa một vật, chỗ nương tựa đã vắng lặng, năng nương tựa cũng mất. Năng sở đều không, tà chánh hết sạch tức chánh tu hành vậy. Trong Vô Sinh Nghĩa nói: Kinh nói: "Pháp lìa nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý cho nên sáu căn chẳng thể thủ chấp", nên nói học giả không thủ chấp." Trong luận Đại Trí Độ nói: "Thí như loài trùng rất nhỏ nơi đâu cũng nhóm tụ được, chỉ chẳng thể nhóm tụ trong lửa, ý thức chúng sinh cũng lại như vậy. Dự là có thể nghe thấy pháp thảy đều năng duyên mà chẳng thể duyên Bát-nhã. Nên biết tánh Bát-nhã lía ý chẳng thể chấp thủ. Lại nữa, người năng thủ, tánh lại tự không nên chẳng thể chấp thủ, nếu dùng mắt chấp thủ; như trong kinh nói: "tánh mắt lại không". Nếu dùng tai chấp thủ, tánh tai lại không, nếu dùng tay chấp thủ, tánh tay lại không, nếu dùng ý chấp thủ, tánh ý lại không, người và pháp thảy đều nhất như. Như chẳng thể thủ được như vậy, không lại chẳng thể thủ được không, tức là hành giả không thủ, nên nói không được. Lại nữa, một niệm tâm khởi có hai thứ giác: Một là, nói về có tâm là xét kỹ một niệm mới khởi, niệm sau chẳng tiếp tục, tức chẳng thành lỗi lầm. Do đó, trong thiền môn nói: "Chẳng sợ niệm khởi, chỉ lo giác chậm". Lại nói: "Che mờ khởi là bệnh, chẳng tiếp tục là thuốc, vì tâm sinh tức là lúc tội sinh vậy". Cho nên tâm ban đầu gồm niệm là trước hết, đó là thềm bậc dần dần nhập đạo, như trong Chư Kinh Tập Yếu nói: "Gồm tâm một nơi, bèn là công đức tòng lâm, tan lo nghĩ khoảnh khắc tức gọi là La-sát phiền não. Do đó, Sa-môn Đàm Quang nhiếp phục hổ dữ trước đầu gối, Tiên nhân Loa Kế để chim làm tổ ở trên đảnh đầu. Cho đến sum-la chẳng thể xúc động, cốt yếu phải nhân cậy tựa tưởng trong các căn cảm phát cớ sao biết vậy? Nay có tâm cảm bên trong, việc phát bên ngoài, hoặc duyên ở ngoài khởi nhiễm đến trong, nên biết trong ngoài cùng giúp, trong ngoài đắp đổi dùng. Tâm thức vua tôi không thể xả bỏ cả. Nên trong kinh nói: "Tâm vua nếu chánh, thì sáu bề tôi chẳng tà. Thức ý hôn trầm, thì chủ nó chẳng sáng. Nay hối hận sáu bề tôi, phải mỗi tự xấu hổ chế ngự sáu căn chớ khiến rong ruổi mất vậy. Trong phẩm Tâm Ý ở kinh Pháp Cú nói: "Xưa kia lúc Đức Phật tại thế, có một đạo nhân, học đạo dưới gốc cây bên bờ sông, trong suốt mười hai năm, tưởng tham chẳng trừ, khởi tâm tán mất ý, chỉ nghĩ nhớ sáu dục: Mắt màu sắc, tai âm thanh, mũi mùi hương, miệng hơi vị, thân xúc nhận, tâm pháp. Thân vắng lặng, ý rong ruổi, chẳng tạm dứt, nên trong mười hai năm mà chẳng đắc đạo. Đức Phật xét biết có thể cứu độ nên biến hóa làm vị Sa-môn đi đến nơi đó cùng

nghỉ ở dưới gốc cây, chốc lát ánh trăng tỏa sáng, có con rùa từ giữa sông xuất hiện đến gần dưới gốc cây. Lại có thủy cẩu đói đi kiếm thức ăn, bắt gặp rùa, bèn muốn ăn nuốt rùa. Rùa thu giấu đầu đuôi và bốn chân vào trong bộ vỏ, nên thủy cẩu ăn không được. Thủy cẩu bỏ đi xa dần, rùa ngoi đầu đuôi và chân ra lại bước đi như cũ, không làm sao cả, bèn được thoát khỏi. Khi ấy Đạo nhân hỏi vị Hóa Sa-môn rằng: "Con rùa này có áo giáp hộ mạng, nên thủy cẩu chẳng tiện lợi bắt ăn". Vị Hóa Sa-môn đáp: "Tôi nghĩ người đời chẳng như con rùa này, không biết vô thường, buông phóng sáu tình, ma bên ngoài được tiện lợi, lúc thân hình hủy hoại, tâm thần vất bỏ đi, sinh tử không đầu mối, lưu chuyển trong năm đường, có trăm ngàn sự khổ não đều do ý tạo nên. Nên mỗi tự cố gắng tìm diệt độ an ổn". Khi ấy vị Hóa Sa-môn bèn nói kệ tụng rằng:

"Ẩn sáu như rùa,
Giữ ý như thành,
Tuệ cùng ma tánh,
Thắng thì không loạn".

Vì vậy, ý địa nếu ngưng dứt thì sáu thú đều nhàn rỗi, tất cả cảnh ma đều không tiện lợi. Như rùa ẩn tàng sáu chi, khéo gìn giữ mạng nó. Trong luận Khởi Tín nói: "Nếu niệm sau rõ biết niệm trước. Đó tuy gọi là giác, nhưng còn là bất giác, nên nói về có tâm mà nói, vì là phàm phu mới tu hành vậy. Nếu nói về không tâm là biết lúc niệm mới khởi tức không tướng mới đầu, chẳng đợi niệm sau lại diệt. Vì ngay lúc sinh một niệm rốt ráo không thể được vậy. Như trong kinh Ngũ Thập Hiệu Kế nói: "Bồ-tát hỏi Đức Phật: "Tội sinh lại diệt, tại sao tôi trọn không thấy?" Đức Phật hỏi các bị Bồ-tát: "Tâm các ông yên chuyển chăng?" Các vị Bồ-tát đáp: "Tâm tôi chuyển sinh, nếu tâm tôi không chuyển sinh thì cũng không thể cùng Phật nói năng". Đức Phật hỏi các vị Bồ-tát: "Như lúc tâm sinh, yên lại tự biết tâm sinh chăng?" Các vị Bồ-tát đáp: "Tôi chỉ thấy biết lúc nhân duyên, không biết lúc mới khởi sinh". Phật dạy: "Như các ông nói, còn chẳng thể biết lúc tâm mới sinh, sao có thể không tội". Nên biết chẳng xét rõ giả của một niệm đầu tiên nhân thành, thì sao khỏi lỗi lầm của niệm sau tương tục thành sự ư? Vì tất cả sinh tử phiền não đều nhân bất giác vậy. Nếu trí làm dẫn đường thì lỗi lầm do đâu sinh? Lại, nếu rõ biết ngoài tâm không pháp thì tình tưởng chẳng sinh, chẳng dùng thêm công, thẳng vào địa vị chẳng nghĩ bàn. Như trong Thanh Lương Sao nói: "Kinh nói rõ pháp thể Thập địa tuyệt đường tâm ngôn, mở rỗng chẳng nghĩ bàn, nghĩa là tuyệt đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành, căn cứ pháp ngóng trông tình gọi là chẳng nghĩ

bàn, vì ngoài pháp đó vốn không tình vậy. Nghĩa đó thế nào? Dấy khởi của tình tướng do bởi vọng tưởng, vọng tưởng nên bèn có tướng sinh, vì nương tựa tướng nên lại khởi tâm tưởng, tùy theo danh xưng mà chấp thủ thật, tức là giác quán, y tựa giác quán đó bèn khởi ngôn thuyết, y tựa ngôn thuyết rồi lại khởi tưởng vọng tâm, chấp thủ pháp sở thuyết. Đó tức là ngôn ngữ, lấy đó làm đạo, tâm dùng làm hành, từ đó tướng tưởng lớn mạnh không dứt. Nay khế hợp pháp thật diệt trừ vọng tưởng, tướng tức chẳng sinh, tướng chẳng sinh nên lập danh tâm diệt, sinh tâm diệt nên danh tức chẳng sinh, danh chẳng sinh nên giác quán chẳng khởi, giác chẳng khởi nên ngôn thuyết tùy theo mất. Ngôn thuyết mất nên chẳng lại y cứ ngôn chấp thủ ở sở thuyết. Chẳng chấp thủ thuyết nên tuyệt đường ngôn ngữ dứt lối tâm hành. Tâm hành diệt nên gọi là chẳng nghĩ bàn. Vì pháp vượt ngoài tình, tâm ngôn chẳng kịp nên chẳng nghĩ bàn. Vậy biết, tâm vọng tưởng mất thì cảnh giới cũng duyên đó diệt, như bệnh châm cứu đúng huyệt thì trọn dứt nguồn bệnh, có thể gọi là lương y của giác bảo vậy.

Hỏi: Các pháp sinh ra chỉ do tâm biến hiện. Nếu từ tâm hiện tức tự tánh diệt, nếu chấp duyên sinh tức tánh khác si, nếu tâm duyên hòa hợp mà sinh tức cùng tánh si, nếu chẳng phải tâm chẳng phải duyên mà sinh tức không nhân si, cớ sao thông minh chẳng rơi đọa bốn chấp.

Đáp: Nếu luận bàn thật trí bốn tánh ở trong môn tự tướng đều không thể nói. Nếu dùng trí bốn tất-đàn ở trong môn cộng tướng cũng có thể được nói. Như trong Chỉ Quán hỏi: Tâm khởi hẳn gá duyên vì tâm đủ ba ngàn pháp làm duyên đầy đủ làm cộng đầy đủ làm lìa đầy đủ. Nếu tâm đầy đủ là tâm khởi chẳng dùng duyên. Nếu duyên đầy đủ là duyên đầy đủ chẳng liên quan tâm. Nếu cộng đầy đủ là chưa cộng mỗi mỗi không, lúc cộng sao có, nếu lìa đầy đủ là tức lìa tâm lìa duyên, nào chợt tâm đầy đủ bốn câu còn chẳng thể được, cớ sao đầy đủ ba ngàn pháp ư? Đáp: Địa nhân nói: Tất cả giải hoặc chân vọng nương tựa gìn giữ pháp tánh, pháp tánh gìn giữ chân vọng, chân vọng nương tựa pháp tánh vậy. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Pháp tánh chẳng bị hoặc làm nhiễm, chẳng bị chân khiến định, nên pháp tánh chẳng phải nương tựa gìn giữ. Nói nương tựa gìn giữ là A-lại-da ấy vậy, không mất vô minh mạnh mẽ gìn giữ tất cả chủng tử. Nếu theo Địa sư thì tâm đầy đủ tất cả pháp. Nếu theo Nhiếp sư thì duyên đầy đủ tất cả pháp. Hai sư ấy mỗi mỗi y cứ một bên. Nếu pháp tánh sinh tất cả pháp là pháp tánh chẳng phải tâm chẳng phải duyên, chẳng phải tâm nên mà tâm sinh tất cả pháp là chẳng phải duyên nên cũng đáng duyên sinh tất cả pháp,

sao được riêng nói pháp tánh là chân vọng nương tựa gìn giữ ư? Nếu nói pháp tánh nương tựa gìn giữ A-lại-da là nương tựa gìn giữ, lìa ngoài pháp tánh riêng có A-lại-da nương tựa gìn giữ thì chẳng liên quan pháp tánh. Nếu pháp tánh chẳng lìa A-lại-da, A-lại-da nương tựa gìn giữ tức là pháp tánh nương tựa gìn giữ, sao được riêng nói A-lại-da là nương tựa gìn giữ? Lại sai trái với kinh. Trong kinh nói: "Chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng chẳng phải khoảng giữa, cũng chẳng thường tự có". Lại trái nghịch với Long Thọ. Long Thọ nói: "Các pháp chẳng tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, chẳng cộng chẳng không nhân. Lại căn cứ thí nghiệm, là đáng nương tựa tâm nên có mộng, nương tựa ngủ nghỉ nên có mộng, pháp ngủ nghỉ hợp tâm nên có mộng, lìa tâm lìa ngủ nghỉ nên có mộng. Nếu nương tựa tâm có mộng là chẳng ngủ nghỉ nên có mộng. Lìa tâm lìa ngủ nghỉ nên có mộng. Nếu nương tựa tâm có mộng là chẳng ngủ nghỉ nên có mộng. Nếu nương tựa ngủ nghỉ có mộng là người chết như ngủ nghỉ nên có mộng. Nếu ngủ nghỉ và tâm cả hai cùng hợp mà có mộng là người ngủ nào có lúc chẳng mộng. Lại, ngủ nghỉ và tâm mỗi mỗi có mộng, hợp cùng có thể có mộng, mỗi mỗi đã không mộng, hợp không nên có. Nêu lìa tâm lìa ngủ nghỉ mà có mộng là hư không lìa cả hai nên thường có mộng. Bốn câu tìm kiếm mộng còn chẳng được, cớ sao trong ngủ nghỉ mộng thấy tất cả sự? Tâm thí dụ cho pháp tánh, mộng thí dụ cho Lại-da, cớ sao riêng căn cứ pháp tánh Lại-da sinh tất cả pháp, phải biết bốn câu tìm kiếm tâm không thể được, tìm cầu ba ngàn pháp cũng chẳng thể được. Đã ngang dọc bốn câu tìm cầu tâm chẳng thể được, tìm cầu ba ngàn pháp cũng chẳng thể được là nên từ một niệm tâm diệt sinh ba ngàn pháp ư? Tâm diệt còn chẳng thể sinh một pháp, cớ sao năng sinh ba ngàn pháp ư? Nếu từ tâm cũng diệt cũng chẳng diệt sinh ba ngàn pháp là cũng diệt cũng chẳng diệt, tánh nó trái nhau, giống như nước và lửa chẳng cùng lập, cớ sao năng sinh ba ngàn pháp ư? Nếu cho rằng: Tâm chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt sinh ba ngàn pháp là chẳng phải diệt chẳng phải chẳng diệt, chẳng phải năng chẳng phải sở, cớ sao năng sinh ba ngàn pháp ư? Cũng dọc cũng ngang tìm cầu ba ngàn pháp cũng chẳng thể được, chẳng phải dọc chẳng phải ngang tìm cầu ba ngàn pháp cũng chẳng thể được. Tuyệt đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành, nên gọi là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Sinh sinh chẳng thể nói, sinh chẳng sinh chẳng thể nói, chẳng sinh sinh chẳng thể nói. Chẳng sinh chẳng sinh chẳng thể nói, tức nghĩa đây vậy. Phải biết một pháp trong Đệ nhất nghĩa không thể nói, huống gì ba ngàn pháp. Trong Thế đế, một tâm còn đầy đủ vô lượng pháp, huống

gì ba ngàn ư? Như Đức Phật bảo Đức Nữ: "Trong vô minh có chăng?" Đáp: "Chẳng có". "Ngoài có chăng?" Đáp: "Chẳng có". "Trong ngoài có chăng?" Đáp: "Chẳng có". "Chẳng phải trong chẳng phải ngoài có chăng?" Đáp: "Chẳng có". Phật bảo: "Như vậy mà có". Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Có nhân duyên nên cũng có thể được nói". Nghĩa là nhân duyên Tứ tất-đàn vậy. Tuy bốn câu ngầm lắng, từ bi thương xót, ở trong không danh tướng, gá danh tướng nói, hoặc làm thế giới nói tâm đầy đủ tất cả pháp, người nghe vui mừng, như nói ba cõi không pháp gì riêng biệt chỉ là nhất tâm tạo nên, tức là văn đó vậy. Hoặc nói duyên sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng. Như nói năm món dục khiến người đọa lạc vào ác đạo. Thiện tri thức là Đại nhân duyên, nghĩa là giáo hóa dẫn dắt khiến được thấy Phật, tức văn đó vậy. Hoặc nói nhân duyên cộng sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng, như kệ tụng nói:

"Thủy ngân hòa vàng thật,
Hay vẽ các sắc tượng.
Công đức hòa pháp thân,
Ứng hiện qua nơi nơi".

Tức văn đó vậy. Hoặc nói lìa sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng, như nói mười hai nhân duyên chẳng phải Phật làm nên, chẳng phải trời người, Tu-la làm nên, tánh nó tự vậy. Tức văn đó vậy, bốn câu đây tức Thế giới tất-đàn nói. Tâm sinh ba ngàn tất cả pháp. Thế nào là Vị nhân (người) tất-đàn? Như nói Phật pháp như biển, chỉ tin tức vào được. Tin là mẹ đẻ tất cả các thứ công đức. Tất cả thiện pháp do đây mà được sinh, ông chỉ phát tâm Tam Bồ-đề thì là xuất gia, giữ giới cấm đầy đủ, người nghe sinh tin tức văn đó vậy. Hoặc nói duyên sinh tất cả pháp, như nói nếu chẳng gặp Phật, trải qua vô lượng kiếp chịu khổ địa ngục, do thấy Phật nên được không tín căn. Như từ y lan sinh ra chiên-đàn, người nghe sinh tin, tức văn đó vậy. Hoặc nói hợp sinh tất cả pháp, như nói nước tâm lắng trong, tướng châu tự hiện căn lực từ thiện thấy việc như vậy, người nghe sinh tin, tức văn đó vậy. Hoặc nói lìa sinh tất cả pháp, như nói chẳng phải nội quán được là trí tuệ, cho đến chẳng phải nội ngoại quán được là trí tuệ. Nếu có trú, trước ni Phạm Chí, chút ít tin còn chẳng thể được, huống gì là bỏ tà vào chánh, người nghe sinh tin tức văn đó vậy. Đó là Vị nhân tất-đàn. Bốn câu nói tâm sinh ba ngàn tất cả pháp vậy. Thế nào là Đối trị tất-đàn? Nói tâm trị tất cả pháp như nói được nhất tâm là muôn tà diệt vậy, tức văn đó vậy. Hoặc nói duyên làm tất cả ác. Như nói được nghe Vô thượng đại tuệ minh, tâm định như đất chẳng thể động, tức văn đó vậy. Hoặc nói nhân duyên hòa hợp trị tất cả

ác, như nói một phần từ tư sinh một phần từ thấy được, tức văn đó vậy. Hoặc nói lìa trị tất cả ác, lúc ta ngồi đạo tràng chẳng đắc một pháp, thật không lừa dối trẻ con, dẫn dụ đến nơi tất cả, tức văn đó vậy. Là vì đối trị tất-đàn tâm phá tất cả ác. Thế nào là Đệ nhất nghĩa tất-đàn? Tâm được thấy lý, như nói khoảnh khắc nghe đó tức đắc cứu cánh Tam Bồ-đề. Hoặc nói nhân duyên hòa hợp đắc đạo, ngược giỏi thấy bóng ra tức được đường ngay. Hoặc nói lìa năng thấy lý. Như nói không chỗ được tức là được, đã là được không chỗ được, đó gọi là Đệ nhất nghĩa bốn câu thấy lý, huống gì tâm sinh ba ngàn pháp ư? Yếu chỉ của Phật hoàn toàn thanh tịnh, chẳng tại nhân duyên chung lìa, tức Thế đế là Đệ nhất nghĩa đế vậy. Lại nữa, bốn câu thảy đều có thể nói, nói nhân cũng phải, duyên cũng phải, chung cũng phải, lìa cũng phải, như vì người mù nói ve sữa như vỏ ốc như thóc như tuyết như hộc, người mù nghe các điều nói tức được hiểu. sữa tức là Thế đế là Đệ nhất nghĩa đế, phải biết trọn ngày nói trọn ngày chẳng nói, trọn ngày chẳng nói trọn ngày nói, trọn ngày đều ngăn trọn ngày đều chiếu, tức phá tức lập tức lập tức phá, kinh luận đều vậy, các Tôn giả Thiên Thân Long Thọ soi xét bên trong rành rẽ bên ngoài vừa hợp thời nghi, mỗi mỗi giữ quyền căn cứ mà người thấy hiểu thiên lệch, người học chấp hạn cục, bèn dấy tên đá, mỗi tự gìn giữ một bên, rất trái với Thánh đạo vậy. Nếu được ý đây, đều không thể nói đều có thể nói. Nếu tùy tiện nghi nên nói pháp vô minh, pháp tánh sinh tất cả pháp, như pháp ngủ nghỉ pháp tâm thì có tất cả việc mộng. Tâm cùng duyên hợp thì ba thứ thế gian, ba ngàn tướng tánh đều từ tâm khởi, một tánh tuy thiếu mà chẳng không, vô minh tuy nhiều mà chẳng có. Cớ sao chỉ một làm nhiều, nhiều chẳng phải nhiều, chỉ nhiều làm, một chẳng phải thiếu, nên gọi tâm đây là cảnh chẳng thể nghĩ bàn vậy. Nếu hiểu một tâm tất cả tâm, tất cả tâm một tâm, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, cho đến khắp cùng tất cả đều là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Trên đây là y theo điều nói của Thai giáo. Nay y cứ Hoa Nghiêm vô ngại pháp giới mà nói cảnh giới chẳng nghĩ bàn là, như trong phẩm Nhập Pháp Giới ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Đồng tử Thiện Tài ở trước lầu các lớn Tỳ-lô-giá-na trang nghiêm tạng, năm vóc gieo xuống đất, tạm thời kiểm nghiệm, tư duy quán xét, dùng sức nguyện lớn tin hiểu sâu chắc vào môn biến Nhất thiết xứ trí thân bình đẳng, hiện khắp thân đó, tại trước tất cả Đức Như Lai, trước tất cả Bồ-tát, trước tất cả thiện tri thức, trước tất cả tháp miếu Như Lai, trước tất cả hình tượng Như Lai, trước tất cả trú xứ chư Phật chư Bồ-tát, trước tất cả pháp bảo, trước tất cả Thanh văn Bích-chi-phật và tháp miếu đó, trước tất cả ruộng phước

Thánh chúng, trước tất cả cha mẹ Tôn giả, trước tất cả mười phương chúng sinh, đều như nói ở trên, tôn trọng lễ bái tán thán suốt cùng ngằn mé tương lai không có ngưng nghỉ, đồng như hư không, không bến bờ số lượng, đồng với pháp giới không chướng ngại, đồng thật tế khắp cùng tất cả, đồng như Như Lai, không có phân biệt giống như mộng từ tư khởi, tợ như tượng, hiện bày tất cả giống như ảnh tùy trí tuệ hiện, tợ tiếng vang do duyên phát, không có sinh, thay nhau dấy khởi rơi rụng, không có tánh chỉ tùy duyên chuyển. Lại quyết định biết tất cả quả báo đều từ nghiệp khởi, tất cả các quả đều từ nhân khởi, tất cả các nghiệp đều từ tập khởi, tất cả Phật xuất hiện đều từ tin khởi, tất cả hóa hiện các sự cúng dường thảy đều từ nơi quyết định giải khởi. Tất cả hóa Phật từ tâm cung kính khởi, tất cả Phật pháp từ thiện căn khởi, tất cả hóa thân từ phương tiện khởi, tất cả Phật sự từ đại nguyện khởi, tất cả Bồ-tát tu hành các hạnh từ hồi hướng khởi, tất cả pháp giới rộng lớn trang nghiêm từ cảnh giới Nhất thiết trí mà khởi. Xa lìa đoạn kiến vì biết hồi hướng, xa lìa thường kiến, vì biết không sinh. Lìa không nhân kiến vì biết chánh nhân, lìa điên đảo kiến vì biết thật lý, lìa tự tại kiến vì biết chẳng do từ kẻ khác, lìa tự tha kiến, vì biết theo duyên khởi. Lìa biên chấp kiến, vì biết pháp giới vô biên, lìa vãng lai kiến vì biết như ảnh tượng, lìa có không kiến vì biết chẳng sinh diệt. Lìa tất cả pháp kiến vì biết không không sinh, biết chẳng tự tại, biết nguyện lực xuất sinh. Lìa tất cả tướng kiến vì vào ngằn mé không tướng. Biết tất cả pháp vì như hạt giống sinh mầm, như nhuộm ấn nổi vân, biết chất như tượng, biết tiếng như vang, biết cảnh như mộng, biết nghiệp như huyễn, rõ đời do tâm hiện. Rõ quả nhân khởi, rõ báo nghiệp tập, rõ biết tất cả các pháp công đức đều từ phương tiện khéo léo của Bồ-tát sinh ra. Đồng tử Thiện Tài vào trí như vậy, đoan chánh nghiêm khiết tâm niệm, ở trước lầu quán, giở thân gieo mình ân cần đảnh lễ, thiện căn chẳng nghĩ bàn đổ chảy vào thân tâm mát mẻ vui đượm, từ đất đứng dậy nhất tâm chiêm ngưỡng, mắt chẳng tạm rời, chấp tay nhiễu quanh qua vô lượng vòng, khởi ý niệm rằng: Lầu các lớn này là nơi trụ xứ của bậc giải không vô tướng vô nguyện, là nơi trú xứ của bậc đối với tất cả pháp không phân biệt, là nơi trú xứ của bậc biết tất cả chúng sinh không thể được, là nơi trú xứ của bậc biết tất cả pháp không sinh, là nơi trú xứ của bậc chẳng đắm trước tất cả thế gian là nơi trú xứ của bậc chẳng đắm trước tất cả hang hốc vườn nhà, là nơi trú xứ của bậc chẳng đắm trước tất cả hang hốc vườn nhà, là nơi trú xứ của bậc chẳng vui thích tất cả tụ lạc, là nơi trú xứ của bậc chẳng nương tựa tất cả cảnh giới, là nơi trú xứ của bậc lìa tất cả tưởng, là nơi

trú xứ của bậc biết tất cả pháp không tự tánh, là nơi trú xứ của bậc dứt trừ tất cả nghiệp phân biệt, là nơi trú xứ của bậc lìa tất cả tâm tưởng ý thức, là trí trú xứ của bậc chẳng vào chẳng ra các đường, là nơi trú xứ của bậc vào tất cả Bát-nhã ba-la-mật sâu mầu, là nơi trú xứ của bậc năng dùng phương tiện trú pháp giới, phổ môn, là nơi trú xứ của bậc dứt diệt tất cả lửa phiền não, là nơi trú xứ của bậc dùng trí tuệ tăng thượng đoạn trừ tất cả kiến ái mạn, là nơi trú xứ của bậc sinh ra các Thiền Tam-muội thông minh mà dạo chơi, là nơi trú xứ của bậc quán sát tất cả cảnh giới Tam-muội của Bồ-tát, là nơi trú xứ cũa bậc an trú tất cả nơi của Như Lai, là nói trú xứ của bậc dùng từ một kiếp vào tất cả kiếp, từ tất cả kiếp vào một kiếp mà chẳng hoại tướng nói, là nơi trú xứ của bậc từmột cõi vào tất cả cõi từ tất cả cõi vào một cõi mà chẳng hoại tướng nó, là nơi trú xứ của bậc từ một pháp vào tất cả pháp, từ tất cả pháp vào một pháp mà chẳng hoại tướng nó, là nơi trú xứ của bậc từ một chúng sinh vào tất cả chúng sinh từ tất cả chúng sinh vào một chúng sinh mà chẳng hoại tướng nó, là nơi trú xứ của bậc tư một Phật vào tất cả Phật, từ tất cả Phật vào một Phật mà chẳng hoại tướng nó, là nơi trú xứ của bậc ở trong một niệm mà biết tất cả ba đời, là nơi trú xứ của bậc ở trong một niệm đến khắp tất cả cõi nước. Cho đến, lúc bấy giờ, Đồng tử Thiện Tài cung kính đi nhiễu quanh Đại Bồ-tát Di-lặc theo phía phải rồi mà bạch thưa cùng Bồ-tát rằng: Cúi mong Bồ-tát mở cửa lầu các cho tôi được vào! Khi ấy Bồ-tát Di-lặc đến trước lầu các, khảy móng tay vang tiếng, cửa lầu các liền mở, bảo Thiện Tài, Đồng tử Thiện Tài tâm vui mừng vào rồi bèn đóng cửa, thấy lầu các đó rộng lớn vô lượng đồng như hư không, cho đến tự thấy thân đó khắp ở trong tất cả lầu các, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, Bồ-tát Di-lặc ba đời hành hạnh Bồ-tát thực hành việc tám tướng thành đạo. Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc liền gồm sức thần vào trong lầu các, khảy móng tay vang tiếng, bảo Đồng tử Thiện Tài rằng: "Này thiện nam! Khởi pháp tánh như vậy, đây là tướng của Bồ-tát biết các pháp trí nhân duyên tụ tập hiện nên, tự tánh như vậy như huyễn như mộng như ảnh như tượng đều chẳng thành tựu, cho đến thí như Huyễn sư làm các việc huyễn, không từ đâu lại không đi đến đâu, tuy không đi lại nhưng vì sức huyễn nên phân biệt có thể thấy, việc trang nghiêm kia cũng lại như vậy, không từ đâu đến cũng chẳng đi đâu, tuy không đến đi nhưng vì do sức trí huyễn tập quán chẳng thể nghĩ bàn và do nguyện lực lớn ngày trước hiển hiện như vậy", giải thích: Khảy móng tay vang tiếng, cửa đó liền mở, tức mở nói phát minh lúc chợt thấy tánh gọi đó là mở. Vào rồi đóng cửa lại, tức chỗ ngộ như

bản (vốn sẵn) chẳng phải từ mới được, nên gọi là đóng lại. Hoặc nói Bồ-tát từ thị khảy móng tay phát tiếng cửa đó liền mở, là nghĩa của rõ tiếng là chấn động mở bày, khảy móng tay là nghĩa của khử trừ bụi nhơ, bụi dơ mất vọng chấp dứt sạch thì cửa pháp tự mở. Đồng tử Thiện Tài vào rồi, cửa đó liền đóng lại là vì mê mất trí hiện nên gọi là mở, trí không trong ngoài hay khoảng giữa, không ra không vào không mê không chứng, gọi đó là đóng lại. Thấy lầu các đó rộng lớn vô lượng đồng như hư không là cảnh giới của trí vậy. Tự tánh như vậy như huyễn như mộng như ảnh như tượng thảy đều chẳng thành tựu là gồm tất cả vô biên cảnh giới Phật sự chẳng nghĩ bàn trên. Vì tánh pháp nhĩ của chân như tùy duyên, tuy tức tùy duyên pháp như thế về tánh, vì lúc tùy duyên tợ có hiển hiện, như nhìn Huyễn pháp chẳng có mà có, như trông cảnh mộng chẳng thấy mà thấy, như ảnh trong nước chẳng ra chẳng vào, tợ tượng trong gương chẳng trong chẳng ngoài, vì vô tánh tùy duyên vậy. Lý chẳng thành tựu vì tùy duyên không tánh vậy, sự chẳng thành tựu, nếu lý sự chẳng thành tức tất cả pháp đều chẳng thành, nên nói đều chẳng thành tựu, chỉ như vậy như vậy hiển hiện, như vậy như vậy chứng biết, rõ ràng rành rẽ lại đồng như Tông Kính, từng ánh sáng xen lẫn vào, từng bóng ảnh cùng hợp, như mười Huyền môn lớp lớp vô tận. Mười Huyền môn tức: Một là, môn đồng thời đầy đủ tương ưng. Đại sư Trí Nghiễm giải thích rằng: Đây là thuyết nói về tương ưng không có trước sau, mười Huyền môn đây mỗi mỗi đều đủ mười pháp đồng thời đầy đủ. Một là, giáo nghĩa, hai là, sự lý, ba là, cảnh trí, bốn là, hạnh vị, năm là, nhân quả, sáu là, y chánh, bảy, là thể dụng, tám là, nhân pháp, chín là, nghịch thuận, mười là, cảm ứng, tùy có một xứ tức đủ mười pháp đây đều là đồng thời đầy đủ. Nay tạm y cứ nhân quả đồng thời, như thuyết nhân quả của Tiểu thừa tức chuyển nhân để thành quả, nhân diệt mới quả thành. Nếu nhân quả Đại thừa cũng được đồng thời mà chẳng rõ bày vô tận, như tợ nhà duyên để thành nhà, nhân quả đồng thời thành mà chẳng thành vật khác, vì nhân có thân sơ vậy, do đó thành có hết vậy. Như tông Nhất thừa nói rõ nhân quả đồng thời là nên duyên sơ để vào thân, cho nên như lúc nhà thành thì tất cả pháp giới đều một lúc thành, nếu có một pháp chẳng thành thì nhà đó cũng chẳng thành, tợ như bước đầu tiên nếu đến thì tất cả bước đều đến, nếu có một bước chẳng phải đến thì tất cả bước đều chẳng phải đến. Nên trong kinh nói: "Tuy thành Đẳng chánh giác mà chẳng bỏ tâm phát mới đầu. Do đó, một thành tất cả thành, là pháp môn nhất tế vậy"; Hai là, môn cảnh giới Nhân-đà-la. Đây là thuyết ước về thí dụ, như lưới châu trên điện Đế-

thích trong mỗi một hạt chỗ qua lại hiện tất cả ảnh tượng vô tận, trong một bảo châu sáng rỡ muôn sắc lớp lớp ánh ngời rõ ràng rành rẽ, huống gì trong pháp giới nhất tâm đây tất cả nhân pháp cảnh trí lớp lớp xen lẫn vào, vì tánh chân như rốt ráo vô tận vậy. Lớp lớp lại lớp lớp, vô tận lại vô tận vậy. Trong luận nói: "Lưới trời Đế thích có riêng khác chỉ trí mới biết, chẳng phải chỗ mắt thấy. Lưới trời đồng thời, lưới đó là do các báu xâu kết cùng hợp thành, pháp đường thiện trụ đó ngang rộng bốn mươi do-tuần, cũng là do các báu hợp lại mà thành. Lưới đó trong mỗi mỗi lỗ tơ xâu xỏ đều có minh châu, thể châu đó sáng sạch, lưới báu xen nhau qua lại ánh hiện, trong mỗi mỗi lưới châu đều có toàn thân lưới châu, và bốn mươi do-tuần Bảo Điện mỗi mỗi đều toàn thân ở trong đó qua lại hiển hiện, như ảnh hiện của châu và lưới. Điện đó, mỗi mỗi rường cột, mỗi một xà trụ, mỗi một tường vách, mỗi một trụ ngắn, trong mỗi mỗi gương tượng đều có ảnh điện lưới châu, lớp lớp hỗ tương ánh hiện, nên nói như lưới trời Đế Thích lớp lớp vô tận, pháp, nay đây cũng lại như vậy, trong mỗi mỗi vị, trong mỗi mỗi pháp, trong mỗi mỗi bụi trần, trong mỗi mỗi cảnh tượng, trong mỗi mỗi danh tự, cho đến chim đời mười đời, mỗi mỗi cùng khắp pháp giới, đều do hai trí chân tục hỗ tương hiện bày xen lẫn khắp cùng pháp giới. Như trong phẩm Pháp Giới nói: "Nơi tham vấn của Đồng tử Thiện Tài, đầu tiên đến Bồ-tát Văn Thù, cuối cùng đến Bồ-tát Di-lặc Phổ Hiền, năm mươi ba vị Thiện tri thức. Trong đó, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng nam đồng nữ, Tiên nhân ngoại đạo, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, Thiên thần Địa thần, Dạ thần Thú thần, Quốc vương, Vương phi, các Đại Bồ-tát v.v... mỗi mỗi ở đạo tràng lớn qua lại làm chủ bạn, đồng nói cảnh giới Xá-na, như Phật ra đời, hoặc chẳng ra đời, pháp giới đây pháp nhĩ thường trụ không có đổi khác. Lại như Đồng tử Thiện Tài đến nơi Phật Di-lặc, mới đầu lên một các vào rồi thấy trong các đó rộng lớn vô lượng đồng như hư không, riêng có lầu các nhiều nói không thể hết xếp bày trong đó, mỗi mỗi cũng đồng như hư không, trong mỗi các đều nghe Bồ-tát Di-lặc giảng nói pháp môn của Bồ-tát nhất sinh có được, trong cảnh tượng của trong mỗi mỗi các hợp việc ba đời không có trước sau. Di-lặc là tương lai thành Phật, Thiện Tài tức là mới đầu phát tâm, trong khoảng một niệm mà năng tương hội, đó là nương tựa nơi trí pháp giới nhân thành Phật, chẳng phải luận bàn trước sau, lấy xưa nhiễm ấn nay, dung nay thông xưa, dung hợp không hai. Lại dùng một các làm tổng, một trí bao gồm muôn thiện, nhiều các làm biệt, thể dụng lớp lớp tự tại vô ngại. Đó là Đồng tử Thiện Tài nhân bản trí chẳng động, nhân phàm vào Thánh,

đến trong lầu các đây cùng chư Phật ba đời hội đồng không hai. Môn của Tổng biệt đồng khác lưới trời Đế- thích, tất cả chúng sinh có năng phát tâm nhân đó cũng lại như vậy, chưa thấy Bồ-tát Phổ Hiền khởi tâm rộng lớn đồng như hư không, tức nghe danh tự Phổ Hiền bèn thấy tự thân mình vào thân Phổ Hiền, quán trong mỗi mỗi lỗ chân lông Phổ Hiền đều có cõi nước rộng lớn, địa, thủy, hỏa, phong luân đều tại trong đó, ở trong một niệm dất bước nhiều chẳng thể nói chẳng thể nói, mỗi bước bước qua số cõi Phật nhiều chẳng thể nói, niệm niệm nghiên cứu trải qua số kiếp chẳng thể nói, chẳng thể cùng tận ngằn mé của một chân lông đó. Quán sát lại tự thân mình trong mỗi mỗi lỗ chân lông, Phổ Hiền cũng tại trong đó, mỗi mỗi lỗ chân lông đều đồng như hư không, chẳng chướng ngại nhau, đó là môn pháp như thế pháp giới hằng chân, hành nương lý hiện, dụng xứng thể cùng, tức là Thiện Tài thường hành, Phổ Hiền hạnh mãn, như trong phẩm Thập Định ở kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát đây có một hoa sen, hoa đó rộng lớn khắp mười phương tế, dùng là không thể nói, báu không thể nói, mùi hương không thể nói để trang nghiêm. Báu không thể nói đó lại mỗi mỗi hiện bày các thứ báu, sạch sẽ tốt đẹp rất khéo an trú, hoa đó thường tỏa phóng ánh sáng có các màu sắc, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới không có chướng ngại, vàng ròng làm lưới phủ khắp trên đó, khánh báu móc treo phát ra âm thanh vi diệu, âm thanh đó diễn xướng tất cả trí pháp, hoa sen lớn đó đầy đủ chỗ sinh khởi tất cả thiện pháp thanh tịnh trang nghiêm của Đức Như Lai, tốt lành phô bày, thần lực hiện nên, có mười ngàn A-tăng-kỳ công đức thanh tịnh chỗ thành tựu Diệu đạo của Bồ-tát, nơi sinh ra tất cả trí tâm, ảnh chư Phật mười phương hiển hiện ở trong, thế gian chiêm ngưỡng giống như tháp Phật, chúng sinh trông thấy thảy đều kính lễ, từ năng rõ huyễn chánh pháp sinh ra, tất cả thế gian chẳng thể làm thí dụ, Bồ-tát Ma-ha-tát ngồi kiết già trên hoa sen đó, thân tướng lớn nhỏ tương xứng với hoa, do sức thần của tất cả chư Phật gia hộ khiến mỗi mỗi lỗ chân lông của Bồ-tát phóng ra trăm ngàn muôn ức na-do-tha ánh sáng như số bụi trần các cõi Phật nhiều không thể nói, mỗi mỗi ánh sáng hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha ma-ni báu như số bụi trần các cõi Phật nhiều không thể nói, đều gọi là Phổ Quang Minh Tạng, dùng các thứ sắc tướng để trang nghiêm, do vô lượng công đức thành tựu, dùng các thứ báu và hoa làm lưới che phủ phía trên, rải trăm ngàn ức na-do-tha diệu hương thù thắng, vô lượng sắc tướng các thứ trang nghiêm, lại hiện lọng báu trang nghiêm không thể nói để che phía trên, mỗi mỗi ma-ni báu đều hiện trăm ngàn muôn

ức na-do-tha lầu các số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi lầu các hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha tòa sư tử Liên hoa tạng số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói. Mỗi mỗi tòa sư tử hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha ánh sáng số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi ánh sáng hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha sắc tướng số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi sắc tướng hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha vòng ánh sáng sốnhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi vòng ánh sáng hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha hoa báu ma-ni Tỳ-lô-giá-na số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi hoa hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha đài số nhiều như bụi trần các cõi Phật không thể nói, mỗi mỗi đài hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha Phật số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi Phật hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha Thần biến số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi Thần biến khiến sạch trăm ngàn muôn ức na-do-tha chúng sinh số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói. Trong mỗi mỗi chúng chúng sinh hiện trăm ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật tự tại số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi tự tại mưa trăm ngàn muôn ức na-do-tha Phật pháp số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi Phật pháp có trăm ngàn muôn ức na-do-tha Tu-đa-la số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi Tu-đa-la nói trăm ngàn muôn ức na-do-tha pháp môn số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, mỗi mỗi pháp môn có trăm ngàn muôn ức na-do-tha pháp luân nơi vào của Kim cang trí, ngôn từ sai biệt mỗi mỗi riêng diễn nói, mỗi mỗi pháp luân thành thục trăm ngàn muôn ức na-do-tha chúng sinh giới số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói. Mỗi mỗi chúng sinh giới có trăm ngàn muôn ức na-do-tha chúng sinh số nhiều như bụi trần các cõi Phật chẳng thể nói, ở trong Phật pháp mà được điều phục. Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát trú Tam-muội hiện bày cảnh giới thần thông như vậy vô lượng biến hóa, đều biết như huyễn mà chẳng nhiễm đắm". Phàm, hoa sen là phô bày nhân quả đồng thời, thanh tịnh không nhiễm, huống gì tự tánh tâm thanh tịnh năng khởi nhân môn của Phổ Hiền vô tận, viên mãn biển quả của Xá-na vô tác, lý sự suốt cùng, buông cuộn đồng thời, khởi hết tùy duyên mà không nhiễm đắm. Lại nữa, trong phẩm Thập Định nói: "Thí như có người bị quỷ gìn giữ, thân đó đánh động chẳng được tự an, quỷ chẳng hiện thân, khiến thân khác như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát trú Tam-muội đây cũng lại như vậy, tự thân nhập định thân khác khởi, thân khác nhập định tự thân khởi. Phật tử!

Thí như thây chết do sức chú thuật nên có thể dậy đi, tùy làm mọi việc thảy đều thành tựu. Thây chết và chú thuật tuy mỗi tự riêng khác mà năng hòa hợp thành tựu việc ấy. Bồ-tát Ma-ha-tát trú Tam-muội đây cũng lại như vậy, đồng cảnh nhập định cảnh khác khởi, cảnh khác nhập định đồng cảnh khởi, Phật tử! Thí như Tỳ-kheo được tâm tự tại, hoặc dùng một thân làm nhiều thân, hoặc dùng nhiều thân làm một thân, chẳng phải một thân chết nhiều thân sống, chẳng phải nhiều thân chết một thân sống, Bồ-tát Ma-ha-tát trú Tam-muội đây cũng lại như vậy, một thân vào định nhiều thân khởi, nhiều thân vào định một thân khởi. Phật tử! Thí như đại địa, mùi vị chỉ một, sinh mọc mầm mống mỗi mỗi mùi vị riêng khác. Đất tuy không riêng khác mà mùi vị có sai khác. Bồ-tát Ma-ha-tát trú Tam-muội đây cũng lại như vậy. Không chỗ phân biệt nhưng có một thứ vào định nhiều thứ khởi, nhiều thứ vào định một thứ khởi. Cho đến thí như cung điện nơi trú của Diệu Quang Đại Phạm Thiên Vương gọi là Nhất thiết trí thế gian tối thắng thanh tịnh tạng, trong cung điện lớn đó thấy khắp ba ngàn đại thiên thế giới các bốn thiên hạ, cung trời, cung rồng, cung Dạ-xoa, cung Càn-thát-bà, cung A-tu-la, cung Ca-lâu-la, cung Khẩn-na-la, cung Ma-hầu-la, trú xứ của nhân gian và ba đường xấu ác, núi Tu-di các thứ núi v.v... biển lớn sông rạch bờ đầm suối nguồn thành ấp tụ lạc cây rừng các thứ báu, tất cả các thứ trang nghiêm như vậy, tận cùng đại luân vi nơi có ngằn mé, cho đến giữa không trung bụi trần nhỏ nhiệm thảy đều hiển hiện trong phạm cung, như đối trước gương sáng thấy ảnh tượng mặt nó. Bồ-tát Ma-ha-tát trú Tam-muội thân sai biệt của tất cả chúng sinh đây, biết các thứ cõi thấy các thứ Phật, độ các thứ chúng, chứng các thứ pháp, thành các thứ hạnh, tròn đầy các thứ giải, vào các thứ Tam-muội, khởi các thứ thần thông, đắc các thứ trí tuệ, trú các thứ sát-na tế”. Lại nữa, trong phẩm Nhập Pháp Giới nói: “Bấy giờ, Đồng tử Thiện Tài phát tâm niệm đó rồi, liền đến nơi Dạ thần Hỷ Mục quán sát chúng sinh, thấy Dạ thần đó ở trong chúng hội đạo tràng của Đức Như Lai, ngồi tòa sư tử Liên Hoa tạng, vào Đại thế lực Phổ hỷ tràng giải thoát, mỗi mỗi lỗ chân lông trên tự thân tỏa ra vô lượng thân mây biến hóa, tùy nơi thích ứng mà dùng âm ngôn vi diệu diệu giảng nói pháp, nhiếp khắp vô lượng tất cả chúng sinh, đều khiến hoan hỷ mà được lợi ích, cho đến lại tỏa thân mây như số bụi trần trong tất cả thế giới đến khắp trước tất cả chúng sinh, trong mỗi niệm hiện bày tất cả hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, trong mỗi niệm hiện bày Đại nguyện thanh tịnh khắp đầy pháp giới, trong mỗi niệm hiện bày nghiêm tịnh tất cả biển thế giới, trong mỗi niệm hiện bày

cúng dường tất cả biển Như Lai, trong mỗi niệm hiện bày vào tất cả biển pháp môn, trong mỗi niệm hiện bày vào tất cả biển thế giới như số bụi trần, trong mỗi niệm hiện bày đến tất cả cõi tận cùng kiếp số vị lai thanh tịnh tu hành Nhất thiết trí đạo. Trong mỗi niệm hiện bày vào sức Như Lai, trong mỗi niệm hiện bày vào biển phương tiện của tất cả ba đời, trong mỗi niệm hiện bày đến tất cả cõi hiện các thứ thần thông biến hóa. Trong mỗi niệm hiện bày tất cả hạnh nguyện của các Bồ-tát khiến tất cả chúng sinh trú Nhất thiết trí, làm nên mọi sự như vậy thường luôn chẳng ngưng nghỉ. Do đó Tuyền Phục có kệ tụng rằng:

"Lúc nơi lưới trời hiện các thứ,
Tất cả trí thông không quái ngại".

Như trên, hạnh của lưới trời Đế- thích, tông của vô tận, nếu dùng môn duyên khởi tương do thì ẩn hiển qua lại dấy khởi, một nhiều vào nhau, nếu dùng môn pháp tánh dung thông thì không hữu dung thông lý sự tương tức, cho đến tất cả tuệ của thần thông tự tại, môn ra vào diệu định đều chẳng lìa chân tâm vô tận rốt ráo vô ngại đây, phải quy về Tông Kính pháp như thếchiếu sáng. Lại dùng sáu tướng mười huyền bao gồm đó, rành rẽ có thể thấy; Ba là, môn bí mật ẩn hiển đều thành, đây là căn cứ ở duyên nói. Do đó, Đức Như Lai trong một niệm đầy đủ tám tướng thành đạo chẳng ra ngoài ngằn mé sát-na, vì lúc giáng sinh tức là lúc thành đạo, tức là lúc độ người, tức là lúc nhập diệt. Tại sao? Vì tất cả pháp môn đều thành, một thành tất cả thành, do đó gọi là bí mật, cho nên ẩn thì nhất tâm không tướng, hiển thì muôn pháp nêu hình, tánh tướng đồng thời, không hữu vô ngại; Bốn là, môn vi tế tương dung an lập. Đây là căn cứ tướng mà nói. Vi tế có hai: Một là, chỗ dung chứa vi tế, vì lỗ chân lông xứng tánh năng dung chứa các cõi, các cõi còn tướng đã chẳng thể khắp, do đó chỗ dung vi tế vậy. Hai là, năng dung vi tế, vì một mảy trần một sợi lông tức năng dung chứa nên tất cả sự lý chủ bạn một nhiều nhiễm tịnh v.v... đều từ trong nhất tâm đồng hiện. Nếu các môn ẩn ánh qua lại hiển phát, lớp lớp lại lớp lớp thành vô tận đó tức là gồm trong môn lưới Đế- thích. Nếu các môn một lúc rõ ràng đều hiện, giống như mũi tên nhọn bằng đầu hiển hiện chẳng phòng ngại nhau, đó tức là gồm trong môn vi tế đây vậy. Như trong kinh nói rõ: "Trong một bụi trần thấy các cõi nước dơ sạch sai biệt nhiều chẳng thể nói". Lại nói: "Vô tận cõi Phật chẳng vượt ngoài một bụi trần." ; Năm là, môn mười đời cách pháp dị thành, đây là nói về ba đời mà nói, mười đời như vậy do sức duyên khởi nên tương tức lại tương nhập mà chẳng mất tướng ba đời trước sau dài ngắn, nên nói là cách pháp, tất cả mười

pháp giáo nghĩa lý sự v.v... tương tức lại tương nhập mà chẳng mất đầu cuối sùng bái, nên gọi là dị thành. Mười đời là ba đời đắp đổi tức nhau vào nhau tức thành chín đời, bó buộc làm một niệm, một niệm tức là đời bình đẳng, hợp với chín trước làm mười đời, như năm ngón tay thành bày tay chẳng mất năm ngón, mười đời một niệm chẳng hoại ngắn dài. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

"Vô lượng vô số kiếp,
Hiểu đó tức một niệm,
Biết niệm cũng không niệm,
Thấy thế gian như vậy.
Vô lượng các cõi nước,
Một niệm đều siêu việt,
Trải qua vô lượng kiếp,
Chẳng động nơi bản xứ.
Chẳng thể nói các kiếp,
Tức là khoảnh khắc ngắn,
Chớ thấy ngắn và dài,
Rốt ráo pháp sát-na.
Tâm trú ở thế gian,
Thế gian trú ở tâm,
Ở đây chẳng vọng khởi,
Hai, chẳng hai phân biệt."

Lại nữa, trong phẩm Hồi Hướng có kệ tụng nói:

"Có số không số tất cả kiếp,
Bồ-tát rõ biết tức một niệm,
Ở đây khéo vào Bồ-tát hạnh.
Thường xuyên tu tập chẳng thối lùi."

Sáu là, môn các tạng thuần tạp đầy đủ đức. Đây là nói về các hành mà nói, như tợ căn cứ một môn thí mà nói thì tất cả muôn pháp thảy đều gọi là thí thì là thuần mà môn thí đây tức đầy đủ các độ v.v... muôn hạnh gọi là tạp, thuần tạp như vậy chẳng trở ngại nhau, nên gọi là đầy đủ đức, vì nghĩa thuần tạp mảy may chẳng lạm, chủ bạn qua lại lập năng sở cùng sinh, đầy đủ đức tròn chứa, cùng gồm vô ngại; Bảy là, môn một nhiều chứa nhau chẳng đồng. Đây là nói về lý mà nói, một nhiều duyên khởi như vậy đều là lực dụng của Hải ấn pháp tánh thật đức trong pháp giới mà được như vậy, chẳng phải phương tiện duyên tu thành đạt nên, tùy trong lặng thì luận bàn một nghĩa, tùy trí dụng thì hiện bày nhiều môn, chẳng phải một chẳng phải nhiều, luôn chẳng mất

thể, mà nhiều mà một, đâu ngại tùy duyên. Đây là pháp Đại duyên khởi Đà-la-ni, nếu không một tức tất cả chẳng thành, nói là một tức chẳng phải tự tánh một, do duyên khởi mà thành cho đến mười, đều chẳng phải tự tánh mười, vì do duyên khởi thành. Cho nên tất cả duyên khởi đều không tự tánh, tùy bỏ một duyên tức tất cả chẳng thành. Vì thế, trong một tức đầy đủ nhiều mới gọi là duyên khởi một vậy. Vì vậy, nhiều trong một, một trong nhiều chứa nhau vô ngại, nhưng chẳng cùng phải. Hỏi: Nghĩa môn một nhiều là đồng thời đầy đủ, hay là trước sau chẳng đồng ư? Đáp: Tức đầy đủ tức trước sau, nghịch thuận đồng thể đức dụng tự tại. Hỏi: Nói về nghĩa đến đi tức vào, tướng nó thế nào? Đáp: Tự vị chẳng động mà luôn đến đi. Tại sao? Khứ lai chẳng động tức là một vật, chỉ vì sinh trí hiển lý nên nói các nghĩa đến đi v.v... Hỏi: Là do trí ư? Hay pháp như vậy? Đáp: Đồng thời đầy đủ vậy. Vì một vào nhiều, nhiều vào một nên gọi là tương dung, tức thể không trước sau mà chẳng mất tướng của một nhiều, nên nói là chẳng đồng. Lại nữa, một và nhiều qua lại sinh khởi. Vả lại, một nương tựa nhiều khởi, thì một là sở khởi mà không có sức vậy, nhiều là năng khởi nên có sức vậy, vì nhiều có sức năng gồm một, vì một không sức vào ở nhiều, cho nên một đây luôn là nhiều, nhiều nương tựa một khởi, chuẩn cứ như trên thì biết đó. Vầy thì nhiều đây luôn tại trong một, vì đều có sức và đều không sức nên mỗi chẳng cùng vậy, không kia chẳng cùng tồn tại vậy. Vì vậy có sức một không sức chẳng trái nghịch nhau vậy, có luôn tồn tại đây vậy, pháp giới duyên khởi lý số thường vậy, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Bấy giờ, đất nói rừng cây hẹp nhỏ, do sức thần của Phật nên nói như mũi kim nhọn đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng với quyến thuộc đều ngồi thọ trai, các vật thực cũng không sai khác."; Tám là, môn các pháp tương tức tự tại. Đây là căn cứ dụng mà nói, như môn lưới trời Đế thích qua lại ánh ngời từng lớp hiện, như môn vi tế tức một lúc đều hiện. Như môn tức nhau đây là căn cứ ba thế gian viên dung vô ngại tự tại tức nhập mà thành vô tận, như trong lầu các của Bồ-tát Di-lặc hiện việc ba đời, pháp môn tự tại như trên tức là pháp giới duyên khởi như lý thật đức đó chẳng phải biến hóa đối duyên phương tiện nên nói vậy. Nếu theo tông Đại thừa nói rõ tức nói sức thần biến hóa nên lớn nhỏ được tương nhập, hoặc nói do sức Bồ-tát nên vào, lại nói: Chẳng hai môn vào, chẳng đồng như thật giáo Nhất thừa đây nói. Hỏi: Tông này nói rõ tức vào chẳng bàn luận sức thần mới nói tự thể thường như vậy đó là lẫn lộn luận cương giới không đầu không cuối, duyên gì được dẫn giải mười pháp giáo nghĩa nhâm quả v.v... Đáp: Chỉ vì tùy theo trí sai biệt

vậy. Nêu một làm chủ, còn các thứ khác làm bạn, giống như lưới trời Đế- thích nêu một lỗ làm đầu hiện trong các lỗ. Một lỗ đã vậy, tất cả lỗ hiện cũng như vậy. Lại như Bồ-tát ở các phương đến chứng thành đều danh hiệu đó, tất cả mười phương chứng thành đều cũng như vậy. Do đó thành vô tận đó lại vô tận mà chẳng mất nhân quả thứ lớp trước sau, mà thể không tăng giảm, nên trong kinh nói: "Tất cả chúng sinh thành Phật, Phật quả chẳng tăng. Chúng sinh giới chẳng giảm"; Chín là, môn duy tâm hồi chuyển thiện thành. Đây là nói về tâm, tất cả nghĩa môn vô tận v.v... các lý sự đều là Như Lai tạng tánh, nơi dựng lập của chân tâm thanh tịnh, hiển hiện vô ngại, hoặc thiện hoặc ác, hoặc phàm hoặc Thánh, tùy theo tâm chuyển, Đức Như Lai giảng nói kinh Hoa Nghiêm, thân khắp bảy xứ chín hội, cho đến mười phương pháp giới hư không giới tất cả đường lông trong bụi trần đều chẳng lìa nơi đầu tiên thành đạo. Trong kinh nói: "Tuy là bảy xứ chín hội mà chẳng lìa đạo tràng tịch diệt". Lại nói: "Chẳng lìa cội bình đẳng mà lên trời Đao-lợi." Đây thì muôn cảnh muôn duyên đều chẳng vượt ngoài một chân tâm vậy. Như trong phẩm Hồi Hướng có kệ tụng nói:

"Tất cả các cõi Phật,
Phật tử đều đầy khắp,
Bình đẳng cùng nhất tâm,
Việc làm đều chẳng không.
Tất cả đầu sợi lông,
Một lúc thành Chánh giác,
Đại nguyện như thế ấy,
Vô lượng vô biên tế.
Hư không và chúng sinh,
Pháp giới và Niết-bàn,
Thế gian Phật xuất hiện,
Phật trí cảnh giới tâm."

Hỏi: Nếu tất cả nhiễm tịnh muôn pháp đều do tâm thành, như người trước thấy chướng bên ngoài có vật, riêng lúc có người vất bỏ vật, tâm còn cho là có, khi ấy vật thật không, sao gọi là do tâm thành ư? Đáp: Nếu tùy trong tâm hư vọng chuyển vật chướng bên ngoài đó, cũng tùy có hay không của tâm, đó cũng tâm tùy vất bỏ vật, chẳng mất vật mà chuyển vậy. Nếu luận về Như Lai tạng tánh tịnh tâm chân thật mà nói thì vật đó chẳng động bản xứ, thể ứng cả mười phương, tánh thường chẳng chuyển, giả sử dời đến phương khác, mà thường chẳng động bản xứ vậy. Lại nữa, lúc mê thì cảnh gồm tâm, lúc ngộ thì tâm gồm cảnh.

Tại sao? Lúc mê chỉ tùy theo cảnh chuyển, cảnh chánh thì tâm chánh, cảnh tà thì tâm tà, đắm trước duyên của tà chánh, thành nghiệp thiện ác. Như lúc ngộ, biết chỉ tâm ta, tâm có thì cảnh có, tâm không thì cảnh không, chẳng định duyên của có không, đâu thành riêng biệt của vật ta, thì chẳng phải có chẳng phải không mà năng có năng không, mỗi mỗi đều tự tại chuyển vậy. Do đó, trong kinh Tịnh Danh nói: "Thiên ma ngoại đạo đều là người hầu của ta vậy". Đây còn nói về đối trị trong giáo, vì bị vật chuyển phương tiện nói chuyển, nếu thấy ngay người của tâm tánh, đã không vật sở chuyển, cũng không trí năng chuyển. Bao gồm mười Huyền môn trên đều ở nơi môn Duy tâm hồi chuyển đây mà thành tựu, chẳng vượt ngoài nghĩa của nhất tâm, vì tâm bình đẳng nghĩa là một, tâm sai biệt nghĩa là nhiều, vì một tâm tức tất cả tâm là nghĩa cùng tức, là nghĩa đồng thời tương ưng, đem tất cả tâm vào một tâm là nghĩa cùng vào. Đem một tâm gồm tất cả tâm là nghĩa ẩn. Đem tất cả tâm giúp một tâm là nghĩa hiển, dùng tâm chẳng hoại sai biệt mà hiện tâm bình đẳng là nghĩa một trong nhiều, dùng tâm bình đẳng chẳng ẩn mà hiện tâm sai biệt là nghĩa nhiều trong một. Lại nữa, tâm vi tế nhỏ nhiệm chẳng ngại tâm rộng lớn, tâm rộng lớn chẳng ngại tâm nhỏ nhiệm, là nghĩa một nhiều chẳng đồng, dùng tâm nhất thật là thuần, tâm sai biệt là tạp, tâm sai biệt tức tâm nhất thật, tạp luôn thuần tâm nhất thật tức là tâm sai biệt, thuần luôn tạp, tức là nghĩa các tàng thuần tạp. Dùng một tâm đeo mang tất cả tâm trở vào một tâm là nghĩa lưới trời Đế-thích. Nhân tâm hiện cảnh, thấy cảnh biết tâm là nghĩa gá sự hiển bày pháp, kiếp dài kiếp ngắn, thời lượng ngắn dài đều từ tích chứa niệm mà thành, một tâm hiện nên là nghĩa mười đời. Nhân nghĩa chánh một tâm diễn nói pháp môn khó nghĩ, rốt ra kết quy về mất lời tuyệt suy nghĩ, tức là nghĩa Duy tâm hồi chuyển. Tự tâm đã vậy, tâm khác cũng vậy, xen lẫn vào nhau lớp lớp vô tận; Mười là, môn gá sự hiển bày pháp sinh giải hiểu. Đây là căn cứ về trí mà nói. Dùng trí quán chiếu thì muôn pháp như gương, năng sinh chánh giải chẳng khởi nghiêng lệch, như trong kinh đầu tiên nêu bày thế giới im sắc, hiển bày trước tiên khởi nói tâm thật tế, thấy mọi sự tất cả phan tất cả lọng v.v... trong pháp giới đều hiển bày trí hạnh vô sinh, như Đồng tử Thiện Tài trông thấy lầu quán vườn rừng đều vào pháp giới. Mười Huyền môn tự tại vô ngại như trên đều là duyên khởi bởi nhau, đầy đủ cósức không sức, có thể không thể, tức vào cùng gìn giữ tợ có hiển hiện. Tông Kính đây là môn pháp giới đại duyên khởi, đều nhân hai nghĩa tức vào, được có các môn thành tựu hiển bày nhất tâm vô ngại đây, dùng hai pháp thể dụng thành hai

nghĩa tức nhập đó. Một, y cứ thể, có không chẳng không, đều đồng thể nên có nghĩa tướng tức. Hai, nói về dụng thì có có sức không sức, qua lại suốt cùng, có sức gìn giữ không sức nên có nghĩa cùng vào. Lại, do dụng gồm thể, và không thể riêng biệt nên có cùng vào. Do thể gồm dụng, và không dụng ràng buộc, nên chỉ cùng tức, vì thể dụng không hai nên thường cùng tức nhập. Lại nữa, thể tức là lý, dụng tức là sự, không phân là lý, phân tức là sự. Phân và không phân đều không chướng ngại, mỗi mỗi có bốn câu. Trước tiên bốn câu của lý: Một là, không phân hạn, vì khắp tất cả xứ. Hai là, chẳng phải không phân, vì trong một pháp không gì chẳng đầy đủ. Ba là, đầy đủ phân và không phân, nghĩa là phân và không phân chỉ một vị, vì toàn thể tại một pháp mà tất cả xứ luôn đầy đủ, như quán trong mảy trần, thấy tất cả xứ pháp giới, nên bốn đều chẳng phải dùng tự thể tuyệt đối đãi vậy. Bốn câu của sự: Một là, có phân, vì tùy tự sự tướng có phân tể vậy; Hai là, không phân, vì toàn thể được lý vậy. Trong Đại Phẩm nói: "Sắc khoảng trước sau chẳng thể được."; Ba là, đầy đủ phân và không phân hai nghĩa vô ngại, cho nên đầy đủ hai nghĩa đây mới là sự vậy; Bốn là đều chẳng phải, vì hai nghĩa dung nhiếp vậy, vì tất cả duyên khởi chẳng vượt ngoài lý sự, vì sự nên chẳng phải một, vì lý nên chẳng phải khác, ở nơi tánh không sai, tùy tướng có riêng biệt, thì tánh tùy tướng khác, đây là chẳng khác mà khác, ở nơi sự có phân, tùy nơi lý không phân, thì sự tùy lý một, đây là chẳng một mà một, chẳng một mà một mới thành một đó, chẳng khác mà khác mới thành khác đó. Lại nữa, lý sự các pháp do chẳng khác mới được chẳng một. Tại sao? Nếu khác tức vọng có thể, chẳng nương tựa chân lập vì chẳng nương tựa chân, tức chẳng có vọng, nay có vọng là do chẳng khác nên được thành chẳng một, vì vọng ktự thể nên toàn nương tựa chân mà thành, rõ vọng thành nên cùng chân chẳng một, như sóng nương tựa nước, do chẳng khác nước bèn được thành sóng, vì thành sóng nên cùng tánh ướt chẳng một. Lại, chẳng một chẳng khác, do có năng nương tựa sở nương tựa vậy, suốt cùng chẳng khác, như có sóng nên nói sóng tức ướt, do có ướt nên nói nước tức sóng, cho nên một khác không tánh, toàn thể cùng gần, chẳng hoại hình lớn nhỏ mà thành thế tức nhập, vì lýsự mỗi mỗi đều không tánh, hỗ tương thành lập, vì sự không thể cố định, dài chẳng phải tướng dài, ngắn chẳng phải tướng ngắn. Đã không dài ngắn tức không dụng hoại, vì tức tướng không tướng vậy. Do đó, kiếp dài tức kiếp ngắn, kiếp ngắn tức kiếp dài, vì không tướng tức tướng vậy. Bụi trần lớn vào bụi trần nhỏ, bụi trần nhỏ vào bụi trần lớn, vì tức nên lý đồng, vì nhập nên sự khác, vì lý tức sự vậy, chẳng phải khác tức

là chẳng phải một, vì sự tức lý vậy. Chẳng phải một tức là chẳng phải khác, do chẳng phải một tức chẳng phải khác vậy. Nay sự pháp đây chẳng lìa một nơi mà toàn khắp mười phương, do chẳng phải khác tức chẳng phải một vậy, toàn khắp mười phương mà chẳng động một vị, một không tánh lý, nghĩa tự tại thành, nhỏ nhiệm tương dung vô ngại an lập. Như trên, lý sự dung thông chẳng phải một chẳng phải khác chẳng phải có chẳng phải không, chẳng đọa lạc biên tà mới hay ngộ nhập. Như lý không chia giới hạn, gọi chung là vô biên, sự có chia giới hạn nên gọi là hữu biên. Nếu nương tựa lý thành sự, lý tánh toàn ẩn thì vô biên tức biên. Nếu hội sự quy về lý, sự tướng toàn hết thì biên tức vô biên. Nay thì không như vậy, chẳng mất lý mà sự hiện, nói biên của vô biên, chẳng hoại sự mà lý hiển, gọi là vô biên của biên. Nếu định nói một khác chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải chẳng phải một chẳng phải chẳng phải khác v.v... đều đồng hý luận, chẳng khế hợp chân như, nên luận Tam Vô Tánh nói: "Lại nữa, không hý luận gọi là chân thật". Không hý luận là đối với tướng v.v... lìa một khác hư vọng, cho đến nếu chân chứa cùng tướng v.v... khác, tức có ba lỗi quá: Một là chân như đây chẳng phải thật thể của tướng v.v...; Hai là tu quán hạnh chẳng nương tựa tướng v.v... làm phương tiện, được thông đạt chân như; Ba là rõ ngộ chân như rồi thì nên chưa đạt các pháp tướng v.v... vì chẳng liên quan vậy. Nếu chân như cùng tướng v.v... là một, cũng có ba lỗi: Một là, chân như đã không tướng sai biệt v.v... cũng nên không sai biệt. Hai là nếu thấy tướng v.v... tức thấy chân như. Ba là, nếu thấy chân như chẳng thể thanh tịnh, như thấy tướng v.v... thì không có Thánh nhân, không được giải thoát, không có Niết-bàn thế gian và xuất thế gian khác, cho nên do lìa một khác v.v... không hý luận nên không biến đổi khác, không biến đổi khác tức là tánh chân thật vậy. Vậy biết chẳng phải một chẳng phải khác chẳng phải có chẳng phải không, ý chỉ sâu xa vủa Tông Kính đây tự tại viên dung, nghĩa là muốn một thì một, muốn khác thì khác, muốn còn thì còn, muốn hết thì hết, khác chẳng ngại một, hết chẳng ngại còn, mới là tự tại, thường một thường khác, thường còn thường hết, gọi là viên dung. Lại như đùa linh châu, châu đó chẳng ở không trung, chẳng rơi trên đất, chẳng ở trong tay, đã chẳng tại ba nơi, cũng chẳng ở một nơi, chẳng ở trong không tức dụ chẳng ở không quán, chẳng rơi trên đất tức dụ chẳng ở giả quán, chẳng ở trong tay tức dụ chẳng ở Trung quán. Đã chẳng trú ba cũng chẳng thành một, thì chẳng phải một chẳng phải ba mà ba mà một, đó là diệu vậy. Nếu chưa tỏ ngộ yếu chỉ đây, như có thấy nghe đều rơi vào đoạn kiếnthường kiến chẳng

thành huyền diệu. Nếu vào Tông Kính, không đến chẳng chân, điều xưa chẳng biết mà nay được biết, điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Ở trong một niệm thì hiện đầy đủ thân năm thú. Tại sao? Vì được thế lực kinh Đại Niết-bàn của Đức Như Lai". Vậy thì gọi là điều xưa chẳng được mà nay được đó, cho đến ở trong một niệm biết tâm chúng sinh khắp trong sáu thú, đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 39

Hỏi: Đấng Giác Vương dạy rõ, Đại giáo chỉ quy, Tỳ-kheo ở thời mạt pháp phải tu đạo Tứ niệm xứ, yếu chỉ đó thế nào?

Đáp: Đây là rút từ kinh Đại Niết-bàn chỉ dạy sau cùng. Bao gồm các giáo tích trước đồng với chỉ quy đây. Vì Tứ niệm xứ tức là như Tông Kính nói rõ về than, thọ, tâm, pháp. Như trong kinh nói: Phật bảo A-nan: "Như điều ông hỏi sau khi Phật nhập Niết-bàn, nên nương tựa đâu mà trú? A-nan! Nương tựa Tứ niệm xứ nghiêm thân mà trú, quán thân tánh tướng đồng như hư không, gọi là Thân niệm xứ. Quán thọ chẳng tại trong ngoài chẳng tại trung gian, gọi là Thọ niệm xứ. Quán tâm chỉ có danh tự, tánh danh tự lìa, gọi là Tâm niệm xứ. Quán tâm chẳng được pháp thiện chẳng được pháp bất thiện, gọi là Pháp niệm xứ. A-nan! Tất cả hành giả nên phải nương tựa Tứ niệm xứ đây mà trú". Lại nói: "Thí như Quốc vương an trú tại nước mình thân tâm an lạc, nếu ở nước khác thì bị các thứ khổ, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, nếu năng tự trú cảnh giới chính mình thì được an lạc, nếu đến cõi khác thì gặp ác ma, chịu các khổ não. Cảnh giới chính mình là Tứ niệm xứ. Cảnh giới khác tức là năm món dục vậy". Trong kinh Hoa Thủ nói: "Phật bảo: Bạt-đà-bà-la! Đến thời thế đó, tất cả thiện nhân nên niệm tưởng rằng: "Chúng ta phải tự nương tựa Tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ tức là ở trong Thánh pháp, tất cả các pháp đều gọi là niệm xứ". Tại sao? Tất cả các pháp thường trú tự tánh không năng hoại vậy. Tất cả các pháp đều gọi là niệm xứ nên biết tức pháp là tâm, tức tâm là pháp đều đồng một tánh, đâu năng hoại ư? Nếu có hai pháp thì năng hoại nhau." Trong kinh Đại Bảo Tích có kệ tụng nói:

"Đắc nơi không động là,
Thường trú nơi không xứ."

Nói không động là cảnh giới tự tâm, cảnh giới đó tức không xứ sở. Như trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: "Tâm không ngằn mé, chẳng thấy xứ sở". Trong Luận Thích nói: "Tâm không ngằn mé là về nguồn

nhất tâm, tâm thể khắp cùng, khắp mười phương nên không ngằn, khắp ba đời nên không mé. Tuy khắp ba đời mà không khác của xưa nay, tuy khắp mười phương mà không nói của đây kia, nên nói chẳng thấy xứ sở.” Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: “Phàm, niệm xứ. Thế nào nghĩa là niệm? Phải biết là niệm không có nghịch tranh, tùy thuận như pháp hướng đến Bồ-đề, đạt lìa tà niệm không có chuyển dời và các khác biệt, chỉ là một tâm vào định chẳng động. Nếu năng như vậy, gọi là nghĩa niệm”. Như Đại sư Trí Giả ở Thiên thai thuật rộng chân giải thích, Đại Tiểu đều xiển dương, giáo quán đều biện giải, sau cùng chỉ nói chương luận quán tâm, ý cũng như vậy, cũng như Tổ sư Bồ-tát Mã Minh rộng giải thích kinh tạo luận, cuối cùng chỉ chế một quyển Lược Luận, gọi là luận Đại Thừa Khởi Tín nói rằng: Có Ma-ha-diễn năng khởi tín căn Đại thừa, lập hai môn tâm chân như và tâm sinh diệt, tổng mở nhất tâm, biệt bày thể dụng. Nếu rõ đại chỉ nhất tâm đây tức là khởi tín căn Đại thừa của tất cả chúng sinh. Nếu người chưa tin, giả sử trải qua vô lượng ức kiếp tu hành rộng lớn vẫn chẳng vào chánh tông của Phật tổ, đều là Bồ-tát giả danh, chỉ yếu nghĩa của một luận đây gồm nhiếp văn rộng của các bộ, đem nguồn gom dòng, có gì chẳng hết, cũng là đại ý của các Thánh chế tác, cũng là bản hoài của Tông Kính, là chỗ biết của chư Phật là sở chứng của các bậc hiền, đầy đủ các đức muôn hạnh rộng sâu, Diệu nghĩa giải bày rốt ráo chỗ hướng đến. Tứ niệm xứ đây phá tám điên đảo: Một là, trong Bất tịnh làm tịnh tưởng, hai là, trong khổ làm lạc tưởng, ba là, trong vô thường làm thường tưởng, bốn là, trong vô ngã làm ngã tưởng. Đó là bốn đảo của phàm phu ngoại đạo. Lại nữa: Một là, trong tịnh làm bất tịnh tưởng, hai là, trong lạc làm khổ tưởng, ba là, trong thường làm vô thường tưởng, bốn là, trong ngã làm vô ngã tưởng, đó là bốn đảo của hàng Nhị thừa, cộng thành tám đảo. Vì vậy tu quán Tứ niệm xứ phá tám điên đảo, ở trong đó mà nhập Niết-bàn, là bản hoài của mười phương chư Phật xuất hiện nơi đời, rốt ráo chỉ quy trong tạng Bí mật, sau cùng buông nơi xả thân mạng, chánh đáng nói pháp môn nhất tâm; đại chỉ của Tông Kính.

Trong Phụ Hành Ký nói: “Tứ niệm xứ quán là mỗi mỗi niệm xứ thảy đều trước nói rõ về không và giả để phá đảo, tiếp dùng Trung đạo để kết thành Bí tạng, tự tha đều đủ, nghĩa bao gồm đại tiểu. Nói đều phá là đã dùng Trung đạo hiển bày Bí mật tạng, nên Tứ niệm xứ thảy đều phá đảo. Tại sao? Vì tức không nên phá thường đảo, nghĩa gồm ở tiểu, vì tức giả nên phá vô thường đảo, nghĩa gần ở đại. Trung đạo làm chánh nên nói nghĩa gồm cả đại tiểu. Vì tức Trung nên song chiếu đại

tiểu song chẳng phải đại tiểu. Tức là song chiếu song phá tám đảo. Ba đế tương tức, gồm không trước sau, phá không thứ lớp, tức phá tức lập tức chiếu tức ngăn. Bốn tươi bốn héo là trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phương Đông song là dụ cho thường và vô thường. Phương Nam song là dụ cho lạc và không lạc, phương Tây song là dụ cho ngã và vô ngã, phương Bắc song là dụ cho tịnh và bất tịnh. Bốn phương mỗi song, nên gọi là song thọ, phương diện thảy đều một héo một tươi, tươi dụ cho thường v.v... héo dụ cho vô thường v.v... Đức Như Lai ở trong, đầu xoay về hướng Bắc mà nằm nhập Niết-bàn, biểu thị chẳng phải héo chẳng phải tươi. Tươi tức biểu thị giả, khô tức biểu thị không, tức là ở không giả và khoảng giữa đó mà vào Bí tạng. Trong kinh Hậu Phân nói: "Một cặp ở phương Đông tại sau lưng Phật, một cặp ở phương Tây tại trước mặt Phật, một cặp ở phương Nam tại dưới chân Phật, một cặp ở phương Bắc tại trên đầu Phật. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn rồi, hai cặp ở phương Đông và Tây hợp làm một cây, hai cặp ở phương Nam và Bắc cũng hợp làm một. Hai hợp thảy đều phủ che Đức Như Lai, cây đó buồn thảm đều biến thành sắc trắng. Thường và vô thường v.v... hai tức chẳng hai, vì thường, lạc, ngã, tịnh phủ khắp pháp giới vậy. Hai hợp phủ che Đức Như Lai tức là Như Lai khế hợp nơi Bí tạng, cũng niệm xứ, không gì chẳng phải tịch diệt, sắc trắng tức là gốc của các màu sắc. Thường v.v... xứng gốc, nên gọi là biến thành sắc trắng. Nói đầu xoay về hướng Bắc, là trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Tiêu biểu Phật pháp trú lâu ở phương Bắc". Kinh thứ tư trong Trường A-hàm nói: "Phật bảo A-nan: "An đặt đầu ta ở phương Nam, xoay đầu mặt vì hướng Bắc thì khiến Phật pháp trú lâu chẳng diệt". Huống gì Niết-bàn rốt cùng chẳng tiêu biểu Bí tạng ư? Nhưng giáo môn của một đời Đức Phật có các thứ tiêu biểu, mà văn nghĩa hiển bày không gì vượt qua song thọ. Vì Tư niệm xứ quán năng làm môn quán hạnh đầu tiên của Đại tiểu, cho nên như vậy, ân cần di chúc, ý tại nơi đây. Lại nữa, chỉ hàng phàm phu cho rằng: Thân là tịnh, nói thọ là lạc, chấp tâm là thường, tính pháp là ngã, do bốn đảo đó mà khởi tham ái vô minh mà có các hành cho đến lão tử, khổ tập miên man, tám vạn bốn ngàn lửa phiền não thiêu đốt vườn nhà năm uẩn. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Bốn phía đồng thời lửa dữ bốc cháy" tức là dụ cho bốn đảo. Nếu người tu Tiểu thừa quán tức quán thân bất tịnh để phá điên đảo tịnh, quán thọ là khổ để phá điên đảo lạc, quán tâm vô thường để phá điên đảo thường, quán pháp vô ngã để phá điên đảo ngã. Vậy thì do trước mê tâm điên đảo cho rằng: Thân là thường, lạc, ngã, tịnh mà khởi các thứ phiền não tham ái, nay đã quán biết

thân là bất tịnh cho đến khổ vô thường vô ngã thì chẳng khởi tham ái vô minh, hành thức cho đến lão tử diệt thì sông sinh tử nghiêng đổ đầy biển Niết-bàn, tức là tranh đua cùng xô đẩy xen nhay ra khỏi nhà lửa đến nơi không còn lo sợ, đó là nhân duyên khuyên người làm hạnh nhỏ, khiến nương tựa niệm xứ tu đạo vậy. Tứ niệm xứ theo Đại thừa là quán thân năm uẩn sinh tử chẳng phải tươi chẳng phải héo tức là đại tịch tịnh. Trong kinh Niết-bàn nói: "Sắc giải thoát Niết-bàn cho đến thức giải thoát Niết-bàn, nếu tu niệm xứ quán đây tức là quán tất cả chúng sinh trong sáu đường, tức là Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh đầy đủ sự thấy biết của Phật. Như Thường Bất Khinh Bồ-tát viên mãn tín thành tựu. Trong kinh nói: "Thí cho người xin ăn thấp hèn nhất trong thành và cúng dường Đức Nan Thắng Như Lai, công đức đó đồng nhau". Vậy thì đâu thể phân biệt là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, có thể thí hay chẳng thể thí ư? Nên niệm xứ quán tức hạt giống bình đẳng. Nếu chẳng tu thì thấy sinh tử và Niết-bàn có khác, phàm thánh có sai Thánh là ruộng phước cung kính tức sùng ngưỡng mà thí. Phàm là ruộng phước giúp thương (bi) thì chán hèn mà chẳng xả. Nếu vào pháp môn nhất tâm bình đẳng pháp giới niệm xứ thì không phân biệt. Phàm Tứ niệm xứ, niệm tức là tâm quán tuệ, xứ tức là cảnh trí chiếu, năng sở ngầm hợp chỉ là nhất tâm. Nay y cứ Tứ niệm xứ quán của Thiên thai mà nói rõ Tứ niệm xứ trong bốn giáo. Bốn câu phân biệt là:

- Nếu chẳng phải khổ chẳng phải lạc, kết thành sinh diệt khổ lạc, cho đến chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, kết thành vô ngã, là ý của Tam Tạng.

- Nếu chẳng phải khổ chẳng phải lạc kết thành khổ lạc của không khổ không lạc, là nhiếp thuộc Thông giáo. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Năm thọ ấm thông đạt không không chỗ khởi là nghĩa của khổ". Kết thọ niệm xứ quán, như bất tịnh quán nói trong Đại Phẩm tức là Ma-ha-diễn đều chẳng thể được vậy. Vì thế, tâm bất tịnh quán sắc, tự nghĩ thân ta là pháp chưa thoát, chưa khỏi sinh trong ba cõi, còn phải chịu trăm ngàn sinh tử, nên nói là chưa thoát. Phẩm Dẫn Quảng Thừa nói thành Thân niệm xứ quán các pháp chẳng sinh chẳng diệt, là nghĩa vô thường, kết thành tâm niệm xứ quán. Đối với ngã và vô ngã mà chẳng hai, là nghĩa vô ngã, kết thành pháp niệm xứ quán, là ý của Thông giáo. Nếu làm chẳng phải thường chẳng phải vô thường kết thành thường, chẳng phải dơ chẳng phải sạch kết thành tịnh, chẳng phải khổ chẳng phải lạc kết thành lạc, chẳng phải ngã hay vô ngã kết thành ngã, tức ngã là thường, lạc, ngã, tịnh của Biệt giáo, đoạn hoặc trải qua riêng cầu chứng

vậy. Nếu làm chẳng phải dơ chẳng phải sạch song chiếu dơ sạch, chẳng phải khổ chẳng phải lạc song chiếu khổ lạc, chẳng phải thường chẳng phải vô thường song chiếu thường và vô thường, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã song chiếu ngã và vô ngã, kết thành viên tâm tu tập chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn của Viên giáo. Lại ba giáo Tạng, Thông, Biệt trước chẳng phải chỗ nay dùng, do đó chỉ lược nêu dẫn. Nay chú trọng về văn Tứ niệm xứ của Viên giáo hỗ trợ thành tin sau. Tứ niệm xứ quán nói: Tứ niệm xứ; Niệm là quán tuệ. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Niệm tướng trí đều là dị danh của một pháp, mới đầu ghi tâm gọi là niệm, tiếp đến Tập hành gọi là tưởng, sau cùng hoàn thành gọi là trí. Xứ nghĩa là cảnh, đều chẳng lìa Tát-bà-nhã. Trí năng quán tuy chiếu mà thường tịch, gọi đó là niệm, cảnh sở quán tịch mà thường chiếu, gọi đó là xứ. Cảnh tịch trí cũng tịch, trí chiếu cảnh cũng chiếu, một tướng không tướng, không tướng một tướng, tức là thật tướng. Thật tướng tức là một Thậ đế, cũng gọi là hư không Phật tánh, cũng gọi là Đại Bát-niết-bàn, cảnh trí như vậy không hai không khác, cảnh của Như Lai tức là trí của Như như, trí tức là cảnh, nói trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, cũng ví như nói là nói xứ và xứ tri đều gọi là sở đế, là cảnh của chẳng phải cảnh mà nói là cảnh, trí của chẳng phải trí mà gọi là trí, cũng gọi là Tâm tịch Tam-muội, cũng gọi là Sắc tịch Tam-muội, cũng gọi là Minh tâm Tam-muội, cũng gọi là Minh sắc Tam-muội. Trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Thân phóng ánh sáng đại trí như đốt núi vàng tía”. Kinh Đại Niết-bàn nói “Quang minh tức là trí tuệ”, kinh Kim Quang Minh nói: “Trí cảnh chẳng thể nghĩ bàn, trí chiếu chẳng thể nghĩ bàn”. Các kinh đó đều nói rõ niệm chỉ là xứ, xứ chỉ là niệm, sắc tâm không hai, hai mà chẳng hai, vì giáo hóa chúng sinh nên giả danh là hai thuyết vậy. Quán tuệ đây chỉ là quán tâm vô minh trong một niệm của chúng sinh. Tâm đây tức là pháp tánh, là nhân duyên sinh ra nên tức không tức giả tức trung. Một tâm ba tâm, ba tâm một tâm. Quán đây cũng gọi là Nhất thiết chủng trí, cảnh đây cũng gọi là một Viên đế, một đế ba đế, ba đế một đế. Chư Phật vì một Đại sự nhân duyên đây mà xuất hiện nơi đời, muốn khiến tất cả chúng sinh mở sự thấy biết của Phật, là việc chư Phật xuất hiện nơi đời đầy đủ. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Vương đạo bình thân rộng lớn”. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Đi đường lớn ngay thẳng không bị các nạn vậy”. Kinh Pháp Hoa nói: “Đầy đủ đạo tuy nói ba trí kỳ thật chỉ một tâm, vì nói với mọi người khiến dễ hiểu nên nói làm ba”. Nếu làm lời nói dạy đạo, đoạn trừ các thứ phiền não như quạt thổi đại địa, sông biển đều phủ lấp, tợ như cây

lớn ngã, cành rễ đều gãy, dùng trí đây để đoạn hoặc cũng lại như vậy, Thông hay Biệt trần sa vô minh một lúc đều thanh tịnh. Vô lượng công đức các Ba-la-mật muôn hạnh pháp môn đầy đủ không giảm. Bí tạng Phật pháp thảy đều hiện tiền. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Các pháp tuy không, một tâm đầy đủ muôn hạnh". Kinh Đại Niết-bàn nói: "Phát tâm và rốt ráo hai thứ chẳng riêng biệt." Kinh Pháp Hoa nói: "Gốc ngọn rốt ráo v.v... nên gọi là đạo Diệu giác bình đẳng". Phải biết tuệ đây tức là nguồn của tâm linh pháp giới, là mẹ pháp Vô thượng của ba đời chư Phật, vì pháp thường nên chư Phật cũng thường, lạc ngã tịnh v.v... cũng lại như thế, cũng gọi là Bảo sở, cũng gọi là Bí tạng, nơi Phật và tất cả đồng kết quy. Ba tạng trước đường hẹp chẳng được đều đi, Thông giáo cũng vâng theo cùng đi cùng vào, vào chẳng thể sâu, Biệt giáo quanh co trải qua riêng biệt xa dài tức chẳng thể đạt. Nay, niệm xứ đây, rộng như hư không thoáng không ngằn mé, giống như dây thẳng thẳng vào biển tây nên gọi là Tứ niệm xứ của Viên giáo vậy. Trương Hành nói: "Dê và chim câu ngưỡng mặt mà chẳng kịp, huống gì chim xanh và tước vàng, phải biết ba niệm xứ trước, chẳng thể kịp, chỉ niệm xứ Viên giáo riêng bay riêng xoay vần, vượt khỏi mặt trời, không trên không bằng không bằng bằng, dọc không gì cao hơn lọng, nên gọi là không trên, ngang không đồng lớp nên nói không bằng bằng, bằng so với mười phương ba đời chư Phật, nên nói là không bằng bằng vậy. Muốn nói lại nghĩa này nên lại dẫn luận Duy thức của Tôn giả Thiên Thân. Duy là một thức, lại có phân biệt thức và không phân biệt thức. Phân biệt thức là thức thức, không phân biệt là tợ như bụi trần thức, như tất cả pháp giới có các thứ bình áo xe cộ v.v... đều là không phân biệt thức, Bồ-tát Long Thọ nói: "Tứ niệm xứ tức Ma-ha-diễn, Ma-ha-diễn tức tứ niệm xứ. Tất cả pháp hướng đến thân niệm xứ tức là một tánh, sắc được có phân biệt sắc và không phân biệt sắc. Phân biệt sắc là như nói Quang minh tức là trí tuệ ấy vậy. Không phân biệt sắc tức là sắc của pháp giới do tứ đại tạo thành, đều là không phân biệt v.v... là sắc tâm không hai, kia đã được tạo nên của hai thức, đây cũng làm thuyết của hai sắc. Nếu sắc tâm tương đối, lìa sắc không tâm, lìa tâm không sắc. Nếu chẳng được làm phân biệt sắc và không phân biệt sắc đây, cớ sao được làm phân biệt thức và không phân biệt thức ư? Nếu theo Viên giáo thì cũng được duy sắc, duy thanh, duy hương, duy vị, duy xúc, duy thức. Nếu hợp bàn luận thì mỗi một pháp đều đủ pháp giới, các pháp đồng nên Bát-nhã đồng, nội chiếu đã đồng, ngoài hóa cũng đồng, tức là bốn tùy theo vật tình có khó dễ. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Tất cả pháp đều không,

sao lại phải dùng mười dự? Đáp: Không, có hai thứ: Một là khó giải không, hai là dễ giải không. Mười dụ là dễ giải không". Nay dùng dễ giải không dụ khó giải không. Ý Duy thức cũng như vậy, chỉ ước về Duy thức, đủ tất cả pháp môn, mà chúng sinh có hai thứ: Một, nhiều là đắm ngoại sắc. Hai, ít là đắm nội thức, như một cõi trên nhiều đắm nội thức, hai cõi dưới đắm ngoại sắc nhiều đắm nội thức ít. Như người học hỏi phần nhiều được hiểu bên ngoài. Nếu nói về luận Duy thức là phá ngoại hướng nội, khiến quán rõ ràng, pháp của pháp giới đều là một thức. Thức không mười pháp giới không, thức giải mười pháp giới giả, thức trung mười pháp giới trung, chuyển dùng nội tâm phá tất cả pháp. Nếu ngoài quán mười pháp giới tức thấy trong tâm. Phải biết hoặc sắc hoặc thức đều là Duy thức, hoặc thức hoặc sắc đều là duy sắc, nay tuy nói sắc tâm hai tên, kỳ thật chỉ là một niệm không rõ pháp tánh. Mười giới tức là chẳng thể nghĩ bàn, một tâm đầy đủ tất cả. Nhân duyên sinh ra một câu pháp, tức gọi là một niệm không rõ pháp tánh tâm. Nếu nói rộng bốn câu thành bài kệ, tức nhân duyên sinh ra tâm, tức không tức giả tức trung, nên trong kinh Bát-nhã nói: "Thọ trì một bài kệ bốn câu, cùng đồng mười phương hư không". Kinh Pháp Hoa nói: "Nghe một bài kệ tụng cũng được dự ghi Bồ-đề, một câu cũng vậy, ba câu cũng như vậy". Nay chỉ quán một tâm đây tức chẳng thể nghĩ bàn, mười pháp giới luôn hiện hữu, vào pháp môn tâm địa, nên năng chẳng rời khỏi đạo tràng vắng lặng mà hiện thân khắp tám hội. Chỉ là một câu, trong một câu có vô lượng, trong vô lượng chỉ một câu, đó là chẳng nghĩ bàn vậy, như tâm chư Phật vậy, như Phật chúng sinh vậy, tâm Phật và chúng sinh cả ba không khác biệt. Giải thoát của chư Phật phải tìm cầu ngay trong tâm chúng sinh. Tâm chúng sinh cũng tìm cầu trong tâm của chư Phật giải thoát, mới là Bát-nhã rốt ráo đồng nhau, chưa rõ là tất cả pháp chánh, tất cả pháp tà chẳng dùng tâm phân biệt, tức tất cả pháp chánh, nếu dùng tâm phân biệt tức tất cả pháp tà. Tâm khởi tưởng tức si, không tưởng tức Niết-bàn. Chẳng nghĩ bàn đây chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, vuông tròn dài ngắn, không danh không tướng rốt ráo tịch diệt, chỉ ngay tâm biết, miệng chẳng thể nói. Nếu có nhân duyên phương tiện khéo léo dùng Tứ tất-đàn cũng có thể được nói. Vì chúng sinh trong vô lượng kiếp tự tánh tâm chẳng bị phiền não nhiễm nên mà nhiễm, khó thể rõ biết. Mê vọng gọi là nhiễm, nhiễm tức là che lấp tâm chẳng thấy tánh tịnh. Do đó ở lâu nơi sinh tử chẳng thể trở về lại cội nguồn. Nguồn thật khó hiểu. Hàng Nhị thừa còn chẳng nghe tên đó huống gì là phàm phu. Nay Phật vì làm tập nhân, như buộc châu ngọc nơi Phật Đại Thông đến

thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới thành quả hạt, khiến hạt giống đó ngầm lắng tích tập sau gặp ánh sáng và âm thanh mà nẩy nở hạt giống đó, chuyển phàm vào Thánh, dần chứa công đức đầy đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo. Nếu không như vậy tức vô minh che khuất pháp tánh, ra năm ấm mười pháp giới, tích chứa mê lớp lớp, nếu năng siêu ngộ khởi năm ấm Nhị thừa cho đến Phật ấm. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tâm như người thợ vẽ,
Tạo các thứ năm ấm,
Trong tất cả thế gian,
Thảy đều do tâm tạo".

Các ấm chỉ là tâm làm nên vậy, quán tâm vô minh, rốt ráo không chỗ có mà năng sinh ra các ấm trong mười giới, đây tức là chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng kinh Pháp Hoa nói: "Một niệm tâm mộng, làm nhân được quả, trong một niệm ngủ, tâm vô minh cùng tánh pháp giới hợp khởi vô lượng phiền não, tâm phiền não đó tức được pháp tánh.

Hỏi: Biệt giáo Viên giáo đều làm thí dụ này, cớ sao lại có sai khác?

Đáp: Biệt thì cách rời trải qua, Viên thì một niệm đầy đủ, như hạt cải bao hàm núi Tu-di nên nói là chẳng nghĩ bàn trong một mảy trần có Đại thiên quyển kinh, người trí vạch mở bụi trần ra kinh, là một niệm vô minh, có pháp phiền não có pháp trí tuệ. Phiền não là bụi trần ác bụi trần thiện bụi trần vô ký, mở ra pháp thân Bát-nhã giải thoát. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Tánh tướng như vậy đồng một cõi mười cõi trăm ngàn pháp giới rốt ráo đều đồng". Nay quán tâm vô minh đây từ đâu mà sinh, là từ vô minh hay từ pháp tánh? Là cộng hay lìa? Hoặc tự hoặc tha cả bốn đều chẳng được, gọi là môn giải thoát không. Chỉ quán tâm tánh là có là không là cộng là lìa, hoặc thường hoặc đoạn, bốn đảo chẳng thể được, gọi là môn giải thoát vô tướng. Chỉ tâm tánh đây là chân là duyên là cộng là lìa, chẳng phải bốn câu làm nên, gọi là môn giải thoát vô tác. Không sinh mà nói sinh, là tánh tướng mười pháp giới vậy. Tánh vô minh tức là thật tánh, cũng gọi vô minh tức là minh, minh cũng chẳng thể được, đó là vào pháp môn không hai, chỉ vì chúng sinh mê đảo, chẳng thấy không tâm của tâm, minh thành vô minh vậy. Lại nữa, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Sau đó không lâu, vua lại mặc bệnh, thầy thuốc thăm bệnh vua, quyết định nên uống sữa". Vua tức là Tám đảo là chúng sinh vậy. Sau đó bệnh là mới đầu đảo nép phục, sau đảo khởi dậy nên nói là không lâu. Quyết định uống sữa là nên trao cho

thuật bốn tươi. Chánh là ý niệm xứ của nay đây vậy. Lại nữa, thí như có người đem trống độc đến trong chúng đông mà đánh, người gần chết, người xa chưa chết, sau đánh trống độc, gần xa đều chết, mới đầu xoa bốn khô, chỉ khô phần đoạn, nên nói chưa chết, nay xoa bốn tươi, rễ vô minh đứt, nên gần xa đều chết, cũng là ý Tứ niệm xứ nay vậy. Lại nói: Như chim ra khỏi lồng mới được lìa lưới, nay hai chim đều bay cao liệng xa gần, đi dừng tự tại, chánh là ý Tứ niệm xứ nay vậy. Lại nói: Mới đầu khô sinh tử, chẳng thể chiếu sáng Phật pháp, chẳng thể khai ngộ chúng sinh, ở nơi Phật pháp không có công phu, ở nơi chúng sinh không có lợi ích, nên nói khô hai cây, nay tròn đầy hiển bày Phật pháp, lợi ích cho chúng sinh. Phàm là có tâm đều sẽ làm Phật, tám ngàn Thanh văn được thấy Phật tánh, như mùa thu gom mùa đông tàn thành quả thật lớn, nên nói bốn tươi trang nghiêm hai cây. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Chẳng khiến ăn cặn bả rượu lúa tẻ, chẳng cho nghé trâu chung đàn, chẳng ở nơi cao nguyên cũng chẳng ở nơi ẩm thấp. Nơi ẩm thấp là bốn đảo phàm phu vậy, nơi cao nguyên là bốn đảo cong lệch vậy. Cặn bả rượu là ngu si, lúa tẻ là sân nhuế, nghé trâu là tham dục, chọn lựa nơi Trung nguyên mà an đặt con nó". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng". Lại nữa, pháp của chư Phật lâu sau cần phải nói chân thật, chân thật là chẳng phải sinh tử chẳng phải Niết-bàn, không tà không lệch không nghiêng không đảo. Ôi! Bậc đại trượng phu, chỉ bày ngày xưa buộc châu ngọc. Ôi! Đi lại nơi báu ở gần, cho nên từ gốc đến vết cùng pháp thân quyến thuộc, ẩn thật dương quyền, tàng cao bày thấp, cùng giáo hóa chúng sinh mở bày chánh đạo, trong bí mật ngoài hiển hiện khiến được vào diệu, chánh là Tứ niệm xứ đây vậy. Nói Tứ (bốn), tức là số chẳng thể nghĩ bàn, một tức là vô lượng, vô lượng tức một, mỗi mỗi đều là pháp giới, ba đế đầy đủ, nhiếp tất cả pháp, ra ngoài pháp giới là không có pháp. Pháp giới không pháp giới, đầy đủ pháp giới, tuy không pháp đầy đủ các pháp, là số chẳng nghĩ bàn vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Một mảy trần đầy đủ tất cả mảy trần và tất cả pháp, ở một niệm đầy đủ tất cả niệm và tất cả pháp, mảy trần tức sắc, niệm tức là tâm. Sắc và tâm tức dị danh của niệm xứ". Trong kinh Đại Phẩm nói:"Tứ niệm xứ tức Ma-ha-diễn, Ma-ha-diễn tức tứ niệm xứ, là ở một niệm xứ cùng ba niệm xứ không hai không khác, tất cả pháp hướng đến Tứ niệm xứ là hướng đến chẳng lỗi quá, niệm xứ còn chẳng thể được, cósao đáng có hướng đến và chẳng hướng đến? Đây cũng đồng với ý chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong kinh Phổ Hiền Quán nói: "Quán tâm không tâm, pháp chẳng trú tâm, gọi là

Đại sám hối, quán tâm đã vậy, quán sắc cũng vậy”. Kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật tánh là cũng một chẳng phải một chẳng phải một chẳng phải chẳng phải một”. Cũng một là tất cả chúng sinh đều là một thừa. Chẳng phải một là nói ba thừa, chẳng phải một chẳng phải một là số chẳng phải số chẳng quyết định, cho nên phải biết đối với bốn số chẳng thể quyết định, tức là bốn (tứ) của chẳng nghĩ bàn vậy. Cho đến nếu chẳng nương tựa Tứ niệm xứ trong Tông Kính mà hành đạo, giả sử có trí giải tu hành, đều thành ngoại đạo. Do đó nói: Nếu không niệm tuệ, tất cả hành pháp, đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải người hành đạo, đều luống cạo đầu, như kẻ chăn dắt, luống mặc nhiễm y như phướng đầu cây, tuy cầm bưng bình bát tích trượng nhưng như người bệnh đi xin vật dụng, tuy đọc kinh sách, như người mù đọc chú, tuy là lễ bái mà như chày giả lên xuống. Tuy lại khởi làm môi giới,tự khoe, giả bộ ngoài mặt khách làm, trồng cây đổi chác, chìm đắm sinh tử, tằm kén tự buộc, không kỳ hạn giải thoát, xả bỏ thân mạng của cải chỉ được danh thí, chẳng phải Ba-la-mật, tuy là trì giới chẳng khỏi chó gà, tuy là tinh tấn, tinh tấn không đẹp đẽ, tuy là tọa thiền mà như gốc cây, tuy là hiểu biết mà trí tuệ cuồng điên, thường ở bờ này chẳng đến bờ kia, chẳng dẹp trừ ái kiến chẳng phá dứt thủ tướng, chẳng được vào Đạo phẩm, chẳng phải ngôi vị Thánh hiền, chẳng thành cây bốn khô, chẳng phải Ba-la-mật. Tại sao? Vì không niệm tuệ vậy. Vì niệm tuệ năng phá tà hiển chánh. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Sữa thuốc thầy cũ kỳ thật là độc, như sâu trùng gặm ăn cây chợt nhiên thành chữ vậy. Sâu trùng đó không biết là chữ chẳng phải chữ. Lại có thầy thuốc mới từ phương xa đến hiểu tám thứ thuật, nghĩa là bốn khô bốn tươi, dùng bốn khô mới phá sữa cũ đó. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Lửa lớn từ bốn phía bốc cháy” tức là ý đây vậy, là dùng tám thứ dị thuật phá đường mê tám đảo, diệu môn nhất tâm vào chủng trí của Nhất thừa.

Hỏi: Pháp tánh bình đẳng diệu tâm Nhất thừa này, tất cả chúng sinh Thanh văn Duyên giác Bồ-tát chư Phật thảy đều cùng vâng nhận. Cớ sao các loài Dị sinh v.v... một linh tánh đây niệm niệm ở luân hồi. Đối với Thanh văn thừa đồng chung trong một pháp mà chẳng được việc đây?

Đáp: Như vàng trong hoàng thạch dùng lò lửa phước đức, nhân duyên thành tựu, nếu người phước lớn được vàng, người phước trung bình được bạc, người phước kém được đồng. Đây cũng như vậy, người phàm phu chỉ được phiền não vô minh, người Thanh văn chỉ chứng vô thường sinh diệt, chỉ Phật Bồ-tát mới rốt ráo Niết-bàn thường lạc. Như

trong kinh Đại Tập nói: “Như vật đựng đốt đèn, vàng thật thì ánh sáng sắc vàng, đồng thì ánh sáng sắc đỏ, màu sắc đó tuy khác nhưng đèn không riêng biệt. Pháp giới cũng vậy, chư Phật cũng vậy. Trí Quang vô biên, Thanh văn cũng vậy, Trí Quang hữu biện mà tánh pháp giới thật không sai biệt. Vả lại, một pháp vi diệu u huyền của tâm, thấy có cạn sâu, trí phân hơn kém, phải nhờ học nhiều để đến nguồn pháp. Kinh Pháp Hoa nói: “Người chẳng tập học, tức không thể hiểu rõ đây”. Ngoại Thư nói: “Ngọc không mài không thành vật dụng, người không học không biết đạo”. Chỉ kiên trì chí tiết, thường nghe điều chưa nghe, huân tu mà sức quán chuyển sâu, giũa mài mà hạnh môn càng sạch, thường khởi ý tưởng khó gặp, đạo nghiệp luôn mới, mãi ôm lòng mừng may trọn không thối chuyển. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát suốt ngày đêm chỉ nguyện nghe pháp vui pháp mừng pháp, nương tựa pháp, tùy theo pháp giải hiểu pháp thuận pháp đến pháp trú pháp hành pháp. Bồ-tát cần cầu Phật pháp như vậy, nếu có của cải vật báu đều không lẫn tiếc, chẳng thấy có vật khó được đáng trọng, chỉ đối với người năng nói Phật pháp mà sinh tưởng khó gặp. Cho nên Bồ-tát đối với nội tài ngoại tài, vì cầu Phật pháp mà thảy đều xả thí, không có cung kính rào mà chẳng thể hành, không có kiêu mạn nào mà chẳng thể bỏ, không có thừa sự nào mà chẳng thể làm, không có cần khổ nào mà không thể nhận. Nếu nghe một câu là pháp chưa từng nghe thì sinh tâm rất mừng vui hơn cả có được trân báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu nghe một bài kệ chánh pháp chưa từng nghe thì sáng tác rất vui mừng hơn được quả vị Chuyển luân vương. Nếu được nghe một bài kệ là pháp chưa từng nghe mà có khả năng làm sạch hạnh Bồ-tát là hơn được địa vị Đế- thích Phạm vương trú trong vô lượng trăm ngàn kiếp, nếu có người nói: “Ta có một câu là pháp của Phật dạy có khả năng làm sạch hạnh Bồ-tát. Nay ngươi nếu có thể vào hầm lửa lớn nhận chịu cực khổ thì sẽ nói lại cho”. Khi ấy Bồ-tát tự tư duy rằng: “Ta vì một câu là pháp chư Phật nói làm sạch hạnh Bồ-tát, giả sử lửa dữ đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, còn muốn theo lên trên của Phạm thiên ném thân mình xuống để thân gần thọ nhận lấy, huống gì hầm lửa nhỏ mà chẳng thể vào, nhưng nay ta vì cầu Phật pháp, nên nhận chịu các thứ khổ địa ngục, huống gì các khổ não nhỏ trong người”. Bồ-tát phát chuyên cần tinh tấn mong cầu Phật pháp như vậy, như điều được nghe quán sát tu hành. Bồ-tát đó được nghe rồi, gồm tâm an trú ở nơi không nhàn, phát khởi tư duy như pháp tu hành mới được Phật pháp. Chẳng phải chỉ miệng nói mà có thể thanh tịnh. Lại nữa, trong phẩm Phổ Hiền

Hạnh Nguyện có kệ tụng nói:

"Biển trí rộng khó lường,
Chẳng đo lại phỉ báng,
Trâu uống nước thành sữa,
Rắn uống nước thành độc.
Trí học thành Bồ-đề,
Ngu học làm sinh tử,
Chẳng rõ biết như vậy,
Đó bởi lỗi thiếu học."

Trong kinh Đại Niết-bàn có kệ tụng nói:

"Hoặc có uống cam lồ,
Tổn mạng mà chết non,
Hoặc có uống cam lồ,
Thọ mạng được lâu dài,
Hoặc có uống độc sống,
Có duyên uống độc chết,
Trí cam lồ vô ngại,
Gọi là pháp Đại thừa,
Pháp Đại thừa như vậy,
Cũng gọi thuốc tạo độc,
Cũng như tô đề hồ,
Và cả các đường phèn
Uống tiêu thì là thuốc,
Chẳng tiêu thì là độc,
Phương Đẳng cũng như vậy,
Người trí là cam lồ,
Ngu chẳng biết Phật trí,
Uống đó thì thành độc."

Lại như lửa trong tánh gỗ, tánh tô trong tánh sữa, duyên nếu chưa đầy đủ, có cũng đồng như không. Tánh Phật và chúng sinh cũng lại như vậy, chẳng học chẳng biết, chẳng phải không thành Phật. Như trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: Bồ-tát Địa Tạng nói: "Tôn giả! Biết có chẳng phải thật, như nước dương diệm, biết thật chẳng phải không như tánh lửa sinh. Quán xét như vậy là người trí ư?" Thích luận nói: "Như kinh nói: Nếu nói pháp có một như lửa nước mê đảo, nếu thấy ở pháp không, như mùa không mặt nhật đảo, nên biết thật chẳng phải không, nghĩa của chẳng phải không như tánh lửa sinh", nghĩa là như trong cây gỗ có tánh lửa, bổ chẻ tìm cầu đó không được tướng lửa mà thật chẳng

phải không. Tánh lửa trong cây gỗ, dùi đẩy mà tìm cầu đó, lửa hẳn hiện ra, nhất tâm cũng vậy, bổ chẻ các tướng chẳng được tánh tâm, mà thật chẳng phải không, tâm trong các pháp, tu đạo tầm cầu đó, nhất tâm hiển hiện ra. Vì vậy, trong hàm thức giới từ vô thủy lại, bên trong bị năm ấm trói buộc, bên ngoài bị sáu trần cùm xích, chạm đường hiện cảnh, ghé mắt sinh tình, như khỉ vượn mà năm xứ đều dính, tợ trùng Thái mạt mà các trần đều ghé, do đó thấy chẳng vượt nơi sắc giới, nghe chẳng khỏi nơi thanh trần, như cá gieo vào lưới, như chim thả vào lồng, tiến lùi đều trở ngại, như dê đực chạm rào kinh sợ đều đến, tợ màn tổ của Khổng yến. Nếu hay biết trần là thức, rõ vật duy tâm, chẳng bị vòng móc bủa bắt, đâu khiến lớn nhỏ lay chuyển, tức năng tùy duyên ứng vết, đến cảm theo nó, chẳng động đạo tràng phân thân khắp pháp giới, thường tại đây mà luôn tại kia, chẳng ở phương mà chẳng lìa phương, vào tông môn đây rộng lớn như vậy, hiểu vết sai biệt, suốt nguồn bình đẳng, như núi Kim Cang thuần hiện ánh sáng vàng thật, tợ sư tử chúa các sư tử vây quanh, như trong núi Ma-lê sinh ra Chiên-đàn, như trong rừng Chiêm-bặc chỉ nghe mùi hương, so với mặt phía nam núi Tu-di đẹp xinh hiện tạp hình, như sông lớn cát vàng không trở lại cong co. Đồng sức búa của Kim cang, muốn bắt chước đều không, bằng ánh sáng mặt nhật không ngăn che, nơi soi chiếu đều sáng. Như trong phẩm Nhập Pháp Giới nói về cảnh giới hiển hiện trong rừng Thệ-đa, có kệ tụng nói: "Ông nên quán rừng Thệ-đa đây, do oai thần Phật lớn không ngằn, tất cả trang nghiêm đều thị hiện, mười phương pháp giới đều sung mãn, mười phương cúng dường các cõi nước, vô biên phẩm loại đại trang nghiêm, nơi tòa đó đồng trong cảnh giới, sắc tượng rõ ràng đều hiển hiện". Lại như Đồng nữ từ hạnh trong điện Tỳ-lô-giá-na tạng, trong mỗi mỗi vách tường, trong mỗi mỗi cột trụ, trong mỗi mỗi gương soi, trong mỗi mỗi tướng, trong mỗi mỗi bình, trong mỗi mỗi ma-ni bảo, trong mỗi mỗi dụng cụ trang nghiêm, trong mỗi mỗi linh vàng, trong mỗi mỗi cây báu, trong mỗi mỗi hình tượng báu, trong mỗi mỗi anh lạc báu, thảy đều thấy pháp giới tất cả Như Lai, từ lúc mới phát tâm tu hạnh Bồ-tát, thành mãn Đại nguyện đầy đủ công đức, thành Đẳng chánh giác chuyển diệu pháp luân, cho đến thị hiện vào nơi Niết-bàn, ảnh tượng như thế không gì chẳng đều hiện, như trong nước sạch thấy khắp hư không, nhật nguyệt muôn sao có đủ các tượng. Lại như trong vườn nhà Trưởng giả Pháp Bảo Kế được pháp môn giải thoát vô lượng phước đức Bảo tạng của Bồ-tát. Nhà đó rộng lớn mười tầng tám cửa, Đồng tử Thiện Tài vào rồi lần lượt quán sát, thấy tầng thấp nhất bày các thức ăn uống, thấy tầng

thứ hai bày các y phục quý báu, thấy tầng thứ ba bố thí tất cả các thứ dụng cụ quý báu trang nghiêm cho đến thấy tầng thứ mười, tất cả Như Lai đông nhiều trong đó. Từ mới phát tâm tu hành Bồ-tát, vượt ra sinh tử thành mãn đại nguyện và sức thần thông, làm sạch cõi Phật, đạo tràng chúng hội, chuyển chánh pháp luân, điều phục chúng sinh, tất cả như vậy, đều khiến thấy rõ. Giải thích: Không ngằn mé của rừng Thệ-đa, hiển hiện của Lô-giá-na, rộng lớn của vườn nhà bảo kế, đều là tâm của chẳng thể nghĩ bàn, dung nhiếp vô ngại. Mười tầng tức là mười Ba-la-mật, tám cửa tức tám chánh đạo phần, cho đến trong tất cả dụng cụ trang nghiêm thị hiện Phật sự đều là pháp môn nhất tâm, thể dụng khắp cùng lớp lớp hiển bày đạo mỗi mỗi nêu đề tông, vì mờ tối đó, chẳng tỏ ngộ nên chẳng rõ, vì chấp chặt đó làm duyên làm đối, như nên chẳng thấy, chẳng phải vân tợ không năm sắc, tợ điếc không nghe, đâu phải vang hưởng tuyệt năm ấm. Lại như nếu Thanh văn trong rừng Thệ-đa không biết, ngạ quỉ trong sông hằng chẳng thấy, đều là do tự nghiệp chướng ngăn, chẳng phải pháp ẩn tàng. Nay khuyên người chưa tỉnh xem nghe thẳng vào, như trong hàng cốc nghe vang vọng trọn không khác âm thanh, tợ trong gương thấy hình, lại chẳng phải chất khác, rõ ràng có thể nghiệm tự dứt tuyệt tư lương, hiện chứng không nghi ngờ. Lại ai trước sau có thể gọi là Thánh xa vời ư? Thể đó tức thần, đạo xa vời ư? Gặp việc mà chân thật vậy.

Hỏi: Đã dùng chân tâm làm tông làm bản, cớ sao biện luận công năng đó trong lắng thường trú suốt ngằn mé tương lai?

Đáp: Vì tâm pháp này diệu, như Thần chẳng thể lường, không nương tựa không trú, chẳng phải xưa chẳng phải nay chỉ là có mà chẳng thể thấy nghe, chẳng phải là một hướng không tịch, chứa diệu dụng vô tận, chẳng đoạn chẳng thường, đầy đủ linh thông chẳng thể lường, chẳng phải ẩn chẳng phải hiển. Các bậc Cổ đức nói: “Nhân tuy Niết-bàn vĩnh viễn vắng lặng mà trí tuệ chẳng không”. Nếu không như vậy thì lấy gì để tận cùng ngằn mé tương lai? Nên biết tâm thần đây là gốc của phàm thánh, tận cùng ngằn mé tương lai không có đoạn tuyệt, chư Phật thường chánh niệm pháp này. Tổ sư chỉ chỉ đích xác tông này. Đây là chân thật của vô tướng, chân sao có tận? Đạo của vô vi, đạo sao có cùng? Như gió trong hang cốc sâu tối tương tục mà âm vang nhỏ chẳng dứt. Như tiếng vang của chuông lớn tùy đánh gõ mà vận trong thường sinh. Trong luận Bảo Tạng nói: “Chỉ đạo không căn (rễ), linh chiếu thường còn, chỉ đạo không thể, vi diệu luôn chân, chỉ đạo không sự xưa nay đồng quý, chỉ đạo không tâm, muôn vật tròn đầy”. Giải thích: phàm, có căn thì có trú,

trú tức vào trong phòng nhà tốt, như xuyên châm chẳng thấy trời, nhặt kim chẳng thấy đất, không căn thì không trú, như ánh sáng nhật nguyệt soi chiếu thấy các thứ sắc là linh chiếu thường còn vậy. Phàm có thể là sai biệt chất ngại, không thể thì một tánh thường thông, là vi diệu luôn chân vậy. Phàm có sự thì bị tướng hạn cục, không sự thì tâm địa thản nhiên, là xưa nay đồng quý vậy. Phàm có tâm thì phân biệt các thủ, không tâm thì nghịch thuận đồng kết quy, là muôn vật tròn đầy vậy. Đã đạt tông thể thường trú đây, tự nhiên suốt cùng ngằn mé tương lai chẳng dừng nghỉ nghiệp Phật. Tức là Phật Đức Phổ Hiền thuần là lợi tha, hạnh của không thủy không chung không tận. Do đó trong luận Bảo tánh nói về có tự nhiên chẳng ngưng nghỉ nghiệp Phật với kệ tụng rằng: "Thể Phật như gương tượng, như đất lưu ly kia, lại chẳng phải có tiếng, như trống diệu pháp trời, đều làm nên pháp sự, như mưa mây lớn kia, thảy đều làm lợi ích, mà đất thảy đều sinh, tất cả hạt giống. Như Phạm thiên chẳng động, mà đều là thuần thục, như vàng mặt nhật lớn kia, phá tất cả các tối, như báu như ý kia, thảy đều là hiếm có, còn như âm vang kia, đều do nhân duyên thành, tợ như hư không kia, vì tất cả chúng sinh mà làm nơi nương tựa, giống như đại địa kia, mà gìn giữ tất cả. Hết thảy các thứ vật, do nương nơi đại địa, mang đội các thế gian. Hết thảy các thứ vật, nương tựa Bồ-đề Phật, Diệu pháp xuất thế gian, thành tựu các nghiệp lành, bốn vô lượng các thiền, và cả bốn không định, các Như Lai tự nhiên, thường trú các thế gian, có các nghiệp như vậy, tất cả chẳng trước sau, làm diệu nghiệp như vậy". Vô Sinh Nghĩa nói rằng: "Nếu không có thần diệu chỉ một hướng không lặng, thì chẳng nên có Phật xuất hiện nơi đời nói pháp độ người, nên biết bản địa có thần diệu chẳng không chẳng đoạn". Cho đến Sư Tử Hống nói: "Phật tánh, gọi là Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất nghĩa không gọi là trí tuệ, trí tuệ tức là thần diệu. Nên nói nhân diệt là sắc được sắc của giải thoát thường trú, nên biết như giữa bao gồm có diệu sắc, năm ấm thường trú chẳng động. Trong thiên (chương) Thần Bất Diệt nói: "Phàm, Thần là thế nào ư? Là tinh cực mà linh ấy vậy. Tinh cực là chẳng phải chỗ mưu đồ của phong tượng, nên Thánh nhân dùng diệu vật mà làm lời nói. Tuy có Thượng trí còn chẳng thể định. Thể trạng ấy đạt cùng sâu mầu. Thần ấy là viên ứng không chủ, diệu tận không tên, cảm vật mà động, mượn số mà hành, cảm vật mà chẳng phải vật, nên vật hóa mà chẳng diệt, mượn số mà chẳng phải số, nên số tận mà chẳng cùng, có tình thì có thể dùng vật cảm. Có thức thì có thể dùng số cầu. Số có tinh thô nên tánh nó mỗi riêng khác, trí có tối sáng nên chiếu đó chẳng đồng. Suy đó mà luận thì biết hóa dùng tình cảm,

thần dùng hóa truyền. Tình làm mẹ của hóa, thần làm căn của tình. Tình có đạo của hội vật, thần có công ngầm dời. Chỉ ngộ triệt là trở lại gốc, cảm lý là đuổi theo vật, cho đến hoặc tụ tan ở một hóa, chẳng tư duy Thần đạo có linh của diệu vật mà cho rằng tinh thô đồng hết, cũng chẳng buồn thương thay? Như lửa truyền nơi củi, giống Thần truyền ở hình, mê hoặc sâu là thấy hình khô mục ở một đời, bèn cho là thần tình đều mất, như thấy lửa tàn nơi một cây gồ mà cho là tròn đều hết vậy. Nên biết duyên rơi rụng hình khô, chân linh chẳng đọa rớt, như củi hết lửa tàn mà tánh lửa thường vậy. Duyên đây tuy diệt ở đời này, duyên kia lại đấy ở đời khác. Nên trong Bát-nhã Ngâm nói: “Trăm cốt tuy tan hết, một vật trấn linh hoài”. Có thể gọi là chân tâm trong lắng thường trú vậy. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả huyễn tâm, pháp sở duyên vô lượng vậy. Phật tử! Như châu như ý tùy có chỗ cầu tất cả đều được cầu là vô tận ý đều đầy đủ, mà thế lực của châu trọn chẳng thiếu ngưng. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, vào Tam-muội này biết tâm như huyễn sinh ra tất cả các pháp cảnh giới khắp cùng vô tận chẳng thiếu chẳng ngưng. Tại sao? Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu Phổ Hiền vô ngại hạnh trí, quán sát vô lượng cảnh huyễn rộng lớn, giống như ảnh tượng không tăng giảm vậy. Phật tử! Thí như phàm phu mỗi riêng biệt sinh tâm, đã sinh hiện sinh và sẽ sinh không có ngằn mé, không đoạn không tận, tâm đó lưu chuyển tương tục chẳng tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, vào môn Tam-muội Phổ Huyễn đây không có ngằn mé, chẳng thể đo lường. Tại sao? Vì thấu đạt môn Phổ Huyễn và vô lượng pháp của Bồ-tát Phổ Hiền vậy. Phật tử! Thí như Nan-đà Ma-na-tư Long vương và các rồng lớn khác lúc mưa từng giọt như trục xe, không có ngằn mé, tuy mưa như vậy mà mây trọn chẳng hết, đó là các rồng không làm cảnh giới”. Lại nói: “Ở trong một niệm, biết hết tất cả ẩn tàng cảnh giới của tâm và chẳng phải tâm địa, ở nơi chẳng phải tâm bày hiện sinh nơi tâm, xa lìa ngôn ngữ, an trú trí tuệ, đồng hạnh của các Bồ-tát tu hành. Dùng sức tự tại hiện bày thành Phật đạo suốt cùng ngằn mé tương lai thường không ngưng nghỉ. Tất cả kiếp số chúng sinh thế gian, nơi dựng lập của vọng tưởng ngôn thuyết, thần thông nguyện lực thảy đều hiện bày”. Giải thích: Biết hết tất cả ẩn tàng cảnh giới của tâm và chẳng phải tâm địa là: Thức hành ở cảnh gọi đó là tâm, trí hành ở cảnh, gọi đó là chẳng phải tâm. Nên trong kinh Lăng-già nói: “Được tướng là thức, chẳng được tướng là trí”. Nên biết Bồ-tát thuận theo vọng duyên chẳng bỏ thế pháp, ở trong phương tiện đều hay hiện bày, tuy kiếp tăng giảm mà mặc cho duyên ngắn dài, cưỡi gió đại

nguyện tương tục chẳng đoạn, cúng Phật lợi sinh không có ngưng nghỉ. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Mười một Địa Đẳng giác Bồ-tát dùng tâm đại từ bi, hành môn đến Lục độ sinh, bày đạo tự xuất thế đầy đủ, không còn tâm cầu giải thoát lìa nhiễm lìa tịnh, chỉ dùng cưỡi thuyền pháp tánh, căng buồm đại từ bi, dùng đại trí làm thuyền sư, thuận gió bản nghiệp, thổi các lưới Ba-la-mật, thường dạo nơi biển sinh tử vớt tất cả các chúng sinh có đắm dính an đặt nơi bờ trí không nương tựa Phổ Quang Minh, trú nơi Bảo đường vạn hạnh công đức pháp giới vô ngại như dưới lầu các nơi Bồ-tát Từ Thị đang ở vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 40

Hỏi: Phàm chân tâm không tướng, làm sao biết có thể của chẳng không thường trú trong lắng?

Đáp: Do sự mà nghiệm biết, nhân dụng mà có thể biện rõ. Sự hay hiển lý, dụng hay bày thể, như thấy sóng sinh mà biết có thể nước. Trong luận Thập Bát Không nói: "Chẳng bỏ lìa không, Bồ-tát tu học định này, chỉ vì công đức thiện căn vô tận. Tại sao? Tất cả chư Phật ở trong vô dư Niết-bàn, cũng chẳng xả bỏ môn công đức thiện căn, quả báo có lưu lại đã hết, công đức thiện căn vốn vì hóa vật nên luôn có dụng này. Đức Như Lai tuy nhập Niết-bàn còn tùy cơ duyên của chúng sinh mà hiện hai thân ứng hóa, dẫn dắt làm lợi ích hàm thức, tức là nghĩa lại khởi tâm, nên chúng sinh chẳng tận, dụng của ứng hóa cũng chẳng tận, nên nói tuy vào vô dư mà chẳng xả bỏ công đức thiện căn vậy. Như hàng Nhị thừa nhập diệt không còn lại khởi tâm, vì từ bi mỏng ít chẳng hóa độ chúng sinh. Nếu Phật vào vô dư mà lại khởi tâm là vì chư Phật Bồ-tát ba thân lợi vật không cùng vậy. Pháp thân Như Lai tức là nơi nương tựa của tất cả pháp không lưu lại, nên nói chẳng bỏ lìa công đức vậy. Sở dĩ được biết trong Niết-bàn còn có pháp thân là đem dụng chứng thể. Đã thấy dụng của ứng hóa chẳng tận, nên biết thể của thân đây thường tự trạm nhiên trọn không dời đổi biến hoại. Như Tỳ-bà-sa sư nói không Niết-bàn, không có tự tướng mà có thể nói không. Tại sao? Vì năng hiển bày sự dụng vậy. Nếu chẳng nương tựa Niết-bàn thì chẳng thành trí tuệ. Trí tuệ chẳng thành thì phiền não chẳng diệt. Niết-bàn đã năng sinh đạo, đạo năng diệt hoặc, tức là gia sự Niết-bàn, đã thấy cósự thì biết nên có thể, nên chẳng được nói không vậy.

Hỏi: Có Thắng nghĩa gì mà rộng gom tập chánh tông nhất tâm. Đối với hàng học sau tiến tu có mau được vào đạo chăng?

Đáp: Nếu đem Tông Kính chỉ bày cho người, thẳng đến đạo tràng chóng chứng Bồ-đề, không còn phải quanh co. Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Diễn xướng nghĩa thật tướng,
Mở bày pháp Nhất thừa.
Rộng dẫn các quần sinh,
Khiến mau thành Bồ-đề".

Như có kệ tụng khác nói:

"Đi trong cảnh giới mình,
Được sự đáng nên được,
Đi trong cảnh giới khác,
Như cá rơi mặt đất."

Do đó nếu đi trong cảnh chính mình, như đồng vật của mình, đâu lấy gì khó? Lại đi trong cảnh khác tức chẳng tự tại, như vua mất nước, tợ chim lìa không trung, đủ có thể biết đó. Đó là môn ngàn thánh vào đạo, đường của chư Phật chứng chân. Nếu có vào là một vào toàn chân, thì hàng phàm phu đồng như chư Phật. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Cưỡi thuyền báu này thẳng đến đạo tràng". Có thể gọi là chóng vào chóng vượt các thừa vậy. Cho đến hạng người ba thừa không biết các trần chỉ là thức, nên chấp ngoài tâm thật có cảnh giới. Hàng phàm phu Nhị thừa tuy có phát tâm hướng đến giải thoát, mà còn chấp có sinh tử đáng nhàm chán, Niết-bàn đáng vui thích. Nếu chẳng rõ đạo lý duy tâm, nếu biết tất cả pháp chỉ là thức lượng, thì xả bỏ sự thức kia ngoài kế phân biệt. Đã rõ duy tâm, hướng đến lý nhanh chóng khác với tiệm ngộ trước. Nên trong luận nói: "Nhanh chóng hướng đến Niết-bàn". Lại nữa, hàng phàm phu Nhị thừa bất giác Lại-da, chỉ nương tựa phân biệt sự thức với sức tư trì mà phát tâm tu hành, vì chẳng đạt bản vậy. Hướng đến Đại Bồ-đề, xa mà lại xa, nên nói là tiệm vậy. Bồ-tát đã rõ bản thức Lại-da thì nương tựa sức tư trì của thức ấy mà phát tâm tu hành. Vì rõ bản, hướng đến đại Bồ-đề gần mà lại gần, nên nói là chóng vậy. Mở bày đại ý trong Tông Kính đây chỉ luận bàn tự tâm diệu đạt, nào đợi văn khác. Vì hạng người chưa tiến nên mượn dùng văn lời chỉ bày khiến thân gần tỏ ngộ, mới nghe bèn vào, mắt trông đạo còn. Nên trong Chỉ Quán nói: "Nghe ngay lời ấy, bệnh liền trừ lành". Như trong kinh nói: "Phật bảo Thần cây Bồ-đề: ở thời quá khứ có Đức Phật hiệu là bảo Thắng, sau khi Đức Phật diệt độ có Trưởng giả tên là Trì Thủy khéo biết phương thuốc trị các bệnh khổ. Trưởng giả Trì Thủy có người con tên là Lưu Thủy. Bấy giờ trong đất nước trời giáng tai biến, Lưu Thủy thấy rồi tự nghĩ rằng: "Cha ta tuổi già chẳng thể đến thành ấp tụ lạc kia". Bèn đến nơi cha hỏi phương thuốc rồi, nhân được rõ biết tất cả các phương thuật, đến khắp thành ấp mà bảo rằng: "Ta là thầy thuốc, ta là thầy thuốc! Khéo

biết các phương thuốc trị liệu tất cả: "Tất cả chúng sinh nghe nhận trị bệnh, vừa nghe lời nói đó, các bệnh hoạn liền trừ. Đó là thí dụ như nghe được diệu cảnh được vào sơ trụ. Vì cảnh chẳng thể nghĩ bàn vốn tự viên thành lâu dài hiển hiện. Bậc thượng căn mới xem qua, thẳng tiến không nghi ngờ, chẳng đợi nêu rõ lại và thêm sự chỉ bày, như trong phẩm Hồi Hướng ở kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Chư Phật tùy nghi tạo hạnh nghiệp,
Vô lượng vô biên đồng pháp giới,
Người trí năng dùng một phương tiện,
Tất cả rõ biết không cùng tận."

Vì vậy, nếu vào tông cảnh đây, mắt mình tròn sáng, mỗi mỗi đều chiếu, tự tâm quyết định chẳng theo kẻ khác học. Pháp tạng mà toàn mở thân tụ. Đèn trí mà treo cao ở đài linh. Bước bước hiện pháp môn vô tận, niệm niệm thành sáu Ba-la-mật. Như kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói: "Phật bảo Kiên Ý: "Bồ-tát trú Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, sáu Ba-la-mật đời đời tự biết, chẳng theo kẻ khác học. Cất bước đặt chân, thở vào thở ra, niệm niệm thường có sáu Ba-la-mật. Tại sao? Bồ-tát như vậy, thân đều là pháp, hạnh đều là pháp, Kiên Ý! Thí như có vua, nếu các Đại thần dùng các thứ hương giả đâm làm thành bột. Nếu có một người lại mang theo một thứ, chẳng dùng các hương khác cùng xông tạp. Kiên Ý! Trong trăm ngàn thứ bột hương như vậy, có thể được một thứ chẳng tạp các hương khác chăng? "Không vậy, bạch Đức Thế Tôn!" Kiên Ý! Bồ-tát đó dùng tất cả các Ba-la-mật xông ướp thân tâm, ở trong mỗi niệm thường sinh sáu Ba-la-mật". Bồ-tát Kiên Ý hỏi: "Sao trong mỗi mỗi niệm sinh sáu Ba-la-mật?" "Kiên Ý! Bồ-tát đó tất cả đều xả bỏ, tâm không tham đắm là đàn Ba-la-mật, tâm khéo vắng lặng rốt ráo không ác là Thi Ba-la-mật. Biết tâm hết tướng ở trong các trần mà không thương tổn là Sằn-đề Ba-la-mật, chuyên cầu quán trạch tâm biết tâm lìa tướng là Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Rốt ráo thiện tích điều phục tâm đó là thiền Ba-la-mật. Quán tâm biết tâm thông đạt tướng tâm là Bát-nhã Ba-la-mật. Kiên Ý! Bồ-tát trú Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, pháp môn như vậy niệm niệm đều có sáu Ba-la-mật".

Hỏi: Nương tựa đạo tịch diệt vô vi đây tức vào môn tuyệt học tuyệt đối đãi, không gì chẳng chìm đắm không thành ở đoạn kiến chăng?

Đáp: Chưa vào môn này, chạm đường hư giả, đối đãi chân lập tục, đối đãi sắc rõ không, mới chứng tông đây muôn duyên đều lắng. Như chim màu sắc khác đến núi Tu-di mà thuần biến thành kim sắc. Như trời ba mươi ba vào rừng tạp mà lại không phân biệt. Vì vậy, các pháp

không thể tướng đối đãi mà thành, đều không có đối đãi mà thành đối đãi. Nếu chấp có pháp qua lại đối đãi thành thì chẳng thành đối đãi, vì có tự thể, mỗi mỗi quyết định chẳng mượn tướng đối đãi vậy. Như trong luận Trung quán có kệ tụng nói: "Nếu pháp có đãi thành tựu, chưa thành cớ sao đãi, nếu thành rồi có đãi, thành rồi sao dùng đãi". Nếu pháp nhân đãi thành, pháp đó trước chưa thành, chưa thành thì không, không thì cớ sao có nhân đãi. Nếu là pháp trước đã thành, thành rồi sao dùng nhân đãi. Hai đó đều chẳng cùng nhân đãi. Vậy biết chưa thành đã thành đều không có đãi. Nếu lúc ngộ vào Tông Kính, rõ biết không còn là huyễn sinh, đâu lại có pháp có thể làm đối đãi. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: Thiên tử! Như xưa ta cầu đạo, từ vô số kiếp phân biệt gốc ngọn, chưa thể rốt ráo hết một pháp định ý. Thế nào là một pháp? Đó là vô niệm vậy. Bồ-tát đắc vô niệm là quán tất cả pháp thảy đều không hình. Thiên tử! Nay ta thành Phật do một hạnh đây mà được thành đạo Vô thượng chánh chân". Đã muôn pháp không hình, đối sao xứng có. Có đã chẳng có, sao được nói thường? Không lại sao không, nhờ ai xưng đoạn. Nếu ngoài tâm có pháp tức thành đoạn thường, nếu ngoài pháp không tâm, sao nói không có? Do đó, Phó Đại sĩ nói: "Ông chẳng thấy tự tâm chẳng phải đoạn cũng chẳng phải thường, khắp ở các vuông mà chẳng vào vuông, cũng lại chẳng nương tựa ngằn mé trước sau, lại chẳng phải tròn chẳng phải ngắn dài, bất luận không sinh cũng không không diệt, chẳng phải đen chẳng phải trắng và xanh vàng, tuy là niệm lự biết các pháp mà thật chẳng trú niệm trung ương, chúng sinh vào mà không chỗ vào, tuy vào sáu cảnh mà thật không tổn thương, người trí rành rẽ rõ biết đây, nên xưng gọi là vua trong các pháp. Nên trong kinh Tư Ích nói: "Nếu đối với pháp sinh thấy thì nơi người đó Phật chẳng ra đời. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu quyết định thấy có Niết-bàn, là người chẳng vượt qua sinh tử. Tại sao? Niết-bàn gọi là trừ diệt các tướng, xa lìa tất cả động niệm hý luận." Vì vậy, nếu luận bàn thành hoại có không đều theo danh tự thế gian, chẳng vượt khỏi các kiến chấp của ngoại đạo như chó đuổi khối đất, đâu thấu đạt tự tông? Thì biết danh tự như khối đất, chân lý như người, chó vô minh si ám đuổi khối đất danh ngôn, sư tử chủng trí được lý mất danh. Nên biết, ngôn ngữ từ Giác quán sinh, dứt Giác quán thì danh ngôn dứt lời lẽ suy nghĩ dứt thì đối đãi dứt mất. Trong Trung Quán luận sớ nói: "Môn tận và chẳng tận là, nếu niệm niệm đổi diệt, diệt không thể thành. Nếu niệm niệm tương tục, tục chẳng phải mới đầu thành. Nếu niệm niệm đổi diệt, diệt không mớ đầu hoại, nếu niệm niệm tương tục, tục không thể hoại, nên

tận và chẳng tận đều không thành hoại. Lại nữa, các pháp trong đêm ngày niệm niệm thường diệt tận quá khứ như dòng nước chẳng dừng thì gọi là tận. Việc ấy không thể thủ không thể nói, như ngựa đồng hoang không tánh quyết định, làm sao có thể phân biệt nói có thành? Lại nữa, niệm niệm sinh diệt thường tương tục chẳng đoạn, nên gọi là chẳng tận, làm sao có thể phân biệt nói nay là lúc thành? Cho nên tận cũng không thành chẳng tận cũng không thành. Đã không thành cũng không hoại. Do đó tất cả các pháp còn không có thành, làm sao nói đoạn, đều lấy thật tế làm định lượng thì không có biến đổi khác. Như trong kinh nói: Những gì là trí tuệ chân thật? Đáp: Không tướng biến đổi khác, như chúng sinh không tướng biến đổi khác, trí tuệ chân thật cũng không biến đổi khác. Lại hỏi: Thế nào là tướng chúng sinh? Đáp: Danh tự giả mượn, rốt ráo xa lìa là tướng chúng sinh. Tướng như vậy thì không biến dịch khác, cho đến như hư không không tướng biến đổi khác, tất cả các pháp cũng không tướng biến đổi khác. Cớ sao không biến đổi khác? Vì không hai vậy, cũng không hai mới thành trí tuệ chân thật. Chỉ nói không có hai, chẳng phải là có không hai, như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Thường ở các pháp chẳng làm hai,
Cũng lại chẳng làm ở chẳng hai,
Ở hai chẳng hai thảy đều lìa,
Biết đó đều là đạo ngôn ngữ".

Vậy biết tất cả ngôn ngữ đều từ giác quán mà sinh, mới giác quán bèn hình văn vẽ, phát nẩy mầm mống trên cảnh, khởi điềm hiện trong tâm, tâm cảnh đối trị bèn làm chất ngại. Nếu vào Tông Kính tự tuyệt ngôn tư, diệu chỉ ngầm thông trọn không chỗ được. Lại như tất cả người tu hành hướng đến Phật thừa, chỉ trước được yếu chỉ đến sau mới có thể dùng thấy biết của Phật để đối trị các thói quen khác, lấy nước chánh định làm sáng sạch thiền chi, dùng tuệ đa văn giúp sức sinh quán, cho đến tập tụng huân tu, muôn hạnh nghiêm sức, nếu chưa vào Tông Kính chẳng rõ tự tâm, giả sử nghe nhiều tụng tập đều chẳng thành tựu. Như Thiện Tinh thọ trì đọc tụng mười hai bộ loại kinh giáo chứng đắc Tứ thiền, chẳng thành đạt vô sinh trở lại sa đọa địa ngục. Lại như A-nan tuy đa văn mà chẳng rõ thật tướng, mắc phải trói buộc của giường dâm, bị Văn-thù quở trách, nên phải trước vào chánh tông sau tu phước trí. Như ngậm bảo nguyệt của lưu ly, tợ ma-ni đặt trên phướng cao mới được thông thấu không tỳ vết, nắng mưa các báu, tự tha đều lợi, đâu hư cấu ư? Lại nữa, chân tâm dứt đối đãi vô tác đây chẳng phải là đoạn

không chỉ không, như tất cả vọng tâm của chúng sinh, tất cả huyễn phát trong thế gian, dùng tình thức phân biệt không thể kịp vậy, đặt gọi đó là không. Như Hòa thượng Đổng Sơn có kệ tụng nói:

"Thế gian việc trần loạn như lông,
Chẳng đến cửa không xứ nào tiêu,
Nếu đợi cảnh duyên trừ sạch hết,
Người xưa nào được dụ ba tiêu (lá chuối)".

Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng nói:

"Thức vui chúng sinh vui,
Theo dây vọng chạy làm,
Thí vui Bồ-tát vui,
Không dây cũng không buộc.
Nếu có người phát tâm,
Ngay phải học không làm,
Chớ nói sợ rơi không,
Được không cũng chẳng ác.
Thấy quặng không biết vàng,
Vào lò mới biết lầm".

Hòa thượng Hoàng Dược nói: "Không người dám vào môn này, khiếp sợ rơi lạc không, đều trông nhìn bờ mà rút lui". Trong Chứng Đạo Ca nói: Ôi! Mạt pháp thời thế, chúng sinh phước mỏng khó điều chế, cách Thánh xa vời tà kiến sâu, ma hạnh pháp yếu nhiều oán hại, nghe nói Như Lai môn Đốn giáo, hận chẳng diệt trừ khiến ngói vỡ, làm đại tâm vương lụy tại thân, chẳng phải oán trách lại lắm người, muốn được chẳng chuốc nghiệp vô gián, chớ chê Như Lai chánh pháp luân".

Hỏi: Người tỏ ngộ tâm tông tu hành này, có được viên mãn hạnh Phổ Hiền chăng?

Đáp: Tất cả lý trí vô biên hạnh nguyện đều chẳng vượt ngoài một sợi lông của Phổ Hiền. Nếu thật vào trong Tông Kính đây, cho đến mỗi mỗi sợi lông nơi thân của phàm thánh đều có thể viên mãn hạnh của Phổ Hiền. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Tỳ-kheo Hải Tràng vào Tam-muội Bát-nhã Ba-la-mật cảnh giới thanh tịnh quang minh, kinh hành trên mặt đất, ngồi kiết-già vào Tam-muội, lìa hơi thở vào ra, không khác tư giác, thân an chẳng động, từ thân đó phân ra thân mây mười pháp giới tất cả dụng cụ, mưa vô lượng pháp vũ v.v... Lại như Tỳ-kheo Phổ Hiền nói cùng Đồng tử Thiện Tài rằng: "Lúc tôi kinh hành, trong một niệm tất cả mười phương thảy đều hiện tiền, do trí tuệ thanh tịnh vậy. Trong một niệm tất cả thế giới thảy đều hiện tiền đi đến số thế giới

nhiều không thể nói không thể nbói vậy. Lại như Dạ Thần Hỷ Mục quán sát chúng sinh vào môn giải thoát Đại thế lực Phổ Hiền tràng, mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân đó tỏa ra thân mây vô lượng thứ biến hóa, tùy chỗ thích ứng mà dùng ngôn âm vi diệu vì đó giảng nói pháp, nhiếp khắp vô lượng tất cả chúng sinh đều khiến hoan hỷ mà được lợi ích. Lại như Đồng tử Thiện Tài lại quán mỗi mỗi lỗ chân lông trên mỗi mỗi thân phần của Phổ Hiền đều có ba ngàn đại thiên thế giới, phong luân thủy luân địa luân hỏa luân, biến lớn sông ngòi và các núi báu, núi Tu-di, Thiết vi, thôn trại thành ấp cung điện vườn tược, tất cả địa ngục ngạ quỉ súc sinh, cõi vua Diêm-la, trời rồng Tám bộ người và phi nhân, nơi dục giới sắc giới và vô sắc giới, nhật nguyệt muôn sao gió mây sấm sét, ngày đêm tháng mùa cho đến năm kiếp, chú Phật ra đời chúng hội Bồ-tát, đạo tràng trang nghiêm, những sự như thế thảy đều thấy rõ. Như thấy thế giới này khắp mười phương nói có tất cả thế giới đều thấy như thế, như thấy hiện tại mười phương thế giới, khoảng trước khoảng sau tất cả thế giới cũng thấy như thế, mỗi mỗi sai biệt chẳng loạn tạp nhau, như nói trên thân phần của Hải Tràng, trong một niệm của Phổ Hiện, trong lỗ chân lông của Phổ Hiền, khắp mười phương thế giới, hư không giới, nơi có tất cả cảnh giới Thánh phàm, cõi nước dơ sạch, không đâu chẳng hiện, có thể chứng Tông Kính không ngoài, không pháp nào chẳng hợp, như cuộn gom sóng lớn của biển cả trở về trong một giọt, như gom nhật cõi nước khắp mười phương chỉ ở một bụi trần, như các bậc Cổ đức nói: "Dùng cảnh giới của Già-na, Huyền môn của các diệu, biết thức nói đó mà chẳng cùng Đồng tử Thiện Tài chước rót đó mà chẳng cạn, Văn-thù rõ đó mà vắng lặng, Phổ Hiền chứng đó làm lớp lớp. Tại sao? Vì Văn-thù là thể như lý của tự tâm, thể thường trong lắng, vì Phổ Hiền là dụng như lượng của tự tâm, dụng khắp pháp giới. Do đó trong luận Bảo Tánh nói rõ: Có hai thứ tu hành: Một là Như thật tu hành, rõ một vị như lý. Hai là khắp cùng tu hành, đủ biết một tâm có Hằng sa pháp giới, là vì ngộ tâm chân như vô tận đây, thành được hạnh của Phổ Hiền, cũng gọi là phạm hạnh đã lập, việc mình đã xong. Nếu chẳng rõ đây mà vọng có sở tu, chẳng phải chỉ chẳng đầy đủ hạnh môn Phổ Hiền, cho đến Tam quy ngũ giới v.v... tất cả môn tinh tấn đều chẳng thành tựu, vì chẳng thấu đạt bản vậy. Do đó trong kinh Pháp Hoa nói: "Nếu chẳng thể được thấy nghe đọc tụng thư trì kinh Pháp Hoa là phải biết người đó chưa khéo hành đạo Bồ-tát, vì chỗ ngăn cách giữa tự và tha, chỉ vì tâm ái kiến, chưa đạt Nhất thừa, đâu thành hạnh đồng thể. Lại nói: "Kinh đây khó trì, nếu người tạm trì, thì ta hoan hỷ, chư Phật

cũng vậy. Người như vậy, chư Phật ngợi khen là dõng mãnh, là tinh tấn, đó gọi là người trì giới tu hành Đầu-đà, là người mau được Phật đạo Vô thượng". Nên biết thấy tánh tu hành, tánh khắp muôn hạnh, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Hạnh Bồ-tát tức tánh Như Lai, tánh nghĩa tức hạnh Bồ-tát", nếu thấy rõ yếu chỉ đây mới là viên tu, Quyền giáo chẳng thuần, địa vị giới cách trời, ngợi khen một niệm tùy hỷ, phước còn vô lượng huống gì chánh niệm tu hành, chỉ bày cho người. Do đó, trong Văn Cú Sớ Thích nói: Một niệm tùy hỷ là tự chưa có hành, chỉ tùy hỷ pháp và người, công đức quả báo còn nhiều, huống gì hành thấu đáo ư? Tâm tùy hỷ có hai: Nếu nghe mở quyền bày thật, tức ở trong một niệm tâm hiểu rõ lý chẳng phải quyền chẳng phải thật, tin thấy biết của Phật. Lại hiểu rõ cả quyền và thật, sự lý viên dung, tuy có đủ tánh phiền não, nhưng năng biết tạng Bí mật của Như Lai. Đó tức là bề Dọc luận tùy hỷ. Lại, nếu nghe ý mở quyền bày thật, tức ở một tâm mở rộng tất cả tâm. Lại, tất cả pháp đều là Phật pháp, không có chướng ngại, nếu muốn phân biệt nói bày không cùng, một tháng bốn tháng cho đến cả năm xoay chuyển chẳng tận, tuy chưa được tâm tùy hỷ chân thật, mà có thể giải hiểu như thế. Pháp đã như đây, người cũng như vậy. Đây là nói về bề ngang luận tùy hỷ, tức ngang mà dọc, tức dọc mà ngang, nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thà nguyện nghe ít, hiểu nhiều nghĩa vị" tức ý đây vậy. Nên biết mới nghe nhất tâm năng sinh tùy hỷ, thì rõ suốt các pháp không có thừa sót. Có thể gọi là một nghe ngàn ngộ, được đại tổng trì, ở nơi tâm phàm phu năng sinh viên tín, so lường công đức chỉ Phật mới biết. Nếu ngoại đạo chứng đắc thứ thần thông, có thể dời núi múc cạn biển mà chẳng dẹp phục kiến ái, chẳng kịp người chứng Noản pháp. Hàng Nhị thừa bậc vô học quả đều thoát còn bị Niết-bàn chuyển, chẳng biết nhân quả đó đều quyền. Người Thông giáo tu nhân tuy khéo, phát tâm chẳng biết năm trăm do-tuần, chứng quả chỉ trừ bốn trú. Người Biệt giáo tuy hơn Nhị thừa, tu nhân thì thiên lệch, nhân đó lại vụng về, chẳng phải được Phật ca ngợi, đều chẳng kịp người mới đầu tùy hỷ một niệm tròn tin. Lại nữa, trong Chỉ Quán nói: "Năng vào Duy tâm quán như vậy thì đầy đủ tất cả pháp môn, bao gồm khắp đầy quy cũ, sơ tâm đưa tiễn hành nhân đến Tát vân cái Như Lai kia, nơi cần cầu nhiều kiếp, chỗ diệu ngộ đạo tràng, chỉ tại đây ư? Nên biết muôn đường tuy riêng biệt, một tánh không sai, nếu chúa về tánh của tự tâm đây, trọn chẳng phải rốt ráo, phàm có làm gì, tâm cảnh chẳng mất, đều rơi đọa luân hồi, chẳng vào chân thật. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Lại nữa, tánh Như Lai ở hạng hạ lưu, quy tụ nói biển hợp làm một vị, các pháp cũng như

vậy, tất cả tổng tướng biệt tướng đều quy về pháp tánh đồng làm một tướng, gọi đó là pháp tánh, như kim cang tại trên đảnh núi dần dần xuyên xuống ngằn mé đất Kim cang Địa đến tự tánh mới ngưng. Các pháp cũng như vậy, trí tuệ phân biệt suy cầu đã đến trong như, từ như vào tự tánh. Như không gốc ngọn sinh diệt các pháp hý luận, đó gọi là pháp tánh. Lại như trâu nghé chạy quanh rống kêu gặp được mẹ mới thôi, các pháp cũng như vậy, các thứ phân biệt lấy bỏ chẳng đồng, được đến tự tánh mới dừng không qua xứ khác, đó gọi là pháp tánh. Như tất cả Bồ-tát cầu đạo tu hành, nếu chưa đến Tông Kính, tâm trọn chẳng dừng. Do đó, Tông Kính lược có hai ý: Một là, vì Đốn ngộ biết tông, hai là, vì viên tu rõ sự. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Đức Phật trách A-nan rằng: "Chẳng phải ông trải qua nhiều kiếp khổ nhọc chuyên cần tu chứng, tuy nhớ rõ mười hai bộ loại kinh giáo của mười phương các Đức Như Lai nhiều như số cát sông Hằng, chỉ tăng thêm hý luận. Ông tuy đàm nói nhân duyên tự nhiên, quyết định rõ biết người đời tôn xưng ông là đa văn bậc nhất. Do nhiều kiế đa văn huân tập đây chẳng thể lìa khỏi nạn Ma-đăng-già, sao phải đợi thần chú Phật đảnh của ta, lửa dâm trong tâm Ma-đăng-già chóng tất đắc quả A-na-hàm, ở trong pháp tu hành rừng tinh tấn, sông ái khô cạn, khiến ông giải thoát. Cho nên, A-nan! Ông tuy trải qua nhiều kiếp ghi nhớ bí mật diệu nghiêm của các Đức Như Lai, chẳng bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai thứ khổ thương ghét ở thế gian. Như Ma-đăng-già trước kia là dâm nữ, do sức thần chú mà tiêu ái dục đó, nay trong giáo pháp gọi là Tánh Tỳ-kheo ni, cùng với mẹ của La-hầu-la là Da-thâu-đà-la đồng rõ ngộ nhân xưa trước. Biết nhiều kiếp bởi nhân tham dục làm khổ, do một niệm huân tu thiện vô lậu, nên hoặc được ra khỏi trói buộc, hoặc được thọ ký, cớ sao tự khinh mình, còn lưu lại nghe nhìn?" Cho đến, A-nan v.v... đã được khai ngộ, sau lại cầu xin chỉ dạy đường lối vi diệu để tu hành, như trong kinh nói: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con tuy được tiếp nhận pháp âm như vậy, biết Như Lai tạng Diệu giác minh tâm, khắp mười phương cõi, ngậm nuôi mười phương cõi nước của Như Lai, thanh tịnh cõi Bảo Nghiêm Diệu Giác Vương. Đức Như Lai lại trách đa văn luống công chẳng bằng tu tập. Nay con giống như người khách ghé dừng, chợt được vua trời ban cho phòng ốc hoa lệ, tuy được nhà lớn, nhưng cốt yếu cần cửa để vào. Cúi mong Đức Như Lai chẳng bỏ đại bi chỉ bày cho con và những người mờ tối trong hội chúng vất bỏ Tiểu thừa, rốt ráo được Vô dư Niết-bàn của Như Lai, lối gốc phát tâm!" Cho đến, "Phật bảo: A-nan! Các ông nếu muốn xả bỏ Thanh văn tu Bồ-tát thừa vào sự thấy biết

của Phật, cần phải quán xét nhân địa phát tâm và quả địa giác ngộ là đồng hay khác. A-nan! Nếu ở nhân địa, dùng tâm sinh diệt làm gốc tu nhân mà cầu Phật thừa chẳng sinh chẳng diệt. Điều ấy không thể được. Vì nghĩa lý đó, ông phải chiếu sáng các khí thế gian pháp có thể làm đều theo biến diệt. A-nan! Ông quán thế gian pháp có thể làm, gì là chẳng hoại, nhưng trọn chẳng nghe cháy hoại hư không. Tại sao? Hư không chẳng phải có thể làm. Do đó thủy chung không hoại diệt vậy". Giải thích: Rõ ràng, phàm các kinh Đại Thừa là chánh ý của Phật tổ, phàm phu từ nay trở đi, người tiếp nối Phật thừa, trước phải được gốc tỏ ngộ chân tâm tự mình chẳng sinh chẳng diệt làm nhân, sau đó dùng yếu chỉ của vô sinh trị khắp tất cả. Do đó, trong luận Hoa Nghiêm nói: "Nếu có tập khí, lại dùng thấy biết của Phật để trị sửa đó, nếu chẳng vào thấy biết của Phật, giả sử có tu hành chỉ thành chèn ép trọn chẳng thể vào dòng nước nhanh chóng của chư Phật. Như trong kinh Pháp Hoa nói rõ mở bày tỏ ngộ vào sự thấy biết của Phật, chỉ là ở trong tâm chúng sinh mà luận bàn mở bày, vì thấy biết của Phật ẩn chứa tại tâm chúng sinh vậy. Nếu trong không tông từ trước cũng nói: Trước phải biết có sau mới bảo nhậm. Lại nói: Đầu đuôi phải được tương xứng, không thể lý hạnh có khuyết, tâm miệng trái nhau vào trong tông ta, điều ấy không thể có. Nếu chưa tỏ ngộ lý tự tâm không sinh, chỉ dùng tâm sinh diệt làm nhân, muốn cầu quả vô sinh, như nấu cát làm cơm, gieo giống đắng mà mong quả ngọt, nhân quả chẳng đồng, thể dụng đều mất, tà tu vọng tập giống như chín mươi sáu thứ dụi mắt sinh hoa, hướng đến vắng lặng chấp nắm quyền, tợ các đạo nhân ba thừa nhọc thần phí sức, nếu vào Tông Kính, lý hạnh đều viên, có thể gọi là lương y của Nhị kiến, mặt nhật chói sáng của Thích chân vậy. Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Thí như sương mốc thế tuy muốn ngưng đọng mà chẳng qua mặt nhật ló dạng, mặt nhật đã ló dạng rồi, tiêu diệt không còn thừa. Này thiện nam! Các chúng sinh ấy có các nghiệp ác cũng lại như vậy, sức lực sống ở đời chẳng hơn được thấy vầng nhật Niết-bàn. Vầng nhật đó đã xuất hiện, đều có thể trừ diệt tất cả nghiệp ác". Phàm, chưa gặp được mặt nhật chánh pháp Tông Kính, biển thật trí nhất tâm, gồm trước vốn có tất cả các thứ Tam-muội tu hành, các hành đều là vô thường, chẳng thành thường thiện, vì chưa rốt ráo vậy. Như trong kinh nói: "Này thiện nam! Tuy tu tất cả các định trong Khế Kinh, chưa nghe kinh Đại Niết-bàn như vậy, đều nói tất cả thảy đều vô thường, nghe kinh ấy rồi, tuy có phiền não như không phiền não, tức năng làm lợi ích tất cả trời người. Tại sao? Hiểu rõ thân mình có tánh Phật vậy. Đó gọi là thường. Lại nữa,

này thiện nam! Thí như các dòng nước đều chảy vào biển, tất cả các định Tam-muội trong Khế Kinh đều quy về kinh Đại Thừa Đại Niết-bàn. Tại sao? Rốt ráo khéo nói có tánh Phật vậy”. Do đó mới biết có tánh Phật, tự nhiên giải hạnh tương ưng, như kết lưới mà trọn là bắt cá, lót thức ăn mà hẳn phải tiến trước. Như nói: Chỉ giải (hiểu) mà không hành (làm), đồng chẳng nhuần của cát giếng, chuyên hư mà chẳng thật, tợ mây giữa trời mà không mưa. Do đó lục đây toàn vì tu tập đạo Bồ-tát, viên mãn môn Phổ Hiền, bèn mới gom tập rộng những kim văn liễu nghĩa di chỉ của các bậc Tiên đức, đều khiến tin thuận cùng đạo tương ưng, bao gồm thủy chung, tự tha đều lợi, vì tánh nhất tâm chân như vô tận vậy, Pháp nhĩ như vậy thuận tánh mà hành, không có thiếu nghỉ, tự nhiên viên mãn tất cả tín tuệ, tất cả từ bi tất cả Tam-muội, tất cả thần thông, tất cả hạnh nguyện, tất cả nhân quả, tất cả lý sự, tất cả quyền thật, tất cả hành bố, tất cả tròn chứa. Do đó, trong luận Hoa Nghiêm nói: “Kinh nói rõ tâm Bồ-tát Pháp vân địa niệm lực rộng lớn vi tế tự tha cùng vào, một nhiều lớn nhỏ, hỗ tương xen lẫn thần thông đức dụng tự tại đều tùy tự tâm niệm mà thành vậy. Như tất cả chúng sinh làm dụng cảnh giới, đều là tự tâm chấp nghiệp mà thành, trời người địa ngục súc sinh ngạ quỉ thiện ác v.v... các quả báo đều nương tựa tâm tạo. Như Bồ-tát Thập địa dùng sức đại trí của vô tác pháp thân, tùy theo tâm niệm, không gì chẳng là mười phương một lúc tự tại thảy đều thấy biết. Dùng trí phổ quang minh làm thể, làm trí thể không nương tựa xứng tánh khắp cùng pháp giới, cùng bằng lượng hư không khắp đầy mười phương thế giới, vì trí vô tánh đại dụng tùy miên, vì trí chẳng quên mất tùy niệm đều thành, vì đầy đủ tổng biệt đồng dị thành hoại đều làm, vì trí rộng hẹp lớn nhỏ tự tại, hóa thông vô ngại, vì cùng tất cả chúng sinh đồng một thể trí, năng biến cảnh giới tất cả chúng sinh thuần làm cõi nước Tịnh độ, vì tự tha không hai trí, một thân mà làm nhiều thân, nhiều thân mà làm một thân, vì pháp thân không lớn nhỏ. Trí của lìa lượng năng dùng một lỗ chân lông dung chứa rộng khắp cõi Phật, vì trí đồng như hư không không ngằn mé không phương mà một niệm hiện sinh, đầy khắp mười phương mà không khứ lai, vì như âm vang trí mà năng hưởng ứng, đối hiện tất cả chúng sinh v.v... mà ứng hình, do vì đầy đủ trí phước đức mà luôn ở cõi diệu, thường cùng tất cả chúng sinh đồng ở, nếu chẳng phải do sức Thánh gia trì, mà chúng sinh chẳng thấy. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Thí như có người đem ngọc báu ma-ni buộc trong áo có màu sắc, ngọc báu ma-ni đó tuy đồng sắc áo mà chẳng bỏ tự tánh, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, thành tựu trí tuệ dùng làm tâm

báu, quán tất cả trí khắp đều sáng hiện nhưng chẳng xả bỏ các hạnh của Bồ-tát. Tại sao? Bồ-tát Ma-ha-tát phát đại thệ nguyện làm lợi ích tất cả chúng sinh, độ thoát tất cả chúng sinh, phụng thờ tất cả chư Phật, nghiêm tịnh tất cả thế giới, an ổn tất cả chúng sinh vào sâu trong biển pháp, vì làm sạch chúng sinh giới mà hiện đại tự tại, cấp thí chúng sinh, chiếu khắp thế gian, vào nơi pháp môn vô biên huyễn hóa, chẳng lùi chẳng chuyển, không nhọc không nhàm. Phật tử! Thí như hư không gìn giữ các thế giới, hoặc thành hoặc trụ, không chán không mỏi, không gầy không khô, không tan không hoại, không biến không khác, không có sai biệt, chẳng bỏ tự tánh. Tại sao? Tự tánh hư không, pháp nên như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, lập vô lượng đại nguyện, độ tất cả chúng sinh, tâm không chán mỏi. Cho đến, Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát dùng đây mở bày tánh không sai biệt của tất cả Như Lai, đây là môn phương tiện vô ngại, đây năng sinh ra chúng hội Bồ-tát. Pháp đây chỉ là cảnh giới Tam-muội. Đây năng dõng tiến vào Tát-bà-nhã, đây năng bày hiện các môn Tam-muội. Đây năng vô ngại vào khắp các cõi, đây năng điều phục tất cả chúng sinh, đây năng trú nói không ngằn mé chúng sinh, đây năng mở bày tất cả Phật pháp, đây nói cảnh giới đều không chỗ được, tuy tất cả thời diễn nói mở bày, mà luôn xa lìa vọng tưởng phân biệt, tuy biết các pháp đều không chỗ làm, mà năng bày hiện tất cả nghiệp làm, tuy biết chư Phật không có hai tướng, mà năng hiện bày tất cả chư Phật, tuy biết không sắc mà diễn nói các sắc, tuy biết không thọ mà diễn nói các thọ, tuy biết không tưởng mà diễn nói các tưởng, tuy biết không hành mà diễn nói các hành, tuy biết không thức mà diễn nói các thức, luôn dùng pháp luân mở bày tất cả, tuy biết pháp không sinh mà thường chuyển pháp luân, tuy biết pháp không sai biệt mà nói các môn sai biệt, tuy biết các pháp không có sinh diệt mà nói tất cả tướng của sinh diệt, tuy biết các pháp không thô không tế mà nói tướng của các pháp thô tế, tuy biết các pháp không thượng trung hạ, mà năng tuyên nói pháp của tối thượng, tuy biết các pháp không thể nói năng, mà năng diễn nói ngôn từ thanh tịnh, tuy biết các pháp không trong không ngoài mà nói tất cả các pháp trong ngoài, tuy biết các pháp không thể rõ biết, mà nói các thứ trí tuệ quán sát, tuy biết các pháp không có chân thật, mà nói đạo của xa lìa chân thật, tuy biết các pháp rốt ráo vô tận, mà năng diễn nói tận các hữu lậu, tuy biết các pháp không trái không tránh, nhưng cũng chẳng không tự tha sai biệt, tuy biết các pháp rốt ráo không thầy mà thường tôn kính tất cả sư trưởng. Tuy biết các pháp chẳng do kẻ khác mà ngộ mà thường tôn kính các thiện tri thức, tuy pháp không

chuyển mà chuyển pháp luân, tuy biết pháp không khởi, mà bày các nhân duyên, tuy biết các pháp không có khoảng trước, mà nói rộng về quá khứ, tuy biết các pháp không có khoảng sau, mà nói rộng về tương lai, tuy biết các pháp không có khoảng giữa mà nói rộng về hiện tại, tuy biết các pháp không có tác giả, mà nói các tác nghiệp, tuy biết các pháp không có nhân duyên mà nói các tập nhân, tuy biết các pháp không có sánh bằng, mà nói đạo bình đẳng chẳng bình đẳng, tuy biết các pháp không có nói năng mà quyết định nói pháp của ba đời. Tuy biết các pháp không nơi nương tựa mà nói nương tựa thiện pháp mà được lìa xa, tuy biết pháp không thân mà nói rộng về pháp thân, tuy biết ba đời chư Phật vô biên mà hay diễn nói chỉ có một Phật, tuy biết pháp không sắc mà hiện các thứ sắc, tuy biết pháp không thấy mà nói rộng các thấy, tâm pháp không tướng mà nói các thứ tướng. Tuy biết các pháp không có cảnh giới, mà tuyên nói rộng cảnh giới trí tuệ, tuy biết các pháp không có sai biệt, mà nói hành quả các thứ sai biệt, tuy biết các pháp không có vượt ra mà nói thanh tịnh các môn vượt ra, tuy biết các pháp xưa nay thường trú mà nói tất cả các pháp lưu chuyển, tuy biết các pháp không có chiếu sáng mà luôn nói rộng pháp của chiếu sáng". Giải thích: Thí như hư không gìn giữ các thế giới hoặc thành hoặc trụ không chán không mệt là vì trí Phổ Hiền rõ biết tất cả pháp đều như tánh hư không. Tánh của hư không tức là thân phàm thánh, chỉ vì chúng sinh chẳng rõ mê làm sinh tử biến làm căn trần, Bồ-tát nên năng đối hiện sắc thân tùy ứng nói pháp nên nói thân tướng Phổ Hiền như hư không. Lại có kệ tụng nói:

"Tâm nghe suốt mười phương,
Sinh ở sức Đại nhân".

Lại có kệ tụng nói:

"Không sinh trong Đại giác,
Như biển một bọt nổi".

Vậy biết hoặc pháp hoặc hạnh đều là tâm tánh của ta, giống như hư không đâu có chán mệt ư? Nếu chẳng rõ tất cả pháp đồng tánh hư không đâu có chán mệt ư? Nếu chẳng rõ tất cả pháp đồng tánh hư không chấp có tướng trạng cảnh trước có thể quán tùy theo tướng mà phát tâm duyên theo trần mà khởi hành, chẳng đạt yếu chẳng đồng thể, đều rơi lạc hữu vi, đều thành buồn thương của ái kiến, trọn thành chán mệt, nếu nương tựa Tông Kính đúng như thuyết mà tu hành, nơi có công chỉ bằng một mảy lông, rốt ráo hướng đến quả Bồ-đề. Do đó, duyên của không duyên, hiển bày hóa của không hóa, nghĩa là chân tâm của chúng sinh

xứng lý không thể được vậy. Nếu không duyên tức không chỗ hóa, nếu chân tâm tùy theo duyên chẳng hoại, duyên khởi thì cũng có chỗ hóa, như vậy thì chẳng phải hạnh của chân lưu, không do khế chân chẳng phải khởi chân của hạnh, chẳng theo hạnh hiển bày, do vì thể dung hạnh mà nhân tròn đầy, hạnh gần chân mà quả đầy đủ. Lý hạnh đều hoàn bị, nhân quả đồng thời, Viên giải viên tu mới thành Tông kính. Lại nữa, hạnh của Phổ Hiền đây toàn là trí Phật, trí Phật tức là chân tâm. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Trí Phật rộng lớn đồng hư không,
Khắp cùng tất cả tâm chúng sinh,
Đều rõ thế gian các vọng tưởng,
Chẳng khởi các thứ phân biệt khác".

Thì toàn trí Phật là tâm chúng sinh, vọng tưởng thế gian đều từ tâm chúng sinh biến hiện. Tâm năng biến tức là trí Phật, cảnh sở biến đâu thành thật ư? Thì rõ vọng tưởng thế gian đều không, trọn chẳng khởi ở dị kiến phân biệt, gọi là phàm, gọi là Thánh, gọi là có, gọi là không v.v... Lại rõ vọng tưởng thế gian tức trí như lượng, chẳng khởi phân biệt khác tức trí như lượng. Như lượng quán tục, như lý rõ chân. Lại tức tướng của thể bao hàm, là trí như lượng, trí Phật. Do đó, nếu muốn chân tục cả hai đều chiếu, nhân quả đều viên, chẳng vượt ngoài hai trí như lý và như lượng. Như trong luận Phật Tánh nói: "Hai trí lý lượng đây có hai thứ tướng: Một là, vô trước (không đắm), hai là, vô ngại (không trở ngại). Nói vô trước là thấy chúng sinh giới tự tánh thanh tịnh, gọi là vô trước, là tướng trí như lý. Vô ngại là có thể thông đạt quán vô lượng vô biên cảnh giới, gọi là vô ngại, là tướng trí như lượng. Lại, hai trí đây có hai nghĩa, trí như lý là nhân, trí như lượng là quả. Như lượng là quả là do lý đây vậy, biết ở Như Lai các pháp chân tục v.v... đầy đủ thành tựu. Lại trí như lý là nhân thanh tịnh, trí như lượng là nhân viên mãn. Nhân thanh tịnh là do trí như lý diệt hết ba hoặc. Nhân viên mãn là do trí như lượng viên mãn ba đức, nên biết thành Phật đều do hai trí. Trí như lý tức là thể của nhất tâm làm nhân, trí như lượng tức là dụng của nhất tâm làm quả. Do đó, thể dụng tương tức, nhân quả đồng thời, trước sau buông cuộn đều ở nhất tâm viên mãn, cho đến pháp giới hiển bày trong mảy trần, cõi báu hiện ở đầu sợi lông đều là trong trí như lý, cảnh giới như lượng. Nếu chỉ chứng yếu chỉ của như lý. Đại dụng Phổ Hiền chẳng được hiện tiền. Nếu chỉ hành tông của Như lượng, chánh trí Văn-thù chẳng được rốt ráo. Đầy đủ hai môn đây mới rõ Tông Kính. Do đó, Đồng tử Thiện Tài trong một đời có khả năng rõ việc của nhiều kiếp. Các bậc Cổ đức

nói: "Đồng tử Thiện Tài đã nhân sức của bạn lành là Tiên nhân Tỳ-mục, trong khoảng thời gian nháy mắt hơi thở, hoặc có nơi Phật thấy trải qua số kiếp như bụi trần các cõi Phật nhiều không thể nói không thể nói tu hành chẳng nhọc mệt, sao được một đời chẳng qua nhiều kiếp? Bởi sức của Tiên nhân, ngắn dài tự tại, nên như thế Vương Chất gặp Tiên Chi Kỳ khiến cho Phủ Kha Lạn ba năm còn cho là khoảng bữa ăn. Đã có thể lấy dài làm ngắn, cũng có thể lấy ngắn làm dài, như Chu Mục theo người huyễn tuy trải qua nhiều năm thật chỉ như nháy mắt hơi thở. Nên không nên lấy thời gian ngắn dài nơi chốn rộng hẹp mà định yếu chỉ đó vậy. Nên biết tùy tâm chuyển biến chẳng định ngắn dài, tâm dài thì dài, tâm ngắn thì ngắn, dài ngắn là tâm chẳng phải ở thời lượng, tất cả muôn pháp đều là tâm thành, lìa tâm tính lường đều mất tông chỉ.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 41

Hỏi: Phàm tông đây làm sao đi đến liền được tương ưng?

Đáp: Hướng đến đó tức trái, gần đó tức lìa, chấp lấy đó lại mất, gấp đó lại chậm, ngàn Thánh khoanh tay mà không so lường, một môn vào sâu mà quên hiểu biết. Đây là pháp môn tự thể trong tâm, chẳng phải đợi hỏi đáp mà được. Như trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Ý ta khó thể lường,
Cũng không người hay hỏi,
Không hỏi mà tự nói,
Ngợi ca chỗ hành đạo."

Do đó các bậc Tiên đức nói: "Các Tổ cùng truyền diệu tâm chân như Thánh trí tự giác thanh tịnh của chư Phật, chẳng đồng như có được văn tự ở thế gian. Nếu có tỏ ngộ pháp tánh chân thật đây thì người ấy rõ biết chư Phật ba đời và tất cả chúng sinh đồng một pháp giới xưa nay bình đẳng thường hằng chẳng biến đổi". Hòa thượng Tào sơn trước đây có kệ tụng nói:

"Theo duyên tiến được tương ưng chóng,
Nương thể tiêu cơ đạo tức chậm,
Lướt qua xưa nay không nơi chốn,
Thầy ta tạm nói chẳng nghĩ bàn".

Nên biết ngàn Thánh đều đặt để một niệm tâm đây lúc khởi trọn chẳng thể được. Đó thật là chẳng thể nghĩ bàn, lìa đây quyết định riêng không thù thắng, thấu rõ như vậy há chẳng phải nhanh chóng ư? Nào đợi tiêu dung mới có thể thấy đạo. Nếu chẳng thấy ngay việc ấy, muốn dùng ý hiểu tình cầu thì như đem cung sừng thỏ giá mũi tên lông rùa, người dùng không tay định bắn nát núi Tu-di, tợ đổ dầu đè cát châm lửa không khói, chứa trong chén rò muốn chiếu phá tối của Thiết-vi, nhọc sai sử tâm cuồng, điều đó không thể có. Nên trong kinh Tư Ích nói: "Hỏi: Dùng pháp gì tu đạo? Đáp: Chẳng dùng pháp thấy nghe hay biết, chẳng dùng đắc, chẳng dùng chứng, đối với tất cả pháp không tướng

không bày, gọi là tu đạo”. Trong Hoa Nghiêm sớ nói: “Đốn giáo là bao gồm chẳng nói pháp tướng, chỉ biện rõ chân tánh, không có tướng của tám thức sai biệt”. Giải thích Tám thức tâm vương còn không sai biệt huống gì tâm sở biến đâu đáng có ư? Tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt. Nên trong luận Khởi Tín nói: “Tất cả các pháp chỉ nương tựa vọng tưởng mà có sai biệt, nếu lìa tâm niệm thì không tướng tất cả cảnh giới, cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay, lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, không có biến đổi khác, chỉ là một tâm, nên gọi là chân như. Vì tất cả ngôn thuyết giả danh không thật chỉ tùy theo vọng niệm chẳng thể được vậy. Do đó trong sớ nói: Tất cả chỗ có chỉ là vọng tưởng, tất cả pháp giới chỉ là vọng ngôn. Nên trong luận Khởi Tín nói: “Nói chân như là cũng không có tướng, nghĩa là cùng cực của ngôn thuyết, nhân ngôn từ dứt trừ ngôn từ. Thể chân như đây không thể dứt trừ, vì tất cả pháp đều là chân vậy, cũng không thể lập. Vì tất cả pháp đều đồng như vậy, phải biết tất cả pháp chẳng thể nói chẳng thể nghĩ, nên gọi là chân như, thì tánh tất cả pháp đều lìa ngôn ngữ, cũng thông bốn thứ pháp giới đều không thể nói, gọi là không cộng được vật, vật không thật đáng danh xưng, lý vốn không ngôn từ vậy. Sự lý giao triệt không thể làm thuyết lý sự, sự sự tương tức, chẳng thể làm thuyết một nhiều. Như kinh Lăng-già tuy nói rõ năm pháp: Danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như, cả năm đều không tịch. Tại sao? Nghĩa là mê như do thành danh tướng, vọng tưởng là sinh, ngộ gốc như của danh tướng, vọng bèn xứng trì thì không danh tướng vọng tưởng, chỉ như thật vậy, trí nhân như lập, trí thể cũng không, Như nhờ trí rõ, xưa nay thường tịch, nên đều không vậy. Huống gì tám thức nói về sự đều là duyên sinh không tánh, nhân có ngã pháp nói hai không ngã, ngã còn chẳng được, không ngã sao còn? Nên trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

“Chư Phật hoặc nói ngã,
Hoặc nói về không ngã,
Trong thật tướng các pháp,
Không ngã không chẳng ngã”.

Nếu cả hai đều dứt trừ. Trong sớ nói: “Trách giáo khuyên lìa hủy tướng sạch tâm”. Trách giáo nghĩa là dùng tâm truyền tâm, chẳng ở văn tự, khuyên lìa là khiến lìa pháp. Pháp tuy vô lượng nhưng không vượt ngoài sắc và tâm, lìa tâm tâm như, lìa sắc sắc như, nên khiến đều lìa thì khế hợp tâm thể lìa niệm vậy. Hủy tướng là nói về cảnh, phàm có tướng đều là hư vọng. Hết tâm là nói về trí, rõ cảnh tướng không, giả

xưng là trí, tướng đã chẳng có, trí đâu có chân. Tâm cảnh đều mất thì đều sạch tuyệt, tâm không tâm tướng tức là an tâm, nên nói sinh tâm tức vọng, chẳng sinh tức Phật. Nói sinh tâm là chẳng phải chỉ sinh ở các tâm khác, giả sử sinh Bồ-đề Niết-bàn, quán tâm thấy tánh cũng gọi là sinh tâm, đều là vọng tưởng. Niệm tưởng đều tịch mới gọi là chẳng sinh, tịch chiếu hiện tiền há chẳng gọi là Phật. Nên trong văn bia Đạt-ma nói: "Tâm có thì nhiều kiếp đắm kẹt ở phàm phu, tâm không thì sát-na thành Chánh giác". Nói tâm không là chẳng phải rõ tâm không chẳng sinh ở rõ vậy. Nên Vi thị ngự hỏi Hòa thượng Ngưỡng Sơn về yếu chỉ rõ tâm. Hòa thượng đáp: "Nếu muốn rõ tâm, không tâm có thể rõ, rõ của không rõ, đó là thật rõ". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: "Tất cả pháp chẳng sinh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu năng hiểu như vậy, chư Phật thường hiện tiền". Nói hiểu nên biết là như chẳng sinh, hiểu mà không tướng hiểu, chẳng phải gọi là không hiểu ở chẳng sinh vậy. Trong sớ nói: "Không Phật không chẳng Phật, không chúng sinh không chẳng chúng sinh", lại phải trừ vết trước, vì mê chúng sinh nói tức tâm tức Phật, đã không chúng sinh, nào từng có Phật. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Bình đẳng chân pháp giới,
Không Phật không chúng sinh,
Chấp Phật nói không Phật,
Chẳng phải là không Phật".

Nên nói không chẳng Phật vậy, thì khiển trừ đó lại khiển trừ đó, nếu có đắc phần ít đều là vọng tưởng. Nên trong kinh Phật Tạng nói: "Đối với pháp có đắc phần ít thì cùng Phật tranh cãi vậy. Tranh cãi với Phật thì đều vào đường tà, chẳng phải đệ tử của ta". Lại chỉ ghi không Phật dùng làm Phật thật, nên nói không chẳng Phật vậy. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Tánh không tức là Phật,
Chẳng thể được nghĩ lường".

Nếu có sinh tâm, sinh tâm là vọng, nên nói chẳng sinh. Phật còn chẳng có huống gì có không sinh, khởi hiểu không sinh trở lại bị sự trói buộc của không sinh, nên nói không chẳng sinh vậy, thì sinh và chẳng sinh tráo trở trái nhau, cũng tráo trở lập thành, chỉ mất lời là có thể cùng hợp đạo, lòng rỗng thì có thể cùng lý thông vậy. Nếu mất lời thì dừng, dùng chẳng phải nói, đâu cương đầu mối nói ư? Nếu lòng rỗng thì pháp ta diệu khó lường, sao lầm sinh hiểu biết ư? Lại nữa, phàm vào Tông Kính, pháp như thế mất lời. Chẳng phải chỗ trí biết thì ai tin kịp? Như

trong Tán Bát-nhã có kệ tụng nói:

"Nếu người thấy Bát-nhã,
Luận nghĩa tâm đều tuyệt,
Như lúc mặt nhật hiện,
Sương mai đồng thời mất".

Nên Tổ sư nói: "Luận tức chẳng nghĩa, nghĩa tức chẳng luận, nếu muốn luận nghĩa, trọn chẳng phải nghĩa luận, xưa trước ở thời gian Nam Lương, vua Võ đế (Tiêu diễn 502-550) ở điện Trùng vân tại vườn Hoa lâm, nhóm tập bốn bộ chúng, tự giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã. Bấy giờ Phó Đại sĩ cùng dự trong hội. Thái tử sai hỏi: "Đại sĩ sao chẳng luận nghĩa?" Đáp: "Điều Hoàng đế Bồ-tát giảng nói, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải rộng chẳng phải hẹp, chẳng phải có biên chẳng phải không biên, chánh lý như như, còn gì phải nói". Lưu Trung Thừa lại hỏi: "Đại sĩ sao chẳng đối đáp qua lại, mọi người mong muốn nghe!" Đáp: "Nhật nguyệt dừng cảnh, bốn mùa hòa thích". Lại nữa, ở Trung Thiên trúc, có ngoại đạo Mã Minh là người trí tuệ biện tài ở đời, khéo thông ngôn luận, xướng rằng: "Nếu có Tỳ-kheo nào có thể cùng ta luận nghĩa thì có thể đánh kiền chùy. Nếu không khả năng thì chẳng đủ để ông đánh kiền chùy nhận thọ người cúng dường". Bấy giờ Trưởng lão Hiếp đến nước đó nói: "Chỉ đánh kiền chùy, nếu ông kia đến, tôi sẽ tự đối đáp", liền đánh kiền chùy, ngoại đạo Mã Minh bèn hỏi: "Cớ sao ngày nay đánh bảng gỗ đây ư?" Đáp: "Có sa-môn Trưởng lão ở phương Bắc đến đánh kiền chùy". Ngoại đạo Mã Minh hỏi: "Muốn luận nghĩa ư?" Đáp: "Đúng vậy". Khi ấy, bày xếp luận trường, đại chúng nhóm tập mà đến, Trưởng lão Hiếp nói: "Tôi tuổi đã già suy nên từ xa đến, lại trước ở đây ngồi, lý đáng nêu hỏi trước". Ngoại đạo Mã Minh nói: "Như thế cũng được, hiện tại ông nói gì tôi sẽ phá cả". Trưởng lão Hiếp liền nói: "Hiện nay thiên hạ thái bình, Đại vương trường thọ, đất nước giàu vui, không các tai hoạn". Ngoại đạo Mã Minh im lặng không biết nói gì. Luận pháp không đối đáp tức rơi lạc phía thua, nên cúi chịu làm đệ tử, cạo bỏ râu tóc, được độ làm Sa-di, thọ giới Cụ túc. Lại nữa, có người học cầu xin Hòa thượng Quốc sư Trung lập nghĩa, Hòa thượng bảo: "Lập rồi vậy". Người học chẳng biết làm sao, bị Hòa thượng quát đuổi ra, bảo: "Chẳng phải cảnh giới của ông". Nên biết nếu vào Tông Kính, gương Huyền rỗng sáng, như đến trong gương, tự thấy mặt tượng, thấy tức liền thấy, lại đợi mở lời ư? Do đó, trong kinh Nguyệt Thượng Nữ nói: "Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại hỏi Nữ rằng: "Chúng sinh giới là có bao nhiêu?" Nữ đó đáp: "Như cảnh giới chư Phật ở quá khứ vị lai và hiện

tại kia". Xá-lợi-phất nói: "Nếu như vậy, ngươi nói việc gì? Giải thích thế nào?" Nữ đó đáp: "Y theo Tôn giả hỏi, tôi lại nương đáp"Khi ấy, Xá-lợi-phất lại hỏi: Tôi hỏi nghĩa gì? Nữ đó đáp: "Hỏi văn tự vậy". Xá-lợi-phất nói: "Văn tự ấy diệt không có dấu chân". Nữ đó đáp: "Tôn giả Xá-lợi-phất! Tướng diệt như thế trong tất cả pháp như có hỏi và như có đáp, cả hai đều diệt, tướng chẳng thể được vậy". Trong kinh Hoa Thủ nói: "Phật bảo Bạt-đà-bà-la: Lành thay! Lành thay! Như điều ông nói, pháp sở đắc của Như Lai nói đạo tràng là pháp cũng chẳng phải pháp, cũng chẳng phải chẳng phải pháp. Ta ở đây, trí chẳng thể hành, mắt chẳng thể thấy, không có hành xứ, nói tuệ chẳng thông, sáng chẳng thể rõ, hỏi không có đáp, ở trong pháp đây không thọ không thủ, không dơ không sạch. Nếu ta nói là pháp tự sở đắc, nếu dùng hành tướng, hành là pháp thì đều mê muội". Trong kinh Phật Tạng nói: "Phật bảo: Xá-lợi-phất! Ở trong Thánh pháp tính được tịch diệt đều rơi vào tà kiến, huống gì là nói năng. Huống gì nói là pháp không như vậy lấy gì có thể nói? Xá-lợi-phất! Tại sao Phật nói các thứ ngôn ngữ đều gọi là tà? Chẳng thể thông đạt tất cả pháp, đó đều bị ngôn ngữ ngăn che, cho nên Đức Như Lai biết các ngôn ngữ thảy đều là tà, cho đến có chút ít ngôn ngữ, chẳng được thật đó. Xá-lợi-phất! Chư Phật A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề đều không tưởng không niệm. Tại sao? Như Lai ở nơi pháp chẳng được thể tánh, cũng chẳng được niệm". Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: Phật bảo: "Tỳ-xá-khư! Trước phải vì nói sáu pháp Ba-la-mật kia, lần lượt tu rồi sau đó mới vì môn giải thoát không. Nếu vì chúng sinh nói pháp không này, hoặc có người được nghe, hoặc có tư duy, hoặc là năng chứng, là cũng không nên, chỉ có nói năng (ngôn thuyết). Tại sao? Pháp không như vậy, không thể chỉ dùng tâm tưởng mà biết. Nếu pháp không ấy chỉ dùng tâm tưởng có thể chứng biết là tất cả chúng sinh lúc chưa tu đạo cũng nên tức là A-la-hán vậy. Tỳ-xá-khư! Pháp không ấy là cũng chẳng thể nói tướng mạo hình thể, nếu có thể nói thì có tác tướng, nếu có tác tướng là có nguyện cầu, nếu có nguyện cầu thì là ba đời. Tại sao? Tỳ-xá-khư? Trong pháp không tướng, tất cả ba đời không thể được. Tại sao? Vì mọi sự ở quá khứ, vị lai và hiện tại đều tịch diệt vậy, làm sao khởi nguyện? Lại nữa, nên Quán sắc đó làm tưởng không tướng. Cớ sao quán sắc làm tưởng không tướng? Phải biết sắc đó sinh diệt luân chuyển niệm niệm chẳng dừng. Tỳ-xá-khư! Sắc tướng như vậy không thể dùng mắt thấy, phải biết đó là cảnh giới của tâm thức chỉ ý mới biết, cho nên không thể dùng mắt thấy được. Tỳ-xá-khư! tất cả chúng sinh có tâm ý, không thể nói năng, chỉ trí Phật biết. Tuy có thể nghĩ biết mà

chẳng thể thấy, niệm niệm chẳng trú giống như huyễn hóa. Làm sao có thể thủ mà được thấy ư? Như vậy, Tỳ-xá-khư! Không thể dùng tâm thức chúng sinh kia mà thủ lấy tâm. Chân tướng đã chẳng thể thủ lấy, làm sao có thể nói. Tại sao? Vì sự yêu ghét trái với bình đẳng. Tỳ-xá-khư! Nếu muốn diệt trừ tưởng yêu ghét là phải chuyên cần tinh tấn quán tất cả pháp thảy đều không tịch, không có chấp thủ đắm trước".

Hỏi: Nếu không đường học ngày nay, làm sao chóng đoạn môn phương tiện?

Đáp: Với hàng căn cơ trung hạ, chẳng không đường học, dạy răn của trẻ nhỏ đâu đoạn thời nay. Nên trong kinh Lăng-già nói: "Tông thông là Bồ-tát, thuyết thông là trẻ nhỏ". Môn tợ quán sâu có lợi ích, nếu một hướng trái với chính mình, theo văn chấp học mà biện luận thì đối với người gỗ mà đợi nói mong thạch nữ sinh con, không trải qua trần sa trọn không được lý, giả sử đó học ngoài được thành, đều chẳng phải chân thật. Như nói: Vẽ nguyệt chẳng phải nguyệt thật, họa rồng mất rồng gốc, như nay nếu cần chân thành, chỉ năng quán ý tịnh bên trong thì tự nhiên lặng lẽ hiện, giống như đến nơi gương sáng, tự thấy hình đó. Nếu dùng thấy nghe vọng cầu như mò trăng đáy nước, đâu có lúc được. Do đó, trong Chân Giác Ca nói: "Sạch năm mắt được năm sức, chỉ chứng mới biết khó nghĩ lường, trong gương xem hình thấy chẳng khó, trong nước mò trăng tranh nắm được". Hòa thượng Bàn Sơn nói: "Một đường hướng lên ngàn Thánh chẳng truyền, người học nhọc hình như khỉ mò trăng". Cư sĩ Bàng Uẩn có kệ tụng nói: "Hành học chẳng thật đạo, khổ nhọc thần và thân, ngàn đời tìm trăng nước, trọn phí uổng công phu".

Hỏi: Thế nào tức phải?

Đáp: Phải là đầu thứ hai, quấy là tay thứ ba, tuyệt đường tâm trí, tình hạn lượng tiêu. Do đó, trong kinh Văn-thù Bát-nhã nói: "Chẳng thể hiểu tức là Bát-nhã, Bát-nhã chẳng phải có thể hiểu, chẳng phải chẳng thể hiểu". Trong Triệu Luận nói: "Huyền đạo ở nơi tuyệt vức, nên chẳng được để được đó. Diệu trí tại ngoài vật, nên chẳng biết để biết đó. Đại tượng ẩn nơi không hình, nên chẳng thấy để thấy đó. Đại Âm nép nơi hiếm tiếng, nên chẳng nghe để nghe đó, chỉ lúc tin vào tự nhiên soi suốt. Như suốt cùng tròn sáng thấu đạt tận ngằn mé còn chẳng nhân nơi tâm niệm, huống gì y cứ người khác mà cầu tự pháp, chấp lấy mắt kia mà làm viên thông, đếm vật báu trọn chẳng giúp nghèo, nói ăn sao có thể no được, chỉ tự thân gần đến, chóng vào môn tuyệt học, chỉ tại nơi phát minh mới đạt yếu chỉ vô vi. Nếu năng như vậy, vào lý tư

duy như vậy thì năng như vậy, rõ ràng hiển hiện như vậy, tự nhiên hai khoảng ngầm hợp, vật ngã không sai, khế muôn cảnh để hư huyền đồng đạm bạc của nhất tâm, đều nương tựa không mà lập, ôm một mà sống. Vì vậy mây dung kéo mà thong thả trời trong, núi sâu ẩn mà nhàn đồng biếc, tùng cao tựa sườn núi mà tự dài, rễ tre phải đường tắc mà luôn mới, bên trong thì ôm ấp an nhiên, bên ngoài thì đạo tánh thường vậy. Nên trong Tâm Yếu Tiên nói: "Nếu một niệm chẳng sinh thì khoảng trước sau đoạn, chiếu thể riêng lập, vật ngã đều như. Thẳng đến nguồn tâm, không biết không được, chẳng lấy chẳng bỏ không tu, nhưng mê ngộ lại nương tựa, chân vọng cùng đối đãi. Nếu cầu chân bỏ vọng tợ như bỏ ảnh nhọc hình. Nếu rõ vọng tức chân, phân râm diệt ảnh. Nên không tâm ở nơi quên chiếu thì muôn lụy đều trừ, nếu mặc tình để lặng biết thì các hành thong thả khởi, phóng khoáng mặc tình đi ở đó, lắng soi biết nguồn dòng đó, nói nín chẳng mất huyền vi động tĩnh chưa lìa pháp giới. Trong Linh Tẩu Ngâm nói: "Ta muốn học Bồ-đề, thua Thích-ca khác trước, ta muốn học xiển-đề, đi sau Điều-đạt khác sau, không vào hai gia phong, chưa khỏi chạy giữa đường, giả sử đều chẳng phải, nhờ đâu mà mở miệng, mở miệng chẳng mở miệng, rất kỵ Phạm Linh Tẩu. Nếu hiểu ý trong đó, trông Nam nhìn Bắc đẩu". Phó Đại sĩ có kệ tụng nói:

"Người nói đi đường khó,
Ta nói đi đường dễ,
Vào núi hơn vài năm,
Duỗi dài hai chân ngủ.
Đi đường dễ, đường dễ chớ nghĩ lường,
Sát-na tâm chẳng khác,
Xứ nào chẳng thiên đường".

Như trên, dẫn nêu rộng ngôn từ của các bậc thành đạt trước, mới vào trong Tông Kính, pháp như thế tuyệt lối ngôn từ, sạch hết thức trí, hơn thua đều mất, bốn hiện chẳng cùng, các hiền không lường. Nên trong Tịnh Danh Tư Ký nói: "Tịnh Danh im lặng từ trước đến nay, đến nay rốt ráo đầy đủ thật trí. Cũng như Đồng tử Thiện Tài gặp Bồ-tát Di-lặc vào lầu quán mới được rốt ráo. Nay im lặng không nói tức là thể lầu quán". Trong kinh Đại Tập nói: "Quang minh tịch tĩnh vô tránh, ba câu pháp hết. Đức Thích-ca im lặng mà đứng, cùng nay không khác". Lại trong núi Vận Đà ở Tây Thiên có vị A-la-hán tên Phú-lâu-na, Mã Minh đến thấy ngồi dưới rừng, hơi thở tinh vi như chẳng thể lường, thần sắc khiêm nhường tợ chẳng thể khuất, bèn cùng nói rằng: "Sa-môn hãy nói,

dám có điều rõ, nhất định bẻ gãy ngươi, nếu ta chẳng thắng thì tự cắt cổ bái tạ". Sa-môn im lặng, không lộ vẻ thua, chẳng bày dáng thắng, kích động vài ba phen mà chẳng ứng tình, Mã Minh thối lùi tự tư duy rằng: "Ta đã thua, kia đã thắng vậy, kia an định không nói gì, nên không thể khuất. Ta vì nói năng, tuy biết nói năng là có thể khuất. Tự ta chưa khỏi ở nói năng, thật đáng thẹn vậy". Bèn nương theo cầu xin xuất gia.

Hỏi: Nếu nói đạo thể tự nhiên như trên, thì Phật tổ sao phiền xuất hiện nơi đời?

Đáp: Cổ giáo nói: "Chẳng được một pháp chóng thọ ký cho". Tổ sư nói: "Chẳng được một pháp gọi là truyền tâm ". Rõ phiền não tánh không tức là Phật ra đời. Nên trong kinh nói: "Tham sân si ra tức là Phật ra, chỉ khiến chúng sinh tuyệt tình của phàm, không tướng ra vào, nhàn lắng an trú, không chút thi vi, đạt pháp môn đó, tức Phật ra đời, nói việc như vậy là tâm từ chân thật.

Hỏi: Đã không tâm niệm, gỗ đá nào khác, lại tuyệt thầy nghe làm sao giác ngộ?

Đáp: Chỉ nghĩa là cưỡng hiểu vọng biết mà năng chướng đạo. Chỉ nên thoát dính. Bên trong nép phát tự linh tri, căn trần đã tiêu, quang minh chóng phát. Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Vì tất cả pháp xưa nay duy tâm, thật không ở niệm, tức là chánh lý tự tông. Điều gọi là pháp tánh xưa nay chỉ là nhất tâm, không một pháp nào mà chẳng phải tâm vậy, mà có vọng tâm, bất giác khởi niệm, thấy các cảnh giới nên gọi là vô minh. Nếu tánh của nhất tâm vắng lặng không khởi tức là tuệ bản giác sáng. Như trong luận nói: "Tâm tánh chẳng khởi tức là nghĩa đại trí tuệ quang minh". Lại nữa, vọng tâm khởi thấy một hướng chỉ chuyển trong cảnh vọng, chẳng thể thông đạt cảnh giới chân thật. Tại sao? Chân ngụy trái nhau chẳng khế hợp chính đáng. Như trong luận nói: "Nếu tâm khởi thấy thì có tướng chẳng thấy". Chân thật thấy biết là lìa biên kiến của năng sở, như trong luận nói: "Tâm thể nếu lìa thấy, tức là nghĩa chiếu khắp pháp giới". Lại, nếu tâm có tướng động chuyển tức là vô minh huân tập khí. Tâm tánh vắng lặng không có náo động, ngay thẳng không có hiểu của điên đảo tức là chiếu của thật trí. Như trong luận nói: "Nếu tâm có động, chẳng phải chân thức biết. Nếu nhất tâm có tướng chuyển động, lại có tiền cảnh có thể duyên là tâm năng kiến và cảnh sở kiến cả hai đều sai biệt, công đức của bản giác chẳng được viên mãn, mà đức bản tánh tuy nhiều hơn số cát sông Hằng, chỉ một tâm lượng trọn không hai thể. Tại sao? Các Đức như vậy mỗi mỗi thảy đều chẳng phân thể nó. Với một pháp giới lượng nó đồng vậy".

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Sáu căn như vậy do Giác minh kia có minh minh giác, mất tinh kia rồi dính vọng phát sáng. Do đó, nay ông lìa tối lìa sáng không có thể thấy, lìa động lìa tĩnh, vốn không chất nghe, không thông không bít, tánh ngửi chẳng sinh, chẳng phải biến chẳng phải yên, thường không chỗ ra, chẳng lìa chẳng hợp, biết xúc vốn không, không diệt không sinh, rõ biết an cậy. Ông chỉ chẳng theo động tĩnh hợp lìa dính biến thông bít sinh diệt tối sáng, mười hai thứ tướng hữu vi như vậy, tuy nhổ một căn thoát dính bên trong nép, nép về nguyên chân phát sáng vốn sáng, tánh sáng phát sáng, năm thứ dính khác nên nhổ thoát cả, chẳng do tiền trần khởi nên thấy biết, sáng chẳng theo căn, cậy căn sáng phát. Do đó, sáu căn hỗ tương làm dụng. A-nan! Há ông chẳng biết trong chúng hội đây, A-na-luật là người không mắt mà thấy, rồng Bạt-nan-đà không tai mà nghe, thần nữ Khắc-già không mũi mà ngửi, Kiều-phạm-bát-đề, khác lưỡi mà biết vị, thần Thuấn-nhã-đa không thân mà có xúc, trong ánh sáng của Như Lai ánh ngời tạm hiện. Đã là phong chất, thể đó vốn không, các Thanh văn diệt tận định được diệt, như trong hội đây, Ma-ha-Ca-diếp từ lâu đã diệt ý căn, tròn sáng rõ biết chẳng nhân tâm niệm. A-nan! Nay ông các căn nếu nhổ hết rồi, bên trong ánh ngời phát sáng, phù trần và khí thế gian như vậy. Các tướng biến hóa như nước nóng tan băng, ứng niệm hóa thành hiểu biết Vô thượng. A-nan! Như người đời nhóm tụ thấy ở mắt, nếu khiến gấp nhắm thì tướng tối hiện ngay. Sáu căn an nhiên đầu chân cùng loại, người ấy dùng tay sờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy đầu chân rành rẽ mà hiểu biết thì đồng. Duyên thấy nhân sáng, tối thành không thấy, chẳng sáng tự phát thì các tướng tối trọn chẳng thể tối, căn trần đã tiêu, làm sao rõ sáng, chẳng thành viên diệu."

Hỏi: Nói như trên đều nói về đại căn, như mặt nhật vừa ló dạng chiếu trên núi cao, Ngựa giỏi thấy bóng roi. Nếu hàng trung cơ Hạ phẩm chẳng thể riêng lẽ, người chưa vào thì có phương tiện gì?

Đáp: Cũng phải tự xét mở phát tâm tin, nếu lúc chưa phát ngay phải tĩnh lắng dùng thời gian nghiên cứu, trọn dứt phan duyên. Thân tâm nhất như lấy sự tỏ ngộ làm kỳ hạn. Hoặc nhân nghe mà vào, hoặc theo cảnh tỏ sáng, chợt vậy ý tiêu, chân tâm tự hiện.

Hỏi: Cảnh thức đều không tự thể, là cảnh từ thức sinh vậy thức từ đâu khởi?

Đáp: Thức từ chân tánh khởi.

Hỏi: Chân tánh từ đâu khởi?

Đáp: Chân tánh thì không nơi khởi.

Hỏi: Nếu không nơi khởi vậy sao hiển hiện?

Đáp: Không khởi tức khởi, khởi tức không khởi, chẳng phải khởi chẳng khởi, là khởi chẳng thể nghĩ bàn.

Hỏi: Thế nào là khởi chẳng thể nghĩ bàn?

Đáp: Bụi hồng bay biển biếc, sóng bạc vọt núi xanh.

Hỏi: Người tu tập tông này nghe hiểu tin, được pháp lợi gì? Và được quả báo thù thắng thế nào?

Đáp: Đây là thuyết của Đệ nhất, thuyên của không gì bằng, học mà chẳng được, phước còn hơn cả trời người, nghe mà chẳng tin, còn kết hạt giống Bồ-đề, mười phương chư Phật đồng cùng ca ngợi, các kinh Đại thừa ghi chép đầy đủ. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Một niệm tùy hỷ đều ghi Vô thượng Bồ-đề, một câu thọ trì, đều đồng Như Lai cúng dường". Xưa trước giải thích phẩm xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Văn từ phẩm này yếu chỉ rộng sâu, năng đốn năng viên tận cùng cội nguồn của chúng sinh, hết sạch biển thẳm của chư Phật, gốc rễ bên trong của pháp luân, lại khiến tâm đó sinh ở trong giống kim luân, lại làm con cả, diệu của trong diệu, huyền của trong huyền, đều ở tâm phàm loại, công ít mà hay chóng chứng, sao được tự khinh mình mà chẳng nhận thọ? Nay nghe hiểu hay vui mừng, rất phải tự vui mừng. Nên biết kinh mộ pháp đó, là khởi tâm tin vui, lúc mới dấy niệm đã làm con thật của Đức Như Lai, mới đầu khoảng Hồi hướng, bèn thành Bồ-đề Vô thượng. Dấy ít học mà bằng bậc Thượng hiền, bày công nhỏ mà được quả lớn, thúc ba A-tăng-kỳ kiếp vào một niệm, tròn đầy muôn đức nơi thành nhỏ. Như Trưởng giả được châu ma-ni, suốt tận tương lai bố thí mà chẳng hết, tợ nước nhỏ được báu luân vương, khắp pháp giới dùng mà chẳng cùng, Diệu Đức Dược Vương, dâng hương hoa mà đứng hầu, Thích-ca Đa Bảo đồng vui vẻ mà chứng minh, tùy phương đến tiếp chân mà như gặp Thiện Thệ, nói một bài kệ nói dựng tháp mà kham làm phường báu, pháp lợi nào cùng, công đức chẳng tận. Trong luận Hoa Nghiêm nói: "Sức tu tin hiểu là thường tin tự tha phàm thánh đồng một thể như, không nơi nương trú, không ta không của ta, tâm cảnh không hai tướng, tất cả phàm thánh vốn chỉ pháp giới, không tánh tạo tác, nương tựa chân mà trú, trú không nơi trú, cùng đồng chư Phật và tất cả chúng sinh. Trí nhất tâm trú tánh chân pháp giới, như có phân biệt là tất cả chư Phật trí vốn chẳng động, phàm thánh một chân cùng đồng trí này. Toàn tin tự tâm là chủng trí và Nhất thiết trí của Phật, chẳng ở ngoài tâm riêng có tâm tin Phật, cũng chẳng ở trong tự tâm thấy tự tâm có tướng Phật. Nên tin như pháp tự lực đây chưa đầy đủ, vì đây là người được tất cả quả báo

thù thắng ở trong loài người, các thứ y phục ẩm thực tùy theo ý niệm mà đến. Lại chẳng chỉ chánh báo y báo đầy đủ, cho đến các loại hữu tình vô tình thảy đều quy thuận, vì được pháp giới căn bản, lại có sự gì mà chẳng theo ư? Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ vua Đại Quang nói rằng: Này thiện nam! Ta thanh tịnh tu hành hạnh đại từ tràng của Bồ-tát. Ta đầy đủ hạnh đại từ tràng của Bồ-tát. Cho đến, này thiện nam! Chúng sinh ở nơi thành diệu quang đây là Bồ-tát phát ý Đại thừa, tùy tâm trông thấy chẳng đồng, hoặc thấy thành đây lượng nó hẹp nhỏ, hoặc thấy thành đây lượng nó rộng lớn, hoặc thấy đất cát dùng làm đất, hoặc thấy các báu dùng để trang nghiêm hoặc thấy nhóm đất dùng làm bờ tường, hoặc thấy tường báu bao bọc chung quanh, hoặc thấy đất đây có nhiều ngói sỏi cao thấp chẳng bằng, hoặc thấy vô lượng Đại ma-ni bảo bày biện trang nghiêm bằng phẳng như bàn tay, hoặc thấy phòng thất nhà cửa cây đất làm thành, hoặc thấy điện đường và các lầu các thềm cấp cửa sổ hành lang cửa lớn, tất cả nghiên cứu đều là diệu bảo. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh tâm họ thanh tịnh từng gieo căn lành cúng dường chư Phật phát tâm hướng đến đạo Nhất thiết trí, dùng Nhất thiết trí làm nơi cứu cánh và ngày xưa ta tu hạnh Bồ-tát, nơi từng nhiếp thọ thì thấy thành đây, các báu nghiêm tịnh, ngoài ra đều là thấy dơ. Này thiện nam! Trong cõi nước đây tất cả chúng sinh ở thời ngũ trược, vui thích làm các điều ác, tâm ta buồn thương mà muốn cứu hộ, vào nơi đại từ của Bồ-tát làm đầu, tùy thuận môn Tam thế Tam-muội. Lúc vào Tam-muội này, các chúng sinh kia như có tâm khiếp sợ, tâm não hại, tâm oán địch, tâm tranh luận, các tâm như vậy đều tự tiêu diệt. Tại sao? Vào Tam-muội đại từ làm đầu thuận thế của Bồ-tát, pháp đó như vậy. Này thiện nam! Tạm đợi trong khoảnh khắc tự sẽ hiện thấy". Khi ấy vua Đại Quang liền vào định đó, trong ngoài thành đó phát ra sáu thứ chấn động, các thứ đất bàu tường báu nhà báu, điện báu, lầu quán thềm cấp cửa nẻo tất cả các thứ đều phát ra âm thanh vi diệu, đều hướng về vua cúi mình kính lễ, mọi người ở trong thành Diệu quang đều đồng thời vui mừng nhảy nhót, đều hướng về vua, gieo mình sát đất, tất cả dân chúng trong thôn trại thành ấp đều lại trông thấy vua, vui mừng kính lễ, các loài cầm thú sống gần nơi vua, chen nhau trông nhìn, khởi tâm đại bi, đều hướng về trước vua cung kính lễ bái, tất cả núi đồi và các cây cỏ thảy đều xoay chuyển hướng về vua kính lễ. Bờ ao suối giếng và cả sông biển thảy đều tràn đầy đổ chảy về trước vua". Trong Luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Công đức tự tạo tác hồi hướng về ba nơi: Một là, chân như, hai là, pháp nhất tâm, ba là, Phật tánh bản giác. Đó gọi

là ba. Bởi ý nghĩa gì mà hồi hướng về ba nơi? Vì muốn công đức tự tạo tác khiến đều bình đẳng nên hồi hướng chân như. Hoặc vì muốn tự tạo tác công đức khiến rộng lớn nên hồi hướng nhất tâm. Hoặc vì muốn tự tạo tác công đức khiến rõ sáng nên hồi hướng bản giác, nên biết như vậy nên quán như vậy. Hồi hướng như vậy có ích lợi gì? Nghĩa là lắm nhiều vậy. Nghĩa đó thế nào? Thí như đem một mảy trần đặt để trong đại địa. Mảy trần đặt để kia và đại địa đồng nhau không sai khác, pháp môn hồi hướng cũng lại như vậy. Lại thí như đem một giọt nước rót vào trong biển cả, giọt nước rót vào và biển cả đó đồng nhau không sai biệt, pháp môn hồi hướng cũng lại như vậy. Lại thí như phá có một ít tức bèn đồng với hư không lớn đồng nhau không sai biệt, pháp môn hồi hướng cũng lại như vậy. Đã nói về môn triển bày công đức khiến rộng lớn, tiếp nói về môn thí cho chúng sinh lợi ích khắp cùng. Nói lợi ích khắp cùng chúng sinh giới là tức là môn bố thí cho chúng sinh lợi ích khắp cùng, nghĩa là nêu công đức rộng lớn viên mãn khắp cùng lợi ích chúng sinh giới vậy. Có kệ tụng nói:

“Hoan hỷ Đại sĩ chí tâm khuyên
Vô lượng chúng Phật tử trong biển
Ta đã vượt đầu lông ba góc
Quá nơi bốn căn sinh nở hoa
Thứ nhất vô số thô đầy xong
Thứ hai Tăng-kỳ mới vào không
Như đáng Phật tử cùng các ông
Dùng ở hai tay trái cùng phải
Bưng nâng gương sáng nói bản thức
Đến mặt bảy thức tiêu tan nghĩ
Thấy dơ của cảnh giới sáu trần
Tẩy lỗi lầm pháp chấp nhân ngã
Phật tử các ông nếu như vậy
Pháp thân ứng hóa cả ba thân
Như buông chữ ấy tròn hiện trước
Thường lạc ngã tịnh đủ bốn đức
Như vào ao sen đủ sinh ra
Ta từ bốn vua nơi tự tại
Xuống vào biển lớn điện cung rồng
Tùy phần đọc các biển Khế kinh
Gồm có một trăm số lạc-xoa
Các kinh như vậy pháp chân thật

Vô lượng vô biên nghĩa sai biệt
Lập nghĩa trong luận Ma-ha-diễn
Gồm nhiếp an lập đầy đủ nơi
Có thiện nam tử thiện nữ nhân
Nếu tự tay bưng quyển kinh đó
Gọi là bưng kinh trăm lạc-xoa
Nếu miệng tự đọc bản phận kinh
Gọi là tụng kinh trăm lạc-xoa
Người ấy có được các công đức
Mười phương thế giới số bụi trần
Chư Phật và chúng Đại Bồ-tát
Phóng ra tướng lưỡi như bụi trần
Trong số kiếp bụi trần như vậy
Chẳng ngưng xưng nói chẳng cùng tận
Huống gì quán sát nghĩa lý đó
Tư duy giải nghĩa trong văn từ.”

Vì vậy, nếu người ở trong Tông Kính đây, hoặc ngay đó khởi tâm, hoặc tự nhiên dấy ý, hoặc chợt đưa tay chạm, hoặc tạm dùng mắt nhìn, đều thành duyên vào đạo, đều kết giống Nhất thừa. Vì vậy Phật tổ chánh quyết bản tông kinh luận, cao vời trời Niết-bàn, sâu cùng biển Bát-nhã. Lại nữa trong đây, văn nghĩa bao gồm phong phú, tông lý tròn đầy, sưu tìm đó mà câu câu suốt tận cội nguồn, biên gom đó mà mỗi mỗi khắp đầy chỉ thú, huống gì tin hiểu ngộ vào, chánh niệm tu hành, biên chép thọ trì, mở bày truyền rộng, so lượng công quả chỉ Phật mới biết, chẳng phải toán số có thể lường, há tán dương kịp được?

Hỏi: Thể của Duy tâm trước đã lược nói rõ, tướng của Duy thức, chỉ bày thế nào? Tánh tướng rõ cả hai mới hiển bày chánh tông, lý sự đều thông mới trừ tà chấp.

Đáp: Muốn hiển bày chánh tông, trước phải trừ tà chấp, nên phải nhân sự rõ lý, nhóm vọng về chân, chân là chân của nương tựa vọng, nhân tình nói hội (nhóm), sự là sự của theo lý, phá chấp nói sáng, không chấp mà lý sự đều hư, lìa tình mà chân vọng đều tuyệt, mắt bệnh tiêu ma hoa đốm hư không tự hết, niệm dứt mà cảnh huyễn chợt tan, nay nương theo các Thánh, ở trong chúng sinh giới ôm giáo mê tông, bởi chẳng phải một hai, gần then chốt đó không hai không trước, vì người ngu mê nhân không nên khởi ngã kiến, nhận chịu vọng sinh tử, vì cảnh mê pháp không nên trái với hiện lượng, chướng tịnh Bồ-đề. Do đó, ngã pháp đều không, chỉ theo thức biến. Nay lập thứ nhất tâm pháp,

thức năng biến có ba: Một là thức thứ sáu dị thục thức biến, hai là thức thứ bảy tư lương thức biến, ba là thức thứ sáu liễu biệt cảnh thức biến. Đã chỉ thức biến, ngã pháp đều hư. Nhân hai không đây nên khế hợp huyền chỉ, vì ngã không nên phiền chướng đoạn, vì pháp không nên sở tri chướng tiêu. Phiền não chướng đoạn nên chứng chân giải thoát, sở tri chướng đoạn nên đắc Đại Bồ-đề. Sau đó, hạnh đủ môn nhân tâm ngầm biển quả, thì cảnh thức đều lắng, chỉ một chân không.

Hỏi: Từ trước tông thừa chỉ khiến tuyệt học đơn đao vào thẳng, truyền riêng ngoài giáo, sao mượn trí tuệ nghe nhiều luận rộng tánh tướng, lắm lời lý ẩn, nước động châu mờ?

Đáp: Hiển bày tông phá chấp, quyền phẩy đường học thảo luận đạt yếu chỉ, dung thông chẳng phải lìa văn tự giải thoát. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có người căn tánh lanh lợi trí tuệ rõ biết, nghe nhiều nhớ kỹ, mới vì họ nói". Phàm là kẻ sĩ tham huyền, phải đủ hai mắt: Một là, mắt mình rõ tông, hai là, mắt trí rành hoặc. Do đó, theo Thiền tông nói: "Riêng rõ chính mình chẳng rành trước mắt, người như vậy chỉ đủ một mắt, lý đơn sự lẻ trọn chẳng viên thông, cánh chiếc xe rời đâu thể bay chở. Nếu chấp chỉ cần đơn đao vào thẳng, chẳng dùng tham rộng thì Đồng tử Thiện Tài mới đầu thấy gặp Diệu Đức, sau khi phát minh, chẳng bằng phải tham khắp pháp giới. Nên biết tâm đầu và sau như nhau, lý và hạnh đồng thời. Do đó Đồng tử Thiện Tài đến nơi Di-lặc sau khi tròn đầy quả Phật liền chỉ trở lại gặp Bồ-tát Văn Thù người bạn mới đầu, như các bậc Tiên đức nói: "Diệu trí của Văn Thù rõ ràng là tâm mới đầu, Huyền môn của Phổ Hiền, từng không thể riêng biệt". Vậy thì, lý sự ngầm đều nơi một yếu chỉ, gốc nhọn chẳng vượt khỏi sát-na. Sao là giữ một nghi ngờ các đốn mê mờ pháp giới, bỏ đây lấy kia cắt hại hư không. Lại như lấy trí tuệ làm quấy thì Đại trí Văn-thù không nên xưng là con của Pháp vương. Nếu dùng đa văn là lỗi thì Tỳ-kheo Vô Văn không nên làm người địa ngục. Nên phải dùng trí tuệ hợp đa văn đó, trọn chẳng chấp thuyên mà nhận chỉ, do đa văn mà rộng trí tuệ đó, khỏi thành đơn hẹp mà xoay mặt vách tường. Do đó nói: "Có trí không hạnh là thầy của đất nước, có hạnh không trí là dụng của đất nước, có trí có hạnh là báu của đất nước, không trí không hạnh là giặc của đất nước. Vì vậy, trí tuệ phải học, hạnh nên phải tu, khuyết trí là kẽ thù của đạo, không hạnh là giặc của nước nhà, phải biết danh tướng là khóa cửa, chẳng phải chìa trí mà khó mở, câu tình tưởng buộc, chẳng phải dao tuệ mà chớ đoạn, nên phải trách thân xét mình khuyên phát tinh tấn. Vì vậy trở lại người của viên thông, đâu... thấy của tuyệt lời.

Người phát tâm Bồ-đề, tâm chẳng sinh đoạn diệt. Nếu năng rõ ngay tự tâm, tức là đơn đao vào thẳng, rất là tỉnh yếu, vì một hiểu ngàn theo, gồm pháp không dư vậy, cũng là truyền riêng ngoài giáo, lìa riêng đây không kỳ đặc. Lại nữa, đại ý Tông Kính này, lấy diệu ngộ thấy đế làm kỳ hạn, chẳng thủ nương tựa thông bằng văn làm hiểu. Pháp đã chân thật, hạnh phải khế đồng, chỉ tại tâm biết chẳng đợi nói năng, vì là chưa rõ cũng chẳng dứt lời, rốt ráo tương ưng trọn phải thân gần. Đây là mười phương chư Phật đồng chứng đồng nói, xưa nay chẳng đổi khác, pháp môn nhất tế (một khoảng). Như trong kinh nói: "Ta chẳng thấy có một cõi nước Phật, trong đó Như Lai chẳng nói pháp này". Vì vậy, Phật Phật đạo đồng tâm tâm lý hợp, nên biết lìa Tông Kính ra, không pháp có thể nói, vì phàm có ngôn giáo đều chẳng vượt ngoài tánh bình đẳng, trọn không có hai. Do đó, trong kinh nói: "Như lúc sư tử lớn giết hương tượng đều dốc hết sức lực, lúc giết thỏ cũng vậy, chẳng sinh ý tưởng khinh thường, chư Phật Như Lai cũng lại như vậy, lúc vì các Bồ-tát và tất cả xiển-đề giảng nói pháp, công dụng không hai, ngưỡng mong Thánh chỉ xét thật chiếu soi, đâu thể ở trong chí giáo bình đẳng mà khởi hiểu biết sai biệt ư? Ở trong nhất chân chúng sinh giới mà sinh thấy chấp hơn kém ư? Nếu vào trong Tông kính, tự khỏi lỗi lầm đó. Nay những điều ghi chép, mỗi mỗi đều là Thánh giáo của Phật xưa, ở trong vô lượng ức kiếp xả bỏ vô lượng thân mạng, khắp vì tất cả chúng sinh, cầu pháp A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề khó được này, giao phó cho các Đại Bồ-tát vì người ở trong thời mạt pháp mà cầu Bồ-đề Vô thượng, ngàn lối nói khác cùng hiển bày nhất tâm, cớ sao phụ ân chẳng sinh tin nhận? Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Các kinh Đại Thừa, đều gọi là pháp, cầu pháp trong đây là ghi chép đọc tụng nghĩ nhớ chân chánh, chữa trị tâm bệnh chúng sinh như vậy v.v... nên gom nhặc các pháp dược, không tiếc thân mạng, như Phật Thích-ca Văn lúc làm Bồ-tát tên là Nhạo Pháp, thời đó không có Phật, chẳng nghe lời lành, nên dạo khắp bốn phương cầu pháp, tinh cần chẳng biếng lười, trọn chẳng thể được. Bấy giờ, ma biến làm vị Bà-la-môn mà bảo rằng: "Ta có một bài kệ tụng do Phật nói, nếu ông có thể lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, dùng máu làm mực, biên chép bài kệ này thì ta sẽ nói lại cho ông". Nhạo Pháp liền tự suy nghĩ rằng: "Ta trải qua nhiều đời bỏ mất vô số thân mạng chẳng được lợi ích gì." Bèn liền tự bóc da phơi khô, muốn viết bài kệ đó. Ma liền ẩn mất thân hình, chư Phật rõ biết chí tâm đó liền từ phương dưới hiện lên giảng nói pháp sâu mầu, Nhạo Pháp liền đắc vô sinh pháp nhẫn. Lại như Tát-đà-bà-luân khổ hạnh cầu pháp, như Bồ-tát Thích-ca

Văn dùng năm trăm đinh đóng vào thân vì cầu pháp vậy. Lại như vua Kim Cang cắt thân năm trăm nơi làm đèn đốt sáng, nhảy vào hầm lửa, các thứ hạnh khổ khó làm như vậy v.v... chỉ vì chúng sinh mà cầu pháp. Nên biết thiện tri thức là khó được gặp gỡ, thí như Phạm thiên ném một hạt cải xuống phương dưới dính trên đầu mũi kim nhọn còn dễ, gặp được bạn Đạo minh sư được nghe chánh pháp là rất khó. Như chín mươi sáu thứ ngoại đạo ở Tây thiên đều cầu xuất ly nhân gặp thầy tà nên trở lại trầm luân trong sinh tử. Vì vậy, trong kinh Niết-bàn nói: "Đủ bốn nhân duyên, có thể chứng đạo Niết-bàn: Một là, thân gần bạn lành, hai là, lắng nghe chánh pháp, ba là, như lý mà tư duy, bốn là, như thuyết mà tu hành. Nếu chẳng gặp bạn lành thì chẳng được nghe chánh pháp. Tại sao? Nhân nghe chánh pháp thì có thể tư duy tin vào chánh niệm tu hành. Có pháp lợi như vậy, nên phải ân trọng sinh ý tưởng khó gặp, bẻ tâm ngã mạn. Cho đến gặp quyển kinh được nghe hoặc nhân người học chỉ bày, như có nơi ngộ vào đều là bậc thầy của ta. Huống gì Tông Kính đây chỉ ghi chép văn từ cốt yếu, có thể gọi là khoanh tay ngồi tham cứu, chẳng ra khỏi cửa mà biết thiên hạ, dễ biện thành hiện, chẳng động bước chân mà đến cung rồng. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Này thiện nam! Thiện tri thức là như mẹ hiền sinh ra giống Phật vậy. Như cha lành, lợi ích lớn lao vậy, như vú nuôi, gìn giữ chẳng khiến tạo ác vậy. Như thầy dạy chỉ bày điều học của Bồ-tát vậy. Như người khéo dẫn đường năng bày đạo Ba-la-mật vậy. Như lương y năng trị các bệnh phiền não vậy, như núi Tuyết tăng trưởng thuốc Nhất thiết trí vậy. Như dõng tướng diệt trừ tất cả khiếp sợ vậy, như tiếp khách khiến ra khỏi dòng thác sinh tử vậy, như thuyền sư khiến đến đảo trí tuệ báu vậy. Này thiện nam! Thường phải chánh niệm tư duy các thiện tri thức như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ông phụng thờ tất cả thiện tri thức nên phát tâm địa lớn vậy, mang vác gánh nặng không nhọc mệt vậy. Nên phát tâm như núi Thiết-vi, tất cả các khổ không thể động vậy. Nên phát tâm như Kim cang, chí nguyện bền chắc không thể hoại vậy, nên phát tâm như kẻ hầu cấp phàm có bảo gì đều tùy thuận vậy. Nên phát tâm như đệ tử, phàm có dạy răn không trái nghịch vậy. Nên phát tâm như kẻ tớ nhỏ, không chán mệt tất cả việc làm vậy, nên phát tâm như mẹ nuôi, chịu mọi cần khổ mà chẳng nói lao nhọc, nên phát tâm như người làm mướn tùy việc nhận bảo mà không trái nghịch, nên phát tâm như người dọn phân dơ, vì lìa kiêu mạn vậy như lúa đã chín vì hay cúi thấp xuống vậy, nên phát tâm như ngựa thuần vì lìa tánh ác vậy. Nên phát tâm như xe lớn vì hay chở nặng vậy, nên phát tâm như ngựa điều thuận vì luôn phục

tùng vậy, nên phát tâm như núi Tu-di vì chẳng lay động vậy, nên phát tâm như chó lành vì chẳng hại chủ vậy, nên phát tâm như Chiên-đà-la vì lìa kiêu mạn vậy, nên phát tâm như trâu cái vì không oai nộ vậy, nên phát tâm như thuyền bè vì qua lại chẳng mệt vậy, nên phát tâm như cầu đường vì đưa giúp qua không nhọc vậy, nên phát tâm như con hiếu vì thừa thuận nhan sắc vậy, nên phát tâm như Vương tử, vì tuân hành dạy bảo vậy. Cho nên nhân người nghe pháp, nhân pháp ngộ đạo, nhân đạo tu hành, nhân hành thành Phật, đâu có thể kiêu mạn mà chẳng thuận yếu chỉ ư? Nên Đức Thế Tôn dạy: "Nay ta được thành Phật, mới đầu đều nhân gặp nhân duyên bạn lành". Vả lại, như ngoại đạo Tu-bạt-đà sau cùng nếu chẳng gặp Phật Thích-ca thì do đâu mà bỏ tà về chánh. Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Tu-bạt-đà-la! Nhân giả nếu chịu khổ hạnh mà đắc đạo thì tất cả súc sinh đều nên đắc đạo, cho nên trước phải điều phục tâm đó, chẳng điều phục thân, vì nhân duyên đó, ta nói trong kinh chặt phá rừng đây chớ chặt phá cây. Tại sao? Từ rừng sinh sợ, chẳng từ cây sinh, muốn điều phục thân, trước phải điều tâm, tâm dụ như rừng, thân dụ như cây". Tu-bạt-đà-la nói: "Bạch Đức Thế Tôn! Con trước đã điều phục tâm". Phật dạy: "Này thiện nam! Nay ông làm sao có thể điều phục tâm trước?" Tu-bạt-đà-la đáp: "Bạch Đức Thế Tôn! Trước hết con tư duy dục là vô thường vô lạc vô tịnh. Quán sắc tức là thường lạc thanh tịnh, quán như vậy rồi, kết dục giới dứt đoạn, chứng đắc Sắc xứ, cho nên gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa, quán sắc. Sắc là vô thường như ung như nhọt như độc như tên, thấy không sắc thường thanh tịnh tĩnh, Quán như vậy rồi, kết sắc giới hết, được vô sắc xứ, cho nên gọi là trước điều phục tâm. Tiếp đến quán tưởng tức là vô thường ung nhọt độc tên. Quán như vậy rồi đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ, phi tưởng phi phi tưởng đó tức Nhất thiết trí tịch tĩnh thanh tịnh, không có sa đọa thường hằng chẳng biến. Cho nên con năng điều phục tâm đó". Phật dạy: "Này thiện nam! Ông làm sao có thể điều phục tâm, nay ông chứng đắc định phi tưởng phi phi tưởng, còn gọi là tưởng. Niết-bàn không tưởng, sao ông nói đắc Niết-bàn? Này thiện nam! Ông trước đã năng chê trách thô tưởng, nay sao mến đắm tế tướng, không biết chê trách phi tưởng phi phi tưởng xứ như vậy, nên gọi là tưởng, như ung như nhọt như độc như tên. Này thiện nam! Thầy của ông là Uất-đầu-lam-phất là bậc lợi căn thông minh còn chẳng thể đoạn phi tưởng phi phi tưởng xứ như vậy mà nhận chịu thân xấu ác, huống gì những người khác". "Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao có thể đoạn trừ các hữu?" Phật dạy: "Này thiện nam! Nếu quán thật tướng là người năng

đoạn tất cả các hữu”. Tu-bạt-đà-la nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tưởng?” Phật dạy: “Này thiện nam! Tưởng của không tưởng, gọi là thật tưởng”. “Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tưởng của không tưởng?” Phật dạy: “Này thiện nam! Tất cả các pháp không có tướng tự tướng tha và tướng tự tha, không tướng không nhân, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng vì tự, không tướng vì tha, không tướng vì tự tha, không tướng có, không tướng không, không tướng sinh, không tướng sinh giả, không tướng nhân, không tướng nhân nhân, không tướng quả không tướng quả quả, không tướng đêm ngày, không tướng tối sáng, không tướng thấy, không tướng thấy giả, không tướng nghe, không tướng nghe giả, không tướng hiểu biết, không tướng hiểu biết giả, không tướng Bồ-đề, không tướng đắc Bồ-đề giả, không tướng nghiệp, không tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, không tướng phiền não chủ. Này thiện nam! Các tướng như vậy v.v... tùy nơi diệt xứ, gọi là tưởng chân thật. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy diệt xứ đó, đó gọi là thật tưởng, đó gọi là pháp giới, gọi là trí rốt ráo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Đệ nhất nghĩa không.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 42

Hỏi: Phàm Đại thừa viên đốn thức trí đều mất, cớ sao bèn thuật nhân duyên và luận về nhân quả?

Đáp: Trong kinh nói: "Tin sâu vào Đại thừa chẳng phỉ báng nhân quả". Lại nói: "Vào sâu lý duyên khởi, đoạn các tà kiến". Phàm, yếu chỉ của Duy thức chẳng vượt ngoài nhân quả. Tướng chánh nhân là do thức biến vậy. Các pháp được sinh lấy thức làm nhân, tướng chánh quả là do chủng thức sinh các quả phân biệt và quả phân vị của dị thục v.v... của pháp thể. Do đó, trên đến chư Phật, dưới khắp tất cả chúng sinh đều gồm thâu ở nhân quả, sao được bài bác không đọa lạc các lưới tà? Chỉ vì tất cả ngoại đạo không thấu đạt duyên sinh, chỉ chấp tự nhiên bác bỏ không nhân quả. Hàng Nhị thừa chột mắt chỉ chứng thiên không, diệt trí tàn thân xa lìa nhân quả, thế gian nghiệp buộc không nghe, phàm phu lửa năm dục thiêu đốt chấp trước nhân quả, tất cả đều thành hiểu sai cuồng, chẳng rõ viên thường, đều trái với muôn pháp giới duyên khởi, đều mê mờ yếu chỉ Bát-nhã vô sinh. Nay luận bàn về nhân quả là chỉ lấy thật tướng làm nhân trở lại dùng thật tướng làm quả, chỉ rõ nhất tâm bình đẳng vậy, trọn chẳng làm thấy của trước sau đồng thời, nếu năng tin vào nhất tâm như vậy đều thành viên mãn diệu quả. Như trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: "Ngón tay dài tốt lành, người thấy là vui mừng, không gì chẳng lợi lành". Đây đều là báo của nhất tâm. Lại nói: "Diễn bày quang minh đó, không đâu chẳng chiếu, nhiều nơi an ổn là báo của nhất tâm". Lại nói: "Oai quang cao vợi không thấy tướng đảnh đầu là báo của nhất tâm". Trong kinh Hoa Thủ có kệ tụng nói:

"Các ông quán tâm đó
Niệm niệm thường sinh diệt
Như huyễn không chỗ có
Mà năng được báo lớn."

Lại có kệ tụng nói:

"Tâm đó chẳng ở duyên

Cũng chẳng lìa các duyên
Chẳng phải có và không
Mà năng khởi quả lớn.”

Trong luận Hiển Dương có kệ tụng nói:

“Do quả tâm kia vậy
Sinh rồi tự nhiên diệt
Sau biến khác khá được
Niệm niệm diệt nên biết”.

Luận nói: “Tất cả hành kia là quả tâm, tánh nói mới sinh lìa diệt, nhân duyên tự nhiên diệt hoại, lại đến lúc sau biến khác được, phải biết các hành đều là sát-na diệt, cớ sao phải biết các hành là quả tâm ư? Có bài tụng nói:

“Tâm huân tập tăng trưởng
Định chuyển biến tự tại
Ảnh tượng sinh đạo lý
Và ba thứ Thánh giáo”.

Luận nói: “Do đạo lý và Thánh giáo là tánh quả tâm, đạo lý là các pháp thiện và bất thiện huân tập nơi tâm, do sức của tập khí tăng thượng nên hành được sinh. Lại, thoát định chướng tâm thanh tịnh là tất cả các hành tùy tâm chuyển biến, lại do sức của định tâm tự tại nên tùy chỗ muốn ảnh tượng cảnh giới định tâm mà sinh. Đó gọi là đạo lý, Thánh giáo có ba, nghĩa là ba thứ Thánh ngôn, như trong kinh có kệ tụng nói:

“Tâm cùng dẫn thế gian
Nơi sức tâm phòng hộ
Tùy tâm sinh khởi rồi
Tự tại đều tùy chuyển”.

Lại nói: “Bí-sô nên khéo chuyên tinh như chánh lý quán sát ở tâm”. Cho đến nói rộng. Lại nói: “Bí-sô phải biết nói chúa thành tức là tất cả hữu, thủ, thức uẩn, đó gọi là Thánh giáo”. Vậy biết phước tùy tâm đến, họa theo tâm sinh, như vang theo tiếng, tợ bóng theo hình. Như A-na-luật cúng dường một bữa ăn cam lồ cho Bích-chi-phật mà thường đầy bát không, người vàng dùng hết mà lại sinh. A-na-luật Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Vô Bần. Trong kinh Hiền Ngu nói: “Cuối đời Đức Phật Phất-sa, thời đó đói kém, có Bích-chi-phật Lợi-tra đi khất thực mang bình bái không chẳng được gì, có một người bần khổ thấy mà buồn thương, thưa rằng: “Thắng sĩ! Có thể nhận cơm đấng chăng?” và liền đem vật đang ăn mà dâng cúng. Bích-chi-phật lợi-tra dùng xong

làm mười tám thứ biến hóa. Lại nhổ lúa đắng, có con thỏ nhảy ôm trên vai biến làm người chết, không thể tánh rời. Đợi tối mới trở về nhà, ngã nơi đất liền biến thành người vàng, rút ngón tay để sinh sống, dùng hết lại mọc ra, người xấu ác vua xấu ác muốn đến cướp đoạt đó, chỉ thấy thây chết, mà vàng báu đó trải qua chín mươi kiếp quả báo thường đầy đủ, nên gọi là Vô Bần. Cuộc sống về sau, gia nghiệp giàu có, ngày đêm thêm nhiều. Cha mẹ muốn thử, đậy bình bát không đưa đến nhưng mở xem thì có trăm thứ thức ăn đầy đủ, mà ở nhà ngày ngày thường có một vạn hai ngàn người, sáu ngàn lấy nợ, sáu ngàn lại hầu. Sau khi xuất gia rồi, tùy nơi đến, mọi người thấy đều vui mừng, muốn có những gì cần dùng thì như ở nhà mình không khác". Lại như vua cúng thí Bích-chi-phật một bữa cơm. Sau đó khắp Diêm-phù-đề trong bảy ngày chỉ mưa bảy thứ báu, tất cả mọi người nghèo cùng dứt hẳn, phải biết bảy báu đó chẳng từ xứ khác đến, đều từ trong tâm vua đó cúng dường mà lưu xuất, nhân khởi tự trong tâm, quả chẳng sinh xứ khác, như A-na-luật người vàng tự làm tự nhận. Do đó, phước thì thấy làm vàng báu, người xấu ác thấy là thây chết, nên biết chuyển biến từ tâm, tiền trần chẳng định. Lại như chưa mở bình bát không thì cam lồ vốn không, tùy phước sinh ra trăm thứ mùi vị đầy đủ. Cảnh của thiện ác đều từ tự tâm. Nên trong luận Duy Thức nói: "Cảnh tùy nghiệp thức chuyển, cho nên nói Duy tâm". Cho nên không một pháp nào chẳng quy về Tông Kính. Trên đây là nhân quả thế gian, tiếp đến luận về nhân quả của chư Phật. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Hiển bày Phật quả có ba thứ chẳng đồng: Một là, mất lời dứt hành, riêng rõ pháp thân không làm quả. Hai là, theo hành tích chứa tu, hạnh mãn công thành nhiều kiếp mới thành quả. Ba là, lúc mới phát tâm, quả vị thứ nhất trong Thập trụ thể dụng tùy duyên chỗ thành quả. Trở lại mới đầu ,mất lời dứt hành là nói rõ pháp thân không làm quả tức là các kinh Niết-bàn vô hành v.v... là ẩn thân chẳng hiện muôn sự ngưng nghỉ. Lại nói: La-sát làm Đồng tử Tuyết Sơn nói các hành vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, là quả vô tác, chẳng đầy đủ hạnh vậy. Thứ hai là, theo hành tích lũy tu, hạnh mãn nhiều kiếp mới thành quả, tức là thuyết của trong quyền giáo, theo hành tu thành, ba A-tăng-kỳ kiếp hành mãn mới thành Phật quả. Đây vì chẳng rõ vô minh, mười hai hữu chi vốn là trí tuệ pháp thân, nhàm chán mà dùng Không quán, dẹp trừ phiền não hiện hành, vui thích môn thanh tịnh riêng biệt; Thứ ba là, phàm từ sơ tâm Thập tín mở đầu chứng tùy duyên vận dụng quả thành, tức như kinh Hoa Nghiêm ấy vậy. Thập trụ trọn tâm tức dùng phương tiện Tam-muội, thấu đạt vô

minh mười hai hữu chi thành trí lý đại bi, tức đầy đủ thể dụng của Văn thù Phổ Hiền, pháp môn pháp giới. Lại như hóa Phật chỉ dạy giáo hạnh nhân quả, định trải qua trong ba A-tăng-kỳ kiếp, công đức có được đều là do tu sinh, trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, đốt đèn được ánh sáng, chẳng giết hại được sống lâu. Bố thí được của cải, nhẫn nhục được đoan chánh, mỗi mỗi nhân quả thuộc đối tướng tợ đầy đủ, nhưng đối trị các thứ pháp môn, mới đầu được thấy tánh thành Phật, như kinh Hoa Nghiêm, tức chẳng vậy, một niệm chóng chứng pháp môn pháp giới. Thân tâm tánh tướng vốn chỉ pháp thể, thi vi vận dụng động tĩnh đều là bình đẳng, nhậm trí vô tác tức là Phật vậy. Vì tất cả Phật pháp nên không dài không ngắn như vậy, đầu cuối rốt ráo pháp đều như vậy. Nói nhất chân pháp giới, nhậm pháp thi vi đều là đầy đủ hằng sa đức dụng, tức nhân tức quả. Vì pháp giới Phổ môn lý trí các chướng tự không, không riêng đối trị riêng tu riêng đoạn, chẳng thấy biến hóa, biến và chẳng biến không khác tánh tướng, quán khắp tất cả không gì chẳng là pháp môn, không gì chẳng là giải thoát. Chỉ vì tự tâm cưỡng sinh buộc đắm, vì lắm sự vậy, chìm ngập dòng khổ vậy, nhọc Thánh nói các thứ sai biệt. Với nói sở thuyết lại sinh buộc đắm. Vì nghĩa đó nên Thánh nói chẳng đồng, hoặc tiệm hoặc viên, ứng các căn khí. Như kinh đây bày dạy thừa viên đốn, điểm người đáng kham nhận, giả sử chẳng kham nhận, nên phải vui thích tu, rốt ráo chảy về cuối cùng ở biển đây. Cho nên các giáo khác trước nhân sau quả chẳng đồng giáo đây nhân quả đồng thời. Vì trong biển trí pháp tánh nhân quả chẳng thể được vậy, vì trong chẳng thể được, nhân quả đồng thời không có chướng ngại vậy. Có thể được nhàn quả tức có trước sau, có chỗ được đều là vô thường, chẳng phải thuyết rốt ráo vậy. Nếu trước nhân sau quả, nhân cũng chẳng thành nên quả cũng hoại vậy, pháp duyên sinh chẳng tương tục vậy, tức đoạn diệt vậy, tự tha chẳng thành vậy, như đếm một tiền chẳng đếm tiền sau, không hai sau là một cũng chẳng thành, vì sát-na chẳng tương tục, sát-na nhân quả hoại, nhiều kiếp chẳng tương tục, nhiều kiếp nhân quả hoại, đợi lúc tính tiến sau, một trước mới thành, nhân quả cũng như vậy, cần đợi không gián đoạn trong một thời gian, nhân quả mới thành. Nếu vậy là như tính hai tiền đồng tính không trước không sau, ai làm một hai, như dựng hai ngón tay, ai làm nhân quả, như hai ngón tay đều tùy nơi tâm đếm làm nhân, đếm sau làm quả. Nếu là có trước có sau tức có khoảng giữa, trở lại có sát-na gián đoạn, có gián đoạn là chẳng thành nhân quả. Nếu đồng thời là như dựng hai ngón tay không trước không sau, ai làm nhân quả cũng đều chẳng thành. Như kinh Hoa Nghiêm đây nhân quả

đồng thời là đều không nhân quả trước sau và đồng thời tình lượng buộc đấm như vậy. Vọng tưởng có không đều chẳng đều thường vô thường v.v... buộc đấm nhân quả, chỉ rõ pháp thể chẳng phải chỗ định nghĩa, chẳng phải nhân quả buộc, gọi là nhân quả, chẳng phải chỗ tình lập vọng tưởng đồng thời trước sau vậy. Như vậy có gì khác thuyết tiệm giáo của Lăng-già. Đây thì không như vậy, cho đến trong Lăng-già chỉ luận phá tướng, chỉ cứu hiển bày lý không buộc đấm, nên chẳng luận duyên khởi. Như pháp giới duyên khởi là pháp giới chẳng thành chẳng phá, chỉ rõ biết pháp như vậy. Cho nên trong kinh Lăng-già nói: "Trước bày vật tương tợ, sau phải cùng chân thật". Lại nói: "Được tướng là thức, chẳng được tướng là trí". Như trong kinh đây không có giả pháp, các pháp đều chân, thuần chân không giả, lại không tương tợ, còn chân còn giả. Trong kinh nói: Chúng sinh giới tức là Phật giới vậy, như Văn thù dùng lý hợp hạnh, Phổ Hiền dùng hạnh hợp lý, hai người thể dụng cùng triệt để thành nhất chân pháp giới, trước sau cùng thâu trong mỗi mỗi phẩm, qua lại bao gồm trước sau cùng suốt, văn nghĩa lại thâu, trong một pháp môn đủ nhiều pháp vậy, cho nên trong kinh có kệ tụng nói: "Ở trong nhiều pháp làm một pháp, ở trong một pháp làm nhiều pháp", nhưng tâm đây là đô của pháp giới, không pháp gì chẳng nhiếp, chẳng phải chỉ nhân quả phàm thánh, cho đến thiện ác thuận nghịch đồng quy, nếu mỗi mỗi ngộ là tự tâm, thì sự sự không gì chẳng phải chánh lý. Như trong kinh nói: "Đề-bà-đạt-đa chẳng thể nghĩ bàn, hạnh nghiệp sở tu đều đồng Như Lai. Lục quần Tỳ-kheo chẳng phải tệ ác, pháp sở hành đều đồng hạnh Phật". Người có tu thiện mà chịu quả địa ngục, người làm việc ác mà thọ báo trên trời, nếu chẳng thấu đạt văn đây thì nghịch thuận cách vời, sao có thể tốt xấu đồng hóa, nhưng trong chương đầu đã thuật về chánh tông, như hạng người thượng thượng cơ thì một nghe ngàn ngộ. Đây đều là xưa trước hành tập thấy hiểu sinh biết. Nếu là hạng căn trung hạ, phải nhờ chỉ bày, nhân người khác trợ phát mới ngộ viên thành. Vì nhân duyên đây nhỏ nhiệm nhóm tập, do đó nói: "Nếu có nơi bằng mảy trần chưa rõ, đó đều có vô minh tồn tại, vì nơi chẳng rõ làm chướng ngăn che vậy, huống gì trong căn môn tự thân, trong thường dùng hằng ngày, có vô lượng pháp môn ứng cấp, toàn chưa rõ một, như người mới sinh ra đã mù mỗi ngày ăn cơm trăm mùi vị, tuy là được ăn, thức ăn nào phân rành. Nếu nói không phân, lại mỗi ngày được ăn, nếu nói có phân giả sử hỏi đều chẳng biết, nếu muốn vì người chưa rõ biết cậy nhờ đâu mổ xẻ, chỉ thành tự luống dối, trái lại rơi vào không biết, mắt mình chưa mở, sao trị mắt kẻ khác. Vì vậy,

Đồng tử Thiện Tài mới đầu thấy gặp Văn thù rồi, rõ trí căn bản, vào dòng Thánh trí, sau đó tham khắp các đạo bạn, vì cầu đạo trí sai biệt, tập hành hạnh môn Bồ-tát, gặp Quốc vương Vô Yểm Túc, được pháp môn như huyễn, thấy Bà-la-môn Thắng Nhiệt được vô tận luân giải thoát, còn là mê tông mất yếu chỉ, đối cảnh mênh man, nên biết Phật pháp huyền vi chẳng phải chỗ hàng trí cạn kịp được, huống gì dùng chân loài muỗi kiến mà định đi cùng đáy bể cả, dùng tơ nhện muốn treo núi Diệu cao, càng ôm sắc thẹn, phải tỏ bày sám hối. Do đó, biển Bát-nhã rộng thênh, vào đó mới ngộ không ngằn mé, núi pháp tánh cao, lên đó mới biết chót vót. lại từ đấng Đại Hùng ra đời, các Thánh phát huy xiển dương, đến đầu thời tượng pháp, thì có các Tôn giả Mã Minh, Long Thọ v.v... năm trăm Luận sư hoằng dương rộng chí giáo, đến trong thời tượng pháp, lại có Hộ Pháp, Trần na v.v... mười vị Đại Bồ-tát giải rộng kinh sâu mầu, biện rành tông không hữu, lập lý Duy thức, đều là ngàn Phật trong ngàn kiếp, Năng Nhân trong mười cõi, đồng đáp bản nguyện trong lòng, cùng giúp hóa vô duyên. Cớ sao mang ánh sáng đom đóm mà sánh cùng mặt nhật, bưng trống vải mà đến gần cửa Lôi, chẳng lường nghe ít, lùi thẹn kém hiểu. Vết chân trâu há đem biển lớn sánh đồng lượng, cỏ mục thúi sao tốt tươi đồng ví cây xuân linh. Nay trì luận đây vì người vui thích Đại thừa, thâm tâm thành pháp khí. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Phật dạy: Nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ cầu lợi ích lớn, tin giáo của ta, sau đời nhơ trược, thời rất che khuất, người lành khó gặp được, khi ấy nghe pháp sâu mầu v.v... như vậy rồi, nên vì người như lý mà nói, không vì người chẳng như lý, vì người tin mà nói, không vì người chẳng tin”. Nay ta cũng vì người như lý nói chẳng phải người chẳng như lý, vì người tin nói, chẳng phải người chẳng tin. Lại nữa, người biết người mến thì quý như trân châu, người không biết không mến thì xem rẻ đồng đất bùn, ngưỡng mong những bậc sĩ tham huyền nguyện bẩm nhận lời Phật giao phó suy xét, những bậc hiền mộ đạo đồng tuân theo ý Tổ.

Hỏi: Nương tựa tông nêu trên rất hòa hợp chánh phái, sao dụng lại dẫn lời lẽ giãi thích mở rộng các đạo?

Đáp: Tổ sư Mã Minh tuy nêu một pháp Duy tâm, mở ra hai môn chân như sinh diệt, Đạt-ma chỉ thẳng nhất tâm, dựng lập bốn hạnh tùy duyên vô ngại. Rõ ràng, phàm đại tông vốn không khác, nhân người mà được tên xưng, nên nói Tổ sư đốn ngộ vào ngay, gọi là Thiền tông, chư Phật quả tức căn bản, gọi là Phật tánh. Nguồn gốc muôn hạnh của Bồ tát, gọi là tâm địa, nơi khởi luân hồi của chúng sinh gọi là thức tạng,

muôn pháp nương tựa gọi là pháp tánh, năng sinh Bát-nhã gọi là biển trí, không thể định một chấp nhiều, sinh các tình kiến. Vì vậy, trong kinh Kim Quang Minh nói: “Pháp tánh sâu mầu vô lượng”. Vô lượng là chẳng phải ràng buộc có một pháp, gọi là vô lượng. Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả xứ, tất cả các pháp đều là Phật pháp, sâu mầu (thậm thâm) cũng chẳng phải riêng có một pháp gọi là sâu mầu, tức sự mà chân, không gì chẳng phải là thật tướng, có thể gọi là nhiều của trong một, phải còn mà chánh hết, một của trong nhiều, ở cuộn mà cũng buông. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát Ma-ha-tát biết ba cõi duy tâm, ba đời duy tâm, mà rõ biết tâm đó vô lượng vô biên, đó là Vô đẳng trú”. Lại nữa, các bậc Tiên đức nói: “Nói tuy chẳng thể nói, nhưng chẳng phải nói không để truyền”. Vì vậy, Thánh nhân trọn ngày nói mà chưa từng nói vậy. Vì trọn ngày nói nên chẳng tuyệt tâm bọt nước hòa, mà chưa từng nói nên chẳng mất tánh Bát-nhã, vì bọt nước hòa nên chẳng trái với môn đại hóa, vì Bát-nhã nên chẳng thấy dấu vết của ngôn tượng. Lại, trong kinh nói: “Chư Phật thường nương hai đế mà nói pháp. Nếu chẳng được Thế đế, chẳng được Đệ nhất nghĩa, vì rõ tục không tánh tức là môn chân”. Sao là theo vật tùy tình sinh nhiều Dị kiến, hạn cục xa gần của phương góc, định cạn sâu của khí lượng, như sâu ngoài tìm cành đặt chân trước mà tiến chân sau, tợ vượn si được cây buông cành cao mà chạm cành thấp. Nếu năng bỏ đồ vật quán không, tự mất vuông tròn ngắn dài, biết tâm là cảnh, đâu có cao thấp phải quấy. Vả lại, như trong Thế đế có tám vạn bốn ngàn trần lao phiền não, ở trong các phàm phu vọng tưởng, chỉ một pháp sinh tử rất lớn, vì có sinh tử, tâm cảnh đều sinh, nếu không sinh tử, nhân pháp đều lắng. Nên biết rõ còn ngày nay chẳng thể nhân theo, phàm nghiệp buộc bốn loài, thân ở chín cõi. Được thên người là như mảy trần trên móng tay, mất thân người như đất của đại địa, ở ba đường xấu ác mà trọn vùi chôn kiếp số như bụi trần, ở đời bốn không mà thường mất thiền chi, giả sử tạm sinh trong loài người ngàn ban chướng nạn, hoặc căn cơ ám độn mà khó tỉnh, hoặc căn lợi mà tin tà, hoặc thân khí chẳng vẹn toàn, hoặc ngăn chướng đều nặng, đều chẳng thể hóa, không do chứng chân. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Phải biết thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, thời gian tốt lành dễ qua, một khi sa đọa vào các nạn, trọn chẳng thể trị. Nếu đọa vào địa ngục thiêu đốt cắt mổ, sao có thể giáo hóa, nếu đọa vào súc sinh cùng giết hại nhau, cũng chẳng thể hóa, nếu đọa vào ngạ quỉ đói khát nhiệt não cũng chẳng thể hóa, nếu sinh ở cõi trường thọ, qua ngàn vạn Đức Phật nhưng vì đắm trước vị thiền định nên đều chẳng hay biết. Như sinh

ở biên địa ở nước An Tức đều là thân người mà ngu si không thể giáo hóa, tuy sinh tại Trung Quốc mà hoặc sáu tình chẳng đủ, hoặc bốn chi chẳng vẹn toàn, hoặc mù điếc câm ngọng, hoặc chẳng biết nghĩa lý. Hoặc lúc sáu tình đầy đủ sáu căn thông lợi mà đắm chấp tà kiến sâu nặng nói không tội phước. Chẳng thể giáo hóa, nên vì nói thời gian tốt lành dễ qua sa đọa trong các nạn, giả sử không các nạn, mà phiền não nghiệp sâu, vẫn là bị lửa tám khổ thiêu đốt năm trược khiến loạn. Phàm nói khổ là vô lượng, hoặc ba khổ năm khổ tám khổ. Cho đến trong Du-già nói có một trăm mười khổ và khổ của tám muôn bốn ngàn trần lao đều chẳng vượt ngoài khổ lưu chuyển và hành khổ v.v... mà phàm phu cam chịu ở chẳng từng hay biết. Như trong luận Câu-xá có kệ tụng nói: "Như dùng một lông my, đặt tay người chẳng biết, nếu đặt trên tròng mắt, bị khổ rất chẳng an. Phàm phu như bàn tay, chẳng biết lông hành khổ, người trí như trong mắt, lông rất sinh nhàm sợ". Nên biết khổ của sinh lão bệnh tử ai hay miễn khỏi ư? Bốn núi thường lại cắt người, như các bậc Tiên đức nói: "Nên bậc Hiền và kẻ ngu, giàu mành và gầy yếu, đều bị bốn chuyển dời, không một thoát khỏi. Phạm thiên Đế thích, bần cùng hạ tiện, Nghiêu Thuấn Kiệt Trụ, ba hoàng bốn hung, đều kết quy tàn diệt, đều bị khổ nương tựa. Phàm, tám khổ là: Sinh khổ thì là nhân của các khổ tích tụ, gốc của sáu thú thọ thân, như quả của ăn phẩn dơ như ăn rễ cây độc, lấy cam lồ mà rơi lọt hầm hố, mua thức ăn tuyệt hảo mà đến chết, công đức tối mịt, hai nữ cùng theo, người có trí và chủ nhân cả hai đều chẳng nhận. Trong luận Đối Pháp nói: "Sinh khổ là nơi các khổ nương tựa, các khổ bức bách, chín tháng mười tháng ở nơi thai tạng như tại trong hầm phẩn dơ, lâu dài chịu các thứ khổ nóng lạnh v.v... giữa khoảng sinh tạng thục tạng như hai núi ép lại, lúc đến cửa sinh thì khổ đó khó kham, chợt ra bị gió táp, như dao cắt kim châm. Bất chợt mất tiếng, bỏ quên trước đó có các sự nghiệp, gọi là sinh khổ. Lão khổ là thời phần biến đổi khác nên khổ, thân phần trầm trọng các căn chín muồi, da dẻ nhăn nheo, đi bước gù cong, ngủ nghỉ chẳng an, dậy ngồi rên rỉ. Suyển thở ngột ngạt, bị lan tràn rộng, bị người khi thường. Tình đời càng dốc, việc đời đều dứt, gọi là lão khổ. Lại nữa, già lão là quên như trẻ thơ, cuồng như quỷ đấm, vì chất thể mong manh suy nhiệt, đang lúc dễ phá thối hoại, mặt nhật xế bóng về tây, hoa héo tàn muốn rụng, như cặn đục của cam-già, không ba thứ mùi vị của xuất gia thiền tụng, kiếp dõng lực mà toàn nhân giặc lão, vạch tráng sắc mà sắp giao vua chết, như sen gặp bảo mà suy tàn, tợ xe gảy trục mà vô dụng, như sông khô thiếu nước chẳng lợi cho người, như đèn tàn không dầu thế sao

được lâu! Bịnh khổ là bốn đại biến đổi trái nghịch nên khổ, trăm tiết đau đớn, bốn chi khổ sở, năng hoại tất cả sự vui an ổn. Do đó trong kinh nói: "Như người trẻ đẹp, Vương phi trộm yêu, đưa thư tư thông, vua bèn bắt được, móc tròng mắt đó, lóc tai mũi đó, cắt tay chân đó, hình dung chóng đổi khác, làm người xấu hèn, bệnh khổ bức bách, vì vậy khó kham, bị người ghét bỏ cũng lại như vậy, vì khổ não là gốc của ưu sầu, làm nguyên do khiếp sợ chết mất, như mưa bảo phá hoại lúa mạ, tợ kẻ oán ép bức, cướp đoạt chánh mạng, hủy diệt dung mạo trẻ mạnh, giảm phước lực mà lùi Đại Bồ-đề, thêm buông lung mà mất gốc chân thiện, đó gọi là bệnh khổ. Chết khổ là thọ mạng biến hoại nên khổ, gió dao mổ cắt chi tiết, không nơi nào chẳng thống khổ, há miệng than dứt, tay chân rối loạn, trợn mắt trào bọt, mò mẫm hư không, mồ hôi tuôn đổ, mũi dãi lênh láng. Xưa tuy mượn dùng tắm gội đều kết quy về bất tịnh, xưa tuy mượn dùng bôi thoa, đều kết quy về hôi hám, thời xưa Vương vị của báu chứa đầy, thân tộc vợ thiếp muôn ức, đến lúc chóng bỏ, riêng một mình đi đến đời sau, không một ai theo, nằm trên giường gối, giăng thây ngửa nghiêng, cha mẹ vợ con đấm ngực kêu gào, mọi người khóc thương bức tóc gõ đầu, tuy sống buồn thương mến ngưỡng, chết đến đau khổ trọn phần, hoặc chôn cất lăng mộ thịt tiêu cốt rả, hoặc có bày thây để thí thân thịt, cầm thú kiến trùng đua nhau rúc rỉa, hoặc dùng lửa đốt khói hôi phừng phực, bốn phía bít đầy mọi người thương than, buồn đau tuyệt tiếng, đều về quê cũ, chỉ còn lại tro phân riêng theo gió đất, bình sinh ý khí chạm phải quá mây, một mai từ biệt khốn khổ đượm trăng sương. Vậy biết nơi lộc mạng hết, lúc của gần chết như kiếp gió thổi tan, tợ dòng thác trút đổ, qua không nơi ngăn đến chẳng thể thoát, hướng tới nơi sâu xa cảnh khiếp sợ thường kinh, ở trong tăm tối hồn lẻ riêng đi, tôi oán luôn gặp từng chẳng hay biết, vua chết ép bức không thể thoát khỏi. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phàm, kẻ chết ở nơi hiểm nạn không có hành lý , cách xứ xa vời mà không bè bạn, ngày đêm thường đi chẳng biết ngằn mé, sâu xa tăm tối không có đuốc đèn, vào nhà không cửa mà có xứ sở, tuy không nơi đau mà chẳng thể trị liệu, đi không ngăn ngừng đến chẳng được thoát, không nơi phá hoại thấy các sầu độc, chẳng phải sắc xấu ác mà khiến người sợ, bày ở bên thân mà chẳng thể hay biết".

Giải thích: Ở nơi hiểm nạn là hai mươi lăm hữu, đời của khiếp sợ, không có tư lương là không thiện pháp để tự nhờ, cách xứ xa vời là sinh tử không cùng vậy và không bè bạn là hồn linh tự đi. Đêm ngày thường đi chẳng biết ngằn mé là tùy theo nghiệp trôi dạt xoay quanh

không bờ mé. Sâu xa tăm tối không có đuốc đèn là chết tức tướng sau cùng vừa vào phần chết, mờ tối khó ra đêm dài sinh tử, nên gọi là sâu xa (thâm thúy). Chết rồi phần nhiều vào ba đường xấu ác nơi rất tối tăm nên nói là không có đèn đuốc. Vào nhà không cửa mà có xứ sở là, chết vào trong thân chẳng nhân nhà cửa, tức thân bày chết, gọi là có xứ sở. Tuy không nơi đau là lúc sắp chết tuy có năm căn mà không có tri giác. Chẳng thể trị liệu là quả báo hết hẳn chết, thầy thuốc ở đời bó tay vậy. Đi không ngăn ngừng đến chẳng được thoát, nghĩa là lúc nghiệp tận báo hết đến tức hẳn đổi thay, nghiệp tự mình ép thúc, không người nào trói buộc, không nơi phá hoại thấy các sầu độc là báo sắc tuy diệt mà da thể chẳng hủy, mà thấy buồn đau không gì chẳng sầu độc. Chẳng phải sắc xấu ác mà khiến người sợ là không tướng mạo người khủng bố, mà người thấy kinh sợ, bày ở bên thân mà chẳng hay biết. Đây nói rõ bên cạnh thân sau cùng, nhưng chẳng thể biết thời tiết của chết. Lại, các thức mờ tối sáu phủ trống không, hơi thở thưa dần lắng tâm hồn sầu rượi. Trong kinh Vô Thường có kệ tụng nói:

"Mạng căn khí muốn hết
Chi tiết đều chia lìa
Các khổ là chết cùng
Khi ấy nhọc tham hận
Hai mắt đều ngước lên
Dao chết theo nghiệp xuống
Ý tưởng đều hoảng hốt,
Không thể cùng cứu giúp."

Do đó, các bậc Tiên đức nói: "Thân người vô thường, một hơi thở chẳng theo được là ngàn năm đi mãi, đường sâu xa thẳm, không có tư lương. Biển khổ sâu vời, thuyền bè sao ngừng nghỉ, Thánh Hiền trách bỏ không chỗ cậy nương. Việc mùa màng bỏ, gió daó chẳng xa, đâu thể an nhiên ngồi đợi đau ê. Thí như chó sói mất tai đuôi răng, giả ngủ mong thoát, chợt nghe chém đầu, tâm rất kinh sợ, gặp sinh lão bệnh còn chẳng làm gấp. Việc chết không xa nào được chẳng sợ, lúc tâm sợ nổi như dập lửa sôi, sáu trần năm dục chẳng rảnh tham đắm. Như vua Đại Đế em vua A-thâu-kha nghe Chiên-đà-la mỗi sáng mai chống linh kêu, một ngày đã hết, sáu ngày nữa sẽ chết, tuy năm dục đủ đầy mà không một niệm hưởng thọ. Hành giả khiếp sợ khổ đến sám hối, chẳng tiếc thân mạng như chó sói quyết chết, không chỗ nghĩ nhớ như vua sợ kia. Vậy biết nhân của muôn học, gốc của các khổ đều từ một niệm kết cấu mà sinh, nên phải kín giữ căn môn, thường phòng đất ý, chớ khiến

vọng khởi tạm theo tiền trần. Như trong kinh Phật sắp nhập Niết-bàn lược dạy giáo giới nói: “Năm căn đây do tầm làm chủ, cho nên các ông phải khéo nhiếp chế tâm. Tâm rất đáng sợ quá hơn rắn độc thú dữ giặc oán, vượt khỏi lửa lớn cũng chưa đủ để thí dụ vậy, chuyển động lay lắc, chỉ trông nhìn bát mật chẳng thấy hố sâu, thí như voi điên không móc sắt, khỉ vượn được cây lớn nhảy nhót đùa cợt khó thể cấm chế, phải gấp dẹp đó chớ khiến buông lung, buông thả tâm đây là mất việc thiện của người, buộc lại một nơi, thì không việc gì chẳng xong. Cho nên Tỳ-kheo phải tinh tấn chuyên cần bẻ dẹp tâm các ông”. Nên biết sinh tử khó ra khỏi cần phải đau đáu cẩn trọng. Vả lại như hàng Thánh nhân Nhị thừa và các Bồ-tát tự tại đều ra ngoài ba cõi, còn có bốn thứ sinh của thân biến dịch, huống gì ở trong ba cõi, phiền não hiện hành, phàm phu nghiệp buộc phần đoạn sinh tử ư? Bốn thứ sinh tử thì là tất cả A-la-hán, Bích-chi-phật, đại địa Bồ-tát, do bốn thứ chướng mà chẳng được bốn đức của Như Lai: Một là, phương tiện sinh tử, hai là,nhân duyên sinh tử, ba là,có có sinh tử, bốn là, không có sinh tử? Trong kinh Vô Thượng Y nói: “Phật bảo: A-nan! Ở trong ba cõi có bốn thứ nạn: Một là, nạn phiền não, hai là, nạn nghiệp, ba là, nạn sanh báo, bốn là, nạn lổi lầm. Vô minh trú địa khởi nên phương tiện sinh tử, như nạn phiền não trong ba cõi. Vô minh trú địa khởi nên nhân duyên sinh tử như nạn nghiệp trong ba cõi. Vô minh trú địa khởi nên có có sinh tử như nạn sinh báo trong ba cõi, vô minh trú địa khởi nên không có sinh tử như nạn lỗi lầm trong ba cõi. A-nan! Phải biết như vậy. A-nan! Bốn thứ sinh tử chưa trừ diệt nên ba thứ ý sinh thân, không có quả thường, lạc, ngã, tịnh Ba-la-mật. Chỉ pháp thân Phật là thường là lạc là ngã là tịnh Ba-la-mật. Các ông phải biết như vậy”. Khổ về thương yêu xa lìa. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: nói: “Nhân ái mà sinh lo buồn, nhân ái mà sinh khiếp sợ. Nếu xa lìa ái thì có gì phải lo phải sợ”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Nguyên nhân của các khổ, tham dục là gốc”. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Từ si có ái thì ngã bệnh sinh”, khổ về oán ghét mà gặp gỡ. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Quán xét tất cả chúng sinh trong năm đạo đều là khổ lớn bởi oán ghét gặp gỡ. Nếu chưa rõ vô sinh, ở nơi sinh ra, không gì chẳng là oán, không gì chẳng là khổ. Tại sao? Bởi cảnh trói buộc chẳng được tự tại. Khổ về mong cầu không được, gồm có hai thứ: Một là, nơi hy vọng mong cầu mà chẳng thể được. Hai là, làm lụng nhiều công sức mà chẳng được quả báo, khổ về năm ấm hưng thạnh:, khổ sinh, khổ lão, khổ bệnh, khổ chết, khổ yêu thương mà xa lìa, khổ oán ghét gặp gỡ, khổ mong cầu chẳng được, cho nên gọi là khổ năm ấm hưng thạnh. Vì chấp

ấm là có, làm ấm che chụp bèn thành ấm ma, nhóm tập các khổ. Năm trược là: Một là, kiếp trược là bốn trược tăng quá tụ tập ở thời nay, sân giận tăng quá đao binh nổi dậy, tham dục tăng quá, đói khát nổi dậy, ngu si tăng quá, bệnh dịch nổi dậy. Ba tai nổi dậy nên phiền não gấp bội lớn mạnh, các kiến chấp chuyển thành phừng phực, sắc tâm thô tệ, tên xấu xưng dơ, dẹp giảm tuổi thọ, các trược đua nhau đến, như nước tràn tối, gió sóng nổi dữ, cá rồng quấy nhiễu, không một cậy nhờ, thời khiến như vậy. Như ở kiếp sơ, trời Quang Âm rơi đọa xuống đất, đất khiến có dục. Như trời Đao-lợi vào vườn thô rít, vườn sinh tâm đấu kiện, đó gọi là tướng kiếp trược. Phiền não trược là biển tham nhận nạp các dòng chưa từng no đủ. Rồng sân hớp độc đốt các thế gian, si ám ngu dối quá hơn sơn đen. Mạn cao coi thường lấn lướt chợt vô độ, lưới nghi không tin, không thể nói thật là tướng phiền não trược. Kiến trược là: Không nhân cho là có nhân, có đạo cho là không đạo, mười sáu thứ thấy biết, sáu mươi hai thứ kiến chấp v.v... giống như lưới võng, lại tợ như rừng rậm trói buộc quanh co chẳng thể ra được, là tướng kiến trược. Chúng sinh trược là quậy nơi sắc tâm lập một chủ tể, thí như keo nhựa không vật gì chẳng dính, trôi dạt trong sáu đường xứ xứ thọ sinh. Như bần như lún nói là lớn là giàu, là tướng chúng sinh trược, mạng trược là sáng sinh tối chết, ngày ra đêm mất, sóng chuyển khói xoay, nháy mắt dứt chẳng trú, là tướng mạng trược. Ở thời loạn trược này, ngăn chướng tăng lắm cảnh vút bay thức đốt cháy thiêu hết căn lành, nghiệp động gió tâm thổi tàn Bạch pháp, đắm sân quỷ thú ly my, đọa si trong lưới La-sát, làm móc buộc lại của vua tham ái, bị sai sử của chúa ma oán, ai có thể chóng tỉnh xét bắt chước viên tu đây? Đã được sinh tại nơi trung tâm lại khó gặp đời có Phật, nay phải mừng may được gặp Di văn, huống gì qua lại trong Tông Kính. Trước sau không gì chẳng phải chân thật. Lời lời có thể dùng để ngộ đạo, chữ chữ chỉ để nêu tông. Nay phải sớm tối quên nhọc, đau đáu nghiên cứu, chợt theo nghe mà tỉnh ngộ chân tâm ta, chóng làm người đắc đạo, mãi tiếp nối hạt giống Bồ-đề, nếu chưa thấy đạo, mỗi niệm duyên sai, một khi mất thân người muôn kiếp khó được lại. Do đó, trong Cổ giáo nói: "Một hơi thở có bốn trăm lần sinh diệt, tánh mạng chỉ ở khoảng hơi thở vào ra, nếu người chưa đắc đạo chỉ có sinh tử luân hồi, mạng như treo sợi tơ, nếu được sớm nghe đạo tối chết cũng cam. Nên trong kinh Đề Vị nói: "Như có một người tại trên núi Tu-di dùng sợi tợ mà xuống, một người khác đứng dưới dùng kim nhọn để đón, khoảng giữa có gió xoáy dữ mạnh thổi sợi tơ khó vào lỗ kim, thân người khó được còn hơn như vậy". Lại, trong kinh Bồ-tát Xử

Thai có kệ tụng nói:

"Rùa mù nổi bộng cây
Luôn còn có thể gặp
Người khi mất mạng căn
Ức kiếp khó được lại
Nước biển sâu rộng lớn
Ba trăm ba mươi sáu
Một kim ném đáy biển
Tìm lại còn thể được".

Lại có kệ tụng nói:

"Ta từ vô số kiếp
Qua lại đường sinh tử
Bỏ thân lại thọ thân
Chẳng lìa pháp bào thai
Tính nơi ta trải qua
Nhớ một chẳng nhớ khác
Thuần làm thân chó trắng
Chứa xương ức Tu-di
Dùng kim nhọn châm đất
Đều gặp đụng thân ta
Huống gì chó sắc tạp
Số đó chẳng thể lường
Nên ta nhiếp tâm đó
Chẳng tham đắm buông lung".

Cúi nghĩ từ khi tổ giáo ở phương Tây truyền đến, các bậc Hiền thánh rảo khắp, đều vì làm rõ tâm, quyết chọn sinh tử. Nơi sinh tử khởi, chẳng vượt ngoài căn trần. Nhân bất giác mà vọng niệm chợt sinh, mê pháp giới mà cảnh huyễn ngầm hiện. Từ đó, chấp nhân chấp pháp lập tự lập tha, tùy theo đối đãi mà nghịch thuận kéo tình, bèn phân biệt mà ghét thương buộc niệm, bèn mới linh đinh năm thú lăn lóc bốn loài, nay muốn trở lại tìm nguồn vọng phải biết rõ nói khởi. Nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Như ông nói thật sự ái lạc nhân ở tâm mắt, nếu chẳng biết rõ tâm mắt ở đâu thì không thể dẹp phục được trần lao. Thí như Quốc vương bị giặc xâm lăng, muốn dấy binh lính đánh trừ. Binh lính đó cốt yếu là phải biết nơi giặc ở. Nếu ông lưu chuyển lỗi bởi tâm mắt, nên biết tâm là nguồn của các vọng, nhân mê tự tâm mà làm trần bên ngoài, vì chấp vọng thức mà làm ngã ở trong, do Ngã mà cưỡng làm chủ tể, từ tưởng mà dựng lập tự tha, ôm huyễn cậy hư bèn

thành điên đảo. Pháp điên đảo, sơ lược nói có ba thứ: Một là, tâm điên đảo, hai là, thấy điên đảo, ba là, tưởng điên đảo. Tâm như chủ nhân dừng giặc, thấy là thân giặc, tưởng là chân giặc, căn trần là môi giới giặc, trong ngoài tạo dựng liền hết cướp của báu nhà, do đó thấy cướp nhãn căn, khéo nghe cướp nhĩ căn, khéo ngửi cướp tỷ căn, khéo nếm vị cướp thiệt căn, khéo xúc chạm cướp thân căn, khéo pháp cướp ý căn, khéo pháp tài dốc hết, kho trí trống không, như kẻ oán dối làm người thân có ai biết được. Như nếu biết giặc thì giặc không thể bàn. Nếu rõ cảnh biết tâm thì trọn không bị trần bên ngoài xâm phạm, kết bên trong thắt buộc. Vả lại, như tám pháp tâm vương cho đến sáu thứ vô vi, bao gồm cốt yếu có một trăm pháp môn đều là thường dùng hằng ngày của chúng sinh, không một lúc nào mà chẳng đủ, không một niệm nào mà chẳng sinh. Lấy đó mà so lường nên chẳng phải việc nhàn. Nếu chẳng thể sâu sắc cứu vớt sinh tử cấp nạn khổ ách, thì Thánh hiền xưa trước dối phiền tạo nên. Vì có lợi ích sâu mới có hành xử. Thánh chẳng dối phàm, chân sao hoặc ngụy. Nay ghi lục đây lược chứng tông này, tìm muôn trượng mà chưa được mảy may, chỉ trăm phần mà mới nói một hai, xin chẳng nhàm chán đắm nhiều. Dốc chí tử tế vạch tìm, xem đó như lên núi cao, tin đó tợ vào kho biển. Lại, đây tuy gá mượn văn ngôn, mỗi mỗi chỉ bày chân thật đó, chẳng thể tùy theo lời nói mà sinh đắm trước mê mờ chánh tông ta. Như trong kinh nói: "Xe đao cắt đầu người Diêm-phù, lỗi lầm đó còn ít, có tâm chứng đắc nói pháp Đại thừa, tội đó hơn kia". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Chấp có và không tranh cãi, cho đến chẳng phải có chẳng phải không cùng có không tranh cãi, như da trâu lông rồng đều chẳng khỏi loạn", trong luận Trung Quán nói: "Chư Phật nói pháp không, vốn vì chuyển hóa hữu. Nếu hữu đắm ở không, chư Phật chẳng chuyển hóa". Nếu quyết định nói các pháp chẳng phải có chẳng phải không thì đó gọi là ngu si luận, nếu mất ý Tứ tất-đàn, tự thực hành và chỉ bảo kẻ khác, đều gọi là đắm pháp. Nếu được ý Tứ tất-đàn, tự tha đều không đắm trước vậy. Lại như luận nói: "Trong Phật pháp chẳng đắm có chẳng đắm không, có không cũng chẳng đắm, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không cũng chẳng đắm, chẳng đắm cũng chẳng đắm. Như vậy thì chẳng bị nạn. Thí như dùng da chém chặt hư không, trọn chẳng thương tổn". Vì chúng sinh nên tùy duyên nói pháp, tự không chỗ đắm, nên trong lời tựa luận Bát-nhã Đăng nói: "Quán rõ Trung đạo, mà còn trung, mất quán, Không hiển bày đệ nhất mà được Nhất thừa không, nhưng mà xe của Ty Nam vốn chỉ bày mê, gương soi mặt vì xét người

tà, không tà thì gương không chỗ trí, không mê thì xe không chỗ dùng. Luận đây phá bày do đó ấy vậy. Nếu là như vậy thì sao dung chấp giáo tùy chỗ chuyển của ngôn ngữ ư?" Cho nên nếu chưa gặp Tông Kính biên ghi rộng chánh ý vi tế của Phật tổ, bên trong được thấy tánh, mà chỉ nghe nhiều học bên ngoài thì thân tuy có xuất gia mà tâm chẳng vào đạo. Nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: "Tỳ-kheo các ông thân tuy được mặcy ca -sa nhuộm, nhưng tâm còn chưa được nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Tỳ-kheo các ông tuy hành khất thực trải qua nhiều nơi chốn nhưng mới đầu chưa từng khất thực pháp Đại thừa". Nên nói tuy có thông của Thắng Ý, biện của Thiện Tinh, nếu chẳng biết lý thật tướng thì chẳng khỏi đắm hồn trong hoạn rạn nứt đất. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Như Tỳ-kheo Vô Văn ở thiền thứ tư vọng nói chứng Thánh, phước báo cõi trời đã hết, tướng suy hiện ra, phỉ báng thân A-la-hán gặp phải hậu hữu nên đọa ngục A-tỳ". Lại nói: "Thiện Tinh vọng nói tất cả pháp không, thân đang còn sống mà bị vùi lấp vào địa ngục A-tỳ". Nên biết, nếu không vào Tông Kính, trước ngộ thật tướng chân tâm, giả sử lắm nhiều Đại biện thần thông, nhiều kiếp thiền tụng, trọn chẳng khỏi lỗi lầm ấy. Nếu thấu đạt yếu chỉ đây, phàm có hành vi , giở chân đặt chân tự nhiên chẳng lìa đạo Niết-bàn nhất tâm. Như trong kinh Nguyệt Thượng Nữ nói: Xá-lợi-phất bảo Nguyệt Thượng Nữ rằng: "Nay ngươi muốn đi đâu?" Nguyệt Thượng Nữ đáp: "Ông hỏi nay muốn hướng đến nơi nào đi thì tôi nay cũng như Xá-lợi-phất đi, mà đi như vậy đi". Xá-lợi-phất bảo Nguyệt Thượng Nữ rằng: "Nay ta muốn vào thành Tỳ-xá-ly, nay ngươi muốn đi đến đó chăng? Cớ sao bảo là nay tôi là như Xá-lợi-phất đi, làm như vậy đi?" Khi ấy Nguyệt Thượng Nữ lại nói cùng Xá-lợi-phất rằng: "Nhưng Xá-lợi-phất! giở chân đặt chân nương tựa nơi nào?" Xá-lợi-phất bảo: "Ta giở chân đặt chân đều nương tựa hư không". Nguyệt Thượng Nữ nói: "Tôi cũng như vậy, giở chân đặt chân đều nương tựa hư không mà hư không giới chẳng mà đi phần biệt, cho nên tôi nói cũng như Xá-lợi-phất đi, làm như vậy đi". Nguyệt Thượng Nữ lại nói: "Xá-lợi-phất! Việc ấy tạm vậy, nay Xá-lợi-phất hành hạnh gì?" Xá-lợi-phất đáp: "Ta hướng Niết-bàn mà hành như vậy". Nguyệt Thượng Nữ nói: "Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp há chẳng hướng Niết-bàn hạnh vậy? Nay tôi cũng hướng mà hành vậy". Xá-lợi-phất hỏi Nguyệt Thượng Nữ: "Nếu tất cả pháp hướng Niết-bàn là nay ngươi sao chẳng diệt độ?" Nguyệt Thượng Nữ đáp: "Xá-lợi-phất! Nếu hướng Niết-bàn tức chẳng diệt độ. Tại sao? Hạnh Niết-bàn đó chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thể được thấy, thể không phân biệt, là

không thể diệt độ”. Giải thích: Hạnh Niết-bàn đó chẳng sinh chẳng diệt tức là nghĩa của tự tâm vô sinh, giả sử ngàn đường ra vào, nhưng chẳng lìa môn Niết-bàn. Nhậm muôn pháp ngang dọc đâu vượt khỏi đạo vô sinh. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

“Phật tử trụ địa này
Tức là Phật thọ dụng
Thường ở tại trong đó
Kinh hành và ngồi nằm”.

Như điều thuật trên tợ như trái nghịch, chánh ý của bản đều là tâm kích phát, giống như lửa trong đá, nếu không người đánh gõ, ngàn năm muôn năm chỉ thành ngoan thạch trọn chẳng thành lửa dùng. Như trong Khổng tử Gia Ngữ nói: “Khổng tử nói: “Thuốc tốt đắng miệng, mà lợi ở bệnh, nói ngay thẳng thì trái nghịch tai mà lợi ở hành (làm)”. Thang Võ dùng ngay thẳng mà xưng thạnh, Kiệt, Trụ dùng dạ dạ mà mất. Vua không ngăn tôi, cha không ngăn con, anh không ngăn em, kẻ sĩ không ngăn bạn, không lỗi ấy thì điều đó chưa từng có, nên nói: “Vua mất đó mà tôi được đó, cha mất đó mà con được đó, anh mất đó mà em được đó, mình mất đó mà bạn được đó. Cho nên nước nhà không điềm nguy mất, gia đình không xấu ác bội nghịch, cha con anh em không mất mà bè bạn không tuyệt vậy”. Nay trong Tông Kính tuy dẫn rộng lời thiết tha mà đều vì hàng hậu học thành tựu pháp, đều khiến chừa ác theo thiện kính mộ đạo tiến tu. Khiến pháp luật nước nhà không bề tôi trái đạo, khiến trong nhà Đại thừa tuyệt dứt con tà kiến. Vì vậy, Bồ-tát tuy năng tự lợi, lại là chê trách kẻ khác, thường vì chúng sinh mà làm bạn chẳng thỉnh mời. Nên trong kinh Thắng Man nói: “Vì gồm nhận chiết phục nên khiến Phật pháp trú lâu nơi đời”. Do đó, Quy Sơn có văn cảnh sách, không gì chẳng khổ (đắng) miệng, Tịnh Danh ra sức chê trách, đều phá chấp tâm, như trong Phật pháp có ngăn cãi bạn thì đạo bạn học Bát-nhã gìn giữ không lỗi lầm, nên trong kinh thư nói: “Nói ta xấu là Thầy ta, nói ta tốt là giặc ta”. Lại nói: “Trong ba người đồng đi hẳn có bậc thầy của ta vậy”. Huống gì trong Phật pháp học nhân tốt xuất thế, sao chẳng nương thầy giỏi ư? Nay ở trong môn sơ có trợ đạo, văn Tông Kính đây rất giúp sức quán, hiện chứng ngay lời nói, tu tuệ chóng thành. Như nói: “ lời đạo ngày một bớt, vì học ngày một thêm”. Bớt là bớt ở tình dục, thêm là thêm ở thấy biết, chẳng đồng các sư ngoại đạo và người học lời Đại thừa nói. Miệng tuy nói không, mà chẳng tổn bớt phiền não. Đây chẳng phải khéo đạt chánh pháp, mà đều là ác thủ tà không, chỉ hạng pháp khí viên cơ mới có thể tin nhận, kham than người

tà kiến dơ nặng, nghe cũng chẳng tin. Như trong Sớ nói: "Trải qua ngàn Đức Phật mà chẳng sợ, đốt vạn ngọn đèn mà chẳng sáng". Giải thích: trong Mười phương vô lượng thế giới chúng sinh,Phật hướng về trong thân mà xuất gia thành đạo giảng pháp độ sinh, chúng sinh đều chẳng hay biết, đều do vô minh mê tánh bản giác, chẳng biết xuất hiện trong Như Lai tạng. Như Lai tạng tức là thức thứ tám của chúng sinh. Nên nói trải qua ngàn Đức Phật mà chẳng sợ vì không biết tức tâm là Phật vậy. Lại như trong nhà có một người khách say, có trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng mà chẳng thể tỉnh. Thí dụ nghe pháp mà chẳng biết lý đó, chẳng thể nhiễm thần, đều không tỉnh ngộ, nên nói đốt vạn ngọn đèn mà chẳng sáng. Sáng là tỏ rõ vậy. Dùng gì làm đèn? Tức trí phương tiện làm đèn, chiếu thấy cảnh giới tâm.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 43

Hỏi: Phàm Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma từ Tây Vức lại chỉ truyền pháp nhất tâm. Nhị tổ Tuệ Khả cầu tâm duyên lự bất an chẳng được, liền biết chỉ một tâm viên thành khắp cùng, ngay đó bặt lối ngôn tư, được Sơ tổ Đạt-ma ấn khả, bèn được Tổ ấn đại hành, mãi đến ngày nay cớ sao chấp trước lời lẻ trái với tông mình, các hàng nghĩa học ba thừa có thềm bậc ư?

Đáp: Ở trước nêu trong Tông môn đã chỉ đề Đại chỉ, nếu quyết định tin vào chánh giải không sai thì học một ví như tuyệt các đường ngôn ngữ nghỉ ngơi, trộm thấy các học giả thời nay chỉ tại ý nghĩ phần nhiều đắm trước lời lẽ, chỉ nói ngoài tâm không pháp niệm niệm thường theo cảnh sinh, chỉ biết miệng nói ở không mà bước bước thường rảo trong hữu. Chỉ tổng nêu danh tự của tâm, hành tướng vi tế chẳng biết. Nếu luận vô lượng pháp môn, nói rộng cùng kiếp chẳng hết, nay ghi lục là vì thành nghĩa trước, trọn không yếu chỉ ràng buộc vọng có nêu bày. Pháp môn nhất tâm đây là gốc của phàm Thánh, nếu chẳng trước rõ về hành tướng, lấy đâu nghiên cứu sâu đến cội nguồn, nên phải ba lượng định phải quấy đó. Chân tu chẳng phải lạm, bốn phần thành thể dụng đó, chánh lý không khuyết. Sau đó, mười nhân bốn duyên biện rõ sinh nơi nhiễm tịnh. Ba báo năm quả xét chỗ quy về của chân tục, thì năng bài xích tiểu, trừ bỏ tà, bỏ tình phá chấp bèn mới là chánh nghĩa viên minh của Bồ-tát Hộ Pháp. Ở Tây vức Đại hành giáo truyền đến xứ này, mặt trời Phật lu mờ lại tỏ rạng, mây tuệ tan mà lại nổi ùn, bèn được tâm cảnh dung thông tự tha giao triệt, chẳng một chẳng khác, chạm cảnh ngầm tông, chẳng phải có chẳng phải không tùy duyên hợp đạo. Nếu chẳng thấu đạt ba lượng, chân vọng sao phân. Nếu chẳng biết bốn phần, thể dụng đều mất, nên biết càn dở nói danh tự của tâm, hành tướng vi tế rõ ràng chẳng biết, trọn chẳng khỏi tâm cảnh duyên buộc kiến chấp, tự tha ràng buộc,dưới, ngờ chẳng dứt đến lúc mạng chung bến bờ cứu tế nào nhờ cậy. Do đó, Bát-nhã là Thần phù đưa tiễn, lúc lâm chung hay

khiến sống chết không trệ. Chỉ vì mù không mắt trí, giáo quán chẳng rõ, từ vô thủy đến nay chẳng thể suốt hiểu, trái với hiện lượng mà mất thể của tự tâm, bỏ so sánh quấy mà vọng nhận ngoại trần, trọn ngày đem tâm chấp tâm, lấy huyễn duyên huyễn, tợ chó gặm cốt khô, tự nuốt nước dãi đó, như voi dùng mũi hút nước lại tấm thân thể nó, hẳn không tiền cảnh mà làm đối trị. Từ khi thọ thân hàm thức lại nay ở trong ba cõi trần lao, như bệnh nhiệt thấy quỷ, ở nơi chẳng phải oán mà nhận là oán, như mắt bệnh quán mà sinh hoa đốm, hướng trong không có ái mà khởi ái, vọng sinh vọng tử, không phải không quấy, đều chẳng hay biết, chớ hay tạm tỉnh xét, nay lại không tin, đợi đến thời nào? Sinh tử biển sâu, chẳng phải thuyền tuệ thì không qua được, trần lao lưới kín, chẳng phải mũi nhọn trí thì chớ đâm. Bốn phần ba lượng đó các môn nhiều nghĩa, dưới đây sẽ biện giải rộng.

Hỏi: Đại ý của Phật Tổ quý ở tâm hành, tham nghĩa theo văn chỉ thêm hý luận. Do đó, Văn Thù chê trách A-nan là "Đem nghe gìn giữ Phật, Phật, sao chẳng tự nghe, nghe nào như một niệm trở lại nguồn sâu hòa hợp với di chỉ?

Đáp: Đó là vì người chưa biết mà nói, chẳng vì người đã biết mà nói. Vì người chưa hành mà nói, chẳng vì người đã hành mà nói. Nếu người đã biết đã hành thì vết dấu tâm còn mất, nào đợi đến ngôn thuyết. Nay chỉ vì hạng người sơ học chưa biết, mắt mình chẳng mở, viên cơ chưa phát, phải nhờ văn tuệ để trợ, giúp tâm. Vì người chưa hành chỉ chấp nương theo thông, học ngôn ngữ Đại thừa, như trùng ăn gỗ, tợ kẻ tớ đếm tiền. Cho đến vô số môn đều vì hai hạng người đây vậy. Nhân đây thấy đế, như thuyết mà hành. Vả lại, ánh sáng trí tuệ như mặt nhật chiếu khắp, sức của Đa văn tợ dầu mở giúp sáng. Vì hàng chúng sinh kém hiểu biết từ vô thủy đến nay nhận chịu vô lượng kiếp khổ suốt cùng, chỉ vì mê đường chánh tín, mất môn diệu tuệ, cuồng loạn dụng tâm, điên đảo hành sự. Cớ sao mù không trí chiếu, trở ngược ganh tuệ quang chân thật, nghèo kém pháp trì lại bỏ kho báu đa văn. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Muốn độ chúng sinh khiến trú Niết-bàn, chẳng lìa trí giải thoát không chướng ngại. Trí giải thoát không chướng ngại chẳng lìa tất cả pháp giác như thật, tất cả pháp giác như thật chẳng lìa tuệ quang không hành không sinh hành. Tuệ quang không hành không sinh hành chẳng lìa thiền thiện xảo quyết định trí quán sát, thiền thiện xảo quyết định trí quán sát chẳng lìa đa văn thiện xảo". Vì vậy, nhân nghe (văn) hiển bày tâm, năng biện rành thiền quyết định quán sát, nhân thiền phát khởi tuệ không hành không sinh, nhân tuệ rõ thấu các

pháp giác như thật, nhân giác viên mãn trí giải thoát vô ngại. Đó đều toàn nhân sức đa văn mới đầu, thành tựu Bồ-đề. Nếu lìa Tông Kính đây, riêng không môn thành Phật, giả sử có sở tu đều thành pháp của ma ngoài. Trong luận Đại Trí Độ có kệ tụng nói:

"Có tuệ không đa văn
Là không biết thật tướng
Thí như trong tối tăm
Có mắt không thấy gì
Đa văn không trí tuệ
Cũng không biết thật tướng
Thí như trong rất sáng
Có đèn mà không mắt
Đa văn lợi trí tuệ
Là điều nói nên nhận
Không nghe không trí tuệ
Đó gọi trâu thân người".

Vả lại, như có tuệ mà không đa văn là ví như trong rất tối tăm có mắt mà không thấy gì, tuy có mắt tuệ mà chẳng biết khắp muôn pháp pháp giới duyên khởi, các thức huân tập v.v... như ở trong nơi rất tối tăm, không thấy một thứ gì. Do vì, thật tướng khắp tất cả pháp, tất cả pháp tức là thật tướng, chưa từng có một pháp nào mà vượt ra ngoài pháp tánh. Nếu chẳng biết khắp tất cả pháp thì do đâu mà thấu đạt thật tướng, nên nói cũng không biết thật tướng. Đa văn không trí tuệ giống như trong rất sáng có đèn mà không có mắt, tuy có nghe nhiều ghi nhớ danh tướng mà không tự chứng chân trí, viên giải chẳng phát thì chỉ đọa vào vô minh. Tin lớn chẳng thành không mà thành tà kiến, như trong rất sáng tuy có ánh sáng của nhật nguyệt đèn đuốc mà không mắt thì chẳng do đâu trông thấy, tuy nghe kho báu của Như Lai một đời truyền xướng, nghe nhận không nhọc mệt, mắt mình chẳng mở, chỉ như đếm vật báu của người, mắt trí chẳng phát sao hiện rõ giáo tông, người như vậy nên là chẳng biết thật tướng. Văn tuệ đầy đủ mới thấu đạt nguồn thật tướng. Văn tuệ đều không như mắt của trâu dê, đâu có thể biện rành tánh tướng muôn pháp, phương góc của tổng biệt ư? Phàm, Bồ-tát học Bát-nhã, không thể nhận chịu bị chê trách người trâu. Đại sĩ tiếp nối Phật thừa sao cam chịu bị cười chê trùng gỗ, nếu là người trí tuệ nên phải ba lần suy xét. Do vì chưa biết báu của tâm Phật nên đành ở trần lao, mới nghe tông của tánh giác, bèn lên Thánh địa. Như trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: "Bồ-tát Hỷ Vương ngồi yên bảy ngày, qua bảy

ngày rồi đến nơi Phật thưa hỏi: “Hành Tam-muội gì có thể thông đạt tám vạn bốn ngàn pháp môn các độ?” Phật bảo: “Hỷ Vương! Có môn Tam-muội tên là Liễu Chư pháp bản, Bồ-tát lúc hành trì bèn có thể thông đạt pháp môn các độ. Pháp môn các độ là chư Phật có ba trăm năm mươi công đức, mỗi mỗi đức riêng tu sáu độ làm nhân”. Giải thích: Chư pháp bản tức là tâm chúng sinh, nếu tâm theo thiện thành môn sáu độ, nếu tâm theo ác làm đạo ba đường. Đang là cõi vui mà làm cảnh khổ, đều là tâm thành, ở địa ngục mà thành thiên đường đều do tâm chuyển. Hoặc tức sát-na thành Phật, hoặc tức trọn kiếp trầm luân, chỉ tại sức của một niệm đầu tiên. Nên nói pháp không định tướng chỉ tùy tâm người. Như cây Thiên ý tùy ý trời chuyển, có thể gọi là biến thông lập nghiệm nhân quả hiện tiền, chẳng động mảy lông khắp cùng pháp giới, như trong lỗ hổng vách tường nhìn thấy khoảng không ngằn mé, tợ trong gương thẳng thước thấy ảnh ngàn dặm. Có kỳ đặc đó mà người mê mờ không biết, như thấy vàng cho là rắn, lầm chấp báu thành sỏi sạn. Nên trong kinh Giải Thâm Mật có kệ tụng nói:

“Thí như báu thù thắng
Người thường luôn khinh rẻ
Nếu dùng làm trang sức
Thì vua đội đảnh đầu.
Thức Lại-da như vậy
Là Phật tánh thanh tịnh
Phàm vị luôn tạp nhiễm
Phật quả luôn giữ gìn.
Như ngọc đẹp trong nước
Chéo áo đeo che phủ
Lại-da ở sinh tử
Tập khí tốt chẳng sinh.
Ở thức Lại-da đây
Có tướng hai thủ sinh
Như rắn có hai đầu
Theo vui mà đồng đến.
Lại-da cũng như vậy
Cùng các sắc tướng chung
Tất cả các thế gian
Lấy đó dùng làm sắc.
Người ác giác mê hoặc
Chấp làm ngã ngã sở

Hoặc có hoặc chẳng có
Tự tại làm thế gian.
Lại-da tuy biến hiện
Thể tánh luôn sâu mầu
Với các người không trí
Đều chẳng thể rõ biết."

Cho nên nếu hay rõ biết tức xét động tâm muôn cảnh muôn duyên đều từ đây khởi, nếu tâm chẳng động mọi sự lặng yên, vào trú môn như thật không phân biệt. Như trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

"Chỉ có tâm động chuyển
Đều là pháp thế tục
Chẳng còn sinh khởi chuyển
Thấy tục là tự tâm.
Đến là việc ấy sinh
Đi là việc ấy diệt
Biết như thật đến đi
Chẳng còn sinh phân biệt."

Lại nếu chấp kinh luận không ích lợi gì, vụt nhiên thành các Thánh luống công hư thì các bậc Thanh văn thượng đức ở Tây vức luống nhọc kết tập, chư vị Bồ-tát đại quyền ở phương này nào rảnh phiên dịch kinh, như người ôm bệnh trầm kha, chẳng cần diệu dược, tợ kẻ mê đường hiểm nạn, nào cần thầy dẫn dắt. Lương y trọn chẳng cứu người không bệnh, Đạo sư cũng chẳng dẫn kẻ biết đường, thức ăn ngon lành đâu thể khuyên người no ăn, trân châu báu lạ chưa hẳn động niệm bậc liêm sĩ, thấy và chẳng thấy toàn tại tâm, biết hành và chẳng hành chỉ liên quan ý mật, thật chẳng dám lấy mình làm ngăn ngại người thượng thượng cơ, chỉ nhất tâm vì báo ân Phật, nương tựa giáo pháp lược mà biên ghi, như thấy trong ống sáo thủng lỗ, chớ sánh lường trời xanh, tợ trộm ánh sáng vách tường nứt sao bằng mặt trời pháp bổ ích. Nay tuân theo từ ban, giáo có văn rõ, pháp môn pháp nhĩ phải đủ ba thứ, trong ba thí thì pháp thí đứng đầu. Tám đức tâm vương đây tánh tướng phân lượng, trên đến cực Thánh dưới đến phàm phu, gốc ngọn suy cùng đều là đầy đủ. Chỉ ở mờ rõ được mất tợ phân, các Thánh rõ đó là thành tựu diệu dụng chân như, suốt cùng ngằn mé tương lai xưng lập môn Phật sự, chúng sinh mê mờ đó, làm phiền não trần lao, từ vô thủy lại tạo việc luân hồi sinh tử, ở trong thường ngày sử dụng vì chẳng biết vậy. Chớ biện tâm vương và tâm sở, nào biết nội trần và ngoại trần, như người có mắt ở trong phòng tối, tợ kẻ mới sinh bị mù ở trong kho báu, tăng ánh sáng Bát-nhã do đâu

rành chân rõ ngụy, thiếu soi xét của mắt trí sao có thể phân biệt báu tìm châu. Bèn mới lấy vọng làm chân, chấp thường làm đoạn, chẳng nên làm mà làm, gieo vào vòng khổ hư vọng, chẳng nên tư duy mà tư duy, nhóm tập nghiệp ác điên đảo, chỉ vì chẳng gặp bạn đạo xuất thế, chưa nghe trọn vẹn giãi thích vô thượng. Mặc tình nỗi lòng chính mình buông phóng tình tánh ngã chấp, lấy tạm vui của một kỳ hạn, tích chứa ương lụy nhiều đời, từ ngày đến giờ, không biết không hay, từ sinh đến lão chẳng xét chẳng nghĩ. Vì vô minh đồng thời mà sinh, vì vô minh đồng thời mà chết, từ một phòng tối đến một phòng tối, ra một vòng khổ vào một vòng khổ, trải qua đời kiếp chưa có ngày nghỉ, thân này đời khác đâu là lúc thoát. Bản hoài Tông Kính chính vì ở đây. Vì vậy, chiếu sáng đó như gương, pháp nào mà chẳng rõ, quy tụ đó như biển, sông nào mà chẳng vào. Như phòng tối ngàn năm, phá trừ nó chỉ cần một ngọn đèn, trần lao từ vô thủy, chiếu rọi đó chỉ nhất quán. Đây đầy đủ thuyên chỉ, tin vào chẳng động thần tình, thành hiện pháp môn, thật chắc rõ mà chẳng nhọc tâm lực. Nếu lại chẳng tin nhọc ôm mê muội, giao phó sâu xa với các bậc Hậu hiền không mất pháp lợi, nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Chẳng cầu Phật sức lớn
Và các pháp đoạn khổ
Vào sâu các tà kiến
Lấy khổ muốn bỏ khổ
Vì chúng sinh như vậy
Mà khởi tâm đại bi."

Vì chẳng nương theo sức lực oai thế rộng lớn của Chánh giác và sức oai đức của pháp chánh niệm nhất tâm, ở ngoài tâm chấp thủ pháp thành các tà kiến, lấy sinh diệt làm nhân, lấy sinh diệt làm quả, vốn ra sinh tử mà lại thêm sinh tử. Vì những loại như vậy mà khởi đại bi nhổ trừ khổ vọng đó. Vì sinh tử là gốc của các khổ, tuy tuổi trăm năm mà còn như sát-na. Như sóng dài phía Đông lắng, tợ tàn chiếu phía Tây rũ, ánh lửa của gỗ đá, bóng câu cửa sổ, đèn nhỏ trong gió, sương đầu ngọn cỏ, cây mục sườn bờ, điện chớp lóa mắt. Nếu chẳng gặp chánh pháp tu hành rộng lớn thì muôn kiếp đắm chìm sống say chết dở. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Lại nữa, Bồ-tát tu Quán tử tưởng là thọ mạng, thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn giảm, không có tăng trưởng, như núi thác nước chẳng được dừng trú, cũng như sương mai thế chẳng đọng lâu. Như kẻ tù vào chợ, mỗi bước gần chết, như dẫn trâu dê đến nơi giết mổ". Bồ-tát Ca-diếp nói: "Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao

người trí quán niệm niệm diệt?" Phật bảo: "Này thiện nam! Thí như có bốn người đều khéo giỏi nghề bắn, nhóm tụ lại một nơi, mỗi người bắn một phương và đều suy nghĩ rằng: "Bốn mũi tên của chúng ta đều phát đều rơi". Lại có một người lại nghĩ nói rằng: "Bốn mũi tên như thế đến khi nó chưa rơi, ta có thể đồng một lúc đưa tay đón nhận lấy". Này thiện nam! Người như thế, có thể nói là nhanh chóng chăng?" Bồ-tát Ca-diếp thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Đúng vậy". Phật dạy: "Này thiện nam! Quỷ địa hành nhanh lại chóng hơn người đó, có quỷ phi hành lại chóng hơn địa hành, bốn Thiên vương lại nhanh chóng hơn phi hành, Thiên thần nhật nguyệt lại chóng hơn bốn Thiên vương, trời Kiên tật lại nhanh hơn nhật nguyệt, thọ mạng chúng sinh lại chóng hơn Kiên tật. Này thiện nam! Một hơi thở, một nháy mắt thì thọ mạng chúng sinh có bốn trăm lần sinh diệt. Người trí nếu năng quán mạng như vậy, đó gọi là năng quán niệm niệm diệt vậy. Này thiện nam! Người trí quán mạng hệ thuộc vua chết, ta nếu năng lìa vua chết như vậy thì được vĩnh viễn dứt đoạn thọ mạng vô thường. Lại nữa, người trí quán thọ mạng như vậy giống như cây lớn ở mé sông sườn núi, cũng như có người tạo tội nghịch lớn, đến lúc họ bị chịu giết chết thì không thương xót. Như Sư tử chúa rất đói khổ, cũng như rắn độc lúc hớp gió mạnh, giống như ngựa lúc khát tiếc giữ nước, như quỷ đại ác lúc sân giận phát, vua chết chúng sinh cũng lại như vậy. Này thiện nam! Người trí nếu năng quán như vậy thì gọi là tu tập tử tưởng. Này thiện nam! Người trí lại quán: Nay ta xuất gia giả sử thọ mạng có được bảy ngày bảy đêm, ta phải trong thời gian đó tinh cần tu đạo, hồ trì giới cấm, nói pháp giáo hóa làm lợi ích chúng sinh. Đó gọi là người trí tu tập tử tưởng. Lại lấy bảy ngày bảy đêm làm dài, nếu được sáu ngày năm ngày bốn ngày ba ngày hai ngày một ngày một giờ, cho đến chỉ khoảng thời gian thở ra thở vào, ta phải ở trong thời gian đó tinh cần tu đạo, giữ gìn giới cấm, nói pháp giáo hóa làm lợi ích chúng sinh. Đó gọi là người trí khéo tu tưởng chết." Lại trong triều đại nhà Lương có một vị Cao tăng vâng phụng vua thỉnh mời trăm vị Đại đức thử có đạo chăng, mời đến cửa triều, chuẩn bị nghiêm chỉnh một trăm binh giáp, cờ xí rực trời khủng bố trăm vị Đại đức, chín mươi chín người thảy đều kinh sợ bỏ chạy, chỉ có một Đại đức không kinh sợ. Vua hỏi: "Tại sao Hòa thượng không sợ?" Vị Tăng ấy đáp: "Sợ vật gì? Ta vừa mới sinh, lúc trẻ nhỏ, sát-na sát-na từng niệm đã chết". Nên biết chư Phật khổ tâm, Bồ-tát thệ chí, vì cứu chúng sinh, bi thiết như vậy nên phải thay nhau khuyên răn, không thể chợt vậy noi theo. Vả lại, ba cõi thọ thân chưa khỏi đất chết, mới mới sinh diệt niệm niệm luân hồi. Ngay như Thiên đế lắm

nhiều năm món dục. Luân vương giàu có bảy báu, thái lai vận hợp thường vui tạm thời, báo hết duyên cùng buồn lo dài lâu, vật cùng cực thì qua trở lại, nhân quả đối đáp, ở trong nghiệp buộc, ai có thể khỏi. Nên trong Pháp Giới châm nói: "Chớ nói không tổn sợ họa đảnh sôi đó, chớ nói không thương họa còn dài đó, nào như một niệm trở lại nguồn tiếp nối làm sáng ngời giống Phật, niệm niệm chẳng mất lợi vật, bước bước cùng đạo tương ưng, rốt ráo đồng hội quy, chẳng gì trước Tông Kính. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát đây lại đối với chúng sinh sinh tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm từ, tâm bi, tâm xót thương, tâm nhiếp thọ, tâm gìn giữ, tâm tự kỷ, tâm bậc thầy, tâm bậc thầy lớn, nghĩ nói rằng: "Chúng sinh thật đáng thương, rơi đọa nơi rừng rậm tà kiến ác tuệ ác dục ác đạo, ta nên khiến nó trụ trong chánh kiến, hành đạo chân thật". Lại tư duy rằng: Tất cả chúng sinh phân biệt ta ngươi, qua lại phá hoại đấu tranh sân hận phừng phực chẳng dứt. Ta phải khiến họ trú trong đại từ Vô thượng". Lại tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh tham lấy chẳng chán, chỉ cầu tài lợi, tự sống tà mạng, ta phải khiến họ trú trong pháp chánh mạng thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh". Lại tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh thường đọa ba độc, các thứ phiền não, nhân đó phừng phực, chẳng hiểu chí cầu phương tiện cốt yếu để ra khỏi. Ta phải khiến họ trừ diệt tất cả lửa dữ phiền não, an đặt nơi xứ Niết-bàn trong mát". Lại tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh vì ngu si tăm tối, vọng kiến sâu dày che phủ, nên vào rừng rậm khuất lấp, mất ánh sáng trí tuệ, đi trong đường hiểm hoang vắng, khởi các ác kiến. Ta phải khiến họ được mắt trí thanh tịnh không chướng ngại, biết tướng như thật của tất cả pháp, chẳng lạc vào giáo khác". Lại tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh ở trong đường hiểm sinh tử, sắp đọa vào trong địa ngục ngạ quỉ súc sinh, vào lưới ác kiến, vì rừng rậm ngu si khiến mê mờ, đuổi theo tà đạo, hành hạnh điên đảo. Thí như người mù không có Đạo sư, chẳng phải đạo xuất yếu mà cho là xuất yếu, vào cảnh giới ma, bị giác ác thâu tóm, tùy thuận tâm ma xa lìa ý Phật. Ta phải vớt ra hiểm nạn như vậy, khiến trú nơi thành Nhất thiết trí không khiếp sợ". Lại tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh bị sóng cả dòng thác lớn nhận chìm, vào dòng dục, dòng hữu ,dòng vô minh, dòng kiến, sinh tử chảy quanh, sông ái trôi dạt, đuổi gấp chạy rút, không rỗi quán sát, bị dục giác nhuế giác hại giác theo đuổi chẳng bỏ, thân thấy La-sát ở trong chấp thủ, dẫn nó trọn vào rừng rậm ái dục, với chỗ tham ái, sinh đắm nhiễm sâu, trú gò đồi ngã mạn, yên nơi sáu tụ lạc, không người khéo cứu, không người năng độ. Ta phải khiến họ khởi tâm đại bi, dùng các thiện căn mà vì tế độ,

khiến không tai hoạn, lìa nhiễm vắng lặng, trú nơi châu báu Nhất thiết trí tuệ:. Lại tư duy rằng: “Tất cả chúng sinh ở nơi lao ngục lắm thứ khổ não, thường ôm lòng thương ghét, tự sinh lo sợ, bị xiềng xích tham dục gông cùm, rừng rậm vô minh che chướng, ở trong ba cõi chẳng thể tự ra. Ta phải khiến họ trọn lìa ba hữu, trú trong Đại Niết-bàn không chướng ngại”. Lại tư duy rằng: “Tất cả chúng sinh chấp đắm ở ngã vườn nhà các uẩn, chẳng cầu ra khỏi, nương tựa sáu xứ không tụ, khởi bốn hạnh điên đảo, bị rắn độc bốn đại xâm não, giặc oán năm uẩn giết hại, chịu vô lượng khổ, ta phải khiến họ trú nơi tối thắng không chỗ đắm trước, đó gọi là diệt tất cả chướng ngại, trú Niết-bàn Vô thượng. Do đó như trên kinh nói: Ta phải khiến họ trú nơi chánh kiến, hành đạo chân thật. Lại nói khiến họ an trú nơi Niết-bàn trong mát. Lại nói: Khiến họ biết tướng như thật của tất cả pháp chẳng rơi lạc giáo khác. Lại nói: Khiến trú thành Nhất thiết trí không khiếp sợ, lại nói trú nơi châu báu Nhất thiết trí tuệ, lại nói khiến họ trú nơi tối thắng không chỗ đắm trước. Nên biết mỗi mỗi câu đều chỉ quy về Tông Kính. Tại sao? Nếu ngộ tự tâm tức là chánh kiến, lìa điên đảo vậy. Trong kinh Lăng-già nói: “Ngoài tâm thấy pháp, gọi là ngoại đạo”. Nếu ngộ tự tâm tức là niết bàn lìa sinh tử vậy. Trong luận nói: “Ngoài tâm có pháp, sinh tử luân hồi”. Nếu rõ nhất tâm, sinh tử dứt tuyệt, nếu ngộ tự tâm tức là thật tướng, lìa hư vọng vậy. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ một sự thật đây, hai khác chẳng phải chân”. Nếu ngộ tự tâm tức là Thánh trí, lìa ngu si vậy. Trong kinh Tư Ích nói: “Ngu ở ấm giới nhập, mà muốn cầu Bồ-đề, ấm giới nhập tức phải, lìa phải không Bồ-đề”. Nếu ngộ tự tâm tức là châu báu đầy đủ pháp tài vậy. Trong luận Hoa Nghiêm nói: “Châu báu tại xứ nào tức tâm chúng sinh vậy”. Nếu ngộ tự tâm tức là nơi tối thắng không chỗ đắm trước, lìa trú tướng vậy. Nếu ngoài tâm lập pháp thì tùy xứ sinh đắm trước. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Vớt chúng sinh ra khỏi nơi tham trước”. Trong kinh Kim Cang nói: “Nếu Bồ-tát tâm chẳng trú pháp mà hành bố thí, như người có mắt, ánh sáng mặt nhật tỏa chiếu, thấy các thứ sắc”. Vậy biết tâm mắt mở sáng, trí nhật chiếu khắp, ánh sáng nuốt muôn tượng, pháp giới rỗng rang, đâu lại có một mảy trần mà làm chướng ngăn che ư? Như vậy thì không tâm chẳng động, đầy đủ sáu Ba-la-mật. Tại sao? Nếu chẳng thấy một mảy trần thì không chỗ chấp thủ, nếu không chỗ chấp thủ, cũng không thể cho, là nghĩa bố thí, là nghĩa đại xả. Nên trong kinh nói: “Không thể cho (dữ) là bố thí”, như vậy thì keo kiệt và bố thí đồng loài, lấy bỏ bình đẳng. Chẳng quy về Tông Kính, dùng gì cắt bỏ? Như trong Hòa thượng Nhất-Bát-Ca nói: “Lúc

tiếc bỏ, lúc bỏ tiếc, chẳng lìa trong ngoài và khoảng giữa, cũng không tiếc cũng không bỏ, lặng lặng rộng xa không thể nắm". Lại, trong Chứng Đạo Ca nói: "Lúc im nói, lúc nói im, cửa Đại thí mở không lấp bít. Có người hỏi ta giải tông gì? Đáp: Là sức Ma-ha Bát-nhã". Lại, nếu chẳng thấy một mảy trần thì không trì không phạm, nên nói: "Nếu tìm kiếm giới, ung nhọt ba độc lúc nào lành, cảnh nhục như lông rùa, tâm nhẫn chẳng thể được, tâm tinh tấn chẳng khởi, không pháp có thể đối trị, tâm trong ngoài chẳng sinh, định loạn đều không ghé, đều vào nhẫn vô sinh, đều thành môn Bát-nhã".

Hỏi: Đại chỉ của bản tông, nêu ý bèn biết, sao đợi phải phô bày tuyên dương, nhọc thần thuật tác?

Đáp: Tất cả hành xử không gì chẳng là Phật sự, đều kham ngộ đạo, đều là nhập môn. Do đó nước Phật Phổ Hiền dùng trừng mắt làm Phật sự, Nam Diêm-phù-đề dùng âm thanh làm Phật sự, cho đến núi biển đình đài y phục ăn uống, nói nín động tĩnh, dị tướng thi vi, mỗi mỗi nêu tông đều vào pháp giới. Chỉ tùy duyên rõ diệu, gặp cảnh biết tâm, cho đến thấy sắc nghe tiếng đều năng chứng quả. Hoa bay xuyến động đều có thể gá thần. Như trong luận nói: "Có vị Quốc vương quán hoa bay lá động mà đắc quả Bích-chi-phật". Xuyến động là như trong Thiền Kinh nói: "Có vị Quốc vương bảo cung nữ xoa thân vì, các vòng xuyến đánh chạm nhau náo động khiến dần dần giảm xuyến, đến lúc chỉ còn một vòng xuyến thì không còn phát tiếng, nhân đó tư duy âm thanh đó do duyên gì sinh, bèn chứng ngộ Bích-chi-phật". Cũng như khỉ thấy vị Bích-chi-phật tọa thiền, về sau đến nơi khác thấy các ngoại đạo hành khổ hạnh, mới bảo ngoại đạo kiết- già mà ngồi, tay nắn miệng họ khiến nhắm đôi mắt. Các ngoại đạo khen là "hẳn có thắng pháp" và nhận chịu nghe chỉ dạy mà đều chứng quả Bích-chi-phật. Nên biết là chỉ tuân theo giáo mà thực hành, nương tựa pháp chẳng nương tựa người, không gì chẳng chứng quả, trừ người chẳng tin, ngàn Đức Phật cũng không thể cứu. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tin là tay, như người có tay đến nơi trân bảo, tùy ý mà nhặt lấy, nếu đang là không tay thì rỗng không chẳng được gì. Như vậy, người vào Phật pháp có tay tin tâm tùy ý mà nhặt lấy báu của đạo pháp, nếu không tin thì rỗng không chẳng được gì". Như người xưa nói, người không đạo như xe không trục, xe không trục thì không thể chạy, người không đạo thì không thể hành. Lại nói: "Quân tử không thân, chẳng phải đạo chẳng đồng, sao được một mực qua loa chẳng chuyên cần cầu chí đạo, Tông Kính Lục đây là tụ trân bảo, năng đắc pháp bảo Đại Bồ-đề Vô thượng của chư

Phật, tất cả công đức chẳng thể nghĩ bàn, nên là tụ thanh tịnh, không sáu mươi hai thứ tà kiến dơ bẩn, tám vạn bốn ngàn trần lao vẩn đục, có thể đầy đủ tất cả chúng sinh nguyện, có thể làm sạch tâm tất cả chúng sinh, như trong luận Đại Trí Độ nói: "Bát-nhã Ba-la-mật đó cho đến rốt ráo không cũng chẳng đắm trước, chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng đắm trước, đó gọi là tụ thanh tịnh. Bấy giờ Tu-bồ-đề khởi tâm niệm rằng: "Bát-nhã Ba-la-mật đó là tụ trân bảo, năng đầy đủ nguyện của tất cả chúng sinh, đó nghĩa là vui đời nay, vui Niết-bàn, vui A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, người ngu si mà lại muốn phá hoại, tụ Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh đó như châu báu như ý không có tỳ vết, thêm hư không, không có bụi dơ, Bát-nhã Ba-la-mật là tụ thanh tịnh rốt ráo, mà người tự khởi nhân duyên tà kiến muốn làm lưu nạn phá hoại. Thí như người mắt bị bệnh quáng thấy trân báu diệu cho là bất tịnh, nên biết hoa đốm hư không sinh từ mắt bệnh, hư không vốn không hoa đốm, tà thấy khởi vọng tâm, pháp vốn không kiến. Lại nữa, dùng tâm ác chẳng tin muốn hủy hoại Tông kính chánh nghĩa Bát-nhã, chỉ tự chuốc lấy tội phỉ báng mà diệu chỉ nào khuyết, như người dùng tay ngăn cản giáo chỉ tự bị thương tay đó, giáo không tổn hại gì. Phàm đối với Bát-nhã, giảng nói thì phước lớn, phỉ báng thì tội sâu, nếu tùy tình hiểu sai cho đến chẳng tin v.v... đều thành phỉ báng. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nay ta vì các đệ tử Thanh văn v.v... giảng nói luận Tỳ-già-la, điều gọi là Như Lai thường còn chẳng biến, nếu có nói năng Như Lai vô thường, cớ sao người đó lưỡi chẳng rơi xuống đất? Nếu năng tin chân chánh viên giải không sai, khắp cảnh khắp hư không đều đồng diệu chứng." Trên pháp hội Lăng-già, Đức Phật bảo A-nan: Mười phương Như Lai ở mười tám giới, mỗi mỗi tu hành đều được viên mãn Bồ-đề Vô thượng, ở khoảng giữa đó cũng không hơn kém, chỉ ông là yếu kém chưa thể ở trong viên tuệ tự tại, nên ta tuyên dương, khiến ông chỉ ở một môn vào sâu, vào một không vọng, sáu căn biết kia một lúc thanh tịnh. Vì vậy, Kiều-trần-như nhân âm thanh mà ngộ đạo, Ưu-ba-ni-sa-đà nhân sắc mà ngộ đạo, Đồng tử Hương Nghiêm nhân mùi hương mà ngộ đạo, cho đến Bồ-tát hư không tạng nhân hư không mà ngộ đạo, thì biết tự tánh khắp tất cả xứ đều là đường vào, đâu hạn cục một môn, mà chuyên lấy ngu của ve muỗi lại cậy lượng của chim ri. Vả lại, pháp không chậm nhanh, thấy có cạn sâu, môn ngăn chướng mỗi mỗi khinh trọng. Do đó Bồ-tát Văn Thù có kệ tụng nói:

"Về nguồn tánh không hai
Phương tiện có nhiều môn

Thánh tánh không chẳng thông,
Thuận nghịch đều phương tiện
Sơ tâm vào Tam-muội
Chậm nhanh chẳng đồng luân.”

Trong Tông Kính Lục đây đều là pháp môn Đại oai đức chẳng thể nghĩ bàn của mười phương chư Phật, như nhật luân sáng rực, đâu phải chỗ nhìn thấy của trẻ em, pháp tòa cao vợi, chẳng phải hàng lùn kém có thể lên, chỉ có Văn Thù Đại nhân, Phổ Hiền Trưởng tử, hạng căn khí thượng thượng mới đủ khả năng vậy. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: “Vua Đại Quang vào Bồ tát Tam muội đại từ đứng đầu của Tam muội, hiển bày điều làm từ tâm nghiệp dụng lợi ích tự tại, khiến hàng hậu học bắt chước đó, để rõ trí không nương tựa vào tâm tất cả chúng sinh, cùng nó đồng thể không có tánh khác biệt, các loài hữu tình vô tình thảy đều đồng thể, vào Tam-muội đây, do nghiệp cảm nên, khiến tất cả chúng sinh cho đến cây rừng suối chảy thảy đều về dòng, thảy đều thấp cành, thảy đều cúi đầu, Dạ-xoa La-sát thảy đều dứt ác, vì minh trí tùy tất cả chúng sinh đều cùng đồng nghiệp dụng đó một tánh không hai. Như Đế vương ở thế gian có từ bi đối với người, Rồng thần thuận phục, phụng nhóm lân liệng, huống gì người ư, mà chẳng quy ngưỡng, huống là vua Đại Quang đây, trí suốt nguồn chân, hạnh đồng pháp giới. Từ tâm làm đầu, thần hợp với hàm linh, cùng các vật mà đồng sáng, làm căn bản của vạn hữu, như ma-ni bảo cùng vật đồng màu sắc bản sắc chẳng trái. Như Thánh trí không tâm, lấy tâm vật làm tâm mà vật không trái vậy. Rõ đồng thể đại từ tâm và vật đồng dụng, đối hiện sắc thân mà khiến phát minh. Nên núi đồi cho đến các thứ cây cỏ không gì chẳng xoay chuyển hướng về vua mà kính lễ, bờ ao suối giếng cho đến sông biển thảy đều đầy tràn chảy đổ về trước vua, vì trí cảnh đại từ pháp hợp như vậy. Nếu chúng sinh tình thức với cảnh sở biến, tức chúng sinh không thể làm đó, như cảnh giới trong thế giới Liên Hoa tạng đều làm Phật sự. Do đó cảnh trí chẳng phải tình làm nên, nên Thánh giả dùng trí quy tình, khiến quả báo hữu tình chúng sinh được cỏ cây núi suối sông biển thảy đều tùy trí mà xoay chuyển, lấy ngọn làm gốc. Nên như trong thế gian người có chí hiếu nơi tâm thì ao băng cá nhảy, tre mùa đông mọc măng, còn tự như vậy, huống gì chân trí từ tâm từ ấy ư? Nên biết được diệu dụng của pháp giới, dụng nào có tận, theo duyên khởi trong chân tánh, khởi không gì chẳng diệu thì lý không gì chẳng sự. Phật pháp tức thế pháp, đâu có thể bén phải trừ quấy ư? Sự không gì chẳng lý, thế pháp tức Phật pháp, đâu phải bài xích tục kính sùng chân ư? Chỉ là chưa vào

Tông Kính. Cảnh trí chưa mất, dấy mộng niệm mà khác pháp hiện tiền, phát tưởng nóng mà khác đường giao ứng, đến nỗi khiến lấy bỏ đây trái nghịch viên thường, do đó chẳng thể náo lắng đồng quan, thiện ác đều hóa, do chưa nghe Tông kính môn vậy.

Hỏi: Sao chẳng nương tựa tự Thiền tông nối bước theo đường Thánh huyền học, chỉ tất cả xứ không đắm trước phng thoáng mặt duyên, không làm không tu tự nhiên hợp đạo. Sao hẳn buộc lòng hạn cục chí, theo nghĩa mê văn. Có thể gọi là bỏ lắng yên tìm náo ồn, nhàm đồng thích khác ư?

Đáp: Sự tiếp nối ở đời gần đây chẳng trông nhìn giáo xưa, chỉ chuyên mình thấy biết, chẳng hợp phân tích trọn vẹn. Hoặc xưng là ngộ mà ý giải tình truyền, giả sử đắc định mà giữ ngu ám chứng, do đó hàng hậu học lầm sai chẳng bẩm nhận thầy truyền thừa. Xưa trước trong Thánh giáo đã mỗi mỗi đẩy phá, như nói tất cả xứ không đắm trước, là do A-nan dự biết trong thời mạt pháp đều rơi lạc vào ngu ấy, ở trong Pháp hội lăng Nghiêm chỉ bày nghi ngờ khởi nên chấp trước, Đấng giác vương Vô thượng tự thân trách phá. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “A-nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Ngày trước con thấy Phật cùng Đại Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Xá-lợi-phất bốn đệ tử lớn cùng chuyển pháp luân, thường nói rõ biết phân biệt tâm tánh đã chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, đều không nơi ở, tất cả không đắm trước, gọi đó là tâm, thì con không đắm trước, gọi đó là tâm chăng?” Phật bảo: “A-nan! Ông nói rõ biết phân biệt tâm tánh đều không ở đâu, vậy thế gian hư không nước đất bay đi nơi các vật tượng, gọi là tất cả, ông chẳng đắm trước, là ở hay là không? Nếu không thì đồng với lông rùa sừng thỏ, cớ sao chẳng đắm trước? Có người chẳng đắm trước chẳng thể gọi là không, không tướng thì không, chẳng phải không thì tướng, tướng có thì ở, cớ sao không đắm trước? Cho nên phải biết tất cả không đắm trước gọi là rõ biết tâm. Điều ấy không có”. Lại như nói: phóng thoáng mặc duyên, ở trong Viên giác còn là số của bốn bệnh. Trong kinh Viên giác nói: “Này thiện nam! Thiện tri thức kia chứng đắc diệu pháp, nên xa lìa bốn bệnh. Những gì là bốn bệnh? Một là, bệnh tác (làm), nếu lại có người làm nói như vậy: “Ta đối với bản tâm, làm các thứ hạnh, muốn cầu Viên giác”. Tánh Viên giác đó chẳng phải làm được vậy, nên gọi là bệnh; Hai là,bệnh nhậm (bỏ mặc), nếu lại có người làm nói như vầy: “Nay chúng ta chẳng đoạn sinh tử, chẳng cầu Niết-bàn, Niết-bàn sinh tử, không niệm khởi diệt, mặc tất cả kia, tùy tánh các pháp, muốn cầu Viên giác”. Tánh Viên giác kia chẳng

phải mặc tình có, gọi đó là bệnh; Ba là bệnh chỉ (ngưng dứt). Nếu lại có người làm lời như vầy: "Nay tự tâm ta trọn dứt các niệm, được tất cả tánh vắng lặng bình đẳng, muốn cầu Viên giác". Tánh Viên giác kia chẳng phải dứt (chỉ) hợp, gọi đó là bệnh; Bốn là bệnh diệt, nếu lại có người làm nói như vầy: "Nay ta trọn dứt tất cả phiền não, thân tâm rốt ráo không không chỗ có, huống gì căn trần, cảnh giới hư vọng, tất cả trọn lắng, muốn cầu Viên giác". Tánh Viên giác kia chẳng phải tướng diệt, gọi đó là bệnh, người lìa bốn bệnh thì biết thanh tịnh, làm quán như vậy, gọi là chánh quán. Nếu là quán khác, tức gọi là quán. Cho đến khởi diệt nhưng tâm ngầm hợp đều còn ý địa. Như có người học hỏi Quốc sư Trung rằng: "Lúc chẳng tác ý, được vắng lặng chăng?" Đáp: "Nếu thấy vắng lặng tức là tác ý". Do vì ý căn khó ra khỏi, động tĩnh đều lạc vào pháp trần, nên biết đều là chấp thấy tu thiền, nói bệnh là pháp, như nấu cát làm cơm, leo cây tìm cá, phí sức nhọc công, chẳng đồng chúng sinh tình chấp thô phù, là văn ngữ chẳng phải nghĩa. Nếu lại chấp sự mặc duyên không đắm trước, đều rơi lạc vào tà quán, được môn tất-đàn thanh tịnh đều thành chánh giáo. Vì vậy thuốc bệnh khó phân rành, lấy bỏ đều chẳng phải. Chỉ tạm ngộ ngay tự tâm, tự nhiên tuyệt lối ngôn tư, cảnh trí đều hết, nhân pháp đều không, hướng vào trong ba nghiệp của chúng sinh, mở bày thấy biết của Phật, đến trong năm ấm sinh tử, hiển bày Đại Bồ-đề, thì kim văn liễu nghĩa có thể làm mực thước. Thập địa tri thức, kham làm chân đế, nên được đuốc tuệ thêm sáng chiếu rọi ngằn mé mười phương, tâm hoa khoe sắc tốt tươi bày trong pháp giới. Lại nếu thấu đạt sâu tông đây chẳng gom chẳng nhiếp, tức tưởng niệm mà thành trí, ngay nói nín mà ngầm chân, định ra vào khó gần, lòng buồn vui chẳng kịp. Nên nói: "Vui thích lắng chẳng nhận, buông lung trở lại quấy". Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Chư vị Bồ-tát Phổ Nhãn v.v... dùng Tam-muội vào ra chẳng thấy ba nghiệp và tòa cảnh giới của Phổ Hiền, nêu các thứ huyễn tướng nói không chỗ trú trong huyễn thuật văn tự mà thí dụ, rõ thể của huyễn thuật văn tự, rõ không nơi chốn, thế nào là mong cầu? Chẳng thể đem nơi chốn Tam-muội vào ra mà mong cầu đó. Bỏ trầm tịch sinh diệt kia, tức khiến tưởng niệm. Rõ tưởng niệm động dụng thể tự khắp cùng, dụng mà thường tịch, chẳng phải lại diệt vậy. Vì thế, Phổ Hiền dùng tuệ Kim cang vào khắp pháp giới, ở tất cả thế giới, không chỗ đi không chỗ trú, biết tất cả thân chúng sinh chẳng phải thân, không đi không lại, được thần thông tự tại không đoạn tận không sai biệt. Đây là nói rõ nhậm vật tự chân, gọi đó là thần, chẳng làm chẳng nghĩ, chẳng định chẳng loạn, chẳng đến chẳng

đi, nhậm trí khắp cùng, lợi sinh tự tại, biết căn ứng hiện, gọi đó là thông. Muôn pháp như vậy, không ra vào định loạn, mới xưng là sở hành ba nghiệp tác dụng và tòa của Phổ Hiền. Như tòa thể của Bồ-tát Thập Địa chỉ nói là khắp lượng của ba ngàn đại thiên thế giới. Tòa lượng Phổ Hiền đây, lượng đồng như hư không. Tất cả pháp giới Đại liên hoa tạng vậy. Rõ biết Bồ-tát Thập Địa trí lượng còn ngăn cách. Lấy lại đây lên vị đây như bao nhiêu trái nghi, vào ra như bao nhiêu môn Tam-muội chẳng thể nói, còn có tịch dụng, có hạn chướng, chưa được đại tự tại của Bồ-tát Phổ Hiền sau quả vị Thập Địa Bồ-tát vậy, nên ba lần cầu Phổ Hiền, ba lần thăng tấn, tức sinh tưởng niệm, mới bắt đầu hiện thân, và nói việc cảnh giới mười Tam-muội, ý trách hàng Thập địa kia còn có cầu ở xuất thế gian, cảnh giới sinh tử chưa được đồng với mười phương nhậm dụng tự tại. Do giáo lệnh của Như Lai đây tức sinh niệm tưởng, bỏ nhiễm tập tịnh tâm xuất thế trong Thập địa kia vậy. Đây là nói rõ hàng Thập địa duyên chân tục xuất thế và các tập khí mê hoặc khác vậy. Phần trên ý nói rõ trị hàng Bồ-tát Thập địa duyên chân tục, hai tập khí chưa mất, hai tập tịch loạn chưa tận, đối với các Tam-muội, có tập vào ra nên chưa được thường vào sinh tử giống như hư không, không tác giả mà thường phổ biến, chẳng phải chỗ gồm thâu hạng lượng, tất cả chúng sinh và cảnh giới lấy đó làm thể. Trí của Phổ Hiền giống như hư không, tất cả chúng sinh dùng làm sinh thể, có các chúng sinh tự mê hoặc trí, gọi là vô minh. Bồ-tát Phổ Hiền tùy mê sự kia, mười phương thế giới đối biện sắc thân, dùng trí không thể, giống như hư không, chẳng phải tánh tạo tác, không có đi lại, chẳng phải sinh chẳng phải diệt, chỉ dùng biển trí đồng như hư không đối với nơi tất cả chúng sinh mà mở rõ mê mờ. Trí không thể tướng, năng tùy đồng như đại dụng của pháp giới và hư không giới, đâu thể đem chư bồ tát ở địa vị Thập địa, dùng môn Tam-muội vào ra có chỗ suy cầu, làm sao được thấy? Cho nên Như Lai vì các Bồ-tát nói Huyễn thuật văn tự cầu thể tướng đó có thể được chăng? Tâm cầu huyễn còn chẳng thể được, làm sao có tướng huyễn kia có thể cầu? Cho nên dùng Tam-muội vào ra và dùng cầu tâm mà cầu Phổ Hiền, đại dụng luận nương tựa trí thân khéo léo, rõ không thể được, cho nên dạy các Bồ-tát liền sinh niệm tưởng, ân cần ba lễ, Bồ-tát Phổ Hiền mới dùng sức thần thông như ứng hiện thân, rõ trí thân không thể dùng Tam-muội nơi sở cầu, vì trí thể không chỗ trú, không chỗ nương tựa vậy. Nếu tưởng niệm nguyện lạc tức như ứng, hiện hóa không có nơi chỗ nương dừng, nên giống như vang ở hang cốc chỉ có âm ứng vật. Nếu có cầu tức có nơi chỗ có thể được. Phật dạy! Bồ-tát Phổ

Hiền hiện tại nay đang ở trong chúng hội đây, dứng chổ gần ta trú. Mới đầu không động dời là nói rõ vì tánh trí căn bản tự không nương tựa, gọi là hiện tại đạo tràng đây vậy, vì năng trị có chỗ đắc các kiến uẩn vậy. Vì trí Phổ quang minh vô ngại tổng biệt đồng dị cùng đồng như đại thể dụng của mười phương tất cả chư Phật, gọi là chúng hội. Biển trí vô biên sai biệt một thời đồng dụng, chẳng dời thể trí căn bản không nương trú trí, gọi là đứng gần chổ ta, mới đầu không dời vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 44

Hỏi: Phàm, nếu đàm luận về tâm Phật chỉ xướng tánh tông, thì nêu một gồm tất cả, chẳng luận các nghĩa khác. Nay sao trái nghịch đã thuật giáo mê tông ư?

Đáp: Phàm luận về chí giáo đều vì người chưa rõ, từ trước bẩm thừa không gì chẳng chỉ bày. Như Quốc sư Trung lúc lâm chung, có người học xin thầy dạy một lời. Quốc sư bảo: Giáo có văn rõ, nương tựa đó tu hành tức không lụy vậy. Ta nói gì ư! Ân cần phó chúc chân thật như vậy, đâu hạn cục đã thấy sinh tâm thượng mạn, trọn chẳng vọng bài xích cam lồ vô thượng của Đức Như Lai, Thánh giáo khó nghĩ lường từ kim khẩu tuyên dương bởi sức đại bi chẳng thể nghĩ bàn huân tập. Làm sao nương tựa mà thực hành đó? Vả lại nương tựa ở chỉ thú nào? Không thể là nương tựa ở văn tự ngữ cú mà hành, không thể là nương tựa nghĩa bày đạo lý mà hành, ngay phải thân gần tỏ ngộ tông đó, không thể tạm sinh lời càn rỡ. Nếu quyết định tin vào rõ ràng tự biết, nào phải nhờ kẻ khác nói. Nghe pháp sâu mầu như gió trong lành đến tai, nay chỉ vì người tánh mờ tối theo văn, mượn lấy phương tiện ngôn thuyên để chỉ bày, chỉ ngay ra sáu căn hiện dụng thường trú, tánh không sinh diệt cùng Phật không khác, thân chứng rõ biết phân rành không lầm hoặc, miễn theo chổ chuyển của ngôn ngữ, chẳng theo chổ trôi chảy của cảnh giới. Nay ở trong sáu căn, tạm chỉ hai tánh thấy nghe, rất là hiển hiện, có thể nghiệm tâm mới đầu, chóng vào viên thông đồng quy Tông Kính. Vả lại, tánh thấy là ngay lúc thấy tức là tự tánh vì tánh khắp tất cả xứ vậy, không thể dùng tánh lại thấy ở tánh, rành rẽ hiển bày, mảy may chẳng ẩn. Trong Cổ giáo nói: "Điện ma-ni có bốn góc, một góc thường lộ bày". Tổ sư nói: "Cửa mắt tỏa phóng ánh sáng chiếu phá núi sông đất liền". Lại có lời ca rằng: "Lúc đối mắt, như ngàn vầng nhật, muôn tượng chẳng thể trốn ảnh chất. Phàm phu chỉ là chưa từng quán, sao được tự khinh mà lùi khuất". Vậy biết, nhan mạo tuy trẻ già, tánh thấy chưa từng khuyết, tối sáng tự đến đi, linh quang trọn chẳng mờ. Vậy thì

hiện nay trong sinh diệt, chỉ ra tánh chẳng sinh diệt mới biết vật báu trong chéo áo gã cùng tử, là hạt châu trong búi tóc của Luân vương, vàng trong phòng nhà bần nữ, là vật trong Như Lai tạng, nào đợi cao suy cực Thánh, tự xem mình là hạ phàm, một hướng tìm cầu bên ngoài, chẳng thể soi xét bên trong, uổng công nhiều kiếp trái ngược tánh linh của chính mình, luống kẹt cửa hành mất tánh bản chân. Do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật dạy: A-nan! Nếu lúc ông thấy là ông chẳng phải ta, vì tánh thấy khắp cùng, chẳng phải ông thì ai. Cớ sao tự nghi ngờ chân tánh của ông, tánh ông chẳng chân, lấy ta cầu thật?" Nên biết tối sáng sai biệt, là pháp có thể trở lại, diệu tánh chân như là cửa không đổi dời, nếu tùy vật quán, hạn cục ở nơi Đại ,Tiểu. Nếu nói về tánh thấy thì tuyệt vuông tròn của khí lượng, thấy tánh tức thành Như Lai. Ở đầu một mảy lông dựng lập cõi báu của mười phương, theo vật tức là phàm thứ, hướng đến trong chân không, hiện lao tù của sáu thú. Đổi thay tại người, một tánh không khác, mê ngộ do mình, muôn duyên chẳng đổi. Như trong kinh nói: "Vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật, xưa trước con chưa tiếp thừa dạy răn của chư Phật, thấy Ca-chiên-diên-tỳ-la-chi tử, đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt, gọi là Niết-bàn, con tuy gặp Phật nhưng nay vẫn hồ nghi, làm sao phát huy chứng biết tâm đây là chẳng sinh diệt? Nay những người hữu lậu trong đại chúng đây đều mong muốn được nghe". Phật bảo: "Đại vương! Thân ông hiện còn nay lại hỏi ông. Thân thịt ông nay là đồng như kim cương thường trú chẳng rả mục, hay lại biến hoại?" Vua hỏi: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay thân của con trọn theo biến diệt". Phật bảo: "Đại vương! Ông chưa từng diệt, làm sao biết diệt?" Vua thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Thân con đây vô thường biến hoại, tuy chưa từng diệt, nhưng con quán từng niệm hiện tiền đổi thay rơi rụng mới mới chẳng dừng, như lửa thành tro dần dần tiêu mất chẳng dứt. Nên quyết biết thân đây sẽ theo diệt hết". Phật bảo: "Như vậy, Đại vương! Nay tuổi tác ông đã theo già suy, nhan mạo nào như lúc trẻ nhỏ!". Vua thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Xưa trước, lúc con trẻ nhỏ sắc da mập đẹp, tuổi lúc trưởng thành, khí huyết sung mãn, mà nay tuổi già bức bách, hình sắc khô khan tiều tụy, tinh thần mờ tối, tóc bạc mặt nhăn đợi đến chẳng lâu, làm sao thấy sánh như thời sung thạnh?" Phật bảo: "Đại vương! Hình dung ông lẽ ra chẳng chóng mục rã!?". Vua thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Biến hóa kín nhiệm đổi thay, con thật chẳng biết, lạnh nóng chuyển dời dẫn đến nay đây. Tại sao? Lúc con hai mươi tuổi, tuy gọi là niên thiếu, nhưng dáng mạo đã già hơn lúc mười tuổi, lúc ba mươi tuổi lại suy hơn lúc hai mươi, đến nay sáu mươi tuổi lại suy quá

gấp đôi, xét lúc năm mươi tuổi, rõ ràng mạnh mẽ. Bạch Đức Thế Tôn! Con thấy kín nhiệm đổi thay, tuy chết đây tuy thời gian đó đổi thay tạm hạng mười năm. Nếu lại khiến con tinh tế tư duy thì biến đổi kín nhiệm đó chỉ một năm hai năm. Thật là năm biến đổi, mà đâu chỉ năm biến đổi, mà cũng gồm cả tháng đổi thay, vào ngay tháng đổi thay, mà ngày cũng biến chuyển, lắng tư duy quán xét kỹ thì trong từng sát-na, thời gian của mỗi niệm chẳng được ngưng dừng, nên biết thân con trọn theo biến diệt". Phật bảo: "Đại vương! Ông thấy biến hóa cải đổi chẳng ngừng, ngộ biết ông diệt, cũng ở lúc diệt, biết trong thân ông có gì chẳng diệt chăng?" Vua Ba-tư-nặc chắp tay bạch Phật: "Con thật chẳng biết". Phật dạy: "Nay ta chỉ bày cho ông về tánh chẳng sinh diệt. Đại vương! Lúc ông bao nhiêu tuổi là được thấy nước sông Hằng?" Vua đáp: "Lúc con ba tuổi, từ mẫu dẫn đưa con đến ra mắt trời Kỳ-bà, đi ngang qua dòng sông đó, lúc ấy tức là biết nước sông Hằng vậy". Phật bảo: "Đại vương! Như ông nói năm mươi hai tuổi suy hơn lúc mười tuổi, cho đến lúc sáu mươi tuổi, giờ ngày tháng năm từng niệm biến đổi, thì lúc ông ba tuổi thấy nước sông Hằng, đến năm mươi ba tuổi, nước sông ấy thế nào?" Vua đáp: "Như lúc ba tuổi, rõ ràng không khác, cho đến nay tuổi sáu mươi hai, cũng không có khác". Phật bảo: "Nay ông tự thương tóc bạc mặt nhăn, mặt đó hẳn nhăn so với lúc trẻ nhỏ, thì ông lúc này nhìn nước sông Hằng đây so với lúc trẻ nhỏ, thấy của nhìn sông có trẻ già chăng?" Vua đáp: "Không vậy, Bạch Đức Thế Tôn!". Phật bảo: "Đại vương! Mặt ông tuy nhăn, mà tánh tình chưa từng nhăn. Nhăn tức là biến đổi, chẳng nhăn là không phải biến đổi. Biến đổi là bị diệt, chẳng biến đổi kia vốn không sinh diệt, cớ sao ở trong đó nhận ông sinh tử? Mà còn nêu dẫn Mạt-già-lê v.v... kia đều nói thân này sau khi chết toàn diệt ư?" Vua nghe vậy rồi, tin biết sau thân bỏ mạng sống hướng đến sự sống, cùng cả đại chúng vui mừng nhảy nhót, được điều chưa từng có". Lại như trong tám thức của chúng sinh, thì năm căn nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân trước và thức thứ tám đều duyên với hiện lượng, được tự tánh của các pháp chẳng trệ ở tất cả danh ngôn. Lại không hai thứ kế độ phân biệt và tùy niệm biết, tức hiện tiền chẳng sinh diệt. Nếu hai thức thứ sáu (ý thức) và thứ bảy (mạt-na thức) rơi lạc ở tỷ lượng và phi lượng, và đủ cả kế độ phân biệt và tùy niệm phân biệt tức niệm niệm thường sinh diệt, cũng là ở trong sinh diệt có tánh chẳng sinh diệt. Kinh văn nêu trên, đó là nhân Xà-vương nêu bày nghi ngờ, cậy phá đoạn kiến của ngoại đạo nên có phương tiện đây, hai tánh phân biệt sinh diệt và chẳng sinh diệt. Nếu người chẳng chấp đoạn thường thấy tánh thì

tám thức tâm vương đồng một chân tánh, đều là thật tướng không có sinh diệt. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Phải biết lúc sắc sinh chỉ là không sinh, lúc sắc diệt chỉ là không diệt". Trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

"Không vật theo duyên sinh
Không vật theo duyên diệt
Khởi chỉ các duyên khởi
Diệt chỉ các duyên diệt".

Nên biết muôn pháp đã chẳng theo duyên sinh, cũng chẳng chẳng phải duyên sinh. Lại, chẳng không cũng chẳng sinh, không cũng chẳng sinh. Tại sao? Nếu tất cả pháp là chẳng không tức không có sinh, vì không tự tánh không vậy mới có thể tùy duyên thành các huyễn có. Nếu tất cả pháp là không, cũng không có sinh, vì không tự thể vậy, không có tướng sinh, đã không có sinh cũng không có diệt, như trong luận có kệ tụng nói:

"Quả chẳng không chẳng sinh
Quả chẳng không chẳng diệt".

Vì quả chẳng không nên chẳng sinh cũng chẳng diệt, quả không nên chẳng sinh, quả không nên chẳng diệt. Vì quả là không nên chẳng sinh cũng chẳng diệt, chỉ tùy tâm mà hiện rốt ráo không sinh. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: "Này thiện nam! Ta thường nói là sắc tâm các duyên và tâm sở khiến các pháp sở duyên, chỉ tâm sở hiện. Thân ông tâm ông đều là minh tâm viên diệu diệu tánh bảo minh, nhận mê trong ngộ, mờ tối làm không, không trong mờ tối kết tối làm sắc, sắc tạp vọng tưởng, tướng tưởng làm thân, tụ chuyên bên trong lay động hướng bên ngoài buông lung tối khuấy, tướng khuấy lấy làm tâm tánh, một mê làm tâm, quyết định lầm hoặc làm sắc trong thân, chẳng biết bên ngoài sắc thân, đến cả núi sông hư không đại địa đều là vật trong chân tâm diệu minh. Thí như biển lớn lắng trong trăm ngàn lại vất bỏ, chỉ nhận thể một bọt sóng nổi xem là làm toàn con sóng cùng tận cả bể khởi. Các ông tức là người mê trong mê, như ta duỗi tay đồng không sai biệt. Như Lai gọi đó là người rất đáng xót thương". Như nói ở trên thì tánh thấy khắp cùng tợ như gương thường trong sáng, như hư không chẳng động, muôn vật tự phân ra vào, một tánh chưa từng qua lại, chỉ tùy duyên của sinh diệt, bỏ sót tánh diệu minh đây. Vì vậy tất cả Tổ giáo đều chỉ thấy tánh biết tâm, chẳng theo chỗ sinh của sinh nhân, chỉ theo chỗ rõ của liễu nhân. Tướng thô dễ biện rành, tánh tế khó rõ biết, tùy nơi chuyển mà chẳng biết, tại lúc chiếu mà mới rõ. Như nay chẳng

thấy, đều bị tâm ba lầm hoặc kéo lôi cảnh sáu trần dẫn dắt. Chẳng biết cảnh nguyên là ta, chợt thành chủ bị khách làm mê mờ, chỉ lúc có thể tùy dòng được tánh, tự nhiên không lầm hoặc. Lại có thuyết nói: "Bát-nhã chỉ dùng tâm thần khế hội, dùng tâm truyền tâm mới thành kín nhiệm giao phó. Không thể dùng ngôn từ vết tích sự tướng mà tìm cầu". Đó là người chưa vào, hiển bày tông phá chấp, sợ là chấp thủ tướng trái ngược tâm, tình cầu ý hiểu nên có thuyết đó. Nếu dung hội mà luận bàn thì tùy duyên thể diệu tức tướng luôn chân. Vả lại, như lúc chánh thấy tướng là ai thấy tướng? Vì sáu trần ngu độn nên gọi là chẳng tự lập, tướng chẳng tự thi, vì sáu căn anh lợi nên mạnh tự dựng lập mà làm duyên đối, nếu năng rõ cảnh vốn tịch, thức tự không sinh thì vào chân không bình đẳng, mới xứng là rốt ráo thấy tánh vậy, nên nói tánh thấy khắp cùng chẳng phải ông thì ai. Tánh nghe là tức nay tánh nghe đầy đủ ba thứ chân thật. Văn- thù chọn ra, hiện chứng có thể biết, quán âm vào cửa viên thông lập nghiệm, chẳng phải theo hành được chẳng rơi lạc hữu vi, đâu gá công thành, xưa nay như vậy. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có kệ tụng nói:

"Thí như người lắng ở
Mười phương đều đánh trống
Mười xứ đồng thời nghe
Đây thì viên chân thật.
Mắt chẳng nhìn chướng ngoài
Miệng mũi cũng như vậy
Thân dùng hợp mới biết
Tâm niệm rối không mối.
Cách tường nghe vang vọng
Xa gần đều nghe được
Năm căn chỗ chẳng đều
Đó thì không chân thật.
Tánh âm thanh động tĩnh
Trong nghe làm có không
Không tiếng gọi không nghe
Chẳng phải nghe không tánh.
Tiếng không đã không diệt
Tiếng có cũng chẳng sinh
Sinh diệt hai viên lìa
vậy thì thường chân thật."

Giải thích: Đây là nói ngay như nay tất cả chúng sinh nhật dụng

hiện hành, tánh nghe có ba lý chân thật: Một là, viên chân thật, hai là, thông chân thật, ba là, thường chân thật. Thứ nhất, Viên chân thật là vì tánh nghe khắp tất cả xứ, mười phương thanh trần đồng thời không có trước sau, vì đồng thời khắp cùng, mỗi mỗi đều chẳng vượt ngoài tự tánh, như nước nổi sóng, sóng chẳng lìa nước, vì thanh xứ toàn nghe, ngoài nghe không pháp tức là vốn nghe tự đầy đủ tánh viên thông, chẳng phải đợi chứng Thánh mới có sự ấy, nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Cha mẹ sinh ra vậy
Thanh tịnh không vết đó
Dùng tai thường này nghe
Tiếng ba ngàn thế giới."

Lại nói: "Người trì kinh Pháp Hoa, tuy chưa được Thiên nhĩ, chỉ dùng tai sinh ra, công đức đã như vậy."; Thứ hai, thông chân thật là nhãn căn thấy tánh tuy tức rõ suốt, năng quán trước mà chẳng quán sau. Ba căn mũi lưỡi thân đều do hợp trong đó biết. Nhân năng sở mà sinh khởi. Nếu ý biết chỗ căn duyên chẳng định, niệm niệm trở lại đổi thay nên chỗ năm căn chẳng đều, chỉ có nhĩ căn viên thông chẳng ngại. Khoảng của nghe âm vang mặc tình cách ngại mà xa gần đều nghe, lúc của diệu ứng, không chọn lựa mà lớn nhỏ đều đầy đủ. Nên Hòa thượng Cao Thành có lời ca rằng: "Lúc tai ứng hoặc cốc sâu, âm thanh lớn nhỏ đều đầy đủ, mười phương chuông trống một lúc khua, Linh quang vận vận thường tương tục, thì ở thân phàm mà chẳng giảm. Ở thể Thánh mà chẳng tăng, thường hiện thường thông, trần lao chẳng thể giấu thần thái đó, chẳng gián chẳng đoạn, thiên ma chẳng thể bẻ oai quang đó. Chẳng hoại nhĩ căn của duyên sinh, tròn đủ diệu tánh của Nhất linh."; Thứ ba ,Thường chân thật là tánh âm thanh động tĩnh. Động tĩnh là thể của âm thanh, tánh ở trong nghe tợ có tợ không, như lúc không tiếng gọi là không nghe, chẳng phải thật nghe không tánh, vì tánh nghe thường tại. Nếu tánh nghe tùy theo thanh trần mà diệt thì lúc tiếng trước diệt tiếng sau chẳng hợp lại nghe, nên biết thanh trần tự không, tánh nghe chẳng phải diệt, thanh trần tự có, tánh nghe chẳng phải sinh. Lại chẳng phải chỉ tánh nghe không sinh, trái lại quán thanh trần cũng không sinh diệt, vì theo duyên mà khởi, tự thể vốn không. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Tất cả các pháp giống như âm vang hang cốc". Trong Lăng-nghiêm sớ sao nói: "Như trong cốc không tiếng, không tiếng tức không vang, trong pháp giới đều không tiếng, tất cả tiếng đều là vọng tâm, lúc vọng tâm chẳng động đều không vọng tưởng, vì có tâm sai biệt chấp thọ tức có

tiếng. Tứ đại như cây khô tức vốn không tiếng, đều duyên chấp, nên các Đại Bồ-tát chẳng dùng âm thanh nghe pháp". Vậy biết thanh trần vốn không, đều nhân chấp có, tình tiêu chấp mất, muôn pháp vốn hư, có không đã hư sinh diệt sao có? Vậy biết tánh ta và tánh Như Lai không khác, tất cả pháp thế gian tức là Phật pháp vậy. Trong kinh nói: "Pháp đó trú ngôi pháp, tướng thế gian thường trú". Như Kiều-trần-na nhân âm thanh mà ngộ đạo, diệu âm mật viên. Xưa trước giải thích là: Nếu có năng sở thì chưa được gọi là mật ngộ lý tứ đế, suy năng văn và sở văn đều là tự tâm. Tâm tức là bản giác, quang minh chiếu khắp pháp giới, trí tâm thủy giác cũng chiếu khắp pháp giới, tức là nhân âm thanh mà được ngộ. Tất cả chúng sinh nương tựa quán xét đó cũng được giải thoát. Nếu nghe tiếng đáng hợp ý không đáng hợp ý mà sinh mến ghét, bèn bị âm thanh trói buộc, chỉ quán trong biển tâm là xuất xứ của âm thanh. Vì biển tâm vốn không có tướng, tâm tuy bao hàm, âm thanh cũng không tướng, không tướng tức là ở trong tất cả âm thanh mà được giải thoát. Nên biết không pháp chẳng tâm, không tâm chẳng pháp. Rõ suốt thấu đạt như vậy thì đối với tất cả các pháp chẳng hợp chẳng tan, chẳng buộc chẳng thoát vậy. Nên Đức Phật bảo A-nan: "Ông học nghe nhiều, chưa sạch các lậu, trong tâm không biết điên đảo sở nhân, chân đảo hiện tiền thật chưa thể biết, sợ tâm thành thật của ông đạo phẩm chưa tin phục. Nay ta thử đem các việc trần tục để trừ nghi ngờ nơi ông" và tức thời Phật bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông. Hỏi: A-nan rằng: "Nay ông nghe chăng?" A-nan và Đại chúng đồng nói: "Tôi nghe". Chuông ngân dứt tiếng, Đức Phật lại hỏi: "Nay ông nghe chăng?" A-nan và Đại chúng đều đáp: "Không nghe". Khi ấy La-hầu-la lại đánh một tiếng, Đức Phật lại hỏi: "Nay ông nghe chăng?" A-nan và đại chúng lại đáp: "Đều nghe". Đức Phật hỏi A-nan: "Ông sao nghe, sao chẳng nghe?" A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông nếu tánh thì con được nghe, đánh lâu tiếng tiêu âm và vang đều tuyệt thì gọi là không nghe". Đức Phật lại bảo La-hầu-la đánh chuông, và hỏi A-nan rằng: "Nay vậy có tiếng chăng?" A-nan đáp: "Tiếng chốc lát tiếng tiêu". Đức Phật lại hỏi: "Nay ông có tiếng chăng?" A-nan và đại chúng đều đáp: "Không tiếng". Khoảnh khắc sau, La-hầu-la lại đánh chuông, Đức Phật lại hỏi: "Vậy nay có tiếng chăng?" A-nan và đại chúng đều đáp: "Có tiếng". Đức Phật hỏi A-nan: "Thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng?" A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông, nếu đánh thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng tiêu, âm vang đều tuyệt thì gọi là không tiếng". Phật bảo A-nan và đại chúng rằng: "Nay ông tại sao tự nói trái loạn?"

Đại chúng và A-nan đồng thời hỏi Phật: "Chúng con nay sao gọi là trái loạn?" Phật bảo: "Ta hỏi ông nghe thì ông nói nghe. Ta hỏi ông tiếng thì ông nói tiếng. Chỉ nghe và tiếng trả lời không nhất định. Như vậy sao chẳng gọi là trái loạn? A-nan! Tiếng tiêu không âm vang, ông nói là không nghe. Nếu thật không nghe, tánh nghe đã diệt đồng như cây khô. Tiếng chuông lại đánh, làm sao ông biết! Biết có biết không tự là thanh trần, hoặc không hoặc có há là tánh nghe kia? Vì ông có không, nghe thật là không, vậy ai biết không? Cho nên, A-nan! Tiếng ở trong nghe tự có sinh diệt chẳng phải vì ông nghe tiếng sinh tiếng diệt. Nay tiếng nghe ở ông là có là không, ông còn điên đảo mê hoặc tiếng làm nghe, nào quái lạ hôn mê lấy thường làm đoạn. Trọn không nên nói lìa các động tĩnh lấp bít mở thông nói nghe không tánh, như người mê ngủ chín muồi nơi giường gối, trong nhà đó có người lúc người kia ngủ thì giả cối gạo, người kia trong mộng nghe tiếng cối giả, riêng làm vật khác, hoặc là đánh trống hoặc là khua chuông, tức ở lúc mộng, tự quái lạ chuông đó là âm vang đá gỗ, đến lúc chợt tỉnh ngủ mới rõ biết là tiếng chày, tự nói với người nhà "lúc ta ngủ mộng lầm mê tiếng cối đây đem làm tiếng trống". A-nan! Người ấy trong mộng đâu nhớ lắng lay mở đóng thông bít, hình đó tuy ngủ mà tánh nge chẳng hôn mê. Giả sử thân hình ông tiêu mất mạng quang đổi thay rơi rụng, nhưng tánh đây làm sao vì ông tiêu diệt?" Trong Lăng- nghiêm sớ nói: "Đánh chuông là để biện rõ chân vọng, tức tánh nghe mà có thể chân, nêu thanh trần để biện rõ vọng. Nếu nhân tiếng có nghe, thì nghe đây chẳng lìa tiếng. Nếu lìa tiếng có nghe, thì đó là chân nghe. Nay ông chỉ chấp tùy duyên nghe của tiếng, nghe đây chẳng lìa ở tiếng, chỉ hợp tiếng đó, chẳng hợp tiếng đó. Nếu thật là tánh nghe thì như nước chẳng diệt thanh trần, như gió thổi nước thành sóng, nên có tướng nghe thanh trần chẳng khởi, tướng nghe tức không mà tánh nghe chẳng diệt. Vì tánh chẳng diệt thì thanh trần nếu đến lại có tướng nghe, như nước chẳng diệt, nếu lúc gió động tức có tướng sóng. Như chân tánh sắc pháp mười phương giới, tùy tâm cảm hiện thì có tướng sắc. Tánh nghe đây cũng lại như vậy. Nên biết chẳng nhận tự thể tánh nghe luôn thường tức theo thanh trần tưởng nghe sinh diệt, bèn mới nghe ngợi khen mà sinh vui mừng, nghe dèm chê thì nổi sân hận. Vì mê vốn nghe vậy, theo tiếng lưu chuyển vậy. Văn- thù nói: "Chúng sinh mê vốn nghe, theo tiếng nên lưu chuyển. A-nan dù cho gượng nhớ, chẳng khỏi lạc tà tư. Há chẳng phải tùy chỗ xoay đấm lưu chuyển mà được không vọng?" Lại nói: "Xoay máy nghe của ông ngược lại, trở lại nghe tự tánh nghe, tánh thành đạo Vô thượng, viên

thông thật như vậy". Như nay dùng tiếng làm nghe, trái bỏ theo cảnh há chẳng là máy nghe xoay ngược. Nếu năng xoay có lưu chuyển của thanh trần trở lại không vọng của vốn nghe, thì là trở lại nghe tự tánh, được gốc về nguồn, trong diệt căn mờ tối, ngoài tiêu cảnh trần. Năng sở đã thoát, đạo bản giác thành, tịch chiếu viên thông chân thật như vậy. Do đó, Đức Phật bảo A-nan! Vì các chúng sinh từ vô thủy đến nay, theo các sắc thanh tùy niệm lưu chuyển, chẳng từng mở ngộ tánh tịnh diệu thường, chẳng theo chỗ thường mà tùy các sinh diệt. Do vậy, đời đời tạp nhiễm lưu chuyển. Nếu bỏ sinh diệt, giữ ở chân thường, ánh sáng thường hiện tiền, căn trần thức tâm, ứng thời tiêu rụng, tưởng tướng làm trần, thức tình làm dơ, cả hai đều xa lìa, thì mắt pháp ông ứng thời trong sáng, cớ sao chẳng thành hiểu biết Vô thượng?" Vì vậy nếu rõ tánh nghe tức thành Chánh giác. Ở tâm cảnh đó đều chứa, động tĩnh đều hết. Như Quán Âm nói: "Đức Phật dạy con theo văn tư tu vào Tam-ma-địa, mới đầu ở trong nghe, vào dòng mất chỗ, chỗ vào đã lắng, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sinh, như vậy dần tăng. Nghe và điều nghe hết, hết nghe chẳng trú, giác và điều giác không, không giác cực viên, không và chỗ không diệt, sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, chợt nhiên siêu vượt thế gian và xuất thế gian, mười phương tròn sáng, được hai thứ thù thắng: Một là, trên hợp với bản Diệu giác tâm của mười phương chư Phật, cùng Phật Như Lai đồng một từ lực. Hai là, dưới hợp mười phương tất cả sáu đạo chúng sinh, cùng các chúng sinh đồng một bi ngưỡng". Do đó, mới đầu từ tánh nghe vào, trước tiên mất cảnh của thanh trần động tĩnh, tiếp đến mất tâm nghe và điều nghe. Đã tâm cảnh đều mất, lại chẳng trú không tâm cảnh và trí của năng giác sở giác, thì giác trí đều không, không đây cũng không, mới thành Viên giác. Nên nói: Không giác cực viên, không và chỗ không diệt, mới hết nguồn sinh diệt, đến nơi tịch diệt Bản giác diệu tâm. Như trong luận Khởi Tín nói: "Tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai biệt, nếu lìa vọng niệm thì không có tướng của chúng sinh sai biệt", nên biết vọng niệm không mà căn cảnh rơi rụng, thức tưởng tiêu mà trần cấu chìm lắng, thì mắt pháp ứng thời trong sáng, thường sáng rõ ràng chóng hiện. Bản tánh thấy nghe đã vậy, các căn sở hiện cũng vậy, nên trong kinh nói: "Sáu vua tự tại thường thanh tịnh vậy". Lại trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có kệ tụng nói:

"Một căn đã về nguồn
Sáu căn thành giải thoát
Thấy nghe như mờ che

Ba cõi tợ hoa đốm
Nghe lại trừ căn mờ
Trần tiêu giác tròn sáng
Sạch hết sáng thông đạt
Tịch chiếu gồm hư không
Tức lại quán thế gian
Giống như việc trong mộng
Chỉ vì chưa giác ngộ
Trước ở trong nhiễm tịnh
Có một mảy thấy nghe".

Nơi của lấy bỏ đều tại ba cõi, đêm dài vô minh trong mộng sinh tử, mới được thấy tánh, bèn đồng giác sau, tự giác giác tha nên gọi là Phật. Lại, tánh của tự tâm đây, khắp tất cả xứ, tùy xứ được vào, chẳng phải riêng thấy nghe, hoặc ý tiêu cõi hương mà vào viên thông, hoặc tâm mở cảnh trần mà chứng pháp nhẫn, hoặc vào quán nước mà đạt tánh, hoặc xét lực gió mà ngộ tông, hoặc mổ xẻ đau nhức đó mà thuần rõ thân để lại, hoặc rõ tâm không ngằn mé mà vào thấy biết của Phật, hoặc quán xúc chạm hơi nóng mà thành tựu hỏa quang Tam-muội, hoặc diễn nói pháp âm mà dẹp trừ ma oán. Ngay lúc đại ngộ đây trọn chẳng thấy một cảnh có thể sinh, một lời có thể chấp, nay chỉ vì người mê tánh theo văn trái tâm cầu đạo, giả dùng ngôn thuyết, chỉ vì tự tâm. Từ đây một mực vào quán, bỏ phân tích nghiên lý, đó thì há chẳng là nhân lời nói mà ngộ đạo, nhờ giáo mà rõ tông ư? Vì người như vậy chẳng gì không lợi ích, bèn khiến người học với tâm ban đầu tin có chỗ về, tiện có thể dứt đuổi cầu bên ngoài, xoay soi xét trở lại, chóng thấy chính mình, rành rẽ rõ tâm, như ngay khi uống đề hồ, thân gần mở kho báu, mới ngộ mất của tùy ngôn, rất thẹn lỗi lầm quay lưng với chính mình. Nên A-nan v.v... nhân sau khi Đức Thế Tôn mở bày tự tánh, phát lời nói tự vui mừng là "tiêu trừ ý tưởng điên đảo của con trong ức kiếp, chẳng trải qua A-tăng-kỳ kiếp mà được pháp thân". Nên hay chẳng động trần lao, hiện thân thành Phật, ngôn giáo của Phật tổ có sức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, vì là pháp lợi rộng lớn vô biên. Do đó dẫn đủ toàn văn lời Phật dạy làm chứng, cớ sao lại có che trách văn từ ngôn luận trái với chính mình ư? Nếu chẳng quán xét trong tâm chứng thì pháp sư luật sư thiền sư v.v... mỗi mỗi có mười thứ quá hoạn. Như trong kinh tượng pháp quyết nghi nói: "Ba sư (luật, pháp, thiền) phá hoại Phật pháp, sơ lược mỗi mỗi có mười lỗi. Pháp sư có mười lỗi: Một là, chỉ cầu văn giải bên ngoài mà chẳng quán bên trong tu tâm, như trong Thích Luận nói:

"Có luận mà không tuệ, thì điều nói ra không nên nhận thọ". Hai là, chẳng dung hợp kinh, dứt tranh cãi hướng đến đạo, chỉ chấp mình chẳng phải người khác, ngã mạn tự cao, chẳng biết thấy tâm khổ tập. Ba là, chẳng tuân, chẳng nương niệm xứ tu đạo, chẳng nương giới luật mà sống, chẳng phải là đệ tử của Phật. Bốn là, như trong kinh nói: "Chẳng phải thiền chẳng tuệ, thiên tuệ chẳng thiền, một cánh một xe đâu thể chuyển vận xa". Năm là, pháp vốn không nói, nói phá tham cầu danh lợi, hoằng tuyên sao hợp với Thánh chỉ. Sáu là, quí tai vào miệng ra, nào lợi nơi mình, trong kinh nói: "Như người đếm vật báu của kẻ khác, tự mình không nửa phân tiền". Bảy là, không hành mà tuyên (không tu mà dạy), đâu lợi gì người khác. Tám là, lại thêm nhiều nước sữa, giáo của không đạo, giáo của không đạo, giáo làm mê hoặc đời sau. Chín là, bốn chúng mất pháp lợi chân thật, chuyển đến khinh bạc. Mười là, chẳng phải chỉ chẳng thể hiển bày sáng ngời Phật pháp, mà cũng là phá hoại Phật pháp vậy. Mười lỗi quá của Thiền sư là: Một là, như trong kinh nói: "Giả danh A-luyện-nhã, áo nạp ở nơi không nhàn, tự nói hành nhân đạo, ưa nói lỗi chúng ta"; Hai là, ỷ cậy hành lấn lướt kẻ khác, chẳng biết giới thủ khổ tập phiền não; Ba là, không tuệ tu định, thiền mù không mắt, làm sao ra khỏi sinh tử; Bốn là, chẳng tuân di chúc, chẳng nương niệm xứ tu đạo, chẳng nương giới luật mà sống, chẳng phải là đệ tử của Phật; Năm là, thiền của Không tuệ phần nhiều phát quỷ định, sinh phá hoại Phật pháp, chết đọa vào quỷ đạo; Sáu là, danh lợi tọa thiền, như Phiến-đề-la chết đọa vào địa ngục; Bảy là, giả chứng đắc thiền tức đọa vào nạn trời Trường thọ; Tám là, như nước sữa, thiền giáo trao dạy học trò, tiếp nối hạt giống ba đường khổ; Chín là, bốn loài chúng sinh chẳng đượm nhuần chân pháp chuyển thành khinh bạc; Mười là,chẳng phải chỉ chẳng thể làm hiển bày Tam bảo sáng ngời mà còn phá hoại Phật pháp vậy. Mười lỗi của Luật sư: Một là, chỉ chấp luật bên ngoài chẳng biết giới ở trong nên bị Tịnh Danh chê trách; Hai là, chấp danh tướng luật, cải tính phải quấy, chẳng biết thấy tâm khổ tập; Ba là,gồm giới định tuệ qua lại nương nhờ nhau mới có thể tiến đạo. Chỉ luật chẳng tuệ chẳng thiền, làm sao có thể tiến đạo; Bốn là, mở mang danh dự, chí chẳng có đạo, quả ở ba đường khổ; Năm là, chẳng tuân di chúc, chẳng nương niệm xứ tu đạo, chẳng nương giới luật mà sống; Sáu là, chấp luật phương tiện tiểu giáo lấy làm chánh lý mà chướng đại đạo; Bảy là, sư sư chấp luật chẳng đồng hoằng dương thì phần nhiều thêm nước sữa; Tám là, chẳng nương Thánh giáo mà truyền trao sai lầm lụy đến đời sau; Chín là, bốn chúng chẳng đượm nhuần chân pháp, chuyển

đến khinh bạc; Mười là, chẳng những chẳng thể hiển bày Tam bảo sáng ngời, mà còn phá Phật pháp vậy". Vậy biết nếu chẳng quán tâm, đầy đủ mất lớn như trên, như trong luận Đại Trí Độ nói: "Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn chẳng ăn dùng cúng thí của trong nước thì phải học Bát-nhã Ba-la-mật". Lại trong kinh Bảo Lương nói: "Nếu học Phật pháp Đại thừa, thọ nhận thức ăn của thí chủ như núi Tu-di, nhận y phục của thí chủ có thể trải khắp đại địa, nếu chẳng học, nếu chưa rơi vào tăng số, mười phương không chỗ đất khạt nhổ". Trong kinh Duy-ma cũng nói: "Kính học như thầy, mới khởi tâm học, bèn có phần làm trời người". Hoặc nghe một câu Tông Kính, quyết định thành Phật không nghi. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có nghe pháp đó, không ai chẳng thành Phật, chỉ trừ người chưa nghe, người mù tối chẳng tin". Nếu là đã nghe đều là nhân xưa trước, đã nhận y phục châu báu, từng gần nơi Phật hội, chẳng thể buông lung, phải quyết chí mở tìm chợt gặp duyên sai, không không chỗ được. Do đó, trong luận Du-già nói: "Chẳng thong thả trong gia hạnh, lại năng dõng mãnh tinh tấn như vậy, nghĩa là ta nay nhất định sẽ hướng đến chứng, chỗ nên chứng đắc, chẳng nên kiêu mạn trì hoãn. Tại sao? Vì ta có lắm thứ nhân duyên chết ngang, điều gọi là trong thân hoặc gió hoặc nóng hoặc đàm phát động, hoặc ăn uống chẳng chánh tiêu hóa trú ở trong thân, hoặc bệnh ăn đêm, hoặc bị các thứ rắn, bò cạp, sâu bọ trăm chân đủ loại các thứ trùng ác độc rúc nhả độc hại, hoặc lại bị người hay phi nhân các loại khiến khiếp sợ, nhân đó mà chết yểu. Với các nơi chết ngang như vậy, thường luôn tư duy, tu tưởng vô thường, trú chẳng buông lung. Do trú chẳng buông lung như vậy nên luôn tự tư duy thọ mạng của ta, thản như được qua bảy ngày sáu ngày năm ngày bốn ngày ba ngày hai ngày một ngày, một giờ nửa giờ, khoảnh khắc, hoặc trải qua chừng khoảng bữa ăn, hoặc từ hơi thở vào đến hơi thở ra, hoặc từ hơi thở ra đến hơi thở vào, cho đến còn sống trải qua thời gian như vậy, đối với Thánh giáo của Phật phải tinh tấn tác ý tu tập Du-già, khắc chặc thời gian đó đối với Thánh giáo của Phật, ta phải quyết định có nhiều việc làm, như vậy gọi là chẳng thong thả gia hạnh.

Hỏi: Các hàng nghĩa học phần nhiều vui thích nghe đọc, còn Thiền tông chỉ chuyên nội quán. Nhưng hai môn giáo là quán, khuyết một chẳng thể được. Nếu chỉ quán tâm mà chẳng tìm giáo thì rơi đọa vào ngu ám chướng thường mạn. Nếu chỉ tìm giáo mà chẳng quán tâm thì chịu chê trách chấp ngón tay đếm vật báu. Có người chẳng thông đạt xoay quanh phải quấy. Nay đây Tông Kính rộng rãi sưu tầm ý Tổ giáo đầy đủ, xin vì tinh tế mở bày để quyết trừ nghi ngờ sâu xa.

Đáp: Giáo và quán khó rõ, phải phân bốn câu, như nói: Một là, giáo môn chẳng phải lý môn, giáo là năng thông, lý là sở thông. Năng sở khác nhau vậy; Hai là, lý môn chẳng phải giáo môn, ta nghe trong giải thoát không có ngôn thuyết vậy; Ba là, giáo môn tức lý môn, văn tự tức giải thoát vậy; Bốn là,lý môn tức giáo môn, giải thoát tức văn tự vậy. Lại đem môn đối giáo bốn câu phân biệt: Một là, được giáo chẳng được môn, là pháp sư văn tự vậy; Hai là, được môn chẳng được giáo là Thiền sư quán tuệ vậy; Ba là, được môn lại được giáo là Pháp sư văn tuệ vậy; Bốn là, môn giáo đều chẳng được là giả danh A-luyện-nhã vậy. Lại hoặc tùy phân tích của phương tiện thì chấp quyền hại thật, nếu đạt giáo của viên hiển thì rõ thật mở quyền, chấp quyền thì giáo quán phân hai, rõ thật thì nhân pháp yếu chỉ. Nhân pháp một yếu chỉ thì cảnh trí đều ngầm, giáo quán phân hai thì tin pháp đều hiện, có quán có nghe, cảnh trí đều ngầm thì không trong không ngoài. Đó là tùy căn lợi độn mà có mở ngăn (khai già) đây. Nếu năng y cứ yếu chỉ viên dung tự không lấy bỏ thì mỗi mỗi mảy trần hợp đạo, tin hành đồng cơ của pháp hành niệm niệm quy tông, giáo môn đồng yếu chỉ của quán môn, như vậy thì không một tâm có thể chiếu, ai chấp quán môn, không một pháp có thể nghe, ai luận giáo đạo, mới vào Tông Kính cùng đây tương ưng, chưa đạt môn này trọn thành cách ngại. Vả lại trong giáo thuật đủ có hai thứ người tu hành: Một là, tin hành, hai là, pháp hành. Theo Tát-bà-đa bộ nói rõ địa vị hai người ấy ở kiến đạo. Nhân nghe mà vào, đó là tinh hành, nhân tư duy mà vào, đó là pháp hành. Theo Đàm Vô Đức bộ nói là địa vị ở phương tiện tự thấy pháp ít, nhờ sức nghe nhiều, sau đó cần phải nghe pháp mà được ngộ, gọi là tin hành. Nhờ sức nghe ít mà tự thấy đạo nhiều, sau đó cần phải tư duy mà được ngộ, gọi là pháp hành. Trong Chỉ Quán nói: "Nếu lễ bái về lợi hay độn là pháp hành lợi, bên trong tự quán pháp vậy, tín hành độn nhờ người khác mà nghe vậy. Lại, tin hành lợi là một nghe tức liền ngộ, pháp hành độn là trải qua các pháp quán sát vậy. Hoặc đều lợi, hoặc đều độn, người tin hành tuệ lợi tu tuệ độn, người pháp hành tu tuệ lợi, nghe tuệ độn". Trên đây tạm nói về điều nói của ba quan điểm, tự nhiên chẳng thể thiên chấp. Quán tâm và giáo đạo, quyết định căn cứ nghe học và tọa thiền. Nay nếu được nhất tâm thì muôn tà diệt vậy thì tâm nào mà chẳng phải giáo, nếu nghe một mà ngàn ngộ được đại tổng trì thì giáo nào mà chẳng phải tâm, giáo nào mà chẳng thể tâm thì ngoài tâm không pháp. Tâm nào mà chẳng phải giáo thì ngoài pháp không tâm. Lại nói về hai người đối pháp hành của Đại sư Trí Giả, dùng Chỉ Quán an tâm, tùy ý của bốn tất-đàn để hợp

cơ nghi, đều khiến vào đạo. Đại sư liền hỏi rằng: "Ông đối với định tuệ làm những gì?" Người ấy nếu nói: Tôi nghe Đức Phật nói thiện tri thức là như ánh sáng vầng nguyệt dần dần tròn bày, lại như thềm thang dần dần lên cao, khéo nói chuyển tâm người là nhân duyên lớn của việc đắc đạo, chí vui thích khát uống như trâu nghé theo mẹ. Phải biết đó là người tin hành vậy. Nếu nói: Tôi nghe Phật nói gương sáng nếu chẳng động thì sắc tượng tự rõ ràng, nước trong không gợn sóng thì cá đá tự hiện, vui mừng bỏ ác giác như buông bỏ gánh nặng, phải biết đó là người pháp hành vậy. Đã biết tướng tánh ở chỗ tám phen an tâm của một người. Ôi! Này thiện nam! Vô lượng kiếp đến nay uống độc cuồng tán, rong theo năm trần, lên xuống ba cõi, giống như gió mạnh thổ bông tơ nhẹ, tợ sức nóng lớn vạt sôi nấu đậu nổi chìm, từ khổ đến não, từ não đến khổ, sao chẳng dứt tâm đạt gốc dùng một ý đó. Ý nếu là một, thì việc gì chẳng xong? Khổ tập được một thì chẳng luân hồi, vô minh được một, chẳng đến ở hành. Cho đến chẳng đến già chết bẻ gãy cây lớn, rốt ráo nên chẳng tạo mới. Tám tệ được một thì qua bờ kia, chỉ đây là vui thích, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên các thứ thí dụ, rộng tán dương ở chỉ (dừng), phát vui vẻ tình đó. Đó gọi là tùy lạc dục, dùng chỉ mà an tâm vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như trời nắng hạn sông hồ đều khô, các loại cỏ khô cháy, trăm thứ lúa mạ điêu tàn, vua Sa-già-la suốt bảy ngày nhóm mây, bốn phương đổ mưa khắp đất liền thấm đượm, tất cả các thứ hạt giống đều nẩy mầm, tất cả gốc rễ đều khai phát, tất cả cành lá đều tươi tốt, tất cả hoa quả đều phô bày. Người cũng như vậy, vì hết buông lung nên ứng sinh, thiện lại chẳng sinh, đã sinh thiện lại lùi mất, sông thiền định khô, cây đạo phẩm diệt, muôn thiện khô cháy, muôn phước tàn rụi, nhân hoa đạo quả chẳng lại thành thục. Nếu nghe rừng nhàn một ý, trong chẳng ra, ngoài chẳng vào, mây lắng ùn nổi vậy, phát các thiền định tức là đổ mưa vậy, công đức tòng lâm, phương tiện Noãn Đảnh, mắt trí sáng rõ tín nhẫn thuận nhẫn, vô sinh tịch diệt nhẫn, cho đến Bồ-đề Vô thượng, thảy đều khắc được, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ, rộng tán thán ở chỉ, sinh căn lành ấy. Đó gọi là tùy tiện nghi dùng chỉ an tâm vậy. Lại nữa, này thiện nam! Phàm, tán tâm là ác của trong ác, như voi say không xiềng xích nhảy đạp phá hoại ao hoa, lạc đà xỏ mũi, vụt đổ ngã vật mang vác, nhanh so như điện kéo độc hơn lưỡi rắn, chất chồng năm thứ ngăn che, bụi mà tốt um linh diệu, lông my gần, khoảng trời trống xa thảy đều chẳng thấy. Nếu năng tu định thì như trong thất kín ánh đèn có thể phá tối tăm dày đặc, lược vàng chải màng mờ, không sắc rõ ràng, một ngón tay hai ngón tay ba

ngón tay đều rõ, mưa lớn có thể thấm ướt bụi trần ầm ĩ, đại định có thể lắng yên buông lung điên cuồng. Chỉ năng phá tán hư vong diệt vậy. Phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ, rộng tán thán ở chỉ, phá mê ngủ tán loạn đó. Đó gọi là đối trị, dùng chỉ an tâm vậy. Lại nữa, này thiện nam! Tâm nếu tại định năng biết pháp tướng thế gian sinh diệt, cũng biết pháp tướng xuất thế gian chẳng thể diệt. Như Lai thành đạo vẫn còn an vui định, huống gì các phàm phu có thiền định, như ban đêm thấy ánh sáng điện chớp tức được thấy đạo, phá vô lượng ức điều ác suốt cùng, cho đến được thành Nhất thiết chủng trí, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ, rộng tán thán ở chỉ, tức hợp với chân như, đó gọi là tùy đệ nhất nghĩa dùng chỉ an tâm vậy. Người ấy nếu nói: "Tôi nghe tịch diệt đều chẳng vào tâm, nếu nghe phân biệt thì nghe nhận không chán". Tức nên vì đó nói: Ba ác thiêu đốt, lừa lạc đà mang nặng chở nhiều, ngạ quỉ đói khát, chẳng gọi là khổ. Si ám không nghe không biết phương góc mới là khổ lớn. Nghe nhiều phân biệt vui, thấy pháp pháp mừng vui, dùng khéo léo ghét vui, không đắm A-la-hán. Đó gọi là rất vui, từ người nghe nhiều nghe vui cam lồ, như giáo quán sát biết đạo xa lìa hầm hố, đi thẳng chẳng trở lại, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ rộng tán thán ở quán, phát vui tình đó. Đó gọi là tùy lạc dục dùng quán an tâm. Lại, này thiện nam! Vầng nguyệt lên sen nở, mặt nhật ló làm việc, khác buông nên tùy chủ, thể họa phải nhờ keo, ngói mộc chẳng gặp lửa, không phải ông già dùng, mù không được dẫn dắt một bước chẳng tới trước. Hành không quán trí cũng lại như vậy. Nhất thiết chủng trí dùng quán làm căn bản, chỗ trang nghiêm của vô lượng công đức, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ, rộng tán thán ở quán, sinh công đức đó. Đó gọi là tùy tiện nghi dùng quán an tâm. Lại nữa, này thiện nam! Người trí biết oán, oán chẳng thể hại, võ tướng có mưa năng phá địch mạnh, chẳng phải gió lấy gì cuộn mây, chẳng phải mây lấy gì ngăn nhiệt, chẳng phải nước lấy gì diệt lửa, chẳng phải lửa lấy gì trừ tối. Búa chẻ củi, dao cắt trói, đâu gì vượt qua trí tuệ, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ rộng tán thán ở quán chiếu phá ác, đó gọi là đối trị dùng quán an tâm. Lại nữa, này thiện nam! Bảy báu dưới giếng, bình đầy trong phòng tối, cần đợi mặt trời tỏ sáng, mặt trời đã xuất hiện rồi đều được rõ ràng, cần có mắt trí tuệ quán biết các pháp thật, trong tất cả các pháp đều dùng Đẳng quán vào Bát-nhã Ba-la-mật rất là chiếu sáng, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ, rộng tán thán ở quán khiến được ngộ giải. Đó gọi là Đệ nhất nghĩa dùng Quán an tâm. Tám phen như vậy vì người tin hành

nói an tâm vậy. Người ấy nếu nói: Tôi vui thích dứt tâm im lặng dùng lại im lặng, tổn đó lại tổn đó, bèn đến nơi vô vi, chẳng vui thích phân biệt, ngồi lâu vô ích". Đó là căn tánh pháp hành, phải vì nói chỉ: Ông chớ tìm bên ngoài, chỉ giữ một bên trong, nương giác lưu động đều từ vọng sinh, như quay vòng lửa, ngưng tay thì dứt, sóng lớn nổi vỗ, gió lặng thì yên. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Sao gọi là phan duyên? Nghĩa là có ba cõi, sao gọi là dứt phan duyên? Nghĩa là tâm không chỗ được". Trong kinh Thụy Ứng nói: "Đó được nhất tâm thì muôn tà diệt vậy". Long Thọ nói: "Thật pháp chẳng điên đảo, niệm tưởng quán đã trừ, pháp ngôn ngữ đều diệt, vô lượng các tội trừ, tâm thanh tịnh thường một. Người tôn diệu như vậy, thì năng thấy Bát-nhã". Phàm, trong núi sâu lắng, nơi thần tiên ngợi ca, huống gì Niết-bàn lắng tỉnh, Hiền thánh tôn sùng. Trong kinh Phật Thoại nói: "Tỳ-kheo ở đông, thân miệng tinh cần, chư Phật đều lo, Tỳ-kheo ở núi, hết việc nằm yên, chư Phật đều mừng". Huống gì là ngồi kiết- già buộc tay ngậm miệng buộc lưỡi, tư duy tướng tịch, nguồn tâm một chỉ, pháp giới rỗng vắng, há chẳng phải yếu đạo? Chỉ lấy đó làm quý, ngoài ra chẳng gì kịp. Phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên các thứ thí dụ, rộng tán thán ở chỉ, phát vui tâm đó. Đó gọi là tùy lạc dục dùng chỉ an tâm. Người đó nếu nói: "Ta quán pháp tướng chỉ thêm rối động, thiện pháp chẳng rõ". Phải vì đó nói chỉ, chỉ là pháp giới ruộng tốt phẳng bằng, không pháp gì chẳng đủ, chỉ là xả bỏ phan duyên, tức là đàn. Chỉ thể chẳng phải ác tức là giới. Chỉ thể chẳng động tức là nhẫn, chỉ không xen tạp, tức là tinh tấn, chỉ vì quyết định tức là thiền, chỉ pháp cũng không, người chỉ cũng không tức là tuệ, nhân chỉ hợp chẳng phải chỉ chẳng phải chẳng chỉ tức là phương tiện. Một chỉ tất cả chỉ tức là nguyện, chỉ chỉ ái chỉ chỉ kiến tức là lực, chỉ đây như Phật chỉ không hai không khác tức là trí, chỉ đầy đủ tất cả pháp tức là mật tạng. Chỉ an ở chỉ nào dùng riêng tu các pháp. Phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ khiến sinh căn lành, tức là tùy tiện nghi dùng chỉ an tâm vậy. Nếu nói ta quán pháp tướng, tán loạn mê ngủ chẳng trừ, phải vì đó nói: Chỉ rất có công năng, chỉ là vách tường định, tám thứ gió ác giác chẳng thể vào, chỉ là nước sạch, mênh mông nơi tám đảo tham dâm, giống như sương sớm mai thấy mặt nhật thì khô tan. Chỉ là đại từ, oán thân đều thương xót, năng phá nhuế nộ. Chỉ là đại minh chú, si nghi đều xua trừ, chỉ tức là Phật, phá trừ chướng đạo, như thuốc A-già-đà trị khắp tất cả, như diệu lương y chú khô dựng chết, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ khiến phá ác đó. Đó gọi là đối trị dùng chỉ an tâm. Người đó nếu nói: "Lúc ta quán sát chẳng được khai

ngộ”. Phải vì đó nói chỉ. Chỉ tức thể chân, chiếu mà thường tịch, chỉ tức tùy duyên, tịch mà thường chiếu. Chỉ tức chẳng chỉ, chỉ song ngăn song chiếu, chỉ tức mẹ Phật, chỉ tức cha Phật, cũng tức cha tức mẹ, chỉ tức thầy Phật, thân Phật mắt Phật tướng tốt của Phật. Phật tạng, trú xứ của Phật, không chỗ nào chẳng đủ, không chỗ nào chẳng trừ, phương tiện khéo léo các thứ nhân duyên thí dụ, rộng tán thán ở chỉ đó là Đệ nhất nghĩa dùng chỉ an tâm. Người kia nếu nói: “Tướng trạng chỉ lặng yên chẳng phải điều ta vui thích”. Phải vì đó nói quán, suy tìm đạo lý, trong Thất giác có Trạch giác chi, trong Bát chánh có Chánh kiến, trong Lục độ có Bát-nhã, ở trong pháp môn làm chủ làm dẫn dắt, cho đến thành Phật Chánh giác, Biến giác, Đại giác đều là dị danh của quán tuệ, phải biết quán tuệ rất là tôn diệu, rộng tán thán như vậy. Đó là tùy lạc dục dùng quán an tâm, nếu chuyên cần tu quán năng sinh tín, giới, định, tuệ giải thoát và giải thoát tri kiến. Biết bệnh biết thuốc, hóa đạo đại hành, các thiện khắp hợp, không gì vượt qua quán. Đó là tùy tiện nghi dùng quán an tâm. Quán năng phá mờ tối, năng soi chiếu đạo, năng trừ oán, năng được báu, nghiêng núi tà khô biển ái, đều là do lực của quán. Đó gọi là tùy đối trị dùng quán an tâm. Nếu lúc quán pháp chẳng được năng sở, tâm lự rỗng rang mông lung muốn mở, chỉ phải chuyên cần quán mở bày tỏ ngộ vào. Đó là dùng Đệ nhất nghĩa dùng Quán an tâm. Đó là tám phen vì người pháp hành nói an tâm vậy. Lại nữa, người căn chẳng định, hoặc có lúc lùi chuyển. Theo Tát-bà-đa bộ nói rõ chuyển độn làm lợi. Thành Luận nói rõ sở tập thì lợi. Đây là trước sau luận bàn về lợi độn, chẳng được một lúc xong vậy. Nay nói rõ tâm hành chúng sinh chẳng định, hoặc chốc lát mà độn chốc lát mà lợi, nhậm vận tự vậy chẳng phải liên quan căn chuyển, cũng chẳng sở tập; hoặc làm quán chẳng triệt nhân nghe tức ngộ, hoặc nghe lâu chẳng hiểu, tạm tư duy tức quyết rõ, cho nên lại luận chuyển căn an tâm. Nếu pháp hành chuyển làm tin hành theo căn đó chuyển, dùng tám phen tất-đàn mà trao an tâm. Nếu tin hành chuyển thành pháp hành cũng theo căn chuyển, dùng tám phen tất-đàn mà trao an tâm. Được ý rộng lược đây, tự tại nói đó, chuyển và chẳng chuyển hợp có ba mươi hai an tâm vậy tự hành an tâm là phải xét tâm đây muốn vui thích gì? Nếu muốn dứt vọng khiến niệm tưởng vắng lặng là vui thích pháp hành. Nếu vui thích nghe suốt đáy vô minh, là vui thích tin hành, vui thích vắng lặng là biết vọng từ tâm ra, dứt tâm thì các vọng đều lắng, nếu muốn chiếu biết, phải biết nguồn tâm, nguồn tâm chẳng hai thì tất cả các pháp đều đồng hư không. Đó là tùy lạc dục tự hành an tâm. Tâm đó tuy rộng phân biệt tâm và các pháp, mà tin niệm

tinh tấn mảy may thiện chẳng sinh, tức phải ngưng dừng chớ động các thiện, công đức nhân tỉnh lắng mà sinh. Nếu lúc ngưng dừng càng thấy chìm lặng, đều không tấn nhẫn, phải so sánh trù lượng khuyên răn đó khiến khởi. Nếu niệm niệm chẳng trú, như Hãn mã buông chạy, tức phải dùng chỉ đối trị rong ruổi buông lung. Nếu tỉnh lắng yên lặng, vô ký và ngủ (thùy) tương ưng, tức phải tu quán phá các hôn bít. Tu chỉ đã lâu chẳng thể mờ phát, tức nên tu quán. Quán tất cả pháp vô ngại không khác, dẹp yên sáng lợi, dần giác như không. Tu quán đã lâu ám chướng chẳng trừ, nên lại tu chỉ, chỉ các duyên niệm không năng không sở, chỗ ta đều lắng, không tuệ sắp sinh. Đó là tự tu pháp hành tám phen khéo léo bày trải khiến được an tâm. Tin hành an tâm là hoặc muốn nghe tịch định như núi Tu-di chẳng sợ tám động, tức nên nghe chỉ, muốn nghe lợi quán phá các phiền não, như mặt nhật trừ tối, tức nên nghe quán, nghe quán nhiều như mặt nhật đốt cháy mầm, tức nên nghe chỉ dùng nước định thấm nhuần, hoặc nghe ngấm lâu như mầm thối chẳng sinh, tức nên nghe quán, khiến gió thường ngày phát động, khiến thiện pháp hiện tiền. Hoặc lúc buông lung quán, một niệm chẳng trú, tức nên nghe chỉ để trị tán tâm. Hoặc hôn trầm mông lung mắc sương mốc, tức phải nghe quán phá ngủ muồi đó, hoặc nghe chỉ mở mang tức chuyên nghe chỉ, hoặc nghe quán rõ ràng tức chuyên nghe quán. Đó là tự tu tin hành tám phen khéo an tâm vậy, nếu pháp hành tâm chuyển làm tin hành, tin hành tâm chuyển làm pháp hành, đều tùy chỗ thích nghi khéo dùi mài nghiên cứu đó. Tự hành có ba mươi hai pháp. Chỉ lạy người khác cũng có ba mươi pháp, hợp làm sáu mươi bốn an tâm vậy. Lại nữa, tin pháp chẳng riêng lẻ lập, phải nghe và tư duy nương đỡ nhau. Như pháp hành là tùy nghe một câu, thể vắng lặng trong lắng, mộng dối đều xua trừ, trở lại ngồi tư duy, tâm sinh hoan hỷ hoặc nghe chỉ rồi trở lại tư duy tức sinh thiền định. Lại nghe ở chỉ trở lại tức tư duy, vọng niệm đều phá. Lại nghe chỉ rồi, trở lại tư duy, sáng rõ muốn ngộ. Lại nghe quán rồi, trở lại tư duy, tâm rất hoan hỷ. Lại nghe quán rồi trở lại tư duy, sinh thiện phá ác, muốn ngộ v.v... cứ ở trước có thể biết. Đây là nghe ít tư duy nhiều, gọi là pháp hành, chẳng phải đều chẳng nghe pháp vậy. Tin hành đoan tọa tư duy tịch diệt, mừng rỡ chưa sinh, khởi rồi nghe chỉ, hoan hỷ ngọt vui. Đoan tọa niệm thiện, thiện chẳng thể phát, khởi rồi nghe chỉ, tin giới tinh tấn, gấp bội lại tăng nhiều. Đoan tọa trị ác, ác chẳng thể xua trừ, khởi rồi nghe chỉ, tán động phá diệt. Đoan tọa tức chân, chân đạo chẳng mở, khởi rồi nghe chỉ, chợt như ngộ tịch, đó là tin hành, ngồi ít nghe nhiều, chẳng phải đều chẳng tư duy. Ở trước làm một mực căn

tánh, nay làm căn tánh cùng giúp, y cứ trong cùng giúp, lại luận về chuyển và chẳng chuyển cũng có ba mươi hai an tâm, chỉ dạy người khác tương tư (cùng nương đỡ nhau) cũng có ba mươi hai an tâm, hợp thành sáu mươi bốn, hợp cả trước làm một trăm hai mươi tám an tâm vậy. Phàm, tâm địa khó an, trái khổ thuận vui, nay tùy chỗ ước nguyện, theo mà an đó. Thí như nuôi dưỡng sự sống, hoặc uống hoặc ăn vừa thân lập mạng. Nuôi pháp thân cũng vậy, dùng chỉ làm uống, dùng quán làm ăn. Dược pháp cũng vậy, hoặc viên hoặc tán để trừ lạnh nóng, trị bệnh vô minh, dùng chỉ làm viên dùng quán làm tín. Như pháp âm dương, dương thìg ió và mặt trời, âm thì mây mưa, mưa nhiều thì mát, mặt nhật nắng nhiều thì cháy. Âm như định, dương như tuệ, định tuệ thiên lệch đều chẳng thấy Phật tánh, tám phen điều hòa, quý ở được ý. Một thứ Thiền sư chẳng chấp nhận quán, chỉ chuyên dùng chỉ, dẫn kệ tụng nói:

"Tư tư không tự tư
Tư tư không tự khổ
Dứt tư tức là đạo
Có tư trọn chẳng thấy".

Lại một sư chẳng chấp nhận chỉ, chuyên ở nơi quán, dẫn kệ tụng nói:

"Chỉ chỉ không tự chỉ
Mờ tối không chỗ dùng
Chỉ chỉ tức là đạo
Quán quán tức hợp lý".

Hai sư mỗi theo một môn vào vì lợi ích riêng mình, chỉ dạy người khác học, chẳng thấy ý, một mực uống sữa, nước căn còn khó được huống gì là đề hồ. Nếu một hướng giải hiểu, cớ sao Phật nói các thứ ư? Trời chẳng thường tạnh, thuốc chẳng chuyên tán, ăn chẳng luôn cơm. Thế gian còn vậy huống gì xuất thế ư? Nay tùy căn tùy bịnh xoay chuyển, tự hành chỉ dạy người khác có sáu mươi bốn. Nếu căn cứ ba phen chỉ quán tức ba trăm tám mươi bốn. Lại nữa, một tâm chỉ quán lại có sáu mươi bốn, hợp thành năm trăm mười hai. Ba tất-đàn là thế gian an tâm. Thuốc thế gian điều trị lành rồi lại sống. Một tất-đàn là xuất thế an tâm, Như Lai điều trị rốt ráo chẳng phát. Pháp thế gian và xuất thế gian hỗ tương thành hiển bày. Nếu lìa ba đế không nơi an tâm, nếu lìa chỉ quán, không pháp an tâm. Nếu tâm an ở đế thì một câu tức đủ. Nếu như không an, khéo dùng phương tiện khiến tâm được an. Lưới có một mắt, chẳng thể được chim, được chim là một mắt của lưới vậy. Tâm hành chúng sinh mỗi mỗi chẳng đồng, hoặc nhiều người đồng một

tâm hành, hoặc một người có nhiều thứ tâm hành. Như vì một người hay chúng đông cũng vậy, như vì nhiều người hay một người cũng vậy, phải rộng bày mắt của lưới pháp để bắt chim của tâm hành, quanh co nhỏ nhiệm các thứ an tâm như vậy. Lợi độn đều thâu, tự tha đều lợi, nếu có người nghe thì đảnh đội tu hành.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 45

Ở trên là dẫn nêu Thai giáo nói rõ hai pháp định tuệ an tâm, tiếp theo y cứ tông Hoa Nghiêm để giải thích. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Ở trong nhãn căn vào chánh định, ở trong sắc trần từ định ra, chỉ bày sắc tánh chẳng nghĩ bàn, tất cả trời người chẳng thể biết. Ở trong sắc trần vào chánh định, ở nhãn ra định tâm chẳng loạn, nói nhãn không sinh không có khởi, tánh không tịch diệt không chỗ làm".

Sớ thích nói: Định tuệ tuy có nhiều mà chẳng vượt ngoài hai thứ: Một là sự, hai là lý. Kiềm chế một nơi, không sự gì chẳng xong, là môn sự định vậy. Năng quán tâm tánh khế lý chẳng động là môn lý định vậy. Rõ thấu pháp tướng là sự quán vậy. Khéo rõ vô sinh là lý quán vậy. Trong các kinh luận hoặc riêng nói sự định hoặc chỉ nói lý định. Hai quán cũng vậy, hoặc đánh thể sự lý chỉ quán tương đối, hoặc dùng sự quán đối với lý định. Như trong luận Khởi Tín nói: Ngưng (chỉ) tất cả tướng, cho đến tâm chẳng thể được là chỉ, mà quán thân duyên sinh diệt là quán". Lại dùng lý quán đối với sự định. Kinh đây nói: "Nhất tâm chẳng động vào các thiền, rõ cảnh không sinh là Bát-nhã". Hoặc đều thông hai, như kinh đây nói: "Thiền định trì tâm thường một duyên, trí tuệ rõ cảnh đồng Tam-muội". Hoặc cả hai đều sạch hết, chẳng phải định, chẳng phải tán, hoặc định của tức quán đều gọi là định, như quán tâm tánh gọi là thượng định. Hoặc quán của tức định, chỉ gọi là quán, như dùng trí quán không phân biệt gọi là Bát-nhã. Hoặc nói song vận, nghĩa là chiếu của tức tịch. Sở dĩ hạn cục thấy đó là tùy tông nhìn một văn hỗ tương chẳng phải loại trừ. Nếu thiên lệch tu tùy vào một môn thì đều có khắc chứng nhưng chẳng phải tròn đầy khoái thích. Nay kinh văn đây khéo hiển bày vô ngại, lược phân năm đối: Thứ nhất là,đối căn cảnh vô ngại, nghĩa là quán căn vào định nên căn ra mà từ cảnh ra là hiển bày căn cảnh chỉ là một tâm duyên khởi không hai, lý tánh dung thông, cho nên căn vào cảnh ra vậy. Cảnh vào căn ra cũng vậy; Thứ hai là, đối lý sự hai định vô ngại, nghĩa là phân biệt tự tướng nên vào định

mà vào lý định, muốn quán tánh không nên vào lý định mà vào sự định, vì khế lý của tức sự mà chẳng động vậy. Vào lý tức là vào sự, chế tâm là sự của tức lý mà một duyên vậy. Vào sự tức vào lý mà kinh văn chỉ nói vào chánh định, chẳng nói sự lý và cả ra quán. Trong cảnh tức nói phân biệt sắc tướng, đó là sự quán vậy. Trong căn tức nói tánh không tịch là lý quán vậy, cũng hợp với đem căn sự đối với cảnh lý để biện vô ngại; Thứ ba là, đối sự lý hai quán vô ngại, nghĩa là muốn phân biệt sự tướng nên từ sự quán khởi mà trở lại lý quán khởi, vì cảnh của sở quán tức chân tục đều dung, pháp giới chẳng hai vậy. Trí phân biệt sự tức là trí của vô sinh. Hai quán chỉ là một tâm vậy, cũng nên đem cảnh sự lý đối với căn sự lý để biện vô ngại; Thứ tư là, ra vào vô ngại, vì khởi định tức là vào định vậy, khởi định mà tâm chẳng loạn. Nếu dùng sự lý cùng trông xét nhau nên thành bốn câu, nghĩa là sự vào sự khởi, sự vào lý khởi, lý vào lý khởi, lý vào sự khởi. Nếu dùng căn cảnh cùng trông xét nhau lại cũng thành bốn câu, nghĩa là căn sự vào cảnh sự khởi v.v... mỗi mỗi tư duy đó đều có nguyên do. Lại nữa, hoặc dùng lý quán đối với sự chỉ, nghĩa là khế lý vọng dứt vậy, hoặc sự quán đối với lý tịch, nghĩa là không niệm biết cảnh vậy, hoặc sự quán đối với sự tịch, nghĩa là quán ở một cảnh tâm chẳng lay động vậy. Hoặc lý quán đối với lý tịch nghĩa là mất tâm chiếu cực vậy. Như trong Bách Môn Nghĩa Hải nói: "Rõ ra vào định nghĩa là thấy lý của trần là tánh không mười phương tất cả chân thật, gọi là vào định vậy. Nhưng lúc thấy trần không tánh không lý không đây mới là không của mười phương vậy. Tại sao? Do tâm của mười phương thấy ở một mảy trần, cho nên không lấy mười phương làm trần, định cũng chẳng ngại, sự tướng uyển nhiên, cho nên khởi và định cùng đồng hư không giới, chỉ vì một nhiều dung thông, đồng khác vô ngại, cho nên một vào nhiều khởi, nhiều vào một khởi, sai biệt vào một khoảng khởi, một khoảng vào sai biệt khởi, thảy đều đồng thời một khoảng thành lập không có khác biệt. Phải biết định tức khởi, khởi tức định, một và tất cả đồng thời thành lập, ra vào vô ngại vậy; Thứ năm là, đối hai lợi thể dụng vô ngại, nghĩa là ở nơi căn sâu khởi định, tâm chẳng loạn là thể vậy, là tự lợi vậy, mà chẳng ngại lý buông nơi cảnh rộng là dụng vậy. Trời người không thể biết là lợi tha vậy. Bởi vì thể dụng không hai vậy, tự lợi tức là lợi tha. Trên đây mười nghĩa đồng làm một tụ pháp giới duyên khởi tương tức tự tại. Bồ-tát khéo đạt tác dụng vô ngại. Lại nữa, trong kinh tạm căn cứ căn cảnh tương đối, cũng nên cảnh cảnh tương đối, nghĩa là sắc trần vào chánh thọ, thanh hương Tam-muội khởi. Lại nên căn căn tương đối, nghĩa là nhãn căn vào chánh thọ, nhĩ

căn Tam-muội khởi v.v... nói sắc tánh khó nghĩ lường v.v... là tức sắc đồng với tổng trì là sắc Đà-la-ni tự tại Phật đồng, cũng nên nói phân biệt nhãn tánh khó nghĩ lường có nhãn Đà-la-ni tự tại Phật đồng. Lại, trong nhãn nói là tánh không tịch diệt, tức là độ môn của nhãn, nhãn đồng bản tịnh, cũng nên nói sắc đồng độ môn, sắc đồng bản tịnh, chẳng chỉ thủ tướng chẳng nhiễm, không tâm là tịnh mà thôi vậy. Lại dùng Trí Luận ba quán buộc đó phân biệt sắc tướng đều là giả danh quán vậy, tánh không tịch diệt là không quán vậy. Hai chẳng hai đây, sắc tánh khó nghĩ lường là Trung đạo quán vậy. Ba không trước sau, đều là một tâm, từ trước đến nay vô ngại, sâu mầu khó nghĩ lường, các hàng mới học làm sao hướng vào? Nay phải tổng kết, chỉ năng biết sự lý vô ngại, căn cảnh nhất như, niệm lự chẳng sinh, tự sẽ hướng vào. Cho nên trong sự tức lý, nào từng có ngại, ngoài tâm không cảnh, niệm tự chẳng sinh. Như vậy thì vào nhất tâm của Tông Kính, thành song vận của Chỉ Quán, mới có thể rốt ráo định tuệ trang nghiêm, tự lợi lợi tha tròn đầy vô tận hạnh. Lại nữa, nếu tâm người chẳng an ở trong ba cõi, chưa vào môn chỉ quán, chẳng phải tập học đó là tình kéo muôn cảnh, ý khởi trăm tư duy, vào năm dục như vòng lửa xoay chưa từng tạm rảnh, vùi năm trược nơi chốn lao tù vào xét tạm lìa, lưới trần muôn lớp kín mít mà thường trùm ý địa, dây ái muôn gút khoảnh khoảnh mà buộc hết ruộng tình, tung gò cao nơi núi mạn giăng ngăn pháp giới, quậy sóng lớn nơi biển tham nuốt hết dòng dục, như kiến tụ ong nhóm phan duyên sai khiến làm, tợ chuột cắp chó trộm, kết cấu lo toan làm. Lửa tám khổ đốt hoài, sông hai chết luôn chìm, luân hồi sinh diệt khổ não trói buộc, đều là chẳng thể tự an tâm vậy. Nay làm người riêng giác ngộ ở trong đêm dài sinh tử trần lao vô minh ba cõi mộng lớn, mở toan lưới ái, muốn thấu nguồn khổ, sắp cầu vui đại tịch diệt của Đức Như Lai là như trước nêu thuật môn an tâm, ngay đó tương ưng không gì trước định tuệ. Định là thể của tự tâm, tuệ là dụng của tự tâm, Định tức tuệ nên thể chẳng lìa dụng, tuệ tức định môn dụng chẳng lìa thể. Cả hai đều ngăn thì đều sạch hết, cả hai đều chiếu thì đều tồn tại. Thể dụng cùng thành, ngăn chiếu vô ngại. Đây là hai pháp định tuệ cốt yếu của tu hành, đại chỉ của Phật tổ, kinh luận đều thuyên giải. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: "Dùng sức thiền định trí tuệ được pháp cõi nước". Lại nói: "Sức định tuệ trang nghiêm, dùng đó độ chúng sinh". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Chúng sinh hoặc kiến thường buộc
Rừng rậm vô thủy kéo chưa trừ
Cùng chí chung đồng tâm đều sinh

Thường cùng trói buộc chẳng đoạn tuyệt
Chỉ là vọng tưởng chẳng vật thật
Chẳng lìa nơi tâm không xứ sở
Cảnh thiền định vạch nhưng chuyển lùi
Đạo Kim cang diệt mới rốt ráo".

Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Định tuệ đồng học, rõ thấy Phật tánh". Lại nói: "Trước dùng định động, sau dùng trí trừ". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Thiền định là cha, trí tuệ là mẹ, có thể sinh ra tất cả các bậc đạo sư". Lại nói: "Vì nghiệp lực nên vào sinh tử, vì định lực nên ra sinh tử", nên nói thiền chẳng phải trí, không lấy tận cùng tịch lắng đó, trí chẳng phải thiền không lấy gì phát chiếu sáng đó. Tại sao? Nghĩa là thiền không trí chỉ là sự định. Nếu được trí tuệ quán ở tâm tánh tức là thượng định. Nếu trí chẳng được thiền mới là tán mất khéo phân biệt. Tuệ mà có định như đèn trong phòng kín, tịch mà thường chiếu, lìa động phân biệt thật tướng tuệ vậy. Nếu dịnh tuệ đều vận, động tịch dung thông thì niệm niệm vào môn Tam-muội tịch tịch vận chiếu không bờ mé. Như trên, các thứ mở bày các thứ chứng minh, điều đình như vậy phân tích như vậy, lược bỏ phiền toái chọn lấy cốt yếu, bỏ ngụy còn chân. Vì vô số muôn ức các môn phương tiện đều khiến tất cả hàm sinh đều vào Tông Kính đây. Như trong đảy có vật báu, không mò tìm bày đó thì ai là người biết được, giống như kho vàng trong nhà, chưa gặp được người trí, thì do đâu phát hiện đào ra, như châu báu buộc trong chéo áo, chẳng nhân bạn thân chỉ bày, làm sao có thể được giàu có. Tợ như nhà trân quý của cùng tử, nếu chẳng do sự dẫn dụ của trưởng giả, thì sao chúng ta kế thừa. Giả sử hoặc rõ biết tin vào không nghi ngờ, lại tại ở người, khắc kỷ thành tựu việc làm mài luyện các thói quen khác, thẳng lấy tương ưng, trong tất cả mọi lúc, không được quên chiếu. Tự lượng sống chín, mỗi mỗi theo tiện nghi. Đây là lúc tu định, đây là lúc tu tuệ. Nếu tâm phát tán, phải hành Tam-muội, nếu ý hôn trầm nên mở cửa tuệ. Nếu ở trong địa vị kiến đạo tu đạo, thì đây là lúc hành chẳng phải lúc chứng, nếu ở ngay trong cứu cánh thì đây là lúc chứng chẳng phải lúc hành, không thể như hàng Nhị thừa vội vàng thủ chứng, chìm biển thật tế, đắm hầm giải thoát. Lại không thể bắt chước Tỳ-kheo Vô Văn, vọng chỉ vô sinh, cầu lên trái ngược xuống, tợ như ngoại đạo khổ hạnh chỉ gieo lưới kiến, mong ngộ gặp mê. Môn định tuệ đây là đường chân tu, là ánh sáng vầng nhật của môn chiếu tông, là thuyền đưa tiễn đi qua biển giác, là hai bánh của xe trâu trắng lớn, là hai cánh bay lên trời Đệ nhất nghĩa. Đồng học mà rõ thấy Phật tánh, trang nghiêm mà có

thể độ sinh, làm vua cõi nước pháp, nhân hai sức đây ra khỏi đáy biển sinh tử, toàn nhờ song tu, tan vọng loạn mà tợ gió thổi mây, phá ngu tối mà như mặt nhật chiếu ở đời, lay động sự cắm giữ sâu của tà kiến, nhổ rễ dày của vô minh, làm âm dương của biển Đại giác, làm cha mẹ của vua Bảo hoa, đầy đủ nên tảng của Nhất thừa, bền chắc tường thành của muôn hạnh. Dùng đây tương ưng năng vào Tông Kính. Ở trước căn cứ Thai giáo nói rõ năm trăm phen pháp môn an tâm đều vì hợp cơ đối bệnh ban thuốc. Nay nương theo Tổ giáo lại có một môn rất là tỉnh yếu, đó là vô tâm. Tại sao? Nếu có tâm thì chẳng an, vô tâm thì tự vui. Nên các bậc Tiên đức có kệ tụng nói:

"Chớ cùng tâm làm bạn
Không tâm tâm tự an
Nếu đem tâm làm bạn
Động tức bị tâm cười."

Trong kinh Pháp Hoa nói: "Pháp có vua pháp xuất hiện ở thế gian". Trong kinh Tịnh Danh nói: "Trừ bỏ chỗ có chỉ đặt một giường", tức là trừ có vọng tâm, cảnh ngoài vốn không, vì tâm có, tâm không cảnh không, nên trong luận Khởi Tín nói: "Cho nên phải biết tướng của tất cả cảnh giới thế gian đều nương tựa vô minh vọng niệm của chúng sinh mà được dựng lập, như ảnh tượng trong gương không thể chất khá được, chỉ từ tâm hư vọng phân biệt chuyển. Tâm sinh thì các thứ pháp sinh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt vậy". Vì vậy chỉ được không tâm thì cảnh tự chẳng hiện. Đã không đối đãi, nghịch thuận sao sinh? Vì nghịch cảnh nên sinh sân não, giặc mạnh can phạm cõi lòng. Vì thuận cảnh nên dẫn mũi tên hoa ái tình vào thân thể hay khiến tâm động nên gọi là chẳng an. Nay nếu không tâm thản nhiên chẳng việc gì, thì muôn cơ chóng đến mà chẳng nhiễu thần, ngàn nạn thù đối mà chẳng liên can lo nghĩ. Do đó, A-nan chấp có mà không căn cứ bảy xứ mịt mờ. Nhị tổ rõ không tự an, ngay lời nói đó mà thành đạo. Nếu chẳng rõ ngay yếu chỉ không tâm, tuy là đối trị chiết phục, nhưng tướng chẳng an đó thường hiện trước mắt. Nếu rõ không tâm, thì chạm đường chẳng kẹt, tuyệt một mảy trần mà tác đối, nào nhọc công trừ mỏng, không một niệm mà sinh tình, chẳng nhờ sức quên duyên. Lại nữa, không tâm căn cứ ở giáo có hai: Một là, lắng yên khiến không, hai là đương thể là không. Lắng yên khiến không tức là thâu niệm an thiền, tiêu hết giác quán, trừ sạch tỉnh lự, dần đến vi tế. Đương thể là không thể rõ ràng ngay vô sinh, vì nơi một niệm khởi chẳng thể được vậy. Trong kinh nói: "Một niệm mới khởi, không có niệm mới đầu, là chân hộ niệm". Trong luận Bảo Tạng

nói: "Phàm, lìa là không thân, vì là không tâm, không thân nên thân lớn, không tâm nên tâm lớn. Tâm lớn thì trí khắp muôn vật, thân lớn thì ứng khắp vô cùng". Vì vậy, chấp thân là thân thì mất ứng lớn đó, chấp tâm là tâm thì mất trí lớn đó. Nên ngàn kinh muôn luận không gì chẳng nói lìa thân tâm, phá chấp trước là vào chân thật. Thí như thợ vàng trừ bỏ quặng lấy vàng mới làm vật dùng. Nếu có thân thì có thân ngại, có thân ngại thì pháp thân ẩn trong vỏ hình. Nếu có tâm thì tâm ngại, có tâm ngại thì chân trí ẩn trong niệm lự, nên đại đạo chẳng thông, diệu lý chìm ẩn. Sáu thần trong oạn sáu cảnh ngoài duyên, đêm ngày hồi hộp không có dừng nghỉ. Phàm, chẳng quán tâm đó mà chẳng thấy nhỏ nhiệm đó, chẳng quán thân đó mà chẳng thấy lìa đó. Nếu chẳng thấy lìa vì đó thì mất đạo yếu đó, nên trong kinh nói: "Phật nói chẳng phải thân, gọi đó là thân lớn, tâm cũng như vậy". Đây có nghĩa là phá quyền về thật, hợp giả về chân, thí như thợ vàng trừ bỏ quặng lấy vàng mới làm vật dùng, tiêu tướng xen chứa để thông đại dã. Đại dã nghĩa là đại đạo. Trong đại đạo dã đây tạo hóa vô cùng, lưu xuất muôn tông, hoặc thành hoặc hoại, thể không tăng giảm. Nên trong kinh nói: "Có Phật hay không Phật, tánh tướng vẫn thường trú" Điều nói tướng xen chứa là chỉ vì hàng ngu phu chấp trước tướng, sợ không tướng vậy. Sở dĩ nói là tướng là vì hàng ngoại đạo kia đắm trước ở không tướng mà sợ có tướng. Sở dĩ nói Trung đạo là muốn khiến có tướng và không tướng chẳng hai vậy. Đây đều phá chấp trừ nghi ngờ, nói chẳng phải tận lý. Nếu lại có người thấu rõ tướng và không tướng bình đẳng chẳng hai, không lấy không bỏ, không đây không kia, cũng không khoảng giữa thì chẳng gá nhờ ngôn thuyết của Thánh nhân. Lý tự thông vậy, như thuật nói trên đều vì có tâm thành chướng ngại, nếu là không tâm, tự nhiên hợp đạo, tức là lìa vọng tâm đó, chân tâm chẳng động. Như trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Lìa tướng tâm duyên là, tâm lượng có mười thứ: Một là, tâm nhãn thức, hai là, tâm nhĩ thức, ba là, tâm tỷ thức, bốn là, tâm thiệt thức, năm là, tâm thân thức, sáu là, tâm ý thức, bảy là, tâm Mạt-na thức, tám là, tâm A-lại-da thức, chín là, vô tướng nhiều một thức. Mười là, tâm một một thức. Trong mười như vậy, chín thứ tâm trước chẳng duyên chân lý, một thứ tâm sau được duyên chân lý mà làm cảnh giới". Nay căn cứ chín thứ tâm trước mà nói như vậy, lìa tướng tâm duyên vốn có trong Khế Kinh mà nói như vậy, chân thể sâu mầu, chẳng phải các cảnh giới khác, chỉ tự chỗ tự nương tựa duyên làm cảnh giới. Nên trong kinh Lăng-già nói: "Chẳng phải tâm lượng của tâm ta nói tâm lượng". Nghĩa là dùng chẳng phải tâm lượng làm xua trừ tâm lượng. Nếu dùng chẳng

phải tâm lượng làm phải, đó tức là tâm lượng, nay gọi chẳng phải tâm lượng tức là tâm lượng của chẳng thể nghĩ bàn là chẳng ngại tâm lượng vậy. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát trú chẳng thể nghĩ bàn đó tức chẳng phải tâm lượng, ở trong nghĩ bàn chẳng thể cùng tận tức tâm lượng đó, vì hai tướng tức đoạt vậy. Vì nghĩ lường và chẳng phải nghĩ lường đều tịch diệt. Lại nói: “Ở nơi chẳng phải tâm bày sinh ở tâm” là vì người phần nhiều hiểu nhầm tình làm chẳng phải tình, chẳng phải tình làm tình. Nếu chấp ở nơi chẳng phải tâm bày sinh ở tâm, là chẳng phải tình làm tình. Đã nói bày sinh, chẳng phải chân không tình làm có tình vậy. Trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Phật bảo: Văn- thù! Ông vào Tam-muội chẳng nghĩ bàn ư?” Văn-thù Sư-lợi đáp: “Không vậy. Bạch Đức Thế Tôn! Tôi tức chẳng nghĩ bàn, chẳng thấy có tâm năng nghĩ bàn, cớ sao mà nói vào Tam-muội chẳng nghĩ bàn. Tôi lúc mới phát tâm muốn vào định đó, mà nay tư duy thật không tướng tâm mà vào Tam-muội. Như người học bắn, tập lâu thành giỏi, sau tuy không tâm nhưng do tập lâu nên mũi tên phát ra đều trúng. Tôi cũng như vậy, mới đầu học Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn, buộc tâm một duyên, như tập lâu thành tựu, lại không tâm tưởng, luôn cùng chung định”. Lại nữa, các bậc Tiên đức “Một niệm vọng tâm mới động, tức đủ các khổ thế gian, như người ở trong rừng gai gốc, chẳng động tức gai nhọn chẳng làm tổn thương, vọng tâm chẳng khởi, luôn ở vui tịch diệt, một niệm vọng tâm mới động, tức bị các hữu châm đau”. Nên trong kinh nói: “Có tâm đều khổ, không tâm mới vui”, phải biết vọng tâm chẳng khởi mới hợp với pháp thân an vui tịch diệt vậy.

Hỏi: Vốn tự không tâm, vọng nương đâu mà khởi?

Đáp: Vì chẳng rõ vốn tự không tâm, gọi là vọng. Nếu biết vốn tự không tâm, tức vọng không chỗ khởi, chân không chỗ được.

Hỏi: Cớ sao có tâm tức vọng, không tâm tức không vọng?

Đáp: Vì tánh pháp giới là không tịch, không chủ tể vậy. Có tâm tức có chủ tể, có chủ tể tức có phân tể, không tâm tức không chủ tể, không chủ tể tức không phân tể, không phân tể tức không sinh tử.

Hỏi: Không tâm là phải lìa tâm là không tâm, hay tức tâm được không tâm?

Đáp: Tức tâm được không tâm.

Hỏi: Tức tâm là có tâm, cớ sao được không tâm?

Đáp: Chẳng hoại tướng tâm mà không phân biệt.

Hỏi: Há chẳng biện rõ biết vậy?

Đáp: Tức biện rõ không năng sở là không tâm vậy, đâu lẫn lộn

không dụng mới là không tâm. Thí như gương sáng soi chiếu vật đâu có tâm ư? Phải biết tất cả chúng sinh luôn tự không tâm, tâm thể xưa nay thường tịch, tịch mà thường dụng. Dụng mà thường tịch, tùy cảnh soi rõ, đều là thật tánh tự vậy, chẳng phải có tâm mới có dụng, chỉ có nghĩa là chúng sinh chẳng rõ tự tâm thường tịch, vọng chấp có tâm, tâm bèn thành cảnh. Vì tức tâm không tâm nên tâm luôn là lý, tức lý không lý nên lý luôn là tâm. Lý luôn là tâm nên chẳng động tướng tâm. Tâm luôn là lý nên chẳng được tướng tâm, chẳng được tướng tâm nên tức là chúng sinh chẳng sinh, chẳng động tướng tâm nên tức là Phật cũng chẳng sinh. Vì chúng sinh và Phật đều chẳng sinh nên tức phàm thánh thường tự bình đẳng là tánh pháp giới vậy, thuần một đạo thanh tịnh, không còn có pháp khác. Phải biết chỉ có tâm phân biệt làm nơi của giải hiểu, đều là hư vọng, giống như trong mộng nếu chưa toàn tỉnh, dẫu thấy mảy may cũng còn là việc trong mộng. Chỉ được không tâm tức đồng sau khi tỉnh tuyệt các cảnh giới. Chỉ có một vi trần có thể làm nơi giải hiểu tu chứng chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng lìa ba cõi, là điều thấy trong mộng. Trong kinh nói: “Không có chút ít pháp có thể được, thì Phật liền thọ ký”. Trong Vô Sinh Nghĩa nói: “Thiên tử bất thối chuyển nói: “Cõi Phật đây chưa từng tư duy phân biệt ở ta thấy và chẳng thấy. Ta cũng chẳng tư duy cõi Phật thấy và chẳng thấy”. Nên biết các thấy từ có tâm mà sinh. Cõi Phật không tâm nên không thấy Thiên tử, Thiên tử có tâm mà chẳng sinh niệm nên nói chẳng thấy cõi Phật, bèn thành chẳng khác. Nên biết có tâm không tâm đều không. Đại sư Dung nói: Gương ảnh vốn không tâm, nói gương ảnh không tâm, từ trong không tâm nói không tâm. Người nói có tâm, nói người không tâm, từ trong có tâm nói không tâm. Trong có tâm nói không tâm là ngọn quán, trong không tâm nói không tâm là gốc quán. Chúng sinh chấp có thân tâm, nói gương ảnh phá thân tâm, chúng sinh đắm gương ảnh, nói rốt ráo không để phá gương ảnh. Nếu biết cảnh tượng rốt ráo không tức thân tâm rốt ráo không, giả danh rốt ráo không, cũng không rốt ráo không. Nếu thân tâm vốn không, Phật đạo cũng vốn không, tất cả pháp cũng vốn không, vốn không cũng vốn không. Nếu biết vốn không cũng giả danh, giả danh Phật đạo. Phật đạo chẳng phải trời sinh, cũng chẳng từ đất ra, ngay tánh không tâm đó soi chiếu thế gian như mặt nhật. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Hỏi: Nếu biết tâm chẳng thể thấy, cớ sao Phật nói biết như thật không thể thấy tâm? Đáp: Có người tọa thiền, nhớ tưởng phân biệt, thấy tâm đó như sợi tơ trong hạt châu trong sạch, quán xương cốt trắng trong người thấy tâm lần lượt tương tục sinh. Hoặc có

lúc thấy tâm ở thân, hoặc thấy ở duyên, như vô biên thức xứ, chỉ thấy thức vô lượng vô biên, phá các thứ hư vọng như vậy v.v... nên Phật nói như thật biết tâm chúng sinh. Tâm chúng sinh tự tướng vốn không nên không tướng tướng. Lại nữa, Phật dùng năm mắt quán tâm đây không thể được, mắt thịt mắt trời duyên sắc nên chẳng thấy, mắt tuệ duyên Niết-bàn nên chẳng thấy. Mắt pháp của hàng mới học phân biệt biết các pháp thiện chẳng thiện, hữu lậu vô lậu v.v... mắt pháp đó vào trong thật tướng thì không chỗ phân biệt, như ở trước nói tất cả pháp không biết không thấy, cho nên chẳng nên thấy. Mắt Phật quán tướng tịch diệt nên chẳng nên thấy, cho đến chẳng như người phàm phu nghĩ tưởng phân biệt thấy. Lại nữa, năm mắt do nhân duyên hòa hợp mà sinh, đều là tướng làm ra hư dối chẳng thật, Phật chẳng tin chẳng dùng, cho nên nói chẳng dùng năm mắt thấy. Lại hỏi tiếp: Xá-lợi-phất biết tướng tâm thường, vậy tại sao hỏi? Đáp: Vì Bồ-tát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề vào sâu đắm sâu, tuy nghe tâm rốt ráo không, thường thanh tịnh, còn nghĩ tưởng phân biệt chủ tướng không tâm đó, vì vậy nên hỏi tướng không tâm đó tâm là có hay là không. Nếu có, cớ sao nói tướng không tâm? Nếu không, cớ sao tán thán tâm vô đẳng đẳng đó sẽ thành Phật đạo? Tu-bồ-đề đáp trong tướng không tâm đó rốt ráo thanh tịnh, có và không đều chẳng thể được, không nên tật nạn, Xá-lợi-phất lại hỏi: Những gì là tướng không tâm? Tu-bồ-đề đáp: Rốt ráo không, tất cả các pháp không phân biệt, đó gọi là tướng không tâm. Tướng không tâm đây là tức tâm không tâm, chẳng phải đợi đoạn diệt. Như trong kinh nói: "Nếu có chúng sinh năng quán tất cả vọng niệm không tướng thì là chứng đắc trí tuệ của Như Lai". Lại nữa, không tâm là chẳng thể được hiểu làm có tình kiến hay không tình kiến. Nếu đem tâm làm không, đây tức thành có, nếu tất cả xứ không tâm như đất cây ngói sỏi đây thành đoạn diệt, đều thuộc ý căn gượng biết, việc bên cạnh vọng thức, do đó xưng là định chẳng thể nghĩ bàn, vì có tình kiến không tình kiến chẳng kịp vậy. Lại lắng yên sự đó, đương thể là lý, sự có công hiển bày lý, cũng có nghĩa che phủ lý, lý có sức thành sự, cũng có năng đoạt sự, mỗi mỗi thủ lấy thì cả hai tổn thương, đều quán thì đều phải, sao gọi là hiển bày lý? Nếu diệu tánh chưa phát phải nhờ sự hành hỗ trợ hiển bày trang nghiêm, như nước lắng trong các đá tự hiện, sao gọi là thành sự? Nếu công hành chưa tròn đủ hẳn nhờ lý quán dẫn phát mở dất. Sao gọi là che phủ lý? Nếu một hướng chấp sự tọa thiền, trái lại mê mờ mất chính mình, chưa biết huyền chỉ, luống nhọc niệm tĩnh. Sao gọi là đoạt sự? Nếu thiên chân chóng sáng như mặt trời tiêu băng, nào phải điều

tâm, thâu nhiếp khuất phục. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Nếu học các Tam-muội
Là động chẳng phải thiền
Tâm tùy dòng cảnh giới
Làm sao gọi là định".

Do đó không thể chấp một chấp hai, định phải định quấy, chỉ đến lúc tùy dụng, viên dung được sức, tự quen sâu cạn, như vậy về tông thuận yếu chỉ thì lý sự đều tiêu, tâm cảnh đều mất, định tuệ đều hết sạch. Như trong Vĩnh Gia Tập nói: "Do dùng Xa-ma-tha, tuy tịch mà thường chiếu, do dùng Tỳ-bà-xá-na, tuy chiếu mà thường tịch, do dùng Ưu-tất-xoa nên chẳng phải chiếu mà chẳng phải tịch, chiếu mà thường tịch nên nói tục mà tức chân, tịch mà thường chiếu nên nói chân mà tức tục, chẳng phải tịch mà chẳng phải chiếu nên cứng miệng ở Tỳ-da. Đó thì chẳng thể tuyệt đường ngôn ngữ, cũng là diệt chỗ tâm hành. Do đó, trong kinh Viên Giác nói: "Có làm tư duy từ có tâm khởi, đều là sáu trần vọng tưởng duyên khí, chẳng phải thật tâm thể. Đã như hoa đốm hư không, dùng tư duy đây biện rành ở cảnh Phật, giống như hoa đốm hư không là kết quả hư không, triển chuyển vọng tưởng. Điều đó không thể có".

Hỏi: Đã chẳng được làm giải hiểu của có hay không, thế nào là rõ ngay tự tâm?

Đáp: Hổ đá đánh nhau trước núi, hoa lau chìm đáy nước.

Hỏi: Trước nêu tông chẳng nói pháp tướng, cớ sao về sau lại nói rộng về các thức chủng hiện huân tập, nghĩa lý sai biệt, Du-già Duy thức, năm vị trăm pháp, pháp môn sự tướng ư?

Đáp: Đại ý của Phật tổ chỉ nói hai không, chứng hợp bản tánh nhất tâm chân như. Do đó trong luận Bách Pháp nói: "Như Thế Tôn nói tất cả pháp không ngã". Thế nào là tất cả pháp? Đó là tâm pháp. Thế nào là hai không ngã? Đó là nhân không ngã và pháp không ngã. Nếu tất cả chúng sinh chỉ được nhân pháp đều không, biết tất cả pháp tức tự tánh tâm. Vậy thì còn pháp gì khác mà nói bày ư? Như luận Du-già là do Bồ-tát Vô Trước thỉnh cầu Di-lặc giảng nói. Trong luận nói: "Bồ-tát Vô Trước ở địa vị sơ địa, chứng định Pháp Quang, được thần thông lớn, phụng thờ Phật Di-lặc, nên thỉnh cầu nói luận này. Lý không gì chẳng cùng, sự không gì chẳng tận, văn không gì chẳng giải thích, nghĩa không gì chẳng phân tích, không nghi nào chẳng trừ, không chấp nào chẳng phá, không hạnh nào chẳng tu, không quả nào chẳng chứng. Chánh vì Bồ-tát khiến ở cảnh hạnh quả v.v... của các thừa đều được khéo léo

chuyên cần tu Đại hạnh chứng Đại Bồ-đề, rộng vì các loài hữu tình thường không nói trái ngược, cho đến trong Du-già hành quán không thiếu pháp muốn khiến chứng đắc và muốn hiện quán. Hoặc nói chân như rốt ráo thanh tịnh, gọi là tối cực trong lý Du-già, tất cả công đức cùng tương ưng vậy. Do đó, Đại sư Trí Giả trong Tịnh Danh sớ có hỏi là: "Nay y cứ học của Long Thọ, sao ý dùng nghĩa của Thiên Thân?" Và đáp: "Long Thọ, Thiên Thân há chẳng đồng vào pháp môn không hai ư?" Nay vốn là Phật dạy, tùy nghĩa có chỗ mở mà dùng giải thích, sao được lấy bỏ định chấp vậy. Nếu phân biệt kết hoặc ngoài giới sinh tử và danh nghĩa các hành phải tinh tế tìm điều làm của Thiên Thân. Nếu quán môn trừ mỏng an tâm vào đạo thì có ai qua Long Thọ. Nếu chẳng lấy luận Du-già Sư Địa và luận Nhiếp Đại Thừa cùng sáng ngời trông soi là kia hoặc cho là ở chẳng phải nghĩa lý lắm mối gượng nói vậy. Nên biết chư vị Bồ-tát chế tác mỗi mỗi đều liên quan Thánh Điển, nên chẳng phải phát ra từ tự ý ức đoán. Dẫn rộng chứng minh khiến sinh văn tuệ. Tông Kính đây góp nhặt biên tập, đại ý cũng đồng. Nếu trước chẳng rõ luận Duy thức của Thiên Thân, Hộ pháp v.v... mổ xẻ căn trần vi tế sinh tử thì làm sao được y cứ quán môn trừ mỏng của Long Thọ, như không sai biệt thì không thể viên dung. Nếu trước chẳng chẩn đoán nguồn bệnh thì làm sao theo phương thức ban cho diệu dược? Chỉ như cư sĩ Tịnh Danh, địa vị gần chứng Đẳng giác còn có nguyên phẩm vô minh, thật nhân tật bệnh chưa hết, hiện thọ sinh tử hậu hữu thật quả tật bệnh hiện còn. Như trong Tịnh Danh sớ có hỏi là: "Cõi Thật báo không chướng ngại, sao được còn có nhân bệnh tật của bốn phần phiền não?" Và đáp: "Mở tự thể pháp giới duyên tập của Bồ-tát tức có bốn phần. Sở dĩ như vậy là do vì lấy một Thật đế của Tự thể tức là tham ái, bỏ hai biên sinh tử tức là sân đoạn, mê một Thật đế vô minh chưa hết nên còn có si vậy. Ba phần đồng lấy tức là đồng phần. Đây tức là ba độc của căn bản. Nên trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: "Sạch ở ba độc căn, thì thành Phật đạo không nghi, huống gì phàm phu nghiệp lụy, bệnh của phần đoạn sinh tử". Nhưng thời nay phần nhiều chẳng y cứ chính mình tử tế suy tầm và mở rộng Thánh điển. Giáo quán đều mờ tối, lý hạnh toàn khuyết, chỉ còn tùy ngôn ngữ nương theo thông một thời trừ mỏng, phủi vết mà vết chẳng sạch, về không mà không chẳng mất, vì chẳng ra khỏi pháp trần, toàn là ảnh sự, rất không biết tâm vương tâm sở, chủng hiện căn tùy vi tế, nơi căn trần sinh diệt khởi, tâm tâm chảy rót niệm niệm hiện hành, như say như si, thật là không biết, đèn trí đã tối, nước định toàn khô, chưa biết môn nào có thể được thanh tịnh, chỉ học thành hiện

tiếng của cỏ tranh cao, tên nêu trước chúng Thánh, đều không môn chánh niệm tu hành, vết vùi sau bầy tà. Nay khiến khắp biết bệnh biết thuốc, khiến được uống, làm sạch căn ba độc thấy tánh của một tâm. Vả lại, như Mã Minh, Long Thọ đều là người ở Tây Thiên truyền tâm ấn của Phật. Tổ sư Mã Minh tạo luận Đại Thừa Khởi Tín, nói rộng về tướng Tam tế lục thô của A-lại-da v.v... hai môn nhất tâm chân như và sinh diệt. Long Thọ tạo luận Ma-ha-diễn, nêu dẫn trăm bản kinh Đại thừa, chứng nói nghĩa của tám thức tâm vương, tánh tướng vi tế v.v... cớ sao hàng học sau chẳng tiếp nối làm ngời sáng các bậc Hiền trước? Có thể gọi là dây ngắn nên chẳng móc được giếng sâu, cánh yếu nên chẳng thể bay cao. Lại nữa, nếu trước chẳng luận bàn phô bày sự tướng đó, cớ sao rõ được nguồn của thể tánh đó? Như pháp thế gian, chưa thấy biển đó, sao biết sóng đó, chưa biết núi đó sao biết đất đó. Nay muốn tổng biệt đều biện, lý sự bày đủ, chẳng đạt sự thì lý chẳng phải viên, chẳng rõ lý thì sự sao lập. Nên nói lý tùy sự hiện, một nhiều duyên khởi vô biên. Sự được lý dung, ngàn sai dẫm vào mà vô ngại. Lại từ tổng ra biệt, nhân biệt thành tổng, chẳng được biệt thì sao thành tổng, chẳng nhân tổng thì đâu xưng biệt. Thì lý sự tổng biệt một khoảng không sai, chỉ vì thời nay chỉ chấp tổng két lý, thấy biết chẳng tròn, mắt pháp sắp sáng mà chẳng sáng, tâm nghi muốn đoạn mà chẳng đoạn, đều là lý sự thành ngại. Tổng biệt chẳng thông, nên trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện nói: "Pháp môn vô biên thệ nguyện học, Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành". Cớ sao luống ném tấc bóng, chóng trái với bản nguyện, giữ ngu ngồi không, bội bạc bốn ân, như người ngu si chẳng phân rành lúa đậu, tợ mắt trâu dê không rõ biết phương góc. Hiện nay đối cảnh còn chẳng tròn sáng, đến lúc sắp chết gặp duyên sao có thể biện biệt, ngay phải đạt sự thông lý, suốt quả cùng nhân, không một pháp nào mà chẳng rõ, không một mảy trần nào mà chẳng chiếu thì thấy nghe chẳng thể lầm hoặc, cảnh giới chẳng thể bó buộc. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Phật thành tựu pháp hy hữu, khó hiểu đệ nhất, chỉ Phật và Phật mới có thể biết rốt ráo thật tướng các pháp". Điều gọi là các pháp là tướng như vậy, tánh như vậy thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, bẩn mạt rốt ráo v.v... như vậy. Nên biết thật tướng nhất tâm đều là các pháp. Các pháp được sinh ra đều từ hiện hành các thiện ác đã huân tập. Thức thứ tám hàm tàng chủng tử làm nhân, phát khởi báo ứng nhiễm tịnh sai biệt làm quả, nếu chẳng mổ xẻ vi tế, hỏi đáp quyết nghi thì do đâu thấu đạt đến nguồn của nhất tâm tổng biệt, suốt triệt khoảng tánh tướng tám thức? Các bậc Cổ

đức nói: "Nâng giềng ý tại trương lưới không thể bỏ lưới còn giềng, nhấc cổ ý ở mắc áo, không thể bỏ áo giữ cổ. Nếu chỉ nhóm mà chẳng bày, như lưới của không giềng, nếu chỉ bày mà chẳng nhóm như giềng của không lưới". Nên biết lýsự đều rõ mới thông viên chỉ, giáo quán đều vận, mới đạt Nhất thừa. Vả lại, như Bồ-tát Đẳng giác, Diệu quả sắp viên, tức vào môn lưới huyễn ngược lại học việc phàm phu, tập Tam-muội thế gian, đầy đủ thần thông khéo léo. Nay tông đây, tạm rõ đại chỉ, phải trước lập sau phá để tẩy tình trần, nhưng tức phá lập đồng thời mà không chỗ phá, chẳng đồng quyền giáo định chấp hữu môn của giáo tướng, thà sánh với Tiểu thừa chỉ chứng không lý của chiết pháp. Nay thì dùng biệt thành tổng, đem thiên hiển bày viên. Biệt thành tổng mà một khoảng không sai, thiên bày viên mà muôn pháp đồng yếu chỉ, mở hợp tự tại, ẩn hiển vô phương. Nếu chấp đó thanh tịnh bướu nhọt của muôn hữu, nếu định đó làm căn trệ của bốn ma, Bách Pháp Minh Môn đây. Bồ-tát Đại thừa chứng sơ địa mới rõ, cho đến mười phương chư Phật, căn bản Hậu đắc trí đều chứng đều duyên. Nếu chẳng chứng tánh của Duy thức, thì chẳng thành trí căn bản, không kỳ hạn của thành Phật. Nếu chẳng rõ tướng Bách Pháp Minh Môn của Duy thức thì chẳng thành Trí hậu đắc, khuyết hạnh giáo hóa kẻ khác. Bách Pháp Duy Thức đây là tánh tướng căn bản của tất cả pháp hữu vi vô vi chân tục. Do đó trong kinh nói: "Nếu chẳng chứng chân như, sao có thể rõ các hành. Nếu chẳng chứng tánh chân như Duy thức thì sao có thể rõ hành tướng của Bách Pháp Duy Thức". Nên nói Trí căn bản chứng tánh Bách pháp, trí hậu đắc duyên tướng Bách pháp. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Tín thành tựu phát tâm, lược nói có ba: "Một là, phát tâm chánh trực, như lý chánh niệm pháp chân như vậy. Hai là, phát tâm thâm trọng, vui tập tất cả các thiện hạnh vậy. Ba là, phát tâm đại bi, nguyện nhổ trừ khổ của tất cả chúng sinh vậy".

Hỏi: Tất cả chúng sinh, tất cả các pháp đều đồng một pháp giới, không có hai tướng, căn cứ lý thì chỉ nên chánh niệm chân như, sao lại gá tu tất cả thiện hạnh, cứu tất cả chúng sinh?

Đáp: Không như vậy. Như ma-ni báu, bản tánh sáng sạch ở trong quặng nhơ, giả sử có người chuyên cần thêm nghĩ nhớ mà chẳng làm phương tiện, chẳng thí công sức, muốn cầu sạch sẽ, trọn không thể được. Pháp chân như cũng lại như vậy. Thể tuy sáng sạch đầy đủ công đức, mà bị vô biên khách trần làm nhiễm, giả sử có người chuyên cần thêm nghĩ nhớ, mà chẳng làm tôn tượng, chẳng tu các hạnh, muốn cầu thanh tịnh, trọn không được lý. Cho nên cần phải tích tập tất cả thiện

hạnh, cứu tất cả chúng sinh lìa vô biên khách trần dơ nhiễm kia, hiển hiện chân pháp. Trong Khởi Tín Sớ nói: "Thứ nhất,trực tâm chánh niệm pháp chân như, tức là tâm bình đẳng, lại không riêng lẽ nào có quanh co, tức là căn bản của hai hạnh. Thứ hai, thâm tâm là nghĩa của cùng nguồn, nếu một thiện chẳng hoàn bị thì không do đâu về nguồn. Đến của về nguồn hẳn đủ muôn hạnh, nên nói vui tập các thiện hạnh vậy, tức là hạnh gốc của tự lợi vậy. Tâm đại bi là nghĩa của phổ tế (cứu giúp khắp cùng), nên nói muốn nhổ trừ khổ của chúng sinh vậy, tức là hạnh gốc của lợi tha vậy. Lại nữa, ở đây: Thứ nhất, trực tâm là chỉ chánh niệm pháp của chân như, là tông, là gốc, nhân đó khởi tâm thâm trọng, tâm đại bi là hạnh. Lại mở trực tâm đây làm mười tâm: Một là, tâm rộng lớn, nghĩa là thệ nguyện quán tất cả pháp đều như như vậy. Hai là, tâm sâu mầu, nghĩa là thệ nguyện quán chân như cần phải tận cùng nguồn đáy vậy. Ba là, tâm phương tiện, nghĩa là suy cầu chọn lựa phương tiện hướng đến chân vậy. Bốn là, tâm kiên cố, nghĩa là giả sử gặp chịu rất khổ rất vui, quán tâm đây chẳng bỏ lìa vậy. Năm là, tâm không gián đoạn, nghĩa là quán chân lý đây suốt cùng ngằn mé tương lai, chẳng biết lâu xa đó vậy. Sáu là, tâm chiết phục, nghĩa là nếu thất niệm phiền não tạm khởi, tức liền xét biết chiết phục khiến hết và khiến quán tâm tương tục vậy. Bảy là ,tâm thiện xảo, nghĩa là quán chân lý chẳng ngại tùy sự khéo tu muôn hạnh vậy. Tám là, tâm chẳng hai, nghĩa là tùy sự vạn hạnh cùng một vị chân lý dung hòa không hai. Chín là, tâm vô ngại, nghĩa là lý sự đã toàn dung thông không hai vậy, trở lại khiến sự của toàn lý mà tương tức tương nhập vậy. Mười là, tâm tròn sáng, nghĩa là chóng quán pháp giới, toàn một toàn nhiều, đồng thời hiển hiện không chướng không ngại vậy, tức mười tâm đây lý hạnh đầy đủ. Vả lại, không lý chẳng thể dẫn hạnh, không hạnh chẳng thể thành lý, có thể gọi là tức lý của chân như, thành hạnh của chân như, không một pháp nào có thể vượt ngoài tánh tướng của Duy thức vậy. Vậy biết Nhất tâm là tánh của muôn pháp, muôn pháp là tướng của nhất tâm. Tướng tức tướng của tánh là nhiều của trong một, tánh tức tánh của tướng là một của trong nhiều. Nếu chẳng rõ tánh cũng chẳng rõ tướng, tướng đó tức vọng. Nếu chẳng biết tướng cũng chẳng biết tánh, tánh đó tức đơn lẻ, nên phải tánh tướng đều thông, mới được tự tha đều lợi. Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Huyễn vọng xưng tướng, tánh chân đó làm Diệu giác minh thể". Do đó, nếu thiên chấp tướng mà thành vọng, định căn cứ tánh mà trầm không, nay thì tánh tướng dung thông, chân vọng suốt cùng, chẳng rơi lạc vào đoạn kiến thường kiến, năng thành tông

của vô tận. Nên biết nếu muốn đạt nguồn pháp sâu mầu khéo cùng yếu chỉ của Phật, nếu chẳng phải hàng Thượng trí thì chẳng thể ki trí thì chẳng thể kịp, huống gì hàng hạ lưu mà có thể thông ư? Do đó trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Quả báo lớn như vậy
Nghĩa các thứ tánh tướng
Ta và mười phương Phật
Mới hay biết việc ấy".

Lại, thấy hiểu tròn sáng là mắt, làm hiểu tương ưng là chân, mắt chân lại nương nhờ nhau, lý hành hỗ trợ nhau, có thể hướng đến quả Niết-bàn, có thể đến ao trong mát. Nếu định tuệ chưa xông ướp như ngọc ma-ni lắng chìm trong quặng, tánh tướng chưa rành rẽ, như gương cũ chưa lau chùi, muốn trông mưa báu soi xét dung, điều ấy không thể có. Nếu ý châu đã sạch, gương tâm mới sáng, lại dùng muôn hạnh huân tu chuyển thêm sáng sạch. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! Thí như thợ vàng khéo giỏi luyện vàng, vài lần đưa vào lửa là dần chuyển sáng sạch, mềm dẻo thành tựu tùy ý dùng được. Bồ-tát cũng lại như vậy, cúng dường chư Phật giáo hóa chúng sinh đều là tu hành thanh tịnh pháp địa. Như có căn lành đều đem hồi hướng Nhất thiết trí địa, chuyển dần sáng sạch, điều nhu thành tựu, tùy ý dùng được". Tuy nhiên, muôn hạnh mài luyện đều là sở hành của tự pháp, như các bậc Tiên đức nói: "Tất cả Phật sự vô biên hóa môn đều nương tự pháp dung chuyển mà hành", tức trong tự tâm có thể đại của chân như, ngày nay hiểu rõ dẫn ra pháp thân, do trong tâm có tướng đại của chân như, ngày nay rõ đạt dẫn ra báo thân, do trong tâm có dụng đại của chân như, ngày nay tu hành dẫn ra hóa thân, cho đến mười Ba-la-mật, tất cả muôn hạnh như trần sa, chỉ là dẫn ra từ trong tự tâm, chưa từng ngoài tâm mà được một pháp, hành một hạnh. Nếu nói lại có từ ngoài mới được, tức là thuyết của ma vương ngoại đạo vậy.

Hỏi: Tin vào pháp này, lại có thối lùi chăng?

Đáp: Tin có hai thứ: Một là, chánh tín kiên cố chắc rõ không nghi ngờ, lý quán rành rẽ, thừa giới gần gấp, như vậy một đời có thể xong, ai luận bàn thối lùi ư? Hai là, nếu nương theo tin của thông, sức quán thô phù, thói quen nặng cảnh mạnh, gặp duyên tức thối lùi. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Như kinh Niết-bàn nói nghe hai chữ thường trú còn được bảy đời chẳng rơi đọa địa ngục, như kinh Hoa Nghiêm nói giả sử nghe danh và pháp giảng nói của Đức Như Lai mà chẳng sinh tin hiểu, cũng có thể thành hạt giống, hẳn được giải thoát đến thành Phật vậy.

Cớ sao trong kinh nói trú tâm thứ sáu (trong Thập trụ) và từ phàm phu tín vị còn nói có thối lùi, ý đây như là hòa hợp. Giải thích: Trong Thập tín mà thắng giải chưa thành, chưa được cho là được, bèn sinh kiêu mạn, chẳng gần bạn lành, chẳng kính người hiền lương, vì kiêu mạn giải đãi vậy, ở lâu trong trời người, nghiệp ác bèn khởi, hay thành tựu nghiệp lớn địa ngục. Nếu một khi tin, chẳng kiêu mạn, thường cầu bạn lành, tức không lỗi quá này. Nếu hàng trú tâm thứ sáu theo quyền giáo, có thể có thối lùi địa vị, trong Thật giáo là xét ngưng trệ, trách cứ đó mà khiến tiến tu, như Xá-lợi-phất là thị hiện Thanh văn, chẳng phải thật Thanh văn, làm các phương tiện đều độ chúng sinh, khuyên răn tu tiến, như trú tâm thứ sáu trong quyền giáo, có thể nói là thật thối lùi. Tại sao? Hàng Tam hiền trước Thập địa đều chưa thấy đạo, mọi việc làm tác nghiệp đều là hữu vi, như có vô minh đều là chiết phục, công chẳng mạnh là bèn sinh thối lùi lại, nếu chiết phục, công chẳng mạnh là bèn sinh thối lùi lại, nếu chiết phục có sức cũng chẳng thối thất. Như rắn có độc, vì sức của thần chú nên độc chẳng thể khởi, chỉ ở trong Phật pháp gieo nơi tâm tin, khiêm hạ không kiêu mạn, kính thuận người hiền lương, đối với người ác, tâm thường từ nhẫn, với người hơn mình thì thưa hỏi nghe nhận điều chưa nghe, nghe được thắng pháp thì phụng hành không quên, như có hư vọng thì y cứ theo giáo mà dứt trừ. Đối với đạo Tam Bồ-đề thì thường chuyên cần chẳng ngưng nghỉ. Phàm là pháp của nhân sinh, pháp hợp như vậy, chỉ chở nuôi lớn ác mà sinh, nào phải lo thối lùi. Trong Hoa Nghiêm Sớ nói: "Thâm tâm tin hiểu thường thanh tịnh" là tin phiền não tức Bồ-đề mới là thường tịnh. Do xứng với bản tánh mà phát tâm Bồ-đề, xưa nay là Phật không có nơi đến, như tại giữa hư không, lùi đến nơi nào.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 46

Hỏi: Phàm muốn hiển bày chánh tông, trước phải dứt trừ tà chấp, nói theo ngoại đạo Tiểu thừa các sư xưa trước v.v... sai lầm giải về chánh lý Duy thức thì gồm có mấy thứ?

Đáp: Chẳng thấu đạt chân tánh Duy thức, tà chấp che lấp nhiều. Điều Tông Kính nói rõ chánh vì ở đó, như trong luận Duy Thức nói: "Lại có người mê lầm lý Duy Thức, hoặc chấp cảnh ngoài như thức chẳng phải không, hoặc chấp trong thức như cảnh chẳng phải có, hoặc chấp các thức dụng riêng thể đồng, hoặc chấp lìa tâm không riêng tâm sở". Các bậc Cổ đức nói: Hoặc chấp ngoài cảnh như thức chẳng phải không là đây tức hữu tông, y theo giáo mười hai xứ, chấp tâm cảnh đều có là Đệ nhất nghĩa. Trong luận nói: Hoặc chấp trong thức như cảnh chẳng phải có là, giải thích: Đây là phá chủ trương của Thanh Biện y theo mật ý Không giáo, bài bác thức cũng không. Luận nói: Chấp thức dụng riêng thể đồng. Giải thích: Tức có một loài Bồ-tát trong Đại thừa nói tám thức thể chỉ là một vậy, như một gương nước có nhiều ánh sáng sinh. Luận nói: Hoặc chấp lìa tâm không riêng tâm sở. Giải thích: Đây tức sở chấp của Giác Thiên trong Kinh Lượng Bộ, vì kinh nói sĩ phu cõi nhiễm tịnh do tâm không tâm sở vậy, tuy ở trong uẩn cũng có tâm sở, chỉ ở trên thức phân vị giả lập, không riêng thật có. Đại sư Từ Ân (Khuy Cơ) giải thích trong luận Duy Thức của Bồ-tát Hộ Pháp, lược có bốn thứ: Một là, Thanh Biện thuận thế có cảnh có tâm. Hai là, Trung đạo Đại thừa, có tâm không cảnh. Ba là, Tiểu thừa nhiều bộ, có cảnh có tâm. Bốn là, tà kiến một thuyết, đều không tâm cảnh. Lại bốn câu phân biệt: Một là, có kiến không tướng, nghĩa là các sư trong Chánh Lượng bộ chẳng làm tướng phần mà duyên cảnh vậy. Hai là, có tướng không kiến, nghĩa là sư Thanh Biện. Ba là, tướng kiến đều có, các bộ khác và Đại thừa v.v... Bốn là, Tướng kiến đều không, tức sư An Tuệ v.v... Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Đối trị tà chấp là tất cả tà chấp đều nương tựa ngã kiến, nếu lìa ngã thì không tà chấp, ngã kiến đó có hai thứ, những gì là hai? Một là, nhân ngã kiến. Hai là, pháp ngã kiến. Nhân

ngã kiến là ý cứ các phàm phu nói có năm thứ, những gì là năm? Một là, nghe Tu-đa-la nói pháp thân Như Lai rốt ráo tịch mặc giống như hư không vì không biết là phá chấp trước vậy, tức cho rằng: hư không là tánh Như Lai. Làm sao đối trị? Nói rõ tướng hư không là vọng pháp đó, thể không gì chẳng thật, vì đối trị sắc vậy. Có là có thể thấy tướng, khiến tâm sinh diệt. Vì tất cả sắc pháp xưa nay là tâm thật không ngoài sắc. Nếu không sắc thì không tướng của hư không. Đều gọi là tất cả cảnh giới chỉ tâm vọng khởi nên có. Nếu tâm lìa vọng động thì tất cả cảnh giới diệt, chỉ một chân tâm không chỗ chẳng khắp. Đây gọi là nghĩa của Như Lai giải đại tánh trí cứu cánh vậy, chẳng phải như tướng hư không. Hai là, nghe Tu-đa-la nói các tướng thế gian, rốt ráo thể không, cho đến pháp của Niết-bàn chân như cũng rốt ráo không. Từ xưa đến nay tự không, lìa tất cả tướng, vì không biết là phá chấp trước vậy, tức cho rằng tánh của chân như Niết-bàn, chỉ là không đó. Làm sao đối trị? Nói rõ pháp thân chân như tự thể chẳng không, đầy đủ vô lượng tánh công đức vậy. Ba là, nghe tạng của Tu-đa-la không có tăng giảm, thể đầy đủ tất cả pháp công đức, vì không hiểu vậy, tức cho rằng tạng của Như Lai có sắc tâm pháp tự tướng sai biệt. Làm sao đối trị? Dùng chỉ y cứ nghĩa chân như mà nói vậy, nhân sinh diệt vậy, nhiễm nghĩa thị hiện nói sai biệt vậy. Bốn là, nghe Tu-đa-la nói tất cả thế gian sinh tử nhiễm pháp, đều nương Như Lai tạng mà có, tất cả các pháp chẳng lìa chân như. Vì chẳng hiểu vậy, nên cho rằng Như Lai tạng tự thể có đầy đủ tất cả các pháp thế gian sinh tử v.v... Làm sao đối trị? Vì Như Lai tạng từ xưa đến nay chỉ có các công đức tịnh nhiều hơn số cát sông Hằng, chẳng lìa chẳng đoạn chẳng khác nghĩa chân như vậy. Vì nhiễm pháp phiền não nhiều hơn số cát sông Hằng chỉ là vọng có, tự tánh vốn không. Từ vô thủy, Như Lai chưa từng cùng Như Lai tạng tương ưng vậy. Nếu Như Lai tạng thể có vọng pháp mà khiến chứng hợp vĩnh viễn dứt vọng thì điều đó không có. Năm là ,nghe Tu-đa-la nói nương cứ Như Lai tạng nên có sinh tử, nương cứ Như Lai tạng nên có Niết-bàn, vì chẳng hiểu vậy, cho rằng chúng sinh có thủy vì thấy thủy vậy. Lại cho rằng Như Lai chứng đắc Niết-bàn có chung đó, cuối cùng trở lại làm chúng sinh. Làm sao đối trị? Vì Như Lai tạng không khoảng trước sau, tướng của vô minh cũng không có thủy. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sinh mới khởi, tức là kinh của ngoại đạo nói. Lại Như Lai tạng không có khoảng sau, chư Phật chứng đắc Niết-bàn cùng đó tương ưng thì không khoảng sau vậy. Pháp ngã kiến là y cứ hàng Nhị thừa độn căn mà Đức Như Lai chỉ vì nói nhân vô ngã, vì nói chẳng rốt ráo, thấy có pháp của năm ấm sinh diệt, khiếp sợ sinh

tử mà vọng chấp thủ Niết-bàn. Làm sao đối trị? Vì pháp năm ấm tự tánh chẳng sinh thì không có diệt, xưa nay là Niết-bàn vậy. Lại nữa, rốt ráo xa lìa vọng chấp là phải biết nhiễm pháp tịnh pháp đều đối đãi nhau, không có tự tướng có thể nói, cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc chẳng phải tâm chẳng phải trí chẳng phải thức, chẳng phải có chẳng phải không, rốt ráo chẳng thể nói tướng, mà có ngôn thuyết là phải biết Đức Như Lai khéo dùng phương tiện, giả dùng ngôn thuyết dẫn dắt chúng sinh. Đạt được chỉ thú ấy là đều vì lìa niệm về nói chân như, vì niệm tất cả pháp khiến tâm sinh diệt chẳng vào thật trí vậy. Chỉ là chẳng rõ nhân duyên chánh thì đều thành ngoại đạo. Sở chấp có bốn: Một là, không biết nghiệp duyên hữu tình, báo đó làm đạo, hoặc chấp tự nhiên. Hai là, không biết cộng nghiệp cảm nên không kiếp mà chấp là khí của hỗn độn. Ba là, không biết sau không là thành kiếp, mà chấp là trong đục phân hai. Bốn là, không biết hữu tình ở thượng giới sinh xuống mà chấp là trời đất biến hóa. Nên biết lưới kiến khó ra, tà giải dễ sinh, như chỉ quán tinh tế suy quán các cảnh kiến là chẳng phải, một là các tà giải xưng kiến. Lại hiểu biết là nghĩa kiến, suy lý chẳng chánh tông mà thiên kiến rành rẽ là quyết định giải, gọi đó là kiến. Phàm người nghe học tụng đọc được danh tướng, ngang văn làm hiểu, tâm mắt chẳng mở, toàn không lý quán, y cứ văn là sống, không chứng là chết. Phàm người tu thiền chỉ chuộng lý quán, chạm đến tâm dung, mờ tối danh tướng một câu chẳng biết, người tụng văn là giữ gốc, người tình thông là diệu ngộ, hai nhà qua lại đấu tranh bình luận đều sai lầm. Phàm nói về tà kiến, có ba hạng: Một là, ngoại đạo ngoài Phật pháp, vốn đã có ba: Thứ nhất là, ngoại đạo Ca-tỳ-la, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Hoàng Đầu, chấp trong nhân có quả. Thứ hai là, Âu-lữ-tăng-như, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Hưu Hầu, chấp trong nhân không quả. Thứ ba là, Lặc-sa-bà, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Khổ Hạnh, chấp trong nhân cũng có quả cũng không quả. Lại nữa, trong luận Nhập Đại thừa, Ca-la nói rằng: có chấp một, tác giả và tác một, tướng và tướng giả một, phân và có phân một. Các danh như vậy v.v... là chấp một, Ưu-lâu-khư chấp khác, Ca-la-cưu-đà chấp một khác, Nhã-đề-tử chấp chẳng phải một chẳng phải khác, tất cả ngoại đạo và ma-ca-la v.v... chấp khác đều chẳng lìa bốn thứ đây, từ ba bốn phái ngoại đạo sinh ra chi dòng. Đến thời Đức Phật ra đời có sáu Đại sư, đó là: Phú-lan-na-ca-diếp chấp chẳng sinh chẳng diệt, Mạt-già-lê-câu-dư-lê-tử chấp khổ vui của chúng sinh không có nhân duyên chỉ tự nhiên mà có. San-xà-dạ-tỳ-la-để-tử chấp chúng sinh đến thời chín mùi thì đắc đạo, qua

tám vạn kiếp khổ hết thì tự giải thoát, như cuộn chỉ lúc hết chỉ thì tự dừng. A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la, khâm-bà-la nghĩa là lộc y (áo nai) chấp khổ của tội báo thì đến nơi vực núi bức tóc mà thay thế đó. Ca-la-cưu-đà-la-chiên-diên chấp cũng có cũng không, Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử chấp nghiệp tạo nên nhất định không thể cải đổi. Hai là, ngoại đạo phụ Phật pháp, phát khởi từ Độc Tử phương quảng, tự vì thông minh đọc kinh sách Phật mà sinh một kiến, kèm với Phật pháp mà khởi nên được tên này. Độc Tử đọc Xá-lợi-phất tỳ-đàm, tự chế nghĩa riêng, nói là ngã ở ngoài bốn câu, thứ năm không thể nói trong tạng. Thế nào là bốn câu ngoại đạo chấp? Đó là: sắc tức là ngã, lìa sắc có ngã, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc. Bốn âm cũng như vậy, hợp có hai mươi thân kiến. Trong luận Đại trí độ nói: "Phá hai mươi thân kiến thành Tu-đà-hoàn" tức nghĩa đây vậy. Nay Độc Tử chấp ngã khác với Lục Sư, lại chẳng phải Phật pháp, các luận đều chọn ra chẳng nhận thọ, bèn là phụ Phật pháp, pháp người tà vậy. Hoặc nói: ba đời và pháp vô vi làm bốn câu vậy. Lại nữa, Đạo nhân Phương quảng tự cho là thông minh, đọc mười thí dụ của Phật, tự làm nên nghĩa mới nói: chẳng sinh chẳng diệt như huyễn như hóa, không huyễn làm tông. Long Thọ bài xích nói: "Chẳng phải lý của Phật pháp, đều là của Phương quảng cũng là pháp của người tà vậy". Ba là, học Phật pháp thành ngoại đạo, chấp một Phật giáo mà sinh phiền não, chẳng được vào lý. Trong luận Đại Trí độ nói: "Nếu chẳng được phương tiện Bát-nhã, vào A-tỳ-đàm tức đọa trong hữu, vào không tức trong không, vào Tỳ-lặc đọa trong cũng có cũng không". Trong Trung luận nói: "Chấp chẳng phải có chẳng phải không gọi là luận ngu si, đảo chấp chánh pháp trở lại thành pháp của người tà vậy". Nếu học bốn môn Ma-ha-diễn, đã mất ý Bát-nhã, bị lửa tà kiến thiêu đốt. Bốn là, chánh pháp của người tà, cho đến nếu ở quán chi, chợt hiểu vô minh chuyển tức biến làm minh. Minh là đầy đủ tất cả pháp. Hoặc cho rằng vô minh không thể được, biến làm minh, minh sao có thể được? Không thể được đây cũng đủ tất cả pháp. Hoặc cho rằng minh của pháp tánh cũng có thể được cũng chẳng thể được, chẳng phải có thể được chẳng phải chẳng thể được. Một môn tức ba môn, ba môn tức một môn. Đây giải rõ về lợi của minh, nếu phá thì không có gì chẳng hoại, còn lưu tồn thì không gì chẳng lập, không thể vượt hơn cũng là tự cho là Vô sinh nhẫn, như đây giải là bốn môn trong Viên giáo kiến phát vậy. Lại bốn môn của Đại thừa đều thành kiến là thật ngữ là hư vọng sinh ngữ kiến vậy, Niết-bàn là sinh tử khởi tham trước vậy, uống nhiều cam lồ tổn mạng chết yểu, mất môn phương tiện rơi lạc tà chấp, nên gọi là tà kiến

bên trong vậy. Lại, cõi Chấn Đán (Trung Hoa) đây cũng có nghĩa đó. trong Chánh Thích Tam Huyền, Chu Hoằng nói: "Dịch phân bát quái, âm dương tốt xấu. Đây là nói về có Minh Huyền, Lão Tử hư dung, là căn cứ về không Minh Huyền, Trang tử tự nhiên là nói về có không Minh Huyền. Từ ngoài chi phái nguồn tổ ra đây". Nay tạm căn cứ đây để rõ được mất. Như Trang Tử nói: "Sang hèn khổ vui là chẳng phải được mất, đều là tự nhiên đó", nếu nói tự nhiên là chẳng phá quả, chẳng biện rõ nghiệp trước tức là phá nhân. Lễ chế nhân nghĩa là để giữ thân an nước, nếu chẳng hành dùng thì diệt tộc mất nhà. Chỉ đời này lập đức chẳng chuốc lấy quả báo đời sau tức là phá quả chẳng phá nhân. Nếu nói tốt lành lưu đến đời sau đều như trước thì là cũng có quả cũng không quả vậy. nói về một tính tức có ba hành: Một, tính có hành thiện. Hai là, tính có hành ác. Ba là, tính có hành vô ký. Như huyền lý phân nên vậy. Giàu sang không thể mong cầu, nghèo hèn không thể oán lánh. Sống không đủ mừng, chết nào nhọc sợ. Đem tâm rỗng này khiến ở sang chẳng kiêu, ở bần cùng chẳng muộn. Tâm tham nhuế dứt an một hoài bảo. Đem tự nhiên dạy vật làm vào lý lộng dân, đây là đức đó vậy. Đức có nhiều thứ. Nếu nói thường không muốn quán diệu đó, không sao bằng dục. Chợt ngọc bích bỏ công tướng rửa tay trở lại trâu tự giữ chí cao, đây là bỏ dục của Dục giới, vin lên diệu của thắng xuất, tức lấy Sơ thiền v.v... làm diệu. Làm sao biết được? Trang tử nói: "Hoàng đế hỏi thần khí đạo quán, thấy các vật trong thân, lấy đó làm đạo, tợ như thông minh trong quán phát được diệu của Sơ thiền. Nếu nói nhận của các khổ do tham dục làm gốc, nếu lìa tham dục tức được Niết-bàn. Đây là không dục của ba cả. Đắc diệt đây chỉ là diệu của diệu lý (khéo lìa). Lại, pháp gọi là không nhiễm, nếu nhiễm ở pháp là nhiễm Niết-bàn. Không nhiễm dục đây được một đạo vi diệu, diệu các tục đây, dục diệu đều không. Ông được nghĩa gì? Còn chẳng biết Dục giới ưa thích diệu của Sơ thiền, huống gì muốn diệu sau đó ư? Nếu cùng quyền luận, mới là đợi cơ tạm dẫn che phủ tướng luận bàn muốn diệu, chẳng được rõ lời rõ nghĩa mà nói, chỉ dứt muốn của khoe mong, quán diệu của tự nhiên. Hạnh dối trá đã trừ, gió nhân nhượng còn giữ, đây đều là chấp có tự nhiên mà hành thiện vậy. Lại chấp tự nhiên mặc tình buông thả khí, cũng chẳng vận ngự theo thiện, cũng chẳng động sai lầm ác Nếu tổn thương thần hòa, chẳng hiểu tự nhiên, tuy không lấy bỏ mà là hành vô ký. Hành nghiệp chưa hết, thọ báo sao nghi ngờ? Nếu chấp tự nhiên làm ác là muôn vật tự nhiên, buông ý làm ác, trọn kết quy về tự nhiên. Đó là trái với không ưa muốn mà buông thả ưa muốn, trái với diệu mà đến với thô. Như

Trang Chu bài xích nhân nghĩa, tuy phòng ngăn trộm nhỏ mà chẳng để ý trộm lớn, giơ cao nhân nghĩa vì mưu toan nước đó. Vốn dùng tự nhiên dứt ham muốn mới giơ cao tự nhiên mà làm ác. Nghĩa này có thể biết vậy. Trên đây là ngoại đạo và nội đạo chấp kiến có hai, đều phân quyết rõ chân ngụy, tức: Một là, căn cứ nơi pháp khởi đều quyết rõ. Hai ,căn cứ nơi pháp nương đều quyết rõ. Thứ nhất, nay thông từ ngoài, bốn câu của ngoại đạo cho đến bốn kiến viên môn. Ngoại đạo thông Vi đã là cho đến ba niệm xứ ba giải thoát của viên môn, danh số là đồng, chỗ khởi thấy tội trói buộc không khác, thí như hai vòng vàng và sắt. Lại từ bốn câu của ngoại đạo cho đến bốn kiến của viên môn, danh tuy sạch đẹp mà chỗ khởi phiền não thể là dơ uế, thí như hai đá của ngọc và chuột. Lại từ bốn câu của ngoại đạo, cho đến bốn kiến của viên môn, tuy đồng nghiên luyện mà có thành và chẳng thành. Thí như sữa trâu và lừa. Lại từ bốn câu của ngoại đạo cho đến bốn kiến của viên môn thì có hại và chẳng hại, thí như hai quả ca- la trấn đầu. Chỗ chấp thần ngã là pháp trói buộc, chẳng phải ngã tự tại, mỗi mỗi chấp mình là phải, ngoài ra là vọng ngữ, qua lại phải quấy đâu liên quan đến như thật, tự cho là chân đạo chợt mở có đường, mong đến Niết-bàn mới chìm sinh tử, tự nói chắc thật chánh đáng, rốt cùng thành tà cong, mến chỗ sinh mến, sân chỗ sinh sân, tuy khởi từ bi mà ái kiến bi vậy, tuy an tổn hại mà là sinh diệt gượng nhẫn. Tuy Nhất thiết trí mà thế tình suy độ, tuy được thần thông mà căn bản biến hóa là hữu lậu biến hóa. Đọc học Vi-đà là sách do thế trí làm nên, chẳng phải sức Đà-la-ni, chẳng phải pháp giới lưu xuất, tuy đoạn độn sử mà như trùng chùn bước, thuốc thế gian chữa trị lành rồi phát lại, tám mươi tám sử nhóm tập biển mênh mông, sinh tử trong ba cõi khổ xoay không ngằn mé, đắm trước hữu lậu, trọn không kỳ hạn ra, đều là các kiến huyễn ngụy, đâu có thể làm đạo của chân thật vậy; Thứ hai là, nói về nơi pháp nương tựa khác là tất cả pháp mỗi mỗi nương nói pháp đó, ba ngoại đạo ngoài là người hữu lậu, phát pháp hữu lậu, vì tâm hữu lậu đắm trước ở trước pháp. Trước pháp trước tâm đều là tranh cạnh, chẳng phải chỉ nhân thời nắm đầu bứt tóc, phát các kiến rồi gọi là Niết-bàn, chấp thành kiến mạnh độc thêm đấu lớn, pháp nơi nương tựa chẳng phải chân, kiến nơi phát ra cũng ngụy vậy. Đây tuy là tà pháp, nếu kín ngầm được ý dùng tướng tà vào tướng chính như hoa bay lá động, nhờ ít nhân duyên còn chứng quả Bích-chi-phật huống gì là pháp cũ của thế gian. Nhưng quả Bích-chi-phật tuy chánh mà hoa lá trọn chẳng phải chánh giáo, ngoài ngoài mật ngộ, mà pháp môn đó chỉ thông các kiến, chẳng phải chánh pháp vậy, đều do đắm trước tâm ở

đắm trước pháp vậy. Nhân quả đều đấu tranh dứt định yên, là tà tạng sinh tà kiến vậy. Nếu ba pháp bốn môn là pháp của Thánh nhân xuất thế được xuất thế thì thể nó là thanh tịnh, diệt chỗ phiền não, chẳng chỉ kinh Phật là chánh pháp, mà năm trăm chỗ bày cũng có thể đắc đạo. Trong Diệu Thắng Định nói: "Sau khi Phật diệt độ trăm năm, mười vạn người xuất gia thì chín vạn người đắc đạo, đến thời hai trăm năm, mười vạn người xuất gia thì chỉ một vạn người đắc đạo". Phải biết vì không đắm trước tâm chẳng đắm trước không đắm trước pháp, phát tâm chân chánh giác ngộ vô thường, niệm niệm sinh diệt, sớm chẳng giữ tối, chí cầu xuất yếu, chẳng bít cửa sinh nhiễm mà khởi hý luận. Thí như có người muốn nhanh ra mắt vua, nhận ban bái thức theo bốn cửa mà vào, nào rãnh tạm dừng để tranh bàn tốt xấu, biết cửa là đường thông, chẳng phải tranh chấp, như thuốc là vì trị bệnh không nên phân biệt, mau ra nhà lửa, dứt hết các khổ, lúc chân minh phát chứng đạo rốt ráo, rốt ráo không ngăn cải, không ngăn cải thì không nghiệp, không nghiệp thì không sinh tử. Chỉ có đạo diệt tâm địa thản nhiên, nhân quả đều không, đá tranh cãi đều diệt, chỉ có chánh kiến, không Tỳ-kheo vậy. Lại nữa, bốn môn tuy là chánh pháp, nếu dùng đắm trước tâm đắm trước bốn môn này thì sinh tà kiến, thấy bốn môn khác, ở lúc tu nhân khởi nhiều đá tranh cãi, thí như có người ở lâu nơi cửa thành phân biệt ngói gỗ, bình bạc tinh thô, cho rằng Nam phải Bắc quấy, Đông khéo Tây vụng, tự làm xét dừng lại chẳng chịu tiến tới trước, chẳng phải lỗi của cửa. Người đắm trước cũng vậy, phân biệt danh tướng, rộng biết phiền não, phần nhiều cho là đạo phẩm, cần danh nhóm tụ chúng, mưu huyễn cầu đạt, đánh trống mình lớn dựng phướng khảy móng tay, khoe khoang kẻ khác, qua lại sinh đấu đá tranh cãi nắm đầu bứt tóc, tám mươi tám sử sân ái mênh mông, đều do đắm trước tâm, ở cửa chánh pháp mà sinh tà kiến, chỗ khởi phiền não so với ngoại đạo bên ngoài lại không có khác, luận về chỗ chấp pháp thì trời đất cách biệt. Trong Phương Đẳng nói: "Các thứ hỏi cầu, bậc trí chê trách", người cũng như vậy, vì học đạo nên tu bốn môn này. Hơn ba mươi năm phân biệt một môn còn chưa rõ ràng, công phu mới hiển rõ, tuổi đã già lụn, không có ba thứ mùi vị không sinh không tử, vất bỏ một thời kỳ, như kẻ kia hỏi cầu đâu ích lợi gì. Đây là do đắm trước tâm đắm trước không đắm trước pháp mà khởi tà kiến. Tiếp theo, bốn môn của Thông giáo, thể là chánh pháp, gần thông hóa thành, trước cong đây thẳng khéo vụng tuy khác mà nơi thông chẳng riêng, như cửa trời hoa thẳng, ngoài ra đều cong xấu, chẳng trú hai môn, đều được thông tiến, nếu đếm ngói gỗ cả hai đều chậm kẹt, nếu chẳng

xét dừng lại pháp môn, hoặc nhân hoặc quả đều không ngăn cải đắm trước thì gọi là không đắm trước tâm chẳng đắm trước không đắm trước pháp, chẳng sinh tà kiến vậy. Lại nữa, vì đắm trước tâm, đắm trước môn thẳng này cũng sinh tà kiến. Hoặc vì danh vì chúng vì thắng vì lợi, phân biệt tướng môn, sân ái mạn kết nhân đây được sinh. Thí như đem độc bỏ vào thuốc tốt, sao được khỏi chết. Đem độc kiến đắm trước vào trong chánh pháp, tăng trưởng khổ tập, chẳng phải lỗi bởi đức Như Lai, hàng ngoại đạo lợi căn đem tà tướng vào trong chánh tướng, khiến không đắm trước cò đắm trước thành đệ tử tà, há chẳng buồn thay? Bốn môn biệt viên khéo vụng lợi độn đều thông Niết-bàn rốt ráo. Nhân chẳng trú đắm trước, quả không đấu đá tranh cãi Nếu bít cửa khởi kiến là sinh phiền não, cùng đồng như Âu-lâu-khư, lấy đó mà quán xét. Như người mắt sáng đến nơi sông Knh sông Vị, há chấp nhận mê danh mà chẳng phân đục trong vậy. Trong Phụ Hành Ký giải thích rằng: “Vàng sắt hai vòng là như trong luận Đại Trí Độ nói: “Thí như ở trong tù ngục gông cùm xiềng xích, tuy mong được tha, lại buộc vòng vàng, người bị ái buộc như ở trong tù ngục, tuy được xuất gia lại đắm trước giới cấm như buộc vàng vàng. Nay mượn thí dụ đây, trong ngoài sinh đắm trước, ở ngục vòng sắt như ngoài chấp gặp ân xá, vòng vàng như trong chấp, vàng sắt tuy khác mà nghĩa trói buộc đồng nhau, Phật pháp tuy ưu thắng mà kiến trói buộc không sai. Hai đá ngọc chuột là, đá là ngọc vậy người, Trịnh trọng ngọc đá, nếu người có được, thì sẽ ban thưởng nồng hậu. Người Chu nghe thế bèn mưu toan lấy ban thưởng nồng hậu đó. Phong tục người Chu gọi chuột chết là ngọc đá (ngọc phác), mới đem đến Trịnh, người Trịnh bèn cười đó, người Chu ấy rõ ngộ rồi nói với người Trịnh rằng: “Người Sở cho là phụng hoàng mà kỳ thật là gà núi, vì vua Sở quý trọng phụng hoàng, có người không biết phụng hoàng, đi giữa đường gặp có người mang gánh gà núi, bèn hỏi “đó là chim gì?” người mang gánh đó biết người ấy không biết, mới đùa bảo là phụng hoàng, người ấy cho là thật, nên hỏi người mang gánh đó có bán chăng? Đáp: Bán. Người ấy hỏi: Bao nhiêu tiền? Người đó đáp: Vạn tiền, người ấy bèn mua, định muốn dâng lên vua, được rồi bèn chết. Vua Sở nghe vậy, thẹn mà gọi đến hỏi, vua cũng cho là thật, mới đem mười vạn tiền ban cho người ấy. Vậy biết thể của người Chu người Trịnh sạch dơ rất khác biệt, không đắm trước như Trịnh, không khởi kiến như Chu. Danh tuy đồng mà thể khác, nghĩa là đây vậy. Có ở ba tạng cho đến danh của bốn môn Viên giáo, nghĩa như đá, nhưng khởi kiến ái nó như chuột chết. Hai thứ sữa của trâu và đá, nhưng khởi kiến ái nó như chuột chết. Hai

thứ sữa của trâu và lừa, lại như trong luận nói: "Các xứ khác hoặc có lời nói tốt đẹp, cũng từ trong kinh Phật ra, nếu chẳng phải Phật pháp, mới đầu nghe cho là tốt đẹp, lâu dần thì chẳng khéo diệu. Thí như sữa lừa sắc màu nó tuy đồng, kích động chỉ thành phẩn. Nên Phật pháp ngoại đạo nói đồng với lời chẳng giết hại từ bi, nhưng tìm xét đến cùng thì kết quy về hư vọng. Nay đây cũng vậy, ngoài chấp tuy có lời nói có không v.v... nhưng nghiệm xét thì chẳng thật, đều là hư vọng. Trong Phật pháp tuy có mười sáu môn cả đại lẫn tiểu, tuy nói có không là chỉ phá chấp tâm, tự kết quy về vết chánh, nên nói có thành và chẳng thành ở ngoài khởi chấp như sữa lừa, ẩn tàng khởi chấp v.v... như sữa trâu. Sữa, tên tuy đồng mà thể nó trọn khác biệt. Kiến, tên tuy đồng mà chấp mỗi riêng khác. Ngoài tuy trừ chấp, không lý có thể thành tạng v.v... lìa đấm trước, tự vào vết thánh. Lại như luận Đại Trí Độ nói: "Gọi là Phật giáo như sữa trâu, tu được giải thoát, như tác động khiến được sinh tô thục tô v.v... ngoại đạo giáo giống như sữa lừa kia, vốn chẳng phải vật từ lạc sinh ra, giáo của ngoại đạo không mùi vị giải thoát, nên tác động khiến sữa lừa chỉ thành phẩn dãi. Y cứ theo giáo của ngoại đạo mà hành, chỉ chuốc lấy quả khổ, không chỗ thành lợi ích. Hai quả ca- la trấn đầu đều là trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Này thiện nam! Như rừng ca-la, cây nó lắm nhiều, chỉ có một gốc trấn đầu ca la, hai quả tương tợ. Khi quả ấy chín, có một người nữ đều gom nhặt cả, quả trấn-đầu ca-la chỉ có một phần, quả ca-la-ca là có mười phần, người nữ không biết mang đem chợ bán. Người phàm ngu không biết mua ca-la-ca, ăn rồi bèn chết, những người có trí nghe điều đó rồi, hỏi người nữ ấy rằng: "Từ đâu mà người có được quả ấy đem lại bán?" người nữ chỉ nơi chốn rồi, mọi người liền nói: "Xứ đó có rất nhiều cây ca-la-ca, chỉ có một gốc cây trấn đầu ca". Mọi người biết rồi cười mà bỏ đi. Trong kinh thí dụ ở chốn Tăng-già - lam hai chúng sạch dơ, nay mượn dùng thí dụ nội kiến ngoại kiến. Hai kiến tên đồng có hại và chẳng hại, như ngoại kiến phát, nói không nhân quả, quy về tà không. Nếu nội kiến khởi, như chấp sở thuyên của kinh luận Đại Tiểu thừa. Hại nghĩa là tổn thiện căn đó. Nên biết, hoặc danh đồng thể khác chẳng thể đồng như sấm sét, hoặc danh khác thể đồng nên phải xét biệt. Tà chánh đã biện rành, ngọc đá chợt phân rõ, chẳng lạm mới tu, sâu bổ ích học sau. Lại như trong Hoa Nghiêm diễn nghĩa nói: "Nho đạo ở phương này huyền diệu chẳng vượt quá Tam huyền, Chu dịch là chân huyền, Lão tử là Hư huyền, Trang tử là Đàm huyền". Trong Đạo Đức Kinh của Lão tử nói: "Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật". Ghi chú là: Một là khí của xung hòa, nói đạo

động xuất ra diệu khí xung hòa, ở nơi lý của sinh vật chưa đủ, lại sinh dương khí, dương khí chẳng thể một mình sinh, lại sinh âm khí, tích một của xung khí nên nói một sinh hai, sinh tích hai của âm dương, nên nói hai sinh ba, âm dương mang chứa, xung khí điều hòa, sau đó muôn vật lớn thành, nên nói ba sinh muôn vật". Tiếp theo sau lại nói: "Muôn vật phụ âm mà âm dương, xung khí lấy làm hòa, từ trước đến nay đều rõ muôn vật tự nhiên sinh vậy. Trong thiên Tông sư của Trang tử nói: "Tại trước của thái cực mà chẳng làm cao, tại dưới của lục hợp mà chẳng làm sâu, trước trời đất sinh mà chẳng làm lâu, lớn so với thượng cổ mà không làm già, không chỗ nào chẳng có, chỗ có đều không vậy". Lại nói: "Biết điều làm của trời, biết điều làm của người", ghi chú rằng: Biết điều làm của trời là tự nhiên vậy, ý nói chỉ có biết có làm (hữu vi), đều chẳng làm mà làm, nên tự nhiên vậy. Trong Kim Đoạn nói: "Nếu lấy tự nhiên mà làm nhân là nghĩa đoạn vậy, tức ý của Lão tử, do đạo sinh một. Đạo là tự nhiên nên dùng làm nhân, là tà nhân vậy. Lại, nếu cho rằng: Muôn vật tự nhiên mà sinh, tức là ý của Trang tử, thì muôn vật tự nhiên của không sai sử nên gọi là tự nhiên, tức là không nhân vậy, như đen của quạ, tức văn của Trang tử, ý của kinh Niết-bàn. Trong Chu Dịch nói: Một âm một dương gọi đó là đạo, âm dương chẳng thể lường, gọi đó là Thần". Giải thích: Một, nghĩa là không vậy, không âm không dương mới gọi đó là đạo, một được làm không, không là hư vô, hư không chẳng thể phân biệt, chỉ một mà thôi, nên lấy một làm không vậy. Nếu có cảnh thì có hình tướng đây kia, có hai có ba, chẳng được làm một vậy. Lúc ở âm mà chẳng thấy công làm âm, lúc ở dương mà chẳng thấy sức làm dương tự nhiên mà có âm dương, tự nhiên không chỗ tạo tác, đó nghĩa là đạo vậy. Trong Kim Đoạn nói: Nếu do âm dương biến dịch năng sinh, tức là tà nhân. Lại, một là không vậy, tức là không nhân, nếu chấp một là hư vô tự nhiên thì đều không nhân vậy, thì người tự nhiên sinh nên thường sinh người, chẳng đợi các duyên cha mẹ v.v... Bồ-đề tự nhiên sinh, thì tất cả quả báo chẳng do tu mà được. Lại trong Dịch nói: "Tịch nhiên chẳng động, cảm mà bèn thông trên dưới ấy vậy". Trong Lễ nói: "Nhân sinh mà tĩnh lắng, là tánh của trời vậy, cảm vật mà động là dục của tánh vậy. Các hàng hậu Nho đều dùng ngôn từ nhỏ đồng, chẳng quán xét trước sau, chỗ gốc dựng lập, đến nỗi muốn lẫn lộn hòa đồng Tam giáo, chỉ thấy ngô từ có đồng nhỏ, mà đâu biết nghĩa có khác lớn, vậy biết chẳng vào chánh tông, sao biết ngôn đồng ý biệt, chưa rõ mắt mình sao soi xét sinh khác thể đồng. Do đó, người theo ngôn ngữ là mê, kẻ y cứ văn từ là hoạc, sợ lạm vào đại chỉ nên ghi

lục chỉ bày đó. Vả lại, như ngoại đạo nói tự nhiên lấy làm chí đạo chẳng thành phương tiện, bèn hoại chánh nhân. Pháp giới cũng nói tự nhiên, tuy thành chánh giáo mà còn là tất-đàn đối trị chưa là rốt ráo, lấy một thí dụ này thì các điều khác có thể rõ biết vậy. Lại ngay nhiều kiến khởi vượt bốn câu mới ra khỏi bốn câu đơn, như có bốn câu phức đầy đủ bốn câu, vả lại bốn câu đơn, tức: Một là, có, hai là, không, ba là, cũng có cũng không, bốn là, chẳng phải có chẳng phải không. Bốn câu phức, tức: Một là, có có có không, hai là, không có không không, ba là, cũng có cũng không có, cũng có cũng không không, bốn là, chẳng phải có cũng chẳng phải không có, chẳng phải có chẳng phải không không. Mà nói phức, là trong bốn câu đều nói có không. Đầy đủ bốn câu là trong bốn câu đầy đủ bốn vậy. Thứ nhất, câu có đầy đủ bốn, tức nghĩa là: Một, có có, hai, có không, ba, có cũng có cũng không, bốn có chẳng phải có chẳng phải không; Thứ hai, trong câu không đầy đủ bốn, tức: Một không có, hai, không không, ba, không cũng có cũng không, bốn, không chẳng phải có chẳng phải không; Thứ ba, cũng có cũng không đầy đủ bốn, tức: Một, cũng có cũng không có, hai, cũng có cũng không không, ba, cũng có cũng không cũng có cũng không, bốn, cũng có cũng không chẳng phải có chẳng phải không; Thứ tư, chẳng phải có chẳng phải không đầy đủ bốn, tức: Một chẳng phải có chẳng phải không có, hai, chẳng phải có chẳng phải không không, ba, chẳng phải có chẳng phải không cũng có cũng không, bốn, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải có chẳng phải không. Bốn ,lần mười sáu câu trên là đầy đủ bốn câu. Thứ tư ,tuyệt lời bốn câu là: Một, ngoài bốn câu đơn một tuyệt lời. Hai, ngoài bốn câu phức một tuyệt lời. Ba ngoài bốn câu đầy đủ một tuyệt lời, có ba tuyệt lời. Các bốn kiến trên, mỗi mỗi đều có tám mươi tám sử tương ưng, kiến đó tức là kiến của ngoại đạo vậy. Nếu nói về Phật pháp, trải qua bốn giáo bốn môn, mỗi một sinh bốn kiến. Lại, một thứ bốn môn mỗi mỗi một tuyệt lời, mỗi mỗi như vậy cũng mỗi mỗi có tám mươi tám sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám hoặc v.v... Trong Bách Pháp Sao nói: "Phá tà chấp tức tà chấp của Nhị biên, gồm có ba thứ, nhị biên: Một là, nhị biên đoạn kiến thường kiến ngoại đạo. Như có ngoại đạo chuyên một mực chấp thường, tức luận tứ biến thường v.v... ấy vậy. Đó tức là thường kiến biên, lại có ngoại đạo chuyên một hướng chấp đoạn, tức luận bảy doạn diệt ấy vậy, đó tức là đoạn kiến biên; Hai là, Nhị biên giả thật của Tiểu thừa. Hoặc có Tiểu thừa chuyên một hướng chấp giả, tức Nhất thuyết bộ v.v... chấp tất cả pháp chỉ có giả danh mà không thật thể tức là đắm trước giả biên. Lại có Tiểu thừa

chuyên một hướng chấp thật, tức Tát-bà-đa là Độc-tử-bộ v.v... chấp các pháp đều thật, tức là đắm trước thật biên; Ba là, Nhị biên có không của Đại thừa Tiểu thừa. Về Đại thừa, như Bồ-tát Thanh Biện v.v... bác bỏ Bồ-đề Niết-bàn đều không, tức là đắm trước không biên, hiển bày Trung đạo, có hai: Thứ nhất khái niệm Trung đạo. Thứ hai chân thật Trung đạo lại có ba: Một là năng chứng tịnh phần y tha, là diệu hữu đó, trí khởi hoặc hết, gọi là chân không, diệu hữu chân không chánh ở Trung đạo; Hai là năng chứng hữu vi là sở chứng chân lý của diệu hữu đó, gọi là chân không, diệu hữu chân không chánh ở Trung đạo; Ba là chỉ ở trên pháp thân mà nói xưa nay là thật tánh, gọi là diệu hữu, tức thật tánh đây bèn là chân không, diệu hữu chân không chánh ở Trung đạo. Giả khái niệm Trung đạo tức là trong Trí hậu đắc của Phật mà giả khái niệm cũng có ba thứ: Một là, chẳng đoạn chẳng thường Trung đạo, nghĩa là trong kinh Phật nói có thức dị thục làm chủ tổng báo. Âm đây mới diệt âm kia liền sinh, tức chẳng phải đoạn, đây là phá nhị biên đoạn thường của ngoại đạo. Lại nói: Sinh diệt chẳng định, gọi là vô thường, tức là chẳng thường. Hai là, chẳng giả chẳng thật Trung đạo, nghĩa là trong kinh Phật nói: Tất cả sắc tâm từ chủng (hạt giống) mà sinh tức là chẳng giả, nương phân vị đây hoặc có hình tướng tức là chẳng thật, xưng thật mà đàm luận chánh ở Trung đạo, đây là phá nhị biên giả thật của Tiểu thừa. Ba là, chẳng có chẳng không Trung đạo, tức trong kinh nói Ngã pháp biến chấp tức là chẳng có, y cứ viên diệu hữu tức là chẳng không. Lìa có lìa không chánh ở Trung đạo. Đây là phá nhị biên hữu không của Đại thừa Tiểu thừa, là vì tình của muốn chấp nhị biên, tức trái với lý của Trung đạo, mới làm giải của bốn câu, bèn mất môn của Nhất thừa. Phải biết chẳng phải lìa biên có trung, cũng chẳng phải tức biên là trung. Nếu lìa biên cầu trung thì biên kiến chưa hết sạch, nếu tức biên là trung thì trung giải vẫn còn, do đó khó hiểu khó biết, chỉ vào sâu Bát-nhã, chấp đó như nhóm lửa lớn, bốn biên không thể xúc đó. Rõ đó như ao trong mát, các môn đều có thể vào vậy. Nên biết pháp không định tướng, xoay chuyển tùy tâm. Chấp tức thành quấy, đạt đó không lỗi. Như pháp bốn câu thông bít do người, ở pháp thì gọi là bốn câu, ngộ vào thì gọi là bốn môn. Vọng chấp thì gọi là bốn chấp, hủy pháp thì gọi là bốn báng. Vậy biết bốn câu chẳng động, được mất không sinh, một pháp không sai, lên xuống tự khác. Lại nữa, chỉ tâm quyết phá một trăm hai mươi thứ kiến giải v.v... hoặc hòa thần dưỡng khí mà gìn giữ tự nhiên, hoặc khổ chất ép hình mà chẳng đến đạo, hoặc chấp không đắm trước mà thung lập tiền cảnh hoặc cầu tĩnh

lự mà đè bẻ vọng tâm, hoặc khoét tình diệt pháp mà ngưng không, hoặc gá ảnh duyên trần mà giữ chấctướng. Hoặc vùi mất chân chiếu của Linh nguyên, hoặc diệt chết chánh nhân của Phật chủng, hoặc thuần biết ngưng thần thọ báo ở đất của vô hình, hoặc lắng tâm hết sắc trú quả ở trời của tám nạn, hoặc đắm trước hữu mà giữ thành càn, hoặc bác bỏ không mà đồng sừng thỏ, hoặc tuyệt kiến mà ở phòng tối, hoặc lập chiếu mà còn chỗ biết, hoặc nhận có giác là hình của chân thật, hoặc bắt chước không biết đồng loại với gỗ đá, hoặc chấp vọng mà thủ lấy quả rốt ráo, như tức bùn là bình, hoặc vọng duyên hướng đến môn giải thoát tợ rất sóng cầu nước, hoặc ngoại rong ruổi mà vọng dấy việc mộng, hoặc trong giữ mà ngồi yên ôm ngu. Hoặc chủ một mà vật tượng đồng như, hoặc thấy khác mà mỗi mỗi lập pháp giới, hoặc giữ ngu si không phân biệt mà làm đạo lớn, hoặc chuộng không kiến bài bác thiện ác mà làm chân tu, hoặc giải tánh chẳng thể nghĩ bàn mà làm ngoan không, hoặc rõ chân thiện diệu sắc làm thật có, hoặc tu ngầm cơ tuyệt tưởng đồng với trời hữu lậu, hoặc học giác quán tư duy mà rơi lạc nơi tình lượng, hoặc chẳng cùng tột vọng tánh mà làm giải của mờ tối mới đầu, hoặc mê mờ ở huyễn thể mà lập tông của không không, hoặc nhận ảnh tượng mà làm chân, hoặc bỏ hư vọng mà cầu thật, hoặc ghi nhớ tánh thấy nghe mà làm vật sống, hoặc chỉ cảnh huyễn hóa làm vô tình, hoặc khởi ý mà trái với lắng biết, hoặc đoạn niệm mà khuyết Phật dụng, hoặc mê tánh công đức mà làm kiến của sắc thân, hoặc căn cứ rốt ráo không mà sinh tâm đoạn diệt, hoặc chấp đại lý mà chóng bỏ trang nghiêm, hoặc mê tạm nói mà một hướng tạo tác, hoặc căn cứ thể lìa duyên mà cứng chắc tánh chấp, hoặc quên hết tất cả mà giữ mình ngu, hoặc định nhân pháp tự vậy mà đọa vào không nhân, hoặc chấp cảnh trí hòa hợp mà sinh cộng kiến, hoặc chấp tâm cảnh hẳn đồng mà loạn pháp năng sở, hoặc đắm trước phân biệt chân tục mà bó buộc ngu của trí chướng, hoặc thủ giữ nhất như chẳng biến mà rơi lạc thường, hoặc định bốn tướng biến đổi mà chìm đắm đoạn, hoặc chấp không tu mà bỏ Thánh vị, hoặc nói có chứng mà trái với thiên chân, hoặc đam mê nương tựa chánh mà tùy thế gian luân hồi, hoặc nhàm chán sinh tử mà vùi mất chân giải thoát, hoặc mê chân không mà sùng nhân đắm quả, hoặc mờ tối thật tế mà vui thích Phật nhàm chán ma, hoặc đắm trước điều nói tùy nghi mà giữ lời làm chân, hoặc mất âm thanh thật tướng mà lìa nói năng cầu im lặng, hoặc tôn giáo thừa mà nhàm chán định của tự tánh, hoặc hoằng dương thiền quán mà bài xích thuyên giải của Liễu nghĩa, hoặc đấu tránh kỳ đặc mà chỉ đoái hoài xuất thân chợt chìm đắm biển thức,

hoặc làm trong sạch mà chỉ cầu huyền mật trái lại rơi lạc thành âm, hoặc khởi hiểu biết thù thắng mà quay thịt thành nhọt, hoặc trú bản tánh thanh tịnh mà chấp thuốc thành bệnh, hoặc tìm văn bới nghĩa mà uống nước khách, hoặc thủ giữ tỉnh lắng sống nhàn mà ngồi pháp trần, hoặc khởi tâm có được mà đàm nói không tướng Đại thừa, hoặc vận đồ đạt tưởng mà tham xét huyền chỉ ngoài vật, hoặc phế bỏ giảng nói mà khởi kiến dứt tuyệt lời, hoặc còn giữ thuyên giải mà chuốc lấy có chấp ngón tay. Hoặc nhận động dụng mà khởi căn nguyên sinh diệt, hoặc chuyên ghi nhớ mà trú ngằn mé của thức tưởng, hoặc an bài bác mà mất tánh Viên giác, hoặc buông thả mac tình mà khuyết môn vào đạo, hoặc khởi thân tâm tinh tấn mà ngưng trệ ở hữu vi, hoặc giữ nhậm chân vô sự mà trói buộc trầm tuệ, hoặc chuyên chấp niệm tinh cần tư duy mà mất chánh thọ, hoặc học đòi tự tại vô ngại mà buông thả tu hành, hoặc tùy kết sử mà cậy bản tánh không, hoặc chấp che buộc mà vọng thêm trừ đoạn, hoặc bảo trọng mà sinh pháp ái, hoặc khinh mạn mà hủy Phật nhân, hoặc tiến cầu mà trái với bản tâm, hoặc lưu lạc mà thành buông lung, hoặc nói chứng tương vi mà khuyết thật địa. Hoặc thể dụng mỗi y cứ mà trái với Phật thừa, hoặc vui thích vắng lặng mà trú không bèn mất tánh của đại bi, hoặc hết sạch duyên mà nhàm chán giả trái với môn của pháp nhĩ, hoặc đắm trước ngã kiến mà mờ tối nhân không, hoặc mê hiện lượng mà bền chắc pháp chấp, hoặc hiểu chẳng gồm tin mà đượm tà kiến, hoặc tin chẳng đủ hiểu mà dưỡng vô minh, hoặc nói nhân phải mà pháp quấy, hoặc xưng cảnh sâu mà trí cạn, hoặc lấy mà mê tánh vật, hoặc bỏ mà trái tức chân, hoặc lìa mà trái nhân, hoặc tức mà mất quả, hoặc quấy mà báng Phật, hoặc phải mà hủy quyền, hoặc ghét vô minh mà trái môn trí chẳng động, hoặc ghét cảnh khác mà hoại pháp tánh Tam-muội, hoặc căn cứ đồng lý mà khởi tăng thượng mạn, hoặc chê biệt tướng mà phá môn phương tiện, hoặc là Bồ-đề mà báng chánh pháp luân, hoặc chẳng phải chúng sinh mà hủy thể Phật chân thật, hoặc đắm trước bản trí mà chẳng phải quyền tuệ, hoặc mê chánh tông mà chấp môn khác, hoặc trệ lý mà đắm hố vô vi, hoặc chấp sự mà gieo vào lưới hư huyễn, hoặc tuyệt biên sạch vết mà trái ngược môn song chiếu, hoặc giữ chánh còn trung mà mất ý của phương tiện, hoặc định tuệ thiên tu hành mà cháy thối mầm đạo, hoặc hạnh nguyện riêng lẻ dấy phát mà vùi chôn Phật đạo, hoặc hành tác và vô tác mà tu Bồ-đề hữu vi, hoặc tâm đắm trước và không đắm trước mà học Bát-nhã tương tợ, hoặc hướng đến tướng sạch mà mê dơ tánh thật, hoặc trú chánh vị mà mất tục vốn không, hoặc lập quán vô tướng mà chướng che

chân như, hoặc khởi tâm rõ biết mà trái nghịch với pháp tánh, hoặc giữ chân thuyên mà sinh ngữ kiến, uống cam lồ mà chết sớm, hoặc thuần viên lý mà khởi đắm trước tâm, uống đề hồ mà thành độc, lược nêu như trên có một trăm hai mươi thứ hiểu biết, đều là mê tông mất chỉ, trái trạm nghịch chân, dụi mắt sinh hoa, mê đầu nhận ảnh, như đánh băng mà tìm lửa, tợ leo cây mà mò cá, sợ ảnh mà trốn không, sờ gió bắt điện chớp, đắng chẳng phải ngọt, cát đâu phải nhân thành cơm, đâu có thể dùng pháp tánh dung thông một yếu chỉ hòa hợp, đều mê mờ phương tiện đều vào kiến trói buộc, chẳng thấu đạt chánh tông đều gieo vào lưới kiến kín mít khó ra, như gỗ cong kéo nơi rừng rậm, thế mạnh sức nhiều, như sông sâu nổi ở hương tượng. Do đó, Thiên ma ngoại đạo vốn không giống ấy, tu hành thất niệm bèn phân nguồn đó. Nên biết chỉ có chỗ trọng chỗ nương, lập biết lập hiểu, mảy may chỗ thấy chẳng mất thì đầu thành ngoại đạo, như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Vì pháp không tánh vậy
Không thể nào rõ biết
Hiểu các pháp như vậy
Rốt ráo không hiểu gì?"

Vì pháp không có tự thể, y cứ đâu làm hiểu, như nói sự lớn nhỏ của sừng thỏ. Trình bày ngắn dài của lông rùa, lý sự đều hư, chỉ chuốc nhận thiên hạ cười chê. Tình trần ngăn cách, thật mất đạo ở trước mắt. Như trong luận Hoa Nghiêm nói: "Kiến còn tức phàm, tình mất tức Phật". Chư vị Tổ sư nói: "Chẳng dùng cầu chân, chỉ nên dứt kiến". Trong kinh Pháp Hoa nói: "Pháp này chẳng thể nghĩ lường, chẳng phải chỗ phân biệt mà hiểu được". Trong kinh Viên giác nói: "Nếu dùng tâm tư duy để so lường cảnh giới Viên giác của Như Lai thì như đem lửa đom đóm mà đốt núi Tu-di, trọn không thể nhằm gì". Đó đều là có tâm làm của thế tục, đâu có thể tham dò yếu chỉ không làm xuất thế. Như các bậc Tiên đức nói: "Việc thế tục chẳng phải chỉ nắm cày chuyển cân, gọi là việc thế tục, ngồi trong năm trần sáu dục tức là thế tục. Lại chuyên niệm không vô tướng cũng là việc thế tục. Lại nghĩ nhớ muôn sinh đồ thán xót thương cứu giúp cũng là việc thế tục. Nếu năng mỗi niệm ở không niệm, chẳng phải niệm chẳng phải không niệm, giác ngộ trong nhất tâm mới chẳng phải việc thế tục. Do đó, nếu người thật ngộ tông còn chẳng được, không thấy không hiểu đâu có thể lại tùy lời chấp ý mà khởi có thấy có hiểu đâu có thể lại tùy lời chấp ý mà khởi có thấy có hiểu ư? Như trong kinh Đại Pháp Kính nói: "Nếu chư vị Bồ-tát tùy lời nói chấp lấy nghĩa, chẳng như chánh lý tư duy chọn pháp, bèn sinh

hai mươi tám thứ thấy chẳng chánh". Nghĩa là tướng thấy mới đầu là cho rằng nghe trong kinh Đại Thừa nói: Tất cả các pháp đều không tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, là tự tánh Niết-bàn v.v... chẳng khéo hiểu mật ý, chỉ tùy lời nói đó ý nghĩa như vậy, bèn sinh thắng giải, cho rằng Phật nói tất cả các pháp, quyết định không tự tánh quyết định vô sinh v.v... chấp trước tướng không tánh v.v... như vậy. Đó gọi là tướng thấy, kia chấp trước tướng không tánh v.v... như vậy thời bèn phỉ báng ba tự tánh tức tự tánh Biến kế sở chấp, tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật v.v... Vậy biết, nếu phỉ báng ba tánh đây thì bác bỏ hai đế chân tục, tất cả các pháp v.v... Bởi vì hai kiến có và không là gốc của các kiến. Nếu năng đoạn các kiến, tức tự nhiên tương ưng với Tông Kính. Trong kinh Hoa Thủ nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất rằng: "Nói chánh kiến, Ba-la-mật là thế nào? Xá-lợi-phất! Chánh kiến đó là quán các pháp không cao không thấp. Cho đến, chánh kiến là không tất cả kiến. Tại sao? Các nơi có kiến đều là tà kiến, không tất cả kiến tức là chánh kiến". Trong kinh Phật Tạng nói: "Phật dạy: Tất cả các kiến đều từ hư vọng duyên khởi. Xá-lợi-phất! Nếu tư duy rằng: "Đây là chánh kiến, người như vậy tức là tà kiến. Xá-lợi-phất! Ở trong chánh pháp, đoạn trừ tất cả các kiến căn bản, đều đoạn tất cả các đường ngôn ngữ, như trong hư không tay không chạm ngại. Các pháp Sa-môn đều nên như vậy". Lại nói: "Phật dạy: Xá-lợi-phất! Chư Phật A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, chỉ là một nghĩa, đó là lìa vậy, những gì là lìa? Lìa các dục các kiến. Dục tức là vô minh, kiến tức là nhơ nghĩ". Tại sao? Tất cả các pháp, nhớ nghĩ là gốc, nơi có nhớ nghĩ tức đó là kiến, kiến tức là tà. Vì vậy, nếu năng lìa kiến, tức thành chư Phật. Mười phương đều cúi đầu muôn loại thảy quy y. Như trong luận Trung Quán nói: "Đại Thánh chúa Cù-đàm, xót thương nói pháp đó, đều đoạn tất cả kiến. Nay tôi cúi đầu lễ". Lại nữa, phàm xa lìa nhị biên trú ở Trung đạo là nói về kinh Hoa Nghiêm mà giải thích, lược nêu bốn thứ đều đồng tất cả: Một là nhiễm tịnh căn cứ hoặc, hai là ,buộc mở thông hoặc nghiệp, ba là, có không thông lý sự, bốn là, một khác căn cứ tâm cảnh. Tại sao có như vậy? Nghĩa là Thành Bồ-đề, đã lìa tế niệm, vọng hoặc hết rồi hiển hiện pháp thân, trí tuệ thuần tịnh. Nếu là kiến đây, chưa khỏi biên đó, nên trong kinh nói: "Nếu có thấy (kiến) Chánh giác giải thoát, lìa các lậu đắm trước tất cả thế gian, đây chẳng phải mắt chứng đạo. Nay thấu rõ hoặc, thể tánh vốn không, lại không chỗ tịnh nên lìa Nhị biên. Lại nhiễm tịnh giao triệt nên không trú trước, đó gọi là lìa biên. Nay gọi là Bồ-đề, tự nhiên giải thoát. Nếu là

kiến đây tức là trú biên, trí Bồ-tát rõ vốn tự chẳng buộc, ở đâu có mở? Không buộc không mở, thì không khổ vui, nên được lìa vậy”. Có không thông sự lý, nghĩa là nếu xưa cho rằng hoặc có, nay rõ hoặc không, xưa cho là tâm không, nay biết là diệu hữu (có). Lại nữa vui thật (chân lạc) vốn có, mất mà chẳng biết. Khổ vọng vốn không, bị mà chẳng hay. Ngày nay mới biết không là vọng khổ. Có là Niết-bàn, nếu biết như vậy, đều chưa lìa biên. Lại nữa, phiền não nghiệp khổ vốn có nay không, Bồ-đề Phật thân vốn không nay có v.v... đều là pháp có trong ba đời. Tánh của Bồ-đề chẳng thuộc ba đời, ba đời có không đều gồm thuộc biên. Chân trí khế lý tuyệt ở ba đời, nên lìa hai biên có không v.v... Một và khác có hai: Một là, tâm cảnh chẳng rõ thì hai, khế hợp thì một, cũng thành ở biên. Hai là, chúng sinh và Phật có khác, nay rõ một tánh cũng gọi là biên. Nay Chánh giác thấu rõ trong đây không có hai, cũng chẳng có không hai. Nếu người khéo thấy, như lý an trú, nên lìa biên đây, một là khế hợp Bồ-đề, tất cả đều vắng lặng, nên nói là xa lìa. Pháp sư Nghĩa Tịnh nói: “Du-già thì chân có tục không, lấy ba tánh làm gốc. Trung quán thì chân không tục có, thật Nhị đế làm đầu. Bát-nhã Đại Tông bao gồm hai ý đó. Rốt cùng khiến ở Đông Hạ (Trung Hoa) thì đạo phân Nam Bắc, Tây vức thì nghĩa cách có không”. Nói như trên, hoặc các phàm phu, chấp có đắm không, tình kiến chẳng phải một, chấp của bốn đảo tám tà, ngu của năm báng hai kiến. Hoặc các Hiền thánh phán giáo phân tông, trí hiểu cũng riêng biệt. Đạo của ba thời tám giáo, khoa của năm tánh mười tông, chưa hiển bày viên văn, hoặc được hoặc mất, nếu vào Tông Kính, hiểu chánh rành rẽ. Thể dụng dung hòa, tâm cảnh xen lẫn, không đầy đủ mà thấu triệt phô bày của muôn hữu, sự vô ngại mà toàn trong của một lý. Lại, nếu rốt ráo muốn khỏi kiến của đoạn thường biên tà, phải rõ nghĩa môn sáu tướng của Hoa Nghiêm, thì năng mặc pháp hành xử, năng sở tự mất, tùy duyên động lắng, chẳng hoại có không, đầy đủ đại tổng trì, rốt ráo không lầm lỗi. Nghĩa sáu tướng đây là biện pháp thế gian, tự tại vô ngại, chánh chân hiển bày duyên khởi không lý phân biệt. Nếu là thiện kiến là được môn trí tổng trì chẳng rơi lạc các kiến, chẳng phải bỏ một lấy một mà đều lập đều mất, tuy gồm đồng thời, mà dấy nhiều chẳng có, giả sử mỗi mỗi đầy đủ riêng biệt, ngầm lắng chẳng phải không, chẳng thể dùng có tâm biết, chẳng thể dùng không tâm hợp, rõ ràng trong pháp giới, không văn của tổng biệt, đến trong biển quả, tuyệt yếu chỉ của thành hoại. Nay y cứ nhân môn trí chiếu, các bậc Cổ đức lược dùng thí dụ nói rõ nghĩa sáu tướng, đó tức: Một là tổng tướng, hai là, biệt tướng, ba là, đồng tướng, bốn là, dị (khác)

tướng, năm là, thành tướng, sáu là, hoại tướng. Tổng tướng (tướng chung) là thí như một ngôi nhà là tướng chung, rui v.v... là biệt tướng (tướng riêng). Rui v.v... cùng các duyên hòa hợp đồng làm nhà, mỗi mỗi chẳng trái nghịch nhau, chẳng phải làm các vật khác, nên gọi là đồng tướng. Rui v.v... các duyên đắp đổi qua lại lẫn nhau, mỗi mỗi chẳng đồng gọi là dị tướng. Rui v.v... các duyên một nhiều cùng thành gọi là thành tướng. Rui v.v... các duyên mỗi trú ở tự pháp, vốn chẳng làm nên gọi là hoại tướng. Lại, rui tức là nhà, vì rui riêng có thể làm nhà. Nếu lìa rui, tức nhà toàn chẳng thành, nếu lúc được rui tức được nhà vậy. Do đó, rui chẳng phải là thiếu lực, chung thành đều là toàn lực vậy. Nhà đã tức là rui, thì các vật gỗ ngói v.v... khác thảy đều là rui. Nếu bỏ rui tức nhà là không, nhà hoại nên chẳng gọi ngói gỗ v.v... cho nên, ngói gỗ v.v... tức rui đây vậy. Nếu chẳng tức rui là nhà tức chẳng thành, rui ngói gỗ v.v... đều chẳng thành. Nay đã đều thành nên biết tương tức vậy. Rui tức ngoái gỗ v.v... một rui đã vậy, tất cả các duyên khác cũng vậy. Cho nên tất cả pháp duyên khởi chẳng thành tức đã thành vậy. Biệt tướng là rui v.v... các duyên ràng buộc ở tổng. Nếu chẳng diệt là nghĩa tổng chẳng thành, do không lúc biệt tức không tổng vậy, vì nhân biệt nên được tổng vậy. Cho nên, biệt là lấy tổng làm biệt vậy. Như rui tức nhà nên gọi là tổng tướng, tức là rui nên gọi là biệt tướng, nếu chẳng tức nhà chẳng là rui, nếu chẳng tức biệt chẳng gọi tổng.

Hỏi: Nếu là tương tức, cớ sao nói biệt?

Đáp: Chỉ do tương tức vậy nên thành biệt, nếu chẳng tương tức thì tổng ở ngoài biệt, nên chẳng phải tổng vậy. Biệt tại ngoài tổng nên chẳng phải biệt vậy. Đồng tướng là rui v.v... các duyên hòa hợp làm nhà, chẳng trái nghịch nhau nên đều gọi là duyên nhà, chẳng phải làm các vật khác nên gọi là đồng tướng. Tổng tướng là chỉ trông ở một nhà mà nói. Nay, đồng tướng đây nóivề rui gỗ v.v... các duyên mà nói. Tuy thể mỗi ràng buộc, nhưng thành nghĩa lực bằng nhau nên gọi là đồng tướng. Nếu chẳng đồng, thì rui v.v... các duyên qua lại trái nghịch nhau, đều chẳng đồng làm nhà, nhà chẳng được có, nên tức là đoạn vậy. Nếu trái nghịch nhau chẳng làm nhà, mà chấp có nhà là không nhân có nhà nên tức là thường vậy. Tướng khác là rui v.v... các duyên tùy hình tướng tự loại sai biệt vậy.

Hỏi: Nếu dị (khác) là nên chẳng đồng ư?

Đáp: Chỉ do bị vậy do đo mà đồng vậy. Nay đã nhà thành, đồng gọi là duyên, phải biết là dị vậy. Lại, nhân đồng chẳng dị nên mới nói ở các pháp dị vậy. Vì vậy trong kinh nói: “Kỳ lạ thay! Thế Tôn năng ở

trong pháp không khác (vô dị) mà nói các pháp dị (khác)". Biệt tướng nói ở trước, đều là rui v.v... các duyên ràng buộc ở một ngôi nhà, nay dị thường là rui v.v... các duyên đắp đổi hỗ tương lẫn nhau, mỗi mỗi khác vậy. Nếu chẳng phải là hoại pháp vốn duyên chẳng thành nhà vậy, tức là đoạn, nếu hoại duyên chẳng thành nhà mà chấp có nhà, không nhân có nhà, tức là thường vậy. Thành tướng là vì các duyên mỗi trú ở tự pháp vốn chẳng làm vậy. Nghĩa nhà được thành, nếu rui làm nhà tức mất pháp vốn rui vậy, nghĩa nhà chẳng được. Hoại tướng là rui v.v... các duyên mỗi trú ở tự pháp, vốn chẳng làm nhà cho nên nghĩa hoại. Nếu rui làm nhà tức mất pháp rui mất pháp rui nên nhà tức không rui, chẳng được có nhà là đoạn vậy. Nếu mất pháp rui mà có nhà là không rui tức không nhân, không nhân mà có nhà tức là thường vậy. Cho nên nhất tâm chân như là tổng tướng năng gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian vậy. nói về gồm tất cả pháp là được tên tổng, năng sinh các duyên thành tên khác. Pháp pháp ngang bằng làm đồng tướng, tùy tướng chẳng ngang bằng mà gọi là môn khác, dựng lập cảnh giới nên gọi là, thành, chẳng động tự vị mà làm hoại. Lại nói: Một là, tổng tướng chung tức một hợp nhiều đức. Hai là, tướng riêng tức nhiều đức chẳng phải một. Ba là, tướng đồng tức nhiều nghĩa chẳng trái nghịch nhau. Bốn là, tướng khác tức nhiều nghĩa chẳng tương tợ. Năm là, tướng thành tướng tức do các nghĩa duyên khởi mà thành. Sáu là hoại tướng, tức các duyên mỗi trú ở tự tánh chẳng dời động vậy. Nghĩa môn sáu tướng trên đây là quán trong hàng Bồ-tát sơ địa, thông tất cả pháp môn ở thế gian, năng vào tông của pháp giới, chẳng rơi lạc kiến của đoạn thường. Nếu một mực riêng đuổi theo hạnh vị mà trái với tông. Nếu một hướng đồng mất tấn tu mà rơi lạc lặng lẹ. Do vì vị vị tức Phật, thềm bậc rành rẽ, lớp lớp luyện mài, bản vị chẳng động. Đó thì đồng khác đều cứu tế, lý sự chẳng khuyết, nhân quả không sai, mê ngộ toàn khác biệt. Muốn luận bàn về đại chỉ của sáu tướng tức trở lại đồng với qua sông trong mộng. Nếu nói về chánh tông, mười địa còn giống như dấu vết chim giữa hư không. Nếu nói về viên tu đoạn hoặc, đối trị tập khí chẳng phải không, lý hành qua lại lẫn nhau, khuyết một chẳng thể được. Do đó, Văn thù dùng lý ấn hành, đạo của sai biệt không khuyết, Phổ Hiền dùng hành hiểu lý, môn căn bản chẳng phế bỏ, vi tế chọn kiến như trên, chân thật thức tâm, có thể gọi là giáo quán tương ưng, cảnh trí ngầm hợp, chánh trợ đều xoay vần, mắt chân giúp nhau, thì nhất định có thể để tiếp nối mảy trần sau cùng của các bậc Tiên đức, làm con cháu đời sau của Đấng Giác Vương vậy.

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 47

Hỏi: Phàm, nói chánh nghĩa Duy thức, khoảng có mấy thứ thức?

Đáp: Kinh luận biện chung có tám thứ thức: Một là nhãn thức, hai là nhĩ thức, ba là tỷ thức, bốn là thiệt thức, năm là thân thức, sáu là ý thức, bảy là Mạt-na thức, tám là A-lại-da thức. Chánh văn nêu xuất luận Duy thức gồm mười quyển của Bồ-tát Hộ Pháp. Luận đó giải thích văn luận Tam Thập Tụng của Bồ-tát Thiên Thân. Đại sư Từ Ân (Khuy Cơ) chế tác sớ thích tụng văn luận đó. Mới đầu là cư sĩ chấp chưởng, về sau có người vui thích xem, nộp một lượng vàng, trong Thành Duy Thức Luận Chưởng Trung Xu Yếu Đại Sư Từ Ân viết: "Bồ-tát Thế Thân (Thiên Thân) muốn thông rành gồm cả ba thừa mới rảo khắp ở các bộ, biết được Tiểu thừa chẳng phải cùng cực, bèn xoay lại hướng đến Đại thừa, nhân nghe tụng phẩm Thập Địa và phẩm A-tỳ-đạt-ma Nhiếp Đại Thừa trong kinh Hoa Nghiêm, bèn hối hận tạ lỗi quấy trước kia chấp kiến phỉ báng giáo pháp Đại thừa, dùng dao muốn cắt lưỡi để biểu thị nỗi đau xót sâu xa đó. Có người anh là Bồ-tát Vô Trước nói những điều lợi hại mà ngăn cản sự tự hại đó, bảo rằng: "Tuy ông dùng lưỡi phỉ báng chánh pháp, há cắt lưỡi mà tội trừ ư? Ông phải tán dương giải thích Đại thừa để hối cải sai phạm trước". Bồ-tát Thế Thân kính vâng lời anh chỉ bảo, nhân đó quy hướng diệu lý, bèn soạn thuật luận Thập Địa, luận Nhiếp Đại Thừa. Nên hai bộ luận ấy là lúc Bồ-tát Thế Thân chế soạn lúc mới quy hướng Đại thừa, thế rồi, sau dần tích chứa Huyền tông, tâm tình muốn khôi phục áo chỉ, lại làm luận rộng để thỏa đáng sâu cực, tham tầm cơ sâu, dẫn khởi tinh sâu, soạn thuật luận Duy Thức Tam Thập Tụng để thỏa đáng với diệu thú của Đại thừa. Muôn tượng gồm ở một chữ, ngàn dạy răn đủ ở một lời, đạo vượt các kinh điển, vẻ vang sáng ngời các Thánh. Lược tụng đã hoàn tất, rộng giải thích mới trình bày, cơ cảm chưa phù hợp, vụt nhiên bèn thị tịch! Lại có Bồ-tát Hộ Pháp v.v... thưởng ngoạn văn tụng, mỗi mỗi làm Nghĩa thích, tuy phân như các loại ngọn núi, hang núi kính cột, cành quỳnh, mà riêng chiếm

sáng ngời nổi cao tỏa ngát chỉ có một người là Bồ-tát Hộ Pháp vậy. Bồ-tát quả đã thành từ kiếp trước, vị khắc ở hiền nay, vỗ vật ngầm giúp tùy cơ làm lợi ích, chỉ tròn hai mươi chín tuổi, biết tức hóa có kỳ hạng, nhàm chán vô thường, chuyên tinh thiền tập, thề chẳng lìa khỏi gốc cây Bồ-đề đến trọn ba năm, những lúc rảnh rỗi thiền lễ, chú thích thích văn đó, ý chỉ sâu trí xa, đủ thấm danh cao, chấp phá rốt cuộc ở một lời, rối mở tận cùng ở nửa bài tụng, văn khác nước lửa mà phù hợp keo sơn, nghĩa đồng sông hồ mới thông thành trong đục, đồng bằng biên cương phẳng lặng vút tầng núi mà tiếp Hà hán, đồi gò vời vợi rộng sâu tận mênh mông, cúi dùi sâu thẳm mà không đáy, ngửa tầm cao vợi mà chẳng ngằn, văn thông nghĩa cạn, phái diễn chẳng cùng, câu dài tông rộng đào luyện có cực. Công vượt ngàn Thánh, đạo hợp trăm vua. Bấy giờ có Cư sĩ Huyền Giám, biết tém lông của phụng uyên, gá vết ngầm của long lân, thường dốc hết của cải luôn vì cúng dường, chí thành sâu chắc vật hết nhiều năm. Bồ-tát dẫn dụ tiếp bày lắm mối đáp lưu lại Nghĩa thích ấy và răn bảo rằng: “Sau khi ta qua đời, phàm có ai đến xem tức lấy một lượng vàng. Nếu gặp người tinh thần thông thái thì đáng có thể truyền thông”. Rốt cùng thời gian đã dần lắng tuyệt huyền tuân. Bồ-tát tiếng tăm chấn động ở châu này. Luận thích vang dội đến xứ kia, các loại có linh ai chẳng nghĩ mừng, sáng nghe tối chết, chẳng tiếc vàng ngọc, như chợ rảo đến hiền, tợ gò chất của cải. Hạc năm trời trông mà chưa liền lưu hành. Đại sư tuấn tài tỏa phát thiên tư thức gá theo bái yết, không thần tích nào mà chẳng chiêm lễ, không Thánh giáo nào mà chẳng mở đọc xem. Nghe diệu lý đó ân cần nương gần chắc cầu. Cư sĩ ghi lại di ngôn của Tiên thánh, hẳn là dặn bảo của hiền nay. Mới vâng phụng cỏ cây đây và ngũ uẩn luận Thích. Đại sư thưởng ngoạn như thấy Thánh dung, mỗi lúc đặt để trong tay, chẳng khác chân thuyết. Từ đây mưa ngọc điệp đông nổi tố tượng, tuy là rộng diễn vi thuyên, thưởng thức đó lấy làm bí quyết. Mãi đến lúc thần gá quán riêng, cảnh ngăn lửa sáng, rửa sạch tai mắt để trưng tư duy, thư thản tâm linh mà mở diệu, mới nói “nay mới thanh thản tâm ta vậy”. Tuyên Ni nói: “Ta có ngọc đẹp, cất giấu trong hòm rương. Nếu ai khéo biết giá, nay ta sẽ bán cho”. Đại sư Khuy Cơ vận xưa trái ngang đơn lẻ, chín tuổi đã mất cả song thân. Từ đó, chí muốn gá ráng mây, thêm mỗi lần mong truy phục, nếm trần phù tục, từ bé đã tuyệt tình phần, đến năm mười bảy tuổi bèn dự phần xuất gia, riêng vâng phụng minh chiếu, được làm môn thị, từ khi dự tham trong dịch trước gồm ba ngàn vị, tức mừng vui khuôn khổ bảy mươi, hẳn hài hợp thiện nguyện, phước quả hàm trượng, chẳng vì chất của

mất tài năng, bèn được theo hàng bạn dịch, tức chuyên việc tháo thẻ, tưởng thưởng luận ấy, công việc ở khoảng đầu tiên là dịch riêng mười bản Nghĩa Thích, gồm có bốn vị... Phưởng... Thượng, ... Quang và Khuy Cơ, đồng nhận việc nhuận sức chấp bút kiểm văn toản nghĩa. Thế rồi làm lệnh phạm mỗi tự hữu ty, sau vài lần chầu, Đại sư Khuy Cơ xin lùi vết. Đại sư (Huyền Trang) cố hỏi, Đại sư Khuy Cơ mới ân cần thưa rằng: "Từ đêm mộng thấy kim dung sáng sớm đến Bạch Mã, giữa chặn mày phát ra Linh Trí mang vác theo, nghe năm phần vì tâm mong cầu, quấy tám tạng mà xa trông, tuy được cặn bả của pháp môn, nhưng mất thuần túy của nguồn huyền. Nay ở Đông độ tươi tốt được ban cho, đều nhắm vào huyền tông, may lại cất lên xinh đẹp cả muôn phương, nổi trội vượt ngàn xưa, chẳng lập công ở lẫn lộn, nhưng có thể gọi là mất thời vậy, huống gì các Thánh chế tác, mỗi vị đều vang vọng ở năm xứ Ấn Độ, tuy văn đầy đủ truyền ở lá Bối, mà nghĩa chẳng hoàn bị ở một bản, tình kiến mỗi riêng khác, người bẩm thọ không đâu tựa nương, huống gì thời vận dần người mạng bạc thúc dục tuệ lẩn lộn, xét chi li mà rất cung cực, quấy khác ngón mà khó ngộ. Xin xét gồm các lời để làm thành một bản, ấn định chân thật lầm sai quyền hành lớn mạnh, thì lâu mà bèn hứa. Nên được luận này lưu hành vậy. Đại sư, lý bỏ ba Hiền, riêng trao tớ vụng, luận này! Vậy! Gồm bí mật của các kinh, bao quát yếu chỉ của các Thánh, không trệ nào chẳng dung, không sâu thẳm nào chẳng rọi, ngửa trông đó chẳng cùng, cúi nhìn đó chẳng lường, xa đó không trí, gần đó có thức. Đó có ẩn gồm ngũ minh, tìm bày tám tạng, ải sâu tối thường bít, đường huyền chưa thông. Dặn bảo còn mảy may đồi thừa, dùng lửa đốt ném bỏ, sương băng chứa đầy khe, dùng sợ cảnh rớt đó, tin bạc sáng trong đêm dài, gương vàng của tối sáng vậy. Tuy là bản lưu xuất từ năm xứ Thiên Trúc, nhưng ở đó không thích nghĩa lộn xộn này, ngay như chế tác riêng biệt của mười Đại luận sư, nhóm tập còn khó, huống gì lại nhặt lấy văn sâu mầu đây, thật là chưa có. Đó là nhân khởi của luận ấy vậy.

Hỏi: Tám thứ thức ấy, hành tướng thế nào?

Đáp: Trong kinh luận thành lập tự có văn bản rõ ràng. Tám thứ thức đó đầy đủ ba năng biến: Một là, dị thục năng biến, tức là thức thứ tám. Hai là, tư lương năng biến tức là thức thứ bảy. Ba là, liễu biệt năng biến tức là sáu thức trước. Trong luận Duy Thức nói: "Tướng do thức biến, tuy có vô lượng thứ, mà thức năng biến loại biệt chỉ có ba, đó tức: Một là, dị thục tức thức thứ tám có nhiều tánh dị thục. Hai là, tư lường tức thức thứ bảy luôn thẩm xét nghĩ lường. Ba là, liễu cảnh, tức sáu thức

trước, rõ cảnh tướng thô. Trong luận tụng nói: “Một là, A-lại-da, dị thục tất cả chủng, chẳng thể biết chấp thọ, xứ liễu thường cùng xúc, tác ý thọ tưởng tư, tương ưng chỉ xả thọ, ấy vô phú vô ký, xúc v.v... cũng vậy, luôn chuyển như dòng thác, A-la-hán vị xả”. Một là thức năng biến kinh giáo Đại Thừa gọi là A-lại-da. Thức này có nghĩa năng tàng sở tàng và chấp tàng, nghĩa là luôn cùng tạp nhiễm qua lại làm duyên, có tình chấp làm tự ngã bên trong. Xưa trước giải thích rằng: Một là năng tàng, tức nghĩa năng hàm tàng, giống như kho tàng năng cất giấu các thứ vật báu, nên được tên là tạng, ở đây lại năng hàm tàng các chủng tạp nhiễm, nên gọi là tàng, cũng tức nghĩa là trì (gìn giữ). Hai là sở tàng, tức là nghĩa sở y, giống như kho tàng là nơi gởi gắm của vật báu v.v... vậy. Thức này là nơi các pháp tạp nhiễm y tựa vậy. Ba là chấp tàng, nghĩa là bền giữ chẳng bỏ, giống như kho tàng vàng bạc, bị người giữ chặc chấp làm tự ngã bên trong, nên gọi là tàng. Thức này bị nhiễm mạt-na chấp chặc làm ngã nên gọi là tàng”. Trong Khởi Tín Sao giải thích rằng: “Thức thứ tám có nghĩa năng tàng sở tàng. Vả lại, nghĩa sở tàng tức nghĩa là thể thức ấy tàng vậy, là nơi sở tàng (chứa nhóm) các thứ căn thân chủng tử, khí thế gian. Vì căn thân v.v... là tướng phần của thức ấy, như các vật tượng trong kho, như thân ở trong phòng, muốn tìm thức Lại-da chỉ tại trong sắc tâm, muốn tìm châu ngọc ma-ni chỉ tại trong xanh vàng. Tiếp theo, nghĩa năng tàng tức nghĩa là các pháp căn thân v.v... đều tàng tại trong thức thân, như ảnh tượng tại trong châu ngọc. Muốn tìm tất cả pháp đều tại trong Lại-da, muốn tìm tất cả ảnh tượng đều tại trong ma-ni, so với nghĩa trước qua lại làm năng sở”. Trong luận Du-già nói: “Dùng tám thứ nghĩa chứng minh bản thức có: Một là, tướng nương tựa chấp thọ, hai là, tướng sinh khởi đầu tiên, ba là, tướng tánh có rõ ràng, bốn là, tướng tánh có chủng tử, năm là, tướng nghiệp dụng sai biệt, sáu là, tướng thân thọ sai biệt, bảy là, tướng xứ không tâm định, tám là, tướng phân lúc mạng chung”. Lại nữa, các bậc Cổ đức y cứ luận giải thích chứng minh có thức thứ tám là, trong luận nói: “Thức thứ tám đây chẳng phải là cảnh của thế gian hiện lượng trông thấy được, chỉ nhờ Thánh nói lường và dùng giáo lý chân chánh mà biết có đó”. Dẫn nêu bảy bản kinh để chứng minh đó. Trong kinh A-tỳ-đạt-ma có hai bài kệ tụng. Bài tụng một nói: “Vô thủy thời lai giới, tất cả pháp đều nương, do đây có các thú, và Niết-bàn chứng đắc”. Vô thủy thời lai giới, nói giới nghĩa là nhân, vì thức thứ tám từ vô thủy đến nay, năng gìn giữ tất cả các pháp chủng tử của hữu lậu vô lậu sắc tâm v.v... lại năng cùng sức của chủng tử hữu lậu vô lậu khiến sinh hiện hành, tức thức thứ tám cùng

tất cả chủng tử làm hai nhân y trì và sinh khởi. Tất cả pháp đều nương, nghĩa là nương tựa duyên đó, vì thức thứ tám năng biến làm thân khí, làm hữu tình nương tựa, cùng tất cả pháp hữu lậu vô lậu hiện hành mà làm sở y (nơi nương tựa), vì năng chấp thọ năm sắc cân thân cùng bảy thức trước hiện làm đều có nương tựa vậy, tức thức thứ tám năng cùng tất cả pháp hiện hành sắc tâm v.v... làm tăng thượng duyên nương tựa vậy. Do đây có các thú, và Niết-bàn chứng đắc là, thức thứ tám đây chẳng chỉ riêng cùng pháp hữu lậu lưu chuyển làm dụng y trì (nương tựa và gìn giữ), mà gồm năng cùng tất cả pháp vô lậu thuận hoàn diệt, làm dụng y trì. Bài tụng hai nói: "Do gồm chứa các pháp, tất cả chủng tử thức, nên gọi A-lại-da, thắng giả ta mở nói", tức tự chứng phần của thức thứ tám năng gìn giữ chủng, nên gọi là chủng tử thức. Trong kinh Giải Thâm Mật có kệ tụng nói: "Thức A-đà-na rất sâu nhiệm, tất cả chủng tử như thác đổ. Với phàm phu ta chẳng diễn bày, sợ kia phân biệt chấp làm ngã". A-đà-na, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là chấp trì, vì thức ấy năng chấp trì chủng tử các pháp, và năng chấp thọ sắc căn và nơi căn nương tựa, cũng năng chấp thủ kết sinh tương tục nên nói thức đây gọi là A-đà-na. Tất cả chủng tử như thác đổ, nghĩa là tất cả chủng tử trong thức thứ tám nếu gặp duyên khởi động bèn sinh chuyển thức hiện hành, hoặc chủng tử có sinh trú dị diệt chẳng dừng tợ như dòng thác đổ. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói: "Thí như sóng biển lớn, đó do gió mạnh khởi, sóng lớn vỗ hang hốc, không có lúc đoạn tuyệt, biển tạng thức thường trú, gió cảnh giới lay động, sóng của các thứ thức, nhảy vọt mà chuyển sinh". Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm của Tiểu thừa nói: "Có thức căn bản, là nơi nương tựa của các thức". Thức căn bản đây tức là thức thứ tám, vì thức thứ tám năng phát khởi sáu chuyển thức trước. Thượng tọa bộ nói có thức Hữu phần, bèn là thức thứ tám. Thể của thức Hữu phần đây thường chẳng gián đoạn, khắp ba cõi đều có. Hữu nghĩa là Phần tam hữu là nghĩa của nhân, tức nhân của Tam hữu (ba cõi) đều do thức đây. Trong Hóa Địa Bộ nói có cùng sinh tử uẩn duyên với thức thứ tám đây biến khắp ba cõi chín địa luôn thường có vậy. Chỉ có nơi sinh tử tức thường khắp làm nương tựa, thẳng đến lúc tâm Kim cang của Đại thừa phiền não sau cùng hết sạch mới xả bỏ, nên gọi là cùng sinh tử uẩn. Nếu các chuyển thức tức không công năng này, vì thể của thức thứ sáu có nhiều gián đoạn, lúc vào năm vị không tâm, sáu thức đều gián đoạn chẳng hành, lúc ấy nên chẳng gọi là hữu tình. Vì không thức giữ gìn vậy, tức nên rã hoại. Thuyết Nhất thiết hữu bộ nói thức đây gọi là A-lại-da, có bốn thứ A-lại-da ái lạc hân hỷ. Ái là câu tổng, tổng

duyên ba đời làm cảnh, còn ba thứ kia là câu biệt, biệt duyên ba đời. Lại là hiện tại, hân là quá khứ, hỷ là tương lai, tức thức thứ tám đây là các hữu tình thường chấp làm tự ngã bên trong, là nơi sân ái đắm trước nên gọi là A-lại-da. Với lý chân chánh là có mười: Một là, tâm trì chủng. Trong luận Duy Thức nói: "Trong Khế Kinh nói chỗ tập khởi của chủng tử các pháp nhiễm tạp thanh tịnh, nên gọi là tâm. Nếu không thức này thì tâm trì chủng kia chẳng nên có", nghĩa là các chuyển thức tại diệt định đều có gián đoạn, nên căn cảnh tác ý thiện các loại khác biệt dễ khởi, như tiện sáng v.v... chẳng trú chắc, chẳng phải có thể huân đều chẳng thể trì chủng, chẳng phải chỗ tập khởi của chủng nhiễm tịnh; Hai là, tâm dị thục. Trong luận Duy Thức nói: "Như trong Khế Kinh nói có tâm dị thục thiện ác nghiệp cảm, nếu không thức này thì tâm dị thục kia chẳng nên có vậy", tức thức thứ tám nghĩa là trong đời trước lấy các nghiệp thiện và bất thiện làm nhân, chiêu cảm được tâm dị thục thứ tám ở đời này làm quả. Trong luận nói: "Nhất định nên có thức dị thục thật đáp nghiệp dẫn dắt, khắp mà không đoạn biến làm thân khí, làm hữu tình nương tựa. Thân khí lìa tâm đúng lý chẳng phải có vậy; Ba là, thể của giới thú sinh. Trong luận Duy Thức nói: "Trong Khế Kinh nói hữu tình lưu chuyển năm thú bốn loài, nếu không có thức này thì thể thú sinh kia không nên có vậy". Nên tin có thức thứ tám làm thể của ba cõi chín địa năm thú bốn loài. Nếu không có thức này tức tất cả hữu tình không nên được có; Bốn là, có chấp thọ. Trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói có sắc căn thân là có chấp thọ, nếu không thức này thì năng chấp thọ kia không nên có vậy". Nó có trong sắc giới hữu tình có năm sắc căn và năm trần bên trong, là thức thứ tám thân gần tướng phần, chỉ thức thứ tám năng chấp thọ, còn các thức khác không có khả năng này; Năm là, thức thọ noãn, ba chứng có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói thức thọ noãn ba canh qua lại nương tựa giữ gìn được trú tương tục. Nếu không thức này thì thức năng trì thọ noãn khiến trú lâu chẳng nên có vậy."; Sáu là, lúc sinh tử có tâm chứng có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói: "Các loại hữu tình thọ sinh mạng chung, tâm trú tán vị làm định không tâm, nếu không thức này thì lúc sinh tử tâm không nên có. Lại lúc sắp chết do nghiệp thiện ác, trên dưới thân phần lạnh chạm (xúc) dần khởi, nếu không thức này thì sự kia chẳng thành."; Bảy là, dẫn nêu duyên khởi nương tựa chứng minh có thức thứ tám, trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói: "Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, hai pháp như vậy chuyển đổi nương tựa nhau, thí như bó lau đồng

thời mà chuyển, nếu không thức này thì tự thể thức kia chẳng nên có vậy". Tiểu thừa nói: "Ta đem sáu thức làm danh sắc nương tựa, nào cần thức thứ tám?" Luận phá nói: "Nhãn v.v... chuyển thức gồm ở trong danh, thức này nếu không, gọi ai là thức?" Luận chủ nói: "Nhãn v.v... sáu thức đã gồm ở trong danh làm thức uẩn nên phải được thức thứ tám làm thức chi ngoài danh cùng danh sắc làm nương tựa. Lại như người cõi này lúc sinh bên trong có tâm niệm mới đầu chấp thủ kết lúc sinh, do chưa có sáu thức trước làm thức uẩn trong danh. Danh sắc chỉ đủ ba uẩn, ba uẩn danh sắc nay ngay một niệm nương đâu mà trú? Nên biết tin có thức thứ tám là, thức chi ngoài danh cùng danh sắc làm nương tựa"; Tám là, dẫn nêu thức thực chứng minh có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói: "Tất cả hữu tình đều nương thực (ăn uống) mà trú (sống) nếu không thức này thì thể thức thực kia không nên có vậy. Do đó, Phật bảo ngoại đạo rằng: Điều gọi là tất cả hữu tình đều nương tựa ăn uống (thực) mà sống (trú). Đây là chánh thuyết của bậc Chánh giác, còn các hàng khác chẳng thể biết được, ngoại đạo các ngươi tự đói khát thân mình rốt cùng chẳng ích lợi gì. Thực nghĩa là tư ích (giúp ích), nghĩa là giữ gìn."; Chín là, dẫn nêu diệt định có tâm chứng minh có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói trú diệt định là thân miệng tâm hành không gì chẳng đều diệt, mà thọ chẳng diệt, cũng chẳng lìa noãn, căn không biến hoại, thức chẳng lìa thân. Nếu không thức này trú diệt định thì thức chẳng lìa thân không nên có vậy". Luận chủ nói: "Thánh nhân vào diệt định, thân miệng tâm hành không gì chẳng đều diệt, tức hơi thở vào ra là thân gia hạnh, thọ tưởng là tâm gia hạnh, tầm tư là miệng gia hạnh. Ba gia hạnh đây tương ưng với thức thứ sáu tại trong diệt định thảy đều diệt vậy. Mà thọ chẳng diệt tức chủng của thức thứ tám trên có công năng gìn giữ liên tục một báo sắc tâm chẳng đoạn gọi là thọ, nói cũng chẳng lìa thức là noãn xúc là tướng phần thức thứ tám, tức hai pháp này chẳng lìa thức thứ tám, đã tại trong diệt định, sáu thức thân miệng tâm gia hạnh thảy đều chẳng hành mà có thọ noãn tồn tại. Rõ biết tức là thức thứ tám cùng thọ noãn làm nương tựa"; Mười là, dẫn nêu tâm nhiễm tịnh chứng minh có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: "Lại trong Khế Kinh nói tâm tạp nhiễm nên có tình tạp nhiễm, tâm thanh tịnh nên có tình thanh tịnh. Nếu không thức này thì tâm tịnh nhiễm kia chẳng nên có vậy". Nghĩa là pháp nhiễm tịnh lấy tâm làm gốc, nhân tâm mà sinh, nương tâm mà trú, thọ nhận huân trì kia chủng tử kia vậy. Lấy tâm làm gốc tức tất cả pháp nhiễm tịnh hữu vi vô vi đều lấy thức

thứ tám làm căn bản. Nương tâm mà trú tức bảy thức trước hiện hành đều nương tựa thức thứ tám mà trú. Nói thọ nhận huân kia tức thức thứ tám thọ nhận bảy thức trước kia huân tập vậy, nói trì chủng tử kia, tức là thức thứ tám năng trì chủng tử tánh nhiễm tịnh của bảy thức trước. Do đó trong kinh Mật Nghiêm nói: "Thân ấy như thây dậy, cũng như lửa lúc nóng, tùy hành nhân duyên chuyển, chẳng vọng cũng chẳng thật, là chỗ thọ dẫn kéo, tánh không không có ngã, ý các thức thuộc thức, cùng tâm mà cộng sinh, năm thức lại nương tựa, ý thức là nhân khởi, tất cả thời như vậy, đại địa thảy đều chuyển. Lại-da là ở ái, chỗ huân mà tăng trưởng, đã tự tăng trưởng rồi, lại tăng ở thức khác, chuyển đổi chẳng đoạn tuyệt, giống như xe quay giếng, vì có các thức vậy, các thú mà sinh khởi, ở trong các thú đó, thức lại được tăng trưởng. Thức và pháp thế gian, lại hỗ tương làm nhân, thí như nước sông chảy, trước sau mà chẳng dứt, cũng như mầm và hạt, tương tục mà chuyển sinh, mỗi mỗi tướng sai biệt, phân biệt mà hiển hiện. Thức hành cũng như vậy, đã ba hòa hợp rồi, mà lại thêm hòa hợp, sai biệt tướng mà sinh, như vậy mà lưu chuyển, thường không có đoạn tuyệt. Trong ngoài tất cả pháp, đều nhân đây mà khởi, ngu chẳng rõ duy tâm, các ông cần quán sát". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Này thiện nam! Các nghiệp hư vọng tích tập gọi là tâm, Mạt-na nghĩ lường, ý thức phân biệt, nhãn v.v... năm thức rõ cảnh chẳng đồng. Ngu si phàm phu chẳng thể hay biết, sợ già bệnh chết, cầu vào Niết-bàn. Sinh tử Niết-bàn cả hai đều chẳng biết, nơi tất cả cảnh vọng khởi phân biệt, lại do ở tương lai các căn năm trần cảnh giới đoạn diệt, người phàm ngu lấy làm Niết-bàn, chư Phật Bồ-tát lúc tự chứng ngộ, chuyển A-lại-da được trí bản giác. Này thiện nam! Tất cả phàm ngu mê lầm Phật dùng phương tiện, chấp có ba thừa, chẳng rõ ba cõi, do tâm khởi nên, chẳng biết ba đời tất cả Phật pháp tự tâm hiện lượng, thấy ngoài năm trần, chấp là thật có, giống như trâu dê chẳng thể hay biết trong vòng sinh tử không do đâu để ra khỏi. Này thiện nam! Phật nói các pháp không sinh không diệt cũng không ba đời. Tại sao? Như tự tâm hiện cảnh giới năm trần vốn không có vậy. Các pháp có không vốn chẳng sinh vậy. Thánh giả tự ngộ cảnh giới như vậy. Này thiện nam! Phàm phu ngu si tự vọng khởi phân biệt, trong không chấp có, trong có chấp không, thủ các hành tướng của A-lại-da, rơi đoạ trong hai thứ kiến sinh diệt, chẳng rõ tự tâm mà khởi phân biệt. Này thiện nam! Phải biết tự tâm tức là pháp của tất cả chư Phật Bồ-tát, do biết tự tâm tức là Phật pháp thì năng làm sạch tất cả cõi nước, vào tất cả kiếp. Ấy vì Tạng thức chóng biến căn thân khí thế gian nên làm nghĩa của

thậm thâm. Hiện lượng tỷ lượng đều chẳng thể lường". Lại quá lượng không lường, như trong kinh có kệ tụng nói:

"Pháp giới chẳng có lượng
Cũng lại chẳng không lượng
Mâu-ni đều siêu vượt
Có lượng và không lượng".

Nên biết thức tánh, trí cạn khá rõ, rốt ráo cùng thông chỉ Phật mới năng rõ. Vì vậy Tông Kính rộng nêu dẫn văn đây vì vi mật khó biết vậy.

Hỏi: Chánh nghĩa của Duy thức vì pháp hai chấp ngã pháp, hiển bày lý hai không, chứng tâm nhất chân. Cớ sao thế gian và Thánh giáo đều nói có ngã và pháp?

Đáp: Chỉ là giả nói, chỉ nương tựa thức biến. Như trong luận Duy Thức có kệ tụng nói:

"Do giả nói ngã pháp
Có các thứ tướng chuyển
Kia nương thức biến nên
Năng biến đây chỉ ba
Là dị thục tư lương
Và thức liễu biệt cảnh".

Thế gian và Thánh giáo đều nói có ngã pháp, chỉ do giả lập chẳng phải thật có tánh. Ngã nghĩa là chủ tể, pháp nghĩa là quỷ trì. Cho đến, thế nào là nên biết thật không cảnh bên ngoài chỉ có thức bên trong tợ cảnh bên ngoài sinh vì thật ngã thật pháp không thể được vậy. Thế nào là Thật ngữ không thể được ư? Các sự chấp ngã, nói sơ lược gồm có ba thứ: Một là, chấp ngã thể thường khắp cùng, lượng đồng như hư không, tùy xứ tạo nghiệp mà nhận chịu khổ vui. Hai là, chấp ngã thể nó tuy thường mà lượng chẳng định, tùy thân lớn nhỏ mà có cuộn buông. Ba là ,chấp ngã thể thường rất nhỏ nhiệm như một cực vi, ngầm chuyển trong thân tạo tác sự nghiệp. Thứ nhất, vả lại chẳng phải lý. Tại sao? Chấp ngã thường khắp, lượng đồng hư không, nên chẳng tùy theo thân nhận chịu khổ vui v.v... Lại thường khắp vậy, nên không động chuyển, làm sao tùy thân có thể tạo các thứ nghiệp? Tiếp theo cũng chẳng phải lý. Tại sao? Chấp ngã thể là thường trú, không nên tùy thân mà có buông cuộn. Đã có buông cuộn như gió bệ rèn, nên chẳng phải thường trú và sau cùng cũng chẳng phải lý. Tại sao? Ngã lượng rất nhỏ, làm sao nhanh chóng đi tất qua thân như vòng lửa xoay, vì chuyển động vậy thì chỗ chấp ngã chẳng phải một chẳng phải thường, các thứ có qua lại

chẳng phải thường một vậy. Lại nữa, chỗ chấp ngã lại có ba thứ: Một là, tức uẩn, hai là, lìa uẩn, ba là, cùng uẩn chẳng phải tức chẳng phải lìa. Thứ nhất, tức uẩn, ngã lý chẳng phải vậy, ngã nên như uẩn chẳng phải thường một vậy. Lại trong các sắc nhất định chẳng phải thật ngã, như ngoài các sắc có chất ngại vậy. Tâm và tâm sở pháp cũng chẳng phải thật ngã, chẳng hằng tương tục đợi các duyên vậy. Các hành các sắc khác cũng chẳng phải thật ngã, như hư không v.v... chẳng phải tánh giác. Tiếp đến, lìa uẩn, ngã lý cũng chẳng phải vậy. Nên như hư không không có tạo tác và nhận chịu. Và sau cùng đầy đủ chẳng phải, ngã lý cũng chẳng phải vậy, chấp nhận nương tựa uẩn lập chẳng phải tức lìa uẩn. Nên như cái bình v.v... chẳng phải thật ngã vậy. Lại nữa, đã chẳng thể nói hữu vi hay vô vi thì cũng nên chẳng thể nói là ngã hay chẳng phải ngã. Chỗ chấp thật ngã kia chẳng thành cho đến điều nói như vậy. Tất cả ngã chấp uẩn ngoài tự tâm, hoặc có hoặc không, uẩn trong tự tâm tất cả đều có, cho nên ngã chấp đều duyên vô thường, tướng năm thủ uẩn vọng chấp làm ngã, nhưng tướng các uẩn theo duyên sinh vậy, là như huyễn có, vọng chỗ chấp ngã, giăng bày suy lường nên quyết định chẳng phải có. Nên trong Khế Kinh nói: "Bí-sô phải biết các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... trong thế gian chấp có ngã kiến, tất cả đều duyên năm thủ uẩn khởi".

Hỏi: Nếu lìa ngoài tâm không có thật ngã và thật pháp thì giả pháp cũng không, vì giả pháp nương tựa chân mà có vậy?

Đáp: Phàm giả pháp chỉ là hư giả, tợ có mà chuyển, hẳn chẳng nương tựa chân như. Trong luận Duy Thức nói: "Có tạo tác là khó, nếu không lìa thức ngã pháp là giả cũng nên không. Nghĩa là giả hẳn nương chân sự tợ sự cộng pháp mà lập". Cho đến, đáp: "Lại nữa, giả hẳn nương tựa chân sự lập là cũng chẳng đúng lý. Vì chân nghĩa là tự tướng, giả trí và phân tích đều chẳng phải cảnh, nước là giả trí thuyên chẳng được tự tướng, chỉ ở nơi các pháp cộng tướng mà chuyển, cũng chẳng phải lìa đây mà có phương tiện riêng biệt, đặt ra tự tướng làm chỗ giả nương tựa. Nhưng giả trí phân tích hẳn nương tựa âm thanh khởi, nơi âm thanh chẳng tới thì đó bèn chẳng chuyển, năng phân tích sở phân tích đều chẳng phải tự tướng, nên biết giả nói chẳng nương tựa chân sự. Do đây chỉ nương tựa tợ sự mà chuyển. Tợ nghĩa là Tăng ích, chẳng phải tướng thật có. Âm thanh nương tựa Tăng ích tợ tướng mà chuyển, nên chẳng thể nói giả hẳn nương tựa chân.

Hỏi: Thức thứ tám đây có bao nhiêu năng biến khiến các thức sinh trưởng hiển hiện?

Đáp: Có hai năng biến: Một là, nhân năng biến, hai là, quả năng biến. Trong luận Duy Thức nói: " Nhân năng biến có hai thứ: Một là, nhân năng biến, nghĩa là đẳng lưu dị thục trong thức thứ tám. Hai là nhân tập khí đẳng lưu tập khí, do thiện ác vô ký trong thức thứ bảy huân tập khiến sinh trưởng. Dị thục tập khí do hữu lậu vô lậu thiện ác huân tập trong thức thứ sáu khiến sinh trưởng; Hai là, Quả năng biến, nghĩa là sức lực hai thứ tập khí trước nên có tám thức sinh, hiện các thứ tướng, Đẳng lưu tập khí nhân duyên, nên tám thức thể tướng sai biệt mà sinh, gọi là đẳng lưu quả. Quả tợ nhân nên dị thục tập khí làm duyên tăng thượng cảm thức thứ tám đáp lại sức dẫn nghiệp luôn tương tục nên lập tên là dị thục. Cảm sáu thức trước đáp lại nghiệp hữu lậu là từ dị thục mà khởi nên gọi là dị thục sinh, chẳng gọi là dị thục. Vì có gián đoạn, tức dị thục trước và dị thục sinh gọi là dị thục quả, vì quả khác nhân. Trong đây tạm nói ngã ái chấp trì chủng tạp nhiễm năng biến quả thức, gọi là dị thục.

Hỏi: Thức thứ tám rộng chứa khắp cùng làm cội rễ của muôn pháp. Các kinh luận đồng cất nhắc nên gọi là Đệ nhất. Thể tánh nhỏ nhiệm, làm sao mà chỉ bày?

Đáp: Thể đây chẳng thể nói, vi diệu rất khó biết, khắp cùng pháp giới mà không trú tâm, nhậm trì tất cả mà chẳng hiện tướng, như chim bay giữa không trung, tuy vút liệng qua lại mà dấu vết chẳng thể tìm được. Tợ đồng nhân trong mắt nhậm chiếu nhìn sum-la mà mắt trọn chẳng thấy. Như trăng ngậm một màu, khắp phân hình của muôn tượng, đồng mặt nhật tỏa ngàn ánh sáng chiếu khắp dưới bốn trời. Tợ ma-ni nghĩ lường mà mưa báu rộng giúp quần sinh. Như đá nam châm không hay biết mà chuyển dời xoay khắp sáu thú. Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tạng thức giữ ở đời
Giống như chỉ xâu ngọc
Cũng như xe có bánh
Tùy nơi gió nghiệp chuyển
Thợ khéo vận trục quay
Khí (vật dụng) thành tùy chỗ dùng
Tạng thức cùng các giới
Chung sức thảy đều thành
Trong ngoài các thế gian
Lan tỏa thảy khắp cùng
Thí như muôn tinh tượng

Bày hiện giữa hư không
Do sức gió gìn giữ
Vận hành thường chẳng dừng
Như vết chim giữa trời
Tìm đó chẳng thể thấy
Nhưng chim chẳng lìa trời
Bay liệng mà tới lui
Tạng thức cũng như vậy
Chẳng lìa thân tự tha
Như biển nổi sóng cả
Như trời bao muôn tượng
Tạng thức cũng như vậy
Chứa tàng các tập khí
Thí như trăng trong nước
Và cả các hoa sen
Cùng nước chẳng lìa nhau
Chẳng vì nước đắm kẹt
Tạng thức cũng như vậy
Tập khí chẳng thể nhiễm
Như mắt có đồng tử
Mắt trọn chẳng tự thấy
Tạng thức trú nơi thân
Nhiếp tàng các chủng tử
Khắp giữ thức thọ noãn
Như mây phủ thế gian
Nghiệp dụng chẳng từng dừng
Chúng sinh chẳng thể thấy".

Lại nói: "Này các nhân giả! Tất cả các sắc, đều do A-lại-da và sắc tập tương ưng biến tợ tướng đó, chẳng phải riêng có thể, đồng như điểm vọng phân biệt của ngu phu. Này các nhân giả! Tất cả chúng sinh hoặc ngồi hoặc nằm hoặc đi hoặc đứng, mê sau ngủ nghỉ cho đến chạy cuồng, không gì chẳng đều A-lại-da thức, cho đến như sức đá nam châm khiến sắc chuyển dời. Tuy không có tâm mà tợ có tâm là thức A-lại-da cũng lại như vậy. Do sự gồm giữ trì của pháp sinh tử, qua lại các thú chẳng phải ngã tợ ngã như trong nước có vật, tuy không nghĩ biết mà tùy ở nước lưu động chẳng dừng, thức A-lại-da cũng lại như vậy, tuy không phân biệt, nương tựa thân vận hành. Cho đến nếu có ở đây năng chánh quán sát biết các thế gian đều là tự tâm là phân biệt thấy tức đều

chuyển diệt". Lại có kệ tụng nói:

"Năng trì nhân thế gian
Đó gọi A-lại-da
Thức trượng phu thứ tám
Vận động nơi tất cả
Như xoay chuyển các bình
Như dầu khắp trong mè
Trong muối có vị mặn
Cũng như tánh vô thường
Khắp cùng nói các sắc".

Hỏi: Thức đây khắp cùng cảnh phàm Thánh, thông làm đang lìa đây riêng có tánh chân là lại tức phải ư?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác là được tên thức đây. Chẳng hợp mà hợp là thành nghĩa tạng đó. Thức A-lại-da đây tức là chân tâm chẳng giữ tự tánh, tùy duyên nhiễm tịnh chẳng hợp mà hợp, năng hàm tàng tất cả cảnh giới chân tục, nên gọi là Tạng thức. Như gương sáng chẳng cùng ảnh tượng hợp mà hợp ảnh tượng. Đây là căn cứ bên nghĩa có hòa hợp mà nói. Nếu nói về nghĩa chẳng hòa hợp là, tức thể thường chẳng biến nên gọi là chân như, nhân hợp và chẳng hợp phân hai nghĩa đó, vốn một chân tâm trong lắng yên chẳng động. Nếu có người chẳng tin thức A-lại-da tức là Như Lai tạng mà riêng cầu lý chân như là như lìa ảnh tưởng mà tìm gương, tức là ác tuệ vì chưa rõ nghĩa tùy duyên bất biến bất biến tùy duyên mà sinh hai thứ chấp.

Hỏi: Nghĩa biến của thức thứ tám như thế nào?

Đáp: Biến nghĩa là thức thể chuyển tợ có hai phần.

Giải thích: Trong luận nói rõ thể các thức tức tự chứng phần, chuyển tợ hai phần tướng kiến mà sinh. Ở đây nói thức thể là tánh y tha chuyển tợ ngoài hai phần tướng kiến, chẳng phải không cũng y tha khởi. Y cứ hai phần đây chấp thật hai thủ. Thánh nói là không chẳng phải không trong y tha không hai phần này, luận nói chỉ hai tánh y tha vậy. Chân trí đây duyên nơi chân như không tướng phần vậy, ngoài ra đều có tướng. Nếu không như vậy thì sao gọi là trí biết tha tâm, trí hậu đắc v.v... Vì chẳng thủ bên ngoài nên có thể tánh của hai phần kiến tướng. Nói hạt giống của kiến tướng có đồng có khác. Nếu đồng hạt giống tức là một thức thể, chuyển tợ hai phần tướng dụng mà sinh, như một con sên biến sinh hai sừng, nói ảnh tượng tướng kiến đây lìa thể, lại không tánh riêng biệt là thức dụng vậy. Nếu nói tướng kiến mỗi riêng có hạt giống thì, kiến là tự thể phần nghĩa dụng đó vậy. Lìa thức lại không có

chủng riêng biệt, tức là một thừa thể, chuyển tợ kiến phần, dụng riêng mà sinh, thức làm nơi nương tựa, chuyển hạt giống tướng phần tợ tướng mà khởi dùng làm dụng riêng tánh mỗi chẳng đồng, tướng khác hạt giống sinh ở lý là thắng nên nói thức thể chuyển tợ hai phần. Đây là y tha khởi chẳng phải tựa có, thật chẳng phải hai phần, tợ tính lường chỗ chấp hai phần kiến tướng, nên lập tên tợ. Tướng riêng có hạt giống, sao gọi là thức biến? Vì chẳng lìa thức. Lúc thức bên trong biến, tướng mới sinh vậy. Đây là hiển bày hai phần tướng kiến của năng biến, dụng thể riêng có. Tại sao lại nói thức tợ hai phần sinh? Luận nói tướng kiến đều nương tựa tự chứng khởi, nếu không tự chứng, hai phần ấy nhất định chẳng sinh. Như lúc không đầu thì sừng nhất định chẳng phải có, và lúc không gương thì mặt ảnh chẳng khởi, đều ở trên thức hiện tướng mạo vậy. Nên nói hai phần nương thức thể sinh. Lại chẳng phải chỉ hai phần tướng kiến nương thức thể sinh, cho đến thân của phàm thánh, cõi của tịnh uế đều từ thức hiện. Như Bồ-tát Di-lặc nói: “Đức Như Lai Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy ta tu tập định duy tâm thức vào Tam-ma-địa, bao nhiêu kiếp đã qua dùng Tam-ma-địa đây mà phụng sự vô lượng chư Phật, tâm cầu thể danh, diệt hết không có, đến lúc Đức Phật Nhiên Đăng xuất hiện nơi đời, ta mới được thành Vô thượng diệu viên thức tâm Tam-muội, cho đến tận không Như Lai cõi nước dơ sạch có không, đều là tâm ta biến hóa hiện ra. Bạch Đức Thế Tôn! Tôi rõ chỉ tâm thức như vậy, thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai, nay được thọ ký, tiếp đến Bổ xứ thành Phật. Phật hỏi viên thông, tôi dùng quán sát chắc thật mười phương chỉ thức, thức tâm tròn sáng vào viên thành thật, xa lìa y tha và biến kế chấp, được Vô sinh nhẫn, đó là đệ nhất. Vì vẫy mười phương pháp giới cõi nước sạch dơ đều là trong tâm ta biến ra, tất cả đều gọi là vườn nhà ta, chân vọng tùy tâm khéo vụng do trí. Đối Đại Bồ-tát xiển bày phương tịnh kia, đối với hàng chúng sinh kém yếu hiện cõi dơ đây, mười phương Như Lai đều là trong tâm ta lưu xuất”. Xưa trước giải thích: Như bọt nước trên biển mỗi mỗi chẳng đồng thời, do tâm sai biệt quán tức có đây kia, chỉ thể nước là một. Tức biết lúc một Đức Phật xuất hiện tức tất cả các cõi Phật hiện, vì lìa tướng tự tha vậy. Chỉ nơi chúng sinh có, mười phương Như Lai làm các thứ thân mà hỗ trợ giáo hóa đó, chẳng chỉ Như Lai bao hàm ở một nghĩa, tất cả chúng sinh cũng là ta lưu xuất.

Hỏi: Chuyển biến và biến hiện nghĩa nó đồng hay khác?

Đáp: Xưa trước giải thích: Có chỉ chuyển biến, chẳng phải biến hiện. Nói chuyển biến là thông cả hạt giống hiện. Hiện năng huân hạt

giống , hạt giống năng sinh hạt giống, hạt giống sinh hiện hành đều gọi là chuyển biến. Nói biến hiện là chỉ hiện tâm v.v... năng khởi kiến tướng đều gọi là chuyển biến, chẳng thông với chủng tướng phần sắc v.v...

Hỏi: Bản thức thứ tám và quả sở sinh là một hay là khác?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác. Trong luận nói: "Trong bản thức thân sinh tự quả, công năng sai biệt đây và bản thức và quả sở sinh chẳng một chẳng khác. Thể dụng nhân quả lý đáng như vậy. Giải thích Bản thức là thể, hạt giống tử là dụng, hạt giống tử là nhân, sở sinh là quả. Hai pháp này theo lý đáng như vậy chẳng một chẳng khác. Bản thức trông hạt giống ở trong ra thể, nhiếp tướng về tánh nên đều vô ký chủng theo hiện hành, trông ở bản thức, tướng dụng riêng luận, nên thông cả ba tánh. Nếu tức là một, thì chẳng thể nói là có pháp nhân quả, có thể có pháp. Nếu xưa nay là khác thì đáng lúa nếp v.v... năng sinh ra đậu v.v... vì chấp thuận nhân quả một hướng khác vậy, không như thế thì pháp diệt đáng mới có dụng. Vì chấp thuận thể dụng xưa nay khác vậy. Dụng thể tương tợ khí thế hẳn đồng. Nhân quả tương tợ, công năng trạng mạo có thể cùng tùy thuận, chẳng phải một hướng khác biệt.

Hỏi: Thức A-lại-da cùng bao nhiêu tâm sở tương ưng?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: "Thường cùng xúc tác ý thọ tưởng tư tương ưng". Thức A-lại-da từ vô thủy đến nay, cho đến chưa chuyển nơi tất cả vị luôn cùng năm tâm sở đó tương ưng, vì là tâm sở biến hành nhiếp thuộc. Thứ nhất là, xúc. Trong luận nói: "Nghĩa là ba hòa phân biệt biến khác, khiến tâm và tâm sở xúc cảnh làm tánh. Thọ tưởng tư v.v... nơi nương tựa làm nghiệp". Giải thích: vì năm thứ này, thể do tâm biến hành nhiếp thuộc nên quyết định tương ưng, tuy là chẳng tăng cũng chẳng thể giảm, nhất định cùng sinh diệt nên gọi là biến hành vậy. Xúc, nghĩa là ba hòa tức căn cảnh và thức, thể khác tên gọi có ba, chẳng trái nghịch nhau, mà lại cùng giao thiệp nên gọi là tùy thuận. Căn có thể làm nương tựa, cảnh có thể làm thư trước. Thức ba sở sinh, có thể nương tựa nơi căn mà thủ trước ở cảnh. Ba trên đâu đều có công năng tác dụng thuận sinh tất cả tâm sở, gọi là biến dị. Dụng của phân biệt là công năng của xúc. Nghĩa là xúc trên có công năng tợ ba thuận sinh tâm sở biến dị trước, gọi tên là phân biệt, phân biệt tức là lãnh tên của tợ khác, như con tợ cha gọi là phân biệt cha.

Hỏi: Cớ sao ba hòa chỉ căn xúc ưu thắng?

Đáp: Một là, do chủ, nên có công năng thù thắng, gọi đó là chủ. Hai là, do gần vì năng gần sinh tâm và tâm sở. Ba là do biến (khắp

cùng), chẳng chỉ tâm sở, cũng năng sinh tâm vậy. Bốn là do tục, là thường tương tục có, cảnh thức thì không như vậy, cảnh thể tuy năng sinh tâm và tâm sở. Vì chẳng phải là chủ, lại chẳng phải gần. Hai nghĩa thiên lệch khuyết thiếu nên chẳng gọi là thắng. Tâm tuy là chủ là gần, sinh ra tâm sở, chẳng thể sinh tâm, chẳng tự tại, chẳng phải khắp cùng, khuyết thiếu thiên lệch một nghĩa nên chẳng phải ưu thắng. Cảnh thức đều, đều chẳng tương tục, thức có cảnh sinh, đều khuyết nghĩa tương tục, chẳng phải được gọi là ưu thắng, chỉ căn riêng ưu thắng.

Hỏi: Tự tánh của xúc là thật hay là giả?

Đáp: Xúc đây theo số định là thật có trong bốn tánh thực vậy. Thứ hai là, tác ý. Trong luận nói: "Tác ý nghĩa là năng cảnh tâm làm tánh, ở cảnh sở duyên, dẫn tâm làm nghiệp". Giải thích: Tác ý cảnh tâm có hai công lực: Một là, khiến tâm chưa khởi mà khởi; Hai là, khiến tâm khởi rồi hướng đến cảnh, nên nói là cảnh (đánh thức), tỉnh giác nên khởi tâm chủng dẫn khiến hướng đến cảnh; Ba là, thọ, trong luận nói: "Thọ nghĩa là lãnh nạp thuận nghịch đều chẳng phải cảnh tướng làm tánh, khởi ái làm nghiệp"; Bốn là, tưởng, trong luận nói: "Tưởng nghĩa là đối với cảnh, thủ trước ảnh tượng làm tánh, thi thiết các thứ danh ngôn làm nghiệp. Nghĩa là vọng an lập cảnh tướng phân chia mới có thể tùy khởi các thứ danh ngôn. Giải thích: Trong đây nói an lập là tên khác của chấp thủ tượng (chấp thủ ảnh tượng), nghĩa là đây là xanh chẳng phải xanh v.v... làm phân tể, mà chấp thủ tướng đó gọi là an lập. Do thủ tượng đây bèn khởi danh ngôn, đây là xanh v.v... tánh loại lắm nhiều, nên gọi là các thứ; Năm là tư, trong luận nói: "Tư nghĩa là khiến tâm tạo tác làm tánh, ở nơi thiện phẩm v.v... sai sử tâm làm nghiệp". Nghĩa là năng thủ trước tướng cảnh chánh nhân v.v... sai sử tự tâm khiến tạo thiện v.v... Năm đoạn đây là do biến hành nhiếp thuộc, nên cùng tạng thức quyết định tương ưng. Năm thứ xúc v.v... đây cùng thức dị thục, hành tướng tuy khác mà thời gian nương tựa đồng sự sở phân tích đồng nên gọi là tương ưng. Hành tướng thức này rất chẳng rõ ràng, chẳng thể phân biệt cảnh tướng nghịch thuận, vi tế một loại, chỉ tương ưng với xả thọ. Lại tương ưng thọ đây chỉ là dị thục, tùy dẫn nghiệp trước chuyển chẳng đợi duyên hiện, nhậm thế lực của nghiệp thiện ác mà chuyển, nên chỉ là xả thọ. Còn hai chữ khổ thọ và lạc thọ là dị thục sinh, chẳng phải chân dị thục, đợi duyên hiện vậy, chẳng phải tương ưng đây. Lại do thức này thường không chuyển biến, hữu tình luôn chấp là tự ngã bên trong, nếu cùng khổ thọ lạc thọ tương ưng, bèn có chuyển biến, sao chấp làm ngã, nên đây chỉ cùng xả thọ tương ưng. Giải thích: Năm thứ xúc v.v... đây

cùng hành tướng của thức dị thục tuy khác mà thời gian nương tựa đồng sự sở phân tích đồng nên gọi là tương ưng là do bốn đồng nên gọi là tương ưng, đó là sự đồng xứ đồng thời đồng và sở y đồng. Nay nóivề kiến phần làm hành tướng, ảnh tượng tướng phần làm sở duyên tự thể. Nói sự đồng là nghĩa của tương tợ, thể mỗi mỗi chỉ một, mà cảnh tướng tương tợ, nên sở duyên sự đều gọi là đồng. Vì xúc v.v... năm tướng gá bản chất tương sinh, sở duyên đã tương tợ nên gọi là đồng. Duy thức làm tông chẳng ước bản chất gọi là sở duyên, cũng chẳng phải ảnh tượng gọi là hành tướng. Thời, nghĩa sát-na định đồng một đời, y (nương tựa) nghĩa là căn đều không có gián đoạn, chỉ cùng xả thọ tương ưng, ở đây có năm nghĩa: Một là, rất chẳng rõ ràng là tướng xả thọ, nếu khổ thọ hay lạc thọ hẳn rõ ràng vậy. Thọ, gồm có năm thứ: Một là, ưu, hai, hỷ, ba, khổ, bốn, lạc, năm, xả. Trong đây ưu và hỷ nhập cùng trong khổ và lạc, nương tựa môn ba thọ phân biệt chẳng nói ưu hỷ; Hai là, chẳng thể phân biệt cảnh tướng thuận nghịch, dung chứa cảnh trong chấp thủ là tướng xả bỏ, nếu là các thọ khác là thủ trước cảnh thuận nghịch vậy; Ba là, do vi tế, nếu là các thọ khác thì hành tướng hẳn thô; Bốn là, do một loại, nếu là các thọ khác, hẳn dễ thoát, hành tướng đây định nên thành một loại; Năm là, tương tục mà chuyển, nếu là các thọ khác hẳn có gián đoạn, đây luôn tương tục nên chỉ xả thọ, nếu năng phân biệt cảnh tướng trái thuận, thì chẳng phải chân dị thục. Dị thục là chấp thủ cảnh cố định vậy. Nếu là thô động là như các tâm khác tức chẳng phải dị thục chủ. Hiển bày hành tướng khó biết khác với các thức khác. Do năm nghĩa đây hẳn đó có vậy, bèn có thể thọ huân trì chủng tương tục. Lại giải về thức này rất chẳng rõ ràng bởi từng không niệm tuệ, hành tướng niệm tuệ rất rõ ràng vậy. Chẳng thể phân biệt cảnh tướng thuận nghịch, hiển bày chỉ xả thọ chẳng phải khổ lạc chung cùng, và kén chọn chẳng cùng thiện nhiễm v.v... đều tương tục mà chuyển, hiển bày không có dục, nay có hy vọng mới có dục khởi, vì tương tục đây không có dục vậy. Do năm nghĩa đây, thì nghĩa thứ hai là chánh hiển bày nguyên do của chỉ xả thọ, còn bốn nghĩa kia là nhân kén chọn cảnh riêng biệt v.v... vậy, nên chỉ cùng xả thọ chung đồng.

Hỏi: Thức đây đã cùng xả thọ tương ưng, cớ sao cũng là ác nghiệp dị thục?

Đáp: Trong luận nói: “Xả thọ chẳng trái nghịch thiện phẩm ác phẩm vậy, như pháp vô ký, thiện ác đều chiêu cảm”. Giải thích: Vô ký đã tịch tĩnh, làm sao là quả ác nghiệp? Xả chỉ tịch tĩnh, chẳng trái nghịch cả hai nên bị là quả ác, chẳng đồng thiền định tịch tĩnh. Đây không chỗ năng

làm nên thông ác nghiệp cảnh. Ngoài ra, bảy chuyển thức giả sử khởi khổ lạc, thức đây đều chung cùng. Vì xả chẳng trái nghịch khổ phẩm hay lạc phẩm vậy. Nếu hoặc khổ lạc chẳng chung cùng, ở trong trời người nên chẳng thọ quả khổ, vì trái nhau vậy. Trong ba ác thú nên chẳng thọ quả lạc, cũng trái nhau vậy. Trong đây, khổ lạc đều là riêng biệt chiêu cảm, nên xả chẳng trái nghịch.

Hỏi: Bản thức tại sao chẳng cùng năm tâm sở biệt cảnh tương ưng?

Đáp: Trong luận nói: qua lại trái nghịch nhau, vì dục là hy vọng sở lạc sự chuyển, thức đây nhậm nghiệp, không chỗ hy vọng, thắng giải là ấn trì quyết định sự chuyển, thức đây mờ mịt không chỗ ấn trì. Niệm là chỉ ghi nhớ rõ từng tập sự chuyển, thức đây mờ kém chẳng thể ghi nhớ rõ, quyết định năng khiến tâm chuyên chú một cảnh. Thức đây mặc tình từng sát-na duyên riêng, tuệ chỉ chọn lựa đắc v.v... sự chuyển, thức đây nhỏ nhiệm mờ tối chẳng thể chọn lựa, nên đây chẳng cùng biệt cảnh tương ưng. Thức đây chỉ là tánh dị thục nên thiện nhiễm ô v.v... cũng chẳng tương ưng ố tác v.v... bốn thức. Vô ký tánh có gián đoạn nên quyết định chẳng phải dị thục. Giải thích định là năng khiến tâm chuyên chú một cảnh, thức đây nhậm vận từng sát-na duyên riêng biệt. Định tuy là ảnh tượng tướng phần từng sát-na mới khởi. Đến lúc gia hạnh chỗ quán bản chất, trước sau tương tục chỉ chuyên chú cảnh thức đây mặc tình chẳng làm gia hạnh chuyên chú bản chất, luôn duyên hiện tại, ảnh tượng sở duyên chỉ mới mới khởi. Vả lại, hành tướng của định trong mỗi một sát-na thủ trước sâu xa chuyên chú hướng đến sở duyên, thức đây rỗng xa, hành tướng chẳng như vậy, nên chẳng phải định vị. Nói mặc tình là tùy nghiệp chuyển. Ố tác v.v... quyết định chẳng phải dị thục là chẳng phải chân dị thục, chẳng ngăn ngại, dị thục sinh cũng có ố tác v.v... chẳng phải tất cả thời thường tương tục nên chẳng phải đây tương ưng. Nên biết chân thức thứ tám thường như xả tướng, vì duyên của nhậm vận hợp với đạo hằng thường. Chẳng bị pháp dơ cấu nhuốm nhiễm thì sao bị pháp thanh tịnh sửa trị, chẳng phải chỗ sinh tử trói buộc, thì đâu phải năng tĩnh lắng của Niết-bàn. Vì vậy xưng là thức chủ nên gọi là tâm vương. Sau đó, nhân một niệm vô minh khởi gợn sóng bảy thức bèn sinh tâm sở, mất gốc tâm vương, đều nhân cưỡng giác giác minh, phân năng lập sở, khởi giải hiểu của rõ ràng, tâm cảnh rành rẽ, vận tình phân biệt, tự tha rõ ràng. Nhân đây trong tâm hữu tình bèn thương ghét mà kết oán thân, trong cảnh vô tình tùy tưởng niệm mà nêu hình ngại, bèn khiến ngoài thì ruộng dâu biến thành bể cả, bể cả biến

thành ruộng dâu, bên trong thì thân làm nguyên do oán, oán làm hạt giống thân, qua lại làm cao thấp, đối đáp lẫn nhau, từ đây nghiệp quả luôn mới, khổ duyên chẳng đoạn. Vì vậy, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: Phú-lâu-na! Rõ vọng chẳng phải đâu khác mà là lỗi lầm của giác minh. Chỗ vọng đã lập, minh lý chẳng vượt qua, vì nhân duyên đó, nghe chẳng vượt ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, cho đến chỉ sát đạo dâm ba thứ đó làm căn bản, vì nhân duyên đó mà nghiệp quả tương tục, Phú-lâu-na! Ba thứ điên đảo tương tục như vậy đều là giác minh rõ ràng biết tánh, nhân rõ pháp tướng, theo vọng thấy sinh, núi sông đất liền các tướng hữu vi lần lượt chuyển đổi, nhân hư vọng đây, chung không lại thủy. Cho nên, nếu muốn trở lại nguồn gốc, xoay vọng ngầm chân, chỉ một niệm chẳng sinh, khoảng trước sau dứt, tâm phân biệt diệt, nghiệp luân hồi mất, rễ dứt cành khô, nhân không quả hết, tình trần thức cấu từ vô thủy ngay đó toàn tiêu, mắt Phật thân thường xưa nay theo chân chóng hiện.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 48

Hỏi: Pháp môn ba tánh gồm thông muôn pháp, ở thức thứ tám, tánh nào gồm thuộc, và khoảng có bao nhiêu vị?

Đáp: Trong luận nói: "Các thứ hữu lậu cùng thức dị thục thể không ràng buộc, tánh vô ký gồm , nhân quả đều có tánh thiện v.v... nên cũng gọi là thiện v.v... các thứ vô lậu chẳng phải thức dị thục, chỗ tánh gồm thuộc, nhân quả đều là tánh thiện gồm thuộc, chỉ gọi là thiện". Giải thích: Các thứ hữu lậu đây cùng với thức thứ tám, thể không khác biệt nên tánh loại là đồng, chỉ là vô ký. Nếu năng và sở sinh pháp đều thông với thiện v.v... bá tánh, nghĩa là chủng tử đó vốn năng huân tập, nhân của hiện hành, và sinh ra sau là quả của hiện hành đều thông với ba tánh vậy. Nói nhân quả đều tánh thiện v.v... tức là môn công năng sai biệt nói, chẳng phải môn y tựa thể, tánh chỉ vô ký. Đây là nói về hữu lậu chủng mà nói, nếu vô lậu chủng, chẳng phải tánh dị thục gồm thuộc nên chẳng phải vô ký, thể tánh chẳng thuận với bản thức thể. Thể đã chẳng đồng thì không thể tương tức. Lại, tánh loại khác biệt, năng trị sở trị, hữu lậu vô lậu sai khác, chẳng thể tương tức.

Hỏi: Vô lậu đã chẳng theo thức gọi là tánh vô ký, vậy đây là tánh gì?

Đáp: Nhân quả đều là tánh thiện gồm thuộc, chỉ gọi là thiện, pháp như vậy, tất cả pháp của vô lậu, thuận lý nghịch sinh vô tác vô ký. Lại nữa, luận gồm Đại Thừa nói: "Nhưng thức thứ tám gồm có hai vị: Một là, hữu lậu vị, tánh vô ký gồm, chỉ cùng xúc v.v... năm pháp tương ưng, chỉ duyên chấp thọ xứ cảnh như nói ở trước. Hai là, vô lậu vị, chỉ tánh thiện gồm , cùng hai mươi mốt tâm sở tương ưng, là biến hành, biệt cảnh mỗi thứ có năm và mười một món thiện, cùng tất cả tâm luôn tương ưng vậy, thường lác chứng biết cảnh sở quán vậy. Đối với cảnh sở quán luôn ấn trì vậy, ở nơi cảnh từng cảm thọ luôn ghi nhớ rõ vậy, Đức Thế Tôn không có tâm bất định vậy, với tất cả pháp thường quyết chọn vậy, với cực tịnh tín v.v... thường tương ưng vậy, không nhiễm ô, không tán

động. Đây chỉ cũng cùng xả thọ tương ưng, nhậm vận luôn thời bình đẳng mà chuyển vậy, dùng tất cả pháp làm cảnh sở duyên, gương trí duyên khắp tất cả pháp vậy.

Hỏi: Bản thức trong tất cả thời có gián đoạn chăng? Hay không gián đoạn? Định duyên ở trong hay định duyên ở ngoài?

Đáp: Thức đây từ đầu đến cuối không có sát-na nào gián đoạn, trong ngoài đều duyên. Trong luận Du-già nói: "Thức A-lại-da trong tất cả thời không có gián đoạn, tướng khí thế gian, thí như đèn lửa lúc sinh bên trong chấp mở rót bên ngoài phát ánh sáng". Như vậy, thức A-lại-da, duyên chấp thọ bên trong, duyên khí tướng bên ngoài, đạo lý sinh khởi nên biết như vậy. Lại duyên cảnh lúc không phế bỏ không biến đổi khác, từ sát-na chấp thọ đầu tiên cho đến lúc mạng chung, chỉ một mùi vị liễu biệt mà chuyển.

Hỏi: Thức A-lại-da cùng các chuyển thức là lại làm nhân hay lại làm quả?

Đáp: Qua lại nhân quả. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Các pháp nơi thức
Thức nơi chứa cũng vậy
Qua lại làm tánh quả
Cũng thường làm tánh nhân".

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Thức A-lại-da cùng pháp tạp nhiễm qua lại làm nhân duyên, như đèn sinh lửa chuyển đổi sinh đốt cháy, lại như bó lau qua lại làm nương trú". Giải thích: Các pháp ở nơi thức tàng năng gồm chứa, vì cùng các thức làm hai tánh duyên: Một là, làm hạt giống kia, hai là, làm chổ nương của kia. Thức ở nơi pháp cũng vậy, là chỗ nhiếp tàng vậy, vì các chuyển thức cùng thức A-lại-da cũng làm hai duyên: Một là ở nơi hiện pháp nuôi lớn hạt giống. Hai là ở nơi pháp chuyển sau gồm trồng hạt giống , qua lại sinh nên như đèn đuốc bó lau là nêu duyên tăng thượng dụ nghĩa nhân duyên, như đèn đuốc và lửa chuyển đổi sinh lửa, trong đuốc sinh lửa như hạt giống sinh hiện, trong lửa thiêu đốt đuốc như hiện huân hạt giống. Lại như bó lau cùng nương tựa làm nhân đều có, là loại hiển bày hai pháp làm thí dụ, dụ nghĩa nhân duyên.

Hỏi: Thức chủng tử và thức A-lại-da là một hay là khác?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "hạt giống pháp phẩm bất tịnh lại trong thức A-lại-da là có thể riêng biệt nên khác, là không thể riêng biệt nên chẳng khác. Cả hai đều có mất, phải rõ chẳng một chẳng khác. Thức A-lại-da đây cùng

chủng tử cộng sinh như vậy. Tuy có năng y sở y, chẳng do thể ràng buộc nên khác. Cho đến, năng là giả không thể, sở là thật có thể, giả thật hòa hợp, tướng khác khó thể phân biệt, vì không hai thể vậy. Thức đây trước chưa có công năng huân tập sinh sau mới có công năng vậy, khác với trước. Thức trước chỉ là quả báo, chẳng được gọi là tất cả chủng tử, thức trước chỉ sinh tự tương tục, thức sau năng sinh tự tha tương tục nên ưu thắng hơn so với trước. Thí như hạt thóc sinh khởi tự mầm, có công năng nên nói thóc là hạt giống mầm. Thóc nếu bày trần đã lâu hoặc bị lửa làm tổn hoại thì mất công năng, tướng thóc chẳng khác, vì công năng hoại nên chẳng gọi là hạt giống Thức đây cũng vậy, nếu có công năng sinh tất cả pháp, do cùng công năng tương ưng nên gọi là tất cả chủng tử. Công năng đây nêu rơi rụng không còn, thì chỉ gọi là thức quả báo, chẳng phải là tất cả hạt giống, cho nên chẳng phải khác.

Hỏi: Hạt giống có nhiều chăng?

Đáp: Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Hạt giống có hai: Một là hạt giống bên ngoài, chỉ là giả danh, vì tất cả pháp chỉ có thức vậy. Hai là chủng tử bên trong, thì là chân thật, vì tất cả pháp lấy thức làm gốc. Hai chủng tử đây niệm niệm sinh diệt, từng sát-na trước sinh sau diệt không có gián đoạn vậy, pháp đây được thành chủng tử. Tại sao? Bởi pháp thường trú, chẳng thành chủng tử, trong tất cả thời không sai biệt vậy. Lại nữa, thế nào là hạt giống bên ngoài? Như thóc nếp v.v... không huân tập được thành chủng tử, do trong ngoài được thành. Cho nên bên trong có huân, bên ngoài có thành chủng tử chẳng do tự công năng, hẳn do bên trong huân tập cảm bên ngoài, nên thành chủng tử. Tại sao? Vì tất cả pháp bên ngoài lìa bên trong thì chẳng thành, cho nên ở bên ngoài chẳng thành huân tập. Một là do bên trong có huân tập được thành chủng tử. Lại, thức thứ tám từ hạt giống sinh nên gọi là thức quả báo, năng gồm giữ hạt giống, cũng gọi là thức hạt giống. Lại, bản thức là tập đế nên gọi là chủng tử, là khổ đế nên gọi là quả báo. Lại hai quả đều có cùng quả pháp của sở sinh hiện hành, đều hiện hòa hợp mới thành chủng tử. Giải thích: Nghĩa là hạt giống đây cốt yếu trông quả pháp sở sinh hiện hành, cùng thời hiện có. Hiện: Một là hiển hiện, hai là hiện tại, ba là hiện có. Ba nghĩa gọi là hiện, do người không tánh đây. Thức thứ bảy chẳng gọi là chủng tử, quả chẳng hiển hiện, tức hiển hiện nói xén chọn thứ bảy loa, hiện tại kén chọn trước sau, hiện có kén chọn giả pháp, thể là thật có mới thành chủng tử. Nên hiển hiện chỉ tại quả. Hiện có chỉ tại nhân, hiện tại thông cả nhân quả, hòa hợp kém chọn lìa nhau.

Hỏi: Hạt giống tử là vốn có hay mới huân sinh?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: "Tất cả chủng tử đều tánh vốn có, chẳng từ huân sinh, do sức huân tập, chỉ có thể tăng trưởng. Như trong Khế kinh nói: Tất cả hữu tình từ vô thủy đến nay có các thứ giới, như Ác-xoa tụ pháp vậy mà có". Giới tức là tôn sùng bái của chủng tử vậy. Lại trong kinh có kệ tụng nói:

"Vô thủy thời lai giới
Tất cả pháp đồng nương."

Giới nghĩa là nhân. Trong Du-già cũng nói: "Thể các chủng tử từ vô thủy đến nay tuy tánh vốn có mà do nhiếp tịnh mới huân mà phát. Các loại hữu tình từ vô thủy đến nay. Pháp Bát-nhã Niết-bàn, tất cả chẳng thể thảy đều đầy đủ, chẳng pháp Bát Niết-bàn bèn khuyết ba thứ chủng tử Bồ-đề". Các văn từ như vậy, thật chứng minh chẳng phải một. Trong Khế Kinh nói: Tâm tánh tịnh là nói lý tâm không, chỗ hiển bày chân như, chân như là tánh tâm chân thật vậy. Hoặc nói là tâm thể, chẳng phải phiền não vậy, gọi là tánh bản tịnh, chẳng phải tâm tánh hữu lậu, là vô lậu nên gọi là bản tịnh. Do đó nên nói: Các hữu tình từ vô thủy đến nay, chủng tử hữu lậu vô lậu chẳng do huân tập pháp vậy thành tựu. Vì thắng tấn sau huân khiến tăng trưởng. Pháp vô lậu khởi, lấy đây làm nhân, lúc vô lậu khởi lại huân thành chủng. Pháp hữu lậu chủng loại đây nên biết. Giải thích: Tâm tánh là chân như vậy, chân như vô vi chẳng phải nhân của tâm, cũng chẳng phải chủng tử năng có quả pháp, như hư không v.v... vậy. Chẳng phải tâm tánh hữu lậu là vô lậu gọi là bản tánh tịnh. Lại nếu thủ trước chánh nghĩa, vốn có mới huân hợp sinh hiện hành, chẳng phải có trước sau. Một, vốn có nghĩa là từ vô thủy trong thức dị thục pháp vậy mà sinh uẩn xứ giới v.v... công năng sai biệt. Đức Thế Tôn y cứ đây nói các hữu tình từ vô thủy đến nay có các thứ giới, như Ác-xoa tụ pháp vậy mà có. Tất cả hạt giống cùng thức thứ tám một thời mà có, từ đây năng sinh bảy hiện hành trước, hiện hành trên đầu lại huân hạt giống ử; Hai, mới huân nghĩa là vô thủy đến nay luôn luôn hiện hành huân tập mà có, nên gọi là mới huân. Đức Thế Tôn y cứ đây nói tâm hữu tình do các pháp nhiễm tịnh huân tập vậy, là nơi tích tập vô số chủng tử vậy. Ý Bồ-tát Hộ Pháp nói: Hạt giống hữu lậu vô lậu đều có mới huân và vốn có, hợp sinh hiện hành cũng chẳng tạp loạn. Nếu mới huân gặp duyên từ từ mới huân sinh. Nếu vốn có gặp duyên tức từ vốn có sinh. Nếu thiên chấp chỉ từ mới huân, hoặc thiên chấp chỉ là vốn có, cả hai đều trái nghịch giáo. Nếu hai nghĩa đều lấy là khéo phù hợp giáo lý". Các bậc Cổ đức hỏi: Đây gồm lúc chưa nghe

huân thì vốn có đây từ lâu mà sinh? Đáp: Từ vô thủy đến nay, thân đây cùng hạt giống đồng thời mà có, như chủng tử cây cỏ bên ngoài v.v... Lại nữa, các bậc Cổ đức giải nghĩa huân chủng là các pháp tuy có hai thứ mới cũ, ngay lúc hiện sinh, hoặc từ mới sinh, hoặc từ cũ sinh, gọi là hai thức, chẳng phải gọi là hai thứ ở trong một niệm đồng sinh một hiện, nếu vậy tức có lỗi của nhiều thứ cùng sinh một mầm. Lại hỏi trong tám thức đã đầy đủ nghĩa của vốn có và mới huân, thức nào là nhân năng huân và quả sở huân? Đáp: Y cứ chánh nghĩa trong các kinh luận tức bảy thức hiện hành trước là nhân của nhân duyên năng huân, huân sinh mới huân chủng tử. Thức thứ tám là quả của nhân duyên sở huân bảy thức hiện hành trước. Lại hỏi bản thức v.v... tuy có lựa năng huân tự chủng, và năng thân gần sinh tự chủng. Hiện hành bản thức v.v... được tự sinh chủng làm nhân duyên là, đã chẳng luôn tự chủng, làm sao năng sinh tự chủng? Lại, huân và sinh có gì khác biệt? Đáp: Huân là từ huân nghĩa là kích phát, sinh là sở kiến, nghĩa là từ nhân sinh ra. Nghĩa là bản thức v.v... tuy không nghĩa của lực tư huân kích phát tự hạt giống , mà có nghĩa thân sinh tự chủng. Như tánh hữu lậu, pháp vậy vốn có hạt giống vô lậu, tuy có công năng sinh quả, nếu chẳng được hai vị Tư gia các thiện hữu lậu tư huân kích phát tức chẳng thể sinh hiện, phải nhờ sức các thiện hữu lậu tư huân mới năng sinh hiện. Lại như các chủng thiện nhiễm v.v... trong bản thức năng dẫn tuần tự tự loại chủng tử sau, tuy có nghĩa sinh, không nghĩa tự huân, như các chủng thóc nếp v.v... tuy có công năng sinh mầm, nếu chẳng có được đất, nước v.v... giúp huân kích phát, cũng chẳng năng sinh hiện hành đó. Bản thức tuy có công năng sinh chủng, nhưng tự lực yếu kém, phải nhờ thức thứ sáu thứ bảy cùng huân mới sinh. Do ý nghĩa đó, nên bản thức tuy chẳng phải năng huân mà năng sinh chủng, nên cùng thân gần chủng được làm nhân duyên. Năm căn trần v.v... các căn phần cũng nên vậy. Đây giải nay y cứ nhân vị, hiện hành trông tự thân gần chỗ huân chủng, năng làm hai duyên, tức nhân duyên và tăng thượng duyên. Chỉ trừ thức thứ tám và rất yếu kém vô ký trong thức thứ sáu, có năng huân vậy, nay căn cứ văn đây, hiện ở thân gần chủng được làm trong nhân duyên, đã trừ thức thứ tám và rất yếu kém vô ký trong thức thứ sáu chẳng phải năng huân, trông tự thân gần chủng, là nghĩa không nhân duyên. Nếu nói bản thức và rất yếu kém vô ký trong thức thứ sáu năng sinh tự chủng được làm nhân duyên, bèn phạm dị thục có lỗi năng huân, và trái nghịch mất Thánh giáo. Lại hỏi như sáu thức trước biến nên tướng phần năm trần, chẳng năng tự huân chủng mới, phải nhờ tâm năng biến mới năng huân

tự chủng. Tướng phần năm trần được làm năng huân, rất yếu kém vô ký đó cũng nhờ tâm duyên năng biến, cớ sao chẳng đồng tướng phần năm trần làm năng huân? Đáp: Nay căn cứ pháp hữu vi phân làm ba phẩm: Một là, Thượng phẩm, như bảy chuyển thức và tương ưng v.v... một phần năng duyên lự nên lực rất mạnh, đều có lực tự huân. Hai là Trung phẩm, như tướng phần năm trần v.v... tuy có lực huân mà lực hơi kém, nhờ tâm và lực mới tự huân. Ba là, Hạ phẩm, tức rất yếu kém vô ký, mà người rất suy bệnh không lực chẳng thể tự khởi, nếu người và lực phù trì cũng chẳng thể khởi, loại bản thức v.v... cũng như vậy. Vốn không lực huân, nghĩa là tâm và lực cũng chẳng thể huân. Do ý nghĩa này nên rất yếu kém vô ký một hướng không lực. Chỉ lực hơi yếu kém chẳng thể riêng huân, nhờ tâm tương trợ mới có một nửa lực, nên là năng huân. Do ý nghĩa này, nên nay chánh giải thức tụ thứ tám và dị thục sở biến tướng phần năm căn và phù căn dị thục v.v... cùng sáu thức trước dị thục v.v... đều không chủng mới, vì rất yếu kém đó chẳng phải năng huân vậy. Từ vốn có chủng cũ sinh ra, trưởng dưỡng năm căn đó, và phù căn đây cùng tướng phần đẳng lưu năm trần v.v... sở biến của sáu thức trước đều có thể mỗi mỗi có hai thứ mới huân và vốn có.

Hỏi: Chủng tử tịnh pháp từ nghe huân sinh, ở trong bản thức cùng chủng tử bất tịnh, nghĩa của huân phát, có gì đồng hay khác ư?

Đáp: Chủng tử nhiễm tịnh đều đủ nghĩa huân thì tăng giảm có khác. Nếu Tịnh pháp huân tổn bản thức, nếu nhiễm pháp huân tăng bản thức. Như trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Chuyển y gọi là pháp thân do văn (nghe) huân, bốn pháp được thành: Một là, tin kính Đại thừa là chủng tử Đại tịnh. Hai là, Bát-nhã Ba-la-mật, là chủng tử Đại ngã. Ba là hư không khí Tam-muội, là chủng tử Đại lạc. Bốn là Đại bi là chủng tử Đại thường. Văn (nghe) huân tập đây và bốn pháp làm chủng tử bốn đức, lúc bốn đức tròn đầy thì bản thức đều hết, bốn đức xưa nay là có chẳng từ chủng tử sinh, từ nhân làm danh, nên gọi là chủng tử. Văn huân tập đây chẳng phải là Tăng ích bản thức nên sinh, vì muốn diệt tổn thế lực bản thức nên sinh, năng đối trị bản thức cùng tánh bản thức trái nghịch nhau vậy, chẳng bị tánh bản thức gồm thuộc. Nếu chủng tử bất tịnh thì huân tập sinh tăng ích bản thức, cùng tịnh chủng có khác.

Hỏi: Huân tập lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Huân là phát vậy, hoặc còn là trí (khiến nên) vậy. Tập là sinh vậy, là gần, là số, tức phát đạt đến quả ở trong bản thức khiến chủng tử sinh, gần sinh trưởng nên huân có hai thứ: Một là tập huân, nghĩa là huân tâm thể thành sự nhiễm tịnh v.v... Hai là tư huân, nghĩa

là hiện hành tâm cảnh và nghĩa là mê hoặc tương tư v.v... Trong kinh Lăng-già nói: "Đại bi, huân chẳng thể nghĩ bàn, biến chẳng thể nghĩ bàn, là nhân hiện thức, thủ các thứ trần và vọng tưởng huân từ vô thủy, là nhân của phân biệt sự thức. Cho nên vô minh năng huân chân như thành nhiễm pháp đó, bản giác năng huân vô minh khởi tịnh dụng đó. Đây đều là nơi chẳng thể huân mà năng huân, gọi là huân chẳng thể nghĩ bàn". Chẳng thể biến khác mà biến khác. Nói biến chẳng thể nghĩ bàn là như trong kinh Thắng Man nói: "Chẳng nhiễm mà nhiễm, chẳng thể rõ biết, nhiễm mà chẳng nhiễm khó thể rõ biết". Trong luận Hiển Thức nói: "Thức phân biệt là nếu khởi sức an lập huân tập là lực huân tập trong thức thứ tám vậy. Thí như đốt hương xông ướp y phục, hương thể diệt mà mùi hương còn ở trong y phục, gọi là xông ướp y phục, hương đó chẳng thể nói có, vì hương thể diệt mất vậy. Hương đó chẳng thể nói không vì mùi hương còn vậy. Như sáu thức khởi thiện ác lưu còn sức huân, ở trong bản thức năng được quả báo trong tương lai, gọi là chủng tử.

Hỏi: Năng huân và sở huân mỗi thứ có bao nhiêu nghĩa năng thành huân tập?

Đáp: Mỗi thứ có đủ bốn nghĩa khiến chủng tử sinh trưởng, nên gọi là huân tập. Trong luận Duy Thức nói: "Trước nói về sở huân có bốn nghĩa: Một là tánh kiên trú, hai là tánh vô ký, ba là tánh có thể huân, bốn là tánh hòa hợp". Xưa trước giải thích tức bốn nghĩa đây mỗi mỗi có chỗ kén chọn, trong luận nói: "Một, tánh kiên trú, nếu pháp thủy chung một loại tương tục năng trì tập khí mới là sở huân. Đây là ngăn cản chuyển thức và tánh tiếng gió v.v... chẳng kiên trú, nên chẳng phải sở huân". Giải thích: Phàm là thức sở huân tức phải là một loại kiên trú tương tục chẳng đoạn năng trì tập khí mới là sở huân. Nay, sáu chuyển thức trước, nếu lúc năm vị không tâm, đều gián đoạn, đã chẳng phải kiên trú, chẳng phải là sở huân. Đây cũng là ngăn cản các sư trong kinh lượng bộ đem sắc tâm hỗ tương trì chủng. Luận Chủ nói: Vả như ở vô sắc giới lúc vào diệt định, sắc tâm đều gián đoạn, lúc ấy dùng pháp gì năng trì chủng? Lại như năm căn năm trần đều chẳng thông ba cõi, cũng chẳng phải kiên trú, làm sao kham làm tánh sở huân? Lại nữa, thức thứ bảy ở vị hữu lậu, tuy chẳng gián đoạn, tại trong vị Thập địa cũng có giải thoát gián đoạn, nghĩa là lúc được vô lậu chẳng thể trì chủng hữu lậu. Vì hý luận và vô lậu thể nó trái nhau. Vì thức thứ tám tuy có hữu lậu, vì tại trong nhân thể không giải thoát chỉ là tánh vô tánh, tức chẳng phòng ngăn cùng năng trì chủng vô lậu, được gọi là sở huân, nên lập lượng nói:

"Bảy chuyển thức trước là có pháp chẳng phải sở huân". Tông nhân nói: "Chẳng kiên trú vậy, đồng dụ như điện chớp tiếng gió v.v...".

Hỏi: Nếu nói có tánh kiên trú tức là sở huân, chỉ như Phật quả thứ tám cũng là tánh kiên trú, nên gọi là sở huân ư?

Đáp: Đem hai nghĩa kén chọn. Trong luận nói: "Hai tánh vô ký, nếu pháp bình đẳng không chỗ trái nghịch, năng dung tập khí, mới ở sở huân. Đây ngăn cản thiện nhiễm thế lực lớn mạnh không chỗ dung nạp nên chẳng phải sở huân". Giải thích: Phàm là sở huân, phải chỉ là một loại vô ký tức chẳng trái nghịch tánh thiện ác mới nhận chịu kia huân. Nay Phật quả thứ tám đã là tánh thiện, tức chẳng chứa tánh bất thiện và vô ký, chẳng phải là sở huân. Vì Phật quả viên mãn vậy, như tợ trầm xạ chẳng bị vật xú uế xông. Nếu tánh bất thiện tức là phiền não, lại chẳng chứa tâm sở huân tín v.v... vì hỗ tương trái nhau dung nạp vậy. Tánh sở huân đó, như người rỗng tâm xả hạnh, năng dung nạp được tất cả sự thiện ác, nếu người tâm tánh ác tức chẳng trúng. Thức thứ tám tợ người rỗng tâm xả hạnh, năng chứa tất cả tập khí, có nghĩa như vậy mới gọi là sở huân. Nếu Như Lai; thức vô lậu tịnh thứ tám chỉ tại trong nhân là nơi từng huân tập, mang hạt giống cũ đây chẳng phải mới thọ huân, vì chỉ thiện nên trái nghịch với bất thiện v.v...". Lại nói: Thiện nhiễm như trầm xạtỏi tây thơm nên chẳng bị huân xông. Vô ký như lụa trắng nên năng chịu xông. Như thiện chẳng dung chứa ác, như trắng chẳng nhận chịu đen, như ác chẳng dung chứa thiện, như thối chẳng nhận nạp thơm, chỉ hàm tàng của bản thức, rộng đồng thái hư mới dung nạp vậy.

Hỏi: Nếu nói có hai nghĩa tánh kiên trú và tánh vô ký bèn gọi là sở huân, vả như tâm sở thứ năm đồng tâm vương đủ hai nghĩa đó, nên là sở huân. Lại như vô vi cũng có nghĩa tánh kiên trú, là sở huân, có lỗi lầm gì?

Đáp: Đem nghĩa thứ ba mà kén chọn. Trong luận nói: "Ba tánh có thể huân là như pháp tự tại, tánh chẳng phải kín chắc, năng thọ tập khí, mới là sở huân. Đây ngăn cản tâm sở và pháp vô vi, vô vi kín chắc, nên chẳng phải sở huân". Nói tự tại là chánh kén chọn Nan-đà hứa thứ tám năm tâm sở biến thọ huân. Luận chủ nói: "Tâm sở chẳng tự tại nên y tha sinh khởi, chẳng phải tánh sở huân". Nói tánh chẳng phải kín chắc, tức chọn chân như của Bồ-tát Mã Minh bị huân. Phàm có thể huân là phải thể tánh hư rỗng năng chứa hạt giống mới được. Mã Minh Cứu nói: "Chân như bị huân, vì chân như là tánh, thứ tám là tướng, tánh tướng chẳng lìa nhau, như lúc huân trước tướng kiêm huân trước tánh, hoặc gồm tướng về tánh vậy, chân như thọ huân nào lỗi quá gì, như đem

vàng đá làm vòng đeo tay v.v... Bồ-tát Hộ Pháp phá nói: "Huân tướng chẳng huân tánh, như lửa đốt thế giới chẳng đốt hư không. Nay chỉ là tâm vương thứ tám thể tánh hư rỗng mới có thể bị huân, như y phục hư rỗng mới năng nhận mùi hương v.v... xông".

Hỏi: Nếu nói có ba nghĩa tánh kiên trú tánh vô ký và tánh có thể bị huân tức là sở huân. Nên có thể thức thứ tám người này thọ huân bảy thức trước của người khác, vì thức thứ tám của người này là tánh có thể huân vậy ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ tư mà kén chọn. Trong luận nói: "Bốn, cùng năng huân v.v... tánh hòa hợp, nếu cùng năng huân đồng thời đồng xứ, chẳng tức chẳng lìa, mới là sở huân, ở đây ngăn ngại thân khác từng sát-na trước sau, không nghĩa hòa hợp, nên chẳng phải sở huân, chỉ thức dị thục đầy đủ bốn nghĩa đây, có thể là sở huân, chẳng phải tâm sở v.v..." Giải thích: Nay đem thức thứ tám người này trông bảy thức trước người khác, không nghĩa đồng thời đồng xú hòa hợp nên chẳng phải là sở huân, cũng ngăn cản các sư trong kinh Lượng Bộ đem thức thể niệm trước huân thức tướng niệm sau, chẳng đồng thời, cũng chẳng phải sở huân. Tiếp đến, năng huân có bốn nghĩa: Một là có sinh diệt, hai là có thắng dụng, ba là có tăng giảm, bốn là cùng sở huân hòa hợp. Bốn nghĩa này mỗi một cũng có chỗ kén chọn, tạm như người ngoài hỏi pháp vô vi được gọi là năng huân chăng? Đáp: đem nghĩa thứ nhất mà kén chọn. Trong luận nói: "Một có sinh diệt, nếu pháp chẳng phải thường, năng có tác dụng sinh trưởng tập khí, mới là năng huân. Đây ngăn ngại vô vi, trước sau chẳng biến không dụng sinh trưởng nên chẳng phải năng huân". Giải thích: Nay bảy thức trước có sinh diệt, có tác dụng sinh trưởng, mới là năng huân.

Hỏi: Nếu vậy thì như nghiệp cảm dị thục sinh tâm tâm sở và sắc pháp, bất tương ưng hành v.v... đều có sinh diệt, cũng có tác dụng nên là năng huân ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ hai mà kén chọn. Trong luận nói: "Hai có thắng dụng, nếu có sinh diệt, thế lực tăng mạnh năng dẫn tập khí, mới là năng huân. Đây ngăn ngại dị thục tâm tâm sở v.v... thế lực suy kém nên chẳng phải năng huân". Giải thích: Nghiệp cảm dị thục sinh tâm tâm sở v.v... kém yếu, không tác dụng lớn mạnh, năng huân sắc pháp. Tuy có lớn mạnh, lại không thắng dụng duyên lự, chẳng tương ưng hành. Hai dụng đều khuyết, đây chẳng phải năng huân. Lại nữa, thế dụng có hai: Một là, dụng năng giải thích, tức chọn các sắc làm tướng phần huân chẳng phải năng duyên huân. Hai là, dụng lớn mạnh là chẳng mạc tình

khởi tức tâm dị thục v.v... có dụng duyên lự, không dụng lớn mạnh, là tướng phần huân chẳng phải năng duyên huân, sắc bên trong có dụng lớn mạnh không dụng năng duyên. Tâm dị thục v.v... có dụng năng duyên, không dụng lớn mạnh, chẳng tương ưng pháp, cả hai đều không, đều chẳng phải năng huân. Tức dụng duyên thế có thể khiến huân tập, như người khỏe mạnh năng đạt thành công hiệu vậy.

Hỏi: Nếu có sinh diệt và có thắng dục tức gọi là năng huân, vả như Phật quả bảy thức trước cũng đủ hai nghĩa đây, nên là năng huân ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ ba mà kén chọn, trong luận nói: "Ba có tăng giảm, nếu có thắng dụng có thể tăng có thể giảm, gồm gieo tập khí, mới là năng huân. Đây ngăn ngại Phật quả viên mãn thiện pháp không tăng không giảm nên chẳng phải năng huân. Kia nếu năng huân, bèn chẳng phải viên mãn, Phật quả trước sau nên có hơn kém.

Hỏi: Nếu nói có đầy đủ ba nghĩa có sinh diệt có thắng dụng có tăng giảm, tức gọi là năng huân. Vậy như bảy thức trước của người khác cũng có ba nghĩa trên, nên cùng thức thứ tám của người này huân hạt giống được chăng?

Đáp: Đem nghĩa thứ tư mà kén chọn. Trong luận nói: "Bốn cùng sở huân hòa hợp mà chuyển, nếu cùng sở huân đồng thời đồng xứ chẳng tức chẳng lìa, mới là năng huân. Đây ngăn ngại thân người khác, từng sát-na trước sau, không nghĩa hòa hợp nên chẳng phải năng huân, chỉ bảy chuyển thức và tâm sở sau có dụng thắng thế mà tăng giảm. Đầy đủ bốn nghĩa đây có thể là năng huân. Năng huân như vậy cùng thức sở huân đều sinh đều diệt, là nghĩa huân tập thành. Nay, chủng tử trong sở huân sinh trưởng như huân cự thắng, nên gọi là huân tập".

Giải thích: Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Cự thắng xưa nay là than, thời gian lâu dài chôn vùi trong đất, bèn biến làm cự thắng. Cự thắng cùng hoa đồng sinh đồng diệt. Bên trong huân tập nên sinh mùi hương. Lại, chủng tử là bị danh của tập khí. Tập khí hẳn do huân tập mà có. Nêu thí dụ như mùi thơm mè vừng hoa huân nên sinh, tức trong mè vừng có mùi hương hẳn nhờ hoa huân mới được mùi hương vậy. Ở phương Tây nếu muốn làm dầu thơm xoa thân, trước dùng mùi hia lấy nơi hạt cự thắng nhóm lại một nơi, ngâm khiến mục rã, sau lại lấy cự thắng ép dầu. Dầu bèn có mùi hương phảng phất, so lại trong mè vừng không mùi hương, nhân hoa huân nên sinh. Nghĩa huân tập là cốt yếu đều sinh diệt thì nghĩa huân tập thành, chẳng phải như hạt giống sinh mầm, khác thời vậy, chẳng đồng sinh diệt vậy, lấy đó làm thí dụ.

Hỏi: Nếu nói phải cùng sở huân hòa hợp một nơi mới gọi là năng huân. Vậy thì cha mẹ đã mất trước và con cháu mất trước v.v... người sau vì tạo công đức. Đây cũng là huân đến thức người khác. Vì được phước, tại sao chẳng hứa?

Đáp: Đây có hai giải hiểu: Một, đây chỉ là tăng thượng khiến người mất tự phát tâm, chẳng phải huân thức người khác. Hai là trong bảy phần hứa được một phần, khó chỉ được một phần công đức đây, bèn là người này tạo phước, người khác thọ quả, nên trái với nghĩa Duy thức chăng? Đáp: Có năm lực mà Duy thức chẳng phán: Một định lực, hai thông lực, ba tá thức lực, bốn đại nguyện lực, năm pháp oai đức lực.

Hỏi: Huân thứ tám trong bảy năng huân, trong bốn phần, căn cứ huân phần nào?

Đáp: Năm chuyển thức trước năng huân chủng tử tướng phần A-lại-da, ý thức thứ sáu năng huân chủng tử tướng kiến phần thứ tám, Mạt-na thức thứ bảy chỉ huân chủng tử kiến phần thứ tám.

Hỏi: Bốn phần trong bảy thức trước, phần nào năng huân?

Đáp: Kiến phần tướng phần năng huân chủng, vì hai phần này có tác dụng vậy.

Hỏi: Tướng phần là sắc, sao có thể huân chủng?

Đáp: Chỉ là kiến phần cùng lực khiến tướng phần huân chủng, như chim kiêu gá ụ đất mà thành vỏ trứng. Lại, kiến phần là tự chứng phần cùng lực.

Hỏi: Năm thức trước cùng thức thứ tám huân chủng tướng phần. Tướng phần thức thứ tám đó có ba cảnh, nay huân chủng tướng phần nào?

Đáp: Chỉ huân trong thân và khí bên ngoài, thật chủng tướng phần năm trần, ngoài ra tức chẳng huân, vì chẳng năng duyên vậy.

Hỏi: Năm thức ở trong tất cả thời là đều huân ba chủng là có hay không vậy?

Đáp: Đều huân ba chủng, giả sử lúc khác giới cùng duyên năm thức phải gá tự tướng thức thứ tám mà huân chủng bản chất. Lại như hàng Nhị thiền trở lên lúc nhờ ba thức sơ thiền duyên ba cảnh địa trên cũng mỗi mỗi huân ba chủng. Tướng chất chủng đó hàng Nhị thiền trở lên thâu nhiếp còn kiến phần chủng tức thuộc sơ thiền bó buộc. Vì vượt giới địa địa pháp không nên nói nhờ, nếu được các căn dùng xem nhau, duyên cảnh năm trần tự tha đều huân ba chủng tử. Vì là tánh cảnh thâu gồm, bản chất đồng là tướng phần thức thứ tám. Nếu lúc thức thứ sáu duyên kiến phần thức thứ tám huân được hai chủng kiến chất, đều là

tâm chủng, tức cùng thức thứ tám huân được chủng kiến phần. Lại tự huân được chủng kiến phần thức thứ sáu, trung gian tướng phần tức chẳng huân. Nếu lúc thức thứ sáu duyên tướng phần thức thứ tám, hoặc huân ba chủng tử làm tự huân được năng duyên chủng kiến phần. Nếu lúc hiện lượng cũng tự huân được tướng phần chủng năm trần. Lại cùng thức thứ tám huân được chủng bản chất năm căn trần, nhiều phần chỉ huân hai chủng kiến chất.

Hỏi: Lúc thức thứ sáu duyên tướng phần ba cảnh thức thứ tám đều cùng huân được chủng ba cảnh chăng?

Đáp: Chỉ huân chủng căn thân và khí giới. Duyên cảnh chủng tử tức chẳng huân chủng, sợ phạm lỗi vô cùng vậy. Lúc thức thứ sáu đó duyên năm căn và cảnh chủng tử đều là độc ảnh cảnh. Có thuyết nói: Tánh cảnh đó tức phải tướng phần là thật, bèn có hai lớp năm căn hiện hành, phạm hữu tình giới thêm lỗi quá, nên biết chẳng thể được.

Hỏi: Thức thứ sáu năng duyên bốn phần thức thứ tám, sao nói chỉ huân chủng kiến phần tướng phần?

Đáp: Vì hai phần bên trong cùng kiến phần đồng là tâm chủng nhiếp thuộc ở trong kiến phần.

Hỏi: Lúc thức thứ sáu duyên một trăm pháp, đều huân chủng bản chất chăng?

Đáp: Nếu duyên vô vi và chẳng tương ưng hành cùng một phần giả trong tâm sở là đều chẳng huân chủng bản chất. Thật là tức lúc huân dùng duyên giả pháp, chỉ là độc ảnh cảnh, cũng chẳng huân chủng tướng phần. Năng duyên chủng kiến phần đó tức huân. Nếu thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám huân chủng, chỉ huân hai chủng kiến chất, nhất định chẳng huân chủng tướng phần. Khoảng giữa đó tướng phần chỉ từ hai đầu hợp khởi, nhưng thông hai tánh. Một nửa từ trên bản chất khởi là tánh vô phú, một nửa là từ trên kiến phần năng duyên sinh là tánh hữu phú.

Hỏi: Như trong sở huân thứ ba nói ở trước, Bồ-tát Hộ Pháp cật nạn nghĩa chân như thọ huân của Bồ-tát Mã Minh. Phàm, nghĩa của huân tập là huân tướng chẳng huân tánh, như lửa thiêu đốt thế giới chẳng thiêu đốt hư không. Nghĩa của chân như thọ huân đây làm sao thông hiểu ?

Đáp: Phàm huân của năng và sở, sơ lược có hai tông: Một là, tông pháp tướng, hai là, tông pháp tánh. Ở trước Bồ-tát Hộ Pháp là y cứ tông pháp tướng mà cật nạn, nay là Bồ-tát Mã Minh y cứ tông pháp tánh. Nay tông pháp tánh cũng bảy thức v.v... mà làm năng huân, thức

thứ tám làm sở huân. Trong thức thứ tám dùng Như Lai tạng tùy duyên thành lập, bao gồm có nghĩa sinh diệt và chẳng sinh diệt vậy. Nay nói huân là huân của chẳng huân, biến của chẳng biến, tức huân chân như trong môn sinh diệt, tướng của tùy duyên, nếu trong môn chân như tức chẳng huân. Nghĩa huân biến đây đều chẳng thể nghĩ bàn, vì chẳng nhiễm mà nhiễm vậy. Như trong luận Khởi Tín nói: "Lại nữa, vì nghĩa bốn chủng pháp huân tập, pháp nhiễm tịnh khởi không có đoạn tuyệt. Một, tịnh gọi là chân như. Hai, nhiễm gọi là vô minh. Ba, vọng tâm gọi là nghiệp thức. Bốn, vọng cảnh gọi là sáu trần. Nghĩa huân tập là như y phục thế gian chẳng phải mùi thối chẳng phải mùi thơm, tùy dùng vật xông thì có hơi mùi đó. Tánh tịnh pháp chân như chẳng phải là nhiễm, vô minh luân đó thì có tướng nhiễm. Vô minh nhiễm pháp thật không nghiệp tịnh, chân như huân đó mà nói có dụng tịnh. Thế nào là huân tập nhiễm pháp chẳng đoạn? Nhân nhiễm, nhưng vô minh đây tức huân chân như. Đã huân tập rồi sinh tâm vọng niệm. Tâm vọng niệm đây lại huân vô minh, vì huân tập nên không rõ biết (bất giác) chân pháp. Vì không rõ biết nên tướng vọng cảnh hiện, do sức huân tập của tâm vọng niệm, nên sinh các thứ chấp trước sai biệt, tạo các thứ nghiệp, nhận chịu các thứ quả báo khổ của thân tâm v.v... Nghĩa vọng cảnh huân có hai thứ riêng biệt: Một là, tăng trưởng phân biệt huân, hai là, tăng trưởng chấp thủ huân. Nghĩa vọng tâm huân cũng có hai thứ riêng biệt: Một là, tăng trưởng nghiệp thức căn bản huân, hai là, tăng trưởng sự thức phân biệt huân, khiến các phàm phu thọ nghiệp buộc khổ. Nghĩa vô minh huân cũng có hai thứ riêng biệt: Một là, căn bản huân, nghĩa thành tựu nghiệp thức. Hai là, kiến ái huân, nghĩa thành tựu sự thức phân biệt. Thế nào là huân tập tịnh pháp chẳng dứt đoạn? Nghĩa là do chân như huân vô minh, do sức nhân duyên huân tập khiến tâm vọng niệm nhàm chán khổ sinh tử mà cầu an lạc Niết-bàn. Vì nhân duyên nhàm chán và mong cầu của vọng tâm đây lại huân chân như. Do huân tập vậy thì tự tin thân mình có pháp chân như bản tánh thanh tịnh. Biết tất cả cảnh giới chỉ tâm vọng động rốt ráo không có. Vì năng biết như thật như vậy nên tu pháp xa lìa, khởi các thứ hạnh tùy thuận, không chỗ phân biệt, không chỗ chấp trước, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, do sức suốt tập nên vô minh diệt, vô minh diệt nên tâm tướng chẳng khởi, tâm chẳng khởi nên tướng cảnh giới diệt. Tất cả nhân nhiễm duyên nhiễm như vậy và tướng tâm nhiễm giới đều diệt, gọi là đắc nước, thành tựu các thứ nghiệp dụng tự tại. Nghĩa vọng tâm huân có hai thứ riêng biệt: Một là, sự thức phân biệt huân, khiến tất cả phàm phu Nhị thừa nhàm chán

khổ sinh tử, tùy chính mình kham năng hướng đến đạo Vô thượng. Hai là, ý huân, khiến các Bồ-tát phát tâm dõng mãnh, nhanh chóng hướng vào Niết-bàn vô trú. Nghĩa chân như huân cũng có hai thứ riêng biệt: Một là, thể huân, hai là, dụng huân. Thể huân nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng vô lậu, cũng đủ dụng thắng cảnh giới khó nghĩ bàn thường không gián đoạn huân tâm chúng sinh. Do lực này nên khiến chúng sinh nhàm chán khổ sinh tử cầu an lạc Niết-bàn, tự tin thân mình có thật pháp chân như phát tâm tu hành. Dụng huân, tức là lực của ngoại duyên chúng sinh, có vô lượng nghĩa, nay lược nói có hai thứ: Một là, duyên sai biệt, hai là duyên bình đẳng. Duyên sai biệt, nghĩa là chủng sinh từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, nhờ Phật Bồ-tát v.v... các thiện tri thức tùy chỗ ứng hóa mà vì hiện thân v.v... Duyên bình đẳng, nghĩa là tất cả chư Phật và chư Bồ-tát dùng trí tuệ bình đẳng chí nguyện bình đẳng, muốn cứu tế khắp tất cả chúng sinh, mặc tình tương tục, thường không đoạn tuyệt. Vì trí tuệ này huân chúng sinh nên khiến họ nghĩ nhớ chư Phật Bồ-tát, hoặc thấy hoặc nghe mà làm lợi ích vào tịnh Tam-muội, tùy chỗ đoạn chướng được mắt vô ngại, ở trong mỗi niệm tất cả thế giới bình đẳng hiển hiện, thấy vô lượng chư Phật và chư Bồ-tát. Trong Hoa Nghiêm Ký nói: "Đó thì chân như, cũng là năng huân cũng năng thọ huân". Nên trong kinh Lăng-già nói: "Huân chẳng thể nghĩ bàn, biến chẳng thể nghĩ bàn, là nhân hiện thức", nghĩa là chẳng thể huân mà huân nên gọi là huân chẳng thể nghĩ bàn. chân như chẳng biến mà tùy duyên thành pháp, gọi là biến chẳng thể nghĩ bàn, cũng tức chẳng nhiễm mà nhiễm vậy. Pháp sư Tạng nói: "Vọng tâm thông nghiệp thức và sự thức, nay y cứ bản đó nói nghiệp thức vậy. Nói huân tập nên có tướng nhiễm là chân như vốn không tướng, tùy huân hiện tướng. Lại, hiển vọng pháp không thể, nên chỉ nói là tướng. Đây, giải thích Như Lai tạng làm ác tập sở huân v.v... trong kinh, ở trên tức là chân như trong môn sinh diệt, nói có dụng tịnh, đây là bản giác chân như trong môn sinh diệt, nên có nghĩa huân, trong môn chân như thì không nghĩa này. Do trong bản giác đây huân bất giác khiến thành nhàm chán và mạng căn, ngược dòng thuận chân, nên nói là dụng vậy. Đây là giải thích do Như Lai Tạng trong kinh vậy, năng nhàm chán khổ sinh tử, vui cầu Niết-bàn vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: "Người xiển-đề do sức Phật tánh nên trở lại sinh thiện căn". Kinh nói sức Phật tánh tức là lực huân trong bản giác đây vậy. Do vì một thức bao gồm hai nghĩa đây, lại qua lại huân khắp sinh nhiễm tịnh vậy. Phật nói trong đây, là giác tánh là gốc nên gọi là bản giác.

Hỏi: Phật chủng theo duyên khởi, tức là nghĩa hướng thượng ước về trong ba thân Pháp Báo Hóa là Phật chủng nào theo duyên khởi?

Đáp: Là báo thân Phật, do huân thành vậy. Dùng trí làm chủng, pháp thân là vô vi, đoạn hoặc hiển bày, chẳng theo chủng tử sinh. Vì pháp thân báo thân đầy đủ năng khởi hóa hiện, tức hóa thân là dụng của báo thân và pháp thân. Chỉ tánh báo Phật tức là tất cả chúng sinh nghe huân chủng tử. Vả lại như cam lồ ở thế gian là sương mốc trên lá thấm đượm, một một giọt vào trong đất thành một chuỗi châu, lại thấm đượm sinh trưởng mầm cành. Thật tánh báo thân cũng như vậy, kiến phần thức thứ sáu và kiến phần nhĩ thức chúng ta như đồng cam lồ trên lá, giáo pháp Đại thừa của Như Lai tợ như sương mốc. Nhĩ thức là thức thứ sáu huân được chủng tử Đại thừa, tợ thấm đượm rơi ở trong thức thứ sáu, như vào trong đất sinh được chuỗi châu. Sau vài lần tư huân đến thành tự thọ dụng báo thân Phật, lại gặp thấm đượm sinh khởi mầm cành, nên biết Phật chủng toàn sự huân thành. Người mới học sao chẳng nương nhờ sức lực nghe pháp? Vả lại, chúng sinh tuy có tánh chánh nhân, phải nhờ nhân duyên phát khởi. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Như trong kinh nói hai thứ nhân duyên phát khởi chánh kiến: Một là ngoài nghe chánh pháp, hai là trong có chánh niệm. Lại như cỏ cây, trong có hạt giống, ngoài có mưa đượm, sau đó được sinh. Nếu không Bồ-tát thì chúng sinh tuy có nghiệp nhân duyên nhưng không do đâu phát khởi. Nhưng muốn hoằng dương Phật pháp, phân tích viên tông, nên phải tánh tướng đều rõ, tổng biệt đều rành. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Quả báo lớn như vậy
Các thứ nghĩa tánh tướng
Ta cùng mười phương pháp
Mới hay biết việc ấy".

Nay bản ý của Tông Kính, cốt yếu lý sự phải phân minh mới hiển bày thể dụng của chân tâm đầy đủ, nếu có thể mà không dụng thì như có thân mà không tay chân. Nếu có dụng mà không có thể thì như có tay chân mà không có thân, không có thân và tay chân tức tướng người không đầy đủ. Nếu không thể dụng thì pháp thân chẳng viên mãn. Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Tự tánh thanh tịnh, tánh tức vô lậu, từ vô thủy đến nay một hướng rõ ràng, cũng không dơ lụy, cũng không nhiễm ô, mà vì vô minh mà huân tập vậy, tức có dơ lụy. Biển chứa vô minh từ vô thủy đến nay một hướng đến đen tối, cũng không trí sáng, cũng không phẩm trắng, mà vì bản giác mà huân tập vậy, tức

có dụng tịnh. Nhiễm tịnh như vậy chỉ là giả lập, nhiễm chẳng phải thật nhiễm, tịnh chẳng phải thật tịnh, đều là huyễn hóa, không tự tánh thật. Nên biết nhiễm tịnh không thể, tùy huân mà thành. Nếu lìa duyên của huân tập, quyết định không pháp khá được. Nếu không thể của thức thứ tám huân tập thì muôn pháp chẳng thành. Trên đây lắm nhiều nghĩa môn mà thành tựu chỉ thức. Tức biết không một pháp nào chẳng từ tâm hóa sinh. Tùy theo thiện ác để huân thành, nhân tu tập mà làm chủng, tợ giấy nhiễm trong đẩy hương phảng phất tỏa ngát, như dây gần xâu cá, tanh nồng mà làm hơi. Huống gì bản thức dị thục chân tâm kiên trú, nghe thiện pháp huân thì chủng tử tịnh tăng trưởng, nhân ác pháp phát thì chủng tử tịnh tăng trưởng, nhân ác pháp phát thì chủng tử nhiễm viên thành. Vì vậy, trong thì làm nhân, tuy nhiên vốn có, ngoài làm duyên trợ, phải nhờ mới huân, bèn năng khởi quả đáp nhân, làm phàm làm Thánh, nên trong kinh nói: "Phật chủng theo duyên khởi". Nên biết không pháp nào chẳng huân thành. Vì vậy, công nghe nhiều huân tập phải thân gần đạo bạn, sức chứa học luyện mài toàn tại nơi người, không thể luống qua thời gian chẳng chuyên cần diệu hạnh, như tánh lửa trong gỗ là chánh nhân lửa, chưa gặp người thợ thì chẳng thành dụng lửa, như Phật tánh trong thân là chánh nhân Phật, chẳng gặp duyên tịnh khó thành diệu dụng.

Hỏi: Tâm thức không hình không đối, cớ sao nói nghĩa của thọ huân?

Đáp: Trong kinh nói rõ hoặc huân hoặc biến đều chẳng thể nghĩ bàn, ước về tùy duyên cổ động, bày rõ tướng huân biến. Vì lúc căn bản vô minh luân bản giác, tức bản giác tùy động, nên nói là huân. Lại, thể của bản giác theo lý tuy chẳng biến, do tùy duyên vậy nên nói là biến. Tuy nhiên, huân biến nhiễm mà chẳng nhiễm, tuy chẳng huân biến chẳng nhiễm mà nhiễm, chẳng thể dùng tâm đo lường, nên nói huân chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng văn cú thuyên giải, nên nói biến chẳng thể nghĩ bàn.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 49

Hỏi: Phàm tất cả tình thức, nhân chấp thọ mà được tên, chỉ như chủng tử thức thứ tám, căn thân, khí giới v.v... là tổng có chấp thọ hay không chấp thọ?

Đáp: Chủng tử, khí thế gian tức thức thứ tám duyên mà chẳng chấp, chấp thọ mỗi mỗi có đủ hai nghĩa. Hai nghĩa của chấp: Một là nghĩa gồm, hai là nghĩa giữ gìn. Nói gồm tức là gồm làm tự thể, nói giữ gìn tức gìn giữ chẳng tán mất, hai nghĩa của thọ: Một là nghĩa lãnh, hai là nghĩa giác. Lãnh tức lãnh dùng làm cảnh, giác tức khiến sinh giác thọ an nguy chung đồng. Căn thân đầy đủ bốn nghĩa chấp thọ: Một, nhiếp làm tự thể, đồng là tánh vô ký. Hai, giữ gìn khiến chẳng tán mất, thức thứ tám năng giữ gìn thân này khiến chẳng rả hoại. Ba, lãnh mình làm cảnh, căn thân đây là tướng phần thân gần của thức thứ tám. Bốn, khiến sinh giác thọ an nguy chung đồng, nếu thức thứ tám nguy thì năm căn nguy, thức thứ tám an thì năm căn an. Nếu khí thế gian lượng chỉ duyên chẳng phải chấp thọ, tức thọ trong hai nghĩa. Lãnh mình làm cảnh. Lại nói: Chẳng phải chấp thọ là, mà không ba nghĩa nhiếp làm tự thể, trì khiến chẳng tán mất và khiến sinh giác nhận, chẳng tợ căn thân kẻ khác gọi là chẳng phải lấy nhận, tức không nhận trong bốn nghĩa, lãnh mình làm cảnh một nghĩa.

Hỏi: Cớ sao khí giới chẳng tợ căn thân thức thứ tám thân gần chấp thọ?

Đáp: Vì cùng thức thứ tám xa vậy, do đó chẳng nhiếp làm tự thể. Lại, lúc khí giới tổn, thức thứ tám cũng chẳng tùy an nguy chung đồng kia, do đó chẳng lấy nhận, như tóc lông móng răng, bong bóng nước đọng v.v... tuy gần đã đồng khí bên ngoài gồm, do đó thức thứ tám cũng chẳng chấp thọ. Do thức thứ tám đây hoặc trì hoặc duyên, phải đầy đủ bốn câu: Một là, trì giữ gìn mà chẳng duyên, tức là chủng vô lậu. Hai là duyên mà chẳng trì giữ gìn, tức khí giới hiện hành. Ba là cùng câu tức căn trần trong thân. Bốn là đều chẳng phải, tức bảy hiện hành trước.

Hỏi: Thức thứ tám sao chẳng duyên bảy hiện hành trước?

Đáp: Có nhiều lỗi nên chẳng duyên. Nếu biến ảnh duyên tức thức thứ tám phạm lỗi duyên giả. Nếu thân gần duyên tức phạm nghĩa Duy thức chẳng thành lỗí , thân gần chấp thủ tâm kẻ khác vậy. Trong Tây Minh nói: Nếu biến ảnh duyên tức hữu tình giới thêm lỗi quá. Vì duyên khởi bảy hiện hành trước vậy mà có hai lớp thứ bảy v.v... Lại giải vì tâm pháp cần yếu chủng mà sinh, nay dị thục thức thứ tám kém nhỏ, giả sử duyên được bảy thức trước cũng chẳng thể huân chủng, nên chẳng duyên vậy.

Hỏi: Thức thứ tám sao chẳng duyên dài v.v...?

Đáp: Vì giả nên chẳng duyên.

Hỏi: Vô vi là thật, thức thứ tám cớ sao chẳng duyên?

Đáp: Nếu thật vô vi, nhân vị chẳng chứng, nếu giả vô vi lại chẳng phải cảnh kia. Ba lượng phân biệt là tán vị tâm tâm sở. Nếu đầy đủ bốn nghĩa tức gọi là hiện lượng: Một là, duyên mặc tình, hai là chẳng vướng kẹt danh ngôn, ba là chỉ tánh cảnh, bốn là không kế độ phân biệt. Nay thức thứ tám bốn nghĩa đã đầy đủ rất thành hiện lượng, giả thật phân biệt là kiến phần thức thứ tám trong nhân quyết định chẳng duyên giả, chỉ nhân duyên biến vậy. Nhân duyên biến đầy đủ hai nghĩa: Một là, nghĩa mặc tình, hai là nghĩa hạt giống. Là cảnh từ chủng sinh thức, mặc tình duyên gọi là nhân duyên biến. Nay cảnh sở duyên của thức thứ tám quyết định là kiến phần biệt chủng sinh là nhân duyên biến.

Hỏi: Thức thứ tám cùng năm thức trước đều nhân duyên biến, cớ sao năm thức trước duyên cảnh có bản chất, thức thứ tám bèn không? Đáp: Năm thức trước chẳng phải thức căn bản, duyên cảnh tức phải nhờ bản chất. Nay thức thứ tám là thức căn bản nên chẳng nhờ bản chất, chợt nếu lìa tự ngoài ba cảnh lại có pháp cùng thức thứ tám làm chất là tức ngoài tâm có pháp. Nhưng nếu thức thứ tám trông duyên định quả sắc và phù trần người khác khác với khí giới, tức có bản chất chẳng ngăn ngại. Nên biết thức thứ tám duyên ba cảnh chỉ thật chẳng phải giả.

Hỏi: Chủng tử vô lậu trong thức có đủ ba nghĩa này chăng?

Đáp: Tất cả chủng tử hữu lậu tức đầy đủ ba nghĩa. Nếu là chủng tử vô lậu, chẳng tùy thức thứ tám thành vô ký, chỉ là tánh thiện, tức thức thứ tám chẳng lãnh làm cảnh vì trái nghịch nhau vậy, chẳng ngăn giữ mà chẳng duyên, trong ba nghĩa chỉ có đủ một nghĩa.

Hỏi: Nếu chẳng lãnh để làm cảnh, nên là ngoài tâm có pháp ư?

Đáp: Chỉ giữ khiến chẳng tán mất chẳng lìa thức vậy, cũng là Duy

thức.

Hỏi: Chủng tử vô lậu đã chẳng lìa có trong thức, cớ sao chẳng chuyên?

Đáp: Vì đủ ba nghĩa, do đó chẳng duyên: Một là năng đối trị, tức vô lậu nhưng đối trị pháp có nhiễm ô, cũng năng phá hoại pháp hữu lậu. Hai là thể tánh khác vậy, vì thức thứ tám chỉ vô ký, chủng tử vô lậu chỉ là tánh thiện. Ba là chẳng thuận nhau, vì chủng tử vô lậu chẳng thuận thức thứ tám hữu lậu, vô lậu tánh thiện chẳng thuận tánh vô ký, do đó chẳng duyên.

Hỏi: Chủng tử vô lậu là tướng phần chăng?

Đáp: Có hai: Một là, thức thứ tám chẳng duyên, chẳng phải là tướng phần nhiếp. Hai là, cũng là tướng phần. Nhân tuy chẳng duyên mà tướng phần trong quả đó lưu loại vậy.

Hỏi: Chủng tử cùng tự chứng phần đã chẳng lìa kiến phần thức thứ tám, cớ sao chẳng duyên tự chứng phần?

Đáp: Chủng tử tuy chẳng cùng tự chứng phần chẳng lìa nhau. Nếu lúc kiến phần duyên chỉ duyên chủng tử, chẳng duyên tự chứng phần. Nếu duyên tự chứng phần tức phạm lỗi nội duyên trong nhân, thí như vị mặn trong nước keo xanh trong sắc.

Hỏi: Thức thứ tám đây có bao nhiêu chấp thọ?

Đáp: Có hai thứ. Trong luận nhiếp Đại thừa nói: "Tất cả chủng tử tâm thức thành thục, triển chuyển hòa hợp tăng trưởng rộng lớn y cứ hai thứ chấp thọ: Một là các căn có sắc và chỗ nương tựa chấp thọ. Hai là tướng danh phân biệt ngôn thuyết hý luận tập khí chấp thọ.

Hỏi: Trước nói thức thứ tám đầy đủ bốn nghĩa nên thành hiện lượng. Chưa rõ hành tướng ba lượng như thế nào, và tám thức mỗi mỗi có bao nhiêu lượng?

Đáp: Các bậc Cổ đức giải thích: Hiện lượng. Hiện nghĩa là hiển hiện, tức phân minh chứng cảnh, chẳng kẹt danh ngôn, không tâm trù đạt, là nghĩa của khai định, nghĩa là tâm ở trên cảnh độ lượng tự tướng của pháp khai định, chẳng sai nhầm nên gọi là lượng. Tỷ lượng. Tỷ nghĩa là tỷ loại, lượng tức là lường đạt, do tỷ loại lường đạt mà biết có vậy, gọi là tỷ lượng. Phi lượng, nghĩa là lúc tâm duyên cảnh, ở nơi cảnh lầm loạn, hư vọng phân biệt chẳng thể biết chánh, cảnh chẳng xứng tâm, gọi là phi lượng. Trong luận Hiển Dương nói: "Hiện lượng là có ba thứ tướng: Một là ,tướng chẳng phải chẳng hiện thấy. Hai là, tướng chẳng phải tư duy cấu tạo thành. Ba là, tướng chẳng phải nhầm loạn trông thấy. Thứ nhất,tướng chẳng phải chẳng hiện thấy lại có bốn thứ nên biết, nghĩa là

do các căn chẳng hoại lúc tác ý hiện tiền. Đồng loại sinh, khác loại sinh, không chướng ngại, chẳng rất xa. Nói đồng loại sinh nghĩa là dục trần các căn ở nơi cảnh dục trần, các căn trên đất ở cảnh trên đất đã sinh v.v... hoặc sinh hoặc khởi, gọi là đồng loại sinh. Khác loại sinh, nghĩa là các căn trên đất ở cảnh dưới đất, nếu đã sinh v.v... gọi là khác loại sinh, không chướng ngại; lại có bốn thứ: Một là, chẳng bị trở ngại bởi chướng che. Hai là, chẳng bị trở ngại bởi chướng ẩn. Ba là, chẳng bị trở ngại bởi chướng rợp. Bốn là, chẳng bị trở ngại bởi chướng hoặc. Bị trở ngại bởi chướng che nghĩa là vô minh đen tối, tối chẳng phãi sắc lắng sạch che cách. Trở ngại bởi chướng ẩn nghĩa bị hoặc sức của cỏ thuốc, hoặc sức của chú thuật hoặc sức của thần thông ẩn che. Trở ngại bởi chướng hiển, nghĩa là số ít bị nhiều vật che rợp mất, nên chẳng thể thấy, hoặc ăn uống v.v... là chỗ rợp đoạt của các thuốc độc, hoặc đầu lông tóc là chỗ rợp đoạt của các vật thô khác. Các loại như vậy vô lượng vô biên, vả như ánh sáng nhỏ bị ánh sáng lớn lóa ép chẳng thể được thấy, chỗ gọi là ánh sáng mặt nhật lóa khuất trăng sao v.v... Lại như năng trị rợp đoạt sở trị khiến chẳng thể được. Nghĩa là quán bất tịnh ánh đoạt tướng tịnh, quán vô thường khổ vô ngã ánh đoạt tướng thường, lạc, ngã, sức quán vô tướng ánh đoạt các tướng. Trở ngại bởi chướng hoặc, nghĩa là do huyễn hóa làm nên, hoặc tướng mạo sai biệt, hoặc lại tương tợ, hoặc làm bên trong, mắt lóa mê mộng, muộn loạn say sưa, buông lung điên cuồng v.v... những loại như vậy gọi là hoặc chướng. Nếu chẳng bị bốn chướng này ngăn ngại thì gọi là không chướng ngại. Chẳng rất xa, nghĩa là chẳng phải ba thứ rất xa: Một là, xứ rất xa, hai là, thời rất xa, ba là, xô bẻ rất xa. Như vậy, gọi chung là chẳng phải chẳng hiện thấy. Do chẳng phải chẳng hiện thấy nên gọi là hiện lượng. Thứ hai, tướng chẳng phải suy tư cấu tạo thành, nghĩa là kiến lập cảnh giới, thủ cảnh sở y, mới thủ bèn thành, chẳng phải chỗ thành của tư duy cấu tạo, nên gọi là hiện lượng. Thứ ba, tướng chẳng phải chỗ thấy của sai loạn, phải có bảy thứ: Một là, tưởng sai loạn, hai là, số thác loạn, ba là, hình sai loạn, bốn là, hiển sai loạn, năm là, nghiệp thác loạn, sáu là, tâm sai loạn, bảy là, thấy sai loạn. Tưởng sai loạn nghĩa đối với chẳng phải tướng kia mà khởi tưởng tướng kia, như đối với tướng dương diệm nai khát khởi tưởng đến nước. Số sai loạn nghĩa là đối với số ít khởi nhiều tăng thượng mạn. Như người bị lóa mắt ở nơi một mặt nguyệt thấy nhiều bóng nguyệt. Hình sai loạn nghĩa là đối với các hình khác khởi hình khác tăng thượng mạn, như đem lửa xoay thấy hình vòng tròn kia. Hiển sai loạn, nghĩa là đối với các hiển sắc khác khởi các hiển sắc khác tăng thượng mạn, như

bị bệnh Ca-mạt-la tổn hoại nhãn căn, đối với chẳng phải sắc vàng đều thấy là tướng màu vàng. Nghiệp sai loạn, nghĩa là đối với không nghiệp khởi có nghiệp tăng thượng mạn, như nắm quyền rong chạy, thấy cây tuông nhào. Tâm sai loạn nghĩa là đối với nghĩa năm thứ thác loạn mà tâm sinh hỷ lạc. Thấy sai loạn, nghĩa là đối với nghĩa năm thứ thác loạn, nhẫn chịu bày nói. An lập báu trọng, vọng tưởng chấp chặt. Nếu chẳng phải chỗ thấy sai loạn như vậy, gọi là hiện lượng. Lại nói hiện lượng là như pháp năm sắc trần là tướng phần sở biến của thức thứ tám, năm chuyển thức trước và ý thức rành rẽ lúc duyên đó, đầu tiên gặp cảnh chưa khởi phân biệt, chẳng kẹt danh ngôn, trí năng duyên thản chứng thể cảnh được tự tánh pháp, gọi là hiện lượng được tự tướng vậy, nếu năm thức trước và thức thứ tám ở trong tất cả thời đều là hiện lượng được tự tướng pháp, chẳng chọn nhân quả, địa vị hữu lậu và vô lậu, tất cả đều vậy. Nếu lúc thức thứ sáu duyên cảnh năm trần kia đối với thể pháp kia sinh tâm phân biệt mà khởi ngôn thuyết, chỗ ngôn thuyết kịp chẳng thể thân chứng. Vì là mượn trí sở duyên gọi là được tướng chung, chẳng chọn quả vị trong nhân, chỉ nơi thể cảnh khởi tâm phân biệt, và lúc khởi ngôn từ phân tích giải thích đều gọi là được ở tướng chung và trí hậu đắc của Phật lúc duyên cảnh sự, khởi phân biệt vậy, khởi ngôn thuyết vậy, cũng là mượn trí, chẳng phải là được thể pháp tướng chung kia, chỉ là được nghĩa của tướng chung kia vậy. Nhân đây lại y cứ luận Nhân Minh mà giải nghĩa hiện lượng. Căn cứ Nhân Minh sớ lược có hai giải thích: Một là, lượng của hiện, nghĩa là năm thức trước nương sở nương căn ở đời hiện tại duyên cảnh hiện có, căn cũng cùng thức đồng chiếu cảnh trước có dụng phát thức, nghĩa căn hiển thắng được tên hiển hiện. Tuy chiếu nơi cảnh, vì thể là sắc, không dụng duyên lự thì chẳng thể lường đạt, chỉ có nghĩa hiện chẳng được tên lượng. Chỉ tâm tâm sở lường đạt ở cảnh, dụng duyên lự tăng thể đủ nghĩa hiện, cũng có năng của lượng cảnh. Nay căn của từ năng phát, hiển thức sở phát, gọi là lượng của hiện, là thuộc y sĩ thích vậy. Hai là hiện tức lượng. Nghĩa là một phần ý thức rành rẽ, trừ các ý thức tán loạn và độc đầu khởi, đều thủ ý thức định và tác dụng hiển hiện của kiến phần năng duyên của thức thứ tám thân duyên hiện cảnh mà ý căn giới thể chỗ nương cứ kia chẳng phải hiển hiện vậy, nên chẳng thủ đó, chỉ y cứ kiến phần năng duyên. Hiện tức là lượng, là thuộc trì nghiệp thích vậy. Lại, các sư xưa trước hỏi: Nếu chuẩn theo nói trước, mượn trí sở thuyên chỉ được nghĩa của tướng chung, chẳng được thể pháp tướng chung. Như lúc miệng nói sắc, miệng nên bị ngại, vì thể sắc kia lấy chất ngại làm tự tướng. Đã

chẳng bị sắc ngại, nên biết chẳng được thể kia mà chỉ được nghĩa kia vậy. Vả lại, như thức thứ tám cùng nhãn thức và ý thức rành rẽ, lúc trí hiện lượng khởi duyên lửa, đã nói hiện lượng được tự tướng pháp, sao chẳng thiêu đốt tâm? Nếu chẳng bị thiêu đốt, nên chẳng được tự tướng ở lửa, sao gọi là cảnh hiện lượng ư? Nếu chấp nhận bị thiêu đốt tức lúc thế gian hiện thấy lửa mắt chẳng bị tổn hoại, bèn có lỗi qua thế gian hiện lượng trái nhau? Đáp: Tuy chẳng bị thiêu đốt cũng được tự tướng, gọi là hiện lượng. Tại sao? Vì tâm vi tế, sắc thô thiển vậy. Tâm vi tế không hình trạng, sắc thô thiển có hình tướng, nên lúc duyên lửa kia tuy được tự tướng nhưng chẳng bị thiêu đốt, cũng gọi là hiện lượng. Lại, sắc thô thiển kia thật thật cũng chẳng thể hoại sắc vi tế huống gì là tâm pháp. Như lúc hỏa tai khởi, hỏa tai dục giới chỉ thiêu đốt dục giới, nhưng chẳng thể thiêu đốt định địa ở sắc giới, bởi sắc vi tế thù diệu vậy. Sắc giới kia tự khởi hỏa tai thiêu đốt ở tự địa.

Hỏi: Đã nói tâm vi tế sắc thô thiển, lúc tâm duyên lửa tâm chẳng bị thiêu đốt. Như A-la-hán hóa lửa thiêu thân, tâm trí cũng theo diệt, như vậy sao thông?

Đáp: Hóa lửa thiêu đốt thân, chỉ thiêu đốt trần của phù căn, chẳng phải thiêu đốt năm thứ sắc căn thanh tịnh và tâm trí kia. Năm thức sắc căn thanh tịnh đó và tâm trí kia vì không nơi nương tựa, duyên phù trần khuyết chẳng sinh, được Phi trạch diệt, tuy là lửa định cũng chẳng thể thiêu đốt, vì thô tế khác nhau vậy. Lửa định đối với lửa thế gian tuy là tế diệu, nhưng đối với tâm vẫn còn thô thiển, vì là sắc pháp có hình chất vậy. Tỷ lượng, đây lại có năm thứ: Một là, tướng, hai là, thể, ba là, nghiệp, bốn là, pháp, năm là, nhân quả. Tưởng tỷ lượng nghĩa là tùy chỗ có tướng mạo tướng thuộc đó, hoặc do hiện tại và trước chỗ suy đạt cảnh giới, như do thấy phướng nên so biết có xe, do thấy khói nên so biết có lửa v.v... Thể so lượng là do hiện thấy tự thể tánh kia, so loại vật kia chẳng hiện thấy thể, hoặc hiện thấy một phần tự thể kia so loại các phần khác, như đem hiện tại so loại với quá khứ hay tương lai v.v... Nghiệp so lượng, nghĩa là lấy tác dụng so nơi nghiệp nương tựa, như thấy vật ở xa không có lay động, chim nhóm tụ ở trên, các sự như vậy tỷ biết là vật, nếu sự có lay động v.v... tỷ biết là người v.v... pháp so lượng, nghĩa là đối với tất cả pháp cùng thuộc hiển trước, lấy một so với các khác, như thuộc vô thường so biết có vậy, do thuộc khổ nên so không vô ngã, do thuộc sinh nên so có pháp già, do thuộc lão nên tỷ có pháp chết v.v... nhân quả so lượng nghĩa là nhân quả cùng so, như thấy vật đi so có chỗ đến, thấy có chỗ đến so trước có đi. Nếu thấy có người đúng pháp

thờ vua so biết sẽ được lộc vị lớn lao, thấy lộc vị lớn lao so biết trước đã đúng pháp thờ vua v.v... ba lượng tám thức phân biệt là năm thức trước chỉ là hiện lượng, vì năm thức trước hiển hiện chứng cảnh, tâm chẳng làm hạnh giải, được tự tánh pháp nhậm vận chuyển vậy. Ý thức thứ sáu thông khắp ba lượng; lại có hai thứ: Một là, ý thức rành rẽ cùng năm đồng duyên thông ba lượng, niệm đầu tiên được tự tánh năm trần là hiện lượng. Từ niệm thứ hai đến lúc tâm làm giải hiểu, nếu lượng cảnh chẳng sai nhầm tức là so lượng. Nếu tâm sở chẳng xứng cảnh biết tức là phi lượng. Hai là, ý thức độc đầu, lại có ba thứ: Thứ nhất, tán vị độc đầu cũng thông cả ba lượng, nhiều là so lượng và phi lượng, nếu duyên với hiện lượng, đây được năm thức dẫn khởi riêng tán ý thức, nói là ở niệm thứ nhất duyên cảnh năm trần là sở duyên của năm thức từ trước lại, được tự tánh đó, gọi là hiện lượng. Thứ hai, độc đầu trong định, chỉ là hiện lượng. Thứ ba, độc đầu trong mộng, chỉ là phi lượng. Nếu kiến phần chỉ là phi lượng. Hai phần trong là hiện lượng. Thức Mạt-na thứ bảy, căn cứ trong vị hữu lậu chỉ là phi lượng, vọng chấp kiến phần thức thứ tám làm ngã làm pháp. Nên xưa nay kiến phần thức thứ tám là bạch tịnh vô ký nhưng chẳng phải là ngã, nay bị thức thứ bảy vọng chấp làm ngã, chẳng xứng cảnh Niết-bàn nên gọi là phi lượng. Nếu hai phần trong thức thứ bảy chỉ là hiện lượng, thì thức A-lại-da thứ tám đồng năm hiện lượng như trước đã giải.

Hỏi: Chân hiện lượng và tợ hiện lượng làm sao phân biệt?

Đáp: Xưa trước giải thích hiện lượng có hai: Một là chân, hai là tợ. Chân hiện lượng thể tức thân năm thức. Cả năm cùng ý các tự chứng phần các định tâm gần thức thứ tám. Các tâm tâm sở đây có sáu nghĩa gọi là hiện: Một là, hiện có, chọn như lông rùa v.v... Hai là, hiện tại, chọn quá khứ và tương lai. Ba là, hiển hiện, chọn chủng tử không Tịnh độ. Bốn là, hiện lìa chiếu hiện gọi là hiện, nghĩa là hành tướng tâm năng duyên xa lìa các phân biệt. Nghĩa là tâm lìa tùy nghi tên lời chủng loại phân biệt các môn v.v... Trong luận Nhân Minh nói: "Trong đây hiện lượng nghĩa là không phân biệt". Giải thích: Tức hiện hành tướng năng duyên chẳng trù chẳng đạt mặc tinh theo nhân. Chiếu hợp cảnh trước nên vậy. Năm là, hiện nghĩa là rõ hiện, nghĩa là các tâm định lắng yên, tùy duyên cảnh nào đều chứng rõ vậy, tức chứng rõ các cảnh, gọi là hiện lượng. Sáu là, hiện nghĩa là thân hiện, tức thân ngầm tự thể, như tất cả tán tâm, như thân gần nơi cảnh rõ tự thể khác đều gọi là hiện lượng. Thứ năm, Minh (rõ) hiện; thứ sáu, thân hiện. Hai thứ nghĩa này chọn các tà trí v.v... như người mắt bệnh thấy hoa đốm giữa hư không, vòng lông

xoay tròn v.v... tuy lìa phân biệt mặc tình mà duyên, nhưng chẳng thể rõ chứng các cảnh thân ngầm tự thể, nên chẳng phải hiện lượng vậy. Tợ hiện lượng, căn cứ theo lý mà nói có năm thứ trí đều gọi là tợ hiện lượng: Một là, tán tâm duyên quá khứ, hai là, độc ý duyên hiện tại, ba là, tán ý duyên tương lai, bốn là, duyên ba đời nghi trí, năm là, duyên hiện tại các hoặc loạn giải. Hành tướng các tâm năng duyên đây có trù đạt, đều chẳng lấy tự tướng làm cảnh. Lại tùy sở thọ trước phân biệt mà chuyển, gọi là tợ hiện lượng. Nhưng có hai thứ: Một là tâm không phân biệt, nghĩa là loại người ngu si, và mặc tình thấy hoa đốm giữa hư không v.v... Tuy không phân biệt nhưng chẳng phân rõ ngầm chứng cảnh vậy, gọi là hiện lượng. Hai là, tâm có phân biệt, hiện kẹt danh ngôn chẳng được tự tướng của pháp vọng cho là rành rẽ được tự thể cảnh, gọi là tợ hiện lượng. Lại nói: Nam nữ trời đất v.v... thấy một hợp tướng, gọi là tợ hiện lượng, đây vì các duyên hợp vậy, như quấy các bụi nhỏ để thành màu sắc, hợp năm ấm để thành người, gọi là một hợp tướng. Thấy như vậy là có trí phân biệt đối với nghĩa chuyển khác nên gọi là tợ hiện lượng. Chân hiện lượng là như một hợp tướng, tướng chẳng thể được. Như trong kinh Kim Cang nói: "Như Lai nói một hợp tướng tức chẳng phải một hợp tướng. Vì theo duyên hợp tức không tánh vậy". Tánh của không tánh là lý sở chứng. Biết như vậy là chánh trí sinh, là nơi tự tướng chuyển gọi là chân hiện lượng. Lại, phủi vết năng chứng sở chứng là chân hiện lượng. Nghĩa là nếu có trí của ngoài như cùng như hợp là còn có chỗ được, chẳng phải chứng chân thật. Năng sở cả hai đều mất mới là chân hiện. Trong luận Duy Thức nói: "Nếu lúc nơi sở thuyên, trí đều không chỗ được. Khi ấy trú Duy thức, lìa hai thủ tướng vậy". Trong kinh nói: "Cũng không trí ngoài như năng chứng ở như mới là chân hiện lượng". Do đó, chư Phật hành xử thảy đều hiện lượng. Như trong kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni nói: "Như Lai thảy đều biết hơi thở vào ra nơi các chúng sinh kia, các thứ ăn uống, các thứ tư cụ, các thứ tướng mạo các thứ căn khí, các thứ hạnh giải, các thứ tâm tánh, chết đây sinh kia, từng sát-na lưu chuyển, sinh diệt tương tục. Như Lai thảy đều rõ biết tất cả hiện lượng sở đắc như vậy, chẳng phải tỷ lượng mà biết. Thế nào là hiện lượng? Nghĩa là chẳng động niệm như thật mà biết, chẳng phải lưu chuyển tâm vào quá khứ. Lúc biết như vậy trí tuệ đầy đủ, tùy tâm chúng sinh, nói các thứ pháp".

Hỏi: Bản thức biến tợ căn thân khí thế gian v.v... là tự biến hay là cộng biến?

Đáp: Trong đây có bốn câu: Một là, cộng biến trong cộng. Hai là,

chẳng cộng biến trong cộng. Ba là, chẳng cộng biến trong chẳng cộng. Bốn là, cộng biến trong chẳng cộng. Trong luận Duy Thức nói: "Nói cộng biến, nghĩa là thức dị thục do lực của cộng tướng chủng thành thục, nên thức tợ tướng khí thế gian như sắc v.v... tức ngoài đại chủng và sắc do đại chủng tạo nên, tuy các hữu tình biến nên mỗi mỗi riêng biệt mà tướng tương tợ, xứ sở không khác, như ánh đèn sáng mỗi mỗi khắp cùng tợ một. Giải thích Ý nghĩa đây nói do tự chủng tử làm nhân duyên. Bản thức biến làm tướng khí thế gian, chỉ ngoài chẳng phải tình. Đây tức năng tạo và sắc sở tạo tại xứ ngoài nên nói là Đại chủng ngoài, chẳng phải pháp ngoài tâm. Vả lại, các chủng tử gồm có hai thứ: Một là cộng tướng, hai là chẳng cộng tướng. Thế nào là cộng tướng (tướng chung)? Là chỗ nhiều người cùng cảm vậy, tuy biết chỗ biến của mỗi người mỗi riêng biệt, gọi là Duy thức, nhưng có nghĩa tương tợ cộng thọ dụng, nói tên là cộng tướng, kỳ thật chẳng phải tự biến tha năng dụng đó. Nếu năng dụng, đây tức gọi là duyên pháp ngoài tâm. Nhưng ngã vật đây làm tăng thượng duyên, khiến nhiều người có thể cùng thọ dụng nên gọi là cộng, như núi sông v.v... chẳng cộng tướng, nếu theo lý Duy thức, chỉ là tự tâm biến, gọi là chẳng cộng tướng, tất cả đều là tha biến tha vật, tự chẳng thể dùng, cũng gọi là chẳng cộng tướng. Nhưng nay tạm căn cứ tự thân năng dùng, tha chẳng được dùng, gọi là chẳng cộng, như nô tỳ v.v... Lại, giải thích: Trong cộng có hai: Một là, cộng trong cộng, như núi sông v.v... chẳng phải chỉ một thú dùng mà thú khác chẳng thể dùng. Lại, trong Duy Thức Nghĩa Kính nói: "Cộng trong cộng là nhiều thức đồng biến, gọi đó là cộng, thức đã đồng dụng lại gọi là cộng". Lại, trong Duy Thức Sao nói: "Gọi là nhiều thủ hữu tình thức biến nên sắc đồng tại một nơi qua lại xen lẫn, tướng đó tương tợ đồng cộng thọ dụng, gọi là cộng trong cộng. Chữ cộng trước là nói về sở duyên duyên, chữ cộng sau là nói về tăng thượng duyên, tức núi sông v.v... không chủ vậy. Nếu là có chủ tức là nhiếp thuộc của chẳng cộng trong cộng; Hai là, chẳng cộng trong cộng, như ruộng vườn của mình và các vật, chỗ thấy lửa dữ v.v... của quỷ, người thấy là nước, người khác thú khác chẳng thể dùng vậy. Trong chẳng cộng tướng cũng có hai thứ: Một là, chẳng cộng trong chẳng cộng, như các căn nhãn v.v... chỉ tự thức nương dụng, chẳng phải thức khác dụng. Hai là, cộng trong chẳng cộng, như căn phù trần của tự, tha cũng thọ dụng vậy. Đây nói cộng tướng chủng tức là cộng trong cộng, như các đèn sáng mỗi mỗi khắp cùng mà tợ một, đây là giải thích cộng quả đồng tại một nơi chẳng chướng ngại nhau nghĩa là khí tướng bên ngoài như các đèn sáng cùng tại một phòng mỗi mỗi khắp

phòng, mỗi mỗi tự riêng biệt, mà tướng tương tợ, xứ sở không khác. Đây làm sao biết mỗi mỗi khắp cùng vậy? Lúc một ngọn đèn bỏ đi, ánh sáng đó vẫn thường khắp, như chung làm một vậy thì nên đem một ngọn đèn đi rồi, các ánh sáng khác chẳng cùng khắp, lại xen lẫn vào. Chẳng cách ngại nhau, nên thấy tợ một. Đặt nhiều ngọn rồi, ảnh người cũng nhiều vậy. Lại nói: Thứ nhất, chẳng cộng biến trong chẳng cộng, như nhãn v.v... năm căn, chỉ tự thức thứ tám, trong đó tâm cuối cùng ở niệm đầu tiên, lúc gá di thể của cha mẹ biến gọi là chẳng cộng, chỉ tự thức thứ tám biến vậy. Lại, chỉ tự thọ dụng, lại gọi là chẳng cộng, như nhãn thức chỉ nương nhãn căn mà phát nhãn thức, cho đến thân thức nương thân căn v.v...; Thứ hai, Cộng biến trong chẳng cộng, tức năm phù trần bên trong mới đầu chỉ tự thức thứ tám biến gọi là chẳng cộng biến. Sau khi sinh rồi, người khác cũng có nghĩa thọ dụng, lại gọi là cộng.

Hỏi: Nếu chấp thuận thọ dụng phù trần người khác, sao gọi là Duy thức? Phải chẳng thủ pháp ngoài tâm?

Đáp: Lúc thọ dụng phù trần người khác, tự thức trước biến một lớp tướng phần tại trên thân người khác, nếu lúc thọ dụng lại thọ dụng tự chứng phần, ngoài tâm không pháp có thể thành môn Duy thức.

Hỏi: Nếu nói thọ dụng tự tướng phần, cớ sao giết người, khác lại bị tội đọa địa ngục? Vì đó là giết tự tướng phần vậy?

Đáp: Tự tướng phần cùng tha tướng phần đồng tại nơi thân tha, giết tự tướng phần cũng có thể khiến tướng phần năm căn người khác đoạn diệt, nên bị tội vậy; Thứ ba, cộng biến trong cộng, như núi sông đại địa v.v... do lực cộng nghiệp của mọi người biến, lại cùng được thọ dụng.

Hỏi: Nhiều người cùng biến gọi là cộng, như có một cây gỗ, hai mươi người cùng biến tức có hai mươi lớp tướng phần, chợt bị một người chặt phá cây đó, tự tướng phần chẳng thể gọi là Duy thức, tướng phần mười chín người khác cũng không, nên chẳng phải Duy thức, vì tự chẳng chặt phá vậy ư?

Đáp: Chỗ một người chặt phá, tướng phần là sở tùy, tướng phần mười chín người khác là năng tùy. Tướng phần năng tùy hẳn nương sở tùy mà có, nên sở tùy đã không thì năng tùy cũng diệt. Do nghĩa biên này, cũng gọi là Duy thức. Nên trong luận Du-già nói: "Tương tợ nghiệp sinh, tùy thuận nghiệp chuyển", tức lúc cộng nghiệp chúng sinh biến được gọi là nghiệp tương tợ. Tướng phần nhiều người đó bị một người thọ dụng, tức gọi là tùy thuận nghiệp chuyển, lại cộng biến cộng thọ dụng vậy; Thứ tư, chẳng cộng biến trong cộng, như ruộng vườn vợ con,

thức thứ tám của nhiều người cộng biến được gọi là cộng. Nếu lúc thọ dụng chỉ tự sáu thức trước thọ dụng, chẳng thông cùng người khác tức gọi là chẳng cộng. Lại như chỉ một thứ nước mà bốn tâm tùy nghiệp mỗi tự thấy khác.

Hỏi: Các thức mỗi mỗi biến tự căn, lại biến căn khác chăng?

Đáp: Chỉ biến tợ nơi căn khác nương tựa, căn khác ở nơi mình đều không dụng vậy. Trong luận có kệ tụng nói:

"Thức sinh biến tợ nghĩa
Hữu tình ngã cập liễu
Cảnh đây thật chẳng có
Cảnh không nên thức không".

Giải thích: Tám thức sinh biến tợ nghĩa tức là năm trần, nghĩa đó gọi là cảnh, vìp y tha tợ thật có vậy. Biến tợ hữu tình, tức là số pháp năm căn chúng sinh. Tình tức là căn, gọi là Tát-đỏa. Biến tợ ngã là Mạt-na năng biến, cập liễu là sáu thức duyên liễu, tức thức thứ tám duyên hai sắc căn trần, thức thứ bảy duyên ngã, sáu thức trước duyên sáu trần, nghĩa pháp sở liễu. Trong luận nói: "Có nghĩa chỉ năng biến tợ nơi nương tựa, căn kẻ khác ở nơi mình chẳng phải chỗ dụng. Tợ thân tự và tha năm căn hiện, là nói nghĩa thức tự và tha mỗi mỗi tự biến, đây chỉ biến nơi căn kẻ khác nương tựa, căn kẻ khác ở nơi mình đều không dụng vậy. Nếu không dụng cũng biến, sao chẳng biến bảy thức? Vì không dụng duyên lự mà được duyên vậy. Nếu vậy, nói căn của tự và tha hiện, văn làm sao thông? Điều nói thức A-lại-da của tự và tha, mỗi tự biến làm căn, chẳng phải tự biến căn tha. Một thì thông dụng chẳng biến căn tha, hai là do thuyết chẳng định bản thức tự thân biến căn tha vậy, chẳng thể làm thể.

Hỏi: Sắc từ thức biến, vậy vô sắc giới không sắc, cớ sao nói biến?

Đáp: Chỗ thấy của chúng sinh ở hạ giới là sắc của nghiệp quả. Vô sắc giới hiện cảnh tức là sắc của định quả, đều chẳng lìa tâm. Đại sư Từ Ân Khuy Cơ nói: "Do biến trong định khác thân kẻ khác". Trong luận Du-già nói: "Trời cõi Sắc và Vô sắc biến thân muôn ức cùng đứng trên đầu mảy lông, là tâm bình đẳng. Vô sắc đã không lực thông, tức chỉ là định lực". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tỷ căn của Bồ-tát nghe mùi hương nói cung điện vô sắc giới". Trong kinh A-hàm nói: "Lúc Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn, trời sắc và vô sắc từ trong cung đổ lệ như mưa xuân nhỏ, lúc Ba-xà-ba-đề nhập Niết-bàn, trời sắc và vô sắc đứng bên cạnh Đức Phật và cảnh định trong sách thật, là lúc biến nên cảnh là tương tục là gián đoạn, nếu trong thân có nhiều tương tục ít gián đoạn, do có sinh

một niệm tức bèn mạng chung. Hoặc như phù du v.v... sinh rồi thì chết vậy. Nếu khí ngoài biến lúc nhiều phần lớn, tùy thế lực nghiệp nhậm vận biến vậy.

Hỏi: Bản thức định duyên pháp nào?

Đáp: Thức duyên thật pháp, chẳng duyên giả pháp. Đại sư Từ Ân Khuy Cơ có hỏi: Bản thức há chẳng duyên bốn sắc vô cùng qua loa v.v...? Đáp: Vì giả nên chẳng duyên, như pháp chẳng tương ưng. Trong luận Đối Pháp nói: "vô cùng qua loa, vô cùng xa xôi, chỉ là ý thức thứ sáu có thể chiết làm cực vi vậy. Thức thứ tám chẳng duyên thọ chỗ dẫn trong sắc. Nếu định đạo cộng sắc tức chẳng duyên đây, chỉ lấy hiện hành tư duy làm thể vậy. Sắc do biến kế khởi chỉ là bóng gương trăng nước, đây cũng chẳng duyên, chỉ thức thứ sáu biến kế khởi vậy. Lại định trong chỗ sinh sắc như quán mười tất cả xứ cũng chẳng duyên sắc giả tưởng, nên văn luận đây nói chỉ duyên sắc thật chẳng duyên sắc giả, chỗ duyên của thức thứ tám hẳn có dụng vậy. Không thật dụng kia, thức thứ tám không duyên. Nhưng thể các pháp: Một là, pháp có, hai là, pháp không. Thức thứ tám cớ sao chẳng duyên pháp không? Đây mặc tình duyên chẳng phải phân biệt vậy, không có tính lường trù đạt vậy. Trí hậu đắc có tính lường v.v... ở sáu thức đều có phân biệt vậy. Do đây nên biết thể thức thứ tám chẳng duyên ngã vậy, thức thứ tám biến, biến hẳn có dụng vậy, chẳng duyên không dụng, không dụng nên chẳng duyên ngã v.v... vì không thể dụng vậy. Ở trong pháp có lược có hai thứ: Một là, hữu vi, hai là, vô vi. Cớ sao thức đây chẳng duyên vô vi? Nếu thật vô vi nhân chưa chứng vậy, nếu giả vô vi, không thể dụng vậy, đều chẳng được duyên.

Hỏi: Thức hữu lậu biến có mấy thứ biến?

Đáp: Lược có hai thứ: Một là, nhân duyên biến, hai là, phân biệt biến. Trong luận Duy Thức nói: "Thức hữu lậu biến lược có hai thứ: Một là, tùy thế lực của nhân duyên nên biến, hai là, tùy thế lực phân biệt nên biến". Giải thích: Nhân duyên sinh, nghĩa là do nghiệp trước và danh ngôn thật chủng tức cần có lực, chỉ tâm mặc tình, chẳng phải do tác ý, tâm đó mới sinh, tức năm thức trước và thức thứ tám tùy nhân dị thục tăng thượng đó làm duyên loại , danh ngôn chủng làm nhân, nên biến nơi cảnh. Phân biệt biến, nghĩa là tác ý sinh tâm, là tâm tính lường, tức thức thứ sáu và thứ bảy tùy sự phân biệt tác ý sinh vậy. Do thức thứ sáu và thứ bảy đây lúc duyên ảnh tượng tướng phần, không có thật thể, chưa hẳn có dụng, mới đầu tùy nhân duyên biến hẳn có thể dụng thật, tức cảnh do năm thức trước và thức thứ tám biến nên. Sau tùy phân biệt

biến, chỉ năng làm cảnh chẳng phải hẳn có dụng, tức thức thứ bảy v.v... Lại giải thích: Mới đầu chỉ thức thứ tám, dị thục sinh vậy, nơi sở huân, năng trì chủng vậy nên biến hẳn có dụng. Sau, bảy thức còn lại biến nên sắc xúc v.v... đều không thật dụng, tợ bản chất dụng, như ánh sáng trong gương, tánh cảnh trong ba cảnh chẳng tùy tâm, nhân duyên biến nhiếp. Độc ảnh cảnh đới chất cảnh đều phân biệt biến. Lại, trong luận nói: "Thức dị thục biến chỉ tùy nhân duyên, sắc sở biến v.v... hẳn có thật dụng. Nếu biến tâm v.v... bèn không thật dụng. Tướng phần tâm v.v... chẳng năng duyên nên vậy. Sắc hiển biến v.v... từ thật chủng sinh nên pháp sở biến hẳn có thể dụng. Nếu tướng phần tâm tâm sở như hóa tâm v.v... nên chẳng duyên đó, duyên bèn không dụng". Trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Các tâm biến hóa, không tự nương tâm, có tâm nương khác". Trong luận Phật Địa nói: "Không tâm tự duyên lự thật thể, có tâm tùy kiến phần biến ra tướng phần tợ lự như ánh sáng trong gương, đây tức là phân biệt biến. Bốn câu phân biệt: Một là, nhân duyên biến chẳng phải phân biệt biến tức tâm tâm sở năm thức trước và tâm vương thức thứ tám làm sở duyên tướng phần, từ tự chủng sinh vậy. Hai là, chỉ phân biệt biến chẳng phải nhân duyên biến tức thức hý luận thứ bảy và năm tâm sở thức thứ tám, đó là sở biến tướng phần chỉ từ tâm phân biệt sinh vậy. Ba là, đều ùng, tức thức hữu lậu thứ sáu và thức vô lậu thứ tám, vì năng thông duyên các pháp giả thật vậy. Bốn là, đều chẳng phải, tức chẳng tương ưng hành, là vì không thật thể, chẳng cùng năng duyên đồng chủng sinh vậy".

Hỏi: Thức đây đối với bốn pháp thiện, bất thiện, hữu phú, vô ký, vô phú vô ký là pháp nào nhiếp thuộc.

Đáp: Trong luận nói: "Thức đây chỉ là vô phú vô ký, tánh dị thục vậy. Dị thục nếu là tánh thiện nhiễm là lưu chuyển trở lại diệt nên chẳng được thành. Lại thức đây là thiện nhiễm nương tựa vậy. Nếu thiện nhiễm là qua lại trái nhau vậy, nên chẳng cùng hai câu (đều cùng) làm chỗ nương tựa. Lại thức đây là chỗ huân tánh, nếu thiện nhiễm là như rất thơm thối nên chẳng thọ huân, vì không huân tập vậy, nhân quả nhiễm tịnh đều chẳng thành lập. Đây chỉ là vô phú vô ký. Phú nghĩa là nhiễm pháp, chướng ngăn Thánh đạo vậy. Lại năng ngăn che tâm khiến chẳng tịnh vậy. Thức đây chẳng phải nhiễm nên vô phú, ký nghĩa là thiện ác. Có ái chẳng phải ái quả và tự thể thù thắng có thể ký biệt vậy. Đây chẳng phải thiện ác, nên gọi là vô ký, xúc v.v... cũng là như vậy. Nghĩa là như thức A-lại-da chỉ là tánh vô phú vô ký nhiếp, xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư cũng vậy, các pháp tương ưng hẳn đồng tánh

vậy". Giải thích: Dị thục nếu là tánh thiện nhiễm là lưu chuyển hoàn diệt, nên chẳng được thành. Thiện thú đã là thiện nên chẳng sinh bất thiện, luôn sinh thiện vậy, tức không lưu chuyển, nghĩa của ác thú là do nghiệp nên sinh tử lưu, do khổ nên sinh tử chuyển, ác thú hẳn cũng vậy, đã luôn sinh ác nên không hoàn diệt. Do đạo nên hoàn (trở lại), do diệt nên diệt. Lại thức đây là thiện nhiếp nương tựa là thức này đã là chủ của quả báo, đã luôn là thiện nên chẳng bị ác nương tựa. Là ác cũng nên chẳng bị thiện nương tựa, qua lại trái nhau vậy. Nếu thiện nhiễm là như rất thơm thối nên chẳng bị huân, thức đây chỉ là tánh vô ký, có thể thọ huân tập. Đã không huân tập tức không có hạt giống, hạt giống nếu không tức là không nhân. Nhân đã không nên quả đó cũng không. Đây chỉ là vô phú vô ký, vô ký có ba: Một là, tương ưng vô ký, nghĩa là các tâm tâm sở pháp vô ký. Hai là, chẳng tương ưng vô ký, nghĩa là vô ký sắc chẳng tương ưng pháp. Ba là, chân thật vô ký, nghĩa là hư phi trạch diệt. Lại, biện rộng bốn thứ vô ký: Một là, năng biến vô ký, tức là tâm tâm sở pháp vô ký vậy. Hai là, sở biến vô ký, tức các sắc pháp và chủng tử v.v... vậy. Ba là, phân vị vô ký, tức trong hai mươi bốn chẳng tương ưng hành có mượn pháp vô ký phân vị lập đó vậy. Bốn là, thắng nghĩa vô ký, tức hư không phi trạch diệt vô vi vậy. Lại căn cứ trong năng biến vô ký thứ nhất lại có bốn thứ vô ký: Một là, dị thục, hai là, oai nghi, ba là, công xảo, bốn là, biến hóa. Dị thục vô ký, dị là riêng khác, tức tánh nhân quả khác biệt nhau, nhân thông cả thiện ác, aủ chỉ vô ký. Thục là thành thục. Đây chỉ thuộc quả. Nhân quả hợp nói gọi là dị thục. Vô ký là chẳng thể ghi nhớ riêng biệt ngay quả gọi là vô ký. Hoặc ở trong thiện ác không chỗ ghi nhớ riêng biệt, gọi là vô ký. Nghiệp cảm đây là chân dị thục vô ký tức thức thứ tám. Nghiệp tức thiện tư ác tư, cảm, nghĩa là tập là chiêu (vời). Vì hiện hành tư đây năng tạo tác cảm tập năm quả chủng tử thức tổng báo v.v... ở tương lai, lại năng chiêu cảm quả năm uẩn hiện hành dị thục ở tương lai, nên gọi là nghiệp cảm. Nói chân là thật vậy, kén chọn mạng căn tuy là dị thục mà tạm là giả. Lại, chân là thường vậy, thể thường tương tục không cógd, khắp cùng giới địa đều có gọi là chân dị thục vô ký. Lại, nếu pháp thể là dị thục từ thức dị thục khởi mà không gián đoạn, khắp giới địa đều có, gọi là chân dị thục, cũng gọi là dị thục sinh. Nếu pháp thể là dị thục từ thức dị thục khởi, có gián đoạn đó, lại chẳng có khắp giới địa, chỉ gọi là dị thục sinh, chẳng được gọi là chân dị thục, tức kén chọn thể thức thứ sáu. Hẳn nếu thể chẳng phải dị thục, lại có gián đoạn, lại chẳng khắp giới địa, tuy từ thức dị thục khởi, chẳng gọi là chân dị thục, chỉ được gọi là dị thục sinh.

Nếu oai nghi, công xảo, biến hóa v.v... tuy có năng tạo tác mà chẳng chiêu quả báo thiện ác v.v... nên gọi là vô ký.

Hỏi: Thức A-lại-da nếu thường thì không chuyển biến, nếu đoạn thì chẳng tương tục, làm sao thông hiểu được hợp chánh lý?

Đáp: Chẳng một chẳng khác, chẳng đoạn chẳng thường, mới khế hợp nhân duyên chánh lý Duy thức. Trong luận Duy Thức nói: “Thức đây chẳng phải đoạn chẳng phải thường, vì luôn chuyển vậy. Luôn (hằng) nghĩa là thức đây từ vô thủy đến nay một loại tương tục thường không gián đoạn, là giới thú sinh gốc khái niệm vậy, tánh kiên trì chủng khiến chẳng mất vậy. Chuyển, nghĩa là thức đây từ vô thủy đến nay, niệm niệm sinh diệt trước sau đổi khác, nhân diệt quả sinh chẳng phải thường một vậy, có thể làm chuyển thức huân thành chủng vậy. Nói hằng (luôn) là ngăn đoạn, nói chuyển là chẳng phải thường, giống như thác đổ, nhân quả pháp vậy, như nước dòng thác chẳng phải thường chẳng phải đoạn, tương tục thời gian dài, có chỗ chìm nổi. Thức đây cũng vậy, từ vô thủy đến nay sinh diệt tương tục, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chìm nổi hữu tình, khiến chẳng ra khỏi. Lại như gió dòng thác v.v... đánh nổi các gợn sóng mà dòng chảy chẳng đoạn. Thức đây cũng vậy, tuy gặp các duyên khởi nhãn thức v.v... mà luôn tương tục. Lại như nước xoáy dòng thác, các vật cá cỏ v.v... lên xuống theo dòng chẳng bỏ. Thức đây cũng vậy, cùng các pháp tập khí bên trong xúc bên ngoài v.v... luôn cùng tùy chuyển, pháp dụ như vậy, ý hiển bày nghĩa của thức đây nhân quả từ vô thủy chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Nghĩa là tánh thức đây từ vô thủy đến nay trong từng sát-na quả sinh nhân diệt, quả sinh nên chẳng phải đoạn. Nhân diệt nên chẳng phải thường, chẳng phải đoạn chẳng phải thường là lý duyên khởi, nên nói thức đây luôn chuyển như dòng thác. Giải thích: Một loại là nghĩa thường vô ký. Tương tục là nghĩa chưa từng đoạn. Giới thú sinh bản tức là nương tựa thức đây vậy. Khái niệm ba giới năm thú bốn sinh là dẫn quả vậy. Thức là gốc của giới thú sinh. Nhân diệt quả sinh chẳng phải thường một vậy là tánh nhân quả vậy, kén chọn chẳng phải ngã vậy. Có sinh diệt nên kén chọn thường chẳng phải tự tánh vậy. Pháp của thường một không có nhân quả. Lại nếu không nhân quả tức là đoạn thường, vì là thường vậy, như hư không v.v... nên chẳng bị huân. Nếu chẳng bị huân tức không sinh tử Niết-bàn sai biệt. Nếu bị huân phải đầy đủ bốn nghĩa: Một là, vô ký, hai là, kiên trú, ba là, có thể huân, bốn là, chẳng phải thường một là, bốn tương ưng có thể làm chuyển thức huân vậy.

Hỏi: Thức đây đã nói là luôn chuyển như dòng thác, quyết định có

sinh diệt đến đi chăng?

Đáp: Thức đây chẳng giữ tự tánh lúc tùy duyên biến, tợ có lưu chuyển mà thật không sinh diệt, cũng chẳng phải đến đi, như nước lắng nổi bọt bóng, bọt bóng là nước, hoa sinh giữa không giới, hoa toàn là không, thức tánh chưa thường khứ lai, hư không nào từng sinh diệt. Như Đại sư Mã Tổ nói: "Nếu đời nay những chỗ đã kinh hành, cho đến nơi ruộng đất vườn nhà, cha mẹ anh em v.v... toàn tâm mà thấy, tâm đó xưa nay chẳng đi, chớ nói thấy sự kia thì nói tâm đi. Tâm tánh vốn không đến đi, cũng không khởi diệt, nhưng nơi kinh hành và ở nhà cha mẹ quyến thuộc v.v... nay các chỗ thấy là do thời xưa thấy vậy, đều là thức thứ tám ngậm chứa trong thức, nhớ giữ tại tâm, chẳng phải nay tâm đi, cũng gọi là thức chủng tử, cũng gọi là thức hàm tàng, tích trữ chỗ thấy ngày xưa, là thức tánh rỗng thông niệm niệm tự thấy, gọi là thức theo cựu, cũng gọi là sinh tử trôi chảy, niệm niệm đây tự lìa, chẳng dùng đoạn diệt. Nếu diệt tâm đây, gọi là đoạn mất chủng tánh Phật. Tâm đây vốn là thể của chân như, Như Lai tạng sâu mầu mà chung cùng bảy thức". Phó Đại sĩ nói: "Tâm tánh không đến cũng không đi, duyên lự chuyển thật chẳng dừng". Lại tâm không xứ sở nên gọi là chẳng dừng. Tâm thể thật không đến đi, chỗ xưa trải qua rõ ràng thấy biết, tánh tự rỗng thông, thể không đi ở, chẳng dụng trừ diệt tâm đây. Nếu biết tâm đây vốn là thể Phật, chẳng phải khiếp sợ nay có, chẳng biết tâm người lấy đây làm vọng, trọn ngày trừ diệt cũng chẳng thể được diệt, giả sử khiến được diệt, chứng quả Thanh văn cũng chẳng phải rốt ráo, chỉ như chư Phật trong quá khứ, sự việc trong vô lượng kiếp thấy như ngày nay. Tánh của chân như linh thông tự tại, chiếu dụng vô phương, chẳng thể đồng vật vô tình. Phật tánh là vật sinh khí, chẳng thể ngây ngất vậy không biết, chỉ không tâm lượng, các thứ hành xử như huyễn như hóa, như cơ quan người gỗ rốt ráo không có tâm lượng, nơi tất cả xứ không chấp buộc, không đắm trú, không chỗ cầu, ở trong tất cả thời lại không một pháp có thể được.

Hỏi: Thức A-lại-da đây đã là nhân của tất cả pháp, lại xứng dẫn quả, chỉ như pháp của nhân quả, là chân thật có hay giả thiết bày?

Đáp: Đều từ thức biến, là giả thiết bày. Trong luận nói: "Nghĩa là chánh lý đây sâu mầu lìa nói năng, như nói nhân quả v.v... đều là giả thiết bày, quán pháp hiện tại có dụng dẫn sau, giả lập ngay quả. Đối thuyết hiện nhân, quán pháp hiện tại có tướng đáp trước. Giả lập từng nhân. Đối nói hiệu quả". Giả nghĩa là hiện thức tợ kia cùng hiện. Nhân quả như vậy lý thú hiển nhiên, xa lìa hai biên, khế hợp Trung

đạo, những người có trí nên thuận tu học. Giải thích: Nay nói rõ tự tướng các pháp lìa ngôn thuyết, nghĩa là quán ba đời chỉ có hiện pháp. Quán hiện pháp đây có dụng năng dẫn sinh ngay quả, ngay quả tuy không mà pháp hiện tại có dụng dẫn kia. Dụng là công năng. Hành giả tìm thấy trên hiện pháp có công dụng đó, quán pháp quả đây thỏa tâm biến làm tướng của tương lai. Đây tợ tương lai thật là hiện tại, tức giả nói chỗ biến tương lai đây gọi là ngay quả. Đối với quả giả đang có đây mà nói pháp hiện tại làm nhân. Quả tương lai đây tức công năng quán pháp hiện tại mà giả biến vậy, nhân đó cũng vậy. Quán hiện pháp đây có tướng đáp trước, tức tướng dị thục biến v.v... quán nơi chỗ theo sinh đây mà năng biến làm quá khứ, thật chẳng phải quá khứ mà là hiện tại, giả nói sở biến làm hiện pháp tức đối giả đây từng có nhân quá khứ mà nói hiện tại làm quả, mà thật sở quán chẳng phải nhân chẳng phải chẳng nhân, chẳng phải quả chẳng phải chẳng quả. Vả lại như nơi nhân tánh lìa ngôn thuyết vậy, chẳng phải thật là nhân, có công năng nên chẳng phải định chẳng nhân, quả cũng như vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 50

Hỏi: Thức thứ tám đây, quyết định là chân hay là giả?

Đáp: chân hay giả không thể quyết định chấp. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Thức Đà-na vi tế, tập khí thành thác đổ, chân chẳng chân sợ mê, ta thường chẳng giải bày". Giải thích: Tiếng Phạm gọi A-đà-na Trung Hoa phiên dịch nghĩa là thức nắm giữ. Thức này thể thanh tịnh, bị vô minh huân tập, như nước sữa khó phân, chỉ có Phật mới năng rõ biết. Vì bất giác vọng nhiễm thì là tập khí, biến khởi sóng cả dòng thác bảy thức trước cổ xúy thành biển sinh tử. Nếu là bậc Đại giác chóng rõ thì là thức thanh tịnh vô lậu, chấp trì không dứt đoạn suốt tận ngằn mé tương lai làm Phật sự lớn, năng thành biển trí tuệ, chân chẳng phải chân sợ mê là, ý Phật: Nếu ta chỉ một hướng nói chân thì chúng sinh chẳng chịu tinh tấn, rơi lạc tăng thượng mạn, vì chẳng nhiễm mà nhiễm, chẳng phải không có khách trần dơ bẩn vậy. Lại, ngoại đạo chấp thức đây là ngã, nếu nói tức là Phật tánh chân ngã, thì ủng hộ tà chấp kia có lạm chân tu. Nếu ta một hướng nói là chẳng chân, thì chúng sinh ở nơi tự thân bác bỏ vô sinh thành đoạn kiến, nên không kỳ vọng thành Phật. Vì vậy, đối với hàng phàm phu Nhị thừa, chẳng định mở bày giảng nói, sợ sinh mê đảo, chẳng thấu đạt yếu chỉ vi mật của Đức Như Lai, vì thức căn bản đây vi tế khó biết vậy.

Hỏi: Thức thứ tám đây, ở trong chân đế và tục đế đều kiến lập ư?

Đáp: Gốc của nhiễm tịnh, chân tục đều tồn tại, người chẳng thấu đạt chân dị thục chánh Duy thức thì phần nhiều chấp tục có chân không, cưỡng sinh dị kiến, không biết mất ý của chư Phật, chấp xua bỏ tướng không lý lấy làm rốt ráo. Đây mới phá biến kế tình chấp, là giữ lổi ngăn giãi thích, bèn bác bỏ y tha và viên thành thật, đều làm tướng của hoa đốm hư không. Nếu không y tha và viên thành thật, thì bản thức và tất cả pháp đều là không thể, đã chẳng phải thật có thì thành tà kiến lớn nạng. Trong luận nói: "Ngoại đạo hủy báng nhân quả nhiễm tịnh, cũng

chẳng nghĩa là toàn không, chỉ chấp chẳng phải thật vậy. Nếu tất cả đều chẳng phải thật có thì Bồ-tát không nên vì chẳng xả bỏ sinh tử tinh cần tu tập tư lương Bồ-đề. Ai người có trí, vì địch Địch huyễn, cầu con thạch nữ dùng làm đội quân nên phải tin có năng trì chủng tâm, nương đó dựng lập nhân quả nhiễm tịnh. Tâm đó tức là thức thứ tám đây". Lại, trong Khế Kinh nói: "Có tâm dị thục, nghiệp cảm thiện ác, nếu không thức đây, tâm dị thục kia không nên có vậy". Nghĩa là các thức nhãn v.v... có gián đoạn vậy, chẳng phải tất cả thời là nghiệp quả vậy, như ánh sáng điện chớp, chẳng phải tâm dị thục. Dị thục không nên đoạn rồi lại tục, kia là mạng căn thì không việc đây vậy. Nhãn v.v... sáu thức là nơi nghiệp cảm, giống như âm thanh v.v... chẳng phải luôn tương tục vậy, là dị thục sinh chẳng phải chân dị thục. Quyết định nên chấp thuận có tâm chân dị thục, đáp lại nghiệp khiên dẫn (kéo dắt) khắp cùng mà không dứt đoạn, biến làm thân khí làm hữu tình nương tựa. Thân khí lìa tâm, theo lý chẳng phải có vậy. Nên pháp tương ưng không thật thể, các chuyển thức chẳng phải luôn có vậy. Nếu không thức đây, thì ai biến thân khí, lại nương tựa pháp nào huân tập hữu tình. Giải thích: Ngoại đạo cũng chẳng phải cho rằng nhiễm tịnh v.v... đều không, vì hiện chỗ thấy vậy, chỉ chấp chẳng phải nhân thật nhiễm, chẳng thể cảm quả ác. Nhân thiện chẳng thể cảm quả thiện, vì chẳng phải thật vậy, như hoa đốm giữa hư không, nhân quả chẳng không, có thể tin thức đây gồm lập ba tánh. Nếu ở trong hai đế, phân biệt có không là ngã trong chân đế cũng chẳng phải không pháp, chỉ chẳng thể nói là nhân hay là quả, tuyệt đường ngôn ngữ vậy. Ở trong tục đế, y tha và viên thành thật đều có. Biến kế sở chấp là không, tâm chân dị thục đáp lại nghiệp kéo dắt khắp cùng mà không dứt đoạn là, tâm chân dị thục trong tất cả thời tương tục đáp lại nghiệp kéo dắt, chẳng phải các mãn nghiệp khác là, có gián đoạn là mãn nghiệp vậy. Các chuyển thức khác chẳng thể dẫn nghiệp, chỉ đến mãn nghiệp quả của thiện ác dẫn thức của quả khắp ba cõi có, sáu thức chẳng khắp vô sắc giới, định không tâm v.v... Năm thức và ý không vậy, không dứt đoạn là nói luôn tương tục vậy. Do đó, trong kinh nói: "Tin Đại thừa sâu chắc, chẳng phỉ báng nhân quả, chỉ trong chân đế, vì tất cả pháp không thể được vậy, tuyệt đường ngôn ngữ vậy, dứt lối tâm trí vậy. Hoặc nói tất cả pháp không, đây là nghĩa không đệ nhất, không chẳng thể được, chẳng phải đoạn không của ngoại đạo, Tiểu thừa chỉ nói không v.v... chẳng thể khởi tâm lông rùa sừng thỏ, chấp kiến chân rắn hương muối.

Hỏi: Thọ sinh và mạng chung đã y cứ bản thức, vậy lúc sinh lúc

tử trú ở tâm nào?

Đáp: Phàm luận về việc sinh diệt, hẳn trú nơi tâm tán động. Trong kinh nói: "Có niệm tức lưới ma, chẳng động tức pháp ấn. Lưới ma lập đạo của sinh tử, pháp ấn thành môn của Niết-bàn". Nên biết tán loạn và tịch tĩnh hai đường đều nương bản thức mà có. Trong luận nói: "Trong kinh nói các loại hữu tình thọ sinh mạng chung, hẳn trú tán tâm, chẳng phải định không tâm. Nếu không thức đây, thì lúc sinh tử, tâm không nên có vậy". Nghĩa là lúc sinh lúc tử thân tâm mê muội, như ngủ say không mộng lúc rất muộn tuyệt, chuyển thức rành rẽ tâm chẳng hiển hiện. Lại trong vị đây, sáu thứ chuyển thức hành tướng sở duyên chẳng thể biết vậy, như vị không tâm, hẳn chẳng hiện hành sáu thứ chuyển thức hành tướng sở duyên có ắc có thể biết, như các thời khác vậy. Thức chân dị thục rất vi tế, hành tướng sở duyên đều chẳng thể rõ, là quả dẫn nghiệp một kỳ hạng tương tục, luôn không chuyển biến là tán có tâm gọi là tâm sinh tử, chẳng trái với chánh lý. Lại nói: Năm thức, vị đây quyết định không, ý thức chấp thủ cảnh, hoặc nhân năm thức, hoặc nhân giáo pháp khác, hoặc định làm nhân, sinh vị các nhân dã chẳng thể được nên thọ sinh vị ý thức cũng không, cho đến lại lúc sắp chết, do nghiệp thiện ác, trên dưới thân phần lạnh xúc dần khởi, nếu không thức đây. Sự kia chẳng thành, chuyển thức chẳng thể chấp thọ thân vậy. Nhãn v.v... năm thức mỗi mỗi riêng biệt nương tựa, hoặc chẳng hành, ý thức thứ sáu chẳng trú thân, cảnh chẳng định, khắp gá trong thân luôn tương tục vậy. Chẳng nên lạnh xúc do kia dần sinh, chỉ là tâm dị thục, do nghiệp lực trước luôn khắp tương tục chấp thọ thân phần, xả bỏ nơi chấp thọ, lạnh xúc liền sinh. Ba thứ thọ (thọ mạng) noãn (hơi ấm) và thức chẳng lìa nhau vậy. Nơi lạnh xúc khởi tức là chẳng phải tình tuy biến cũng duyên mà chẳng chấp thọ, nên biết quyết định có thức thứ tám đây. Lại, trong Khế Kinh nói: "Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, như vậy mỗi mỗi pháp chuyển đổi nương nhau, thí như bó lau đồng thời mà chuyển. Nếu không thức đây, tự thể thức kia không nên có vậy". Nghĩa là trong kinh đó tự làm giải thích ấy. Danh nghĩa là chẳng phải sắc bốn uẩn, sắc nghĩa là Yết-la-lam v.v... Hai thứ đây cùng thức nương tựa nhau mà trú, như hai bó lau qua lại làm duyên, làm cùng thời chuyển mà chẳng xa lìa nhau. Các chuyển thức như nhãn v.v... gồm tại trong danh. Thức đây nếu không thì nói làm thức? Cũng không thể nói thức uẩn trong danh làm thân năm thức. Thức là Yết-la-lam thứ sáu lúc không năm thức vậy. Lại, các chuyển thức có gián đoạn chuyển, không lực luôn luôn chấp trì danh sắc, ý nói luôn cùng danh sắc làm

duyên vậy. Thức kia là nói hiển bày thức thứ tám.

Hỏi: Tất cả hữu tình đều nương thực trú (ăn uống mà sống), vậy với thức thứ tám, thực ước có mấy thứ, hành tướng như thế nào?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: "Trong kinh nói thực có bốn thứ: Một là, đoàn thực, biến hoại làm tướng, vì ở dục giới hệ kẹt ba thứ hương, vị, xúc nơi lúc biến hoại, năng làm việc ăn. Do sắc xứ đây chẳng phải đoàn thực gồm. Vì lúc biến hoại, sắc không dụng vậy; Hai là, xúc thực, xúc cảnh làm tướng, vì hữu lậu xúc lúc mới thủ cảnh nhiếp thọ hỷ v.v... năng làm việc ăn, xúc đây tuy cùng các thức tương ưng, nhưng thuộc sáu thức, nghĩa thực thiên lệch ưu thắng, xúc thô hiển bày cảnh, gồm nhân thọ hỷ lạc và thuận ích xả giúp nuôi thắng vậy. Ba là, ý tư thực. Hy vọng làm tướng, nghĩa là hữu lậu tư cùng dục đều chuyển, mong cảnh khả ái, năng làm việc ăn. Tư đây tuy cùng các thức cùng mất nhưng thuộc ý thức thì thiên lệch ưu thắng về nghĩa thực, ý thức ở nơi cảnh hy vọng thắng vậy. Bốn là, thức thực, chấp trì làm tướng, nghĩa là thức hữu lậu do thế lực của đoạn thực xúc thực và ý tư thục tăng trưởng năng làm việc ăn. Thức đây tuy thông tự thể các thức, mà với thức thứ tám thì nghĩa thực thiên lệch ưu thắng, một loại tương tục chấp trì thắng vậy. Bốn thứ đây năng duy trì thân mạng hữu tình, khiến chẳng hoại đoạn nên gọi là thực. Đoàn thực chỉ ở dục giới có dụng, xúc và ý tư thực tuy khắp cùng ba cõi mà nương tựa thức chuyển, tùy thức có không. Nhãn v.v... chuyển thức có gián đoạn có chuyển chẳng phải khắp cùng luôn luôn năng duy trì thân mạng. Nghĩa là định không tâm chín muồi muộn tuyệt, trong trời Vô tưởng có gián đoạn vậy, giả như địa vị hữu tâm, tùy chỗ nương tựa, duyên tánh giới địa v.v... có chuyển dịch, đối với duy trì thân mạng, chẳng phải khắp cùng chẳng phải luôn luôn. Cho đến do đây mà định biết khác với các chuyển thức, có thức dị thục một loại luôn khắp cùng, chấp trì thân mạng khiến chẳng đoạn hoại. Đức Thế Tôn y cứ đây mà nói là tất cả hữu tình đều nương thực trú". Giải thích: Xúc đây tuy cùng các thức tương ưng, nhưng thuộc sáu thức thì nghĩa thực thiên lệch ưu thắng là do vì cảnh của xúc tướng thô hiển bày vậy. Riêng năng gồm thọ hỷ là lạc thọ vậy, năng sinh xả của thân thuận ích vậy, là nghĩa thiên lệch ưu thắng. Thức thứ bảy thứ tám đều xúc cảnh vi tế nên toàn chẳng thể sinh hỷ lạc thọ vậy, tuy sinh xả thọ, chỉ làm tổn mà chẳng phải ích vậy. Do nghĩa này hiển bày xúc sinh ưu khổ, chẳng phải thuận ích xả, tức chẳng phải thể thực không giúp nuôi vậy. Trong kinh Tăng Nhất nói: "Đức Thế Tôn bảo A-na-luật rằng: "Tất cả các pháp do thực mà trú, tại mắt lấy ngủ làm thực (thức

ăn), tại tai lấy âm thanh làm thực, tại mũi lấy mùi hương làm thực, tại lưỡi lấy chất vị làm thực, tại thây lấy trơn mịn làm thực, tại ý lấy pháp làm thực. Tại Niết-bàn lấy không buông lung làm thực". Bấy giờ Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Diệu pháp như vậy, phàm ăn uống có chín sự, tại nhân gian có bốn: Một là đoạn thực, hai là cánh lạc thực, ba là niệm thực, bốn là thức thực. Lại có năm thứ là thực của xuất thế gian: Một là, thiền thực, hai là, nguyện thực, ba là, niệm thực, bốn là, bát giải thoát thực, năm là, hỷ thực. Là tiêu biểu của xuất thế gian phải dùng chuyên niệm xả bốn thứ thức, cầu trọn vẹn thực của xuất thế". Do đó, trong kinh Duy-ma nói: "Ca-diếp trú pháp bình đẳng, nên thứ tự khất thực. Vì chẳng thực nên hành khất thực, vì hoại tướng hòa hợp, nên lấy đoàn thực. Vì chẳng thọ nên thọ thực ấy. Đó điều là phá pháp năm ấm, thành thực Niết-bàn".

Hỏi: Trú diệt định, ở trong tám thức là diệt thức nào?

Đáp: Chỉ diệt sáu thức, vì thức thứ tám giữ gìn thân vậy. Trong luận nói: "Trong Khế Kinh nói: "Trú diệt định là thân miệng tâm hành không gì chẳng đều diệt, mà thọ chẳng diệt, cũng chẳng lìa noãn, căn không biến hoại, thức chẳng lìa thân. Nếu không thức đây, trú định diệt tận chẳng lìa thân thức chẳng nên có vậy". Nghĩa là nhãn v.v... các thức hành tướng thô động, với cảnh sở duyên hẳn khởi lo nhọc, nhàm chán hoạn kia nên tạm cầu ngưng nghỉ, dần lần phục trừ đến vị đều hết, nương ở vị đó, lập trú diệt định, nên thức kia trong định đây đều diệt. Nếu chẳng chấp thuận có một loại vi tế, luôn khắp nắm giữ thọ v.v... thức tồn tại, thì y cứ đâu mà nói thức chẳng lìa thân? Nếu cho rằng thời gian sau đó thức kia lại khởi như sốt cách ngày, gọi là chẳng lìa thân. Vậy thì không nên nói tâm hành diệt, thức cùng tưởng v.v... đồng khởi diệt vậy. Thọ noãn v.v... các căn nên cũng như thức, bèn thành lỗi quá lớn. Nên phải chấp thuận thức như thọ noãn v.v... thật chẳng lìa thân. Lại, trong vị đây nếu toàn không thức, nên như ngói sỏi chẳng phải thuộc số hữu tình. Đâu được nói là trú diệt định. Lại, thức dị thục, vị đây nếu không, thì ai năng chấp trì các căn thọ noãn, không chấp trì nên đều phải hoại diệt, giống như thây chết, bèn không thọ v.v... Đã vậy, sau đó thức hẳn chẳng sống lại, nói chẳng lìa thân là thuộc thứ gì? Các thức dị thục xả bỏ thân này rồi, tuy gá thân khác nhưng không trùng sinh. Lại, nếu vị đây duy trì chủng thức, thức sau không chủng, làm sao được sinh, quá khứ và tương lai pháp chẳng tương ưng chẳng phải thật có, thể đã cựu thành vậy. Các sắc v.v... pháp lìa thức đều không, thọ huân trì chủng cũng đã ngăn ngại vậy, cho đến các vị vô tưởng v.v... cũng thuộc

loại đây. Phải biết vậy. Lại, các vị diệt định v.v... xứng với không tâm là chưa hẳn toàn không. Trong luận Thành Nghiệp nói: "Tâm có hai thứ: Một là, tâm tập khởi, là nơi vô lượng chủng tử tập khởi vậy. Hai là, tâm chủng chủng, là hành tướng sở duyên sai biệt chuyển vậy". Vị diệt định v.v... khuyết tâm thứ hai, gọi là không tâm, như ngựa một chân khuyết mất một chân cũng gọi là không chân.

Hỏi: Tiểu thừa nhập định diệt tận, cớ sao chẳng thể hiện oai nghi đó?

Đáp: Tiểu thừa là sự diệt, Đại thừa là lý diệt. Như trong Thanh Lương Sớ nói: "Tất cả pháp diệt tận Tam-muội trí thông, nghĩa là pháp của năm tụ đều đương thể tịch diệt vậy, đó tức là lýdiệt, chẳng đồng các tông khác diệt định chỉ rõ ràng sự diệt, chỉ diệt tâm thứ sáu thứ bảy và tâm sở, chẳng diệt tâm thứ tám v.v... chỉ là sự diệt vậy, chẳng thể tức định mà dụng, chứng lý diệt nên định hay tán đều vô ngại, do tức sự mà lý nên chẳng ngại diệt, tức lý mà sự nên chẳng ngại dụng. Vì vậy, trong kinh nói: "Tuy niệm niệm nhập mà chẳng phế bỏ đạo Bồ-tát v.v... cũng chẳng phải tâm định mà thân khởi dụng, cũng chẳng phải riêng rõ ràng, định tán đều tuyệt chỉ là sự lý vô ngại vậy". Trong Thập Địa nói: "Tuy hành thật tế mà chẳng tác chứng, năng niệm niệm nhập, cũng niệm niệm khởi". Và trong kinh Tịnh Danh lại nói: "Chẳng khởi diệt định, hiện các oai nghi". Đó đều là nghĩa đây vậy. Lại các sư xưa trước nói: "Nếu Đại thừa diệt định, do đầy đủ năm uẩn, có thức thứ tám và phần tịnh Mạt-na thức thứ bảy bình đẳng tánh trí tồn tại mà năng dẫn khởi các thứ oai nghi. Tiểu thừa chỉ có hai uẩn sắc và hành, sáu thức trước đã diệt, vì chỗ hiện của Tiểu thừa là sự oai nghi, phải có ý thức mới năng dẫn khởi. Đã không ý thức là không công vận dụng. So với Đại thừa có khác vậy".

Hỏi: Đại thừa Tiểu thừa đều từ ý thức mà năng khởi oai nghi, vì ý thức thứ sáu là chỗ diệt định nhàm chán, tức ý thức thứ sáu đã không, giả sử bình đẳng tánh trí ở thức thứ bảy, vả lại chẳng phải thức khởi oai nghi. Thức thứ tám tuy chấp thuận trì duyên, cũng chẳng phải năng khởi oai nghi, cớ sao nói năng dẫn khởi oai nghi ư?

Đáp: Xưa trước giải thích: Ngay lúc nhập diệt định, tuy không ý thức, nhưng trước khi chưa diệt nguyện trong tâm gia hạnh, sau khi ta nhập diệt, nếu có chúng sinh hợp nghe pháp ta nói, thấy oai nghi ta, ta sẽ giáo hóa. Do nguyện đó nên sau khi nhập định, kích phát bản thức hóa tướng chủng tử sinh khởi hiện hành. Do trí tánh Bồ-đề mà năng khởi hiện oai nghi. Nhưng tánh trí bình đẳng tuy cùng nguyện lạc sở

hiện oai nghi ở thức thứ sáu mà chẳng tương ưng, nếu muốn khởi nơi hóa của bình đẳng, phải là trí tánh bình đẳng vậy". Trên đây còn là nói về hành tướng phân biệt, nếu căn cứ lý mà luận bàn thì oai nghi tức định, định tức oai nghi, vì sắc tâm đó đã lâu xa như vậy.

Hỏi: Trong Bách Pháp Số, tuy danh nghĩa sai biệt, mà tận cùng cội nguồn chỉ là một thức. Trong kinh cớ sao đối với mạng căn nói có ba pháp thọ (thọ mạng) noãn (hơi ấm) và thức?

Đáp: Tuy là một thức, nhưng nghĩa riêng biệt nên nói ba. Trong luận nói: "Nghĩa riêng biệt nói ba, như bốn chánh cần v.v..." nghĩa là thức A-lại-da tướng phần, sắc pháp, thân căn, chỗ được gọi là noãn. Chủng của thức đây gọi là thọ, vì năng duy trì thức vậy, thức hiện hành là thức, nên nói ba pháp, nghĩa riêng biệt mà nói đó chẳng phải nghĩa là riêng có thể tánh. Vậy thì lúc thân xả bỏ noãn (hơi ấm) có còn hai thứ chẳng hẳn xả bỏ, như sinh ở vô sắc giới, như lúc hai thứ đó (thọ, thức) xả bỏ thì noãn hẳn tùy theo xả bỏ. Nhưng nay, ba đây ước về nghĩa riêng biệt mà nói, chỉ là một thể, như bốn chánh cần, đã sinh hay chưa sinh hai pháp thiện ác, nghĩa riêng biệt nói là bốn thể mà chỉ là một thể. Như bốn chánh cần, đã sinh chưa sinh hai pháp thiện ác, nghĩa riêng biệt nói là bốn thể, mà chỉ là một số tinh tấn.

Hỏi: Thức chủng tức là mạng căn, sao nghĩa gọi là căn?

Đáp: Trong luận nói: Nhưng nương tựa thân gần sinh chủng tử thức đây, do nghiệp dẫn dắt công năng sai biệt, lúc trú quyết định giả lập mạng căn". Giải thích: Nói đây là kén chọn thân gần sinh chủng tử các thức khác. Nói thức là kén chọn pháp tương ưng, chủng chỉ chấp thủ thức vậy. Nói thức là kén chọn hiện hành chẳng thủ hiện hành thức thứ tám làm mạng căn vậy. Chỗ kia kén chọn là chẳng phải đều mạng căn. Nay lấy danh ngôn trên chủng của thân gần sinh, do nghiệp đời trước dẫn dắt duy trì thân công năng sai biệt, khiến lúc sắc tâm v.v... trú quyết định, y cứ công năng đây, gọi là mạng căn, chẳng phải chấp thủ nghĩa thức sinh hồi hướng, vì chủng tử đây là nghiệp lực, có công năng sai biệt duy trì một báo thân khiến được quyết định, nếu chủng tử đây không công năng này thì thân bèn rả hoại. Thức A-lại-da hiện hành do chủng tử đây vậy. Năng duyên và giữ gìn nơi các pháp nhãn v.v... cũng gọi là năng giữ gìn, chủng đây chánh năng duy giữ gìn ở thức hiện hành. Nếu không như vậy thì thức hồi hướng nên chẳng được có, và không năng duy trì các pháp khác như căn v.v... Do công năng này nên thức giữ gìn ở thân, lực hồi hướng chủng bên trong nên sinh và duyên giữ gìn pháp chẳng gọi là mạng căn, vì chẳng phải căn bản vậy, do chủng sinh vậy,

chủng đây chẳng do hiện hành mà có, chủng làm căn bản của các pháp, lại hồi hướng thức là sở giữ gìn vậy, từ sở giữ gìn nói năng giữ gìn chủng thức gọi là mạng căn, pháp của mạng căn duy trì thể chẳng phải mạng căn, khiến lúc sáu xứ trú quyết định vậy, nên chủng tử là mạng căn, các hiện hành sắc tâm v.v... khác chẳng phải mạng căn, chẳng luôn tương tục vậy, chẳng phải chỗ nghiệp dẫn dắt vậy. Nhưng nghiệp ngay lúc dẫn dắt chỉ dẫn dắt chủng tử đây, chủng tử mới năng tạo sinh hiện hành, chẳng phải có nghĩa hiện hành gọi là mạng căn vậy. Chỉ chủng là căn. Lại nữa, phàm là mạng căn tức nương tựa tâm giả lập, mạng là năng nương tựa, tâm là sở nương tựa. Pháp sư Đạo Sinh nói: "Lửa của đốt củi, xoay nó thành vòng tròn, vòng tròn hẳn quấy lửa mà thành chiếu hiện. Tình cũng như vậy, hẳn nhờ tâm mà thành dụng, mạng đó nương tựa tâm, như tình đó nương tựa tâm vậy".

Hỏi: Các tâm pháp v.v... là có sai biệt hay không sai biệt?

Đáp: Pháp tánh không sai, nói về tướng có khác, tuy là có khác mà qua lại chẳng trái nhau. Trong luận Du-già nói: "Như các tâm pháp, tuy tánh tâm pháp không có sai biệt, nhưng tướng khác vậy, ở trong một thân một thời đều chuyển, phải biết lại qua lại cũng chẳng trái nhau, như một dòng thác có nhiều gợn sóng, lại như một mặt gương trong sáng có nhiều ảnh tượng đồng một lúc mà chuyển qua lại chẳng trái nhau, như vậy ở thức A-lại-da có nhiều chuyển thức một lúc đều chuyển, phải biết lại hỗ tương cũng chẳng trái nhau, lại như một nhãn thức ở một thời gian ở một sự cảnh, chỉ thủ một loại không khác sắc tướng, hoặc ở một thời chóng thư chẳng phải một, các thứ sắc tướng, và nhĩ tỷ thiệt thân thức cho đến phân biệt ý thức, ở một thời gian hoặc thủ một cảnh tướng, hoặc thủ chẳng phải một, các thứ cảnh tướng, phải biết đạo lý cũng chẳng trái nhau. Và thức Mạt-na cũng luôn cùng thức A-lại-da đều chuyển, thường cùng đều sinh nhậm vận ngã mạn v.v... bốn thứ phiền não, một thời tương ưng.

Hỏi: Trong kinh Tịnh Danh nói: "Từ gốc vô trú, lập tất cả pháp, gốc vô trú tức là thức A-lại-da, cớ sao nói thức đây là gốc của tất cả các pháp?

Đáp: Thức đây kiến lập hữu tình vô tình, phát sinh pháp nhiễm pháp tịnh nếu có biết có hay thì chúng sinh giới khởi, nếu không tưởng không nghĩ nghơi thì cõi nước duyên sinh, nhân pháp nhiễm mà sáu thú xoay quanh, tùy pháp tịnh mà bốn Thành lớp bậc, có thể gọi là gốc của phàm thánh, nguyên do của thân khí, rõ được cội nguồn thức đây thì không pháp nào chẳng ngộ, chứng tánh tâm đó không cảnh nào chẳng

chân. Có thể gọi là môn tuyệt học, đất gá thần vậy. Trong luận Du-già nói: Thức A-lại-da là căn bản của hữu tình thế gian sinh khởi. Năng sinh các căn, nơi căn nương tựa và chuyển thức v.v... và cũng là căn bản của khí thế gian sinh khởi, do năng sinh khởi khí thế gian vậy. Cũng là căn bản của hữu tình qua lại khởi, tất cả hữu tình cùng trông lẫn nhau qua lại làm tăng thượng duyên vậy. Tại sao? Không có hữu tình cùng hữu tình khác lúc thấy nhau v.v... mà chẳng sinh khổ lạc v.v... lại cùng thọ dụng. Do đạo lý này nên phải biết hữu tình giới qua lại làm tăng thượng duyên. Lại tức thức A-lại-da đây năng trì chủng tử tất cả các pháp, ở đời hiện tại là thể khổ đế, cũng là tương lai khổ đế sinh nhân. Lại là hiện tại tập đế sinh nhân, như vậy năng sinh hữu tình thế gian, năng sinh khí thế gian, cho đến nơi thức A-lại-da nhiếp gồm giữ các thứ chủng tử thiện pháp thuận phần giải thoát và thuận phần quyết trạch v.v... và nhãn thức v.v... cả mười tám giới. Trong kinh nói thí dụ Ác-xoa tụ, do trong thức A-lại-da có nhiều giới vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thức A-lại-da cũng thành tựu chuyển thức ư?

Đáp: Nên làm bốn câu để phân biệt. Trong luận Du-già nói: "Hoặc có thành tựu thức A-lại-da chẳng phải chuyển thức, nghĩa là không tâm ngủ say, không tâm muộn tuyệt, vào định vô tưởng, vào định diệt tận, sinh cõi trời vô tưởng. Hoặc có thành tựu chuyển thức chẳng phải thức A-lại-da. Nghĩa là A-la-hán, hoặc các Độc giác, Bồ-tát bất thối và các Đức Như Lai trú vị có tâm. Hoặc có đều thành tựu, nghĩa là các hữu tình khác trú vị có tâm. Hoặc có đều chẳng thành tựu, nghĩa là A-la-hán, hoặc các Độc giác, Bồ-tát bất thối, và các Đức Như Lai vào định diệt tận, ở nơi vô dư y, cõi Bát Niết-bàn.

Hỏi: Đấng Chí thánh ban từ, bậc Giác vương ứng vết, dùng tướng lưỡi rộng dài phát ra vi ngôn thành thật. Ở trong không danh tướng bày biển giáo khó nghĩ lường. Dùng giả danh tướng nói, diễn nghĩa tông vô tận. Vả lại như tâm thức vốn không danh tướng, tùy vị lập hiệu, nhân chấp mà được tên, đến trong vị thứ nào mà xả xưng hư giả?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: "Thức thứ sáu tuy các hữu tình thảy đều thành tựu, mà tùy nghĩa riêng lập các thứ danh, nghĩa là hoặc gọi là tâm, là do các thứ pháp huân tập chủng tử, nơi tích tập vậy. Hoặc gọi là A-đà-na, chấp trì chủng tử và các sắc căn mà chẳng hoại vậy. Hoặc gọi là sở tri y, năng cùng các pháp nhiễm tịnh sở tri làm nương tựa. Hoặc gọi là thức chủng tử, năng giữ gìn khắp chủng tử các pháp thế gian và xuất thế gian. Các tên gọi đây thông tất cả vị. Hoặc gọi là thức A-lại-da, tàng chứa tất cả phẩm pháp tạp nhiễm, khiến chẳng mất

vậy, chấp tàng ngã kiến v.v... lấy làm tự ngã bên trong. Tên này chỉ ở hàng dị sinh hữu học, chẳng phải ở vị vô học, Bồ-tát bất thối, có pháp tạp nhiễm, nghĩa chấp tàng vậy. Hoặc gọi là dị thục, năng dẫn nghiệp thiện và bất thiện sinh tử là quả dị thục vậy. Tên này chỉ ở hàng dị sinh Nhị thừa, các Bồ-tát vị, chẳng phải ở Như Lai địa còn có dị thục là pháp vô ký vậy. Hoặc gọi là thức vô cấu, rất mực thanh tịnh, là nơi nương tựa của các pháp vô lậu. Tên này chỉ ở Như Lai địa mới có. Hàng Bồ-tát, Nhị thừa và địa vị dị sinh tuy trì chủng hý luận, có thể bị huân tập, chưa được thiện tịnh thức thứ tám vậy. Như trong Khế Kinh có kệ tụng nói:

"Như Lai thức vô cấu
Là tịnh vô lậu giới
Giải thoát tất cả chướng
Viên cảnh trí tương ưng".

Tên thức A-lại-da, lỗi lắm nhiều, xả bỏ đầu tiên vậy, trong đây chỉ thiên nói thể thức dị thục, Bồ-tát lúc sắp đắc Bồ-đề thì xả bỏ. Hàng Thanh văn Độc giác lúc vào vô dư y Niết-bàn là xả bỏ. Thể thức vô cấu không có lúc xả bỏ, lợi lạc hữu tình vô tận thời gian vậy. Tâm đều thông vậy, tùy nghĩa nên nói". Giải thích: Nghĩa tích tập là nghĩa tâm, nghĩa tập khởi là nghĩa tâm, vì năng tập sinh nhiều chủng tử, hoặc năng huân chủng ở trong thức đây. Đã năng tích tập, lại khởi các pháp, nên nói thức đây gọi là nghĩa tâm. A-đà-na Trung Hoa dịch nghĩa là nắm giữ,nắm giữ các chủng có sắc căn. Đây thông cả phàm Thánh. Sở tri y, tức ba tánh cùng đó làm nương tựa, gọi là sở tri y. Các bậc Cổ đức nói: "Thức Chuyển luân thánh vương gọi nghĩa là tạng, do vì chân tâm chẳng thủ tự tánh, tùy huân hòa hợp, tợ một tợ thường, nên các kẻ ngu lấy tợ làm chân, thủ làm ngã bên trong, do ngã kiến gồm thuộc nên gọi là tạng. Lại năng tàng tự thể ở trong các pháp, lại năng tàng các pháp ở trong tự thể. Hai thứ ngã kiến trọn chẳng khởi vị, tức mất tên A-lại-da". Lại nói: Tên thức thứ tám là từ hàng đệ bát địa trở lên không tên A-lại-da, chỉ có thức dị thục. Thức thứ bảy chỉ chấp thức dị thục làm pháp. Lại, thức thứ tám vốn không tên A-lại-da, do thức thứ bảy chấp kiến phần thức thứ tám làm ngã, khiến thức thứ tám được tên là A-lại-da. Nếu lúc chẳng chấp chỉ gọi là thức dị thục. Thức thứ tám hoặc gọi là tâm là do các thứ pháp tích tập chủng tử, nên gọi là tâm, tuy thọ huân trì chủng, nghĩa của tích tập và tập khởi Phật gọi là tâm, là chỉ tự chứng phần vậy. Dụ như kho lẫm năng chứa các vật, năng giữ tất cả chủng tử, sau lại khiến chủng tử sinh khởi hiện hành cùng chủng tử làm hai nhân y trì và sinh khởi, tức biết thức thứ tám thọ huân trì chủng được gọi là

tâm. Trong nhân duy trì chủng tử mới cũ, nên gọi là tâm. Quả vị duy trì chủng cũ tất cả chủng tử vô lậu, nên gọi là tâm, đây cũng gọi là tâm trì chủng. Hoặc gọi là chất-đa; Trung Hoa gọi là tâm hữu vi. Hoặc gọi là Mâu-hô-lật-đa; Trung Hoa gọi là tâm chân thật tức là chân như. Đây là tâm vô vi. Hoặc gọi là A-đà-na; Trung Hoa dịch nghĩa là thức nắm giữ, nghĩa là năng nắm giữ chủng tử căn thân sinh tương tục, tức là nghĩa giới thú sinh, đây thông tất cả vị, nắm giử có ba: Một là, nắm giữ căn thân khiến chẳng rả hoại, hai là, nắm giữ chủng tử khiến chẳng tán mất, ba là, chấp thủ kết sinh tương tục, tức là hữu tình ở trong có thân đến vị cuối cùng, thức thứ tám một niệm đầu tiên lúc thọ sinh, có nghĩa chấp thủ kết sinh tương tục. Kết nghĩa ràng buộc là, là thuộc, ở trong thai mẹ một niệm thọ sinh bèn hệ thuộc kia vậy, cũng như nam châm hút sắt, sắt như hai chấm tinh cha huyết mẹ, thức thứ tám như nam châm, trong khoảng sát-na bèn quậy mà trú, đồng thời các chúng căn trần v.v... từ trong tự thức cũng sinh hiện hành, gọi là chấp thủ kết sinh vậy. Năm vị ở bào thai là: Trong bảy ngày đầu gọi là tạp uế. Hình trạng như váng lạc, tinh cha huyết mẹ hòa nhau gọi là tạp, tự thể chẳng sạch gọi là uế. Trong bảy ngày thứ hai gọi là bào, giống như nhọt oản đậu, hình của bào trong ngoài như lạc chưa sinh thịt vậy. Trong bảy ngày thứ ba, gọi là ngưng kết, nghĩa là hơi ngưng kết hình, như đọng xong huyết, trong bảy ngày thứ tư, gọi là ngưng hậu, dần dần cứng mạnh, trong bảy ngày thứ năm gọi là hình vị, gió bên trong thổi động sinh các căn hình, một thân bốn chi sinh khác biệt vậy. Dùng ba mươi lăm ngày đây, cả năm căn đó đều đủ, trong bảy ngày thứ sáu, gọi là lông tóc răng móng vị, trong bảy ngày thứ bảy, gọi là đầy đủ căn vị, vì năm căn tròn đầy dần dần sinh thức, tức chưa đủ các duyên hư không, ánh sáng v.v... hoặc gọi là thức chủng tử.

Hỏi: Thức đây cùng tâm, nghĩa có gì riêng khác?

Đáp: Chủng tử và tâm, nghĩa riêng biệt, tức lấy hiện hành của thức thứ tám cũng gọi là chủng tử vậy. Chỉ là chủng năng sinh hiện hành, gọi là thức chủng tử, thức đây hiện hành năng khởi bảy thức trước, tức có nghĩa biên công năng năng sinh pháp chủng. Thức thứ tám gọi là thức chủng tử. Trước kia nói là tâm tức chỉ là nghĩa tích tập và tập khởi gọi là tâm. Lại, thức thứ tám tùy nghĩa riêng biệt, lập các thứ tên, hoặc gọi là thức căn bản, nhân lưu chuyển, nhân hòan diệt, thể giới thú sinh, chủ dẫn quả tổng báo, A-lại-da, Trung Hoa dịch nghĩa là ngã ái chấp tàng. Thức dị thục, đây là quả vị thiện nghiệp ác nghiệp, lấy quả thiện nghiệp ác nghiệp làm nhân, tức chiêu cảm được dẫn quả đây vậy, nghiệp đời

trước làm nhân, nhân là thiện ác, đời nay cảm thức thứ tám là dị thục vô ký, tức quả khác với nhân, nên gọi là dị thục. Lại có đủ bốn nghĩa: Một là thật, hai là thường, ba là biến (khắp cùng), bốn là không tạp. Đó là thức chân dị thục.

Hỏi: Thức chân dị thục thứ tám, cớ sao gọi là dẫn quả?

Đáp: Vì nghiệp thiện ác là năng dẫn, thức thứ tám là sở dẫn, là quả của nhà năng dẫn nên gọi là dẫn quả, nên là chủ tổng báo. Sáu thức trước gọi là lậu quả, có một phần thiện ác riêng biệt quả báo đến tròn đầy, nên chỗ chiêu cảm của mãn nghiệp đây gọi là dị thục sinh, chẳng phải chân dị thục vậy, chẳng đủ bốn nghĩa, chỉ thức thứ tám là dẫn quả, thức chân dị thục đủ bốn nghĩa vậy. Đây thông cả hàng Dị sinh đến Thập địa, đều có tên thức dị thục, đến Kim cang tâm ở khoảng sát-na cuối cùng vĩnh viễn xả bỏ vậy. Trong đạo giải thoát tức thành thức vô cấu, gọi là A-ma-la, tức thức thứ tám trong quả, thuần một vô lậu, chẳng gồm chủng tử tất cả nhiễm pháp, chẳng cùng chủng tạp nhiễm hiện làm nơi nương tựa, chỉ cùng cảnh trí tương ưng, gọi là thức vô cấu. Lại, biệt danh của tâm, có sáu thứ: Một, tập khởi gọi là tâm chỉ thuộc thức thứ tám, tập các chủng tử khởi hiện hành vậy. Hai, tích tập gọi là tâm, thuộc bảy chuyển thức trước, năng huân tích tập chủng các pháp, hoặc mới đầu tập khởi thuộc bảy chuyển thức trước, hiện hành cùng tập huân khởi chủng vậy, sau tích tập gọi tâm thuộc ở thức thứ tám, hàm tàng tích tập chủng các pháp vậy. Hai giải thích trên tuy mỗi mỗi đều có nghĩa năng tập sở tập. Nay chỉ lấy năng tập gọi là tâm, như lý nên tư duy. Ba, duyên lự gọi là tâm, chỉ năng duyên lự cảnh của tự phần. Bốn, hoặc gọi là thức, là nghĩa của liễu biệt vậy. Năm, hoặc gọi là ý, đều không gián đoạn vậy. Sáu, hoặc gọi là tâm. Lại nên giải thích rộng. Thứ nhất, tập khởi gọi là tâm, tức thức thứ tám, nhóm tập các chủng tử và khởi hiện hành vậy. Nói nhóm tập các chủng tử tức sắc tâm trời người ba cõi hữu lậu, vô lậu, chủng tử tất cả các pháp, đều là nương tựa thức thứ tám năng tích tập, giống như kho lẫm trong thế gian. Nói khởi hiện hành là ba cõi năm thú hữu lậu vô lậu tất cả sắc tâm v.v... hiện hành đều từ thức thứ tám sinh khởi, tức thức thứ tám là năng tập khởi tất cả chủng tử sắc tâm v.v... là sở tập khởi. Nay chỉ lấy năng tập khởi mà gọi là tâm. Nay chánh lấy tự chứng phần tâm vương thứ tám, gọi là tâm tập khởi. Tướng phần là sắc, kiến phần là dụng, chứng tự chứng phần rơi lạc biên sau vậy. Là tự chứng phần năng tập chủng tử các pháp khiến chẳng tán mất. Lại năng khởi các chủng hiện hành công năng, từ vô thủy đến nay chẳng từng gián đoạn vậy, riêng có nghĩa tập khởi, nên

biết tự chứng phần thức thứ tám cùng chủng tử trong thức làm hai nhân, bèn là hai nghĩa tập khởi trong đây: Một là, y trì nhân, tức là nghĩa tập, hai là ,cùng lực khiến sinh khởi nhân, tức là nghĩa khởi. Thứ hai: Tích tập gọi là tâm, cũng trong thức thứ tám duy trì các chủng tử ba cõi năm thú. Thức thứ tám được gọi là hàm tạng. Tích tập tức tự chứng phần thức thứ tám, năng giữ gìn chủng cũ nên gọi là tích, lại năng tập huân mới nên gọi là tập. Tức biết tích tập là tập khởi để giải thích tâm. Thức thứ tám riêng gọi là tâm là nghĩa chánh vậy. Trong luận Duy Thức nói: "Năng giữ gìn khắp chủng các pháp thế gian và xuất thế gian, là nghĩa tạng thức, tức tự chứng phần là năng tích tập. Tất cả chủng tử là sở giữ gìn rì là sở tích tập. Bảy thức trước gọi là chuyển thức. Chuyển là cải chuyển, là nghĩa bất định, tức ba tánh ba lượng ba cảnh đổi thoát chẳng định, mới gọi là chuyển thức. Nay thức thứ tám chỉ là một loại vô ký, lại chỉ là tánh cảnh, chỉ là hiện lượng nên chẳng gọi là chuyển thức. Lại, tập khởi gọi là tâm, cũng thuộc chuyển thức thứ bảy. Tập là nhóm tập bảy hiện hành trước, nói khởi tức là bảy hiện hành trước, mỗi tự có lực năng huân sinh chủng mới, gọi là khởi. Vả lại, như lúc nhãn thức duyên sắc, hoặc giả đồng thời ý thức cộng tập huân chủng, bốn thức khác cũng vậy.

Hỏi: Như ý thức rành rẽ cùng năm thức trước đồng chỗ duyên gọi là cộng tập, vả lại như lúc độc đầu ý thức duyên mười tám giới chẳng cùng các thức khác đồng duyên, cũng huân khởi chủng, sao có nghĩa của cộng tập?

Đáp: Do thức thứ bảy làm sở y, thức thứ sáu mới chuyển huân chủng, cũng gọi là cộng tập. Thứ ba, duyên lự gọi là tâm, nghĩa là năng duyên lự cảnh tự phần, tức tám thức mỗi mỗi đều năng duyên lự cảnh của tự phần. Duyên, nghĩa là duyên trì. Lự tức là tư lự. Nếu dùng duyên lự để giải thích tâm là thông danh, năm thức trước chỉ duyên năm trần là cảnh tự phần, trừ các căn hỗ dụng và quả vị Phật. Thức thứ sáu duyên mười tám giới và pháp ba đời cùng tất cả pháp hữu lậu vô lậu thế gian xuất thế gian làm cảnh tự phần. Thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám làm cảnh tự phần. Thức thứ tám duyên ba cảnh làm cảnh tự phần, là chóng thường duyên ba cảnh, vì thức thứ tám là thường thức, cảnh thường có vậy, chẳng đồng như sáu thức trước có gián đoạn, cảnh sở duyên lại chẳng phải thường có. Đó là nghĩa chánh thức thứ tám. Nếu dục giới hệ (ràng buộc) tức duyên căn thân khí giới ở dục giới làm cảnh tự phần. Nếu chủng tử tức thông duyên ba cõi làm cảnh tự phần. Hai cõi trên (sắc giới và vô sắc giới) cũng vậy. Chỉ trừ chủng vô lậu chẳng thể duyên, vì chủng hữu lậu và chủng vô lậu chẳng thuận nhau vậy. Do đó,

chỉ năng giữ mà chẳng năng duyên, vì nghĩa giữ thông, nghĩa duyên hẹp. Thí như người mắt đỏ nắm lửa, cũng như trên đầu đội vật, chỉ giữ mà chẳng duyên, chỉ giữ khiến chẳng tán mất, chẳng lìa thức. Thứ tư, gọi là thức liễu biệt, tức kiến phần tám thức đều năng rành rẽ riêng biệt cảnh tự sở duyên. Tức nhãn thức năng rõ ràng riêng sắc, cho đến thức thứ tám năng rành rẽ riêng căn thân khí giới chủng tử, tức rành rẽ riêng biệt để giải thích thức. Tám thức gọi chung là thức, nếu rành rẽ ràng buộc cảnh thô để giải thích thức, tức sáu chuyển thức gọi là thức. Thứ năm hoặc gọi là ý, đều không gián đoạn vậy, tức tám thức ở niệm trước cùng tám thức ở niệm sau làm y chỉ vậy. Nay lấy tám thức niệm trước gọi là ý. Nếu tâm ở niệm trước chẳng diệt là niệm sau không nhân sinh, nương nơi trước diệt sau mới được sinh, ở đều không gián đoạn, tự loại tâm không gián cách, gọi là Đẳng vô gián, ở Đại thừa có hai thứ: Một là tư lương ý, tức bảy thức. Hai là vô gián ý, tức thông cả tám thức. Ý nghĩa là y chỉ. Tức như thức thứ bảy cho thức thứ sáu y chỉ (nương dừng) nên gọi là ý. Nếu là Đẳng vô gián để giải thích ý thì tám thức gọi chung là ý. Nếu là tư lương để giải thích ý thì thức thứ bảy riêng gọi là ý. Thứ sáu gọi là tâm, hoặc thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý, thức thứ sáu gọi là thức. Nghĩa thứ sáu đây là ước về ưu thắng hiển bày tên, nghĩa là lấy tích tập và tập khởi để giải thích tâm, riêng thức thứ tám gọi là tâm, dùng tư lương để giải thích ý, riêng thức thứ bảy gọi là ý. Dùng liễu biệt cảnh thô để giải thích thức, riêng sáu thức trước gọi là thức. Tức nơi tám thức mỗi mỗi đều đủ hai tên thông biệt (chung và riêng). Vì thức thứ tám đủ hai nghĩa, gọi là tâm: Một là, nghĩa tích tập tập khởi. Hai là, nghĩa duyên lự. Thức thứ bảy cũng có hai: Một là, nghĩa nghĩ lường. Hai là, nghĩa Đẳng vô gián. Sáu thức trước gọi là thức cũng có hai: Một là, nghĩa liễu biệt, hai là, nghĩa liễu biệt cảnh thô. Đầy đủ bốn nghĩa, gọi là thô: Một là, dễ có thể rõ biết, cho đến trẻ con cũng biết. Hai là, cùng chấp thuận có, tức ba thừa cùng chấp thuận. Ba là, hành tướng thô, là rành rẽ riêng biệt hành tướng hiển bày. Bốn là, sở duyên thô, tức năm trần là cảnh thô. Lại trong chín thức, gồm phân bốn đoạn, mỗi thức riêng lập mười tên. Thứ nhất, thức thứ sáu có mười tên: Một là, đối cảnh được tên, gọi là thức thứ sáu. Hai là, năng trù lượng phải quấy, gọi là ý thức. Ba là, năng ứng thiệp cảnh trần, gọi là thức phan duyên. Bốn là, năng duyên khắp năm trần, gọi là thức đi xem xét xưa. Năm là, niệm niệm chảy tan, gọi là thức sóng. Sáu là, năng biện rõ cảnh trước, gọi là thức phân biệt sự. Bảy là, ở chỗ hoại cái khác, gọi là thức nhân ngã. Tám là, nghiệp ái dẫn sinh, gọi là thức bốn trú. Chín là,

khiến chánh giải chẳng sinh, gọi là thức phiền não chướng. Mười là, cảm nghiệp đến rốt cùng tâm cảnh riêng biệt, gọi là thức phần đoạn sinh tử; Thứ hai, thức thứ bảy có mười tên: Một là, đứng sau thứ sáu được gọi là thức thứ bảy. Hai là, căn trần chẳng tu, gọi là chuyển thức. Ba là, bất giác tập khí chợt nhiên niệm khởi, gọi là thức vọng tưởng. Bốn là, sinh diệt không gián đoạn, gọi là thức tương tục. Năm là, chướng lý chẳng sáng tỏ, gọi là thức vô minh. Sáu là, phản mê theo chánh, năng đoạn bốn trú phiền não, gọi là thức giải. Bảy là, cùng xen lối huyền thuận lý sinh thiện, gọi là thức hạnh. Tám là, rõ sinh tử ba cõi toàn là do ngã, ngoài tâm không pháp, gọi là thức vô úy. Chín là, chiếu rõ rành rẽ như gương hiện bóng gọi là thức hiện. Mười là, pháp đã vọng khởi, cậy trí làm lòng khiến chân tánh chẳng hiển hiện, gọi là thức trí chướng. Thứ ba, mười tên của thức thứ tám: Một là, đứng sau thức thứ bảy gọi là thức thứ tám. Hai là, chân ngụy xen tạp, gọi là thức hòa hợp. Ba là, uẩn chứa các pháp gọi là thức tạng. Bốn là, trú trì phát khởi, gọi là thức huân biến. Năm là, phàm thành Thánh, gọi là thức xuất sinh. Sáu là, tạng thể chẳng đoạn, gọi là thức Kim cang trí. Bảy là, thể chẳng phải tỉnh loạn, gọi là thức tịch diệt. Tám là, trong thật chẳng phải giả, gọi là thức thể. Chín là, tạng thể chẳng phải mê, gọi là thức bản giác. Mười là, công đức viên mãn, gọi là thức Nhất thiết chủng trí. Thứ tư, mười tên của thức thứ chín: Một là, tự thể chẳng phải ngụy, gọi là thức chân. Hai là, thể chẳng phải có không, gọi là thức vô tướng. Ba là, phép tắc sử dụng chẳng cải đổi, gọi là thức pháp tánh. Bốn là, chân giác thường còn thể chẳng phải ẩn hiển, gọi là thức chân Phật tánh. Năm là, tánh tuyệt hư giả, gọi là thức thật tế. Sáu là, đại dụng vô phương, gọi là thức pháp thân. Bảy là, tùy dòng chẳng nhiễm, gọi là thức tự tánh thanh tịnh. Tám là, thức A-ma-la, Trung Hoa dịch nghĩa là thức vô cấu. Chín là, thể chẳng phải một hay khác, gọi là thức chân như. Mười là, thắng diệu tuyệt đối đãi, gọi là thức chẳng thể đặt danh mục. Trong kinh Giải Tiết nói: "Phật bảo Bồ-tát Quảng Tuệ: Thức đây hoặc gọi là A-đà-na. Tại sao? Do bản thức đây năng nắm giữ thân. Hoặc gọi là thức A-lê-da. Tại sao? Do bản thức đây năng nắm giữ thân. Hoặc gọi là thức A-lê-da. Tại sao? Vì bản thức đây ở nơi thân thường tàng ẩn đồng thành hoại vậy. Hoặc gọi là chất-đa. Tại sao? Vì thức đây là nơi các trần sắc thanh, hương, vị, xúc sinh trưởng vậy. Quảng Tuệ! Bản thức đây là thức tụ được sinh, nghĩa là nhãn thức cho đến ý thức nương nhãn căn có thức, duyên cảnh trần bên ngoài, nhãn thức được sinh, cùng nhãn thức đồng một lúc chung cảnh, có ý thức phân biệt khởi, nếu một nhãn thức sinh,

lúc đó một ý thức phân biệt sinh cùng nhãn thức chung cảnh: Nhãn thức đây nếu cộng hai thức, hoặc ba bốn năm chung khởi, lúc ấy có một ý thức phân biệt cùng năm thức chung duyên cảnh sinh, như dòng nước lớn, nếu có một nhân năng dấy sóng đến thì một sóng dấy khởi, nếu có hai hoặc nhiều nhân năng dấy sóng đến thì nhiều gợn sóng dấy khởi, dòng nước đó thường chảy, chẳng phế bỏ chẳng dứt đoạn. Lại nữa, trong mặt gương tròn trong sạch, nếu có một nhân năng khởi ảnh đến thì một ảnh khởi hiện, nếu hai hoặc nhiều nhân năng khởi ảnh đến thì nhiều ảnh khởi hiện. Mặt gương tròn ấy chẳng chuyển thành ảnh cũng không tổn diệt. Bản thức đây giống như dòng nước và mặt gương v.v..." Lại nữa, trong luận Thành Nghiệp nói: "Tâm có hai thứ: Một là, tâm tập khởi, là nơi vô lượng chủng tử tập khởi. Hai gọi là, tâm chủng chứng, là sở duyên hành tướng sai biệt chuyển". Trong Tịnh Danh sớ của Thiên Thai Trí Giả nói: "Một pháp khác tên là các kinh khác tên nói chân tánh thật tướng, hoặc nói một chân đế, hoặc nói tâm tự tánh thanh tịnh, hoặc nói Như Lai tạng, hoặc nói như như. Hoặc nói thật tế, hoặc nói thật tướng Bát-nhã, hoặc nói Nhất thừa, hoặc nói tức là Thủ-lăng-nghiêm, hoặc nói pháp tánh, hoặc nói là pháp thân, hoặc nói là Trung đạo, hoặc nói là tất cánh không, hoặc nói là chánh nhân Phật tánh, tánh tịnh Niết-bàn, các thứ khác tên như vậy v.v... đều là xưng khác của thật tướng". Nên trong luận Đại Trí Độ có kệ tụng nói:

"Bát-nhã là một pháp
Phật nói các thứ tên
Tùy các loại chúng sinh
Vì họ lập khác chữ".

Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Như trời Đế-thích có ngàn thứ tên, giải thoát cũng vậy, lắm nhiều các danh tự". Lại nói: "Phật tánh có năm thứ tên", nên đều là ứng cơ lợi vật vì lập tên khác vậy, mà pháp thể là một, chưa từng có khác, như trời Đế-thích có ngàn tên, tên tuy chẳng đồng mà trọn là đặt để làm Thiên chủ, đâu có nghe khác tên mà nói là chẳng phải lý thật tướng như người cúng dường Đế-thích hủy bỏ Kiều-thi-ca, cúng dường Kiều-thi-ca hủy bỏ Đế-thích, cúng dường như vậy chưa hẳn được phước, người hoặc pháp ở đời mạt cũng vậy, hoặc tin A-lại-da là tâm tự tánh thanh tịnh mà hủy bỏ tất cánh không, hoặc tin tất cánh không không chỗ có mà hủy bỏ thức A-lại-da. Tâm tự tánh thanh tịnh, hoặc nói Bát-nhã nói rõ về thật tướng, Pháp Hoa nói rõ về Nhất thừa, đều chẳng phải Phật tánh, cầu phước của đây há chẳng lo họa? Nếu biết tên khác thể một, thì thiện tùy hỷ khắp cả pháp giới, chỗ

nào tranh cãi ư? Lại trong các kinh đợi duyên xứng cơ nên lại có nhiều tên, tùy xứ an lập, dùng nghĩa biên rộng lớn, đặt để đó là biển, vì hiển lý tròn sáng, xưng đó là châu, vì chủ (tông) của muôn pháp, nên gọi là vương, vì năng sinh tất cả, nên gọi là là mẹ, chỉ là nghĩa chân của không nghĩa, nhiều cũng chẳng nhiều, chân tâm của không tâm, một cũng chẳng một. Nên trong Hoa Nghiêm Tư Ký nói: "Lấy nghĩa quyết đoán; dùng trí nói đó, lấy năng sinh trưởng, dùng đất nói đó, lấy nghĩa cao bày đó, dùng núi nói đó; lấy nghĩa sâu rộng, dùng biển gọi đó; lấy nghĩả tròn sạch, dùng châu nói đó". Trên đây nói về có danh còn là vô số, lại còn thứ không danh, đâu có thể lường đoán, như trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni nói: "Phật bảo các Bồ-tát: Các ông chớ cho rằng: trời nhất định là trời, người nhất định là người, ngạ quỉ nhất định là ngạ quỉ. Cho đến, như một sự có các thứ danh, như một người có các thứ tên. Như một trời cho đến ngạ quỉ súc sinh có các thứ tên, cũng lại như vậy, cũng có nhiều ngạ quỉ toàn không danh tự, trong khoảng khảy móng tay chuyển biến thân thể làm các thứ hình, như vậy chúng sinh ở một thời gian hiện vô lượng sắc thân, làm sao có thể được gọi tên đó vậy? Nếu ngạ quỉ v.v... có danh tự nơi sinh, danh tự thọ thực và danh tự thọ mạng. Nếu chúng sinh địa ngục thì không có danh tự nơi sinh, thì hình đó cũng không nhất định, vì trong đó nhân duyên ác nghiệp chưa hết vậy, ở trong một niệm, biến thân lắm thứ". Giải thích: Như trong địa ngục trong một ngày một đêm có muôn lần sống muôn lần chết, lại trong địa ngục Vô gián mỗi mỗi thân không gián đoạn, mỗi mỗi đều khắp tám vạn bốn ngàn do-tuần, lượng của địa ngục chẳng chướng ngại nhau. Như nói pháp thân mầu thanh tịnh, trong lắng ứng tất cả, người thời nay cho rằng pháp thân chư Phật năng phân năng khắp cùng, chẳng tin chúng sinh cũng một thân mà vô lượng thân, vì nghiệp quả của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn vậy. Vì vậy trong kinh nói: "Phật giới chẳng thể nghĩ bàn, chúng sinh giới cũng chẳng thể nghĩ bàn".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 51

Hỏi: Nhân tướng mà lập danh, nhân danh hiển bày tướng, danh đã nói rộng nhiều, còn tướng thức như thế nào?

Đáp: Thuyên biểu (nói bày) gọi là triệu, đặt để đó là danh, hành trạng khả quan, gọi đó là tướng. Thức phân biệt sự thứ sáu là danh, thủ cảnh nhiễm tâm là tướng. Hiện thức thứ bảy gọi là danh,vô minh huân vọng tâm là tướng. Trạng thứ tám là danh, tâm thanh tịnh là tướng, chân như thứ chín là danh, thể tánh không cải đổi là tướng. Đó đều là danh của không danh, tướng của không tướng. Tại sao? Vì danh tướng chẳng vượt ngoài tâm cảnh, do đó, tâm không tự tánh nhân cảnh mà sinh, cảnh không tự tánh nhân tâm mà có, thì nêu bày không cảnh của ngoài tâm, nêu bày cảnh không tâm ngoài cảnh. Nếu qua lại cũng đoạt cả hai điều mất, tâm cảnh đều sạch, nếu giúp nhau đều lập thì tâm cảnh rõ ràng, đây mới là không tánh mà không, không mà chẳng không, không tánh mà có, có mà chẳng có, có của chẳng có, có hiển bày nhất như, không của chẳng không, không thành muôn đức, có thể gọi là dẹp muôn hữu ở tánh không, tan một không nơi rốt ráo vậy. Lại trong luận Duy thức Xu Yếu nói: “Nói tướng tự tâm, có hai giải thích: Một là,tức tướng ảnh tượng; hai là,tức tướng sở chấp, tuy không thật thể ngay tình hiện vậy, các thuyết từ về tâm tướng đều chuẩn nên biết.” giải thích: Tướng ảnh tượng là, muôn pháp là ảnh tượng của tâm, tướng sở chấp là, các cảnh không thể, tùy chấp mà sinh, nhân tự tâm sinh, trở lại cùng tâm là tướng.

Hỏi: Thức A-lại-da, do đâu được danh, là tự thể sinh hay hòa hợp mà có?

Đáp: Nếu nói tự sinh là tự tánh si, nếu nói tha sinh là tha tánh si, nếu nói hòa hợp mà sinh là cộng tánh si, nếu nói lừa tự tha sinh là không nhân si, nay cứ tất- đàn thế đế phương tiện mà nói, như pháp tánh cùng vô minh hợp mà sinh tất cả pháp, tợ như lúc ngủ, tâm cùng mộng hợp thấy việc của tất cả cảnh giới. Thức căn bản đây từ môn sinh diệt mà

kiến lập, nhân chân vọng hòa hợp mà dược danh. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Tâm môn sinh diệt, nghĩa là nương Như Lai Tạng mà có mà có tâm sinh diệt chuyển. Chẳng sinh diệt cùng sinh diệt hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác, gọi là thức A-lại-da. Thức này có hai thứ nghĩa, nghĩa là năng gồm tất cả pháp và năng sinh tất cả pháp. Lại có hai thứ nghĩa: Một là nghĩa giác; hai là nghĩa bất giác. Nói nghĩa giác là tánh của tâm nghĩa thứ nhất lìa tất cả tướng vọng niệm, vì lìa tất cả tướng vọng niệm nên đồng hư không giới, không đâu chẳng cùng khắp, pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai, nương pháp thân đây mà nói tất cả Như Lai là Bản giác, vì đối đãi với thủy giác lập làm thủy giác. Nhưng lúc thủy giác tức là bản giác, không giác riêng biệt lập thành thủy giác, nghĩa là nương bản giác có bất giác, nương bất giác nói có thủy giác, lại vì giác tâm nguyên cũ gọi là cứu cảnh giác, bất giác nguồn tâm nên chẳng phải cứu cánh giác, cho đến, nghĩa bất giác; nghĩa là từ vô thủy lại nay chẳng như thật mà biết một chân pháp nên tâm bất giác khởi mà có vọng niệm, tự không thật tướng, chẳng lìa bản giác, giống như người mê y cứ phương hướng nên mê, mê không tự tướng, chẳng lìa nơi phương hướng, chúng sinh cũng vậy, y nơi giác mà có bất giác vọng niệm mê sinh, nhưng bất giác kia, tự không thật tướng, chẳng lìa bản giác, lại đối đãi với bất giác để nói thân giác. Bất giác đã không, chân giác cũng dứt trừ” các bậc cổ đức giải thích: Tâm chẳng sinh diệt cùng sinh diệt hoà hợp, chẳng phải một chẳng phải khác là, vì bảy thức nhiễm pháp là sinh diệt, vì Như Lai Tạng tịnh pháp là chẳng sinh diệt. Tâm chẳng sinh diệt khắp thể động vậy, tâm chẳng lìa tướng sinh diệt, tướng của sinh diệt, không gì chẳng là thần giải, sinh diệt chẳng lìa tướng tâm, chẳng lìa nhau như vậy gọi là hòa hợp làm thức A-lại-da. Vì hòa hợp nên chẳng phải một chẳng phải khác, nếu một tức không hòa hợp, nếu khác cũng không hòa hợp, chẳng phải một chẳng phải khác được hòa hợp vậy, lại Như Lai Tạng tâm thanh tịnh, động làm sinh diệt, chẳng lìa nhau nên gọi là hòa hợp, chẳng phải nghĩa là riêng có sinh diệt lại cùng chân hợp, mà gọi là tâm của sinh diệt, sinh diệt của tâm không tướng vậy, sinh diệt của tâm nhân vô minh thành, tâm của sinh diệt từ bản giác khởi, mà không hai thể, chẳng bỏ lìa nhau, nên gọi là hòa hợp, như nước biển lớn nhân gió mà sóng động, tướng nước, tướng gió chẳng bỏ lìa nhau. Sinh và vô sinh như là một, nghĩa là tướng thức sinh diệt đến lúc diệt tận, thể của tâm thần cũng tùy theo diệt, đọa lạc ở đoạn biên. Nếu là khác, nghĩa là nương gió vô minh lúc huân động, thể của tâm tịnh chẳng nên tùy theo

diệt, tức đọa lạc ở thường biên. Lìa hai biên đây, chẳng phải một chẳng phải khác. Lại nữa, như nói ở trên, giác cùng bất giác hai pháp qua lại huân thành nhiễm tịnh đó. Đã không tự thể, toàn là một giác. Tại sao? Do vô minh nên thành bất giác, vì nghĩa bất giác huân bản giác nên sinh các nhiễm pháp, lại do bản giác huân bất giác nên sinh các tịnh pháp, y cứ hai nghĩa này, sinh khắp tất cả, nên nói thức có hai nghĩa, sinh tất cả pháp

Hỏi: Thức A-lại-da lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên, lấy gì làm thể?

Đáp: Trong luận Hiển Dương nói: "Thức A-lại-da nghĩa là đời trước tạo các nghiệp tăng trưởng, phiền não làm duyên, từ vô thủy đến nay hý luận huân tập làm nhân, sinh ra tất cả chủng tử dị thục làm thể. Thức này năng chấp thọ sắc căn hiểu biệt, nói căn nương tựa và hý luận, huân tập trong tất cả thời gian, một loại sinh tử không thể rõ biết, lại năng chấp trì rành rẻ riêng biệt khí thế giới bên ngoài, cùng thọ chẳng khổ chẳng lạc tương ưng, một hướng vô phú vô ký, cùng chuyển thức v.v... làm nhân nơi nương tựa." Trong kinh nói: "Vô minh che khuất, ái kết buộc ràng, phàm ngu cảm được thân có thức" đây nói hiển bày có thức A-lại-da dị thục.

Hỏi: Thức A-lại-da, đương thể là tự tướng, đáp lại nhân thiện ác nên là quả tướng, thọ nhân huân trì chủng nên là nhân tướng. Thức thứ tám đã là tướng nhân quả, vậy trong sáu nhân là thuộc nhân nào, ở trong năm quả là thuộc quả nào?

Đáp: Trong sáu nhân có bốn, nghĩa biên năng trì chủng tử lànhân trì chủng, nếu nhân chủng đồng thời mà có tức nhân câu hữu (cùng có). Nếu trong chủng tử tự loại trước sau cùng dẫn, tức là nhân đồng loại, nếu trong tâm sở v.v... đồng thời tức là nhân tương ưmg, không hai nhân còn lại là, nhân dị thục là tánh thiện ác, thức này là vô hý, nếu nhân hành cùng khắp là nhiễm nghĩa là kiến nghi vô minh v.v... Thức đây chẳng phải nhiễm, ở trong năm quả thì có đủ bốn quả, chỉ trừ ly hệ (lìa ràng buộc), trong chủng tử tự là quả đẳng lưu, trong tâm sở tác ý v.v... là quả sĩdụng, trong thức thứ bảy, là quả tăng thượng, trong nhân thiện ác tức là quả dị thục.

Hỏi: trong các tâm thức, thức nào là kiên lao (tù ngục bền chắc) chẳng bị các duyên lay động?

Đáp: Trong thế gian không một pháp nào chẳng từ duyên sinh. Pháp của duyên sinh thảy đều vô thường, chỉ có tâm căn bản chẳng từ khoảng trước sinh, chẳng theo khoảng giữa trú, chẳng ở khoảng sau diệt. Thật là nền tảng cội gốc của vạn hữu, trú xứ của chư Phật, vì vậy,

thí dụ đó như gương, có thể để tinh xét đẹp xấu, sâu suốt huyền vi, ngưỡng đó làm tông, giống như biển sâu nạp các dòng nước, thái hư bao hàm muôn tượng. Trong kinh Mật Nghiêm nói: "Tâm có tám thứ, hoặc là chín thứ, cùng vô minh chung làm nhân thế gian. Thế gian đều là tâm tâm pháp hiện, tâm tâm pháp độ cho đến các căn sinh diệt lưu chuyển làm chỗ biến dị của vô minh v.v... tâm căn bản đó, kiên cố chẳng động. Nhân duyên thế gian có mười hai phần, hoặc căn hoặc cảnh, năng sinh sở sinh, từng sát-na hoại diệt, từ nơi Phạm thế đến phi phi tưởng đều nhân duyên khởi. Chỉ có Như Lai lìa các nhân duyên, Pháp động và chẳng động ở trong ngoài thế gian, đều như cái bình v.v... hoại diệt làm tánh" lại có kệ tụng nói: "Các ngươi là Phật tử, cớ sao chẳng thấy nghe, tạng thức thể thanh tịnh, nơi các thân nương tựa hoặc đủ ba mươi hai (32) tướng Phật và Luân vương, hoặc làm các thứ hình, thế gian thảy đều thấy, thí như trăng trời trong muôn sao vây chung quanh. Các thức A-lại-da, trú trong thân như vậy. Như chủ trời cõi dục, thị vệ dạo cung báu, các thần sông biển thảy, trong nước mà tự tại, tạng thức ở nơi đời, phải biết cũng như vậy. Như đất sinh mọi vật, tâm đó hiện lắm nhiều, thí như Nhật thiên tử, rực rỡ cưỡi cung báu, dạo quanh núi Tu-di, khắp cùng chiếu thiên hạ, các trời và người đời, thấy đó mà kính lễ. Tạng thức trong Phật địa, tướng đó cũng như vậy. Thập địa hành các hạnh, hiển phát pháp Đại thừa, khắp cùng chúng sinh vui, thường tán thán Như Lai, ở nơi thân Bồ-tát. Đó gọi là Bồ-tát, Phật cùng các Bồ-tát, đều tên A-lại-da, Phật và các Phật tử, đã thọ đang thọ ký, A-lại-da rộng lớn, mà thành Đẳng chánh giác. Các định mật nghiêm là, cùng diệu định tướng ưng, năng ở A-lại-da, sáng rở mà trông thấy, Phật và Bích-chi Phật, thanh văn các dị đạo, thấy lý không sợ người, chỗ quán đều thức đây, các thứ thức và cảnh, đều từ tâm biến nên, các vật như bình áo, tất cả tánh đều không, đều nương A-lại-da, chúng sinh mê hoặc kiến cho vì các tập khí, sở thủ năng thủ chuyển. Tánh đây chẳng như huyễn, dương diệm và vòng lông, chẳng sinh chẳng chẳng sinh, chẳng không cũng chẳng có, thứ như ngắn mà dài, lìa một tức đều không, người trí quán sự huyễn, đây đều chỉ huyễn thuật, chưa từng có một vật, cùng huyễn mà đồng khởi, huyễn diệm mà vòng lông, hòa hợp mà được thấy, lìa một không hòa hợp, trước sau cũng chẳng có, sự hiển vòng lông thảy, ở nơi tướng các vật, đây đều tâm biến khác, không thể cũng không danh, mê hoặc người trong đời, tâm đó chẳng tự tại, giọng nói có năng huyễn, huyễn thành các thứ vật, huyễn sư ngói gạch thảy, tạo tác các vật loại, mỗi mỗi như đến đi, thấy đây đều chẳng thật, như sắt nhân nam châm,

chỗ hướng mà chuyển dời, tạng thức cũng như vậy, tùy nơi phân biệt chuyển, tất cả các thế gian, không đâu chẳng cùng khắp, như Nhật-ma-ni báu, không nghĩ và phân biệt, thức này khắp các xứ, thấy đó mà lưu chuyển, chẳng chết cũng chẳng sinh vốn chẳng pháp lưu chuyển, người định cần quán sát, sinh tử giống như mộng, lúc ấy tức chuyển nương, nói danh là giải thoát, đây tức là chư Phật, giáo lý của tối thượng, xét lường tất cả pháp, như cân như gương sáng, lại như đuốc sáng lớn, cũnh như thể vàng đá, xa lìa nơi đoạn diệt, nêu tướng của chánh đạo, người tu hành diệu định, đến nhân của giải thoát, trọn lìa các tạp nhiễm, chuyển nương mà hiển hiện."

Hỏi: Bản thức cùng các thức hòa hợp, đồng khởi đồng diệt, đến địa vị chuyển y, các thức phiền não diệt, chỉ còn bản thức, làm sao phân biệt khác của diệt và chẳng diệt.?

Đáp: Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Nếu bản thức cùng chẳng phải bản thức, cùng khỏi cùng diệt, gống như nước sữa hòa hợp, cớ sao bản thức chẳng diệt mà chẳng phải bản thức diệt. Thí như nước với sữa của ngỗng trời uống". Giải thích: Thí như nước sữa tuy hòa hợp, lúc ngỗng trời uống thì chỉ uống sữa mà chẳng uống nước, nên sữa tuy hết mà nước chẳng cạn, bản thức cùng chẳng phải bản thức cũng vậy, tuy là hòa hợp mà một diệt một còn.

Hỏi: Tâm thức căn bản đây đã xưng là thể của tất cả pháp, lại nói thường trú chẳng động, chỉ như muôn pháp tức tâm đây có, lìa tâm có này, nếu tức tâm đây, muôn pháp đổi biến, cớ sao xưng tâm đây là thường trú? Nếu lìa tâm đây, cớ sao được là thể của tất cả pháp?

Đáp: Khai hợp tùy duyên, chẳng phải tức chẳng phaỉ lìa, vì duyên tụ hội nên hợp, vì duyên tan mất nên khai. Khai hợp tùy duyên, cuộn buông không thể, duyên chỉ khai hợp, duyên cũng vốn không, kia đây không biết, năng sở đều vắng lặng, trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Thí như vàng đá thảy,
Xưa nay không tướng nước,
Cùng lửa chung hòa hợp,
Như nước mà lưu động.
Tạng thức cũng như thế,
Thể chẳng lưu chuyển pháp,
Các thức cùng tương ưng,
Cùng pháp đồng lưu chuyển.
Như sắt nhân nam châm,

Xoay quanh mà chuyển dời,
Hai câu không có tư,
Trạng như có tư giác.
Lại-da cùng bảy thức,
Phải biết cũng như vậy,
Tập chỗ buộc của dây,
Không người mà như có.
Khắp cùng thân chúng sinh,
Rảo khắp các ấm thú,
Như sắt cùng nam châm,
Chuyển đổi chẳng cùng biết."

Hỏi: Thức tạng thứ tám đáng có mấy thứ?

Đáp: Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói:" Thức A-lại-da gồm có mười thứ. Tai sao? Ở trong Khế Kinh riêng biệt nói vậy: Một, gọi là thức A-lại-da đại nhiếp chủ, có nghĩa là tổng tướng đại thức. Nghĩa nói như trước; hai ,gọi là căn bản vô minh, riêng lập lấy là thức A-lại-da, nên mười thứ vọng tưởng, trong Khế Kinh nói là: Sát-xà-chỉ-đa-đề vương thức, chỉ ngay là vọng pháp, chẳng thể thấu đạt thể một pháp giới, tất cả nhiễm pháp, thức A-lại-da lấy làm căn bản xuất sinh và tăng trưởng không lúc đoạn tuyệt, Nếu không có đề vương thức, quyến thuộc hắc phẩm trọn không nơi nương tựa, chẳng thể sinh trưởng vậy. Thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch gồm. Ở trong luận này nói là: "Nói về nghĩa bất giác nghĩa là không như thật biết một pháp chân như, bất giác tâm khởi mà có niệm đó, cho đến nói rộng vậy"; ba, gọi là bản giác thanh tịnh thức A-lại-da. Chỗ gọi là bản trí tự nhiên, riêng lập lấy làm thức A-lại-da, nên bản giác trong Khế Kinh nói là: "Tự thể Phật thanh tịnh thức A-lại-da đầy đủ vô lậu công đức viên mãn, thường hằng quyết định, không tướng thọ huân, không tướng biến khác, trí thể chẳng động, đầy đủ bạch phẩm, cho nên gọi là thức tịnh độc nhất" nên thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch gồm? Ở trong Bản Luận nói là: "Lại nữa tướng giác thể là có bốn nghĩa lớn, cùng đồng hư không, giống như gương sạch, cho đến nói rộng vậy; bốn, gọi là bản giác thanh tịnh thức A-lại-da, chỗ gọi là chẳng giữ tự tánh trí Đà-la-ni, riêng lập lấy làm thức A-lại-da, nên vốn nhân duyên khởi, trong Khế Kinh nói: Bấy giờ đồng tử Quang Nghiêm bạch Đức Phật rằng: Tôn giả do nhân gì khó vào chưa từng có trong hội, mà nói là tùy nhân duyên khỏi trí Đà-la-ni, gọi là thức Lăng-già vương? Lấy đó là thí dụ chỉ bày duyên khỏi trí Đà-la-ni kia" khi ấy tôn giả bảo Quang Nghiêm rằng: "Đồng tử Lăng-già vương

đây thường tại trong núi Ma-la biển lớn, dân chúng gồm mười vạn sáu ngàn quỷ thần lấy làm quyến thuộc. Quyến thuộc như vậy cỡi cung điện hoa dạo nơi các cõi, thảy đều nương nhờ Lăng-già vương kia mới được dạo khắp. Chúng quỷ thần đó nói rằng: “Chúng thần chúng ta không có oai đức, không có khí lực với mọi việc làm, không có khả năng đó, như được đại vương ở trong chúng ta cho nhận năng lực”. Lăng-già vương kia liền tùy thời đó ban cho lực thù thắng, chẳng bỏ lìa nhau, mà cộng chuyển. Nghĩa là Lăng-già vương tuy chẳng phải phân thân mà năng khắp cũng ở trong chúng thần, mỗi mỗi khiến được lượng của toàn thân, ở tất cả thời, ở tất cả xứ, cộng chuyển chẳng lìa, chẳng giữ tự tánh, trí cũng lại như vậy, năng thọ vô lượng vô biên nhiễm pháp chúng quỷ thần huân, chẳng bỏ lìa nhau mà cùng chuyển vậy. Vì nhân duyên đây, ta khó vào trong, mà nói là tùy, chuyển giác trí gọi là thức Lăng-già vương.” nên thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch nhiếp. Ở trong Bản Luận nói rằng:” Tự tánh tâm thanh tịnh, nhân gió vô minh động, tâm và vô minh đều không hình tướng chẳng bỏ lìa nhau, cho đến nói rộng vậy”; năm, gọi là tướng nghiệp thức nghiệp thức A-lại-da. Chỗ gọi là tướng nghiệp căn bản, cùng với nghiệp thức, riêng lập lấy làm A-lại-da. Nên trí bản tánh, trong Khế Kinh nói là: “Thức A-lại-da, không năng làm xong, không sở làm xong, chẳng thể phân chiết, chẳng thể tách biệt, chỉ do nghĩa tinh động ẩn lưu, gọi là kiền- ma” nên thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch nhiếp, ở trong luận này nói: “Lại nữa, nương bất giác nên sinh ba thứ tướng, cùng bất giác kia tương ưng chẳng lìa, những gì là ba? Một là tướng nghiệp vô minh, vì nương ở bất giác nên tâm động gọi đó là vô nghiệp, giác thì chẳng động, động thì có khổ, quả chẳng lìa nhân vậy”; sáu, gọi là tướng chuyển thức, chuyển thức A-lại-da. Chỗ gọi là tướng của cảnh giới năng kiến, cùng với thức chuyển riêng lập lấy làm A-lại-da, nên lớn vô lượng. Trong Khế Kinh nói là: “Thức A-lại-da có kiến kiến chuyển, không kiến kiến khởi” nên thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch nhiếp, ở trong bản luận này nói rằng: Hai là, tướng năng kiến, vì nương động nên năng kiến chẳng động thì không kiến vậy”; bảy, gọi là thức hiện tướng thức A-lại-da, chỗ gọi là tướng của cảnh giới cùng với hiện thức riêng lập lấy làm A-lại-da, nên thật tế trong Khế Kinh nói là: “Riêng khác, riêng khác, hiện tiền địa chuyển, tướng khác tướng, đầy đủ hạnh chuyển, cho nên gọi là thức A-lại-da. Lại nữa, thức A-lại-da đây thật là pháp di thục vô ký, tướng bạch tịnh vậy hoặc gọi là thành tựu” nên thức A-lại-da làm sao quyết trạch nhiếp, ở trong luận này nói là: “Ba là, tướng cảnh giới, vì nương năng

kiến nên cảnh giới vọng hiện, lìa kiến thì không cảnh giới vậy"; tám, gọi là lý tánh chân như thức A-lại-da, chỗ gọi là chánh khí sở chứng chân như thanh tịnh, riêng lập lấy làm A-lại-da. Nên các pháp đồng thể, trong Khế Kinh nói là: Có thức là thức, chẳng phải thức, thức gồm. Chỗ gọi là như như thức A-lại-da" nên thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch nhiếp. Chỗ gọi là Bát-nhã thanh tịnh trí cảnh chân như nhiếp vậy; chín, gọi là thủy giác thanh tịnh thức A-lại-da, chỗ gọi là vốn có thủy giác Bát-nhã thanh bạch, riêng lập lấy làm A-lại-da. Nên quả viêm mãn trong Khế Kinh nói là: "Phật bảo Bồ-đề thọ vương rằng: Thủy giác tự nhiên thức A-lại-da thường phải chẳng lìa bản giác thanh tịnh, bản giác thanh tịnh thường phải chẳng lìa thức tịnh thủy giác, tùy là kia có tùy là có kia, hoặc chẳng phải đồng chủng, hoặc chẳng phải khác chủng vậy, thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch nhiếp". Ở trong Bản Luận nói rằng: "Nghĩa bản giác đối lại với thủy, tức đồng bản giác vậy"; mười, gọi là thủy giác nhiễm tịnh thức A-lại-da, chỗ gọi là tùy duyên thủy giác bát-nhã riêng lập lấy làm thức A-lại-da, nên quả viên mãn, trong Khế Kinh nói: "Lại nữa Thọ vương! Như thức tịnh thủy giác và tự bản giác, nói thủy giác nhiễm tịnh thức A-lại-da chẳng giữ tự tánh, duyên khởi bản giác cũng lại như thế, nên thức A-lại-da đây làm sao quyết trạch nhiếp". Ở trong bản luận này nói: "Nghĩa thủy giác là nương bản giác mà có bất giác, nương bất giác mà có thủy giác, lại vì giác giác ngộ nguồn tâm nên gọi cứu cánh giác, chẳng giác ngộ nguồn tâm chẳng phải cứu cánh giác" cho đến đã nói môn tạng thức phân chữ riêng tướng. Tiếp đến nói về môn tổng thức gồm sinh viên mãn, Thức thức đây có hai thứ nghĩa năng gồm tất cả pháp và năng sinh tất cả pháp: Một là ,nghĩa giác; hai là, nghĩa bất giác, mà tổng hiển bày tướng đại thức thủ thắng viên mãn, nghĩa ấy thế nào? Chỗ gọi là đầy đủ hai thứ viên mãn: Một là ,công đức viên mãn; hai là, quá hoạn viên mãn. Công đức viên mãn là câu chữ nghĩa giác, năng gồm tất cả vô lượng vô biên các công đức nhiều hơn số cát sông Hằng chẳng lìa chẳng đoạn. Năng sinh tất cả vô lượng vô biên các thứ công đức nhiều hơn số cát sông Hằng chẳng lìa chẳng đoạn. Quá hoạn viên mãn là câu chữ nghĩa bất giác, năng nhiếp tất cả vô lượng vô biên các thứ quá hoạn nhiền hơn số cát sông Hằng hoặc lìa hoặc thoát, năng sinh tất cả vô lượng vô biên các thứ quá hoạn nhiều hơn số cát sông Hằng hoặc lìa hoặc đoạn.

Hỏi: Nếu chẳng lập thức thứ tám đây thì có những lỗi quá gì?

Đáp: Có lỗi quá lớn. Tất cả pháp nhiễm tịnh chẳng thành, đều không nhân vậy, Trong luận Duy thức nói: "Nếu không thức đây trì

chủng phiền não, giới địa qua lại, không sao nhiễm tâm các phiền não khởi đều không nên nhân, các pháp khác chẳng thể giữ giống kia vậy, nếu các phiền não không nhân mà sinh thì không có học ba thừa và quả vô học, các thứ đã đoạn đều nên khởi vậy. Lại không thức đây trì chủng đạo thanh tịnh ở thế gian và xuất thế gian thì tâm dị loại sau khởi pháp tịnh kia đều nên không nhân. Lại đạo xuất thế mới đầu chẳng nên sinh, vì không pháp trì chủng pháp kia nên mới đầu chẳng sinh sau cũng chẳng sinh, vậy thì nên không đạo quả ba thừa, nếu không thức đây giữ giống phiền não. Quả chuyển y đoạn cũng chẳng được thành, nghĩa là lúc đạo khởi hiện hành phiền não và chủng tử kia đều chẳng có vậy, hai tâm nhiễm tịnh chẳng cùng khởi vậy, đạo tương ưng tâm chẳng trì chủng kia, tự tánh trái nhau như Niết-bàn vậy, các pháp khác trì chủng lý chẳng thành vậy. Đã không sở đoạn, năng đoạn cũng không, nương tựa đâu do đâu mà lập quả đoạn. Nếu do đạo lực sau hoặc chẳng sinh mà lập quả đoạn thì đạo khởi mới đầu nên thành vô học, các phiền não sau đều đã không nhân trọn chẳng sinh vậy, chấp thuận có thức đây, tất cả điều thành, chỉ đây mới năng trì chủng nhiễm tịnh vậy, chứng thức đây có lý thú vô biên, sợ nhàm chán văn nhiều nên chỉ lược thuật cương yếu, thì có thức đây, giáo lý rõ ràng, những người có trí nên tin nhận sâu. Lại yếu chỉ chân duy thức đây ngàn thánh đồng tuân, xứ này và Tây vực không có ai phá, nhưng trong Bách Pháp Sao nói: “Lượng chân duy thức, lượng này tức Tam tạng (Pháp sư Huyền Tráng) ở thời tiền Đường khi đang ở thành Khúc Nữ tại xứ Trung Ấn Độ vua Giới Nhật thiết lập đại hội Vô- già suốt mười tám ngày, rộng mời các Sa-môn, Bà-la-môn khắp năm sứ Ấn Độ thông rành pháp nghĩa cùng các hàng Tiểu thừa ngoại đạo mà cùng đối địch. lập một tỷ lượng viết ở bảng vàng, trải qua mười tám ngày không có một người nào dám bát bỏ” Nên trong Nhân minh sớ nói: “lại như đại sư đi khắp Tây vực học xong lúc sắp trở về, vua Giới Nhật là vua cả năm xứ Ấn Độ vì thiết lập đại hội vô- già mười tám ngày thỉnh cầu đại sư lập nghĩa, tuyển chọn các bậc hiền lương khắp xứ Thiên Trúc đều nhóm tập nơi đại hội, các hàng ngoại đạo Tiểu thừa tranh nhau cật nạn, Đại sư lập lượng không ai dám đối dương. Đại sư lập tỷ lượng của Duy thức là: “Chân nên cực thành sắc là pháp có, quyết định chẳng lìa tông nhãn thức, nhân là: Tự chấp thuận mới đầu ba gồm, ngủ (miên) là chỗ chẳng gồm vậy. Đồng dụ như bản thức, hợp là mới đầu ba gồm, đều chẳng lìa nhãn thức, đồng dụ như nhãn thức, dị dụ như nhãn căn.”

Hỏi: Sao chẳng hợp lời của tự chấp thuận?

Đáp: Chẳng phải là chánh nhân, chỉ là nhân mới đầu gá mượn lời chọn lựa lỗi, cũng chẳng phải Tiểu thừa chẳng chấp thuận Đại thừa. Tự chấp thuận nhân ở trên có pháp chuyển, ba chi đều là cộng, mới đầu nói rõ tông nhân, sau phân bày hỏi đáp văn từ đoạn đầu có hai: Một là biện tông; hai là, giải thích nhân, vả lại tông đầu tiên nói "chân nên cực thành sắc" trong năm chữ, một chữ "sắc" chánh là có pháp, bốn chữ còn lại chỉ là phòng lỗi, vả lại mới đầu "chân nên" hai chữ phòng lỗi là chọn lựa lỗi trái nhau thế gian và lỗi vi giáo (trái giáo lý) v.v... Người ngoài hỏi: "Người thế gian thiển cận, sinh mà biết đó, sắc lìa thức có, ngày nay Đại thừa lập sắc chẳng lìa nhãn thức, vì chẳng cộng thế gian cộng chỗ biết, lượng đây sao chẳng phạm lỗi trái nhau thế gian?" Đáp: Phàm lập tỷ lượng có tự tha cộng, tùy chỗ thích đáng nên mỗi có nêu chọn lựa nếu tự tỷ lượng là tự chấp thuận lời chọn lựa, nếu tha tỷ lượng là người chấp lời chọn lựa, nếu cộng tỷ lượng là thắng nghĩa lời chọ lựa nay cộng tỷ lượng đây có chỗ chọn lựa riêng biệt. Lời của "chân nên" là tiêu biểu nương thắng nghĩa, tức nương trong bốn thứ thắng nghĩa đế, thể dụng hiển hiện đế lập.

Hỏi: Chẳng trái thế gian, chẳng phải học tức có thể vậy, lại như, Đức Thế Tôn nói trong kinh A-hàm Tiểu thừa cũng chấp thuận sắc lìa thức có, các học giả Tiểu thừa cũng chấp thuận ngoài tâm có cảnh thật đó, há chẳng trái với giáo điển A-hàm v.v... học giả Tiểu thừa ư?

Đáp: Chỉ nương nghĩa thù thắng của Đại thừa mà lập, chẳng trái với giáo điển Tiểu thừa lỗi của học giả thế gian.

Hỏi: Lời của "chân nên" kén chọn thế gian và lỗi trái giáo v.v... còn hai chữ "cực thành" chọn lỗi nào ư?

Đáp: Ngay lời "cực thành" chọn lựa hai loại chẳng cực thành sắc, trong hai mươi bộ loại Tiểu thừa, trừ Nhất thuyết bộ, Thuyết giả bộ, Thuyết xuất thế bộ, Kê dận bộ v.v... bốn bộ còn lại mười sáu bộ loại đều chấp thuận Bồ-tát thân tối hậu sắc nhiễm ô và Phật sắc hữu lậu. Đại thừa chẳng chấp thuận là một ban chẳng cực thành sắc, Đại thừa nói sắc Phật phương khác và Phật sắc vô lậu, mười chín bộ loại còn lại chẳng chấp thuận có và hai sư trước chẳng cực thành sắc, nếu chẳng nói cực thành, chỉ nói chân nên sắc là có pháp, quyết định chẳng lìa nhãn thức là tông, vả lại lúc nói sắc chẳng chấp thuận đều bao gồm trong đó pháp, ở trước Tiểu thừa chấp thuận, là Đại thừa chẳng chấp thuận, nay nếu lập làm duy thức, bèn phạm một phần tự chỗ riêng biệt chẳng cực thành, cũng phạm một phần lỗi của trái tông, lại Đại thừa chấp thuận Tiểu thừa chẳng chấp thuận, nay lập làm pháp có tức phạm tha một

phần riêng biệt chẳng cực thành, cho đến nêu cử mới đầu ba gồm nhân chẳng thuộc nhãn, bên phạm tự tha mỗi mỗi phần chỗ nương tựa chẳng thành. Trước nêu bày không thành cực thành sắc làm chỗ nương tựa, nay đầy đủ chọn lựa bốn ban đây vậy ở ngay lời cực thành.

Hỏi: Hai chữ "cực thành" chọn lựa chẳng cực thành sắc hai tông đó, vậy, chưa rõ ba tạng lập sắc nào làm duy thức?

Đáp: Trừ ngoài chẳng cực thành sắc của hai tông thủ lập địch cộng chấp thuận tất cả sắc khác, tổng làm duy thức, nên trong Nhân Minh Sớ nói: "Lập hai chỗ ngoài ra cộng chấp thuận các sắc làm duy thức vậy" tông sau nêu bày lời quyết định chẳng lìa nhãn thức, là cực thành năng riêng biệt.

Hỏi: Sao chẳng phạm lỗi năng riêng biệt chẳng cực thành? Vả lại, Tiểu thừa ai chấp thuận sắc chẳng lìa nơi nhãn thức?

Đáp: Nay đây là tông nương tựa, chỉ trong tông khác có nghĩa chẳng lìa bèn được vì tiểu thừa chấp thuận nhãn thức duyên sắc, thân gồm thủ lấy thể đó có nghĩa chẳng lìa, gồm chấp thuận đương thể nhãn thức cũng chẳng lìa nhãn thức, nên không có lỗi năng riêng biệt chẳng cực thành.

Hỏi: Đã chấp thuận nhãn thức lấy chỗ duyên sắc có nghĩa chẳng lìa nhau , sau hợp thành tông thể, nên có lỗi nâng đở nhau?

Đáp: Không có lỗi nâng đở nhau, nay Đại thừa chỉ thủ cảnh chẳng lìa ngoài tâm không thật cảnh, nếu trước nêu bày sau nêu bày hòa hợp làm tông, người lập xong tức chấp thuận, người địch lại chẳng chấp thuận, người lập người địch cùng tranh cãi, gọi là tông thể, trong đây chỉ tranh cãi lời trình bày, chưa suy xét ý chấp thuận. Biện giải về tông đã xong, tiếp theo đây là nói về nhân, có hai: Một là, nói rõ chánh nhân; hai là ,biện rõ nương gá lời chọn lỗi, vả lại, thứ nhất chánh nhân nói mới đầu ba gồm, nghĩa là trong mười tám giới, ba sáu giới đều thủ một giới của mới đầu vậy, tức nhãn căn giới nhãn thức giới và cảnh sắc giới, là ba giới đầu tiên trong mười tám giới vậy.

Hỏi: Giả sử chẳng nói mới đầu ba gồm, chỉ nói nhãn chỗ chẳng gồm, thì lại có lỗi gì?

Đáp: Có hai lỗi: Một là, lỗi quá bất định; hai là, lỗi trái với tự giáo. Vả lại, lỗi bất định là nếu lập lượng nói: "Chân nên cực thành sắc, quyết định chẳng lìa nhãn thức" nhân nói nhãn chỗ chẳng gồm, dụ khác như nhãn thức, tức nhãn chỗ chẳng gồm nhân rộng, hướng đến dụ khác sau chuyển trên năm ba đều là nhãn chỗ chẳng nhiếp vậy, người ngoài kia nêu ra lỗi bất định là: Vì như nhãn thức nhãn chỗ chẳng gồm, nhãn

thức chẳng lìa nhãn thức, chứng cực thành sắc chẳng lìa nhãn thức ư? Vì như sau năm ba cũng là nhãn chỗ chẳng gồm, sau ba quyết định lìa nhãn thức tức chứng ngươi cực thành sắc quyết định lìa nhãn thức ư?

Hỏi: Nay Đại thừa nói sau năm ba cũng chẳng lìa nhãn thức, được chăng?

Đáp: Giả sử Đại thừa chấp thuận sau năm ba cũng chẳng lìa nhãn thức, khỏi phạm lỗi bất định, bèn trái với tự tông, tông Đại thừa nói sau năm ba chẳng phải mới đầu ba gồm vậy.

Hỏi: Chỉ nói mới đầu ba gồm, chẳng nói nhãn chỗ chẳng gồm, thì lại có lỗi gì?

Đáp: Cũng phạm hai lỗi: Một là lỗi bất định; hai là lỗi pháp tự tướng quyết định trái nhau, vả lại, bất định là, nếu lập lượng nói: chân nên cực thành sắc quyết định chẳng lìa nhãn thức, nhân nói: Mới đầu ba gồm, dụ như nhãn thức, tức mới đầu ba gồm nhân rộng .Hướng đến dụ khác trên nhãn căn chuyển nêu ra bất định là vì như nhãn thức mới đầu ba gồm, nhãn thức chẳng lìa nhãn thức, chứng cực thành sắc chẳng lìa nhãn thức ư? Vì như nhãn căn cũng mới đầu ba gồm, nhãn căn chẳng phải quyết định chẳng lìa nhãn thức, chứng ngươi cực thành sắc chẳng phải quyết định chẳng lìa nhãn thức ư?

Hỏi: Sao chẳng nói quyết định lìa, mà nói chẳng phải quyết định chẳng lìa?

Đáp: Đại thừa nói về nhãn căn trong nơi nhãn thức, chẳng phải quyết định tức hay lìa, vả lại, chẳng phải lìa là căn nhãn thức giả, vì đồng thời vậy, tức là chẳng phải lìa vậy. Lại, sắc tâm mỗi mỗi riêng biệt, gọi là chẳng phải tức vậy, nay chỉ nói chẳng phải quyết định chẳng lìa, phạm lỗi pháp tự tướng quyết định trái nhau là, nói pháp tự tướng tức là tông sau nêu bày tựtướng của pháp. Nói quyết định trái nhau là tức nhân trái với tông vậy, người ngoài nêu bày lượng trái nhau là: Chân nên cực thành sắc là pháp có, chẳng phải chẳng lìa nhân thức là tông, nhân nói: mới đầu ba gồm vậy, dụ như nhãn căn, tức người ngoài đem dị dụ trước làm đồng dụ, đem đồng dụ làm dị dụ.

Hỏi: Được thành pháp tựtướng trái nhau ư?

Đáp: Chẳng phải chân năng phá, phàm lượng của pháp tự tướng trái nhau, phải là người lập đồng không dị có, kẻ địch đồng có dị không mới thành pháp tự tướng trái nhau, nay hai nhà lập và địch đều đồng dụ có dị dụ có, nên chẳng phải lỗi chân pháp tự tướng trái nhau.

Hỏi: Đã chẳng phải pháp tự tướng trái nhau, làm quyết định trái nhau, chẳng quyết định lỗi được chăng?

Đáp: Cũng chẳng phải, phàm quyết định trái nhau chẳng quyết định lỗi ,người lập kẻ địch cùng tranh cãi một có pháp, nhân dụ mỗi mỗi khác, đều có ba tướng, khắp cùng là tông pháp tánh, đồng phẩm quyết định có tánh, khác phẩm khắp cùng không tánh, chỉ qua lại chẳng sinh chánh trí đó. Hai nhà do dự chẳng thể quyết định thành một tông, gọi là quyết định trái nhau chẳng quyết định lỗi, nay chân nên cực thành sắc tuy là cùng tranh cãi một có pháp, nhân tạm là cộng, lại mỗi mỗi khuyết tướng thứ ba, nên chẳng phải quyết định trái nhau, quyết định lỗi. Hỏi: Đã không lỗi đây, cớ sao trong Nhân Minh Sớ nói: "Phạm pháp tự tướng trái nhau, quyết định lỗi ư?"

Đáp: Chỉ là sớ chủ phóng bút, là trước trong cộng chẳng quyết định trong lỗi phân xuất, là tợ pháp tự tướng trái nhau quyết định lỗi quá, chẳng phải chân thật có vậy, có sở nhân đây nên ngay mới đầu ba gồm nhãn chỗ chẳng gồm, lại qua lại chọn lựa các lỗi của bất định và trái nhau v.v... tiếp theo nói về nương gá lời chon lựạ lỗi vậy.

Hỏi: Nhân, lời của mới đầu tự chấp thuận, dụng gì?

Đáp: Duyên trong lượng ba tạng, phạm lỗi có pháp sai biệt trái nhau, pháp lượng của nhân minh, nếu có lỗi chấp thuận đắm trước lời ngăn cản, nay lượng ba tạng đã có lỗi quá đây nên đặt tự chấp thuận lời ngăn cản.

Hỏi: Sao được có lỗi đây?

Đáp: Lượng ba tạng trong có pháp, lời tuy chẳng kẹt, mà ý chấp thuận quan hàm duyên tông Đại thừa có hai loại sắc. Có sắc bản chất lìa nhãn thức, có sắc tướng phần chẳng lìa nhãn thức. Nếu sắc lìa nhãn thức, tức Tiểu thừa chấp thuận, nếu sắc chẳng lìa nhãn thức, tức Tiểu thừa chẳng chấp thuận, nay lượng ba tạng nói là: Chân nên cực thành sắc, là có pháp, nếu trong lời trình bày tự tướng, là người lập kẻ địch cùng chấp thuận sắc, và nêu cử mới đầu ba gồm, nhãn chỗ chẳng gồm nhãn cũng chỉ thành lập cùng chấp thuận sắc chẳng lìa nơi nhãn thức. Nếu trong chỗ chấp thuận trong ý ba tạng chỉ lập sắc tướng thần, chẳng lìa nhãn thức, đem mới đầu ba gồm, nhãn chỗ chẳng gồm nhân, thành lập sắc tướng phần sai biệt của ý trên có pháp, quyết định chẳng lìa nhãn thức vậy, trong Nhân Minh Sớ nói: "Gọi chân nên cực thành sắc là, có pháp tự tướng, quyết định chẳng lìa sắc là, pháp tự tướng, quyết định lìa nhãn thức, sắc chẳng phải quyết định, lìa nhãn thức sắc là có pháp sai biệt, ý người lập chấp thuận là chẳng lìa nhãn thức sắc."

Hỏi: Lúc người ngoài nêu ra lỗi lượng ba tạng có pháp trái nhau, lời của tự chấp thuận làm sao ngăn cản được?

Đáp: Đợi lúc người ngoài đưa ra lượng trái, đem hai chữ tự chấp thuận (tự hứa) ra, lượng người ngoài chẳng quyết định lỗi, lượng ngoài đã kẹt lỗi, lại có lý nào năng nêu bày được lỗi của có pháp sai biệt trái nhau trong lượng ba tạng ư?

Hỏi: Tiểu thừa nêu bày trái lượng, hành tướng như thế nào?

Đáp: Tiểu thừa nói: Chợt trông người lập nói bày tự tướng, ba chi không có lỗi, đến lúc suy chỗ lập nguyên la quen hàm chứa, nếu nói sai biệt của ý trên có pháp, đem nhân dụ thành lập sắc tướng phần ý chấp thuận trên có pháp, chẳng lìa nhãn thức, tức nhãn thức chẳng được làm đồng dụ, vả lại như nhãn thức không gì chẳng lìa sắc, vì tất cả sắc đều lìa nhãn thức vậy" đã lìa nhãn thức, chẳng được làm đồng dụ, bèn thành dị dụ, tức nhân mới đầu ba v.v... đức hướng dụ khác trên nhãn thức chuyển, nên trong luận nói: "Đồng phẩm không xứ, chẳng thành tông của người lập, dị phẩm có xứ, trở lại thành nghĩa tông trái nhau của kẻ địch, tức Tiểu thừa chẳng cải đổi nhân của người lập, nêu bày lượng trái nhau rằng: Chân nên cực thành sắc là có pháp, chẳng phải chẳng lìa nhãn thức là tông. Nhân là, mới đầu ba gồm, nhãn chỗ chẳng gồm vậy, đồng dụ như nhãn thức. Hợp là: Các thứ mới đầu ba gồm, nhãn chỗ chẳng gồm là, đều chẳng phải chẳng lìa nhãn thức. Đồng dụ như nhãn thức, nói chẳng phải là không vậy, Tiểu thừa nói: Không chẳng lìa sắc nhãn thức, tức ngăn cản thức ba tạng chấp thuận sắc tướng phần là không vậy, do đó, ba tạng dự đấm trước ngôn cú của tự chấp thuận, thủ sắc Phật phương khác tức cùng lượng ngoại đạo, làm lỗi quá bất định, nêu lỗi là: Vì như nhãn thức là mới đầu ba gồm, nhãn chỗ chẳng gồm nhãn thức chẳng phải chẳng lìa sắc nhãn thức, chứng ngươi cực thành sắc chẳng phải chẳng lìa sắc nhãn thức ư? Vì như ta tự chấp thuận sắc Phật phương khác cũng là mới đầu ba gồm, nhãn chỗ chẳng gồm, sắc Phật phương khác là chẳng lìa sắc nhãn thức, tức chứng ngươi cực thành sắc là chẳng lìa nhãn thức ư? Người ngoài lượng trái nhau đã phạm lỗi tha bất định trong cộng, rõ biết chẳng phải chân năng phá vậy. Lượng ba tạng tức thành chân năng lập vậy.

Hỏi: Trong nhân nếu chẳng nói tự chấp thuận không đem sắc Phật phương khác, cùng lượng trái nhau của người ngoài, làm lỗi quá bất định, có gì chẳng thể được?

Đáp: Nếu không đem sắc Phật phương khác chẳng nói tự chấp thuận, tức Tiểu thừa khác chẳng chấp thuận, phạm một phần khác tùy một lỗi .Tha chẳng chấp thuận một phần sắc Phật phương khác đây, tại mới đầu ba gồm nhãn chỗ chẳng gồm trong nhân vậy, nên trong Nhân

Minh Sớ nói: "Nếu chẳng nó tự chấp thuận, tức chẳng được lấy sắc Phật phương khác mà làm bất định, lời nói đây bèn có tùy một lỗi vậy."

Hỏi: Sao chẳng đợi người ngoài nêu bày lượng trái sau rồi nêu lên lời tự chấp thuận, cần gì dự nêu trước vậy ư?

Đáp: Đến lúc sợ nạn, do đó phòng trước, tiếp mới nêu bày về hỏi đáp.

Hỏi: Hai chữ "chân nên" đã chọn lựa lỗi trái giáo, cớ sao trước nêu bày tông nương tựa trên. Nếu chẳng nêu lên lời cực thành, lại có lỗi của trái tông ư?

Đáp: Hai chữ "chân nên" chỉ chọn lựa lỗi trái giáo trên tông thể, chẳng chọn lựa trái tông trên tông y. Nếu hai chữ cực thành tức chọn lựa lỗi trái tông v.v... trên tông y vậy.

Hỏi: Sau nêu bày nhãn thức cùng đồng dụ nhãn thức khác biệt gì?

Đáp: Nói sao nêu bày nhãn thức tuy đồng, mà ý chấp thuận mỗi riêng biệt, sao nêu bày nhãn thức, ý chấp thuận là tự chứng phần. Đồng dụ nhãn thức ý chấp thuận là kiến phần, tức kiến chẳng lìa tự chứng phần vậy, như tướng phần trong đồng tông chẳng lìa tự chứng phần vậy.

Hỏi: Nếu vậy, sao chẳng lập lượng là: Tướng phần là có pháp, quyết định chẳng lìa tự chứng phần là tông, nhân là: Mới đầu ba gồm nhãn chỗ chẳng gồm vậy, đồng dụ như kiến phần ư?

Đáp: Tiểu thừa chẳng chấp thuận có bốn phần, sợ phạm lỗi quá tùy một v.v...vậy nên chỉ nói nhãn thức.

Hỏi: Lượng đây nói nêu bày lập được sắc nào ư?

Đáp: Nếu chỉ trong lời nêu bày tức hai sắc tướng chất đều thành chẳng được. Nếu đem ý căn cứ lời tức lập được sắc tướng phần vậy, lại giải thích: Nếu Tiểu thừa chưa trưng nêu câu hỏi trước, tức đem lời căn cứ ý lập, nếu Đại thừa đáp sau tức đem ý căn cứ lời lập vậy.

Hỏi: Đã phân hai thứ sắc tướng phần và bản chất, bèn là chẳng cực thành, trước nêu bày sao nói cục thành sắc ư? Tướng phần chẳng phải cộng chấp thuận vậy?

Đáp: Nếu trong lời trình bày có pháp tự tướng, người lập kẻ địch cộng chấp thuận sắc nên nêu lên cực thành. Nếu sắc tướng phần là ý Đại thừa chấp thuận, đâu liên quan lời trình bày tự tướng, sao có chẳng cực thành ư? Trong các sớ sao đều nói chẳng được phân mở mà quấy vậy. Nếu vậy Tiểu thừa chấp Phật là sắc hữu lậu, Đại thừa Phật là sắc vô lậu v.v... tại nơi trình bày trước, nếu chẳng phân mở, đáng gọi là cực

thành sắc ư? Kia đã chẳng vậy, đây cớ sao vậy.

Hỏi: Nay đàm luận về tông hiển bày tánh, cớ sao vẫn rộng văn của ba chi tỷ lượng ư?

Đáp: Chư Phật giảng pháp còn nương tục đế, huống gì ba chi tỷ lượng lý suốt ngũ minh. Vì phá lập làm tông nói sinh trí xong làm thể, xô bẻ dị chấp của phàm tiểu, quyết định cương tông của Phật pháp, do vì giáo không trí thì đến chẳng viên, gỗ không dây mực thì chẳng thẳng. Tỷ đó có thể sinh tin chân thành, nhiếp phục nghi tâm của tà đạo. Lượng đó có thể định chân thuyên, dứt vọng thuyết của cuồng ngu, nên được vòng xoay của chánh pháp mãi chuyển yếu chỉ của duy thức. Rộng hưng hành thì sự có công hiển bày lý, lời có lực định bang. như Đại sư Từ Ân - Khuy Cơ nói: "Luận Nhân minh, nguyên chỉ Phật nói, văn rộng nghĩa rải rác đủ trong các kinh" nên trong luận Địa Trì nói: "Bồ-tát cầu pháp, phải cầu ở đâu? Phải nơi tất cả ngũ minh mà cầu. Cầu nhân minh là phá tà luận, an lập chánh đạo ở kiếp sơ, túc mục sáng lập nên chân tợ, mãi đến thế thân lại trình bày quỷ thức, tuy tuyệt cương rồi liệt bày mà sâu sắc chưa phân. Nên khiến khách chủ đối dương còn nghi quy tắc của lập phá. Có Bồ-tát Trần-na được đời nêu danh, là một Phật trong ngàn Phật ở hiền kiếp vậy, ẩn vết chốn rừng chầm, gá ở núi non gìn giữ quán xem lợi hại của thuật tác, xét rườm rà hay ước lược của văn nghĩa, bấy giờ hang cốc chấn động gầm rống, mây mốc đổi sắc, thần núi nâng chân Bồ-tát lên cao vài trăm trượng mà xướng rằng: "Phật nói Nhân minh, huyền dịu khó cùng, sau khi đức Như Lai diệt độ, đại nghĩa lắng tuyệt, nay mai có bậc phước trí xa vời, thấu đạt sâu thánh chỉ, đạo lý nhân minh, nguyện hoằng truyền lại! Bồ-tát mới tỏa phóng thần quang chiếu soi cơ cảm, khi ấy, vua nước An-đạt-la ở xứ nam Ấn Độ thấy tỏa phóng ánh sáng, nghi ngờ mà nhập định kim cang dụ cầu thỉnh chủng quả vô học. Bồ-tát bảo: Nhập định quan sát sắp giải thích kinh sâu mầu, tâm mong đại giác, chẳng phải nguyện tiểu quả;Vua thưa: "Quả vô học là các Thánh kính ngưỡng, xin tôn kháng chứng!" Bồ-tát vỗ về đó. Muốn toại tâm vua cầu thỉnh, Bồ-tát Diệu Cát Tường nhân khảy móng tay mà cảnh răn rằng: "Sao bỏ tâm lớn mới dấy chí nhỏ? Vì lợi ích rộng lớn sẽ chuyển tuyên Du-già do Di-lặc giảng nói, khuông sữa chánh lại giềng mối suy đồi, có thể chế Nhân minh trở lại thành quy củ" Bồ-tát Trần-na kính vâng chỉ dạy, phụng đem khắp cùng, khi ấy, đàm luận tư duy nghiên cứu tinh túy, mới làm luận Nhân minh chánh lý môn, chánh lý là thể nghĩa của các pháp vốn chân, môn là sở do của quyền hành chiếu giải" lại trong luận Du-già nói: "Sao gọi là xứ nhân

minh? Vì ở trong quán sát nghĩa, các nơi có sự, chỗ kiến lập pháp gọi là quán sát nghĩa, năng tùy thuận pháp, gọi là các chỗ có sự, các chỗ có sự tức là nhân minh, vì nhân chiếu sáng (minh) quán sát nghĩa vậy, vả lại, như ngoại đạo chấp âm thanh là thường, nếu chẳng đem lượng tỷ phá đó, thì do đâu mà phá chấp? như ngoại đạo lập lượng rằng: Âm thanh là có pháp, quyết định thường là tông, nhân là: Vì tánh sở tác vậy. Đồng dụ như hư không, do gì hư không chẳng phải tánh sở tác thì nhân trên chẳng chuyển, dẫn dụ chẳng ngang bằng. Lập âm thanh là thường chẳng thành, nếu trong Phật pháp thì âm thanh là vô thường, lập lượng rằng: Âm thanh là có pháp quyết định là vô thường là tông, nhân là vì tánh sở tác vậy. Đồng dụ bình bồn, dụ khác như hư không, v.v... vậy biết nếu không tỷ lượng thì sao có thể hiển chánh dẹp tà? Do đó, lý địa thật tế chẳng nhận một mãy trần, trong môn Phật sự chẳng bỏ một pháp, nếu muốn học phương tiện của chư Phật, phải đầy đủ hạnh khắp cùng của Bồ-tát, mỗi mỗi suốt rành mới thành đại hóa, như trên nêu dẫn rộng về văn nói tạng thức, chỗ Phật tổ chỉ dạy, đều kinh luận cùng lập, bản thức thứ tám là nhất tâm chân như rộng lớn vô biên, thể tánh vi tế, hiển bày nguồn tâm mà không ngoài, bao gồm tánh tướng mà đều thông chiếm danh giữ chủng, làm chủ tổng báo, dựng thể của hữu tình, lập nhân của Niết-bàn, ở sơ vị mà gọi chung là A-lại-da, ở quả cùng cực thì chỉ xưng là vô cấu, đầy đủ trí địa của căn bản và hậu đắc, thành lợi môn của tự và tha, tùy có chấp không chấp mà lập nhiều sinh, căn cứ nhiễm duyên mà làm các thể mang chứa tất cả mà như thái hư bao gồm, hiện muôn pháp mà tợ địa địa phát sinh, thì pháp nào chẳng thâu, không môn nào chẳng vào, chỉ vì mê giải của một chân làm quán thứ hai, mới đầu nhân tâm giác minh năng liễu, phát khởi tướng của trần lao trong ngoài, ở một tròn lắng chiết ra căn trần, nhóm tụ trong bốn đại làm thân, phân ngoài bốn đại làm cảnh. Trong lấy thức tình làm dó, ngoài nhân tướng tướng làm trần, không niệm mà cảnh suốt nhất như, có tưởng mà chân thành muôn khác, nếu năng tâm dung hòa pháp giới, cảnh rộng chân không màng, huyễn toàn tiêu, một đạo sáng hiện, có thể gọi là xé lưới kín của đường mê, kéo lớp chốt của cửa giác, mê mộng tỉnh mà đại giác thường sáng, cuồng tánh hết, mà đầu gốc tự hiện.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 52

Phàm, thức năng biến thứ hai là, như trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

"Thức năng biến thứ hai,
Thức ấy tên Mạt-na,
Nương kia chuyển duyên kia,
nghĩ lường làm tánh tướng,
Bốn phiền não thường cùng,
Là ngã si ngã kiến,
Và ngã mạn ngã ái,
Và xúc thảy đều cùng,
Hữu phú vô ký gồm,
Tùy chỗ danh chỗ kẹt,
A-la-hán diệt định,
Đạo xuất thế không có."

Cho đến, nên biết ý đây chỉ duyên kiến phần tạng thức, chẳng phải có thứ khác, kia từ vô thủy đến nay chỉ một loại tương tục tợ thường tợ một, luôn cho các pháp làm chỗ nương tựa vậy. Đây chỉ chấp kia là tự ngã bên trong. Ngã là nói về thế lực nên nói ngã chỗ nói, hoặc đây chấp kia là ngã của ngã, nên ở một nghĩa thấy mà nói hai nghĩa, nếu nói vậy là thuận giáo lý, nhiều nơi chỉ nó có ngã kiến nên ngã và ngã sở chấp chẳng cùng khởi vậy, chưa đạt quả vị chuyển y thì chỉ đạt tạng thức, đạt quả vị chuyển y rồi cũng duyên chân như và các pháp khác. Tánh trí bình đẳng chứng được mười thứ tánh bình đẳng vậy, vì các hữu tình duyên giải sai biệt, bày hiện các thứ ảnh tượng Phật vậy. Giải thích: thức thứ bảy đây chỉ duyên kiến phần, chẳng phải các tướng phần chủng tử tâm sở v.v... khác, chỉ duyên kiến phần, nghĩa là từ vô thủy đến nay vi tế một loại tợ thường tợ một, chẳng đoạn nên tợ thường chọn lựa cảnh giới, các pháp sắc v.v... kia đều gián đoạn vậy, chủng tử cũng vậy, hoặc bị tổn phục, hoặc có lúc vĩnh đoạn, do đây ngăn cản chấp các thức

khác là ngã. Tợ một nên chọn lựa tâm sở, tâm sở có nhiều pháp vậy, cớ sao chẳng duyên các thức khác? Phàm nói ngã là có tướng các dụng, kiến phần thọ cảnh tướng tác dụng hiển bày, tợ ở ngã vậy, chẳng duyên các thức khác dụng của tự chứng v.v... tinh tế khó biết.

Hỏi: Sao chẳng chỉ duyên một thọ v.v... làm ngã, cũng thường một vậy?

Đáp: Phàm nói ngã là nghĩa tự tại, nghĩa chủ muôn vật, cùng tốt cả pháp mà làm chỗ nương tựa. Tâm sở chẳng vậy, không thể làm ngã, chỉ tâm vương là chỗ nương tựa vậy. Thức thứ bảy đây luôn chấp làm ngã bên trong, chẳng phải sắc v.v... vậy, chẳng chấp làm ngã bên ngoài. Nếu chỉ duyên thức, tức chỉ khởi ngã không có ngã sở. Ngã là nói về thế lực vậy. Trong luận nói ngã chỗ nói chẳng phải là lìa ngã, riêng khởi chấp ngã sở, chỉ chấp thức thứ tám là ngã của ngã. Năm uẩn trước giả là ngã của thức thứ sáu duyên, ngã sau là chỗ chấp của thức thứ bảy, hoặc ngã trước niệm trước, ngã sau niệm sau, cả hai đều là chỗ chấp của thức thứ bảy, hoặc tức một niệm chấp đây tức phải, đây chỉ chỗ chấp của thức thứ bảy, hoặc trước là thể, sau là thức dụng ở trên một ngã kiến, cũng nghĩa nói đó là ngã và chỗ hai lời thật chỉ một ngã kiến, nhiều nơi chỉ nói có ngã kiến vậy là như trong luận Du-già nói: “Do Mạt-na đây, ngã kiến mạn v.v... luôn cùng tương ưng”, luận Hiển Dương nói: “Do ý căn đây, luôn cùng ngã kiến ngã mạn v.v... tương ưng” ngã và ngã sở chấp chẳng cùng khởi vậy là, hành tướng và cảnh hai đều riêng biệt vậy, chẳng thể đều sinh, không sự đây vậy, nếu đã là quả vi chuyển y thì thiện tâm v.v... có thể vậy, kia chẳng phải chấp nên cũng chẳng thể sánh ví. Nhân chấp pháp chấp cảnh là một vậy, nên chưa khởi đối trị đoạn ngã chấp đó gọi là chưa chuyển y chỉ duyên tạng thức. Từ Sơ địa trở đi đã đạt quả vị chuyển y rồi vào tâm vô lậu, cũng duyên chân như và tất cả pháp khác, hàng Nhị thừa vô học v.v... chỉ duyên thức dị thục. Chứng được mươi thứ tánh bình đẳng là, như trong kinh Phật Địa nói: “Một là, các tướng tăng thượng hỷ ái; hai là, tất cả lãnh thọ duyên khởi; ba là, xa lìa vị tướng chẳng phải tướng; bốn là, hoằng tế đại từ; năm là, không đợi đại bi; sáu là, tùy chỗ các hữu tình vui thích mà thị hiện; bảy là, tất cả hữu tình là chỗ ta thích nói; tám là, thế gian tịch tĩnh đều đồng một vị; chín là, các pháp thế gian khổ vui một vị; mười là, tu trồng vô lượng công đức cứu cánh” tức biết mười địa hữu tình duyên giải ý lạc sai biệt, năng khởi ảnh tượng của thân thọ dụng. Trong luận nói: “Chưa đạt quả vị chuyển y, luôn thẩm xét tư duy lại tướng chỗ chấp ngã, đã đạt quả vị chuyển y rồi cũng thẩm xét tư lương tướng vô ngã vậy” là thức

Mạt-na thứ bảy lấy nghĩ lường làm tự tánh, trong luận gồm Đại thừa nói: "nghĩ lường là ý, tức tự chứng phần, trước thức thứ tám, liễu biệt là hành tướng" nay đã nói ý, nên biết tức là hành tướng thức thứ bảy, tức là kiến phần, thể tánh khó biết, vì hành tướng hiển bày, kỳ thật tư lương là hành tướng, thể đó tức là thức uẩn nhiếp vậy, từ sơ địa trở về trước, hàng nhị thừa hữu học luôn thẩm xét nghĩ lường ngã tướng, biết Mạt- na hữu lậu, đã đạt quả vị chuyển y rồi cũng thẩm xét nghĩ lường tướng vô ngã, cũng gọi là Mạt-na vậy. Trong luận hỏi: "Như Đức Thế Tôn nói: Xuất thế Mạt-na làm sao kiến lập? Đáp: Có hai nghĩa: Một gọi là chẳng hẳn vô nghĩa vô lậu kia, thức thứ bảy chẳng gọi là Mạt-na, mà gọi là giả vậy; hai là năng thẩm xét tư lương tướng vô ngã nên cũng gọi là Mạt-na, hiển bày thông cả vô lậu" tức biết danh đây chẳng phải chỉ hữu lậu. Trong luận nói: "Nghĩa là từ vô thủy đến lúc chưa đạt quả vị chuyển y, ý đây mặc tình luôn duyên tạng thức cùng bốn phiền não căn bản tương ưng. Ngã si, nghĩa là vô minh ngu ở tướng ngã mê lý vô ngã nên gọi là ngã si, ngã kiến, nghĩa là là ngã chấp, đối với pháp chẳng phải ngã vọng chấp làm ngã, nên gọi là ngã kiến, ngã mạn, nghĩa là cứ ngạo, cậy chỗ chấp ngã khiến tâm cao cử, nên gọi là ngã mạn. Ngã ái, nghĩa là ngã tham, đối với chỗ chấp ngã, sinh đắm trước sâu, nên gọi là ngã ái, cho đến bốn thứ này thường khởi quấy đục nội tâm, khiến chuyển thức ngoài luôn thành tạp nhiễm, hữu tình do đây mà sinh tử luân hồi chẳng thể ra khỏi, nên gọi là phiền não" giải thích: Ý thứ bảy đây, trừ ngoài bốn hoặc chẳng cùng các tâm sở khác tương ưng: Một là, hằng (luôn) vậy; hai là, nội chấp (chấp bên trong) vậy; ba là, một loại cảnh sinh vậy. Do đó mà chẳng tác ý mà hướng ngoại rong cầu, chỉ mặc tình mà một hướng chấp bên trong. Thức thứ bảy đây đối với trong năm thọ chỉ tương ưng với xả thọ. Trong luận nói: "Đây từ vô thủy đến nay nhâm vận một loại duyên chấp ngã bên trong, luôn không chuyển đổi, cùng biến khác thọ chẳng tương ưng vậy, lại hỏi: Mạt-na tâm sở tánh nào nhiếp thuộc? Trong luận đáp: Ý đây tương ưng với bốn phiền não v.v... là nhiễm pháp, nên chướng ngại thánh đạo, ẩn che chân tâm gọi là hữu phú, chẳng phải thiện chẳng thiện, nên gọi là vô ký, nếu đã đạt quả vị chuyển y, chỉ là tánh thiện" trong kinh Mật nghiêm có kệ tụng nói: "Mạt-na duyên tạng thức, như nam châm hút sắt, như rắn có hai đầu, mỗi riêng làm nghiệp nó, nhiễm ý cũng như vậy. Chấp thủ A-lại-da năng làm sự nghiệp ngã, tăng trưởng ở ngã sở, lại cùng ý thức chung, làm nhân mà chuyển rụng, nơi thân sinh noãn xúc, vận động làm các nghiệp, ăn uống cùng vận mặc, tùy vật mà thọ dụng, nhảy nhót hoặc

ca múa, các thứ tự dạo vui, trì các thân hữu tình, đều do công lực ý, như lửa xoay rủ tóc, thành của Càn-thác-bà, chẳng rõ chỉ tự tâm, rộng khởi các phân biệt, thân tướng khí thế gian, như thế động cây đu, không lực chẳng kiên cố, phân biệt cũng như vậy, phân biệt không chỗ nương, chỉ hành nơi tự cảnh, thí như ảnh trong gương, thức chủng động mà thấy, ngu phu mê hoặc đây, chẳng như các minh trí, nhân chủ nên phải biết, ba đây đều thực hiện, ở nơi xa lìa đó, là tức viên thành thật"

Hỏi: Ý đây có mấy thứ sai biệt?

Đáp: Lược có ba thứ, trong luận nói: "Một là, Bổ-đặc-già-la tương ưng ngã kiến; hai là, pháp tương ưng ngã kiến; ba là, tánh trí bình đẳng tương ưng. Thứ nhất là, thông tất cả các loài dị sinh tương tục, hàng nhị thừa hữu học. Từ hàng thất địa trở về trước, một loại Bồ-tát địa vị tâm hữu lậu, kia duyên với thức A-lại-da khởi Bổ-đặc-già-la ngã kiến. Thứ hai, thông tất cả loài dị sinh Thanh văn, Độc giác tương tục, tất cả Bồ-tát pháp không trí quả ở địa vị chẳng hiện tiền, kia duyên với thức dị thục khởi pháp ngã kiến. Thứ ba, thông với tất cả Như Lai tương tục, Bồ-tát kiến đạo và pháp không trí quả trong thuận đạo ở địa vị hiện tại trước kia duyên với thức dị thục vô cấu v.v... khởi trí tánh bình đẳng".

Hỏi: Nhân pháp hai chấp đều khởi, cớ sao phân vị trước sau chẳng đồng?

Đáp: Nhân pháp hẳn nương pháp chấp khởi, lại pháp ngã thông cùng, nhân ngã hạng cục. Trong luận nói: Bổ-đặc-già-la ngã kiến khởi vị, pháp kia ngã kiến cũng chẳng hiện tiền, ngã chấp hẳn nương pháp chấp mà khởi, như nếu mê loạn....các phượng cho là người bằng vậy". Giải thích: Nay nêu bày quả vị trước hẳn mang theo quả vị sau, vì trước là ngắn vậy, vị nhân ngã hẳn có pháp ngã, phân ngã hẳn nương pháp ngã khởi vậy. Nhân ngã là dụng của chủ tể tác giả v.v... vậy tác giả có thắng dụng tự tánh v.v... vậy tức pháp ngã thông khắp nhân ngã hạng cục.

Hỏi: Thức thứ bảy đây, cớ sao lìa nhãn v.v... các thức mà riêng có tự thể? Nêu ra từ kinh văn nào?

Đáp: Trong luận nói: "Chánh lý thánh giáo là định lượng vậy" nghĩa là Bổ-đặc-già-la nói khắp trong các kinh. Tâm ý thức nghĩa riêng biệt, tập khởi gọi là tâm, nghĩ lường gọi là ý, liễu biệt gọi là thức. Thức thứ tám gọi là tâm, nhân tập chủng các pháp và khởi các pháp vậy. Thức thứ bảy gọi là ý, duyên tạng thức v.v... luôn thẩm xét nghĩ lường làm ngã v.v... vậy, ngoài ra sáu thức trước gọi là thức, đối với sáu cảnh riêng biệt thô động gián đoạn liễu biệt chuyển vậy, như trong kinh

Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

"Tạng thức gọi là tâm,
Tánh nghĩ lường là ý,
Năng rõ tướng các cảnh,
Đó gọi tên là thức".

Giải thích: Tuy thông tám thức đều gọi là tâm ý thức, mà tùy thắng hiển, thức thứ tám gọi là tâm, vì tất cả các pháp hiện hành huân tập chủng hiện hành làm nương tựa, chủng tử thức làm nhân, năng sinh tất cả pháp vậy, là khởi các pháp, thức thứ bảy gọi là ý, là hữu lậu trong nhân chỉ duyên ngã cảnh. Vô lậu duyên thức thứ tám và chân như, trên quả chấp thuận duyên tất cả pháp. Sáu thức trước gọi là thức, đối với sáu cảnh riêng biệt thể là thô động, pháp có gián đoạn liễu biệt chuyển vậy. Dễ rõ gọi là thô, chuyển dịch gọi là động, chẳng liên tục gọi là gián, mỗi mỗi có ưu thắng đây, nên mỗi có được tên riêng, lại trong luận nói: Nghĩa là trong Khế Kinh nói: Chẳng cùng vô minh vi tế, luôn hành che lấp chân thật, nếu không thức đây, thì kia đáng chẳng phải có, nghĩa là các hiện sinh nơi tất cả phần luôn khỏi mê lý, chẳng cùng với vô minh, che lấp nghĩa chân thật là chương mắt thắng tuệ, như có kệ tụng nói:

"Nghĩa thật tâm đang sinh,
Thường luôn làm chướng ngại,
Cùng hành tất cả phần,
Là chẳng cùng vô minh".

Cho nên trong Khế Kinh nói: "Loài dị sinh luôn ở đêm dài vô minh che phủ, mê say trói buộc tâm, chưa từng tỉnh giác, nếu vị dị sinh có lúc tạm chẳng khởi vô minh đây, bèn trái với nghĩa kinh". Nghĩa là ở vị dị sinh mê lý vô minh có, hành và chẳng hành chẳng đáng lý vậy, đây nương sáu thức đều chẳng được thành, nên đây gián đoạn kia luôn duyên vậy, chấp thuận có Mạt-na, bèn không lỗi đây. Giải thích: Như trong kinh Duyên Khởi nói có bốn thứ vô minh: Một là, hiện; hai là, chủng; ba là, tương ưng; bốn là, chẳng tương ưng. Hoặc có hai thứ: Cộng và chẳng cộng v.v... nay nói về chẳng cộng, nghĩa là vi tế đây thường hành, hành tướng khó biết, che lý vô ngã lấp trí vô lậu, gọi là che lấp chân thật, chân thật có hai: Một là, cảnh nghĩa là cảnh kiến phần vậy; hai là, nghĩa lý là chân như tức lý vậy.

Hỏi: Mạt-na nhiễm ở thường cùng bốn hoặc tương ưng, cớ sao nói chẳng cộng vô minh?

Đáp: Trong luận nói: "Nên nói trong bốn, vô minh là chủ, tuy

ba đều cùng khởi, cũng gọi là bất cộng, từ vô thủy luôn trong hôn mê, chẳng từng tỉnh xét, si tăng thượng vậy, cho đến gọi rằng thức thứ bảy tương ưng với vô minh, từ vô thủy luôn hành chướng trí nghĩa chân, thắng dụng như vậy các thức khác đều không, chỉ thức đây có nên gọi là chẳng cộng, lại chẳng cộng vô minh, gồm có hai thứ: Một là, luôn hành chẳng cộng, các thứ khác không có; hai là độc hành chẳng cộng, thức đây chẳng phải có. Giải thích: Chủ, nghĩa là tự tại, nghĩa làm nhân nương tựa, cho kia làm nương tựa, nên gọi là chẳng cộng. Tại sao vô minh gọi là chẳng cộng? Nghĩa là từ vô thủy đến nay hiển bày đêm dài thường khởi, luôn hôn mê bên trong, lúc rõ tất cả, chẳng rõ lý không, chẳng từng tỉnh xét, hiển bày luôn chấp ngã không lúc theo trở lại, ý đây gồm hiển suy chủ nghĩa tự tại: Một luôn hành chẳng cộng, thức đây cùng là chỗ luận của nay đây, các thức khác không có vậy; hai độc hành chẳng cộng, là cùng phẫn v.v... tương ưng khởi gọi là độc hành. Hoặc chẳng cùng các thức khác đều khởi vô minh, riêng mê mờ đế lý. Thức đây chẳng phải có, lại chẳng cộng vô minh là, vô minh là chủ, nên gọi là chẳng cộng, vì chủ là nghĩa chẳng cộng, chẳng cộng tức là nghĩa của độc nhất, nghĩa là vô minh là nghĩa đen tối (ám) thức thứ bảy cùng vô minh luôn hành chẳng đoạn, là nghĩa đen tối lâu dài, do đen tối lâu dài nên còn gọi là đêm dài, chỉ vô minh đây là thể đêm dài, các pháp khác đều không của nghĩa đêm dài, chỉ xúc đây có nên gọi là chẳng cộng, trừ đây ra, các pháp khác có một loại nghĩa lâu dài tương tục mà không nghĩa đen tối. Hoặc có một loại tuy có nghĩa đen tối mà không nghĩa lâu dài tương tục. Nên làm bốn câu để phân biệt: Một là, có lâu dài mà chẳng phải là đêm, như thức thứ bảy cùng tham v.v... ba thứ và và trí diệu quán sát trí tánh bình đẳng tương ưng tâm phẩm v.v...; hai là, có đêm mà chẳng phải lâu dài, như sáu thức trước tương ưng với vô minh; ba là, lâu dài và cũng là đêm, như thức thứ bảy củng vô minh vậy; bốn là, chẳng phải lâu dài chẳng phải đêm, là sáu thức trước trừ vô minh, ngoài ra, thủ tham v.v... và thiện v.v... trong nhân, hai trí quán sát và thành sự trong quả tương ưng với tâm phẩm v.v... nay thức thứ bảy đây cùng với vô minh, chuẩn cứ đây chẳng chỉ chẳng cùng các thức các cộng, mà gồm cùng chẳng cùng tự tụ tham v.v... ba thứ cộng, nghĩa là tuy đồng tụ tham v.v... đều khởi mà tham v.v... không nghĩa đêm dài đen tối, tham v.v... lấy nhiễm trước v.v... làm nghĩa, Đây lấy lâu đen tối làm nghĩa, cùng với kia chẳng đồng, nên gọi là chẳng cộng. Đây vì thức thứ bảy luôn luôn mê mờ đen tối gọi là chẳng cộng. Trong sáu thức không nghĩa hằng thời (luôn luôn) chỉ có nghĩa của độc khởi gọi là

chẳng cộng.

Hỏi: Luôn hành chẳng cộng vô minh tương ưng có mấy thứ nghĩa?

Đáp: Có bốn nghĩa, các bậc cổ đức nói: Một là, nghĩa chủ là sáu thức trước vô minh là khách, có gián đoạn vậy. Thức thứ bảy vô minh là chủ không gián đoạn vậy; hai là, luôn hành trong vị hữu lậu thường khởi hiện hành chẳng gián đoạn, nên gọi là hằng (luôn) hành; ba là, chẳng cộng, chẳng đồng độc đầu thức thứ sáu, gọi là chẳng cộng. Thức thứ sáu chẳng cộng, chỉ chẳng cùng chín phiền não khác đồng khởi gọi là chẳng cộng. Nếu thức thứ bảy gọi là chẳng cộng là chướng thắng pháp vô lậu vậy. Lại luôn hành chẳng vậy, bốn trước lúc sáu thức thông tâm ba tánh, thức đây vô minh đều khởi hiện hành, nghĩa là sáu thức trước lúc tâm tánh thiện, đối với bố thí v.v... chẳng thể quên mất tướng, đều là thức thứ bảy luôn hành chẳng cộng vô minh chấp ngã bên trong. Khiến sáu thức v.v... lúc hành bố thí chẳng thể đạt ba luân thể không. Lại vì có chẳng cộng vô minh thường năng làm chướng, mà khiến đang sinh trí vô lậu kia chẳng sinh. Vô minh đây cùng thức thứ bảy đều có vậy, đến nay chẳng xả bỏ nên gọi là cùng (câu) hành. Lại trong kinh nói: "Nhãn sắc làm duyên sinh ở nhãn thức, cho đến ý pháp làm duyên ở ý thức, nếu không thức đây, ý kia chẳng phải có nhãn căn sắc cảnh là hai duyên năng phát dẫn được nhãn thức, cho đến ý thức (?) pháp cảnh là hai duyên năng phát được ý thức. Nếu không thức thứ bảy, tức nên thức thứ sáu chỉ có một pháp cảnh làm duyên nên không chỗ nương tựa căn duyên vậy. Đã có đều có căn là, biết rõ tức là thức thứ bảy cùng thức thứ sáu là đều có căn. Theo Tiểu thừa nói: Tông ta lấy trái tim (nhục đoàn) cùng thức thứ sáu làm nương tựa, nào cần riêng chấp có thức thứ bảy ư? Luận chủ phá xích nói: "cũng chẳng thể nói thức thứ sáu nương tựa nói sắc vậy, thức thứ sáu hẳn nương tựa ý mà có. Nói ý tức chẳng phải là sắc vậy, lại nói thức thứ sáu có ba phân biệt là tùy niệm kế độ tự tánh phân biệt vậy, nếu chấp thuận thức thứ sáu nương tựa sắc mà trú tức đồng như năm thức trước, không hai thứ phân biệt tùy niệm và kế độ" cứu nói "tông ta nói về năm thức là căn trước thức sau vậy, tức năm căn niệm trước phát năm thức niệm sau" luận chủ bác bỏ nói: "chỉ có căn là, như mầm nương tựa hạt nẩy mầm và hạt đồng thời. Ảnh gá thân sinh, thân ảnh đồng có thức nương căn phát, lý hẳn đồng thời không căn niệm trước phát thức hai niệm sau vậy. Đã nếu năm thức có đều có căn, đem chứng minh thức thứ sáu cũng có đều có căn tức thức thứ bảy ấy vậy". Tiểu thừa nói: chỉ là thức thứ sáu v.v... không gián đoạn, gọi là ý nghĩ lường ý, sao cần riêng nói thức thứ bảy ý nghĩ lường Luận chủ bác

bỏ nói: “Tạm như thức thứ sáu lúc hiện ở trước niệm v.v... không gián đoạn, ý đã diệt không thể làm sao có dụng nghĩ lường gọi là ý ư? Vả lại như thức thứ sáu nếu lúc ở hiện tại tuy có nghĩ lường luôn gọi là thức, chẳng gọi là ý, cần đối đãi quá khứ mới gọi là ý vậy, phải tin có thức thứ bảy đầy đủ hằng thẩm nghĩ lường mới được gọi là ý. Ý nghĩa là y chỉ (nương dừng). Nếu ý đẳng vô gián nương thức thứ bảy đây giả được tên ý, đều có nương dừng; dụng của tư lương vậy. Lại thức thứ bảy cùng bốn hoặc chung đồng, gọi là ô nhiễm, hằng thẩm tư lương gọi đó là ý, thường có luôn hành chẳng cộng vô minh, nên gọi là nhiễm ô, chánh là tánh hữu phú, tức che nghĩa chân duyên lấp trí tịnh diệu, hằng thẩm xét nghĩ lường. Đây chọn thức thứ tám và sáu thức trước hằng nghĩa là chẳng gián đoạn, thẩm là quyết định chấp ngã pháp.

Hỏi: Thức thứ tám cũng không gián đoạn, thức thứ sáu quyết định có nghĩ lường sao chẳng gọi là ý?

Đáp: Có bốn câu: Một là, hằng mà chẳng xét, thức thứ tám hằng không gián đoạn, chẳng xét nghĩ lường ngã pháp vậy; hai là xét mà chẳng phải hằng tức thức thứ sáu tuy xét nghĩ lường mà chẳng phải hằng, nên chẳng gọi là ý. Năm thức trước đều chẳng phải, chẳng phải hằng chẳng phải xét, thức thứ bảy đều gồm mà hằng xét nên riêng gọi là ý vậy.

Hỏi: Thức thứ bảy nghĩ lường pháp nào?

Đáp: Chấp kiến phần thức thứ tám nghĩ lường có ngã pháp vậy, hàng nhị thừa vô học không ngã gồm, vì nghĩ lường pháp ngã chấp, nên gọi là ý, Phật quả ngã chấp pháp chấp đều không hằng xét lường lý vô ngã. Phật ngã thức thứ bảy cũng gọi là ý.

Hỏi: Vì thức thứ bảy tự thể có nghị lường, vì thức thứ bảy tương ưng với tư trong biến hành, nên gọi là tư lương ý ư?

Đáp: chấp tâm sở nghĩ lường, tức tám thức đều có, tư đâu riêng thức thứ bảy.

Hỏi: Nếu chỉ chấp thủ tự thể có nghĩ lường, tức đâu dùng tư trong tâm sở ư?

Đáp: Có đủ hai nghĩa: Một là có tương ưng nghĩ lường; hai là cũng tự thể nghĩ lường. Nay chấp tự thể có nghĩ lường gọi là ý.

Hỏi: Tâm sở cùng tâm nương, một thứ là thường xét nghĩ lường chấp thức thứ tám làm ngã, cớ sao chẳng nói tâm sở là ý?

Đáp: Nói ý là nghĩa y chỉ (nương dừng) tâm sở tuy hằng xét nghĩ mà chẳng phải là chủ, là pháp yếu kém, chẳng phải chỗ nương dừng nên chẳng gọi là ý; hai là tự thể thức có nghĩ lường, cùng bảy thức khác

làm chỗ nương dừng, chỉ thủ tâm vương tức gọi là ý vậy.

Hỏi: Nếu nói tự thể có nghĩ lường gọi là ý, tức thức thứ bảy có bốn phần, phần nào gọi là ý nghĩ lường?

Đáp: Có hai giải thích: kiến phần thứ nhất gọi là nghĩ lường, hai phần bên trong chẳng gọi là nghĩ lường, chỉ gọi là ý, kiến phần chẳng gọi là ý, có nghĩ lường vì là dụng vậy. Nghĩ lường ngã và vô ngã hai phần bên trong chẳng thể nghĩ lường ngã và vô ngã chỉ gọi là ý, vì là thể vậy, kiến phần thứ hai là tướng nghĩ lường, tướng là tướng trạng thể tướng. Hai phần bên trong là tánh nghĩ lường, tức trong ngoài đều gọi là ý. Ba phần đều nghĩ lường, chỉ trừ tướng phần, tướng phần là cảnh sở lượng vậy.

Hỏi: Làm sao được biết ba phần trong ngoài đều là nghĩ lường?

Đáp: Trong luận Duy thức nói: "nghĩ lường làm tánh tướng" hai phần bên trong là thể gọi là tánh nghĩ lường, kiến phần bên ngoài là tướng nghĩ lường là dụng, một thứ là nghĩ lường, ba phần gọi là ý, túc chẳng thủ tướng phần gọi là nghĩ lường, vỉ không dụng năng duyên vậy.

Hỏi: Kiến phần duyên chấp ngã pháp, tức nghĩ lường ngã nên được gọi là nghĩ lường, tự chúng phần chẳng duyên nơi tướng phần ngã, cớ sao tự chứng phần cũng gọi là nghĩ lường?

Đáp: Tự chứng phần chứng kiến phần kia nghĩ lường ngã chấp vậy cũng gọi là nghĩ lường.

Hỏi: Kiến phần nghĩ lường ngã, là chẳng phải lượng nhiếp, tự chứng phần chứng kiến phần kia nghĩ lường ngã, tự chứng phần cũng là chẳng phải lượng ư?

Đáp: Kiến phần nghĩ lường ngã, kiến phần vọng chấp nên gọi là chẳng phải lượng. Tự chứng thể là chứng kiến phần bên trong vọng chấp vậy, tự chứng thể hiện lượng, tức thể dụng đều là nghĩ lường, tức hai phần bên trong cũng gọi là ý, cũng gọi là thức, kiến phần cũng gọi là ý cũng gọi là thức, là dụng của ý vậy, nghĩ lường là dụng, ý là thể, tư lương tức ý, thuộc trì nghiệp thích vậy.

Hỏi: Thức thứ bảy chỉ duyên kiếp phần thức thứ tám làm ngã, cớ sao chẳng thủ tướng phần và hai phần bên trong v.v...?

Đáp: Tướng phần gián đoạn, lại là duyên bên ngoài, hai phần bên trong làm dụng chìm ẩn khó biết nên chẳng chấp vậy, chủng tử không tác dụng vậy, chẳng chấp làm ngã, vì tác dụng của kiến phần hiển hiện vậy.

Hỏi: Thức thứ bảy ba lượng giả thật làm sao phân biệt?

Đáp: Xưa trước giải thích ba lượng phân biệt là, kiến phần thức thứ bảy là chẳng phãi, vì cảnh chẳng xứng tâm vậy, kiến phần thức thứ tám vốn chẳng phải ngã, nay thức thứ bảy vọng chấp làm ngã, tức chẳng xứng bản chất, lại thân gần duyên kiến phần thức thứ tám, chẳng phải đấm trước, biến tướng phần duyên tướng phần, vốn chẳng phải là ngã, thức thứ bảy lại chấp làm ngã, lại chẳng xứng tướng phần, tức hai lớp chẳng xứng cảnh, nên biết là chẳng phải phi lượng, giả thật phân biệt là, thức thứ bảy duyên bản chất khác, kiến phần thức thứ tám chẳng hiển rõ, chỉ duyên được trung gian, giả ngã tương phần vậy, cảnh giả chẳng phải thật.

Hỏi: Trung gian tướng phần, quyết định là giả hay cũng thông với thật?

Đáp: Thức thứ bảy, trung gian tướng phần là giả, không thật chủng sinh, chỉ từ hai đầu khởi. Tướng phần đây bèn thông hai tánh, nếu một nữa từ trên bản chất khởi là tánh không che đậy, tức thuộc bản chất, nếu một nửa từ tự trên kiến phần thức thứ bảy năng duyên khởi, là đồng kiến phần là tánh có che đậy, chỉ hai đầu tâm pháp sáng rỡ khởi thành một tướng phần. Nay nói cảnh giả là chỉ nói về tùy vọng tâm tướng phần ngã để nói.

Hỏi: Nếu nói thức thứ bảy ngay tình tướng phần chỉ là giả, từ hai đầu khởi, thông với hai tánh, nên có thể trong tướng phân ngã, sở duyên của thức thứ bảy, một nửa có che đậy, một nửa không che đậy, một nửa là ngã một nửa là chẳng phải ngã ư?

Đáp: Trên kiến phần thức thứ tám nơi khởi tướng phần tánh vô phú cùng năng duyên tướng phần do vọng tâm thức thứ bảy biến kế, kín hợp một nơi, nếu là thức thứ bảy chỉ tự chấp vọng khởi biến kế tánh hữu phú tướng phần giả làm tự ngã bên trong, tuy kín hợp một nơi cũng chẳng phạm lỗi thông hai tánh trong chỗ chấp ngã, như vị mặn trong nước, chỉ chấp là nước chẳng chấp ở muối, nước và muối nguyên chẳng lìa nhau.

Hỏi: Thức thứ bảy tự có tướng phần, cớ sao chẳng tự duyên tướng phần mà duyên kiến phần thức thứ tám làm ngã ư?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Nay nói duyên kiến phần tức là duyên xa. Nếu nói gần thì nghĩa duy thức ở đâu? Lại hỏi: Giả sử chấp thuận duyên xa thức thứ tám, thì tự thức thứ bảy ở trên pháp nào khởi chấp? Đáp: Ở tướng phần tự thức khởi chấp. Lại hỏi: kiến phần tướng phần khác nhau gì? Đáp: Nếu luận về cảnh bên ngoài, thì tướng phần toàn khác, nếu căn cứ tâm mà luận thì tướng phần kiến phần không khác nhau. Tướng phần

tức là kiến phần. Nên trong kinh nói: "Tâm như tướng hiển hiện, kiến như tâm chỗ nương".

Hỏi: Nếu không có Mạt-na thì có những lỗi gì?

Đáp: Nếu không thức thứ bảy, thì không phàm đáng chán, không thánh đáng chuộng, phàm thánh chẳng thành, nhiễm tịnh đều mất. Trong luận nói: "Cho nên quyết định riêng có ý đây", lại trong Khế Kinh nói: "Hữu tình vô tưởng, tâm tâm sở diệt trong một kỳ sinh. Nếu không có thức đây, thì kia lẽ không nhiễm" nghĩa là thời gian dài kia không có sáu chuyển thức, nếu không ý đây thì ngã chấp bèn không, cho đến, nên phải riêng có Mạt-na nhiễm ô, ở trời Vô tưởng luôn khởi nghĩa chấp, do thánh hiền đây đồng trách nhàm kia. Lại trong Khế Kinh nói: "Lúc tâm dị sinh thiện nhiễm vô ký luôn mang theo ngã chấp, nếu không thức đây, thì kia không nên có" nghĩa là các loại dị sinh lúc tâm ba tánh tuy ngoài khởi các nghiệp mà trong luận chấp ngã, là chấp ngã bên trong vậy, khiến chỗ khởi bố thí v.v... trong sáu thức chẳng thể mất tướng. Nên trong luận Du-già nói: "Nhiễm ô Mạt-na là thức tương dừng, lúc kia chưa diệt, tướng liễu biệt buộc chẳng được giải thoát, Mạt-na diệt rồi, tướng buộc giải thoát" nói tướng buộc (tướng triền) là điều ở cảnh tướng, chẳng thể rõ đạt mọi sự như huyễn v.v... do kiến phần tướng phần đây có buộc, chẳng được tự tại, nên gọi là tướng buộc, y cứ nghĩa như vậy, có Già-đà nói: "Ý nhiễm ô như vậy, là nơi nương của thức, ý đây lúc chưa diệt, thức buộc trọn chẳng thoát".

Giải thích: Ở cõi trời Vô tưởng luôn khởi ngã chấp, do đó mà hiền thánh đồng chê trách nhàm chán kia là, có thức thứ bảy ở kia khởi ngã chấp là dị sinh vậy, sau khi xuất định lại chìm đắm sinh tử, khởi các phiền não, thánh hiền chê trách kia, nếu không thức thứ bảy thì chẳng nên chê trách kia không lỗi quá mất quả. Do chấp ngã nên, khiến trong sáu thức khởi bố thí v.v... chẳng thể mất tướng là, ngã đây duyên ngoài, hành tương thô động, chẳng phải thức thứ bảy khởi. Do thức thứ bảy nên thức thứ sáu khởi đây, toàn do thức thứ bảy sinh, thêm rỏ làm luận, ngã chấp trong thức thứ sáu, thể có gián đoạn, thông với ba tánh. Tâm gian tạp sinh vậy, thức thứ bảy chẳng duyên cảnh bên ngoài sinh vậy. Trên đây lược ghi về thức Mạt-na thứ bảy, các giáo đồng phan tích, các hiền cộng giãi thích, mở đầu vào đạo ý đây phải rõ, là khởi nhân của thánh phàm, nên thấu cùng thể tánh, mới lập gốc của giải. Hoặc có thể rốt ráo cội nguồn, mê đó thì làm ngu chấp nhân pháp, ngộ đó thì thành trí tánh bình đẳng, đối với trong các thức riêng được tên ý, ở trong hữu lậu làm chủ vô minh, chẳng gián chẳng đoạn, vô tưởng định sữa mà chẳng

tiêu, thường xét thường hằng, trời Tứ không lánh mà lại khởi, tuy có che mà vô ký, chẳng chấp ngoài mà duyên trong, thường khởi hiện hành, năng che chân mà chướng đạo, chỉ xứng chẳng cộng, chỉ thành nhiễm mà nhuận sinh. Do đó, muốn thấu trần lao phải biết đường cốt yếu, đem thí diệu được, trước phải đợi rõ nguồn bệnh, nếu tế ý suy tầm ngầm tâm thể xét thì trần nào mà chẳng ra, bệnh nào mà chẳng tiêu. Môn đoạn hoặc đây là cốt yếu vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 53

Thức năng biến thứ ba là, trong luận duy thức có kệ tụng nói:

"Thứ năng biến thứ ba,
Sai biệt có sáu thứ,
Liễu cảnh làm tánh tướng,
Thiện chẳng thiện đều quấy".

Năng biến thứ ba đây là thức liễu biệt cảnh. Tự chứng phần là tánh liễu biệt, kiến phần là tướng liễu biệt, thức hữu phú hữu ký, lấy liễu cảnh làm tự tánh, tức lại dùng kia làm hành tướng vậy. Thì, liễu cảnh làm tự tánh thức cũng là hành tướng. Hành tướng là dụng, nên trong luận Duy thức nói: "Tùy sáu căn cảnh chủng loại khác nhau, nên hoặc gọi là sắc thức cho đến pháp thức, tùy cảnh mà lập danh lần thuận thức vậy" nghĩa là đối với sáu cảnh, liễu biệt gọi là thức, sắc v.v... năm thức chỉ liễu sắc v.v... pháp thức thông năng liễu tất cả pháp, hoặc năng liễu biệt pháp, riêng được tên là pháp thức, nên tên của sáu thức không lỗi xem lạm nhau.

Hỏi: Nếu ngoài tâm không thật sắc thì nhãn v.v... năm thức không có chỗ duyên ư?

Đáp: Trong luận Duy thức nói: "Tuy chẳng phải không sắc mà là thức biến, nghĩa là lúc thức sinh, do luật nhân duyên bên trong biến tợ nhãn v.v... sắc v.v... tướng hiện. Lấy tướng đây làm chỗ duyên nương tựa nhưng nhãn v.v... các căn chẳng phải hiện lượng được, vì năng phát thức tỷ biết là có, đây chỉ là công năng, chẳng phải chỗ tạo tác bên ngoài, ngoài có đối sắc, lý đã chẳng thành, nên phải chỉ là thức bên trong biến hiện. Giải thích: Nhãn v.v... tuy có sắc là chỗ nương tựa chỗ duyên, mà là chỗ thức biến hiện, chẳng phải là ngoài tâm riêng có cực vi để thành căn bản. Chỉ lúc tám thức sinh, do lực chủng tử nhân duyên bên trong v.v... mà thức thứ tám biến tợ năm căn năm trần, nhãn v.v... năm thức nương căn sở biến kia, duyên bản chất trần cảnh kia, tuy thân gần mà chẳng được mang gá kia sinh, thật ở trên sắc trần bản thức, biến làm bản

thức năm trần hiện tức lấy năm căn kia làm chỗ nương tựa, lấy hai thức năm trần của kia và đây làm sở duyên duyên. Năm thức nếu chẳng gá chỗ biến của thức thứ tám, bèn không sở duyên duyên, trong sở duyên duyên có thân (gần) và sơ (xa) vậy. Nhưng nhãn v.v... các căn chẳng phải hiện lượng được là, sắc v.v... năm trần thế gian cùng thấy, chỗ hiện lượng được nhãn v.v... năm căn chẳng phải hiện lượng được, trừ duyên của thức thứ tám và duyên của Như Lai v.v... là hiện tượng được thế gian chẳng cùng tin, trừ trong tán tâm không hiện lượng được, đây chỉ năng có dụng của phát thức tỷ biết là có, đây chỉ có công năng, chẳng phải ngoài tâm riêng có sắc của đại chủng tạo nên. Công năng đây nói tức là tác dụng phát sinh năm thức, quán dụng biết thể, như quán sinh mầm tức biết chủng thể mà có. Do đó, trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Nhãn sắc thảy làm duyên,
Mà được sinh ở thức,
Như lửa nhân củi cháy,
Thức khởi cũng như vậy,
Cảnh chuyển tùy vọng tâm,
Như sắt theo nam châm,
Như thành Càn dương diệm,
Chỗ thủ của ngu khát,
Trong không vật năng tạo,
Chỉ tùy tâm biến khác.
Lại như người thành Càn,
Qua lại cầu chẳng thật,
Thân chúng sinh cũng vậy,
Đến dừng đều chẳng chân,
Cũng như thấy trong mộng,
Sau tỉnh thức chẳng có,
Vọng thấy pháp uẩn thảy,
Giác rồi vốn vắng lặng,
Bốn đại bi trần nhóm,
Lìa tâm không chỗ được"

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Đồng tử Tự tại Chủ nói với Thiện Tài: "Này thiện nam! Tôi lại khéo biết mười tám tinh xảo, các thứ kỹ thuật, sáu mươi hai quyến thuộc minh luận và nội minh v.v... tất cả phương pháp trị phiền não bên trong. Những gì gọi là thân phiền não bên trong? Có bốn nhân duyên: Một, nghĩa là nhãn căn nhiếp thọ sắc cảnh; hai do vô thủy chấp thủ tập khí; ba, do tự tánh bản tánh thức kia;

bốn, ở nơi sắc cảnh tác ý hy vọng. Do lực bốn thứ nhân duyên đây nên, tạng thức chuyển rồi gợn sóng thức sinh, thí như dòng thác tương tục chẳng đoạn. Này thiện nam! Như nhãn thức khởi, tất cả căn thức vi trần lỗ chân lông đồng thời sinh ra, cũng lại như vậy, thí như gương sáng chúng hiện các ảnh tượng, các thứ cũng vậy, hoặc lúc chúng hiện, này thiện nam! Thí gió mạnh thổi nước biển lớn, sóng cả chẳng ngưng, do gió cảnh giới thổi biển tâm tỉnh khởi sóng cả thức tương tục chẳng đoạn. Nhân duyên cùng làm, chẳng bỏ lìa nhau, chẳng một chẳng khác như nước và sóng. Do tướng nghiệp sinh sâu khởi trói buộc, chẳng thể rõ biết tự tánh của sắc v.v... năm thức thân chuyển A-lại-da kia trọn chẳng tự nói: Ta sinh bảy thức, bảy thức chẳng nói từ A-lại-da sinh chỉ do tự tâm chấp thủ cảnh tướng phân biệt mà sinh, sâu mầu như vậy, thức A-lại-da hành tướng vi tế, tận cùng biên tế, chỉ các Đức Như Lai, Bồ-tát trú địa mới thông thấu đạt. Ngu pháp Thanh văn và Bích-chi Phật phàm phu ngoại đạo đều chẳng rõ biết".

Hỏi: Nhãn thức v.v... là nương căn phát thức hay là nương cảnh phát thức?

Đáp: Quyết định chỉ nương căn phát, trong luận Bách Pháp nói: "Nhãn thức nương căn phát thức, cho đến ý thức cũng vậy. Nếu nhãn căn biến khác. Nhãn thức hẳn theo biến khác, như mắt bệnh chỗ thấy là sắc xanh mà thành sắc vàng. Đây chẳng phải ngoại cảnh chỉ là căn tổn khiến thức chấp thủ cảnh biến làm sắc vàng" nên biết tùy căn mà được tên.

Hỏi: Nhãn thức duyên sắc xanh làm vàng há chẳng phải là phi lượng ư?

Đáp: Chỉ là đồng thời loạn ý thức, vì nhãn căn có tổn, khiến đồng thời ý thức duyên loạn vậy, bèn biến xanh làm vàng, kỳ thật nhãn thức chẳng làm duyên xanh vàng vậy, ý căn tổn, ý thức cũng tổn, như ở sơ địa, ngã chấp pháp chấp tức thời thành vô lậu. Lúc đây ý căn hoại, không hai chấp đó, thức của năng duyên cũng năng hoại tức hai chấp vậy, nên biết chỗ nương căn phát được gọi là nhãn thức, chỉ tùy căn lập vậy Bồ-tát Hộ Pháp nói: "Sáu thức thể tánh mỗi riêng biệt, chỉ nương căn cảnh mà lập tên đó. Nếu chấp có một thức năng duyên sáu cảnh là, nếu sáu cảnh một lúc đến, làm sao một ý thức có thể một lúc duyên được ư? Nếu khởi trước sau tức chẳng pháp cùng vậy. Do đó, tùy sáu căn cảnh chủng loại khác nhau, nên nương căn mà được tên".

Hỏi: Nhãn thức v.v... sáu thứ đã nương căn phát thức, vậy lấy gì làm căn?

Đáp: Bồ-tát Hộ Pháp thông dùng hiện chủng làm căn. Căn đã vậy cảnh cũng vậy, trong luận Du-già cũng nói: "Đều lấy hai pháp hiện hành và chủng tử làm nhãn v.v... các căn. Do lúc bản huân, tâm biến tợ sắc, từ lúc huân làm danh, lấy sắc thanh tịnh do bốn đại chủng tạo ra, đối với quả thức của chỗ sinh. Giả nói hiện hành là công năng thật chỉ là hiện sắc, nghĩa của công năng sinh thức, đại tiểu cộng thành.

Hỏi: Căn lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Căn, tức là năm căn, có nghĩa tăng thượng sinh ra vậy, gọi đó là căn. Ở trong đó có năm sắc căn thanh tịnh, có năm sắc căn phù trần. Nếu năm sắc căn thanh tịnh tức là chẳng thể thấy có đối tịnh sắc, vì là thể tánh năng phát sinh năm thức, có dụng chiếu cảnh vậy. Nếu năm sắc căn phù trần tức giúp căn thanh tịnh năng chiếu cảnh đó. Tự thể tức chẳng thể chiếu cảnh vì căn phù trần là sắc thô hiển vậy, chẳng phòng ngại cùng căn thanh tịnh làm chỗ nương tựa. Trong luận Ngũ Uẩn nói: "Căn là nghĩa tối thắng, nghĩa tự tại, nghĩa chủ, nghĩa tăng thượng, đó là nghĩa căn. Thế nào là nhãn căn? Nghĩa là lấy sắc làm cảnh, tịnh sắc làm tánh, nghĩa là ở trong nhãn có một phần tịnh sắc, như đề hồ thanh tịnh, tánh đây có nên nhãn thức được sinh, nếu không tức chẳng sinh, cho đến thân căn lấy xúc làm cảnh và tịnh sắc làm tánh, nếu không tức chẳng sinh.

Hỏi: Chưa đạt trong quả vị chuyển y, năm chuyển thức trước ở trong ba lượng quyết định là lượng nào?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Chỉ nhãn thức duyên tướng phần sắc cảnh, tức mỗi mỗi tự duyên tự chứng phần. Ba lượng phân biệt là hiện lượng. Hiện lượng có đủ ba nghĩa: Một là, hiện tại, chẳng phải là quá khứ hay tương lai; hai là, hiển hiện, chẳng phải chủng tử; ba là, hiện có, chọn pháp không có thể, duyên cảnh hiện lượng gọi là hiện lượng, là chẳng đạt lượng vậy, tức nhân tu chứng cảnh chẳng kẹt danh ngôn, là nghĩa mặc tình, tức năm thức duyên cảnh được pháp tự tướng, chỉ trung gian không cách ngại nên gọi là thân (gần) duyên tướng phần có, sắc đỏ tức được tướng phần của sắc đỏ, chỉ chẳng phân biệt vậy, nhận vận chẳng kẹt danh ngôn vậy, gọi là được tự tướng vậy. Bồ-tát Hộ Pháp nói "Năm thức chỉ duyên năm cảnh trần thật, tức chẳng duyên giả, chỉ mặc tình mà duyên, chẳng làm hạnh giải, chẳng kẹt danh ngôn là hiện lượng vậy, vả lại, Như Lai nhân thức duyên xanh vàng đỏ trắng bốn loại sắc thật, ngắn dài vuông tròn sắc giả, tuy chẳng lìa trên sắc thật mà có, nhãn thức chỉ duyên thật, chẳng duyên ngắn dài sắc giả vậy, nhãn thức quyết định chẳng duyên sắc ngắn dài, chỉ ý thức làm tâm ngắn dài mà

duyên vậy. như năm thức ở niệm đầu, cùng lúc ý thức minh liễu duyên năm trần cảnh, tức hành giải trong tâm làm sắc ngắn dài mà duyên là tỷ lượng tâm duyên vậy" tức năm thức chỉ là hiện lượng, duyên thật chẳng duyên giả. Nên trong luận nói: "không có nhân v.v... các thức chẳng duyên cảnh thật sinh, tức năm thức chỉ duyên thật là cảnh tự tướng, như lúc nhãn thức duyên tự tướng cảnh xanh, được tự tướng của sắc xanh. Nếu niệm sau phân biệt lúc ý thức khởi tức chẳng phải sắc xanh giải, bèn là cộng tướng tỷ lượng vậy. Lúc mới làm giải tâm, chẳng thật tâm thể sắc xanh là kẹt danh ngôn, là tại giả tướng vậy. Nên trong luận Duy thức nói: "Nghĩa là giả trí thuyên, chẳng được tự tướng, chỉ ở các pháp cộng tướng mà chuyển vậy" nói giả trí, tức làm tâm hạnh giải, gọi là giả trí vậy. Nói phân tích tức là hiểu danh cú văn trên tâm, và danh văn cú trên âm thanh, lá năng phân tích đều chẳng được tự tướng sở phân tích vậy. Lại giải thích: Hiển bày giả chẳng nương chân, chỉ nương cộng tướng chuyển, tức chân sự đây, chẳng nói thật thể tâm thức gọi là chân, chỉ tâm sở thủ tự thể tướng pháp, nói năng chẳng kịp, giả trí phân tích chẳng bày, gọi đó là chân. Đây chỉ trí hiện lượng biết, tánh lìa nói năng và trí phân biệt, chân thể từ đây ra chẳng phải trí phân tích, và như sắc pháp v.v... mà làm tự tánh. Nước ướt là tánh, chỉ có thể chứng biết, nói năng chẳng kịp, ý thức thứ sáu tùy năm thức mà khởi sau, duyên trí đây nên phát ngôn ngữ v.v... chỉ là cộng tướng của chỗ duyên chỗ nói pháp, chẳng phải là tự tướng kia. Lại, ngăn được tự tướng gọi là được cộng tướng, nếu trong chỗ biến có pháp cộng tướng là có thể được, tức được tự thể, nên tất cả pháp có thể nói có thể duyên vậy. Pháp cộng tướng cũng nói duyên chẳng kịp, nhưng chẳng phải là chấp, chẳng chấp chặc vậy. Như trong năm uẩn lấy sự năm uẩn làm tự tướng, lý không vô ngã v.v... làm cộng tướng. Lại dùng lý suy thể không tự tướng, vả lại nói pháp thể chẳng thể nói là tự tướng, có thể nói là cộng tướng. Lấy lý mà luận, cộng tức chẳng phải cộng, tự chẳng phải tự, vì qua lại ngăn cản vậy, chỉ mỗi mỗi riêng nói. Nói không vô ngã v.v... là cộng tướng là từ giả trí nói. Đây chỉ có năng duyên hạnh giải, đều không sở duyên không thật cộng thể, lúc vào chân quán thì mỗi mỗi pháp đều riêng rõ biết, chẳng phải làm cộng giải, nói năng nếu dính kẹt tự tướng là, như lúc nói lửa, thì lửa lẽ ra thiêu đốt miệng, vì lửa lấy thiêu đốt vật làm tự tướng vậy. Duyên cũng như vậy, như lúc duyên lửa, lửa nên thiêu đốt tâm. Nay không thiêu đốt tâm và chẳng thiêu đốt miệng, rõ ràng duyên và nói năng đều chẳng được cộng tướng. Nếu vậy, kêu lửa sao chẳng được nước mà được tự tướng của lửa vậy? Như kêu ở nước, lý đây chẳng

vậy, vì thói quen từ vô thủy nên cộng gọi vậy, nay duyên ở xanh làm xanh giải (biết làm xanh) là, trí tỷ lượng đây chẳng xứng với pháp trước, như nhãn thức duyên sắc là xứng với tự tướng vậy, chẳng làm sắc giải, sau khởi ý thức duyên sắc cộng tướng, chẳng dính kẹt sắc nên bèn làm xanh giải, ngăn cản duyên vậy chẳng phải xanh, bèn làm xanh giải, chẳng phải cho rằng xanh giải tức xứng sự xanh, nên trong Duy thức có kệ tụng nói:

"Hiện giác như mộng thảy,
Lúc đã khởi hiện giác,
Thấy và cảnh đều không,
Sao cho có hiện lượng".

Đây nghĩa là giả trí chỉ duyên cộng tướng mà được khởi vậy. Tự tướng của pháp lìa phân biệt, nói năng cũng vậy, chẳng xứng bản pháp, cũng chỉ chỉ ở nơi cộng tướng chuyển, nay tông Đại thừa chỉ có thể tự tướng, đều không thể cộng tướng, giả trí và phân tích chỉ được cộng, chẳng được tự tướng, nếu nói cộng tướng chỉ có quán tâm, hiện lượng thông duyên tự tướng cộng tướng. Nếu pháp tự tướng chỉ hiện lượng được, cộng tướng cũng thông chỗ tỷ lượng được, cho đến nên nói chỉ ở nơi cộng tướng các pháp mà chuyển. làm tướng đây, chỗ chứng lượng biết, chẳng phải cảnh của nói năng v.v... vậy, lại trong sớ có hỏi: Cớ sao gọi là tự tướng cộng tướng? Đáp: Nếu pháp tự thể, chỉ chứng trí biết nói năng chẳng kịp, đó là tự tướng, nếu pháp thể tánh, chỗ nói năng kịp, chỗ giả trí duyên, đó là cộng tướng. Lại hỏi: Như tất cả pháp đều nói chẳng kịp, mà lại bảo là nói năng tới kịp, đó là cộng tướng, có gì trái nghịch? Đáp: Cộng tướng là nghĩa trên pháp tự thể, lại không thể riêng biệt. Lại, đây gọi là lúc phân tích các pháp lửa v.v... ngăn cản chẳng phải lửa v.v... nghĩa này tức thông trên tất cả lửa, nên nói cộng tướng tức nghĩa đó vậy, chẳng phải lý cộng tướng của khổ không v.v... nếu vậy tức tất cả pháp chẳng thể nói, chẳng thể nói cũng chẳng xứng lý, ngăn cản có thể nói, nên nói chẳng thể nói, chẳng phải chẳng thể nói tức xứng pháp thể, pháp thể cũng chẳng phải chẳng thể nói vậy, mà nay mới nói danh được tự tánh của cộng tướng vậy, nay nên giải đây, chẳng phải pháp thể nghĩa đó có thể vậy. Nói danh v.v... phân tích cộng tướng, chẳng phải nghĩa là tức được thể cộng tướng, chỉ ngăn cản được tự tướng nên nói danh phân tích cộng tướng. Lại nữa, tự tướng tức là tướng tự thể của các pháp, như lửa lấy ấm nóng làm tự tướng, lúc gọi ấm nóng chẳng được ấm nóng vậy, chẳng được tự tướng, tự tướng ấm nóng đây chỉ thân thức hiện lượng chứng vậy, chẳng phải chỗ danh được. Cộng tướng, nay

dùng danh nghĩa của sở phân tích dưới gọi là cộng tướng, cộng tướng có hai: Một là, cộng tướng tự loại; hai là, cộng tướng khác loại, như lúc nói lửa, chẳng bao gồm ở nước v.v... chỉ khắp tất cả trên lửa, nên gọi là cộng tướng tự loại, nếu nói khổ, không, vô, thường v.v... thì chẳng chỉ tại trên một loại pháp, mà khắp tất cả trên pháp nước lửa v.v... nên gọi là cộng tướng khác loại. Lại, tự tướng là chỉ năm căn năm trần, tâm tâm sở được, nghĩa là năm căn là hiện chứng của thức thứ tám, năm trần là hiện lượng chứng của tâm tâm sở thức thứ tám và năm thức trước. Tự thể tánh, độc tán ý thức vậy v.v... còn chẳng thể được tự thể tánh, huống gì danh phân tích được thể tánh vậy, lúc năm thức duyên năm trần cảnh, có đủ bốn nghĩa nên gọi là được pháp tự tướng: Một là, mặc tình, hai là, hiện lượng; ba là, chẳng kẹt danh ngôn; bốn là, chỉ duyên cảnh hiện tại, được gọi là tự tướng, cảnh sở duyên của ý thức có hai, nếu là cảnh sở duyên của độc đầu ý thức tức ở pháp xứ thâu, nếu là cảnh sở duyên của minh liễu ý thức tức ở sắc xứ nhiếp, vả lại, như nhãn thức ở niệm đầu minh liễu ý thức tuân theo vậy lúc đồng duyên sắc, chỉ duyên tự tướng của sắc, niệm sau minh liễu ý thức phân biệt giả sắc trên sắc sở duyên là dài v.v... tức là cộng tướng. Tuy giả sắc là dài v.v... là cảnh sở duyên của minh liễu ý thức, cũng tại nơi sắc xứ thâu, vì là giả nên nhãn thức chẳng duyên vậy, cho đến âm thanh cũng vậy, thản như, nhĩ thức ở sát-na đầu tuân theo vậy, lúc cùng minh liễu ý thức đồng duyên thanh cũng là được pháp tự tướng, niệm sau ý thức khởi duyên ba thứ danh cú văn, trên thanh có phân biệt hạnh giải v.v... là duyên giả vậy, nay năm thức đã không phân biệt hạnh giải, do đó chẳng duyên giả vậy.

Hỏi: Như sắc có hai mươi lăm thứ, xanh, vàng v.v... bốn loại hiển sắc là thật, còn lại các loại là giả, thanh cũng có mười hai thứ, chỉ chấp thọ và chẳng chấp thọ thanh là thật, còn lại các loại là giả, xúc có hai mươi sáu thứ, chỉ bốn đại là thật, còn lại các loại là giả. Trong đây, thật là năm thức duyên ở trần xứ gồm. Nếu là giả, như luận chủ đã nói năm thứ chẳng duyên là có ý thức duyên, cớ sao chẳng ở pháp xứ gồm?

Đáp: minh liễu ý thức thứ sáu duyên giả sắc dài v.v... có ba nghĩa, do đó chẳng ở pháp xứ gồm: Một là, tối sáng chẳng đồng; hai là, vì giả theo thật; ba là, vì ảnh theo chất, đầy đủ ba nghĩa đây nên ở sắc xứ nhiếp vậy. Nếu độc đấu ý thức thì không ba nghĩa đây, do đó ở pháp xứ gồm, vả lại, thứ nhất, tối sáng chẳng đồng là, nếu minh liễu ý thức cùng năm thức ở niệm đầu lúc tuân theo tâm, tức là hiện lượng, chẳng duyên giả đó, đến niệm sau minh liễu ý thức phân biệt tâm sinh tức duyên giả sắc. Lúc năm thức chánh duyên thật sắc, ý đây đối với nơi thật sắc sở

duyên của năm thức mà sinh hạnh giải Duyên giả sắc đó là cũng năm thức chẳng đồng thời khởi phân biệt, ý thức đây tức là minh (sáng) vậy, giả sắc sở duyên v.v... tức ở sắc xứ gồm , chẳng ở pháp xứ thâu, nếu là ý độc đầu, chẳng gá năm thức mà sinh phân biệt, chỉ nói về riêng khởi, tức là tối, ý thức tức ở pháp xứ gồm, thứ hai, vì giả theo thật, vì giả sắc dài v.v... nương trên thật sắc khác mà lập. Tuy ý thức duyên nhiếp giả sắc đây, quy về thật sắc, tổng ở sắc xứ gồm, chẳng ở pháp xứ thâu. Thứ ba vì ảnh theo chất, giả sắc dài v.v... là thức thứ sáu gá thật sắc năm trần làm chất mà biến, khởi tướng phần giả dài v.v... duyên, đem sắc tướng phần giả dài v.v... đây đến thật sắc thật sắc xứ của năm trần thâu, tổng ở sắc xứ gồm vậy, nếu là độc đầu ý thức chẳng hẳn có bản chất vậy. Đây có ba nghĩa nên gá năm trần sắc tổng ở sắc thâu. Nếu độc đầu sinh tối, cảnh sở duyên của ý thức, tức pháp xứ thâu.

Hỏi: Năm căn ở trong giáo nào chứng là hiện lượng?

Đáp: Thật chứng chẳng phải một, trong kinh Viên Giác nói: "Thí như mắt sáng soi rõ cảnh trước, sáng đó tròn đầy, được không thương ghét, có thể chứng năm căn hiện lượng chẳng sinh phân biệt, nơi mắt sáng đó đến không có trước sau, trọn chẳng bỏ oán lấy thân, mến đẹp ghét xấu sánh nhĩ căn chẳng phân biệt âm thanh ngợi khen hay chê hủy, tỷ căn chẳng lánh mùi hơi thơm hay thối, thiệt căn chẳng chọn lựa mùi vị của ngọt hay đắng, thân căn chẳng cách xúc của trơn rít, vì lúc tuân theo tâm chẳng phân biệt vậy, khoảng sát-na chảy vào ý địa mới khởi tầm cầu, bèn rơi lạc vào tỷ lượng, thì tâm nhiễm tịnh sinh tình lấy bỏ khởi.

Hỏi: Lúc nhãn v.v... năm căn duyên cảnh phải đủ mấy nghĩa?

Đáp: Duyên là nghĩa của duyên mượn, cảnh có hai nghĩa: Một là, nghĩa chỗ mượn; hai là, nghĩa chỗ chiếu, nói chỗ mượn là nhưng duyên cảnh có thể mượn kia làm sở duyên duyên, nói chỗ chiếu là, tuy chẳng mượn kia làm chỗ duyên, nhưng xứ chỗ chiếu trông nhìn cũng nói là cảnh, như nhãn v.v... năm căn chiếu cảnh sắc v.v... tuy chẳng phải chỗ duyên, nhưng đối với căn đây, được gọi là cảnh, là chỗ chiếu vậy. Lại, nhãn căn chiếu sắc, nhãn thức duyên sắc, cho đến thân căn biết xúc, thân thức rõ xúc v.v... Lại, các bậc cổ đức có hỏi: Năm thức đã chỉ duyên thật sắc, chỉ như ngắn dài v.v... lúc nương cảnh sắc hiện tiền, nhãn căn chẳng hoại, lúc đó, nhãn thức là duyên hay chẳng duyên? Nếu nói là duyên bèn phạm lỗi năm thức duyên giả, nếu chẳng duyên, cớ sao nhắm mắt chẳng thấy, mở mắt mới thấy ư? Đáp: Lúc đó nhãn thức chỉ được thật sắc của xanh v.v... mà đồng thời ý thức nương nhãn căn

làm cửa, phân rõ hiển bày, thủ được dài v.v... là căn cứ ý thức được, hợp pháp xứ thâu, chỉ duyên lúc đó, ý thức nương nhãn căn thủ đối căn chỗ nương nên sắc xứ gồm.

Hỏi: Năm thức trước đủ bao nhiêu nghiệp thì năng liễu (có thể rõ) cảnh trước?

Đáp: Năm thức trước đủ sáu nghiệp. Trong luận Du-già nói: "Một là, chỉ liễu biệt tự cảnh sở duyên; hai là, chỉ liễu biệt tướng; ba là, chỉ liễu biệt hiện tại; bốn là, chỉ một sát-na liễu biệt; năm là, tùy ý thức chuyển, tùy thiện nhiễm chuyển, tùy phát nghiệp chuyển; sáu là, năng thủ quả ái và chẳng phải ái.

Hỏi: Nhãn thức hiện lượng, xứng cảnh mà biết, nếu lúc mắc bệnh hoặc thấy xanh cho là vàng đâu xứng cảnh ư? Nếu chẳng xứng cảnh sao gọi là hiện lượng?

Đáp: Có một sư nói: Thấy xanh cho là vàng, thật là ý thức, nghĩa là do căn bệnh nên dẫn được nhãn thức bệnh, do nhãn thức bệnh bèn dẫn y thức phi lượng, thấy xanh cho là vàng, chẳng phải nhãn thức thấy xanh cho là vàng, do nhãn thức bệnh, năng khởi thức thấy vàng, nên nói như vậy, sư thứ hai nói: Do nhãn căn bệnh, dẫn nhãn thức bệnh, tuy thấy xanh cho là vàng, mà chẳng làm vàng giải, nên là hiện lượng, như không phân biệt lúc quán Phật tánh chân như là tám tự tại ngã, tuy chẳng xứng cảnh mà trí không phân biệt chẳng làm ngã giải, nên được là hiện lượng. Đây cũng như vậy, trong luận Tạp Tập có hỏi: Như liễu biệt sắc v.v... nên gọi là thức, cớ sao chỉ gọi là nhãn v.v... các thức, mà chẳng gọi sắc v.v... các thức ư? Đáp: Vì nương tựa nhãn v.v... năm thứ mà giải thích đạo lý, thành tựu chẳng phải ở sắc v.v... tại sao? Thức của trong nhãn nên gọi là nhãn thức nương nhãn xứ; chỗ thức được như vậy, lại do có nhãn mà thức có được. Tại sao? Nếu có nhãn căn thì thức quyết định sinh, người không mù lòa đến trong tối tăm cũng năng thấy vậy, chẳng do có sắc mà nhãn thức quyết định sinh, vì người mù lòa chẳng thể thấy vậy, lại, nhãn là nơi phát thức nên gọi là nhãn thức. Do nhãn biếi khác, thức cũng biến khác, sắc tuy không biến mà thức có biến vậy, như bệnh ca-mạt-la tổn hại nhãn căn, đối với sắc xanh v.v... đều thấy là vàng, lại thuộc thức của nhãn nên gọi là nhãn thức, do chủng tử thức tùy theo ở nhãn mà được sinh vậy, lại hổ trợ thức của nhãn nên gọi là nhãn thức, làm kia tổn ích vậy, tại sao? Do căn hợp thức, chỗ có lãnh thọ, khiến căn tổn ích, chẳng phải cảnh giới vậy, lại như thức của nhãn nên gọi là nhãn thức, đều là chỗ gồm của sở hữu tình. Sắc thì không như vậy, vì chẳng quyết định, nhãn thức đã vậy, các thức khác cũng vậy.

Hỏi: Do nhãn thấy sắc hay do thức v.v... ư?

Đáp: Chẳng phải nhãn thấy sắc cũng chẳng phải thức v.v... vì tất cả pháp không tác dụng vậy, do có hòa hợp giả lập mà thấy. Lại do sáu tướng nhãn ở trong thấy sắc, tối thắng chẳng phải thức v.v... cho nên nói nhãn năng thấy các sắc, những gì là sáu? Một là, do sinh nhân nhãn năng sinh vật kia; hai là, do y xứ thấy nương tựa, nhãn vậy; ba là, do không động chuyển, nhãn thường một loại vậy; bốn là, do tự tại chuyển, chẳng đợi duyên hợp niệm niệm sinh vậy; năm là, do đoan nghiêm chuyển, do chỗ trang nghiêm đây nương tựa thân vậy; sáu là, do thánh giáo, như trong kinh nói nhãn năng thấy sắc vậy. Đều nói sáu thứ tướng mạo như vậy, ở trong thức v.v... đều chẳng thể được, thức động chuyển là, phải biết có nhiều thứ sai biệt sinh khởi.

Hỏi: Chỗ sáu căn thành mỗi mỗi có bao nhiêu nghĩa?

Đáp: Các bậc cổ đức giải thích: mỗi mỗi có hai nghĩa: Một là dị thục; hai, nuôi lớn, vả lại như nhãn căn là như nghiệp, ở quá khứ chiêu cảm nhãn đời nay, gọi là nhãn dị thục, ở đời nay nhân ăn uống v.v... nuôi nhỏ khiến lớn, dưỡng gầy thành béo, gọi là nhãn trưởng dưỡng, ngoài ra năm căn cũng vậy.

Hỏi: Nếu không cảnh bên ngoài, nên không tâm hiện lượng, năng giác. Nếu không hiện lượng năng giác, cớ sao người đời làm giác (hiển biết) như vậy, nay ta hiện chứng cảnh như vậy ư?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Hiện giác như mộng là như chánh khởi hiện lượng năng thức lúc chứng sắc v.v... năm cảnh, chỉ lượng năng chứng cảnh sở chứng sắc v.v... chẳng năng giác tâm hiện lượng năng giác, tại sao? Giác pháp năng giác là ý thức, chánh lúc tùy khởi năm thức, hẳn không ý thức, nên ở niệm đó, hẳn chẳng có tâm năng giác hiện lượng. Đến niệm thứ hai chánh khởi ý thức giác năm thức hiện lượng ở niệm trước, lúc không sở giác thì hiện lượng năm thức và cảnh của hiện lượng sở giác đều đã rụng diệt. Tại sao? Vì các thức chẳng đều sinh vậy, lúc khởi ý thức, hiện lượng năm thức đã diệt, lại pháp hữu vi từng sát-na diệt nên cảnh sở duyên của năm thức hiện lượng lúc ấy cũng đã rụng diệt. Nếu nói phải có thật cảnh bên ngoài mới năng sinh tâm là, thản như ý thức ở niệm sau duyên hiện lượng năm thức ở niệm trước làm cảnh, đâu là pháp có thật ư? Do quá khứ không thể vậy, hiện lượng năng thức ở quá khứ đây đã diệt, nay tuy không thể còn năng làm cảnh sinh ở ý thức, nào hẳn năm thức phải duyên cảnh thật ngoài tâm mà sinh ư? Nghĩa là như lúc đang ngủ chánh tâm khởi mộng, tức chẳng thể khởi tâm biết mộng, đến lúc sau khi ngủ tỉnh tâm biết mộng, thì tâm

mộng của chỗ biết đó đã diệt, lúc năm thức hiện hành đó chánh khởi, chưa thể khởi biết tâm hiện lượng ý thức, cho đến niệm thứ hai khởi được tâm ý thức biết hiện lượng năm thức, thì năm thức hiện lượng chỗ biết đó đã diệt, cùng biết mộng tâm tương tợ, nên nêu làm thí dụ, lại cật nạn: Quyết định chấp thuận có hiện lượng ư? Nghĩa là chánh lúc năng giác ý thức khởi biết hiện lượng, thì năm thức chỗ biết kia quyết định là có ư? Đáp: Lúc đó chỗ biết (sở giác) đã diệt, tuy không thể, mà còn sinh tâm năng giác, nào phòng cảnh bên ngoài là không năng sinh thức ư? nhưng với Đại thừa thì năm cảnh tuy tợ có mà chẳng phải ngoài tâm, chẳng đồng như phàm phu Tiểu thừa.

Hỏi: Ở trong nhãn v.v... có bao nhiêu phân biệt?

Đáp: Lược có ba thứ: Một là, tự tánh phân biệt, nghĩa là chỉ duyên hiện tại chỗ duyên các hành tự tướng hành phân biệt, chỗ duyên các hành tức là năm trần, tự tướng hành là như sắc lấy xanh làm hành tướng, lúc nhãn thức duyên cũng mặc tình làm hành tướng xanh, gọi là hành tướng. Lại tự tướng hành tức năng duyên hành, chọn lựa cộng tướng hành, như lúc duyên xanh tức duyên vàng chẳng dính; hai là, tùy niệm phân biệt, ở xưa trước nơi từng thọ các hành, truy niệm hành phân biệt, chỉ duyên quá khứ; ba là, kế độ phân biệt, đối với vị lai, nay chẳng hiện tiền tư duy gây tạo hành phân biệt, tức chẳng phải có mà tính chấp là có, là cảnh phi lượng, nhưng nói về ba đời kế độ chẳng quyết định ở một đời, lại trong luận Tạp Tập trong phần ba phân biệt lại có bảy thứ phân biệt: Một gọi là ở duyên nhậm vận phân biệt, ở tự cảnh giới mặc tình chuyển vậy; hai, có tướng phân biệt, nghĩa là hai thứ phân biệt tự tánh và tùy niệm thủ cảnh quá khứ và hiện tại các thứ tướng vậy; ba, không tướng phân biệt, nghĩa là mong cầu cảnh tương lai, hành phân biệt; bốn, tầm cầu phân biệt; năm, dò xét phân biệt; sáu, nhiễm ô phân biệt; bảy, chẳng nhiễm ô phân biệt, bốn thứ phân biệt này (từ bốn tới bảy) đều dùng kế độ phân biệt để làm tự tánh, tại sao? Vì tư đạt vậy có lúc tầm cầu, có lúc dò xét, có lúc nhiễm ô, hoặc chẳng nhiễm ô các thứ phân biệt. Lại trong luận Nhiếp Đại thừa nói có mười thứ căn cảnh vi tế phân biệt. Luận nói: "Lại nữa, tổng gồm tất cả phân biệt, lược có mười thứ: một là, căn bản phân biệt, nghĩa là thức A-lại-da; hai là, duyên tướng phân biệt, nghĩa là sắc v.v...; ba là, hiển tướng phân biệt, nghĩa là nhãn thức v.v... đều là thức chỗ nương tựa; bốn là, duyên tướng biến khác phân biệt, nghĩa là già lão v.v... biến khác, lạc thọ v.v... biến khác, tham v.v... biến khác, thời tiết bức hại đổi thay rơi rụng v.v... biến khác, Nại-lạc-ca v.v... các thứ biến khác, và dục giới v.v... các giới biến

khác; năm là, hiển tướng biến khác phân biệt nghĩa là tức như nói biến khác trước có các thứ biến khác; sáu là, tha dẫn phân biệt, nghĩa là nghe loại chẳng phải chánh pháp và nghe loại chánh pháp phân biệt; bảy là, chẳng như lý phân biệt, nghĩa là các ngoại đạo nghe loại chẳng phải chánh pháp phân biệt; tám là, như lý phân biệt, nghĩa là trong chánh pháp nghe loại chánh pháp phân biệt; chín là, chấp trước phân biệt, nghĩa là loại chẳng nhu lý tác ý, Tát-ca tà kiến làm gốc, sáu mươi hai kiến thú tương ưng phân biệt; mười là, tán động phân biệt, nghĩa là chư vị Bồ-tát mười thứ phân biệt". Giải thích: Căn bản phân biệt nghĩa là thức A-lại-da là tự tánh căn các phân biệt khác cũng là phân biệt nên gọi là căn bản phân biệt. Duyên tướng phân biệt nghĩa là phân biệt sắc v.v... có duyên tướng như vậy. Hiển tướng phân biệt, nghĩa là nhãn thức v.v... đều là thức, chỗ nương tựa hiển hiện tợ tướng sở duyên kia vậy. Duyên tướng biến khác phân biệt, nghĩa là tợ ảnh sắc v.v... thức biến khác chỗ khởi phân biệt. Già lão v.v... biến khác, nghĩa là các thức (?) sắc v.v... tợ tướng lão v.v... khởi các biến khác, tại sao? Sắc bên trong bên ngoài v.v... đều có tướng già lão v.v... chuyển biến; v.v... là gồm bệnh chết biến khác, lạc thọ v.v... biến khác là, do lạc thọ nên thân tướng biến khác, như nói lại, là mặt mắt đoan nghiêm v.v... là gần khổ và chẳng khổ chẳng lạc thọ, tham v.v... biến khác nghĩa là do tham v.v... mà thân tướng biến khác v.v... là gồm sân si phẫn v.v... như nói phẫn v.v... hình sắc xấu ghét v.v... Thời tiết bức hại đổi thay rơi rụng v.v... biến khác, nghĩa là giết buộc v.v... khiến thân tướng v.v... đều sinh khởi biến khác, thời tiết thay đổi rơi rụng cũng khiến trong ngoài thân cây, hình tướng sắc v.v... đổi biến. Như nói lúc lạnh bức thiết v.v... thì thân v.v... biến khác. Nại-lạc-ca v.v... các thú biến khác v.v... tức gồm tất cả ác thú, sắc xấu kia v.v... biến khác cộng xong. và dục giới v.v... các giới biến khác là gồm trong sắc giới, vô sắc giới, không thức ảnh tượng tợ sắc v.v... Vậy, ở trong các trời và trong tỉnh lự cũng có các thứ hữu tình và khí sắc v.v... biến khác, như sức thần châu ma-ni vậy, các thứ sắc ánh sáng sạch đẹp biến khác. Hiển tướng biến khác phân biệt, nghĩa là do nhãn v.v... các căn rơi nương tựa, khiến ảnh tượng tợ sắc v.v... hiển hiện nhãn thức v.v... các thức các thứ biến khác, tức ở trong đây khởi các phân biệt, tức biết như nói ở trước, già lão v.v... biến khác tùy chỗ ứng là khởi biến khác, tại sao? như nói nhãn v.v... các căn có lợi động thức tối sáng vậy, như vô biểu sắc chỗ nương tựa biến khác, kia cũng biến khác, do lạc thọ v.v... biến khác cũng vậy, như nói lạc là tâm an định vậy, nói khổ là tâm tán động, tham v.v... thời tiết bức hại đổi thay rơi rụng

cũng vậy, Nại-lạc-ca v.v... và dục giới v.v... nương thân biến khác, thức cũng biến khác, như đáng nên biết, trong vô sắc giới cũng có thọ v.v... chỗ làm biến khác, các thức phân biệt, tha dẫn phân biệt, nghĩa là bạn lành bạn dữ thân gần chỗ khởi và cùng lắng nghe chánh pháp và chẳng phải chánh pháp làm nhân phân biệt, tức là ngoại đạo Ca-tỳ-la và các Tao –kiệt đa trong chánh pháp chỗ có phân biệt, gọi là chẳng như lý và như lý phân biệt, hai thứ như vậy tùy chỗ đáng năng sinh, tà kiến chánh kiến hai thứ tương ưng phân biệt. Tát-ca tà kiến làm nhân, chỗ khởi sáu mươi hai (62) kiến tương ưng phân biệt, tức như trong kinh Phạm Võng nói khoảng trước sau phân biệt, nghĩa là ngã quá khứ là từng có ư? Phân biệt như vậy v.v... gọi là chấp trước phân biệt. Nói kiến thú nghĩa là phẩm loại, tán động phân biệt là tán loạn nhiễu động nên gọi là tán động. Đây tức phân biệt, cho nên nói là tán động phân biệt, đây tức nhiểu loạn, không trí phân biệt. Tại sao? Do đây nhiễu loạn Bát-nhã ba-la-mật vậy, trí không phân biệt tức là Bát-nhã ba-la-mật-da, nghĩa là các Bồ-tát mười thứ phân biệt. Nghĩa là các Bồ-tát năng phát nói năng, tha chuyển và chuyển chẳng xứng chân lý, mười thứ phân biệt. Tại sao? Chứng hội, như chánh hiện tiền, chẳng thể nói vậy.

Hỏi: Ba phân biệt trước, trong tám thức có mấy thức năng đủ?

Đáp: Trong tám thức, chỉ thức thứ sáu đủ ba phân biệt, tự thức thứ bảy chỉ có tự tánh phân biệt, vì duyên hiện tại vậy. Hoặc có thể mạt-na cũng có kế độ, vì kế độ chấp ngã vậy, nếu luận về thể tánh thì kế độ phân biệt lấy tuệ làm tánh, tùy niệm lấy niệm làm tánh, phân biệt lấy tuệ làm tánh. Trong pháp chân như đã không tám thức hư vọng, do đó không phân biệt đây. Lại, các sư xưa trước đem mười thứ phân biệt căn cứ tám thức mà biện giải rộng.

Hỏi: Trong tám thức, mỗi mỗi có đủ bao nhiêu phân biệt?

Đáp: Thức thứ sáu đủ cả mười thứ phân biệt rộng lược, năm thức trước chỉ hai thứ tự tánh và mặc tình phân biệt, vì năm thức ở nơi tự cảnh giới mặc tình chuyển vậy. Thức thứ bảy có đủ ba thứ kế độ nhiễm ô có tướng phân biệt. Thức thứ tám đồng năm thức trước được có tự tánh mặc tình phân biệt, nếu tự tánh mặc tình phân biệt tự hiện lượng, nếu kế độ nhiễm ô không tướng phân biệt là chỉ tỷ lượng và phi lượng. Nếu có tướng phân biệt một phần duyên hiện tại là thông cả ba lượng, một phần duyên quá khứ là chỉ tỷ lượng và phi lượng, nếu tùy niệm phân biệt vô lậu tức là hiện lượng, nếu hữu lậu tức tỷ lượng và phi lượng.

Hỏi: Cớ sao năm thức không phân biệt chấp?

Đáp: Phàm nói chấp, phải là ý của phân biệt tính lường mới năng

chấp chặt, năm thức tuy có tuệ mà chỉ mặc tình, chẳng thể phân biệt tính lường, nên năm thức trước không, chỉ thức thứ sáu có vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 54

Hỏi: Ý nói phân biệt vạn hữu đều không thì danh nghĩa không tánh, tất cả chúng sinh ở trong thấy nghe đáng như chẳng thành điên đảo, vì trong danh không nghĩa, trong nghĩa không danh, đều là khách vậy ư?

Đáp: Muôn pháp vốn không, huân tập thành có, ở trong vốn không khởi các tình chấp điên đảo. Trong luận Thật Tánh nói: "Hỏi trong danh không nghĩa, trong nghĩa không danh, cả hai đều là khách, nếu người chấp danh khác nghĩa, nghĩa khác danh, người đó đã không điên đảo, thì ở trong nghĩa không nên lánh chấp, chẳng nên nghe nói tốt xấu mà sinh tâm vui buồn, danh nghĩa chẳng liên quan nhau vậy, phải biết nghĩa khách là ngươi điên đảo? Đáp: Do thời gian lâu dài từng tập điên đảo nên có lánh chấp đây, chẳng liên quan danh nghĩa tương ưng. Do danh nói tâm huân tập nên hẳn do pháp môn đây sinh tâm phân biệt, khởi hư vọng lánh chấp" như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Khi ấy Kim cang tạng,
Lại nói cùng đại chúng,
Lại-da từ vô thủy,
Là hý luận huân tập,
Các nghiệp đã trói buộc,
Luân chuyển mãi vô cùng,
Cũng như nói biển lớn,
Nhân gió nổi sóng cả,
Luôn danh cũng luôn diệt,
Chẳng đoạn cũng chẳng thường,
Do chẳng ngộ tự tâm,
Tùy thức cảnh giới hiện.
Nếu rõ ở tự tâm,
Như lửa đốt củi hết,
Thông đạt nơi vô lậu,

Thì gọi là Thánh nhân,
Tạng thức biến các cảnh,
Lan tràn nơi thế gian,
Ý chấp ngã ngã sở,
Tư lương luôn lưu chuyển,
Các thức loại sai biệt,
Mỗi mỗi rõ tự cảnh,
Tích tập nghiệp làm tâm,
Tích tập khắp là ý,
Liễu biệt gọi là thức,
Năm thức thủ hiện cảnh,
Như mờ thấy vòng lông,
Tùy thấy mà mê hoặc,
Ở trong tâm tợ sắc,
Chẳng sắc chấp ở sắc,
Thí như châu ma-ni,
Ánh nhật nguyệt soi chiếu,
Tùy chỗ đó ứng hiện,
Mỗi mưa tự thể loại.
A-lại-da cũng vậy,
Như Lai Tạng thanh tịnh,
Hòa hợp ở tập khí,
Biến hiện khắp thế gian,
Cùng vô lậu tương ưng,
Mưa các pháp công đức,
Thí như sữa biến khác,
Thành lạc đến lạc tương,
Tạng thức cũng như vậy,
Biến tợ ở các sắc,
Như mờ thấy vòng lông,
Hữu tình cũng như vậy,
Vì tập khí ác mờ,
Trú tạng thức trong mắt,
Ở nơi chẳng phải sắc,
Chỗ thấy các sắc đây,
Giống như ở Dương diệm,
Xa lìa ở có không,
Đều chỗ Lại da hiện,

Nhân giả nương nhãn sắc,
Mà danh tợ sắc thức,
Như huyễn trú trong nhãn,
Lay động như lửa đốt,
Sắc đều là tạng thức,
Cùng sắc tập tương ưng,
Biến tợ thể chẳng có,
Ngu phu vọng phân biệt,
Các mê say buông lung,
Ngồi nằm và chạy cuồng,
Chóng khởi các sự nghiệp.
Đều là thức Lại-da,
Như mặt nhật đỏ rực,
Chiếu rọi khắp nơi đất,
Hơi bốc như dòng nước,
Thú khát trong đó chạy,
Lại-da cũng như vậy,
Thể tánh thật chẳng sắc,
Mà tợ ở sắc hiện,
Ác giác vọng sinh đắm,
Như nam châm hút sắt,
Nhanh chóng mà chuyển dời,
Tuy không ở tình thức,
Tợ tình thức mà động,
Như vậy thức Lại-da,
Làm chỗ sinh tử gồm,
Qua lại nơi các thú,
Chẳng ngã mà tợ ngã,
Như vật trôi giữa biển,
Vô tư tùy dòng nước,
Lại-da không phân biệt,
Thân sau mà chuyển động,
Thí như hai voi đấu,
Bị thương mà trọn lùi,
Lại-da cũng như vậy.
Đoạn nhiễm không lưu chuyển,
Thí như hoa sen sạch,
Lìa bùn mà tinh anh,

Người, trời đều thọ dụng,
Tất cả đều trân kính,
Thức Lại-da như vậy,
Ra khỏi bùn tập khí,
Chuyển y được thanh tịnh,
Chỗ Phật Bồ-tát trọng,
Thí như báu thù thắng,
Người quê mùa khinh tiện,
Nếu dùng trang sức mũ,
Thì vua đội trên đầu,
Như vậy thức Lại-da,
Là Phật tánh thanh tịnh,
Phàm vị luôn tạp nhiễm,
Phật quả thường quý giữ,
Như ngọc đẹp trong nước,
Áo cũ buộc che khuất,
Lại-da nơi sinh tử,
Tập khí buộc chẳng hiện,
Ở thức Lại-da đây,
Có hai thủ cùng sinh,
Như rắn có hai đầu,
Tùy lạc mà đồng đến,
Lại-da cũng như vậy,
Cùng đủ các sắc tướng,
Tất cả các thế gian,
Thủ đó lấy làm sắc,
Ác giác là mê hoặc,
Chấp làm ngã ngã sở,
Hoặc có hoặc chẳng có,
Tự tại làm thế gian,
Lại-da tuy biến hiện,
Thể tánh luôn lắng sâu,
Ở các người không trí,
Đều chẳng năng hiểu rõ,
Thì như ở huyễn sư,
Huyễn làm các thứ thú,
Hoặc đi hoặc là chạy,
Tợ hữu tình chẳng thật,

Lại-da cũng như vậy,
Huyễn làm ở thế gian,
Tất cả các hữu tình,
Thể tánh không chân thật,
Phàm ngu chẳng thể rõ,
Vọng sinh nói thủ trước,
Khởi vô số thắng tánh,
Có không khác phân biệt,
Và cùng ở Phạm thiên,
Trượng phu và các kiến."

Hỏi: Mắt thấy sắc là mắt thấy hay là thức thấy?

Đáp: Chẳng phải nhãn, thức, cảnh v.v... mỗi mỗi có tánh quyết định thấy, chỉ vì ba hòa hợp nên tạm gọi là thấy, năm căn còn lại nghe, ngửi, nếm, xúc v.v... cũng như vậy. Trong luận Tạp Tập nói: "Chẳng phải nhãn thấy sắc cũng chẳng phải thức v.v... vì tất cả pháp không tác dụng, do có hòa hợp giả lập làm thấy. Cho nên gọi là mắt có thể thấy sắc. Lại thức ở nơi căn, chợt vào chợt ra, như nai ở lưới tợ chim ở lồng, mổ một bỏ một, tận cùng trở lại đầu, không tạm ngừng nghỉ, thức ở lồng căn cũng lại như vậy, hoặc tại nơi nhĩ hoặc tại nơi nhãn, đi lại không định, chẳng thể chấp thường, tuy là không định mà tương tục chẳng đoạn, vì diệu dụng không gián cách vậy, nếu phàm phu vì sắc trần trói buộc, chẳng được tự tại, nếu thấy một pháp thì bị một pháp trở ngại, chẳng thể viên thông pháp giới" do đó trong kinh Kim Cang nói: "Nếu tâm Bồ-tát trú nơi pháp mà hành bố thí, như người vào trong tối thì không thấy gì" trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Do trần phát biết, nhân căn có tướng, tướng thấy không tánh, giống như lau xen" do trần phát biết là tức kiến phần. Nhân căn có tướng là tức tướng phần, tướng thấy không tánh là, tâm cảnh qua lại sinh mỗi mỗi không tự thể, tâm chẳng tự lập, do trần phát biết, cảnh chẳng tự sinh, nhân căn có tướng, hai hư giả tựa nhau, như cây lau đan xen thấy biết lập biết, tức gốc vô minh, thấy biết không thấy, đó tức Niết-bàn, nếu suốt rõ nghe, không thể nghe tức thông pháp giới. Nghe tức là Niết-bàn, tất cả các pháp xưa nay là Niết-bàn vì tâm phân biệt vọng thấy làm ngăn cách, chẳng biết tự thức, chợt làm vô minh. Lại trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Duyên thấy nhân sáng, tối thành không thấy, chẳng sáng tự phát, nếu chẳng gá thấy của tối sáng, tức lúc thấy sắc thì thấy các căn khác, nếu lìa niệm thấy khắp pháp giới, núi thiết vi tất cả tướng đều chẳng thể ngăn che, nếu sáu căn ngầm phục thì chẳng được tướng sáu căn,

như mười người cùng mắc bệnh lòa mắt thì cùng thấy hoa đốm giữa hư không, một người mắt sáng thì chẳng thấy, chín người kia lại thấy, mỗi mỗi tự trừ vọng thấy, thì chẳng được tất cả tướng, vật vật đều chân, lại mười mỗi mỗi hoa đốm hư không, một người năng thấy, mười người mắt sáng, các hoa đốm khác đều mất chỉ một vọng trừ đều chẳng thấy các tướng, một tướng thì tất cả tướng, làm tất cả tướng đều tâm ta khởi, vậy biết một mờ lòa ở mắt, ngàn hoa đốm tranh đua bay, một tâm vọng động, các trần đều khởi, nếu năng lìa niệm thì ngay đó ngồi đạo tràng, chuyển đại pháp luân, đều thành Phật đạo.

Hỏi: Như lúc nghe tiếng nói pháp gồm đủ bao nhiêu thức?

Đáp: Có đủ ba thức, thức thứ tám trước gá nơi thanh danh văn cú vô lậu của Phật làm bản chất rồi, nhĩ thức duyên âm thanh, ý thức đồng thời duyên danh cú văn v.v... mới được gọi là nghe. Các bậc cổ đức có hỏi: Thân như lúc duyên thanh danh cú văn của Phật là tự nhĩ thức duyên được danh cú văn gọi là nghe, hay trước cần tự thức thứ tám gá bản chất thanh của Phật, biến khởi tướng phần xong, nhĩ thức ý thức gá tướng phần thức thứ tám làm chất, biến tướng phần duyên mới được nghe ư? Đáp: Nếu vậy, sao lỗi nạn, cả hai đều có lỗi. Nếu thức thứ tám chẳng trước biến âm thanh của Phật, nhĩ thức ý thức bèn duyên danh cú văn, tức trước trong nhân sáu thức yếu kém chẳng thể duyên thẳng phải trước nhờ thức thứ tám biến, nếu thức thứ tám chẳng trước biến, tức ngoài tâm thủ pháp, duy thức chẳng thành, nếu gá tự tướng phần thức thứ tám làm chất duyên là, thức thứ sáu chỗ biến tướng phần tức không danh cú văn. Đã không danh cú văn, tức ý chẳng thể sinh giải hiểu. Vì thức thứ tám chỉ biến được bản chất Phật thẳng ngay âm thanh. Trên bản chất thẳng ngay âm thanh lại không danh cú văn, vì thức thứ tám chẳng duyên vậy, ở đây đáp rằng: Lý thật thức thứ sáu duyên tự tướng phần thức thứ tám làm cảnh, nghĩa là bản chất âm thanh Phật và tự thức thứ tám biến ảnh tượng âm thanh, hợp làm một âm thanh, bản chất âm thanh thế tôn đã có danh cú văn v.v... thức thứ sáu ở tự nhĩ căn duyên tướng phần âm thanh thức thứ tám, danh cú văn cả ba chẳng không, là trên bản chất âm thanh Phật có danh cú văn, ví như người thế gian cùng nhìn một giấy viết chữ, nếu người chẳng biết chữ chỉ thấy giấy đó sắc màu đen trắng, tức chẳng thể biết nghĩa lý sai biệt đó, nếu người biết chữ thấy giấy mực đen trắng và năng biết nghĩa lý sai biệt ở đó, nay nhĩ thức và thức thứ tám như người chẳng biết chữ thức thứ sáu như người biết chữ thức thứ sáu đã duyên âm thanh thật, cũng năng duyên được danh cú văn, lại âm thanh là chỗ nương tựa, danh cú văn nương tựa.

Danh cú văn nương tựa trên âm thanh thật mà có, đã có âm thanh thật, danh cú văn đó tự liên đới trên âm thanh thật mà có vậy. Ý thức là năng phân biệt, tự nhiên duyên được, lại nghe tức là tỷ lượng, lúc lắng nghe danh cú văn v.v... hướng đến trên tâm sở so lường sinh giải hiểu, chỉ thức thứ sáu có đủ tỷ lượng, nếu duyên sinh nghĩa bèn tại trong ý.

Hỏi: Phàm, nghe pháp đã gá bi nguyện của thư Phật làm bản chất, làm tăng thượng duyên, chúng sinh chỉ trên tự tâm thức tâm, chỗ biết được ảnh tượng tướng phần văn nghĩa. Đây tức thật không pháp ngoài tâm, làm người chấp thấy chưa tin ở sự trong pháp thế gian, làm sao dẫn chứng sau ấn thành tin môn nhất thừa?

Đáp: Pháp thế gian tức là pháp Phật, pháp Phật tức là pháp thế gian, cớ sao lại nêu sự lập so sánh? nhưng vì người chưa quyết định tin thì sao không phương tiện. Nếu luận tỷ biết chạm mắt đều phải, tạm nêu một vài đại khái thuộc tông đây, như ở Tây Vức, các Bà-la-môn mong cầu thông minh thì thường cúng dường trời thần v.v... sau ở trong mộng thấy có người trời trao cho pháp chú luận v.v... nhưng trong mộng thật không người trời vì nói pháp thông minh luận chú v.v... gá người trời làm tăng thượng duyên, tự trên thức tâm biến làm luận chú giải, nay chúng sinh thấy nghe cũng vậy, nhưng ở trong tình huồng tỉ lượng,ví dụ về mộng mộng dụ là rất gần, vì tự trong mộng không có cảnh ngoài mà đều là tâm mộng biến khởi, có thể làm hiện chứng, lại ở trong Trung Hoa, Chu Sướng đang cày ruộng, người mẹ muốn được con trở về, nên người mẹ bèn cắn ngón tay, Chu Sướng đang giữa ruộng đau thốn dưới tim, tự nghĩ “Đây là mẹ gọi ta” về đến nhà quả thật như lời đó. Người mẹ tuy có tâm gọi con mà chẳng phát tiếng, Như Lai chỉ có tâm nói pháp mà chẳng nói pháp tự nơi trên tâm chúng sinh biến khởi vậy, nếu chánh giải là, tức bi nguyện của chư Phật làm ứng, căn cơ chín muồi ngay nghe làm cảm, cảm ứng đạo giao chẳng phải một chẳng phải khác, chỉ tâm mới hiển hiện, chẳng rơi lạc đoạn thường, chẳng thể mỗi thủ một bên, trái với trung đạo.

Hỏi: Căn trần đối nhau hiệp chúng rõ ràng, làm sao viên thông được vào lý không?

Đáp: Nhãn đối sắc, trần không mà có thấy, nghiệp quả dị thục chẳng thể nghĩ bàn, chỉ chỗ trí biết, chẳng phải chỗ tình tính lường. Thật tánh các pháp thân chứng mới rõ, có thấy có nghe là tâm lượng thế tục, nếu nói về chân đế thì căn cảnh đều không, vả lại, như trong môn thế tục, thấy không tự tánh, như nhãn là căn thắng nghĩa, như lửa đã năng phát thức, lại năng chiếu cảnh. Thức như người năng liểu biệt, cảnh như

vật, nên biết không căn chẳng năng phát thức, không thức chẳng năng rõ cảnh, không cảnh chẳng năng khởi thấy, ba pháp hòa hợp mới thành tánh thấy, thì tánh thấy không theo hòa hợp chẳng phải có, như trong kinh Tư Ích có kệ tụng nói:

"Đều thấy mười phương cõi,
Tất cả loại chúng sinh,
Mà ở trong nhãn sắc,
Trọn chẳng sinh hai tướng,
Như Phật giảng nói pháp,
Tất cả năng nghe thọ,
Mà ở trong tai tiếng,
Cũng chẳng sinh hai tướng,
Năng ở trong nhất tâm,
Biết các tâm chúng sinh,
Tự tâm và tâm kia,
Hai đây chẳng phân biệt".

Trong phẩm Phá Căn Cảnh có luận Quảng Bách Môn nói: "Nhãn v.v... các thứ căn trần, nếu chấp thật có, lý hẳn chẳng như vậy. Tại sao? Vì trái nghịch tỷ lượng vậy" nghĩa là nhãn chẳng phải thấy, như nhĩ v.v... các căn, nhĩ cũng chẳng phải nghe, như tỷ v.v... các căn tỷ chẳng phải ngửi, như thiệt v.v... các căn thiệt chẳng thể nếm, như thân v.v... các căn thân chẳng thể biết, các căn như trên tất cả đều do tánh tạo sắc, hoặc là đại chủng, hoặc là nghiệp quả, lại nhãn v.v... các căn đều có chất ngại vậy, có thể phân chiết đều khiến trở về không, hoặc không cùng quá, cho nên chẳng nên chấp là thật có, chỉ là tự tâm tùy lực nhân duyên hư giả biến hiện, như huyễn sự v.v... tục có mà chân không, lại trong phẩm Phá Tình nói: "Nhãn là đến sắc thấy ư? Hay chẳng đến sắc thấy ư? Nếu nhãn đến sắc mới thấy là ở xa sắc nên chẳng thấy, tại sao? Pháp đi nói vậy, mà nay, gồm bình xa vầng nguyệt mà một lúc đồng thấy, cho nên biết nhãn chẳng đi thì không hòa hợp, lại nữa, nhãn lực chẳng đến sắc mà thấy, tại sao thấy gần mà chẳng thấy xa? Xa gần ứng một lúc thấy, nên biết tánh thấy không theo, các căn cũng vậy" như trong Hoàn Nguyên Tập ở môn Quán tự tha nói: "Hai thân làm tự tha, thân kia là tha, thân đây là tự, một thân lại làm tự tha, sắc thân làm tha tâm tức làm tự, tâm lại làm tự tha, tâm tức là tha, trí tức là tự, trí lại có tự tha, trí có chỗ được là tha, trí không chỗ được là tự, trí không chỗ được lại có tự tha. Trí tịnh là tha, tịnh đó cũng tịnh là tự, quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, đảnh lể Như không không chỗ nương, tâm định rồi độ

các thiền định, không trú thì không bản giác, đây gọi là Phật, giả danh gọi là Phật, cũng không Phật có thể thành, không thành có thể thành, không ra có thể ra, là gọi Phật ra đời, không chỗ thấy rõ ràng thấy, rõ ràng thấy không chỗ thấy, chỉ có danh tự, danh tự tánh không không chỗ có, gương ảnh như hư không, hư không như gương ảnh, sắc tâm như hư không, hư không hư sắc tâm, sắc tâm như gương ảnh, gương ảnh thân không hai, cũng lại chẳng phải một, nếu năng giải như vậy, chư Phật từ trong ra, chư Phật chỉ có danh, như không ứng tiếng vang, không tâm đạo rốt ráo, pháp pháp tự nhiên bình, nói bình cũng không bình, không bình làm bình nói, trong đây đoạn nói năng nói tâm hành cũng diệt, nhãn không giữ sắc không, sắc không giữ nhãn không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc nhãn thức, tại không giữ tiếng không, tiếng không giữ tai không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc nhĩ thức, tỷ không giữ hương không, hương không giữ tỷ không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc tỷ thức. Thiệt không giữ vị không, vị không giữ thiệt không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc thiệt thức. Thân không giữ xúc không, xúc không giữ thân không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc thân thức. Tâm không giữ pháp không, pháp không giữ tâm không, trở lại là một không năng giữ hai không, cũng năng giữ một không, cho nên gọi là không không, giả danh gọi là kiến đế, nếu biết sáu căn thanh tịnh tức không giặc sáu trần, nếu không giặc sáu trần, tâm vương tự thanh tịnh, phương tiện giữ hóa phàm, đề danh cậy Phật tánh". Giải thích: Do vì nếu nhãn không mà sắc chẳng không, sắc không mà nhãn chẳng không, thì chẳng thể giữ nhau, vì căn cảnh khác nhau vậy, hẳn là xâm hại, nếu đồng một tánh, tức không nghi ngờ, như ở thế gian người làm gìn giữ, nếu là người trung lương, tức có thể người trung lương làm gìn giữ, nếu là người ác hạnh, thì chẳng thể gìn giữ, vì tình tánh khác nhau vậy, sáu thứ căn trần hòa hợp đồng đã vậy, tất cả muôn pháp thuận yếu chỉ cũng vậy, nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo A-nan! Căn trần đồng nguồn, buộc mở không hai, thức tánh hư vọng, như hoa đốm giữa hư không. A-nan! Do trần phát biết, nhân căn có tướng, tướng thấy không tánh, đồng như lau xen, cho nên nay ông với sự thấy biết lập biết, tức gốc vô minh, thấy biết không thấy, đó tức Niết-bàn, vô lậu chân tịnh, cớ sao trong đó lại dung chứa vật khác".

Hỏi: Sắc trần chất ngại, có thể chia chẽ trở về không, âm thanh tánh hư thông, nên là thật có ư?

Đáp: Thanh trần sinh diệt, động tỉnh đều không, âm thanh chẳng đến nơi nhĩ căn, căn chẳng đến nơi âm thanh, đã không một vật trung

gian qua lại, thì tâm cảnh đều hư, âm thanh chẳng thể được, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Lại nữa, A-nan! Cớ sao mười hai xứ vốn là Như Lai Tạng, tánh diệu chân như? A-nan! Ông thử nhìn xem rừng cây kỳ-đà đây và các ao suối, ý ông nghĩ thế nào? Cả thảy đây là sắc sinh nhãn thấy, nhãn sinh sắc tướng ư? A-nan! Nếu là nhãn căn sinh sắc tướng, thì thấy không chẳng phải sắc, tánh sắc nên tiêu, tiêu thì hiển phát tất cả đều không, sắc tướng đã không, ai rõ được không chất? Không cũng như vậy, nếu là sắc trần sinh nhãn thấy thì quán không chẳng phải sắc, thấy tức tiêu mất, mất thì đều không, ai rõ không sắc? Cho nên phải biết: Thấy và sắc không đều không xứ sở, tức sắc và thấy hai xứ hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” lại trong văn Tìm thanh xứ nói: “A-nan! Ông lại nghe trong vườn Kỳ-đà đây, ăn xong đánh trống, chúng nhóm gióng chuông, âm thanh chuông trống, trước sau tương tục, ý ông nghĩ thế nào? Cả thảy đây là âm thanh đến bên tai, hay tai đến nơi âm thanh? A-nan! Nếu âm thanh đây đến bên tai, thì như ta đến khất thực nơi thành Thất-la-phiệt, tức tại rừng Kỳ-đà không có ta. Âm thanh hẳn đến nơi tai A-nan, thì Mục kiền liên, Ca-diếp đáng chẳng cùng nghe, huống gì trong đây có một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn đều nghe tiếng chuông đồng đến nơi ăn? Nếu là tai ông đến bên cạnh âm thanh kia, thì như ta về trú trong rừng Kỳ-đà, tại thành Thất-la-phiệt thì không có ta, ông nghe tiếng trống, tai đó đã đếm nơi đánh trống, tiếng chuông cùng vang ra, đáng chẳng đều nghe, huống gì tong đây có đủ thứ âm thanh của voi ngựa trâu dê. Nếu không qua lại, cũng lại không nghe cho nên phải biết nghe và âm thanh đều không xứ sở, tức nghe và âm thanh hai xứ hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên”. Lại trong văn Tìm hương xứ nói: “Lại nữa A-nan! Ông lại ngưởi mùi chiên đàn trong lò đây, hương đây nếu là đốt một thù (bằng nửa lạng) thì khắp thành Thất-la-phiệt trong khoảng bốn mươi dặm đồng thời nghe mùi, ý ông nghĩ thế nào? Mùi hương đây sinh nơi gỗ chiên-đàn hay sinh ở mũi ông, hay sinh giữa khoảng không? A-nan! Nếu mùi hương đây sinh nơi mũi ông, xứng chỗ mũi sinh thì phải từ mũi ra, mũi chẳng phải chiên-đàn, cớ sao trong mũi có mùi chiên-đàn? Xứng ông nghe mùi hương, phải ở lỗ mũi vào, trong mũi phát ra mùi hương, nói nghe chẳng phải nghĩa, nếu sinh ở khoảng không, thì không tánh thường hằng, mùi hương nên thường tại sao nhờ trong lò đốt cháy gỗ khô đây, nếu sinh ở gỗ, thì chất hương đây nhân đốt cháy thành khói, nếu mũi được nghe, hợp nhờ ở hơi khói, khói đó tỏa giữa hư không chưa kịp lan xa, trong vòng bốn mươi đặm cớ sao đã

nghe? Cho nên phải biết, hương mũi và nghe đều không xứ sở tức ngửi cùng hương hai xứ hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” lại trong văn Tìm vị xứ nói: “A-nan! Ông thường hai thời trì bát trong chúng, trong đó như gặp tô lạc, đề hồ, gọi là thượng vị, ý ông nghĩ thế nào? Vị đó sinh từ không trung hay sinh từ trong lưỡi hay sinh từ trong thức ăn? A-nan! Nếu vị đó sinh từ lưỡi ông, thì trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi, lưỡi đó khi ấy đã thành vị tô, như gặp đường phèn, đáng chẳng chọn đổi, nếu chẳng biến đổi, thì chẳng gọi là biết vị, nếu biến đổi thì lưỡi chẳng phải có nhiều thể làm sao nhiều vị mà biết của một lưỡi? Nếu sinh tư thức ăn, thức ăn chẳng phải có thức làm sao tự biết, lại thức ăn tự biết, tức đồng người khác ăn, nào dự nơi ông, gọi là biết của vị. Nếu sinh từ không trung, ông ăn hư không, sẽ là vị gì? Hẳn hư không đó nếu làm vị mặn thì đã mặn nơi lưỡi ông, cũng mặn cả mặt ông, thì người cõi này đồng như cá biển, đã thường thọ vị mặn, trọn chẳng biết nhạt, nếu chẳng biết nhạt cũng chẳng biết mặn, hẳn không chỗ biết, sao gọi là vị? Cho nên phải biết vị lưỡi và thưởng nếm đều không xứ sở, tức thưởng nếm và vị cả hai đều hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” lại trong văn Tìm xúc xứ nói: “A-nan! Ông thường mỗi sáng mai đưa tay xoa đầu, ý ông nghĩ thế nào? Chỗ biết của xoa ấy, ai là năng xúc? Năng là ở tay hay ở đầu, nếu năng ở tay thì đầu không biết, làm sao thành xúc? Nếu mỗi một đều có thì A-nan! Ông nên có hai thân, nếu đầu và tay là nơi một xúc sinh thì tay và đầu phải là một thể. Nếu một thể, thì xúc không thành, nếu là hai thể thì xúc tại đâu, tại năng tức không phải sở, tại sở tức không phải năng, chẳng nên hư vọng cùng ông thành xúc, cho nên phải biết giác xúc và thân đều không xứ sở, tức thân và xúc cả hai đều hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” nay tìm mười hai căn trần, xứ sở đã không thì sáu căn môn trước không xứ mà vào, mười tám giới sau không giới mà phân. Có thể nghiệm trong chúng sinh giới tức nay hiện hành tâm cảnh đều không, trong thế tục để, pháp giả khái niệm thảy đều không có, phàm biên ghi trong Tông kính đều là pháp môn hiện chứng, một vào toàn chân, lại không trước sau, như hoặc không tin, chỉ tỉnh lắng tư duy xem, nếu thấy một niệm không sinh, tự nhiên cùng kinh ngầm hợp, như trong kinh Bồ-tát niệm Phật tam-muội có kệ tụng nói:

“Thân đây thường không biết,
Như cây cỏ ngói sỏi,
Bồ-đề không hình sắc,

Tịch diệt luôn chẳng sinh.
Thân chẳng xúc Bồ-đề,
Bồ-đề chẳng xúc thân,
Tâm chẳng xúc Bồ-đề,
Bồ-đề chẳng xúc tâm,
Mà năng có tương xúc,
Thật là chẳng nghĩ bàn".

Giải thích: Nên biết sắc chẳng đến nhãn, nhĩ chẳng đến âm thanh mà có thấy nghe, là chẳng thể nghĩ bàn, vì trong tự tánh lìa mà có hiển hiện, nên biết sáu căn không đối, đều là pháp môn không tranh cãi, các cảnh rỗng, thảy đều ngầm hợp đạo chẳng hai, tức nay cảnh giới chúng sinh, chân chẳng thể nghĩ bàn vậy, đau cần xa cầu tác dụng của các thánh mà tự khinh bỉ mình là kém liệt ư? Tông kính đây là soi chiếu si ám của chúng sinh, đồng như ánh sáng của chư Phật khiến pháp giới hàm sinh đồng một thời viên chứng, như trong kinh Pháp Tập nói: "Tu-bồ-đề bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nhãn sắc hai pháp không tranh cạnh, vì chẳng hòa hợp, vì hai pháp đây chẳng cùng đến vậy. Phàm chẳng hợp chẳng đến là pháp đều không trái nghịch tranh cãi. Bạch Đức Thế Tôn! Pháp không có hai, cho nên chẳng tranh cãi". Trong phẩm Phá căn cảnh ở luận Quảng Bách Môn nói: "Lại nữa, nếu nhĩ căn và cảnh hợp biết là không nên xa gần một lúc đều nghe. Âm thanh từ chất mà đến, đã có xa gần không nên một niệm đồng đến nhĩ căn, nhĩ không ánh sáng chẳng nên hướng đến cảnh. Lại âm thanh lìa chất đến vào tai nghe, cũng chẳng đáng lý, âm thanh chuông trống v.v... hiện chẳng lìa chất, xa có thể nghe vậy, nếu tai và âm thanh không nghe mà thủ như hương v.v... chẳng hiện rõ phương góc, nếu tai và âm thanh chẳng hợp mà thủ, nên không xa gần tất cả đều nghe, chẳng hợp thể, không cùng không biệt vậy, hoặc nên tất cả đều chẳng năng nghe, cho nên nhĩ căn và âm thanh hợp và chẳng hợp, thật thủ ở tự cảnh, cả hai đều chẳng thành". Lại nói: "Tâm nếu hướng đến trần thể thì chẳng khắp cùng, tâm cùng đến cảnh, ta nên không tâm, nhưng tâm vi tế trong thân luôn có các vị ngủ say mê muội v.v... hoặc thường hành hoặc có nghĩ v.v... mộng có thể được, nhọc mệt tăng thêm, dẫn giác tâm, giữ gìn thân, xúc thân giác vậy, lại nếu trong thân luôn không tâm, là như thây chết v.v... hại nên không tội, cúng dường nên không phước, thì cũng như ngoại đạo không kiến đáng đồng có chấp, tâm thể chẳng khắp cùng, chẳng hành, chỉ dụng có hành, cũng đồng lỗi đây. Tâm dụng tâm thể chẳng lìa nhau vậy, lại nếu tâm thể hướng đến trần trước, có xúc

trong thân, nên không giác thọ, nên động tư lự, chẳng tổn trong tâm, như vậy, các tông chấp thật căn cảnh đều chẳng đáng lý, nên tin chẳng phải chân, lại tất cả thế gian hữu tình vô tình các pháp nghĩa tướng, như nương dương diệm là có tưởng nước sinh cuồng hoặc tự tâm cũng vì kẻ khác nói. Do đây, vọng tưởng kiến lập căn trần và các sự sai biệt khác trong thế gian, như hiển bày tưởng đây nương nhiều pháp thành, là giả chẳng phải chân, nên nói tưởng uẩn cho đến như các việc huyễṇ , thể thật tuy không mà năng phát sinh các thứ vọng thức, nhãn v.v... cũng vậy, thể tướng đều rỗng như người hiểu cuồng sinh vọng thức khác, tưởng tùy đây phát, cảnh đâu là chân, căn cảnh đều rỗng dối giống như việc huyễṇ ”. Trong kinh Đại Tập có kệ tụng nói:

“Chí tâm niệm pháp tư duy pháp,
Cho nên chẳng thấy sắc mà thanh,
Nếu được vào nơi pháp giới sâu,
Khi ấy thì không sắc thanh thảy”.

Trong luận Bát-nhã đăng có kệ tụng nói:

“Nhãn chẳng thấy sắc trần,
Ý chẳng biết các pháp,
Đây là thật tối thượng,
Người đời chẳng đạt”.

Do vì, căn cảnh duy tâm, danh tướng đều tịch, nên biết thế đế chân đế, đồng hướng đến Phật thừa, hữu tình vô tình đồng quy về trí địa, vì chân không trung tuyệt danh tuyệt tướng, đường tâm trí dứt, là chẳng thể nghĩ bàn, vì tục có trung như huyễn như hoa, không trung hiển hiện là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng tình thức biết, chẳng thể dùng có không mà lường, do đó trong luận Quảng Bách Môn nói rõ về pháp thế gian có năm thứ khó lường tính, kệ tụng nói:

“Thế gian các chỗ có,
Thảy đều khó tính lường,
Căn cảnh lý đồng vậy,
Người trí đâu kinh lạ”.

Luận nói: như một tư nghiệp năng cảm vô biên quả tướng sai biệt trong ngoài ở tương lai, chỗ mà thầy thợ rất mực khéo giỏi chẳng thể làm, đó gọi là khó lường tính thứ nhất trong thế gian. Lại như hạt giống bên ngoài nẩy nở mầm cành vô lượng nhánh lá hoa quả gốc rễ, hình sắc xen tạp đẹp đẽ rõ ràng lệ uyển nhiên, đó gọi là khó lường đạt thứ hai trong thế gian, lại như cây hoa gọi lá vô ưu, dâm nữ xúc chạm đó, các hoa đua nhau nở, cành nhánh rủ phẩy như có tâm lo buồn, đó gọi

là khó lường đạt thứ ba trong thế gian. Lại như cây hoa tên là nhạc âm, nghe tiếng âm nhạc tức toàn thân lay động, cành nhánh mũm mĩm như người nhảy múa, đó gọi là khó lường tính thứ tư trong thế gian, lại như cây hoa tên là háo điểu ngâm, nghe tiếng chim hót tức bèn lay động, cành nhánh mũm mĩm, như người vui mừng vỗ tay, đó gọi là khó lường tính thứ năm trong thế gian. Khó lường tính như vậy, việc ở đời nhiều vô biên, căn cảnh có không so sánh đó rất dễ, thế tục nên có, thắng nghĩa nên không, các người có trí chẳng nên kinh lạ" như trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

"Do pháp biết có nhân,
Do nhân biết có pháp,
Lìa pháp sao có nhân,
Lìa nhân sao có pháp".

Pháp là nhân nhĩ khổ lạc v.v... Nhân là bản trú, ông cho rằng vì có pháp nên biết có nhân (người) vì có nhân nên biết có pháp, nay lìa nhãn nhĩ v.v... pháp nào có nhân? Lìa nhân nào có pháp nhãn nhĩ v.v... lại nữa, tất cả nhãn v.v... các căn thật không có bản trú, nhãn nhĩ v.v... các căn khác tướng mà phân biệt, nhãn nhĩ v.v... các căn, khổ lạc v.v... các pháp thật không có bản trú, nhân nhãn duyên sắc sinh nhãn thức, vì hòa hợp nhân duyên biết có nhãn v.v... các căn chẳng vì bản trú vậy, vì vậy nên trong kệ tụng nói:

"Tất cả nhãn nhĩ v.v... các căn,
Thật không có bản trú,
Nhãn nhĩ thảy các căn
Mỗi tự năng phân biệt".

Hỏi: Nếu nhãn v.v... các căn không có bản trú là nhãn v.v... mỗi mỗi căn làm sao năng biết trần? Nếu tất cả nhãn nhĩ v.v... các căn khổ lạc v.v... các pháp không có bản trú là, nay mỗi một căn làm sao năng biết trần? Nhãn nhĩ v.v... các căn không tư duy thì không nên có biết, mà thật biết trần, phải biết là lìa nhãn nhĩ v.v... các căn lại có cái năng biết trần ư? Đáp: Nếu vậy là trong mỗi một căn có cái biết, làm một cái biết ở trong các căn. Cả hai đều có lỗi quá, tại sao? Nếu các căn mỗi mỗi đều có cái biết tức thành nhiều người, nếu một cái biết tại trong các căn là, hoặc lúc nhãn chánh duyên sắc, biết rồi thuộc nhãn, lúc khởi thanh trần, nhĩ nên chẳng nghe, như trong kinh Vô Ngôn Thuyết có kệ tụng nói:

"Trong ngoài địa giới không hai nghĩa,
Trí tuệ Như Lai năng rõ biết,

Kia không hai tướng và chẳng hai,
Một tướng không tướng biết như vậy".

Trong kinh Kim Quang Nữ nói: "Văn-thù-Sư-lợi bảo đồng nữ kia nên quán pháp giới, đồng nữ đáp: Văn-thù-Sư-lợi! Thí như lúc kiếp thiêu, ba cõi cũng như vậy". Trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: "Tất cả pháp kia không biết, không thấy, sư nói pháp kia cũng chẳng thể được, chẳng thể dùng tâm phân biệt, chẳng thể dùng ý năng biết". Trong kinh Phật Mẫu nói: "A di! Nhãn chẳng thấy sắc, cho đến ý chẳng biết pháp, Bồ-đề lìa như vậy nên nhãn sắc lìa, cho đến Bồ-đề lìa nên ý pháp lìa v.v...". Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

"Như dòng nước khô kiệt,
Thì gợn sóng chẳng nổi,
Như vậy ý thức diệt,
Các thứ thức chẳng sinh".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Trong đây không tâm thức,
Như hư không dương diệm,
Như vậy biết các pháp,
Mà chẳng biết một pháp".

Rốt ráo Nhất thừa, trong luận Bảo Tánh có kệ tụng nói:

"Như tất cả thế gian,
Nương hư không sinh diệt,
Nương nơi vô lậu giới,
Có các căn sinh diệt,
Lửa chẳng đốt hư không,
Nếu đốt mà không chỗ,
Như vậy già bệnh chết,
Chẳng thể đốt Phật tánh,
Địa nương ở thủy trú,
Thủy lại nương ở phong,
Phong nương ở hư không,
Không chẳng nương nơi địa...
Như vậy ấm giới căn
Trú trong phiền não nghiệp,
Các thứ phiền não nghiệp...
Trú bất thiện tư duy,
Bất thiện tư duy hành,
Trú trong tâm thanh tịnh,

Tự tánh tâm thanh tịnh,
Chẳng trú các pháp kia.
Ấm giới nhập như địa,
Phiền não nghiệp như thủy,
Chẳng chánh niệm như phong,
Thanh tịnh giới như không,
Nương tánh khởi tà niệm,
Niệm khởi phiền não nghiệp,
Năng khởi ấm giới nhập,
Nương dừng ở năm ấm,
Giới nhập các pháp hàng...
Có các căn sinh diệt,
Như thế giới thành hoại,
Tịnh tâm như hư không,
Không nhân lại không duyên,
Và không nghĩa hòa hợp,
Cũng không sinh trú diệt,
Như hư không tịnh tâm,
Thường sáng không chuyển biến,
Vì hư vọng phân biệt,
Khách trần phiền não nhiễm".

Lại năm hiện thức chẳng động, chỉ ý thức phân biệt, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Thức tánh không nguồn, nhân nơi sáu thứ căn trần vọng ra nay ông nhìn khắp thánh chúng hội đây, dùng mắt lần lượt nhìn khắp, chỉ như trong gương không có chia riêng. Thức ông ở trong lần lượt nên chỉ. Đây là văn- thù, đây là Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây là Tu-bồ-đề, đây là Xá-lợi-phất v.v... như năm hiện lượng tròn khắp mà nhìn, như soi ảnh tượng, trong gương mà không phân biệt" nếu là ý căn thứ sáu tức lần lượt phân biệt chẳng như năm thức hiện lượng chóng thấy, lại trong kinh nói: "Thức động thấy lắng" là thấy lắng tức năm thức hiện lượng phân biệt làm động, lại trong kinh nói: vốn không chỗ theo là thức tâm đây xưa nay trong lắng, chẳng từ tu mà được, xưa nay lắng tịch, năm thức hiện lượng cũng lại như thế.

Hỏi: Ý thức duyên cảnh nhiều ít, ba cảnh ba lượng làm sao phân biệt?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Ý thức thứ sáu tức là tỷ lượng, ý thức năng duyên pháp ba đời, pháp ba tánh, pháp ba giới, pháp một trăm

v.v... pháp nhĩ như vậy đều là ý thức thứ sáu duyên vậy, có hai thứ: Một là minh liễu; hai là độc đầu, vả lại minh liễu là chỉ ở trong năm căn môn thủ năm trần cảnh, là niệm đầu tiên cùng năm lúc đồng duyên tuân theo trong tâm, chỉ là hiện lượng duyên năm cảnh trần thật đó, nếu là niệm sau đã qua, chẳng ngăn thông với tỷ lượng phi lượng, làm giải hạnh duyên giả sắc dài v.v... đó tức là tỷ lượng. Hoặc ở trên năm trần lúc khởi chấp, bèn là phi lượng, tức minh liễu ý thức trước sau chấp thuận thông ba lượng. Trong ba cảnh, nếu lúc duyên năm trần thật pháp, là tánh cảnh, nếu niệm sau, lúc tâm giải hạnh duyên giả sắc dài v.v... tức là chân độc ảnh tợ đới chất; thứ hai độc đầu ý thức, có ba: Một là độc đầu trong mộng cũng duyên pháp mười tám giới, chỉ là độc cảnh chẳng phải chân, cảnh trong mộng đây chỉ là pháp xứ thâu, cũng không bản chất; hai là độc đầu giác ngộ, duyên tất cả pháp hữu lậu vô lậu hữu vi vô vi, có thể không thể, hoa đốm hư không, sừng thỏ, tất cả pháp ba đời thảy đều duyên được.

Hỏi: Ý thức giác ngộ đây một niệm lúc duyên mười tám giới có bao nhiêu tướng phần, bao nhiêu bản chất, bao nhiêu kiến phần?

Đáp: Bản chất và tướng phần mỗi mỗi có mười tám thứ, kiến phần chỉ có một

Hỏi: những gì là có mười tám tướng phần?

Đáp: Mười tám tướng phần từ mười tám bản chất khởi, tức có mười tám tướng phần. Gương tức là một, ở trên gương hiện có ảnh tượng mười tám người, kiến phần cũng vậy, một kiến phần năng duyên được mười tám tướng phần, nếu chất ảnh có mười tám, vì là cảnh sở duyên thì không lỗi. Nếu một niệm có mười tám kiến phần, bèn có lỗi nhiều tâm; ba là ,độc đầu không định, cũng duyên mười tám giới, một trăm pháp cảnh quá khứ và vị lai và chân như v.v... hoặc giả hoặc thật đều năng duyên cả. Ba lượng phân biệt là, nếu là minh liễu ý thức niệm trước niệm sau thông cả ba lượng, độc đầu trong mộng chỉ duyên phi lượng vì chẳng xứng cảnh, giác ngộ thông cả ba lượng, nếu lúc duyên pháp có thể, duyên năm cảnh giới v.v... thông hiện lượng vậy, nếu duyên năm căn giới bảy tâm giới v.v... là tỷ lượng, nếu duyên hoa đốm hư không cảnh quá khứ và vị lai, thông với tỷ lượng và phi lượng, nếu trong định chỉ là hiện lượng, tuy duyên giả pháp, vì chẳng vọng chấp, không kế độ nên chỉ hiện lượng, lại độc đầu ý thức, tức độc danh tán ý duyên môn ảnh tượng. Ảnh tượng là các hữu cực vi, là hai sắc cực xa cực lược đều là sắc giả ảnh vậy, chỉ ở quán tâm bẽ gãy sắc thô, đến ngằn mé sắc, giả lập cực vi chỉ quán tâm ảnh tượng đều không thật thể

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 55

Hỏi: Phàm, luận về sắc của pháp xứ đều có bao nhiêu thứ?

Đáp: Có năm thứ: Một là, sắc cực lược; hai là, sắc cực xa; ba là, sắc thọ sở dẫn; bốn là, sắc biến kế; năm là, sắc định quả. Thứ nhất, sắc cực lược là, lấy cực vi làm thể, chỉ là chia chẻ năm căn năm trần bốn đại định quả sắc kia đến vị cực vi, tức cực vi đây bèn là thể sắc cực lược. Thứ hai, sắc cực xa là không gian sáu loại sắc thô như ánh sáng, ảnh tượng, tối, sáng v.v... khiến chia chẽ sáu loại sắc thô đó đến vị cực vi, lấy sắc tế đây làm thể sắc cực xa, lại như chỗ thấy trên dưới không giới, xanh vàng đỏ trắng ánh sáng ảnh tượng tối sáng, tức đều gọi là không một hiển sắc, và chỗ hiện trong lỗ hổng cửa sổ, tức đều gọi là sắc xa. Thứ ba, sắc thọ sở dẫn là, thọ nghĩa là lãnh nạp, sắc sở dẫn là, tức trên tư chủng hiện có công năng ngăn phát, gọi là sắc sở dẫn, ý nói là do ở nơi thầy dạy lãnh thọ làm năng dẫn phát khởi, công năng phòng phát trên tư chủng hiện gọi là sắc sở dẫn, tức công năng phòng phát đây chẳng thể biểu thị khác vậy, cũng gọi là vô biểu sắc, tức lấy vô biểu sắc là thể. Thứ tư , là sắc biến kế, tức là vọng tâm biến kế. Thứ năm, là sắc định quả, là hiện cảnh trong định, pháp xứ năm loại sắc đều phân làm ba môn: Một là, môn ảnh tượng; hai là, môn vô biểu; ba là, môn định quả. Thứ nhất, môn ảnh tượng là, ảnh nghĩa là lưu loại, tượng nghĩa là tương tợ, nên gọi là ảnh tượng, các hữu cực và vi tức là hai sắc cưc lược và cực xa, chỉ có quán tâm ảnh tượng đều không thật thể. Độc sinh tán ý là, tức chọn lựa trong định và minh liễu ý thức. Nay chỉ lấy tán vị độc đầu đen tối ý thức vậy. Tán ý thức đây tạo dựng được lúc duyên năm căn năm trần nước trăng gương ảnh, ngay tình biến khởi khắp chấp tướng phần ảnh tượng, đây là giả chẳng phải thật vậy, cùng với cực lược v.v... đồng lập một môn ảnh tượng.

Hỏi: Vả lại như trăng trong nước, ảnh tượng trong gương, nhãn thức cũng duyên, cớ sao nói giả, chỉ ý thức duyên?

Đáp: Trăng trong nước, ảnh trong gương, chỉ là pháp cảnh, chỉ lấy

gương nước làm duyên, ý thức đó bèn vọng chấp có trăng có ảnh tượng, đều chẳng phải cảnh của nhãn thức, cũng là kế độ sắc thâu, lại biến là vọng tâm, cực lược v.v... là quán tâm, đồng là giả ảnh tượng vậy, do đó tổng lập. Thứ hai, môn vô biểu: Một, luật nghi có biểu sắc, tức lúc trước thầy thọ giới, do biểu sắc đây mới huân được chủng tử thiện tư, có công năng phòng phát, lập vô biểu sắc đó; hai, chẳng luật nghi có biểu sắc, tức ngay lúc xuống đao sát sinh tạo nghiệp, do đây có biểu sắc, mới huân được chủng tử bất thiện tư, có công năng phòng phát, lập vô biểu sắc đó, nếu trong xứ có biểu sắc là, tức ngay lúc lễ Phật hành đạo là xua đuổi đánh mắng, do đây có vô biểu sắc, mới huân được chủng tử thiện tư ác tư, cũng có công năng phòng phát, lập vô biểu sắc đó.

Hỏi: Nếu trăng trong nước, ảnh tượng trong gương là ý thức thứ sáu làm tâm giải duyên, chỉ là giả đó, dài ngắn vuông tròn sắc thâu là, tức minh liễu ý thức duyên ở sắc trần vậy. Thế nào là độc đầu ý thức duyên biến kế sắc thâu ư?

Đáp: Nếu là người trí, rõ giả hình kiến tướng đây tức ở sắc trần xứ thâu, nếu là kẻ mê chẳng rõ vọng chấp làm thật, biến khởi ảnh tượng, giả tướng phần đây, chỉ biến kế sắc thâu, nơi pháp xứ gồm.

Hỏi: Chỗ gọi là ảnh tượng là hai sở duyên ấy ư?

Đáp: Một, thân là ảnh tượng; hai, sơ là chất vậy, trước biện giải về ảnh tượng, thân ở duyên duyên là, nghĩa là các tướng phần cùng kiến phần năng duyên, thể chẳng lìa nhau, tức chỗ kiến phần dựa gá cảnh là chỗ trù lượng xứ vậy, tức chỗ gá gọi là duyên, chỗ lự gọi là sở duyên duyên; hai nghĩa đây gọi là sở duyên duyên vậy, tức ảnh tượng đây có bốn tên: Một là, ảnh tượng; hai là, tướng phần; ba là, chỗ nghĩ nghơi gá bên trong; bốn là, sở duyên duyên gần (thân). Tiếp đến nói về bản chất, nếu cùng năng duyên, thể lìa nhau tức sở duyên duyên xa (sơ) vì cách tướng phần vậy, tức trên bản chất kiến phần năng duyên lìa nhau, nên gọi là lìa.

Hỏi: Đã lìa nhau, sao gọi là sở duyên duyên?

Đáp: Vì chất năng khởi tướng phần sinh vậy, vì khởi nói về tướng phần khiến kiến phần có chỗ nghĩ ngơi vậy, tức bản chất khởi sở duyên vậy, cũng gọi là sở duyên duyên vậy, vì sở duyên duyên gần làm tăng thượng duyên nên cũng được gọi là sở duyên duyên, tức khởi sở duyên, cũng có ba tên: Một, gọi là bản chất; hai, gọi là chỗ nghĩ ngơi gá bên ngoài; ba, gọi là sở duyên duyên xa, tức là bản chất năng khởi tướng phần, tướng phần khởi kiến phần, kiến phần khởi tự chứng phần, tự chứng phần năng khởi chứng tự chứng phần, tức bản chất năng khởi

căn cứ chỗ lự gá tướng phần, nên nói là bản chất, cũng gọi là sở duyên duyên. Vả lại như pháp thứ năng rõ tất cả pháp là, tức ý thức thứ sáu đều có năm loại, đều duyên khắp cảnh: Một là độc đầu trong định, ý thức duyên ở cảnh định, trong của cảnh địng có lý có sự, trong sự có các loại sắc cực lược, cực xa và nơi định tự tại sinh pháp xứ; hai là độc đầu tán vị, duyên các sắc thọ sở dẫn và chỗ biến kế khởi các pháp xứ, như duyên hoa đốm hư không, sừng thỏ ảnh tượng trong gương trăng trong nước, chỗ tạo họa vẽ sinh, đều là pháp xứ gồm; ba là, độc đầu trong mộng, duyên cảnh trong mộng, biến kế sở chấp sắc pháp xứ; bốn là, ý thức minh liễu, nương tựa năm căn môn và năm thức trước đồng duyên năm trần, rõ ràng thủ cảnh gọi là ý thức minh liễu; năm là, ý thức loạn, là tán ý thức, ở trong năm căn cuồng loạn mà khởi, nhưng chẳng cùng năm thức đồng duyên, như hoạn bệnh nhiệt, thấy xanh cho là vàng, chẳng phải là nhãn thức, đây là duyên vậy, duyên sắc biến kế sở chấp, lại nếu ý thức minh liễu ở năm căn môn, cùng năm đồng duyên năm trần cảnh vậy, nếu lấy năm thức làm đều có nương tựa (câu hữu y) trừ độc đầu khởi, độc đầu khởi là, gồm có bốn thứ: Một là, độc đầu trong định, duyên ở cảnh định, chẳng cùng năm thức đồng duyên; hai là, độc đầu trong mộng, duyên cảnh pháp trần, các tướng trong mộng cũng do biến kế khởi; ba là, độc đầu tán vị, cấu tạo họa vẽ cảnh tướng, duyên sắc do biến kế khởi; bốn là loạn ý thức, cũng gọi là độc đầu có thể biết.

Hỏi: Sáu thức cùng bao nhiêu tâm sở tương ưng?

Đáp: Trong luận có kệ tụng nói:

"Đây tâm sở biến hành,
Biệt cảnh thiện phiền não,
Tùy phiền não bất định,
Đều ba thọ tương ưng".

Sáu chuyển thức đây tất cả cùng sáu vị tâm ở tương ưng, nghĩa là biến hành v.v... luôn nương tâm khởi, cùng tâm tương ưng, hệ thuộc nơi tâm, nên gọi là tâm sở. Như vật thuộc ngã, lập danh ngã sở, tâm ở sở duyên, chỉ thủ tổng tướng, tâm sở ở kia cũng thủ biệt tướng, hỗ trợ thành việc tâm, được gọi là tâm sở, như họa sư tư là khuôn đắp hình, trong luận Du-già nói: "Thức năng liễu biệt tổng tướng của sự, tác ý rõ đây chỗ tướng chưa rõ, tức các tâm sở chỗ thủ biệt tướng, xúc năng rõ đây tướng đáng vừa ý v.v... thọ năng rõ đây tướng nhiếp thọ v.v... tưởng năng rõ đây tướng nói năng nhân, tư năng rõ đây tướng chánh nhân v.v... nên tác ý v.v... gọi là tâm sở pháp" đây tiêu biểu tâm sở cũng duyên tổng tướng,

các nơi khác lại nói dục cũng năng rõ sự tướng khả lạc, thắng giải cũng rõ sự tướng quyết định, niệm cũng năng rõ sự tướng tập quán. Định tuệ cũng rõ tướng được mất v.v... do đây đối với cảnh khởi các tâm sở pháp thiện nhiễm v.v... đều ở sở duyên gồm thủ biệt tướng, sáu vị sai biệt là, nghĩa là: Biến hành có năm biệt cảnh cũng có năm, thiện có mười một, phiền não có sáu, tùy phiền não có hai mươi, bất định có bốn, sáu vị như vậy hợp có năm mươi mốt tất cả trong tâm quyết định có thể được, ngoài ra riêng biệt cảnh mà được sinh vậy, chỉ trong tâm thiện có thể được sinh vậy. Tánh là căn bản phiền não nhiếp vậy, chỉ là nhiễm tánh phiền não v.v... vậy, với thiện nhiễm v.v... đều bất định vậy, cho đến sáu chuyển thức đây dễ thoát bất định vậy, đều dung cùng ba thọ tương ưng. Đều lãnh thuận nghịch chẳng phải hai tướng vậy, lãnh tướng cảnh thuận vui thích thân tâm, gọi là lạc thọ, lãnh tướng cảnh nghịch bức bách thân tâm gọi là khổ thọ, lãnh tướng cảnh trung dung, ở nơi thân tâm chẳng phải bức bách, chẳng phải vui thích, gọi là bất khổ bất lạc thọ, giải thích: Ba câu tụng trên nêu bày tổng danh sáu vị tâm sở, một câu sau là chánh giải thích vị thọ, hành tướng tâm sở là, tâm thủ tổng tướng của cảnh, chỉ tổng thủ mà thôi, chẳng riêng phân biệt, như nói duyên sinh, chỉ tổng thủ, chẳng lại phân biệt. Tâm sở ở kia thủ gồm biệt tướng, nên thuyết (nói) cũng ngôn (nói). Như họa sư tư làm khuôn đắp hình, sư nghĩa là bác sĩ (người thông rành), tư nghĩa là đệ tử, như sư vẽ hình đã xong, học trò đắp thể, thể nơi khuôn đắp chẳng lìa khuôn mẫu, như thủ tổng tướng, lúc vẽ sắc thể khiến bày dáng đẹp, như cũng thủ biệt tướng. Tâm tâm sở pháp thủ cảnh cũng vậy, thức năng liễu biệt tổng tướng của sự, chẳng nói thủ biệt tướng, vì là chủ vậy, nếu thủ biệt tướng tức tâm sở vậy, tác ý một pháp, xúc năng liễu biệt lắm nhiều biệt tướng, do công lực ưu thắng của tác ý khiến tâm tâm sở thủ cảnh nên có tổng thủ nhiều pháp biệt tướng đây. Trong luận Du-già nói lấy tác ý làm đầu, luận đây lấy xúc làm đầu, hòa hợp ưu thắng vậy, mỗi mỗi ý căn cứ một nghĩa, xúc năng thủ ba thứ, nghĩa là đáng vừa ý chẳng đáng vừa ý, tướng đều trái nhau, nhiếp thọ trong thọ, tốn hại đều trái nhau v.v... tưởng năng rõ tướng nói năng nhân là năng thủ tướng cảnh phân chia nghĩa là đây là xanh chẳng phải xanh v.v... bèn khởi nói năng, nên tướng của tưởng là nói năng nhân vậy. Tư rõ chánh nhân tà đều trái nhau v.v... tức là tướng chánh tà v.v... trên cảnh, nhân của nghiệp vậy. Tất cả trong quyết định có thể được là, tức biến hành, chẳng kể là tâm nào, chỉ khởi hẳn là có vậy, ngoài ra riêng biệt cảnh mà được sinh là năm biệt cảnh vậy, chỉ trong tâm thiện có thể được sinh là mười một pháp thiện

chỉ có tâm thiện có, thể là căn bản năng sinh các hoặc tức tham v.v... sáu thứ. Ở tâm thiện nhiễm đều chẳng quyết định là, tức bốn pháp bất định, nghĩa là đối với thiện nhiễm vô ký ba tánh, tâm đều chẳng quyết định, sáu chuyển thức đây dễ thoát chẳng quyết định vậy là, nhưng sáu chuyển thức đây chẳng phải như thức thứ bảy thức thứ tám, thể đều dễ thoát, luôn bất định vậy, dễ thoát nghĩa là gián đoạn chuyển biến, bất định là vui thích xả hành qua lại khởi vậy, đều thông với ba thọ.

Hỏi: Thế nào là sáu thức hiện khởi phân vị?

Đáp: Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

“Nương tựa thức căn bản,
Năm thức tùy duyên hiện,
Hoặc cùng (câu) hoặc chẳng cùng,
Như gợn sóng nương nước,
Ý thức thường hiện khởi,
Trừ sinh trời vô tưởng,
Và hai định không tâm,
Ngủ nghỉ và muộn tuyệt”.

Thức căn bản tức là thức A-đà-na, nhiễm tịnh các thức sinh căn bản vậy, Nương tựa nghĩa là sáu chuyển thức trước lấy thức căn bản làm cộng nương tựa, năm thức nghĩa là năm chuyển thức trước, chủng loại tương tợ, nên gồm nói đó, tùy duyên hiện là nói hiển bày chẳng phải thường khởi, duyên nghĩa là các duyên tác ý căn cảnh v.v... nghĩa là năm thức trong thân nương tựa bản thức, ngoài tùy các duyên tác ý năm căn cảnh v.v... hòa hợp mới được hiện tiền. Do đây mà hoặc cùng (câu) hoặc chẳng cùng khởi, duyên ngoài hợp là có nhanh chậm vậy, như nước gợn sóng tùy duyên ít nhiều. Năm chuyển thức hành tướng thô động, chỗ mượn các duyên thời gian nhiều chẳng đủ nên thời gian khởi ít, thời gian chẳng khởi nhiều, ý thức thứ sáu tuy cũng thô động, mà chỗ mượn duyên không thời gian nào chẳng đủ, do trái với duyên vậy nên có thời gian chẳng khởi. Thức thứ bảy và thức thứ tám hành tướng vi tế, chỗ mượn các duyên trong tất cả thời gian đều có, nên không duyên ngại khiến gồm chẳng hành. Lại, thân thức thứ năm chẳng thể nghĩ nghơi, chỉ chuyển ngoài của khởi mượn nhiều duyên nên thời gian gián đoạn nhiều, thời gian hiện hành ít, ý thức thứ sáu tự năng tư lự chuyển trong ngoài cửa, chẳng mượn nhiều duyên, do đó chẳng nói đây tùy duyên hiện. Giải thích: Nương tựa nghĩa là sáu chuyển thức trước lấy thức căn bản làm cộng nương tựa là, sáu chuyển thức đây lấy thức căn bản làm cộng nương tựa tức hiện hành bản thức vậy, thức đều cộng nên thân gần

nương tựa là tức thức chủng tử, mỗi mỗi chủng riêng vậy, năm chuyển thức trước chủng loại tương tợ là có năm thứ: Một là, cùng nương tựa sắc căn; hai là, đồng duyên sắc cảnh; ba là, cùng chỉ duyên hiện tại; bốn là, cùng hiện lượng được; năm là, cùng có gián đoạn, chủng loại tương tợ nên tổng hợp nói, như nước gợn sóng tùy duyên ít nhiều là, trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Như nước dòng thác lớn, nếu có một gợn dóng sinh duyên, hiện tiền chỉ một gợn sóng chuyển, cho đến nhiếu gợn sóng sinh duyên, hiện tiền có nhiền gợn sóng chuyển, các thức cũng vậy, như nước dòng thác, nương tựa A-đà-na vậy, cho đến các thức được chuyển v.v... đây lấy năm thức thí như gợn sóng, bản thức dụ như nước thác. Thân thức thứ năm chẳng thể tự lự, vì không tầm tư nên chẳng thể tự khởi, nhờ mượn cái khác dẫn vậy, ý thức thứ sáu tự năng tư lự chuyển trong ngoài cửa, chỉ trừ năm vị: Trời vô tưởng; định Vô tưởng; định diệt tận, ngủ nghỉ, mê ngất xỉu v.v... còn thường năng hiện khởi vậy, lại xưa trước giải thích: Một là, như nhiều gợn sóng lấy một biển lớn làm nương tựa khởi nhiều gợn sóng; hai là, ảnh tượng trong gương lấy một gương lớn làm nương tựa khởi nhiều ảnh tượng, hai pháp biển và gương dụ như bản tâm thức, sóng và ảnh tượng dụ như chuyển thức, trong một niệm có bốn nghiệp: Một là, liễu biệt khí nghiệp; hai là, liễu biệt y nghiệp; ba là, liễu biệt ngã nghiệp; bốn là, liễu biệt cảnh nghiệp. Các liễu biệt đây trong từng sát-na đều chuyển có thể được, cho nên một thức ở một sát-na có các nghiệp dụng sai khác như vậy v.v... như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Như điện chớp mây nổi,
Đều giả dối chẳng thật,
Như thợ làm ra bình...
Do chỗ phân biệt thành.
Nhân chủ nên lắng nghe,
Các hữu tình thế gian,
Tập khí thường che tâm,
Sinh các thứ hý luận.
Mạt-na và ý thức,
Cùng các thức tương tục,
Năm pháp và ba tánh,
Vô ngã của hai thứ,
Luôn cộng và tương ưng,
Như gió đánh nước thác,
Chuyển khởi sóng các thức,

Sóng sinh dòng chẳng ngừng,
Lại-da cũng như vậy,
Vô thủy các tập khí,
Giống như dòng thác kia,
Bị gió cảnh lay động,
Tuy không bao nhiêu thể,
Hoặc tùy duyên chóng khởi,
Hoặc lúc mà chậm sinh,
Thủ cảnh cũng như vậy,
Chóng chậm mà sai biệt,
Tâm chuyển nơi vườn nhà,
Nhật nguyệt và muôn sao,
Cây cành lá hoa quả,
Núi rừng và quân chúng,
Ở các xứ như vậy,
Đều năng chậm chóng sinh.
Nhiều khiến năng chóng hiện,
Hoặc chậm khởi sai biệt,
Hoặc lúc ở trong mộng,
Thấy cảnh xưa đã xong,
Và niệm tưởng mới sinh,
Cho đến nơi già chết,
Toán số cùng các vật,
Tầm tư nơi câu nghĩa,
Quán ở văn thể khác,
Thọ các ăn uống ngon,
Ở cảnh giới như vậy,
Dần dần năng rõ biết,
Hoặc có lúc chóng sinh,
Mà năng thủ đó là,
Tâm tánh lúc thanh tịnh,
Chẳng thể được nghĩ bàn,
Là diệu tạng Như Lai,
Như vàng ở nơi quặng,
Ý sinh từ tạng thức,
Sáu khác cũng như vậy,
Thức sáu thứ hoặc nhiều,
Sai biệt ở ba cõi.

Lại-da và năng huân,
Và tâm pháp khác thảy,
Nhiễm tịnh các chủng tử,
Tuy đồng trú không nhiễm,
Chủng tánh Phật cũng vậy,
Định chẳng định thường tịnh,
Như nước biển thường trú,
Sóng gợn mà chuyển dời,
Lại-da cũng như vậy,
Tùy các địa sai biệt,
Tu có hạ trung thượng,
Xả nhiễm mà sáng rõ".

Như trên rộng nói rõ về ý căn duyên cảnh, phân biệt rất mạnh so với các thức, do đó tất cả thiện ác ý là dẫn đầu, ý khởi nhanh chóng, ý ở trước lời nói, ý thiện tức pháp chánh, ý ác tức cảnh tà, như một hơi khí hít nó tức ấm, thổi nó tức lạnh, tợ một thứ nước, lạnh đó tức đông, ấm nóng tức dung hòa, huống gì một tâm, buông đó tức phàm, hoằng đó tức thánh, chuyển biến tuy khác, chân tánh không khuyết, như trong kinh Ương-quật-ma-la nói: "Ý pháp trước hành, ý thắng ý sinh, ý pháp tịnh tin, hoặc nói hoặc làm, khoái lạc tự tìm, như ảnh theo hình, ta vì hàng thanh văn thừa mà nói kệ tụng đây" ý là nghĩa Như Lai Tạng, nếu tự tâm thanh tịnh, ý là Như Lai Tạng, ưu thắng hơn tất cả pháp, tất cả pháp là chỗ làm của Như Lai Tạng, và tịnh tin ý pháp đoạn trừ tất cả phiền não vậy, thấy ngã giới vậy, nếu tự tịnh tin có Như Lai Tạng, sau đó hoặc nói hoặc làm, lúc được thành Phật, hoặc nói hoặc làm, độ tất cả thế gian, như người thấy ảnh, thấy Như Lai Tạng cũng lại như vậy, cho nên nói như ảnh tùy thuận, ý pháp trước hành ý thắng ý sinh, ý pháp là ác hoặc nói hoặc làm, các khổ tự tìm theo, như bánh xe theo vết, bài kệ đây nói về nghĩa phiền não, ý pháp ác, là bị vô lượng phiền não che khuất, tạo tác cái ác, nên gọi là ác, tự tánh tịnh tâm Như Lai Tạng vào nghĩa vô lượng phiền não, nhởn nhơ như vậy chẳng dứt, hoặc nói hoặc làm tất cả các khổ thường theo chẳng tuyệt, như bánh xe theo vết nghĩa là các ác tích tập xe sinh tử xoay chuyển, tất cả chúng sinh ở trong ba thú ác, như bánh xe theo vết, cho nên nói đối với phước mà chậm hoãn là tâm vui thích ở ác pháp vậy, giải thích: Một niệm thanh tịnh thấy tánh Như Lai Tạng, năng tự độ và độ tha, thọ lạc tịnh diệt, như ảnh thuận thân, nếu một niệm tâm ác vào lưới trần lao đọa trong các thú, thọ khổ sinh tử như bánh xe theo vết, lấy ảnh thuận để thí dụ là,

tức thường chẳng lìa, lấy bánh xe theo vết để thí dụ, tức là nhanh chóng chuyển vậy, do đó thiện ác tùy tâm chưa từng gián đoạn, nếu người khéo lấy đức ngay đó mà giải thoát. Vì vậy trong kinh Đại Thừa Lý Thú nói: “Cho nên Bồ-tát quán sát năm cái bởi nhân gì mà khởi? Và làm sao để xa lìa? Bồ-tát trước phải nên quán: Sắc dục giống như trăng trong nước, nước động trăng động, tâm sinh pháp sinh, tâm tham dục cũng lại như vậy, niệm niệm chẳng trú, chóng khởi chóng diệt”. Trong kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán nói: “Dùng tâm thanh tịnh làm căn thiện nghiệp, dùng tâm bất thiện làm căn ác nghiệp, tâm thanh tịnh nên thế giới thanh tịnh, tâm tạp uế nên thế giới tạp uế”. Trong pháp Phật ta lấy tâm làm chủ, tất cả các pháp không gì chẳng do tâm, do đó như Thọ-đề sinh ở trong lửa, lửa chẳng thể hại, Phật đó là nghiệp báo trẻ con, chẳng phải chỗ ta làm, nên biết tự tâm tạo tác, lự khác chẳng đổi dời, thì đường lên xuống chẳng xa, báo đen trắng tại đây. Thiện ác quả báo tuy khác, đều từ vọng tưởng chỗ gương tâm hiện, như trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

“Thí như ảnh trong gương,
Tuy thấy mà chẳng có,
Huân tập gương tâm thấy,
Phàm phu nói có hai,
Chẳng biết chỉ tâm thấy,
Cho nên phân biệt hai,
Như thật chỉ biết tâm,
Thì phân biệt chẳng sinh”.

Nên biết nếu thật biết tâm, như trong gương tự thấy ảnh mặt, trọn chẳng ở ngoài trần vọng sinh chấp thủ, đã mở tướng buộc, biển nghiệp toàn khô. Như trong kinh Hiền Kiếp Định nói: “Tiêu diệt tất cả có nghiệp, trông thấy cội nguồn tất cả chúng sinh, đó gọi là trí tuệ”

Hỏi: Ý thức ở năm vị chẳng khởi thế nào là hành tướng năm vị năng khiến ý thức chẳng khởi?

Đáp: Trong luận Duy thức nói: “Trời vô tưởng” nghĩa là do lực tu định đó nhàm chán tưởng thô mà sinh trong cõi trời ấy, trái nghịch tâm chẳng hằng hành và tâm sở, lấy tưởng diệt làm đầu, nên gọi là trời vô tưởng, và hai định không tâm, nghĩa là định vô tưởng, và hai định không tâm, nghĩa là định vô tưởng và định diệt tận đều không có sáu thức, nên gọi là không tâm. Định vô tưởng nghĩa là có hàng dị sinh phục biến tịnh tham chưa phục nhiễm trên, do tưởng xa lìa tác ý làm đầu, khiến tâm chẳng hằng hành và tâm sở diệt, tưởng diệt làm đầu, lập tên

vô tưởng, khiến thân an hòa, nên cũng gọi là định. Định diệt tận nghĩa là có các bậc thánh vô học hoặc hữu học đã phục hoặc lìa tham không chỗ có, tham trên chẳng định, do ngưng dứt tưởng, tác ý làm đầu, khiến tâm chẳng hằng hành nhiễm ô và chẳng hằng hành nhiễm ô cùng tâm sở diệt, lập tên diệt tận khiến tâm an hòa, nên cũng gọi là định, không tâm ngã say và muộn tuyệt là, nghĩa là có hạng vô cùng ngủ say và muộn tuyệt, khiến sáu thức trước đều chẳng hiện hành, ở trong năm vị thì hàng vị sinh có bốn, trừ ở bậc thánh diệt định, chỉ có ba sau, ở trong Như Lai thì Bồ-tát tự tại chỉ được có một, không ngủ và muộn vậy. Giải thích: Trời Vô tưởng với lực nhàm chán tưởng thô, nghĩa là các ngoại đạo lấy tường làm nhân của sinh tử, tức thiên lệch nhàm chán đó, chỉ sáu thức trước tưởng, chẳng phải thức thứ bảy và thứ tám, nên gọi là tưởng thô, tưởng tế vẫn còn, nên diệt ở sáu thức, thức thứ bảy và thứ tám vi tế kia chẳng thể biết, nên chẳng diệt vậy, Định vô tưởng phục biến tịnh tham, nghĩa là ở thiền thứ ba, thì không, thiền thứ tư, trở lên tham vẫn còn chưa phục, hiển bày lìa dục vậy. Tưởng định xa lìa là, hiển bày tưởng làm tưởng Niết-bàn vậy, chẳng hằng hành v.v... diệt là, hiển bày chỗ diệt thức có ít nhiều vậy, tác ý phục nhiễm mà vào định là, quán tưởng như bệnh, như nhọt, như mũi tên, ở chỗ sinh khởi các thứ trong tưởng, nhàm chán trổ ngược mà trú, chỉ nghĩa là vô tưởng tịch tĩnh vi diệu, ở trong vô tưởng trì tâm mà trú, như vậy dần lìa các chỗ duyên, tâm bèn tịch diệt, định diệt tận nghĩa là có các thánh vôp học v.v... và hữu học là trừ sơ quả và nhị quả, chỉ thân chứng chẳng trở lại, người chứng quả thứ ba, ở trong hữu học trừ hàng dị sinh. Lìa tham không chỗ có, tham trên chẳng chướng ngại định là vì diệt định chỉ nương định phi tưởng và khởi, đây nương tựa mới đầu tu nhị thừa nên nói là lìa, Bồ-tát phục chẳng lìa tham, tức đây cũng gọi là định diệt thọ tưởng. Trong năm vị đây, hàng vị sinh có bốn v.v... là trừ thánh định diệt tận chỉ có ba sau, Phật và hàng Bồ-tát từ bát địa trở đi chỉ được có một diệt định, không hai ngủ say và ngất xỉu, vì ác pháp nên hiện tợ có ngủ và thật không có vậy, tức hàng nhị thừa vô học cũng có ngất xỉu vậy.

Hỏi: Định diệt tận và định vô tưởng đều xứng không tâm, hai định ấy có gì khác biệt?

Đáp: Có bốn nghĩa chẳng đồng; xưa trước giải thích: Một là, căn cứ về người đắc khác, định diệt tận là thánh nhân đắc được, định vô tưởng là phàm phu đắc được; hai là, kỳ nguyện khác: Nhập định diệt tận làm chánh dứt tưởng cầu công đức nhập. Định vô tưởng làm giải thoát nhập; ba là cảm quả và chẳng cảm quả khác, định vô tưởng là hữu

lậu năng cảm quả báo trời Vô tưởng riêng khác, định diệt tận là vô lậu, chẳng cảm quả ba cõi; bốn là, diệt thức ít nhiều khác, định diệt tận diệt thức nhiều gồm diệt phần nhiễm Mạt-na thức thứ bảy, định Vô tưởng diệt thức ít, không diệt sáu thức trước.

Hỏi: Thân như các vị diệt tận không tâm v.v... đã là không tâm, cớ sao chẳng ra khỏi ba cõi?

Đáp: Không tâm nghĩa là chỉ phục tâm thô sáu thức trước, cũng gọi là không tâm, tâm thức thứ bảy thứ tám vẫn tồn tại, chẳng phải toàn không tâm, như trong luận Thành Nghiệp nói: “Tâm có hai thứ: Một là, tâm tập khởi, là nơi vô lượng chủng tử tập khởi; hai là, tâm chủng chủng, là chỗ duyên hành tướng sai biệt chuyển, các vị diệt định v.v... khuyết tâm thứ hai, gọi là không tâm, như ngựa một chân khuyết một chân vậy, cũng gọi là không chân.”

Hỏi: Năm căn bốn đại chủng mà thành tất cả các pháp trong ngoài, pháp nào có đủ đại, pháp nào có đủ chủng?

Đáp: Xưa trước giải thích bốn câu chọn lựa là: Một là, đại mà chẳng phải chủng, tức hư không khắp cùng nên là đại, chẳng phải sinh nên chẳng phải chủng; hai là, chủng mà chẳng phải đại, tức năm căn v.v... năng sinh nên gọi là chủng, chẳng khắp cùng nên chẳng phải đại; ba là, cũng chủng cũng đại, tức địa thủy v.v... thể thoáng rộng nên gọi là đại, cùng sắc được tạo nên làm nương tựa nên gọi là chủng; bốn là, chẳng phần đại chẳng phải chủng, tức Thanh văn hướng đến tịch lắng.

Hỏi: Sáu căn phân thấy nghe hay biết đều đủ mấy lượng?

Đáp: Chuẩn cứ như luận Du-già thì có ba lượng: Một là, chứng lượng; hai là, tỷ lượng; ba là, chí giáo lượng. Trong luận nói: “Ba lượng kiến lập sáu căn, nương nhãn căn trong chứng lượng, tâm tâm số pháp gọi là thấy (kiến) còn nhĩ v.v... năm căn tâm tâm số pháp gọi là biết (tri) nương tỷ lượng, tâm tâm số pháp gọi là hay (giác) nương chí giáo lượng, tâm tâm số pháp gọi là nghe (văn).” Lại nói: Hoặc thấy hoặc biết nói năng nương ở hiện lượng, hoặc hay (giác) nói năng là nương ở tỷ lượng, hoặc nghe nói năng là nương ở chí giáo lượng. Giải thích: Chứng lượng, tức trước cảnh hiện tại, chứng minh chứng liễu gọi là chứng lượng, nhãn tâm tâm sở gọi là thấy, nhĩ v.v... năm căn tâm tâm số pháp ở trong chứng lượng, lúc rõ tự tâm, gọi chung là biết, ý căn tâm tâm số pháp ở trong tỷ lượng rõ cảnh giới riêng biệt, gọi là hay như cách tường thấy sừng, so biết là trâu, so lường suy cầu chỉ là ý căn, nương ở chí giáo lượng, tâm tâm số pháp gọi là nghe, tức ngôn giáo của bậc chí thánh gọi là chí giáo lượng, cũng gọi là Thánh ngôn giáo lượng, ở Tây

vực chọn pháp phải đủ ba lượng đây.

Hỏi: Trong bốn đại sáu căn lấy gì làm chủ?

Đáp: Lấy tâm làm chủ, vì bốn đại v.v... không tự thể, không lực dụng qua lại, nhân tâm mà có, nên xưng là chủ. Trong kinh Di Giáo nói: "Năm căn đây là do tâm làm chủ" đây nói rõ mới đầu gá thai, tâm trước hết các căn, nên gọi đó là chủ, nhưng chỉ một thời kỳ làm chủ cũng chẳng định vậy. Trong Thai giáo nói rõ tâm đó chẳng thể khống chế các căn, tâm là cửa thọ chung tất cả, như lúc thân bệnh, tâm cũng bệnh theo, sao được là chủ ư? Hoặc có lúc qua lại lượng bàn về chủ, như địa đủ bốn kém nhỏ thì độn lụt là do thủy khống chế, thủy có ba kém nhỏ, bị hỏa khống chế, hỏa chỉ hai kim nhỏ, bị phong khống chế, phong có một kim nhỏ, bị tâm khống chế, tâm không có kém nhỏ nên được làm chủ, lại vì bốn đại khuấy nhiễu làm não nên nghĩa chủ chẳng thành, nên không cánh chủ, lại nếu bốn đại mỗi mỗi giữ tánh nó là, địa giữ tánh cứng chẳng nên động, thủy giữ tánh ẩm ướt chẳng nên sóng, hỏa giữ tánh nóng nhiệt chẳng nên đốt cháy, phong giữ tánh động chẳng nên giữ, vì mất bản tánh thì, chẳng thật, chẳng thật nên không. Trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: "Địa không có tánh cứng, thủy tánh chẳng dừng, hỏa theo duyên sinh, phong tánh không trở ngại, mỗi mỗi đều vào trong khoảng như thật" lại tâm cũng chẳng định, thiện ác đoạt nhau, nghiệp mạnh chín muồi kéo. Trong luận Duy Thức nói: "Tâm ý thức là dị danh của một pháp, đối số gọi là tâm, năng sinh gọi là ý, phân biệt gọi là thức, lại khởi trước là tâm, khởi tiếp là ý, rõ sau là thức, hoặc tâm thời nay tuy hành thiện mà nghiệp ác đời trước chín muồi đã cùng thời hợp. Tức thọ ác báo, nên bị nghiệp chín muồi kéo dắt. Hoặc tâm trong một đời tuy hành ác, mà đến lúc sắp chết, tâm thiện lớn mạnh, tức tùy thiện trên mà sinh lên nên là bị nghiệp mạnh kéo dắt. Lấy đó để biết trong thế gian không một pháp quyết định có tự thể, chỉ tùy duyên chuyển, niệm niệm chẳng tâm được vậy, nên chẳng thể định chấp một môn mà sinh lấy bỏ, tức mỗi mỗi pháp không thể dụng chẳng tự tại, niệm niệm chẳng thể được, thì đều vào trong khoảng như thật, ở trong khoảng thật tế, danh nghĩa đều dứt, như bốn nhãn vào Phật nhãn, mười trí vào thật trí, đều mất danh tự, như vật để vào đường mật, tợ sông chảy vào biển, mỗi mỗi khác vị, không gì chẳng là ngọt mặn, như muôn pháp quy về trong tông kính đồng tuân một đạo.

Hỏi: Tùy cảnh mỗi mỗi lập tên của sáu thức, đây nương tựa năm sắc căn chưa tự tại mà nói, ở vị tự tại mà nói, ở vị tự tại làm sao phân biệt?

Đáp: Nếu trong vị tự tại thì các căn hỗ dụng, như trong kinh Pháp Hoa nói rõ tị căn có thể thấy sắc. Trong luận Quán Tâm vv... nói: “Nếu được tự tại, các căn qua lại, một căn phát tức duyên tất cả cảnh, chỉ có thể tùy căn không cùng lạm mất”. Cho đến trong kinh Phật Địa nói: “Trí thành sở tác, quyết chọn tâm hạnh sai biệt của hữu tình khởi ba nghiệp hóa làm bốn ký v.v... nếu chẳng duyên khắp thì không có thể vậy” giải thích: Ba nghiệp hóa hợp có mười thứ. Trong kinh Phật Địa nói: Thân hóa ba: Một là, hiện thần thông hóa; hai là, hiện thọ sinh hóa; ba là, hiện nghiệp quả hóa. Ngữ (miệng) hóa cũng có ba: Một là,lời mừng ổn ngữ hóa; hai là lời nói, phương tiện hóa; ba là lời nói, biện vật ngữ hóa, ý hóa có bốn: Một là ý, quyết trạch hóa; hai là, ý tạo tác hóa; ba là, ý phát khởi hóa; bốn là, ý lãnh thọ hóa. Bốn ghi nhớ trong lãnh thọ hóa là: Một nghĩa là, một hướng ghi nhớ; hai là, phân biệt ghi nhớ; ba là, hỏi ngược lại ghi nhớ; bốn là, im lặng để ghi nhớ. Trên đây tướng của sáu thức tổng thành môn của ba nghiệp, trong quả vị chưa chuyển y tùy lưu theo cảnh, phát chủng của tạp nhiễm, kết căn của sinh tử, chỉ khởi che buộc, chỉ giăng khổ tập, trái với tánh giác thanh tịnh, hợp với vọng trần xứ giới, lập thành quách của ba hữu, làm gợn sóng của bốn dòng, đến quả vị chuyển y, ngầm chân trở ngược dòng, tùy trí tuệ hành thành thiện vô lậu, thuộc đạo đế gồm, chánh lý tương ưng, hiện tâm diệu quán sát, quyết dẹp lưới nghi của bốn loài, làm trí thành sở tác, khởi nguồn hóa của ba luân, nếu vậy cứu xét đó ở tâm, trần lao làm diệu dụng của Bồ-đề, mất đó ở yếu chỉ, thường lạc làm khổ luân của sinh tử, nên biết nhiễm tịnh chẳng phải kẻ khác, được mất tại nơi ta, tợ như tay ngửa úp, như người say tỉnh. Tại sao? ngửa cũng là tay, úp cũng là tay, cốt yếu là lúc ngửa chẳng phải là úp, lúc úp chẳng phải lúc ngửa, nhưng đều chẳng lìa tay, say cũng là người tỉnh cũng là người, cốt yếu lúc say chẳng phải lúc tỉnh lúc tỉnh chẳng phãi lúc say cũng chẵng lìa say có tỉnh, lìa tỉnh có say, như mê cũng là tâm, ngộ cũng là tâm, cốt yếu lúc mê chẳng phải lúc ngộ, lúc ngộ chẳng phải lúc mê, nhưng mê ngộ chẳng phải riêng biệt, tức thời tiết có khác, chỉ tại Bát-nhã chuyển biến đến thời, một thể chẳng phải dời ngàn sai tự khác biệt, mê đó thì uổng gặp chím đắm niệm niệm thành phàm, ngộ đó vốn tự tròn sáng, tâm tâm chứng thánh.

Hỏi: Tất cả các pháp đều nhờ mượn duyên sinh, ở trong tám thức mỗi mỗi đủ bao nhiêu duyên thành lập?

Đáp: Nhãn có chín duyên: Một là, không duyên, nghĩa là hư không thông rỗng không vật chướng ngại ở cảnh trước, gọi là không chướng

ngại, dẫn phát sinh khởi năng duyên thức vậy, lại lìa khoảng giữa biết vậy; hai là, minh duyên, minh nghĩa là ánh sáng, lìa tướng tối tăm vậy, phân minh hiển bày, mở cửa dẫn dắt năng duyên thức vậy; ba là, căn duyên, nghĩa là tự nhãn căn làm chỗ nương tựa vậy; bốn là, cảnh duyên, cùng thức năng duyên làm sở duyên vậy, dắt sinh dẫn phát thức năng duyên vậy; năm là, tác ý duyên, phát tác tâm ý năng sinh khởi vậy, ở nơi vị tâm chủng cảnh răn khiến sinh hiện, nơi vị hiện hành dẫn tâm đến cảnh; sáu là, căn bản duyên, nghĩa là thức thứ tám cùng nhãn v.v... các thức mà làm gốc rễ làm nguyên bản vậy, cùng bảy thức trước làm chỗ nương tựa vậy; bảy là, nhiễm tịnh duyên, nghĩa là thức thứ bảy cùng sáu thức trước đều làm chỗ nhiễm tịnh nương tựa; tám là, phân biệt duyên, nghĩa là thức thứ sáu phân minh liễu biệt đối với cảnh trước vậy; chín là, chủng tử duyên, nghĩa là chủng tử nhãn thức năng sinh hiện vậy, cũng gọi là thân biện tự quả duyên. Thân (gần) thật kiến lập, biện (rành rẽ) tự thức hiện hành, gọi là tự quả, nếu nhĩ thức duyên, đi thẳng ngay âm thanh, chỉ đủ tám duyên, trừ minh duyên (duyên ánh sáng) vì giả sử ở trong tối cũng năng nghe vậy. Nếu là tỷ thiệt thân ba thức lúc duyên hương vị xúc, chỉ đủ bảy duyên, trừ hai duyên hư không và ánh sáng, ba thức này là hợp với khoảng giữa biết nên chẳng cần không duyên. Nếu ý thức thứ sáu duyên tất cả cảnh tất cả thời, chỉ đủ năm duyên: Một là, căn bản; hai là, căn duyên; ba là, tác ý; bốn là, chủng tử; năm là, cảnh duyên. Trừ bốn duyên hư không ánh sáng phân biệt và nhiễm tịnh. Lại ý thức thứ sáu với trong bốn thứ, hoặc định mộng độc tán, thì ba đây tức đủ năm duyên, còn nếu ý thức minh liễu thì tùy năm thức trước, hoặc thức thứ bảy, thứ tám, thứ chín v.v... có đủ duyên ít nhiều vậy. Nếu là thức thứ bảy ở trong vị hữu lậu, lúc duyên kiến phần thức thứ tám làm ngã, chỉ đủ ba duyên: Một là, căn bản duyên tức thức thứ tám; hai là, tác ý; ba là, chủng tử, nếu thức thứ tám lúc duyên chủng tử căn thân khí thế gian thì chỉ đủ bốn duyên: Một là, cảnh duyên tức ba cảnh trước; hai là, căn duyên tức thức thứ bảy; ba là, chủng tử; bốn là, tác ý. Nếu thêm đẳng vô gián duyên ở trên tám thức trước, lại mỗi mỗi thêm một duyên, thì nhãn tức đủ mười duyên v.v...

Hỏi: Tám thức ở trong ba cõi gồm có đủ chăng?

Đáp: Chẳng có đủ, các bậc cổ đức giải thích: Tám thức ở nơi ba cõi chín địa, nó có không như sau: Chỉ một địa ở Dục giới có đủ tám thức ở sắc giới, Sơ thiền một địa chỉ có sáu thức trừ hai thức tỷ và thiệt, từ Nhị thiền trở lên cho đến vô sắc giới trở lại chỉ có ba thức sau không có năm căn trước, ở dục giới: Người, trời, quỷ và súc sinh bốn thú đều

có tám thức. Đến trong địa ngục thú, địa ngục vô gián có năm thức trước, chỉ có ba thức sau, hoặc gồm có thức thứ sáu vì đã ở vị cực trọng muộn vậy.

Hỏi: Thế nào là các biến kế có không?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Năm thức trước và thức thứ tám không chấp, vì nhân duyên biến vậy chỉ có hiện lượng. Phàm là chấp hẳn phải gượng tư kế độ v.v... có chấp vậy, chỉ thức thứ sáu và thức thứ bảy có biến kế phân biệt vậy, tức hai thức thứ sáu và thứ bảy có chấp, lại có bốn câu: Một, biến thì chẳng phải kế, tức độc đầu ý thức thứ sáu duyên khắp tất cả mà chẳng kế chấp; hai, kế chẳng phải biến, tức thức thứ bảy chỉ duyên A-lại-da kế độ; ba, cũng biến cũng kế, tức thức thứ sáu trong nhân có khắp cùng kế độ; bốn, chẳng phải biến chẳng phải kế, tức năm, thức trước chỉ duyên năm trần không kế độ vậy, năm thức trước mặc tình chứng cảnh, chẳng kẹt danh ngôn, chỉ là hiện lượng, thức thứ tám cũng vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 56

Trong ba năng biến đã lượng về tám thức, nay y cứ các kinh luận lại có nhiều môn, buông ra thì có vô biên, cuộn lại thì chỉ một đạo. Trong kinh lại nói rõ có chín thứ thức, vì gồm thức tánh vậy, hoặc lấy thức thứ tám nhiễm tịnh khai mở riêng biệt nên nói là chín thức, chẳng phải nương thể khác mà có chín, cũng chẳng phải thể loại riêng biệt mà có chín, chín thức là lấy thức thứ tám nhiễm tịnh riêng biệt khai mở làm hai, lấy hữu lậu làm nhiễm, vô lậu làm tịnh, bảy thức trước chẳng phân nhiễm tịnh, vì đều là chuyển thức gồm, nên thức thứ tám đã chẳng phải chuyển thức, riêng khai mở làm hai, đó là nhiễm và tịnh, hợp bảy thức trước nên thành chín thức.

Hỏi: Lấy kinh luận gì chứng minh có chín thức?

Đáp: Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Do hư vọng phân biệt,
Nên mới có thức sinh,
Tám chín các loại thức,
Như gợn sóng biển suối".

Lại trong kinh Kim Cang Tam- muội nói: "Bấy giờ Bồ-tát Vô Trú bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Dùng lợi chuyển gì mà chuyển chúng sinh tất cả tình thức vào Am-ma-la? Phật dạy: Chư Phật, Như Lai thường dùng một giác mà chuyển các thức vào Am-ma-la, tại sao? Tất cả chúng sinh vốn giác, nên thường dùng một giác mà giác ngộ chúng sinh, khiến chúng sinh ấy đều được bản giác, giác các tình thức không tịch không sinh. Tại sao? Quyết định bản tánh vốn không có động". Trong Thích luận nói: "tất cả chỉ làtâm tạo là, nhưng Phật quả kia khế hợp tâm, thì Phật cũng là tâm tạo, nghĩa là bốn trí Bồ-đề là chỗ tựa của tám thức thanh tịnh, nếu thủ căn bản tức thanh tịnh thức thứ tám, nếu nương chân đế Tam tạng thì thức thanh tịnh Phật đây gọi là thứ chín, gọi là thức A-ma-la". Tam tạng Pháp sư Huyền Trang ở thời tiền Đường phiên dịch nghĩa là vô câu là dị thục thứ tám, nghĩa là lúc thành Phật

chuyển thức thứ tám thành không riêng biệt thứ chín. Nếu y cứ theo kinh Mật Nghiêm, thì trong kinh văn nói đủ rằng: "Tâm hoặc tám thức hoặc lại có chín lại nói Như Lai Tạng thanh tịnh cũng gọi trí vô cấu" tức đồng chân đế lập thức thứ chín vì xuất chướng vậy, chẳng đồng dị thục thức, Lại Tam tạng Pháp sư Chân Đế phiên dịch luận Quyết Định Tạng, ở phẩm Chín thức nói: "Thứ chín thức A-ma-la" Tam tạng Pháp sư giải thích thức A-ma-la có hai thứ: Một là, sở duyên tức là chân như; hai là, bản giác tức trí chân như, năng duyên tức bất không tạng, sở duyên tức không Như Lai Tạng. Nếu y cứ Thông giáo luận thì hai đây đều lấy Chân như làm thể. Trong luận Hoa Nghiêm nói rõ, trong kinh Giải Thâm Mật Nghiêm nói: "Thức thứ chín là thức thuần tịnh không nhiễm, như nước dòng thác sinh nhiều gợn sóng, các gợn sóng đều lấy nước làm nương tựa, các thức thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám đều lấy thức A-đà-na làm nơi nương tựa". Lại nói: "Bồ-tát như vậy tuy do pháp trú trí làm nương tựa mà kiến lập vậy". Ý kinh đây khiến ở thức xứ bèn nói rõ thức thể vốn chỉ là chân trí, như dòng thác kia chẳng lìa thể nước mà sinh gợn sóng. Lại như gương sáng nương thể tịnh kia không chỗ phân biệt, gồm nhiếp ảnh tượng, chẳng ngại có mà thường không vậy. Tự tâm như vậy chỗ hiện thức tướng, chẳng lìa bản thể tịnh trí vô tác, chỗ hiện ảnh tướng đều không có chấp tự tha trong ngoài v.v... mặc tình dụng tùy trí, không chỗ phân biệt. Lại trong kinh nói: "Thức A-đà-na vi tế sâu mầu" là dẫn phàm lưu kia nhóm thức thành trí, chẳng đồng như hàng Nhị thừa và Bồ-tát tiệm giáo thủy giáo phá tướng thành không, chẳng đồng như phàm phu buộc mà thật có, chẳng đồng kia nên chẳng không chẳng có, pháp nào chẳng có? Vì trí chánh lúc tùy duyên, không tánh tướng vậy, không sinh trú diệt vậy, với kinh Hoa Nghiêm thì không như vậy, chỉ nêu rõ trí căn bản, thể dụng của phật của bản thân bản pháp giới nhất chân vậy lẫn lộn trong biển chân tánh tướng pháp báo, ngay vì người thượng thượng căn chóng bày Đức Phật quả, bản trí nhất chân pháp giới dùng làm môn khai thị ngộ nhập, chẳng luận tùy vọng mà danh thức v.v... như trong kinh Pháp Hoa dùng trí tuệ Phật khai ngộ chúng sinh khiến được thanh tịnh, xuất hiện nơi đời vậy, chẳng vì các thừa khác như hoặc hai hoặc ba, nay đại ý của Tông kính cũng đồng thuyết này, chỉ trước nêu quyền môn thứ lớp các thức, sau đó hợp đồng về chân trí, nhưng cũng chẳng tức thức, cũng chẳng lìa thức, chỉ lúc thấy thật tánh duy thức mới soi xét yếu chỉ đây, tợ như gương báu soi khắp các ảnh tượng, như hải ấn chóng hiện sum-la, muôn pháp đồng thời lại không trước sau, lại trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Phàm nhóm tập

Khế kinh dị thuyết trong một đời thánh thuyết, gồm có mười thứ thức: Một là, lập một thứ thức gồm thâu các thức, trong đây lại có bốn: Một là, tất cả tâm thức gồm thâu các thức, chỗ gọi đem một thức khắp cùng nơi hai thứ tự tại, không chỗ nào chẳng an lập vậy, trong Khế kinh Nhất Tâm Pháp nói rằng: "Bấy giờ Văn thù Sư lợi nương lực oai thần của Phật và bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nói bao nhiêu thứ thức, thể tướng thế nào, nguyện xin vì con mà phân biệt chỉ bày! Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Văn thù Sư lợi: Lành thay! Lành thay! Văn Thù Sư Lợi, vì các đại chúng mà hỏi sự này, hãy nên lắng nghe, lắng nghe! Khéo tư niệm đó, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói!" Văn Thù Sư Lợi lại bạch Phật rằng: "Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn! Con nguyện muốn được nghe!" Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: "Ta chỉ lập một thứ thức, ngoài ra các thức chẳng phải kiến lập vậy, tại sao? Một thứ thức là nhiều mỗi mỗi thức, thức đây có các thứ lực, năng làm tất cả thứ danh tự, mà chỉ một thức, trọn không pháp khác, cho nên ta nói kiến lập một thứ thức, ngoài ra các thức chẳng phải kiến lập vậy"; hai lập, thức A-lại-da gồm thâu các thức, chỗ gọi là vì thức A-lại-da đầy đủ nghĩa chướng ngại và nghĩa không chướng ngại, không chỗ nào chẳng gồm vậy, trong Khế kinh Thức A-lại-da nói: "Bấy giờ Bồ-tát Quán Tự Tại bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thức thông đạt tổng tướng? Vì nghĩa gì mà gọi là tổng tướng?" Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Tự Tại rằng: "Thức thông đạt tổng tướng, tức là thức A-lại-da, thức này có ngại sự và chẳng phải ngại sự, đủ tất cả pháp đầy tất cả pháp, thí như biển lớn là tên tổng tướng của nước sóng v.v... vì nghĩa này mà gọi là tổng tướng vậy; ba lập, thức Mạt-na, tổng gồm các thức, chỗ gọi là vì thức Mạt-na có đủ mười một thứ nghĩa, không chỗ nào chẳng gồm vậy, trong Khế kinh Hiển Liễu nói: "Các thứ tâm thức tuy có vô lượng, chỉ Mạt-na chuyển không thừa pháp nào, tại sao? Vì thức Mạt-na có mười một thứ nghĩa, không chỗ nào chẳng làm vậy; bốn lập, bốn thứ thức: Một lập, ý thức tổng gồm các thức, chỗ gọi là vì ý thức có bảy thứ chuyển biến tự tại, tùy năng làm sự đó vậy. Trong Khế kinh Thất Hóa nói rằng: "Thí như huyễn sư chỉ là một người, dùng lực huyễn thuật biến hóa bảy người, người ngu thấy vậy cho là có bảy người mà người trí thấy chỉ có một người, không bảy người khác, ý thức huyễn sư cũng lại như vậy, chỉ là một thức năng làm bảy sự, phàm phu gọi đó là bảy sự, mà người giác thấy chỉ một ý thức, ngoài ra không bảy sự khác" đó gọi là kiến lập đồng một thứ thức, mà trong bốn thứ Khế kinh nói như vậy; hai là, lập hai thứ thức, tổng gồm các thức: Một, thức A-lại-da; hai ,ý thức. Thức A-lại-da là tổng nêu ba

thứ nghiệp thức, chuyển thức và hiện thức, ý thức là tổng nêu bảy thứ chuyển thức. Trong kinh Lăng-già nói rằng: “Đại Tuệ! Nói rộng có tám thứ thức, nói lược có hai thứ: Một thức liễu biệt; hai thức phân biệt sự” cho đến nói rộng vậy; ba là, lập ba thứ thức, tổng gồm tất cả thức: Một thức A-lại-da; hai thức Mạt-na; ba ý thức. Thức A-lại-da là tổng nêu ba tướng thức vậy, thức Mạt-na là ngay ý căn vậy, ý thức là tổng nêu sáu thứ chuyển thức vậy. trong Khế kinh Từ Vân nói: “Lại nữa, Kính Thủ! Nói rộng có mười thứ thức, tổng nói có ba thứ thức: Một, thức tế tướng tánh; hai, thức căn tướng tánh; ba ,thức phân ly” cho đến nói rộng; bốn là, lập bốn thứ thức, tổng gồm tất cả thức, nghĩa là trong ba thức trước, thêm một tâm thức. Trong Khế kinh Vô Tướng nói: “Thức pháp tuy vô lượng, mà chẳng vượt ngoài bốn thứ thức: Một thức sở y bản; hai thức năng y trì tạng; ba thức ý trì; bốn thức biến phân biệt” cho đến nói rộng; năm là lập năm thứ thức, tổng nhiếp các thức, nghĩa là trong bốn thức trước, thêm thức tùy thuận biến chuyển. Trong Khế kinh Đại Vô Lượng nói: “Lại nữa có thức chẳng phải kia, thức kia gồm khắp tất cả nơi kia thức kia, chỗ gọi là thức tùy thuận chuyển vậy”; sáu là, lập sáu thứ thức, tổnggồm các thức đó là nhãn v.v... năm thứ thức riêng biệt và ý thức thứ sáu vậy. trong Khế kinh Tứ Thánh Đế nói: “Phật bảo! Thọ vương! Ta vì các chúng sinh căn nhỏ, dùng ý thú kín mầu mà nói là chỉ có sáu thức, ngoài ra không các thức khác, mà thật bản ý vì muốn khiến biết trong sáu thứ thức, đủ tất cả thức, nên ở trong đại chúng mà xướng như vậy”; bảy là, lập bảy thứ thức tổng gồm các thức nghĩa là sáu thức trước thêm thức Mạt-na. Trong Khế kinh Pháp Môn nói rằng: “Lại nữa, Văn thù Sư lợi! Thức pháp có bảy thứ, đó là sáu thức thân và thức Mạt-na. Bảy thức như vậy hoặc một lúc chuyển, hoặc chuyển trước sau. Lại nữa thức thứ bảy có lực thù thắng, hoặc lúc tạo tác dụng của trì tạng, hoặc lúc tạo tác nương tựa của phân biệt vậy”; tám là, lập tám thứ thức tổng gồm các thức, nghĩa là trong bảy thức trước có thêm thức A-lại-da. Trong Khế kinh Đạo Trí nói rằng: “Tâm vương có tám: Một nhãn thức tâm vương, cho đến tám thức dị thục chấp tâm vương, các thứ thức pháp chẳng vượt ra số này vậy”; chín là, lập chín thứ thức tổng gồm các thức nghĩa là trong tám thức trước thêm thức Am-ma-la. Trong Khế kinh Kim Cang Tam muội nói rằng: “Bấy giờ Bồ-tát Vô Trụ bach Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Dùng lợi chuyển gì mà chuyển chúng sinh, tất cả tình thức vào Am-ma-la?” Phật dạy: “Chư Phật, Như Lai thường dùng một giác mà chuyển các thức vào Am-ma-la vậy”; mười là, lập mười thứ thức tổng gồm các thức nghĩa là trong chín thức trước có thêm thức nhất

thiết nhất tâm vậy. Trong Khế kinh Pháp Môn nói rằng: "Tâm lượng tuy vô lượng, mà chẳng vượt ngoài mười thức". Lại nữa, trong luận Nhiếp Đại thừa nói mười một thứ thức do bản thức năng biến khác làm mười một thức. Bản thức tức là chủng tử mười một thức, phân biệt là thức thứ tánh, thức tánh chỗ nào phân biệt, phân biệt vô vi có nên nói hư dối, phân biệt làm nhân, hư vọng làm quả, vì tánh phân biệt đây gồm hết tất cả chủng tử, các thức sai biệt có mười một thứ: Thức thân, thức thân giả, thức thọ giả, thức ứng thọ, thức chánh thọ, thức thế, thức số, thức xứ, thức lời nói, thức mình người sai biệt, thức thiện ác hai đường sinh tử, thức thân cho đến thức lời nói thứ chín, nhân lời nói huân tập chủng tử sinh, thức tự tha sai biệt phân ngã kiến huân tập chủng tử sinh. Thức thiện ác hai đường sinh tử, nhân chi hữu huân tập chủng tử sinh. Thức thân nghĩa là nhãn v.v... năm giới, thức thân giả, nghĩa là thức nhiễm ô, thức thọ giả nghĩa là giới ý, thức ứng thọ nghĩa là sắc v.v... sáu giới bên ngoài, thức chánh thọ nghĩa là sáu thức giới, thức thế nghĩa là thức sinh tử tương tục chẳng đoạn, thức số nghĩa là từ một đến A-tăng kỳ, thức xứ nghĩa là khí thế gian, thức ngôn thuyết nghĩa là thấu nghe hay biết. Lại muốn hiển bày hư vọng phân biệt chỉ dùng tánh ý tha làm thể tướng hư vọng phân biệt tức là loạn thức, biến khác lược có bốn thứ thức: Một, thức tợ trần; hai, thức tợ căn; ba, thức tợ ngã; bốn, thức tợ thức. Nếu chẳng quyết định rõ tất cả pháp chỉ có thức, tánh chân thật chẳng được hiển hiện". Lại trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói về ba tế thức sáu thô tướng, về tướng ba tế. Trong luận nói: "Lại nữa, nương ở giác sinh ba thứ tướng chẳng bỏ lìa nhau: Một là, vô minh nghiệp tướng, vì nương bậc giác tâm động làm nghiệp, giác thì chẳng động, động thì có khổ, quả chẳng lìa nhân vậy; hai, năng kiến tướng, tâm nương tâm động, năng thấy cảnh giới, chẳng động thì không thấy; ba, cảnh giới tướng, vì nương năng thấy, tướng vọng cảnh hiện, lìa thấy thì không cảnh vì có cảnh giới hư vọng duyên vậy, lại sinh thành sáu thứ tướng: Một, trí tướng, nghĩa là duyên cảnh giới sinh tâm ái và chẳng phải ái; hai ,tương tục tướng nghĩa là nương ở trí khổ lạc giác niệm tương ưng chẳng đoạn; ba, chấp trước tướng nghĩa là nương khổ lạc giác niệm tương tục mà sinh chấp trước; bốn, chấp danh đẳng tướng nghĩa là nương chấp trước phân biệt danh v.v... các tướng an lập; năm, khởi nghiệp nghĩa là nương chấp danh v.v... khởi nên các thứ nghiệp sai biệt; sáu, nghiệp ràng buộc tướng khổ tướng, nghĩa là nương nghiệp thọ khổ chẳng được tự tại". Cho nên phải biết tất cả pháp nhiễm đều không có tướng, đều nhân vô minh mà sinh khởi vậy, các bậc cổ đức giải thích: Mới đầu

vô minh làm nhân sinh ba thức tế, sau cảnh giới làm duyên sinh tướng sáu thô, vì nương vô minh mà thành vọng tâm nương vọng tâm mà khởi vô minh, ba tướng tế: Thứ nhất nghiệp tướng nương bất giác tâm động, tâm động gọi là nghiệp, nghiệp có hai thứ: Một, động tác nghĩa là nghiệp, nên nói nương bất giác, tâm động gọi là nghiệp, giác thì chẳng động, lúc đắc thủy giác thì không động niệm, vậy biết nay động chỉ là do bất giác vậy, động thì có khổ, như lúc đắc tịch tỉnh vô niệm, là Niết-bàn diệu lạc, nên biết nay động thì có khổ hoạn sinh tử, động niệm đây rất vi tế, là nghĩa của tịnh động ẩn lưu. Duyên khởi một tướng, năng sở chẳng phân, ngay tự thể thức A-lại-da phân vậy, như trong luận Vô tướng có hỏi: Tướng thức đây là cảnh giới nào? Đáp: Tướng và cảnh giới đều chẳng thể phân biệt một thể không khác". Phải biết đây là nói về nghĩa nghiệp tướng A-lại-da mà nói vậy. Tâm vương niệm pháp chẳng phân năng sở, tiếp đến nói về hai phần kiến tướng của bản thức, chia làm hai. Năng kiến tướng tức là chuyển tướng, nương nghiệp tướng trước chuyển thành năng kiến, nên nói vì nương động nên năng kiến, nếu nương môn tánh tĩnh thì không năng kiến, nên nói chẳng động tức không kiến. Trái lại hiển bày tâm năng kiến hẳn nương nghĩa động, chuyển tướng như vậy tuy có năng duyên vì cảnh giới vi tế nên còn chưa biện rõ đó. Như trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Thức đây duyên cảnh chẳng thể biết vậy, đã là sở duyên chẳng thể biết, thì ước về năng duyên để rõ nghĩa chuyển tướng của bản thức, thứ ba cảnh giới tướng thì là hiện thức, nương chuyển tướng trước năng hiển cảnh giới, nên nói nương kiến nên cảnh giới vọng hiện. Trong kinh Lăng-già nói: Thí như gương sáng gìn giữ các sắc tượng, nơi hiện thức hiện cũng lại như vậy". Hiện tướng của đây đang tại bản thức tướng ba tế đây đều do căn bản vô minh động tâm vốn tỉnh nà thành ba tế đây. Sau lấy cảnh giới làm duyên, sinh sáu thứ tướng thô, là phân biệt sự thức vậy, như trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Gió cảnh giới thổi động,
Nổi các thứ sóng thức."

Hỏi: Ba tế thuộc A-lại-da, sáu thô thuộc ý thức cớ sao chẳng nói Mạt-na?

Đáp: Có hai nghĩa: Một, trước đã nói về A-lại-da, Mạt-na hẳn chấp tương ưng, nên chẳng nói riêng. Trong luận Du-già nói: "Thức Lại-da khởi hẳn thức thứ hai tương ưng vậy". Lại do lúc ý thức duyên cảnh bên ngoài, hẳn bên trong nương Mạt-na làm căn nhiễm ô, mới được sinh khởi, cho nên tùy nói sáu thô, hẳn tự nương Mạt-na vậy, cũng chẳng nói riêng, hai, vì nghĩa chẳng tiện nên lược chẳng nói đó. Tướng

chẳng tiện là, vì vô minh trú địa động tâm vốn tỉnh khiến tâm khởi hòa hợp thành Lại-da. Mạt-na đã không nghĩa đây nên trong ba tế trước lược mà chẳng nói, lại do cảnh bên ngoài dẫn khởi sự thức, Mạt-na không có nghĩa duyên cảnh bên ngoài đây, nên trong sáu thô cũnglược chẳng nói, cũng có thể chấp bên trong làm ngã, thuộc về ba tế trước, chấp bên ngoài làm ngã sở, thuộc về sáu thô sau, cũng lược mà chẳng luận vậy. Trong kinh Lăng-già cũng đồng thuyết đây, kinh đó nói: "Đại tuệ! Lược có ba nghĩa, động nói tám tướng, những gì là ba? Nghĩa là: Chân thức, hiện thức và phân biệt sự thức" tức là sáu thô, lại trong luận Hiển Thức chỉ nói hai thứ thức. Luận đó nói: "Tất cả ba cõi, chỉ là có thức; thức có hai thức thứ: Một, hiển thức tức là bản thức, bản thức đây chuyển làm năm thô bốn đại v.v...; hai phân biệt thức, tức là ý thức" trong luận Hiển Thức phân biệt làm người trời ngắn, dài, lớn, nhỏ, nam, nữ, các vật v.v... phân biệt tất cả pháp, thí như nương gương, ảnh sắc được hiện khởi, như vậy duyên hiển thức phân biệt sắc được khởi, lại chuyển thức năng xoay chuyển tạo tác vô lượng thức pháp, hoặc chuyển làm căn, hoặc chuyển làm trần, chuyển làm ngã, chuyển làm thức, các thứ như vậy chẳng đồng, chỉ do thức tạo tác, hoặc ở mình hoặc ở người qua lại theo đuổi nhau, ở mình thí chuyển làm năm ấm, ở người thì chuyển làm người trong oán thân, mỗi mỗi trong thức đều đủ năng sở. Năng phân biệt là thức, sở phân biệt là cảnh, năng tức tánh y tha, sở tức tánh phân biệt, do nghĩa như đây, lìa ngoài thức trong cảnh riêng biệt. Chỉ là có thức lại luận chuyển thức nói rõ sở duyên thức chuyển có hai thứ: Một, chuyển làm chúng sinh; hai chuyển làm pháp, tất cả sở duyên đều chẳng vượt ngoài hai đây. Hai, đây thật không chỉ là thức chuyển làm hai tướng mạo vậy, lại nói rõ về thức năng duyên có ba thứ: Một ,thức quả báo, tức là thức A-lại-da; hai thức báo tức là thức A-đà-na; ba thức trần tức là sáu thức. Thức quả báo là vì phiền não nghiệp dẫn dắt, nên gọi là quả báo, cũng gọi là bản thức, là nơi tất cả chứng tử pháp hữu vị nương tựa, cũng gọi là trạch thức (thức vườn nhà) là nơi của tất cả chủng tử gá dừng, cũng gọi là tạng thức, là nơi tất cả chủng tử ẩn núp vậy. Lại thức A-lại-da đây cùng năm thứ tâm sở pháp tương ưng: Một xúc; hai tác ý; ba thọ; bốn tư duy; năm tưởng. Do đây trần thức ba sự hòa hợp mà sinh xúc. Tâm luôn động hành, gọi là tác ý, thọ chỉ là xả thọ, tư duy tính lường có thể hành hay chẳng thể hành, khiến tâm thành tà hay thành chánh, gọi là tư duy. Tác ý như ngựa đi, tư duy như người cưỡi, ngựa chỉ đi thẳng chẳng thể lánh hay đến phải quấy, do người cưỡi nên khiến nó lìa quấy đến phải, tư duy cũng vậy năng khiến tác ý lìa

mạn hành vậy. Thức đây là tâm pháp chỉ là tự tánh vô ký, niệm niệm luôn chảy như sóng dòng nước. Bản thức như dòng, năm pháp như sóng, cho đến chứng quả A-la-hán, pháp dòng sóng đây cũng còn chưa diệt. Đó gọi là bản thức thứ nhất nương duyên thức đây mà có chấp thức thứ hai, thức này lấy chấp trước làm thể, tức là Mạt-na, cùng bốn hoặc tương ưng, thức đây gọi là hữu phú vô ký, cũng có năm thứ tâm sở pháp xúc v.v... tương ưng. Trước nhỏ nhiệm đây thô, thức đây và pháp tương ưng đến quả vị A-la-hán, cứu cánh diệt tận, và vào định không tâm cũng đều diệt tận, đó gọi là thức thứ hai; thứ ba, trần thức là thức chuyển tợ trần, lại thành sáu thứ, thể thông ba tánh, cùng mười thứ biến hành, biệt cảnh tâm ở sở pháp tương ưng, và mười thiện ác cùng đại tiểu hoặc đủ ba thứ thọ, năm thức ở ý thức thứ sáu và bản thức, chấp thức, ở trong ba thức đây tùy nhân duyên hoặc có lúc cùng khởi, hoặc lần lượt khởi, lấy tác ý làm nhân, trần bên ngoài làm duyên, nên thức được khởi, nếu trước tác ý muốn thủ hai trần thanh sắc, sau lại hai thứ nhãn nhĩ một lúc cùng khởi mà được hai trần. Nếu tác ý muốn đến xứ nào, đắm sắc nghe thanh thủ hương, sau cũng một lúc ba thức cùng khởi được ba trần, cho đến một lúc đủ năm thức cùng khởi cũng vậy, hoặc trước sau lần lược mà khởi, chỉ khởi một thức, chỉ được một trần, đều này tùy nhân duyên, cho nên chẳng đồng vậy. Bảy thức như vậy ở trong thức A-lại-da đều tương ưng khởi, như các thứ ảnh tượng đều hiện trong gương, cũng như các gợn sóng đồng nhóm tập ở một dòng nước, cho đến như thức đây chuyển chẳng lìa hai nghĩa: Một năng phân biệt; hai sở phân biệt, sở phân biệt đã không thì năng phân biệt cũng không, không cảnh có thể thủ vì thức chẳng được sinh, vì nghĩa đó, nên nghĩa duy thức được thành. Tại sao lập nghĩa duy thức? Ý vốn vì xua cảnh xua tâm, nay cảnh giới đã không, duy thức lại sạch, tức là nói nghĩa duy thức thành vậy. Trên đây ba thứ thức năng duyên, cũng là ba năng biến, lại trong kinh Lăng-già nói: "Có ba thứ thức đó là: Chân thức, hiện thức và phân biệt sự thức, thí như gương sáng gìn giữ các sắc tượng, nơi hiện thức hiện cũng lại như vậy, huân chẳng nghĩ bàn, biến chẳng nghĩ bàn, là nhân hiện thức, thủ các thứ trần và vọng tưởng huân từ vô thủy là nhân phân biệt sự thức. Lại các thức có ba thứ tướng, đó là: Chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng, cho đến, thí như nắm bùn mảy bụi, chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Vàng vật trang nghiêm cũng lại như vậy. Đại Tuệ! Nếu nắm bùn mảy bụi là khác, tức chẳng phải chỗ kia thành mà thật kia thành, cho nên chẳng khác. Nếu là chẳng khác, thì nắm bùn mảy trần nên không phân biệt. như vậy, Đại Tuệ! Chuyển thức tạng

thức chân tướng nếu khác, tức tạng thức chẳng phải nhân, nếu chẳng khác là chuyển thức biệt, tạng thức cũng nên diệt, mà tự chân tướng thật là chẳng diệt, cho nên, Đại Tuệ! Chẳng phải tự chân tướng thức diệt, chỉ là nghiệp tướng diệt. Nếu tự chân tướng diệt là, tạng thức thì diệt. Đại Tuệ! Tạng thức diệt tức chẳng khác luận nghị Đoạn kiến ngoại đạo. Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia tạo luận nói là cảnh quả nhiếp thọ diệt, thức lưu chú cũng diệt, nếu thức lưu chú diệt thì vô thủy lưu chú nên đoạn". Giải thích: Trong kinh Nhập Lăng-già nói rõ ngay tự chân tướng, tâm của bản giác chẳng mượn nhờ vọng duyên, tánh tự thần giải, gọi là tự chân tướng, là y cứ môn Dị nghĩa mà nói: Lại lúc tùy gió vô minh làm sinh diệt, tánh của thần giải cùng bản chẳng khác. Nên cũng được gọi là tự chân tướng, là y cứ môn bất dị nghĩa mà nói, lại thức có hai thứ sinh, đó là lưu chú sinh và tương sinh. Nói chân thức là chỗ căn bản vô minh huân bản giác chân tâm, hiện thức là thức A-lại-da. Phân biệt sự thức là ý thức, trong kinh nói: "Bồ-tát Diệu Nghiêm bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Thô tướng ý thức, tế tướng ý thức, lấy gì làm nhân? Lấy gì làm duyên? Phật bảo: Thô tướng ý thức như vậy lấy thức hiện kính mà làm nhân đó, lấy cảnh sáu trần làm duyên, tương tục mà chuyển vậy". Lại thô của trong ba tế là hiện thức, mạnh trong bảy thức là ý thức, ý thức thứ sáu phân biệt sáu trần hẳn nương Mạt-na là căn sở y, ý thức là năng y Mạt-na là sở y. Lược thức ba tế, thô có tám tướng, lại thô phân ý thức, tế phân Mạt-na. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Thí như sóng biển lớn,
Đó do gió mạnh nổi,
Sóng cả vỗ hang bể,
Không có lúc đoạn tuyệt,
Biển tạng thức thường trú,
Gió cảnh giới lay động,
Các thứ gợn sóng thức,
Nhảy nhót mà chuyển sinh,
Xanh đỏ các thứ sắc,
Kha, nhũ và thạch mật,
Các hoa quả vị nhạt,
Nhật nguyệt và ánh sáng,
Chẳng khác chẳng chẳng khác.
Biển nước nổi gợn sóng,
Bảy thức cũng như vậy,

Tâm cùng hòa hợp sinh.
Thí như nước biển biến,
Các thứ gợn sóng chuyển,
Là lấy ý thức kia,
Tư duy nghĩa các tướng,
Tướng chẳng hoại có tám,
Không tướng cũng không tướng".

Trong Thích luận nói: Y cứ văn kinh đây để làm giải thích, văn nói khởi sáu tướng, nay văn kinh đây nói rõ nghĩa gì? Nghĩa là muốn hiển bày biển tánh của hiện thức tự thường trú, vì gió của cảnh giới sáu trần kia thổi động vậy, bảy thức đây, thể của hiện thức lấy làm nhân bên trong, cảnh giới sáu trần lấy làm duyên bên ngoài, dấy mạnh sáu thứ tướng thô trong vậy. Như trong kinh thí dụ sóng biển lớn, đó là do gió mạnh thổi dấy, sóng cả đánh vỗ hang bể không có lúc nào đoạn tuyệt, nhảy nhót mà chuyển sinh. Thế nào gọi là gió của cảnh giới? Hình trạng gió đó như thế nào? Nghĩa là xanh vàng v.v... các thứ hiển sắc năng khởi, Nhãn thức châu ngọc bảo kha v.v... xuất hiện các thứ âm thanh thắng diệu, năng khởi nhĩ thức, mùi hương đan, nhũ huân trải các thứ mùi thơm phảng phất, năng khởi tỷ thức, mộc la (nấm cây), đường phèn v.v... các an xúc trước, hòa hợp các thứ nhạc cụ hay đẹp, năng khởi thân thức, ngọt nhạt v.v... các vị tùy chỗ thích ứng sinh ra các thứ vị, năng khởi thiệt thức. Hoa ở hiện tại, quả ở tương lai, các thứ pháp trần, tùy cảnh giới sở duyên của thức kia, năng khởi ý thức. Nay trong văn đây, nêu trần thủ thức, nên phải quán xét. Thức Mạt-na kia là phân vị ý vi tế, không thể riêng biệt, sáu trần như vậy năng động thể tâm sai khiến tán loạn, thí như gió mạnh nên gọi là gió (phong). Như trong kinh nói xanh vàng các thứ sắc kha, nhũ và thạch mật, vị dạt các hoa quả, là lìa hai biên vậy, thí như mặt nhật và ánh sáng, nước và gợn sóng, chẳng phải đồng chẳng phải khác, nghĩa chẳng phải đồng chẳng phải khác của tạng thức, bảy thức cũng lại như vậy. Như trong kinh nói: Nhật nguyệt và ánh sáng, chẳng khác chẳng chẳng khác, nước biển nổi gợn sóng, bảy thức cũng như vậy, tâm cùng hoà hợp sinh. Như vậy bảy thức từ xứ sở nào lại vào tạng thức? Làm bảy thứ số, lưu chuyển khởi động, không lúc đoạn tuyệt, bảy chuyển thức như vậy, chẳng từ bên trong lại, chẳng từ bên ngoài lại, chẳng từ trung gian lại, chỉ thể tạng thức biến làm bảy thức, thí như nước biển biến làm gợn sóng, như trong kinh nói thí như nước biển biến, các thứ gợn sóng chuyển, bảy thức cũng như vậy, tâm cùng hòa hợp sinh, nghĩa là tạng thức kia ở các thứ thức chuyển, nghĩa

là vì ý thức kia tư duy nghĩa các tướng, hiện thức như vậy cùng bảy chuyển thức tám thứ tâm thức, chỉ có tướng danh diệt vô thường ư? Hay cũng có thật tướng, tướng thường trú ư? Tám thức như vậy từ vô thủy đến nay, ba khoảng chẳng động bốn tướng chẳng thay, chân thật thường trú tướng của vị tánh thanh tịnh chẳng hoại, đầy đủ viên mãn không chỗ khuyết mất, mà tất cả công đức v.v... như vậy đồng với pháp giới nên không có hai tướng, không hai tướng nên chỉ là một tướng, chỉ một tướng nên cũng là không tướng, đều vì không tướng, nên không tướng cũng không tướng, như trong kinh nói tướng chẳng hoại có tám, không tướng cũng không tướng, kinh Lăng-già đây nói rõ bao nhiêu thức? Tức có hai môn: Một là, môn nói lược, hai là, môn nói rộng, trong hai môn như vậy, ba bản kinh mỗi nói có khác nhau, nghĩa là: Trong một bản phân dòng Lăng-già nói: "Đại Tuệ! Nói lược có ba thứ thức, nói rộng có hai tướng. Những gì là ba? Đó là chân thức, hiện thức và phân biệt vị thức" lại trong một bản phân lưu Lăng-già nói: Đại Tuệ! Nói rộng có tám thứ, nói lược có hai thứ, những gì là hai? Đó là liễu biệt thức và phân biệt sự thức". Lại cũng trong một bản phân lưu Lăng-già khác nói: Đại Tuệ! Nói lược có bốn thứ, nói rộng có bảy thứ thức, những gì là bốn? Đó là nghiệp thức, chuyển thức, hiện thức và phân biệt sự thức". Ba bản kinh như vậy đáng là nói thật, phải nên trở về nương cậy, trong bản kinh đầu nói thứ nhất chân thức, chính là căn bản vô minh chỗ huân bản giác chân tâm, thứ hai, hiện thức, chính là hiện tướng, thức A-lại-da. Thứ ba, phân biệt sự thức chính là ý thức. Phần thô là ý thức, phần tế là Mạt-na vậy. Trong bản kinh thứ hai nói: Một, liễu biệt thức, chính là hiện tướng thức A-lại-da; hai, phân biệt sự thức, chính là ý thức, nghĩa nói như trước, đồng nói Mạt-na và trong bản kinh thứ ba nói bốn thứ thức pháp, văn tướng rõ ràng, nên lược chẳng nói lại, nói bảy thức là: Mạt-na là ý thức gồm làm một vậy, thô tế tuy riêng biệt nhưng chỉ một thức vậy. Trong kinh Pháp Giới Pháp Luân nói: "Ý thức thứ sáu trong lúc phân biệt cảnh giới sáu trần hẳn nương Mạt-na làm căn sở y, mới được sinh khởi, cho nên ý thức phải là năng y, thức Mạt-na kia phải là sở y vậy". Lại trong luận Hoa Nghiêm nói: Đức Thế Tôn đến núi Lăng-già ở Nam Hải giảng nói pháp, núi đó cao vút, trông nhìn xuống dưới là biển cả, chung quanh không có nhà cửa, người đắc thần thông mới kham lên đó, là tiêu biểu pháp môn tâm địa, không tâm không thể mới năng lên được, trông nhìn xuống dưới là biển cả, là tiêu biểu biển tâm đó vốn tự thanh tịnh, nhân nơi gió cảnh mà sóng chuyển thức động, là muốn nói rõ đạt cảnh tâm không, biển cũng tự lắng tịch, tâm cảnh đều tịch, không sự nào chẳng chiếu,

giống như biển lớn không gió, thì nhật nguyệt sum la sáng rở rõ ràng, ý kinh đây chính là hạng căn thuần thục, chóng nói chủng tử nghiệp thức, là Như Lai Tạng, khác với hàng Nhị thừa kia diệt thức mà hướng đến tịch lắng vậy, cũng khác với Bát-nhã kia nói Bồ-tát tu không, không càng thêm thắng vậy, mà chánh nói rõ bản tánh thức thể toàn chân, tiện rõ thức thể tức thành trí dụng, như biển lớn kia không gió, tức cảnh tượng bèn rõ, pháp môn biển tâm cũng lại như vậy. Rõ chân tức thức thành trí, kinh đây khác với ý kinh Giải thâm mật kia riêng lập chín thức, tiếp dẫn hàng sơ cơ căn chậm, khiến hoặc để lại, dần lớn Bồ-đề, chẳng khiến tâm đó gieo trồng ở không, cũng chẳng khiến tâm giống như bại chủng, kinh Giải thâm mật mới là cửa mới đầu của vào hoặc. Kinh Lăng-già, kinh Duy-ma là chỉ ngay gốc thật của hoặc. Kinh Lăng-già tức nói rõ tám thức là Như Lai Tạng. Kinh Tịnh Danh nói quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, kinh Tịnh Danh và kinh Lăng-già đồng. Văn kinh Giải Thâm Mật so với hai bộ kinh đây có phần ít khác biệt, phải vào thai ra thai, tuổi trẻ tuổi già cho đến trú xứ tư sinh, hoặc sắc hoặc không, hoặc tánh hoặc tướng đều là tự thức, chỉ có Phật mới năng rõ biết, như trong luận Hiển Thức nói: “Bốn hữu là: Từ chi thức cho đến sáu tuổi là sinh hữu, từ bảy tuổi trở lên, năng phân biệt sinh thục, khởi tham cho đến lúc chưa xả mạng là nghiệp hữu. Tử hữu là chỉ hữu trong một niệm tức trung ấm, ngay trong nghiệp hữu, sáu thức khởi ba thứ nghiệp thiện bất thiện và bất động v.v... ba nghiệp hữu vi do thức hữu phân gồm giữ sáu thứ tự rụng diệt, do thức hữu phân gồm giữ lực dụng tồn tại, hỏi rằng: Cớ sao lập thức hữu phân? Trong một thời kỳ sống chỉ duyên một cảnh, nếu sinh ở trời người, thức đây thấy sự báo như lầu quán v.v... nếu khởi sáu thức, dụng thô phú chướng tức chẳng biết dụng của thức đây, nếu sinh trong ác đạo, thức đây chỉ duyên xe lửa v.v... nếu báo khởi dụng của sáu thức mạnh thì chẳng biết thức đây duyên vậy, nếu trong dục giới, sáu thức duyên dục giới phàm phu chẳng thể biết, cho đến vô sắc giới cũng vậy. Nếu ở vô sắc giới, các thức diệt thì dụng của thức hữu phân đây hiển hiện như Lại-da và ý thức vậy. Do đó các giáo đồng phân tích, viên chứng chẳng phải một, lại như trong kinh Nhập Lăng-già nói: “Đại Tuệ! Lại có các ngoại đạo khác thấy sắc có nhân, vọng tưởng chấp trước hình tướng ngắn dài, thấy hư không không hình tướng phân chia thấy các sắc tướng khác với hư không có phân chia đó. Đại Tuệ! Hư không tức là sắc, vì sắc đại vào hư không vậy. Đại Tuệ! Sắc tức là hư không, nương pháp đây có pháp kia, nương pháp kia có pháp đây vậy, vì nương sắc phân biệt hư không, nương hư không phân biệt sắc

vậy. Đại Tuệ! Chủng tánh bốn đại tự tướng riêng biệt, chẳng trú hư không, mà trong bốn đại chẳng phải không hư không, Đại Tuệ! Sừng thỏ cũng như vậy, nhân sừng trâu có mà nói sừng thỏkhông. Đại tuệ! lại sừng trâu kia bẻ nát làm bụi trần, phân biệt tướng bụi trần có được thấy kia chăng? Những gì? Những gì là pháp có? Những gì? Những gì là pháp không? Mà nói là có ư? Không ư? Nếu quán như vậy, các pháp khác cũng như vậy. Đại Tuệ! Ông phải xa lìa các thứ sừng thỏ sừng trâu hư không sắc khác vọng tưởng thấy v.v... Đại Tuệ! Ông cũng phải vì các Bồ-tát mà nói lìa các tướng sừng thỏ v.v... Đại Tuệ! Ông phải nên biết chỗ thấy của tự tâm đều là tướng hư vọng phân biệt, Đại Tuệ! Ông phải ở trong cõi nước của chư Phật vì các Phật tử mà nói tự tâm ông hiện thấy tất cả cảnh giới hư vọng". Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói bài kệ tụng rằng:

"Sắc ở trong tâm không,
Tâm nương cảnh thấy có,
Trong thức chúng sinh thấy,
Trú xứ thân tư sinh,
Tâm ý và ý thức,
Tự tánh và năm pháp,
Hai thứ không ngã tịnh,
Như Lai nói như vậy,
Ngắn dài có không thảy,
Chuyển đổi qua lại sinh
Vì không nên thành có,
Vì có nên thành không,
Phân biệt thể mảy bụi,
Chẳng khởi sắc vọng tưởng,
Chỉ nơi tâm an trú,
Ác kiến chẳng thể tịnh
Chẳng vọng cảnh giới trí,
Thanh văn cũng chẳng biết,
Điều Như Lai giảng nói,
Cảnh giới của tự giác".

Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Lại thức đây đều chỉ có thức, đều không nghĩa vậy". Trong đây lấy gì làm thí dụ để hiển bày? Nên biết mộng v.v... là thí dụ hiển bày, nghĩa là như trong mộng đều không nghĩa đó, riêng chỉ có thức, tuy các thứ sắc thanh hương vị xúc nhà rừng đất tợ nghĩa ảnh hiện, mà trong đây đều không có nghĩa, do thí dụ đây

hiển bày, nên tùy rõ biết. Tất cả thời xứ đều chỉ có thức, phàm cảnh từ tâm hiện, kết nghiệp thọ sinh chẳng vượt ngoài pháp ba tế sáu thô chíntướng, như Thạch Bích giải thích: Chỉ một tâm mộng, dụ như có người chợt nhiên ngủ say, mộng thấy mọi sự, khởi tâm phân biệt niệm niệm không gián đoạn, đối với sự nghịch thuận đó, sinh đắm trước sâu, làm thiện làm ác, là gần là xa, đối với thiện với gần thì các thứ huệ lợi, đối với ác với xa thì các thứ lấn tổn, hoặc có báo ân hưởng lạc, hoặc có báo oán chịu khổ, chợt nhiên tỉnh dậy, mọi sự trên đều xua mất, như có một người là nhất tâm chân như, chợt nhiên ngủ say, tức vô minh bất giác chợt khởi, làm mộng, là nghiệp thức tướng đầu tiên trong ba tế, thấy là chuyển thức tướng thứ hai, mọi sự là tướng hiện thức thứ ba, khởi tâm phân biệt, là cảnh trí tướng đầu tiên trong sáu thô, niệm niệm không gián đoạn, là tương tục tướng thứ hai. Đối với sự thuận nghịch đó, sinh đắm trước sâu, là chấp thủ tướng thứ ba, làm thiện làm ác, là gần là xa, là kế danh tự tướng thứ tư, đối với thiện hay đối với ác được tổn hay được ích, là khởi nghiệp tướng thứ năm, hưởng chịu báo khổ vui, là nghiệp hệ khổ tướng thứ sáu. Chợt nhiên tỉnh dậy, mọi sự trên đều xua mất, tức là giác chỉ tâm được vào Tông Kính, nên nói Phật là giác vậy, như ngủ say tỉnh giấc, như hoa sen nở bày.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 57

Hỏi: Kinh Lăng-già nói rõ ba thứ thức, đó là chân thức, hiện thức và phân biệt sự khác. Ba thức trong đây so với trong tám thích khác làm sao phân biệt?

Đáp: Chân, nghĩa là bản giác, hiện là thức thứ tám, ngoài ra còn lại bảy thức đều gọi là phân biệt sự thức, tuy thức thứ bảy chẳng duyên trần bên ngoài. Duyên thức thứ tám gọi là phân biệt sự, chân nghĩa là bản giác, tức là tánh của tám thức, trong kinh có nói rõ chín thức, ở ngoài tám thức, lập tên thứ chín, tức là chân thức. Nếu căn cứ tánh thâu nhiếp thì cũng chẳng lìa tám thức, vì tánh khắp tất cả xứ vậy.

Hỏi: Chỉ nói A-lại-da tám thức, Tục đế đã hiển bày, cớ sao lại nói mười một thứ thức, lại rốt ráo chỉ quy về chỉ là nhất chân thật tánh. Cớ sao lại nói rộng lược v.v... về các thức?

Đáp: Nhân tướng hiển bày tánh, chẳng phải không nguyên do, nhiếp ngọn về gốc, tự có đầu mối. Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Nếu chẳng quyết định rõ tất cả các pháp chỉ có thức tánh chân thật thì chẳng được hiển hiện. Nếu chẳng nói đầy đủ mười một thứ thức thì thuyết tục đế chẳng hết. Nếu chỉ nói năm thức trước thì chỉ được căn bản của tục đế, chẳng được nghĩa sai biệt của tục đế, nếu nói tục đế không cùng khắp thì chân đế chẳng rõ ràng. Chân chẳng rõ ràng thì xua trừ tục chẳng hết. Cho nên nói đủ mười một thứ thức thông gồm tục đế, vì rằng rõ tục không tánh, tức đạt chân không, chân không tuy không mà chẳng hoại tướng, tục có tuy có thể hư luôn thường. hằng, vậy biết tùy duyên chân đế chẳng phải có, luôn chẳng khác sự mà hiển hiện. Tịch diệt tục đế chẳng phải không, luôn chẳng khác chân mà thành lập. Từ trước đến đây nêu dẫn hai đế, ba đế, tám thức, chín thức, mười một thức v.v... chẳng vượt ngoài tông nhất tâm. Do đó trong kinh Lăng-già nói: "Tất cả các môn độ, Phật tâm là đệ nhất". Lại nói: "Phật nói tâm là tông, không môn làm pháp môn". Nói tông nghĩa là tâm thật xứ, nói về tánh của chân tâm đó, tùy nghĩa nó mà mở bày hai môn thể dụng, tức đồng

hư luận Khởi Tín lập môn tâm chân như và môn tâm sinh diệt, chân như là thể, sinh diệt là dụng. nhưng các thức chẳng vượt ngoài hai tâm thể dụng. Một, tâm thể là thể tịch diệt, tức thể của chín thức. Hai, tâm dụng là tâm sinh diệt tức dụng của tám thức trước. Thể dụng ẩn hiển nói làm hai tâm, vì dụng tức thể nên sinh diệt tức chẳng sinh diệt,vì thể tức dụng nên chẳng sinh diệt tức sinh diệt, vì sinh diệt không tánh, dụng mà chẳng nhiều, vì tịch diệt tùy duyên, thể mà chẳng phải một, chẳng phải nhiều chẳng phải một, thể dụng thường ngầm, mà một mà nhiều, thể dụng luôn hiện, thức tánh là thể, thức tướng là dụng, thể dụng qua lại thành, đều quy về Tông kính. Trong Duy Thức Sớ Sao nói: "Thức tánh thức tướng không gì chẳng quy về tâm, tâm vương tâm sở đều gọi là duy thức, nghĩa là: tánh viên thành thật là thức tánh, tánh y tha khởi là thức tướng, đều chẳng lìa tâm vậy. Hoặc có thể các pháp vô vị gọi là thức tánh, đắc v.v... phân vị, sắc v.v... sở biến là thức tướng, đều chẳng lìa tâm vậy, tương ưng của thức gọi là tâm sở, tự tánh của thức gọi là tâm vương. Tâm vương tối thắng xưng đó là chủ, gồm tâm tùy thuộc gọi là quy tâm, gồm được v.v... phân vị gồm sắc v.v... sở biến quy về ở kiến phần v.v... gọi là sạch tướng, tánh tướng chẳng lìa nhau, gọi chung là duy thức vậy.

Hỏi: Cảnh chẳng lìa thức, thức chẳng lìa cảnh, cớ sao chỉ nói duy thức mà không nói duy cảnh?

Đáp: Tuy qua lại sinh, cảnh từ thức biến, nhưng xưa trước giải thích: Cảnh do tâm phân biệt mới sinh, do tâm sinh nên gọi là duy thức. Thức chẳng do cảnh phân biệt sinh, chẳng do cảnh nên chẳng gọi là duy cảnh.

Hỏi: Tâm là tăng thượng duyên nhà cảnh, cảnh mượn tâm sinh nên gọi là duy thức, cảnh là sở duyên duyên nhà tâm. Tâm gá cảnh sinh nên gọi là duy cảnh chứ?

Đáp: Lìa tâm chấp cảnh là hư vọng, vì ngăn cản vọng tâm nên gọi là duy thức, ngộ tâm vô ngã, vượt khỏi trầm luân, chẳng nói về hai duyên gọi là duy cảnh. Lại có cảnh không cảnh đều là tự tâm, tâm đó đều sinh: Một nếu duyên có cảnh sinh tâm, tức là tướng phần tự thức, tất cả cảnh thật chẳng lìa tâm năng duyên ở ngoài tự thức thật không cảnh đó; hai nếu duyên không cảnh sinh tâm là, như riêng sinh tánh ý, lúc duyên quá khứ vị lai, hoa đốm, hư không, sừng thỏ, tất cả pháp không, tâm cũng khởi vậy, như trong Bách Pháp Sao nói: "Xưa trước nói: Duyên không chẳng sinh nghĩ nghơi chẳng chánh".

Hỏi: Tại sao chẳng chánh?

Đáp: Như lúc duyên hoa đốm hư không, sừng thỏ tất cả pháp không, tâm cũng khởi vậy. Tại sao nói duyên không chẳng sinh lự ư? Nên biết có độc ảnh cảnh tướng phần trong tâm, tâm đó tức chẳng sinh. Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng ở đời tiền Đường nói: "Cảnh chẳng phải chân lự khởi chứng biết chỉ có thức, tuy tướng biến kế sở chấp, tuy tức chẳng phải chân, mà chẳng không tướng phần trong tâm năng dẫn sinh tâm vậy". Do bốn câu đây mà phân biệt: Một không ảnh có chất, tâm đó chẳng sinh; hai, có cảnh không chất, tâm đó được sinh; ba, ảnh chất đều có, tâm sinh có thể biết; bốn, ảnh chất đều không, tâm cũng được khởi. Tức trí căn bản chứng chân như vậy. Trong luận Duy thức nói: "Có cảnh dẫn sinh tâm, nếu chân lý làm cảnh, năng dẫn sinh trí tâm, nếu tục tế làm cảnh. Năng dẫn sinh thức tâm, thì chưa có không tâm cảnh, từng không không cảnh tâm."

Hỏi: Trong tám thức, nói về nhân vị từ sơ địa trở đi, có bao nhiêu thức thành vô lậu?

Đáp: Các bậc cổ đức giải thích: Chỉ hai thức thứ sáu thứ bảy thành vô lậu thức thứ sáu. Trong môn sơ địa, hai mươi tâm sở, thành trí diệu quán sát, thức thứ bảy, hai mươi tâm sở, thành trí tánh bình đẳng. Hai trí đây phẩm tương ưng đều lìa chướng nhiễm nên gọi là vô lậu. Nếu năm thức trước và thức thứ tám v.v... quyết định là hữu lậu.

Hỏi: Cớ sao thức thứ sáu được thành vô lậu ư?

Đáp: Nghĩa là sơ địa, lúc vào tâm vô lậu đoạn hai chướng phân biệt, tập khí chủng hiện, nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Thức thứ sáu năng đoạn hoặc, đoạn hoặc thì thành vô lậu, thức thứ bảy chẳng năng đoạn hoặc, cớ sao cũng thành vô lậu?

Đáp: Thức thứ bảy là căn sở y của thức thứ sáu, thức thứ sáu là thức năng y, thức năng y đã thành vô lậu, thức thứ bảy sở y cũng thành vô lậu, nghĩa là thức thứ sáu lúc vào quán sinh không pháp không, thì trong thức thứ bảy đều sinh pháp chấp ngã chấp. Hiện hành phục khiến chẳng khởi, nên thức thứ bảy thành vô lậu.

Hỏi: Cớ sao thức thứ tám là hữu lậu?

Đáp: Thức thứ tám là chủ tổng báo, trì chủng thọ huân nếu trong nhân bèn thành vô lậu tức tất cả chủng tử hữu lậu tạp nhiễm đều tan mất, tức bèn thành Phật, nào lại cần hai kiếp tu hành ư?

Hỏi: Năm thức trước đã chẳng phải là chủ tổng báo, cớ sao chẳng thành vô lậu?

Đáp: Năm căn trước là tướng phần thân (gần) của thức thứ tám. Thức thứ tám năng biến đã là hữu lậu thì năm căn sở biến cũng là hữu

lậu. Năm căn là sở y còn hữu lậu, năm thức năng y cũng thành hữu lậu vậy. Như vậy y cứ các kinh luận phân biệt các thức, khai hợp chẳng đồng, đều nương thể dụng, nói về thể thì không sai mà sai. Vì thể của toàn dụng chẳng ngại dụng vậy. Nói về dụng thì sai mà không sai, vì dụng của toàn thể chẳng mất thể vậy, như nêu biển thành sóng chẳng mất biển, nêu sóng thành biển chẳng ngại sóng, chẳng phải có chẳng phải không mới cùng thức tánh, chẳng một chẳng khác có thể tận nguồn tâm, như các bậc cổ đức nói: "Nói về môn các thức, tuy một nhiều chẳng định, mà đều là thể dụng duyên khởi, gốc ngọn cùng thâu, gốc là chín thức, ngọn là năm thức, từ gốc đến ngọn, tịch mà thường dụng, từ ngọn đến gốc dụng mà thường tịch, tịch mà thường dụng nên tỉnh mà chẳng kết, dụng mà thường tịch nên động mà chẳng loạn. Tỉnh mà chẳng kết nên chân như là duyên khởi, động mà chẳng loạn nên duyên khởi là chân như, chân như là duyên khởi nên không Niết-bàn chẳng sinh tử, tức thức thứ tám thứ chín làm thức thứ sáu thứ bảy. Duyên khởi là chân như nên không sinh tử chẳng Niết-bàn, tức thức thứ sáu, thứ bảy làm thức thứ tám, thứ chín không sinh tử chẳng Niết-bàn nên pháp giới đều sinh tử, không Niết-bàn chẳng sinh tử, nên pháp giới đều là Niết-bàn. Pháp giới đều là Niết-bàn nên sinh tử chẳng phải tạp loạn, pháp giới đều sinh tử nên Niết-bàn chẳng phải tịch tĩnh, sinh tử chẳng phải tạp loạn nên chúng sinh tức là Phật. Niết-bàn chẳng phải tịch tĩnh nên Phật tức là chúng sinh. Vì rằng, pháp giới trái nghịch nên nói Niết-bàn là sinh tử, tức lý tình dụng, pháp giới thuận nên nói sinh tử là Niết-bàn, tức tình tùy lý dụng, như lúc rõ đây, nói tình chẳng phải ngoài lý, lý chẳng phải ngoài tình. Tình chẳng phải ngoài lý, do đó tức thật nói thức thứ sáu, thứ bảy làm thức thứ tám, thứ chín. Thật là thể vậy, lý chẳng phải ngoài tình, do đó tức giả nói thức thứ tám thứ chín làm thức thứ sáu, thứ bảy, giả là dụng vậy. Vì giả thật không ngại nên nhân pháp đều không, vì thể dụng không ngại nên không chẳng thể không, nhân pháp đều không nên nói tuyệt đãi, không chẳng thể không nên nói diệu dụng, nói như vậy cũng là lời nói bài bác tình, luận về chí thật đó là chẳng thể dùng danh tướng được, chỉ cực là chẳng thể dùng hai đế mà biện giải. Chẳng thể dùng danh tướng được, nên chẳng phải lời tượng có thể phân tích, chẳng thể dùng hai đế mà biện giải nên chẳng phải có, không thể nói cho nên nói: Chí lý không lời, Hiền Thánh im lặng, dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành, chánh là có thể dùng thần hợp, chẳng thể lấy tâm cầu.

Hỏi: Biển giác lắng nguồn, nhất tâm trong lặng, cớ sao đầu tiên

khởi các sóng thức?

Đáp: Tuy nói sóng thức nơi khởi không từ vô thủy vô sinh, năng cùng thức tánh, chỉ gọi là bất giác chợt vậy niệm sinh, thí như lắng sóng, chợt nhiên gió nổi, chẳng ra chẳng vào, sóng cả nổi ầm đầy trời, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, tâm cuồng điên đảo khắp cảnh, như trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Vì không biết một chân pháp nên tâm chẳng tương ưng, chợt nhiên niệm động gọi là vô minh" đây là hiện căn bản vô minh tối cực vi tế, chưa có năng sở vương số sai biệt, nên nói là chẳng tương ưng, chẳng phải đồng tâm vương tâm sở tương ưng vậy, chỉ vô minh đây là nguồn của pháp nhiễm. Tối cực vi tế, lại không nhiễm pháp năng làm bản đây, nên nói chợt nhiên niệm khởi vậy. Trước vô minh, không riêng có pháp làm bản của mới đều nhóm tập, nên nói là vô thủy, thì là nghĩa chợt nhiên chẳng phải nói về thời tiết để nói chợt nhiên mà khởi, không mới đầu nên vậy. Lại trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Chẳng như thật biết một pháp chân như nên bất giác tâm khởi", tức là hiển bày nhân duyên khởi của căn bản bất giác. Căn bản bất giác bởi nhân duyên gì được khởi mà có? Nhân chẳng như được khởi mà có, trong những pháp gì mà chẳng như ư? Đó là trong ba pháp mà chẳng như vậy. Nói chẳng như phải có nghĩa gì? Đó là nghĩa trái nghịch vậy. những gì là ba pháp? Đó tức: Một, một pháp thật biết; hai, một pháp chân như; ba, một pháp nhất tâm, đó gọi là ba; pháp thật biết, nghĩa là tất cả giác, tức trí năng đạt, pháp chân như, nghĩa là lý bình đẳng tức cảnh sở đạt. Pháp nhất tâm nghĩa là một pháp giới tức thể sở y, ở ba pháp này đều trái nghịch vậy. Nguyên khởi của vô minh, cho nên nói năng, nghĩa là chẳng như thật biết một pháp chân như, nên bất giác tâm khởi, ba thứ pháp kia đều thủ giữ trong một, trọn chẳng lìa nên thông gọi là một. Lại trong luận nói: "Vì lực vô huân, tâm bất giác động đầu tiên thành nghiệp thức đó, nhân nghiệp thức đó lại sinh chuyển thức v.v...". Trong luận giải thích: Bất giác đầu tiên gọi là nghiệp tướng thứ nhất, năng kiến sở kiến không có sai biệt, tâm vương niệm pháp chẳng phân chẻ, chỉ có nghĩa của tinh động ẩn lưu, nên gọi là nghiệp, động lưu như vậy chỉ do bất giác. Thứ hai, chuyển tướng, do niệm nghiệp Tướng làm chỗ nương tựa, chuyển làm năng duyên lưu thành rõ tướng. Thứ ba, hiện tướng, vì liễu biệt chuyển làm chỗ nương tựa. Cảnh giới hý luận đầy đủ hiện tiền, tướng phần sở duyên viên mãn an trải, nương kiến phần đây hiện tướng phần kia. Lại tướng động là, động làm nghiệp thức, lý cực vi tế, nghĩa là tâm bản giác, nhân gió vô minh, khắp thể động nhẹ, tướng của động nhẹ chưa năng duyên bên ngoài. Dụ như biển sóng nhỏ, từ

tỉnh lắng động nhẹ, mà chưa từ đây chuyển dời bản xứ, chuyển tướng là, gá lực vô minh trợ giúp nghiệp tướng, chuyển thành năng duyên, có dụng năng kiến hướng mặt ngoài khởi, tức gọi là chuyển tướng, tuy có chuyển tướng mà chưa năng hiện năm trần cảnh tướng sở duyên, dụ như sóng biển gá nơi sức gió, gồm giúp động nhẹ, từ đó đánh sóng chuyển dời mà khởi. Hiện tướng là, từ chuyển tướng mà thành hiện tướng, mới có các thứ sắc trần núi sông đại địa khí thế gian v.v... Trong kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Ông trước hỏi rằng: Lại dùng tướng gì mà trú quán sát? Bồ-tát Ma-ha-tát nên quán như vậy, dùng thân huyễn hóa mà quán huyễn hóa, chánh trú bình đẳng không có bỉ ngã. Quán sát như vậy, giáo hóa lợi ích chúng sinh, nhưng các hữu tình từ đời kiếp lâu xa, sát-na đầu tiên, thức khác với gỗ đá, sinh được nhiễm tịnh thức bản, mỗi tự năng làm vô lượng vô số nhiễm tịnh thức bản, từ sát-na đầu tiên chẳng thể nói hết số kiếp cho đến kim cang trọn một sát-na, có số thức nhiều chẳng thể nói chẳng thể nói, sinh các hữu tình, hai pháp sắc tâm, sắc gọi là sắc uẩn. Tâm gọi là bốn uẩn, đều tánh tích tụ, ẩn che chân thật". Xưa trước giải thích: Sát-na đầu tiên, thức khác với gỗ đá là, có thuyết nói: Thức đầu tiên tùy ở đâu mà đến? Ở trong vị tục sinh, thì sát-na đầu tiên là thức thứ tám vậy. Thức có duyên lự khác với gỗ đá, có thuyết nói là thức đầu tiên, như trong kinh Lăng-già nói: "Các thức có ba thứ tướng, đó là chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng. Nói chân tướng là, bản giác chân tâm chẳng gá nhờ vọng duyên, gọi là tự chân tướng. Nghiệp tướng là, căn bản vô minh khởi tỉnh khiến động, động làm nghiệp thức, rất mực vi tế vậy, chuyển tướng là, năng kiến tướng nương nghiệp tướng trước chuyển thành năng duyên, tuy có năng duyên mà chưa năng hiển bày cảnh sở duyên vậy. Hiện tướng là, tức tướng cảnh giới, nương chuyển tướng trước năng hiện cảnh vậy". Lại nói: "Chóng phân biệt biết cảnh giới tự tâm hiện thân và thân an lập thọ dụng, như vậy lần lượt năm cảnh khí sắc v.v... ngoài căn thân, vì tất cả thời nhậm vận mà hiện vậy, đây là ba tế tức là bản thức. Nghiệp thức đấu tiên tức là mới đầu, nương môn sinh diệt làm thứ tự vậy, lại từ thời kiếp lâu xa, không có mới đầu, vì quá khứ và vị lai không thể, huân tập chỉ tâm vọng niệm làm mới đầu trái ngược chân mà khởi vậy. Lại từ tĩnh khởi động, gọi đó là nghiệp, từ trong hướng ra ngoài, gọi là chuyển, tánh của chân như chẳng thể thêm bớt, gọi là chân tướng, cũng gọi là chân thức, chân thức đây tức là ba tánh nghiệp chuyển và hiện v.v... tức tánh thần giải chẳng đồng hư không gọi chung là thức, cũng gọi là trí tướng, chẳng gá nhờ cái khác

mà thành vậy, cũng gọi là trí tướng, là tánh giác chiếu vậy. Do đó nói bản giác chân tâm chẳng gá nhờ vọng duyên làm thể của chân tâm, tức là bản giác chẳng phải tướng động chuyển, là tánh giác vậy. Lại phải giải thích: Sát-na đầu tiên, thức khác với gỗ đá, nghĩa là một niệm thức có giác thọ vậy, khác với gỗ đá tức hiển bày trong niệm trước có tâm sau cùng, thấy hai thứ dơ uế đỏ trắng tức đồng chủng loại gỗ đá khí vật bên ngoài, lúc thức đây sinh, quấy kia làm thân, nên khác với gỗ đá.

Hỏi: Đời kiếp lâu xa vô thủy, sao gọi là thức mới đầu ư?

Đáp: Quá khứ và vị lai không thể, sát-na huân tập chỉ thuộc hiện tại, hiện tại chính lúc khởi vọng niệm, vọng niệm trái ngược chân, gọi đó là thức mới đầu, chẳng phải là quá khứ có thức mở đầu khởi mà gọi là thức mới đầu vậy. Nên biết ngang gồm tất cả xứ, dọc thông vô lượng thời, đều là tức một tâm hiện tại nay, lại không lý riêng biệt. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: "Ta quán lâu xa như hiện ngày nay". thì ba đời tình tiêu, khế hợp với chánh quỷ không thời, một chân đạo hiện, chứng viên tông của Duy thức.

Hỏi: Trong kinh nói sát-na đầu tiên thức khác với gỗ đá sinh được nhiễm tịnh. Mỗi tự năng làm vô lượng vô số nhiễm tịnh bản thức, từ sát-na đầu tiên kiếp số chẳng thể nói, cho đến kim cang trọn một sát-na, có số thức chẳng thể nói, chẳng thể nói, sinh các hữu tình hai pháp sắc tâm, thì có nhiễm có tịnh có sinh có diệt, thức đây nói về trong môn sinh diệt, có mấy thứ sinh diệt?

Đáp: Chân môn thuận tánh, diệu hợp không sinh, tướng đời tùy duyên, tợ phân khởi hết. Trong kinh Lăng-già nói: Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Các thức có mấy thứ sinh trú diệt?" Đức Phật dạy: "Đại Tuệ! Thức có hai thứ sinh trú diệt chẳng phải chỗ nghĩ lường biết được. Đó là lưu chú sinh trú diệt và tướng sinh trú diệt". Xưa trước giải thích: Nói lưu chú chỉ là nhắm đặt ở thức thứ tám, ba tướng nhỏ ẩn, chủng hiện chẳng đoạn, gọi là lưu chú. Do vô minh duyên mới đầu khởi nghiệp thức, nên gọi là sinh, tương tục nhiều kiếp, gọi là trú, đến định Kim cang đẳng giác, một niệm đoạn gốc vô minh gọi là lưu chú diệt, tướng sinh trú diệt là, tức bảy thức còn lại, tâm cảnh thô hiển, nên gọi là tướng, tuy thức thứ bảy duyên thức thứ tám, trông ngóng ở sáu thức trước là tế, nhưng có đủ bốn hoặc nên cũng gọi là thô, nương hiện thức kia tự chủng các cảnh duyên hợp sinh thức thứ bảy, gọi là tướng sinh, nhiều kiếp thêm tập gọi là tương trú, từ ngọn về gốc, dần phục đến đoạn, đến mãn địa thứ bảy, gọi là tướng diệt. Nương sinh diệt trước làm mê ngộ nương tựa, nương sinh diệt sau lập nhiễm tịnh nương

tựa, sau ngắn trước dài, sự phân hai khác biệt, tức là lưu trú sinh trú diệt. Tướng sinh trú diệt, là vì nước biển gặp gió biển làm tướng của sóng gợn. Nước tâm gặp cảnh, hẳn thành sinh của lưu trú, sóng trước kéo sóng sau đánh vỗ mênh mông mà chẳng diệt. Niệm mới tiếp niện cũ nhảy vọt biển tâm vì thường dấy. Từ đó chìm loạn nguồn lắng, mờ đắm biển giác, vậy biết nhân chân khởi vọng, lay động của bất giác vô minh, như từ nước thành sóng, toàn là đánh vỗ của gió bên ngoài, trong ngoài hòa hợp nhân duyên phát mầm, bèn thành tâm của năng kiến, tiện hiện cảnh của sở quán. Nhân chiếu mà chợt sinh trí xét, nhân trí mà phân biệt đẹp xấu, từ đây tình lấy bỏ phân mến ghét, tâm biến ở cảnh năm trần, chấp trước bền chắc, hướng sáu tình căn tương tục chẳng đoạn, nhân đây sóng sông ái nhận chìn tân đáy không buồn trong lửa dục lớn đốt cháy chẳng sợ, cam tâm chịu cực khổ của thành đen tối, chẳng hay chẳng biết, đắm mạng tham phù vinh của nhà mộng, khó tỉnh khó ngộ. Nếu năng rõ một niệm đầu tiên, khởi diệt từ đâu, chóng mà vô sinh, trở lại vốn chân giác thì trần trần tịch diệt. Lồng chuồng sáu thú khó giam, niệm niệm hư huyễn, lưới mành chín kết thôi buộc, giống như biển lớn gió dứt, chẳng khởi gợn nhỏ, xét vốn không của động tướng, thấy không thể của duyên khởi, thì cùng nguồn tánh ướt, lắng vậy lạnh trong, muôn tượng sum la rõ ràng minh bạch. Do đó trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: "Rõ tất cả không, đó gọi là nhất tâm."

Hỏi: Tông Kính suy tìm huyền cớ sao nói thức?

Đáp: Chỉ vì thức tánh sâu mầu, khó cùng gốc ngọn, chỉ Phật mới năng rõ, hàng vị dưới chẳng biết, vì không vết không hình làm gốc của vạn hữu, chỉ sâu chỉ diệu làm nguồn của các thánh, như trong kinh Bồ-tát Xử Thai, phẩm Ngũ Đạo Tầm Thức nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn sắp muốn hiện bày chỗ thức hướng đến, nào là: Thức đạo, thức tục, thức hữu vi, thức vô vi, thức hữu lậu, thức hoa, thức quả, thức báo, thức không báo, thức trời, thức rồng, thức quỷ, thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân. Trên đến thức hai mươi tám trời, dưới đến thức địa ngục không cứu, khi ấy Đức Thế Tôn tức ở trong thai, hiện móc câu xiềng xích hài cốt khắp đầy ba ngàn đại thiên thế giới, Phật bảo A-kỳ-đà: "Ông có thể phân biệt thức hài cốt đây chăng?" A-kỳ-đà đáp: "Chẳng phân biệt được". Tại sao? Chưa đắc thông triệt, hạnh lực chưa đủ, Đức Phật lại hỏi Bồ-tát Di-lặc: "Ông ở trong trời đây chưa đắc thần thông ư?" Bồ-tát Di-lặc bạch Phật: "Có vị thành tựu, có vị chẳng thành tựu". Phật bảo Di-lặc: "Ông quán móc câu xiềng xích hài cốt, khiến tất cả chúng biết nói thức hướng đến, phân

biệt rõ ràng, khiến không còn nghi ngờ vướng kẹt". Khi ấy Bồ-tát Di-lặc từ chỗ ngồi đứng dậy, tay nắm chày thần kim cang bảy báu nắm cả móc câu xiềng xích hài cốt, nghe tiếng hài cốt kia, liền bạch Phật rằng: "Người này mạng chung sân giận kết nhiều, thức đoạ trong loài rồng". nắm hài cốt, người này thân trước mười vết hành đủ được sinh trên trời lại quấy tụng hài cốt, người này thân trước phá giới phạm luật sinh trong địa ngục, như vậy nắm hài cốt hữu lậu, vô lậu, hữu vi vô vi, từ trên hai mươi tám trời dưới đến địa ngục vô cứu, biết chỗ thức hướng đến, quả báo thiện ác, hành báo đen trắng, có một toàn thân xá-lợi, không có khuyết giảm, khi ấy Bồ-tát Di-lặc dùng chày quơ đụng đó, suy tầm thức ấy, trọn không biết xứ nào, ba lần quơ đụng như vậy, bèn bạch rằng: "Thần thức người này con trọn không thể biết, gần như chẳng phải Đức Như Lai nhập Niết-bàn ư?" Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: "Ông tiếp nối quả vị Phật ở đời tương lai, sẽ được làm Phật, thành đạo Vô thượng, cớ sao quấy đụng xá-lợi mà không biết thức xứ ư? Bồ-tát Di-lặc bạch Phật: "Phật chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể hạng lượng, chẳng phải cảnh giới mà chúng con có thể lường so. Nay có điều nghi ngờ, cúi mong Đức Thế Tôn sẽ vì giải nói đó, thần thức năm đạo, đều có thể rõ biết, nơi thiện ác kia hướng đến chẳng dám có nghi ngờ, đối với chỗ Như Lai nay xá-lợi đây không có khuyết giảm. Nguyện xin nói thức này, khiến chúng con được biết". Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: "Chư Phật ở quá khứ vị lai xá-lợi ban trải khắp cùng, chẳng phải cảnh giới mà các ông có thể phân biệt, tại sao? Xá-lợi đây tức là xá-lợi ta, sao có thể cứu tầm thần thức Như Lai. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt. Như Lai thức thượng trung hạ, đến Tát vân, nhưng mỗi mỗi chẳng đồng, Bồ-tát sơ địa chưa lập lực căn đức. Tuy được thần thông Bồ-tát nhị trụ, dùng thiên nhãn quán biết thức nơi hướng đến địa vị, thối đọa hay chẳng thối đọa, cũng lại quán thấy Dục giới Sắc giới. Hoặc lại quán thấy sinh ở phương đông, vô số cõi Phật như cát sông Hằng, cúng dường chư Phật, vâng phụng giới luật vô ngại, cũng lại biết kia thọ ký kiếp số một kiếp hai kiếp cho đến trăm ngàn ức kiếp. Hoặc có Bồ-tát ở ba trú địa, quán thấy xá-lợi, biết nơi thức hướng đến hữu dư Niết-bàn, vô dư Niết-bàn, nhưng lại chẳng thấy chỗ hành thức của hàng bốn trú hướng đến. Bồ-tát bốn trú thấy một, thấy hai ba trú thức pháp, nhưng lại chẳng thấy xá-lợi của hàng năm trú nơi thức pháp hướng đến, cho đến, chỉ Phật biết chỗ của thần thức Phật nghĩ niệm". Lại có kệ tụng nói:

"Thức thần không hình pháp,
Năm đại lấy làm nhà,

Phân biệt hạnh thiện ác,
Đi lại riêng chân ngụy,
Thức bày xứ thiện đạo,
Trọn đến đạo an ổn.
Thức là vua thứ sáu,
Lớn khác rất không biết".

Hỏi: Hai tâm thức có gì hơn kém?

Đáp: Tâm là Như Lai Tạng, tâm là tánh chân như, thức là sở sinh của tâm, không có một pháp nào chẳng từ tánh chân tâm mà khởi. Nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Các pháp được sinh ra chỉ do tâm hiện nên, tâm là gốc tức hơn, thức là nương tựa tức kém. như trong Viên Giác Sớ nói: "Sinh pháp vốn không, tất cả chỉ thức, thức như huyễn mộng, chỉ là nhất tâm."

Hỏi: Giả sử thức không thể đó làm sao được tâm đó ư?

Đáp: Vì thức vốn là chỗ tâm thành, nên thức không thể tức là nhất tâm, nào khác cảnh từ thức sinh, gồm cảnh về thức, nếu thông mà luận đó thì vốn là nhất tâm. Tâm biến làm thức, thức biến các cảnh, do đó, gồmcảnh về thức gồm thức về tâm vậy.

Hỏi: Trước đã nói rộng về thức tướng còn thế nào là trí?

Đáp: Phân biệt là thức, không phân biệt là trí, như trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Phật bảo: Nói là thức nghĩa là năng liễu biệt chỗ nhãn biết sắc, chỗ nhĩ biết thanh, chỗ tỷ biết hương, chỗ thiệt biết vị, chỗ thân biết xúc, chỗ ý biết pháp, đó gọi là thức, nói là trí, túc là ở trong tịch tỉnh, chẳng hành ở ngoài, chỉ nương nơi trí, chẳng ở một pháp mà được sinh phân biệt, các thứ phân biệt, đó gọi là trí. Lại Xá-lợi-phất! Từ cảnh giới sinh, đó gọi là thức từ tác ý sinh, đó gọi là thức, từ phân biệt sinh, gọi đó là thức. Không thủ không chấp không có chỗ duyên, không chỗ liễu biệt, không có phân biệt, đó gọi là trí. Lại Xá-lợi-phất! Nói là thức, tức trú pháp hữu vi, tại sao? Trong pháp vô vi thức chẳng thể hành. Nếu năng thấu đạt pháp của vô vi, đó gọi là trí". Lại trong kinh Nguyệt Đăng Tam muội có kệ tụng nói:

"Chẳng tịch diệt là tưởng,
Tịch diệt đó là trí,
Nếu biết sự tánh tưởng,
Bèn lìa ở các tưởng,
Nếu có tưởng đáng trừ,
Thì lại là có tưởng,
Hành tưởng kia hý luận,

Là người chẳng lìa tưởng,
Nếu người làm là tâm,
Tưởng đó ai khởi nên,
Tưởng đó ai năng chứng.
Ai năng diệt tưởng đó,
Pháp mà của tướng khởi,
Chư Phật chẳng thể đắc,
Tức ở xứ này có,
Vô ngã lìa thủ trước,
Nếu tâm đó chẳng sinh,
Do đâu được khởi tưởng,
Nếu tâm được giải thoát,
Kia không nguyên do khởi,
Nếu chướng ở giải thoát,
Thì tâm chẳng nghỉ bàn,
Vì tâm chẳng nghỉ bàn,
Thành tựu chẳng nghỉ bàn,
Ta vốn nghĩ như vậy,
An trú tâm địa rồi,
Xả bỏ tất cả tâm,
Nguyện thành chẳng nghĩ bàn,
Quả báo pháp Bạch tịnh,
Trông thấy ở vô vi,
Một niệm năng rõ biết,
Tất cả chúng sinh niệm,
Chúng sinh tức là tâm,
Tâm tức là Như Lai,
Chư Phật chẳng nghĩ bàn,
Hiển rõ ở tâm đây".

Hỏi: Diệu nghĩa tâm vương, nguồn chân tám thức, hiển bày chánh lý để tròn sáng, căn cứ Thánh giáo làm định lượng, lý sự đều nêu đã đoạn kết mảy may nghi ngờ, còn môn tâm sở làm sao khai diễn?

Đáp: Đây trình bày thứ hai là tâm sở hữu pháp, tâm sở đây có sáu vị, gồm năm mươi mốt pháp; biến hành có năm, biệt cảnh có năm, thiện có mười một, căn bản phiền não có sáu, tùy phiền não có hai mươi, bất định có bốn, biến hành là biến khắp bốn tất cả, Bốn tất cả là: Một, tất cả tánh, tức là ba tánh: Tánh thiện; tánh bất thiện và tánh ngộ ký v.v...; hai, tất cả địa, tức dục giới ngũ thú một địa, sắc giới bốn thiền bốn địa,

vô sắc giới bốn không bốn địa, gồm cả chín địa; ba, tất cả thời, thời tức đồng thời gian một sát-na; năm tâm sở tác ý v.v... đây đều đồng thời khởi, nên gọi là tất cả thời; bốn, tất cả câu (đều cùng) tức khắp cùng các tâm v.v... và tám thức đều cùng, ý nói là năm tâm sở biến hành tác ý v.v... đây cùng tám thức tâm vương đều cùng thời khởi, hẳn có đồng thời tương ưng năm số. Lại như lúc tám thức cùng khởi đều có năm tâm sở biến hành, nên gọi là tất cả câu, tức bốn tất cả là sở hành sở biến, xúc v.v... năm số là năng hành năng biến, biến là nghĩa viên (tròn khắp) hành nghĩa là giẫm trải, nghĩa duyên cảnh, chỉ thủ kiến phần năng duyên bốn tất cả, chẳng thủ hai phần bên trong, hai phần bên trong chỉ qua lại duyên, tức chẳng thể duyên tất cả bên ngoài, lại như năm tâm sở biệt cảnh dục v.v... có hành chẳng phải biến, hành là năng duyên, biến là sở duyên, tức bốn cảnh v.v... sở duyên, tức bốn cảnh sở duyên chẳng thể khiến năng duyên dục v.v... sở biến duyên, nên gọi là có hành chẳng phải biến. Nên dùng bốn câu để phân biệt: Một, hành chẳng phải biến, tức biệt cảnh; hai, biến chẳng phải hành, tức chân như; ba, câu câu (đều cùng) tức biến hành; bốn, đều chẳng phải, tức sắc v.v... trong luận Hiển Dương nói: "Tâm sở hữu pháp: Nghĩa là nếu pháp từ chủng tử A-lại-da sinh ra, nương nơi tâm khởi, cùng tâm đều chuyển tương ưng". Kia lại thế nào? Nghĩa là biến hành có năm: Một, tác ý nghĩa là năng cảnh răn tâm làm tánh, ở cảnh sở duyên dẫn tâm làm nghiệp.

Hỏi: Tác ý là đại chủng vị năng cảnh răn tâm, hay tại hiện hành năng cảnh răn tâm?

Đáp: Tại chủng vị năng cảnh răn tâm, vì tác ý tự tánh sáng lợi, tuy đại chủng vị, tuy có cảnh đến mà năng cảnh răn chủng tâm tâm sở khiến sinh khởi hiện. Nếu thí dụ như nhiều người đồng ngủ trong một phòng, lúc bên ngoài có kẻ giặc đến, trong đó có một người vì tánh ít ngủ bèn năng cảnh tỉnh các người khác. Người nay tuy tự thân chưa dậy mà năng cảnh tỉnh các người khác khiến dậy, cũng như tướng phần trong tâm, tuy cùng kiến phần đồng khởi. Pháp ấy có công năng dẫn kéo tâm, nay tác ý cũng vậy, chủng tử tác ý đó đã cảnh răn chủng các tâm tâm sở kia sinh hiện hành rồi. Tác ý hiện hành lại năng dẫn tâm hiện hành khiến hướng đến cảnh trước, tức tác ý đây có hai công năng: Một, lúc tâm chưa khởi năng cảnh răn khiến khởi; hai, nếu khởi rồi, năng dẫn khiến hướng đến cảnh, trước là thể tánh, sau là nghiệp dụng. Hai, xúc, nghĩa là căn cảnh thức ba sự hòa hợp, phân biệt làm thể, thọ y làm nghiệp, lại tức ba hòa làm nhân, xúc là quả đó, khiến tâm tâm sở xúc cảnh làm tánh, thọ, tưởng, tư v.v... chỗ nương tựa làm nghiệp. Nếu lúc xúc chẳng

sinh, ngoài ra thọ một tâm sở cũng chẳng thể sinh. Hòa hợp tất cả tâm và tâm sở, khiến đồng xúc cảnh trước, là tự tánh xúc vậy, tức xúc đây tợ ba hòa hợp kia, cùng thọ v.v... làm sở y, là nghiệp dụng của xúc vậy; ba, thọ tức lãnh nạp làm thể, ái duyên làm nghiệp; bốn, tưởng nghĩa là danh cú văn thân huân tập làm duyên, thủ tướng làm thể, phát lời bàn nghị làm nghiệp. Lại tưởng năng an lập tự cảnh giới phân tề. Nếu lúc tâm khởi không tưởng đây là nên chẳng thể thủ tướng cảnh phân tề, ở cảnh thủ tượng làm tánh, thì khái niệm các thứ danh ngôn làm nghiệp, các thứ danh ngôn đều do ở tưởng, là công năng của tưởng; năm, tư nghĩa là niệm tâm, tạo tác tất cả báo của tổng biệt làm tư thể, ở thiện phẩm v.v... sai sử tâm làm nghiệp, xúc v.v... năm pháp, tâm khởi hẳn có, nên là biến hành, ngoài ra, chẳng phải là biến hành. Biệt cảnh có năm, dục v.v... chẳng khắp cùng tâm, vì bốn cảnh riêng biệt, gọi là biệt cảnh vậy: Một, dục nghĩa là đối với cảnh lạc, hy vọng làm thể, chuyên cần nương tựa làm nghiệp. Lại ở nơi tất cả sự dục quán sát là, có hy vọng vậy, nếu chẳng dục quán tùy thế nhân cảnh, nhậm vận duyên là, tức toàn không dục, do lý thú này mà dục chẳng phần là biến hành; hai, thắng giải nghĩa là đối với cảnh quyết định như chỗ đáng đó, ấn giải làm thể, chẳng thể dẫn chuyển làm nghiệp. Lại nghĩa là lực chứng đối với giáo lý tà chánh v.v... với cảnh sở thủ, xét quyết ấn trì, do đây khác duyên, chẳng thể dẫn duyên, chẳng thể dẫn chuyển, với cảnh do dự, thắng giải toàn không, chẳng phải tâm xét quyết cũng không thắng giải, nên chẳng phải biến hành gồm ba, niệm nghĩa là đối với cảnh thói quen, khiến tâm ghi nhớ rõ ràng chẳng quên làm thể. Đẳng trì sở y làm nghiệp. Lại đối với trong thể loại cảnh chưa từng thọ, khiến chẳng khởi niệm, giả sử chỗ đã từng thọ, chẳng thể ghi nhớ rõ, niệm cũng chẳng sinh vậy. Niệm hẳn chẳng phải thuộc biến hành gồm, niệm cùng định làm sở y, làm nghiệp dụng, năng sinh chánh định, nên nói định y làm nghiệp; bốn định chẳng gọi là cùng giữ, nghĩa là đối với cảnh sở quán, chuyên chú một duyên làm thể, khiến tâm chẳng tán trí y làm nghiệp. Lại do định khiến tâm chuyên chú chẳng tán, nương đó bèn có trí quyết định sinh. Nếu chẳng buộc tâm chuyên chú cảnh vị, bèn không định khởi, nên chẳng phải biến hành; năm tuệ nghĩa là đối với cảnh sở quán, chọn lựa làm thể, đoạn nghi ngờ làm nghiệp, lại đối với cảnh chẳng phải quán thì trong tâm ngu tối. Không chọn lựa vậy, chẳng phải biến thành gồm, năm biệt cảnh này tùy vị có không, sở duyên năng duyên chẳng phần định đều cùng vậy. Thiện có mười một: Một, tín nghĩa là đối với có thể có đức và có khả năng, tâm thanh tịnh làm thể, đoạn chướng bất tín, năng đắc Bồ-đề, tư

lương viên mãn làm nghiệp. Lại trong luận Duy thức nói: "Tín lấy tâm tịnh làm tánh, tánh đây lắng trong năng tịnh tâm v.v... vì tâm ưu thắng nên lập tên tâm tịnh. Như nước, thanh châu năng làm trong nước đục".

Giải thích: "Chỉ tín năng là tịnh, các thiện khác đều là sở tịnh, vì tâm vương là chủ, nên chỉ nói là tâm tịnh, chẳng nói tâm sở, nước thí dụ như tâm v.v... thanh châu thí dụ tín thể, đem châu đặt vào nước đục bèn trong, vì có tín vậy, tâm đó bèn tịnh; hai, tâm nghĩa là tương tự tăng thượng và pháp tăng thượng, xấu hổ với điều lỗi ác làm thể. Đoạn chướng không tâm làm nghiệp; ba, quý nghĩa là nương thế tăng thượng xấu hổ với điều lỗi ác làm thể. Đoạn chướng không quý làm nghiệp; bốn, vô tham, nghĩa là đối với hữu, có đủ nhàm lìa không chấp, chẳng che giấu, chẳng ái không đắm trước làm thể, năng đoạn chướng tham làm nghiệp; năm, vô sân nghĩa là đối với các hữu tình, tâm không tổn hại, xót thương làm thể, năng đoạn chướng sân làm nghiệp; sáu, vô si nghĩa là chánh rõ chân thật làm thể, năng đoạn chướng si làm nghiệp; bảy, tinh tấn nghĩa là tâm đổng mảnh không lùi đọa, chẳng tự khinh tiện làm thể, đoạn chướng giải đải làm nghiệp; tám, khinh an nghĩa là xa lìa thô trọng, thân tâm điều sướng làm thể, đoạn chướng vô trọng làm nghiệp; chín, bất phóng dật nghĩa là gồm nhiếp vô tham, sân, si, tinh tấn làm thể, nương xả đây mà được tâm bình đẳng, được tâm chánh trực tâm không phát động, đoạn chướng phát động làm nghiệp; mười một bất hại nghĩa là do chẳng não hại các hữu tình vậy, xót thương trắc ẩn làm thể, năng đoạn chướng hại làm nghiệp, căn bản phiền não có sáu: Một, tham nghĩa là đối với năm thủ uẩn, mến thích che giấu gìn giữ đắm trước làm thể, tổn hại tự tha, năng hướng đến ác đạo làm nghiệp; hai, sân nghĩa là đối với hữu tình, muốn dấy tổn hại làm thể, năng chướng vô sân làm nghiệp; ba, mạn nghĩa là vì kẻ khác yếu kém thua mình, tính chấp mình là ưu thắng, khiến tâm cao ngạo làm thể, năng chướng vô mạn làm nghiệp; bốn, vô minh nghĩa là chẳng chánh rõ chân thật làm thể, năng chướng chánh rõ làm nghiệp; năm, tà kiến nghĩa là năm kiến làm thể: Một, tát-ca tà kiến, nghĩa là đối với năm thủ uẩn, tính chấp ngã sở, tuệ nhiễm ô làm thể, năng chướng vô ngã, vô điên đảo giải làm nghiệp; hai, biên chấp tà kiến, nghĩa là đối với năm thủ uẩn, tính chấp đoạn thường, tuệ nhiễm ô làm thể, năng chướng vô thường vô điên đảo giải làm nghiệp; ba, tà kiến nghĩa là phỉ báng nhân quả, tuệ nhiễm ô làm thể, chỉ phân biệt khởi năng chứng chánh kiến làm nghiệp; bốn, kiến thủ nghĩa là đối với ba kiến trước và kiến sở y uẩn tính chấp tối thắng thượng, và cùng tuệ nhiễm ô đệ nhất làm thể, chỉ phân biệt

khởi, năng chướng khổ và bất tịnh, vô điên đảo giải làm nghiệp; năm, giới cấm thủ nghĩa là đối với các kiến trước và kiến sở y uẩn, chấp làm thanh tịnh giải thoát xa lìa, tuệ nhiểm ô làm thể, chỉ phân biệt khởi, năng chướng vô điên đảo giải như trước làm nghiệp. Giải thích: Tát-ca tà kiến, Trung Hoa dịch nghĩa là thân kiến vậy, kiến thủ, trong luận lại nói: Tất cả đấu tranh sở y làm nghiệp". Đây đối với các kiến và sở y uẩn, chấp làm pháp tối thắng năng đắc Niết-bàn thanh tịnh, là kiến thủ. Do đó, mỗi mỗi chấp nhau làm ưu thắng các kiến v.v... vậy, tất cả ngoại đạo đấu tranh nhân đây mà khởi. Giới cấm thủ, lại nói: "Không lợi cần khổ sở y làm nghiệp", nghĩa là nương các kiến chỗ thọ giới, nói giới đây là thắng, và năng đắc Niết-bàn. Do giới đây nên tất cả ngoại đạo thọ trìcác điều không lợi cần khổ như bứt tóc v.v...; sáu, nghi nghĩa là đối với các đế, cứ do dự, chẳng quyết định làm thể, chỉ phân biệt khởi năng chướng vô si làm nghiệp.

Hỏi: Mười phiền não này thức nào tương ưng?

Đáp: Tạng thức thứ tám hoàn toàn không, thức Mạt-na thứ bảy có bốn, ý thức thứ sáu đầy đủ mười, năm thức trước chỉ có ba. Xưa trước giải thích: Năm thức trước có ba, vì không phân biệt, nên không mạn v.v... mạn v.v... hẳn do có tùy niệm kế độ phân biệt sinh vậy. Lại do có mạn nên ở môn xứng lượng khởi hơn kém vậy. Nghi do dự, môn giản trạch (chọn lựa) khởi kiến, môn tìm cầu khởi vậy, năm thức trước không hành tướng như đây vậy. Thức thứ bảy có đủ ngã si v.v... bốn phiền não, còn đủ thẩm quyết, nên nghi không thể khởi, do ái trước ngã sân thẳng được sinh, không trong một tâm vương có hai tuệ vậy, các kiến khác chẳng sinh. Tùy phiền não có hai mươi. Trong luận Thích nói: "Chỉ là phân vị phiền não sai biệt tánh chẳng lưu, nên gọi là tùy phiền não". Hai mươi chủng loại đây phân riêng có ba, nghĩa là: Phẫn v.v... mười phiền não mỗi mỗi riêng khởi, gọi là tiểu tùy phiền não, vô quý v.v... hai phiền não khắp cùng bất thiện gọi là trung tùy phiền não, trạo cử v.v... tám phiền não khắp nhiễm tâm, gọi là đại tùy phiền não: Một, phẫn nghĩa là ở hiện tại trái nghịch duyên, khiến tâm phẫn phát làm thể, năng chướng vô sân làm nghiệp; hai, hận nghĩa là đối với quá khứ trái nghịch duyên, kết oán chẳng bỏ làm thể, năng chướng vô sân làm nghiệp; ba, phú nghĩa là đối với lỗi phạm hoặc người khác can răn, hoặc chẳng can răn, che giấu kín việc ác đã làm làm thể, năng chướng phát lồ hối lỗi làm nghiệp; bốn, não nghĩa là đối với lỗi phạm, hoặc người khác can răn, bèn phát lời thô xấu, tâm hung bạo làm thể, năng chướng thiện hữu làm nghiệp; năm, tật, nghĩa là đối với kẻ khác, thấy họ có

công đức danh dự, tâm đối kỵ không vui làm thể, năng chướng nhân từ làm nghiệp; sáu, xan nghĩa là tích tụ ngờ chấp trước làm thể, chướng vô tham làm nghiệp; bảy, cuống nghĩa là hoặc loạn đối với người khác, hiện bày sự chẳng thật, tâm dối trá làm thể, năng chướng ái kính làm nghiệp; tám, siểm, là khinh thường kẻ kia nên dối hiện cung kính thuận theo , tâm quanh co làm thể, năng chướng ái kính làm nghiệp; chín, kiêu, nghĩa là ỷ cậy thế gian dấy mạnh v.v... tâm ý cao ngạo không chỗ kỵ sợ làm thể, năng chướng nhầm lìa làm nghiệp; mười, hại, nghĩa là bức não hữu tình, không thương, không xót, không ái, gần gủi, không trắc ẩn làm thể, năng chướng bất hại làm nghiệp; mười một, vô tàm, nghĩa là chẳng xấu hổ lỗi ác làm thể, năng chướng tàm làm nghiệp; mười hai, vô quý, nghĩa là đối với thế tăng thượng, chẳng xấu hổ lỗi ác làm thể, năng chướng quý làm nghiệp; mười ba, hôn trầm, nghĩa là khiến tâm mộng trọng làm thể, năng chướng tùy-bát-xá-na làm nghiệp; mười bốn; trạo cử, nghĩa là nương bất chánh tầm cầu, tâm chẳng tịch tĩnh làm thể, năng chướng xa-ma-tha làm nghiệp; mười lăm, bất tín, nghĩa là đối với bật có thể có đức có khả năng, tâm chẳng tịnh tin làm thể, chướng tín làm nghiệp; mười sáu, giải đải, nghĩa là tâm chẳng cố gắng làm thể, năng chướng phát khởi chánh cần làm nghiệp; mười bảy, phóng dật, nghĩa là gồm tham sân si giải đải làm thể, chướng bất phóng dật làm nghiệp; mười tám, thất niệm, nghĩa là ô nhiễm chẳng ghi nhớ làm thể, chướng chẳng vọng niệm làm nghiệp; mười chín, tán loạn, nghĩa là đối với chỗ tu thiện, tâm chẳng hỷ lạc làm nương tựa, nên rong mất theo duyên bên ngoài làm thể, năng chướng đẳng trì làm nghiệp; hai mươi, bất chánh tri, nghĩa là đối với ba nghiệp chẳng chánh rõ ràng, trí tuệ nhiễn ô làm thể, năng chướng chánh tri làm nghiệp.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 58

Phàm bất định có bốn: Hối, miên, tầm, tứ, đối với thiện nhiễm v.v... đều chẳng quyết định, chẳng phải như xúc v.v... khắp cùng tâm, chẳng phải như dục v.v... quyết định khắp cùng địa cho nên, lập tên bất định: Một, ác tác (= hối) nghĩa là đối với sự đã làm hay chưa làm, thiện hay bất thiện, hoặc nhiễm hay chẳng nhiễm, mà buồn tức đổi biến làm thể, năng chướng Xa-ma-tha làm nghiệp. Lại trong luận Duy Thức gọi là hối, ở đều tức đối với quả mà giả lập tên nhân, trước ghét (ố = ác) nghiệp đã tạo tác, sau mới truy hối. Hai, Thùy miên, nghĩa là lược gồm ở tâm, chẳng tự tại chuyển làm thể, năng chướng Tỳ-bát-xá-na làm nghiệp. Ba, Tầm, nghĩa là hoặc có lúc tư đối với lúc tạo tác, hoặc có lúc do tuệ đối với pháp tìm cầu, tán hành cảnh bên ngoài, khiến tâm thô chuyển làm thể, chướng tâm tịnh bên trong làm nghiệp. Bốn, Tứ, nghĩa là chủng tử thức A-lại-da, chỗ sinh nương tựa tâm, chỗ tạo cùng tâm đều chuyển tương ưng, đối với pháp sở tầm lược hành cảnh bên ngoài, khiến tâm tế chẳng làm thể, chướng tâm tịnh bên trong làm nghiệp.

Giải thích: Tầm là tìm cạn, Tứ là đạt sâu, Tầm ở thô phát ngôn, Tứ thì tế phát ngữ. Trong luận Duy Thức nói: “Bốn bất định là đối với thiện nhiễm v.v... đều chẳng định vậy”. Giải thích: Thứ nhất giải hiển nghĩa bất định đây ở nơi giới tánh thức v.v... đều chẳng định. Thứ hai giải chọn tín v.v... tham v.v... ở trước v.v... đây thông cả ba tánh, tánh chẳng định vậy, như trên căn tùy phiền não, quá hoạn lắm sâu, mở ra ác thú chướng đạo Bồ-đề. Như trong luận Du-già nói: “Phiền não sai biệt là nhiều thứ sai biệt, phải biết đó gọi là: Kết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, bạo lưu, ách, thủ, hệ, cái, chu ngột, cấu, thường hại, tiễn, sở hữu, căn, ác hạnh, lậu, quỷ, thiêu, não, hữu tránh, hỏa, xý nhiên, điều lâm, câu ngại, các loại phiền não sai biệt như vậy v.v... phải biết trong đây: Năng hòa hợp khổ, nên gọi là kết, khiến đối với thiện hạnh chẳng tùy chỗ muốn, nên gọi là ràng buộc, chỗ tất cả chủng tử thế gian tăng thượng theo đuổi, nên gọi là tùy miên. Nghiêng ngã nhiễm tâm,

gọi là tùy phiền não; tính khởi hiện hành, nên gọi là triền; sâu khó lường tính, thuận dòng trôi chảy, nên gọi là bạo lưu; tà hành phương tiện, nên gọi là ách, năng thủ tự thân tương tục chẳng tuyệt, nên gọi là thủ; khó thể giải thoát, nên gọi là hệ; che nghĩa chân thật, nên gọi là cái; hoại ruộng mạ thiện, nên gọi là chu ngột, tự tánh nhiễm ô, nên gọi là cấu, thường có thể làm hại nên gọi là thường hại; chẳng tính tướng xa chỗ tùy, nên gọi là tiển, năng nhiếp y sự, nên gọi là sở hữu; chỗ bất tiện nương tựa nên gọi là căn, tà hành tự tánh, nên gọi là ác hạnh; lưu động tâm đó nên gọi là lậu; năng khiến thọ dụng không chỗ nhàm chán, nên gọi là quỷ; năng khiến chỗ ưa muốn thường có thiếu thốn, nên gọi là thiêu; năng dẫn suy tổn nên gọi là não; năng làm nhân của đấu tụng tranh cạnh nên gọi là hữu tránh; thiêu đốt chỗ tích tụ các củi thiện căn; nên gọi là hỏa; như bệnh đại nhiệt; nên gọi là xí nhiên; các thứ tự thân đại thọ tụ tập nên gọi là điều lâm; năng khiến chúng sinh vui đắm các thứ trần diệu dục; năng chướng chứng đắc pháp xuất thế gian nên gọi là câu ngại; các phiền não sai biệt như vậy v.v... cho đến phiền não quá hoạn là, phải biết phiền não có vô lượng quá hoạn, nghĩa là lúc phiền não khởi, trước tiên não loạn tâm đó, tiếp đối với chỗ duyên, phát khởi điên đảo, khiến các tùy miên đều được kiên cố, khiến đẳng lưu hành tương tục mà chuyển, năng dẫn tự hại, năng dẫn tha hại, năng dẫn đều cùng hại, sinh tội hiện pháp, sinh tội pháp sau, sinh tội cùng đều pháp, khiến thọ sinh kia thầnt ưu khổ, năng dẫn sinh các thứ khổ lớn v.v... năng khiến tương tục xa Niết-bàn lạc, năng khiến thối mất các pháp thắng thiện, năng khiến của cải suy tổn tán mất, năng khiến vào giữa chúng đông chẳng được không sợ, khiếp nhược không oai, năng khiến danh xưng xấu ác lan tỏa mười phương, thường bị người trí chê trách hủy bỏ, đến lúc sắp chết sinh sợ ân hận lớn, khiến thân hoại rồi, đọa ác thú, sinh trong Na-lạc-ca, khiến chẳng chứng đắc nghĩa lợi tự thắng, lỗi như vậy v.v... vô lượng vô biên. Như trên, chỗ làm phiền não sinh các quá hoạn đều từ một niệm đầu tiên vô minh tâm khởi, sao gọi là vô minh? Vì chẳng biết cảnh trước vốn không, vọng sinh đối đãi, chỉ là tự tâm phân biệt, vì gió phẫn hận thổi lửa tâm thức, tự thiêu tự hại, chẳng từng hay biết, chẳng rõ duy tâm, đệ nhất nghĩa đế, nên nói là vô minh si ám chỗ trói buộc không sinh không tử. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Lại nữa, tất cả pháp tánh đều không không chỗ có, chỗ ông sân nhân duyên cũng đều hư dối không định, cớ sao ông vì sự hư dối nên khởi sân mạ gia hại, cho đến đoạt mạng, khởi nghiệp tội trong đây, sẽ đọa trong ba đường ác chịu vô lượng khổ, ông chớ vì sự hư dối không thật mà chịu

đại tội, như trong núi có một ngôi chùa Phật, trong đó có một phòng riêng, trong phòng có quỷ lại khủng bố não hại đạo nhân, các đạo nhân đều bỏ phòng đó mà đi, có một vị khách tăng đến, vị Duy-na phân mời ở phòng đó mà nói với khách tăng rằng: "Trong phòng đây có quỷ thần thích não hại người, nếu có đủ khả năng ở trong đây thì ở" vì khách tăng đó tự lấy sức trì giới đa văn của chính mình nên nói: "Tiểu quỷ sao có đủ khả năng, ta có khả năng nhiếp phục nó". Và liền vào phòng ở, tới chiều tối lại có một vị khách tăng đến xin ở lại, vị Duy-na cũng phân ở nghỉ phòng đó và nói có quỷ não hại người, khách tăng đó cũng nói: "Tiểu quỷ sao có khả năng, ta sẽ nhiếp phục nó". Vị tăng đã vào trước đóng cửa đoan tọa đợi quỷ, vị đến sau lúc đêm tối nên gõ cửa xin vào, vị tăng đã vào trước cho đó là quỷ, nên chẳng mở cửa, vị tăng đến sau dốc sức mở cửa, vị tăng vào trước trong phòng dùng lực chóng đỡ đó, vị tăng đến sau ở ngoài được thắng đánh vỡ của mà vào được, vị tăng bên trong bèn đánh đó, vị tăng bên ngoài cũng dốc sức đánh trả, mãi đến sáng sớm, trông thấy nhau, mới là bạn đồng học xưa cũ, mỗi tự xấu hổ mà tạ lỗi nhau, mọi người nhóm tập lại, cười mà lấy làm quái lạ đó, chúng sinh cũng như vậy, năm chúng không ngã không nhân, từ không mà thủ tướng đến nổi đấu tránh, nếu chi giải tại địa, chỉ có xương thịt, không nhân không ngã, cho nên Bồ-tát nói với chúng sinh rằng: "Các ngươi chớ ở trong căn bản không mà đấu tránh tạo tội. Đấu tránh nên thân người còn chẳng thể được, huống gì là gặp Phật". Lại nói: Tất cả phiền não tuy là nghiệp nhân duyên ở quá khứ, vô minh là căn bản, cho đến nếu biết vô minh nghiệp nhân duyên ở một đời trước, thì ức muôn đời có thể biết rõ, thí như hiện tại lửa nóng, quá khứ và vị lai lửa cũng như vậy, lại nữa Bồ-tát cầu tầm vô minh, thấu rõ tức là minh chỗ gọi là thật tướng các pháp gọi là thật tế. Quán các pháp như huyễn như hóa, chúng sinh bởi nhân duyên điên đảo nên khởi các phiền não, tạo nghiệp tội ác, luân chuyển trong năm đường chịu khổ sinh tử, thí như tằm nhả tơ từ trong trói buộc vào nước sôi than lửa, chúng sinh phàm phu cũng như vậy lúc mới sinh chưa có các thứ phiền não, sau tự sinh tham dục, sân nhuế v.v... các phiền não, nhân duyên phiền não đó nên che lấp trí tuệ chân thật, chuyển thân nhận chịu thiêu đốt nung nấu nơi địa ngục. Bồ-tát biết pháp đó gốc ngọn đều không, chỉ vì chúng sinh điên đảo sai nhầm nên chịu khổ như vậy. Bồ-tát đối với chúng sinh đó khởi tâm đại bi, muốn phá phiền não đó nên cầu ở thật pháp, hành Bát-nhã ba-la-mật thông đạt thật tế, dùng các thứ nhân duyên giáo hóa chúng sinh khiến trú ở thật tế, cho nên trú ở thật tế, không lỗi vậy". Giải thích: như

rõ minh nghiệp đời nay là tâm, thì năng thông đạt tất cả các nghiệp thiện ác ở quá khứ và tương lai đều là tự tâm, như một ngọn lửa tánh nóng, thì tất cả lửa đều lá nóng, đã thật biết rồi trọn chẳng đưa tay xúc chạm, vì sợ thiêu đốt tay vậy. Nếu như thật biết một mảy trần một niệm ở hiện tại nay đều là tự tâm, trọn chẳng còn cố khởi tâm tham thủ cảnh trước, nghĩ sợ mất tông vậy. Do đó trong luận Bảo Tạng nói: “Tất cả như huyễn, huyễn đó chẳng thật, biết huyễn là huyễn, giữ chân ôm một” như vậy thì đèn trí thường chiếu, biển nghiệp tự khô, rốt ráo trú ở thật tế không lỗi, thật duy thức tánh, ở trong thật tế chẳng thấy có một pháp hoặc sinh hoặc diệt hoặc hợp hoặc tan. Do đó trong kinh Tịch Điều Âm Sở Vấn nói: “Thiên tử Tịch Điều Âm nói: “Văn Thù Sư Lợi! Vì có phiền não nên điều phục, vì không phiền não nên điều phục”. Văn thù Sư lợi: Thiên tử! Thí như có người ngủ mộng thấy rắn độc châm nọc người đó bị khổ bức bách, tức ngay trong mộng uống thuốc giải trừ, vì uống thuốc nên khí độc được trừ, ý ông nghĩ thế nào? Người đó thật bị nọc độc chăng?” Thiên tử nói: Không vậy Văn Thù Sư Lợi hỏi: “Độc kia thật có trừ được chăng?” Thiên tử nói: “Văn -thù-Sư- lợi! Nếu thật chẳng bị nọc độc, thì trừ cũng vậy”. Văn- thù-Sư- lợi nói: “Thiên tử! Tất cả hiền thánh điều phục cũng như vậy, Thiên tử nói rằng: Vì có phiền não nên điều phục, không nên điều phục. Thiên tử! Như ngã và vô ngã, có phiền não và không phiền não cũng như vậy, cho đến tất cả pháp vô ngã, vì không chủ vậy, tất cả pháp không chủ cùng như hư không vậy, tất cả pháp không lai (đến) vì không chỗ nương tựa vậy, tất cả pháp không khứ (đi) vì không lỗ hổng vậy, tất cả pháp không trú vì không chỗ an lập vậy. Tất cả pháp không an lập, thì sinh tức diệt vậy, tất cả pháp vô vi vì vô lậu vậy, tất cả pháp không thọ vì rốt ráo điều phục vậy” trong kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: “Văn- thù Sư -lợi thấy đại chúng đây đối với Kim Sắc Nữ mà không nhiễm tâm rồi, bèn hỏi Kim Sắc Nữ rằng: “Nay ngươi phiền não đặt tại xứ nào? Khiến các vương tử cho đến cư sĩ v.v... chẳng sinh nhiễm tâm” Kim Sắc Nữ nói đáp: “Tất cả phiền não và chúng sinh phiền não đều trú ở bờ trí tuệ giải thoát, pháp giới như như, trong pháp bình đẳng, các phiền não kia chẳng phải có sinh chẳng phải có diệt, cũng chẳng an đặt”. Như trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

“Nhiễm pháp nhiễm là một,
Một pháp làm sao hợp,
Nhiễm pháp nhiễm là khác,
Khác pháp làm sao hợp”.

Xưa trước giải thích: Phiền não là năng nhiễm, chúng sinh là sở nhiễm, một tức năng sở chẳng thành, khác tức như đồng nước lửa, đều là nghĩa không hợp. Trong luận Chỉ Quán nói: "Nếu một niệm phiền não tâm khởi, đủ mười pháp giới trăm pháp chẳng ngăn ngại nhau, tuy phiền não chẳng có, tuy một chẳng không, nhiều chẳng tích, một chẳng tán, nhiều chẳng khác, một chẳng đồng, nhiều tức một, một tức nhiều, cũng như mới đầu đèn và bóng tối cộng trú, như vậy tối sáng chẳng ngại nhau cũng chẳng phá nhau, như vậy liễu đạt phiền não tánh không, thì bốn thứ bộc lưu, thì chỉ mặt nhật chánh pháp qua đó năng khô kiệt, bảy lớp gò mạn, chỉ nhân gió tuệ bình đẳng thổi đó đổ ngã năng hại sở hại đều tiêu tự, buộc tha buộc đồng mở, gặp duyên giống như nước trên hoa sen, gặp việc tợ gió trong hư không, trong tất cả thời thường ở nơi Tông kính, thấy muôn pháp không khác như thái hư không, hướng đến trong địa tánh không thì đẹp xấu bình đẳng". Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Thí như trừ cung điện và các chòi dột nát, như đốt chiên-đàn và gỗ tạp, hư không nơi đó không có sắc khác, và tát-bà-nhã v.v... các pháp cầu pháp đó đều như vậy". Nên trong Tịnh Danh Số nói: "Chỉ trừ bệnh đó chẳng trừ pháp đó là, tức là thấu rõ lấy bỏ đó vậy, có vị sư giải rằng: như người mắt bị bệnh thấy hoa đốm giữa hư không, lúc mắt lành bệnh tức không hoa có thể trừ, chúng sinh cũng như vậy, vọng thấy các pháp chỉ trừ vọng hoặc, vọng hoặc nếu diệt thì không pháp có thể trừ. Đây là nghĩa vốn không pháp, sao gọi là pháp chẳng trừ vậy, nay nói tất cả chúng sinh đều đủ pháp mười pháp giới, vì vô minh chẳng rõ, xúc xứ bệnh sinh. Nếu có trí tuệ tự tại vô ngại, đều là Phật sự, thí như lửa và pháp thiêu đốt, nếu xúc chạm thiêu đốt tức đau khổ, cẩn thận chớ xúc phạm tức là trừ bệnh, không thể trừ lửa, nếu trừ lửa đây thì mất thân ấm chiếu tối thành năng của thực, mười hai nhân duyên, pháp của ba đạo cũng vậy, đây có pháp lấy bỏ chẳng đồng trừ vậy, lại lửa năng thiêu đốt, người được pháp thuật là ra vào không ngại chẳng cần pháp trừ lửa vậy, nên tám vạn bốn ngàn phiền não, phàm phu vì đó mà chịu não, chư Phật Bồ-tát lấy làm Phật sự vậy, cũng như pháp của trị mắt là trừ bệnh, chẳng được tổn hại tịnh châu vậy, trong kinh nói vì đoạn bệnh gốc mà dạy bảo dẫn dắt, đó là chánh nói rõ hóa vật vậy, bệnh gốc tức là một niệm vô minh thủ tướng, nên trong kinh Tạp Hoa Nghiêm nói: "Ba cõi không pháp riêng biệt, chỉ là một tâm tạo tác". Nay gọi là chỉ là một niệm vô minh thủ tướng tâm tạo tác vậy, đây tức là bệnh gốc của ba cõi sinh tử. Nếu biết vô minh chẳng khởi thủ hữu tức khác, nên chẳng tạo mới đức là đoạn bệnh gốc vậy, vậy biết tâm của một niệm đã gọi là

nguồn đạo, chấp thật thành quấy, rõ không chẳng lỗi, ngộ tại một sát-na, lại không trước sau, như trong bài ca Đạo thể chẳng hai, Hòa thượng Chí Công nói: "Chúng sinh chẳng hiểu tu đạo, bèn muốn xua trừ phiền não, chẳng biết phiền não vốn không, gồm đạo lại muốn tìm đạo, tâm của một niệm tức vậy, nào phải xứ khác xét tầm, đại đạo sáng ngời trước mắt, người ngu mê đảo chẳng rõ, Phật tánh thiên chân tự nhiên, cũng không nhân duyên tu tạo, chẳng biết ba độc hư giả, vọng chấp trầm luân sinh lão, ngay xưa lúc mê nói muộn, ngày nay mới giác chẳng sớm". Thứ ba, sắc pháp, sắc có mười lăm thứ: Một, địa, có hai; địa bên trong và địa bên ngoài, địa bên trong nghĩa là năm căn nhãn v.v... ở trong mỗi thân riêng biệt và chỗ kia cư trú nương tựa cứng rắn và chỗ chấp gồm có tánh chấp thọ, lại có tăng thượng tích tập, đó là tóc lông móng răng da thịt gân cốt v.v... là thể địa bên trong. Hình đoạn thọ dụng làm nghiệp, địa bên ngoài nghĩa là năm cảnh sắc v.v... bên ngoài mỗi thân riêng biệt, là chỗ nương tựa, gồm thuộc cứng chắc, chẳng phải tánh chấp thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là sỏi đá gò núi v.v... là thể địa bên ngoài, hình đoạn thọ dụng làm nghiệp, lại nương tựa gìn giữ từ tướng làm nghiệp; hai, thủy cũng có hai thứ: Thủy bên trong và thủy bên ngoài. Thủy bên trong nghĩa là nhãn v.v... năm căn ở trong mỗi thân riêng biệt và chỗ của kia cư trú nương tựa, gồm thuộc ướt đượm, có tánh chấp thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là nước mũi, nước mắt, nước dãi mồ hôi là thể thủy bên trong nhuần đượm tích tập thọ dụng làm nghiệp. Thủy bên ngoài là năm cảnh sắc v.v... ở ngoài mỗi thân riêng biệt và chỗ kia nương tựa, gồm thuộc ướt đượm, chẳng phải tánh chấp thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là suối nguồn khe ngòi v.v... là thể thủy bên ngoài, y trị thọ dụng tư tưởng làm nghiệp; ba, hỏa cũng có hai: Hỏa bên trong và hỏa bên ngoài. Hỏa bên trong nghĩa là nhãn v.v... năm căn trong mỗi thân riêng biệt và chỗ kia cư trú nương tựa gồm thuộc ấm nóng, có tánh chấp thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là năng khiến hữu tình ấm khắp tăng nhiệt, lại năng tiêu hóa ăn uống là thể hỏa bên trong, thành thục hòa hợp thọ dụng làm nghiệp. Hỏa bên ngoài, tức sắc v.v... năm cảnh ở ngoài mỗi thân riêng biệt và chỗ kia nương tựa, gồm thuộc ấm nóng, chẳng phải tánh chấp thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là ngọn lửa cháy lan thôn thành, hoặc dùi cây đánh đá, các thứ tìm đó là thể hỏa bên ngoài, biến hoại thọ dụng đối trị tư dưỡng làm nghiệp; bốn, phong cũng có hai: Phong bên trong và phong bên ngoài. Phong bên trong nghĩa là nhãn v.v... năm căn trong mỗi căn riêng biệt và chỗ kia cư trú năng tựa, gồm thuộc nhẹ động có tánh chấp

thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là hoành hành lên xuống, hơi thổ vào ra v.v... là thể phong bên trong, là sự động tác thọ dụng làm nghiệp. Phong bên ngoài, tức là sắc v.v... năm cảnh ngoài mỗi thân riêng biệt và chỗ kia nương tựa, gồm thuộc khinh động, chẳng phải tánh chấp thọ. Lại có tăng thượng tích tập, đó là xô phá núi đồi, nhổ đè rừng cây v.v... kia đã tan hoại, không nương tựa nên tĩnh lắng. Nếu tìm cầu phong là động áo lay quạt, nó chẳng lay động vì không duyên nên ngừng dứt, các thứ như vậy là thể phong bên ngoài, nương tựa gìn giữ thọ dụng giúp nuôi đối trị làm nghiệp; năm, nhãn nghĩa là tất cả chủng tử, chỗ của thức A-lại-da chấp thọ sắc của bốn đại tạo nên làm cảnh giới, duyên chỗ nương tựa tịnh sắc căn của sắc cảnh và thức làm thể, gồm thuộc sắc uẩn, tánh không thấy có đối; sáu, nhĩ; bảy, tỷ; tám, thiệt; chín, thân, cũng vậy. Trong đây sai biệt, nghĩa là mỗi hành ở tự cảnh, duyên chỗ nương tựa của tự cảnh; mười, sắc, nghĩa là cảnh sở hành của nhãn, chỗ nhãn thức duyên, sắc do bốn đại tạo, gồm thuộc sắc uẩn, tánh có thấy có đối; mười một, thanh, nghĩa là cảnh sở hành của nhĩ, chỗ nhĩ thức duyên, do bốn đại tạo thành, có thể nghe âm thanh làm thể, gồm thuận sắc uẩn, tánh không thấy có đối; mười hai, hương, nghĩa là cảnh sở hành của tỷ, chỗ tỷ thức duyên, do bốn đại tạo thành, vật có thể người làm thể, gồm thuộc sắc uẩn, tánh không thấy có đối; mười ba, vị, nghĩa là cảnh sở hành của thiệt, chỗ thiệt thứ duyên do bốn đại tạo thành, vật có thể nếm thưởng làm thể, gồm thuộc sắc uẩn, tánh không thấy có đối; mười bốn, xúc, nghĩa là cảnh sở hành của thân, chỗ thân tức duyên, do bốn đại tạo thành, vật có thể xúc chạm vào thể, gồm thuộc sắc uẩn, tánh không thấy có đối; mười lăm, pháp, sắc sở gồm của xứ, nghĩa là trong tất cả thời, cảnh sở hành của ý, nhiếp thuộc sắc uẩn, tánh không thấy không đối. Lại trong luận Bách Pháp nói sắc có mười một thứ đó là năm căn và sáu cảnh. Năm căn theo luận A-tỳ-đạt-ma nói: “Lấy tạo sắc làm thể: Một là, năng tạo, tức bốn đại địa thủy hỏa phong; hai, là sở tạo, tức bốn vị sắc hương vị xúc. Về sáu cảnh là: Một, là sắc, gồm có ba mươi mốt thứ trong đó hiển sắc có mười ba: Một, xanh; hai vàng; ba đỏ; bốn trắng; năm ánh sáng; sáu ảnh; bảy sáng; tám tối; chín mây; mười khói; mười một bụi trần; mười hai sương mốc, mười ba không (hư không) một hiển sắc, về hình sắc có mười: Một dài; hai ngắn; ba vuông; bốn tròn; năm thô; sáu tế; bảy cao; tám thấp; chín chánh; mười bất chánh. Biểu sắc có tám: Một lấy, hai bỏ; ba cong; bốn duỗi; năm đi; sáu dừng; bảy ngồi; tám nằm. Pháp xứ sắc có năm: Một, sắc tự xa; hai sắc cực lược, ba, sắc định tự tại sở sinh; bốn, sắc thọ sở dẫn, năm, sắc biến kế

sở chấp; sáu, năm căn lấy năng tạo làm thể, trong cảnh pháp xứ lấy cực huýnh lược làm thể. Biến kế sở chấp, thọ sở dẫn v.v... bốn loại sắc đó chẳng phải là tạo sắc, vì không thể tánh là giả, chẳng phải thật. Lại trừ xanh vàng đỏ trắng bốn sắc là thật, còn ngắn dài v.v... hai mươi bảy thứ đều là giả. Bốn thật sắc trên lập vậy, do tướng hình lập vậy. Hai, thanh có mười một thứ: Một, nhân chấp thọ đại chủng thanh, nhân là nghĩa của giả tịch, tức nương gá thức thứ tám kia mà chấp thọ. Âm thanh phát ra từ bốn đại, tức như tiếng huyết nồng rót chảy v.v... ấy vậy, tức bốn đại bèn trong hữu tình làm âm thanh, thảy đều chấp thọ; hai nhãn chẳng chấp thọ đại chủng thanh, là âm thanh bốn đại bên ngoài vậy; ba nhãn chấp thọ chẳng chấp thọ đại chủng thanh, như bốn đại chủng bên ngoài, thân gần tạo âm thanh kia, tức tay và bốn đại chủng bên trong thân gần tạo quả âm thanh, bốn đại chủng bên ngoài chỉ là trợ duyên cộng tạo một âm thanh; bốn thể sở cộng thành thanh, tức ở thế gian các thứ ngôn giáo sách vở âm dương v.v... gọi là cộng thành thanh. Nhân nghĩa lễ trí tín v.v...; năm thứ thành sở dẫn thanh, hoặc trí thành sở tác, chỗ dẫn ngôn giáo, tức chỉ Đức Như Lai; sáu, khả ý thanh là chỗ tình lạc dục; bảy, chẳng khả ý thanh, tức tình chẳng lạc dục; tám, câu tương vi thanh, tức chẳng phải lạc chẳng phải chẳng lạc, gọi là câu tương vi thanh; chín, biến kiến sở chấp thanh, tức là ngôn giáo do ngoại đạo lập nên; mười, thánh ngôn lượng sở gồm thanh; mười một, chẳng phải thánh ngôn lượng sở gồm thanh. Ba, là hương có sáu: Một, hảo (tốt) nói về tình tức tùy tự thức biến xứng với tâm mình mới gọi là hảo hương; hai, xấu; ba, bình đẳng chẳng phải đẹp chẳng phải xấu bốn đều cùng sinh trầm, đàn v.v... cùng chất đều khởi; năm, hòa hợp các hương v.v... thành một hương; sáu, biến khác, lúc chưa đốt không hương gọi là biến khác. Bốn là vị có mười hai: Một ,đắng; hai ,chua; ba, ngọt; bốn, cay; năm, mặn; sáu, nhạt; bảy, khả ý nghĩa là xứng tình; tám chẳng khả ý nghĩa la chẳng xứng tình; chín, cùng trái nhau mười là câu sinh , cùng chất đồng có ;mười một, hòa hợp các vị tụ tập; mười hai, biến khác, sau thành thục khác vị đối với trước. Năm, là xúc có hai mươi sáu thứ: Một địa; hai thủy; ba hỏa; bốn phong; năm trơn; sáu rít; bảy nhẹ; tám nặng; chín mềm; mười hoản; mười một gấp; mười hai lạnh; mười ba đói; mười bốn khác; mười lăm no; mười sáu lực; mười bảy kém; mười tám muộn; mười chín ngứa; hai mươi dính; hai mốt bệnh; hai mươi hai già; hai mươi ba chết; hai mươi bốn nhọc; hai mươi lăm dứt; hai mươi sáu dõng. Bốn thứ địa thủy hỏa phong ở trước là thật, còn lại hai mươi thứ sau nương ở bốn đại sai biệt kiến lập là giả vậy.

Hỏi: Sắc pháp có mấy nghĩa?

Đáp: Có bốn nghĩa: Trong luận Bách Pháp nói: "Một, sắc chỗ thức nương chỉ thuộc năm căn; hai, sắc chỗ thức duyên chỉ thuộc sáu cảnh; ba, tổng tướng mà nói chất ngại gọi là sắc; bốn, biệt tướng mà nói, lược có hai thức: Một, có đối nếu chuẩn cứ theo hữu tông tức là cực vi tạo thành, theo Đại thừa tức dụng năng tạo sắc thành; hai không đối, chẳng phải cực vi thành, tức sắc thuộc pháp xứ gồm". Như trên, địa thủy hỏa phong, tất cả sắc pháp, nhân duyên tợ có mà thể dụng đều hư. Tại sao? Vì tự thể tha thể đều là tánh không, năng duyên sở duyên đều không có lực, vì tự nhân tha lập tha nhân tự sinh, tha là tự tha, tự là tha tự, qua lại thành, qua lại đoạt, định tánh đều không. Lại năng duyên sở thành, sở từ năng lập, năng không có lực thì vào nơi sở, sở không có lực thì vào ở năng. Qua lại gồm, qua lại giúp đều giả đặt bài, duyên hội tợ có duyên tan trở lại không, vì duy thức sở trì cuối cùng kết quy về tánh không. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Lại nữa, địa nếu thường là tướng kiên (cương chắc) chẳng nên bỏ tướng đó, như ngưng tô mật ong nhựa cây dung thì bỏ tướng cứng đó rơi lạc trong tướng thấp ướt, vàng bạc đồng sắt v.v... cũng vậy. Như thủy là tướng ướt mà đông lạnh thì chẳng thành tướng cứng, các thứ như vậy đều là xả bỏ tướng. Lại nữa các vị luận sư, với có thì năng kiến không, với không thì năng kiến có, các bậc Hiền thánh và người tọa thiền, năng khiến địa làm thủy, thủy làm địa, các pháp như vậy v.v... đều có theo chuyển tướng, vì không định thể vậy, tùy duyên biến hiện, chẳng thể chấp có chấp không mà trái với pháp tánh. Thứ tư, Bất tương ưng hành pháp, có hai mươi bốn bất tương ưng hành, tương ưng là nghĩa hòa thuận, như tâm vương tâm sở, đắc v.v... chẳng phải năng duyên, chẳng cùng tâm vương tâm sở tương ưng, nên gọi là bất tương ưng. Lại, đắc v.v... chẳng phải nghĩa chất ngại, chẳng cùng sắc tương ưng, lại có sinh diệt, chẳng cùng vô vi tương ưng, chẳng chọn lựa bốn vị pháp, nên gọi là chẳng tương ưng: Một, đắc nghĩa là các hành thuộc chủng tử gồm tự tại sinh khởi tương tục, tánh sai biệt. Lại trong luận Tạp Tập nói: "Nghĩa là đối với pháp thiện, bất thiện, vô ký, hoặc tăng hoặc giảm giả lập, được đắc thành tựu". Pháp thiện, bất thiện và vô ký là hiển bày nơi nương tựa, hoặc tăng hoặc giảm là hiển bày tự thể. Tại sao? Do có tăng nên nói là thành tựu thượng phẩm tín v.v... do có có giảm nên nói thành tựu hạ phẩm tín v.v...; hai, vô tưởng định, nghĩa là sắc lìa tịnh, dục chưa lìa dục địa trên, do ở trời Vô tưởng khởi tưởng xa lìa. Trong luận Tạp Tập nói: "Ở tâm chẳng hằng hành và tâm sở diệt, giả lập định vô tưởng". Chẳng hằng hành Gồm thuộc ở chuyển

thức. Diệt, nghĩa là định tâm sở dẫn chẳng hằng hiện hành, các tâm tâm sở tạm thời gián đoạn diệt; ba, diệt tận định, nghĩa là đã lìa dục vô sở hữu xứ, hoặc vào phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Hoặc nói: dục vượt qua hữu đảnh làm tưởng chỉ tức, tác ý làm đầu, nên ở các tâm chẳng hằng hành tâm sở và một phần tâm hằng hành tâm sở diệt, giả lập định diệt tân. Trong đây sở dĩ nói chưa lìa dục trên, là hiển bày lìa dục hữu đảnh, các A-la-hán v.v... cũng đắc định này vậy, một phần hằng hành tức là nhiễm gồm thuộc ở ý; bốn, Vô tưởng thiên, nghĩa là ở khoảng này đắc vô tưởng định, do đây về sau sinh trong trời Vô tưởng hữu tình, ở tâm chẳng hằng hành tâm sở diệt, giả lập vô tưởng dị thục; năm, mạng căn, nghĩa là ở trước chúng đồng phận, nghiệp cảm nên lúc trú quyết định, giả lập thọ mạng, chúng đồng phận, nghĩa là các uẩn tương tục trong một đời. Lúc trú quyết định, phân chỗ thời đó khiến chúng đồng phận thường được an trú, hoặc trải qua trăm năm ngàn năm v.v... do nghiệp sở dẫn, công năng sai biệt, lại nương nghiệp sở dẫn chủng thức thứ tám, khiến sắc tâm chẳng đoạn, gọi là mạng căn; sáu, chúng đồng phận, nghĩa là hữu tình như vậy, như vậy, ở các chủng loại tự thể tương tợ, giả lập chúng đồng phận; bảy, dị sinh tánh, nghĩa là tự tướng hành phát khởi tánh, lại do chủng hai chướng mỗi mỗi thú hướng sai biệt; tám, sinh, nghĩa là ở chúng đồng phận các hành tánh không vốn khiến có, giả lập làm sinh; chín, dị, nghĩa là ở chúng đồng phận, các hành tướng tương tục biến khác, giả lập làm dị, cũng gọi là lão; mười, trú, nghĩa là ở chúng đồng phận, tánh tương tục chẳng biến hoại, giả lập làm trú; mười một, vô thường, nghĩa là ở chúng đồng phận các hành tánh tự tướng sinh sau hoại diệt, giả lập tướng vô thường; mười hai, danh thân, nghĩa là ở các pháp tự tánh tăng ngôn (thêm lời), giả lập danh thân; mười ba, cú thân, nghĩa là ở các pháp sai biệt tăng ngôn, giả lập trú thân; mười bốn, văn thân, nghĩa là ở hai thứ trước kia chỗ văn cú nương tựa các chữ, giả lập văn thân; mười lăm, lưu chuyển, nghĩa là ở nhân qiả tương tục chẳng đoạn, giả lập lưu chuyển; mười sáu, định dị, nghĩa là ở nhân quả các thứ sai biệt, giả lập định dị; mười bảy, tương ưng, nghĩa là ở các hành nhân quả tương xứng tánh; mười tám, thế tốc, nghĩa là các hành tánh lưu chuyển nhanh chóng; mười chín, thứ đệ, nghĩa là các tánh mỗi mỗi thứ lớp chuyển, hai mươi, thời, nghĩa là các hành, tánh triển chuyển luôn sinh diệt mới; hai mươi mốt, phương, nghĩa là các sắc tánh hành biến phân tể, hai mươi hai, số, nghĩa là các hành v.v... tánh mỗi riêng biệt tương tục thể tướng lưu chuyển; hai mươi ba, hòa hợp, nghĩa là các hành tánh cùng họp; hai mươi bốn, chẳng hòa hợp, nghĩa là các hành tánh

duyên trái nghịch, chẳng tương ưng hành đây chẳng cùng bốn vị tâm vương, tâm sở, sắc, vô vi v.v... tương ưng, nhưng đều là phân vị của tâm, cũng chẳng lìa tâm biến và vượt khởi thật tánh duy thức, nói về một kỳ hạng hành tướng phân biệt nên vậy. Như trong Quảng Bách Luận nói: "Tự tâm phân biệt, chỗ thấy cảnh giới tức là tự tâm, chỉ tùy các duyên, chủng các hành thục, tự tâm biến làm các thứ phân vị, chỗ tự tâm biến, tướng không thật thể". Vì sao tinh cần an lập pháp khác? Chỉ nên tin thọ các pháp duy tâm.

Hỏi: Diệu chỉ của thất tâm, chân nguyên của tám thức, trong môn hữu vi đã nói rõ vương sở, vậy, trong pháp vô vi, làm sao chỉ bày?

Đáp: Ở đây nêu bày pháp vô vi thứ năm, hữu vi vô vi đều một tâm biến khởi vậy. Lại chẳng vượt ngoài tánh nhất tâm vậy.

Hỏi: Hữu vi vô vi, mỗi mỗi có mấy thức, mỗi mỗi hành tướng làm sao phân biệt?

Đáp: Hữu vi lược có ba thứ, vô vi lược có sáu thứ: Thứ nhất, pháp của hữu vi cực thành chẳng vượt quá ba thứ. Trong luận Duy thức nói: Một, pháp chỗ hiện biết, như sắc tâm v.v...; hai, pháp hiện thọ dụng, như bình áo v.v... hai pháp như vậy ở đời cùng biết có, chẳng đợi nhân thành; ba, pháp có thọ dụng như nhãn nhĩ v.v... do dụng các kia, chứng biết là có".

Giải thích: Như sắc tâm v.v... là, tức năm thức thân, tha tâm, trí, cảnh, nghĩa là sắc v.v... năm trần và tâm tâm sở. Đây là nói về tổng tụ, chẳng riêng phân biệt. Đây, thức, cảnh, hiện lượng, chỗ biết nào chẳng phải là cảnh chỗ biết? Như bình áo v.v... là, đây tuy hiện thấy thọ dụng, mà chẳng phải chỗ hiện lượng duyên, là giả pháp vậy. Chỉ là hiện đời nay mà thọ dụng vật.

Hỏi: Trong đây, duyên bình v.v... tâm là lượng nào gồm?

Đáp: Phi lượng thâu gồm, chẳng thân gần duyên được pháp tự thể, chẳng phải so lường, nên phi lượng thâu gồm, như nhãn nhĩ v.v... là, năm sắc căn đây chẳng phải hiện lượng được, cũng chẳng phải chỗ người hiện đời nay có biết, nhãn nhĩ v.v... đây, mỗi do các kia có phát thức dụng, so biết là có, nói chứng biết, là chứng thành đạo lý, vì hiện thấy quả, so có nhân vậy. Quả nghĩa là chỗ sinh tâm, tâm tâm sở pháp, so lượng biết có các tịnh sắc căn. Đây chẳng phải hiện lượng trí tha tâm biết. Nhưng nay, theo Đại thừa, cảnh của thức thứ tám cũng hiện lượng được. Lúc trí Phật duyên cũng hiện lượng được. Trừ Phật ngoài ra cộng chấp thuận là luận, chẳng phải thế tục cộng thảy đều, cho nên chỉ nói đây biết là có. Tiếp theo, căn cứ ở các kinh luận, nói có sáu pháp vô

vi, như trong luận Bách pháp nói: Một, hư không vô vi là lìa tất cả sắc tâm các pháp chướng ngại, là chỗ hiển bày chân lý, gọi là hư không vô vi. Hư không có ba thứ: Một, thức biến hư không, tức trên thức thứ sáu làm giải tâm, biến khởi tướng phần hư không; hai, pháp tánh hư không, tức thể chân như có lìa các chướng ngại, nên gọi là hư không; ba, sự hư không, tức chỗ thấy ngoan không ấy vậy. Hai, trạch diệt vô vi, do trí vô lậu khởi chọn lựa diệt các chướng nhiễm, chỗ hiển bày lý chân như vậy. Ba, phi trạch diệt vô vi, có pháp chẳng do lực chọn lựa, khởi trí vô lậu giản trạch mà bản tánh tịnh, tức tự tánh thanh tịnh Niết-bàn ấy vậy, tức là bản tánh chân như lìa các chướng nhiễm, chẳng do khởi trí đoạn hoặc, vì bản thể tịnh vậy. Bốn, bất động vô vi, ở đệ tứ thiền lìa tám hoạn ba tai, chứng đắc bất động vô vi. Năm tưởng thọ diệt vô vi, từ đệ tứ thiền trở lên đến vô sở hữu xứ trở lại, xả thọ chẳng hành và thô tưởng cũng không, hiển bày được chân như, gọi là tưởng thọ diệt vô vi. Sáu, chân như vô vi có hai: Một: căn cứ đối mà được tên gọi, nghĩa là lý chân như, đối lại sự mà được tên gọi; hai, chọn pháp, tức chân như kén chọn biến kế, lìa ở sinh diệt. Hiện bày thể là, theo Đại thừa chỉ căn cứ về tâm biến tướng phần, giả nói là có hư không, chẳng phải là lìa ngoài tâm có không vậy. Nếu nói bản chất vô vi, tức chẳng lìa nói thức biến mà có vậy.

Hỏi: Nếu nói thức biến tướng phần gọi là vô vi, tức là tướng của tướng trạng, tùy thức mà làm sao thành vô vi ư?

Đáp: Đây nói là thức biến, giả nói là vô vi, kỳ thật chẳng phải là vô vi. Vô vi là pháp thường trú vậy, nay đây nương thể vô vi là, chỉ thủ tùy thức tướng phần độc ảnh làm thể, vì trước sau tương tợ không có biến, mà chỉ một loại tướng không v.v... vậy, giả nói là vô vi, sáu vô vi đây, hàng Bồ-tát địa tiền thức biến tức là hữu lậu. Nếu là hàng địa thượng (từ sở địa trở lên). Trí hậu đắc biến tức là vô lậu. Nếu y cứ theo pháp tánh, nêu bày thể là, năm thứ vô vi đều là chân như. Ngoài thể chân như không còn nên ra sáu thứ vô vi, mỗi mỗi đều nương thật đức vô vi vậy.

Hỏi: Cớ sao Thánh giáo nói chân như thậy ư?

Đáp: Nay nói có, chẳng là tên chân như thật có, chỉ nói có tức là xua trừ ác thủ không, nên nói là có thể, là diệu hữu chân không, nên nói chẳng phải không chẳng phải có.

Hỏi: Cớ sao Thánh giáo nói chân không là không ư?

Đáp: Vì là phá chấp ngoài tâm chân như là thật có, nên nói là không, tức không tình chấp đó, tức chẳng không là chân như đó không

vậy. Lại, trong luận Duy thức nói: "Nhưng các Khế Kinh nói có hư không v.v... các pháp vô vi, lược có hai thứ: Một, nương thức biến, giả thi thiết có, nghĩa là từng nghe nói tên hư không v.v... tùy phân biệt có tướng hư không v.v... bởi lực từng tập vậy, lúc tâm v.v... sinh, tợ tướng hư không vô vi v.v... hiện tướng chỗ hiện đây trước sau tương tợ, không có biến đổi, giả nói là thường; hai, nương pháp tánh giả thi thiết có, nghĩa là không vô ngã, chỗ hiển bày chân như, có không đều chẳng phải, tuyệt đường tâm lời, cùng tất cả pháp chẳng phải một hay khác v.v... là chân lý pháp, nên gọi là pháp tánh, lìa các chướng ngại nên gọi là hư không. Do lực trạch diệt, diệt các tạp nhiễm, rốt ráo chứng hội nên gọi là trạch diệt, chẳng do lực chọn lựa, bởi bản tánh thanh tịnh, hoặc chỗ duyên khuyết hiển bày, nên gọi là phi trạch diệt. Khổ thọ lạc diệt, nên gọi là bất động, tưởng thọ chẳng hành, gọi là tưởng thọ diệt. Năm pháp đây đều nương chân như giả lập, thân như cũng là tên giả thi thiết. Giải thích: Một, nương thức biến, giả khái niệm có là, đây vốn không bản chất, chỉ tâm biến nên, như cực vi v.v... biến, tợ tướng không v.v... hiện đây đều là biến cảnh mà duyên nên vậy. Chân như cũng là giả định nghĩa là, chân như căn cứ phân tích mà phân tích thể là một, năm vô vi đây nương trên chân như, giả gọi là không v.v... mà chân như thể chẳng phải như chẳng phải chẳng như, nên tên chân như cũng là giả lập. Như trùng ăn dầu v.v... chẳng xứng với thể kia, chỉ nói hiển bày vậy, thí như có trùng tên gọi là ăn dầu, thật chẳng phải ăn dầu, giả gọi là ăn dầu, chẳng xứng với thể vậy. Chân như cũng vậy, lại trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: "Vô vi có bốn: Một, chân như vô vi; hai, bản giác vô vi; ba, thủy giác vô vi; bốn, hư không vô vi. Pháp hữu vi có năm thứ: Một, căn bản vô minh hữu vi; hai, sinh tướng hữu vi; ba, trú tướng hữu vi; bốn, dị tướng hữu vi; năm, diệt tướng hữu vi. Đó gọi là năm, vả lại, bốn vi lấy gì làm thể? Có những dụng gì? Kệ tụng nói:

"Nương mỗi có hai thứ,
Đó là thông và biệt,
Như thể dụng cũng vậy,
Tùy thích ứng quán sát".

Luận nói: "Chân như vô vi có hai sở y: Một, thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt, lý pháp tịnh tỉnh lấy làm thể vậy. Bản giác vô vi có hai sở y: Một thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt, bản trí tự nhiên dùng làm thể vậy, thủy giác vô vi có hai sở y: Một,

thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt, trí khởi tùy tha dùng làm thể vậy. Hư không vô vi có hai sở y: Một, thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt sự không chỗ có dùng làm thể vậy. Lại nữa, chân như vô vi có hai thứ dụng: Một, thông dụng, tất cả các pháp khiến sinh ra vậy; hai, biệt dụng, tánh của bình đẳng khiến chẳng mất vậy. Bản giác vô vi có hai thứ dụng: Một, thông dụng, chẳng phải giữ tự tánh vậy; hai, biệt dụng, chẳng chuyển biến vậy. Thủy giác vô vi có hai thứ dụng: Một, thông dụng, tùy vọng chuyển vậy; hai, biệt dụng, đối trị tự quá (lỗi lầm) vậy. Hư không vô vi có hai thứ dụng: Một, thông dụng, muốn có khiến có vậy; hai, biệt dụng, không tánh của không khiến chẳng mất vậy. Đó gọi là hai dụng". Trong đây nói: Thông nghĩa là tha, biệt nghĩa là tự, năm thứ hữu vi lấy gì làm thể? Có những dụng gì? Kệ tụng nói:

"Nương mỗi có hai thứ,
Đó là thông và biệt,
Như thể dụng cũng vậy,
Tùy thích nên quán sát".

Luận nói: "Căn bản vô minh có hai thứ y: Một thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm, dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt, lực lớn trú địa, dùng làm thể vậy. Sinh tướng hữu vi có hai thứ y: Một, thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm, dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt, tế phần nhiễm pháp dùng làm thể vậy. Trú tướng hữu vi có hai thứ y: Một thông sở y, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, bản pháp nhất tâm, dùng làm thể vậy; hai, biệt sở y, trong môn sinh diệt, thô phần nhiễm pháp dùng làm thể vậy. Dị tướng hữu vi, diệt tướng hữu vi, hai thứ thông y biệt y, như nói trong thú tướng, hữu vi ở trước, không có khác biệt. Lại nữa, căn bản vô minh có hai thứ dụng: Một thông dụng, năng đặt tên tất cả các pháp nhiễm vậy; hai, biệt dụng, tùy nơi chỗ đến, làm sự ngại vậy, sinh tướng hữu vi có hai thứ dụng: Một thông dụng, ở thượng trung hạ cùng lực đó vậy; hai, biệt dụng, tùy nơi chổ đến làm sự ngại vậy. như nói ở sinh tướng hữu vi, thì trú tướng hữu vi vô vị tướng hữu vi cũng vậy. Diệt tướng hữu vi có hai thứ dụng: Một thông dụng, ở trên và tự cùng lực đó vậy; hai, biệt dụng, năng làm ngại sự. Đó gọi là hai dụng, vì nghĩa gì mà nói hữu vi vô vi tất cả các pháp thông lấy nhất tâm mà làm thể đó? Ở trong kinh Đạo Trí nói: "Bấy giờ, Văn thù-Sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thức A-lại-da đầy đủ tất cả pháp,

nhiều hơn số cát sông Hằng, nhiều hơn số cát sông Hằng, các pháp như vậy lấy ai làm gốc? Sinh ở xứ nào? Phật dạy: Hữu vi vô vi tất cả pháp như vậy, sinh xứ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao? Ở chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi là xứ, là pháp hữu vi là pháp vô vi mà năng sinh vậy" Văn thù- Sư- lợi lại bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi là xứ?" Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi là xứ, tức đó gọi là bản pháp nhất tâm. Chẳng phải hữu vi nên năng làm hữu vi, chẳng phải vô vi nên năng làm vô vi, cho nên ta nói sinh xứ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam! Thí như thứ tử có hai chỗ nương tựa: Một là, đại vương; hai là cha mẹ, hữu vi vô vi tất cả pháp cũng lại như vậy, mỗi mỗi có hai y (nương tựa), đó là thông đạt y và chi phần y. Lại nữa, này thiện nam! Thí như tất cả cỏ cây có hai chỗ nương tựa: Một là đại địa; hai là chủng tử, hữu vi vô vi tất cả pháp cũng lại như vậy, mỗi mỗi có hai y, đó là thông đạt y và chi phần y". Cho đến nơi rộng chẳng sinh chẳng diệt hòa hợp là, tức là mở bày sai biệt của năng huân và sở huân, Cớ sao chỉ bày? Đó là hiển bày các pháp nhiễm tịnh có lực không lực, qua lại có có hơn kém vậy. Nay phải làm hai môn để phân minh bày nói: Một là môn hạ chuyển; hai là môn thượng chuyển. Trong môn sinh diệt chẳng nêu hai môn đây. Hai môn như vậy sai biệt thế nào? Kệ tụng nói:

"Các nhiễm pháp có lực,
Các tịnh pháp không lực,
Trái gốc hạ hạ chuyển,
Gọi là môn hạ chuyển,
Các tịnh pháp có lực,
Các nhiễm pháp không lực,
Hướng nguồn thượng thượng chuyển,
Gọi là môn thượng chuyển".

Luận nói: "Do các pháp nhiễm tịnh qua lại có hơn kém, hai thứ môn chuyển được thành mà thôi". Nay trước nói về môn hạ chuyển: Căn bản vô minh dùng những pháp gì mà làm sở huân? Ở trong thời nào mà làm việc huân ? Kệ tụng nói:

"Sở huân có năm thứ,
Là tâm một pháp giới,
Và bốn thức vô vi,
Chẳng phải đầu giữa sau".

Thủ trước giữa sau vậy, như trong Khế Kinh nói rõ, luận nói: "Căn bản vô minh dùng năm thứ pháp mà làm sở huân. Đó là một pháp giới

và bốn vô vi”. Huân một pháp giới tướng đó thế nào? Kệ tụng nói:

“Một thứ tâm pháp giới,
Có hai thứ tự tại,
Là hữu vi vô vi,
Là căn bản vô minh,
Nương ở tự tại trước,
Mà năng làm việc huân”.

Luận nói: “Tâm một pháp giới có hai thứ tự tại: Một là hữu vi tự tại, năng làm pháp hữu vi mà làm nương tựa vậy; hai vô vi tự tại, năng làm pháp vô vi mà làm nương tựa vậy. Căn bản vô minh nương tựa tại trước năng làm việc huân ,chẳng phải tự tại sao”. Trong kinh Trung Thật nói: “Căn bản vô minh nương tự tại trước năng làm việc huân, chẳng phải tự tại sao”. Trong kinh Trung Thật nói: “Căn bản vô minh, huân tự sở y, lượng của phân tế, chẳng phải tha sở y vậy”. Huân pháp chân như, tướng đó thế nào? Kệ tụng nói:

“Pháp chân như vô vi,
Có hai thứ tác dụng,
Đó là thông và biệt,
Như trước quyết trạch nói,
Là căn bản vô minh,
Nương ở tác dụng trước,
Mà năng làm huân sự,
Vô vi khác cũng vậy”.

Luận nói: “Chân như vô vi, có hai thứ dụng, đó là thông và biệt, như ở trước nói, căn bản vô minh, nương ở tác dụng trước, năng làm việc huân, chẳng phải tác dụng sau. như nói chân như, ba vô vi khác cũng lại như vậy, đều nương tác dụng trước, chẳng phải tác dụng sau. Lúc làm huân lượng chẳng phải ở đầu cũng chẳng phải giữa và sau, vì thủ trước giữa sau vậy”. Trong kinh Bản Trí nói: “Đại lực vô minh lúc làm việc huân, mới đầu giữa và sau một thời đều thủ”. Trong đây nói năng huân sở huân, vì nghĩa gì mà gọi là huân? Nghĩa là năng dẫn pháp sau mà hợp tự thể, chẳng bỏ lìa nhau, cùng hành cùng chuyển, nên gọi là năng huân. Lại, năng và pháp kia chẳng làm chướng ngại, hoặc tùy hoặc thuận, chẳng trái nghịch vậy, gọi là sở huân, nghĩa là năm thứ pháp hữu vi năng huân bốn thứ pháp vô vi vô tâm một pháp giới. Năm pháp sở huân tùy lại mà cùng năm năng huân, cộng hội hòa hợp đồng sự đều chuyển, cho nên nói là chẳng sinh chẳng diệt cùng sinh diệt hòa hợp. Như đại vô minh, bản pháp nhất tâm làm thông y vậy, nương tự

tại trước làm sự huân tập. Bốn tướng hữu vi nên biết như vậy, như đại vô minh nương bốn vô vi thông đạt làm dụng, năng làm việc huân. Bốn tướng hữu vi nên biết như vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 59

Hỏi: Hai môn hữu vi, vô vi là một hay là khác?

Đáp: Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải hết, chẳng phải còn. Tại sao? Nếu là một thì trong kinh Nhân Vương không nên nói: "Các Bồ-tát v.v... với công đức hữu vi, công đức vô vi thảy đều thành tựu". Lại trong kinh Duy-ma nói: "Bồ-tát chẳng hết hữu vi, chẳng trú vô vi v.v...". Hai nghĩa đều rõ há là một ư? Nếu là khác, trong kinh Bát-nhã Đức Phật bảo Thiện Hiện: "Chẳng được lìa hữu vi nói hữu vi, chẳng được lìa vô vi nói vô vi" há thành khác ư? Nếu nói là đều sạch hết là, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Ở hữu vi giới bày lý vô vi, chẳng diệt tướng của hữu vi, ở vô vi giới, bày pháp hữu vi, chẳng hoại tánh vô vi" thì hữu vô tánh tướng chẳng ngại đều còn. Nếu nói đều còn, như luận trước nói: "Hai thức pháp tánh giả đặt có", nghĩa là không vô ngã là chỗ hiển bày chân như, có không đều chẳng phải, tuyệt đường tâm ngôn, thì trăm phủ định (bách phi) chẳng thể mê hoặc, bốn câu (Tứ cú) chẳng thể phân tích, có thể vì tình mà cho là có không, chỉ nên trí vượt ngôn tượng mới đạt hữu vi vô vi, chân tánh của duy thức vậy. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Lại nữa, phàm pháp sinh diệt là, nếu trước có tâm sau có sinh, thì tâm chẳng đợi sinh, tại sao? Vì trước đã có tâm vậy. Nếu trước có sinh thì sinh không chỗ sinh, lại sinh diệt là tánh trái nhau. Sinh thì chẳng nên có diệt, lúc diệt chẳng nên có sinh, vì vậy nên một thời chẳng thể được, khác cũng chẳng thể được, vậy thì không sinh, không sinh thì không trú diệt, nếu không sinh trú diệt thì không tâm số pháp, không tâm số pháp thì không tâm chẳng tương ưng. Hành các sắc pháp, sắc pháp không nên pháp vô vi cũng không. Tại sao? Nhân hữu vi nên có vô vi, nếu không hữu vi thì cũng không vô vi, cho nên không nên nói các pháp có. Lại trong kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn nói: "Pháp hữu vi vô vi, văn tự ngôn thuyết có sai biệt vậy". Trong kinh Trì Thế nói: "Pháp hữu vi như thật tướng, tức là vô vi."

Hỏi: Tâm sở đủ mấy nghĩa, lập môn của tâm sở?

Đáp: Các bậc cổ đức giải thích: Nghĩa tâm sở có ba: Một, hằng y (luôn nương) tâm khởi; hai, cùng tâm tương ưng; ba, hệ thuộc ở tâm. Tâm vương duyên tổng tướng, như họa sư làm khuôn, tâm sở thông duyên tổng tướng biệt tướng, như đệ tử ở trong khuôn tổng tướng điền vào lắm nhiều màu sắc ,tức tâm sở ở nơi tâm vương gồm xanh, như lúc nhãn thức tâm vương duyên cảnh sắc xanh. Tổng tướng ấy lại chẳng làm nhiều loại hành giải. Tâm sở duyên biệt tướng, là như tác ý trong năm tâm sở, lấy cảnh răn tâm dẫn tâm làm biệt tướng v.v... trên bèn lãnh nạp tưởng tượng tạo tác các thứ hành tướng là thông duyên tổng biệt tướng.

Hỏi: Tâm vương và tâm sở là đồng hay khác biệt?

Đáp: Nói về tục thì tợ đồng tợ biệt, luận về chân thì chẳng phải tức chẳng phải lìa. Trong luận Duy thức nói: "Sáu vị tâm sở pháp như vậy, vì lìa tâm thể, mà có riêng tự tánh, vì tức là tâm phân vị sai biệt, giả sử vậy có lỗi gì? Cả hai đều có lỗi. Nếu lìa tâm thể có riêng tự tánh, cớ sao thánh giáo nói chỉ có thức? Lại cớ sao nói tâm xa riêng hành, nhiễm tịnh do tâm, sĩ phu sáu cõi, trong luận Trang Nghiêm nói lại làm sao thông? Như kệ tụng nói:

"Cho tâm tợ hai hiện,
Như vậy tợ tham thảy...
Hoặc tợ ở tín thảy...
Không riêng pháp nhiễm tịnh".

Nếu tức là tâm phân vị sai biệt, cớ sao thánh giáo nói tâm tương ưng, tha tánh tương ưng, chẳng phải tự tánh. Lại cớ sao nói tâm và tâm sở cùng thời mà khởi, như mặt nhật và ánh sáng. Trong luận Du-già nói: "Tâm sở chẳng phải tức tâm, nên nói lìa tâm có riêng tự tánh, vì tâm ưu thắng, nên nói duy thức v.v... tâm sở nương thế lực tâm mà sinh, nên nói tợ kia hiện, chẳng phải kia tức tâm. Lại thức tâm lời cũng gồm tâm sở, luôn tương ưng vậy, nói duy thức v.v... và hiện tợ kia đều không có lỗi. Đây y cứ theo thế tục, nếu y cứ thắng nghĩa, thì tâm sở và tâm chẳng vậy. Đó gọi là Đại thừa, diệu lý chân tục". Trong luận Nhiếp Đại thừa có kệ tụng nói:

"Đi xa và riêng đi,
Không thân ngủ nơi hang,
Điều tâm khó điều đó,
Gọi là chân Phạm chí".

Trong luận Bách Pháp giải thích: "Đức Như Lai y cứ ý căn xứ mà nói đi xa và riêng đi vậy. Tùy vô minh, ý thức duyên khắp tất cả cảnh

vậy, nên gọi là đi xa. Lại các tâm tương tục mỗi mỗi chuyển vậy, không thật chủ tể, gọi là riêng đi. Không thân, tức tâm không hình chất, ngủ nơi hang, tức nương gá các căn ngầm chuyển trong thân, gọi là ngủ nơi hành vậy. Ngủ là tàng vậy, tức chỗ của tâm tích chứa tại trong thân, ý bày kệ đây là phá ngoại đạo chấp có thật ngã vậy. Đức Thế Tôn nói chỉ là tâm riêng đi (độc hành) không riêng biệt chủ tể, nên nói là riêng đi vậy. Lại từ vô thủy dạo khắp cảnh sáu trần nên gọi là đi xa, không riêng biệt tâm sở nên gọi là riêng đi, rõ biết không riêng biệt tâm sở vậy, sĩ phu sáu cõi. Trong luận Du-già nói: "Bốn đại không thức năng thành hữu tình sắc động tâm ba pháp tối thắng làm sở y tức là bốn đại. Động sở y tức là không, nghĩa là không giới bên trong, chẳng thủ bên ngoài, do trong nội thân có không giới đây vậy, do đó có động nên làm động y. Tâm sở y là thức ấy vậy, tức nói sáu cõi năng thành hữu tình, chẳng nói tâm sở giới vậy, cho tâm tợ hai hiện là, tợ trong đây là nói tợ chỗ ngoài tâm chấp thật pháp hai phần v.v... nên gọi là tợ. Không riêng nhiễm thiện pháp, nghĩa là chỉ tâm biến tợ hai phần kiến tướng. Hai phần lìa tâm biến khác riêng có pháp. Lại nói tâm biến tợ tham tín v.v... tham tín v.v... lìa ngoài tâm, không riêng nhiễm thiện pháp, thể tức tâm vậy, như hai phần vậy. Nên nói lìa tâm có riêng tự tánh, vì tâm ưu thắng vậy. Nói duy thức v.v... là đã nói lìa tâm có sở. Tại sao nói duy thức, tâm đi xa, riêng đi, nhiễm tịnh do tâm. Trong sáu cõi chỉ nói tâm là, vì tâm ưu thắng nên nói duy thức v.v... đây ưu thắng thế nào? Gồm có bốn nghĩa: Một, năng làm chủ; hai, năng làm y; ba, hành tổng tướng; bốn hằng quyết định, chẳng phải như tâm sở v.v... có lúc chẳng định. Lại nếu nương thể dụng hiển hiện đế thứ nhất, tức tâm vương là thể, tâm sở là dụng, tức thể dụng chẳng tức chẳng lìa vậy. Nếu nương thắng nghĩa, tức là nhân quả sai biệt đế, tức vương sở qua lại làm nhân quả, pháp nhĩ chẳng lìa vậy. Nếu nương chúng đắc được thắng nghĩa đế thứ ba, tức nương phân tích hiển bày. Nếu nương năng phân tích tánh y tha khởi nói chẳng phải tức. Nếu nương sở phân tích lý hai vô ngã nói, tức vương sở chẳng phải lìa. Nếu thắng nghĩa thắng nghĩa đế phế bỏ phân tích nói chỉ thứ tư, cũng chẳng nói tức lìa vậy, tức một chân pháp giới lìa ngôn tuyệt tướng, tức đạo lý vương sở đồng quy về một chan như vậy.

Hỏi: Tâm vương tâm sở làm sao rõ giả thật?

Đáp: Từ chủng sinh gọi là thật, nương tha lập gọi là giả, tâm pháp chỉ là thật có. Biến hành biệt cảnh trong tâm sở chỉ là thật có, ngoài ra các pháp hoặc giả hoặc thật, chân như vô vi tuy chẳng phải tự từ chủng không, cũng gọi là thật, vì chẳng y tha vậy. Hoặc các pháp danh nghĩa

đều giả, chỉ một thứ chân như vô vi, danh giả mà thể thật, vì lìa ngôn thuyên vậy.

Hỏi: Trong luận Duy thức nói: Chỉ nói thức tức gồm tâm sở, vậy chân như cùng thức chẳng phải như tâm sở tại sao chẳng nói?

Đáp: Thức là thật tánh, thức là đều có, chẳng lìa thức, chẳng phải ngã pháp nương tựa, nên chỉ nói thức, mà chẳng nói chân như, nên biết chân như tức thức, thức tức chân như

Hỏi: Chân như tức thức, thức tức chân như, vả lại chân như chẳng phải chỗ biến hiện của thức sao thành duy thức?

Đáp: Tuy chẳng phải thức biến, thức thật tánh nên cũng gọi là duy thức, chân như lìa ngôn và năng tính chấp thức chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải như sắc v.v... có thể nương tựa khởi chấp, nên chẳng phải chấp nương tựa. Trong đây chẳng nói như viễn (xa) trông sơ (xa). Ngôn cũng có thể nương tựa chấp pháp. Hàng học sau nương tựa khởi chấp vậy. Lại chân như đã chẳng phải chỗ thức chuyển biến, nên chẳng phải duyên thức, chẳng vì biến nên gọi là duy thức, chẳng lìa thức nên chánh danh duy thức.

Hỏi: Trong bách pháp phàm thánh gồm đủ chăng?

Đáp: Nếu phàm phu vị, căn cứ chung về chủng tử trong ba cõi chín địa thì đều đủ một trăm pháp, nếu quả vị chư Phật thì chỉ đủ sáu mươi sáu pháp, trừ căn bản phiền não có sáu, tùy phiền não có hai mươi, bất định có bốn, trong bất tương ưng hành có bốn, gồm số trừ đó cả thảy ba mươi bốn pháp.

Hỏi: Tâm gồm tất cả cớ sao chỉ nêu môn năm vị năm pháp?

Đáp: Tuy nêu trăm pháp, dùng làm cương yếu, trong đây năm vị lần lượt đã gồm vô tận pháp môn, chẳng pháp môn nào vượt ngoài đây vậy. Tại sao? Trong luận Bách Pháp nói: Thứ nhất nói rõ tâm pháp, nghĩa là tám thứ tâm vương đây, trong pháp hữu vi thì đây là tối thắng. Tất cả thế gian và xuất thế gian không gì chẳng do tâm tạo. Thứ hai nói rõ tâm sở hữu pháp, cùng tâm vương đây thường tương ưng vậy, gọi là pháp tương ưng, so với tâm vương trước thì được tức là kém. Trước hơn sau kém, do đó thứ tự nói. Thứ ba sắc pháp là chỗ của tâm vương v.v... hiện ảnh, nghĩa là sắc pháp đây chẳng năng tự khởi, cốt yếu pháp nhờ biến hiện của tâm vương và tâm sở trước. Biến chẳng thân duyên, nên đặt để ảnh mà nói, hoặc thông bản chất. Hai tâm trước là năng biến, đây là sở biến, trước năng sau sở, do đó lần lượt nói. Thứ tư chẳng tương ưng hành, nghĩa là đắc v.v... hai mươi bốn pháp đây chẳng năng tự khởi, nhờ ba vị trước sai biệt giả lập, ba vị trước là thật, đây tức là giả, trước

thật sau giả, do đó lần lượt nói. Thứ năm pháp vô vi, thì chẳng do đâu mà được hiển bày, nhờ chỗ bốn vị trước đoạn nhiễm thành tịnh mà hiển bày, bốn vị trước là hữu vi, đây tức là vô vi, trước hữu sau vô, do đó lần lượt nói. Lại trong luận Sao giải thích rộng: Thứ nhất tâm pháp tối thắng là, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tâm như thợ vẽ giỏi,
Họa các thứ thế gian,
Tất cả trong thế gian,
Không pháp nào chẳng tạo"

Là tám thức tâm vương đây tối thắng, giống như người thợ vẽ giỏi, năng họa vẽ tất cả hình tượng trời người năm thú, cho đến hình tượng Phật Bồ-tát v.v... nhưng trong kinh nêu cử thí dụ Phật là chỉ lấy một phần ít, vì thợ vẽ chỉ vẽ được sắc uẩn, ngoài ra bốn uẩn cón lại tức chẳng thể vẽ. Trong pháp nếu là tám thức, tức năng thông tạo được năm uẩn. Vả như thức thứ sáu tương tục chẳng cùng vô minh và các phân biệt khác đều cùng (câu) sinh hoặc v.v... nếu tạo được nghiệp báo tổng biệt của địa ngục tức năng thông tạo được năm uẩn, cho đến nếu tạo được nghiệp báo tổng biệt của trời người tức tự họa được hình tượng trời người, nêu tu đầy đủ muôn hạnh thì chứng đắc hai quả chuyển y, tức tự họa vẽ được hình tượng Phật quả. Nên biết năm uẩn của tất cả thế gian và xuất thế gian đều là tự thức thứ sáu, họa vẽ được chẳng kén chọn y chánh báo, đều là tâm biến, do đó, tâm pháp độc xưng tối thắng. Thứ hai, tâm sở hữu pháp cùng đây tương ưng là, như trong luận Du-già có nói năm nghĩa lược biện giải tương ưng: Một, thời, đó là vương sở đồng thời khởi; hai, y, tức là vương sở đồng một căn sở y; ba, duyên, tức vương sở đồng một cảnh cảnh sở duyên; bốn, hành đó là vương sở ba lượng hành tướng đều đồng; năm, sự tức vương sở mỗi mỗi có tự chúng phần thể sự. Thứ ba, sắc pháp là chỗ hiện ảnh của hai pháp trước là, hiện nghĩa là biến, vì mười một thứ sắc đều là chỗ biến hiện của tâm vương tâm sở vậy. Ảnh nghĩa là ảnh tượng, là tương tợ lưu loại, tức tướng phần mười một thứ sắc pháp đây là lưu loại của bản chất, tợ nơi bản chất. Nếu không chất, tức tợ trong tâm nên nói là ảnh vậy. Biến chẳng thân duyên nên đặt ảnh mà nói, vì tám thức đều có nghĩa biến tướng phần duyên. Vả lại như lúc năm thức trước duyên năm cảnh trần, phải biến ảnh tượng mà duyên. Thức thứ sáu duyên pháp mười tám giới cũng biến tướng phần duyên. Lúc thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám làm ngã cũng biến tướng phần duyên, nếu thức thứ tám lúc duyên phù trần người khác, sắc của quả định và khế giới, cũng biến tướng phần duyên, tướng phần so

với tám thức tức thân sở duyên duyên, bản chất so với tám thức tức sơ sở duyên duyên. Nói trên đây tạm so với hữu chất ảnh mà nói thì, nếu chỉ có tướng phần không bản chất, tức thức thứ tám tự duyên ba cảnh, thức định tuệ tự duyên sắc quả định. Thứ tư, phân vị sai biệt là, đắc v.v... hai mươi bốn pháp đây tức là y tha giả lập trên chủng hiện ba vị trước. Thứ năm, hiển bày thật tánh, tức năm vô vi, như trước đã giải thích. Lại thứ nhất, tám thức tâm vương là môn tối thắng năng duyên. Thứ hai, tâm sở hữu pháp cùng tâm tương ưng là môn cộng thắng đồng duyên. Thứ ba, sắc pháp ảnh tượng của tâm là môn cảnh giới sở duyên. Thứ tư, chẳng tương ưng pháp là môn phân vị kiến lập. Thứ năm, pháp vô vi là môn hiển bày thật tánh. như trên hơn kém hiển hiện, năng sở qua lại thành, giả thật phân tích so lường, có không ẩn hiển v.v... năng bày rõ vô tận pháp môn, vô tận pháp môn chẳng vượt ngoài năm vị trăm pháp, năm vị trăm pháp chẳng vượt ngoài hai vị sắc tâm, nhiếp ngọn về gốc, chẳng vượt ngoài một pháp duy tâm.

Hỏi: Tám thức chân nguyên, nơi muôn pháp nương dừng, nói về thể tánh đó đều có bao nhiêu thứ?

Đáp: Trong các kinh luận biện chung giải có ba thứ tánh, nói về năng sở nhiễm tịnh phân biệt, tùy sự nói ba, giả sử có cuộn buông đều chẳng lìa thức tánh. Hợp thì một thể không khác, khai thì ba tướng chẳng đồng, ba tướng chẳng đồng căn cứ dụng mà hành bố, một thể không khác y cứ tánh để viên dung. Hành bố mới tùy nghĩa để hành xử. Viên dung thì thuận tánh mà ngầm lắng. Nếu không hành bố thỉ không viên dung, như không vọng tình thì chẳng lập chân trí. Nhiễm tịnh đã mất hai đế chẳng thành. Do đó, nhân vọng mà biện chân, tại hành tướng mà phải đều tìm vết được gốc , mượn nhân duyên để phát minh. Pháp môn ba tánh đó thâu gồm cảnh giới thánh phàm, sự không mà chẳng tận, lý không gì chẳng cùng, nay nói ba tánh, ước theo các kinh luận cộng lập đó tức: Một, tánh biến kế sở chấp; hai, tánh y tha khởi; ba, tánh viên thành thật. Tánh biến kế sở chấp là, hàng ngu phu tính lường khắp cùng, chỗ chấp uẩn v.v... là thật ngã thật pháp, gọi là tánh biến, (lường khắp) gồm có hai: Một, tự tánh, gồm chấp các pháp thật có tự tánh; hai, sai biệt, riêng chấp thủ thường, vô thường v.v... thật có tự thể, hoặc y cứ danh biến kế nghĩa, như chưa biết trâu, nghe tên trâu, bèn suy lường nhân đạo lý gì mà gọi đó là trâu? Hoặc y cứ nghĩa biến kế tên, hoặc thấy vật thể chẳng biết tên nó bèn dối suy lường vật đây tên gì? như chưa biết trâu, cộng suy lường bảo: Là quỷ ư? Các biến kế đây, nói về thể thì chẳng vượt ngoài hai thể nhân pháp, nói về chấp thì chẳng

vượt ngoài hai thứ danh nghĩa. Lại một, có biến (khắp) chẳng phải kế (lường), như các tâm vô lậu, thức hữu lậu thiện, năng duyên rộng khắp mà chẳng phải kế chấp, các tâm vô lậu, tức trí tuệ vô lậu của các thánh nhân, rõ các pháp không tức không pháp nào chẳng khắp (biến) đều không kế chấp gọi là chẳng phải kế, chỉ trí hậu đắc, thức hữu lậu thiện, tức hàng Bồ-tát địa tiền (trước sơ địa) tuy trong tâm hữu lậu năng tác quán vô ngã, cũng năng tác quán tất cả đều không có ngã, cũng là biến mà chẳng phải kế; hai có kế mà chẳng phải biến, như thức thứ bảy hữu lậu, luôn duyên kiến phần thức thứ tám khởi ngã chấp pháp chấp. Từ thức thứ sáu lúc vào sinh không quán, trong thức thứ bảy vẫn cón duyên kiến phần thức thứ tám mà khởi pháp chấp, nên biết kế mà chẳng phải biến; ba, cũng biến cũng kế, tức chúng sinh nhiễm tâm; bốn, chẳng phải biến chẳng phải kế, tức năm thức hữu lậu và thức A-lại-da thứ tám, mỗi mỗi rõ tự phần cảnh giới chẳng khắp cùng (biến) không tính lường tùy niệm phân biệt nên chẳng phải kế vậy. A-lại-da chỉ duyên ba thứ cảnh chủng tử căn thân và khí thế gian, còn chẳng năng duyên bảy thức hiện hành trước, nên chẳng phải biến chẳng phải kế, chủng tử hữu lậu năng giử ăng duyên, chủng tử vô lậu tức trì mà chẳng duyên, huống gì các cảnh khác? Lại các bậc cở đức nói: Chúng sinh nhiễm tâm, ở trong tự tánh y tha khởi, phải biết có hai thứ biến kế sở chấp tự tánh chấp: Một, tùy giác, tức hiện hành chấp; hai, quán tập tập khí tùy niên, tức chấp chủng tử, tánh y tha khởi là, nương các duyên khác hòa hợp sinh khởi, giống như huyễn sự, gọi là tánh y tha. Tánh viên thành thật là, một vị chân như viên mãn thành tựu.

Hỏi: Thế nào là lý tự tánh năng biến kế?

Đáp: Chuẩn cứ theo Bồ-tát hộ pháp nói: "Tâm phẩm thứ sáu thứ bảy chấp ngã pháp là năng biến kế, chỉ nói ý thức năng biến kế vậy."

Hỏi: Thế nào là lý tự tánh sở biến kế?

Đáp: Chuẩn cứ theo luận Nhiếp Đại thừa nói: "Là y tha, là sở duyên duyên, tâm biến kế v.v... vậy". Đại sư Từ Ân - Khuy Cơ nói: "Trong ba tánh, là y tha khởi, nói sở duyên hẳn là pháp có. Tâm biến kế v.v... dùng đây làm duyên, thân tướng phần là hẳn y tha vậy, chẳng dùng viên thành mà làm cảnh vậy" nghĩa là chẳng tương tợ.

Hỏi: Trong ba tánh, biến kế là vọng tưởng tức không, y tha thuộc nhân duyên là có ư?

Đáp: Hai tánh đây, năng sở tương sinh đều không tự thể. Tại sao? Nhân vọng tưởng nên lập danh tướng, nhân danh tướng nên lập nhân duyên. Nếu vọng tưởng chẳng sinh, danh tướng sao có? Danh tướng

chẳng có nhân duyên tức không, vì muôn pháp chẳng vượt ngoài danh vậy. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Thí như việc tu hành,
Ở một chủng chủng hiện,
Ở kia không chủng chủng,
Tướng vọng tưởng như vậy".

Giải thích: Đây là phá tánh vọng tưởng biến kế. Như hàng Nhị thừa tu các quán hạnh, hoặc lúc tác quán tưởng xanh, thì trời đất muôn vật không gì chẳng đều xanh vậy, vì xứ không xanh mà thấy xanh là do tâm biến vậy, ở một cảnh sắc các thứ chẳng đồn. Thí như phàm phu vọng thấy sinh tử, cũng là xứ không sinh tử vọng thấy sinh tử vậy. Lại trong kinh có kệ tụng nói:

"Thí như các thứ màng (ế),
Vọng tưởng các sắc hiện,
Màng không sắc chẳng sắc,
Duyên khởi chẳng biết vậy".

Đây là phá tánh nhân duyên y tha khởi, như mắt bị bệnh mùa, chỗ thấy sai biệt chẳng đồng, kia thật chẳng phải có, chỗ duyên khởi pháp. Đây thì vọng tưởng thể không, nhân duyên không tánh, tức là viên thành rốt ráo một pháp, như người mắt sáng thấy hư không trong sạch, huống gì một chân tâm lại không chỗ có.

Hỏi: Trong ba tánh đây, mấy pháp là giả, mấy pháp là thật?

Đáp: Trong luận Tùy Thức nói: "Biến kế sở chấp vọng an lập, nên có thể nói là giả, không thể tướng, nên chẳng phải giả chẳng phải thật. Tánh y tha khởi, có thật có giả, là tánh tụ tập tương tục phân vị nên nói là giả, có tâm tâm sở vá sắc theo duyên sinh nên nói là thật có. Nếu không pháp thật thì pháp giả cũng không, vì pháp giả nương nhân thật mà khái niệm vậy. Tánh viên thành thật chỉ là thật có, chẳng y tha duyên mà khái niệm vậy". Giải thích: Biến kế có danh không thật, vọng tình an lập, có thể nói là giả. Nói về pháp thể đó, đã không có tướng, chẳng phải giả chẳng phải thật, chẳng phải sừng thỏ v.v... có thể nói giả thật hẳn nương trên pháp có thể tổng biệt mà lập làm giả thật vậy. Y tha giả có ba thứ: một, tụ tập giả là như bình, bồn, hữu tình v.v... vậy. Pháp tụ tập có nhiều pháp một lúc nhóm tập thành vậy. Năng thành tuy thật mà sở thành là giả; hai, tương tục giả là như đời quá khứ đời vị lai v.v... chỉ có nhân quả là tánh tương tục, nhiều pháp trên nhiều lúc lập một giả pháp như Đức Phật nói: "Xưa là nai chúa nay là thân ta vậy" chỗ nương năm uẩn, từng sát-na diệt là, tuy thể là thật, mà nhiều pháp

đây tương tực giả lập một hữu tình, đến nay vẫn còn vậy; ba, phân vị giả là như chẳng tương ưng hành, tánh phân vị nên đều là giả, trên một thời một pháp mà lập, như trên một sắc, gọi là hữu lậu có thấy có đối, cũng gọi là sắc v.v... đều là ở trên một pháp giả khái niệm vậy. Nếu kia thật là nên có nhiều thể, như phẫn, hận v.v... đó đều giả đây gồm. Tâm tâm sở và sắc từ chủng nhân duyên sinh nên nói là thật. Lại ba tánh tức là một tánh, một tánh tức là không tánh. Tại sao? Biến kế không tướng, y tha không sinh, viên thành không tánh, trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Người quàng mắt như biến kế, hiện xanh vàng như y tha, mắt trong sáng như kiên thành". Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Tánh phân biệt như rắn, tánh y tha như dây, nếu người duyên tướng bốn trần, phân chiết dây đây chỉ thấy bốn tướng, chẳng thấy riêng dây, chỉ thấy tướng sắc hương vị xúc vậy. Dây chẳng phải thật có, vì lìa ngoài bốn trần không riêng có dây". Do đó trong luận có kệ tụng nói:

"Nơi dây khởi biết rắn,
Thấy dây thì không cảnh,
Nếu biết dây phân rồi,
Biết dây như biết rắn".

Nếu biết tánh của dây chia chẻ là không, thì ví như trên dây vọng sinh tưởng rắn. Trong luận nhiếp Đại thừa nói: "Bồ-tát chẳng thấy trần bên ngoài, chỉ thấy ý ngôn phân biệt, tức rõ tánh y tha". Làm sao liễu biệt pháp đây? Nếu lìa nhân duyên, mà căn trần đã chẳng thành, pháp đây không nhân duyên, làm sao được sinh, y cứ chân quán thứ nhất vào tánh y tha, do chân quán thứ hai trừ tánh y tha, thì duy thức tưởng dứt ý ngôn, phân biệt hiển hiện, tợ chỗ nghe và tư duy tất cả nghĩa, cho đến tợ chỉ có thức tưởng, đều chẳng được sinh. Duyên sinh có hai, đó là tánh phân biệt và tánh y tha. Tánh phân biệt đã diệt, tánh y tha lại chẳng được sinh. Đã không hai cảnh nên tất cả nghĩa, cho đến tợ duy thức tưởng đều chẳng được sinh. Duy thức tưởng còn chẳng được khởi, huống gì các ý ngôn phân biệt khác mà đáng được sinh. Bồ-tát trú xứ nào? Chỉ trú không phân biệt, trong tất cả danh nghĩa bình đẳng, bình đẳng, lại nương hai thứ bình đẳng, đó là năng duyên sở duyên. Năng duyên tức trí không phân biệt, vì trí không phân biệt nên xứng bình đẳng. Sở duyên tức là cảnh chân như, cảnh cũng không phân biệt nên xứng bình đẳng. Lại cảnh trí đây chẳng trú trong nghĩa năng thủ sở thủ. Thí như hư không nên nói là bình đẳng, bình đẳng do nghĩa này nên Bồ-tát được vào tánh chân thật. Vị đây chẳng thể nói năng, vì tự sở thuyên vậy, lúc chứng lìa giác quán tư duy phân biệt vậy, các bậc cổ đức có hỏi: "Chỗ

ngã kiến duyên ảnh tượng nếu là y tha có, thì nên có tánh y tha thật ngã chăng?" Đáp: "Tướng đây nương nhân duyên sinh, chỉ là tánh y tha, pháp của huyễn có, mà chẳng phải là ngã, do vọng chấp kia làm ngã vậy. Nói vọng chấp, đây có hai lớp tướng, ước về tướng đây từ nhân duyên sinh có lực năng sinh tâm, đây mới là có tên pháp tánh y tha, ở đây chẳng xứng nghĩa biên pháp sở chấp, gọi là biến kế sở chấp, mới gọi là không, như người mờ tối chấp đá là trâu. Đá thể chẳng không, ngã kiến sở duyên duyên tướng y tha có, như đá vốn chẳng phải là trâu, vọng tâm chấp là trâu, chỗ chấp trâu đây, thể nó toàn không. như tướng phần vốn chẳng phải ngã, vọng tâm chấp làm ngã, sở chấp đây thể nó toàn không, chỉ có tâm năng chấp mà không ngã sở chấp, nghĩa là ở xứ đá đây, có đá sở duyên mà không trâu sở chấp, ở trên tướng phần đây, có pháp sở duyên mà không ngã sở chấp. Lại ví như người ở phương nam chẳng biết lông lạc đà, từng đến một xứ nọ nghe nói lông rùa, về sau chợt thấy lông lạc đà, do chẳng biết nên lầm cho lông lạc đà lấy làm lông rùa, như sở chấp thật ngã pháp vậy. Trong luận nói: "Có nghĩa tất cả và tâm sở pháp, do hai phần lục huân tập và sở biến, từ duyên sinh nên nói là y tha khởi, biến kế ngã vọng chấp đó là quyết định thật có không một khác, đều cùng (câu) và chẳng đều cùng v.v... hai đây gọi là tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Trong ba tánh, mấy tánh chẳng thể diệt, mấy tánh có thể diệt?

Đáp: Căn cứ theo luận Phật Tánh nói: "Hai tánh chẳng thể diệt, một tánh có thể diệt. Tại sao? Tánh phân biệt xưa nay là không nên chẳng thể diệt. Tánh chân thậy xưa nay là chân nên chẳng thể diệt. Tánh y tha tuy có chẳng chân thật, cho nên có thể diệt, do vì phân biệt". Trong luận Trung Biên nói: "Tánh phân biệt, đó là sáu trần, trọn chẳng thể được, giống như hoa đốm hư không. Tánh y tha, nghĩa là chỉ loạn thức có, chẳng phải thật vậy, giống như huyễn vật, tánh chân thật, nghĩa là năng thủ sở thủ cả hai đều không chỗ có, chân thật có không vậy, giống như hư không."

Hỏi: Tướng y tha khởi chỉ là tự tâm vọng phân biệt có, lý sự đều tịch, danh thể đều hư, cớ sao có mừng lo chỗ hàng cảnh giới?

Đáp: Thí như đi đêm thấy chiếc ghế cho là quỷ, nghi sợi dây cho là rắn. Rắn và quỷ đó, danh thể đều không, tánh tướng hằng lặng lẽ, tuy chẳng thể được, mà sinh tâm khiếp sợ, vì thể dối mà thành sự vậy. Trong Thanh Lương Sớ nói: "Nếu y cứ luận Nhiếp Đại thừa nói: Thí dụ đều thí dụ tánh y tha khởi, nhưng đều vì xưa trừ nghi ngờ, chỗ nghi ngờ

chẳng đồng nên chỗ thí dụ cũng khác một vì người ngoài nghi tướng y tha khởi, chỉ là vọng phân biệt có, chẳng phải nghĩa chân thật, bèn liền sinh nghi rằng: Nếu không nghĩa thật, sao có chỗ hành cảnh giới? Nên nói là như huyễn, nói huyễn là, huyễn làm chỗ duyên sáu xứ, đâu có thật ư? Hai, nghi rằng: Nếu không thật, sao có tâm tâm pháp chuyển? Nên nói là như dương diệm, vụt động chẳng phải nước tợ nước, vọng có tâm chuyển. Ba, nghi rằng: Nếu không thật sao có ái chẳng phải ái thọ dụng? Nên nói như trong mộng, thật không nam nữ mà có ái chẳng phải ái thọ dụng? Nên nói như trong mộng, thật không nam nữ mà có ái chẳng phải ái thọ dụng, lúc tỉnh cũng vậy; bốn, nghi rằng: Nếu không thật sao có hý luận ngôn thuyết? Nên nói như vang. Thật không có tiếng, mà người nghe cho là có; năm, nghi rằng: Nếu không thật sao có nghiệp quả thiện ác? Nên nói như ảnh. Nghĩa là như ảnh tượng trong gương nên cũng chẳng phải thật; sáu, nghi rằng: Nếu không thật cớ sao Bồ-tát làm sự lợi lạc? Nên nói như hoá, nghĩa là biến hóa, tuy biết chẳng thật, mà việc hóa Bồ-tát cũng vậy, vì vậy, muôn pháp tuy không có thể dối thành sự, một chân chẳng phải tánh có không, tùy duyên thì lắng vậy cứng ngưng thường tùy vật hóa, rối ren khởi làm chẳng động chân như.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 60

Hỏi: Ba tánh đây đáng là một hay là khác? Nếu nói là một thì không nên nói tánh Y tha và tánh Viên thành thật là có, tánh Biến kế là không. Nếu nói là khác, thì sao lại nói đều đồng một tánh, đó là không tánh?

Đáp: Pháp môn ba tánh đây là mật ý của chư Phật nói ra, xứ các thức khởi, căn do giáo pháp, nếu tức đó thủ đó, đều lạc vào thấy của phàm thường, nếu lìa đó xả đó, đều mất môn của Thánh trí. Do đó Pháp sư Tạng y cứ tông Hoa Nghiêm giải thích nghĩa đồng vị của ba tánh: Một, Viên thành thật chân như có hai nghĩa đó là bất biến và tùy duyên; hai, Y tha có hai nghĩa, đó là tợ có và không tánh; ba, biến kế sở chấp có hai nghĩa, đó là tình có và lý không. Do chân như bất biến, y tha không tánh, sở chấp lý không, do ba nghĩa này nên ba tánh một khoảng. Lại nói về chân như tùy duyên, y tha tợ có và sở chấp tình có, do ba nghĩa đây cũng không khác vậy, cho nên chân gồm vọng ngọn, ngọn suốt nguồn chân, tánh tướng dung thông không chướng không ngại.

Hỏi: Tánh Y tha tợ có v.v... há đồng với Biến kế sở chấp tình có ư?

Đáp: Do hai nghĩa nên không khác vậy: Một, tợ sở chấp kia chấp tợ là thật nên không khác pháp; hai, nếu lìa sở chấp tợ không khởi, thì tuy duyên trong chân cũng vậy, vì không chỗ chấp không tùy duyên vậy. Lại vì ba tánh, mỗi mỗi có hai nghĩa chẳng trái nhau nên không khác tánh. Vả lại như Viên thành thật tùy là tùy duyên thành ở nhiễm tịnh, mà luôn chẳng mất tự tánh thanh tịnh, chỉ do chẳng mất tự tánh thanh tịnh nên năng tùy duyên hành ở nhiễm tịnh, giống như gương sáng hiện ở nhiễm tịnh, mà luôn chẳng mất trong sáng của gương, chỉ do chẳng mất gương trong sáng, mới năng hiện tướng của nhiễm tịnh, vì hiện nhiễm tịnh mà biết gương trong sáng, vì gương trong sáng mà biết hiện nhiễm tịnh, cho nên hai nghĩa chỉ là một tánh, tuy hiện tịnh pháp, gương chẳng tăng sáng, tuy hiện nhiễm pháp chẳng dơ gương sạch,

chẳng phải ngay đó chẳng dơ mà cũng do đây phản hiện sáng sạch của gương. Chân như cũng vậy, chẳng phải mãi chẳng động tánh tịnh thành ở nhiễm tịnh, cũng là do thành nhiễm tịnh mới hiện tánh tịnh, chẳng phải ngay đó chẳng hoại nhiễm tịnh sáng ở tánh tịnh mà cũng là do tánh tịnh nên mới thành nhiễm tịnh, cho nên hai nghĩa toàn thể thâu gồm nhau, một tánh không hai, đâu trái nhau vậy. Do Y tha không tánh được thành tợ có, do thành tợ có cho nên không tánh. Đây tức không tánh tức nhân duyên, nhân duyên tức không tánh là pháp môn chẳng hai vậy. Trong tánh sở chấp tuy là ngay tình xưng chấp hiện có, nhưng ở đạo lý rốt ráo là không, vì ở xứ Không vọng chấp có vậy. Như ở chiếc ghế, lại chấp có quỷ, nay đã vọng chấp sáng biết lý không, cho nên không hai, chỉ là một tánh.

Hỏi: Chân như là có ư?

Đáp: Không như vậy, tùy duyên bất biến nên không, vì chân như lìa vọng niệm.

Hỏi: Chân như là không ư?

Đáp: Không như vậy, bất biến tùy duyên nên chẳng không, là xứ sở hành của thánh trí

Hỏi: Chân như là cũng có cũng không ư?

Đáp: Không như vậy, không hai tánh lìa trái nhau.

Hỏi: Chân như là chẳng phải có chẳng phải không ư?

Đáp: Đầy đủ pháp vậy, lìa hý luận

Hỏi: Y tha là có ư?

Đáp: Chẳng vậy, duyên khởi không tánh. Căn cứ quán là trừ bỏ, khác với Viên thành thật.

Hỏi: Y tha là không ư?

Đáp: Chẳng vậy, không tánh duyên khởi, năng hiện không sinh, khác với biến kế, là trí cảnh y.

Hỏi: Y tha là cũng có cũng không ư?

Đáp: Chẳng phải. Không hai tánh nên, lìa trái nhau.

Hỏi: Y tha là chẳng phải có chẳng phải không ư?

Đáp: Chẳng phải. Có nhiều nghĩa môn, lìa hý luận.

Hỏi: Biến kế là có ư?

Đáp: Chẳng phải. Lý không, không thể tướng.

Hỏi: Biến kế là không ư?

Đáp: Chẳng phải. Tình có không tướng quán cảnh, năng che lấp chân.

Hỏi: Biến kế là cũng có cũng không ư?

Đáp: Chẳng phải. Không hai tánh.

Hỏi: Biến kế là chẳng phải có chẳng phải không ư?

Đáp: Chẳng phải. Do tánh sở chấp mà thành Trên đây hộ chấp đã xong, nay chấp thành lỗi là: Nếu chấp chân như một hướng là có, thì có hai lỗi: Một, chẳng tùy duyên; hai, chẳng đợi liễu nhân.

Hỏi: Trong giáo điển nói chân như là ngưng ở thường, đã chẳng tùy duyên, há có lỗi ư?

Đáp: Thánh nói chân như là ngưng ở tức đây là lúc tùy duyên thành nhiễm tịnh, luôn làm nhiễm tịnh mà chẳng mất tự thể, tức là chẳng khác, thường của vô thường, gọi là thường chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải gọi là chẳng làm các pháp như chỗ tình gọi đó là ngưng đọng vậy. Chẳng khác thường của vô thường vượt hẳn ngoài tình, nên gọi chân như là thường. Trong kinh nói: "Chẳng nhiễm mà nhiễm, rõ thường làm vô thường, nhiễm mà chẳng nhiễm rõ lúc làm vô thường mà chẳng mất thường vậy". Lại vô thường của chẳng khác thường, nên nói chân như là vô thường. Trong kinh nói: "Như Lai Tạng thọ khổ lạc, cùng chân đều là hoặc sinh hoặc diệt". Lại y tha là pháp sinh diệt, cũng được có vô thường của chẳng khác thường, nên nói chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường. Đây tức chẳng khác ở thường mà thành vô thường vậy. Lại các duyên khởi tức là không tánh, chẳng phải diệt duyên khởi mới nói không tánh, tức là thường của chẳng khác vô thường vậy. Trong kinh nói: "Sắc tức là không". Chẳng phải sắc diệt không, lại chúng sinh tức Niết-bàn, chẳng lại diệt vậy. Đây cùng chân như hai nghĩa đồng nhau, tức chân tục đều dung, hai mà không hai, nên trong luận nói: "Trí chướng rất mù tối" nghĩa là chân tục riêng chấp nên vậy. Lại chân như nếu chẳng tùy duyên thành ở nhiễm tịnh, thì các pháp nhiễm tịnh v.v... tức không chỗ nương tựa, không chỗ nương tựa mà có pháp, lại đọa lạc vào thường vậy. Lại chân như nếu có, tức chẳng tùy nhiễm tịnh, các pháp nhiễm tịnh đã không tự thể, chân lại chẳng tùy, chẳng được có pháp, cũng là đoạn vậy, cho đến chấp chẳng phải có chẳng phải không v.v... bốn câu đều đọa lạc vào đoạn thường vậy. Nếu y tha chấp có nghĩa là đã có thể, chẳng nhờ duyên vậy. Không duyên mà có pháp tức là thường vậy. Lại do chấp có tức chẳng nhờ duyên, chẳng nhờ duyên nên chẳng được có pháp, tức là đoạn vậy.

Hỏi: Tánh y tha là có, nghĩa bèn có lỗi, cớ sao trong luận Nhiếp Đại thừa cho rằng, tánh tánh y tha là có vậy?

Đáp: Đây tức có của chẳng khác không, vì theo duyên không thể vậy, trong mỗi mỗi duyên không tác giả vậy. Do duyên không làm mới

được duyên khởi, cho nên có của chẳng phải có là y tha có tức là chẳng động chân tế mà kiến lập các pháp. Nếu cho rằng y tha như nói có, tức duyên khởi có tánh, duyên nếu có tánh tức chẳng nhờ nhau, chẳng nhờ nhau nên tức hoại y tha, hoại y tha là nguyên do chấp có. Người sợ đọa lạc không mà lập có, chẳng nghĩa là chẳng đạt chỗ duyên khởi. Pháp không tự tánh, tức hoại duyên khởi, bèn đọa lạc không không. Lại nếu y tha chẳng không là cũng có hai lỗi, đó tức y tha là không pháp, tức duyên không chỗ khởi, chẳng được có pháp tức là đoạn vậy.

Hỏi: Nếu duyên sinh là không, không tức đọa lạc đoạn cớ sao trong luận nói rộng về duyên sinh rốt ráo không ư?

Đáp: Thánh nói duyên sinh dùng làm không, đây tức là không của chẳng khác không, đây tức là chẳng động duyên sinh mà nói pháp thật tướng. Nếu cho rằng duyên sinh như nói không, tức không duyên sinh, không duyên sinh tức không lý không, không lý không là nguyên do chấp không, cho nên sợ ngươi đọa lạc vào có nên lập không, chẳng có nghĩa trái với không tánh duyên sinh, mất tánh không vậy, trở lại rơi lạc ác thủ không trong tình vậy. Nên luận sư Thanh Biện làm thành có để phá ở có, và Bồ-tát Hộ pháp làm thành không nên phá ở không vậy, như tình chấp không tức là lỗi đoạn, nếu nói không pháp là y tha là không pháp chẳng phải duyên, pháp của chẳng phải duyên là thường vậy, cho đến chấp chẳng phải có chẳng phải không đều thành hai hoạn đoạn thường, nếu trong tánh biến kế tính sở chấp là có tức chỗ thánh trí soi chiếu, lý đáng chẳng không, tức là thường vậy. Nếu vọng chấp biến kế nơi lý là không, tức mất tình có, nên là đoạn vậy, cho đến chẳng phải có chẳng phải không đều đủ các lỗi trên. Trên đây đã bảo hộ lỗi ,nay tiếp hiển bày đức: Chân như là nghĩa có. Tại sao? Ví là nơi nương tựa mê và ngộ vậy, chẳng không nên chẳng hoại vậy, chân như nghĩa là không, vì tùy duyên đối nhiễm, chân như là nghĩa cũng có cũng không, vì đầy đủ đức, nghịch thuận tự tại, dung hợp là nghĩa chẳng phải có chẳng phải không. Tức hai mà chẳng hai, quyết định thủ chẳng được, y tha là nghĩa có, vì không tánh duyên thành, y tha là nghĩa không vì duyên thành không tánh, y tha là nghĩa cũng có cũng không, vì là duyên thành; là không tánh, y tha là nghĩa chẳng phải có chẳng phải không, vì tùy thủ một chẳng được, biến kế là nghĩa có, tức nói về tình. Biến kế là nghĩa không, tức nói về lý, biến kế là nghĩa cũng có cũng không, do là sở chấp, biến kế là nghĩa chẳng phải có chẳng phải không, do sở chấp; nên biết chấp thí là hai hoạn đoạn thường, chẳng chấp thành môn của tịnh đức, chỉ trừ vọng tình, chẳng phải xua bỏ pháp. Cho nên chẳng lìa có mà

nói chân vì thấy bản tế của có, chẳng phải còn không mà quán pháp vì rõ chân nguyên của không vậy, thì chẳng vượt ngoài có không chẳng tại có không, sao liên can ôm hoài lấy bỏ, chỗ mê hoặc của đoạn thường ư? Vậy thì ba tánh là một tánh, tình có mà tức là chân không, một tánh là ba tánh, chân như mà năng thành duyên khởi. Trọn ngày có mà chẳng có, có suốt nguồn không, trọn ngày không mà chẳng không, không gần khoảng có, tự nhiên một tâm không cậy, muôn pháp đều nhàn, cảnh trí tương ưng, lý hạnh dung tức, mới vào Tông kính sáng sạch không tỳ vết, chiếu phá xưa nay, sáng nuốt muôn loại vậy.

Hỏi: Nếu chẳng lập ba tánh, có những lỗi gì?

Đáp: Nếu không ba tánh, phàm thánh chẳng thành, mất nhân duyên lớn, thành lỗi đoạn thường. Trong luận gồm Đại thừa nói: "Ở trong thế gian lìa hai pháp phân biệt và tha y, thì không còn các pháp khác. Thức A-lại-da là tánh y tha, ngoài ra tất cả các pháp đều là tánh phân biệt, hai pháp này nhiếp tất cả pháp, đều khắp ba cõi chỉ có thức vậy". Trong kinh A-tỳ-đạt-ma nói về pháp ba tánh là phần nhiễm ô và phần thanh tịnh; hai phần ấy nói ở tánh y tha thì tánh phân biệt là phần nhiễm ô, Tánh chân thật là phần thanh tịnh. Thí như vàng đất ẩn tàng có ba thứ có thể thấy, đó tức: Một là địa giới; hai là đất; ba là vàng. Ở trong địa giới, đất chẳng phải có mà có thể thấy, vàng thật có mà chẳng thể thấy. Nếu dùng lửa đốt thì đất chẳng hiện, vàng thì hiển hiện. Lại nữa ở trong địa giới lúc tướng đất hiện là thể hư vọng hiện, lúc thể vàng hiện là thể thanh tịnh hiện, cho nên địa giới có hai phần như vậy, như vậy. Thức tánh đây chưa là trí không phân biệt, lúc chỗ lửa đốt, ở trong thức tánh, tánh hư vọng phân biệt hiển hiện, tánh thanh tịnh chẳng hiện. Thức tánh đây nếu là trí không phân biệt chỗ lửa thiêu đốt, ở trong thức tánh, thật có tánh thanh tịnh hiển hiện, tánh hư vọng phân biệt chẳng hiển hiện". Nên biết vọng nương chân khởi mà năng che khuất chân, chân nhân vọng hiển mà năng lấn đoạt vọng, chân vọng không thể, đều vương thức tánh, như đất và vàng cả hai đều nương địa giới. Trong luận Nhiếp Đại thừa có hỏi: Thế nào là một thức hành tất cả chủng, chủng thức, tướng mạo tám thức mười một thức v.v...? Đáp: muốn hiển bày tánh y tha có đủ ba tánh: Một, thức từ chủng tử sinh là y tha, có tướng mạo chủng chủng thức là phân biệt, phân biệt thật không chỗ có là tánh chân thật, một thức nghĩa là bản thức, bản thức biến khác làm các thức vậy.

Hỏi: Hành tướng ba tánh có giả có thật, nghĩa lý có thể phân, cớ sao lại nói ba thứ không tánh? Và nói tất cả pháp đều không tự tánh?

Đáp: Trong luận có kệ tụng nói:

“Tức nương ba tánh đây,
Lập ba không tánh kia,
Nên ý Phật kín nói,
Tất cả pháp không tánh,
Một tức tướng không tánh,
Hai không tự nhiện tánh,
Sau do xa lìa trước,
Chỗ chấp tánh ngã pháp,
Thắng nghĩa các pháp đây,
Cũng tức là chân như,
Thường như tánh đó vậy,
Tức thật tánh duy thức”.

Tức nương trước đây, chỗ nói về ba tánh, lập cái sau kia nói về ba không tánh, nghĩa là tướng sinh thắng nghĩa không tánh, nên ý Phật kín nhiệm nói tất cả pháp không tánh, chẳng phải tánh toàn không, nói ý kín (mật ý) là lời nói hiển bày chẳng phải liễu nghĩa, tức là hai tánh sau đó tuy thể chẳng phải không mà có. Hành ngu phu thêm lớn vọng chấp thật có tự tánh ngã pháp, đây tức gọi là biến kế sở chấp, vì trừ chấp đó nên Đức Phật, Thế Tôn đối với có và không, gần nói là không tánh, cớ sao nương đây mà lập ba kia? Nghĩa là nương biến kế sở chấp thứ nhất đây mà lập tướng không tánh. Do thể tánh đây rốt ráo không có, như hoa đốm hư không vậy. Kế tiếp là y tha lập sinh không tánh, đây như huyễn sự gá các duyên sinh, như vọng chấp tánh tự nhiên nên giả nói không tánh, chẳng phải tánh toàn không. Nương thành thật sau mà lập thắng nghĩa không tánh, nghĩa là thắng nghĩa do xa lìa tánh biến kế sở chấp ngã pháp trước, mà giả nói không tánh, chẳng phải tánh toàn không, như thái hư không tuy khắp cùng các sắc, mà là các sắc không tánh hiện nên. Cho đến trong Khế kinh nói: Nói không tánh chẳng phải cùng cực liễu nghĩa. Những người có trí chẳng nên nương đó mà bài bác các pháp đều không tự tánh. Trong kinh Giải Thâm Mật có kệ tụng nói:

“Tướng sinh thắng nghĩa không tự tánh,
Như vậy ta đều đã hiển bày,
Nếu chẳng biết Phật ý kín đây,
Mất hoại chánh đạo chẳng thể qua”.

Tướng tức là biến kế, sinh tức là y tha, sinh nghĩa là viên thành. Không tự tánh là ở trên ba tánh đây đều không tự tánh vọng chấp ngã

pháp biến kế tự nhiên. Nếu người chẳng biết ý kín nhiệm của Phật ở trên ba tánh nói ba không tánh, phá ngã chấp của ngoại đạo và Tiểu thừa, bèn bác bỏ Bồ-đề Niết-bàn y tha viên thành thật đều là không, tức người đó có lỗi hủy hoại chánh đạo, chẳng thể sang đến vậy. Đây nói về ba tánh và ba không tánh, chẳng phải là thể của y tha và viên thành thật cũng không, chỉ không ngã pháp của biến kế sở chấp nên gọi là không tánh vậy. Do vì ba tánh không ngằn mé, tùy một toàn thâu, chân vọng chu6a1 nhau tánh tướng vô ngại. Một đời Đức Như Lai hoằng giáo có vô số nghĩa môn, ý kín nhiệm gồm tại trong môn ba không tánh, chân tục gốc ngọn một lúc gồm cả, vì hiển bày chánh lý duy thức, ngoài ra không còn dấu vết khác, vì tánh y tha là thể duy thức từ y tha khởi phân biệt tức là biến kế. Y tha kia ngộ chân thật, tức là viên thành, do phân biệt nên một phần thành sinh tử, do chân thật nên một phần thành Niết-bàn. Rõ tánh phân biệt là không tức sinh tử thành Niết-bàn, mê tánh chân thật là có, tức Niết-bàn thành sinh tử, đều là một pháp, tùy tình hiển bày nghĩa thành ba, ba chẳng phải ba mà một lý trên đầy, một chẳng phải một mà ba tánh đầy đủ, cuộn buông chẳng mất, vẫn hiển thường như, chẳng phải một chẳng phải ba, hết sạch tánh tướng ở thật địa, mà ba là một, sáng ngời hành bố ở nghĩa thiên. Tóm lại chỗ kết quy chẳng gì trước yếu chỉ đây vậy.

Hỏi: Tướng ba năng biến đã tinh tế vạch bày, còn tướng sở biến khai diễn thế nào?

Đáp: Ba năng biến, đó là dị thục, nghĩ lường và liễu biệt cảnh. Thức đây là tự thể năng biến, sở biến tức là kiến phần và tướng phần, là sở biến của tự thể phần, là dụng của tự thể phần, nên nói tự thể là hai sở y. Trong luận Duy Thức nói: "Cớ sao phải biết nương chỗ thức biến, giả nói nghĩa pháp, chẳng phải riêng thật có. Do tất cả đây chỉ có thức ư?" Có kệ tụng nói:

"Là các thức chuyển biến,
Phân biệt sở phân biệt,
Do đây kia đều không,
Nên tất cả duy thức".

Là các thức, tức chỗ nói ba thức nương biến trước và tâm sở kia đều năng biến, tợ kiến phần tướng phần, lập chuyển biến gọi là chỗ biến kiến phần, gọi đó là phân biệt, là năng thủ tướng vậy. Tướng phần sở biến gọi là sở phân biệt, là kiến sở thủ vậy. Do chánh lý đây, mà thật ngã pháp kia lìa chỗ thức biến đều quyết định chẳng phải có. Lìa năng thủ sở thủ thì không vật riêng biệt vậy. Chẳng phải có thật vậy,

vì lìa hai tướng vậy, cho nên tất cả hữu vi vô vi, hoặc thật hoặc giả đều chẳng lìa thức, chỉ nói là ngăn ngừa lìa thức thật vật. Chẳng phải không chẳng lìa thức tâm sở pháp v.v... hoặc chuyển biến, nghĩa là các thức bên trong chuyển tợ ngã pháp cảnh tướng bên ngoài. Hiện năng chuyển biến đây, tức gọi là phân biệt, hư vọng phân biệt là tự tánh vậy, nghĩa là tức ba cõi tâm và tâm sở, cảnh sở chấp đây gọi là sở phân biệt, tức chỗ vọng chấp thật tánh ngã pháp. Do phân biệt biến đây tợ cảnh bên ngoài, giả tướng ngã pháp, sở phân biệt thật tánh ngã pháp kia quyết định đều không, trước nêu dẫn giáo lý đã rộng phá trừ vậy, cho nên tất cả đều chỉ có thức. Hư vọng phân biệt có cực thành vậy, chỉ đã chẳng ngăn ngừa chẳng lìa thức pháp, nên chân như v.v... cũng là có tánh. Do đây xa lìa hai bên tăng giảm, nên nghĩa duy thức thành khế hợp trung đạo giải thích: Là các thức chuyển biến là nghĩa cải chuyển, nghĩa là một thức thể cải chuyển làm hai tướng khởi khác với tự thể. Tức kiến phần có dụng của năng thủ, tướng phần có dụng của chất ngại, do tự thể thức chuyển khởi năng thủ và có chất ngại vậy. Sở biến kiến phần, gọi là phân biệt. Năng thủ tướng nghĩa là trong sở thủ trước dùng sở biến kiến phần gọi là phân biệt, là tánh y tha, năng thủ ở tướng phần sở biến y tha, khởi các thứ biến kế sở chấp phân biệt, đều là dụng sở biến từ thể thức đây, năng phân biệt nên gọi lá phân biệt. Thể thức có chỗ biến y tha, tánh tướng phần tợ tướng phần sở chấp gọi là sở phân biệt, là chỗ thủ tướng của năng phân biệt kiến phần trước, chẳng phải cho rằng tự thể thức năng duyên, gọi là phân biệt. Khởi phân biệt kiến là dụng của thức vậy, tướng phần kiến phần đều nương tự chứng phần mà khởi vậy, chỉ đã chẳng ngăn ngừa chẳng lìa thức pháp, nên chân như v.v... cũng là có pháp là chỉ nói chẳng ngăn ngừa chẳng lìa thức pháp, chân như và tâm sở là cũng chẳng lìa thức nên thể đều có. Nay vị đây chỉ ngăn ngừa chỗ thức phân biệt có, chẳng ngăn ngừa chẳng lìa thức, chân như v.v... có, như lý nên rõ biết, ý đây đã có thức năng biến phân biệt và cảnh sở biến, tướng phần y tha, chỗ phân biệt thật pháp ngoài tâm v.v... quyết định đều không, chỉ có pháp chân như tâm sở v.v... đều chẳng lìa thức cũng thật có. Xa lìa hai bên tăng giảm, là không pháp ngoài tâm nên trừ bên tăng thêm, có tâm hư vọng v.v... nên lìa bên tổn giảm. Lìa bên tổn giảm nên từ bác bỏ không như không, thuyết của luận sư Thanh Biện v.v... lìa bèn tăng thêm nên trừ ngoài tâm có pháp, chỗ chấp của Tiểu thừa v.v... nghĩa duy thức thánh khế hợp trung đạo, không thiên chấp vậy. Lại nữa chỗ khác luận sư nói rõ nghĩa gồm có bốn phần: Một tướng phần; hai kiến phần; ba tự chứng phần; bốn chứng tự chứng phần, tướng

phần lại có bốn: Một là, thật tướng gọi là tướng, thể tức là chân như, là tướng chân thật vậy; hai là, cảnh tướng gọi là tướng, là năng cùng căn tâm mà làm cảnh vậy; ba là, tướng trạng gọi là tướng, đây chỉ pháp hữu vi có tướng trạng, thông cả ảnh và chất, chỉ là chỗ biến của thức; bốn là, nghĩa tướng gọi là tướng, tức là năng thuyên nghĩa sở thuyên dưới. Tướng phần là ở trong bốn thứ tướng trên, chỉ có lấy ba tướng sau mà làm tướng tướng phần. Lại tướng phần có hai: Một là, chỗ thức chủng biến tức là bản chất; hai là, thức v.v... duyên cảnh chỉ biến cảnh duyên được bản chất. Kiến phần là, trong luận Duy thức nói: "Ở chỗ tự duyên có dụng liễu biệt. Kiến phần đây có năm loại: Một là, chứng kiến gọi là kiến, tức kiến phần ba trí căn bản vậy; hai là, soi chiếu gọi là kiến, đây thông cả căn và tâm đều có nghĩa soi chiếu vậy; ba là, năng duyên gọi là kiến, tức thông ba phần bên trong đều năng duyên vậy; bốn là, niệm giải gọi là kiến, tức tâm tỷ lượng suy lường tất cả cảnh, ở trong năm thức kiến đây, trừ năm sắc căn và hai phần bên trong đều là gồm thuộc kiến phần. Tự chứng phần nghĩa là năng thân chứng tự kiến phần duyên tướng phần chẳng sai nhầm năng làm chứng vậy, chứng tự chứng phần nghĩa là năng thân chứng tự chứng phần, thứ ba duyên kiến phần chẳng sai nhầm vậy. Từ nơi sở chứng mà có được tên. Nghĩa bốn phần đây đều dùng gương để thí dụ, gương như tự chứng phần, gương sáng như kiến phần, ảnh tượng gương như tướng phần, nắm giữ hay buông ra sau kiến như chứng tự chứng phần, bốn phần đây có bốn luận sư lập nghĩa. Thức thứ nhất là Bồ-tát An Tuệ lập một phần tự chứng phần, trong luận Duy thức nói: "Tự chứng phần đây, từ duyên sinh ra, là y tha khởi, nên nói là có. Hai phần kiến tướng, chẳng từ duyên sinh, nhân tâm biến kế vọng chấp mà có, hai phần như vậy tình có lý không, chỉ tự chứng phần là tánh y tha khởi, có chủng tử sinh là thật có vậy, hai phần kiến tướng là không lại kiến khởi, hai chấp ngã pháp lại là không vậy, vì không tợ không, căn chứ theo Bồ-tát Hộ Pháp, vì có tợ không, hai phần kiến tướng là có thể biến khởi, hai chấp ngã pháp là không thể vậy, Bồ-tát An Tuệ nêu dẫn trong kinh Lăng-già nói: Ba cõi hữu lậu tâm tâm sở đều là hư vọng phân biệt là tự tánh vậy". Nên biết hai phần kiến tướng của tám thức đều là biến kế vọng chấp có, nên chỉ có một phần tự chứng, là tánh y tha khởi, là thật có vậy. Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Chỗ ngu phu phân biệt,
Cảnh ngoài thật đều không,
Tập khí quấy đục tâm,

Nên tợ kia mà chuyển".

Nên biết chỉ là ngu phu nương trên thật tự chứng phần, khởi biến kế vọng tình, biến tợ không thể, hai phần hiện vậy, lý thật hai phần không có thật thể, chỉ là ngu phu chẳng rõ mà vọng chấp là thật. Do đó trong luận nói: "Phàm phu chấp có, thánh giả hiểu không."

Hỏi: Nếu nói hai phần kiến tướng là giả, vả như đại địa núi sông là tướng phần gồm thâu, hiện thấy là thật, cớ sao nói giả ư?

Đáp: Tuy thấy núi sông v.v... là thật, nguyên là vọng chấp có núi sông đại địa v.v... bên ngoài, theo lý thật mà luận đều chẳng lìa tự chứng phần vậy. Do đó trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói

"Do tự tâm chấp trước,
Tâm tợ cảnh ngoài chuyển,
Chỗ thấy kia chẳng có,
Cho nên nói duy tâm".

Nên biết lìa ngoài tự chứng phần không thật, hai phần kiến tướng. Hai là, luận sư Nan-đà lập hai phần thành duy thức, trước nêu tông, tức là tất cả tâm sinh đều có hai phần kiến tướng. Hai phần kiến tướng là hai duyên năng sở. Nếu không tướng phần kéo dắt tâm, thì tâm pháp không do đâu được sinh. Nếu không kiến phần năng duyên thì ai biết có tướng phần sở duyên ư? Tức có cảnh có tâm đồng thành duy thức vậy. Kiến phần là năng duyên, tướng phần là sở duyên, năng sở được thành phải đủ hai phần, kiến phần tướng phần là tánh y tha khởi, có lúc duyên độc ảnh cảnh, tức đồng với chủng sinh, có lúc duyên đới chất cảnh, tức biệt chủng sinh, từ chủng sinh nên chẳng phải biến kế vậy. Nếu chẳng chấp thuận là, chư Phật chẳng nên hiện thân độ v.v... các thứ ảnh tượng Bồ-tát An Tuệ lại cật nạn: "Nếu ông lập tướng phần, há chẳng phải ngoài tâm có cảnh ư? Sao gọi là Duy thức?" Luận sư Nan-đà đáp: "Kiến phần là năng duyên, tướng phần là sở duyên, gồm sở theo năng trở lại là duy thức. Lại nếu ông nói không tướng phần thì chỗ lập một phần duy thức chẳng thành". Tại sao? Bồ-tát An Tuệ chấp tướng phần là vọng tình có, tức chỗ thức thứ tám duyên chủng tử tướng phần trong thức, là tướng phần gồm, tức chủng tử là năng sinh tự chứng hiện hành, thân gần pháp nhân duyên, nếu chủng tử tướng phần là vọng tình là, sao ngăn ngại chỗ sinh hiện hành tự chứng phần cũng là vọng tình, chẳng trái nghịch nghĩa chủng tử thức. Nếu chẳng chấp thuận tự chứng phần là vọng tình là tức chủng tử năng sinh cũng là thật có, tức nhân quả đều thật, chứng tướng phần cũng là thật có, đã có tướng phần tức có kiến phần. Năng sở đã thành tức hai phần thành lập duy thức vậy. Lại năm

căn tức là tướng phần thức thứ tám. Nếu tướng phần là biến kế, đâu có biến kế căn năng phát sinh năm thức vậy, Bồ-tát An Tuệ nói: "Chẳng gá năm căn phát sinh năm thứ, năm thức đều tự từ chủng tử sinh vậy."

Hỏi: Nếu chẳng gá căn phát sinh, chỉ từ chủng tử sinh là ông chấp thuận chủng tử năm thức là tướng phần thức thứ tám ư?

Đáp: Chấp thuận là tướng phần thức thứ tám, cật nạn đã vậy, tức chủng tử là biến kế, năng sinh năm thức cũng là biến kế vậy, Bồ-tát An tuệ ngăn rằng: Chủng tử chỉ là khí phần trên thức thứ tám, có công năng sinh hiện, giả danh là chủng tử, chỉ là dị danh của tạp khí, chẳng phải là thật, cật nạn các Thánh giáo từ chủng tử sinh gọi là thật, y tha lập gọi là giả, đâu có chủng tử giả sinh hiện hành thật. Nếu chủng tử giả thì làm sao thân gồm báo tự quả ư? Nếu chủng tử là pháp giả tức nghĩa nhân duyên biến của thức thứ tám trong nhân chẳng thành. Nếu chẳng phải nhân duyên biến tức là trái nghịch tất cả, Bồ-tát An Tuệ tuyệt ngăn. Đã có hai duyên năng sở, tức đều là thật tánh y tha khởi tức biết kiến phần là thật, dẫn chứng như trong kinh Mật Nghiêm nói:

"Tất cả chỉ có giác,
Nghĩa sở giác đều không,
Năng giác sở giác phân,
Mỗi tự nhiên mà chuyển".

Giải thích: Tất cả chỉ có giác, tức là duy thức vậy, nghĩa sở giác đều không, tức ngoài tâm vọng chấp thật cảnh là không, năng giác sở giác phân, tức năng giác là thật kiến phần của y tha, sở giác là thật, tướng phần của y tha, mỗi tự nhiên mà chuyển, tức kiến phần từ chủng tử tâm sinh, tướng phần từ chủng tử tâm khởi, nên biết phải lập hai phần, duy thức mới thành. Hợp trái nghịch nhau là, Bồ-tát An Tuệ cật nạn rằng: Nếu vậy từ trước đến nay, văn của hai kinh Mật Nghiêm và Lăng-già làm sao thông hiểu? Chánh hội hợp là, kinh văn từ trước đến nay chẳng là chứng một phần, chỉ ngăn ngoài tâm thật có ngã pháp v.v... cũng chẳng ngăn tướng phần chẳng lìa tâm. Thứ ba, Bồ-tát Trần-na lập ba phần, chẳng phải như luận sư trước. Bồ-tát An Tuệ lập một phần, tức chỉ có thể mà không có dụng. Luận sư Nan-đà lập hai phần kiến tướng, tức chỉ có dụng mà không có thể, đều qua lại chẳng đầy đủ. Lập lý, nghĩa là trong luận Lập nghĩa lượng quả nói: "Năng lượng sở lượng, lượng quả riêng biệt vậy. Tướng phần kiến phần hẳn có thể sở y. Tướng phần là sở lượng, kiến phần là năng lượng, tức cốt yếu tự chứng phần, làm chứng là lượng quả vậy. Thí dụ như lúc thước lượng vải, vải là sở lượng, thước và người là năng lượng, trí ghi nhớ số gọi

là lượng quả. Nay kiến phần duyên tướng phần chẳng sai nhầm, đều do tự chứng phần là làm quả vậy. Nay lúc kiến phần nhãn thức duyên xanh, quyết định chẳng duyên vàng vậy, như kiến phần duyên chẳng từng thấy cảnh, chợt nhiên lúc duyên cảnh vàng, tức quyết định chẳng duyên xanh. Nếu không có tự chứng phần, tức kiến phần chẳng thể tự ghi nhớ, nên biết phải lập ba phần, nếu không tự chứng phần tức tướng phần cũng không. Nếu nói có hai phần tức phải quyết định có tự chứng phần. Tự chứng phần dụ như đầu trâu, hai sừng dụ như hai phần kiến tướng. Trong luận Tập Lượng nói: "Tợ cảnh tướng sở lượng, năng thủ tướng tự chứng". Giải thích: Tợ cảnh tướng sở lượng, tức là tướng phần tợ cảnh bên ngoài hiện, năng thủ tướng tự chứng tức là kiến phần năng thủ tướng phần, tự chứng phần tức là thể vậy. Thứ tư, Bồ-tát Hộ Pháp lập bốn phần, lập tông là: Tâm tâm sở nếu tinh tế phân biệt, nên có bốn phần, lập lý là: Nếu không phần thứ tư, lấy pháp nào cùng phần thứ thứ tư lấy pháp nào cũng phần thứ ba làm lượng quả?

Trần-na ông lập ba phần là kiến phần có dụng năng lượng liễu cảnh, tức đem tự chứng phần làm quả lượng, tự chứng phần của ông cũng có năng lượng chiếu cảnh vậy, tức lấy pháp nào cùng năng lượng tự chứng phần làm lượng quả? Tức phải dùng chứng tự chứng phần thứ tư làm lượng quả của phần thứ ba, dẫn chứng như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói.

"Tâm chúng sinh hai tánh,
Trong ngoài tất cả phần,
Sở thủ năng thủ buộc,
Thấy các thứ sai biệt".

Tâm hai tánh, tức là hai phần bên trong làm một tánh, hai phần kiến tướng làm tánh thứ hai, tức tâm cảnh trong ngoài hai tánh. Năng thủ trói buộc, tức là năng duyên thô động là năng duyên kiến phần. Sở thủ trói buộc, tức là tướng trói buộc sở duyên trói buộc vậy. Thấy các thứ sai biệt hai luận sư trước đều chẳng phải toàn chẳng chánh. Luận sư thứ ba Bồ-tát Trần-na lập ba phần tợ có thể dụng. Nếu thành lượng nơi lý trung đạo còn chưa đầy đủ, tức lại phải lập phần thứ tư, tướng phần là sở lượng, kiến phần là năng lượng, tức đem tự chứng phần làm lượng quả. Nếu đem kiến phần làm sở lượng, tự chứng phần làm năng lượng, tức lại đem pháp nào làm lượng quả, nên biết đem chứng tự chứng phần làm lượng quả mới đầy đủ vậy. Kiến phần duyên xa rỗng bên ngoài thông cả phi lượng và tỷ lượng tức chẳng thủ kiến phần làn tự chứng lượng quả. Hai phần bên trong chỉ là hiện lượng, nên qua lại làm

quả không lỗi lầm. Phàm là lượng quả phải là hiện lượng mới là lượng quả. Tỷ lượng phi lượng, quyết định chẳng phải là lượng quả. Thí dụ như người làm bảo chứng phải là đôn hậu ngay thẳng mới làm chứng, nếu người qua loa chẳng thể kham làm bảo chứng. Lại năm thức trước cùng kiến phần thức thứ tám tuy là hiện lượng vì duyên bên ngoại tức chẳng phải lượng quả. Phàm lượng quả phải duyên bên trong mới làm lượng quả, lại thức thứ bảy tuy duyên bên trong, mà nó là phi lượng nên cũng chẳng thể làm lượng quả, phàm lượng quả là pháp đủ hai nghĩa: Một hiện lượng; hai duyên bên trong, lại kiến phần hậu đắc trong quả tuy là hiện lượng, lúc duyên bên trong biến ảnh duyên nên chẳng phải lượng quả, tức phải đủ hai nghĩa. Lại kiến phần trí căn bản trong quả tuy thân chứng chân như, mà chẳng biến ảnh, là dụng của tâm nên chẳng phải lượng quả, tức phải đầy đủ tâm thể, phải đủ bốn nghĩa: Một hiện lượng; hai duyên bên trong; ba chẳng biến ảnh; bốn là tâm thể, mới là lượng quả. Lại trong luận nói: "Bốn phần như vậy hoặc gồm làm ba, phần thứ tư gồm vào tự chứng phần vậy, hoặc gồm làm hai, là ba phần sau đều là tánh năng duyên đều gồm ở kiến phần. Đây nói kiến làm nghĩa năng duyên hoặc gồm làm một thể không riêng biệt vậy. Như trong kinh Nhập Lăng-già nói: "Do tự tâm chấp trước tâm tợ cảnh ngoài chuyển, chỗ thấy kia chẳng có, cho nên nói duy tâm". Như vậy, các nơi nói chỉ nhất tâm, nói nhất tâm đây cũng gồm tâm sở vậy". Giải thích: Như vậy các nơi nói chỉ nhất tâm là, cảnh bên ngoài không vậy, chỉ có nhất tâm, chấp trước bên trong vậy. Tợ cảnh bên ngoài chuyển, quyết định không cảnh bên ngoài, chấp thuận có tự tâm, chẳng lìa tâm vậy gọi chung là một thức. Tâm sở và tâm tương ưng, chỗ biến của sắc pháp và tâm là thật tánh của chân như, lại đều chẳng lìa thức vậy, đều gọi là duy thức. Lại trong Thanh Lương Ký nêu dẫn luận giải thích chứng tự chứng phần thứ tư là, nếu không phần này thì ai làm chứng phần thứ ba? Tâm phần đã đồng nên đều chứng vậy. Giải thích rằng: Kiến phần là tâm phần phải có tự chứng phần, tự chứng là tâm phần nên có chứng thứ tư. Trong luận có nói: "Tự chứng phần nên không có quả, các năng lượng là đều có quả vậy". Giải thích rằng: Kiến phần là nương lượng phải có quả tự chứng. Tự chứng lượng kiến phần phải có quả thứ tư, sợ kia ngăn cản rằng tức dụng kiến phần làm quả thứ ba. Nên tiếp theo trong luận nói: "Chẳng nên kiến phần là quả thứ ba, kiến phần hoặc có lúc gồm thuộc phi lượng, nên do kiến phần đây chẳng chứng phần thứ ba. Chứng tự chứng phần hẳn là hiện lượng". Lại ý nói rõ kiến phần thông cả ba lượng, ba lượng tức là hiện lượng, phi lượng và tỷ lượng,

tức rõ ràng lúc kiến phải duyên tướng hoặc là phi lượng chẳng thể pháp phi lượng làm quả hiện lượng. Hoặc kiến duyên tướng ở tỷ lượng, và duyên tự chứng phần lại là hiện lượng, nên tự chứng phần là tâm thể được cùng tỷ lượng và phi lượng mà làm quả. Kiến phần chẳng phải tâm thể, chẳng được cùng tự chứng phần làm lượng quả đó vậy. Chẳng được kiến phần chứng ở phần thứ ba. Chứng tự thể, hẳn là hiện lượng vậy. Phần thức thứ ba phần đã là hiện lượng, nên được cùng chứng. Vô vô cùng thất ý nói: Nếu dùng kiến phần làm năng lượng, chỉ dùng ba phần cũng được đủ vậy. Nếu dùng kiến phần làm sở lượng, hẳn phải phần thứ tư làm lượng quả. Nếu thông làm thí dụ như, lụa là sở lượng, thước như năng lượng, trí là lượng quả, tức tự chứng phần. Nếu trí là sở sử (chỗ bị sai khiến), trí là năng sai khiến. Vật nào dùng trí? Tức là ở người, như chứng tự chứng phần. Người năng dùng trí, trí năng sai sử người, nên năng thay nhau chứng, cũng như gương sáng, ảnh tượng gương là tướng phần, gương sáng là kiến phần, mặt gương như tự chứng phần, lưng gương như chứng tự chứng phần. Mặt nương ở lưng, lưng lại nương mặt nên được qua lại chứng, cũng có thể dùng đồng làm chứng tự chứng, gương nương ở đồng, đồng nương ở gương vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 61

Hỏi: Nghĩa bốn phần, lấy gì làm thể tánh?

Đáp: Tướng phần sở biến, sắc tâm làm thể tánh. Nếu ba phần trong tức dụng, hiện hành tâm sở làm thể.

Hỏi: Thân chứng chân như bên trong của quả vị không có cảnh giới. Nếu lúc bốn trí duyên cảnh, là đầy đủ bốn phần chăng?

Đáp: Quyết định có kiến phần chiếu rọi cảnh trước, có tự chứng phần thông chiếu rọi kiến phần, trong luận Phật Địa nói: Chỗ nói bốn trí tương ưng tâm phẩm như vậy, là có tướng phần kiến phần v.v... ư? Nếu không là nêu không chỗ duyên. Nên chẳng gọi là trí. Đáp: Tâm phẩm vô lậu không chướng ngại nên thân gần chiếu rọi cảnh trước, không đuổi theo tâm biên, tợ tướng cảnh trước, vì tâm vô lậu, gọi là không tướng không tâm riêng biệt vậy. Lại nói duyên cảnh chẳng thể nghĩ bàn vậy, có nghĩa chân thật, tâm phẩm vô lậu cũng có tướng phần. Các tâm tâm pháp, pháp nhĩ tợ cảnh biểu hiện, gọi là duyên, chẳng phải như kềm gắp v.v.. động tác lấy vật, chẳng phải như đèn v.v... tỏa ánh sáng soi chiếu vật, như gương sáng v.v... hiện ảnh chiếu vật. Do đó cảnh hiện phân minh soi rõ, gọi là không chướng ngại. Chẳng chấp chẳng tính, gọi là không tướng, cũng không phân minh, diệu dụng khó lường, gọi là chẳng nghĩ bàn, chẳng phải chẳng hiện ảnh, nếu nói không tướng thì không tướng phần. Nói không phân biệt, nên không kiến phần. Thấy không kiến tướng, nên như hư không, sừng thỏ v.v... nên chẳng gọi là trí. Không chấp kế nên nói không tướng năng thủ sở thủ. Chẳng phải không nghĩa dụng tợ cảnh duyên chiếu, nếu tâm vô lậu toàn không tướng phần, chư Phật không nên hiện thân độ v.v... các thứ ảnh tượng, cho phân biệt như vậy, chỉ căn cứ thế đế nói năng đạo lý, nếu căn cứ thắng nghĩa, lìa tuyệt nghĩ nói: Đã không tướng phần kiến phần thì không thể nói tâm và tâm pháp v.v... Lìa các lý luận chẳng thể nghĩa bàn, có nghĩa là trí không phân biệt không phân biệt nên chỗ duyên chân như chẳng lìa thể vậy. Như chiếu tự thể không riêng biệt tướng phần. Không phân biệt

đây, nếu biến tướng phần, ở cảnh chân như bèn chẳng phải thân chứng. Nếu trí hậu đắc có phân biệt chỗ duyên cảnh giới, hoặc lìa thể như tâm hữu lậu tợ cảnh tướng hiện phân minh duyên chiếu gọi là duyên cảnh trước. Cho nên, trí hậu đắc đây, quyết định có tướng phần.

Hỏi: Chỉ như Bồ-tát An Tuệ nói một phần (tự chứng), chẳng lập kiến phần tướng phần v.v... nghĩa thế đã đồng, cớ sao nói chẳng phải Bồ-tát An Tuệ v.v... các luận sư thấy biết ư?

Đáp: Chợt trông qua tợ đồng, nếu tinh tế rõ ràng lý riêng biệt. Vả lại, như Bồ-tát An Tuệ lập một phần tự chứng, toàn chẳng nói chứng tự chứng phần, tuy nói hai phần kiến tướng, nhưng một mực phán làm tánh Biến kế sở chấp. Đây là một phần trong bốn phần, phần không hai phần có danh không thể. Cũng là không đó, chỉ lập một phần y tha tự chứng. Nay Bồ-tát Hộ Pháp tuy gồm bốn về một nhưng chẳng gọi là tự chứng phần, chỉ gọi chung là một tâm, tuy nói chung là phần một tâm mà chẳng mất nghĩa bốn phần tự chứng v.v... chỉ dùng nghĩa cùng một tâm quyết định lìa nhau, nên gọi chung là một phần, so với kia riêng lập tự chứng phần, nghĩa riêng vậy, cho đến lúc gồm bốn về ba, hai phần của bên trong, tuy qua lại duyên, nhưng dụng đó mỗi riêng biệt, mà sở duyên đó chẳng mất tự thể vậy. Chỉ gọi là tự chứng phần. Tuy gọi chung là tự chứng, mà qua lại duyên nghĩa của hai phần, chẳng mất chẳng đồng. Bồ-tát Trần-na nói tự chứng chỉ có tự chứng của chứng tự kiến phần, tức không tự chứng của chứng tự chứng phần. Do nghĩa đó nên nói là chẳng phải chỗ thấy biết của các Luận sư vậy.

Hỏi: Trong sở biến là tướng phần sắc, cớ sao các Luận sư nói hiện thức gọi là sắc thức?

Đáp: Các Luận sư xưa trước nói: Hiện thức gọi là sắc thức là nói sắc thức đây là từ cảnh làm danh, kiến phần thức biến tợ sắc nên gọi là sắc thức, thể thuật là thức. Do năng biến sắc nên gọi là sắc thức. Đây là lấy kiến phần thức làm thể. Do năng duyên sắc, hoặc năng duyên sắc gọi là sắc thức, đây tức là lấy tướng phần sắc làm thể. Sắc của tướng phần thật chẳng phải thức, do từ thức biến chẳng lìa thức. Cả hai đây lấy hai phần thức cảnh làm thể, vì kiến phần và tướng phần đồng chủng vậy. Đây, chấp thuận tướng phần làm thức niệm sau. Nghĩa sở duyên duyên, nghĩa là tướng phần của thức niệm trước làm cảnh của thức niệm sau, tức sinh trong bản thức, về công năng tự quả làm khởi, tức tướng thức niệm trước làm nguyên do của cảnh thức niệm sau. Nghĩa là nhân chỗ duyên niệm trước trở lại huân được chủng, do chủng nên sinh niệm nay, trải chuyển tìm công về gốc mới là chỗ duyên niệm trước làm

duyên thức nay. Tự quả là tướng phần hiện hành, công năng là chủng tử. Nghĩa là do tướng phần thức niệm trước làm năng huân, nên huân dẫn được sinh tự chủng tử, tại trong bản thức năng sinh tướng phần và sắc v.v... ở niệm sau, cùng thức niệm sau làm cảnh, do tướng niệm trước huân chủng sinh cảnh tướng niệm sau, nói tướng phần niệm trước là sở duyên duyên của thức sau vậy.

Hỏi: Tướng chủng trước cớ sao sinh thức nay?

Đáp: Do kiến phần tướng phần đồng chủng vậy.

Hỏi: Đã vậy, sao chẳng tức nói chủng làm duyên?

Đáp: Chủng là nhân duyên, chẳng phải là sở duyên duyên. Lại, các bậc cổ đức có hỏi: Như lúc thức thứ sáu duyên rùa mà sừng thỏ v..v.. cảnh sở duyên ấy là có hay không? Nếu nói là có, thì trong Thánh giáo không nên chỉ thí dụ đây ở tánh Biến kế sở chấp là không. Nếu nói không, là không pháp không thể chẳng phải sở duyên duyên. Duyên ý thức đây khuyết, sở duyên duyên làm sao được khởi. Nếu nói tâm đây không sở duyên duyên, cớ sao trong luận nói thân sở duyên duyên năng duyên đều có? Nếu rùa vốn không lông, thỏ vốn không sừng, nóivề vốn không đây, thí dụ như tánh sở chấp. Do chỗ chấp ngã và chỗ chấp pháp đều vốn không vậy. Lúc tâm năng duyên các pháp không v.v... đây là lực huân tập từ vô thủy lại vậy. Lúc nương chủng sinh, từ trên tự chứng phần thức biến khởi tướng phần lông rùa v.v... và duyên kiến phần lông rùa đây. Tướng phần kiến phần đây cùng tự chứng phần thức đồng một chủng sinh. Đã nương chủng sinh, là tánh y tha, chẳng phải thể toàn không, chẳng đồng lông rùa xưa nay không thể nên được thành sở duyên duyên. Cho nên, duyên tâm của đây cũng được nói từ bốn duyên mà sinh. Cho đến như lìa vẫn tính chấp có thật ngã thật pháp v.v... cũng lại như vậy. Lìa ngoài tánh vẫn đều không thật ngã, cũng không là thật pháp, chỉ là hữu tình hư vọng chấp có. Dùng lý tìm nêu đều không có thể nên như lông rùa xưa nay không thể. Nhưng tâm chấp ngã pháp, lúc duyên chấp đây cũng do lực huân tập hư vọng từ vô thủy vậy, biến khởi giả tướng ngã pháp. Tướng đây cùng kiến phần v.v... đồng chủng, cũng là y tha khởi thành sở duyên duyên. Cho nên trong luận nói: Ngã chấp như vậy, uẩn ngoài tự tâm, hoặc có hoặc không. Uẩn trong tự tâm, tất cả đều có, uẩn trong tự tâm tức là tướng phần vậy. Nếu nói độc ảnh cảnh là tánh biến kế là, thể đó tức không, giống như lông rùa v.v... tức một phần tướng phần đây không, sao được luận nói uẩn trong tự tâm tất cả đều có ư? Trên đây đều là nghĩa của Bồ-tát Hộ Pháp. Nếu theo Bồ-tát An Tuệ nói hai phần kiến tướng là tánh Biến kế sở chấp, thể

đó là không. Nay tiếp nối có nhiều người nói Độc ảnh là tánh biến kế là Sở chấp, chẳng phải sở duyên duyên. Đó tức là tông của Bồ-tát An Tuệ. Bồ-tát Hộ Pháp, nói tất cả bốn phần đều y tha khởi, trong đó vọng chấp làm quyết định thật, mới gọi là Biến kế sở chấp. Cho đến ở tánh viên thành thật và tánh cảnh năm trần, nếu chấp chặt là thật có cũng gọi là Biến kế sở chấp, nhưng lông rùa sừng thỏ v.v... xưa nay không thể, chẳng đối chấp tâm, tức chẳng phải tánh biến kế, nay cũng có lắm nhiều lầm nhận lông rùa v.v... là Tánh biến kế chẳng phải vậy. Lại lập so sánh giải tự chứng và hai phần kiến tướng là, thân như tự chứng phần khởi hai phần kiến tướng, lại chấp hai phần làm ngã pháp, như buộc khăn làm thỏ, khăn tay là có, dụ như tự chứng phần, buộc khăn tay làm đầu thỏ, trên khăn tay vốn không đầu thỏ. Nay buộc ra-nó, cho nên gọi là không, như trên tự chứng phần vốn không hai phần kiến tướng, do chẳng chứng thật nên tợ hai phần khởi, cho nên gọi là không, như chỗ buộc khăn tay làm đầu thỏ, đã là một lớp giả, lại buộc ra hai tại, lại là một lớp giả. Như từ tự chứng phần biến khởi hai phần kiến tướng, đã là một lớp giả, lại chấp hai phần làm ngã pháp lại là một lớp giả, thì hai phần kiến tướng tuy giả tợ có, là Biến kế vọng chấp.

Hỏi: Yếu chỉ của duy tâm, một phần còn không, cớ sao nói rộng đến bốn phần?

Đáp: Bốn phần Thành tâm, ngàn Thánh đồng vâng mệnh, chỉ vì Bồ-tát An Tuệ chỉ chấp tự chứng tâm thể một phần còn chẳng phãi thức tâm, vì điều Bồ-tát Nan-đà phá, cho đến Bồ-tát Trần-na chấp có ba phần, thể dụng tuy đủ mà còn khuyết lượng quả. Chứng tự chứng phần thứ tư, chỉ Bồ-tát Hộ Pháp lập, nghĩa Duy thức trọn đầy, bốn phần đủ cả. Nhân đó chế soạn luận Duy thức, từ Tây vức cho đến Trung Hoa, chánh nghĩa lưu hành rộng khắp. Chế soạn luận này xong, đến lúc sắp thị tịch, giữa không trung bèn có thần nhân bảo đại chúng rằng: Bồ-tát Hộ Pháp là một trong ngàn Phật ở thời Hiền kiếp, nên biết chẳng phải Đại giác mười phương thì làm sao viên chứng tâm đây? Nếu chẳng đạt bốn phần thành tâm, đó đều chỉ là niệm danh ngôn, không biết thật nghĩa thành tâm. Thể dụng đã mất, lượng quả toàn không, trọn bị duyên tâm cảnh buộc, không do tâm giải thoát, học giả thời nay toàn ít thấy nghe, cậy ta hiểu mà chẳng cần minh sư, chấp mình thấy mà không mở kho báu. Nên nay ghi lục khắp cả để chỉ bày cho các vị hậu hiền, chẳng theo dấu quấy trước, khỏi phải hối hận sau.

HỎI ĐÁP CHƯƠNG THỨ HAI

Phàm, Diệu môn một tâm, chánh lý Duy thức, năng Biến sở biến trong ngoài đều thông, nêu một cảnh tất cả không gì chẳng cùng tận. Như muôn sao sắp hiện trong đêm chẳng lìa giữa không trung, các mầm muôn cây đều quy về nơi đất. Thì có thể nhổ trừ rễ nghi ngờ mà mở cửa Tin, trí sáng soi khiến mà rửa tình trần. Nếu căn cơ tư duy nhậm xoay chưa thành thắng giải, phải nương nhờ hỏi đáp, dẫn vào viên thông, vàng thật nhờ rèn luyện mà thành, ngọc đẹp còn nhờ mài giũa mà ra. Trong Hoa Nghiêm Tư Ký nói: "Chánh niệm tư duy pháp môn sâu mầu là có hai hạng người có khả năng làm khô đại thọ mười hai nhân duyên, một là ôn cũ chẳng quên mất. Hai là học hỏi bẩm thọ pháp mới", là nghĩa của đây vậy.

Hỏi: Tâm pháp chẳng thể nghĩ bàn, lìa nói tự tánh, cớ sao hứng thủ rộng bày hỏi đáp, trở lại mổ xẻ nghĩa Tông?

Đáp: Lý chỉ nhất tâm, sự gồm muôn pháp. Nếu chẳng tinh tế tận cùng chỉ thú, lấy gì đến được nguồn giác. Thời nay những kẻ chẳng thấu đáo đều là giải hiểu sai nhầm. Sức lực tin chánh nông cạn. Ải huyền sâu kín, đâu phải tình thức có thể thông, yếu chỉ lớn xa vời, chẳng phải chỗ một thời vào được. Nếu là chưa đến địa vị Như Lai, sao có thể chóng ngộ tâm chúng sinh, nay nhân người tự lực chưa đến được, ít vì chỉ bày, toàn nhờ lời Phật để ấn tâm phàm, nhờ lời Phật để khế hợp tông, rời xa không ngằn mé, ấn tâm phàm mà chẳng khác, thông suốt vậy về tông. Lại có hai nghĩa phải nói: Một, nếu chẳng ngôn thuyết thì chẳng thể vì người khác nói tất cả pháp lìa lời tự tánh. Hai tức nói không nói, nói và chẳng nói tánh không hai vậy. Lại, tông đây chỉ luận về kiến tánh thân chứng chẳng phải tại văn phân tích, vì phá tình trần, giúp sinh chánh tín. Nếu từng lời nói sinh kiến chấp giải hiểu nương thông, thì thật ngữ là hư vọng, vì sinh ngữ kiến vậy. Nếu nhân giáo soi chiếu tâm chỉ tại được ý thì hư vọng là thật ngữ, vì trừ tà chấp vậy. Trong luận Khởi Tín nói: "Phải biết tất cả các pháp từ xưa đến nay, chẳng phải sắc chẳng phải tâm, chẳng phải trí chẳng phải thức, chẳng phải không chẳng phải có. Rốt ráo đều là chẳng thể nói tướng. Chỗ có nói năng chỉ giáo đều là phương tiện khéo léo của Đức Như Lai, giả dùng ngôn ngữ dẫn dắt chúng sinh, khiến bỏ văn tự vào nói chân thật, nếu tùy ngôn ngữ mà chấp nghĩa, thêm vọng phân biệt chẳng sinh thật trí, chẳng đắc Niết-bàn. Lại, nếu văn tự hiểu bày tổng trì, nhân ngôn ngữ mà ngộ đạo, chỉ nương nghĩa mà chẳng nương ngữ, được ý mà chẳng theo văn, thì cùng chánh lý chẳng trái, đâu liên quan nói nín. Nên trong kinh Đại Bát-nhã

nói: "Nếu thuận văn tự chẳng trái chánh lý, thường không tranh luận, gọi là hộ chánh pháp".

Hỏi: Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

"Từ chỗ lập tông đó,
Thì có các nghĩa tạp,
Đẳng quán tự tâm lượng,
Ngôn thuyết chẳng thể được".

Đã đạt duy tâm, sao phải diễn nói? Như trong kinh Đại Bát-nhã nói: "Phật bảo Thiện Hiện: Như vậy, các Đại Bồ-tát, tuy nhiều nơi học mà không chỗ học. Tại sao? Thật không có pháp có thể khiến Đại Bồ-tát ở trong đó tu học". Lại nói: "không câu nghĩa là câu nghĩa của Bồ-tát, thí như trong hư không thật không dấu vết chân".

Đáp: Nếu rõ tự tâm thì thành Phật tuệ, trọn chẳng ngoài tâm có pháp có thể nói, có sự có thể lập, chỉ vì người chẳng xoay ánh sáng tự tỉnh xét, một hướng thể theo văn phân tích, đắm trước cảnh bên ngoài, vì trong không danh tướng, giả nói danh tướng, tức bị hư vọng kia dùng hiển bày chân thật. Đã chẳng đắm trước văn tự, cũng chẳng lìa văn tự, văn tự hiểu tổng trì, sức phương tiện đại bi, lìa lời văn tự,cho nên kinh Thiên Vương Bát Nhã có: Tổng trí có văn tự, kệ nói: "Trong kinh Lăng-già nói: Phật bảo: Đại Tuệ! Ta và chư Phật cùng chư Bồ-tát chẳng nói một chữ. Tại sao? Vì pháp lìa văn tự, chẳng phải nghĩa nhiêu ích nói: Ngôn thuyết là chúng sinh vọng tưởng vậy. Đại Tuệ! Nếu chẳng nói tất cả pháp là, giáo pháp thì hoại, giáo pháp hoại thì không có chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Nếu không có thì ai nói vì ai. Cho nên, Đại Tuệ! Bậc Đại Bồ-tát chớ đắm trước ngôn thuyết, tùy nghi phương tiện rộng nói kinh pháp. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Phàm, nói pháp là phải như pháp nói, cho đến pháp thuận không, tùy không tương ưng Vô tác, pháp lìa tốt xấu, pháp không tăng tổn, pháp không sinh diệt, pháp không chỗ quay về, pháp vượt qua nhãn nhĩ tỷ thiệt thân tâm, pháp không cao thấp, pháp thường trú chẳng động, pháp lìa tất cả quán hạnh, chỉ Đại Mục liên, pháp tướng như vậy, há có thể nói ư? Phàm nói pháp là, không nói không chỉ bằng, nghe pháp đó là, không nghe không đắc, thí như huyễn sĩ làm người huyễn nói pháp, đang kiến lập là ý mà vì nói pháp, phải rõ căn cơ chúng sinh có lợi độn, khéo ở thấy biết, không chỗ ngăn ngại, dùng tâm đại bi tán thán Đại thừa, nghĩ nhớ báo ân đức Phật, chẳng đoạn Tam Bảo, sau đó mới nói pháp. Chỉ lúc nói không đắm trước, nói tức không lỗi, như trong kinh Tư Ích nói: "Tỳ-kheo các ông! Nên tránh hai sự: một là, Thánh nói pháp, hai là, Thánh

im lặng, chỉ chánh lúc nói, rõ không thể được tức là im lặng, chẳng là ngậm miệng không nói: "Nên người xưa nói: Người huyễn nói pháp người huyễn nghe. Do vì hai cái đều không tình, lúc nói không nói từ ông nói, nói nghe không nghe một mặc nghe". Lại, nếu dùng bốn thật tánh tự được pháp vốn trú pháp, căn cứ về trong Chân đế tức chẳng thể nói. Nếu dùng bốn Tất-đàn tùy ý kẻ khác nói dứt đoạn nghi ngờ sâu xa sinh khởi chánh tín, có nhân duyên thì có thể được nói. Lại chẳng thể nói tức có thể nói vì chân lý khắp cùng vậy. Có thể nói tức chẳng thể nói vì duyên tu không tánh vậy, như trong kinh Lăng-già nói: "Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Như Đức Thế Tôn nói ta từ đêm nọ đắc tối chánh giác, cho đến đêm nọ nhập Bát-niết-bàn, trong khoảng thời gian đó chẳng nói một chữ, cũng chẳng đã nói sẽ nói, chẳng nói là Phật nói. Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, bởi nhân gì nói lời chẳng nói là Phật nói? Đức Phật bảo: Đại Tuệ! Ta nhân hai pháp nên nói như vậy. Hai pháp đó là gì? Duyên tự đắc pháp và vốn trú pháp, đó gọi là hai pháp. Nhân hai pháp ấy nên ta nói như vậy, thế nào là duyên tự đắc pháp? Nếu sở đắc của Như Lai kia, ta cũng đắc đó, không thêm không bớt, duyên tự đắc pháp rốt ráo cảnh giới, lìa vọng tưởng nói năng, lìa hai thủ văn tự. Thế nào là vốn trú pháp? Nghĩa là Thánh đạo xưa trước, như tánh vàng bạc v.v... pháp giới thường trú. Nếu Như Lai xuất hiện nơi đời, hay chẳng xuất hiện nơi đời, pháp giới thường trú, như đường hướng đến Thánh kia. Thí như kẻ sĩ phu đi trong đồng trống, thấy hướng đến thành cổ, đường chánh bình thản tức theo vào thánh, hưởng vui như ý, có kệ tụng nói:

"Ta đêm nọ đắc đạo,
Đến đêm nọ Niết-bàn,
Khoảng giữa thời gian đó,
Ta đều không nói gì,
Duyên tự vốn trú vậy,
Ta nói lời như vậy,
Phật kia cùng với ta,
Đều không có sai biệt".

Giải thích: Đây có hai nhân; một tức duyên tự đắc pháp, tự pháp sở đắc tức là chứng đạo, chứng pháp tại mình, lìa lỗi hiển bày đức. Hai, tức duyên vốn trú pháp. Vốn trú tức là Thánh đạo xưa trước, truyền xưa chẳng phải làm. Trên đây là căn cứ lý và chứng nói là chẳng nói, nếu chỉ là tự tâm nghe thì Phật thường chẳng nói. Như trong luận Bảo Tánh có kệ tụng nói:

"Thí như các tiếng vang,
Nương đất mà được khởi,
Tự nhiên không phân biệt,
Chẳng phải trú trong ngoài.
Tiếng Như Lai cũng vậy,
Nương đất tâm mà khởi,
Tự nhiên không phân biệt,
Chẳng phải trú trong ngoài."

Do đó, đã chẳng phải chỗ trong ngoài sinh ra, cũng chẳng từ bốn câu mà khởi. Đây là căn cứ thật trí, nên phải huyền hội, nếu căn cứ quyền môn, cũng chẳng tuyệt phương tiện. Như trong luận Chỉ Quán nói: "Nếu nói trí do tâm sinh tự năng chiếu cảnh Đế trí chẳng cùng do nhờ. Nếu nói trí chẳng tự trí, do cảnh nên trí, cảnh chẳng tự cảnh, do trí nên cảnh, như ngắn dài đối đãi nhau. Nếu nói cảnh trí nhân duyên nên có, đó là cộng hợp mà được tên. Nếu nói đều chẳng như ba thứ trên, thể tự nhiên vậy, tức là không nhân, đều có lỗi của bốn thủ, đều chẳng thể nói. Tùy bốn đều là nhân duyên cũng có thể nói. Chỉ có danh tự. Danh tự không tánh, chữ của không tánh là chữ chẳng trú, cũng chẳng chẳng trú, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh nói: "Trí cảnh chẳng thể nghĩ bàn, trí chiếu chẳng thể nghĩ bàn". Tức nghĩa đây vậy. Nếu phá bốn tánh cảnh trí, đây gọi là thật tuệ, nếu bốn đều đến với duyên nơi bốn cảnh trí, đây gọi là quyền tuệ, thì quyền thật song hành tự tha đều lợi, mới ngầm hợp yếu chỉ của Phật. Khỏi đọa vào mình ngu.

Hỏi: Núi sông đại địa mỗi mỗi đều tông, năm tánh ba thừa người người là Phật, sao phải Tông kính cưỡng lập khác mối ư?

Đáp: Chư Phật tuyên giảng giáo tích chẳng vì người đã biết mà nói. Tổ sư chỉ chẳng tâm người, chỉ vì người chưa rõ mà nói. Nay, ghi lục đây chỉ bày cho hàng sơ cơ, khiến chóng ngộ viên tông, chẳng lối nhỏ xa vời. Nếu chẳng được chiếu rộng của Tông kính, thì do đâu mà soi xét sâu xa của tự tánh, chẳng phải nhân ánh sáng của trí tuệ, đâu phá được tối của ngu si? Như đến gương xưa, xấu đẹp tự phân, nếu gặp Tông đây, chân ngụy có thể xét. Đâu có mặt nhật ló dạng mà chẳng chiếu, đèn đốt mà chẳng sáng đó ư? Nên trong Hoa Nghiêm Ký ghi thuật mười thứ pháp minh pháp tức là cảnh, minh tức là tâm, dùng ánh sáng trí tuệ soi chiếu pháp hai đế, nên gọi là pháp minh. Tuy nhiên pháp không thành phá đây thuộc trong môn Đệ nhất nghĩa, vả lại, giáo tự có mở ngăn(khai-già), sao không phương tiện khéo léo. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói ở phẩm Cao Quý Đức Vương Bồ-tát, nhân Bồ-

tát Lưu Ly Quang muốn lại phóng quang. Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn thù, Văn thù mới vào nghĩa đệ nhất, đáp rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Ánh sáng như vậy gọi là trí tuệ. Trí tuệ tức là pháp của thường trú, pháp của thường trú không có nhân duyên, cớ sao Đức Phật hỏi do nhân duyên gì mà có ánh sáng đó?" Rộng nói về không nhân duyên xong, cuối cùng nói: "Thế Tôn cũng có nhân duyên, nhân diệt vô minh thì được đốt sáng đèn A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Vậy biết nhân giáo mà rõ tông, chẳng phải không nguyên do, theo duyên vào đạo, trọn chẳng mất mác, môn phương tiện chẳng thể tạm phế bỏ. Lại, phàm trong Tông kính, mới nói một chữ bèn là đàm tông, lại không trước sau, vì lức nói có khác, lý lại không sai. Như trong luận Đại Trí Độ nói: "Trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không, nhưng chỉ trước sau của nói, pháp mới đồng thời, văn chẳng chóng viết, không chẳng phải tiệm thứ.

Hỏi: Chỉ nói là phương tiện nói thì không ngăn ngại, nếu nóivề chánh Tông, có lời nói thương tổn yếu chỉ ư?

Đáp: Viên tông ta đây, tình giải chẳng kịp, đâu đồng chấp phương tiện dạy người, không có chẳng dung thông, thể dụng hai phần, lý sự thành cách biệt, nói thường trú thì thành thường kiến, nói vô thường thì kết quy đoạn diệt. Bài xích biên thì thành biên chấp, lưu ở trung thì nói trước lý trung, nay yếu chỉ viên dung đây, Tông của Vô ngại, nói thường thì thường của vô thường, nói vô thường thì vô thường của thường, nói không thì không của chẳng không, nói có thể có của huyễn có. Nói biên thì biên của tức trung, nói trung thì trung của chẳng chỉ, lập lý thì lý của thành sự, lập sự thì sự của hiển lý. Cho nên cuộn buông tại ta, ẩn hiển đồng thời, nói chẳng trái với không nói, không nói chẳng trái với nói. Trong luận Bảo Tạng nói: "Thường không chẳng có, thường có chẳng không, cả hai chẳng đối đãi nhau, câu câu đều là tông. Do đó, Thánh nhân tùy nói có tùy không nói không, không chẳng trái có, có chẳng trái không, hai lời không bệnh, hai nghĩa đều thông, cho đến nói ngã cũng chẳng trái với vô ngã, cho đến không nói sự cũng chẳng tông. Tại sao? Chẳng vì ngôn ngữ trói buộc vậy". Giải thích: Thường không chẳng có là, thường không thì chẳng nhân có mà không, nếu nhân có mà không thì thành đối đãi, vì tha không thể, tự không lực vậy, chẳng tự tại nên chẳng được tự xưng là thường, thường có chẳng không là, cũng chẳng nhân không mà có, thì một không tất cả không, một có tất cả có, vì tuyệt đối đãi vậy, mới được câu câu đều tông, không có và có đã vậy, pháp pháp đều vậy, có thể gọi là tông không gì chẳng thông, đạo không gì chẳng hiện, cớ sao kén chọn pháp thủ lấy trần tự sinh sai biệt, chẳng là

chỗ trói buộc của ngôn ngữ là, vì biết tông vậy, không một sự mà chẳng tùy thật địa, không một pháp mà chẳng thuận vô sinh. Các tổ sư nói: “Nhân ngôn từ phải khế hợp tông, chỗ tự lập quy củ. Tại sao? Nếu lập quy củ thì lạc vào hạng lượng, mới thành hạng lượng bèn trái với bản tông, chỉ tùy chỗ trói buộc của ngôn ngữ vậy. Sở dĩ tất cả chúng sinh chẳng biết chân thật là đều vì chỗ che lấp của ngôn ngữ. Trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Trong âm thanh ngôn ngữ, nếu được chẳng tùy chuyển, ở nghĩa mới tùy hằng, đó gọi là cầu nghĩa, sao gọi là cầu nghĩa? Nên biết bí mật nói”. Bí mật nói tức là yếu chỉ của Tông kính vậy. Chỉ là chỗ biệt của trí Phật, chẳng phải tình kiến có thể giải hiểu. Như trong kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói: “Lúc bấy giờ, trong đại chúng có vị Đại Bồ-tát tên là Tu Chân Chi nói với Thắng Thiên vương rằng: Đức Như Lai vì Đại vương mà thọ ký ư? Thắng Thiên vương đáp: Bồ-tát Thiện Tư Duy nói: Này thiện nam! Ta thọ ký như tướng mộng”. Lại hỏi Đại vương: “Thọ ký như vậy sẽ được pháp gì?” Đáp: “Phật trao (thọ) ta ghi nhớ (ký) trọn không chỗ được”. Lại hỏi: “Không chỗ được đó là pháp gì?” Đáp: “Chẳng được chúng sinh thọ giả ngã nhân dưỡng dục, ấm giới nhập đều không chỗ được, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc nhiễm hoặc tịnh, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc sinh tử hoặc Niết-bàn, đều không chỗ được”. Lại hỏi: “Nếu không chỗ được, dùng thọ lý làm gì?” Đáp: “Này thiện nam! Vì không chỗ được thì được thọ ký”. Lại hỏi: “Nếu như chỗ nói nghĩa của Đại vương thì có hai trí: Một là không chỗ được, hai là được thọ ký ư?” Đáp: “Nếu có hai thì không thọ ký. Tại sao? Trí Phật không hai, chư Phật, Thế Tôn dùng trí không hai mà trao thọ Bồ-tát ghi ký”. Lại hỏi: “Nếu Trí chẳng hai, cớ sao mà có thọ ký và được ký?” Đáp: “Được ký và thọ ký khoảng đó chẳng hai”. Lại hỏi: “Chẳng hai khoảng là làm sao có ký?” Đáp: “Thông đạt chẳng hai khoảng tức là thọ ký”. Lại hỏi: “Đại vương trú trong khoảng nào mà được thọ ký?” Đáp: “Trú khoảng ngã mà được thọ ký, trú khoảng chúng sinh, khoảng thọ mạng, khoảng nhân mà được thọ ký”. Lại hỏi: “Khoảng ngã phải cầu ở đâu?” Đáp: “Phải cầu ở Như Lai giải thoát”. Lại hỏi: “Khoảng Như Lai giải thoát lại cầu ở đâu?” Đáp: “Phải ở khoảng vô minh Hữu ái mà cầu”. Lại hỏi: “Vô minh Hữu ái phải cầu ở đâu?” Đáp: “Phải cầu ở khoảng rốt ráo chẳng sinh”. Lại hỏi: “Khoảng rốt ráo chẳng sinh phải cầu ở đâu?” Đáp: “Phải cầu ở khoảng không biết”. Lại hỏi: “Không biết là không chỗ biết, cớ sao ở khoảng đó cầu”. Đáp: “Nếu có chỗ biết cầu chẳng thể được, vì không biết nên ở khoảng đó cầu”. Lại hỏi:

"Khoảng đó không lời nói năng, làm sao có thể cầu?" Đáp: "Vì tuyệt lối ngôn ngữ nên có thể cầu". Lại hỏi: "Cớ sao tuyệt đối ngôn ngữ?" Đáp: "Các pháp nương nghĩa chẳng nương lời". Lại hỏi: "Cớ sao nương nghĩa?" Đáp: "Chẳng thấy tướng nghĩa". Lại hỏi: "Cớ sao chẳng thấy?" Đáp: "Chẳng sinh phân biệt nghĩa là có thể nương ngã là năng y, không hai sự đây nên gọi là thông đạt". Lại hỏi: "Nếu chẳng thấy nghĩa đây cầu ở đâu?" Đáp: "Chẳng thấy chẳng thủ nên gọi là cầu". Lại hỏi: "Nếu pháp có thể cầu tức là có cầu?" Đáp: "Chẳng như vậy. Phàm cầu pháp là không chỗ cầu. Tại sao? Nếu có thể cầu thì chẳng phải pháp". Lại hỏi: "Thế nào là pháp?" Đáp: "Pháp không văn tự, cũng lìa ngôn ngữ". Lại hỏi: "Lìa trong văn ngôn, thế nào là pháp?" Đáp: "Lìa tánh văn ngôn, diệt chỗ tâm hành, đó gọi là pháp, tất cả các pháp đều chẳng thể nói. Chẳng thể nói đó cũng chẳng thể nói. Này thiện nam! Nếu có chỗ nói tức là hư vọng, trong đó không thật pháp". Lại hỏi: "Chư Phật Bồ-tát thường có nói năng đều là hư vọng ư?" Đáp: "Chư Phật, Bồ-tát từ thủy đến chung chẳng nói một chữ, làm sao hư vọng?" Lại hỏi: "Nếu có chỗ nói, tại sao lỗi lầm?" Đáp: "Đó là lỗi ngôn ngữ vậy". Lại hỏi: "Ngôn ngữ lỗi gì?" Đáp: "Đó là lỗi nghĩ lường". Lại hỏi: "Pháp nào không lỗi?" Đáp: "Không nói có nói chẳng thấy hai tướng, đó tức không lỗi". Lại hỏi: "Lỗi nào là gốc?" Đáp: "Năng chấp là gốc". Lại hỏi: "Chấp gì là gốc?" Đáp: "Đắm trước tâm là gốc". Lại hỏi: "Đắm trước gì là gốc?" Đáp: "Hư vọng phân biệt". Lại hỏi: "Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?" Đáp: "Phan duyên làm gốc". Lại hỏi: "Chỗ nào phan duyên?" Đáp: "Duyên sắc thanh hương vị xúc pháp". Lại hỏi: "Thế nào chẳng duyên?" Đáp: "Nếu lìa ái thủ thì không chỗ duyên". Vì ý nghĩa đó nên Đức Như Lai thường nói các pháp bình đẳng, do vì pháp bình đẳng nên nói không sai biệt. Ở phương này nói pháp, khắp mười cõi đều vậy, tức một xứ khắp tất cả xứ vậy. Do đó, đồng chứng đồng tuyên, qua lại làm chủ bạn. Như trong Hoa Nghiêm Chỉ Quy có hỏi: "Như lúc ở trời Đao-lợi nói pháp thập trú, đã khắp cùng hư không, vậy ở các xứ như trời Dạ-ma v.v... cũng nói pháp thập trú ư? Nếu vậy thì lỗi gì? Cả hai đều có lỗi. Nếu kia chẳng nói thì xứ nói chẳng khắp cùng. Nếu kia cũng nói thì cớ sao trong kinh chỉ nói ở trời Đao-lợi nói pháp môn thập trú, trời Đao-lợi ở khắp mười phương tất cả đường trần, cho nên ở xứ trời Dạ-ma v.v... đều có trời Đao-lợi, tức ở như đây khắp các xứ trời Dạ-ma, trời Đao-lợi v.v.... nói pháp thập trú. Cho nên ở trời Đao-lợi không đâu chẳng khắp cùng, nhưng chẳng phải trời Dạ-ma. Ở xứ trời Dạ-ma v.v... nói pháp thập hạnh đều cũng khắp cùng ở xứ trời Đao-lợi v.v... nhưng chẳng

phải trời Đạo-lợi. Phải biết các địa vị khác cũng vậy. Nếu nói về thập trú và thập hạnh v.v... toàn địa vị gồm lẫn nhau, tức kia đây qua lại không, mỗi mỗi khắp cả pháp giới. Nếu nói về các địa vị giúp đỡ nhau, tức đây kia qua lại có đồng khắp pháp giới. Lại hỏi: các xứ khác Phật nói cùng với xứ Xá-na nói có cùng thấy nhau chăng? Nếu vậy có lỗi gì? Cả hai đều có lỗi. Nghĩa là nếu cùng thấy nhau tức trái với tướng khắp cùng. Nếu chẳng thấy nhau thì chẳng thành chủ bạn. Đáp: Hỗ tương làm chủ bạn, nếu tánh khắp pháp giới, đây kia hỗ tương có viên không gì chẳng thấy nhau. Như Xá-na là chủ, chứng xứ là bạn. Không có chủ mà chẳng đủ bạn, cho nên Xá-na và chứng xứ đồng khắp pháp giới. Nghĩa là phương đông chứng pháp xứ lại, kia có Xá-na, lại có phương đông mà lại làm chứng, mỗi mỗi xa gần đều đồng khắp pháp giới, tất cả trần đạo không chứng không ngại. Tư duy đó thì có thể thấy.

Hỏi: Đã xưng là quán tâm tự ngộ, chẳng gá duyên bên ngoài, cớ sao rộng tán thán ân Phật, xưng dương kinh giáo?

Đáp: Nếu chẳng nhân chỗ giáo chỉ bày thì không do đâu để được biết tự tâm. Giả sử chẳng nhân giáo, phát minh cũng phải nhờ giáo ấn khả. Nếu không như vậy, đều thành ngoại đạo tự nhiên, Thiền sư tối chứng, ngay giúp đở chúng sinh mà biết đó. Cũng là nhiều đời nghe kinh huân tập chủng, hoặc là bản nguyên các Thánh ngầm gia hộ, do đó. Trong Thai Giáo nói: “Phàm người chỉ một hướng Quán vô sinh, chỉ tin tâm ích lợi, chẳng tin sai Đức Phật bên ngoài gia hộ ích lợi. Đó là đọa vào tự tánh si, lại, một hướng tin Phật bên ngoài gia hộ, chẳng tâm bên trong mong cầu ích, đây đọa vào tha tánh si, cộng si không nhân si cũng có thể giải. Người tự tánh si mắt thấy thế gian kéo dắt nặng chẳng tiến bước, nhờ sức bên cạnh hỗ trợ tiến tới, cớ sao chẳng tin người tội cấu nặng nhờ oai Đức Phật kiến lập khiến quán tuệ được ích. Lại, ông từ xứ nào được nội quán vô sinh đó? Từ thầy ư? Từ kinh ư? Từ tự ngộ ư? Thầy và kinh tức là duyên bên ngoài của ông, nếu tự ngộ, hẳn được ngầm gia hộ. Ông chẳng biết ân, như cây gỗ chẳng biết ân nhật nguyệt gió mưa v.v... Trong kinh nói: Chẳng phải trong chẳng phải ngoài, mà trong mà ngoài nên chư Phật giải thoát cầu ở trong tâm hành, mà ngoài nên chư Phật hộ niệm. Cớ sao chẳng tin giúp ích bên ngoài vậy? Lại nếu, luận về chí lý thì không phật không chúng sinh, đâu nói là cảm ứng, nếu ở trong môn Phật sự, căn cơ nên lẽ ra chẳng phải một, nếu không có căn cơ chúng sinh, thì chư Phật chẳng ứng, đâu có thể chấp tự chấp tha, luận trong luận ngoài mà sinh biên kiến ư? Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa có hỏi: Chúng sinh có duyên, Thánh nhân ứng là một

hay là khác, nếu một thì chẳng phải có ứng, nếu khác thì nào tương giao liên quan mà luận có ứng? Đáp: Chẳng một chẳng khác, hiện luận thì đồng như, cho nên chẳng khác, sự luận có cơ cảm, cho nên chẳng một thí như cha con, thiên tánh tương quan, cốt nhục di thể, khác thì chẳng thể, nếu đồng thì cha tức con, con tức cha, đồng lại chẳng thể, chỉ chẳng một chẳng khác mà luận cha con vậy, chúng sinh lý tánh cùng Phật chẳng khác, cho nên chẳng khác, mà chúng sinh ẩn, Như Lai hiển, cho nên chẳng một, chẳng một chẳng khác mà luận cơ ứng vậy. Lại, đồng là chẳng phải sự chẳng phải lý, nên chẳng khác, chúng sinh được sự Thánh nhân được lý, lại, thánh nhân được sự, phàm phu có lý, nên luận khác.

Hỏi: vì dụng pháp thân ứng, dụng ứng thân ứng, nếu ứng thân, ứng thân không gốc, sao có thể ứng? Nếu dụng pháp thân ứng, ứng thì chẳng phải pháp?

Đáp: Chỉ luận các pháp chẳng phải đến đi, nay chẳng phải ứng chẳng phải chẳng ứng, mà năng có ứng, cũng có thể nói pháp ứng, cũng có thể nói ứng ứng. Pháp ứng thì ngầm ích, ứng ứng thì hiển ích. Phân biệt ngầm hiểu thì có bốn nghĩa, như nói ở sau. Nói rõ tướng cơ ứng là nói về thiện ác làm cơ làm đơn làm cộng, giảng giải chẳng đồng. Hoặc nói đơn ác làm cơ, nhân trong kinh nói: "Ta vì đoạn trừ tất cả bệnh ung bướu của chúng sinh". Lại nói: "Như có bảy người con, nhưng đối với người bệnh, thì tâm thiên trọng. Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh chẳng phải chẳng bình đẳng, nhưng đối với kẻ có tội, thì tâm thiên trọng". Lại nói: "Đức Như Lai chẳng vì chúng sinh vô vi mà trú nơi đời". Lại, vô ký và vô minh, trọn thuộc ác gồm, đây tức đơn dùng ác làm cơ, hoặc đơn dùng thiện làm cơ, nhân trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Ta quán chúng sinh, chẳng quán già trẻ trung niên giàu nghèo sang hèn, với người thiện tâm, tức bèn từ niệm". Đây thì đơn thiện làm cơ, hoặc nói: "Thiện ác chẳng được riêng làm cơ. Tại sao? Như tâm sau kim cang vị tức là Phật, các thiện khắp hợp, thiện ác không lỗi. Đây, sao được làm cơ ư? Tuy nói Phật Phật cũng nghĩ nhớ, đây là lời chung mà không nhổ không cùng. Nên biết đơn thiện chẳng được làm cơ. Đơn ác chẳng được làm cơ là, như Xiển-đề cực ác chẳng thể cảm Phật, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Chỉ có một sợi tóc chẳng thể thắng thân", tức là tánh được lý thiện, đây là thông cơ, trọn chẳng thành cảm vậy. Hoặc lấy thiện ác dính kẹt nhau làm cơ là, từ Xiển-đề khởi tâm hối cải. Trên đến hàng đẳng giác đều có thiện ác dính kẹt nhau, nên được làm cơ. Cho nên nói về thiện ác đây nói rõ về tướng đó vậy. Tiếp theo nói về từ để nói rõ tướng ứng là, hoặc đơn dùng Từ ứng. Trong kinh nói: "Lực từ

thiện căn voi thấy sư tử”. Nói rộng như ở kinh Niết-bàn, hoặc đơn dùng bi làm ứng. Như trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Hoặc dạo chơi địa ngục, đại bi thay chịu khổ”. Hoặc hợp dùng từ bi làm ứng. Tại sao? Do vì tâm bi huân ở trí tuệ có thể nhổ từ khổ cho kẻ khác. Trong kinh nói: “Lực định tuệ trang nghiêm, dùng đó độ chúng sinh”. Trong luận nói: “Thủy ngân hòa với vàng thật, năng bôi xoa các sắc lượng. Công đức hòa với pháp thân, xứ xứ ứng hiện đến”. Đâu là thủy ngân, vàng thật đơn có thể độ sắc lượng ư? Phải biết từ bi hòa hợp luận ứng vậy.

Hỏi: Chúng sinh thiện ác có ba đời, đời nào làm cơ? Thánh pháp cũng có ba đời, đời nào làm ứng? Quá khứ đã qua mất, hiện tại chẳng trú, vị lai chưa đến, đều chẳng được làm cơ, cũng chẳng được làm ứng, tại sao luận về cơ ứng ư?

Đáp: Nếu căn cứ chí lý cùng xét, thì ba đời đều chẳng thể được, nên không ứng, nên trong kinh nói: Chẳng phải cho rằng Bồ-đề có quá khứ vị lai và hiện nay, vì dùng văn tự thế tục tích số nên nói có ba đời. Dùng lực bốn tất-đàn tùy thuận chúng sinh nói, hoặc dùng thiện quá khứ làm cơ, nên nói chúng ta v.v... do phước lành đời trước, nay được gặp Thế Tôn, lại như năm thứ phương tiện. Người ở quá khứ tích tập phương tiện là, phát chân thì dễ, chẳng tập thì khó, cho nên dùng thiện ở quá khứ làm cơ, hoặc có thể dùng thiện ở hiện tại làm cơ, nên nói đời nay lúc sinh niệm này Phật ở trong hư không hiện. Hoặc có thể dùng thiện ở trong tương lai làm cơ, thiện pháp chưa sinh khiến sinh vậy. Lại như vô lậu không tập nhân mà năng cảm Phật vậy. Nên trong luận Đại Trí Độ nói: “Thí như hoa sen tại nước đã có sinh và chưa sinh là, nếu chẳng được ánh sáng mặt nhật che khuất thì chết chẳng phải nghi ngờ, thiện của ba đời nếu chẳng gặp Phật thì không do đâu mà được thành. Hiện tại tạo các tội, nay cũng sám hối, tội của tương lai, đoạn dứt tâm tương tục ngăn ngừa vị lai vậy. Gọi đó là cứu (ngăn ngừa), thế nào là tạo ác quá khứ chướng ngăn thiện hiện tại chẳng được khởi, vì trừ ác đó nên cầu thỉnh Phật. Lại, quả khổ báo ở hiện tại bức bách chúng sinh mà cầu cứu hộ. Lại, ác của vị lai cùng thời đồng gặp, ngăn ngừa khiến chẳng khởi, nên thông dùng ác cả ba đời làm cơ, nên cũng như vậy. Hoặc dùng từ bi ở quá khứ làm ứng, nên nói tu uẩn tập thệ nguyện muốn khiến được pháp động. Hoặc dùng từ bi ở hiện tại làm ứng là, tất cả trời người A-tu-la đều nên đến đây, vì để nghe pháp vậy. Với kẻ chưa độ khiến độ. Lại dùng vị lai ứng là, tức là trung thọ lượng, ở đời vị lai lợi ích chúng sinh vậy. Cũng như trong phẩm An Lạc nói là: “Lúc Ta chứng đắc Tam Bồ-đề, dẫn dắt đó khiến được trú trong pháp đó”. Hoặc

thông luận cả thiện ác trong ba đời đều làm cơ, riêng luận chỉ lấy thiện ác ở vị lai làm chánh cơ vậy. Tại sao? Quá khứ đã trôi qua, hiện tại đã định, chỉ vì nhờ trừ ác ở vị lai, sinh thiện ở vị lai vậy.

Hỏi: Nếu vị lai làm chánh cơ là ý bốn cầu như thế nào?

Đáp: Đây dùng thuộc thông ý nay lại riêng biệt đáp là, chỉ vì ác ở quá khứ ngăn ngại thiện ở vị lai nên lần đoạn ác ở quá khứ, chỉ vì thiện ở quá khứ chẳng được tăng trưởng. Tăng trưởng tức là thiện ở vị lai vậy. Cho nên trong bốn chánh cần, nói tuy quá khứ mà ý thật ở vị lai này.

Hỏi: Vị lai có thiện ác, Phật làm sao soi chiếu?

Đáp: Trí soi xét của Đức Như Lai năng biết như vậy, chẳng phải biết dưới đất, ngưỡng tin mà thôi, sao có thể phân biệt.

Hỏi: Chúng sinh đó năng cảm hay do Phật nên cảm? Đức Như Lai tự năng ứng, hay do chúng sinh nên ứng?

Đáp: Ứng đây nên làm thành bốn câu. Tự tha cộng không nhân, phá nghĩa tánh đó đều chẳng thể, không bốn câu đây thì không tánh. Không tánh nên chỉ dùng danh tự thế gian. Trong bốn Tất-đàn mà luận cảm ứng năng sở v.v... không năng ứng thuộc Phật, nếu lại không chất tạo tác các thứ ngôn ngữ danh tự thì loạn, chẳng thể phân biệt, tuy làm danh tự như đây, là chẳng trú chữ đó, không chỗ có nên như huyễn mộng.

Hỏi: Đã thiện ác đều làm cơ là ai không thiện ác đây nên được lợi ích ư?

Đáp: Như người bệnh ở đời, gần thầy thuốc mà có lành và chẳng lành. Cơ cũng như vậy, có chín muồi và chẳng chín muồi, thì ứng có xa có gần, rõ ràng cơ cảm chẳng đồng là, chỉ căn tánh chúng sinh có trăm ngàn, chư Phật khéo ứng vô lượng, tùy các thứ khác thì độ chẳng đồng, nên trong kinh nói: "Danh sắc mỗi khác, chúng loại bao nhiêu như thượng trung hạ căn cành lá v.v... tùy chủng tánh đó mà mỗi được sinh trưởng", tức là ý cơ ứng chẳng đồng vậy, nay lược nói làm bốn: một là ,ngầm ứng, tướng đó như thế nào? Nếu tu ba nghiệp, hiện tại vị lai thân khẩu nhờ sức thiện đã qua, đó gọi là cơ ngầm. Tuy chẳng cùng thấy linh ứng, mà kín làm chỗ lợi ích của pháp thân, chẳng thấy chẳng nghe, mà hay mà biết, đó là ngầm lợi ích vậy. Thứ hai, ngầm có hiển ích là, ở quá khứ gieo trồng thiện, ngầm cơ đã thành, bèn được gặp Phật nghe pháp, hiện tại được lợi ích, đó là hiển ích, như Đức Phật, người được độ đầu tiên, hiện tại nào từng tu thiện. Chư Phật soi chiếu cơ xưa trước đó, tự đến độ họ, tức là nghĩa đó vậy. Thứ ba, hiển cơ hiển ứng là, hiện tại thân khẩu tinh cần chẳng biếng lười là năng cảm giáng, như Trưởng

giả Tu-đạt quỳ, Đức Phật đến Kỳ-hoàn, Nguyệt cái cúi mình, Thánh ở cửa cổng, như tức hành nhân, đạo tràng lễ sám năng cảm điềm linh, tức là hiển cơ hiển ứng vậy. Thứ tư, hiển cơ ngầm ứng là, như tuy một đời cầu khổ, thiện hiện tại tích chứa sâu dày mà chẳng hiểu cảm. Ngầm cơ lợi ích đó. Đây là hiển cơ ngầm ích. Nếu giải bốn ý, tất cả cúi đầu dơ tay, phước chẳng luống bỏ, trọn ngày không cảm trọn ngày không hối hận. Nếu thấy thích giết hại thì thọ dài thích bố thí thì nghèo thiếu thốn, chẳng sinh tà kiến. Nếu chẳng giải hiểu đây, thì đó gọi là luống công mất kế lo âu hối hận mất lý. Nên trong Thích Luận nói: "Nay Ta bị bệnh khổ đều bởi quá khứ. Đời nay tu phước, quả báo ở tương lai", chánh niệm không trốn lánh, được bốn ý đây vậy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 62

Hỏi: Phàm, chân tâm bình đẳng, trí Phật và quần sinh tùy là đều có, mà tin hiểu khó sinh, phần nhiều ôm lòng hồ nghi, ít thể viên chứng, dẫu như trí lợi của hàng Bích-chi Phật, bậc thượng căn như Xá-lợi-phất, cho đến chư Đại Bồ-tát trong địa vị Bất thối, dốc hết sức lực tư duy, không đo lường được nguồn đó, hàng khéo biện giải diệu thông suốt, chẳng thể biết ngằn mé đó, nên lại cầu mong nói rõ giáo lý, xác thực vạch bày, hiển nên đại chỉ ngay trước mắt, đoạn trừ mảy may nghi ngờ ở ý địa?

Đáp: Giáo của rộng lược, phân tích của già biểu (ngăn bày), tuy mở hợp chẳng đồng, chung riêng có khác, nhưng điều hiển bày yếu chỉ của duy tâm, trọn không có văn tự của ngoài thức, chứng đắc đông nhiều như số cát sông Hằng, đâu phải chỉ có một vài vị. Do đó, trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

"Biết tịch diệt đệ nhất,
Do sức phương tiện vậy.
Tuy nói các thứ đạo,
Kỳ thật là Phật thừa".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Nay ta cũng như vậy,
Vì an ổn chúng sinh,
Dùng các thứ pháp môn,
Tuyên bày nơi Phật đạo".

Giải thích: Biết tịch diệt đệ nhất là, nhất tâm chân như vốn là tịch diệt, chẳng phải diệt quả luân hồi sinh diệt, cũng chẳng phải diệt của quán hạnh đối trị, nên xưng là đệ nhất ở trong của nhất tâm tịch diệt, tức không pháp có thể tuyên bày, không đạo có thể kiến lập, vì người chưa rõ, nên dùng sức phương tiện đại bi, tuy nói các thứ môn riêng đạo khác. Nếu khắc lễ mà luận bàn, chỉ là chỗ quy về nhất tâm Phật thừa, lại không sự gì khác. Nay ta cũng như vậy là, nay ta cùng chư Phật ở

mười phương đồng chứng pháp đây, đều là như vậy, vì để làm an lạc tất cả hữu tình đây, nên mở bày ba thừa năm tánh các thứ pháp môn, tuyên bày ở duy tâm Phật đạo. Trong kinh Lăng-già nói: “Phật bảo: Đại Tuệ! Thân và chất sinh khí thế gian v.v... tất cả đều là ảnh tượng của tạng thức. Sở thủ năng thủ hai thức, hai thức tướng hiện, các hàng ngu phu kia rơi đạo sinh trong hai kiến trú diệt, trong đó vọng khởi có phân biệt. Đại Tuệ! Đối với nghĩa đây, ông nên tịnh cầu tu học”. Lại, trong kinh nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

“Các thứ tùy tâm chuyển,
Chỉ tâm chẳng pháp khác,
Tâm sinh các thứ sinh,
Tâm diệt các thứ diệt,
Chúng sinh vọng phân biệt,
Không vật mà thấy vật,
Không nghĩa thể là tâm,
Không phân biệt được thoát”.

Lại, có kệ tụng khác nói:

“Không địa và các đế,
Không cõi nước Hóa Phật,
Bích-chi và Thanh văn,
Chỉ là tâm phân biệt.
Thể người và năm Ấm,
Các duyên và vi trần,
Thắng tánh tự tại làm,
Chỉ là tâm phân biệt.
Tâm khắp tất cả xứ,
Tất cả xứ đều tâm,
Vì tâm chẳng khéo quán,
Tâm tánh không các tướng”.

Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

“Tất cả phương hướng trong biển,
Nương nơi tâm tưởng chúng sinh mà trú”.

Lại nói: Biết tất cả chỗ an lập trong pháp giới đều trú nơi khoảng tâm niệm Tam-muội. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Thí như ngựa đều thuần, tự thấy bản chẳng sợ, tại sao? Vì biết bóng từ thân sinh ra. Như người tin vào nhất thừa điều thuận, thấy tất cả cảnh khủng bố mà chẳng khiếp sợ vì tự biết cảnh từ tâm sinh”. Trong luận Duy thức nói: “Như trong Khế kinh nói tam giới duy tâm. Lại nói sở duyên chỉ thức hiện

nên. Lại nói các pháp đều chẳng lìa tâm". Lại nói: Hữu tình tùy tâm dơ sạch. Lại nói Bồ-tát thành tựu bốn trí, năng tùy ngộ nhập Duy thức không cảnh. Lại có kệ tụng nói:

"Chỗ tâm ý thức duyên,
Đều chẳng lìa tự tánh,
Nên ta nói tất cả,
Chỉ có thức không thôi".

Các điều chánh giáo như vậy, thật chứng chẳng phải một. Giải thích: Lại nói sở duyên, chỉ thức hiện nên là, người cho rằng chỗ riêng ngoài thức, ta nói tức là trên trong thức hiện nên Bồ-tát Thế Thân nói: "Nói là chỗ thức duyên, chỉ là thức hiện nên". Cho đến Đức Phật bảo Từ Thị Di-lặc: Không có chút ít pháp năng thủ chút ít pháp, vì không tác dụng vậy, chỉ lúc pháp sinh, sức duyên khởi lớn, tức trên một thể có hai ảnh sinh. Lại qua lại trong nhau chẳng tức chẳng lìa, các tâm tâm sở do sức duyên khởi, tánh đó pháp nhĩ như vậy mà sinh. Chỗ tâm ý thức duyên đều chẳng phải lìa tự tánh là, tự tức là pháp tự tâm, hoặc lý thể tức nghĩa chỗ nương tựa bản sự. Nghĩa là thứ tám tâm. Thứ bảy ý ngoài ra sáu thức, chỗ duyên đều là tự tâm làm cảnh, Phật bảo: do lý như vậy nên ta nói tất cả hữu vi vô vi đều chỉ có thức, không gì khác, thật không cảnh ngoài tâm vậy, mới biết phàm có thấy nghe, đều tự tâm sinh, thật không một pháp đáng tình mà có tự thể độc lập là đều từ duyên khởi, đều theo tưởng sinh, sinh tử Niết-bàn đều như huyễn mộng. Do đó, trong kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân nói: "Bấy giờ, A-nan đến nơi chỗ Phật bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Các Tỳ-kheo chẳng thể được lại. Tại sao? Vì thấy trong kỳ-hoàn nước lớn khắp đầy thanh tịnh không dơ, cũng chẳng thấy tinh xá cây lớn, do vì nghĩa đó nên đều chẳng được lại". Phật bảo: A-nan! Các Tỳ-kheo kia ở trong không nước mà sinh tưởng nước, ở trong không sắc mà sinh tưởng sắc, ở trong không thọ tưởng hành thức mà sinh tưởng thọ tưởng hành thức, trong không Thanh văn, Bích-chi Phật mà tưởng Thanh văn, Bích-chi Phật". Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Phật tử! thế nào là bậc Đại Bồ-tát lần lượt đến khắp cõi nước chư Phật thần thông tam muội? Phật tử! Bậc Đại Bồ-tát đó qua nơi phương đông vô số thế giới, lại qua chỗ thế giới đó với số thế giới nhiều như vi trần, ở trong các thế giới đó, vào tam-muội đây, cho đến ở mỗi mỗi chỗ các Đức Như Lai kia cung kính tôn trọng đầu đảnh kính lễ, gieo thân trải đất, thỉnh hỏi Phật pháp, tán thán Phật bình đẳng, ngợi khen chư Phật công đức rộng lớn. Vào nơi chỗ vào đại bi của chư Phật, được sức bình đẳng vô ngại của chư Phật. Ở trong khoảng một niệm, ở

nơi tất cả chư Phật tinh cần cầu diệu pháp, nhưng ở nơi chư Phật xuất hiện ở đời và nhập Niết-bàn, các tướng như vậy đều không chỗ được. Như tâm tán động liễu biệt chỗ duyên, tâm khởi chẳng biết chỗ nào duyên khởi, tâm diệt chẳng biết chỗ nào duyên diệt. Bậc Đại Bồ-tát đây cũng lại như vậy, trọn chẳng phân biệt tướng Như Lai xuất hiện ở đời và nhập Niết-bàn, Phật tử! Như dương diệm giữa ngày chẳng từ mây sinh, chẳng từ ao hồ sinh, chẳng ở nơi đất liền, chẳng ở nơi nước, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thiện chẳng phải ác, chẳng phải trong chẳng phải đục, chẳng kham uống súc, chẳng thể dơ uế, chẳng phải có thể chẳng phải không thể, chẳng phải có mùi vị chẳng phải không mùi vị. Do vì nhân duyên mà hiện tưởng nước, vì chỗ thức liễu, mà xa trông tợ nước mà dấy tưởng nước, gần đó thì không nước, tưởng tự diệt. Bậc đại Bồ-tát đây cũng lại như vậy, chẳng được tướng Như Lai xuất hiện ở đời và nhập Niết-bàn, chư Phật có tướng và không tướng đều là chỗ phân biệt của tưởng tâm, Phật tử! Tam-muội đây gọi là thanh tịnh thâm tâm hạnh, bậc Đại Bồ-tát đối với Tam-muội đây vào rồi mà khởi, khởi rồi chẳng mất”. Vậy biết chẳng phải chỉ Phật, giáo lấy tâm làm tông, chỗ ba giáo quy hướng, đều nói xét lại mình là trên hết, như trong Gia ngữ của Khổng tử nói: “Vệ Linh Công hỏi Khổng tử: có người nói với quả nhân người vì nước nhà, kính cẩn đó ở trên miếu đường, thì chánh trị vậy, điều đó thế nào”. Khổng tử đáp: “Như thế được vậy, kẻ mến thương người thì người mến thương đó, kẻ ghét người thì người ghét đó. Chỗ gọi là chẳng vượt ngoài phòng nhà của tường thành mà biết thiên hạ, là nghĩa của biết xét mình vậy”. Vậy biết, nếu chánh mình để theo vật, thì không sự gì mà chẳng quy về, tự nhiên lấy bỏ quên ôm hoài, đẹp xấu đều yếu chỉ, vậy biết, chỉ rõ nhất tâm, không tướng tự hiển hiện, thì sáu thủ trần lao tự nhiên siêu vượt, ra hẳn do từ cửa nhà, không gì chẳng do đạo đây vậy. Như các bậc cổ đức nói: “Sáu đạo quần mê từ cửa đây ra, trải qua ngàn kiếp mà chẳng trở lại, có gì thống khổ bằng thay?” Do đó, chư Phật kinh hãi vào nhà lửa, tổ sư đặc biệt từ Tây vức lại, cho đến ngàn thánh buồn than, đều vì chẳng đạt Duy tâm, đạo của xuất yếu vậy, nên biết, nếu chẳng rõ muôn pháp tức nhất tâm chân như đều là thành biến kế. Vì chân như không tướng, mà thấy có tướng thì đều là tình chấp. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Tất cả cảnh giới chỉ nương vọng niệm mà có sai biệt, nếu lìa tâm niệm thì không tất cả tướng của cảnh giới”.

Hỏi: Tự tánh hành tướng tác dụng của tám thức là một, hay mỗi riêng khác?

Đáp: Chẳng phải một, chẳng phải khác, trong luận nói tự tánh tám thức chẳng thể nói quyết định là một. Hành tướng chỗ nương tựa tương ưng khác vậy. Lại, lúc một diệt thì các thứ khác chẳng diệt. Tướng năng huân sở huân v.v... mỗi mỗi khác nhau, cũng chẳng phải quyết định là khác. Trong kinh nói tám thức như nước và sóng v.v... không có sai biệt. Quyết định là khác nên chẳng phải tánh nhân quả, như việc huyễn v.v... không tánh cố định. Như chỗ nói ở trước, thức tướng sai biệt nương lý thế tục chẳng phải chân thắng nghĩa, trong chân thắng nghĩa, tuyệt dứt tâm lời vậy. Như kệ tụng nói:

"Tâm ý thức tám thứ,
Tục nên tướng riêng biệt,
Chân nên không tướng riêng,
Tướng sở tướng không vậy".

Giải thích: Dùng ba nghĩa để giải thích chẳng thể quyết định: một là hành tướng, nghĩa là kiến phần, hai là sở y, nghĩa là căn. Ba là duyên, nghĩa là sở duyên. Do ba nghĩa đây, tương ưng khác vậy. Như nhãn thức thấy sắc là hành tướng, cho đến thức thứ tám biến sắc v.v... là hành tướng, nếu một thức diệt, còn lại bảy thức khác chẳng hẳn diệt, là bảy thức trước là năng huân, thức thứ là sở huân. Lại, bảy thức trước là nhân, thức thứ tám là quả cũng chẳng phải quyết định khác là, như trong kinh Lăng-già nói: "Thức như biển lớn sóng không có tướng sai biệt. Lại, nếu quyết định là khác, nên chẳng phải nhân quả, lại hỗ tương làm nhân quả vậy. Pháp nhĩ nhân quả chẳng phải quyết định khác, như lúa chẳng sinh mầm đậu v.v... Lại, tất cả cá pháp như huyễn v.v... nên biết không quyết định khác tánh.

Hỏi: Nếu vậy, thì từ trước đến đây nói tướng ba năng biến là thế nào?

Đáp: Đây nương đạo lý thế tục thứ hai trong bốn tục đế, nên nói có tám thức tùy sự sai biệt v.v... chẳng phải chân thắng nghĩa đế thứ tư trong bốn lớp chân đế, trong thắng nghĩa đế, nếu tám thức theo lý phân biệt thì tâm và ngôn đều tuyệt diệt, chẳng phải một chẳng phải khác. Tướng sở tướng không là tướng tức là năng, sở tướng là sở. Trên thức thế nào là tướng năng tướng sở? Nghĩa là dụng làm tướng năng, thể làm tướng sở. Hoặc dùng kiến phần làm tướng năng, tướng phần làm tướng sở. Lại dùng bảy thức trước làm tướng năng, thức thứ tám làm tướng sở. Tướng sở đã không tướng năng chẳng phải có. Nếu vào môn chân, theo lý đều không riêng biệt, môn chân chỉ là ngăn ngừa riêng biệt, ngôn không riêng biệt.

Giải thích: Chỉ từ nghiệp thức mới đầu khởi hai môn kiến tướng, nhân kiến lập năng, nhân tướng lập sở, năng sở vừa mới đủ, ngã pháp qua lại dấy khởi, từ đó, nhân hữu vi mà lập vô vi, đối lại hư giả mà nói chân thật, đều không thể cố định, tợ có chẳng phải chân, do đó, nhận danh của qua lại khởi, thấy sắc có biểu mà chấp không không biểu, đối chất của tương đãi, thấy sừng trâu mà chấp sừng thỏ không, chẳng biết lấy có ngăn ngừa không, có chẳng phải cố định có, dùng không ngăn ngừa có, không chẳng phải cố định không, nếu rõ tám thức chân tâm tự nhiên tuyệt đối đãi, nghi ngờ tiêu mất, năng sở dây rắn từ đó đều không, kiến dứt đối trị, hình danh do đó cả hai đều vắng lặng.

Hỏi: Ngoài tâm không pháp là chánh tông của Phật tổ, nay mắt thấy sum-la, hàng sơ học khó hiểu, chẳng tinh tế chỉ bày thì làm sao đoạn trừ nghi ngờ, phải nhờ duyên do của nên bày cật vấn để phá trừ chấp của tình trần ư?

Đáp: Trước đã rộng nói rõ, nay lại dẫn chứng. Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

"Pháp đó thức chuyển biến,
Phân biệt rõ phân biệt,
Do đây kia đều không,
Nên tất cả Duy thức".

Nói chuyển biến là tám thứ, thức từ tự chứng phần chuyển biến tợ hai phần hiện, tức sở biến kiến phần có năng tác dụng, gọi tên là kiến, sở biến tướng phần là sở tác dụng, gọi tên là tướng bao gồm hết tất cả pháp, tức hai phần đây từ trên tâm thể biến khởi, nên biết tất cả các pháp đều chẳng lìa tâm. Phân biệt sở phân biệt là kiến phần là năng phân biệt, tướng phần là sở phân biệt, do đây kia đều không là, vọng chấp trên hai phần kiến phần kiến tướng đây chấp có, cảnh của ngã pháp ngoài tâm là không, nên nói do đây kia đều không. Nên tất cả Duy thức là chỉ ngăn ngừa cảnh có. Thức chọn lựa tâm không, trừ chấp hai bên, chánh ở trung đạo, tức đem chữ duy ngăn ngừa Tát-bà-đa bộ chấp ngoài tâm thật có cảnh đó. Đem chữ thức để chọn lựa luận sư Thanh Biện v.v... chấp ác thủ không, tức phá hai biên không và có mà chánh ở trung đạo, nên trong sớ nói: "Ngoài thì bao la muôn tượng trong thì năng sở đều thành". Có thể gọi là bốn phần nhất tâm theo lý không vượt quá. Lại, Tiểu thừa có chín cật nạn, cật nạn ngoài tâm không pháp, yếu chỉ của duy tâm. Một là cật nạn sở nhân của Duy thức, các luận sư Tiểu thừa nói: "Lìa ngoài tâm ra, hiện thấy có sắc pháp, đó là cảnh thật sở duyên, cớ sao luận chủ bao la quy về tâm. Gồm gọi chung là Duy thức?

Một là sắc tâm khác, hai là năng sở chẳng đồng liên quan v.v... sắc cảnh chẳng dẫn kéo năng duyên tâm, vì sắc từ tâm có thể là Duy thức. Ngay ngoài tình sắc cảnh mà mê tâm, tâm bị cảnh mê, chẳng phải là nghĩa Duy thức". Luận chủ nói: Chỉ cảnh sắc biên ngoài đây, một là tất cả hữu tình duyên biến, hai là tất cả Hữu tình chỗ duy trì căn bản ngoài tâm đều do ở tâm, cho nên gồm quy về Duy thức. Trong kinh thập địa và kinh Hoa nghiêm nói tam giới duy tâm là ý nói pháp của ba cõi chỉ là chỗ biến của tâm, lìa ngoài tâm không có một vật. Đây cũng là ngăn ngừa hai chấp ngã pháp, chỉ là vọng tình chấp có, khắp thể toàn không, chỉ có trong tâm nên nói là duy tâm.

Hỏi: Dục giới Sắc giới có khí sắc cảnh bên ngoài, gọi là tâm biến, chỗ gọi là duy tâm, thản như trời cõi Vô sắc chỉ có tâm bên trong, không có cảnh sắc bên ngoài, sao cần phải duy tâm, há chẳng thành lỗi nâng đỡ nhau cực thành ư?

Đáp: Chẳng chỉ nói sắc giới chẳng lìa tâm mới gọi là duy tâm, đây cũng ngăn ngừa tham của trời Vô sắc giới thủ tâm của năng thủ vậy. Vì hữu tình ở vô sắc giới cũng tham ở cảnh không v.v... khởi vọng tâm đó vậy, Vô sắc giới cũng gọi là duy tâm. Nếu lúc được vô lậu, thì sắc vô lậu xuất thế v.v... đó là tâm tâm sở Duy thức vô lậu xuất thế gian, cũng là Duy thức, nên nói tam giới duy tâm. Trong kinh Giải Thâm Mật nói: "Lại nói sở duyên, chỉ là chỗ thức hiện", tức tất cả cảnh của sở duyên chỉ là chỗ biến hiện của thức, lại không pháp bên ngoài. Do đó, Đức Phật bảo Bồ-tát Từ Thị Di-lặc rằng: "Không có chút ít pháp năng thủ chút ít pháp không tác dụng". Nên, kinh Lăng-già nói: "Các pháp đều chẳng lìa tâm". Kinh Vô Cấu Xứng lại nói: "Hữu tình tùy tâm dơ sạch". Lại, Sao thích Duy thức sở nhân, lập bốn thứ đạo lý, tức bốn tỷ lượng vậy. Thứ nhất, tỷ lượng thành lập tướng phần năm trần, sắc đều năm thức trước thân sở duyên duyên, thành nghĩa Duy thức đó. Thứ hai, thành lập thức thứ sáu, và mờ tối thành lập hai thức thứ bảy và tám, đều duyên thân tướng phần của tự, chẳng lìa nơi thức, thành nghĩa Duy thức, thứ ba, tổng thành lập tất cả thân tướng phần chẳng lìa tâm thể được thành Duy thức. Thứ tư, thành lập tất cả sơ sở duyên duyên cảnh đều chẳng lìa tâm, được thành lập Duy thức vả lại, thứ nhất thành lập tướng phần năm trần đều chẳng lìa năm thức trước là, nay chỉ thành lập tướng phần một thức chẳng lìa nơi tâm. Bốn thức còn lại chuẩn cứ mà làm. Lượng là: Cực thành nhãn thức là hữu pháp, quyết định chẳng thân duyên, lìa sắc tự thức là Tông, nhân là: Cực thành trong năm thức tùy một gồm vậy, ngoài ra cực thành bốn thức còn lại. Đem giải thích lượng

đây, phân đó làm hai, thứ nhất là giải thích danh chọn lỗi, thứ hai là lược bày hỏi đáp. Trở lại thứ nhất: Tông trước nói cực thành, tức là chọn hai Tông chẳng cực thành nhãn thức. Thản như tông Đại thừa chấp thuận có nhãn thức của Phật và nhãn thức vô lậu của Phật ở phương khác, vì Tiểu thừa chẳng chấp thuận cũng chọn đó chẳng thủ. Nếu trong Tông Tiểu thừa chấp Phật là hữu lậu, nhãn thức và Bồ-tát thân sau cùng nhiễm ô nhãn thức, tức Đại thừa chẳng chấp thuận cũng phải lựa chọn đó, tức hai tông qua lại chẳng chấp thuận là pháp chẳng cực thành. Nay chỉ lấy hai tông cùng chấp thuận cực thành nhãn thức, mới lập làm tông, nên trước nêu bày lời nói cực thành nhãn thức vậy.

Hỏi: Nếu chẳng rốt ráo cực thành, hai tông chọn lựa tức có lỗi gì?

Đáp: Trước nêu bày bèn có lỗi tự tha một phần chỗ riêng biệt chẳng cực thành. Trong nhân cũng phạm lỗi tự tha một phần chỗ nương tựa chẳng thành, vì trước nêu bày không cực thành nhãn thức làm chỗ nương tựa vậy. Do đó, an đặt hai chữ cực thành, chọn lựa lời nêu bày sau quyết định chẳng thân duyên, lìa sắc tự thức. Tông là, chỉ lìa ngoài tướng phần nhãn thức, chỗ có bản chất sắc và bốn trần còn lại. Chỉ lìa nhãn thức là, đều chẳng thân duyên. Nếu lập địch cùng tranh cãi. Chỉ tranh cãi bản chất vậy. Nếu tự tông của Đại thừa là thành lập nhãn thức thân tướng phần sắc.

Hỏi: Cớ sao chẳng nói quyết định thân duyên chẳng lìa sắc của tự thức ư?

Đáp: Sợ phạm lỗi năng biệt chẳng cực thành vậy. Nghĩa là Tiểu thừa chẳng chấp thuận sắc chẳng lìa nơi nhãn thức vậy. Tiếp đến, nhân là: cực thành trong năm thức tùy một gồm là, nhân nói cực thành cũng chọn lựa chẳng cực thành năm thức. Nếu chẳng nói cực thành chọn lựa không, nói trong năm thức tùy một gồm là, tức nhân đây phạm lỗi tự tha một phần tùy một chẳng thành. Do đó, nhân an đặt cực thành nói bày đó, dụ là ... Như ngoài ra cực thành bốn thức là, dụ nói cực thành cũng trình bày pháp chẳng cực thành, nêu chẳng an đặt cực thành, tức phạm lỗi một phần năng lập sở lập chẳng cực thành, do đó, an đặt cực thành nói chọn lựa. Đã lập thành tưởng phần phần sắc chẳng lìa nơi nhãn thức, ngoài ra, thanh hương vị xúc v.v... đều chuẩn cứ đây thành lập, đều chẳng lìa nơi bốn thức còn lại vậy. Do đó, trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

"Cực thành nhãn thức thủy,
Năm tùy một gồm vậy,

Như còn chẳng thân duyên,
Lìa sắc của tự thức".

Thứ hai, nêu bày về hỏi đáp: Một, hỏi: Tông y phải cả hai đều chấp thuận, nay sau chọn lập, nói chẳng thân duyên lìa sắc của tự thức. Định là chấp thuận thân duyên lìa bản chất sắc của tự thức, sao nói là cực thành? Đáp: Tiểu thừa cũng chấp thuận nhãn thức chẳng thân duyên bốn trần còn lại, cứ lìa nhãn thức vậy, chỉ khiến tông khác chấp thuận có chẳng thân duyên, lìa sắc của tự thức, tức là tông y cực thành vậy. Hai, hỏi: Tông khác đã chấp bốn trần còn lại, nhãn thức chẳng thân duyên sau hợp làm tông bèn là nương tựa nhau, đâu thành tông tranh cãi? Đáp: Nay, chỗ tranh cãi chỉ là lấy bản chất sắc trần, nhãn chẳng thân duyên, qua lại sai biệt, thuận mình nghịch kẻ khác, chánh thành tông thể, vì Tiểu thừa tuy chấp thuận bản chất sắc lìa nơi nhãn thức, vả lại là thân duyên, nay nói chẳng thân duyên, há chẳng phải tông tranh cãi? Ba, hỏi: Chỗ tranh cãi trong tông là nhãn thức chẳng thân duyên bản chất sắc, đồng dụ như bốn thức còn lại. Bốn thức còn lại chỉ chẳng thân duyên bốn trần còn lại, đâu được tương tự ư? Đáp: Bốn thức còn lại là dụ y, mỗi cơ pháp chẳng thân duyên lìa tự thức, là dụ thể. Nay lấy dụ thể, chẳng lấy dụ y, cũng như âm thanh vô thường. Tông đồng dụ như bình, chẳng nên phân biệt âm thanh và bình có khác, chỉ lấy âm thanh và bình mỗi mỗi có nghĩa vô thường tương tợ làm nhân v.v... vậy. Thứ hai, dùng lý thành lập thức thứ sáu, gồm mờ tối thành lập hai thức thứ bảy và thứ tám. Lượng là: cực thành, thức còn lại là hữu pháp, cũng chẳng thân duyên lìa pháp của tự thức. Tông nhân là: thức tánh đó vậy đồng dụ như cực thành năm thức.

Giải thích: Tông trước trình bày nói cực thành cũng chọn lựa chẳng cực thành, nếu chẳng nói cực thành, thì phạm lỗi tự tha một phần chỗ riêng biệt chẳng cực thành. Nếu nói thức thứ sáu thứ bảy và thứ tám là pháp hữu, kẻ khác chẳng chấp thuận hai thức thứ bảy thứ tám tức phạm lỗi tha một phần chỗ riêng biệt chẳng cực thành. Nếu chỉ lập ý thức làm hữu pháp, trong nhân bèn phạm lỗi bất định. Bị tha đem hai thức thứ bảy thứ tám làm dụ khác. Lượng phạm lỗi cộng trung tự bất định. Nay chỉ tổng nói, ngoài ra riêng biệt lấy ý thức thứ sáu gồm thứ bảy và thứ tám, tức mờ tối thành lập lấy thứ bảy thứ tám ở trong các thức khác, sau trình bày nói cũng chẳng thân duyên lìa các pháp của tự thức, cũng là đồng vậy, đồng trước cực thành năm thức chẳng thân duyên lìa các pháp của tự thức. Nhân là: thức tánh đó vậy là, tức đồng năm thức là thức tánh, nên dụ như cực thành năm thức là tức đồng năm thức là thức tánh, cũng

chẳng thân duyên lìa tự thức vậy. Rõ ràng biết tức thân duyên chẳng lìa pháp tự thức đã thành lập xong, nên biết tất cả thân sở duyên cảnh điều chẳng lìa tâm là nghĩa Duy thức. Do đó, trong luận Duy thức nói: “Các thức khác biết nên như nhãn thức v.v... cũng chẳng thân duyên lìa các pháp tự”. Thứ ba, là dùng lý thành lập sáu thức trước thân tướng phần sở duyên duyên, đều quy về tâm thể, chỗ gọi là tâm thể tức là tự chứng phần vậy, nhưng tuy kiến phần cũng nương tự chứng mà chuyển. Nay chỉ lập tướng phần là, vì tướng phần cùng chấp thuận vậy. Lượng là: sáu thức thân sở duyên duyên là hữu pháp quyết định chẳng lìa thể sáu thức. Tông nhân là: trong hai phần kiến tướng tùy một gồm vậy. Như kia năng duyên kiến phần, Tiểu thừa chấp thuận kiến phần chẳng lìa tâm thể vậy, lấy làm đồng dụ. Do đó, trong luận Duy thức nói: “Thân sở duyên duyên đây quyết định chẳng phải lìa đây, vì hai tùy một vậy, như năng duyên kia”. Thứ tư, đạo lý thành lập tất cả sơ sở duyên duyên cảnh chẳng lìa tâm, là Duy thức đó tức tưởng phần thức thứ tám trông mong ở sáu thức trước, gọi là sở duyên duyên xa. Vì Tiểu thừa chẳng chấp thuận thức thứ tám, chỉ nói sở duyên duyên xa vậy. Lượng là: tất cả tùy tự thức sở duyên là hữu pháp quyết định chẳng lìa tâm năng duyên và tâm sở của ngã. Tông nhân là: Vì là pháp sở duyên vậy, đồng dụ như pháp tương ưng.

Giải thích: Lượng đây sau trình bày nói quyết định chẳng lìa năng duyên của ngã, nghĩa là tất cả hữu vi vô vi chỉ là pháp của sở duyên, quyết định chẳng lìa thức năng duyên của ngã, nếu sau trình bày nói năng duyên của ngã là bèn phạm lỗi của một phần nâng đỡ nhau, nghĩa là Tiểu thừa cũng chấp thuận trí tha tâm, cảnh của sở duyên, chẳng lìa tâm năng duyên, vì chọn lựa chỗ tương phù đây, bèn nói năng duyên của ngã, tức chọn lựa năng duyên của tha vậy, đồng dụ như pháp tương ưng, tức là từ trước lại đã thành lập thân tướng phần ấy vậy, đều là pháp sở duyên. Do đó trong luận Duy thức nói: “Pháp sở duyên vậy, như pháp tương ưng, quyết định chẳng lìa tâm và tâm sở. Do đó ngã pháp chẳng phải có, không thức chẳng phải không, lìa có lìa không chánh khế hợp Trung đạo”. Do đây Đức Từ Tôn nói Trung đạo với hai bài tụng:

“Hư vọng phân biệt có,
Ở đây hai đều không,
Trong đây chỉ có không,
Ở kia cũng có đây,
Nên nói tất cả pháp,
Chẳng không chẳng chẳng không,

Có không và có vậy,
Là khế hợp trung đạo".

Nói hư vọng phân biệt có, tức là có ba cõi, tâm phân biệt hư vọng. Nói ở đây hai đều không, nghĩa là không năng thủ và sở thủ, tướng của hai chấp ngã pháp, ở trên vọng tâm đây đều không. Nói trong đây chỉ có không, nghĩa là trong vọng tâm đây chỉ có chân như, đây là tánh không, nương không chỗ hiển bày vậy. Nói ở kia cũng có đây, kia tức là không tánh không kia, cũng có đây là cũng có thức vọng phân biệt đây vậy, tức hư vọng phân biệt là thế tục đế vậy, ở trong tực đế đây cũng có tánh không của chân đế vậy. Nói nên nói tất cả pháp tức là hai pháp hữu vi vô vi là tất cả pháp vậy. Nói chẳng không chẳng không, là chẳng không, nghĩa là tâm hư vọng phân biệt và tánh không, tức y tha và viên thành là có nên nói là chẳng không, vì hai đế vậy, chẳng chẳng không, nghĩa là năng thủ sở thủ, tướng của hai chấp ngã pháp là không tức tánh biến kế vậy. Nói có không và có vậy, có nghĩa là hư vọng phân biệt có, không nghĩa là hai thủ ngã pháp không, và có vậy, nghĩa là ở trong vọng phân biệt vậy. Nói là khế hợp trung đạo, nghĩa là chẳng phải một hướng không như luận sư Thanh Biện v.v... chẳng phải một hướng có như tiểu thừa v.v... nên gọi là trung đạo. Nghĩa là hai đế có chẳng đồng như luận sư Thanh Biện, hai thủ ngã pháp không chẳng đồng như tiểu thừa, nên gọi là trung đạo. Lại trong kinh A-tỳ-đạt-ma nói: "Bồ-tát thành tựu bốn trí, năng tùy ngộ nhập Duy thứ không cảnh, tức là hàng tiểu Bồ-tát ở Địa tiền, tuy chưa chứng lý của Duy thức, mà nương Phật nói và thấy hàng Bồ-tát Địa thượng thành tựu bốn loại trí của Duy thức, bèn vào hữu lậu quán quán chỗ Bồ-tát Thập Địa kia biến đại địa làm vàng ròng, quấy nước sông làm tô lạc, hóa núi thịt cá gạo v.v... mọi sự. Tiểu Bồ-tát đây vào quán quán rồi, bèn nói: Chỗ biến thật vàng bạc v.v... như vậy đều chẳng lìa tâm năng biến của hàng Bồ-tát Thập Địa, lại không cảnh bên ngoài" đã làm quán rồi cũng năng tùy thuận ngộ nhập lý chân Duy thức. Lại như Tổ sư Thắng Luận vì giữ nghĩa sáu câu, biến thân làm đá lớn, đây có dụng thật. Nếu quyết định cảnh thật là chẳng nên tùy tâm biến thân cảnh làm đá.

Hỏi: Thản như lúc biến đại địa, khiến chủng vàng riêng sinh, hay là chuyển địa đó bèn thành vàng ư?

Đáp: Trong Duy thức kinh nói: "Vì Phật Bồ-tát dùng trí diệu quán sát buộc trí đại viên cảnh và thức dị thục khiến chủng địa chẳng khởi chủng vàng sinh hiện, lấy đó làm tăng thượng, năng khiến chúng sinh địa diệt vàng sinh, gọi đó là biến, chẳng phải là bèn chuyển địa thành

vàng vậy". Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: "Do quán hạnh làm tăng thượng, khiến thức người khác biến". Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật bảo: Này thiện nam! Vị Đại Bồ-tát tu hành đại Niết-bàn như vậy là quán đất làm vàng, quán vàng làm đất. Đất làm tướng nước, nước làm tướng đất, tùy ý thành tựu không có hư vọng, quán thật chúng sinh làm chẳng phải chúng sinh, quán chẳng phải chúng sinh làm thật chúng sinh, đều tùy ý thành không có hư vọng", trong Thai Giáo nói: "Trong các vật, tất cả đều có lý có thể chuyển, như Tăng Hộ thấy thân làm giường, bình v.v... phải biết sắc pháp đều tùy cảm hiện, sắc không thể cố định tùy tâm biến nên. Lý đây vốn là pháp chẳng thể nghĩ bàn trong Như Lai Tạng, tùy tâm chấp thủ đắm trước thành ngoài thành nhỏ, chỗ hành của các ông là đạo của Bồ-tát, pháp giới bình đẳng, tất vuông chẳng khuyết, bốn loại trí Duy thức là: Một là, trí trái nhau thức tướng, tức bốn loại hữu tình mỗi mỗi riêng biệt thức của năng duyên. Thức đã trái nhau, nên tức trời thấy là đất báu trang nghiêm, cá thấy hang nhà, người thấy là nước sạch lạnh, quỷ thấy là sông tanh nông lửa dữ, duyên bốn loại hữu tình đây thức năng biến mỗi mỗi trái nhau vậy, rốt cùng khiến cảnh sở biến cũng là trái nhau. Nói là tướng, chẳng phải là tướng biến kế, chỉ là tướng của tướng phần, do sức nghiệp trước của bốn loại hữu tình cộng ở một xứ, mỗi mỗi biến tướng phần chẳng đồng nên gọi là thức tướng trái nhau. Nói trí tức là trí năng duyên của hàng Bồ-tát Thập Địa. Thí năng thấu rõ tự nghiệp thức của bốn loại hữu tình chỗ biến tướng phần chẳng đồng, lại không ngoài tâm, riêng biệt có bốn cảnh. Xưa trước nói: một cảnh ứng bốn tâm là chẳng chánh".

Hỏi: Cớ sao chẳng chánh?

Đáp: Nếu nói một cảnh mà chưa thẩm định là cảnh nào. Nếu lìa ngoài tướng phần sở biến của bốn loại hữu tình lại không riêng có một cảnh, tức là ngoài tâm có pháp.

Hỏi: Bốn loại hữu tình đó là mỗi mỗi biến tướng phần hay bản chất cũng riêng biệt?

Đáp: Bốn loại hữu tình do lực nghiệp tăng thượng, sở biến tướng phần thức thứ tám đó cũng riêng biệt. Nếu đem tướng phần thức thứ tám đây trong đến sáu thức trước của bốn loại hữu tình mà nói thức là bản chất vậy, tướng chất đều riêng biệt. Biết lại không cảnh bên ngoài, chỉ có thức vậy. Do đó trong luận Duy thức nói: "Một tướng trái nhau trí tướng, nghĩa là ở một xứ quỷ người trời v.v... tùy nghiệp sai biệt nên chỗ mỗi riêng khác" cảnh nếu là chất, đây làm sao thành? Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng ở thời Tiền Đường nói: "Cảnh chẳng phải cố định

một nên làm bốn loại hữu tình sở biến tướng phần, tùy tâm năng biến của bốn loại hữu tình, mà cảnh cũng thành bốn, một xứ giải thành sai, chứng biết chỉ có thức", trong luận nói: "Như người thấy nơi có phẩn uế, loài bàng sinh thấy thức ăn uống ngon sạch. Đối với chỗ thấy thức ăn uống ngon sạch của người, thì các trời thấy là phẩn uế bất tịnh" nên biết tùy phước thấy khác, dơ sạch duy tâm, nghiệp tự sai khác, vật thực không thô tế. Trông luận Đại Trí Độ nói: "Như Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật cùng chúng Tỳ-kheo tăng đồng vào thành Vương-xá, giữa đường thấy cây lớn, Đức Phật đến bên cây trải ni sư đàn, an tọa rồi bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo vào thiền, tâm được tự tại, có thể khiến cây lớn làm đất tức thành đất báu. Tại sao? Trong cây đó có phần đất vậy. Như vậy, các thứ nước gió lửa vàng bạc v.v... các thứ vật báu tức đều thành thật. Tại sao? Trong cây đó đều có các phần ấy. Lại nữa, như một sắc đẹp, người dâm thấy đó lấy làm sạch đẹp, tâm sinh nhiễm trước. Người quán bất tịnh quán đó các thứ xấu lộ bày, không một nơi sạch v.v... phụ nữ thấy đó ghét sân, mắt chẳng muốn nhìn, cho là bất tịnh, người dâm quán đó làm vui, người ghét quán đó làm khổ, người tịnh hạnh quán đó đều đắc đạo, người không tham dự quán đó thì không chỗ thích hợp chẳng bằng thấy đất gỗ. Nếu sắc đẹp đó thật sạch. Bốn hạng người quán đều nên thấy sạch, nếu thật bất tịnh thì bốn hạng người quán đó đều nên bất tịnh, vì vậy nên biết, tốt xấu tại tâm, ngoài không có định vậy.

Lại hỏi: Sức định biến hóa sự là thật hay là hư? Nếu thật sao đá làm vàng, đất làm nước? Nếu hư cớ sao thánh nhân mà hành chẳng thật?

Đáp: Đều thật, Thánh nhân không hư vậy, ba độc đã nhổ trừ vậy, vì tất cả pháp mỗi mỗi không tướng cố định, nên có thể chuyển đất hoặc làm tướng nước, như tô keo mật sáp là loại thuộc đất, gặp lửa thì tiêu làm nước thì thành tướng ẩm ướt, nước gặp lạnh thì đóng thành băng, mà làm tướng cứng chắc. Đá chân làm vàng, vàng hư bại làm đồng, hoặc trở lại làm đá, chúng sinh cũng như vậy. Ác có thể làm thiện, thiện có thể làm ác. Do đó nên biết tất cả pháp không biết cố định. Hai là trí không chỗ duyên thức, nói không chỗ duyên thức, tức là tất cả hàng dị sinh, đem từ độc sinh tán ý thức thứ sáu duyên bóng trăng đáy nước ảnh tượng trong gương v.v... ở quá khứ ở tương lai, biến khởi giả tướng phần là tướng phần đây v.v... chỉ là thức thứ sáu của chúng sinh vọng họa vẽ biến kế ngay tình biến khởi, đều không cảnh thật ngoài tâm gọi là không chỗ duyên thức. Nói trí tức là tâm năng duyên của hàng Bồ-tát

Thập Địa, Bồ-tát nói: Chỗ biến giải tướng phần của các hàng dị sinh, là Duy thức đó, tức lấy đây sánh với tất cả cảnh thật cũng chẳng lìa tâm năng duyên của tất cả hữu tình. Lìa ngoài tâm không có một vật gì khác” xưa trước nói: Duyên không chẳng sinh, nghĩ ngợi tức chẳng chánh. Hỏi: Cớ sao chẳng chánh? Đáp: Nếu như lúc duyên hoa đốm giữa hư không v.v... tất cả các cảnh giả, tâm cũng khởi vậy, sao nói duyên không chẳng sinh lo nghĩ? Nên biết lúc duyên cảnh giả không thể, chẳng không tướng phần thật trong tâm năng dẫn kéo sinh tâm. Trong kiến phần cũng thành nghĩa sở duyên duyên. Chưa có cảnh không tâm từng không tâm không cảnh. Lại chẳng trái nhau bốn phần của Bồ-tát Hộ Pháp lập thành nghĩa Duy thức. Nếu lìa thức tướng phần thật trong tâm, ngoài ra gây tạo họa vẽ cảnh biến kế chấp tâm đó tức không. Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng ở thời Tiền Đường nói: “Nên nói cảnh chẳng phải chân, nghĩ ngợi khởi chứng biết chỉ có thức” do đó luận Duy thức nói: “Thứ hai trí không chỗ duyên thức, nghĩa là duyên mộng quá khứ và vị lai, ảnh tượng trong gương v.v... chẳng phải là cảnh thật có, thức hiện có thể được, cảnh kia tức không, ngoài ra cũng nên vậy” đã nếu Bồ-tát quán cảnh Biến kế sở chấp của các hàng dị sinh đều chẳng lìa tâm các hàng dị sinh là rõ biết ngoài tất cả cảnh thật thảy đều như vậy, ba là trí tự nên không đảo, tức hàng Bồ-tát Thập Địa khởi trí quán sát tất cả chúng sinh vọng chấp tự thân là thường lạc ngã tịnh. Bồ-tát nói: “Đây chỉ là phàm phu chấp tâm đảo kiến, lìa tức ngoài tâm vọng chấp, trên thân phàm phu đó thật là cảnh không thường lạc ngã tịnh. Hẳn nếu là có thì các hàng dị sinh chẳng phải nhờ tu hành mà được giải thoát” đã chẳng như vậy, thì rõ biết chỉ có vọng thức. Nên trong luận Duy thức nói: Thứ ba, trí tự nên không đảo, nghĩa là trí ngu phu, nếu được cảnh thật, thì kia tự nhiên thành không điên đảo, chẳng do công dụng nên được giải thoát. Bốn là, trí tùy ba trí chuyển: Một trí tùy tự tại là trí chuyển, tức là Bồ-tát khởi trí, quán cảnh tự sở biến đều chẳng lìa tâm của ngã năng biến, là Duy thức đó, vì hàng Bồ-tát từ Bát Địa trở đi năng mặc tình biến đại địa làm vàng ròng, quấy nước sông làm tô lạc. Đây là cảnh tùy chân trí chuyển, sự sở biến đều thành, chuyển nghĩa là cải đổi chất cũ, tức cải đổi núi sông đất liền chất cũ chuyển thành vàng bạc v.v... chúng sinh thật được thọ dụng, rèn luyện làm các khí cụ đều được. Nếu lìa tâm có cảnh thật bên ngoài thì, làm sao núi sông v.v... năng tùy tâm Bồ-tát bền biến thành vàng bạc v.v... các vật? Vì bản chất tướng phàn thảy đều chuyển vậy. Nên biết tất cả các cảnh đều chẳng lìa tâm năng biến của Bồ-tát, cho đến các hàng dị sinh cũng năng biến

lửa thành nước, biến ngày làm đêm, chấm sắt thành vàng v.v... đây đều là cảnh tùy sự trí chuyển, sự sở biến đều thành, cũng là Duy thức. Nếu là chỗ Ca-đa-diễn-na biến cung điện vàng bạc v.v... đều chẳng thành tựu. Nên biết lìa tâm lại không có cảnh thật, trong luận nói: "Phàm biến vàng bạc cung điện v.v... là định quả sắc thật, từ hàng sơ địa trở đi mới có thể biến. Nếu nói về tự tại, thì hàng Bồ-tát từ Bát địa trở lên nơi tướng và cõi nước đều được tự tại, vì tâm định thượng phẩm có thế lực lớn, chỗ biến vàng bạc cung điện v.v... đều được thành tựu, như biến vàng bạc rèn luyện làm các khí cụ, thật được thọ dụng, sở biến vàng bạc đó là định quả sắc thật, đều chẳng lìa trong tâm các Bồ-tát. Đó là Duy thức, ngoài tâm không cảnh, nếu các Thanh văn và hàng tiểu Bồ-tát địa tiền v.v... nếu lúc biến vàng bạc cung điện v.v... tức gá chỗ biến cung điện vàng bạc của Bồ-tát lấy làm bản chất, chỗ thức thứ sáu biến vàng bạc v.v... đều chẳng thành tựu, không tác dụng thật, ngưng chỗ biến vàng bạc là định giả sắc quả chẳng lìa trong tâm các Thanh văn và hàng tiểu Bồ-tát. Đó là Duy thức ngoài tâm không cảnh, nay Ca-đa-diễn-na duyên là Thanh văn, chưa được định thượng phẩm chỗ biến vàng bạc tuy không tác dụng thật nhưng chẳng lìa tâm thức. Ngoài tâm không cảnh, do đó trong luận Duy thức nói: "Một trí tùy tự tại là trí chuyển, nghĩa là đã chứng đắc tâm tự tại, tùy muốn chuyển biến đất v.v... đều thành cảnh. Nếu là thật thì làm sao có thể biến?" Lại các bậc cổ đức nói: "Sắc tự tại tâm sinh vậy, tâm năng biến sắc, do đó dời núi lấp biển đổ đất lấp trời, quấy nước sông làm tô lạc, biến đại địa làm vàng ròng, đều không việc gì khó; hai trí tùy quán sát là trí chuyển là không tánh. Bồ-tát nói: "Các Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát v.v... nếu tu quán khổ không v.v... được tương ưng là, hoặc lúc làm quán tứ đế, tùy quán trên một pháp, chỉ có vô thường khổ không vô ngã v.v... các tướng hiển nhiên, chẳng phải là trên thể các pháp có nghĩa nhiều thứ khổ không v.v... chỉ là các tướng khổ không v.v... tức là thể của các pháp. Đã nếu là tướng vô thường ở trên tâm quán của Thánh nhân có là, nên biết tất cả các pháp đều chẳng lìa tâm quán mà có. Do đó, trong luận Duy thức nói: "Hai, trí tùy quán sát là trí chuyển, nghĩa là được thắng định tu pháp quán, tùy quán một cảnh, các tướng hiện tiền, cảnh nếu là thật, sao tùy tâm chuyển. Ba, trí tùy không phân biệt trí chuyển. Nghĩa là, Bồ-tát với trí căn bản lúc chứng chân như, cảnh chân như cùng trí ngầm hợp, năng sở một loại, lại không phân biệt, lìa ngoài bản trí là không cảnh riêng biệt, tức cảnh tùy chân trí chuyển, cho nên nói duy tâm. Tiểu thừa các ông nếu chấp ngoài tâm có cảnh thật, là lúc chứng

chân như, tất cả cảnh tướng sao chẳng hiện tiền. Nên trong luận Duy thức nói: "Ba, trí tùy không phân biệt trí chuyển, nghĩa là hiện chứng trí thật không phân biệt, tất cả cảnh tướng đều chẳng hiện tiền, cảnh nếu là thật, sao dung chẳng hiện? Thứ hai, cật nạn thế sự trái nghịch tông: các sư kinh bộ cật nạn là: "Nếu luận nếu nói chỉ có thức bên trong, không có cảnh ngoài tâm. Vậy cớ sao hiện thấy thế gian, tình và chẳng phải tình v.v... các vật? Có xứ định, thời định, thân chẳng định, tác dụng chẳng định v.v... căn cứ trong đây tức có bốn cật nạn. Một, cật nạn xứ định. Hai, cật nạn thời định. Ba, cật nạn thân chẳng định. Bốn, cật nạn tác dụng chẳng định. Thứ nhất, cật nạn nói: "Nếu luận chư nói tất cả đều là Duy thức không cảnh ngoài tâm, thì như người thế gian đem thức hiện lượng chánh duyên nơi phía Nam núi. Thức đó cùng núi đều tại phía nam đó. Núi chẳng lìa thức, có thể nói là Duy thức. Nếu chợt đem thức hiện lượng lúc duyên ở phía Bắc, núi đó quyết định ở phía Nam, vả lại, chẳng tùy duyên là tâm chuyển lại hướng Bắc. Nếu lúc đã duyên phía Bắc, duyên núi phía Nam tâm chẳng sinh, là rõ biết lìa ngoài thức có cảnh thật núi phía Nam. Đây sao thành Duy thức? Thứ hai cật nạn thời định là: Nếu lúc chánh duyên núi phía Nam, thức hiện khởi núi cũng tùy tâm khởi. Tức có thể thành nghĩa Duy thức. Vả lại, như lúc chẳng duyên núi phía Nam, tâm duyên núi đó tức chẳng sinh, nhưng núi vẫn tồn tại chẳng tùy tâm diệt, tức là lìa tâm có cảnh, sao thành nghĩa Duy thức? Hai cật nạn trên đây đều là cật nạn về thức hiện lượng. Cũng cật nạn về tỷ lượng. Nếu nói về tâm tỷ lượng, tức là tướng phần núi cũng hiện trên tâm ở xứ khác vậy. Thứ ba, cật nạn thân hữu tình chẳng định là, nếu nói tất cả đều là Duy thức. Vả lại, như có nhiều hữu tình đồng ở một nơi, trong đó, một nửa số người mắt bị bệnh màng, hoặc năm hoặc mười, hoặc có người thấy hoa đốm giữa hư không, hoặc có người thấy có đầu tóc, hoặc có người thấy ruồi xanh, hoặc có người toàn chẳng thấy vật. Các loại như vậy đều là tự thức người mắt bệnh biến khởi, chỗ biến tướng phần tóc ruồi v.v... đều chẳng lìa tâm người bệnh mắt màng, có thể là Duy thức. Vả lại, như một nữa số người chẳng bị bệnh mắt màng, hoặc năm hoặc mười cùng ở một xứ, chỗ thấy một loại vật đều đồng cảnh. Đã là một thì rõ biết lìa tâm có cảnh, sao thành Duy thức?

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 63

Thứ tư, cật nạn về tác dụng chẳng định. Ở trong đây phân ra ba cật nạn: Một, cật nạn là: Lại có nhân gì? Người mắt bệnh màng, chỗ thấy tóc ruồi v.v... tức không thực dụng của tóc ruồi, ngoài ra, người không mắc bệnh màng thì chỗ thấy tóc ruồi v.v... các vật là thật dụng chẳng phải không, Đại thừa các ông đã chấp thuận đều là Duy thức, tức phải một lúc có tác dụng thật, chẳng vậy, một lúc không tác dụng thật, nay đã chẳng đồng, chưa rõ thế nào là Duy thức đó? Hai, cật nạn là: Lại có nhân gì, mà hữu tình trong mộng chỗ được ăn uống dao gậy thuốc độc y phục v.v... tức không tác dụng thật và đến lúc tỉnh, nếu được bèn có tác dụng. Ba, cật nạn là: Lại có nhân gì mà trầm hương thành v.v... tức không tác dụng thật, ngoài ra, gạch đất thành v.v... bèn có tác dụng thật? Luận chủ đáp bốn cật nạn trước, nên dẫn luận Duy Thức Tam Thập Tụng nói:

"Xứ thời định như mộng,
Thân chẳng định như quỷ,
Đồng thấy sông tanh thảy,
Như mộng tổn có dụng".

Nếu y cứ kệ tụng đây để đáp bốn cật nạn trước tức đủ, trở lại, thứ nhất đáp về cật nạn xứ định. Luận chư nói: "Ông lại chấp thuận, hữu tình ở trong mộng có lúc thấy có thôn vườn hoặc mua nam hoặc mua nữ v.v... các vật tại nơi mật xứ định. Hữu tình đó tâm mộng lúc có bèn duyên các xứ khác, các xứ khác bèn chẳng thấy thôn vườn v.v... các vật khác trước tức tâm mộng chẳng định. Ông lại bao gồm chấp thuận là Duy thức chăng? Các sư kinh bộ nói: Với tông chúng tôi, trong mộng tuy mộng cảnh xứ mệnh, tâm mộng chẳng định, nhưng chẳng lìa hữu tình, tâm mộng đều là Duy thức. Luận chủ nói: Ta lúc tỉnh, cảnh sắc cũng lại như vậy, đều chẳng lìa tâm hiện tại, đều là Duy thức, Lập lượng là: Cảnh xứ định, tâm chẳng định vậy, dụ như tâm ông nói cảnh của trong mộng đều là Duy thức. Thứ hai, đáp cật nạn thời định Duy thức là, luận

chủ nói: Thân như hữu tình ở trong mộng chỗ thấy thôn vườn v.v... các vật. Tâm mộng đó lúc duyên có thể là Duy thức, nếu lúc chẳng duyên, nên chẳng phải Duy thức. Các sư hình lượng bộ đáp: Tôi trong cảnh mộng, nếu tâm mộng lúc duyên cũng là Duy thức, nếu tâm mộng có lúc chẳng duyên, nhưng chẳng lìa tâm mộng cũng là Duy thức. Luận chủ nói: Ta lúc tỉnh, cảnh sắc cũng lại như vậy, nay ta lúc lớn duyên phía nam núi, núi chẳng lìa tâm, là Duy thức. Có lúc tâm duyên núi, tuy chẳng sinh nhưng chẳng lìa tâm hiện tại, cũng chẳng là Duy thức. Trong kệ tụng nói: "Xứ thời định như mộng". Chỉ một câu đây, đáp hai cật nạn trước. Thứ ba, đáp cật nạn thân chẳng định là, luận chủ nói: Kinh lượng bộ các ông lại chấp thuận có nhiều ngạ quỷ đồng ở một xứ, trong đó có ba năm nghiệp đồng đó tức đồng thấy sông tanh nồng định. Lại có hoặc ba hoặc năm tùy sức tự nghiệp, chỗ thấy chẳng định, tức đồng ở một xứ mà, hoặc thấy lữa dữ, hoặc có thấy phẩn dơ, hoặc có thấy người đánh gậy giam giết bứt bách. Như vậy, ngạ quỷ đồng ở một xứ, mà một nửa thấy cảnh định, một nửa chỗ thấy mỗi mỗi riêng biệt, Ông đều chấp thuận là Duy thức, của ngạ quỷ chăng? Đáp: Tuy thấy có đồng dị như vậy mà đều chẳng lìa chỗ biến của tự nghiệp thức ngạ quỷ, đều là Duy thức. Luận chủ nói: Tông ta, Duy thức cũng như vậy, tuy một loại đều là người mù quáng, chỗ thấy mỗi riêng khác, có một loại là người chẳng mù quáng, thì chỗ thấy tức đồng, nhưng chẳng lìa chỗ biến của thức hai loại hữu tình ấy, đều là Duy thức, trong kệ tụng nói:

"Thân chẳng định như quỷ,
Đồng thấy sông tanh thảy".

Hai câu tụng đó đáp một cật nạn đây. Trong luận Thành Duy thức Bảo Sinh, có kệ tụng nói: "Thân chẳng định như quỷ". Là thật là sông trong sạch không cảnh khác bên ngoài, nhưng các ngạ quỷ đều đồng thấy tanh nồng tràn khắp mà chảy. Chẳng phải chỉ một thấy, nhưng ở xứ đây thật. Nhưng ở xứ đây thật không mảnh nhỏ chấp thuận huyết nồng có thể được. Sao dung được có tràn đầy bờ mà chảy? Tuy không cảnh thật, quyết định thuộc một, theo lý cố định chẳng thành, đây tức nên biết tâm quán sắc v.v... tuy không cảnh bên ngoài, chẳng tánh quyết định, ở thân chẳng phải có ngăn ngại tức cảnh không, tức kia thành lập có nhân của cảnh, có lỗi bất định, ở xứ không cảnh cũng có nhiều thân, cộng quán chẳng định, làm sao thật không sự tanh nồng tràn chảy, mà các ngạ quỷ chẳng riêng biệt quán đó. Do đồng nghiệp đó cảm ở vị đây, đều chẳng thấy tanh nồng tràn chảy, nghiệp xan lận thuần thục đồng thấy khổ đây. Do đồng nghiệp xưa mỗi mỗi huân nơi tự thể. Thời đây dị

thục đều là hiện tiền, nhiều hữu tình kia đồng thấy sự đây, thật không cảnh bên ngoài làm tư ức vậy. Chuẩn cứ đạo lý đây thì nhân đức cũng như vậy, cộng đồng tạo tác, lúc chỗ có huân tập thuần thục, bên không tướng riêng biệt. Tướng phần sắc v.v... từ thức mà sinh. Cho nên quyết định biết chẳng do cảnh bên ngoài, thức mới được khởi. Há chẳng phải chấp thuận đây đồng thủ sinh, nhưng chẳng phải quyết định tình kia đồng nghiệp. Do hiện tại có nhà tốt kẻ xấu giàu nghèo v.v... khác nhau. Do vậy bèn thành thấy sắc đó v.v... nên có sai biệt, đồng dị loại kia thấy thành chẳng phải v.v... Nên biết loại đây và kia chẳng đồng. Kia cũng chẳng do lực cảnh bên ngoài nên sinh cảnh sắc v.v... Nhưng các ngạ quỷ tuy đồng một thú mà thấy cũng sai biệt. Do nghiệp khác tướng nên chỗ thấy cũng vậy. Kia hoặc có thấy vòng sắt nóng lớn, đốt nướng nổi chìm, hoặc có lúc thấy phẩn dãi chảy tràn, chẳng phải tương tợ vậy. Tuy đồng trong nhân thú mà người bạc phước đai vàng hiện thời mà thấy là vòng sắt cháy rực khó thể gần gũi, hoặc thấy là rắn nhả lửa độc. Cho nên quyết định biết, tuy tại nhân thú cũng chẳng phải đồng thấy. Nếu loại như vậy không tánh thấy riêng biệt. Do đó, đều có nghiệp của đồng loại, nhưng do nghiệp kia có nghiệp đồng phận, sinh thú đồng phận lại có nghiệp riêng biệt, nên mỗi mỗi riêng biệt mà thấy, một công năng đây tùy lúc đó vậy, khiến các người kia có thấy đồng dị, lại dùng nghĩa đây để đáp các lời khác, có thuyết nói hữu tình các thú riêng biệt như quỷ bàng sinh v.v... Nên chẳng phải một xứ, có thấy chẳng riêng biệt, do tác nghiệp riêng biệt tánh dị thục vậy, đây tuy thánh thú mà nghiệp có sai biệt. Nghiệp của đồng quán lại có chẳng khác, tức các hữu tình tự trong tương tục có chủng nghiệp riêng khác đó tùy vậy, kia mặc duyên đó mỗi mỗi được sinh khởi. Thứ tư, tổng đáp ba cật nạn trong tác dụng chẳng định là. Luận chủ nói: Kinh lượng bộ các ông v.v... lại chấp nhận hữu tình trong mộng chỗ được dao gậy ăn uống v.v... Không tác dụng thật là Duy thức chăng? Đáp: Đúng vậy. Lại nói: chỉ như hữu tình ở trong mộng, có lúc bỏ mất bất tịnh và bỏ mất phẩn dãi v.v... mọi sự, tức có tác dụng thật, các ông cũng chấp thuận là Duy thức chăng? Đáp: Đúng vậy. Luận chủ so sánh đáp: Các ông chấp thuận trong mộng có tác dụng thật và không tác dụng thật, đều là Duy thức, tức biết trong tông ta, người mắt bị mù quáng và chẳng mù quáng, và hiện tỉnh trong mộng gần thành giả thành thật, cả ba loại ấy đều là có tác dụng thật, cũng như ông trong mộng, tác dụng có thật hay không thật đều là Duy thức, luận chủ dùng lượng thành lập là: Tông ta lúc tỉnh, cảnh sắc là hữu pháp, quyết định là Duy thức, tông nhân là: Có tác dụng thật vậy.

Như ông cảnh sắc trong mộng chẳng vậy, thì ông cảnh sắc trong mộng là hữu pháp, nên chẳng phải Duy thức. Tông nhân là: Tác dụng có thật và không thật vậy, như ông cảnh sắc lúc ông tỉnh. Trong luận Duy thức có kệ tụng nói: "Như mộng tổn có dụng". Lấy một câu đây đáp cật nạn về cảnh trên. Lại đều đem một thí dụ, tổng đáp bốn cật nạn. Trong luận Duy Thức Tam Thập Tụng nói: "Tất cả như địa ngục, đồng thấy ngục tốt thảy, năng làm sự bức bách, nên bốn nghĩa đều thành". Vả lại như thế gian, xứ định, thời định, thân chẳng định, tác dụng chẳng định v.v... mọi sự, cũng như trong địa ngục, các hữu tình chịu tội mỗi mỗi thấy sự trị phạt cũng có thời định, xứ định, thân chẳng định, tác dụng chẳng định. Đó đều là Duy thức, chỉ là các hữu tình ác nghiệp tăng thượng, tuy đồng một ngục, nhưng thời chịu khổ, chỗ thấy chó đồng rắn sắt, lính ngục đầu trâu, các khí cụ trị phạt hoặc đồng hoặc khác, khổ khí như vậy bức hại tội nhân đều là tự tâm ác nghiệp của tội nhân hiện, đều không ngoài tâm thật có các vật chó đồng v.v... Nay sự pháp thế gian cũng là như vậy. Nếu tội nhân đồng một ngục là lực ác nghiệp tổng báo, nếu mỗi mỗi chịu tội riêng biệt tức là lực ác nghiệp biệt báo. Trong Chư Kinh Tập Yếu nói: "Phàm nơi tội hành vọng thấy cảnh, nhiễm chấp định ngã nhân, thủ trước nghịch thuận, bèn khiến tự tha đều thành nghiệp ác". Do đó trong kinh có kệ tụng nói:

"Tham dục chẳng sinh diệt
Chẳng thể khiến tâm não
Nếu người có ngã tâm
Và người có được thấy
Là người làm tham dục
Sắp vào nơi địa ngục".

Cho nên tuy ngoài tâm không cảnh riêng biệt, xứng mê tình kia cưỡng thấy khởi nhiễm như mộng thấy cảnh khởi các tham sân, xứng với mộng kia, cho là thật chẳng hư, với lý thật không cảnh, chỉ tình vọng thấy vậy. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Như trong mộng, sự không thiện mà thiện. Sự không sân mà sân, sự không sợ mà sợ. Chúng sinh trong ba cõi cũng lại như vậy, do vô minh ngủ mê nên chẳng đáng sân mà sân v.v... nên biết ngoài tâm tuy không cảnh riêng biệt, xứng với mê tình kia vọng thấy khởi nhiễm. Ngoài tâm tuy không tướng địa ngục v.v... bởi lúc ác nghiệp thành vọng thấy chịu khổ. Như trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Người Diêm-ma-la chẳng phải là chúng sinh. Tội nhân thấy đó, cho là trong tay chúng sinh đó cầm nắm kềm sắt cháy rực, người ở địa ngục kia ác nghiệp đã hết sau khi mạng chung, chẳng còn thấy ngục

tốt Diêm-la. Tại sao? Vì kia chẳng phải là trong số chúng sinh, như dầu đốt hết thì không có đèn. Nghiệp hết cũng vậy, chẳng còn thấy ở ngục tốt Diêm-la. Như ở Diêm-phù-đề lúc mặt nhật đã xuất hiện thì không mờ tối, lúc ác nghiệp hết, thì ngục tốt Diêm-la cũng lại như vậy. Mắt ác miệng ác như tướng chúng sinh, sắc đáng khiếp sợ thảy đều diệt sạch, như phá vách tường có họa vẽ thì hình ảnh họa vẽ cũng diệt theo. Vách tường ác nghiệp họa vẽ cũng như vậy, chẳng còn thấy ở ngục tốt Diêm-la sắc đáng khiếp sợ. Dùng lời văn đây để chứng minh chúng sinh ác nghiệp đáng chịu khổ là, tự nhiên trong đó vọng thấy địa ngục. Hỏi: Thấy địa ngục là chỗ thấy ngục tốt và hổ lang v.v... có thể khiến vọng thấy nơi địa ngục kia, Diêm-la ở trong đó phán các tội nhân thì có tội đây, cớ sao nói không? Đáp: Thấy ngục chủ kia cũng là vọng thấy, ngay tội nhân nghiệp ác huân vào tâm, khiến tâm biến khác, vọng thấy trong không thật không địa ngục Diêm-la ở trong đó. Lại trong luận Duy thức có hỏi: Trong địa ngục, chư chim, chó, dê v.v... là chúng sinh hay chẳng phải chúng sinh? Đáp: Chẳng phải chúng sinh. Hỏi: Bởi nghĩa gì mà chẳng phải chúng sinh? Đáp: Vì chẳng tương ưng. Đây có nghĩa gì? Có năm thứ nghĩa, mà chủ địa ngục kia có chim, chó v.v... chẳng phải là chúng sinh. Những gì là năm? Một, như trong địa ngục, chúng sinh có tội v.v... chịu các thứ khổ chủ địa ngục v.v... nếu là chúng sinh thì nên cùng chịu các khổ như vậy, mà kia một hướng chẳng chịu các thứ khổ não như vậy. Vì nghĩa đó, nên kia chẳng phải là chúng sinh; Hai, chủ địa ngục v.v... nếu là chúng sinh thì nên đấp đổi giết hại lẫn nhau, không thể phân biệt đây là tội nhân đây là chủ v.v... mà thật chẳng cùng giết hại lẫn nhau, có thể phân biệt được đây là tội nhân đây là chủ v.v... vì nghĩa đó nên kia chẳng phải là chúng sinh; Ba, địa ngục chủ v.v... nếu là chúng sinh thì hình thể lực đồng nên đấp đổi giết hại lẫn nhau. Chẳng nên thiên làm người chịu tội sợ, mà thật thiên làm chỗ người tội sợ, vì nghĩa đó nên kia chẳng phải là chúng sinh; Bốn, địa ngục kia, đất thường là sắt nóng, chủ địa ngục v.v... nếu là chúng sinh thì chẳng thể nhẫn chịu khổ, cớ sao năng hại người chịu tội kia? Mà thật năng hại người chịu tội kia. Vì nghĩa đó nên kia chẳng phải là chúng sinh; Năm. Chủ địa ngục v.v... nếu là chúng sinh, chẳng phải người chịu tội thì chẳng nên sinh sống trong địa ngục ấy, mà thật sinh sống trong địa ngục ấy. Vì nghĩa đó nên kia chẳng phải là chúng sinh. Đây vì nghĩa gì mà chúng sinh chịu khổ trong địa ngục kia, tạo ngũ nghịch v.v... các nghiệp tội ác, sinh sống ở trong ấy. Chủ địa ngục v.v... chẳng tạo nghiệp ác, cớ sao sinh trong ấy? Vì năm thứ nghĩa như vậy, nên gọi là chẳng tương

ưng. Lại hỏi: Nếu chủ v.v... kia chẳng phải là chúng sinh chẳng tạo tội nghiệp chẳng sinh sống ở kia. Cớ sao trong trời được có súc sinh? Đây vì nghĩa gì? Như trong kia có các thứ chim các súc sinh v.v... sinh tại xứ kia. Ở trong địa ngục cớ sao chẳng như vậy, súc sinh ngạ quỉ các thứ tạp sinh khiến kia làm chủ? Đáp: Có kệ tụng nói:

"Súc sinh sinh trong trời
Địa ngục chẳng như vậy
Vì tại nơi trên trời
Chẳng chịu khổ súc sinh".

Kệ tụng đây nói rõ nghĩa gì? Súc sinh kia v.v... sinh ở trên trời. Ở trên trời kia trong khí thế gian có ít phần nghiệp, cho nên ở trong khí thế gian kia nhận quả báo vui. Chủ địa ngục kia và chim chó v.v... chẳng chịu các khổ. Vì nghĩa đó nên trong địa ngục kia không có chủ thật và chim chó v.v... trừ chúng sinh tội. Lại, trong luận Bảo Sinh nói: "Như nói ở trên, được thể sai biệt, khổ khí địa ngục chẳng đồng chịu đó, hoặc các lửa dữ, do nghiệp lực nên bèn không khổ thiêu đốt, đó thì tự chẳng phải bạn lành. Ai có thể tạm làm thuyết đó? Phàm là bạn kín mật, người tánh thiện, chẳng luận là thường nguy hiểm mà thường làm tư ích. Vì muốn hiển bày kia chẳng chịu khổ thiêu đốt nên đặt để lời nói đó. Nhưng ở thời đây hỗ trợ thành lập nghĩa, tức là hiển bày ra ý của bạn lành. Do đó, chẳng chịu khổ của kia vậy. Ý muốn thành lập chẳng phải Na-lặc-ca. Nay lại nói là do nghiệp lực đó nói có lửa lớn. Nói chẳng thiêu đốt, đó là chân thành lập nghĩa Duy thức vậy. Do không lửa thật, chỉ là nghiệp lực năng hoại tự tánh, đã cố định chẳng chịu khổ như vậy, bèn thành lửa đây, tự tánh vốn không, nhưng có tánh thật, là chỗ tông chấp thuận. Nếu là chấp thuận đó là tướng thức hiện, sự thể vốn không. Đây là do nghiệp lực nên không lửa, đó thành ứng lý. Do nghiệp trước đó làm hạn lượng, nên nếu sợ đây là quả chiêu cảm của nghiệp tăng thượng kia, đã hiện tại kia làm sao chẳng thấy, như người không trí muốn cầu lửa diệt mà lại đổ thêm dầu, nay tông Duy thức chuyển thêm sáng rỡ. Do các lý đó chứng minh đây chẳng phải thành loại Na-lặc-ca. Nên biết chỉ là chỗ tâm hiện, chánh lý không sai. Như trong kinh Quán Phật Tam-muội ở phẩm Quán Phật Tâm nói: "Bấy giờ tâm Phật như hoa sen hồng, giữa lá sen có tám vạn bốn ngàn các thứ ánh sáng sắc trắng, ánh sáng đó chiếu khắp năm đạo chúng sinh. Lúc ánh sáng đó xuất hiện, các chúng sinh chịu khổ thảy đều xuất hiện. Chỗ gọi là khổ, tức là địa ngục A-tỳ, mười tám địa ngục nhỏ, mười tám địa ngục lạnh, cho đến năm trăm ức địa ngục rừng dao v.v..."

Hỏi: Nếu chúng sinh tạo ác nghiệp, tâm cảm hiển sự địa ngục, với lý có thể vậy. Vả lại như lúc tâm Phật, cớ sao thuần hiện địa ngục?

Đáp: Đây lược có hai nghĩa: Một, nếu nói về lý mà quán thì tâm của Phật, tánh vốn bao hàm pháp giới, không một mảy trần nào mà chẳng khắp cùng, không một pháp nào mà chẳng thông. Hai, nếu nói về sự mà quán, thì Phật chỉ dùng cứu khổ làm ý, lấy tâm chúng sanh làm tâm, thì địa ngục giới toàn là tâm Phật, vận vô duyên từ chẳng gián đoạn đồng thể. Do đó trong phẩm Quán Phật Tâm nói: "Phật bảo: Thiên vương! Muốn biết chỗ ánh sáng từ tâm Phật soi chiếu, thường chiếu như đây, không gián đoạn không cứu các chúng sinh khổ, chỗ tâm Phật duyên thường duyên chúng sinh cực ai đây v.v... vì lực tâm Phật tự trang nghiêm vậy, nhiều hơn kiếp toán số, khiến tội nhân kia phát tâm Bồ-đề". Cho đến, bấy giờ, lúc Đức Thế Tôn nói lời ấy, thì lực tâm Phật phóng ánh sáng mười thứ sắc trắng từ tâm Phật ra, ánh sáng đó chiếu khắp mười phương thế giới, trong mỗi mỗi ánh sáng có vô lượng hóa Phật ngồi trên hoa sen báu. Bấy giờ trong đại chúng thấy ánh sáng của Phật như nước pha lê, hoặc thấy như sữa. Thấy các hóa Phật từ ngực Phật ra vào nơi rốn Phật, dạo giữa tim Phật, cưỡi thuyền báu lớn, dạo khắp năm đạo nơi người nhận chịu khổ, mỗi mỗi tội nhân thấy các hóa Phật, như cha mẹ bạn lành chỗ thân thích của mình, dần dần vì giảng nói pháp xuất thế gian. Khi ấy giữa không trung có âm thanh lớn bảo các đại chúng. "Nay đây các ông nên quán tâm Phật. Tâm của chư Phật là đại từ, chỗ đại bi duyên là duyên chúng sinh khổ. Cho đến, dần hành đại hỷ, thấy các chúng sinh an ổn hưởng vui, tâm sinh hoan hỷ, như chính mình không khác. Đã hoan hỷ rồi, dần hành pháp xã, là các chúng sinh không tướng đến đi, từ tâm tưởng sinh. Tâm tưởng sinh là nhân duyên hòa hợp, giả gọi là tâm. Tâm tưởng như vậy giống như hoa cuồng từ điên đảo khởi. Khổ từ tưởng khởi, vui từ tưởng sinh. Tâm như lá chuối không thật bền chắc, nói rộng như ở kinh Thập Thí. Lúc quán như vậy, chẳng thấy thân tâm, thấy tất cả pháp đồng như tánh thật, đó gọi là thân Bồ-tát thọ pháp tâm, nương nhân pháp ấy rộng tu ba mươi bảy phần trợ Bồ-đề. Nếu thủ chứng là pháp Thanh văn, chẳng thủ chứng là pháp Bồ-tát. Lại, trong luận Bảo Sinh nói: "Thời xứ định như mộng là, có thuyết nói do tâm hoặc loạn, bèn mới sinh giải thời xứ định, nhưng ở trong mộng, không cảnh thật đó quyết định có thể được, nên ở đời cùng chấp thuận, cớ sao lấy đây so sánh với các sự định khác, mà làm lỗi ư? Cho đến, bấy giờ ở trong mộng kia, thật cũng không thời xứ đó, quyết định tướng trạng tại tâm. Do đâu mà biết? Như có kệ tụng nói:

"Nếu ngủ ở trong đêm
Thấy trời ló phương Bắc
Sai lệch mộng thời xứ
Làm sao có định tâm?'

Lại nói: Tâm mộng đây có gì kỳ lạ? Tạo dựng công nghiệp lớn chẳng nhờ gá hình bên ngoài, mà năng khéo giỏi tạo dựng tráng lệ đó, hoặc thấy tường thành cao lớn chín nhận, rui bay mười trượng, cành ngọc nấm bay, hoa hồng sáng rỡ. Người thợ hết mực tư duy cũng chưa thể khắc chạm. Nếu nói nơi khác đồng khó đây là, kia không lỗi đây, chẳng nhờ sắc bên ngoài, do công lực khởi vậy, chỉ do chủng thục (hạt giống chín muồi) nương thức bèn duyên, tức ở thời đây ý thức bèn hiện. Lại chưa từng thấy có kinh luận nói ở trong mộng kia sinh sắc riêng biệt đó. Trong Bách Pháp Sao nói: "Luận chủ nói: Như ở trong mộng cùng người nữ giao hợp rò rỉ bất tịnh, mộng bị rắn độc đốt khiến muộn tuyệt, đổ mồ hôi tâm mê mang, tuy không cảnh thật mà có tác dụng thật, đó là Duy thức chăng? Các Sư Kinh Lượng Bộ đáp: Đó là Duy thức. Luận chủ nói: Các ông đã chấp thuận trong mộng có tác dụng thật và tác dụng không thật, đều là Duy thức, tức ở tông ta, trong mộng hay hiện thức tỉnh, người mù quáng hay chẳng mù quáng, thành giả thành thật, ba loại ấy có tác dụng thật và tác dụng không thật, như các ông trong mộng, cũng là Duy thức. Luận chủ lập lượng là: Có mà quáng hay không mù quáng v.v... là hữu pháp. Có dụng hay không dụng lý đó cũng thành. Tông nhân là: Chấp thuận không cảnh thật vậy, như trong mộng nhiễm ô v.v... Do đó, trong luận Duy Thức nói: "Như mộng tổn có dụng". Thứ ba, nói rõ cật nạn về Thánh giáo trái nhau là, các sư Tiểu thừa cật nạn, ý nói: Nếu luận chủ nói tất cả đều là Duy thức không cảnh thật ngoài tâm, cớ sao trong kinh A-hàm, Đức Thế Tôn nói ý xứ pháp xứ, tức chẳng hợp nói có mười sắc xứ. Nay, Đức Thế Tôn đã nói có mười hai xứ là, rõ ràng biết lìa ngay ngoài ý xứ pháp xứ riêng có mười sắc xứ, là có ngoài tâm. Sao nói tất cả đều là Duy thức? Luận chủ đáp: Trong đây có ba phần: Một là giả đáp, hai là chánh đáp, ba là dụ đáp. Một, giả đáp, là dẫn luận Duy thức Tam Thập Tụng nói: "Thức từ tự chúng sinh, tợ cảnh tướng mà chuyển, làm thành xứ trong ngoài. Phật nói kia là mười". Nói thức từ tự chủng sinh là, tức năm thức từ tự chứng phần hiện hành, mỗi mỗi từ tự chủng năm thức mà sinh, đem tự chủng năm thức bèn làm năm căn. Nói tợ cảnh tướng mà chuyển là, tức tự chứng phần năm thức từ tự chủng sinh rồi mà năng biến tợ hai phần hiện chỗ biến tướng phần đó, gọi tên là năm thức, chỗ biến tướng phần tợ cảnh bên ngoài hiện, gọi

tên là năm cảnh, kỳ thật căn cảnh mười xứ đều chẳng lìa thức, cũng là Duy thức. Đây là giả đem chủng tử năm thức làm năm căn, đáp các sư kinh lượng bộ, vì các sư kinh lượng bộ chấp thuận có chủng tử.

Hỏi: Giả sử chấp thuận có chủng tử, há chẳng chấp lìa thức mà có?

Đáp: Kia chấp thuận chủng tử duy trì tại trong sáu thức trước, cũng chẳng lìa thức mà có. Luận chủ nói: Chỗ biến tướng phần đó, tợ năm cảnh bên ngoài cũng chẳng lìa thức. Có năng biến chủng tử năm thức tức là năm căn cũng chẳng lìa thức mà có, tuy phân trong ngoài mười xứ, nhưng đều là Duy thức. Nói Phật nói kia là mười là, vì ý kín mầu của Phật là vì phá ngoại đạo chấp thân là một hợp tướng ngã, bèn ở nơi pháp vô ngôn mà cưỡng dùng lời phân biệt nói có căn trần mười xứ, có thắng lợi lớn vậy. Trong luận Duy Thức có kệ tụng nói:

"Nương giáo đây năng vào
Tính thủ đến vô ngã".

Giải thích: Vì nếu là người có trí, nương giáo văn Phật nói căn trần mười xứ đây, bèn tác quán là: "Ta từ trong vô lượng kiếp lại vì ác tuệ tìm cầu, ngu si mê ám vọng chấp thân tự tha là một hợp tướng ngã, nhân đây, sinh tử trầm luân. Nay nương giáo quán thân tự tha chỉ có căn trần mười xứ để thành thể đó. Ở trong mỗi xứ đều không có dụng của chủ tể tự tại thường một v.v... nào từng có ngã". Nhân đây bèn có thể ngộ nhập lý vô ngã thành quán ngã không. Đây tức là Đại thừa giả đem chủng tử năm thức làm năm căn để giả đáp Tiểu thừa vậy. Các sư Tiểu thừa lại cật nạn: Nếu vậy, thí như tướng phần sắc năm trần là chỗ biến của năm thức, có thể như tông của ông là Duy thức bản chất năm cảnh sắc đó, không biết là Duy thức của thức nào? Nghĩa là năm thức và thức thứ sáu đều chẳng thân duyên bản chất năm cảnh, tức bản chất năm cảnh đây há chẳng là lìa ngoài tâm mà có, sao thành Duy thức? Nhân đây hỏi vậy, bèn là luận chủ tiếp phần hai chánh đáp là, trong luận Duy Thức nói: "Nương chỗ thức biến chẳng phải riêng thật có". Giải thích: Đây nương tự tông chánh giải của Đại thừa, tức nói về đã kiến lập chủng tử thức thứ tám. Luận sư nói: Bản chất sắc năm trần đây là thân tướng phần của thức thứ tám. Tướng phần chẳng lìa thức thứ tám cũng là Duy thức; Ba là dụ đáp, tức luận chủ nêu thí dụ để đáp các sư Tiểu thừa, sở dĩ Đức Thế Tôn kiến lập mười hai xứ, là trong luận Duy thức nói: "Như ngăn đoạn kiến nói tục hữu tình, chỉ là mật ý của Phật phá một hợp tướng ngã ở chúng sinh, giả nói có tên mười hai xứ. Khiến chúng sinh quán pháp mười hai xứ đều không có ngã, bèn vào

ngã không, tiếp nương Duy thức, năng quán trên tất cả các pháp đều không tác dụng thật chấp trì thắng tánh v.v... Đã trừ pháp chấp bèn thành pháp không. Các sư Tiểu thừa cật nạn là: Đã nói tất cả các pháp đều không tác dụng của thật chấp trì tự tại thắng tánh v.v... thành quán pháp không, tức là thể của Duy thức đây. Há cũng chẳng không, nhân đây bèn thành. Thứ tư, cật nạn Duy thức thành không. Luận chủ đáp: Thể Duy thức tức chẳng không, chẳng phải chỗ chấp vậy. Ta trước nói không, chỉ là không vọng tâm chấp có tác dụng thật chấp trì thắng tánh trên tất cả pháp, pháp của biến kế hư vọng đây tức là không, chẳng phải không lìa chấp thể của Duy thức, tức như trí căn bản lúc chánh chứng biết, lìa ngôn tuyệt tướng, bất khả tư nghì hư vọng tất cả ngã pháp đó đều chẳng hiện tiền, Ở trong vị đây chỉ có bản trí, cùng lý ngầm hợp chẳng phân năng sở. Thể thức đây cũng không bèn không tục đế. Tục đế không nên chân đế cũng không, chân tục nương nhau mà kiến lập vậy. Trong luận Duy Thức nói: “Bác bỏ không hai đế là ác thủ không. Chư Phật nói vì người chẳng thể trị”. Thứ năm, cật nạn về sắc tướng chẳng phải tâm. Trong luận Duy thức nói: “Nếu các sắc xứ cũng thức làm thể, duyên nào chẳng tợ sắc tướng? Hiển hiện một loại, bền chắc trú tương tục mà chuyển”. Các sư Tiểu thừa cật nạn ý nói: Nếu nói tất cả sắc bên ngoài đều là tâm làm thể, do tự chứng phần tâm biến tợ năng thủ, gọi tên là kiến phần. Biến tợ có thể thủ, gọi tên là tướng phần. Cớ sao chỗ biến sắc tướng tức hiển hiện. Tâm năng biến đó tức chẳng hiển hiện? Lại nếu sắc bốn ngoài lấy tâm làm thể, cớ sao sắc sở biến tức một loại tương tục mà chuyển. Vả lại như sắc bên ngoài là núi sông đất liền v.v... tức ngàn năm muôn năm một loại lại không biến đổi. Lại tương tục chẳng đoạn được nhiều thời gian. Nếu tâm năng biến của hữu tình tức có biến đổi chẳng định, lại chẳng được nhiều thời gian, nay sắc bên ngoài đã chẳng tợ tâm bên trong là, rõ ràng biết lìa tâm có thật sắc bên ngoài. Sao nói tất cả đều là Duy thức? Đáp: Trong luận Duy Thức nói: “Danh ngôn huân tập thế lực khởi vậy đây chỉ do tất cả hữu tình từ thời vô thủy lại, trước sau đắp đổi qua lại dùng danh ngôn hư vọng huân tập, làm giải bên ngoài tâm bền chắc trú tương tục v.v... do thế lực đây có tướng hiện đây chẳng phải là thật có sắc bền chắc v.v... ở ngoài tâm. Người ngoài lại hỏi: Đã nói là Duy thức, sao hữu tình cần biến tợ sắc bên ngoài mà hiện. Đáp: Trong luận Duy Thức nói: Nghĩa là nếu đây là không, nên không điên đảo, bèn không tạp nhiễm, cũng không tịnh pháp, cho nên các thức biến tợ sắc hiện”. Luận chủ nói: Tất cả hữu tình nếu chẳng biến tợ sắc bên ngoài hiện, bèn là không pháp nhiễm tịnh.

Vả lại, như tất cả phàm phu do trước mê sắc v.v... các cảnh, điên đảo vọng chấp. Do tạp nhiễm đây bèn sinh thể tạp nhiễm tức là hai chướng. Người ngoài các ông nếu chẳng chấp thuận thức biến tợ sắc bên ngoài hiện, tức là hữu tình chẳng khởi điên đảo, điên đảo vọng chấp nếu đã chẳng khởi tức tạp nhiễm phiền não chẳng sinh. Tạp nhiễm nếu đã chẳng sinh, thì tịnh pháp nhân đâu mà có? Do đó, trong luận Nhiếp Đại Thừa có kệ tụng nói:

"Loạn tướng và loạn thể
Nên cho là sắc thức
Cùng chẳng phải sắc thức
Nếu không khác cũng không".

Nói loạn tướng là, tức sắc tướng sở biến. Nói loạn thức là, tức tâm thể năng biến. Nên cho là sắc thức là, tức loạn tướng sở biến trước, cùng chẳng phải sắc thức là, tức tâm biến trước là thể. Nếu không khác cũng không là, nếu không sở biến tợ sắc cảnh bên ngoài làm loạn tướng, là cũng không thức thể của năng biến. Nên biết phải biến tợ cảnh bên ngoài hiện. Do đó, các sắc đều chẳng lìa tâm. Đều là Duy thức. Thứ sáu, cật nạn về hiện lượng vi (trái) tông. Trong luận Duy Thức nói: "Sắc cảnh bên ngoài, phân minh hiện chứng, chỗ hiện lượng được. Xét bác làm không". Các sư Tiểu thừa cật nạn ý nói: Thân như năm trần sắc cảnh bên ngoài, phân rõ năm thức hiện chứng, là chỗ được của hiện lượng, Đại thừa Tiểu thừa đều cộng cực thành, cớ sao bác bỏ cho là không, nói tất cả là Duy thức? Trong luận Duy Thức Tam Thập Tụng cũng có cật nạn như đây là các pháp do lượng phán định có hay không. Trong tất cả lượng thì hiện lượng là ưu thắng, nếu không cảnh bên ngoài, sao có giác đây? Nay ta hiện chứng cảnh như vậy ư? Ý nói: Nếu luận chủ nói không cảnh thật bên ngoài, cớ sao nói năm thức hiện lượng thủ cảnh năm trần bên ngoài? Nếu là tỷ lượng phi lượng, chỗ biến kế khởi, chỗ biến kế chấp, cưỡng tư duy kế độ, chỗ gây tạo họa vẽ sinh ra tướng phần, chẳng lìa nơi tâm, có thể thành Duy thức. Nay năm thức đã hiện lượng được cảnh năm trần thật bên ngoài, cớ sao cũng nói đều là Duy thức? Đáp: Trong luận Duy Thức nói: Lúc hiện lượng chứng chẳng chấp là ngoài, ý sau phân biệt vọng sinh tưởng bên ngoài". Luận chủ nói: Nếu như hiện lượng năm thức ngay lúc duyên cảnh năm trần, được tự tánh pháp, chẳng kẹt danh ngôn, không tâm so lường đạt, chẳng sinh phân biệt. Chẳng chấp là bên ngoài, chỉ là ý thức niệm sau phân biệt vọng sinh phân biệt, bèn chấp làm bên ngoài, nói có cảnh thật.

Hỏi: Nếu Tiểu thừa chấp thuận trong tâm là hiện lượng, thì chẳng

chấp là bên ngoài chăng?

Đáp: Chấp thuận.

Hỏi: Vậy so với Đại thừa có gì riêng biệt?

Đáp: Trong Duy Thức Kinh nói: "Nếu là Đại thừa, tức năm thức, và đồng thời ý thức đều hiện lượng, chẳng chấp là bên ngoài. Nếu tông Tiểu thừa tức chỉ là năm thức chẳng chấp là bên ngoài". Luận chủ nói: Tiểu thừa các ông đã chấp thuận năm thức duyên cảnh là hiện lượng, chẳng chấp là bên ngoài là, rõ ràng biết hiện lượng trong tâm đều không cảnh bên ngoài, đó là Duy thức. Người ngoài lại hỏi: Chỗ năm thức đó duyên cảnh năm trần hiện lượng là thật hay là giả? Đáp: Là thật. Cật nạn là: Nếu vậy tức là lìa ngoài tâm có cảnh năm trần thật, cớ sao nói là Duy thức? Đáp: Lúc năm thức duyên cảnh năm trần tuy tức là thật, mà chỉ là sở biến của năm thức. Tướng phần tự thức chẳng lìa năm thức, đều thành Duy thức. Nên trong luận Duy Thức nói: "Nên cảnh hiện lượng là tự tướng phần, chỗ thức biến nên cũng nói là có, chỗ ý thức chấp sắc thật v.v... bên ngoài, vọng kế có nên nói kia là không". Ý nói: Năm thức mỗi mỗi có bốn phần, cảnh năm trần đó là thân tướng phần của năm thức. Do tự chứng phần năm thức tợ cảnh tướng phần sắc v.v... hiện. Tướng phần đó lại chẳng lìa kiến phần, đều là Duy thức, nếu sau lúc ý thức phân biệt khởi, vọng chấp ngoài tâm có cảnh thật đó. Đây tức là không, chẳng xứng thể cảnh mà biết vậy.

Hỏi: Nếu như trong năm thức, lúc phiền não sân v.v... khởi chẳng xứng với bản chất, sao nói chỉ là hiện lượng?

Đáp: Tuy chẳng xứng với bản chất, nhưng xứng với tướng phần cũng là hiện lượng. Do tâm không chấp vậy, ý thức thứ sáu đó tương ưng với sân, nếu cùng chấp cùng thời tướng phần, bản chất đều chẳng xứng, nếu chẳng cùng chấp cùng thời khởi, tức đồng năm thức.

Hỏi: Cớ sao năm thức không chấp?

Đáp: Do chẳng thông tỷ lượng phi lượng nên không chấp. Nên biết năm thức hiện lượng duyên cảnh chẳng chấp là bên ngoài, đều là Duy thức. Lại, các sư Tiểu thừa đều nêu bày một cật nạn nếu Duy thức không cảnh bên ngoài là, do đâu mà được các thứ tâm sinh? Nếu đã không cảnh dẫn kéo sinh tâm, tức vọng tâm do đâu mà khởi? Chưa có cảnh không tâm từng không tâm không cảnh. Đáp: Trong luận có kệ tụng nói:

"Do thức tất cả chủng
Như vậy như vậy biến
Vì lực chuyển đổi vậy

Kia kia phân biệt sinh”.

Tất cả chủng thức, tức là thức thứ tám, thức ấy năng gìn giữ tất cả pháp chủng của hữu vi, tức là tất cả chủng tử, mỗi mỗi năng tự sinh quả, công năng sai biệt, gọi là thức tất cả chủng. Công năng có hai: Một, hiện hành, gọi là công năng, tức tợ hạt giống (chủng) lúa thóc v.v... năng nẩy sinh mầm, là công năng. Hai, chủng tử trong thức thứ tám gọi là công năng, có công năng năng sinh hiện hành vậy. Nay nói thức tất cả chủng là chỉ lấy công năng chủng tử trong bản thức, năng sinh tất cả pháp hữu vi sắc tâm v.v... tức sắc là sở duyên, tâm bèn là năng duyên, tức sắc là cảnh chẳng lìa tâm, là Duy thức, tức tâm cảnh đây chỉ từ trong bản thức mà sinh khởi, nào cần cảnh bên ngoài mà mới sinh. Như vậy như vậy biến là, tám thức như vậy từ chủng sinh, tức là tự chứng phần tám thức chuyển biến khởi kiến phần tướng phần, tướng phần chẳng lìa kiến phần, là Duy thức. Do lực chuyển đổi vậy là, tức các duyên khác là lực chuyển đổi. Vì bốn duyên tâm pháp sinh hai duyên sắc pháp khởi, kia kia phân biệt sinh là, tức do vọng chấp trên kiến phần tướng phần kia mà bên ngoài có phân biệt ngã pháp thật v.v... mà sinh. Nên biết chỉ do chủng trong bản thức mà sinh các thức, chẳng nhờ gá cảnh vọng bên ngoài mà cũng chẳng được sinh. Nêu biết tất cả đều là Duy thức. Lại trong luận Duy thức nói: “Hỏi: Như vừa rồi ông nói chỉ có thức bên trong, không cảnh giới bên ngoài. Nếu vậy, thức bên trong là có thể thủ hay chẳng thể thủ. Nếu có thể thủ là đồng sắc hương v.v... các cảnh giới bên ngoài. Nếu chẳng thể thủ thì là không pháp, cớ sao nói chỉ có thức bên trong, không cảnh giới bên ngoài? Đáp: Đức Như Lai dùng phương tiện dần khiến chúng sinh được vào ngã không và pháp không nên nói có thức bên trong, mà thật không có thức bên trong có thể thủ. Nếu chẳng như vậy thì chẳng được nói ngã không pháp không, vì nghĩa đó vậy. Hư vọng phân biệt tâm đây biết tâm kia, tâm kia biết tâm đây. Hỏi: Lại có gì khó? Cớ sao được biết chư Phật Như Lai nương nghĩa đây mà nói có sắc v.v... tất cả các nhập mà chẳng phải thật có sắc v.v... các nhập. Lại vì thức v.v... năng thủ cảnh giới. Vì nghĩa đó nên chẳng được nói không sắc v.v... nhập? Đáp: Có kệ tụng nói:

“Một kia chẳng thể thấy
Nhiều cũng chẳng thể thấy
Hòa hợp chẳng thể thấy
Cho nên không pháp trần”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 64

Thứ bảy, cật nạn về mộng tỉnh trái nhau. Trong luận Duy Thức nói: "Nếu lúc tỉnh, sắc đều như mộng cảnh chẳng lìa thức" là, như từ mộng tỉnh biết Duy tâm kia, cớ sao lúc tỉnh đối với tự sắc cảnh chẳng biết Duy thức? Đáp: Trong luận Duy Thức nói: Như mộng chưa tỉnh chẳng thể tự biết. Cần phải đến lúc tỉnh mới năng tìm biết. Lúc tỉnh cảnh sắc nên biết cũng vậy, chưa chứng địa vị chân giác thì chẳng thể tự biết. Đến lúc chân giác mới năng tìm biết. Chưa được chân giác là luôn ở trong mộng, nên Đức Phật nói là đêm dài sinh tử, do đây chưa rõ sắc cảnh Duy thức, tức thức thứ bảy là căn bản, đêm dài sinh tử, năng khiến khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi ba cõi, phải đến lúc chứng quả vị chân giác mới biết tất cả đều là Duy thức. Do đó, trong luận Duy Thức Xu Yếu nói: "Hỏi: Nếu lúc các thức sinh tợ ngã pháp là đều do lực của ngã pháp phân biệt hay là chẳng do? Nếu đều do là tám thức và năm thức không hai phân biệt, lúc sinh quả nên chẳng tợ hai. Nếu chẳng do là trong đây cớ sao chỉ nói ngã pháp huân tập làm nhân? Đáp: Hai giải đều được, nó đều do giải là tất cả hữu lậu và hai phân biệt thức thứ bảy đều cùng vậy, hoặc hai phân biệt thức thứ sáu dẫn vậy, sau lúc sinh quả đều tợ ngã pháp. Nó chẳng do giải là đây nói căn bản thức thứ sáu gồm duyên tất cả làm nhân, duyên phát các thức khiến huân tập vậy, sau lúc sinh quả tợ ngã phát cùng khởi, hoặc chẳng phải bên ngoài tợ bên ngoài, thức thứ sáu thứ bảy tính kế tợ bên ngoài khởi vậy. Như mộng là mộng việc vua Sa-thích-noa, Trung Hoa gọi là lưu chuyển, vua đó dung mạo đoan chánh, tự cho là không ai sánh bằng, tìm cầu hình dung gần tương đồng để so sánh hiển bày mình là ưu thắng. Bấy giờ có người nói trong thành Vương-xá, có Đại Ca-chiên-diên hình dung rất đẹp, trong đời không ai sánh bằng. Vua bèn sai sứ đi nghinh đón, Ca-chiên-diên đến, vua ra khỏi cung nghinh tiếp, vua chẳng đẹp bằng kia, mọi người chăm nhìn Ca-chiên-diên, chẳng ngó đến vua. Vua hỏi về nguyên do. Mọi người đáp: "Ca-chiên-diên dung mạo đẹp hơn vua". Vua hỏi: Đại đức,

quả ngày nay nhân xưa trước". Ca-chiên-diên đáp: "Xưa kia ta xuất gia còn vua làm kẻ ăn xin. Lúc ta quét tước đất chùa, vua đến xin ăn. Ta quét đất xong, khiến vua trừ phẩn nơi chổi, trừ phẩn nơi chổi xong mới cho vua ăn. Do nghiệp nhân đó mà sinh trong trời người được quả báo đoan chánh". Nghe điều ấy xong, sau đó vua cầu xin xuất gia làm đệ tử của Ca-chiên-diên. Về sau, Ca-chiên-diên đi đến nước A-bàn-địa, ở trong núi tu đạo riêng, riêng biệt một nơi tọa thiền. Vua nước A-bàn địa tên là Bát-thọ-đa dẫn cung nhân vào núi dạo chơi. Cung nhân thấy hình mạo của vua đoan chánh nên vây quanh trông ngắm. Vua Bát-thọ-đa thấy vua Sa-thích-noa nghi ngờ có dục ý, hỏi vua Sa-thích-noa rằng: "Ông là A-la-hán ư?" Vua đáp: "Chẳng phải". Lại hỏi: "Ông lìa dục chăng?" Vua đáp: "Chẳng phải". Vua Bát-thọ-đa sân giận bảo: "Vậy cớ sao vào trong thể nữ của ta?" Và bèn dùng roi gậy đánh đập rách nát thân, chết ngất mãi đến tối mới tỉnh, bèn tìm đến nơi Ca-chiên-diên, Ca-chiên-diên trông thấy vậy rồi, tâm sinh xót thương, những người bạn đồng học với vua mới vì tìm phương chữa trị. Vua Sa-thích-noa nói cùng Ca-chiên-diên rằng: "Con xin thầy cho phép tạm trở về bản quốc dấy binh đánh phá nước A-bàn-địa kia, giết vua Bát-thọ-đa, sự việc hoàn tất sẽ trở lại xin thầy tu đạo". Ca-chiên-diên thuận theo lời cầu xin đó mà bảo: "Nếu ông muốn đi thì hãy tạm ở lại một đêm đã". Và Ca-chiên-diên an đặt một nơi tốt lành khiến vua ngủ, muốn khiến vua thấy mộng. Vua mộng thấy dấy binh lính chinh phạt nước A-bàn-địa, quân lính của mình bị phá bại, tự thân bị quân địch bắt được, trói chặt tay chân. Hoa đỏ rực cắm sau cổ, trống nghiêm gióng vang muốn giết, vua trong cơn mộng bèn rất khiếp sợ, kêu gào thất thanh, nói: "Nay con không trở về, xin thầy tế độ làm nơi con trở về nương tựa để được thọ mạng lâu dài!" Ca-chiên-diên dùng thần lực đưa tay chỉ lửa, và gọi vua khiến tỉnh, mà hỏi: "Cớ sao vậy?" Tâm vua chưa tỉnh còn nói việc tai họa, Ca-chiên-diên lại dùng lửa soi chiếu mà hỏi: "Đây là ở đâu? Ông hãy tự nhiên nhìn kỹ? Tâm vua mới tỉnh Ca-chiên-diên bảo: "Nếu ông dấy binh chinh phạt kia thì hẳn sẽ bị phá bại như chỗ mộng thấy". Vua nói: "Xin thầy vì trừ ý độc cho?" Ca-chiên-diên bèn giảng nói các pháp, thí như đất nước giả danh không thật, lìa phòng nhà v.v... thì không đất nước riêng biệt". Cho đến giảng nói rộng về các thứ nhân duyên, và đến một cực vi cũng chẳng phải là sự thật, không đây không kia không oán không thân. Vua nghe pháp rồi bèn được quả vị Dự lưu, về sau dần đắc quả vị A-la-hán. Nên biết muôn pháp Duy thức, mộng tỉnh nhất như. Chỗ thấy trong tỉnh tức ý thức minh liễu, chỗ thấy trong mộng tức ý thức trong

mộng. Ý của phân biệt đã đồng, cảnh của sai biệt nào khác, mê ngộ như đây, sao nghi lự ư? Mê tỉnh như đây, có thể thấu suốt vậy. Thứ tám, cật nạn về bên ngoài thủ tha tâm. Nếu luận chủ nói sắc bên ngoài không thật là cảnh của thức bên trong tức có thể vậy. Vả lại như tâm người khác là thật có, há chẳng phải chỗ tự tâm duyên ư? Ý nói: Thản như tâm người này nếu thân duyên được tâm người khác đấm trước, tức lìa tâm người này riêng có tâm làm cảnh. Nếu tâm người này duyên tâm người khác chẳng đấm trước tức là có cảnh mà chẳng duyên. Nếu duyên đấm trước tức trái với nghĩa, Duy thức, nếu duyên chẳng đấm trước tức sao thành trí tha tâm trí ư? Luận Chủ nói: "Tuy nói tha tâm chẳng phải cảnh tự thức, chỉ nói kia là thân sở duyên". Ý nói: Tuy nói tâm người khác chẳng phải cảnh người này, nếu người này thân duyên tâm người khác tức chẳng được, nếu gá tâm người khác làm chất tự biến tướng phần duyên cũng có trí tha tâm, chỉ lúc biến tướng phần duyên tức chẳng được bản chất người khác, chỉ do tướng ảnh tượng người khác hiện trên tự tâm gọi là rõ tha tâm, tức biết tướng phần tha tâm chẳng lìa tự tâm, cũng gọi là Duy thức. Ý nói: Tâm người này lúc duyên khởi tâm người khác biến khởi tướng phần. Ngay tình tướng phần, không tác dụng thật, chẳng phải như tay v.v... nắm vật, cũng chẳng phải như mặt nhật tỏa ánh sáng thân chiếu rọi cảnh đó. Lúc duyên tâm người khác, chỉ như ảnh tượng trong gương tợ chất bên ngoài hiện. Ảnh tượng trong gương cũng không tác dụng thật, lúc duyên tâm người khác cũng là như vậy, chẳng phải không duyên tâm thể người khác vậy, gọi là rõ tha tâm, chẳng phải thân năng rõ, thân chỗ rõ, gọi đó là chỗ tự biến. Lại, các bậc Cổ đức hỏi: "Trí tha tâm, nghĩa là đã có tâm người khác làm chỗ biết của tự tâm, tức là lìa ngoài tự tâm có tâm người khác làm cảnh của tự tâm, sao được nói là không cảnh, chỉ có thức ư? Đáp: Nghĩa là duyên sắc tướng phần phù trần căn thân khác cũng chẳng thân được, chỉ gá làm chất, như nhãn thức tự thân lúc duyên sắc khí thế gian chỗ thức thứ tám biến cũng đủ gá làm chất cũng chẳng thân được. Bốn thức nhĩ v.v... đó duyên thanh v.v... chỗ biến của bản thức, cũng nhĩ dùng bản chất là thức thứ tám biến, nay trông ở năm thức nên gọi là ảnh thức, như năm thức v.v... duyên cảnh bản chất chỗ biến của bản thức cũng chẳng thân được. Tuy cũng được duyên, chỉ thành do sở duyên duyên. Nếu biết như thật tức là cảnh Phật. Trong luận nói: "Hai trí nơi cảnh mỗi mỗi do chỗ không biết che lấp vậy, chẳng biết như chỗ Phật hành chẳng thể nói cảnh. Đây có hai giải: Một là, như diệu lý chân như, lời lẽ phân tích chẳng kịp, không thể nói là cảnh. Nghĩa là đây lìa nói cảnh của chân

như, chỉ riêng Phật có thể hiển bày rõ phân biệt chứng, ngoài ra chẳng thể chứng là do thức thứ bảy hằng hành chẳng cùng chỗ vô minh che khuất nên chẳng biết. Hai là, chẳng thể nói cảnh tức là trí cảnh tha tâm và trí cảnh tự tâm. Hai trí đây gọi là chẳng thể nói cảnh, nghĩa là tự tướng chân như giả trí và phân tích đều chẳng phải cảnh nên phân tích gọi là danh, nói danh của năng phân tích, đã chẳng được tự tướng tức hiển bày cảnh của hai trí tự tha, là sở hành của Phật trí chẳng thể nói là cảnh. Do cảnh của chỗ hai trí đây biết. Tự tướng là sở hành của Phật trí chẳng thể nói là cảnh, người khác do chẳng hằng hành chẳng cùng chỗ vô minh che khuất nên chẳng được như thật mà biết vậy. Lại, đã nói lúc người này duyên tâm người khác, gá tâm người khác làm chất, tự biến tướng phần duyên tức tướng phần chẳng lìa tâm người này, là Duy thức. Nếu bản chất tâm người khác duyên chẳng đấm trước, tức lìa ngoài tâm người này có tâm người khác, sao thành Duy thức ư? Nhân đây, bèn trình bày phần thứ chín cật nạn về khác cảnh chẳng phải thức. Các sư Tiểu thừa nói: Nghĩa của Duy thức, chỉ lìa ngoài tâm là không một vật, mới gọi là Duy thức. Đã tâm người khác khác tâm người này làm cảnh, sao thành Duy thức ư? Lại cảnh người khác cũng khác cảnh đây, tức lìa ngoài tâm người này có cảnh khác. Sao thành Duy thức? Đáp trách rằng: Kỳ lạ thay, cố chấp riêng một nơisinh nghi ngờ đây nói Duy thức, chỉ nói một thức, Tiểu thừa các ông cớ sao lấy đây bền chắc chấp xứ xứ sinh nghi ngờ, đâu là lời nói của Duy thức? Chỉ nói thức của một người, có lời nói có thức của một người, tức đâu có phàm thánh tôn ty, nếu là không Phật thì chúng sinh đâu cầu! Nếu không phàm phu thì Phật vì ai mà giảng nói? Nên biết lời nói Duy thức ta có chỉ thú sâu mầu vậy. Trong luận nói: “Lời nói Duy thức là hiển bày tất cả hữu tình mỗi mỗi có tám thức sáu vị tâm sở sở biến tướng phần phân vị sai biệt và chỗ không lý kia hiển bày chân như. Nói một chữ thức là chẳng phải thức của một người, mà gồm hiển bày tất cả hữu tình mỗi mỗi đều có tám thức, tức là tự thể của thức, năm mươi mốt tâm sở tương ưng của thức, sao riêng chấp thức của một người? Hỏi: Duy-ma-cật tức vào Tam-muội, khiến Tỳ-kheo đây tự biết túc mạng từng ở nơi năm trăm Đức Phật gieo trồng gốc đức, hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tức thời rõ suốt trở lại được bản tâm. Vả lại, như tâm quá khứ đã qua rồi, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại chẳng trú, làm sao quán tâm căn lành ở quá khứ của người khác ư? Đáp: Nói về chân tức không, tùy tục nên có một niệm tâm khởi còn đủ mười đời bốn vận phân biệt, chẳng thể làm lông rùa sừng thỏ, kiến của đoạn thường, pháp của quá khứ. Tuy

niệm niệm chẳng trú, nhưng đều huân ở trong thức thứ tám. Có chủng tử quá khứ biết sự quá khứ, chỗ quán ở quá khứ được chủng, hiện tại trong tự chứng phần thức A-lại-da hàm tàng, nhưng đời quá khứ thời tức không thể, chỉ lấy chủng trong thức là bản chất, biến ảnh mà duyên tức biết sự ở đời quá khứ. Đây là cảnh đới chất biết vậy. Hoặc nói có thể duyên tướng ảnh tượng trên tâm, tức trên kiến phần ý thức thứ sáu biến khởi tướng ảnh tượng ở quá khứ mà biết vậy. Đây tức là độc ảnh cảnh, nghĩa là quá khứ không thể không bản chất vậy. Lại, pháp của quá khứ nếu chẳng rơi rụng thì gọi là quá khứ. Nếu đã rơi rụng không pháp có thể biết, nếu chỉ từng trải qua trong tâm có chủng ảnh hiện tiền, nên nói là nhớ biết, đó thì chỉ thấy tự tâm chẳng thấy pháp kia. Như trong kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: "Phật dạy: Cớ sao vị Đại Bồ-tát được trí tạng ở quá khứ, vị lai và hiện tại? Đồng tử! Bồ-tát đó chư thật biết tâm hành của tất cả chúng sinh, chuẩn cứ tự tâm hành, chỗ lần lượt khởi, quán pháp tự tâm, dùng không loạn tưởng tu tập phương tiện, như loại tự tâm hành, kẻ khác cũng vậy, tùy chỗ thấy sắc nghe thanh, tâm có ái không ái đều như thật biết. Đồng tử! Đó gọi là Bồ-tát được trí tạng ở quá khứ vị lai và hiện tại vậy".

Hỏi: Trí quán tha tâm là thật biết tha tâm hay chẳng thật biết? Cả hai đều có lỗi chứ?

Đáp: Như trước đã nói, nếu lập tự tha, ở tông đều lỗi, đây đều nói về thế đế thức tâm phân biệt vậy. Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

"Tha tâm biết ở cảnh
Chẳng như thật rõ biết
Vì chẳng lìa thức cảnh
Chỉ Phật như thật biết".

Trí tha tâm là, chẳng như thật biết vì tâm tự bên trong hư vọng phân biệt lấy làm tha tâm, dùng ý tự tâm, ý thức tạp vậy. Như Phật địa kia như thật quả chứng, không chỗ ngôn ngữ, cảnh giới thắng diệu, chỉ Phật mới năng biết, người khác chẳng biết. Vì trí tha tâm thế gian kia đối với hai pháp kia chẳng như thật biết, vì cảnh giới năng thủ sở thủ kia là hư vọng phân biệt vậy. Đây chỉ là thức vô lượng vô biên cảnh giới sâu mầu, chẳng phải tâm thức có thể đo lường vậy. Như trên, căn cứ tông pháp tướng mà nói. Nếu ước về tông pháp tánh, thì các bậc tiên đức nói: "Biết tha tâm là đều như thật biết, xét ở sự thật thấy lý thật vậy. Cũng chẳng phải ngoài tâm có thể thấy, cũng chẳng phải không cảnh có thể biết. Nếu tự tha cùng tuyệt thì cùng tâm chúng sinh đồng một thể, nên không ngoài tâm vậy, chẳng chỗ hoại nên năng biết vậy.

Lại, tha tâm là, Bồ-tát An Tuệ nói: “Trí Phật duyên, tha tâm duyên được bản chất, ngoài ra đều là biến ảnh. Nếu duyên bản chất được pháp ngoài tâm, hoại Duy thức vậy, nay vì nhiếp cảnh Duy thức, chẳng hoại cảnh vậy. Năng sở đều mất, chẳng ngại còn vậy. Thứ nhất nghĩa Duy tâm chẳng phải một chẳng phải khác, chánh lúc duyên tha tức là tự vậy, vì tâm chúng sinh của tức tâm Phật là sở duyên, chẳng phải tâm Phật của tức tâm chúng sinh. Tâm Phật của tức tâm chúng sinh là năng duyên, chẳng phải tâm chúng sinh của tức tâm Phật, dung thông như vậy chẳng phải một chẳng phải khác. Nếu lìa ngoài Phật riêng có chúng sinh, lại phải biến ảnh, tức mất nghĩa chân Duy thức. Giải thích: Gồm cảnh theo tâm chẳng hoại cảnh, tức là chỉ bày tâm cảnh có không, kia được bản chất sợ hoại Duy tâm. Đã chẳng hoại cảnh, được đó nào ngăn ngại, hoại có nào mất. Vì không tâm là không tâm ở muôn vật, muôn vật chưa từng không, đây được nơi thần tỉnh, mất tại nơi vật hư. Nghĩa là vật thật có vậy. Nếu Duy tâm hoại cảnh thì được tại nơi cảnh không, mất tại nơi tâm có, nên lấy cảnh do tâm biến nên nói Duy tâm, sở biến chẳng không, sao hẳn phải hoại. Nếu vì duyên sinh không tánh thì tâm cảnh đều mất, nên mượn tâm để đuổi cảnh, cảnh đuổi mà tâm mất, chẳng phải riêng còn tâm vậy. Nếu năng sở đều mất chẳng ngại còn vậy, là trên chẳng hoại mất. Vả là đuổi trừ bệnh sợ chất, nay đuổi trừ lý của có không, tâm cảnh đều chấp thuận còn mất, tâm cảnh nhân nương gá nên không cùng nương duyên sinh nên có. Có tức là còn, không tức là mất, không có giao triệt, còn mất đều toàn, nói nghĩa thứ nhất Duy tâm, chẳng phải một chẳng phải khác là chánh sinh ra đầy đủ phân lý của Duy tâm. Thứ nhất trên giải thích tuy có nghĩa của Duy tâm, còn thông Duy tâm sinh diệt. Nghĩa thứ hai tuy đều mất chẳng trói buộc, mà chưa nói tâm cảnh gồm nhau, nay nói rõ đầy đủ phân Duy thức, nên nói nghĩa thứ nhất là Duy tâm, đồng với nghĩa thứ nhất nên chẳng phải khác, chẳng hoại năng sở nên chẳng phải một, chẳng phải một nên có năng sở, nghĩa duyên tha thành vậy. Chẳng phải khác nên năng sở bình đẳng, nghĩa Duy tâm thành vậy. Nói lúc chánh duyên tha tức là tự, là kết thành nơi bản chất, lỗi ngoài không tâm, vì tức tự nên chẳng mất Duy thức, nói vì tâm chúng sinh của tức tâm Phật, chánh chỉ bày pháp tánh, tướng của tha tâm, đây có hai đối ngữ. Đối trước nói rõ sở duyên, đối sau nói rõ năng duyên. Nay mới đầu tâm chúng sinh của tức tâm Phật là, đây nói rõ sở duyên tâm chúng sinh tức là tâm Phật, đây là nói rõ chẳng khác, tiếp theo nói rõ tâm Phật của chẳng phải tức tâm chúng sinh. Câu này nói rõ tâm chúng sinh và tâm Phật chẳng phải tức, chẳng

phải tức nên có nghĩa sở duyên, chẳng phải khác nên chẳng hoại nghĩa Duy tâm. Nói là sở duyên là kết thành duyên tâm, chọn lựa chẳng phải năng duyên vậy. Tiếp theo sau biện rõ về năng duyên, nói vì tâm Phật của tức tâm chúng sinh là, câu này nói rõ năng duyên tâm Phật là tâm chúng sinh, đây nói rõ chẳng phải khác. Tiếp theo nói tâm chúng sinh của chẳng phải tức tâm Phật là, đây nói rõ tâm Phật và tâm chúng sinh có nghĩa chẳng phải một, chẳng phải một nên là năng duyên, chẳng phải khác nên chẳng hoại nghĩa của Duy thức. Nói năng duyên là kết thành năng duyên, chọn lựa chẳng phải sở duyên vậy, lại dùng thí dụ để so sánh, như nước hòa sữa, sữa là sở hòa, dụ cho tâm chúng sinh là sở duyên. Nước là năng hòa, dụ cho tâm Phật là năng duyên, vì hai hòa hợp đây như tợ một vị. Ngỗng chúa hút đó sữa hết nước còn, thì biết là chẳng phải một, nhưng nước đây gọi tức là nước của sữa. Sữa đây gọi tức là sữa của nước. Hai tuy tương tức mà có nghĩa của chẳng phải hai. Nên đáng dụ là: Vì sữa của tức nước chẳng phải nước của tức sữa là sở hòa. Vì nước của tức sữa chẳng phải sữa tức nước, là năng hòa, nghĩa có thể biết vậy. Nói dung thông như vậy chẳng phải một chẳng phải khác, kết thành chánh nghĩa, nếu lìa ngoài Phật kết đàn hặc Bồ-tát Hộ Pháp, nói tức mất chân Duy thức là chẳng biết chất bên ngoài tức là tâm Phật vậy. Lại, chư Phật Như Lai tùy nhiều tâm niệm ý năng chóng rõ, như trong kinh Kim Cang nói: “Trong cõi nước đó, chỗ có chúng sinh, bao nhiêu thứ tâm, Đức Như Lai đều rõ biết”. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

“Vô lượng ức kiếp siêng tu học
Được trí Bồ-đề Vô thượng đó
Cớ sao chẳng ở trong một niệm
Khéo biết tâm tất cả chúng sinh”.

Đây là ý viên đối, Đức Như Lai trong một niệm đều một thời chóng ứng không một chỗ chẳng ứng, nên gọi là viên đối. Đó mới rõ tâm chẳng phải tâm mới năng ứng khắp. Nếu tâm tại có không thì thành cách ngại. Nên trong kinh Kim Cang nói: “Đức Như Lai nói các tâm đều là chẳng phải tâm, đó gọi là tâm”. Trong luận Hoa Nghiêm, có hỏi: Sao gọi là chư Phật biết tâm chúng sinh thời và chẳng phải thời? Đáp: Vì tâm Như Lai cùng tất cả chúng sinh vốn chẳng khác vậy, là một tâm một trí tuệ vậy, do đây mà biết thời và chẳng phải thời, chư Phật ngộ rõ, mà cùng chúng sinh đồng chung đó. Chúng sinh mê tự gọi là cách. Tất cả chư Phật dùng trí tuệ tâm tất cả chúng sinh mà thành Chánh giác. Tất cả chúng sinh mê trí tuệ Phật mà làm chúng sinh, cho đến lúc thành

Phật trở lại thành Phật của chúng sinh mê lý, giảng nói các pháp môn trở lại giải chúng sinh mê Phật trong tâm chúng sinh, vì đây chẳng khác nên biết tâm chúng sinh. Lại hỏi: Đại chúng sao chẳng dùng lời nói tự hỏi, nhân gì im lặng suy niệm khiến nghi ngờ? Sao chẳng tự dùng lời nói tán dương khuyến thỉnh, cớ sao cúng dường mây phát ra âm thanh thỉnh cầu Phật? Đáp: Rõ ràng Phật được tâm pháp giới cùng tất cả chúng sinh đồng tâm vậy. Vì tâm chẳng khác nên biết tâm kia nghi ngờ, cúng cụ nói tụng là nói rõ tất cả pháp đều là thể pháp giới vậy. Pháp giới chẳng thể nghĩ bàn, tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn vậy, rõ ràng tâm cảnh thánh chúng không hai vậy, phàm phu mê pháp giới tự thấy tâm cảnh có hai, tức điên đảo sinh vậy. Lại nói: Tâm không trong ngoài và trung gian, muôn pháp tự tha đồng thể, một cũng chẳng một, tha cũng chẳng tha, nên biết phàm thánh đồng một chân tâm, chúng sinh vọng cách mà chẳng biết, chư Phật khế đồng mà chóng rõ, như mặt gương soi chiếu, lưng gương mà tối, đều một thể đồng mà phân tối sáng, giống như nước sông trong mà bùn sình sông đục, tại một tánh ẩm ướt mà có hỗn lắng, phàm tâm Thánh tâm có thể dụ như yếu chỉ đây vậy.

Hỏi: Lúc chúng sinh duyên thân Phật là chỗ thức biến, chỉ như lúc Phật duyên chỗ hóa thân cõi hữu tình là chỗ gì biến?

Đáp: Nếu chúng sinh thấy Phật, là chỗ chuyển thức hữu lậu biến tướng phần đẳng lưu sắc gồm. Nếu Phật duyên hữu tình là chỗ trí vô lậu biến định quả sắc gồm. Thức và trí tuy khác, đều chẳng vượt ngoài cảnh của tự tâm, đều là lực tăng thượng duyên qua lại khiến tâm hiện. Như trong Nghĩa Thiên Sao nói: "Nương tông Đại thừa, thông thuyết nương ở tha thân và pháp chẳng phải tình. Nghĩa là lúc tự tâm duyên tha thân, chẳng thân duyên kia, chỉ duyên tướng phần chỗ tự thức biến, là thân sở duyên. Sắc tướng phần đây tuy gá tha thân bản chất mà khởi, nhưng chẳng phải nương tha thân kia mà sinh, do chủng tử trong tự thức sinh vậy, nên tướng phần đây thuộc đẳng lưu sắc gồm, là lưu loại của sắc năm trần, gá tha làm chất mới biến ảnh tượng, là tăng thượng duyên, tướng phần sở biến đây từ tự chủng sinh là nghĩa nhân duyên, tức hiển bày tự tâm duyên khởi được tha thân được nương nơi hiện hành có, là nơi tha thân hiện hành thành tựu, vì từ chủng tử tự tâm sinh vậy, cũng là nương chủng kiến lập, nơi được tức chủng tử thành tựu vậy. Vì lý này, nên lúc hữu tình thấy sắc thân Phật, chỗ duyên thân, Phật chỉ là hữu lậu do tự thức biến vậy. Tự chủng sinh vậy, thuộc đẳng lưu sắc gồm, duyên Phật chỗ biến Tịnh độ cũng như vậy. Nếu Phật lúc duyên sắc thân hữu tình và uế độ chỗ giáo hóa, tướng phần sở biến đều là vô lậu, hữu tình

không thật, lìa dụng nhiễm v.v... như ảnh tượng trong gương toàn là gương sáng vô lậu, thuộc định quả sắc gồm, cũng đẳng lưu sắc thâu, là lưu loại của năm trần bên ngoài vậy, thức Phật biến vậy, tịnh chủng trong thức vô cấu sinh vậy.

Hỏi: Nếu luận nhất tâm không cảnh giới bên ngoài là như đáp chín cật nạntrước đã rõ ràng, thì giữa khoảng nhãn không sắc, ngoài nhĩ không thanh. Như nay chỗ thấy chỗ nghe, là đang là một, là đang là hai, lại là có hay là không? Nếu nói là một thì hoại năng sở, nếu nói là không lại trái với tự tông, nếu nói là có thì căn cảnh thường hư, nếu nói là không, sao hiện thấy chẳng lạm. Làm sao dung hợp được yếu chỉ đây?

Đáp: Như đại địa một sinh các thứ loại mầm, tám thức tâm hiện các thứ pháp. Chỗ quán là tướng phần của tạng thức. Năng thấy là kiến phần của nhãn thức, năng sở tuy phân mà đều chẳng lìa thức, đều là hiện lượng, chẳng dính kẹt danh ngôn, thì chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu rơi lạc vào tỷ lượng chấp làm trần bên ngoài, thì một hai tình sinh, trong ngoài tâm khởi. Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

"Như đất không phân biệt
Mọi vật nương mà sinh
Tạng thức cũng như vậy
Nơi nương của các cảnh
Như người dùng tay mình
Lại tự nắn xoa thân
Cũng như voi và vòi
Hút nước tự tắm gội
Lại tợ các trẻ con
Dùng miệng ngậm tay nó
Như vậy trong tự tâm
Hiện cảnh lại tự duyên
Là cảnh giới của tâm
Biến khắp nơi ba cõi
Người lâu tu quán hạnh
Mà năng khéo thông đạt
Trong ngoài các thế gian
Tất cả chỉ tâm hiện".

Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Thí như biển lớn sâu

Trân báu nhiều vô lượng
Trong đó đều hiển hiện
Hình ảnh của chúng sinh
Biển nhân duyên sâu mầu
Công đức đều vô tận
Trong pháp thân thanh tịnh
Không tượng nào chẳng hiện".

Trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Lại nữa, tu hành là trong tâm tư duy tùy thuận chánh pháp, quán sát pháp hạnh". Cho đến cớ sao ở thế gian các hàng phàm phu ngu si, mắt thấy sắc rồi, hoặc tham hoặc sân, hoặc sinh ở si. Các phàm phu kia nếu thấy tri thức, nếu thấy phụ nữ, thì tâm sinh tham, nếu là dị kiến, thì sinh ở sân. Thấy kẻ khác có đủ các thứ tham sân che khuất. Vì nhãn đối với sắc, chẳng thấy như thật, si che lấp tâm. Hàng phàm phu ngu si chỉ có phân biệt, nhãn thấy ở sắc, hoặc tham hoặc sân hoặc si che khuất, người ái cuồng tự ý phân biệt. Ngã ngã sở đây nhiễm đắm như vậy. Thí như chó gặm xương không có thịt, nước dãi hòa hợp, mong được tủy đó, giữa khoảng răng chó tham như vậy chảy máu, được mùi vị đó rồi bèn cho là nước xương, chẳng biết máu của chính mình có mùi vị như vậy, vì tham mùi vị nên chẳng biết, dần dần tự ăn lưỡi nó, lại tham mùi vị đó, vì tham lại cố cho là mùi vị nước xương. Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, hư vọng phân biệt, nhãn thức thấy sắc, tham trước hỷ lạc, nghĩ lường phân biệt, vì sắc xương khô dính trong mắt miệng, cảnh giới như răng, gặm đó như vậy, nhiễm ý như nước dãi, máu ái chảy ra, tham mùi vị máu ái cho là sắc là đẹp, ở nơi sắc được mùi vị giống như chó kia. Phàm phu ngu si, nhãn thức thấy kia như sắc của xương, hư vọng phân biệt như chó gặm xương, quán sát như vậy, nhãn thấy ở sắc giống như xương khô. Như vậy, tất cả phàm phu ngu si, chỗ dối hoặc của hư vọng phân biệt. Lại nói: Vua Diêm-la nói kệ trách sở tội nhân rằng:

"Nếu người thuộc tà kiến,
Người kia chẳng điểm tuệ
Tất cả hạnh địa ngục
Chỗ tâm oan gia dối.
Tâm là oán thứ nhất
Oán đây rất là ác
Oán đây năng trói người
Đưa đến nơi Diêm-la".

Nên biết chỗ các khổ, hoặc tham dục làm gốc, hoặc tâm tham che

khởi, là lửa của năm dục thiêu đốt, giác ý mới sinh, bị vòng xoay ba cõi trói buộc, như trời Đế-thích cùng A-tu-la đánh nhau thắng tạo được thắng đường, lầu quán bảy báu trang nghiêm kỳ đặc, rường cột tảng xà đều dung một mối chẳng cùng dính nhau mà năng gìn giữ nhau. Diệu lực của phước trời năng như vậy. Tôn giả Mục-kiền-liên bay đến, trời Đế-thích dẫn Mục-kiền-liên trông xem thắng đường. Các thiên nữ đều e thẹn với Tôn giả Mục-kiền-liên mà ẩn trốn chẳng ra. Tôn giả Mục-kiền-liên suy niệm trời Đế-thích đắm trước dục lạc chẳng tu gốc thiện, bèn biến hóa làm lửa thiêu đốt thắng đường, chợt nhiên đổ nát Tôn giả Mục-kiền-liên bèn vì trời Đế-thích rộng giảng nói các pháp vô thường. Đế-thích hoan hỷ. Sau đó, thắng đường vẫn nghiễm nhiên không sắc màu tro khói. Giải thích: Vì trời Đế-thích ỷ cậy phước trời đó mà chấp đắm hữu vi vậy. Tôn giả Mục-kiền-liên mở bày môn phương tiện chỉ cảnh vô thường.

Hỏi: Thiên đường đã chợt nhiên đổ nát, cớ sao lại nghiễm nhiên không sắc màu tro khói?

Đáp: Lửa đó chẳng phải là lửa của thần thông nơi Tôn giả Mục-kiền-liên, tức là lửa trong tâm trời Đế-thích. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Tham trước nơi ái thì bị thiêu đốt". Đã vì tâm tham trước, bèn thấy cung điện thiêu cháy, đến lúc tỏ ngộ sự vô thường thì lửa của tham dục tiêu mất, do đó, tức thấy cung điện rõ ràng không có sắc màu của tro khói, vì Tôn giả Mục-kiền-liên làm tăng thượng duyên vậy. Tự thấy bị thiêu cháy thì thắng đường vốn chẳng thiêu cháy. Nên biết mê ngộ duy tâm, ẩn hiển tại mình, ví như các sự thấy nghe khác cũng lại như vậy. Lại trong kinh nói: "Ác từ tâm sinh, trái lại tự làm giặc, như sắt sinh dơ tiêu hủy hình nó, cây nhiều hoa quả, trở lại bẻ cành nó, rắn dữ ngậm độc trở lại hại thân nó. Mới biết từ vô thủy mãi đến ngày nay, trong bốn oai nghi suốt trong mười hai thời khắc đều là đem tâm thủ tâm, dùng thức duyên thức, rốt cùng trong ngoài không có một trần, làm đối làm trị, có thể lấy có thể bỏ. Đáng thương thay trong thế tục, người mê đảo, trái giác hợp trần, tâm hành sử dụng thường ngày, tổn người khác hại kẻ kia, đượm thấm tự thân đều là tự vùi lấp tự tổn thương, chẳng biết chẳng hay, chưa rốt cùng yếu chỉ đây thì vật ngã khó quên. Rõ ngay tông đây thì tự tha không cậy. Trong Bách Luận nói: "Hỏi: Như hoa đốm hư không là không nên chẳng thể thấy. Còn như chiếu bình hiện thấy, phải biết là có chiếc bình chứ? Đáp: Chẳng thấy cớ sao chẳng thấy, còn ông nói hiện thấy là nhãn thấy hay thức thấy? Nếu nhãn thấy thì người chết cũng nên thấy vì có nhãn. Còn nếu thức thấy thì người mù có thức cũng

nên thấy. Nếu căn thức mỗi mỗi riêng biệt chẳng thấy, hòa hợp cũng chẳng thấy. Thí dụ một người mù chẳng thể thấy, năm căn cũng vậy, bốn tánh đều không”. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Các pháp sắc v.v... chẳng làm lớn chính xác làm nhỏ vậy. Tâm người phàm phu đối với trong các pháp tùy ý làm lớn nhỏ, như người lúc gấp gáp, tâm đó có rút nhỏ, lúc an ổn giàu vui, thì tâm mở rộng. Lại như trong tám bối xả, tùy tâm nên sắc bên ngoài hoặc lớn hoặc nhỏ v.v...” Nên trong kinh Ma-ha Bát-nhã nói: “Bát-nhã Ba-la-mật không nghe không thấy, các pháp độn vậy, do vì trong phàm phu giới quán tướng nguyện vọng, trong cảnh Thánh nhân, quán tánh nguyên chân, vì quán tướng nên chẳng được không, vì quán tánh nên chẳng được có. Vì chẳng được không nên như chỉ thấy sóng đó mà chẳng biết nước đó. Vì chẳng được có nên chỉ thấy nước đó mà chẳng thấy sóng đó. Lại như hướng đến người bệnh mắt màng mà nói giữa hư không không hoa đốm, đối với người bệnh cuồng mà nói trước mắt không quỷ. Nhọc phí ngôn ngữ, trọn không tin nhận, phải đợi đến lúc mắt lành sạch tâm an, thì tự nhiên không thấy.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 65

Hỏi: Thấy của năng sở thì tâm cảnh rõ ràng, Thánh nhân thấy biết, làm sao phân biệt?

Đáp: Song chiếu có không chẳng trú trong ngoài, tợ hang cốc chứa âm thanh mà tuyệt lo nghĩ, như gương soi ảnh tượng mà không tâm diệu rất tròn sáng, tịch mà thường chiếu, nên nói thường tại chánh niệm, cũng gọi là chánh tri, chẳng phải là có niệm (nghĩ) có tri (biết), cũng chẳng phải không nghĩ không biết. Có không đều tưởng, đều chẳng phải chánh tri, chỉ không niệm không chiếu, gọi là chánh tri. Nếu chỉ không niệm, tịch mà mất chiếu, nếu chi chiếu thể chiếu thể chiếu mà mất tịch, đều gọi là chẳng chánh, chánh tại song hành. Trong Hoàn Nguyên Tập nói: "Thánh nhân có hai thứ dụng tâm: Một là, chẳng thấy tất cả vật đều không, chỉ thấy ở không chẳng thấy tất cả vật; Hai là, thấy tất cả vật tức không, rõ ràng thấy tất cả vật có, chẳng trú ở có, rõ ràng thấy tất cả không, chẳng trú ở không. Song chiếu có không phân biệt rõ ràng mà không niệm động, giống như gương sáng thấy sắc tượng đó, tất cả đều hiện ở trong. Dụng tâm cũng vậy, được diệu tánh đó khởi chiếu chiếu thấy tất cả, rõ ràng biết không chỗ biết, rõ ràng thấy không năng thấy, không năng chẳng phế thường thấy thấy tánh, đã thường không một gián đoạn, phân minh chiếu suốt mười phương, sạch không vết dơ, trong ngoài tròn sáng, rỗng khắp pháp giới, cũng gọi là mắt Tỳ-lô-giá-na không chướng ngại, tròn đầy mười phương chiếu thấy tất cả cõi Phật tức nghĩa đây vậy. Do đó người thấu đạt thấy nghe chẳng rơi lạc năng sở. Đã chẳng phải là có thấy, cũng chẳng phải không thấy, chỉ chẳng sinh hai tướng, thường hợp với chân không. Do đó, toàn sắc là nhãn, thường thấy sắc mà không duyên, toàn nhãn là sắc, luôn xứng thấy mà chẳng phải ngã vì sắc là cảnh của sở duyên, nhãn là căn của năng duyên, nay tức là nhãn nên không duyên vậy. Lại, nhãn là ngã năng kiến, nay toàn là sắc, ngay lúc của thấy tức chẳng phải ngã vậy, thì sắc tâm không hai, năng sở chẳng phải khác. Do đó, Ảnh Công có bài tụng nói:

"Pháp tánh chẳng đều chân
Thánh hiền không khác đạo".

Nên trong kinh Đại Tập nói: "Tuệ Đăng Tam-muội, tức là các pháp không hai tướng vậy, không hai tướng là chẳng tại có không, chẳng vượt ngoài có không. Phàm, có không là vì chỗ hoặc tình chấp, có không đều mất lý, không hoặc tính lường, có không đều chân". Vậy biết, các pháp chẳng phải thật chẳng phải hư, chẳng phải không chẳng phải có. Nếu không ở có chẳng thành ở không, nếu không ở không chẳng thành ở có. Có không giao triệt, muôn hóa đều dung. Lại,nói về cảnh của Thánh nhân thân chứng thấy nghe, có bốn thứ đó. Do vậy, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nói về Phật diệu chứng có bốn thứ nghe: Một là, chẳng nghe nghe, hai là, chẳng nghe chẳng nghe, ba là, nghe chẳng nghe, bốn là, nghe nghe". Thai giáo giải thích rằng: "Mới vào chứng đạo, tu đạo chợt rơi rụng, không chỗ có thể có, gọi là chẳng nghe. Nghe chứng được Đại Niết-bàn như vậy, không có tướng nghe, nên gọi là chẳng nghe chẳng nghe. Chứng khởi hoặc diệt gọi là nghe chẳng nghe, tịch mà thường chiếu, tùy gõ thì ứng, gọi là nghe nghe. Câu thứ nhất là chứng trí, câu thứ hai là chứng lý, câu thứ ba là chứng đoạn, câu thứ tư là chứng ứng. Hoặc sự hoặc lý, trí đoạn tự tha, ở câu đầu trong trí chứng đầy đủ không khuyết, một diệu chứng đây tận biển Niết-bàn. Lại nữa, chẳng nghe nghe là chứng liễu nhân, nghe chẳng nghe là chứng nhân duyên, chẳng nghe chẳng nghe là chứng chánh nhân, nghe nghe là chứng cảnh giới. Cho đến, nói rõ bốn thứ sinh sinh, sinh chẳng sinh, chẳng sinh sinh, chẳng sinh chẳng sinh, cũng đồng nghĩa bốn thứ nghe: Một, sinh sinh là nhân duyên sinh các pháp. Hai, sinh chẳng sinh là ta nói tức là không. Ba, chẳng sinh sinh là cũng gọi là giả danh. Bốn, chẳng sinh chẳng sinh, là cũng là nghĩa Trung đạo. Nếu năng rõ không sinh của bốn sinh đây mới thấu đạt cảnh của Thánh nhân thấy nghe. Do đó, chẳng thủ chẳng xả, đạt nguồn của một đạo, chẳng phải có chẳng phải không, thấy thật của các pháp. Như trong Triệu Luận nói: "Phàm, tâm đó có vậy, vì nó có có, có tự chẳng có, nên Thánh tâm chẳng có. Có chẳng có có nên có không có. Có không có vậy thì không không không, không nên Thánh tâm chẳng có chẳng không, chẳng có chẳng không nên thần đó là hư. Tại sao? Phàm, có ấy không ấy là ảnh hưởng của tâm vậy, ngôn ấy tượng ấy là chỗ phan duyên của ảnh hưởng vậy, có không đã phế thì tâm không ảnh hưởng, ảnh hưởng đã chìm thì ngôn tượng chẳng thể lường, ngôn tượng chẳng thể lường thì đạo tuyệt các phương. Đạo tuyệt các phương nên năng cùng linh cực số, cùng linh cực số mới gọi là diệu

tận. Đạo của diệu tận vốn ở vô ký. Phàm, vô ký ở nơi minh tịch (ngầm lắng), ngầm lắng nên lấy hư gọi đó. Diệu tận tại nơi cực số, cực số nên lấy dố ứng đó. Lấy số ứng đó nên động cùng sự hợp. Lấy hư gọi đó nên đạo vượt ngoài danh. Đạo vượt ngoài danh, nhân gọi đó không, cưỡng gọi đó như vậy". Kia sao vậy ư? Nên trong kinh nói: "Thánh trí không biết mà không chỗ chẳng biết, không làm mà không chỗ chẳng làm, không tướng đây là đạo của vắng lặng", đâu nói có mà là có, không mà là không, động mà trái tĩnh, tĩnh mà bỏ dụng ư? Mà nay người đàm nơi đó phần nhiều dùng lời nói để định yếu chỉ, tầm phương lớn mà chứng bày góc, ôm hoài thức trước mà nêu huyền, còn chỗ hẳn đáng của còn. Vì vậy, nghe Thánh có biết, gọi đó là có tâm, nghe Thánh không biết, cho là đồng với thái hư, cảnh của có không, chỗ còn nói biên kiến. Há ở trong đó, đạo của chẳng hai ư? Tại sao? Muôn vật tuy khác, nhưng tánh vốn thường một, chẳng thể mà vật, nhưng chẳng phải chẳng vật. Có thể vật ở vật, thì danh tướng đều bày. Chẳng vật ở vật thì vật mà tức chân. Do đó, Thánh nhân chẳng vật ở vật, chẳng chẳng phải vật ở vật, chẳng vật ở vật, vật chẳng phải có vậy, chẳng chẳng phải vật ở vật, vật chẳng phải không vậy. Chẳng phải có, do đó chẳng thủ, chẳng phải không do đó chẳng xả, chẳng xả nên diệu còn thì chân, chẳng thủ nên danh tướng chẳng nhân, danh tướng chẳng nhân chẳng phải có biết vậy, diệu còn tức chân, chẳng phải không biết vậy. Nên trong kinh nói: "Bát-nhã đối với các pháp không thủ không xả, không biết không chẳng biết", đây là ngoài của phan duyên, vứt của tuyệt tâm. Mà muốn lấy có không để cật nạn, há cũng chẳng xa ư? Giải thích: Phàm, nói có nói không là ảnh hưởng của tâm, đâu đáng chân thật ư? Nếu năng tột nguồn của linh trí đó, cùng phơi bày của tâm số, thì có thể diệu tận đạo đó vậy, tự nhiên chân tâm vô ký chẳng thuộc có không, chẳng vì có nên lấy hư gọi đó, chẳng vì không nên lấy số ứng đó. Nhưng đây còn là cưỡng ngôn thì Thánh trí không tâm ở đây kia, nên nói Thánh nhân chẳng vật nơi vật, chẳng chẳng phải vật nơi vật, chẳng vật nơi vật nên danh tướng chẳng nhân là, vì chẳng thủ các pháp, không pháp đáng tình, thì danh tướng không nhân được khởi. Chẳng chẳng phải vật nơi vật, nên diệu còn tức chân là vì chẳng xả các pháp vậy, không pháp có thể xả thì thấy chân tánh của các pháp trong lắng thường trú diệu thể hằng chân. Bát-nhã chân thật sâu mầu đây đâu tại ngay lời thẩm định tùy ý nghĩ lường, chỗ nói có nói không chẳng phải có chẳng phải không có thể kịp. Nên nói đây là ngoài của phan duyên, nơi của tuyệt tâm, mà muốn lấy có không để cật nạn là cũng chẳng xa ư? Đáng nên lúc diệu chứng tự nhiên rõ

ràng vậy.

Hỏi: Thấy biết của Phật đây làm sao khai thị ngộ nhập?

Đáp: Nếu nói về giáo, văn cú sớ của Thiên Thai phối hợp với bốn vị của Viên giáo, thì khai tức là Thập Trú, thị tức là Thập Hạnh, ngộ tức Thập hồi hướng và nhập tức là Thập địa. Trong Hoa Nghiêm Ký giải thích, đại ý nói là: Gọi là là khai tức trừ hoặc chướng, hiển thị chân lý, khiến ngộ thể không và chứng nhập tâm thể. Nếu Theo thiền môn hai tông Nam Bắc giải thích là: Bắc tông nói: "Trí dụng là biết (tri), tuệ dụng là thấy (kiến), tâm chẳng khởi gọi là trí. Trí năng biết, năm căn chẳng động gọi là tuệ, tuệ năng thấy là thấy biết của Phật. Tâm chẳng động là khai, khai là mở môn phương tiện. Sắc chẳng động là thị, thị là bày tướng chân thật. Ngộ tức là vọng niệm chẳng sinh. Nhập tức muôn cảnh thường tịch. Theo Nam tông nói: Chúng sinh Phật trí vọng cảnh chẳng thấy, chỉ được không niệm, tức tự tánh xưa nay tịch tĩnh là khai. Trên thể tịch tĩnh tự có bản trí, vì bản trí năng thấy tự tánh xưa nay tịch tĩnh gọi là thị. Đã được chỉ bày tức thấy bản tánh. Phật và chúng sinh xưa nay không khác là ngộ, sau ngộ nơi tất cả hữu vi vô vi có Phật không Phật, thường thấy bản tánh, tự biết vọng tưởng không tánh, tự giác Thánh trí. Cho nên chỗ Bồ-tát Thánh trước biết chuyển cùng truyền trao tức là nghĩa nhập". Trong kinh Hải Long Vương nói: "Tâm chẳng trú trong cũng chẳng dạo ngoài. Thức không chỗ trú, độ nơi tất cả đọa điên đảo, cho đến thấy các pháp vắng lặng, quán các pháp lặng yên, các pháp vắng lặng không hành không xứ. Các pháp lặng yên không chỗ thành tựu. Quán khắp các pháp đều đã như vậy. Quán như vậy là tức là pháp quán, pháp quán như vậy, chẳng thấy chỗ quy thú của các pháp. Có thấy pháp đo mà chẳng quán là chẳng vì thấy pháp mà thành quán vậy, không cầu không hiểu, chẳng biết chẳng thấy, đó là thấy pháp. Trong kinh Pháp Hoa nói: "Chẳng được các pháp, chẳng biết chẳng thấy, cũng chẳng phân biệt là nam là nữ". Lại, người xưa nói: Cũng không thấy cũng không nghe, không thấy không nghe là chân thật thấy nghe". Lại, Pháp sư Tăng Triệu nói: "Bít trí lấp thông riêng biết ngầm ngầm ấy vậy". Như vậy thì im hợp lặng biết, đều thông Tông Kính vậy. Do đó, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Ta lại hỏi ông, các người thế gian nói ta năng thấy. Thế nào là thấy? Thế nào gọi là chẳng thấy?" A-nan thưa: "Người đời nhân nơi nhật nguyệt ánh đèn mà thấy các thứ tướng, gọi đó là thấy. Nếu không ba thứ ánh sáng đó thì chẳng thể thấy". Phật bảo: "A-nan! Nếu lúc không sáng, gọi là chẳng thấy, là nên chẳng thấy tối. Nếu hẳn thấy tối, đó chỉ là không sáng,

cớ sao không thấy? A-nan! Nếu tại lúc tối chẳng thấy sáng nên gọi là chẳng thấy. Nay tại lúc sáng chẳng thấy tướng tối thì gọi là chẳng thấy. Hai tướng như vậy đều gọi là chẳng thấy. Nếu là hai tướng tự lấn đoạt nhau, chẳng phải tánh thấy của ông, ở trong đó tạm không, như vậy thì biết cả hai đều gọi là thấy. Cớ sao chẳng thấy? Cho nên A-nan! Nay ông phải biết lúc thấy sáng, thấy chẳng phải là sáng, lúc thấy tối, thấy chẳng phải là tối, lúc thấy thông, thấy chẳng phải là thông, lúc thấy bít, thấy chẳng phải là bít. Bốn nghĩa thành tựu, ông lại nên biết, thấy lúc của thấy, thấy chẳng phải thấy. Thấy còn lìa thấy, thấy chẳng thể kịp". Cớ sao lại nói nhân duyên tự nhiên và tướng hòa hợp ư?

Hỏi: Thánh nhân thấy diệu sắc của thật tướng. Hoặc tình có thấy chăng?

Đáp: Chỉ thấy chẳng thật, chẳng thấy thật của chẳng thật, như thấy đào ngột là giặc mà chẳng thấy đào ngột vậy. Lại như một lý chân không, thấy thành hai đế. Nếu người thế tục biết, gọi là thế tục đế, người xuất thế tục biết, gọi là Đệ nhất nghĩa. Nơi chỗ biết đó chưa hẳn cách biệt. Cảnh chỗ biết đó mỗi từ tâm hiện. Như người mắt loà thấy minh châu có loại, người mắt sáng sạch quán sáng sạch không tỳ vết. Đẹp xấu chỉ tự thật khác. Thể châu gốc ngọn như một.

Hỏi: Chúng sinh chẳng thấy sắc thật, phàm có chỗ thấy là thành dối lầm chăng?

Đáp: Tuy là chẳng thật, cũng chẳng thành vọng. Như thấy Đào Ngột là giặc, giặc có chỗ nào? Vì không thể vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Nếu năng rõ tà pháp
Như thật chẳng điên đảo
Biết dối vốn từ chân
Thấy Phật tức thanh tịnh".

Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Tuy có nhiễm tâm, mà thường hằng chẳng biến". Hòa thượng Pháp Tạng nói: "Chúng sinh dị kiến chẳng vọng. Do vì từ phàm nguyện cầu Phật địa. Nếu dị kiến vọng thì trọn chẳng từ phàm hướng đến chân Phật địa. Tại sao? Chúng sinh giới tức Phật giới, Phật giới tức chúng sinh giới. Do vì từ phàm vào thánh, từ thánh hiện phàm. Danh tự có sai, một thể chẳng động, nhưng Tông Kính Lục đây chỉ luận một thật, như kinh Pháp Hoa lấy thật tướng làm thể. Một chữ thật đây, tuy bao gồm muôn pháp, vì là thể tánh của kia vậy. Bao gồm luận tông đó, tức chẳng chọn lựa chân ngụy. Nếu dùng trí kiến giải mà luận đó thì phải phân hơn kém, vì tình ôm hoài thủ xả, trí có cạn

sâu vậy. Trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Phàm, thể chánh huyền tuyệt, một khi đã qua là khó biết". Lại, danh của tà tiểu loạn nơi chánh đại. Thí như mắt cá lẫn lộn với minh châu, nên phải chọn lựa ngụy tức là sáu ý: Một, căn cứ phàm và chọn lựa. Hai, căn cứ ngoài mà chọn lựa. Ba, căn cứ nhỏ mà chọn lựa. Bốn, căn cứ thiên lệch mà chọn lựa. Năm, căn cứ thí dụ mà chọn lựa. Sáu, căn cứ ngộ mà chọn lựa. Thứ nhất, căn cứ phàm mà chọn lựa là, trong Thích Luận nói: "Sách thế tục cũng gọi là thật, là hộ quốc trị gia, gọi là thật vậy. Ngoại đạo cũng xưng là thật, là tà trí hẹp giải gọi là thật vậy, Tiểu thừa xưng thật, là nhàm chán khổ, thôi sống lại, lấy thiên chân làm thật vậy. Các thứ như vậy chỉ có danh thật mà không nghĩa đó. Tại sao? Trong thế gian, đạo thuật yêu huyễn cũng xưng là thật, phần nhiều là pháp quỷ thần mê hoặc, pháp ấy vào tâm thì mê say cuồng loạn tự khoe tốt lành, cho là Thắng chân thật, lập dị động chúng, bày tướng kỳ đặc, đầu lâu đựng đầy phẩn dãi, trước khá nhiều người há miệng lớn nuốt, hoặc sinh cá ngửi thịt thêm tướng trạng đớp ăn, hoặc lõa hình mặc đồ dơ bẩn, khoe ngạo quy củ, hoặc đi ngay lại ngay chẳng hỏi chẳng đáp. Các thứ quỷ quái dối dụ không trí, khiến tin nhiễm hoặc trước, đã cầu thoát chẳng thể được. Bên trong thì bệnh hại thân đó, bên ngoài thì giết nhà diệt tộc, họa lan tràn bà con xóm làng, hiện chịu các thứ khổ, về sau chịu khổ của đêm dài địa ngục, đời đời chướng đạo, không kỳ hạn giải thoát. Đó là hiện thấy ở thế gian, thật đâu có thể luận? Độn sử ái luận gồm. Nếu là kinh sách của Chu Khổng, trị pháp thể pháp, binh pháp y pháp thiên văn địa lý Bát quái ngũ hành, bí điển ở thế gian. Dùng hiếu trị nhà, dùng trung trị nước. Mỗi cha xứng cha, mỗi con xứng con, kính trên mến dưới, nhân nghĩa nhường nhịn, an ở trăm họ, cường bá lập xã tắc, nếu mất pháp đây, thì kẻ mạnh lấn hiếp kẻ yếu. Thiên hạ đốt cháy bức bách, dân chúng không nơi nương sống, chim chóc không chỗ đậu nghỉ, muôn thú chẳng chỗ ẩn núp. Nếu nương pháp đây thì thiên hạ thái bình, trâu ngựa hướng lại bên trong. Phải biết pháp đây là thương dân trị nước, mà xứng là thật. Trong kinh Kim Quang Minh nói: "Thích-đề hoàn-nhân các thứ Thắng luận", tức nghĩa đó vậy, bởi ý Thập thiện vậy. Tu Thập thiện, trên phù hợp với tâm trời, các trời hoan hỷ, cầu quả báo trời tự nhiên, pháp đây là thắng, nên nói là Thắng luận vậy. Lại, Đại Phạm Thiên vương nói ra muốn luận, tức là tu định xuất, muốn nhập Niết-bàn, cũng là ái luận gồm vậy. Ở thế tục lại có phương thuật phục dược trường sinh luyện hình đổi sắc, tiên bay ẩn hình, xưng phương dược bí yếu đó là chân thật. Đó cũng lại ái luận độn sử gồm vậy; Thứ hai, căn cứ ngoại mà chọn lựa, tức là sách

vở cuỉa ngoại đạo vậy. Nếu uống thuốc cầu biết, thông lợi minh đạt, suy tầm đạo lý, xưng phương dược đó là thắng là thật. Lực dược cạn biết chẳng thể soi xét xa, xúc chạm dược thì mất, dược hết thì mất, cũng chẳng phải là thật vậy. Nếu khoảng tráng lão đây vô vi dục, thiên chân rỗng lắng, dứt các khoe tiên, bỏ thế tục bặt tuyệt trí v.v... ngay hư vô đó, ôm ấp đó còn chẳng ra ngoài bốn kiến đơn, sao liên quan Thánh pháp. Giả sử khiến ra ngoài bốn kiến đơn, còn đọa trong bốn kiến phức, hành trong lưới kiến chẳng phải đạo giải thoát. Như Luận Lực Thọ Lê nước ngoài xướng chiêu mộ tuyển chọn năm trăm minh nạn, trong đó thứ nhất nói là: "Cù-đàm là một đạo cứu cánh, là số nhiều đạo cứu cánh". Phật bảo: "Chỉ một đạo cứu cánh". Luận Lực nói: "Các sư mỗi mỗi nói đạo cứu cánh". Phật chỉ Lộc Đầu, và hỏi: "Ông biết người đó chăng?" Luận Lực nói: "Biết trong đạo cứu cánh, đó là Đệ nhất". Phật bảo: "Nếu đó được đạo cứu cánh, cớ sao tự bỏ đạo đó mà làm đệ tử ta ư?" Luận Lực liền tỏ ngộ, tán thán trong Phật pháp riêng một đạo cứu cánh. Lại như Phạm chí Trường trảo nói: "Tất cả luận có thể phá, tất cả ngôn ngữ có thể chuyển, quán thật tướng các pháp, đến lâu chẳng được một pháp vào tâm". Trong Thích Luận nói: "Phạm chí Trường trảo báo cũng không thấy". Lại nói: "Cũng kế tính chẳng thể nói thấy". Các loại như vậy có trăm vạn thứ hư vọng hý luận, bị hoặc lưu chuyển, lưới kiếm mênh mông, tà trí đầy tròn, xúc cảnh sinh sinh trưởng, hoặc lúc xếp lớp, có không làm có, không có làm không, cho đến có chẳng phải có chẳng phải không làm có, không chẳng phải có chẳng phải không làm không, trăm ngàn văn thư nước ngoài thảy đều thấy điên đảo, sinh tử các biên chẳng phải chân thật vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Bị vô minh gông cùm trói buộc trụ sinh tử, vòng quanh hai mươi lăm hữu chẳng thể được thoát", tức nghĩa đây vậy; Thứ ba, căn cứ tiểu mà chọn lựa. Trong pháp Thanh văn cũng nói lìa có lìa không gọi là Thánh Trung đạo. Trong kinh Đại Tập nói: "Sa-môn Câu-lân- như mới đầu chứng đắc thấy biết chân thật, nhưng Tiểu thừa chẳng vận đại bi, chẳng cứu tế chúng sinh, lực công đức mỏng, chẳng cầu làm Phật, chẳng sâu cùng thật tướng, thì trí tuệ yếu kém. Tuy nói là lìa có lìa không gọi là Thánh Trung đạo. Là vì đoạn thường hai kiến biên, chân đế là Trung đạo. Tuệ vô lậu gọi là thấy, chứng pháp Niết-bàn gọi là biết. Tuy đoạn kiến tư, trừ diệt phần đoạn mà trú am tranh, chẳng phải lý cứu cánh. Đối sinh tử trước là có biên tức Niết-bàn là không biên, cả hai đều có thể phá có thể hoại, chẳng phải đạo chân thật vậy, chẳng gọi là thật tướng vậy; Thứ tư, căn cứ thiên mà chọn lựa là, các kinh Đại thừa cộng kinh ngôn

thuyết, người kẹt phương tiện nói danh tự đã đồng, nghĩa phải phân biệt. Như trong Ma-ha-diễn nói: "Người của ba thừa đều dùng không lời nói đạo đoạn các phiền não". Trong Trung luận nói: "Thật tướng các pháp, ba hạng người cùng đắc, người của Nhị thừa tuy cùng bẩm thọ không lời nói đạo, tự cầu ra khỏi khổ, không tâm đại bi, được không thì dừng. Hàng Bồ-tát độn căn cũng vậy. Hàng Bồ-tát lợi căn có tâm đại bi, vì vật mà sâu cầu thật tướng. Cộng thật tướng là trí như lửa đom đóm, cho nên chẳng phải thật, chẳng cộng thật tướng là trí như ánh sáng mặt nhật, cho nên là thật". Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Đệ nhất nghĩa không, gọi là trí tuệ. Hàng Nhị thừa chỉ không, không không trí tuệ. Hàng Bồ-tát đắc, chẳng chỉ không, tức là Trung đạo tuệ, tức tuệ đây tịch mà thường chiếu. Hàng Nhị thừa chỉ đắc tịch đó, chẳng đắc tịch chiếu, nên chẳng phải là thật tướng. Bồ-tát đắc tịch lại đắc tịch chiếu tức là thật tướng". Thấy chẳng không là, lại có nhiều thứ: Một, thấy chẳng không, lần lượt đoạn kết từ cạn đến sâu, đây là thật của tương tợ, chẳng phải chánh thật vậy. Hai, thấy chẳng không đủ tất cả pháp, mới đầu môn chữ A thì giải tất cả nghĩa, tức Trung tức giả tức không, chẳng một chẳng khác, không ba không một. Hàng Nhị thừa chỉ một tức, Biệt giáo chỉ hai tức, Viên giáo đủ ba tức, ba tức là chân thật tướng vậy. Trong Thích Luận nói: "Những gì là thật tướng? Nghĩa là Bồ-tát vào nơi một tướng, biết vô lượng tướng, vô lượng tướng lại vào một tướng. Hàng Nhị thừa chỉ vào một tướng. Biệt giáo tuy vào một tướng lại vào vô lượng tướng, chẳng thể lại vào một tướng. Hàng Bồ-tát lợi căn chứng không, nên vào một tướng, tức giả nên biết vô lượng tướng, tức trung lại vào một tướng, Bồ-tát như vậy sâu cầu biển lớn trí độ, một tâm tức ba, là thể chân thật tướng vậy, Hoa Nghiêm chẳng cộng Nhị thừa, chỉ căn cứ Bồ-tát ba trí lần lượt đắc, cũng chẳng phải chánh thật. Chẳng lần lượt đắc là chánh thật vậy. Nếu trong Phương Đẳng, bốn người đắc ba trí, ba người là hư, một người là thật. Đại phẩm ba tuệ nói ba trí thuộc ba người, hai trước chẳng sâu cầu, cạn mà chẳng phải thật, một người sau sâu cầu một tâm ba trí, cho nên là thật kinh đây nói: "Ông thật là con ta, không còn người của bốn ba, mười phương chắc thật cầu, lại không thừa nào khác, chỉ một thật tướng trí, quyết rõ pháp Thanh văn, chỉ nói đạo Vô thượng, thuần là một thật thể vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Một thật đế thì không có có không, có không không hai nên gọi là một thật đế. Lại, một thật đế, gọi là không hư ngụy. Lại, một thật đế không có điên đảo. Lại, một thật đế chẳng phải chỗ ma nói. Lại, một thật đế, gọi là thường lạc ngã tịnh không khác của không giả trung, khác thì là

hai. Hai nên chẳng phải một thật đế, một thật đế tức không tức giả tức trung, không khác không hai nên gọi là một thật đế. Nếu có ba khác tức là hư ngụy, pháp của hư ngụy chẳng gọi là một thật đế, không ba khác nên tức một thật đế, nếu khác tức là điên đảo, điên đảo chưa phá chẳng phải một thật đế, không ba khác nên không điên đảo, không điên đảo nên gọi là một thật đế. Khác là chẳng gọi là một thừa. Ba pháp chẳng khác đầy đủ viên mãn, gọi là một thừa. Thừa đó cao rộng, các thứ báu trang nghiêm nên gọi là một thật đế. Ma tuy chẳng chứng riêng khác không giả, mà năng nói riêng khác không giả. Nếu không giả trung chẳng khác là ma chẳng thể nói. Ma chẳng thể nói, gọi là một thật đế. Nếu không giả trung mà khác, gọi là điên đảo, chẳng khác, gọi là chẳng điên đảo, chẳng điên đảo nên không phiền não, không phiền não nên gọi là tịnh, không phiền não thì không nghiệp, không nghiệp nên gọi là ngã, không nghiệp nên không báo, không báo nên gọi là lạc, không báo thì không sinh tử, không sinh tử thì gọi là thường. Thường lạc ngã tịnh gọi là một thật đế. Một thật đế, tức là thật tướng. Thật tướng tức là chánh thể của kinh. Thật tướng như vậy tức không tức giả tức trung. Tức không nên phá tất cả phàm phu ái luận, tất cả ngoại đạo kiến luận. Tức giả nên phá ba tạng bốn môn nhỏ thật, phá ba người cộng thấy nhỏ thật, tức trung nên phá lần lượt thiên thật, không trở lại các pháp bốn đế nhân quả điên đảo nhỏ lệch v.v... cũng không danh của Tam bảo nhỏ lệch v.v... chỉ có thật tướng nhân quả bốn đế Tam bảo, rõ ràng đầy đủ, cũng đủ các phương tiện nhân quả bốn đế Tam bảo. Tại sao? Thật tướng là biển pháp giới, chỉ có ba đế đây tức chân thật tướng. Lại mở thật của thứ lớp tức là viên thật chứng đạo, là đồng vậy. Lại mở ba người cùng đắc thật, sâu cầu tức đến đáy vật. Lại mở ba tạng ba thật, quyết rõ pháp Thanh văn. Lại mở các kiến luận thật, ở kiến chẳng động mà tu đạo phẩm vậy. Lại mở các ái luận thật, ma giới tức là Phật giới vậy, hành ở chẳng phải đạo mà thông đạt Phật đạo, trong tất cả pháp đều có tánh an ổn, tức tuyệt đãi nói rõ thật, là thể kinh vậy"; Thứ năm, căn cứ thí dụ mà chọn lựa là, nay mượn ba dụ để chánh hiển bày chân ngụy, gồm nói rõ các ý mở hợp phá hội. Một, thí như ba loài thú qua sông đồng vào nơi nước, ba loại thú có mạnh yếu khác nhau, nước sông có đáy có bờ. Thỏ ngựa lực yếu, tuy qua đến bờ kia mà nổi cạn chẳng sâu lại chẳng thấu đáy. Chỉ voi lớn lực mạnh, đều được thấu đáy và đến bờ kia. Ba loại thú dụ ba hạng người, nước dụ tức không, đáy sông dụ chẳng không. Hàng Nhị thừa trí ít chẳng thể cầu sâu, dụ như loài thỏ và ngựa. Bồ-tát trí sâu dụ như voi lớn, nước mềm dịu dụ không, đồng thấy ở không chẳng thấy ở

chẳng không. Đáy dụ thật tướng, Bồ-tát trí riêng thấu đáo là thấy không và chẳng không. Thấu đáo lại có hai thứ, voi nhỏ chỉ thấu đáy bùn sình, voi lớn thấu sâu đất thật. Biệt trí chỉ thấy chẳng không, trải qua riêng biệt chẳng phải thật, viên chẳng không cùng, hiển bày chân thật. Thí dụ như vậy chẳng phải chỉ chọn lựa phá thỏ ngựa Nhị thừa chẳng phải thật, cũng chọn lựa voi nhỏ chẳng không chẳng phải thật, mới thủ lấy voi lớn chẳng không làm thể kinh đây vậy. Đây là nói về trong không cộng làm chân đế, làm chọn lựa như đây vậy. Hai, thí dụ pha lê như ý, hai châu tương tợ, hình loại muốn đồng, mà pha lê chỉ không chẳng thể mưa báu, châu như ý cũng mưa báu. Châu pha lê không báu dùng dụ cho thiên không, châu như ý năng mưa dùng dụ cho Trung đạo. Đây là căn cứ có không hợp làm tục chọn lựa ngụy hiển bày chân. Nay thể kinh đồng châu như ý vậy. Lại chỉ nói về một châu như ý làm thí dụ là, được châu mà chẳng biết lực dụng, chỉ là châu mà thôi. Người trí được châu thì có nhiều chỗ được. Hàng Nhị thừa đắc không chứng không bèn ngưng dứt, hàng Bồ-tát đắc không bèn làm phương tiện lợi ích độ khắp tất cả. Đây là căn cứ hộp trung chân đế, chọn lựa được mất đó vậy. Nay kinh như người trí được châu như ý dùng làm thể kinh. Ba, thí dụ như vàng trong quặng đá. Hàng ngu phu không biết thấy đó cho là đá, ném vất nơi phẩn dơ, đều chẳng lãnh coi. Người khách buôn được đó thì nấu ra vàng, giữ gìn mà thôi. Thợ vàng được đó thì tạo làm các thứ xoa xuyến vòng kiền, tiên khách được đó luyện làm kim đan, bay lên trời vào trong đất sờ mó nhật nguyệt biến thông tự tại. Kẻ ngu phu là dụ cho tất cả phàm phu, tuy đầy đủ thật tướng mà chẳng biết tu tập. Người khách buôn dụ cho hàng Nhị thừa, chỉ đoạn quặng phiền não, gìn giữ vàng tức không, lại không làm gì khác. Người thợ vàng là dụ cho Bồ-tát Biệt giáo, với phương tiện khéo léo, biết không và chẳng phải không, ra giả hóa vật, trang nghiêm cõi Phật thành tựu chúng sinh. Tiên khách dụ cho Bồ-tát Viên giáo, tức sự mà chân, lúc mới phát tâm, bèn thành Chánh giác, được một thân vô lượng thân ứng nơi tất cả. Nay kinh chỉ lấy kim đan thật tướng dùng làm thể vậy. Căn cứ đồng mà làm thí dụ, từ đầu đến sau đồng là ở vàng. Phàm phu và Viên giáo đều là thật tướng vậy, căn cứ dị mà làm thí dụ là mới đầu, đá khác vàng, tiếp theo vàng khác đồ vật, đồ vật khác đan, đan sắc màu sạch suốt, loại như dầu trong, mềm dịu diệu đẹp, đâu đồng vòng xuyến, tướng trạng trái với sắc riêng biệt, nên chẳng một thứ. Đây căn cứ cùng đoạt phá hội chọn lựa được mất đó. Dẫn nêu ba thí dụ đây là, trước dụ căn tánh, căn tánh có cạn sâu, cạn được không đó. Sâu được giả đó lại được trung đó, tiếp theo dụ ba tình, tình đầu chỉ ra khỏi khổ

chẳng chí cầu Phật đạo, thấy đế tức dứt. Tình kế tiếp trải qua biệt chẳng thể viên tu, tình sau rộng lớn khắp pháp giới cầu. Ba, thí dụ ba phương tiện. Nhị thừa phương tiện ít thủ vàng mà sống. Biệt giáo phương tiện mặt yếu năng trang sức mưu sinh. Viên giáo phương tiện, sâu nên năng nuốt mây thâu nạp kẻ hán. Nay nói rõ thể của thật tướng kinh đây, như voi lớn được thấu đáy sông bền chắc chẳng hoại, để thí dụ thể diệu. Viên châu mưa khắp, thí dụ dụng diệu đó. Trí khéo thành tiên, thí dụ tông diệu đó. Ba thí dụ đây tức là ba đức, chẳng dọc chẳng ngang gọi là Đại thừa, ở trong Đại thừa riêng chỉ chân tánh dùng làm thể kinh; Thứ sáu, căn cứ ngộ mà chọn lựa là. Phàm, pháp tướng chân chánh, thật như nói trên, hành chưa hợp lý, đâu được gọi là đế, luống nhọc bốn lần nói, theo lời sinh mê, nghe cháo cho là mềm mại, nghe tuyết cho là lạnh, nghe vỏ sò cho là ngửa lên, nghe chim hộc cho là động, trọn chẳng thể thấy sắc thật của sữa. Tình tối đi đêm, chẳng thể thấy đế, kêu gào cầu ăn, không có lý no, chấp mình là thật, ngoài ra là vọng ngữ. Đây có kia không, phải quấy qua lại khởi, lại thêm lưu động, sao gọi là đế? Nếu muốn thấy đế, hổ thẹn có sai nếu khổ đến sám hối, có cảm chư Phật, Thiền tuệ mở phát, quán tâm sáng sạch, tin hiểu hư dung. Bấy giờ còn gọi là trong tối thấy đào ngột phản phất chẳng rõ, người gỗ bụi trùng còn chẳng rành rẽ, nếu năng an nhẫn, pháp ái chẳng sinh, vô minh chợt phá, như gương sáng chẳng động, nước trong không sóng, cá đá sắc tượng nhậm vận tự rõ, tâm thanh tịnh thường một, người tôn diệu như vậy thì năng thấy Bát-nhã, lược vàng khoét mắt, một ngón hai ngón ba ngón phân minh, bấy giờ thấy sắc nói có cũng phải nói không cũng phải? Thế nào là có? Sắc của đích đích cùng nhãn tương ưng, lý của đế đế cùng trí tương xứng, gọi đó là không. Trong luận nói: "Tất cả thật, tất cả chẳng phải thật, cũng thật cũng chẳng thật, chẳng phải thật chẳng phải chẳng thật, như vậy đều gọi là thật tướng của các pháp. Như, Xá-lợi-phất nói: "An trú trong thật trí, ta định sẽ thành Phật, chỗ trời người cung kính. Bấy giờ mới gọi là, diệt hết không còn thừa". Đó gọi là chân thật thấy thể. Nên trong kinh Niết-bàn nói: "Tám ngàn Thanh văn ở trong kinh Pháp Hoa thấy tánh Như Lai, như mùa thu gom mùa đông tàng, lại không chỗ làm". Nói về lý rõ không chỗ làm, đây là lý cứu cánh vậy.Nói về giáo không chỗ làm, nghe giáo đây rồi lại chẳng nghe khác vậy. Nói về hạnh không chỗ làm là tu hạnh đây rồi, chẳng thay đổi vết, các thứ như vậy v.v... nghĩa không chỗ làm, tóm lược mà nói, tùy trí diệu ngộ được thấy thể kinh, phải dùng ý tùy trí diệu ngộ trải qua trong cảnh các đế, tiết tiết có tùy tình, trí tùy tình tùy trí, các thứ phân biệt,

chọn lựa các tình tưởng khác, chỉ lấy tùy trí rõ thấy thể kinh vậy.

Hỏi: Chánh lý Duy thức, ngã pháp vốn không, chúng sinh vọng chấp hai tâm ngã pháp từ đâu mà khởi?

Đáp: Từ hai thức thứ sáu thứ bảy duyên chỗ thức khởi. Trong luận Duy thức nói: "Các tâm tâm sở do y tha khởi vậy, cũng như huyễn sự chẳng phải chân thật có. Vì khiển trừ vọng chấp ngoài tâm tâm sở thật có cảnh vậy, nói chỉ có thức. Nếu chấp Duy thức chân thật có là, như chấp cảnh bên ngoài cũng là pháp chấp. Nhưng các pháp chấp lược có hai thứ: Một là, câu sinh, hai là, phân biệt. Câu sinh pháp chấp từ thời vô thủy đến nay, hư vọng phân biệt, nhân lực bên trong luôn cùng thân câu, chẳng đợi tà giáo và tà phân biệt, mặc tình mà chuyển, nên gọi là câu sinh. Đây có hai thứ: Một, thường tương tục, ở thức thứ bảy duyên thức thứ tám, khởi tướng tự tâm, chấp làm thật pháp; Hai, gián đoạn, là ở thức thứ sáu duyên chỗ thức biến tướng uẩn xứ giới, hoặc tổng hoặc biệt, khởi tướng tự tâm chấp làm thật pháp. Hai pháp chấp đây tinh tế nên khó đoạn, trong sau Thập Địa nhiều lần tu tập, duyên quán pháp không mới năng trừ diệt. Phân biệt pháp chấp cũng do lực ngoại duyên hiện tại, chẳng phải cùng thân câu, cần phải đợi tà giáo và tà phân biệt, sau đó mới khởi, nên gọi là phân biệt, chỉ tại trong ý thức thứ sáu. Có đây cũng hai thứ: Một, duyên chỗ tà giáo nói tướng uẩn xứ giới, khởi tướng tự tâm, phân biệt kế độ chấp làm thật pháp. Hai, duyên chỗ tà sư nói tướng tự tánh v.v... khởi tướng tự tâm, phân biệt kế độ chấp làm thật pháp. Hai pháp chấp đây thô nên dễ đoạn. Lúc vào sơ địa, quán tất cả pháp pháp không chân như tức năng trừ diệt, như vậy chỗ nói tất cả pháp chấp, pháp bên ngoài tự tâm hoặc có hoặc không, pháp bên trong tự tâm, tất cả đều có, cho nên pháp chấp đều duyên pháp bên trong tự tâm, tất cả đều có, cho nên pháp chấp đều duyên chỗ tự tâm hiện tợ pháp, chấp làm thật có, nhưng tướng tợ pháp từ duyên sinh vậy, là như huyễn có, chỗ chấp thật pháp vọng kế độ vậy, quyết định chẳng phải có, nên Đức Thế Tôn nói: "Từ thị phải biết chỗ các thứ duyên, chỉ chỗ thức hiện, tánh y tha khởi, như huyễn sự thảy". Như vậy, chỗ ngoại đạo và các thừa khác chấp lìa thức ngã pháp đều chẳng phải thật có, nên tâm tâm sở quyết định chẳng dùng các pháp sắc v.v... bên ngoài làm sở duyên duyên. Duyên dụng hẳn nương thể thật có vậy. Giải thích: Nếu chấp Duy thức chân thật có là, như chấp cảnh bên ngoài, cũng là pháp chấp là, do lý đó nên chỉ nên khiển trừ cảnh của bên ngoài tâm kia đồng sừng thỏ không, năng duyên tâm kia như huyễn sự có, nên phần ít chẳng đồng, chẳng phải nghĩa là tức tâm cũng gọi là thật có. Lại, phàm ngoài

tâm chấp ngã chấp pháp là, có hai thứ: Một, như ngoại đạo v.v... chấp lìa tâm v.v... riêng có một vật là thường là một, gọi đó là ngã. Đó là vọng kế sở chấp, thể nó đều không; Hai, sơ sở duyên duyên pháp của bản chất, tâm của năng duyên thân duyên đó chẳng đấm trước, cũng gọi là ngoài tâm. Đó là y tha, thể nó là có.

Hỏi: Hai thức thứ sáu thứ bảy chấp sinh ngã kiến năng khởi kế xứ, ở trong ngoài tâm, thế nào là có không?

Đáp: Trong luận nói: "Chỗ nói như vậy, tất cả ngã chấp, uẩn ngoài tự tâm hoặc có hoặc không" là, giải thích: năng duyên duyên xứ chẳng đấm trước đều gọi là ngoài tâm. Thức thứ bảy chấp ngã ngoài tâm chỉ có thức thứ sáu chấp ngã. Uẩn của ngoài tâm, hoặc là ở không. Trong luận nói: "Uẩn trong tự tâm tất cả đều có" là, thân sở duyên vậy chẳng kể tức lìa chấp làm ngã là ảnh tượng hẳn có, nên không có ít pháp năng thủ ít pháp, chỉ có tự tâm trở lại thả tự tâm nên đều duyên uẩn, đây đều là biện rõ ngã sở y vậy. Trong luận nói: "Cho nên ngã chấp đều duyên vô thường tướng năm thủ uẩn vọng chấp làm ngã là, kết thành nghĩa trước, ảnh tượng tướng phần hẳn là uẩn vậy, duyên đây làm ngã, nghĩa hiển bày Đại thừa thân duyên ở không, tâm chẳng sinh vậy, thành sở duyên duyên hẳn hữu pháp vậy. Trong luận nói: "Nhưng tướng các uẩn từ duyên sinh vậy, là như huyễn có, vọng chỗ chấp ngã giăng bày kế độ nên quyết định chẳng phải có. Lại, các ngoại đạo v.v... phần nhiều ở nơi tâm vương chấp làm chủ tể tác giả thọ giả, cho chẳng thể biết vốn không tự tánh, tùy duyên lưu chuyển vậy". Trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Phật bảo: "Ca-diếp! Thí như bệnh nghẹt cổ họng tức năng đoạn mạng sống. Như vậy, Ca-diếp! Trong tất cả kiến chỉ có ngã kiến tức thời năng đoạn ở mạng trí tuệ". Nên biết, pháp ngã kiến là, trái cảnh hiện lượng, chướng trí pháp không. Nhân ngã kiến là làm căn sinh tử đoạn mạng trí tuệ, chẳng vào Tông Kính, hai hoạn nạn khó tiêu.

Hỏi: Ngã pháp mỗi mỗi lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Ngã, là nghĩa chủ nghĩa tể. Ngã có lực tự tại, tể lực cắt đoạn, nghĩa đồng ngã vậy. Chủ là ngã thể, tể là ngã sở, hoặc là ngã dụng. Pháp, là chấp trì, chấp nghĩa là quỷ phạm có thể sinh vật giải, trì nghĩa là nắm giữ, chẳng xả bỏ tự tướng.

Hỏi: Ngã, nghĩa là chủ tể, hai nghĩa chủ tể mỗi mỗi thuộc thức nào? Phải biết nguồn bịnh có ngã, mới ban diệu dược vô ngã ư?

Đáp: Chủ là câu sinh ngã, không phân biệt nên thuộc ngã thức thứ bảy. Tể là phân biệt ngã có cắt đoạn nên thuộc ngã thức thứ sáu.

Hỏi: Phàm có hành xử không gì chẳng phải là ngã là chủ tể, cớ

sao nói tất cả chỉ là thức ư?

Đáp: Ngoại đạo ở Tây vức phần nhiều chấp thân có thần ngã nên năng khiến thân động tác, nếu không thần ngã, ai sai khiến thân? Bồ-tát Long Thọ phá rằng: Thân là tướng thức tự năng sai khiến thân chẳng đợi thần vậy. Như tánh lửa năng thiêu đốt vật, chẳng phải nhờ ở người. Trong kinh Mật Nghiêm nói: "Thức A-lại-da luôn cùng tất cả pháp nhiễm tịnh mà làm chỗ nương tựa, là cảnh hiện pháp lạc trú Tam-muội của các Thánh nhân người trời v.v... các thú, cõi nước chư Phật đều lấy làm nhân, thường lấy các thừa mà làm chủng tánh, nếu năng liễu ngộ tức thành Phật đạo, tất cả chúng sinh có đủ công đức oai lực tự tại, cho đến có sinh nơi hiểm nạn, thức A-la-hán luôn trú trong đó làm chỗ nương dừng. Đây là chúng sinh từ thời vô thủy, giới (nhân) các nghiệp tập khí năng tự tăng trưởng, cũng năng tăng trưởng bảy thức khác. Do đó, phàm phu chấp là ngã bên trong năng tác sở tác. Này các Nhân giả! Ý tại trong thân như gió chuyển nhanh, gió nghiệp thổi chủng khắp nơi các căn, bảy thức đồng thời như sóng mà khởi. Chỗ ngoại đạo chấp thắng tánh vi trần tự tại v.v... đều là thức A-lại-da thanh tịnh. Này các Nhân giả! Thức A-la-hán do nghiệp lực trước và ái làm nhân, thành tựu thế gian khá nhiều phẩm loại. Người vọng kế chấp làm tác giả". Trong kinh Lăng-già nói: "Quán các chúng sinh như thây chết không biết, vì vọng tưởng nên thấy có qua lại, nếu lìa vọng tưởng như thây chết kia không quỷ vào trong. Vậy biết người cũng như vậy chỉ có bốn đại, không người vào trong". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Hỏi: "Có hơi khí ra vào thì là ngã tướng, thấy nhuận thọ mạng tâm khổ vui thương ghét tinh cần v.v... là ngã tướng. Nếu không ngã, sao có hơi khí ra vào thấy nhuận thọ mạng tâm khổ vui thương ghét tinh cần v.v... đó? Phải biết có ngã ở trong động phát, nên tâm thọ mạng cũng là ngã pháp. Nếu không ngã như trâu không cưỡi, có ngã nên năng chế tâm vào pháp chẳng làm buông lung. Nếu không ngã là ai chế ngự tâm? Chịu khổ vui là ngã, nếu không ngã là như cây gỗ thì không nên riêng biệt khổ vui. Thương ghét tinh cần cũng như vậy. Ngã tuy vi tế, chẳng thể dùng năm tình mà biết, nhân tướng đó nên có thể biết là có?" Đáp: "Các tướng đó đều là tướng thức, có thức là có hơi thở ra vào, thấy nhuận thọ mạng v.v... nếu thức lìa thân thì không. Nếu ông nói ngã thường khắp cùng vậy, thì người chết cũng nên có thấy nhuận, hơi thở vào ra, thọ mạng v.v... Lại nữa, hơi thở vào ra v.v... là sắc pháp, tùy lực gió tâm nên động phát, đó là tướng thức, chẳng phải là tướng ngã, thọ mạng là tâm tương ưng hành cũng là tướng thức". Hỏi: "Người trong định không tâm, hoặc lúc ngủ

không mộng, hơi thở cũng ra vào, có thọ mạng, cớ sao nói đều là tướng thức?” Đáp: “Định không tâm v.v... thức tuy tạm không, mà không lâu hẳn trở lại sinh, thức chẳng xả bỏ thân vậy. Lúc có thức thì nhiều, lúc không thức thì ít, cho nên gọi là tướng thức. Như người cất bước đi ra, chẳng được nói nhà đó không chủ, khổ vui thương ghét tinh cần v.v... là tâm tương ưng, cộng duyên tùy tâm hành, tâm có nên bèn có, tâm không nên bèn không. Vì vậy cho nên tướng thức chẳng phải tướng ngã. Lại nói: Bốn đại và sắc được tạo bao quanh hư không, nên gọi là thân. Trong đó, trong ngoài vào nhân duyên hòa hợp sinh thức chủng, thân được là chủng hòa hợp làm các thứ sự nói năng ngồi dậy đi lại, không trong sáu thứ hòa hợp, cưỡng gọi là nam, cưỡng gọi là nữ. Nếu sáu thứ là nam, nên có sáu nam, chẳng thể dùng một làm sáu, sáu làm một. Đã ở trong địa chủng, không tướng nam nữ, cho đến thức chủng cũng không tướng nam nữ. Nếu không trong mỗi mỗi, trong hòa hợp cũng không, như sáu con chó mỗi mỗi chẳng thể sinh sư tử, hòa hợp cũng chẳng thể sinh, tánh không vậy.

Hỏi: Trong kinh nói chỗ có ngã kiến tất cả đều duyên năm thủ uẩn khởi, thật ngã nếu không, cớ sao được có các sự nhớ biết tụng tập ân oán v.v... nếu thật không ngã, thì mọi sự nhớ biết v.v... chẳng thành, ai là chủ tể?

Đáp: Pháp của năm uẩn là căn cứ chúng sinh giới nói, tình có biên sự, dùng trí tìm xét, năm uẩn đều không. Trong kinh nói: “Thân đó như nước bọt nhóm tụ, chẳng thể vốc xoa, tức sắc uẩn không. Thân đó như nước bọt chẳng được dừng lâu, tức thọ uẩn không. Thân đó như lửa từ khát ái sinh, tức tưởng uẩn không, thân đó như trong lá chuối không có bền chắc, tức hành uẩn không. Thân đó như huyễn, từ điên đảo khởi, tức thức uẩn không, năm uẩn đã không, ai làm chủ tể? Chỗ có phân biệt là vọng thức phan duyên, nói năng đi lại chỉ là chỗ lực phong lay chuyển, lìa ngoài tình chấp khoảng giữa chỉ có tánh không. Nên biết, ngã chỉ có danh, danh cũng không tánh, danh thể đều không, ngã pháp sao có? Trong luận Duy Thức nói: “Lại các chỗ chấp thật có, ngã thể là có tác dụng hay không tác dụng? Nếu có tác dụng, như tay chân v.v... nên là vô thường. Nếu không tác dụng, như sừng thỏ v.v... nên chẳng phải thật ngã. Nên chỗ chấp ngã, cả hai đều chẳng thành”. Lại mọi sự nhớ biết v.v... đều từ lực của bản thức huân tập mà được thành tựu. Cho đến chỗ chấp thật ngã đã thường không biến, sau nên như trước là sự chẳng phải có, trước nên như sau là sự chẳng phải không. Vì sau và trước thể không riêng biệt vậy. Nếu cho rằng: ngã dụng trước sau biến khác chẳng phải

ngã thể, lý cũng chẳng như vậy. Dụng chẳng lìa thể, nên thường có vậy. Thể chẳng lìa dụng nên chẳng phải thường vậy, nhưng các hữu tình mỗi mỗi có bản thức, một loại tương tục giữ gìn chủng tử, cùng tất cả pháp lại qua lại làm nhân là sức huân tập vậy, được có mọi sự nhớ biết v.v... như vậy. Nên trong kinh Đại Bảo Tích có kệ tụng nói:

"Pháp đồng cây cỏ không hay biết
Nếu lìa nói tâm chẳng thể được
Chúng sinh tự tánh không chỗ có
Tất cả các pháp cũng như vậy".

Nếu hiện tại ấm nhập giới là niệm niệm chẳng trú. Tại sao? Pháp thế gian không có một niệm trú. Nếu có một niệm, là trú trong một niệm cũng có sinh trú diệt, sinh trú diệt đó cũng lại chẳng trú, như trong sinh trú diệt có ấm giới nhập trong ngoài, ấm giới nhập trong ngoài đó cũng có sinh trú diệt. Nếu chẳng trú như vậy, tức là chẳng phải ngã chẳng phải ngã sở. Lại, Phật dạy: "Từ xưa đến nay không ngã không nhân, không có trượng phu, chỉ là tâm bên trong thấy có ngã nhân, lúc tâm bên trong khởi, kia đã hại ngã tức gọi là hại. Cho đến, trong đó không có một pháp, hòa hợp tu tập quyết định thành tựu, được gọi là Phật gọi là pháp gọi là tăng, gọi là cha, gọi là mẹ, gọi là A-la-hán"; quyết định có thể thủ là, lại có kệ tụng nói:

"Cúi ngưỡng duỗi co đứng đi lại, trong trông nhìn nói năng không thật, gió nương thức nên có chỗ làm, thức đó tướng diệt niệm niệm không. Đây kia nam nữ có ngã tâm, không trí tuệ nên vọng thấy có, khóa xương liền nhau da thịt đậy, cơ quan động tác như người gỗ, trong tuy không thật ngoài tợ người, thí như vàng nóng ném trong nước, cũng như lửa hoang đốt rừng trúc, nhân duyên hòa hợp có tiếng vang". Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Bồ-tát tất cả nghiệp quả báo,
Đều là chỗ trí vô tận ấn,
Vô tận như vậy tự tánh tận,
Cho nên vô tận phương tiện diệt.
Bồ-tát quán tâm chẳng tại ngoài,
Cũng lại chẳng được ở tại trong,
Biết tâm tánh đó không chỗ có,
Ngã pháp đều lìa trọn tịch diệt,
Các Phật tử kia biết như vậy,
Tất cả pháp tánh thường không tịch,
Không có một pháp năng tạo tác,

Đồng nơi chư Phật ngộ vô ngã”.

Trong kinh Đại Tập nói: “Nếu lại có nói nhãn sắc do nhân duyên nên có ngã là, nghĩa đó chẳng như vậy, tại sao? Trong nhãn không ngã, sắc cũng như vậy, mà trong hòa hợp cũng lại không ngã. Hòa hợp nhân duyên sinh ở nhãn thức, trong thức như vậy cũng lại không ngã, trong phong (gió) trong không đều cũng không ngã, như vậy suy tầm trọn chẳng thể được, thức đây chỉ là mười hai nhân duyên, như vòng lưu chuyển, lìa mười hai nhân duyên thức không thể thấy. Chỉ nhân thức sinh danh sắc, cho đến thì có suy già và cả bệnh chết, các pháp như vậy v.v... nhân nhãn thức sinh, mà nhãn thức đó chẳng phải từ phương Đông lại, phương Nam, Tây, Bắc, bốn gốc trên dưới cũng lại như vậy. Chỗ niệm của nhân sinh ra căn thức là niệm đó cũng diệt, nhãn thức chẳng trú, trong niệm thứ hai cũng chẳng nói niệm, ngươi trú ta diệt, mà pháp diệt đó cũng chẳng phải lại đi đến mười phương, mà cũng chẳng chuyên một xứ trú dừng, cho nên các pháp do nhân duyên nên sinh. Nếu lìa nhân duyên thì chẳng được sinh, nhân nhân duyên sinh, nhân nhân duyên diệt, nhân duyên như vậy gọi là pháp tương tục, cho nên phải biết thật không có ngã, mà là nhân duyên cũng không tác giả, không có thọ giả, không có khởi giả, không có tha khởi giả, cho nên không ngã. Nếu không ngã là, ngã đã là không thì ngã sở cũng không, tại sao? Thể tánh tự nhiên nên vậy, cho nên tánh nhãn không ngã ngã sở, không có tích tụ, chẳng phải tụ chẳng phải tán, tức sinh diệt vậy, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nhân duyên phong đó cũng vào trong căn, xoay tả chuyển hữu, thanh tịnh chiếu rõ, phong kia như huyễn cũng chẳng thể bắt. Lại tuy tợ có, năng tác sở tác, hai sự cùng thành chỉ từ duyên sinh đều không tự tánh, chẳng biết nhân của Duy thức, đều chấp làm thật ngã, như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo: Tỳ-kheo! Thí như hai tay cùng vỗ, âm thanh phát ra từ trong đó, ngã cũng như vậy”.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 66

Phàm đã không ngã cũng không ở nhân, cho đến chúng sinh thọ giả, mười sáu thấy biết v.v... Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Phật dạy: Như nói danh sắc trói buộc chúng sinh, nếu danh sắc diệt thì không chúng sinh, lìa danh sắc rồi không riêng biệt chúng sinh, lìa chúng sinh rồi không riêng biệt danh sắc, cũng gọi là danh sắc trói buộc chúng sinh, cũng gọi là chúng sinh trói buộc danh sắc". Sư Tử Hống thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Như nhãn chẳng tự thấy, tay chẳng tự xúc chạm, dao chẳng tự cắt, ái chẳng tự thọ, cớ sao Đức Như Lai nói danh sắc trói buộc chúng sinh, tại sao? Nói danh sắc là, tức chúng sinh, nói chúng sinh là tức danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sinh tức là danh sắc trói buộc danh sắc". Phật dạy "Này thiện nam! Như lúc hai tay hợp, thì không pháp khác lại hợp vậy. Danh đó và sắc cũng lại như vậy, vì nghĩa đó, nên ta nói danh sắc trói buộc chúng sinh, nếu lìa danh sắc thì được giải thoát". Giải thích: Như lúc hai tay hợp thì không pháp khác là hai tay tuy có tương hợp, vì chỉ là dụng của một thân nên không pháp khác, nếu dùng một tay hợp thì nghĩa chẳng thành. Như danh sắc chúng sinh tuy là chẳng khác, nhưng cần nhân danh sắc trói buộc chúng sinh, cần lìa danh sắc mới được giải thoát. Tất cả các pháp lìa hợp buộc thoát cũng như vậy. Trong kinh Duy-na nói: "Pháp không có nhân, khoảng trước sau đoạn vậy". Pháp sư Tăng Triệu nói: "Trời sinh muôn vật, lấy con người làm quý, thủy chung chẳng cải đổi gọi đó là nhân" ngoại đạo lấy nhân gọi là thần, cho rằng thủy chung chẳng biến, nếu pháp khoảng trước sau đoạn, mới mới chẳng đồng, mới mới chẳng đồng thì không gì chẳng biến đổi đó. Không gì chẳng biến đổi đó thì không nhân vậy. Đã khoảng trước không nhân, khoảng sau không thọ giả, khoảng giữa không ngã không chúng sinh. Thế gian phàm chỗ có pháp đều là ý ngôn phân biệt, lập danh tướng đó, đều không thật nghĩa, chúng sinh chẳng rõ vọng có chỗ được, chìm đắm trong đó chẳng thể lìa khỏi. Do đó chư Phật dùng phương tiện nói nhân không pháp không, chánh nghĩa

Duy thức, ở trong danh tướng hư dối mà năng chấp nhổ ra, như trong luận Đại Trí Độ nói: "Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không không căn bản, như mộng, như huyễn v.v... thì chúng sinh trú tại xứ nào? Mà Bồ-tát cứu vớt ra". Ý của Tu-bồ-đề cho rằng như người chìm đắm trong bùn sình sâu mà được cứu vớt ra. Phật đáp: "Chúng sinh chỉ trú trong danh tướng hư dối nghĩ tưởng phân biệt". Ý Đức Phật nói trong tất cả pháp không quyết định thật, chỉ phàm phu hư dối nên đắm trước, như người trong tối, thấy tợ người vật, cho rằng là thật người mà sinh khiếp sợ. Lại như chó dữ đến trong giếng tự sủa hình bóng nó, trong nước không chó, chỉ có tướng nó mà sinh ác tâm lao vào giếng mà chết, chúng sinh cũng như vậy. Bốn đại hòa hợp nên gọi là thân, nhân duyên sinh thức hòa hợp nên cử động nói năng. Người phàm phu ở trong đó khởi nhân tướng sinh ái sinh sân, khởi tội nghiệp, đọa ba ác đạo. Bồ-tát lúc hành Bát-nhã ba-la-mật, xót thương chúng sinh, dùng các thứ nhân duyên giáo hóa khiến biết pháp không mà cứu vớt ra khởi đó, nói là: Pháp ấy đều rốt ráo không, không chỗ có, chúng sinh điên đảo hư dối nên thấy tợ có, như hóa như huyễn như thành Càn-thác-bà, không có thật sự, chỉ dối hoặc mắt người, cho đến, Phật bảo: "Tu-bồ-đề! Nếu các pháp đáng thật có như mảy may, lúc Bồ-tát ngồi đại tràng, chẳng thể biết tất cả pháp không, không tướng, không chỗ có, đắc thành A-nậu-đa-la-tam-niệu-tam-bồ-đề cũng chẳng thể dùng pháp đó làm lợi ích chúng sinh v.v... lại nói: "Như người đi xa một mình dừng ngủ trong đình trống, trong đêm có quỷ vác một thây chết đến đặt trước người đó. Lại có một quỷ từ sau đến, sân mắng quỷ trước bảo: "Đó là thây ta cớ sao vác lại?" Quỷ trước lại nói : "Vốn là vật của ta, ta tự vác lại". Hai quỷ mỗi mỗi dùng một tay tranh dành đó. Quỷ trước nói: "Có thể hỏi người này". Quỷ sau liền hỏi: "Ai là người chết? Ai vác đem lại, người đó tư duy". Hai quỷ đây đều có sức mạnh, nói thật nói dối đều chẳng khỏi chết. Ta nay không nên đáp dối." Bèn trả lời với quỷ sau rằng: "Quỷ trước vác lại". Quỷ sau sân hận nhổ bức tay chân người đó ra đặt để trên đất, quỷ trước thẹn đó, lấy thây bù đắp đó, bù đắp đó bèn đặt vai tay chân v.v... khắp thân đều đổi khác, khi đó hai quỷ cùng ăn chỗ thân của người đổi khác sống, mỗi mỗi lau miệng chia ra mà đi, người ấy tư duy: "Cha mẹ sinh thân, mắt thấy ăn hết, nay thân ta đây đều là thịt kẻ khác, là có thân ư? Hay không thân ư?" Tư duy như vậy tâm ôm hoài mê loạn, giống như người cuồng chẳng biết chỗ gá, đến lúc trời đã sáng tìm đường mà đi, đến cõi nước trước thấy có tháp Phật, phàm thấy chúng tăng chẳng luận mọi sự khác chỉ hỏi thân mình

là có hay không, các Tỳ-kheo hỏi: “Ông là người nào?” Ông ấy đáp: “Tôi cũng không biết là người hay chẳng phải người” và liền nói rộng sự việc trên, chúng tăng đều bảo: “Người này tự biết thân mình không ngã, dễ có thể hóa độ”. Bèn liền bảo đó rằng: “Thân ông xưa nay luôn tự không ngã, chỉ do bốn đại hòa hợp tụ tập, chấp là bản thân, như bản thân ông cùng nay không khác”. Khi ấy các Tỳ-kheo độ người đó cho làm sa- môn, đoạn hết phiền não, đắc A-la-hán” cho nên có lúc đối với thân người khác cũng chấp là ngã, đã không ngã vậy, có lúc đối với ngã cho là tha nhân, nên trong kinh Văn- thù Vấn nói: “Có người già ban đêm nằm, tay xúc chạm hai đầu gối mà bèn hỏi rằng: “Sao lại có hai trẻ nhỏ được ư?” Thân nếu có ngã cớ sao chẳng biết mà cho là trẻ nhỏ? Nên biết tính ngang đều không định thật. Lại nói: “Bồ-tát nghĩ rằng: “Các pháp không, không ngã, không chúng sinh, mà từ nhân duyên nên có bốn đại sáu thức, là mười pháp mỗi mỗi có lực, năng sinh năng khởi năng có chỗ làm, như địa năng gìn giữ, thủy năng nát, hỏa năng tiêu, phong năng xoay chuyển, thức năng phân biệt, là mười pháp mỗi mỗi có chỗ làm, chúng sinh điên đảo, nên cho là nhân làm ngã làm, như da xương hòa hợp nên có tiếng nói, kẻ mê hoặc cho là người nói, như lửa đốt cháy rừng trúc khô phát ra âm thanh lớn, trong đó không có tác giả, lại như người gỗ người huyễn người hóa, tuy năng động tác mà không tác giả, mười pháp đây cũng như vậy”. Trong Quảng Bách Luận nói: “Nếu tùy tự giác chấp có ngã là, đâu chẳng chỉ duyên thân vô thường v.v... hư vọng phân biệt chấp là thật ngã. Tại sao? Hiện tại thế gian chỉ thấy duyên thân v.v... trước sau tùy duyên phân vị sai biệt, hư vọng tính lường ta béo ta gầy ta hơn ta kém, ta sáng ta tối, ta khổ ta vui, thân v.v... vô thường có thể có sự đó, thường trú thật ngã không sai biệt đây, do đó mà sánh biết, tất cả ngã kiến đều không thật ngã dùng làm cảnh giới, chỉ duyên thân v.v... hư vọng làm cảnh, tùy tự vọng tưởng giác tuệ sinh vậy, như duyên dây trong tối điên đảo chấp là rắn. Trong luận Bảo Hành Vương Chánh có kệ tụng nói:

“Như người nương gương sạch,
Được thấy ảnh mặt mình,
Ảnh đó chỉ được thấy
Một hướng chẳng chân thật,
Ngã kiến cũng như vậy,
Nương ấm được hiển hiện,
Như thật kiểm chẳng có,
Giống như ảnh mặt gương”.

Trong luận Hiển Dương nói: “Hỏi: Nếu chỉ có uẩn không ngã riêng biệt là ai thấy ai nghe ai năng liễu biệt?” Cho đến có kệ tụng đáp:

“Như sáng dụng năng chiếu,
Lìa sáng không thể khác,
Cho nên ở trong ngoài,
Không nghĩa không ngã thành”.

Luận nói: “Hiện thấy thế gian tức nơi thể ánh sáng có dụng năng chiếu, nói là chiếu, lìa ngoài thể ánh sáng, không chiếu riêng biệt là nhãn v.v... như vậy có dụng thấy v.v... nói là thấy, cho đến liễu biệt, không thấy riêng biệt v.v... cho nên các pháp v.v... trong ngoài không có ngã”.

Hỏi: Nếu thật không ngã, cớ sao thế gian có nhiễm có tịnh?

Đáp: Các pháp nhiễm tịnh từ nhân duyên sinh, chẳng do thật ngã. Tại sao? Có kệ tụng nói:

“Như vật ngoài thế gian,
Lìa ngã có tổn ích,
Trong tuy không thật ngã,
Nghĩa nhiễm tịnh nên thành”.

Luận nói: “Như vật ngoài thế gian tuy không có ngã mà có các thứ tai hoạch thuận ích sự nghiệp thành tựu, như vậy pháp bên trong tuy không có ngã mà có nghĩa các thứ nhiễm tịnh thành, cho nên không lỗi”

Hỏi: Đã nhân pháp đều không, nếu thật không ngã thì ai chịu sinh tử, quả báo y chánh? Hoặc lại nhàm chán khổ cầu hướng đến Niết-bàn, buộc thoát, đi lại, lên xuống v.v... mọi sự ư?

Đáp: Tuy không tác giả, mà có tác nghiệp, do lực các duyên đến nơi đời sau tương tục chẳng đoạn, chỉ lấy thức làm chủng, năng có các sự nhàm cầu ghi nhớ v.v... trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh năm ấm không, không chỗ có thì ai có thọ giáo tu tập đạo ư?” Phật dạy: “Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có niệm tâm, phát tâm, tâm chuyên cần tinh tấn, tâm tin tâm định, các pháp như vậy v.v... tuy niệm niệm diệt, do có tương tợ tương tục chẳng đoạn nên gọi là tu đạo, cho đến như đèn tuy niệm niệm mà có ánh sáng phá trừ tối tăm các pháp niệm v.v... cũng lại như vậy. Như chúng sinh ăn tuy niệm niệm diệt, cũng năng khiến người đói mà được đầy no. Thí như thuốc tốt tuy niệm niệm diệt, cũng năng lành bệnh. Ánh sáng nhật nguyệt tuy niệm niệm diệt, cũng năng tăng

trưởng cỏ cây lùm rừng, này thiện nam! Ông nói niệm niệm diệt mà cớ sao tăng trưởng là, tâm chẳng đoạn nên gọi là tăng trưởng”. Như trong kinh Tịnh Danh có kệ tụng nói: “Tuy không ngã không tạo không thọ giả nghiệp của thiện ác cũng chẳng mất mất nghiệp nhân của thiện ác quả báo của khổ vui chẳng phải có nhân ngã năng tác năng thọ chỉ là thức giữ nhân quả chẳng mất”. Như các bậc sư xưa nói: “Chúng sinh làm thiện ác mà thọ báo đó, là đều do tâm thức chúng sinh, ba đời tương tục niệm niệm tương truyền, như đời nay năm uẩn hiện hành, do thức chủng đời trước làm nhân khởi quả đời nay. Đời nay có tác nghiệp huân chủng mà làm nhân hiện hành đời sau, chuyển đổi nối nhau làm nhân quả vậy. Lại nghiệp của thiện ác, đều do tâm thức mà khởi nghĩa là niệm trước tạo được nghiệp thiện ác, nhưng một niệm đây thức tuy diệt, mà niệm sau tâm thức sinh, đã là tâm thức tương truyền chẳng đoạn, tức năng giữ gìn nghiệp của thiện ác mà cũng chẳng mất, vì do thức giữ gìn vậy. Trong luận Duy Thức nói: “Nhưng loại hữu tình, thân tâm tương tục, nghiệp lực phiền não chuyển xoay các thú, nhàm chán loạn khổ nên cầu hướng đến Niết-bàn. Do đây nên biết định không thật ngã, chỉ có các thức từ thời vô thủy lại, trước diệt sau sinh nhân quả tương tục, do vọng huân tập tợ tướng ngã hiện, người ngu ở trong đó vọng chấp làm ngã, nên biết nhàm chán khổ cầu vui, bỏ đây sinh kia, thì nghiệp biết không ngã, nếu quyết định có ngã có thể thì chẳng năng đi lại, tùy duyên khởi diệt, vì quyết định có nên chẳng thể dời đổi, chỉ là thức tâm như huyễn không định vậy, là lý từ phàm vào thánh. Trong luận Đại Trang Nghiêm nói: “Hỏi: Có buộc thì có mở, không ngã thì không có buộc, nếu không có buộc, thì ai được giải thoát? Đáp: Tuy không có ngã mà còn có buộc mở, tại sao? Phiền não khuất lấp thì là chỗ buộc, nếu đoạn phiền não thì được giải thoát”, cho nên tuy là không ngã mà còn có buộc mở.

Hỏi: Nếu không ngã, thì ai đến đời sau?

Đáp: Từ nơi các nghiệp phiền não ở quá khứ, được thân và các căn ở hiện tại. Từ đời hiện nay lại tạo các nghiệp, vì nhân duyên đó, được thân và các căn ở đời sau, thí như hạt thóc, do các duyên hòa hợp nên được sinh mầm. Nhưng hạt giống đây thật chẳng đến mầm. Hạt giống diệt nên mầm bèn tăng trưởng. Hạt giống diệt nên chẳng thường, mầm sinh nên chẳng đoạn. Phật nói thọ thân cũng lại như vậy, tuy là không ngã mà nghiệp báo chẳng mất.

Hỏi: Nếu là không ngã mọi sự tạo tác trước kia cớ sao nhớ mà chẳng nên mất?

Đáp: Vì có niệm giác cùng tương ưng, bèn năng nghĩ nhớ mọi sự

của ba đời mà chẳng nên mất.

Hỏi: Nếu là không ngã, thì quá khứ đã diệt, hiện tại tâm sinh, diệt sinh đã khác, cớ sao mà được nghĩ nhớ chẳng quên?

Đáp: Tất cả sinh thọ, thức là chủng tử, vào thai mẹ do nước ái đượm thấm, thân cây đượm sinh, như hạt hồ đào tùy loại mà sinh. Ấm đây tạo nghiệp, năng cảm ấm sau, nhưng ấm trước sau, nhưng ấm trước đây chẳng sinh ấm sau, vì nghiệp duyên nên bèn thọ ấm sau. Đến diệt tuy khác mà nối nhau chẳng đoạn. Như trẻ con bệnh mà cho thuốc sữa mẹ thì trẻ con bệnh được lành, mẹ tuy chẳng phải trẻ con, mà do thế lực của thuốc năng kịp nơi trẻ con. Ấm cũng như vậy, vì có nghiệp lực bèn thọ ấm sau. Nhớ nghĩ chẳng quên. Lại trong luận Đại Trí Độ nói: "Hỏi: Nơi tâm hướng đến, tâm là đi hay chẳng đi? Nếu đi đây thì không tâm, giống như người chết. Nếu không đi cớ sao năng duyên? Như Đức Phật nói: Nương ý duyên pháp ý thức sinh, ý nếu chẳng đi thì không hòa hợp". Đáp: Tâm chẳng đi chẳng trú mà năng biết, như trong Bát-nhã nói: Tất cả pháp tướng không lại không đi, cớ sao nói tâm có đi lại? Nếu có đi lại tức đọa vào thường kiến. Các pháp không có tướng cố định, biến tâm chẳng trú, vì tướng vô thường kết sử chưa đoạn, hoặc sinh ngã ta, tư duy như vậy. Nếu tâm vô thường, ai biết là tâm? Tâm là thuộc ai, ai làm chủ tâm, mà thọ khổ lạc. Tất cả các vật chỗ của ai có, tức phân biệt biết không có chủ riêng biệt, chỉ nơi năm ấm chấp có tướng nhân mà sinh ngã tâm, vì ngã tâm nên sinh ngã sở. Tâm ngã sở sinh nên có lợi ích mà ta là sinh tham dục, trái nghịch ta là sinh sân nhuế. Các phiền não ái v.v... giả gọi là buộc, nếu tu đạo giải là buộc mà được giải thoát tức gọi là Niết-bàn, lại không có pháp gọi là Niết-bàn, như người bị gông cùm được thoát mà làm hý luận, gông đó chân đó thế nào là giải thoát. Người đó có thể quái lạ, ở ngoài chân là gông cùm lại cầu giải thoát, chúng sinh cũng như vậy, lìa năm ấm diệt lại cầu giải thoát, nên biết có thức thì trói buộc, không thức thì giải thoát, nếu lìa năm ấm không riêng biệt cầu giải thoát là như lìa không phương này riêng cầu không phương khác. Nên trong kinh Tư Ích nói: "Ngu ở ấm giới nhập mà muốn cầu Bồ-đề, ấm giới nhập tức phải lìa phải không Bồ-đề" trong Hoa Nghiêm Hội Ý nói: "Nếu chuẩn cứ sáu căn không ngã ai tạo ai thọ ư? Đáp: Phật nói làm thiện sinh cõi trời, tạo ác nhận chịu khổ, đó chỉ là nhân duyên pháp nhĩ, chẳng phải là ngã năng làm thọ vậy. Nếu nói ngã đó chẳng phải nhân duyên là tạo ác sao chẳng sinh cõi trời mà đọa địa ngục ư? Ngã đâu ái địa ngục kia mà chịu khổ ư? Nghĩa đã tạo ác mà chẳng thọ lạc là, nên biết thiện ác cảm báo chỉ là nhân duyên, chẳng

phải là ngã vậy, như trong luận nói nhân duyên nên sinh cõi trời, nhân duyên nên đọa địa ngục, là ý đây vậy”.

Hỏi: Đã nói không ngã, ai cảm nhân duyên? Nếu nói không ngã chỉ là nhân duyên tự làm là, cây cỏ cũng bẩm nhân duyên cớ sao chẳng sinh cõi trời và chịu khổ ư?

Đáp: Trong ngoài tuy chỉ bẩm thọ nhân duyên. Nhân duyên có hai: Một, nhân duyên nghiệp thiện ác tăng thượng, chỉ cảm dị thục v.v... sinh cõi trời và địa ngục; hai, nhân duyên nghiệp thiện ác đẳng lưu, sinh cõi trời là cảm đất báu hoa vàng. Đọa địa ngục là cảm rừng dao trụ đồng v.v... đây là nhân duyên nghiệp làm, chẳng phải ngã năng làm, đâu gọi là ý thọ báo chẳng đồng và chấp ngã vậy. Nên trong kinh nói: “Không ngã không tạo không thọ giả, nghiệp của thiện ác cũng chẳng mất.”

Hỏi: Nếu nói tạo nghiệp thọ báo chỉ là nhân duyên, chẳng phải do ngã, cớ sao có chứng không ngã? Tuy đã tạo nhân duyên ác nghiệp là chẳng cảm thọ báo ư? Đã được không ngã tức chẳng thọ báo, nên biết ngã thọ ác nghiệp thọ báo chẳng phải là nhân duyên nghiệp vậy?

Đáp: Do được không ngã rồi tức đoạn nhân duyên nghiệp ác, không nhân duyên kia nên chẳng thọ báo, chẳng phải gọi là có ngã không ngã thọ và chẳng thọ vậy. Nên trong kinh nói: “Nhân duyên nên pháp diệt v.v...” là nghĩa đây vậy tức dùng như thật tìm cứu ngã chẳng thể được, cho nên không ngã chỉ có sáu căn vậy, chỗ ngã chấp bên ngoài phân có sáu trần bên ngoài vậy, chẳng phải chỗ thật ngã có.

Hỏi: Nếu nói chỉ là sắc tụ v.v... không thật của báo chẳng phải chỗ ngã có, tức ngã v.v... có khắp, sao được người đời có kẻ giàu có của cải, co kẻ nghèo cùng không một tiền v.v...?

Đáp: Của báo là sắc theo nghiệp nhân sinh, vì nghiệp tăng thắng nên tức của báu lắm nhiều, do nghiệp chẳng thanh tịnh nên nghèo cũng không một vật vậy. Đây thì nhân nghiệp có không chẳng phải chỗ ngã năng làm vậy. Nếu nói của báo thật có, chẳng phải do nghiệp nhân duyên có, tức tất cả chúng sinh chấp có ngã sở, cớ sao có giàu nghèo chẳng đồng. Nên biết do nghiệp nhân duyên, chẳng phải ngã thật có vậy. Nói trưởng giả có lắm nhiều của báu, ngạ quỷ không một mảy lông che thân là nghiệp vậy, phá bệnh khoảng giữa thấy nghe v.v... vậy ở khoảng giữa phân làm sáu thức vậy, bệnh thấy nghe v.v... không không chỗ có vậy nếu nói chẳng nghe v.v... là ngã chẳng phải là thức là, như người mù điếc có ngã sao chẳng được thấy nghe v.v... ư? Đã là người mù điếc v.v... tuy có ở ngã mà chẳng được thấy nghe, nên biết thấy là thức chẳng phải là ngã vậy, là biết ở ba xứ căn trần thức đây tìm chọn

chỉ có pháp mà không ngã nhân.

Hỏi: Hoặc nói có ngã do mê tợ sinh chẳng phải thật có là, sao chẳng mê tha làm tự? Nay đã lấy tự là tự, chẳng được làm tha, lấy tha làm tha, chẳng được làm tự. Nên biết tự tha thật có, chẳng phải do chấp sinh vậy. lại chỉ là mê tâm chẳng phải thật có là, sao chẳng ở nước mê thấy làm lửa, ở lửa mê thấy làm nước? Nên biết nước lửa thật có chẳng phải là mê sinh vậy?

Đáp: Có hai: Thứ nhất là, đây phân biệt chấp ngã gá ba duyên sinh, gọi là sư tà giáo tà tư duy v.v... do ba duyên đây, lực thói quen huân tập lâu dài bèn chấp kia làm tha, chấp tự làm ngã, đây chỉ do chấp có thật có vậy, nếu nói thật có chẳng phải huân tập mà chấp có là, lúc mới ra thai sao chẳng tự và tha thân? Đã lúc mới ra thai chưa huân tập nên chẳng chấp tự tha, nên biết chấp có tự tha, do vọng huân nên vậy, như nói phân biệt ngã chấp gá ba duyên sinh vậy. Lại nơi ác kiến huân tập v.v... Thứ hai, phàm chỗ có chấp thật, hẳn mê tợ sinh, lìa tợ thì không tánh sở chấp, nên biết như chấp nước lửa là do chấp tợ sinh vậy, tại sao? Vì nước lửa tợ có chỉ là tướng hư dối tâm để chẳng rõ biết tướng, hư chấp là thật có, tại sao? Chỗ được lạnh nóng chỉ là xúc trần, chỗ thấy sinh vàng đỏ trắng là sắc pháp vậy, tướng chảy cháy vọt là pháp trần vậy, chấp thật nước lửa chỉ là pháp trần vọng thấy có vậy, như nói từ tự tâm sinh cùng tâm làm tướng v.v... ấy vậy.

Hỏi: Đã thân nghiệm nước lửa chỉ là trần v.v... cớ sao có tướng nước lửa riêng biệt?

Đáp: Sáu trần chẳng riêng biệt chỉ là hư tợ có khác, tức tợ tướng đây do chỗ mê chấp khởi vậy, cho nên tợ đó cùng chấp chỉ có mê sinh, như nói thí dụ ngạ quỷ ở sông Hằng thấy nước là lửa v.v... đây chỉ từ tự tâm sinh, ngoài ra chẳng phải thật có vậy. Lại nói: Phàm có thấy tự thấy tha, đều là mê tâm tự hiện, như mê đông làm tây, nhưng người mê tây chẳng lìa người ngộ đông, chỉ vì người mê mê vậy, chẳng thấy người ngộ đông vậy, chẳng phải nghĩa là mê thấy xứ tây không đông kia vậy, nếu nói mê thấy xứ đây không thật đông là, tức thấy tây là ngộ chẳng phải mê vậy. Vì người không ngộ đông không chỗ mê vậy. Đã biết thật đông cho là tây, cớ sao người chẳng lìa đông vậy, tin biết chúng sinh chẳng lìa Phật giới, Phật giới chẳng lìa chúng sinh giới, chỉ vì mê vậy, sự mù đối mắt chẳng biết thấy,thật tự buồn thương thay. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: Ngoại đạo Tiên-ni nói: “Cù-đàm! Nếu không ngã thì, ai thấy ai nghe?” Phật bảo: “Này thiện nam! Bên trong có sáu nhập, bên ngoài có sáu trần, trong ngoài hòa hợp sinh sáu thứ thức, sáu thứ

thức đó do nhân duyên mà được tên gọi. Này thiện nam! Thí như một lửa nhân cây gỗ mà được nên gọi là lửa cây, nhân cỏ mà được nên gọi là lửa cỏ, cho đến ý thức chúng sinh cũng lại như thế, nhân nhãn nhân sắc nhân sáng nhân dục, gọi là nhãn thức, này thiện nam! Nhãn thức như vậy chẳng tại trong nhãn cho đến trong dục, bốn sự hòa hợp nên sinh thức đó. Cho đến ý thức cũng là như vậy, nếu là nhân duyên hòa hợp nên sinh, người trí chẳng nên nói thấy tức là ngã, cho đến xúc tức là ngã, này Thiên nam! Cho nên ta nói nhãn thức cho đến ý thức tất cả pháp tức là huyễn vậy, cớ sao như huyễn? Vì vốn không mà nay có, đã có trở lại không, cho đến trong ngoài sáu nhập đó gọi là chúng sinh ngã nhân sĩ phu, lìa nhập trong ngoài thì không chúng sinh ngã nhân sĩ phu riêng biệt". Lại nói: "Cù-đàm! Như điều ông nói trong ngoài hòa hợp, thì ai mở lời nói ngã làm ngã thọ?" Phật bảo: "Tiên- ni! Từ ái vô minh nhân duyên sinh nghiệp, từ nghiệp sinh hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm số. Tâm sinh giác quán, giác quán động gió, gió tùy tâm xúc cổ họng miệng răng môi, chúng sinh đồng tưởng mở lời nói ta làm ta thọ ta thấy ta nghe. Này thiện nam! Như linh treo đầu phướng, gió nhân duyên nên bèn phát ra tiếng, gió lớn tiếng lớn, gió nhỏ tiếng nhỏ, không có tác giả". Lại trong Bách Luận nói: "Ngã nếu là có nên như sắc v.v... từ duyên mà sinh, sinh quyết định kết quy về diệt thì chẳng phải thường trú, nếu chẳng phải duyên sinh thì nên như sừng thỏ không dụng thắng thể, sao gọi là ngã? Lại niệm niệm diệt, do đó chẳng phải thường tương tợ tương tục do đó chẳng phải đoạn, như vậy, Phật tử! Xa lìa hai biên, ngộ vào duyên sinh ở trong diệu lý."

Hỏi: Đã không ngã nhân, cớ sao có sinh có tử?

Đáp: Chỉ sinh là không sinh, tử là không tử, rốt ráo không có ngã nhân có thể được, như trong kinh nói: "Tất cả pháp thế gian chỉ là nhân quả không nhân (người) chỉ là nương pháp không trở lại sinh ở pháp không". Vậy biết trong chúng sinh quả chỉ có danh số, danh số vốn không, muôn pháp sao có. Như trong luận pháp tánh nói: "Số tận thì các hữu đều hư, danh bỏ thì muôn tượng tự hết" nhân đó để quán, đó là bến tắc của hội thông, là đường huyền của phản thần, do đó cảnh nhân danh lập, danh hư thì cảnh không, hữu từ số sinh, số hư thì hữu lắng, danh số khởi ở đều là tự tâm, tâm nếu chẳng sinh, muôn pháp sao có? Do đó trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Tất cả pháp thế gian,
Chỉ dùng tâm làm chủ,
Tùy giải thủ các tướng,

Điên đảo chẳng như thật”.

Nếu năng như thật quán đó, thì thấy tánh của tự tâm, có thể gọi là Bến tắc của hội thông, đường huyền của phản thần vậy, lại trong Tịnh Sinh sớ, Đại sư Trí Giả rộng giải thích sáu đại tánh không ngã như trong kinh nói: “Thân đó không ngã như địa” đó chánh nói về địa chủng nói rõ không ngã vậy. Nay liệt bày làm hai giải thích: Một, giải phá người ngoài; Hai, căn cứ nghĩa bên trong quán rõ. Thứ nhất, phá người ngoài là, người ngoài chấp: “Nếu nói thân không thần ngã, sao được vác nhẹ mang nặng”. Người trong phá rằng: Đại cũng năng mang vác núi non, có thể có thần ngã ư? Thứ hai, nói về quán giải bên trong là, nếu Tỳ-đàm nói rõ chúng sinh là giả danh, địa đại là thật pháp. Thành Luận nói rõ: Địa đại cũng là giả danh, bốn vi là thật pháp. Nay nói rõ tuy là khác của giả thật, đồng là chỗ môn không ngã hành quán dưới khổ đế gồm, như địa là chỗ bốn vi thành. Nếu một vi là chủ, ba cũng là chủ, nếu một vi chẳng phải chủ, ba cũng chẳng phải chủ, phải biết không chủ, nếu địa bên trong chỗ bốn vi thành cũng không chu, là địa bên ngoài chỗ bốn vi thành cũng không có chủ vậy. Nếu địa trong ngoài không chủ, là chỗ ba sự đây thành sao được có chủ? Nếu không chủ tức là không ngã, nên nói thân đây không chủ là như địa vậy. Lại trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Địa đại, địa không tánh bền chắc, địa nếu có là vì tự tánh có, tha tánh có cộng tánh có, không cộng tánh có, trong bốn chủng tùy chấp một tánh, tức là có thấy, nếu cho rằng là sự thật thật, ngoài ra vọng ngữ. Thật tưc là nghĩa cứng chắc, là tánh là nghĩa chủ vậy. Nếu kiểm bốn tánh chẳng được, đây là thấy địa là không, là sự thật, ngaòi ra là vọng ngữ, thật tức là cứng chắc là tánh là chủ, nếu thấy địa cũng có cũng không là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ, thật tức là cứng chắc, là tánh là chủ. Nếu thấy địa chẳng phải có chẳng phải không là sự thật, ngoài ra là vọng ngữ ,thật tức tánh là chủ. Nếu ở bốn câu đây có chỗ chấp trước, tức là tánh thật là cũng chắc là chủ”. Trong kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Các chúng sinh đó nếu tâm thủ tướng, thì đắm trước ngã nhân chúng sinh thọ giả, nếu thủ chẳng phải pháp tướng, cũng đắm trước ngã nhân chúng sinh thọ giả vậy”. Nếu thủ chẳng phải pháp tướng, cũng đắm trước ngã nhân chúng sinh thọ giả vậy”. Nếu chẳng thủ bốn câu, thì quán địa không tánh cứng chắc, nếu không cứng chắc thật thì không chủ không ngã, nên nói là thân không chủ giống như địa vậy. Trong kinh nói thân đó không ngã là như hỏa, cũng làm hai giải thích: Một, làm giải phá người ngoài, người ngoài chấp có thần ngã, làm sao biết ư? Thấy thân năng rong ruổi đông tây và phát ra âm thanh, nên biết có thần ngã

vậy, người trong phá đó rằng: Nói về hỏa một pháp, phá hai chấp đó, tại sao? Hỏa đốt cháy đồng cỏ cũng năng đông tây tự tại, cũng là ngã vậy, lại đốt cháy dính rừng trúc phát ra các âm thanh cũng có thần ngủ vậy; hai,nói về quán bên trong mà giải thích là, hỏa là chỗ hai vi thành, không có tánh cố định, không tánh tức là không hỏa vậy. Nay thân là chỗ danh các sắc thành, thân không tánh cố định, nếu thân không tánh cố định tức là không ngã vậy. Lại nữa trong thân cây các noãn (hơi ấm) là hỏa, nếu hỏa bên ngoài không ngã, hỏa bên trong cũng không ngã vậy. Lại trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Hỏa đại hỏa tánh từ nhân duyên sinh, nếu từ duyên sinh tức không, tự tánh không thật, tức không ngã phá tánh và bốn câu đồng loại như địa có thể biết”. Trong kinh nói; Thân đó không thọ là như phong. Cũng làm quán phá trong ngoài để giải thích, phá người ngoài là, người ngoài chấp có thọ giả, làm sao biết ư? Nếu không thọ giả sao được có hơi thở ra vào tương tục chẳng đoạn? Người trong phá rằng: Hơi thở ra vào chỉ là tướng phong. Phong bên ngoài không thọ giả, phong bên trong đâu là thọ giả vậy. Tiếp theo quán bên trong giải là, tướng phong xúc kích nên nhẹ rỗng tự tại dạo trong vô ngại, có thọ mạng nào? Trong kinh Đại Tập nói: “Hơi thở vào ra gọi là thọ mạng, nếu quán hơi thở vào ra đây, vào không tích tụ, ra không phân tán, lại không dạo qua, đi không giẫm trải, như gió giữa hư không, cầu chẳng thể được”. Phong tức chẳng phải thọ mạng, hơi thở cũng nào được là thọ vậy? Lại trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Phong tánh vô ngại, nay dùng bốn câu quán phong. Nếu nói có tánh có sinh, bốn câu có thể được, tức là tướng ngại chẳng được vào đạo, nếu bốn câu quán phong phong chẳng thể được tức là vô ngại. Vô ngại nên tức vào khoảng của như thật. Quán thân ba hơi thở chẳng phải thọ mạng, như phong, nên nói thân không thọ là như phong vậy. Trong kinh nói: Thân đó không nhân là như thủy. Đây là nói về thủy chủng để phá nhân, cũng làm giải thích quán bên trong phá người ngoài. Thứ nhất nói rõ phá người ngoài là, người ngoài chấp có thần là nhân, cớ sao biết ư? Nếu trong thân không thần, sao có thể ban ân đượm dưới, cộng theo vật tình vậy, người trong phá rằng: Ta thấy thủy năng đổ xuống đượm nhuần tùy vật vuông tròn. Thủy không thần không nhân giả, mà ngươi năng ân nhuận thuận vật, cũng không thần không nhân vậy, nay nói rõ quán bên trong giải là, thủy là chỗ ba vi thành, không có tánh cố định, không tánh tức không thủy, ba sự thành thân không có tánh cố định, không tánh tức không thân, không thân tức không nhân, nên nói thân đó không nhân như thủy vậy. Lại giải, như trẻ con thấy ảnh trong nước, nghĩa là nói

trong nước có người, vào nước tìm người trọn chẳng thể được, phàm phu đối trong ba sự sinh thân kiến, cho rằng thân là nhân, quán sâu ba sự chẳng thấy tướng thân, tức không nhân vậy, lại như trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: Thủy tánh chẳng trú vì nó trú là ao nương vuông tròn ngại đó tức trú, chẳng phải thủy có tánh trú vậy. Nay kiểm nhân cũng như vậy, tùy các pháp mà được tên nhân, không tánh cố định. Nếu bốn câu kiểm thủy có tánh có đắm trước tức là nghĩa trú, nếu kiểm thủy bốn câu không tánh không đắm trước, tức là không trú. Đây là tổng nói về bốn đại phá ngã, nơi không ngã hạnh vậy, nếu làm phá người ngoài giải thích là người ngoài chấp rằng: Nếu trong thân không thật có thần ngã, nay hiện thấy sáu tình nương thân mà trú, nên biết thật có thần ngã vậy, người trong phá rằng: Hiện thấy sáu tình nương bốn đại trú, không riêng biệt chỗ nương tựa của thần ngã vậy, nếu nói về quán bên trong giải thích là: Thân gọi là một, một thân chẳng nên tại bốn ngã trú, nếu một đại ngã trú, ba đại nên không giả danh thân, nếu mỗi mỗi có tức là có bốn thân, hoặc tức hoặc lìa bốn câu, nói về trong bốn đại kiểm thân chẳng được, nên biết thân không có thật, nếu chẳng được thân thật tức là thân kiến phá, thân kiến phá tức ngã kiến v.v... mười sáu thấy biết đều phá vậy. Trong kinh nói: “Thân đó là không, lìa ngã ngã sở”. Đây là thứ hai nói về không chủng phá nói không ngã hành vậy, nếu làm phá người ngoài giải thích là, người ngoài chấp có ngã sở, nếu thấy thật, phải biết ngã cũng là thật, người trong phá rằng: Nếu chỗ (sở) ấy là không thì ngã cũng nên không, như không chủng trrong thân, không chủng và tất cả không bên ngoài là chỗ (sở) chỗ không vậy, ngã cũng không vậy, nếu nói về quán bên trong để giải thích là, tức chánh nói về không chủng phá thân kiến vậy, bốn đại đạo sắc bao quanh hư không nên giả danh là thân, lìa không tức không thân, nếu trong ngoài không chẳng gọi là thân, nay nói về không chủng kiểm thân chẳng thể được, tức phân kiến phá, thân kiến phá tức lìa ngã ngã sở vậy. Trong kinh nói: “Thân đó không biết như cỏ cây ngói sỏi”. Đây là thứ ba kiểm thức chủng phá ngã, là biết nói không ngã hành vậy. Nếu làm phá người ngoài giải thích là, người ngoài chấp rằng: Nếu trong thân không thần sao được biết mọi sự bốn mùa khí tiết v.v... vậy? Người trong phá rằng: Như cỏ cây ngói sỏi cũng do khí hậu âm dương theo thời chuyển biến, tợ có chỗ biết mà chẳng phải thần biết, nay thân tuy có biết, như cỏ cây ngói sỏi không thần biết vậy. Lại người ngoài chấp bên trong thân có thần, thần khiển biết biết đó, người trong phá rằng: Nếu thần khiến biết thì ai khiến thần biết? Bèn không khiến, thần nào phải khiến, nếu không

thần khiến tức không biết, không biết tức như cỏ cây ngói sỏi vậy. Nếu ước về quán bên trong đích quán thức chủng, tại sao? Vì ba sự thành thân mạng noãn không biết, biết chỉ là thức. Nếu cho rằng thức năng biết là, thức quá khứ đã diệt, diệt nên chẳng thể biết, thức hiện tại từng sát-na chẳng trú, không lúc tạm dừng cũng chẳng thể biết, thức vì lại chưa có. Thức của chưa có đâu được có biết, ba đời tìm cầu thức biết chẳng thể được, lìa ba đời không riêng biệt có biết, nên nói thân đây không biết như cỏ cây ngói sỏi vậy. Trong kinh nói: "Thân đó không làm, là chỗ lực phong chuyển động". Tiếp theo nói về phong động hỗ trợ thành, phá thức có làm nói không ngã hành vậy. Nếu làm phá người ngoài giải thích là, người ngoài chấp trong thân có thần ngã vậy, năng chấp làm, hành xử làm tất cả mọi sự, người trong phá rằng: Đó chẳng phải thần làm, thân có chỗ làm đều là lực phong chuyển vậy. Nếu nói về quán tâm bên trong để giải thích là, tâm vọng niệm động bên trong nương phong được có các thứ chỗ làm. Nên trong kinh Đại Tập nói: Có phong năng lên có phong năng xuống. Tâm nếu niệm lên phong tùy tâm dẫn khởi. Tâm nếu niệm xuống phong tùy tâm dẫn xuống, vận chuyển làm đều là phong tùy tâm chuyển làm tất cả mọi sự. Nếu phong đạo chẳng thông, tay chân chẳng toại, tâm tuy có niệm tức cử động không theo. Thí như người kéo chốt đàn tức ảnh nghề các thứ chỗ làm, dây vặn nếu đứt tay không chỗ kéo, phải biết đều là chỗ làm của nương phong. Nay quán nương phong đây, chẳng tự sinh cũng chẳng tha sinh, nếu không sinh tức là không còn chẳng thể tự có khiến ba sự thành thân chẳng thể được, ai tác giả vậy? Giải thích: Phàm ngoài kế trong chấp ngã là đều ở trong sáu đại chủng địa thủy hỏa phong không thức và ba sự thức, noãn (hơi ấm) hơi thở trong thân v.v... khởi chấp, nay quán trong sáu đại ba sự, chỉ là một đại của thức, ở đời phần nhiều chấp chặc làm ngã thật, nay chỉ dụng ở trong ba đời trong ngoài, suy tìm tự nhiên không ngã không thức. Vả lại thế nào là thức? Nếu nói thân phần da thịt gân cốt v.v... là thức, đó là địa đại. Nếu nói tinh huyết tiện lợi v.v... là thức, đó là thủy đại. Nếu nói noãn xúc trong thân là thức, đó là hỏa đại, nếu nói bẻ xoay cuối ngưỡng bàn nói cầu đối là thức, đó là phong đại, trừ ngoài bốn đại, chỉ là không đại, thế nào là thức? Mỗi mỗi đã không, hòa hợp đâu có, như một hạt cát đè ép không dầu, hợp nhiều hạt cát mà đâu có, tợ một con chó chẳng phải sư tử, nhóm cả đàn chó mà cũng không. Bốn đại chủng đây, hiện tìm không thể tức là bên trong không, sau khi chết mỗi mỗi lại bốn đại bên ngoài, mỗi mỗi kết quy về không, tức là không bên ngoài. Trong ngoại đều không, thức tánh vô ký, lại

bên trong suy tìm đã không, thức nên tại bên ngoài, bên ngoài thuộc thân khác, tự không chủ tể. Cho đến đồng như hư không, có gì phân biệt. Trong ngoài đã không, khoảng giữa sao có, vì nhân trong ngoài mà lập khoảng giữa vậy. Chỉ phá trong ngoài, khoảng giữa tự hư. Nếu thức trong ngoài không là nên tại ba đời, tại sao? Nhân ba đời để biện rõ thức, nhân thức để lập ba đời, nếu không có thức, ai phân ba đời. Nếu không ba đời lấy gì rõ thức, vì ba thức đây nếu chẳng tự ở quá khứ, tức tưởng ở vị lai, quá khứ vị lai chẳng duyên tức trú hiện tại. Lìa ngoài ba khoảng lại không có thức, nên tổ sư nói: Một niệm chẳng sinh, khoảng trước sau đoạn. Nay thì niệm niệm thành ba đời, niệm niệm thức chẳng trú, niệm niệm chỉ là phong, niệm niệm không chủ tể, nên trong kinh Kim Cang nói: "Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được". Vì nhân hiện tại lập quá khứ, nhân quá khứ lập vị lai, hiện tại đã chẳng trú, quá khứ vị lai cũng không sinh, qua lại kiểm qua lại không, triệt để không tịnh, chỉ có mảy may khởi ở đều từ thức sinh. Nay suy tìm đã không, phân biệt tự diệt, phân biệt đã diệt, cảnh giới không nương, như nương nước sinh sóng, nương gương hiện ảnh tượng, không nước thì sóng nổi, không gương thì ảnh tượng chẳng sinh. Nên biết chẳng phải liên quan pháp có pháp không chỉ là thức sinh thức diệt, như trong kinh Kim Cang Tam-muội có kệ tụng nói:

"Pháp từ phân biệt sinh,
Lại từ phân biệt diệt,
Diệt là các phân biệt,
Pháp đó chẳng sinh diệt."

Thấu đạt như vậy, căn cảnh rỗng rang. Tự giác đã rõ lại năng lợi tha chiếu khắp, nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Rốt ráo lìa hư vọng,
Không nhiễm như hư không,
Pháp thân diệu thanh tịnh,
Trong lắng ứng tất cả".

Do vậy, thế gian thô phù chẳng ở tự thân tử tế rõ xét, diệu quán chẳng tập, mắt trí toàn mù, khấp vọng mê chân, lấy không làm có, nếu năng khéo quán tức ngang bằng các thánh. Như trong kinh Viên Giác nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhãn". Này thiện nam! Các ông mới năng vì các Bồ-tát và chúng sinh ở đời sau mà hỏi Đức Như Lai tu hành tiệm thứ, tư duy trú trì, cho đến giả nói các thứ phương tiện, nay ông lắng nghe kỹ. Ta sẽ vì ông mà nói: "Khi ấy Bồ-tát Phổ Nhãn vâng

lời chỉ dạy, vui mừng và cả đại chúng im lặng lắng nghe". Phật dạy: "Này thiện nam! Hàng Bồ-tát tân học kia và chúng sinh ở đời sau muốn cầu tâm viên giác thanh tịnh của Như Lai, nên phải chánh niệm xa lìa các huyễn, trước nương pháp Xa-ma-tha của Đức Như Lai mà hành, kiên trì cấm giới, an đặt đồ chúng, an tọa nơi thất vắng, thường tư niệm rằng: "Nay thân ta đây bốn đại hòa hợp, chỗ gọi là tóc lông móng răng da thịt gân cốt tủy não sắc dơ, đều quy về địa, nước mũi huyết, nồng đàm dãi nước bọt tinh khí, tiểu tiện, đại tiện đều quy ở thủy, hơi khí ấm nóng quy ở hỏa, động chuyển quy ở phong. Bốn đại mỗi mỗi lìa nhau, nay là vọng thân, đang tại xứ nào?" Tức biết thân đây rốt ráo không thể hòa hợp làm tướng, thật đồng chuyển hóa, bốn duyên giả hợp vọng có sáu căn. Sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành, vọng có duyên khí ở trong tích tụ, tợ có tướng duyên, giả danh làm tâm. Này thiện nam! Tâm hư vọng đây, nếu không sáu trần thì chẳng năng có. Bốn đại phân giải, không trần khá được, ở trong đó duyên trần, mỗi mỗi quy về tán diệt, rốt ráo không có duyên tâm có thể thấy. Này thiện nam! Các chúng sinh kia, huyễn thân diệt nên huyễn tâm cũng diệt. Huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng diệt, huyễn trần diệt nên huyễn diệt cũng diệt, huyễn diệt diệt, nên chẳng phải huyễn chẳng diệt. Thí như lau gương, dơ hết sáng hiện, này thiện nam! Phải biết thân tâm đều là dơ huyễn, tứ dơ trọn diệt, mười phương thanh tịnh, này thiện nam! Thí như châu báu ma-ni thanh tịnh ánh ngời năm sắc, tùy phương mỗi mỗi hiện, các hàng ngu si thấy ma-ni báu đó có năm sắc. Này thiện nam! Tánh viên giác thanh tịnh hiện nơi thân tâm, tùy loại mỗi mỗi ứng. Kẻ ngu si kia, nói viên giác thanh tịnh thật có như vậy tự tướng thân tâm cũng lại như vậy. Do đó mà chẳng thể xa lìa huyễn hóa cho nên ta nói thân tâm dơ huyễn, đối lìa dơ huyễn, gọi là Bồ-tát, dơ hết đối trừ tức không đối dơ và nói danh giả. Này thiện nam! Bồ-tát đây và chúng sinh ở đời sau, chứng đắc như huyễn, diệt ảnh tượng vậy, bấy giờ bèn đắc thanh tịnh vô phương vô biên hư không, chỗ giác hiển phát giác tròn sáng nên hiển bày tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh nên thấy trần thanh tịnh. Thấy thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, căn thanh tịnh nên nhãn thức thanh tịnh, thức thanh tịnh nên nghe trần thanh tịnh, nghe thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh, như vậy tỷ thiệt thân ý cũng lại như thế. Này thiện nam! Căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh, hương vị xúc pháp cũng lại như thế. Này thiện nam! Sáu trần thanh tịnh nên địa đại thanh tịnh. Địa thanh tịnh nên thủy đại thanh tịnh, hỏa

đại phong đại cũng lại như thế. Này thiện nam! Bốn đại thanh tịnh nên mười hai xứ mười tám giới hai mươi lăm hữu thanh tịnh. Các kia thanh tịnh nên mười lực bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng của Phật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo thanh tịnh, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn môn Đà-la-ni, tất cả thanh tịnh. Này thiện nam! Tất cả thật tướng tánh thanh tịnh nên một thân thanh tịnh, một thân thanh tịnh nên nhiều thân thanh tịnh, nhiều thân thanh tịnh, nên như vậy cho đến mười phương chúng sinh, viên giác thanh tịnh. Này thiện nam! Một thế giới thanh tịnh nên nhiều thế giới thanh tịnh, nhiều thế giới thanh tịnh, nên như vậy cho đến cùng tận hư không tròn trong ba đời, tất cả bình đẳng thanh tịnh chẳng động. Này thiện nam! Hư không như vậy bình đăng chẳng động, phải biết giác tánh bình đẳng chẳng động, bốn đại chẳng động, nên phải biết giác tánh bình đẳng chẳng động, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn môn Đà-la-ni bình đẳng chẳng động, phải biết giác tánh bình đẳng chẳng động. Này thiện nam! Giác tánh khắp đầy chẳng động thanh tịnh, tròn không khoảng vậy, phải biết sáu căn khắp đầy pháp giới, căn khắp đầy nên phải biết sáu trần khắp đầy pháp giới. Trần khắp đầy nên phải biết bốn đại khắp đầy pháp giới, như vậy cho đến môn Đà-la-ni khắp đầy pháp giới. Này thiện nam! Do tánh điệu giác kia khắp đầy, nên tánh căn tánh trần không hoại không tạp. Căn trần không hoại, nên như vậy cho đến môn Đà-la-ni không hoại không tạp, như trăm ngàn ánh đèn soi chiếu một phòng nhà, ánh sáng đó khắp đầy không hoại không tạp. Này thiện nam! Giác thành tựu, nên phải biết Bồ-tát chẳng cho pháp buộc chẳng cầu pháp thoát, chẳng nhàm sinh tử, chẳng mến Niết-bàn, chẳng kính trì giới, chẳng ghét hủy cấm, chẳng trọng tu tập lâu, chẳng khinh mới học. Tại sao? Tất cả đều giác vậy. Thí như mắt sáng hiểu rõ cảnh trước, ánh sáng đó tròn đầy được không mến ghét, tại sao? Thể ánh sáng không hai, không mến ghét vậy. Này thiện nam! Bồ-tát đây và chúng sinh đời sau tu tập tâm đây được thành tựu là đối với đây không tu, cũng không thành tựu, viên giác chiếu khắp, tịch diệt không hai, ở trong trăm ngàn muôn ức chẳng thể nói a-tăng kỳ số thế giới chư Phật như cát sông Hằng, giống như hoa đốm giữa hư không loạn khởi loạn diệt, chẳng tức chẳng lìa, không buộc không thoát, mới biết chúng sinh xưa nay thành Phật, sinh tử Niết-bàn giống như giấc mộng đêm qua. Này thiện nam! Như giấc mộng đêm qua nên phải biết sinh tử cùng với Niết-bàn không khởi không diệt, không đến không đi, chỗ chứng đó là không được không mất, không lấy không bỏ, năng chứng đó là không làm không dừng, không mặc tình không

diệt, ở trong chứng đây không năng không sở, rốt ráo không chứng cũng không chứng đó, tất cả pháp tánh bình đẳng chẳng hoại. Này thiện nam! Các Bồ-tát kia tu hành như vậy, tiệm thứ như vậy, tư duy như vậy trú trì như vậy, phương tiện như vậy, khai ngộ như vậy, cầu pháp như vậy cũng chẳng mê muộn". Do đó phàm phu mê mộng, khiếp sợ sinh lão bệnh tử, vì hàng Nhị thừa thiên kiến, nhầm lìa thành trú hoại không, nếu lúc đốn ngộ chẳng nhàm chẳng sợ, toàn đem pháp sinh tử, độ thoát các quần sinh, vì sinh tử tánh không vậy, như Đức Thích-ca Như Lai chẳng lìa chẳng đắm, sinh thì nơi cung vua giáng sinh diễn nói văn của độc tôn, già thì thọ tám mươi tuổi, bày pháp biến hoại, bệnh thì đau lưng nằm nghiêng, cảnh răn thân bào huyễn, tử thì bày diệt nơi song lâm, hiển khổ của vô thường, khiến hàng tiểu căn ngộ biến đổi đó, giúp hàng đại khí chóng rõ viên thường, nên biết ở trong sinh lão bệnh tử đều có thể phát giác, tại trong đi đứng nằm ngồi đều có thể chứng chân, đâu đồng thấy của sợ nhàm phàm tiểu ư?

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 67

Hỏi: Phàm tuy nói căn do ngã tướng khởi tận, đều là tình chấp thô trọng của ngoại đạo phàm phu, vậy thế nào là nhân của giáo bên trong tu hành, kiến của pháp vi tế?

Đáp: pháp chấp khó mất, lại là vi tế, vì pháp chấp là gốc, nhân chấp là ngọn, do đó pháp ái chẳng tận, đều là nhân của đảnh đọa, viên chứng Niết-bàn còn là giả của ngã kiến, như trong kinh Viên Giác nói: "Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Đấng đại bi vì bọn chúng con rộng nói hàng tướng nhân hạnh của tất cả Như Lai, sự chẳng thể nghĩ bàn, khiến các đại chúng được điều chưa từng có, thấy đức điều ngự trải qua số kiếp như cát sông Hằng cảnh giới cần khổ, tất cả công dụng giống như một niệm, Bồ-tát chúng con rất tự mừng vui. Thế Tôn! Nếu giác tâm đây vốn luôn thanh tịnh, nhân nhiễm ô gì khiến các chúng sinh mê muộn chẳng vào?" Cho đến Phật dạy: "Này thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thủy lại vọng tưởng chấp có ngã nhân chúng sinh cùng với thọ mạng, nhận bốn điên đảo làm thể thật ngã, do đó bèn sinh hai cảnh mến ghét, ở thể hư vọng lại chấp hư vọng, hai vọng nương nhau sinh vọng nghiệp đạo, có vọng nghiệp nên vọng thấy lưu chuyển, nhàm chán lưu chuyển là vọng thấy Niết-bàn. Do đó chẳng thể vào giác thanh tịnh, chẳng phải giác chống trái các người năng vào, có các năng vào chẳng phải giác vào vậy, cho nên động niệm và cả dứt niệm đều quy về mê muộn, tại sao? Do có vô thủy vốn khởi vô minh làm chủ tể mình, tất cả chúng sinh sinh mắt không tuệ, tánh thân tâm v.v... đều là vô minh. Thí như có người chẳng tự đoạn mạng, cho nên thường biết có ái ngã đó, ngã cùng tùy thuận, chẳng phải tùy thuận đó, bèn sinh oán ghét. Làm tâm mến ghét dưỡng vô minh vậy, tương tục cầu đạo đều chẳng thành tựu. Này thiện nam! Thế nào là ngã tướng? Nghĩa là chỗ tâm các chúng sinh chứng đó. Này thiện nam! Thí như có người trăm thân đều thích hợp, chợt quên thân mình, bốn chi rời rã, gồm dưỡng trái phương, lại thêm châm cứu thì biết có ngã, cho nên

chứng lấy mới hiện thể ngã. Này thiện nam! Tâm đó cho đến chứng ở Như Lai rốt ráo rõ biết Niết-bàn thanh tịnh, đều là ngã tướng. Này thiện nam! Thế nào là nhân tướng? Nghĩa là tâm các chúng sinh ngộ chứng đó. Này thiện nam! Ngộ có ngã đó chẳng lại nhận ngã, chỗ ngộ chẳng phải ngã, ngộ cũng như vậy, ngộ đã vượt quá tất cả chứng đó, đều là nhân tướng. Này thiện nam! Tâm đó cho đến viên ngộ Niết-bàn, đều là ngã đó, tâm còn ít ngộ đủ hết chứng lý đều gọi là nhân tướng. Này thiện nam! Thế nào là chúng sinh tướng? Nghĩa là tâm chúng sinh tự chứng ngộ chỗ chẳng kịp đó. Này thiện nam! Thí như có người nói là "ta là chúng sinh" thì biết người kia nói chúng sinh đó chẳng phải ngã chẳng phải kia, tại sao chẳng phải ngã? Ngã là chúng sinh thì chẳng phải là ngã, tại sao chẳng phải kia? Ngã là chúng sinh chẳng phải kia ngã vậy. Này thiện nam! Chỉ các chúng sinh rõ chứng rõ ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân chỗ chẳng kịp đó, còn có chỗ rõ gọi là chúng sinh tướng. Này thiện nam! Thế nào là thọ mạng tướng? Nghĩa là tâm các chúng sinh chiếu chỗ giác thanh tịnh rõ đó, tất cả nghiệp trí chỗ chẳng tự thấy giống như mạng căn. Này thiện nam! Nếu tâm chiếu thấy tất cả giác đó đều là trần cấu, giác và chỗ giác chẳng lìa trần vậy, như nước nóng tiêu băng, không riêng biệt có băng biết băng tiêu đó, còn ngã giác cũng là như thế. Này thiện nam! Chúng sinh trong đời sau chẳng rõ bốn tướng tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ tu đạo, chỉ gọi là hữu vi, trọn chẳng thể thành tất cả Thánh quả". Ngã chấp pháp chấp đây kinh luận thiên trị, trợ nghiệp nhuận sinh thuận tình phát ái, ở trên thức thứ sáu, thứ bảy vọng khởi đầu mối, hướng đến trong pháp căn trần cưỡng làm chủ tể, bền chắc cương giới của dị sinh, làm đạo sư của phiền não, lập cội nguồn của sinh tử, tạo nền tảng của các khổ, hoại kho báu của chánh pháp, trái diệu tông của thành Phật, bít bến bờ cốt yếu của Niết-bàn, mù lòa mắt trí của Bát-nhã, chướng đường lớn của Bồ-đề, đoạn chánh nhân của giải thoát trái giác hợp trần không gì trước so với đây. Như trên rộng nêu dẫn bài bác rành rẽ, nguyện đoạn căn nghi ngờ, chóng tiêu băng chấp, thì chánh tu có đường, công chẳng luống mất, một niệm chứng chân toàn thành giác đạo.

Hỏi: Hạng người chẳng rõ duy thức vọng chấp ngã pháp, vậy bên trong của thánh giáo cớ sao lại nói có ngã pháp v.v...?

Đáp: Đối cơ giả thuyết, chẳng phải đồng tình chấp, giả có hai thứ: Một, không thể tùy tình giả, phần nhiều chỗ ngoại đạo thế gian chấp tuy không chỗ chấp ngã pháp kia, mà tùy tình tâm duyên cũng gọi là ngã pháp, nên nói là giả; hai, hữu thể thiết lập giả, chỗ thánh giáo nói

tuy có pháp thể mà chẳng phải ngã pháp, bản thể không danh, cưỡng gọi là ngã pháp, chẳng xứng pháp thể, tùy duyên mà thi thiết nên nói là giả. Lại phàm thánh luận chung ngã có sáu thứ: Một, chấp ngã, nghĩa là phân biệt câu sinh tại nơi phàm vị; hai, mạn ngã, nghĩa là chỉ câu sinh tại hữu học vị; ba, tập khí ngã nghĩa là hai ngã thói quen khác tại vô học vị; bốn,tùy thế lưu bố ngã, nghĩa là chư Phật v.v... tùy thế tục mà giả xưng; năm, tự tại ngã, nghĩa là tám tự tại v.v... trí hậu đắc của Đức Như Lai làm tánh; sáu chân ngã nghĩa là chân như thường lạc ngã tịnh v.v... lấy chân như làm tánh, xưng ngã trong viên thông ba thứ sau.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không hai ngã?

Đáp: Nhân ngã kiến như sáu ấm bảy tình, rốt ráo không thể, pháp ngã kiến như nước lửa thành Càn-thác-bà, triệt để chỉ không, như kinh luận nói rõ hai không ngã là: Một, nhân không ngã, tiếng Phạm gọi là Bổ-đặc-già-la, Trung Hoa dịch nghĩa là số thủ thú, nghĩa là các hữu tình khởi hoặc tạo nghiệp, tức là năng thủ, sẽ đến năm thú, gọi đó là thú, tuy là luôn luôn khởi hoặc tạo nghiệp năm thú luân hồi, đều không chủ tể, dụng tự tại thật, nên gọi là không ngã; hai pháp không ngã, nghĩa là thể các pháp, tuy là nắm giữ quỷ sinh vật giải, cũng không thắng tánh dụng tự tại thật, nên gọi là không ngã.

Hỏi: Chấp có ngã kiến, tuy thuận chỗ duyên là thể điên đảo, tâm của không ngã thành thắng thiện nào?

Đáp: Rõ lý hai không ngã, chứng hiểu chân như, thì chánh tông của thành Phật, quy tắc mầu nhiệm siêu phàm, nếu luận về pháp lợi công đức khó lường, các bậc Cổ đức nói: "Tâm của không ngã tuy chẳng xứng cảnh, trái nghịch ở duyên, nên gọi là chẳng phải điên đảo, như duyên chân như, làm có như giải, tức là pháp chấp, nếu làm không giải tuy chẳng xứng như, nhưng nhân thành thánh". Giải thích: Nếu làm như giải tức là pháp chấp là nếu khởi tâm của năng giải, tức lập lý của sở giải, cảnh sở đã lập, mê tâm hiện lượng, hiểu biết mới sinh bèn thành tỷ lượng đều là chấp pháp, mất tông duy thức. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Ngoài trí không như là chỗ trí nào, ngoài như không trí, năng chứng ở như, thì tâm cảnh như như, một đạo thanh tịnh". Trong luận Quảng Bách Môn nói: "Thức năng phát sinh các phiền não, thức năng dẫn hậu hữu, thức tâm như vậy duyên sắc v.v... khởi, không chỗ duyên cảnh thức hẳn chẳng sinh, nếu năng chánh quán cảnh là không ngã, sở duyên không nên năng duyên cũng không, năng sở đã mất, các khổ tùy theo diệt, chứng tịch không ảnh, Niết-bàn thanh tịnh, lúc đến quả vị đây gọi là tự lợi mãn, có các bản nguyện vì lợi ích tha, trú trong

vị đây hóa dụng vô tận, cũng khiến hữu thức trú Niết-bàn đây". Cho nên muốn cầu thắng lợi tự tha, phương tiện chân thật là nên chánh cần tu lý không ngã.

Hỏi: Trong kinh Niết-bàn, Phật nói có chân ngã, lý của Phật tánh, các Bồ-tát v.v... đều tỏ bày sám hối: "Chúng con từ vô lượng kiếp lại thường bị chỗ của không ngã dạt trôi". Nay rộng nói không ngã, chẳng là trái với giáo của niết bàn chăng?

Đáp: Nay nói không ngã, nghĩa là phá hàng ngoại đạo phàm phu mê lý duy thức, vọng chấp ngoài tâm thật có ngã pháp, như chỗ ngoại đạo chấp, lược có ba hạng: Một, Tăng- khư v.v... chấp ngã thể thường, khắp cùng, lượng đồng hư không, tùy xứ tạo nghiệp, nhận thọ khổ lạc v.v...; Hai, Ni- càn- tử chấp ngã thể đó tuy thường mà lượng chẳng định, tùy thân lớn nhỏ, có cuộn buông vậy; Ba, Biến Xuất chấp ngã thể thường rất nhỏ nhiệm như một cực vi, ngầm chuyển trong thân tạo tác sự nghiệp vậy, ngoài ra có chín mươi thứ chỗ chấp ngã v.v... chẳng khác ba thứ vậy. Các loại vọng chấp đây đều không đạo lý, chỉ thành tà tư của năm kiến, đâu đồng chân ngã của bốn đức. Như trong kinh Niết-bàn nói: Ngoại đạo nói: "Như Cù-đàm nói không ngã ngã sở, bởi duyên gì mà lại nói thường lạc ngã tịnh" Phật dạy: "Này thiện nam! Ta cũng chẳng nói sáu nhập trong ngoài và sáu thức ý thường lạc ngã tịnh. Ta mới tuyên nói diệt nhập trong ngoài chỗ sinh sáu thức, gọi đó là thường, vì thường nên gọi đó là ngã, có thường ngã lạc nên gọi đó là tịnh". Phàm chân ngã là nghĩa của Phật tánh, thường hằng chẳng biến, chẳng phải chỗ sinh của sinh nhân, đầy đủ viên thành, chỉ chỗ liễu của liễu nhân. Lại như trong kinh nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo lành thay! Lành thay! Các ông khéo năng tu tưởng không ngã". Khi ấy các Tỳ-kheo liền bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con chẳng chỉ tu tưởng không ngã, lại cũng tu tập các tưởng khác đó, chỗ gọi là tưởng khổ, tưởng vô thường vô ngã. Thế Tôn! Thí như người say, tâm đó miên man, mờ thấy các thứ núi sông vách đá cây cỏ cung điện phòng nhà nhật nguyệt muôn sao v.v... thảy đều xoay chuyển. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người chẳng tu tưởng khổ vô thường, tưởng vô ngã v.v... người như vậy chẳng gọi là thánh, vì có lắm nhiều buông lung, lưu chuyển sinh tử. Bạch Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên đó mà chúng con khéo tu các tưởng như vậy". Khi ấy Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hãy lắng nghe, lắng nghe! Chỗ vừa rồi các ông nêu dẫn người say làm thí dụ là chỉ biết văn tự, chưa đạt nghĩa đó, những gì là nghĩa? Như người say kia thấy trên nhật nguyệt chẳng phải xoay chuyển sinh tưởng luân hồi,

chúng sinh cũng vậy, vì các phiền não chỗ vô minh khuất lấp sinh tâm điên đảo, ngã chấp không ngã, thường chấp không thường, tịnh chấp chẳng tịnh, lạc chấp là khổ, vì là chỗ phiền não che lấp vậy, tuy sinh tưởng đây mà chẳng đạt nghĩa đó, như người say kia đối với xứ chẳng chuyển mà sinh tưởng chuyển, ngã, nghĩa tức là thật, thường nghĩa là pháp thân, lạc, nghĩa là Niết-bàn, tịnh, nghĩa là pháp. Tỳ-kheo các ông cớ sao mà nói có tưởng ngã, là kiêu mạn cống cao lưu chuyển sinh tử, các ông nếu nói ngã cũng tu tập tưởng vô thường khổ vô ngã v.v... là ba thứ tu không có thật nghĩa, nay ta sẽ nói thắng ba pháp tu: Khổ chấp là lạc, lạc chấp là khổ, là pháp điên đảo, vô thường chấp là thường, thường chấp là không thường, là pháp điên đảo, không ngã chấp là ngã, ngã chấp là không ngã là pháp điên đảo. Bất định chấp là tịnh, tịnh chấp là bất tịnh, là pháp điên đảo, có bốn pháp điên đảo như vậy, là người chẳng biết chánh tu các pháp. Tỳ-kheo các ông, đối với trong pháp khổ, sinh ở tưởng lạc, ở trong vô thường sinh tưởng ở thường, ở trong không ngã sinh tưởng ở ngã ở trong bất định sinh tưởng ở định, thế gian cũng có thường lạc ngã tịnh, xuất thế cũng có thường lạc ngã tịnh. Pháp thế gian là có chữ không nghĩa, pháp xuất thế là có chữ có nghĩa. Tại sao? Pháp của thế gian có bốn điên đảo nên chẳng biết nghĩa, tại sao? Có tưởng đảo, tâm đảo và kiến đảo, vì ba đảo đó nên người của thế gian ở trong lạc thấy khổ, trong thường thấy không thường, trong ngã thấy không ngã, trong tịnh thấy không tịnh, đó gọi là điên đảo, vì điên đảo nên thế gian biết chữ mà chẳng biết nghĩa, những gì là nghĩa? Không ngã đó gọi là sinh tử, ngã đó gọi là Như Lai, không thường là Thanh văn Duyên giác, thường là pháp thân Như Lai, khổ là tất cả ngoại đạo, lạc tức là Niết-bàn, bất định tức là pháp hữu vi, tịnh là chỗ chư Phật Bồ-tát có chánh pháp, đó gọi là chẳng điên đảo, vì chẳng đảo nên biết chữ biết nghĩa. Nếu muốn xa lìa bốn điên đảo là phải biết thường lạc ngã tịnh như vậy.

Giải thích: Phàm mê bốn chân thật khởi tám điên đảo, không gì chẳng là nhân ngã kiến và pháp ngã kiến, là hang sinh tử là bít rừng phiền não, thành lồng giam của chín kết, mờ nghiệp sao của mười sử, hàng nhị thừa tuy đoạn nhân ngã, mà thường bị chỗ của không ngã dạt trôi. Hàng ngoại đạo nhầm nhận thần thức, luôn làm chỗ vọng ngã xoay chuyển. Sở dĩ ở trên nói không ngã gọi là sinh tử, là vì mê mờ môn một chân ngã, không lực đại tự tại, ngã gọi là Như Lai là thấu đạt diệu lý của Phật tánh, không thường là Thanh văn Duyên giác là, tu vọng nhân của sinh diệt, chứng tiểu quả của hôi đoạn, thường là Như Lai, pháp thân là

vào chân tông của chẳng động, khế hợp diệu thể viên thường, khổ là tất cả ngoại đạo là vận khổ hạnh không lợi ích, đọa vòng tà sinh diệt. Lạc tức là Niết-bàn, là đoạn nguồn vọng của hai tử, vào bí tạng của bốn đức. Bất định tức là pháp hữu vi, là tích chứa tình trần của tạp nhiễm, thành hư sự của mộng huyễn, Tịnh là chỗ chư Phật Bồ-tát có chánh pháp, là duyên phân tích rốt ráo, giẫm trải chí đạo vô vi. Do đó ngoại đạo chấp có ngã kiến, như nấu đá làm cơm, nhận vọng làm chân, hàng nhị thừa chứng môn không ngã, tợ sút đá làm banh, lấy thường làm đoạn, đều chẳng đạt trung của không ngã mà có chân ngã, lại thường, thường lạc ngã tịnh chỉ là một pháp, vì tâm tánh chẳng biến khác nên thường, thường nên lạc, lạc nên ngã, ngã nên tịnh, vì chẳng rõ tâm tánh thường trú, nên ngoài tâm riêng cầu vọng có chỗ làm, làm nên không thường, không thường nên không lạc, không lạc nên không ngã, không ngã nên không tịnh, tại sao? Vì không thường đổi biến thuần chịu khổ đó, sao có lạc ư? Đã chẳng được lạc luôn cùng trói buộc chẳng được tự tại, đâu thành ngã ư? Đã chẳng thấy chân ngã Phật tánh lâu dài tùy theo duyên nhiễm, đâu được tịnh ư? Phân tích như trên đều thuộc giáo môn một kỳ hạng, chẳng thể đây quyết định chấp có không, mê ở phương tiện, như trong luận Quảng Bách nói: “Vì dứt tà kiến bác không Niết-bàn vậy, nói chân có thường lạc ngã tịnh, đó là phương tiện nói, chẳng nên quyết định chấp”. Đã chẳng chấp có cũng chẳng bác không, như vậy mới gọi là chánh trí giải thoát.

Hỏi: Trần bên ngoài không thể, lý duy thức thành, chánh giáo rõ ràng, diệu chẳng phải sai nhầm. Nay chỗ phàm phu chấp, phần nhiều theo vọng tình, do tâm của thấy nghe, luật của huân tập. Phần nhiều chấp cảnh của hiện thấy, khó đoạn mảy may nghi ngờ, trước tuy rộng nói rõ, mà còn lo nghĩ chưa tin, nên mang lại chỉ bày để phá trừ tình chấp?

Đáp: Pháp tánh thì vô lượng, chứng đắc thì có biên, chân như tướng không, chấp đó là hình ngại, như trong Hoàn Nguyên Quán nói: “Chân không dính ở tâm đầu, luôn làm trường của duyên lự. Thật tế ở tại trước mắt, vụt làm cảnh của danh tướng”. Trong Khởi Tín Sao nói: “Nếu là duy tâm, thì chẳng hợp có cảnh, vì tâm không tướng chẳng thể thấy vậy. Đã có chỗ thấy, sao gọi là duy tâm”. Ý nói: Tất cả các pháp từ tâm mà khởi, chỗ khởi không thể tức là nhất tâm, sao dụng nói thấy và chẳng thấy? Căn bản là tâm vậy. Lại nói: Cảnh vốn chẳng phải thiện, chỉ vì thuận tình của mình bèn gọi là thiện, cảnh vốn chẳng phải ác, chỉ vì trái với tình bèn gọi là ác. Nên biết đẹp xấu tùy tình, cảnh không

thể cố định, đã không tự thể, sao có cảnh ư? Môn của duy tâm, theo đó mà rõ vậy, nên biết Phật vì người tin mà nói, chẳng vì người nghi mà bày. Hạng dơ nặng chướng sâu tự sinh nghi báng, hạng ngăn nhẹ căn lợi chóng vào huyền vi. Trong luận Quảng Bách nói: "Tất cả chỗ thấy đều là chỗ thức làm, lìa thức không có một pháp là thật, vì từ vô thủy đến nay luôn tập các kiến, tùy chỗ tạp kiến, tùy chỗ gặp duyên, tùy tự chủng tử thành thục, hoặc sai biệt biến tợ các thứ pháp tướng mà sinh, giống như chỗ thấy trong mộng mọi sự đều là hư vọng hiện, đều không một thật, tất cả đều là chỗ thức tâm làm nạn. Nếu vậy Đại thừa nên như mộng câm, bác tất cả pháp thảy đều là hư, chẳng thể biện nói tất cả pháp thế gian và xuất thế gian tự tánh sai biệt, là chỗ lớn thay! Chúng ta chẳng thể tùy hỷ chỗ lập pháp nghĩa hư giả của Đại thừa như vậy. Vì tất cả pháp đều có thể hiện thấy, chẳng thể bác không pháp hiện thấy vậy. Đáp: Lạ thay! Đáng xót thương hạng người ngu phước mỏng, chẳng thể tin hiểu pháp nghĩa Đại thừa. Nếu có năng thấy, có tâm thấy chỗ thấy, năng thấy đã không, ai thấy chỗ thấy? Vì các năng thấy chẳng năng tự xét biết tự có thể, cũng chẳng xét tha, ở lúc thẩm xét, năng thấy sở thấy đều không chỗ thấy, cho nên không nên chấp pháp hiên thấy, quyết định là có thể, vì lác xoay tâm, các cảnh sở duyên đều hư giả vậy, tại sao? Lúc khởi nghĩ nhớ, thật không thấy các thứ cảnh giới v.v... chỉ tùy nhân duyên tự tâm biến tợ thấy tướng các thứ cảnh giới v.v... mà sinh, vì chỗ nghĩ nhớ chẳng phải chân thật vậy, chỉ có hư giả nghĩ nhớ tên sinh, như từng trải qua thể tướng các pháp, xoay tâm tìm nhớ nên gọi là niệm (nghĩ) đang lúc nhớ nghĩ, cảnh chỗ từng trải đều không có vậy, năng nghĩ cũng không mà gọi là nghĩ là, tùy thuận thói quen điên đảo các thấy giả danh chi thiết, do nghĩ đây nên hữu tình thế gian vọng khởi các thứ phân biệt tranh luận, tranh chấp các pháp tự tánh sai biệt. Đắm trong bùn sình ác kiến chẳng thể tự ra, nghĩa nếu không chỗ thấy cũng không chỗ nghe, vậy thì tất cả đều không chỗ có, Cớ sao thời nay bện đá làm bè? Trong luận Duy thức nói: "Hỏi: Nương tin có bốn thứ: Một là hiện thấy; hai là sánh biết; ba là thí dụ; bốn là A-hàm. Trong các tin đây, hiện tin là tối thắng, nếu không cảnh bên ngoài, cớ sao người đời nói ta hiện thấy vật đây xanh v.v...? Kệ đáp:

"Hiện thấy như trong mộng,
Thấy chỗ thấy chẳng cùng,
Lúc thấy chẳng phân biệt,
Cớ sao nói hiện thấy".

Các người phàm phu phiền não trong mộng có chỗ thấy sự đều

như trong mộng, như hiện thấy sắc chẳng biết nghĩa sắc, đến lúc sau ý thức phân biệt mới được rõ biết. Lúc ý thức phân biệt, không nhãn v.v... các thức động trước vậy, vì tất cả pháp niệm niệm chẳng trú vậy, vì lúc thấy sắc, không ý thức kia, lúc ý thức khởi, không nhãn thức kia. Trong luận Nhập Đại thừa nói: "Hỏi: Thể tướng các pháp thế gian hiện thấy, cớ sao không ư? Đáp: phàm ngu vọng thấy, đó chẳng phải đáng tin, pháp của sinh diệt, thảy đều là không, sinh diệt xoay chuyển, không lúc tạm dừng, tương tợ tương tục nên vọng thấy có thật, giống như đèn cháy niệm niệm sinh diệt, người ngu phàm phu cho là một lửa cháy". Trong luận Trung Quán nói: "Hỏi: Ông tuy các thứ môn phá đi đi đó, trú trú đó, mà nhãn thấy có đi trú chăng? Đáp: Chỗ nhục nhãn thấy chẳng thể tin, nếu thật có đi đi là vì một pháp thành hay vì hai pháp thành, cả hai đều có lỗi. Phàm nhục nhãn là chỗ nghiệp nhân điên đảo ở thời quá khứ mà thành, như trâu dê mắt nó chẳng rõ biết phương góc, thật chẳng thể tin, chỉ Phật nhãn chân thật, chỉ có thể theo thật, chẳng thể cậy hư. Lại hỏi: Hiện thấy chúng sinh tạo nghiệp thọ báo, sự đó thế nào? Đáp: Như hóa nhân không có thật sự, chỉ có thể mắt thấy. Lại hóa nhân khẩu nghiệp nói pháp thân nghiệp bố thí v.v... là nghiệp tuy không thật mà có thể mắt thấy, sinh tử như vậy, tác giả và nghiệp cũng nên như vậy, các nghiệp đều không không tánh như huyễn như mộng. Lại hỏi: Người thế gian đều thấy các pháp là có là không, sao riêng ông cùng với thế gian trái nhau, nói không chỗ thấy? Đáp: Nếu người chưa đắc đạo, chẳng thấy thật tướng các pháp, là ái kiến nhân duyên, các thứ hý luận, lúc thấy pháp sinh, cho đó là thường, người trí thấy các pháp sinh tức diệt không thấy, thấy các pháp diệt tức diệt có thấy". Nên đối với tất cả pháp tuy có chỗ thấy, đều như huyễn như mộng, cho đến vô lậu đạo thấy còn đáng diệt huống gì các thấy khác, cho nên, nếu chẳng thấy pháp an ổn, thì thấy có không. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Hỏi: Nếu tất cả pháp không như huyễn, tại sao? Các pháp có có thể thấy có thể nghe, có thể ngửi có thể nếm, có thể xúc chạm, có thể nhận biết? Nếu không mà vọng thấy là sao chẳng thấy tiếng nghe sắc? Nếu đều một đồng không không chỗ có, cớ sao có thể thấy? Đáp: Các pháp tướng tuy không, cũng có phân biệt có thể thấy chẳng thể thấy, thí như voi ngựa huyễn hóa và các vật, tuy biết không thật, nhưng sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe, chẳng cùng thác loạn, cùng sáu tình đối vậy, các pháp cũng như vậy, tuy không mà có thể nghe, chẳng cùng thác loạn, rõ ràng ý đây luận là nói về chỗ thấy của phàm tình thế gian, vì nhãn căn đối sắc trần và khoảng giữa nhãn thức, ba thứ hòa hợp, được xưng là thấy, căn

trần thức đây tự tánh đều không, mỗi mỗi chẳng thể sinh thấy, hòa hợp cũng chẳng thể sinh thấy, chỉ chỗ đối của hư vọng tình chấp, thấy nghe chẳng không, nên trong kinh nói: "Vì phàm phu thấy đó là thế tục đế, vì Thánh nhân thấy đó là chân đế" chỗ xưng là đế là xét thật chẳng hư nên xưng là đế.

Hỏi: Tất cả các pháp trong ngoài đều có lưu loại, ở trong các loại ước có mấy thứ nghĩa sai biệt và tùy loại thông biệt v.v...?

Đáp: Xưa trước giải thích có năm thứ: Một loại di thục, một thông, tức tất cả cỏ cây là trước xanh sau vàng, há chẳng phải là dị thục; hai biệt chỉ là nghiệp thiên ác, cảm quả dị thục, hai loại nuôi lớn, một thông tức là tất cả đều có nuôi lớn; hai biệt chỉ là chỗ ăn uống ngủ nghỉ Phạm hạnh v.v... gìn giữ lợi ích vậy; ba loại đẳng lưu, một thông tức là tất cả tự loại tương tợ đều là đẳng lưu, hai biệt chỉ chỗ của đồng loại nhân sinh; bốn loại thật sự, một thông tức tất cả các pháp thể, hai biệt chỉ là vô vi chọn lựa hữu vi chẳng phải là thật sự vậy; năm loại sát-na, một thông tức tất cả pháp có danh diệt, hai biệt chỉ là một sát-na đầu tiên thấy đạo vậy.

Hỏi: Chỗ huân tình trú khắp trong ba cõi, cớ sao trong kinh Duy-ma-cật nói bảy thức xứ là chủng?

Đáp: Hữu tình thông phàm đến Thánh, có sáu mươi hai thân hữu tình, nói về xứ nương tựa có bốn mươi hai cư chỉ (ở dừng). Nếu thông môn do nghiệp buộc vậy, lạc và chẳng lạc đều lập cư chỉ. Dưới loại bảy thức tâm trú, là thức tâm chỉ lạc ở bảy xứ trú. Bốn mươi hai cư chỉ là: Tám địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, bốn châu, sáu trời cõi Dục, cõi Sắc có mười tám, cõi Vô sắc có bốn, đều thành bốn mươi hai cư chỉ, bảy thức xứ là: Một các thứ thân các thứ tưởng, các thứ thân là trời mười cõi Dục có tôn ti cao thấp vậy. Các thứ tưởng là có tưởng ba thọ khổ lạc và xả; hai các thứ thân, một tưởng, các thứ thân là sở thiền phạm thiên là tôn, phạm chúng là ti, nên có các thứ thân, một tướng là có tưởng một giới thủ vậy. Phạm vương tự cho là ta năng sinh các phạm, các phạm cho là ta từ Phạm vương sinh, chẳng phải nhân chấp là nhân là giới thủ; ba một thân các thủ tướng, một thân là nhị thiền địa thượng không tôn ti cao thấp vậy. Các thứ tưởng là có tưởng hỷ lạc vậy; bốn một thân một tướng, một thân là tam thiền không tôn ti cao cấp vậy, một tưởng là chỉ tưởng một lạc, không thức trở lên không thân chỉ có một tưởng; năm không xứ chỉ một tưởng không; sáu thức xứ, chỉ một tưởng thức; bảy vô sở hữu xứ, chỉ một tưởng tuệ; bảy thức xứ trên đây, đối trị chúng sinh chấp thức là ngã lạc trú bảy xứ, lấy năm ấm hữu lậu làm thể. Đệ tứ

thiền có định vô tưởng, trong địa phi tưởng có định diệt tận. Ở trong tam đồ năng chịu các khổ thức chẳng ưa thích trú nên chẳng nói vậy. Lại đệ tứ thiền và địa phi tưởng, tuy là diệt thức, mà chẳng giả danh chúng sinh ở, do đó chẳng lập, trong ba ác thú là chỗ khổ bức bách, chúng sinh chẳng ưa thích ở do đó chẳng lập.

Hỏi: Phá cảnh bên ngoài không, lập duy thức là cảnh từ đâu mà không thức từ đâu mà có?

Đáp: Cảnh tùy tình khởi, thức theo duyên sinh, tình chỉ là tâm của biến kế, duyên là tánh cuả y tha, duyên pháp là có, nương môn của thắng nghĩa, tình chấp vốn không, quy về đạo của thế tục. Trong luận Duy thức nói: "Cảnh bên ngoài tùy tình mà chi thiết vậy, chẳng phải có như thức, thức bên trong hẳn nương nhân duyên sinh, nên chẳng phải không như cảnh, do đây bèn ngăn hai chấp tăng giảm, cảnh nương thức bên trong mà giả lập, chỉ thế tục có, thức là chỗ giả cảnh nương tựa sự cũng thắng nghĩa đó". Giải thích: Cảnh bên ngoài là biến kế sở chấp, thật cảnh ngoài tâm, do tùy vọng tình lập bày làm giả, thể thật đều không, chẳng phải cùng y tha thức bên trong tương tợ, thức bên trong thể là y tha vậy, hẳn nương chỗ chủng tử nhân duyên sinh, chẳng phải thể toàn không như cảnh biến kế, ngã pháp thật kia giống như lông rùa, thức y tha có nên chẳng phải như loại kia. Trong đây sắc v.v... tướng phần kiến phần là chỗ thức bên trong biến, chẳng lìa thức vậy, gọi chung là thức bên trong. Do thức bên trong đây thể tánh chẳng phải không, ngã pháp bên ngoài tâm, thể tánh chẳng phải có, bèn ngăn bên ngoài chấp cảnh thật của lìa tâm, có chấp tăng giảm, và ngăn tà kiến ác thủ không là bác bỏ thức cũng không vọng không giảm chấp. Tức lìa không có nói giáo duy thức, có pháp ngoài tâm luân hồi sinh tử, rõ biết một tâm sinh tử trọn dứt, có thể gọi là đạo lý trong xứ vô thượng.

Hỏi: Cảnh chỉ có của thế tục, thức thông môn của thắng nghĩa vậy, thế nào là thế tục đế, thế nào là thắng nghĩa đế?

Đáp: Phàm tất cả đế trí đều từ không đế mà khởi, không đế tức là chân tâm tuyệt đối đãi, chẳng phải đối lập có mà xưng không, nên gọi là tuyệt đối đãi. Giống như hư không chẳng phải đối lập không nhỏ mà xưng không lớn. Từ không đế đây lập một thật đế, tên của một thật đây là đối ba quyền mà gọi là một thật, đối đãi hư gọi là thật, đây là do đối đãi mà có được tên. Lại từ một thật đây, đối lập có căn cứ giáo, giả phân mở hai đế v.v... hai đế đây là nói về tình trí mà mở, như kinh Niết-bàn nói: "Như chỗ biết của người xuất thế gọi là đệ nhất nghĩa đế". Trong kinh Nhân Vương nói: "Ở giải thường tự một ở đế thường tự hai". Sở dĩ

nhân vương tuy phân hai đế mà trí chiếu thường một, Niết-bàn vốn chỉ một đế, mà giải hoặc phân hai. Đó thì hai mà chẳng hai, chẳng hai mà hai, một hai tự tại, là chân hai đế, nên người xưa có bài tụng nói:

"Hai đế đều chẳng song,
Hằng trái chưa từng mỗi".

Tức nghĩa đó vậy. Sinh Công nói: "Phải quấy đối đãi nhau nên có tên chân tục sinh". Trong Nhiếp Luận đời nhà Lương nói: "Trí chướng rất mù tối, là chân tục chấp riêng, nhưng pháp tướng vụ muốn phân chẻ, pháp tánh vụ tại dung thông, mỗi mỗi y cứ một môn, chớ sinh thiên kẹt, tại sao? Nếu chỉ phân chiết mà không dung thông, pháp thành sai khác, nếu chẳng phân chẻ sự thành hỗn lạm. Lại không thể dung thông thì tánh tướng rõ ràng mà chẳng phải khác. Sự lý dung tức mà chẳng phải đồng chẳng phải khác, chẳng phải đồng là diệu lý trong viện. Lại cảnh thì chẳng ngại thân mà hằng tục, trí thì chẳng ngại tịch mà thường chiếu, ý lấy tâm tịch đối nơi chân cảnh, tâm chiếu đối nơi cảnh tục, lấy chiếu đối tục thì tâm cảnh chẳng phải một, lấy tịch đối chân thì tâm cảnh chẳng phải khác, tuy dung cả không và có hai cảnh tịch chiếu hai tâm trọn chẳng được nói, cảnh thì chẳng ngại chân mà hằng tục, trí thì chẳng ngại chiếu mà hằng tịch cảnh thì chẳng ngại tục mà hằng chân, trí thì chẳng ngại tịch mà thường chiếu. Trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

"Nếu người chẳng thể biết,
Phân biệt ở hai đế,
Thì ở Phật pháp sâu,
Chẳng biết nghĩa chân thật".

Trong luận Kim Cang Bất Hoại Giả Danh nói: "Pháp của Phật giảng nói đều quy về hai đế: Một là tục đế; hai là chân đế, tục đế nghĩa là các phàm phu Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai cho đến danh nghĩa trí cảnh nghiệp quả tương thuộc, chân đế nghĩa là tức ở đây đều không chỗ được, như nói đệ nhất nghĩa chẳng phải là chỗ hành của trí, huống gì văn tự, cho đến không nghiệp, không nghiệp quả, là chủng tánh các thánh, cho nên trong Bát-nhã ba-la-mật đây, nói chẳng trú bố thí, tất cả pháp không tướng chẳng thể thủ chẳng thể nói. Sinh pháp không ngã, không chỗ được, không năng chứng, không thành tựu, không lại, không đi v.v...". Đây giải thích về chân đế. Lại nói trong ngoài thế gian xuất thế gian tất cả pháp tướng và các công đức, đây kiến lập tục đế. Lại Thai giáo căn cứ bốn chứng ba tiếp, lập bảy thứ hai đế và năm thứ ba đế. Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: "Phàm các kinh luận

dị thuyết đều là thiện quyền phương tiện của Đức Như Lai, biết căn biết dục các thứ chẳng đồng, lực có ba khác: Một nghĩa là tùy tình; hai tùy tình trí; ba tùy trí, tùy tình nói là, tình tánh chẳng đồng, nói tùy tình khác, như Tỳ-sa-la rõ pháp thế đệ nhất, có không chủng lượng, khoảng chân còn vậy, huống gì các thứ khác ư? Như thuận kẻ mù tình các thứ chỉ bày sữa, kẻ mù nghe nói khác mà tranh cải là sắc trắng, há tức là sữa ư? Các sư chẳng thấu đạt ý đây, mỗi mỗi chấp một văn từ tự khởi thấy tranh cãi, qua lại phải quấy, tin một chẳng tin một, mênh mông loạn thay, chẳng biết ai phải. Nếu ta thuyết ở đời và năng phá là có kinh văn chương, đều phán là tùy tình, ý hai đế ư? Lại không văn chứng, đều là tà kiến, nghĩa là đồng ngoại đạo kia chẳng phải thuộc hai đế nhiếp vậy. Tùy tình trí là, tình nghĩa là hai đế, hai đều là tục, nếu ngộ đế lý mới có thể là chân, chân thì chỉ một, như năm trăm vị Tỳ-kheo mỗi mỗi nói về thân nhân, thân nhân là nhiều, chánh lý chỉ một. Trong kinh nói: "Chỗ tâm người đời thấy gọi là thế đế, vượt tâm người đời thấy gọi là Đệ nhất nghĩa đế". Như nói đây tức là tùy tình trí hai đế vậy. Tùy trí là, thánh nhân ngộ lý chẳng phải chỉ thấy chân, cũng năng rõ tục. Như mắt từ màn che, thấy sắc thấy không. Lại như vào thiền đến lúc ra quán thân hư tâm rỗng tợ mây nhẹ lan tỏa giữa không trung, đã chẳng đồng trú tâm. Huống gì ngộ chân mà chẳng rõ tục. Tỳ-đàm nói: "Mây nhỏ phát chướng, mây lớn phát chướng, vô lậu vượt sâu, thế trí chuyển tịnh", nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Người phàm ở thế gian,
Chẳng biết tướng thế gian,
Như Lai ở thế gian,
Rõ ràng tướng thế gian".

Đó là tùy trí hai đế vậy. Nếu giải ba ý đây, đem tâm kinh luận tuy nói các thứ, ở mỗi mỗi đế đều đủ ba ý vậy; hai chánh nói rõ hai đế là, lấy ý còn lược, chỉ điểm pháp tánh là chân đế, vô minh v.v... mười hai nhân duyên là tục đế, ở nơi nghĩa tức đủ, chỉ người thô cạn chẳng ngộ tỏ thâm diệu đó, lại phải mở bày thì luận bảy thứ hai đế, mỗi mỗi hia đế lại mở ba thứ, hợp thành hai mươi mốt thứ hai đế, nếu dụng phiên đầu hai đế phá tất cả tà, nghĩa là chấp trước đều hết, như kiếp lửa thiêu đốt chăng lưu lại hạt cải, huống bày các đế sau xoay ra làm văn, chẳng phải là thế tình mưu đạt.Nói bảy thứ hai đế: Một, thật có là tục, thật có diệt là chân; hai, huyễn có là tục, tức huyễn có không là chân; ba, huyễn có là tục, tức huyễn có không chẳng không cộng là chân; bốn, huyễn có là tục, huyễn có tức không chẳng không, tất cả pháp thú không chẳng

không là chân; năm, huyễn có huyễn có tức không đều gọi là tục, chẳng có chẳng không là chân; sáu, huyễn có huyễn có tức không đều gọi là tục, chẳng có chẳng không, tất cả pháp thú chẳng có chẳng không là chân; bảy, huyễn có huyễn có tức không đều là tục, tất cả pháp thú có thú không thú chẳng có chẳng không là chân. Thật có hai đế là, ấm nhập giới v.v... đều là thật pháp, chỗ thật pháp thành sum la muôn phẩm, nên gọi là tục, phương tiện tu đạo diệt tục đây rồi mới được hợp chân. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Không sắc sắc không" vì diệt sắc nên gọi là không sắc, chẳng diệt sắc nên gọi là sắc không, trong bệnh không thuốc, trong văn tự không Bồ-đề, đều ý đây là tướng thật có hai đế vậy, ước ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình trí v.v... chuẩn cứ đây có thể biết, huyễn có không hai đế là bài xích ý trước vậy, tại sao? Lúc thật có không chân, lúc diệt có không tục, nghĩa hai đế chẳng thành. Nếu rõ huyễn là, huyễn có là tục, huyễn có chẳng thể được, tức tục là chân. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Tức sắc là không, tức không là sắc, không sắc tương tức, nghĩa hai đế thành" đó gọi là huyễn có hai đế vậy. Căn cứ ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình trí v.v... tùy trí nhỏ, phải phân biệt, tại sao? Thật có tùy trí chiếu chân cùng đây không khác, tùy trí chiếu tục chẳng đồng, tại sao? Người thông vào quán khéo, lại hạn cục chiếu tục cũng khéo, như trăm sông hợp về biển, mùi vị nó chẳng riêng biệt, lại hạn cục trở lại ngòi sông ngoài thì khác, tục là sự pháp chiếu khác chẳng phải nghi, chân là lý pháp chẳng thể chẳng đồng, chỉ căn cứ người thông ra giả cũng người người chẳng đồng. Có thể lấy ý được vì ba tạng, ra giả cũng nên như vậy. Huyễn có không chẳng không hai đế là, tục chẳng khác chân trước thì ba thứ chẳng đồng: Một tục tùy ba chân tức thành ba thứ hai đế. Tướng đó thế nào? Như trong kinh Đại Phẩm nói rõ chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu, mới đầu, người cho rằng chẳng phải lậu là chẳng phải tục, chẳng phải vô lậu là xua trừ đắm trước, tại sao? Hành nhân duyên vô lậu mà sinh đắm trước, như duyên diệt sinh khiến phá tâm đó trở lại vào vô lậu, đây là một phiên hai đế vậy, tiếp theo người nghe chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu, cho là chẳng phải hai biên, riêng hiển bày lý trung, lý trung là chân, lại là một phiên hai đế vậy. Lại người nghe chẳng phân hữu lậu chẳng phải vô lậu, tức biết cả hai chẳng phải chánh hiển bày trung đạo. Pháp giới trung đạo lực dụng rộng lớn, cùng đồng như hư không, tất cả phải thú chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, lại là một phiên hai đế vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Người của Thanh văn chỉ thấy ở không, chẳng thấy chẳng không, người trí thấy không và cả chẳng không" tức là ý đây, hàng Nhị thừa cho là

đắm trước không đây, phá đắm trước không vậy, nên nói chẳng không, không đắm trước nếu phá chỉ là thấy không, chẳng thấy chẳng không vậy, người thông lợi cho là chẳng không là diệu hữu, nên nói chẳng không, cho đó là Như Lai Tạng, tất cả pháp thú Như Lai Tạng trở lại ước về không mà chẳng không, tức có ba thứ hai đế vậy. Lại nữa, tất cả phải thú chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu hiển bày ba thứ khác là, mới đầu người nghe nói tất cả pháp thú chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu là, các pháp chẳng lìa không, hành khắp mười phương giới, trở lại là bình xứ như. Lại người nghe thú biết lý trong đây phải tất cả hành đến thú phát đó, lại một người nghe tất cả thú tức chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu đủ tất cả pháp vậy, cho nên nói một tục tùy ba chân chuyển đây, hoặc đối đón chân, hoặc đối chân chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng hình thế uyển chuyển đến cơ, ra vào lợi vật, mỗi mỗi đều có tùy tình tùy trí v.v... ba nghĩa nếu tùy trí chứng tục tùy trí chuyển trí chứng thiên chân tức thành thông hai đế, trí chứng chẳng không chân tức thành biệt vào không hai đế, trí chứng tất cả thú chẳng không chân, tức thành viên vào thông hai đế. Ba người vào trí chẳng đồng, lại hạn cục chiếu tục cũng khác, tại sao? Ba người đồng nghe hai đế mà thủ giải mỗi khác, đó là chẳng cộng Bát-nhã, cùng nhị thừa cộng nói, thì khác của sâu cạn vậy. Trong kinh Đại Phẩm nói: "Có Bồ-tát mới phát tâm cùng Tát-bà-nhã tương ưng, có Bồ-tát mới phát tâm du hý thần thông tịnh cõi nước Phật, có Bồ-tát mới phát tâm, tức ngồi đạo tràng là như Phật" tức ý đây vậy. Huyễn có không là tục, chẳng có chẳng không là chân, có không hai nên là tục, trong đạo chẳng có chẳng không chẳng hai là chân, hàng Nhị thừa nghe chân tục đây đều chẳng giải hiểu nên như câm điếc. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Ta cùng Di-lặc chung luận về thế đế, năm trăm Thanh văn cho là nói chân đế" tức ý đây vậy. Căn cứ đây cũng có ba nghĩa tùy tình tình trí trí v.v... viên vào biệt hai đế là, tục cùng biệt đồng, chân đế thì khác người biệt chẳng không chỉ là lý thôi, muốn hiển bày lý đây phải duyên tu phương tiện, nên nói tất cả pháp trú chẳng không, người viên nghe lý chẳng không, tức biết đầy đủ tất cả Phật pháp không có khuyết giảm, nên nói tất cả thú chẳng không vậy. Căn cứ ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình v.v... viên giáo hai đế là nói chẳng hai đế chẳng nghĩ bàn vậy, chân tức là tục, tục tức là chân, như châu như ý, lấy châu thí dụ chân. Dụng làm thí dụ tục, tức châu là dụng, tức dụng là châu, chẳng hai mà hai, phân chân tục vậy, ước ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình tùy trí v.v... Tôn giả Thân Tử có kệ tụng:

"Phật dùng các thứ duyên,

Thí dụ khéo nói bày,
Tâm kia an như biển,
Con nghe lưới nghi dứt".

Tức nghĩa đây vậy.

Hỏi: Chân tục nên tương đối, cớ sao chẳng đồng ư?

Đáp: Ở đây nên có bốn câu: Tục khác chân đồng, chân khác tục đồng, chân tục khác tương đối, chân tục chẳng khác mà khác tương đối, ba tạng cùng thông chân đồng mà tục khác, hai người thông chân khác mà tục đồng. Biệt chân tục đều khác mà tương đối, viên chân tục chẳng khác mà khác tương đối, chẳng đồng mà đồng, nếu chẳng cùng vào phải phân chân tục tức tương đối, bảy thứ hai đế nói rộng như trước. Nói lược là, bên trong giới tương tức, chẳng tương tức, bên ngoài giới tương tức, chẳng tương tức, là bốn thứ hai đế vậy, biệt tiếp thông năm vậy, viên tiếp thông sáu vậy, viên tiếp biệt bảy vậy.

Hỏi: Sao chẳng tiếp ba tạng?

Đáp: Ba tạng là chẳng tương tức bên trong giới, Tiểu thừa thủ chứng căn là kẻ sĩ của bại, nên chẳng luận tiếp, ngoài ra sáu thứ còn lại là môn Ma-ha-diễn, nếu muốn tiến tới ttrước cũng có thể được đi, cho nên bị tiếp.

Hỏi: Nếu chẳng tiếp thì cũng chẳng hội?

Đáp: Nghĩa tiếp chẳng phải nghĩa hội, trước của chưa từng tức luận bị tiếp, phán thô diệu là thật có hai đế, pháp môn chữ nửa (bán tự), dẫn người độn căn dọn trừ phân dơ hý luận, nghĩa hai đế chẳng thành, pháp đây là thô, như huyễn hai đế pháp môn chữ đủ (tự mãn) là giáo hạn lợi căn, các pháp thật tướng, ba người chung đắc, so sinh với trước là diệu. Đồng thấy chỉ không, so sánh với sau thì thô, vì biệt vào viên năng thấy chẳng không, đó thì là diệu, giáo đàm lý chẳng dung, cho nên là thô, vì viên vào thông là diệu, diệu chẳng khác sau kẹt thông phương tiện, cho nên là thô, biệt hai đế chẳng kẹt thông phương tiện nên là diệu, giáo đàm lý chẳng thông, cho nên là thô, viên vào biệt lý dung là diệu, kẹt biệt phương tiện là thô, chỉ viên hai đế, chánh ngay bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng, cho nên là diệu, tiếp theo ước về tùy tình trí v.v... mà phán thô diệu là, tạm nói về ba tạng, mới đầu nghe tùy tình hai đế, chấp thật ngữ là hư ngữ, khởi ngữ kiến nên sinh tử mênh mông, không khí lực của Phật pháp, nếu năng chuyên cần tu pháp niệm xứ, phát bốn thiện căn, lúc ấy tùy tình hai đế đều gọi là tục, phát được chỗ vô lậu chiếu hai đế đều gọi là chân, từ người tứ quả lấy chỗ trí vô lậu chiếu chân tục, đều gọi là tùy trí hai đế, tùy tình thì thô, tùy trí thì diệu,

thí như chuyển sữa mới đầu được thành lạc, đã thành lạc rồi tâm cùng thể tin vào ra không khó, tức được tùy tình tình trí trí v.v... nói thông biệt vào thông, viên vào thông, khiến đó xấu hổ tiểu vui thích đại, tự thương hạt giống hư mà khát ngưỡng thượng thừa, lúc ấy như huyễn lạc thành sinh tô tâm dần thông thái, tức là tùy tình tình trí trí v.v... nói biệt viên vào biệt là rõ chẳng cộng Bát-nhã, mạng lệnh gia nghiệp, vàng bạc trân báu vào ra lấy cho, đều sai khiến biết, đã biết đó rồi, tức như chuyển sinh tô thành thục tô. Các Phật pháp lâu ra cần phải nói chân thật, tức tùy tình tình trí trí v.v... nói viên hai đế như chuyển thục tô thành đề hồ, đó thì sáu thứ hai đế điều hòa thành thục chúng sinh, tuy thành bốn vị cho nên là thô, đề hồ một vị, đó thì là diệu. Lại buộc phân thô diệu, hai giáo trước tuy có tùy trí v.v... nhưng một hướng là tùy tình, nói ý khác nói vậy nên gọi là thô, biệt vào thông đi, tuy có tùy tình v.v... nhưng một hướng là tình trí, trí nói ý tự tha nói, nên cũng thô cũng diệu, viên hai đế tuy có tùy tình v.v... nhưng một hướng là tùy trí, nói tự trí Phật nói tự ý Phật nói, nên xưng là diệu.

Hỏi: Hai hai đế trước một hướng là tùy tình, nên chẳng phải là thấy đế, cũng chẳng đắc đạo ư?

Đáp: Chẳng được trung đạo nên xưng là tùy tình, chư Phật Như Lai nói pháp chẳng không, tuy chẳng phải trung đạo, đệ nhất nghĩa tất-đàn, nhưng chẳng mất ích ba tất-đàn, đại khái phân đó đều thuộc tùy tình là thô vậy. Tiếp theo nói rõ về ba đế, diệu tức hai thứ hai đế trước, vì chẳng rõ trung đạo vậy, căn cứ năm thứ hai đế được luận Trung đạo, tức có năm thứ ba đế, nói về biệt vào thông, điểm chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, nghĩa hai đế thành, hữu lậu là tục, vô lậu là chân, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu là trung, ngay trong giáo luận chỉ khác không mà thôi, trung không công dụng chẳng đủ các pháp, viên vào thông ba đế là, hai đế chẳng khác trước, điểm chẳng phải lậu, chẳng phải vô lậu, đủ tất cả pháp, cùng trung trước khác vậy, biệt ba đế là, tục kia là hai đế, đối chân là trung, trung lý mà thôi, viên vào biệt ba đế là, hai đế chẳng khác trước, điểm chân trung đạo, đầy đủ Phật pháp vậy. Viên ba đế là, chẳng phải chỉ trung đạo đầy đủ Phật pháp mà chân tục cũng vậy, ba đế viên dụng, một ba ba một. Phân thô diệu là, biệt viên vào thông kẹt thông phương tiện nên là thô, biệt chẳng kẹt thông là diệu, viên vào biệt kẹt biệt phương tiện là thô, viên chẳng kẹt phương tiện tối diệu, nói về năm vị giáo là, sữa giáo dụ cho ba thứ ba đế, hai thô một diệu, lạc giáo chỉ thô không diệu, sinh tô tục tô đều là năm thứ ba đế, bốn thô một diệu, kinh đây chỉ một thứ ba đế tức cùng đối đải

diệu vậy, mở thô hiển bày diệu là,bỏ các thô trước vào một diệu, ba đế không chỗ có thể đối đãi, đó là tuyệt đối đãi diệu vậy. Lại nó rõ một đế là, trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nói là hai đế, kỳ thật là một, phương tiện nói hai, như say chưa ói nhả, thấy nhật nguyệt chuyển, cho là có chuyển nhật và chẳng chuyển nhật, người tỉnh chỉ thấy chẳng chuyển, chẳng thấy ở chuyển, chuyển hai là thô, chẳng chuyển là diệu". Ba tạng toàn là chuyển hai, đồng người say kia, các kinh Đại thừa kẹt chuyển hai nói chẳng chuyển một, nay kinh đây bỏ ngay phương tiện chỉ nói đạo vô thượng, chẳng chuyển một thật, cho nên là diệu, các đế chẳng thể nói là, các pháp từ xưa lại tướng thường tự vắng lặng, nào được các đế rối ren trở ngại nhau, một đế còn không, các đế sao có, mỗi mỗi đều chẳng thể nói, có thể nói là thô, chẳng thể nói là diệu, chẳng thể nói cũng chẳng thể nói là diệu cũng diệu, tuyệt đường ngôn ngữ vậy, nếu thông làm chẳng thể nói là đời đời chẳng thể nói, cho đến chẳng sinh, chẳng sinh chẳng thể nói, chẳng thể nói trước là thô, chẳng sinh chẳng sinh chẳng thể nói là diệu. Nếu thô khác diệu, đối đãi nhau chẳng dung, thô diệu chẳng hai, tức tuyệt đãi diệu vậy.

Hỏi: Cớ sao đại tiểu không luận không đế?

Đáp: Trong Thích Luận nói: "Chẳng phá chỗ trong tâm thánh nhân đắc Niết-bàn, vì chưa đắc là chấp Niết-bàn sinh hý luận, như duyên không sinh sử, nên phá nói không đắc vậy.

Hỏi: Nếu vậy, Tiểu thừa đắc và chẳng đắc thảy đều bị phá, Đại thừa đắc và chẳng đắc cũng đều nên phá ư?

Đáp: Chẳng sánh ví Tiểu thừa còn có hoặc riêng biệt có thể trừ, lý riêng biệt có thể hiển, nên tuy đắc phải phá, trung đạo chẳng như vậy, cớ sao phá.

Hỏi: Nếu vậy, trung đạo chỉ nên có một đế, chẳng nên nói không đế?

Đáp: Vì chưa đắc là chấp trung sinh hoặc nên phải không đế. Thật đắc là có, hý luận là không, lại trong luận Duy Thức đối với hai đế chân tục gọi là mở bốn lớp, đều thành tám đế. Bốn của tục đế là: Một, giả danh không thật đế, nghĩa là bình bồn v.v... chỉ có giả danh mà không thật thể, từ năng phân tích nói nên gọi là đế; hai, tùy sự sai biệt đế, nghĩa là uẩn giới v.v... tùy sự kia lập pháp uẩn v.v...; ba, phương tiện an lập đế, nghĩa là khổ tập v.v... do chứng đắc lý mà an lập vậy; bốn, giả danh chẳng phải an lập đế, nghĩa là lý hai không, nương không môn kia nói là chân tánh, do bên trong chân tánh kia chứng trí cảnh, chẳng thể nói bày, gọi là hai không như, chỉ giả nói vậy.

Thắng nghĩa có bốn: Một, thể dụng hiển hiện đế, nghĩa là uẩn giới v.v... có thể tánh thật vượt quá thế tục trước gọi là thắng nghĩa, tùy sự sai biệt nói, gọi là uẩn v.v... nên gọi là hiển hiện; hai, nhân quả sai biệt đế, nghĩa là khổ tập v.v... trí đoạn chứng tu nhân quả sai biệt; Ba, y môn hiển thật đế, nghĩa là lý hai không vượt quá tục chứng đắc, nên gọi là thắng nghĩa, y cứ không năng chứng để hiển bày ở thật, nên gọi là y môn; bốn, phế bỏ phân tích bàn nói chỉ đế, nghĩa là một chân như thật thể diệu lìa ngôn rồi gọi là thắng nghĩa. Lại chân chẳng tự chân, đãi tục nên chân, tức ba chân trước cũng nói là tục, tục chẳng tự tục, đãi chân nên tục, tức ba tục sau cũng gọi là chân, chí lý xung huyền công nghiệm ở đây. Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói về viên số đó lập ở mười đế v.v... cho đến mỗi mỗi pháp viên dung vô tận.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 68

Hỏi: Phàm đã nói căn cứ tục giả lập, tâm cảnh đều bày, mở đó thì hai phần, hợp đó thì một vị. Nay căn cứ nghĩa mở thì qua lại sinh, chưa có cảnh không tâm, từng không tâm không cảnh, phàm Thánh thông luận đều có bao nhiêu cảnh?

Đáp: khoảng có ba cảnh có kệ tụng nói:

"Tánh cảnh chẳng tùy tâm,
Độc ảnh chỉ theo thấy,
Đới chất thông tình bản,
Tánh chủng thảy tùy ứng".

Tánh cảnh chẳng tùy tâm là, tánh cảnh, tánh là nghĩa thật, tức thật căn trần bốn đại và thật định quả sắc v.v... tướng phần cảnh, nói chẳng tùy tâm là, vì tướng phần căn trần v.v... đây đều tự có chủng tánh thật, chẳng tùy chủng kiến phần năng duyên sinh vậy, Độc ảnh chỉ theo thấy là, ảnh là ảnh tượng, là dị danh của tướng phần, vì giả tướng phần đây không chủng làm bạn, chỉ riêng tự có, nên gọi là độc ảnh, tức hoa đốm hư không sừng thỏ, quá khứ vị lai các pháp ảnh tượng giả là đây chỉ theo, năng duyên kiến phần biến sinh cùng kiến phần đồng chủng, nên gọi là độc ảnh, chỉ theo thấy đới chất thông tình bản là tức một nửa tướng phần cùng bản chất đồng một cảnh sinh, một nữa cùng kiến phần đồng một chủng sinh, nên nói là thông tình bản. Tình tức là kiến phần năng duyên, bản tức là bản chất sở duyên, nói tánh tông chủng thảy tùy ứng là, tùy ứng là nghĩa chẳng định, nghĩa là ở trong ba cảnh danh tùy chỗ ứng, có tánh chủng giới ràng buộc ba khoa dị thục v.v... sai biệt chẳng định. Lại trong Quảng Thích nói: "Tánh cảnh là vì có thể thật tướng phần gọi là tánh cảnh, tức năm thức trước và tâm vương thứ tám, đều là hiện lượng, chỗ thức thứ sáu duyên các thật sắc được tự tướng của cảnh, chẳng kẹt danh ngôn, không tâm so lường cảnh đây mới gọi là tánh cảnh, và lúc trí căn bản duyên chân như cũng là tánh cảnh, vì không phân biệt mặc tình chuyển vậy. Nói chẳng tùy tâm là, đều có

năm thứ chẳng tùy: Một, tánh chẳng tùy là, kiến phần năng duyên đó thông cả ba, tánh, cảnh tướng phần sở duyên chỉ là tánh vô ký, tức chẳng tùy kiến phần năng duyên thông ba tánh; hai, chủng chẳng tùy là, tức kiến phải từ chủng tự kiến phần sinh, tướng phần từ chủng tự tướng phần sinh, chẳng tùy chủng tâm kiến phần năng duyên sinh vậy, gọi là chủng chẳng tùy; ba, giới ràng buộc chẳng tùy là, như lúc ý thức minh liễu duyên cảnh hương vị, hai cảnh hương vị đó chỉ dục giới ràng buộc chẳng tùy ý thức minh liễu thông thượng giới ràng buộc. Lại như thức thứ tám ở dục giới lúc duyên cảnh chủng tử, thức thứ tám năng duyên đó chỉ dục giới ràng buộc, chủng tử sở duyên thông cả ba cõi, tức hai thức thứ sáu và thứ tám có giới ràng buộc chẳng tùy; bốn, ba khoa chẳng tùy là, thản như năm uẩn chẳng tùy là tức như kiến phần năm thức là thức chủng thâu, tướng phần năm trần tức sắc uẩn gồm, là uẩn khoa chẳng tùy, mười hai xứ chẳng tùy là, kiến phần năm thức đó là ý xứ thâu, tướng phần năm trần là năm cảnh xứ gồm, là xứ khoa chẳng tùy, mười tám giới chẳng tùy là, kiến phần năm thức đó là năm thức giới thâu, tướng phần năm trần là năm cảnh giới nhiếp. Đây là ba khoa chẳng tùy; năm dị thục chẳng tùy là tức như kiến phần thức thứ tám là tánh dị thục, tướng phần năm trần sở duyên chẳng phải tánh dị thục, gọi là dị thục chẳng tùy. Độc ảnh cảnh là, nghĩa là tướng phần cùng kiến phần đồng chủng sinh, gọi là độc ảnh chỉ theo thấy, tức như thức thứ sáu duyên hoa đốm hư không sừng thỏ, quá khứ vị lai và biến ảnh duyên vô vi đều duyên địa giới pháp, hoặc duyên giả định quả cực xa cực lược v.v... đều là ảnh tượng giả, đây chỉ từ kiến phần biến sinh, tự không chủng đó, gọi là theo thấy. Độc ảnh có hai: Một, vô chất độc ảnh, tức thức thứ sáu duyên hoa đốm hư không, sừng thỏ và tướng phần sở biến ở quá khứ vị lai v.v... tướng phần đó cùng kiến phần thức thứ sáu đồng chủng sinh không chất hoa đốm hư không v.v...; hai, hữu chất độc ảnh, tức thức thứ sáu duyên chủng năm căn hiện, đó đều là gá chất mà khởi vậy. Tướng phần đó cũng cùng kiến phần đồng chủng mà sinh, cũng gọi là độc ảnh cảnh; ba, đới chất là, tức tâm duyên tâm, như lúc thức thứ bảy duyên cảnh tướng phần thức thứ tám, tướng phần đó không chủng riêng biệt sinh, một nửa cùng bản chất đồng chủng sinh, một nửa cùng kiến phần năng duyên đồng chủng sinh, từ bản chất sinh là, tức tánh vô phú, từ kiến phần năng duyên sinh là tức tánh hữu phú, vì hai đầu gồm chẳng định nên gọi là thông tình bản, chất tức là kiến phần năng duyên của thức thứ bảy, bản tức là tướng phần sở duyên của thức thứ tám. Lại bốn câu phân biệt: Một, chỉ chủng tử riêng chẳng phải chủng tử chung,

tức là tánh của cảnh; hai, chỉ chủng tử chung chẳng phải là chủng tử riêng, tức độc ảnh cảnh; ba câu câu (câu chung) tức đới chất cảnh; bốn câu phi (đều chẳng phải) tức bản trí duyên như vì chân như chẳng từ chủng kiến phần sinh vậy, gọi là chẳng phải đồng chủng. Lại chân như đương thể là vô vi, chỉ nhân chứng hiển bày đắc, chẳng phải chỗ sinh nhân sinh pháp vậy, gọi là chẳng phải biệt chủng. Tánh chủng nói tùy ứng là, tánh tức tánh cảnh, chủng nghĩa là chủng loại, nghĩa là ở trong ba cảnh mỗi mỗi có chủng loại chẳng đồng, nay đều phải nên tùy ứng mà nói. Lại ước về tám thức phân biệt là, năm chuyển thức trước trong tất cả thời đều chỉ tánh cảnh, chẳng chọn lựa dùng qua lại hay chẳng dùng qua lại, trong hai, chủng biến chỉ nhân duyên biến, lại cùng năm căn đồng chủng vậy. Ý thức thứ sáu có bốn loại: Một ý thức minh liễu cũng thông ba cảnh, cùng năm thức trước đồng duyên năm trần thật, mới đầu dẫn kéo trong tâm ấy là tánh cảnh, nếu dùng niệm sau duyên năm trần trên vuông tròn ngắn dài v.v... các giả sắc, tức hữu chất độc ảnh, cũng gọi là tợ đới chất cảnh; hai thức tán vị độc đầu cũng thông ba cảnh, phần nhiều là độc ảnh, thông duyên ba đời các pháp có chất không chất v.v... Nếu lúc duyên tự thân hiện hành tâm tâm sở là đới chất cảnh, nếu duyên năm căn tự thân và duyên tâm tâm sở người khác là độc ảnh cảnh, cũng gọi là tợ đới chất cảnh. Lại ý thức độc đầu trong sát-na đầu tiên duyên năm trần, ít phần duyên thật sắc cũng gọi là tánh cảnh; ba, ý thức trong định cũng thông ba cảnh, thông duyên ba đời các pháp có chất không chất vậy, là độc ảnh cảnh lại năng duyên tự thân hiện hành tâm tâm sở vậy, là đới chất cảnh. Lại từ hàng thất địa trở về trước ở quả vị định hữu lậu cũng năng dẫn khởi năm thức duyên năm trần vậy, tức là tánh cảnh; bốn ,ý thức trong mộng, chỉ là độc ảnh cảnh, thức thứ bảy chỉ đới chất cảnh, thức thứ tám tâm vương đó chỉ là tánh cảnh, nhân duyên biến vậy, tương ưng năm tâm sở tác ý v.v... là tợ đới chất chân độc ảnh cảnh.

Hỏi: Ba cảnh lấy gì làm thể?

Đáp: Tánh cảnh lấy năm trần thật làm thể đủ tám pháp thành vậy, tám pháp: Tức là bốn đại địa thủy hỏa phong và bốn vi sắc hương vị xúc v.v... ước về hữu vi mà nói, nếu năng duyên trong quả vị hữu lậu, trì thức thứ bảy, ngoài ra bảy thức (sáu thức trước và thức thứ tám) đều dụng tự tâm tâm sở làm thể. Độc ảnh cảnh lấy kiến phần và tướng phần giả sở biến của thức thứ sáu làm thể. Năng duyên tức tự tâm tâm sở đều thể, đới chất tức biến khởi khoảng giữa tướng phần giả làm thể. Nếu năng duyên trong quả vị hữu lậu, chỉ tâm tâm sở hai thức thứ sáu thứ bảy làm

thể. Lại trong Thành Duy Thức Luận Xu Yếu Chí nói: "Chân sắc chân tâm đều là chỗ duyên, tướng phần sở biến đều gọi là tánh cảnh, hoặc năng duyên tâm mà chẳng phải vọng chấp phân biệt gây nên, gọi là chân tâm, chân tâm duyên cảnh chân sắc v.v... kia tướng phần sở biến mới gọi là tánh cảnh, nếu tâm duyên chỗ tâm biến tướng phần, tướng phần không thật, chỉ là đới chất vậy, tánh là thể vậy. Thể tánh là thật, gọi là tánh cảnh, độc ảnh là, độc nghĩa là đơn, đơn có ảnh tượng mà không bản chất, nên tướng gọi là độc. Như duyên tướng lông rùa, thạch nữ v.v... hoặc chỉ tướng phần hữu chất, chẳng năng huân chủng chất kia, trông chất không năng chỉ có giả ảnh, cũng gọi là độc, như tâm phân biệt duyên tướng vô vi, và tướng tâm sở của thức thứ tám, và các thứ khác chuẩn cứ theo đây có thể biết, cảnh của đới chất là, chất theo Chu dịch nói là hình thể vậy, đới Thuyết văn gọi đó là thần, thần ấy nghĩa là thúc (bó buộc). Lại tiếng địa phương nói đới nghĩa là hành vậy, nay nói đới chất nghĩa thông cả hai vậy. Nếu theo Thuyết văn, nghĩa là tức nghĩa của xốc đai bức kèm như buộc đai áo vậy, nếu theo phương ngôn, ảnh gá chất sinh, như nhân nghĩa đường đi đó mới có, nhưng tướng phần đây tuy có năng huân tự và chủng chất nhưng không thật dụng, như duyên tướng tâm, tâm của tướng phần không dụng lự vậy. Thông tình bản là, tình nghĩa là kiến phần, bản nghĩa là chất vậy, bày tướng sở biến, tùy kiến tùy chất để phân hai nghĩa chủng tánh chẳng định. Lại cảnh có hai: Một là, tình cảnh biến kế sở chấp của chúng sinh, ngoài tâm thấy pháp gọi đó là cảnh; hai trí cảnh đức dụng tự tại của các thánh, vì từ tâm hiện, thành trí cảnh diệu dụng đó. Lại có hai: Một, cảnh phân chia rộng lớn vô biên vậy; hai, cảnh chỗ biết, chỉ Phật mới năng thấu tận vậy. Lại có hai thứ: Một, cảnh tâm chỉ tâm hiện vậy, trương bày tâm không cảnh của ngoài tâm, trương bày cảnh, không tâm của ngoài cảnh, thường hợp một vị vậy; hai, cảnh của cảnh giới nghĩa là tâm cảnh vô ngại, ẩn hiển đồng thời thể dụng tương thành, lý sự đều hiện.

Hỏi: Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm cớ sao lại nói tâm nói cảnh?

Đáp: Trước đã nói rộng, sao phải lại chấp, một tâm bốn phần, lý giáo không sai, có cảnh có tâm mới thành duy thức, như lúc tâm duyên cảnh, hẳn có tướng phần vậy, như lúc gương chiếu mặt có mặt ảnh tượng vậy. Lượng là tâm duyên cảnh là hữu pháp, trên tâm hẳn là ảnh tượng của đới cảnh, tông nhân là tâm đối chát bên ngoài, đồng dụ như lúc gương chiếu mặt.

Hỏi: Trí cảnh mỗi một, sao phân nhiều thứ?

Đáp: Trí nhân cảnh phân, có khác của chân tục, cảnh từ trí lập, nên khác của thánh phàm, nói về dụng tợ nhiều, nghiên cứu thể vốn một. Như trong Khởi Tín Sao nói: "Hỏi: Cảnh trí là một hay khác? Đáp: Trí thể không hai, cảnh cũng không hai, trí không hai là chỉ một trí, nghĩa dụng có khác. nói về xứ biết chân gọi là chân trí, nói về xứ biết tục, gọi là tục trí, cảnh không hai, nghĩa là sắc tức là không là chân cảnh, không tức là sắc là tục cảnh. Do đó lúc chứng chân hẳn đạt tục, lúc đạt tục hẳn chứng chân, huống gì không cảnh của bên ngoài tâm, sao có tâm của bên ngoài cảnh, đó tức là tâm cảnh chứa lẩn nhau là một pháp giới."

Hỏi: Một tâm hai đế, lý sự chẳng phải hư, chứng lý tánh mà thành chân, xét sự thật mà làm tục, đều đủ nghĩa của cực thành, chẳng hoại môn đế, Đại thừa Tiểu thừa đồng cộng kiến lập. Thế nào là nghĩa của cực thành?

Đáp: Chỗ thành quyết định chẳng thể đổi dời, tùy chân tùy tục mỗi mỗi có đạo lý. Trong luận Du-già nói: "Một có thế gian cực thành chân thật; hai đạo lý cực thành chân thật". Thế gian cực thành chân thật, nghĩa là tất cả thế gian ở sự kia kia tùy thuận giả lập thế tục thói quen, ngộ và giác tuệ, chỗ thấy đồng tánh, nghĩa là địa chỉ là địa, chẳng phải là hỏa v.v... cho đến khổ chỉ là khổ, chẳng phải là lạc v.v... lạc chỉ là lạc, chẳng phải là khổ v.v... nói tóm lại, đây tức như đây chẳng phải chẳng như đây, vậy tức như vậy chẳng phải chẳng như vậy, quyết định thắng giải, chỗ hành cảnh sự, tất cả thế gian từ bản tế đó, chuyển đổi truyền lại, tưởng tự phân biệt, chỗ cộng thành lập, chẳng do tư duy trù lượng quán sát sau đó mới thủ, đó gọi là thế gian cực thành chân thật. Đạo lý cực thành chân thật là, nương dừng hiện lượng tỷ lượng và cả giáo lượng, rất khéo nghĩ chọn quyết định sự chỗ biết chỗ hành của trí, cho chứng thành nghĩa chỗ thi thiết chỗ kiến lập của đạo lý, đó gọi là đạo lý cực thành chân thật.

Hỏi: Lìa thức có sắc, văn nghĩa đều rỗng ngoài tâm không trần, giáo lý đồng chứng, đó sao danh ngôn huân tập, ở đời thấy là giữ chặt? Nếu chẳng vi tế mở bày, khó viên chánh tín, chỉ như sắc bên ngoài hoặc thô hoặc tế, lầm sao tìm kiếm biết vốn không đó rành rẽ phân minh, thành tựu duy thức ư?

Đáp: Sắc của thô tế đều từ thức biến, đã tức thức có, sắc bên ngoài toàn không. Nên trong kinh nói: "Sắc tánh tự không, chẳng phải sắc diệt không". Vì kẻ chưa rõ nên lại phải phá bẻ, đến chẳng cực vi mới tin không hiện. Trong luận Duy Thức nói: "Chỗ các thừa khác chấp là lìa thức thật có các pháp sắc v.v... thế nào chẳng phải có? Chỗ kia

chấp sắc chẳng tương ưng hành, và các vô vi, lý chẳng phải có vậy. Vả lại chỗ chấp sắc, gồm có hai thứ: Một có đối cực vi tạo thành; hai không đối chẳng phải cực vi thành, có đối sắc kia, quyết định là chẳng phải thật có, năng thành cực vi chẳng phải thật có vậy, nghĩa là các cực vi nếu có chất ngại, nên như bình v.v... là giả chẳng phải thật. Nếu không chất ngại nên như chẳng phải sắc, làm sao có thể tập thành bình y phục v.v... lại các cực vi nếu có phương phần, hẳn có thể phần chiết, bèn chẳng phần thật có, nếu không phương phần, thì như chẳng phải sắc, cho đến tuy chẳng phải không sắc, mà là thức biến, nghĩa là lúc thức sinh do lực nhân duyên bên trong biến tợ tướng nhãn v.v... sắc v.v... hiện, tức lấy tướng đây làm chỗ nương duyên, nhưng các căn nhãn v.v... chẳng phải hiện lượng được, vì năng phát thức tỷ biết là có, đây chỉ là công năng, chẳng phải chỗ tạo bên ngoài, có đối sắc bên ngoài, hiện đã chẳng thành, nên chỉ thức bên trong biến hiện vậy, phát nhãn thức v.v... gọi là nhãn căn v.v... đây là sở y sinh nhãn thức v.v... nhãn thức v.v... đây là sở duyên duyên bên ngoài, lý chẳng phải có vậy, quyết định nên chấp thuận chỗ tự thức biến là sở duyên duyên, nghĩa là năng dẫn sinh tợ thức, cho đến do quyết định biết đây, chỗ tự thức biến lấy tướng sắc v.v... làm sở duyên duyên, thấy gá kia sinh đới, tướng kia khởi vậy, nhưng lúc thức biến tùy lượng lớn chỏ chóng hiện một tướng, chẳng phải riêng biệt biến làm lắm nhiều cực vi, hợp thành một vật, là chấp sắc thô có thật thể, Phật nói cực vi khiến kia trừ bỏ, chẳng phải cho là các sắc thật có cực vi. Các sư Du-già dùng tuệ giả tưởng ở nơi sắc tướng thô dần dần trừ bỏ, đến chẳng thể bỏ, giả nói là cực vi, tuy cực vi đây còn có phương phần mà chẳng thể chiết, nếu lại chiết đó, bèn tợ không hiện, chẳng gọi là sắc, nên nói cực vi là sắc biên tế, do đây nên biết các sắc hữu đối đều là thức biến hiện, chẳng phải cực vi thành, ngoài ra sắc không đối là loại đây vậy, nên cũng chẳng phải thật có, hoặc không đối vậy, như tâm tâm sở quyết định chẳng phải là thật sắc, các sắc có đối hiện có sắc tướng, dùng lý suy cứu, lìa thức còn không, huống gì sắc không đối hiện tướng không sắc mà có thể nói là sắc pháp chân thật,

Hỏi: Biểu sắc và vô biểu sắc chẳng ở ngoài thân, chỗ động tác bên trong hiển hiện chẳng phải hư. Như trong luận Thành Nghiệp có kệ tụng nói:

"Do ngoài phát thân ngữ,
Biểu chỗ nghĩ trong tâm
Như cá vực sâu kia,
Quấy sóng mà tự bày".

Biểu sắc và vô biểu sắc đây là thật có chăng?

Đáp: Trong luận Duy thức nói: "Vả lại thân biểu sắc, nếu là thật có, thì lấy gì làm tánh? Nếu nói là hình bèn chẳng phải thật có, có thể phân chiết vậy, cực vi lớn v.v... chẳng thể được vậy, nếu nói là động cũng chẳng phải thật có, mới sinh tức diệt, không nghĩa động vậy, pháp hữu vi diệt chẳng đối đãi nhân vậy. Diệt nếu đối đãi nhân, nên chẳng phải diệt vậy. Nếu nói có sắc chẳng phải hiển chẳng phần hình, chỗ tâm dẫn sinh năng động tay v.v... gọi là thân biểu nghiệp, lý cũng chẳng như vậy. Đây nếu là động nghĩa là phá như trước, nếu là nhân động nên tức phong giới, phong không biểu bày, chẳng nên gọi là biểu, nên thân biểu nghiệp quyết định chẳng phải thật có, nhưng tâm là nhân, khiến chỗ thức biến sắc tướng tay v.v... sinh diệt tương tục chuyển đến các phương khác, tợ có động tác bày thể nên giả gọi là thân bày. Ngữ biểu cũng chẳng phần thật có tánh âm thanh, trong một sát-na âm thanh không phân bài vậy, nhiều niệm tương tục bèn chẳng phải thật vậy. Sắc có đối bên ngoài trước đã phá vậy, nhưng nhân tâm nên thức biến tợ âm thanh. Sinh diệt tương tục tợ có bày, giả gọi là ngữ biểu, đối với lý không trái bày đã thật không, không bày sao thật? Nhưng y cứ tự nguyện thiện ác phân hạng, giả lập không bày, với lý cũng không trái.

Hỏi: Trong kinh nói có ba nghiệp, quả báo thiện ác chẳng lạm thăng trầm, cớ sao bác bỏ không, đâu chẳng trái giáo ư?

Đáp: Chẳng bác bỏ là không, là hiển thức vậy, suy tìm đó chẳng thật, ở môn thế tục khéo thuận thành lập. Trong luận Duy thức nói: "Chẳng bác bỏ là không, chỉ nói chẳng phải sắc, năng động thân tư duy nói năng gọi là thân nghiệp, năng phát ngữ tư duy nói năng, gọi là ngữ nghiệp, xét quyết hai ý tư tương ưng vậy, tác động ý nên nói năng, gọi là ý nghiệp, khởi thân ngữ tư có chỗ tạo tác nói năng, gọi là nghiệp, là xét quyết chỗ tư duy, xứ giẫm trải vậy, thông sinh khổ lạc quả vị thục vậy cũng gọi là đạo, hoặc thân ngữ bàydo khác phát nên giả nói là nghiệp, tư duy chỗ giẫm trải nên gọi là nghiệp đạo, do đây nên biết thật không sắc bên ngoài, chỉ có thức bên trong, biến tợ sắc sinh.

Hỏi: Chẳng tương ưng hành là thật có chăng?

Đáp: Chẳng tương ưng hành cũng chẳng phải thật có, tại sao? Đắc phi đắc v.v... chẳng phải như sắc tâm và các tâm sở tể tướng có thể được, chẳng phải khác sắc tâm và các tâm sở, tác dụng có thể được, do đây nên biết, quyết định chẳng phải thật có, chỉ y cứ sắc v.v... phân vị giả lập. Đây quyết định chẳng phải khác sắc tâm tâm sở thể dụng có thật.

Hỏi: Hai định không tâm, không tưởng dị thục, nên khác sắc tâm v.v... có tự tánh thật, nếu không tánh thật nên chẳng ngăn ngừa tâm tâm sở pháp khiến chẳng hiện khởi ư?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: “Nếu quả vị không tâm, có thật sắc riêng biệt khác với sắc tâm v.v... năng ngăn ngừa tâm, gọi là định không tâm. Nếu lúc không sắc, có thật pháp riêng biệt khác với tâm sắc v.v... năng ngại chướng sắc gọi là định không sắc”. Kia đã chẳng như vậy, đây sao như vậy. Lại ngăn ngại tâm sao phải là thật pháp? Như con đê v.v... giả cũng năng ngăn nghĩa là lúc tu định, gia hạnh ở định, nhàm chán tâm tâm sở thô động, phát mong nguyện ưu thắng ngăn tâm tâm sở, niệm tâm tâm sở dẫn tế dẫn vi, lúc tâm vi vi huân thức vi thục, thành chủng cực tăng thượng nhàm chán tâm v.v... do đó mà phục bỏ chủng tâm v.v... vậy thô động v.v... tạm chẳng hiện hành, thức cứ đó phân vị giả lập hai định. Đây là chủng thiện nên định cũng gọi là thiện, trước định không tưởng cầu quả không tưởng, chỗ huân thành chủng chiêu thức dị thục kia, nương đó mà tướng thô động v.v... chẳng hành, ở đó bèn phân vị giả lập không tưởng, nương vị thục lập được tên dị thục, nên ba pháp đây cũng chẳng phải thật có.

Hỏi: Thế gian y cứ tưởng lập pháp hữu vi đều là rỗng, tục đế theo thức hàng xử môn của không thể đều ngụy, vả lại như Thánh giáo văn cú năng phân tích là sở thuyên của tướng lưỡi rộng dài, sở biến của trí diệu quán sát, cớ sao đều gọi là chẳng thật đều là hư ư?

Đáp: Các thánh diễn giáo bàn nói phân tích là nương văn tự thế tục. Do đó Đức Phật bảo các người học ba thừa, chỉ khiến nương nghĩa chẳng nương ngữ, quyền mượn pháp để rõ tâm, do vậy văn tự đều không tự tánh cũng từ thức biến. Trong luận Quảng Bách Môn nói: “Nhưng các thế gian tùy tự thể biến” nghĩa là có chữ chúng hòa hợp làm tên. Lại gọi là chúng sinh hòa hợp làm câu, nghĩa là danh cú đây năng có sở phân tích, năng phân tích sở phân tích đều tự tâm biến, các tâm sở biến tình có lý không bậc, thánh ở trong đó thấy biết như thật, thấy biết thế nào? Nghĩa là pháp kia đều là ngu phu thức tâm hư vọng, chỗ phân biệt làm, giả mà chẳng phải thật, tục có chân không tùy thuận thế gian quyền nói là có.

Hỏi: Âm thanh có thể nghe sắc trần có đối có thể nói là tâm biến, chỉ như thời pháp không tướng nên là thật có chăng?

Đáp: Có tướng còn không, không tướng sao có? Thời cũng không thể, dài ngắn do tâm, vì mới đầu từ một niệm, sau cùng thành ở kiếp, niệm nếu chẳng khởi, thời kiếp vốn không, chỉ có thời lượng đầu giữa

sau v.v... đều là thời của duy thức. Trong Quảng Bách Luận phẩm Phá Thời nói: "Lại nữa đó thì tất cả hoặc giả hoặc thật, đều nương thế tục giả tướng định nghĩa, cớ sao các ông quyết định chấp các pháp đều là thật thể. Cật nạn: Nếu tất cả pháp đều chẳng phải thật có, cớ sao hiện tiền phân minh có thể thấy? Đáp: Ảnh tượng trong gương, trăng đáy nước, thành Càn-thác-bà, cảnh mộng sự huyễn, ánh trăng thứ hai v.v... phân minh có thể thấy, đâu thật có ư? Chỗ chấp thế gian thấy đều không có thật, cớ sao? Vì pháp hiện chứng là chân, chỗ lúc giác thấy, tất cả chẳng phải chân là chỗ thức duyên, như chỗ mộng thấy, chỗ mộng tâm thấy quyết định chẳng phải thật, chỗ loạn thức duyên như vầng trăng thứ hai, như chấp tuy không phải thể chân thật, mà năng làm cảnh sinh tâm hiện thấy, nhân đó chuyển đổi phát sinh nghĩ nhớ. Trước sau đều duyên chẳng phải chân có cảnh, cho nên chẳng thể vì sinh nghĩ nhớ chứng pháp là chân, pháp đã chẳng phải chân. Thời làm sao thật. Cật nạn: Nếu duyên vọng cảnh sinh ở đảo kiến, cảnh có thể là hư, nhưng kiến nên là thật? Đáp: Cảnh đã là dối, kiến làm sao thật? Như tại trong mộng, cho là nhãn thức v.v... duyên sắc cảnh v.v... lúc tỉnh biết hai sự kia đều không, cảnh vọng tâm đảo cũng lại như vậy. Hàng ngu phu cho là có, thánh giả biết là không. Cật nạn: Tâm cảnh có đảo hai thứ đều hư, tâm cảnh không đảo đều nên là thật ư? Đáp: Theo thế tục có thể vậy, còn thắng nghĩa chẳng như vậy. Vì trong thắng nghĩa tâm ngôn tuyệt vậy. Nếu ở thắng nghĩa tâm ngôn tuyệt bặt cớ sao luôn nói tâm cảnh là hư? Vì phá thật chấp nên tạm nói hư, thật chấp nếu trừ hư cũng chẳng có, hoặc thật hoặc hư đều là dứt trừ chấp, nương thế tục mà nòi chẳng phải căn cứ thắng nghĩa, thắng nghĩa đế nói cũng là giả lập, vì phiên thế tục chẳng phải có phân tích nhất định. Cật nạn: Hiện thất tâm cảnh có thể nói là không, nghĩ nhớ cảnh tâm cớ sao chẳng phải có? Đáp: Hiện thấy còn không nghĩ nhớ đâu có? Cật nạn: Nếu tất cả pháp đều chẳng phải thật có, cớ sao thế gian hiện tạo thiện ác, nếu không thiện ác, khổ lạc cũng không, vậy thì bác bỏ không tất cả nhân quả. Nếu bác bỏ không nhân quả thì không tà kiến, há chẳng sợ tội tà kiến đó ư? Đáp: Lạ thay thế gian! Ngu si khó ngộ chỉ biết sợ tội chẳng biết nhân tội, tất cả thiện ác nhân quả khổ lạc đều thế tục có, trong Thắng nghĩa không, ta nương thắng nghĩa nói chẳng thể được, chẳng bác bỏ thế tục sao thành tà kiến? Ở trong thế tục chấp thắng nghĩa có, chẳng xứng chánh lý đó là tà kiến. Nay ở trong đây vì phá thời chấp, lược nói các pháp tục có chân không". Lại xưa trước giải thích: Phàm Đức Như Lai ba thời nói pháp, hoặc nói một thời ba đời, mười đời đồng thời đều

từ tâm năng biến sinh, ngoài ra không cảnh của ba đời, lìa ngoài tự tâm, các pháp không thể, như Đức Thế Tôn nói Di-lặc làm Phật, tức người nghe ở trên tự tâm biến làm tướng phần quá khứ sinh khởi. Đức Thế Tôn đáp rằng: Từ nay trở về sau mười hai năm hẳn được vãng sinh. Trên tâm người nghe lại biến làm tướng phần vị lai mà khởi. Tâm năng biến tức hiện tại vậy. Thời quá khứ đây không thật cảnh đó, đều từ tâm biến, chỉ tùy tâm phân hạng biến khởi thời dài thời ngắn, do đó thời nhân tâm lập không tánh cố định. Nhân hiện tại thì có quá khứ vị lai, nhân dài có ngắn, nhân một niệm có đại kiếp, nếu không tâm hiện tại, xứ nào lập quá khứ vị lai? Trong Tây Vực Ký quyển bảy nói: Xưa kia có ẩn sĩ dựng am ẩn tích, tập thông các thứ kỹ nghệ, nghiên cứu cùng cực thần lý, năng khiến ngói sỏi thành vật báu, người vật biến hình, chỉ chưa thể cưỡi mây gió, như tiên, lại đọc sách xét cổ tìm cầu tiên pháp, bèn được phương pháp cầu tiên là: “Nếu muốn cầu tiên, phải dựng đàn tràng, bảo một kẻ cứng cỏi không chiu khuất nắm kiếm dài đứng ở gốc đàn, im lặng lắng hơi thở từ tối đến rạng sáng, người cầu tiên vào trong đàn ngồi, nắm kiếm dài tụng thần chú, thâu nhìn nghe trở lại, tới rạng sáng thì lên tiên”. Đã được phương pháp đó rồi, trong khoảng thời gian dài năm tìm kiếm kẻ buất khuất mà chẳng được, sau đó gặp một người, trước vì người làm công mướn dốc lực suốt năm năm gian khổ, một sáng sớm nọ mắc lỗi bèn bị đánh nhục. Lại không được một đồng buồn khóc đi đường, ẩn sĩ thấy mạng số bèn tặng nhiều kẻ đó muốn cầu báo đáp ông. Ẩn sĩ bảo: “Ta đã trải qua nhiều năm may mắn được gặp dáng mạo kỳ lạ theo sách chẳng phải có kẻ khác, mong một ngày trọn chẳng mở miệng nói vậy”. Kẻ bất khuất đó nói: “Chết còn chẳng từ, huống gì chẳng nói”. Khi đó ẩn sĩ lập đàn cầu tiên, y cứ theo sự mà thực hành. Từ chiều tối mỗi người tự lo việc mình. Ẩn sĩ tụng chú, kẻ đó nắm kiêm đợi đến sắp sáng, bỗng nhiên kẻ đó Sĩ kêu to một tiếng, khi ấy trong không trung lửa tỏa xuống khói đốt mây cháy, ẩn sĩ nhanh chóng dẫn người đó vào nơi hồ lánh nạn, bảo rằng: “Đã răn ông không mở tiếng, cớ sao kinh hoảng kêu vậy? Kẻ đó nói: “Sau khi vâng lệnh, đến tối tự nhiên như mộng, thấy mọi sự xưa trước, người chủ đến bên cạnh tôi, cảm ơn sâu mà chẳng nói, bị đánh hung dữ mà thấy bị hại, rồi bèn thấy thác sinh ở trong nhà Bà-la-môn tại Nam Ấn Độ, đến lúc ra đời, chịu đủ mọi thứ khổ ách, nhưng vẫn mang ân mà chẳng nói, đến tuổi hai mươi sinh con, luôn nhớ ân trước, nghĩ mà chẳng nói. Thân thích trong nhà đều thấy quái lạ vậy. Đến sáu mươi tuổi mà chỉ có một đứa con, người vợ bảo: Nếu ông không nói thì tôi giết con ông, tôi tự nghĩ

nhớ, nay đã bức sinh, chỉ có một đứa con, sao nở khiến giết! Nhân ngăn cản người vợ mà bèn phát lời đó". Ẩn sĩ bảo: "Lỗi của ta vậy! bị ma quấy nhiễu Ẩn sĩ cảm kích sự đó tức giận mà chết" nên biết chỗ thấy lúc ngủ mộng hay tỉnh chỉ là tâm, thời ngắn dài chẳng lìa một niệm, nên dẫn tưởng gian lúc mộng để rõ quá khứ vị giác. Lại trong kinh Pháp Hoa phẩm A-lạc-hạnh nói mộng vào Đồng Luân vương thành đạo độ sinh trải qua vô lượng thời gian, mà chỉ là tâm mộng trong một đêm. Do đó trong luận Vô Tánh Nhiếp nói: "Ở mộng cho nhiều năm, tỉnh chỉ mới khoảnh khắc. Nên thời tuy không lượng, nhiếp tại một sát-na". Có thể chỦng nghe là trên tâm tự biến hai thời ngắn dài, thật chỉ tâm tâm sở ở hiện tại vậy. Nên Nghĩa Hải nói: "Như lúc thấy trần, là chỗ một niệm tâm hiện, thời của một niệm tâm đây, toàn là trăm ngàn đại kiếp thành, tại sao? Trăm ngàn đại kiếp vốn do một niệm mới thành. Đại kiếp đã cùng do thành lập đều không thể tánh, cho đến thế giới xa gần Pháp và chúng sinh, tất cả sự vật trong ba đời, không gì chẳng trong một niệm hiện, tại sao? Tất cả sự pháp nương tâm mà hiện, niệm đã vô ngại, pháp cũng tùy dung, cho nên một niệm tức thấy ba đời sự vật hiển nhiên, do đó trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

"Một niệm quán khắp vô lượng kiếp,
Không khứ không lai cũng chẳng trú,
Như vậy rõ biết việc ba đời,
Vượt các phương tiện thành mười lực".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Đầu từ một niệm cuối thành kiếp,
Đều từ tâm tưởng chúng sinh sinh.
Tất cả cõi biển kiếp vô biên,
Dùng một phương tiện đều thanh tịnh".

Lại có kệ tụng khác nói:

"Hoặc từ biển tâm sinh,
Tùy chỗ tâm giải trú,
Như huyễn không xứ sở,
Tất cả là phân biệt".

Nên biết ngang gồm cõi biển, dọc suốt tăng- kỳ, đều một niệm tâm, khoảng trước sau đoạn đã không cõi lớn nhỏ, cũng không thời ngắn dài, dùng một phương tiện, môn của duy tâm khiến chúng sinh giới thảy đều thanh tịnh, tại sao? Vì biết cảnh chỉ là vọng thức phân biệt thì chẳng khởi tâm, vì tâm chẳng khởi thì vọng cảnh chẳng hiện, vọng cảnh chẳng hiện, pháp của dơ sạch không nương, thô tưởng chẳng sinh. Nếu chấp

là thật, chỉ là điên đảo. Do đó trong kinh Quảng Bác Nghiêm Tịnh nói: "Bồ-tát Văn- thù Sư -lợi bảo A-nan rằng: "Hạng người ngu tiểu lấy ban ngày làm tưởng ngày, không trí tuệ vậy tại sao? Nếu khiến ngày đây là chân thật, thì đó là thường trú là tù ngục, nên có tích tụ, chẳng nên quá khứ, chỉ nên có ngày, không nên có đêm."

Hỏi: Thời ba đời đây đã từ tâm biến, ở trong tám thức, chỗ thức nào duyên?

Đáp: Xưa trước giải thích: Chỉ chỗ ý duyên, nghĩa là một pháp của thời là giả, năm thức trước và thức thứ tám đều chẳng năng duyên. Thức thứ bảy lại thường duyên kiến phần thức thứ tám bên trong làm ngã, và gồm không phân biệt vậy, chỉ thức thứ sáu năng duyên. Lại trong bốn thức ý thức, chỉ ý thức minh liễu chẳng năng duyên thời là giả vậy, tức trong định trong mộng, độc tán ba ý thức ấy đều năng duyên, nếu nói về trong ba cảnh là độc ảnh cảnh vậy.

Hỏi: Các pháp hữu vi trong chẳng tương ưng hành, tợ có tác dụng, nên chẳng lìa thức, như sáu thứ vô vi không có tác dụng nên lìa sắc tâm v.v... có thật tánh đó ư?

Đáp: Pháp của hữu vi đều nương thức biến hư không v.v... năm pháp vô vi đều nương chỗ vọng thức biến, chân như vô vi là tánh của định thức cũng chẳng lìa thức, cho đến có không chân giả tất cả tánh tướng, lìa chân tánh duy thức đều không chỗ có.

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 69

Hỏi: Đấng Giác Vương tùy thuận pháp thế gian, tùy theo cơ nghi, muốn hiển bày môn không tướng, trước nói rõ lý có tướng, nhân phương tiện mà mở chân thật, giả có làm mà chứng không sinh, chẳng phải xứng với bản hoài, chỉ thiết bày mật ý, ở trong bốn tục đế, lập tùy sự sai biệt đế thứ hai, nói pháp môn ba khoa, đó là uẩn xứ giới v.v... nay muốn hợp có về không, nên phải trước lập sau phá, phải biết hang huyệt mới có thể nghiêng ổ, chỉ như khoa đầu năm uẩn, nguyên thủy bốn đại lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Uẩn là tàng, cũng gọi là năm ấm, ấm là che tức uẩn tàng vọng chủng che ngăn chân tâm. Trong luận Tạp Tập nói: "Uẩn là nghĩa tích tụ, lại mang vác tạp nhiễm nên gọi là uẩn, như vai mang vác" đây là nói về chỗ tục đế giải thích, nếu luận về chân đế thì không một pháp có thể tụ, vì mỗi mỗi không tự thể cũng không tác dụng, nên trong kinh Lăng- già nói: "Phật bảo: "Đại Tuệ! Phải khéo bốn đại tạo sắc, thế nào là Bồ-tát khéo bốn đại tạo sắc? Đại Tuệ! Vị Đại Bồ-tát học như vậy, chân đế kia là bốn đại chẳng sinh, ở bốn đại chẳng sinh kia làm quán sát như vậy. Quán sát xong rồi, danh tướng vọng tưởng phân tề tự tâm hiện phân tề, cho đến Đại Tuệ! Bốn đại chủng kia làm sao sinh tạo sắc? Nghĩa là đượm nhuần vọng tưởng đại chủng sinh thủy giới trong ngoài, kham năng vọng tưởng đại chủng sinh hỏa giới trong ngoài, khiêu động vọng tưởng đại chủng sinh phong giới trong ngoài, cắt đoạn sắc vọng tưởng đại chủng sinh địa giới trong ngoài". Giải thích: Kham năng vọng tưởng, tức là chấp tánh của hỏa đại có khả năng đảm nhận thành thục muôn vật, cắt đoạn sắc vọng tưởng tức chấp tánh cắt đoạn là địa đại. Bốn đại đã không, năm uẩn không chủ cho nên trước quán sắc ấm từ bốn đại tạo nên, dần chuyển đổi cùng nhân mà sinh. Trong bốn đại đã không chủ tể, ai năng tập hợp để thành sắc ư? Lấy đó mà quán, sắc ấm tức không, bốn ấm kia sao có, khéo học chân. Đế định tâm thứ nhất, chẳng trú một tướng thì không bốn đại có thể sinh. Nên biết tất cả không gì chẳng là

chân giác, thì một giác tất cả giác, bao gồm một tâm không gì chẳng giác vậy. Pháp bên ngoài vốn không danh tướng, chỗ thấy phân chia đều chỉ tâm lượng, vì Bát-nhã soi chiếu năm uẩn đều không, sắc của bọt nước nhóm tụ đã dối, thọ của bọt nước sao có. Tưởng của dương diệm chẳng phải thật, hành của lá chuối chỉ không. Huyễn thức chợt vậy không nương tựa, không đại lắng yên chẳng động, tột cùng căn bản bốn đại tánh tướng còn không, thì cành nhánh của sáu căn ảnh hưởng sao có? Thân kiến đã chẳng lập, vọng thức lại không theo, chỉ một chân tâm thần tánh độc lập, biển cát sông Hằng chứa tàng vô lượng nghĩa môn, bao gồm chỉ quy, lý cùng ở đây, chẳng vượt ngoài một niệm, nhân pháp đều không như trong kinh Địa Trì nói: "Phật bảo: Các phàm phu ở trong pháp thấy nghe hay biết, chấp được thức ấm tham trước niệm có, người đó tham trước pháp thấy nghe hay biết, là chỗ thức ấm buộc, quý chỗ đó biết, vì tâm ý thức hợp buộc nên rong chạy qua lại, chỗ gọi là từ đời nay đến đời sau, từ đời kia đến đời nay, đều chỗ thức ấm buộc vậy, chẳng thể như thật biết thức ấm, thức ấm là hư vọng chẳng thật điên đảo tương ưng, nhân pháp thấy nghe hay biết khởi, trong đây không có thật thức, nếu chẳng năng thật quán như vậy, hoặc khởi thức thiện, hoặc khởi thức bất thiện, hoặc khởi thức thiện và bất thiện, người đó thường tùy thức hành, chẳng biết nơi chỗ thức sinh, chẳng biết tướng thức như thật. Trì thế! Các vị đại Bồ-tát ở trong đây, chánh quán như vậy, biết thức ấm từ hư vọng thức khởi, chỗ gọi là các nhân duyên sinh trong pháp thấy nghe hay biết, không pháp sinh tưởng pháp vậy, tham trước thức ấm". Nên biết thức ấm chẳng vượt ngoài tâm của một niệm pháp không. Do đó trong Vĩnh Gia Tập nói: "Rõ thức năm ấm trong một niệm, nghĩa là rành rẽ phân minh, tức là thức ấm lãnh nạp tại tâm tức là thọ ấm, thể duyên lý đây tức là tưởng ấm, hành dụng lý đây tức là hành ấm, dơ bẩn chân tánh tức là sắc ấm, năm ấm đó khắp thể tức là một niệm, một niệm là khắp thể toàn là năm ấm, rõ ràng thấy trong một niệm đây không có chủ tể, tức tuệ nhân không, thấy hư huyễn hóa, tức tuệ pháp không. Nên trong kinh Tối Thắng Vương nói: "Phật bảo: Thiện thiên nữ! Năm uẩn năng hiện pháp giới, pháp giới tức là năm uẩn."

Hỏi: Xứ lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Trong luận nói: "Thức sinh trưởng nghĩa môn, phải biết chủng tử, nhiếp nghĩa tất cả pháp sai biệt cũng là nghĩa xứ"

Hỏi: Giới lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Giới đó phân nghĩa kiến lập, vì trong ngoài khoảng giữa mỗi mỗi đối đãi lập vậy. Trong luận Tạp Tập nói: "Nghĩa tất cả chủng tử

pháp, nghĩa là nương chủng tử các pháp trong thức A-lại-da gọi tên là giới, giới nghĩa là nhân, lại là nghĩa năng trì tự tướng, lại là nghĩa năng trì tánh nhân quả, lại nghĩa là nhiếp trì tất cả pháp sai biệt.”

Hỏi: Nhân gì năm uẩn nói chỉ có năm?

Đáp: Trong luận Tạp Tập nói: “Vì hiển bày năm thứ ngã sự vậy: Một thân đủ ngã sự, đó là chỗ sắc uẩn trong ngoài nhiếp; hai thọ dụng ngã sự, tức là thọ uẩn; ba nói bày ngã sự tức tưởng uẩn; bốn tạo tất cả pháp và chẳng phải pháp ngã sự, tức hành uẩn; năm chỗ kia nương tựa nơi ngã tự thể sự, tức thức uẩn, là nghĩa chỗ thân cụ v.v... nương tựa ngã tướng sự hữu tình ở thế gian phần nhiều đối với thức uẩn chấp cho là ngã, còn đối với các thức khác chấp cho là ngã sở”.

Hỏi: Sắc uẩn tướng thế nào?

Đáp: Tướng biến hiện là sắc tướng, có ba thứ: Xúc đối biến hoại, nghĩa là từ tay chân cho đến muỗi rắn chỗ lúc xúc đối tức bèn biến hoại, phương sở hiện bày, nghĩa là do phương sở chỗ tướng có thể hiện bày.

Hỏi: Thọ uẩn tướng thế nào?

Đáp: Tướng lãnh nạp là thọ tướng, do thọ đây nên lãnh nạp các thứ tịnh và bất tịnh chỗ nghiệp được dị thục. Nếu thanh tịnh nghiệp thọ dị thục lạc, chẳng thanh tịnh nghiệp thọ dị thục khổ, tịnh và bất tịnh, nghiệp thọ dị thục chẳng khổ và chẳng lạc, tại sao như vậy? Do tịnh và chẳng tịnh, nghiệp cảm được dị thục, thức A-lại-da luôn cùng xả thọ tương ưng, chỉ xả thọ đây là thật di thục thể, hai thọ khổ lạc từ dị thục sinh, nên giả gọi tên là dị thục.

Hỏi: Tưởng uẩn tướng thế nào?

Đáp: Tướng cấu dựng xong là tưởng tướng, do tưởng đây nên cấu tạo họa vẽ các thứ tượng loại các pháp, tùy chỗ nghĩa của thấy nghe hay biết, khởi các nói bày là nghĩa thuyên biện.

Hỏi: Hành uẩn tướng thế nào?

Đáp: Tướng tạo tác là hành tướng, do hành đây mà tâm niệm tạo tác, nghĩa là ở trong các phẩm thiện ác và vô ký khiến sai sử tâm vậy.

Hỏi: Thức uẩn tướng thế nào?

Đáp: Tướng liễu biệt là thức tướng, do thức đây nên liễu biệt sắc thanh hương vị xúc pháp v.v... các thứ cảnh giới.

Hỏi: Bởi nhân gì mà xứ chỉ có mười hai?

Đáp: Trong luận Tạp Tập nói: “Chỉ do thân và cụ năng cùng sáu hành ở tương lai thọ dụng, là môn sinh trưởng vậy, nghĩa là như tướng sáu hành thọ dụng ở quá khứ và hiện tại là chỗ nhân v.v... duy trì, tướng sáu hành thọ dụng ở tương lai lấy căn và nghĩa làm môn sinh trưởng

cũng vậy, chỉ nương căn và cảnh lập mười hai xứ, chẳng nương sáu thứ thọ dụng thức tướng.

Hỏi: Xứ lấy gì làm tướng?

Đáp: Cùng như giới nên biết, tùy chỗ ứng đó, nghĩa là nhãn đang thấy sắc và chủng tử đó v.v... tùy nghĩa nên nói.

Hỏi: Nhân gì mà giới chỉ có mười tám?

Đáp: Trong luận Tạp Tập nói: "Do thân cụ v.v... năng trì tánh sáu hành thọ dụng ở quá khứ và hiện tại vậy. Thân và nhãn v.v... sáu căn cụ và sắc v.v... sáu cảnh, sáu hành thọ dụng ở quá khứ và hiện tại là, sáu thức năng duy trì, nghĩa là sáu căn sáu cảnh năng duy trì chỗ nương tựa chỗ duyên của sáu thức vậy. Sáu thức ở quá khứ và hiện tại năng duy trì thọ dụng là chẳng bỏ tự tướng vậy, phải biết mười tám dùng nghĩa năng trì nên gọi là giới.

Hỏi: Nhãn giới tướng thế nào?

Đáp: Nghĩa là nhãn từng hiện thấy sắc và chủng tử đây tích tập dị thục, thức A-lại-da là tướng nhãn giới, nhãn từng thấy sắc đó là nghĩa năng trì thức thọ dụng ở quá khứ để hiển bày giới tánh. Sắc hiện thấy. Đó là nghĩa năng trì thức thọ dụng ở hiện tại để hiển bày giới tánh, và chủng tử đây tích tập dị thục, thức A-lại-da đó là chủng tử nhãn hoặc chỉ tích tập là dẫn nhãn căn ở tương lai vậy, hoặc đã thành thục là sinh nhãn căn ở hiện tai vậy. Hai thứ tên nhãn giới đây là nhãn sinh nhân vậy, như tướng nhãn giới, tướng nhĩ tỷ thiệt thân ý giới cũng vậy.

Hỏi: Sắc giới tướng thế nào?

Đáp: Các sắc, nhãn từng hiện thấy và nhãn giới ở đây tăng thượng, là tướng sắc giới. Nhãn giới ở đây tăng thượng, nghĩa là nương lực sắc căn tăng thượng, cảnh bên ngoài sinh vậy như tướng sắc giới, tướng thanh hương vị xúc pháp cũng vậy.

Hỏi: Nhãn thức giới tướng thế nào?

Đáp: Nghĩa là nương nhãn duyên sắc tợ sắc liễu biệt, và chủng tử đây tích tập dị thục, thức A-lại-da là tướng nhãn thức giới, như nhãn thức giới, tướng nhĩ tỷ thiệt thân ý thức giới cũng vậy. Cho nên chân đế chẳng có, thế đế chẳng phải không, mê đó thì một hai tình sinh, ngộ đó thì tánh tướng vô ngại. Nên các bậc tiên đức nói: "Chân tục hết sạch, hai đế hằng còn, có không đều mất, một vị thường hiện". Như trong luận Du-già nói: "Tư chánh pháp là cho đến thế nào để xứng lượng hành tướng, đạo lý y chánh, tư duy các uẩn tương ưng ngôn giáo? Nghĩa là nương bốn đạo lý chứng thành mà quán sát. Những gì là bốn? Một, đạo lý quán đối đãi; hai, đạo lý tác dụng; ba, đạo lý chứng thành; bốn

đạo lý pháp nhĩ. Thế nào gọi là đạo lý quán đãi? Nghĩa là lược nói có hai thứ quán đối đãi: Một, sinh khởi quán đối đãi; hai định nghĩa quán đối đãi, sinh khởi quán đối đãi là do lực các nhân các duyên sinh khởi các uẩn, uẩn đây sinh khởi còn phải quán đãi các nhân các duyên, định nghĩa quán đãi là do danh thân cú thân văn thân định nghĩa các uẩn, uẩn đây định nghĩa cần phải quán đãi danh cú văn thân. Đó gọi là nơi uẩn sinh khởi quán đãi và thi thiết quán đãi, tức sinh khởi quán đãi và định nghĩa quán đãi đây sinh khởi định nghĩa các uẩn, gọi tên là đạo lý Du-già phương tiện, cho nên nói là quán đãi đạo lý. Thế nào gọi là đạo lý tác dụng? Nghĩa là các uẩn sinh rồi do tự duyên vậy, có tự tác dụng mỗi mỗi sai biệt, nghĩa là nhãn năng thấy sắc, nhĩ năng nghe âm thanh, tỷ năng ngửi mùi hương, thiệt năng nếm mùi vị, thân năng biết xúc, ý năng rõ pháp, Sắc là cảnh của nhãn là chỗ nhãn hành, cho đến pháp và cảnh của ý là chỗ ý hành, hoặc là các chỗ khác đẳng loại như vậy, ở kia pháp kia riêng tác dụng riêng, phải biết cũng vậy, tức các pháp đây mỗi tác dụng riêng biệt chỗ có đạo lý. Du-già phương tiện đều gọi tên là tác dụng đạo lý. Thế nào gọi là chứng thành đạo lý? Nghĩa là tất cả uẩn đều là không thường, chỗ các duyên sinh khổ không không ngã, do ba lượng nên như thật quán sát, đó là do chí giáo lượng, do hiện lượng, do tỷ lượng vậy, do ba lượng đây chứng nghiệm đạo lý, các người có trí tâm chánh chấp thọ an đặt thành lập, nghĩa là tất cả uẩn đều tánh không thường, tánh các duyên sinh, tánh khổ tánh không và tánh không ngã, các thứ như vậy gọi là chứng thành đạo lý. Thế nào gọi là pháp nhĩ đạo lý? Nghĩa là nhân duyên gì vậy, tức các uẩn kia chủng loại như vậy, các khí thế gian an bài như vậy, nhân duyên gì vậy, địa bền chắc là tướng, thủy ẩm ướt là tướng, hỏa ấm nóng là tướng, phong dụng khinh động lấy làm tướng đó, nhân duyên gì vậy? Các uẩn không thường các pháp không ngã, Niết-bàn vắng lặng, nhân duyên gì vậy? Sắc tướng biến hoại, thọ tướng lãnh nạp, tưởng tướng đều xong, hành tướng tạo tác, thức tướng liễu biệt, do các pháp kia bản tánh ứng vậy, tự tánh ứng vậy, pháp tánh ứng vậy, tức pháp nhĩ đây gọi tên là đạo lý. Du-già phương tiện, hoặc tức như vậy, hoặc khác như vậy, hoặc chẳng phải như vậy, tất cả đều lấy pháp nhĩ làm nương tựa, tất cả đều quy pháp nhĩ đạo lý, khiến tâm an trú, khiến tâm hiểu rõ, như vậy gọi là pháp nhĩ đạo lý, như vậy gọi là nương bốn đạo lý quán sát các uẩn tương ưng ngôn giáo. Nên biết pháp tánh tự vậy tất cả như vậy, chưa có một pháp mà làm chướng ngại. Rõ đó không lỗi, chấp đó họa sinh, chỉ nương quán đãi tác dụng chứng thành pháp nhĩ, bốn thứ đạo lý quán sát thì hai đế đều thông một

tâm vô ngại.

Hỏi: Muôn pháp duy thức, chánh lượng có thể biết. Lại nói: Cảnh diệt thức mất, tâm cảnh đều trừ, nay quán ấm nhập giới v.v... như trước chia chẻ tánh tướng rõ ràng. Thế nào là đồng cảnh một lúc đều quét rủ?

Đáp: Ở trên nói về thế đế phân biệt, tợ có chẳng phải chân chỉ lập tên không, trọn không thật thể, do đó trong kinh Lăng-nghiêm nói: "Vi tế tìm kiểm ấm nhập giới xứ, mỗi mỗi đều không, chẳng phải nhân chẳng phải duyên, chẳng phải tánh tự nhiên". Chẳng phải nhân tức là chẳng tự tánh, chẳng phải duyên tức là chẳng tha tánh, đã không hai pháp tự tha, không pháp hòa hợp tức là chẳng cộng sinh, chẳng phải tánh tự nhiên tức là chẳng phải không nhân sinh. Bốn câu sinh, ấm từ đâu có? Lại phải quán một niệm tâm đây chẳng từ căn trần lìa hợp mà sinh, nếu nói hợp sinh là, thí như gương mỗi có ảnh tượng vậy, hợp sinh nên có hai ảnh tượng. Nếu mỗi mỗi không ảnh tượng, hợp chẳng nên sinh, nếu mặt gương hợp làm một mà sinh ảnh tượng là, nay thật chẳng hợp, hợp thì không ảnh tượng, nếu mặt gương lìa nên sinh ảnh tượng là, mỗi mỗi tại phương thì nên có ảnh tượng, nay thật chẳng như vậy. Căn trần lìa hợp cũng lại như vậy. Phải biết tức niệm không niệm, tự tha khởi xứ đều không, tức sinh không sinh, lìa hợp suy tìm đó không thể. Trong văn Phá Năm Ấm nói: "Phật bảo: "A-nan! Thí như có người lấy bình tần-già, hứng hư không đầy ở trong và bít hai lỗ đó, đi xa cách ngàn dặm, dùng tặng nước khác. Thức ấm phải biết cũng lại như vậy. A-nan! Thí như hư không chẳng phải phương kia đến chẳng phải phương đây vào. Như vậy A-nan! Nếu phương kia đến thì vốn trong bình đã chứa hư không đi, ở nơi gốc bình nên thiếu hư không, nếu từ phương đây vào, thì mở lỗ nghiêng bình nên thấy hư không ra, cho nên phải biết, thức ấm hư vọng vốn chẳng phải nhân duyên chẳng phải tánh tự nhiên". Giải thích: Đây là phá thức ấm vậy, bình dụ cho thân, hư không dụ cho thức. Nếu chấp có thức tùy theo thân qua lại là Thức ấm xứ này diệt lúc qua xứ khác sinh, như đem hư không phương này xa tặng nước khác. Nếu thức đây thật diệt, như ở nơi bình rày nên thiếu hư không, nếu ấm kia lại sinh, như mở lỗ nghiêng bình nên thấy hư không ra. Nên biết hư không chẳng động, thức không đi lại, một ấm đã dối bốn ấm kia đều vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: "Nếu lúc người xả mạng như tâm ý thức tức sinh thiện đạo, mà là tâm pháp thật không đến đi, cũng không chỗ đến, ngay trước sau đó tương trợ tương tục tướng mạo chẳng khác". Nói như vậy tức là giáo bí mật của Đức Như Lai. Lại Đức Phật bảo A-xà-thế rằng: "Như

lời ông nói tiên vương không tội mà ông gây thêm tội nghịch, thế nào là cha? Chỉ ở giả danh chúng sinh năm ấm, vọng sinh tưởng cha, ở trong mười hai nhập mười tám giới, thế nào là cha? Nếu sắc là cha, bốn ấm nên chẳng phải, nếu bốn ấm là cha, sắc cũng nên chẳng phải. Nếu sắc và chẳng phải sắc hợp là cha, thì điều ấy không thể có. Tại sao? Sắc và chẳng phải sắc tánh không hợp vậy. Đại vương! Chúng sinh phàm phu đối với sắc ấm đó vọng sinh tưởng cha, sắc ấm như vậy cũng chẳng thể hại". Cho đến, vua A-xà- thế bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con mới biết sắc là không thường, cho đến thức là không thường. Nếu con vốn năng biết được như vậy thì chẳng làm tội". Trong kinh Trì Thế nói: "Phật bảo: Các Bồ-tát lúc quán như thật, biết thức ấm hư vọng chẳng thật, từ xưa đến nay thường chẳng sinh tướng, biết chẳng phải ấm là ảnh tượng thức ấm, ấm là thức ấm huyễn, ấm là thức ấm thí như chỗ huyễn hóa nhân, thức chẳng tại trong, cũng chẳng tại ngoài, chẳng tại khoảng giữa. Thức tánh cũng như vậy, như huyễn tánh hư vọng duyên sinh, từ nghĩ tưởng phân biệt khởi, không có thật sự, như cơ quan người gỗ, thức cũng như vậy, từ điên đảo khởi, hư vọng nhân duyên hòa hợp mà có, huyễn nhân đâu có tâm thức, tượng gỗ ai gọi là hay biết, tỷ vọng thức mà so sánh đồng, từ huyễn duyên mà tợ có. Trong luận Đại Trí Độ nói: "Lúc mặt trời mới ló dạng, thấy cửa thành lầu lỗ cung điện, người đi ra vào, mặt nhật dần cao dần diệt chỉ có thể mắt thấy mà không có thật, đó gọi là thành Càn-thác-bà, có người mới đầu chẳng thấy thành Càn-thác-bà, lúc sáng sớm trông về hướng đông thấy đó, trong ý cho là lạc thật, nhanh chóng đi về hướng đó, càng gần càng mất, mặt nhật lên cao dần diệt, đói khát muôn cực, thấy hơi khí nóng như ngựa đồng hoang, cho đó là nước, vội chạy nhanh đến, càng gần càng diệt, rất cực nhọc khốn khổ đến cùng trong gốc hẹp ở núi, khóc lớn kêu gào, nghe có tiếng vang ứng lại, cho là có người ở, tìm kiếm đó rất nhọc mà không chỗ thấy, tư duy tự tỉnh ngộ, tâm khác nguyện dứt, người không trí cũng lại như vậy, trong không ấm giới nhập thấy ngã của mình và các pháp, tâm dâm đắm trước, chạy cuồng bốn phương, tìm cầu lạc để tự mãn, điên đảo khinh dối cùng cực áo não. Nếu dùng trí tuệ biết không ngã không thật pháp, lúc đó nguyện điên đảo dứt, nên biết sắc ấm như trong mắt mệt nhọc chợt hiện tướng của hoa đốm hư không. Thọ ấm như tay sờ xúc vọng sinh duyên lạnh nóng, tưởng ấm như người nói mơ chua trong miệng tự nhiên chảy nước, hành ấm như gợn sóng trên nước, quán đó tợ có chảy vội. Thức ấm như bình chứa hư không gìn giữ đó dùng tặng nước khác. Đó thì chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng tức chẳng lìa, hòa hợp đã chẳng

thành, tự nhiên cũng chẳng phải có, nếu đây so sánh là thật thì năm ấm chẳng hư, đã đều là thế tướng mà chẳng phải thật. Xét biết ấm nhập mà không thể, chỉ là pháp giới tánh không, Như Lai Tạng tâm, không thủy không chung bình đẳng hiển hiện, do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Cho nên Như Lai cùng ông phát minh năm ấm vốn nhân đồng là vọng tưởng, thể ông trước kia nhân tưởng cha mẹ sinh, tâm ông chẳng phải tưởng thì chẳng thể đến trong tưởng truyền mạng, như ta trước kia nói, tâm tưởng vị chua trong miệng sinh nước bọt, tâm tưởng lên cao, chân tâm khởi chua, vực cao chẳng có, vật chua chưa đến, thể ông hẳn chẳng phải hư vọng thông thường, nước miệng cớ sao nhân nói chua ra? Cho nên phải biết hiện tại sắc thân ông gọi là bền chắc vọng tưởng thứ nhất, tức chỗ đây nói tâm tưởng lên cao năng khiến hình ông thật thọ chua rít, do nhân thọ sinh năng động sắc thể, nay hiện tại ông hai hiện thuận ích và trái tổn xua đuổi, gọi là hư minh vọng tưởng thứ hai, do nghĩ nghợi nơi ông sai xử sắc thân ông, thân chẳng phải niệm thường thân ông nhân gì tùy chỗ niệm sai xử khiến các thứ thủ ảnh tượng, tâm sinh hình thủ cùng niệm tương ưng, tỉnh thức tức tưởng tâm ngủ là các mộng, thì ông tưởng niệm lay động vọng tình, gọi là dung thông vọng tưởng thứ ba, hóa lý chẳng trú động vận kín dời, móng dài tóc sinh, khí tiêu dung mạo nhăn, ngày đêm thay nhau không có giác ngộ. A-nan! Đây nếu chẳng phải ông cớ sao thể biến đổi, nếu hẳn là thật ông sao không biết? Thì ông các hành niệm niệm chẳng dừng, gọi là uẩn vọng tưởng thứ tư. Lại tinh ông sáng lắng nơi chẳng máy động gọi là hằng thường, nơi thân chẳng ra thấy nghe hay biết, nếu thật tinh chân chẳng dung tập vọng, nhân gì các ông từng ở năm xưa thấy một vật lạ, trải qua nhiều năm, nhớ quên đều không, sau đó chợt nhiên lại thấy khác trước, ghi nhớ rõ ràng chẳng từng sót mất, thì tinh đây trọn lắng chẳng lay ở trong, niệm niệm thọ huân có gì tính toán. A-nan phải biết lắng đây chẳng phải chân, như nước chảy gấp trông như điềm tỉnh, chảy gấp chẳng thấy chẳng phải là không chảy, nếu chẳng phải vốn tưởng, sao thọ tưởng tập, chẳng phải sáu căn ông sửu dụng qua lại hợp mở. Vọng tưởng đây không lúc được diệt, nên ông hiện tạo trông thấy nghe hay biết suốt tập bao nhiêu thì lắng rõ bên trong không ảnh tượng hư vô, điên đảo thứ năm vi tế tinh tưởng, A-nan! Là năm thọ ấm năm vọng tưởng thành, nay ông muốn biết nhân giới cạn sâu chỉ sắc và không là sắc biên tế, chỉ xúc và lìa là thọ biên tế, chỉ nhớ và quên là tưởng biên tế, chỉ diệt và sinh là hành biên tế, lắng vào hợp lắng quy về thức biên tế, năm ấm đây vốn trùng điệp duyên khởi, sinh nhân thức có,

diệt trừ sắc trừ, lý thì ngộ, nhân ngộ đều tiêu, sự chẳng phải chóng trừ chẳng phải lần lượt hết. Do đó nếu thấy năm ấm có tức thế gian chúng sinh, nếu rõ năm ấm không tức thế gian chân đế. Nếu đạt thật tướng năm ấm, tức trong đạo đệ nhất nghĩa chánh trí thế gian. A-nan! Năm ấm đây ngoài thời gian ba đời lại không một pháp năng hiến năng lập là tục là chân, giáo pháp một đời Thế Tôn giảng nói, trừ đây ra riêng không phương tiện, ngộ đây thành Phật, mê đây là phàm, chỉ là một tâm mở hợp không khác. Tại sao? Vì một ấm gọi là sắc, bốn ấm gọi là tâm, từ chỗ tâm sinh nên gọi là sắc, tâm là chỗ nương tựa, sắc là năng nương tựa, gồm năng về sở chỉ là một tâm, gốc ngọn vốn đồng, thể dụng thường hợp" đại chỉ Tông kính đến đây tuyệt lời. Lại trong văn Phá Sáu Nhập nói: "Phật bảo: "A-nan! Thí như có người nhọc mệt thì ngủ, ngủ say bèn tỉnh, xem trần nay nhớ, mất nhớ là quên, đó là điên đảo sinh trú dị diệt, hít tập về trong chẳng vượt quá nhau, xứng ý biết căn, gồm ý và nhọc đồng là Bồ-đề lặng phát tưởng nhọc, nhân ở hai thứ vọng trần sinh diệt, tập biết ở trong, hít tóm trần bên trong, thấy nghe chảy ngược, chảy chẳng kịp đất, gọi là tánh thấy biết, tánh thấy biết đây lìa hai trần ngủ thức sinh diệt, rốt sáo không thể, như vậy A-nan! Phải biết căn của thấy biết như vậy chẳng phải ngủ thức đến, chẳng phải sinh diệt có, chẳng ở căn ra cũng chẳng phải không sinh, tại sao? Nếu từ thức lại thì ngủ tức theo diệt, lấy gì làm ngủ? Hẳn lúc sinh có diệt tức đồng không, nay ai thọ diệt? Nếu từ diệt có, sinh tức diệt không, ai biết là sinh? Nếu từ căn ra, ngủ thức hai tướng tùy thân mở hợp, lìa hai thể đây, đồng như hoa đốm hư không, rốt ráo không tánh, nếu từ không sinh, tự là không biết đâu liên quan của ông. Cho nên phải biết ý nhập hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên". Giải thích: Đây là phá về ý nhập. Trong Sớ Giải nói: Xem trần nay nhớ là, nhớ tức là sinh, mất nhớ là quên là, quên tức là diệt, mất nhớ chẳng lìa tự tâm, vọng cho là cảnh, nên nói đó là điên đảo sinh trú dị diệt. quy tập về trong chẳng vượt quá nhau là, hít tập sinh trú dị diệt quy về trong tâm thức, nên nói quy về trong. Niệm trước diệt niệm sau sinh không tạp loạn mất, nên nói chẳng vượt quá nhau. Nên trong kinh nói tâm tánh sinh diệt giống như khỉ vượn, phải biết thấy cảnh sinh diệt, tức là tướng tự tâm sinh diệt vậy, nên nói tâm sinh các thứ pháp sinh, hít tóm trần bên trong, thấy nghe chảy ngược, chảy chẳng kịp đất gọi là tánh thấy biết, nghĩa là nhãn nhĩ thủ trần cảnh bên ngoài từng sát-na chảy vào đất ý, từ ngoài vào trong gọi là chảy ngược. Nhãn nhĩ chỉ duyên hiện cảnh, đến niệm thứ hai duyên chẳng kịp vậy, nên nói là chảy chẳng kịp đất, chỉ ý căn

riêng thủ, gọi là tánh thấy biết, tánh thấy biết đây nhân trần trước khởi, rốt ráo không thể. Vì vọng biết cưỡng thấy thành chúng sinh bên trong, nhân diệt tưởng ngưng không là cõi nước bên ngoài. Trong kinh nói tưởng lắng thành cõi nước, thấy biết là chúng sinh, mê lắng lặng nhất tâm làm sáu nhập bên trong, lại không thể riêng biệt, chỉ là chân không, ý nhập đã dối, nhãn v.v... năm nhập trước cũng vậy. Trong văn phá Mười Hai Xứ nói: "Phật bảo: "A-nan! Ông thường trong ý chỗ duyên ba tánh thiện ác và vô ký sinh thành pháp, thì pháp đây lại tức là chỗ tâm sinh, là sẽ lìa tâm riêng có phương sở. A-nan! Nếu tức tâm là, pháp chẳng phải trần, chẳng phải chỗ tâm duyên, làm sao thành xứ? Nếu lìa nói tâm riêng có phương sở thì tự tánh pháp, là biết và chẳng phải biết, biết thì gọi là tâm, khác ông chẳng phải trần, đồng tâm lượng người khác, tức ông tức tâm, thế nào là tâm ông? Lại hai nơi ông, nếu chẳng phải biết là, trần đây đã chẳng phải sắc thanh hương vị lìa hợp lạnh nóng và tướng hư không, phải biết tại đâu, nay ở sắc và không đều không phô bày, không nên nhân gian lại có ngoài không, tâm chẳng phải chỗ duyên xứ từ ai lập? Cho nên phải biết pháp thì cùng tâm đều không xứ sở, thì ý cùng pháp hai đều hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên chẳng phải tánh tự nhiên". Giải thích: Đây là phá về ý xứ và pháp xứ vậy, phàm phân năng nêu sở dựng vẽ thành trì, lập cảnh lập tâm đều là ý pháp. Trước phá gốc hoặc phân biệt đó thì năm căn mười xứ trước tự nghiêng đổ, pháp xứ là sở duyên, ý xứ là năng duyên, chỉ như pháp xứ là lại tức tâm và chẳng tức tâm. Nếu tức tâm là pháp thì toàn tâm, tâm chẳng thấy tâm, làm sao thành? Xứ nếu lìa nơi tâm mà riêng có, phương sở thì tự tánh của pháp, là có biết và không biết, nếu có biết thì gọi là tâm, chẳng thành nơi pháp, nếu không biết thì chẳng thuộc tự tâm, đồng tâm lượng người khác, vì biết hai xứ đều không tự thể, thì các pháp ba tánh thiện ác và vô ký v.v... bốn thứ ý căn v.v... tâm đều không một tánh, không có khác của năng duyên sở duyên, tâm cảnh đều không, nên trong luận nói: Phàm chỗ phân biệt đều phân biệt tự tâm, tâm chẳng thấy tâm, hoặc tướng có thể được, thì lý không tướng hiện có làm tình mất nhân duyên tự nhiên danh nghĩa đều tuyệt, vì mười hai xứ sắc tâm cũng lại như vậy. Trong văn Phá Mười Tám Giới nói: "Phật bảo: A-nan! Chỗ ông nơi ý pháp là duyên sinh ở ý thức, ý đây lại nhân chỗ ý sinh lấy ý làm giới, nhân chỗ pháp sinh lấy pháp làm giới. A-nan! Nếu nhân ý sinh ở trong ý ông hẳn có chỗ tư duy phát minh ý ông, nếu không pháp trước ý không chỗ sinh, lìa duyên không hình, thức lấy dụng gì? Lại thức tâm ông cùng các tư lương, gồm tánh liễu biệt là

đồng hay là khác? Đồng ý tức ý làm sao ý sinh, nếu có chỗ thức làm sao thức (biết) ý? Chỉ đồng và khác hai tánh không thành, giới làm sao lập? Nếu nhân pháp sinh, các pháp thế gian chẳng lìa năm trần, ông quán sắc pháp và các thanh pháp hương pháp vị pháp cùng với xúc pháp, tướng trạng phân minh dùng đối năm căn, chẳng phải chỗ ý gồm. Thức ông quyết định nương nơi pháp sinh, nay ông quán kỹ các pháp tướng trạng gì, nếu lìa sắc không động tĩnh không bít hợp lìa sinh diệt, vượt các tướng đây, trọn không chỗ được, sinh thì sắc và không, các pháp đồng sinh, diệt thì sắc và không, các pháp đồng diệt, sở nhân đã không, nhân sinh có thức làm hình tướng gì? Tướng trạng chẳng có, giới làm sao sinh? Cho nên phải biết ý pháp là duyên sinh, ba xứ ý thức giới đều không, thì ý và pháp cùng ý giới cả ba vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên". Giải thích: Đây là phá về ý thức giới vậy. Như trong mười tám giới đều nhân ý thức kiến lập, căn bản lập xứ còn không, chỗ sinh cành nhánh sao có? Đã không xứ sở có thể được, lại không giới phần có thể cậy, sự lý dối trá tình nguy thế kém, cội gốc của ác kiến nhổ hết, hang ổ của vọng thức đều lật, riêng sáng chân tâm tròn khắp pháp giới. An Quốc nói: Sắc v.v... năm trần, giới là cảnh hạn lượng, năm thức thân chứng đều không tướng trần, trong Như Lai Tạng chóng hiện thân khí tướng không trần, hai thức thứ sáu thứ bảy vọng tưởng cho là có ngã pháp, chỗ tưởng hiện tướng là phân biệt biến, tướng phân biệt biến chỉ có thể là cảnh mà không thật dụng, như mặt nhật phát sáng mang vi trần mà cùng hồng, chẳng phải là thật hồng vậy. Như nước lắng trong ngậm mây nhẹ mà cùng xanh, chẳng phải thật chẳng phải xanh vậy. Nếu rõ tạng tánh thì biết trần cảnh là vọng, nên biết các pháp chỉ từ phân biệt mà sinh. Phân biệt đã không, danh tướng sao có? Phàm nhân không dễ rõ, pháp ngã khó trừ, chẳng thấu đạt pháp đuổi theo duyên sinh chấp có tự thể, như trong luận Nhiếp Đại thừa nói: "Nếu chấp pháp thể là có, gọi là pháp ngã chấp. Như hạng người Nhị thừa nương thô phân biệt sự thức tu hành chỉ rõ trong pháp không ngã, chẳng biết pháp thể toàn không nghe các pháp không, sinh rất khiếp sợ". Vậy biết pháp không là gốc, nhân không là ngọn, ban đêm thấy dây chưa hiểu, tưởng rắn sao trừ, mắt lòa đang còn, hoa đốm hư không đâu diệt? Trong văn Phá Tánh Bảy Đại nói: "Phật bảo: A-nan! Thức tánh không nguồn, nhân nơi sáu thứ căn trần vọng ra, nay ông quán khắp thánh chúng hội đây, dùng mắt trải khắp mắt đó thấy cùng, chỉ như trong gương, không riêng chia chẻ. Thức ông ở trong đó lần lượt nêu chỉ, đây là Văn thù, đây là Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây

là Tu-bồ-đề, đây là Xá-lợi-phất, thức đây rõ biết là sinh ở thấy hay sinh ở tướng hay sinh ở hư không hay không chỗ nhân đột nhiên mà ra? A-nan! Nếu thức tánh ông sinh ở trong thấy, như không sáng và tối cùng với sắc và không, bốn thứ hẳn không vốn không ông thấy, tánh thấy còn không, từ đâu phát thức? Nếu thức tánh ông sinh ở trong tướng, chẳng từ thấy sinh, Đã chẳng thấy sáng cũng chẳng thấy tối, sáng tối chẳng trông nhìn, tức không sắc và không, tướng kia còn không, thức chỗ nào phát? Nếu sinh ở hư không, chẳng phải tướng chẳng phải thấy, chẳng phải thấy không biện rõ, tự chẳng thể biết tối sáng sắc không, chẳng phải tướng diệt duyên, thấy nghe hay biết không xứ an lập, xứ đây hai chẳng phải, không thì đồng không, có chẳng phải đồng vật giả sử phát thức ông muốn sao phân biệt? Nếu không sở nhân đột nhiên mà ra, sao chẳng giữa ban ngày riêng biết (thức) trăng sáng? Ông lại tinh tường vi tế xét rõ, thất gá trong mắt ông, tướng suy tìm cảnh trước, có thể hình trạng thành có, chẳng tướng thành không. Thức duyên như vậy, nhân chỗ nào ra? Thức động thấy lắng chẳng phải hòa chẳng phải hợp. Lắng nghe hay biết cũng lại như vậy, chẳng nên thức duyên không theo tự ra. Nếu thức tâm đây vốn không chỗ theo, phải biết liễu biệt thấy nghe hay biết, viên mãn trong lắng tánh chẳng phải chỗ theo, gồm địa thủy hỏa phong kia đều gọi là bảy đại, tánh chân viên dung đều Như Lai Tạng vốn không sinh diệt. A-nan! Tâm ông thô phù chẳng ngộ thấy nghe phát minh, rõ biết vốn Như Lai Tạng, ông nên quán sáu xứ thức tâm đây, là đồng hay khác, là không hay có, là chẳng phải đồng hay khác, là chẳng phải không hay có, ông vốn chẳng biết trong Như Lai Tạng tánh thức rõ thấy biết rõ chân thức. Diệu giác lặng yên khắp cùng pháp giới, ngậm nhả mười hư, sao có phương sở, từ nghiệp phát hiện, thế gian không biết hoặc là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là thức tâm phân biệt tính lường, chỉ có nói bày, đều không thật nghĩa". Giải thích: Đây là phá về tánh thức đại, chắc rõ yếu chỉ của Phật vốn khế hợp không sinh, chỉ vì hữu tình chỉ mê vọng thức, vì tánh mờ tối quấy rối khởi biến kế nơi nguồn giác, đuổi theo duyên tạp nhiễm, chìm (tánh) viên thành nơi biển thức, ngủ ở nhà mộng ba cõi, một giác mà kiếp số như bụi trần chẳng tỉnh, tạo huyễn thân bốn đại, sinh diệt mà như cát sông Hằng chẳng thể tính, nay suy tìm thức đây, quyết định không thể, từ chỗ duyên khởi, đều thuận không sinh. Bốn câu kiểm đó tự bao gồm diệu ký. Thức đây rõ biết là sinh ở thấy là, như không tối và sáng, sắc và không, vốn không tánh thấy, tánh thấy còn không, từ đâu phát thức? Đây là phá tự sinh vậy. Nếu sinh ở tướng, chẳng từ thấy sinh, thì chẳng thấy tối và sáng,

sáng và tối chẳng trông nhìn tức không sắc và không. Tướng kia còn không, thức chỗ nào phát? Đây là phá tha sinh vậy. Đã chẳng được tánh của tự thấy, lại chẳng được quán của tha tướng, tự tha đã hư tức không hòa hợp, do đó suy tìm rằng thấy gá trong mắt ông, tướng tìm cảnh trước, có thể hình trạng thành có, chẳng tướng thành không, Thức duyên như vậy nhân chỗ nào ra, thức động thấy lắng, chẳng phải hòa chẳng phải hợp. Lắng nghe hay biết cũng lại như vậy, vì tướng động tĩnh trái sự chẳng phải hòa hợp. Đây là phá cộng sinh vậy, nếu sinh từ hư không là không sở nhân đột nhiên mà ra là, nếu sinh ở hư không, chẳng phải tướng chẳng phải thấy, giả sử phát thức ông muốn sao phân biệt. Nếu không sở nhân đột nhiên mà ra, sao chẳng giữa ban ngày riêng biết trăng sáng? Ban ngày thuộc triệu dương, ánh trăng gần âm phách, thời gian bóng khắc xưa nay chẳng dời đổi, mỗi mỗi có sở nhân, không nhân chẳng phải có. Đây là phá không nhân sinh vậy, bốn câu vừa mới không. Trăm quấy đều hết sạch, thì chỗ vọng kế chấp nhân trong duyên ngoài tâm hòa cảnh hợp không nhân tự nhiên v.v... Vọng tưởng tình trần đều không thật nghĩa, ảnh vết hoa cuồng đều dối, chẳng chân nào đối đãi, danh ngôn của hý luận chóng dứt, ý giải toàn tiêu, tánh của hư không đã dụng. Thể của sáu đại sao có? Vì địa đại không tánh, chỗ bốn luân thành. Thủy đại không tánh, ngưng chảy chẳng định, hỏa đại không tánh cậy ở các duyên, phong đại không tánh gá vật ảnh động, không đại không tánh, đối sắc được tên, tánh thấy không hòa hợp mà có, thức tânh không thể như huyễn tức dối. Vả lại như hỏa đại không tánh là, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Tánh hỏa chân không”. Xưa trước giải thích: Tánh của bản giác, tánh hỏa là bản giác hỏa đều là tâm chúng sinh biến. Như thức tâm thứ sáu nóng nhiệt, khắp chân tức hẹp. Nếu trong thức thứ tám biến khởi tức khắp đồng pháp giới, ngộ tánh pháp giới, hỏa đều là chỗ trong tâm biến, như Pháp sư Sùng Tuệ ở Đông Kinh, năm Đại Lịch thứ tư (769) thời tiền Đường, tại kinh đô cùng đạo sĩ đấu nhau, có khả năng vào lửa chẳng bị thiêu đốt, là lực của sự cầu Quán Âm, huống gì tự chứng, sau khi chứng rồi vào địa ngục đều chẳng bị lửa thiêu đốt, nay lửa thế gian tùy xứ phát hiện, ứng với nghiệp lực của chúng sinh ít nhiều tùy ý, như rồng đấu nhau cũng nổi lửa thiêu đốt rừng chầm, cho đến sấm chớp trong mây nổi lửa, như người dục tâm hừng hực lửa thiêu đốt cả miếu trời, đều từ tâm lửa nổi, do tâm lay động nên có lửa nổi, chỉ tâm chẳng động tức chẳng bị thiêu đốt. Thí như người lúc sợ, phi nhân được tiện lợi đó. Như Lai được tánh hỏa, lửa ba cõi thiêu đốt chẳng được. Như Lai tự khởi lửa trí thiêu đốt xá- lợi được,

lửa đó mạnh mẽ, các đại đệ tử đem nước đến cứu chẳng được, cho đến Long vương cứu cũng chẳng được, chỉ trời Đế-thích nói: Ta vốn có nguyện lực mới cứu được, tuy có tánh lửa mà chẳng tự thiêu đốt, như dao năng cắt mà chẳng tự cắt, như mắt năng trông nhìn, mà chẳng tự trông nhìn, như tánh hỏa đại chỉ tâm, tánh bảy đại cũng như vậy, tùy tâm đều khắp pháp giới, pháp giới vốn khắp, do chấp tâm nên chẳng năng khắp, như trong ba cõi, hàng tam thừa với thiên nhãn đều chẳng thể khắp, chỉ Như Lai không chấp tánh hợp với chân không nên năng khắp cùng, như trong kinh Bát-nhã, Đức Phật tự nói: "Do ta không chấp nên được thân vàng ròng, ánh sáng thường hiện" lửa thiêu đốt miếu trời là: Xưa kia có ngư dân đang ở trên sông thấy công chúa đi ngang qua, nhân sinh tâm nhiễm, nghĩ cầu chẳng được, thân dần gầy bệnh. Người mẹ bèn hỏi nguyên nhân bệnh, và bày làm phương tiện mỗi ngày đưa sang biếu một con cá chép, công chúa quái lạ hỏi, người mẹ nói thẳng việc đó, công chúa bèn hứa là tôi nhân đến lễ bái miếu trời tức ngầm cùng gặp, người con biết vậy bèn vui mừng, sau đó công chúa đến thấy ngư dân ngủ say, lay động mà chẳng tỉnh, bèn buộc vải lụa trên tay, sau khi công chúa đi rồi, ngư dân tỉnh giấc thấy trong tay có vải lụa, biết là công chúa đến, tâm sinh hận nhớ, lửa dục trong tâm thiêu đốt bên trong tự thân nát hoại và thiêu đốt cả miếu trời, phòng nhà sạch hết. Do dó ba cõi có pháp ngoài thức không căn, đều từ trong ngoài bốn đại thành, đều là một tâm hư vọng biến, tại sao? Đầu tiên nhân bấc giác nên có nghiệp thức, từ nhân nghiệp thức động nên có chuyển thức, từ chuyển thức khởi thấy nên có hiện thức, nhân kiến phần thành tướng phần, năng sở vừa mới phân tâm cảnh chóng hiện, xưa trước Sao Thích Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Minh vọng chẳng phải tha, giác minh là lỗi, sáu thức thủ trần do nghiệp thức phát khởi, sau đó có thức thứ bảy chấp minh trong thức thứ tám biến khởi bốn đại bên ngoài, bốn đại dẫn khởi sáu căn trần, sáu căn trần dẫn khởi sáu thức, sáu thức nương sáu căn trần, nhân có sắc bên ngoài dẫn nhãn căn v.v... bên trong minh vọng chẳng phải tha là, vọng đó đầu tiên nhân tự tâm động có phong nhân chấp có kim, nhân ái có thủy, nhân cầu có hỏa, đều là tự tâm biến khởi bốn đại, trở lại tự phân biệt kết nghiệp thọ sinh, nên chẳng phải tha lụy. Giác minh là lỗi là, do cưỡng giác liễu bản thể minh là lỗi thì không biết giác minh, có biết minh giác, như người thấy bất định, bèn sinh tâm nhàm chán, do phân biệt vậy, như heo chó thấy thì liền sinh tưởng sạch, đều do cưỡng giác vô minh, chỉ không phân biệt vọmg thấy, chỉ thấy pháp tánh tịnh độ, là biết trong ngoài bốn đại địa thủy hỏa phong niệm

niệm phát hiện. Do đó trong kinh nói: "Hoặc mỗi mỗi phát minh, như cùng phát minh mỗi mỗi phát minh là ông thấy tròn sáng biết tâm muốn thủ, mất đi tánh không vốn sáng, tư tưởng lay động, tâm sinh phong luân, tình ái tương tục, tánh cảm thủy luân, chấp tâm mạnh mẽ thì kim luân hiện, cầu tâm không dục, hỏa luân mới dấy. Nếu cùng phát minh là mới đầu khởi cường giác, bốn đại đều hiện, như người hận nhớ sân thì lửa sinh, thân tâm động chuyển là dùng so với gió, trong mắt lệ ngưng, mà biểu thị nước, mặt phát tướng đỏ thì biểu thị đất, cho nên bốn đại trong ngoài vốn là tánh của tâm ta lấy làm tự tánh. Lại từ thức thứ tám biến khởi căn thân khí giới tướng phần của trong ngoài làm tự tướng. Lại nhân vọng niệm mà khởi cưỡng giác mà biết, do đó muôn tượng sum la ngùn ngụt hiển hiện, nếu năng cùng nhân rõ gốc đều là tánh của tự tâm tướng của tự tâm, ở trong đó đẹp xấu mến ghét toàn là ý thức so lường phân biệt mà thành, đã biết căn do phải còn chánh trí, chỉ trừ cương giác một niệm chẳng sinh, tự nhiên tâm cảnh đều không, khoảng trước sau đoạn, nên biết tánh của bảy đại, tánh chân viên dung, mỗi mỗi đại đều khắp pháp giới, đều là một thể, như bảy mảnh băng dùng lửa nung thành một nước, cũng như lưới nhân-đà-la đồng mà chẳng đồng, như nước và băng khác mà chẳng khác, cho đến năm ấm sáu nhập mười hai xứ mười tám giới v.v... đều khắp đầy pháp giới mỗi mỗi vi trần cũng khắp đầy pháp giới, mỗi mỗi lỗ chân lông cũng khắp đầy pháp giới, mỗi mỗi thân tâm cũng khắp đều Như Lai Tạng, như trong biển Hương thủy thường nói tất cả pháp là các Bồ-tát, chẳng thấy tướng Bồ-tát, chẳng thấy tướng tà sư, chẳng thấy tướng sinh trú diệt, do đó đều hợp chân không đều khắp chân tế, như nói lông rùa, sừng thỏ, nước, lửa, thành Càn-thác-bà, chỉ có danh của nói bày, chứ không thật sự, ví như trong phàm phu giới chỗ có thấy nghe, căn của ấm nhập, cảnh của danh sắc cũng chỉ có tên đó, đều không thật sự. Nay đem cái dối dể hiểu là thế gian cộng biết lông rùa để phá cái dối khó hiểu như nay hiện chấp danh sắc, trở lại đồng lông rùa mà không chỗ chấp trước, tức biết từ chỗ chấp xưa nay tất cả cảnh giới, đều từ thức biến đều theo tưởng sinh, lìa thức không trần, thức lắng thì các trần đều lắng, lìa tưởng không pháp, tưởng không thì các pháp đều không, nhân duyên tự nhiên đều thành hý luận, hiểu biết phân biệt gốc ngọn không theo, chỉ có ý ngôn đều không chân thật, như đây thấu đạt sáng tỏ quấy trước trọn chẳng lại đãi hoa của trong hư không đến thời kỳ kết quả, thủ vật của trong mộng phỏng muốn cất giữ, gốc thấy quỷ không, dây tiêu tưởng rắn, nai khát thôi chạy rong nơi dương diệm, vượn si dứt nhảy múa với vầng trăng, bèn

mới lặng nghĩ trong lòng, như cánh vụt bay lên trời, tùy duyên dưỡng tánh, như thuyền không mặc tung sóng, rốt cùng cũ chẳng tạo mới, mặc tình chân mà hợp đạo, như vậy tánh năm ấm sáu nhập mười hai xứ tám giới v.v... chẳng phải xưa nay tự nhiên không nhân mà có, chẳng phải chỗ ngày nay nhân duyên hòa hợp sinh, chỉ là thức tâm phân biệt kiến lập, nay phá thức tánh đây thì tánh bảy đại cho đến tất cả pháp đều không, như tìm dòng được nguồn bắt giặc được tướng, thì vô minh oán đối, ma quân sinh tử ứng niệm đều tiêu, như nước nóng đổ vào tuyết, chỉ Như Lai Tạng diệu trạm minh tâm, tánh chân viên dung khắp mười phương cõi, như sóng lắng bãi thu đều dối suốt cùng mây sáng trời lạnh chóng không chỗ có. Do đó trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: "Phật bảo: A-nan! Ông còn chưa rõ phù trần các tướng chuyển hóa, ngay xứ sinh ra, tùy xứ diệt hết, huyễn vọng gọi là tướng, tánh chân đó là diệu giác thể sáng. Như vậy cho đến năm ấm sáu nhập, từ mười hai xứ đến mười tám giới, nhân duyên hòa hợp hư vọng có sinh, nhân duyên lìa nhau tên hư vọng diệt. Rất chẳng thể biết sinh diệt khứ lai vốn Như Lai Tạng, thường trú diệu minh chẳng động tròn khắp, tánh diệu chân như, trong tánh chân thường cầu ở quá khứ và vị lai, mê ngộ sinh tử trọn không chỗ được" do đó trước khiến soi suốt tâm cảnh phân minh, sau mới chóng dung hòa phải mất tâm cảnh. Như trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa nói: "Trong kinh Hoa Nghiêm đây dạy người quán sát hoặc tâm hoặc cảnh". Như kệ tụng nói:

"Muốn biết tâm chư Phật,
Phải quán trí tuệ Phật,
Trí Phật không xứ nương,
Như không chẳng chỗ tựa".

Đó là khiến quán tâm Phật vậy. Lại có kệ tụng khác nói:

"Nếu có muốn biết cảnh giới Phật,
Phải tịnh ý đó như hư không".

Đó là dạy quán cảnh Phật vậy, tiếp theo không tâm cảnh thì có kệ tụng nói:

"Pháp tánh vốn không tịnh,
Không thủ cũng không thấy,
Tánh không tức là Phật,
Chẳng tâm được hư lương".

Không thủ tức không cảnh, không thấy tức không tâm. Lại có kệ tụng nói:

"Nếu có muốn được trí Như Lai,

Nên lìa tất cả vọng phân biệt.
Có thông đạt đều bình đẳng,
Chóng làm bậc thầy lớn trời người".

Tức không tâm cảnh vậy, Bồ-tát hay phàm phu chỗ có tâm cảnh quán chiếu sánh biết. Nên trong kinh có kệ tụng nói:

"Biết vọng vốn tự chân,
Thấy Phật thì thanh tịnh".

Lại có kệ tụng nói:

"Tâm Phật và chúng sinh,
Cả ba không sai biệt".

■

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 70

Hỏi: Chánh niệm tất cả Phật tổ vốn nguyện nhất tâm, cớ sao trong giáo lại bàn nói ấm giới?

Đáp: Tùy vọng tâm mà phá vọng cảnh, nghĩa là hiển bày nhân không thể trừ dị chấp, mà nói môn khác thành pháp giải thoát, không có pháp cố định vậy, gọi đó là A-nậu Bồ-đề, bệnh lành thì thuốc tiêu, như thí dụ chiếc bè, pháp còn nên xả bỏ. Trong luận Duy Thức nói: "Hỏi: Vì có A-hàm chứng nghiệm biết vậy, nếu chỉ tâm thức hư vọng phân biệt thấy cảnh giới bên ngoài, chẳng từ sắc v.v... cảnh giới bên ngoài sinh nhãn thức v.v... là gì nghĩa gì mà Đức Như Lai nói nhãn thức v.v... mười hai thứ nhập rõ biết có sắc hương vị v.v... cảnh giới bên ngoài vậy? Đáp: Có kệ tụng nói:

"Nói các nhập sắc thảy,
Vì để hóa chúng sinh,
Nương người thọ pháp trước,
Nói bày có hóa sinh".

Đức Như Lai y cứ tâm nghiệp kia tương tục chẳng đoạn chẳng tuyệt, cho nên nói có chúng sinh hóa sinh. Lại nói là: "Không ngã không chúng sinh không thọ giả, chỉ nhân duyên hòa hợp có các pháp sinh. Như Lai nói các nhập sắc v.v... là vì khiến người trước được thọ pháp vậy, vì người trước ấy chưa rõ nhân duyên các pháp thể không chẳng phải cho là thật có sắc hươngvị v.v... các cảnh giới bên ngoài".

Hỏi: Nếu thật không có các nhập sắc v.v... thì vì nghĩa gì mà trong kinh Đức Như Lai nói như vậy?

Đáp: Có kệ tụng nói:

"Nương tâm trí gốc kia,
Thức vọng thủ cảnh ngoài,
Cho nên Như Lai nói,
Có các nhập trong ngoài".

Đây là nương chủng tử của tâm ý thức v.v... từ vô thủy chuyển

biến, hư vọng thấy sắc hương vị v.v... các cảnh giới bên ngoài, cho nên Đức Như Lai nương hai thứ pháp hư vọng đây nên nói như vậy: Một là chủng tử bản thức; hai là hư vọng cảnh giới bên ngoài v.v... nương hai pháp đây mà Đức Như Lai nói có nhãn sắc v.v... các nhập.

Hỏi: Y theo kệ tụng nói như vậy có công đức lợi ích gì?

Đáp: Có kệ tụng nói:

"Quán hư vọng không thật,
Như vậy nhập ngã không,
Quán biết các pháp khác,
Nhập các pháp không ngã".

Vì khiến Thanh văn hiểu biết nhân sáu căn sáu trần sinh sáu thứ thức kia, không có một pháp là thật giác, cho đến không có một pháp là thật thấy, vì khiến các chúng sinh có thể hóa v.v... làm quấn sát nhập nhân không ngã không, quán ở các pháp khác, nghĩa là Bồ-tát quán thật không sắc v.v... các trần bên ngoài không một pháp nào có thể thấy. Cho đến thật không một xúc có thể biết, quán sát như thế được nhập nhân duyên các pháp thể không, vì muốn ngăn hư vọng phân biệt kia vậy, nói sắc v.v... tất cả các pháp rốt ráo không không chẳng phải không ngôn xứ thảy đều không không, không ngôn xứ tức chỗ gọi là hành xứ của chư Phật Như Lai. Như vậy chỉ có chân thức ngoài ra không các thức khác, chẳng thể quán sát phân biệt như vậy, nhập nơi thức không, y cứ thức như vậy nói nhập tất cả các pháp không ngã chẳng phải cho là một hướng phỉ báng chân thức ngã, nói bày không có Phật tánh thật ngã. Lại Đức Như Lai dùng phương tiện dẫn khiến chúng sinh được vào ngã không và pháp không vậy, nói có thức bên trong, mà thực không có thức bên trong có thể thủ. Nếu chẳng như vậy thì chẳng được nói ngã pháp không, vì nghĩa đó nên hư vọng phân biệt, tâm đây ở tâm kia biết tâm đây. Trong luận Biện Trung Biên có kệ tụng nói:

"Thức sinh biến tợ nghĩa,
Hữu tình ngã và liễu,
Cảnh đây thật chẳng có,
Cảnh không nên thức không".

Biến tợ nghĩa, nghĩa là tợ sắc v.v... tánh các cảnh hiện, biến tợ hữu tình, nghĩa là tợ thân tự tha, tánh năm căn hiện, biến tợ ngã nghĩa là nhiễm ô mạt-na và ngã si v.v... luôn tương ưng vậy. Biến tợ liễu là ngoài ra sáu thức liễu biệt tướng thô vậy. Cảnh đây thật chẳng phải có, nghĩa là tợ nghĩa tợ tướng không hành tướng vậy, tợ ngã tợ liễu chẳng phải chân hiện nên đều chẳng phải thật có, cảnh không nên thức không,

nghĩa là chỗ thủ nghĩa hữu tình ngã liễu biệt v.v... bốn cảnh không vậy, nương thủ các thức cũng chẳng phải thật có. Do đó nếu ước về hạng người đại căn chúng ngộ còn chẳng được một, huống gì nói nhiều, tại sao? Vì chấp nhiều vậy, mê rõ một vậy, ngộ ở trong mê nhiều căn có chẳng đồng, bèn mở ấm xứ giới. Nếu mê tâm chẳng mê sắc thì tính làm năm ấm, nếu mê sắc chẳng mê tâm thì tính làm mười hai xứ, nếu tâm sắc đều mê thì số làm mười tám giới, nếu thấy ngay chân tâm tánh của thần giải thì chẳng phải một chẳng phải nhiều, chẳng phải pháp chẳng phải số, ngoài ra giáo của năng phân tích đều là môn của thiện xảo, dùng đợi cơ nghi rộng bày phá lập, muốn hiển bày lý của chân không, trước rõ đầu mối của huyễn có, nghiên cứu rốt cùng chỉ quy biển của một tâm.

Hỏi: Ở pháp thế gian trong thân năm uẩn, thấy hiểu gì thành nghĩa ngoại đạo, làm sao thông đạt thành nghĩa Phật pháp?

Đáp: Ngoại đạo chẳng đạt các pháp nhân duyên hòa hợp thành các uẩn, phàm có chỗ làm đều là thức ấm, bèn ở trên uẩn chấp có thật ngã thọ dụng tự tại gọi là thần chủ. Ở trong tợ thường tợ một tương tục nói có thần tán, là nghĩa ngoại đạo, nếu rõ trong ngoài hòa hợp chỗ nhân duyên thành chỗ duy thức biến, tợ chỗ cảnh hiện, tức thức thứ tám nhậm trì chẳng đoạn, tợ có tương tục tức nghĩa Phật pháp, ngoại đạo chẳng biết đem làm thật có mê lý không tánh, chấp ngu thân kiến.

Hỏi: Trước phá tánh năm ấm sáu nhập mười tám giới bảy đại, nghĩa thức đều không, cớ sao kiến lập duy thức?

Đáp: Một là, vì dứt trừ cảnh nên lập thức, tại sao? Nếu chẳng nhân thức, lấy gì lập cảnh, nếu chẳng hiển bày thức lấy gì dứt trừ cảnh; hai là, vì có tâm vọng tưởng nên năng biết danh nghĩa, tại sao? Nếu không vọng thì chẳng thể hiển bày chân, nếu không chân thì chẳng thể phá hoặc, nên biết phá lập tại ngã nhiễm tịnh do tâm; ba là, trong luận Không Tánh nói: "Nay vì thành tựu tánh y tha đây nên nói thành lập đạo lý, tánh đây chẳng chỉ dùng nói bày làm thể, tại sao? Nói bày hẳn có chỗ nương tựa vậy. Nếu chẳng nương tựa, loạn thức phẩm loại danh ngôn được lập điều ấy không thể có, nếu chẳng vậy chỗ nương tựa phẩm loại đã không có, chỗ nói danh ngôn thì chẳng được lập. Nếu vậy thì không hai tánh, không hai tánh vậy thì không hoặc phẩm, không hoặc phẩm vậy thì có hai lỗi: Một, chẳng do công dụng tự nhiên giải thoát; hai, thì sinh tử Niết-bàn chẳng thể hiển hiện, do không hai lỗi đây, mất vậy, cho nên phải biết quyết định có tánh y tha, có tánh này nên thế đế lập, nếu chẳng lập thế đế, tại sao? Vì rõ tục đế không tánh

tức thành chân đế, nếu phỏng định không hai đế là ác thủ tà không, chẳng phải thiện thông chánh lý. Lại nếu không gốc của chân đế lấy gì đuổi vết của tục đế, gốc vết tuy khác, mà một chẳng nghĩ bàn. Như trong Pháp Hoa Huyền nghĩa rộng giải thích về gốc vết (bản tích) làm sáu. Gốc là lý gốc tức là thật tướng một đạo cứu cánh. Vết là trừ thật tướng các pháp, ngoài ra các thứ đều gọi là vết. Lại lý đó và sự đều gọi là gốc, nói lý nói sự đều gọi là vết giáo vậy. Lại giáo của lý sự đều gọi là gốc, bẩm giáo tu hành gọi là vết. Như người nương xứ, thì có vết đi, tìm vết được xứ vậy. Lại hành năng chứng thể, thể là gốc nương thể khởi dụng, dụng là vết, lại chỗ ngày nay hiển bày là gốc, từ trước đến nay đã nói là vết, ước về sáu nghĩ đây để rõ gốc vết vậy.

Một, lại nói về lý sự rõ gốc vết là, từ gốc không trú lập tất cả pháp, lý của không trú tức là gốc thời thật tướng chân đế này, tất cả pháp tức là gốc thời sum-la tục đế vậy. Do thật tướng chân gốc duỗi nơi vết tục, tìm ở vết tục tức hiển bày chân gốc, gốc vết tuy khác mà một chẳng nghĩa bàn. Nên trong kinh nói: "Quán tất cả pháp không như thật tướng, chỉ do nhân duyên mà có từ điên đảo mà sinh".

Hai, lý giáo rõ gốc vết là, tức là gốc thời chỗ chiếu hai đế đều chẳng thể nói vậy, đều gọi là gốc. Ngày xưa Đức Phật dùng phương tiện nói đó, tức là giáo của hai đế, giáo gọi là vết, nếu không gốc của hai đế, thì không giáo của hai thứ, nếu không vết giáo, đâu hiển bày gốc đế, gốc cũng tuy khác mà một chẳng nghĩ bàn vậy. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Pháp đó chẳng thể bày,
Tướng ngôn từ vắng lặng,
Do dùng sức phương tiện,
Vì năm Tỳ-kheo nói".

Ba, nói về giáo hạnh là gốc vết là, mới đầu bẩm thọ giáo của Phật lấy làm gốc, thì hạnh của tu nhân đạt đến quả. Do giáo phân tích lý mà được khởi hạnh, do hạnh hiểu giáo mà được hiển lý, gốc vết tuy khác mà một chẳng nghĩ bàn vậy. Trong kinh có kệ tụng nói:

"Các pháp từ xưa lại,
Tướng thường tự vắng lặng,
Phật tử hành đạo rồi,
Đời sau được làm Phật".

Bốn, nói về thể dụng rõ gốc vết là, do xưa kia đầu tiên tu hành khế lý, chứng ở pháp thân là gốc, mới đầu được pháp thân gốc, nên tức thể khởi dụng của ứng thân, do nơi ứng thân được hiển bày pháp thân,

gốc vết tuy khác mà một chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong kinh nói: "Từ tu thành Phật đến nay rất lâu xa, nếu thời gian đó chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh mà nói như vậy".

Năm, nói về quyền thật rõ gốc vết là, thật là mới đầu đâu xa được pháp thân và ứng thân, đều gọi là gốc, khoảng giữa luôn luôn xướng sinh xướng diệt các thứ thi quyền pháp thân ứng thân, nên gọi là vết. Chẳng phải mới đầu được gốc của pháp ứng, thì không khoảng giữa vết của pháp ứng, do vết hiển bày gốc, gốc vết tuy khác mà một chẳng thể nghĩ bàn vậy". Trong kinh nói: "Đó là tu phương tiện, chư Phật cũng như vậy".

Sáu, nói về nay đã luận gốc vết là, từ trước đến nay các giáo đã nói lý sự cho đến quyền thật đều là vết vậy. Nay chỗ kinh nói lý sự lâu xa cho đến quyên thật đều gọi là gốc, chẳng phải chỗ nay rõ gốc của lâu xa, không dùng duỗi vết của đã nói, chẳng phải đã nói vết đâu hiển bày gốc nay, gốc vết tuy khác mà một chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong kinh có kệ tụng nói: "Các Phật pháp lâu sau, cần phải nói chân thật."

Hỏi: Thế gian không có một pháp nào chẳng từ duyên sinh, vậy đầy đủ bao nhiêu nhân duyên năng sinh muôn pháp?

Đáp: Chẳng từng có pháp ngoài tâm năng cùng tâm làm duyên chỉ là tự tâm sinh, trở lại cùng tâm làm tướng nghĩa là hải nói: "Rõ duyên khởi là như lúc thấy trần, trần đây là tự tâm hiện, do tự tâm hiện tức cùng tự tâm làm duyên. Do duyên hiện tiền tâm pháp mới khởi, nên gọi là pháp duyên khởi vậy". Trong kinh nói: "Các pháp từ duyên khởi không duyên tức chẳng khởi, cho đến thì biết trần, thể không không chỗ có". Nay ngộ duyên chẳng phải duyên khởi không thì chẳng diệu, chỉ duyên khởi để lắng khởi luôn chẳng khởi. Thấy đạt thể tùy duyên chẳng khởi luôn khởi, thấy như vậy gọi là thật thấy biết, sao gọi là thật thấy biết? Nếu thấy duyên mà chẳng thấy thể tức là thường kiến. Nếu thấy thể mà chẳng thấy duyên tức là đoạn kiến, nay từ nhân duyên mà tự thấy tánh thì chẳng lạc ở thường, ở trong chân tánh mà duyên khởi thì chẳng đọa đoạn, gọi là thật thấy biết, đo đó biện giải rộng và hành tướng nhân duyên là, nhân sự mà hiển bày lý khiến lý chẳng cô lẽ, nhân lý mà thành sự, khiến sự dung tức như nói về kinh luận tùy thuận chỗ thế đế lập, có bốn nhân duyên trong ngoài giả lập, chẳng gì không hành tướng: Một nhân duyên là trong luận nói: "Một, nhân duyên nghĩa là pháp hữu vi thân biện tự quả, thể đây có hai: Một là, chủng tử; hai là, hiện hành giải thích: Nếu tất cả chủng phiền não bị trí gia hạnh chiếc phục rồi, trọn không sinh dụng hiện hành, tuy chủng tử là pháp nhân

duyên, vì chẳng năng sinh pháp hiện hành nên chẳng được gọi là nhân duyên. Lại như đem chủng tâm trong sắc hiện, cũng chẳng gọi là nhân duyên. Nếu chân tâm sinh tâm hiện, chủng sắc sinh sắc hiện v.v... đều là nhân duyên. Đây là đều thông mới cũ hai loại chủng tử vậy; hai ,đẳng vô gián duyên, nghĩa là tám hiện thức và tâm sở kia trước tụ ở sau, tự loại vô gián đẳng mà khai đạo khiến kia định sinh giải thích: Tám hiện thức và tâm là ra duyên thể chỉ thấy tự chứng. Đây là duyên thể gọi chung là hiện thức, chọn lựa sắc chẳng tương ưng chủng tử vô vi chẳng phải tánh duyên đây. Trong luận nói: Đẳng vô gián duyên chỉ trong tất cả tâm và tâm sở mà nói, vì trước sinh khai dẫn chỗ gồm nhận vậy. Khai nghĩa là tỵ (lánh) cùng kia nghĩa là xứ. Đạo nghĩa là chiêu dẫn, tức từ trước lại lánh ở xứ đó, chiêu dẫn pháp sau khiến sinh. Trước tụ ở sau là chọn đồng (câu) thời và sau làm nghĩa duyên trước, chẳng phải khai đạo vậy, tự loại là hiển bày chẳng phải thức kẻ khác làm duyên. Vô gián là hiển bày tuy trước vô gán làm duyên sau, chẳng phải cách khoảng giữa, cần yếu vô gián là đẳng, mà khai đạo là hiển bày nghĩa duyên, khiến kia định sinh, tức là hiển bày quả sau, tuy trải qua lâu xa như qua tám muôn kiếp, mà nhãn thức trước trong sau cũng là duyên đây, vì quả sau kia đang định sinh vậy, tức chọn lựa nhập vô dư y tâm sau cùng, không quả định sinh nên chẳng phải duyên đây, tuy có khai đạo mà không lực đạo dẫn vậy.

Hỏi: Tâm và sở tâm đã chẳng phải tự loại, như tam chủng thức, luôn thời cùng chuyển tâm dụng mỗi riêng khác, làm sao cùng khởi trong sau, đều được qua lại làm nghĩa duyên ư?

Đáp: Trong luận nói: “Tâm và tâm sở tuy luôn cùng chuyển mà tương ưng nên hòa hợp tợ một, chẳng thể định nghĩa lìa riêng khác biệt vậy, được qua lại là đẳng vô gián duyên, hòa hợp tợ một, là đồng một chỗ duyên và đồng một chỗ nương tựa, đồng một thời chuyển, đồng một tánh gồm chẳng thể lìa riêng khiến kia khác biệt, chẳng đồng chỗ hành tướng tám thức duyên, vì lực dụng đồng đều, không tự loại gián cánh vậy; ba sở duyên duyên, nghĩa là nếu hữu pháp là mang tướng tâm mình, hoặc tương ưng chỗ lo nghĩ chỗ gá. Thể đây có hai: Một là, thân; Hai là, sơ. Nếu cùng thể năng duyên chẳng lìa nhau là vốn kiến phần v.v... chỗ lo nghĩ gá bên trong, nên biết kia là sở duyên duyên. Nếu cùng thể năng duyên tuy lìa nhau làm chất năng khởi chỗ lo nghĩ gá bên trong, nên biết kia là sở duyên duyên. Thân sở duyên duyên năng duyên đều có, lìa chỗ lự gá bên trong hẳn chẳng sinh vậy, sở sở duyên duyên năng duyên hoặc có, lìa chỗ lự gá bên ngoài cũng được sinh vậy, giải thích: Nếu hữu pháp

là nghĩa là chẳng phải biến kế sở pháp, sở chấp không thể chẳng năng phát sinh thức của năng duyên, nên chẳng phải làm duyên duyên hẳn là y tha vậy. Nay đây hẳn là có thể mới duyên, là mang tướng mình là, nghĩa là tâm năng duyên v.v... mang sắc v.v... đây tướng của mình. Đới (mang) nghĩa là xốc mang, tướng là thể tướng, chẳng phải nghĩa tướng trạng, nghĩa là lúc chánh trí v.v... sinh, xốc mang thể tướng của chân như khởi, cùng chân chẳng một chẳng khác, chẳng phải tướng chẳng phải chẳng phải tướng. Nếu xốc mang chỗ mình duyên lấy làm cảnh tướng là sở duyên vậy. Nếu cùng nói nói thể, tức có thể tướng của tâm và tâm sở đồng thời, cũng tâm xốc mang mà có tướng là, nghĩa phần hoặc nghĩa thể tướng, chân như cũng gọi là tướng, tướng của không tướng. Do đó trong kinh nói: "Đều đồng một tướng, chỗ gọi là không tướng". Thân sở duyên duyên là, nếu cùng thể kiến phần v.v... chẳng lìa nhau là chọn lựa chỗ thức khác biến và chỗ tự tám thức duyên riêng biệt, chỉ là chỗ lo nghĩ gá bên trong kiến phần. Đây có hai thức: Một là, hữu vi, tức chỗ thức biến gọi là chỗ lo nghĩ gá bên trong; hai là, vô vi thể chân như chẳng lìa thức gọi là chỗ lo nghĩgá, tức như tự chứng duyên kiến phần v.v... đều là như vậy. Đây nói thân duyên, sở sở duyên duyên cùng tâm năng duyên, pháp lìa nhau vậy, nghĩa là chỗ thức khác biến và riêng trong tự thân chỗ thức biến cậy làm chất đó vậy. Lại thân sở duyên, tức nghĩa là kiến phần là mang tướng mình, trong sở đây tức tướng phần ảnh tượng, là mang tướng của bản chất nên gọi là sở duyên. Lại thân sở duyên duyên chỉ là tâm năng duyên, đều có lìa tướng phần của chỗ lự gá bên trong, tất cả tâm v.v... hẳn chẳng hành vậy. Nay trong Đại thừa, nếu duyên không pháp chẳng sinh tâm vậy, sở sở duyên duyên là pháp của năng duyên, hoặc có hoặc không, vì là pháp bên ngoài tâm vậy, như chấp thật ngã pháp, tuy không bản chất, nhưng lìa pháp kia tâm cũng sinh vậy. Lại trong luận Quán sở duyên duyên có kệ tụng nói:

"Sắc trong như hiện ngoài,
Là thức sở duyên duyên,
Cho kia thể tại thức,
Và năng sinh thức vậy".

Vì tự sắc của chỗ thức biến bên trong là sở duyên duyên là tánh y tha, có thể pháp vậy, chẳng duyên chỗ chấp không pháp bên ngoài tâm. Trong luận nói: "Thấy gá kia sinh, mang tướng kia khởi". Thấy gá kia sinh tức là nghĩa duyên, nhưng lúc tâm khởi mang tướng kia khởi gọi là sở duyên. Mang (đới) là nghĩa của xốc ,mang, bức bách bám Bồ-tát Hộ Pháp nói sở duyên đây như kiến phần, không tướng phần cố định,

vì bản trí thân chứng như thể chẳng thủ tướng vậy, cùng với như thể ngầm hợp vậy, tức tướng của không tướng trạng, tức có tướng của thể tướng, tức nghĩa của xốc mang, cũng sở duyên duyên. Cật nạn: Nếu có tướng phần tức có tướng phân biệt. Sao gọi là tướng không phân biệt? Lại nói là không năng thủ ư? Đáp: Tuy có kiến phần mà không phân biệt, lại không năng thủ chánh trí duyên như, thân xốc bám thể tướng duyên vậy, lại không tướng của tướng trạng nói, không tướng phần nói không năng thủ, tức không phân biệt vọng chấp năng thủ vậy, chẳng không phần bên trong là kiến phần năng duyên. Lại cật nạn: Nếu nói không tướng phần là trong luận Sở duyên duyên nói: "Nương kia sinh mang tướng kia nên gọi là tướng sở duyên. Nếu không tướng phần chân như tức không sở duyên. Bồ-tát Hộ Pháp nói: "Cũng có nghĩa sở duyên duyên, tuy thấy tướng phần mà có thể mang như tướng khởi chẳng lìa vậy, tức kiến phần bản trí, thân xốc mang thể tướng của chân như khởi vậy, gọi là sở duyên duyên, như tự chứng phần thân mang kiến phần gọi là sở duyên duyên. Đây cũng nên vậy, thật không nghĩa của biến mang, chỉ có tên xốc mang sở duyên duyên, nên cùng kia được riêng biệt vậy, nếu biến tướng phần duyên, là bèn chẳng phải thân chứng, tức như trí hậu đắc nên có phân biệt, đã khác hậu đắc, tức rõ biết có kiến phần không tướng phần vậy. Lại tất cả kiến phần đều có nghĩa xốc mang của tướng là, do tướng chẳng lìa kiến vậy, tức là nghĩa của xốc mang, chẳng lìa có hai: Một là, tướng phần hữu vi trong tự thức của năng biến, huyết nồng tương liên giống như cha con, nên gọi là chẳng lìa; hai là, chân như v.v... cảnh chẳng phải thức biến, nhưng là thức v.v... thật thể nên gọi là chẳng lìa.

Hỏi: Trong luận sở duyên duyên có kệ tụng nói:

"Sắc trong như hiện ngoài,
Là thức sở duyên duyên,
Cho kia tướng tại thức,
Và năng sinh thức vậy".

Do đó cảnh bên ngoài tuy không mà có sắc bên trong, tợ cảnh bên ngoài hiện là sở duyên duyên. Đã tướng bên ngoài tại thức tức là cùng khởi, vì tướng tại vậy, cớ sao lại năng sinh thức năng làm thức duyên?

Đáp: Như nhãn thức v.v... mang tướng kia khởi, tuy tức đồng thời chẳng ngại trước sau, vì nhân tướng dần chuyển đổi thành lý của sở duyên duyên. Trong luận nói: "Hỏi: Cảnh tướng bên trong đây đã chẳng lìa thức, cớ sao cùng khởi năng làm thức duyên?" Có kệ tụng đáp rằng:

"Quyết định tương tùy vậy,
Cùng thời cũng làm duyên,
Hoặc trước làm duyên sau,
Dẫn công năng kia vậy."

Cảnh tướng tùy thức quyết định tương tùy vậy, tuy cùng thời khởi cũng làm thức duyên, mà các pháp bên ngoài theo lý chẳng phải có vậy, quyết định nên chấp thuận tại thức chẳng phải các nơi khác. Công năng căn đây cùng cảnh thức trước từ thời vô thủy triển chuyển làm nhân, các thức như vậy chỉ cảnh tướng bên trong là sở duyên duyên, lý thiện thành lập.

Hỏi: Chỗ nói xốc mang là thân sở duyên duyên là xốc thể hay xốc dụng?

Đáp: Nên làm bốn câu để phân biệt: Một, thể xốc thể, tức tự chứng phần duyên chứng tự chứng phần, chứng tự chứng phần tức duyên tự chứng phần ấy vậy; hai, dụng xốc dụng, tức kiến phần tám thức tâm tâm sở duyên tướng phần tự thân, ấy vậy; ba, dụng xốc thể tức kiến phần trí căn bản duyên chân như ấy vậy; bốn, thể xốc dụng, tức tự chứng phần duyên kiến phần vậy.

Hỏi: Nghĩa sở duyên duyên ở nơi tám thức làm sao lựa chọn thân sơ?

Đáp: Trong luận Bách Pháp nói: "Bồ-tát Hộ Pháp giải: Tâm thứ tám đây và tâm sở, gọi là phẩm đây hoặc nhân hoặc quả sơ sở duyên có không chẳng định. Nếu thức thứ tám trong nhân, gá cảnh phù trần khí thế gian người khác, tự biến tướng phần duyên, tức có thể qua lại thọ dụng, có nghĩa sơ sở duyên. Nếu là nghĩa tự tha duyên, năm căn và chủng tử chẳng qua lại biến duyên, tức không nghĩa sơ sở duyên duyên vậy. Lại có sắc giới tức có phù trần khí thế gian có thể qua lại, phù trần tức có sơ sở duyên duyên. Nếu không sắc giới tức không sắc có thể nương gá vậy, tức không nghĩa sơ sở duyên duyên vậy, nếu tự thức thứ tám duyên tự ba cảnh, chỉ có hân sở duyên duyên vậy, đây là liệu chọn trong nhân, nếu đến trong quả vị Phật, thức thứ tám nếu duyên tự cảnh và duyên chân như, và lúc duyên tất cả pháp không thể ở quá khứ và vị lai, tức không sơ sở duyên duyên vậy, nếu duyên thân và độ Phật khác, tức biến ảnh mà duyên, cũng có nghĩa sơ, tức là tâm vương thức thứ tám tự trong quả vị sơ sở duyên duyên có không chẳng định. Nếu tâm sở năm thức và thức thứ tám ở trong quả vị đều có sơ sở duyên duyên vậy, nếu là gá tâm vương thức thứ tám, ba cảnh làm chất mà vậy. Nếu thức thứ bảy là như trong luận nói: "Tâm phẩm thức thứ bảy chưa ở quả

vị chuyển y, là câu sinh, hẳn phù chất bên ngoài, cũng là quyết định có sơ sở duyên duyên, ở quả vị chuyển y, thì đây chẳng phải quyết định có, duyên chân như, vì không chất bên ngoài vậy". Nay nói thức thứ bảy trong quả vị hữu lậu, thể là câu sinh, mặc tình không lực, hẳn phù thức thứ tám để làm chất bên ngoài vậy, tự mới biến ảnh duyên vậy, tức quyết định có sơ sở duyên duyên, nếu nói về thời vô lậu, tức sơ sở duyên duyên có không chẳng định, nếu trí căn bản thức thứ bảy tương ưng tâm phẩm, duyên chân như tức không sơ duyên. Nếu trí hậu đắc duyên như tức có sơ duyên, nếu là thức thứ bảy vô lậu duyên ở quá khứ vị lai và các pháp không thể, đều không sơ sở duyên duyên.

Hỏi: Tại sao thức thứ bảy hữu lậu khởi chấp sự, phải nương gá bản chất mà khởi ư? Phàm là chấp tức chỗ dựng vẽ sinh, tức chẳng hợp giả ở chất bên ngoài mà khởi chứ?

Đáp: Chấp có hai: Một, có cường nghỉ phân biệt so lường mà khởi chấp, tức chỗ gá chất bên ngoài có không chẳng định, như thức thứ sáu độc sinh tán ý ấy vậy; hai, có mặc tình khởi chấp, tức thức thứ bảy vì tâm tâm sở thức thứ bảy là câu sinh, mặc tình không lực khởi, cần gá chất bên ngoài, tự mới khởi chấp vậy, nên biết thức thứ bảy trong quả vị hữu lậu, sơ sở duyên duyên có không chẳng định, nếu thức thứ sáu là thức đây phân tâm phẩm hạnh cùng mạnh lợi, ở nơi tất cả quả vị năng tự tại chuyển, chỗ cậy chất bên ngoài hoặc có hoặc không. Sơ sở duyên duyên có không chẳng định, ở trong quả vị nhân quả đều tự tại chuyển, hoặc phân biệt khởi, hoặc câu sinh nên lúc duyên tất cả pháp có cậy chất khởi, có chẳng cậy chất khởi, duyên cảnh rất rộng lớn vậy, sơ sở duyên duyên có không chẳng định. Nếu năm chuyển thức trước là chưa đạt quả vị chuyển y, quán yếu kém vậy, hẳn cậy chất bên ngoài, tức quyết định có sơ sở duyên duyên, nếu là quả vị chuyển y, đây chẳng phải quyết định có, duyên quá khứ vị lai v.v... không chất bên ngoài vậy, năm chuyển thức trước ở trong quả vị nhân quả, nói về các căn sử dụng qua lại cũng phải cậy chất mà khởi, quyết định có sơ sở duyên duyên, nếu đến quả vị có không chẳng định. Lại các thức qua lại duyên là, thức thứ tám cùng bảy thức trước làm sở duyên duyên, tức tướng phần tám thức cùng năm thức làm sở duyên duyên, thức thứ sáu duyên bốn phần thức thứ tám làm sở duyên duyên, thức thứ bảy tức chỉ gá kiến phần thức thứ tám làm sở duyên duyên, tức bốn phần thức thứ tám là bản chất, tức kiến phần bảy thức trước biến tướng phần duyên, tức thức thứ tám cùng bảy thức trước làm sơ sở duyên duyên. Bảy thức trước ở thức thứ tám không là, tức bảy thức trước chẳng cùng thức thứ

tám làm sở duyên duyên, vì thức thứ tám chẳng duyên bảy thức trước vậy, chẳng gá bảy thức trước mà sinh vậy, chỉ duyên tự ba cảnh làm sở duyên duyên. Lại trong Quảng Thích nói: “Xưa trước các luận sư Đại thừa lập nghĩa sở duyên duyên là, kia nói: Nếu hữu pháp, tức có pháp bản chất thể, gọi là duyên, nói là mang tướng mình, tức tướng phần gọi là tướng sở duyên, tướng chất hợp nói tên là sở duyên duyên, chỗ nói mang tướng mình là chữ đới (mang) thuộc tâm, chữ kỷ (mình) thuộc bản chất, tướng tức tướng phần, nghĩa là lúc tâm năng duyên duyên cảnh sở duyên mang bản chất nhà mình có tướng phần đó, nên gọi là mang tướng mình, bị các luận sư Tiểu thừa trong chánh lượng bộ như Bát-nhã Cúc-đa chẳng lập tướng phần, tạo luận Báng Đại thừa gồm bảy trăm kệ tụng, phá nghĩa sở duyên duyên của các luận sư Đại thừa xưa trước là: “Nếu các ông nói tướng mình là tướng phần, đem làm sở duyên là, vả như tông Đại thừa các ông, lúc trí không phân biệt duyên chân như, chẳng mang khởi tướng phần chân như, chân như đó trong trí kiến phần năng duyên, nên không nghĩa sở duyên duyên. Hẳn nếu nói bản trí duyên như cũng có tướng phần là, tức trái với tất cả kinh luận ở tự tông ông, làm sao thông hiểu?” Các luận Sư Đại thừa xưa bị một cật nạn đây, khi ấy bèn chẳng thể cứu giúp. Trải qua mười hai năm, không người cứu được nghĩa sở duyên duyên của Đại thừa, Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng ở thời tiền Đường cứu rằng: Tông Đại thừa ta giải mang có hai nghĩa: Một, biến mang biến; hai, xốc mang biến, nếu biến mang tức biến mang tướng mình của tợ chất khởi là tướng của tướng trạng, khiến trí căn bản lúc duyên như tức không, nếu xốc mang như là, tức có trí căn bản thân xốc mang thể tướng chân như mà duyên, lại chẳng biến tướng phần vậy, cũng thành sở duyên duyên. Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng nói: “Nếu là hữu pháp tức chân như là pháp có thể gọi là duyên, tức chân như đây là chỗ bản trí lo nghĩ, lại gọi là sở duyên, hai thế hợp nói gọi là sở duyên duyên. Sở duyên tức là duyên trì nghiệp thích, cũng như kiến phần thức thứ tám lúc mỗi duyên tướng phần tự thân, đều là xốc mang, cho đến hai phần cùng duyên bên trong cũng vậy, nên biết bản trí duyên như tuy chẳng biến tướng phần, nhưng thân xốc mang thể tướng chân như mà duyên, cũng thành sở duyên duyên, các luận sư Đại thừa xưa trước lầm lẫn giải nghĩa sở duyên duyên là: Phàm nghĩa sở duyên duyên là, vì pháp có thể là duyên, tức pháp có thể đây là tâm năng duyên chỗ lự xứ vậy, bèn gọi là sở duyên, nay các luận sư Đại thừa xưa trước đã chỉ đem tướng phần thật là sở duyên, là lầm lẫn quá lắm vậy. Chánh giải nghĩa sở duyên duyên là, nghĩa là: Nếu

hữu pháp là mang tướng mình, nghĩa là hữu pháp tức có thật pháp, chọn lựa ở giả pháp và tướng phần biến kế, pháp không thể, pháp không thể chỉ là sở duyên chẳng thành duyên. Phàm là duyên phải là pháp có thể thật,có lực dụng năng dẫn sinh thức, tức thật viên thành và y tha là pháp có thể. Nói là mang tướng mình, mang có hai nghĩa: Một, biến mang, tức tám thức riêng biệt có bản chất sơ sở duyên duyên, đó là gá cảnh có thể đây là bản chất, biến tướng của tợ chất khởi, gọi là biến mang; hai ,xốc mang, tức tất cả tướng phần thật thân sở duyên duyên vậy, vì tướng phần đây mười lìa tâm năng duyên vậy. Tâm năng duyên đó thân xốc tướng phần đây mà duyên gọi là xốc mang, nói tướng mình là cũng có hai nghĩa, như ở biến mang sơ sở duyên duyên thứ nhất trên nói là, tức biến tướng mình của tợ chất rồi là thể vậy, tức tướng phần tợ bản chất rồi thể, đây tức là tướng của tướng trạng, thứ hai ở xốc mang thân sở duyên duyên trên nói, tức tâm năng duyên trên thân xốc mang tướng mình của tướng phần sở duyên. Đây là tướng của cảnh tướng, tức chẳng đồng ở sở duyên duyên mang bản chất tướng mình của nhà khởi. Chợt nhiên có người hỏi: Nói là mang tướng mình, chưa rõ tâm năng duyên mang tướng mình của nhà ai mà duyên vậy? Nên đáp: Nếu sơ sở duyên duyên tức biến mang tướng mình của nhà bản chất mà duyên, nếu thân sở duyên duyên, tức xốc mang tướng mình của nhà tướng phần mà duyên, lại sơ sở duyên duyên là mang tướng của tướng trạng, tức mang tướng trạng của tợ chất, nếu thân sở duyên duyên tức mang tướng của cảnh tướng, vì thân xốc cảnh tướng mà duyên vậy, có người nói: Mang tướng mình của tâm năng duyên là người ấy chẳng hội nghĩa sở duyên.

Hỏi: Nếu nói thân xốc mang cảnh tướng và biến mang tướng trạng của tợ chất mà khởi thành hai duyên thân sơ, tức sắc pháp bên ngoài cũng thành hai duyên thân sơ, vả lại như lúc đem gương soi chiếu người, ở trên mặt gương cũng năng thân xốc ở ảnh tượng người, vì ảnh người chẳng lìa mặt gương vậy, nên thành thân sở duyên duyên, lại mặt gương trong bản chất người bên ngoài nên thành sơ sở duyên duyên chăng?

Đáp: Đem chỗ gá mà chọn lựa đó, ý nói: Phàm là sở duyên duyên là phải đối chỗ pháp năng duyên lự mà lo nghĩ mới gọi là sở duyên duyên nay mặt gương đã chẳng phải pháp năng duyên lo nghĩ tức ảnh người trong gương và bản chất người bên ngoài cũng chẳng được gọi là pháp sở lo nghĩ. Đã khuyết nghĩa đều lo nghỉ, chẳng thành sở duyên duyên.

Hỏi: Người ngoài lại cật nạn: Nếu vậy thì như lúc thức thứ sáu

duyên hoa đốm hư không là pháp không thể, có nghĩa sở lo nghĩ nên thành sở duyên duyên vì thức là năng duyên lự vậy?

Đáp: Đem chỗ gá mà chọn lựa đó, ý nói: Ý thức đó lúc duyên pháp không thể, tuy có nghĩa đều lo nghĩ, lại khuyết nghĩa sở gá, vì hoa đốm hư không, không thể chẳng cùng tâm năng duyên làm sở gá, chẳng ngại chỉ thành sở duyên, tức chẳng thành duyên, do đó nên phải dùng bốn câu để phân biệt: Một là, có chỗ lo nghĩ chẳng phải chỗ gá, tức biến kế vọng chấp ngã pháp v.v... vì không thể vậy, chỉ là lo nghĩ chẳng là chỗ gá; hai là, có chỗ lo nghĩ chẳng phải chỗ gá, tức chỗ gương nước soi chiếu người v.v... đây chỉ có chỗ gá mà không chỗ lo nghĩ vì gương nước chẳng phải năng lo nghĩ vậy; ba là, câu cú tức tất cả thật tướng phần sở duyên duyên vậy; bốn là, câu phi tức trừ chỗ gương nước chiếu ngoài ra là chẳng duyên ấy vậy. Lại thân duyên là nghĩa bức bám nghĩa gần tức như tướng phần thân bức bám gần nơi kiến phần, lại không các phần khác gián cách vậy. Nói sơ là nghĩa xa, bị tướng phần cách vậy, tức pháp bản chất vậy, lại thân sở duyên duyên đều có bốn loại: Một là, có thân sở duyên duyên từ chất và tâm mà biến khởi, tức năm thức duyên chỗ năm trần cảnh duyên tướng phần; hai là có thân sở duyên duyên, chỉ từ tâm biến chẳng cậy chất khởi, tức thức thứ tám duyên tướng phần ba cảnh; ba là, có thân sở duyên duyên chẳng do tâm biến cũng chẳng do chất khởi, tức chỗ trí căn bản chứng chân như; bốn là, có thân sở duyên duyên mà chẳng phải tướng phần, tức hai phần bên trong qua lại duyên vậy. Đại sư Từ Ân - Khuy Cơ nói: Nếu cùng năng duyên thể chẳng lìa nhau, là chỗ lo nghĩ gá bên trong kiến phần v.v... nên biết kia là thân sở duyên duyên. Nếu cùng năng duyên là kiến phần. Thể chẳng lìa nhau tức cùng tự chứng phần thể chẳng lìa nhau, ý nói: Tướng phần là kiến phần thân sở duyên duyên, kiến phần là tự chứng phần thân sở duyên duyên đều chẳng lìa thể tự chứng phần. Đây chánh chọn lựa sơ sở duyên duyên, pháp bản chất trong kiến phần năng duyên có tám thức lìa nhau vậy, đây cũng chọn lựa chỗ người khác biến tướng phần, và tám thức tự thân chỗ mỗi mỗi biến tướng phần, lại hỗ tương trong đều chẳng phải thân, nay chỉ lấy chỗ tự thức biến tướng phần gọi là thân, trong kiến phần năng biến thể chẳng lìa nhau, khoảng giữa lại không vật cách ngại, mới là nghĩa thân, nói là chỗ lo nghĩ gá bên trong kiến phần v.v... là nói kiến phần v.v... tức đồng lấy tự chứng phần và phần thứ tư đều là bản trí duyên như v.v... đây đều thành thân sở duyên duyên, vả lại như tướng phần là nhà kiến phần thân sở duyên duyên, kiến phần tức là tự chứng phần thân sở duyên duyên. Tự chứng phần là

chứng tự chứng phần thân sở duyên duyên. Lại chân như là trí căn bản thân sở duyên duyên, lại đều lấy tâm tâm sở duyên thân tướng phần, cũng là thân sở duyên duyên trên đây đều là xốc mang mà duyên.

■